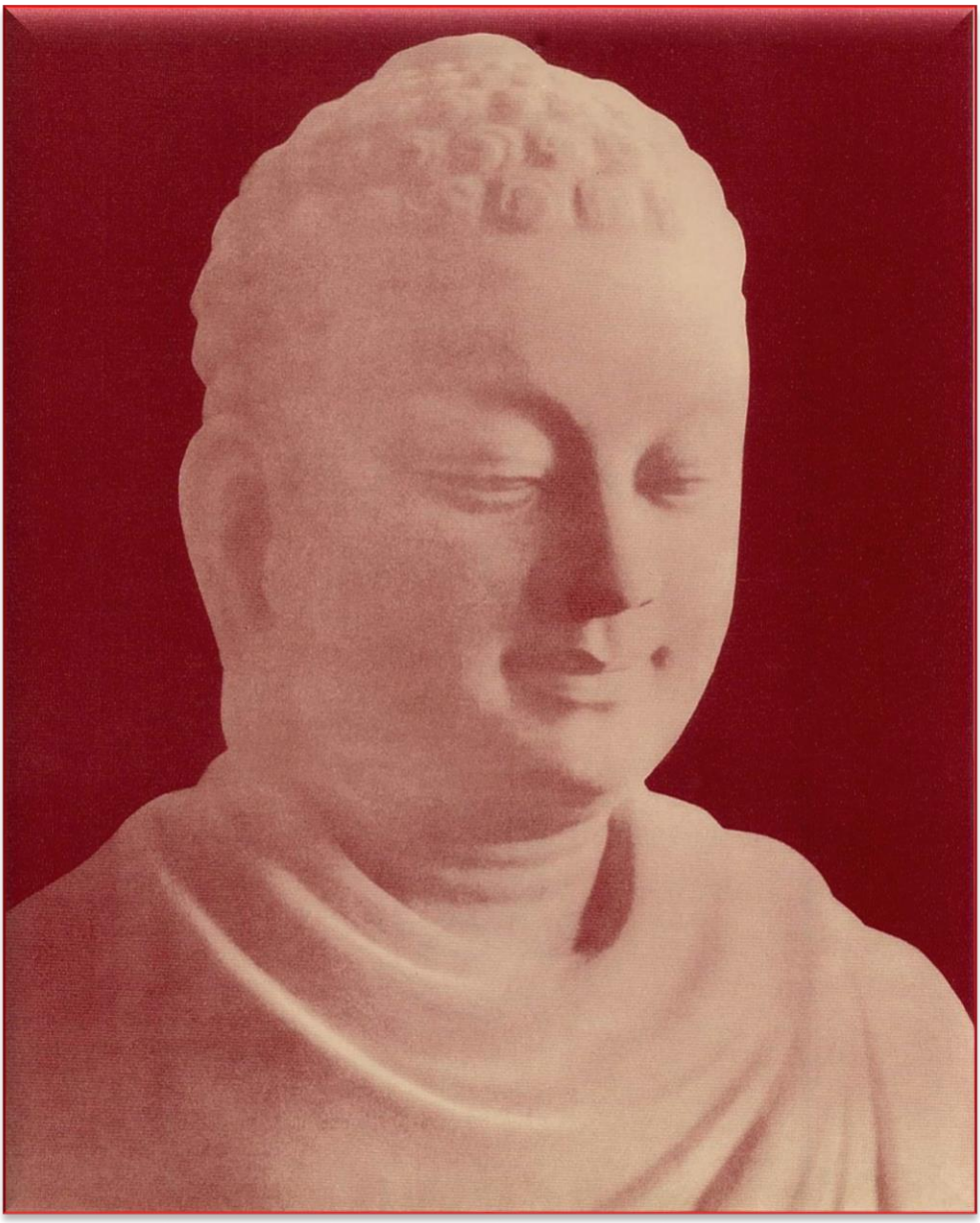


NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 57

BỘ KINH TẬP

IV

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 57

BỘ KINH TẬP IV

SỐ 490 → 584

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ KINH TẬP 4 – T057

SỐ 490 3
KINH TÁM VỊ ĐẠI BỒ-TÁT 3
SỐ 491 5
KINH SÁU BỒ-TÁT CŨNG NÊN TRÌ TỤNG 5
SỐ 492 (A) 7
KINH A-NAN HỎI SỰ CÁT HUNG VIỆC THỜ PHẬT 7
SỐ 492 (B) 14
KINH A-NAN HỎI SỰ CÁT HUNG VIỆC THỜ PHẬT 14
SỐ 493 22
KINH A-NAN TỨ SỰ 22
SỐ 494 26
KINH A-NAN THẤT MỘNG 26
SỐ 495 28
KINH A-NAN PHÂN BIỆT 28
SỐ 496 36
KINH ĐẠI CA-DIẾP BẢN 36
SỐ 497 41
KINH MA-HA CA-DIẾP ĐỘ BẦN MẪU 41
SỐ 498 47
KINH SƠ PHẦN THUYẾT 47
QUYỂN THƯỢNG 47
QUYỂN HẠ 56
SỐ 499 65
KINH A-CHI-LA CA-DIẾP TỰ HÓA TÁC KHỔ 65
SỐ 500 68
KINH LA-VÂN NHẪN NHỤC 68
SỐ 501 72
KINH TỲ-KHEO SA-HẠT CÔNG ĐỨC 72
SỐ 502 76
KINH PHẬT VỊ NIÊN THIẾU TỲ-KHEO THUYẾT CHÁNH SỰ 76
SỐ 503 78
KINH TỲ-KHEO TỊ NỮ Ố DANH DỤC TỰ SÁT 78
SỐ 504 80
KINH TỲ-KHEO THÍNH THÍ 80
SỐ 505 84
KINH TÙY DŨNG TÔN GIẢ 84

SỐ 506 88
KINH KIỀN-ĐÀ QUỐC VƯƠNG 88
SỐ 507 91
KINH VỊ SINH OÁN 91
SỐ 508 96
KINH A-XÀ-THẾ VƯƠNG NGŨ NGHỊCH 96
SỐ 509 102
KINH VUA A-XÀ-THẾ ĐƯỢC THỌ KÝ 102
SỐ 510 107
KINH THÁI HOA VI VƯƠNG THƯỢNG PHẬT THỌ QUYẾT HIỆU DIỆU HOA 107
SỐ 511 110
KINH BÌNH-SA VƯƠNG NGŨ NGUYỆN 110
SỐ 512 119
KINH TỊNH PHẠN VƯƠNG BÁT-NIẾT-BÀN 119
SỐ 513 127
KINH LƯU LY VƯƠNG 127
SỐ 514 136
KINH GIÁN VƯƠNG 136
SỐ 515 140
KINH NHƯ LAI THỊ GIÁO THẮNG QUÂN VƯƠNG 140
SỐ 516 148
KINH THẮNG QUÂN VƯƠNG SỞ VẤN 148
SỐ 517 154
KINH MẠT-LA VƯƠNG 154
SỐ 518 157
KINH CHIÊN-ĐÀ-VIỆT QUỐC VƯƠNG 157
SỐ 519 161
KINH MA-ĐẠT QUỐC VƯƠNG 161
SỐ 520 163
KINH TÁT-LA QUỐC 163
SỐ 521 168
KINH PHẠM-MA-NAN QUỐC VƯƠNG 168
SỐ 522 170
KINH PHỔ ĐẠT VƯƠNG 170
SỐ 523 175
KINH NGŨ VƯƠNG 175
SỐ 524 181
KINH PHẬT VỊ ƯU-ĐIỀN VƯƠNG THUYẾT VƯƠNG PHÁP CHÁNH LUẬN

..... 181
SỐ 525.....191
KINH TRƯỞNG GIẢ TỬ ÁO NÃO TAM XỨ 191
SỐ 526.....194
KINH TRƯỞNG GIẢ TỬ CHẾ 194
SỐ 527.....199
KINH THỆ ĐỒNG TỬ 199
SỐ 528.....204
KINH BỒ-TÁT THỆ 204
SỐ 529.....209
KINH A-CƯU-LƯU 209
SỐ 530.....214
KINH TU-MA-ĐỀ TRƯỞNG GIẢ..... 214
SỐ 531.....226
KINH TRƯỞNG GIẢ ÂM DUYỆT 226
SỐ 532.....233
KINH TƯ-HA-MUỘI 233
SỐ 533.....253
KINH BỒ-TÁT SINH ĐỊA..... 253
SỐ 534.....258
KINH NGUYỆT QUANG ĐỒNG TỬ..... 258
SỐ 535.....268
KINH THÂN NHẬT 268
SỐ 536.....274
KINH THÂN NHẬT NHI BẢN 274
SỐ 537.....278
KINH VIỆT NAN..... 278
SỐ 538.....281
KINH HA-ĐIÊU A-NA-HÀM..... 281
SỐ 539.....284
KINH LÔ-CHÍ TRƯỞNG GIẢ NHÂN DUYÊN..... 284
SỐ 540.....298
KINH THỌ-ĐỀ-GIÀ..... 298
SỐ 541.....306
KINH PHẬT ĐẠI TĂNG ĐẠI 306
SỐ 542.....316
KINH DA-KỲ 316
SỐ 543.....319
KINH CỰ LỰC TRƯỞNG GIẢ SỞ VẤN ĐẠI THỪA 319

QUYỂN THƯỢNG 319
QUYỂN TRUNG 327
QUYỂN HẠ 341
SỐ 544 354
KINH BIỆN Ý TRƯỞNG GIẢ TỬ SỞ VẤN 354
SỐ 545 368
KINH ĐỨC HỘ TRƯỞNG GIẢ 368
QUYỂN THƯỢNG 368
QUYỂN HẠ 382
SỐ 546 405
KINH ĐỒNG TỬ KIM DIỆU 405
SỐ 547 415
KINH TRƯỞNG GIẢ ĐẠI HOA NGHIÊM HỎI PHẬT VỀ SỨC NA-LA-DIÊN 415
SỐ 548 417
KINH ĐỒNG TỬ KIM QUANG VƯƠNG 417
SỐ 549 422
KINH NHÂN DUYÊN QUANG MINH ĐỒNG TỬ 422
QUYỂN 1 422
QUYỂN 2 431
QUYỂN 3 440
QUYỂN 4 451
SỐ 550 460
KINH KIM SẮC ĐỒNG TỬ NHÂN DUYÊN 460
QUYỂN 1 460
QUYỂN 2 468
QUYỂN 3 474
QUYỂN 4 481
QUYỂN 5 488
QUYỂN 6 498
QUYỂN 7 506
QUYỂN 8 515
QUYỂN 9 525
QUYỂN 10 532
QUYỂN 11 543
QUYỂN 12 555
SỐ 551 565
KINH NỮ MA-ĐĂNG 565
SỐ 552 569

KINH MA-ĐĂNG NỮ GIẢI HÌNH TRONG SÁU VIỆC 569
SỐ 553 573
KINH NHÂN DUYÊN NẠI NỮ VÀ KỲ-VỰC 573
SỐ 554 594
KINH NẠI NỮ VÀ KỲ-BÀ 594
SỐ 555 610
KINH NGŨ MẪU TỬ 610
SỐ 556 615
KINH THẤT NỮ 615
SỐ 557 623
KINH LONG THÍ NỮ 623
SỐ 558 626
KINH LONG THÍ BỒ-TÁT BẢN KHỞI 626
SỐ 559 633
KINH LÃO NỮ NHÂN 633
SỐ 560 636
KINH LÃO MẪU NỮ LỤC ANH 636
SỐ 561 638
KINH LÃO MẪU 638
SỐ 562 641
KINH VÔ CẤU HIỀN NỮ 641
SỐ 563 645
KINH BÉ GÁI TRONG BỤNG NGHE KINH 645
SỐ 564 649
KINH CHUYỂN THÂN NỮ 649
SỐ 565 675
KINH THUẬN QUYỀN PHƯƠNG TIỆN 675
QUYỂN THƯỢNG 675
Phẩm 1: Pháp Sa-môn 675
Phẩm 2: Chứng ngộ chân lý 680
Phẩm 3: Khất thực 687
QUYỂN HẠ 693
Phẩm 4: Tên gọi giả 693
SỐ 566 712
KINH LẠC ANH LẠC TRANG NGHIÊM PHƯƠNG TIỆN 712
SỐ 567 745
KINH PHẠM CHÍ NỮ THỦ Ý 745
SỐ 568 752
KINH HỮU ĐỨC NỮ SỞ VẤN ĐẠI THỪA 752

SỐ 569 757
KINH TÂM MINH 757
SỐ 570 761
KINH HIỀN THỦ 761
SỐ 571 765
KINH PHỤ NHÂN NGỘ CÔ 765
SỐ 572 767
KINH VỢ TRƯỞNG GIẢ PHÁP CHÍ 767
SỐ 573 772
KINH THỌ KÝ SAI-MA-BÀ-ĐẾ 772
SỐ 574 777
KINH NỮ KIÊN CỐ 777
SỐ 575 784
KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG TU-ĐA-LA VƯƠNG 784
SỐ 576 787
KINH CHUYỂN HỮU 787
SỐ 577 790
KINH ĐẠI THỪA LƯU CHUYỂN CHƯ HỮU 790
SỐ 578 793
KINH ƯU-BÀ-DI VÔ CẤU VẤN 793
SỐ 579 796
KINH ƯU-BÀ-DI TỊNH HẠNH PHÁP MÔN 796
QUYỂN THƯỢNG 796
Phẩm 1: TU HÀNH 796
Phẩm 2: TU HỌC (PHẦN 1) 807
QUYỂN HẠ 819
Phẩm 2: TU HỌC (PHẦN 2) 819
Phẩm 3: ĐIỀM LÀNH 835
SỐ 580 843
KINH TRƯỞNG GIẢ NỮ YÊM-ĐỀ-GIÀ SƯ TỬ HỐNG LIỄU NGHĨA 843
SỐ 581 852
KINH BÁT SƯ 852
SỐ 582 858
KINH TÔN-ĐA-DA-TRÍ 858
SỐ 583 862
KINH HẮC THỊ PHẠM CHÍ 862
SỐ 584 867
KINH TRƯỜNG TRẢO PHẠM CHÍ THỈNH VẤN 867

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 57

BỘ KINH TẬP

4

SỐ 490

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 490

KINH TÁM VỊ ĐẠI BỒ-TÁT

Hán dịch: Đời Triệu Tống,
Tam tạng Pháp Hiền.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng Đại Bí-sô một ngàn hai trăm năm mươi vị hội đủ. Còn có tám vị Đại Bồ-tát, danh hiệu các vị là Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường, Đại Bồ-tát Thánh Quán Tự Tại, Đại Bồ-tát Từ Thị, Đại Bồ-tát Hư Không Tạng, Đại Bồ-tát Phổ Hiền, Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ, Đại Bồ-tát Trừ Cái Chướng, Đại Bồ-tát Địa Tạng đều là những bậc đứng đầu. Lại có các vị Đại Bồ-tát, danh hiệu là Đại Bồ-tát Vô Năng Thắng, Đại Bồ-tát Long Tướng, Đại Bồ-tát Hỷ Ý, Đại Bồ-tát Vô Cấu Tạng, Đại Bồ-tát Vô Cấu Xưng, Đại Bồ-tát Trí Vương, Đại Bồ-tát Vô Biên Quân, Đại Bồ-tát Trí Quang, Đại Bồ-tát Tuệ Quang, Đại Bồ-tát Tuệ Đăng, Đại Bồ-tát Trí Đăng, Đại Bồ-tát Phạm Thọ, Đại Bồ-tát Thiên Quán. Các vị Đại Bồ-tát như thế đều đến dự pháp hội.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Nay ông hãy lắng nghe! Về phương Đông có số thế giới nhiều như cát sông Hằng, có một cõi Phật tên là Vô Năng Thắng, nơi cõi ấy có vị Phật hiệu là Thiện Tinh Tấn Cát Tường Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang vì chúng sinh giảng nói pháp vi diệu.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Cũng về phương Đông trải qua số thế giới nhiều bằng mười lần số cát sông Hằng, có một cõi Phật tên là Vô ngã, ở cõi ấy có vị Phật hiệu là Phổ Chiếu Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện vì chúng sinh giảng nói pháp vi diệu.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Về phương Đông, trải qua số thế giới nhiều bằng ba lần số cát sông Hằng, có một cõi Phật tên là Thiện ái, cõi ấy có Đức Phật hiệu là Cát Tường Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện vì chúng sinh giảng nói pháp vi diệu.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Cũng lại về phương Đông, trải qua

số thế giới nhiều bằng ba mươi bốn lần số cát sông Hằng, có một cõi Phật tên là Tịch Tĩnh Tạng, Đức Phật ở cõi ấy hiệu là An-nại-la-kế-đô-đặc-phược-nhã Vương Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện vì chúng sinh giảng nói pháp vi diệu.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Về phương Đông, trải qua số thế giới nhiều bằng năm lần số cát sông Hằng, có một cõi Phật tên là Ly trần, Đức Phật ở cõi ấy hiệu là Hỷ Công Đức Quang Tự Tại Vương Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện vì chúng sinh giảng nói pháp vi diệu.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Nếu thiện nam, thiện nữ nào biết được danh hiệu của chư Phật, Như Lai trong kinh này, nhất tâm lắng nghe, hoặc tự nhớ nghĩ, hoặc biên chép, đọc tụng, vì người khác giảng nói thì người ấy lúc mạng chung sẽ không bị đọa vào cõi ác, không sinh nơi biên địa, không sinh trong gia tộc thấp kém, tà kiến, luật nghi xấu ác, cũng không sinh trong cõi trời Trường thọ, cũng không sinh trong đời ác có đủ năm thứ uế trược, trong kiếp đao binh, tật bệnh, đói khát, cũng không bị các nạn vua, nạn nước, nạn lửa, nạn đạo tặc, thú dữ. Thường sinh trong cõi Phật, cõi trời, cõi người, có thân tướng đoan nghiêm, các căn tròn đủ, quyến thuộc đông đảo, đạt trí túc mạng, đủ sáu Ba-la-mật, hành pháp bốn vô lượng, thông đạt tất cả pháp tạng thâm diệu, thành tựu đạo tối thượng.

Phật thuyết giảng kinh này xong, chư Đại Bồ-tát, Tôn giả Xá-lợi-phất và các Bí-sô, các chúng Trời, Người, A-tu-la… nghe Phật nói xong đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

❑

SỐ 491

KINH SÁU BỒ-TÁT CŨNG NÊN TRÌ TỤNG

Hán dịch: Khuyết danh, phụ vào dịch phẩm đời Hậu Hán.

Bồ-tát Sư Tử Hý, Bồ-tát Sư Tử Phấn Tấn, Bồ-tát Sư Tử Phan, Bồ-tát Sư Tử Tác, Bồ-tát Kiên Dũng Tinh Tấn, Bồ-tát Kích Kim Cang Tuệ.

Mười phương Phật uy nghi
Đường đường vua trong Thánh
Ba mươi hai tướng tốt
Và tám mươi vẻ đẹp.
Thân phát sáng vi diệu
Chiếu khắp cả mười phương
Con nguyện xin quy y
Đảnh lễ vua các pháp.
Mười phương Phật uy nghi
Đại Từ bi không cùng
Lập các thệ nguyện lớn
Tế độ các quần sinh.
Người đa văn hoan hỷ
Công đức không nói hết
Con xin tự quy y
Đảnh lễ Đấng Từ Bi.
Mười phương Phật uy nghi
Công đức không thể lường
Tuệ như biển vô lượng
Tưới thắm khắp mười phương.
Nếu có ai nghe tên
Tiêu trừ các tội chướng
Quy y đại trí tuệ
Đảnh lễ vua Chánh giác.
Mười phương Phật uy nghi
Cõi nước rất thanh tịnh

Trang nghiêm bằng bảy báu
Hương chiên-đàn thượng diệu.
Toàn là các Bồ-tát
Không có tên Nhị thừa
Chỉ nói Bất thoái chuyển
Đạo sáng của trí tuệ.
Mười phương Phật uy nghi
Báu của đạo ba đời
Người nào nghe tin ưa
Chóng thành đạo Vô thượng.
Ở nơi đạo Bồ-tát
Vững trụ không thoái chuyển
Sinh đâu cũng gặp Phật
Liền gặp các Thế Tôn.
Mười phương Phật uy nghi
Đạo sư của ba đời
Thường hết lòng cung kính
Tin ưa không hồ nghi.
Sinh ra luôn đoan nghiêm
Dung mạo rất tươi sáng
Tuệ biện tài không hai
Đảnh lễ Thiên Nhân Sư.

Riêng có bốn Bồ-tát, bốn Đại sĩ này đều là thầy của chư Phật quá khứ trong mười phương. Bốn Bồ-tát này khi mới tu hành phát thệ nguyện lớn: "Ta sẽ độ tất cả chúng sinh, đến khi họ đều chứng đắc Niết-bàn, sau đó ta mới thành Phật." Vì vậy nên thọ trì tụng niệm danh hiệu thì được vô lượng, vô biên công đức, cho đến đạt được bất thoái chuyển. Ví như vàng ròng, ngọc quý đầy trong hư không khắp tam thiên đại thiên thế giới đem bố thí, chẳng bằng trong khoảng khắc tụng niệm danh hiệu của bốn vị Đại sĩ này thì công đức ấy vượt hơn công đức bố thí vàng ròng trên ngàn ức vạn lần. Tên của những Bồ-tát ấy: Bồ-tát Khí Ấm Cái, Bồ-tát Tịch Căn, Bồ-tát Tuệ Oai, Bồ-tát Bất Ly.

❑

SỐ 492 (A)

KINH A-NAN HỎI SỰ CÁT HUNG VIỆC THỜ PHẬT

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng An Thế Cao, người nước An Tức.

Tôn giả A-nan nói: "Nghe như vầy".

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có người thờ Phật được giàu sang may mắn, nhưng có người bị suy hao không may mắn, vì sao chẳng đồng? Cúi xin Phật Thiên Trung Thiên vì chúng con giảng nói.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Có người thờ Phật theo minh sư thọ giới, siêng năng hành trì, không phạm những giới đã thọ, sớm chiều đốt đèn cung kính lễ bái, trai giới chẳng ngừng, tâm thường hoan hỷ, thiện thần ủng hộ, làm việc gì cũng được may mắn, trăm việc tăng trưởng, được trời, rồng, quỷ thần, mọi người đều cung kính, về sau chắc chắn sẽ đắc đạo. Người thiện nam, người thiện nữ này là đệ tử chân chánh của Phật. Có người thờ Phật không gặp minh sư, chẳng xem kinh giáo, lòng tin không vững chắc, chỉ có danh của giới, vi phạm giới luật, đã không có hình tượng lại không thắp hương đốt đèn lễ bái, thường luôn sân hận, ác khẩu mắng chửi, sáu ngày chay không giữ, tự tay sát sinh, chẳng kính kinh Phật, đặt để trong rương hư mục, hoặc để lộn chung với các đồ vật, hoặc để trên giường chỗ vợ con bất tịnh, hoặc treo trên vách, không để nơi tôn kính, chẳng khác nào sách vở thế gian. Nếu có bệnh tật thì không niệm Phật, liền mời thầy đồng bóng, bói hỏi cúng tế cầu xin tà thần. Vì vậy Thiên thần lánh xa không ủng hộ, yêu mị ngày càng gần, quỷ ác đầy nhà làm cho suy hao, đem đến những điều không vui, hiện tại là người mắc tội, chẳng phải là đệ tử của Phật, chết đọa vào địa ngục, bị trăm thứ độc hại hành hình, thần hồn đau khổ không thể nói. Người ngu mờ mịt không tự suy nghĩ những việc vô ích đã làm, lại kêu trời oán đất, trách cứ Thánh hiền, đổ lỗi cho trời, mê lầm đến thế thật là ngu si, nên bị trói buộc trong ba đường. Người đắc đạo đều từ thiện mà sinh, thiện là áo

giáp tốt không sợ đao binh, thiện là chiếc thuyền lớn vượt qua sông sâu. Nhờ kinh và giới luật điều phục thân, khẩu, ý, ai có thể giữ lòng tin thì trong nhà được yên hòa, hiện tại được vui mừng, phước tự nhiên đến, làm như vậy thì được quả báo, chẳng phải thần ban cho. Nếu ai không tin, không trì kinh và giới luật, đời sau sẽ khổ đau. Thiện ác theo người như bóng theo hình, chớ có hồ nghi mà tự đọa vào đường ác, cầu thoát khỏi rất khó, còn ai tin chắc không phạm thì hiện tại thường an. Lời Phật chân thật không bao giờ dối người, Phật ở đời khó gặp, thân người khó được. Nhờ phước lớn của đời trước, nay thầy được hầu Phật, nên nghĩ báo ân Phật mà ban bố tuyên dương giáo pháp, rộng làm ruộng phước, thực hành như vậy là được giải thoát rồi, còn gì lo buồn.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Người không tự tay mình giết hại mà sai người khác giết hại, tội đó ra sao? Là vô tội chăng?

Phật bảo:

–Này Tôn giả A-nan! Người sai người khác giết hại tội nặng hơn tự mình làm. Vì sao? Hoặc là vì người nô tỳ hạ tiện hành động giết mà không cố ý, hoặc người bị nhà vua, quan trên áp bức sai sử, mà phải hành động không cố ý giết. Bảo người khác giết là biết nhưng cố phạm, âm mưu tàn hại mà đổ tội cho người khác, lừa dối Tam bảo, trái với lẽ đạo. Tội đó chẳng nhỏ, oan oan tương báo, đời đời chịu tai ương chẳng chấm dứt, hiện tại bất an, chết đọa vào địa ngục, chịu đau khổ kịch liệt, ra khỏi địa ngục lại làm súc sinh, lột da chẻ xương đem thịt đền cho người, đều do đời trước tàn sát bạo nghịch, âm mưu hãm hại chúng sinh, không có tâm Từ, thấy người khác giết mình lại vui theo với tâm vui thích thì hơn là tự mình giết. Do đó tội nặng như vậy.

Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

–Người đời và đệ tử của Phật khinh dể thầy mình, hướng ý ác đến thầy và người đạo đức, tội đó ra sao?

Phật nói:

–Này Tôn giả A-nan! Hễ làm người thì nên ưa mến đạo đức của người khác, vui mừng việc thiện của người khác, không nên ganh ghét, hướng ý ác đến thầy và người đạo đức. Đó chẳng khác nào hướng ý ác đến Phật. Nếu cầm mười ngàn cái nỏ bắn vào thân mình thì có đau không?

Tôn giả A-nan thưa:

–Rất đau, rất đau, thưa Thế Tôn!

Phật nói:

–Người hướng ý ác đến người đạo đức và thầy mình còn đau khổ hơn nỏ bắn vào thân. Là người đệ tử không nên khinh mạn thầy mình, hướng ý ác đến người đạo đức. Nên xem người đạo đức như Phật, không nên ganh ghét, hủy báng. Người có giới đức cảm động đến chư Thiên, Rồng, Quỷ thần, tất cả đều tôn kính. Thà nhảy vào trong lửa, dùng dao bén cắt thịt, chứ cẩn thận không nên ganh ghét, hủy báng việc thiện của người khác. Tội đó rất lớn, hãy cẩn thận, cẩn thận!

Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

–Vị thầy có thể la mắng, đem lỗi nhỏ của đệ tử trở thành lỗi lớn được không? Việc ấy vô tội chăng?

Phật nói:

–Không thể được, không thể được! Tình nghĩa thầy trò nghĩa cảm tự nhiên, nên thành tín với nhau, xem đệ tử như mình, điều gì mình không làm chớ đem cho người. Nên tôn sùng lễ nghi, giới luật dạy bảo với nhau để hành đạo, hòa thuận trung thành không nên tranh cãi. Nghĩa thầy trò cả hai đều chân thành, thầy đúng pháp thầy, trò đúng pháp trò, chớ phỉ báng với nhau, cẩn thận chớ ôm lòng độc hại để oán nhỏ thành lớn, trở lại tự thiêu mình. Ta xem thấy người ác trong đời, đám Tỳ-kheo ma, thầy chẳng ra thầy, trò chẳng ra trò, cùng nhau làm ác chẳng nghĩ hành đạo, phá hoại người thiện, hâm mộ việc làm thế tục, chẳng nghĩ vô thường, tích chứa của cải, tự chôn vùi mình, chết đọa vào đường ác ngạ quỷ, súc sinh, không thấy được như vậy chẳng khác nào trâu bò. Ở đời cầu những gì để nghĩ báo ân Phật, lấy đạo noi nhau, đạo không thể không học, kinh không thể không đọc, việc thiện không thể không làm, làm thiện tu đức giúp cho tinh thần được thoát khổ, vượt ra sinh tử. Thấy bậc Hiền chớ khinh lờn, thấy người thiện chớ hủy báng, chớ lấy lỗi nhỏ của người mà tạo chứng thành tội lớn, trái pháp mất đạo lý, tội phước có chứng cứ, tội đó rất lớn. Đáng sợ! Đáng sợ!

Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

–Đệ tử đời mạt pháp sinh vào cõi ma, có nhiều nhân duyên, ở tại gia vì nhu cầu cho thân miệng nên làm thế nào?

Phật nói:

–Là đệ tử của Phật tuy có nhân duyên, giữ giới cẩn thận chẳng dám phạm, thành tín quy kính Tam bảo, hiếu kính phụng thờ cha mẹ, hoàn thiện cả trong lẫn ngoài, tâm miệng tương ưng, chẳng nghĩ cuồng vọng dua nịnh, khéo dùng phương tiện tới lui biết thời. Đây mới có thể gọi là làm việc thế

gian, chứ chẳng phải ý thế gian.

Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

–Thế nào là việc thế gian? Thế nào là ý thế gian?

Phật nói:

–Là đệ tử Phật, được làm nghề buôn bán, đong bằng, đo thẳng, cân vừa, làm việc hợp lý, không nên gian dối để lường gạt người khác; chôn cất, dời đổi, cưới gả, đó là việc thế gian. Ý thế gian là làm đệ tử Phật không được xem bói cầu thỉnh bùa chú yêu quái, cúng tế để tâu giải những điều không tốt. Người thọ năm giới của Phật là người phước đức không còn sợ sệt, làm việc gì nên bạch Tam bảo, đến đâu cũng an lành. Người giới đức được đạo hộ trì, khiến cho chư Thiên, rồng, quỷ thần đều kính phục. Giới quý báu nên tôn trọng thì đến đâu cũng được an. Người không thấu đạt tự gây chướng ngại, thiện ác do tâm, họa phước do người, như bóng theo hình, như vang theo tiếng, trời đâu phải không che, đất đâu phải không chở. Phước đức, giới hạnh hợp với tự nhiên (đạo lý), cảm động đến mười phương, Thiên thần ủng hộ, đạo đức sánh cùng trời, công lao rạng rỡ. Những vị Thánh khen ngợi khó mà nói hết. Người trí thà bỏ thân mạng chứ không làm tà vạy, hiểu rõ lời Phật dạy có thể đạt được đạo cứu đời.

Tôn giả A-nan nghe những lời Phật dạy, liền sửa lại ca-sa, quỳ gối sát đất bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con có phước, được gần Như Lai, được hưởng pháp vị, ân từ rộng lớn nghĩ thương tất cả, vì chúng con mà làm ruộng phước để chúng con được thoát khổ. Lời Phật chí thành mà người tin lại ít, đời này nhiều chúng sinh ác, nguyền rủa với nhau, tin quỷ thần thì nhiều, bỏ chánh hướng tà, thiên đường trống không, địa ngục kín đầy. Thật đáng đau thay! Nếu có người tin chỉ một hoặc hai, tại sao đời điêu tàn đến thế. Sau khi Phật diệt độ chỉ còn lại kinh pháp, ít có người thực hành, dân chúng chuyển thành dối trá, dần dần tiêu mất, trở nên suy vong! Ô hô đau thay, còn nương tựa vào đâu! Cúi xin Thế Tôn vì những người ít học mà trụ lại thế gian để giáo hóa, chớ nhập Niết-bàn.

Tôn giả A-nan nhân đó nói kệ:

Phật vì hộ ba cõi
Ân Từ bi rộng lớn
Nguyện vì kẻ hậu học
Chưa thể vào Niết-bàn.
Đau thay người chưa đạt
Mờ mịt không hiểu đạo

Trống pháp rền tam thiên
Vì sao chẳng được nghe?
Người ác đời năm trược
Tự rơi vào điên đảo
Không tin đời có Phật
Tự gây ra các tội.
Chết sinh vào địa ngục
Bị đao kiếm phanh thây
Cúng tế ưa sát sinh
Đọa vào ngục nước sôi.
Dâm dục ôm trụ đồng
Lửa dữ cùng thiêu đốt
Phỉ báng người thanh cao
Bị móc sắt kéo lưỡi.
Say rượu không tiết lễ
Nước đồng rót vào miệng
Nếu sinh lại làm người
Si ngốc, vô đạo nghĩa.
Không sát được sống lâu
Luôn khỏe mạnh chẳng bệnh
Không trộm sau được giàu
Tiền của thường đầy đủ.
Không dâm được trong sạch
Thân thể thơm tươi sáng
Thành thật không lừa dối
Được người tin, chấp nhận.
Không say được thông minh
Mọi người đều tôn kính
Năm phước pháp siêu vượt
Trời người cùng các loài.
Được lợi gấp vạn ức
Chân đế thật rõ ràng
Ngu si không hiểu đạo
Hại Thánh hủy Chánh giác.
Chết vào ngục Vô trạch
Đầu đội vòng sắt nóng
Cầu chết không chết được
Khoảnh khắc đã biến hình.

Mâu kích đâm qua lại
Thân thể tàn hại nhau
Mờ mịt không thấu sự
Ác với ác kéo nối.
Xoay vần qua các nẻo
Thân các loài cầm thú
Bị mọi người cắt giết
Đem thịt đền nợ xưa.
Vô đạo đọa đường ác
Cầu thoát khỏi rất khó
Thân người đã khó được
Pháp Phật khó được nghe.
Thế Tôn Bậc Chúng Hựu
Cao quý mà an trụ
Mở bày pháp cam lồ
Hàng ít học phụng hành.
Thương con - hiện tuệ sâu
Vì thương xót quần sinh
Khai ngộ chỉ đường lối
Hành giả được độ thoát.
Kẻ phước - nơi hướng đến
Thấy chân lý bất sinh
Nương về Đấng Từ Bi
Gieo giống đường bất tử.
Ân từ ai hơn Phật
Hiện oai quang thần diệu
Mà khiến cho mọi người
Được uống nước cam lồ.
Thuyền tuệ đến bờ kia
Khánh pháp rền tam thiên
Ta, người không ngã tưởng
Thế Tôn chuyển pháp luân.
Chúng con được vui mừng
Bỏ được mười hai duyên
Hoan hỷ xin đảnh lễ
Tự quy đấng Tối thượng.

Tôn giả A-nan cung kính nói kệ rồi, đại chúng trong chúng hội đều đạt được Bất thoái chuyển, tâm ý khai mở, phát thệ nguyện rộng lớn, hướng

đến đạo Vô thượng, hương âm cam lồ tỏa khắp mười phương, chỉ bày đường đi và làm cầu tốt. Quốc vương, thần dân, trời, rồng, quỷ thần nghe những lời Phật dạy và kệ của Tôn giả A-nan, vừa buồn vừa cảm động, vừa khen ngợi, vừa hoan hỷ, đảnh lễ sát chân Phật và Tôn giả A-nan, thọ giáo rồi bái lui.

❑

SỐ 492 (b)

KINH A-NAN HỎI SỰ CÁT HUNG VIỆC THỜ PHẬT

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng An Thế Cao, người nước An Tức.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Có người thờ Phật được phú quý, may mắn, có người bị suy hao không may mắn, vì sao chẳng đồng? Cúi xin Đấng Thiên Trung Thiên vì chúng con giảng nói rõ.

Phật dạy Tôn giả A-nan:

–Có người thờ Phật theo minh sư thọ giới, tin vững không phạm, siêng năng phụng hành, không để mất những điều đã thọ. Hình tượng Phật tươi sáng, sớm chiều lễ bái, cung kính đốt đèn, cúng dường thanh tịnh được an vui, không vi phạm giới cấm, trai giới chẳng dừng, lòng thường hoan hỷ, được chư Thiên, thiện thần ủng hộ, làm việc gì cũng được may mắn, trăm sự tăng trưởng, được trời, rồng, quỷ thần và mọi người cung kính, về sau chắc chắn sẽ đắc đạo. Người thiện nam, người thiện nữ này là đệ tử chân chánh của Phật. Có người thờ Phật không gặp minh sư, chẳng xem kinh giáo, thọ giới rồi chỉ mang danh thọ giới, mê muội chẳng tin, vi phạm giới luật, chợt tin chợt không, tâm ý do dự, lòng chẳng tôn kính kinh tượng, không đốt hương thắp đèn lễ bái, luôn luôn hồ nghi, sân hận mắng chửi, miệng nói xấu, ganh ghét người hiền, lại không giữ sáu ngày chay, tự tay sát sinh, không kính kinh Phật, đặt để trong rương hư mục quần áo nhơ bẩn, hoặc để trên giường chỗ vợ con bất tịnh, hoặc treo trên vách, chẳng để một nơi với lòng cung kính, chẳng khác nào sách vở thế gian. Nếu tật bệnh thì hồ nghi chẳng tin, liền mời thầy đồng bóng bói hỏi, tâu bày cúng tế tà thần. Vì vậy Thiên thần lánh xa không ủng hộ, yêu mị ngày càng gần, quỷ ác đầy nhà làm cho suy hao, không được may mắn, hoặc do đời trước hành động trong cõi ác nên hiện tại là người mắc tội, chẳng phải đệ tử của Phật, chết sẽ đọa vào địa ngục bị tra khảo, trừng trị. Do tội đó nên hiện tại bị suy hao, sau khi chịu tai ương, chết đọa vào đường ác, lần lượt chịu đau

khổ, không thể nói hết, đều do tích ác làm điều bất thiện. Người ngu mờ mịt, không suy nghĩ về tinh thần báo ứng những việc đã làm từ trước, từ xưa đến nay, lại cho thờ Phật bị suy hao như vậy, chẳng biết mình đời trước không làm phước, lại oán ghét trời đất, trách cứ Thánh hiền, đổ lỗi cho trời, người đời mê lầm không thấu rõ mới như vậy. Người không thấu đạt, tâm thường bất định, lòng không vững chắc, tới lui trái lẽ, phụ bạc ân Phật mà không xét lại, nên bị trói buộc trong ba đường. Họa phước tự mình gây ra, tội vốn từ nơi thức sinh không thể không cẩn thận. Mười điều ác là oan gia, mười điều thiện là bạn lành, an thần đắc đạo đều từ thiện mà sinh. Thiện là áo giáp tốt không sợ đao binh, thiện là chiếc thuyền lớn vượt qua biển khổ. Ai có thể giữ lòng tin thì trong nhà được yên hòa, tự nhiên được phước, từ việc làm thiện đưa đến những điều tốt đẹp chứ chẳng phải thần ban cho. Nay lại không tin về sau phải chịu đau khổ.

Phật bảo:

–Này Tôn giả A-nan! Thiện ác theo người, như bóng theo hình không thể lìa nhau. Việc tội phước cũng đều như vậy, chớ có nghi ngờ mà tự rơi vào đường ác, tội phước phân minh. Lòng tin vững chắc không mê muội thì hiện tại thường an. Lời Phật chân thành không bao giờ lừa dối người.

Phật lại bảo Tôn giả A-nan:

–Phật không nói hai lời. Phật ở đời khó gặp, kinh pháp khó được nghe. Nhờ phước đời trước, nay ông được hầu Phật, nên nghĩ báo ân, tuyên dương giáo pháp, chỉ dạy cho dân chúng, vì họ mà làm ruộng phước, người tin gieo vào thì đời sau không còn lo buồn. A-nan nên thọ giáo phụng hành.

Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

–Người không tự tay mình giết hại là vô tội chăng?

Phật nói:

–Này Tôn giả A-nan! Dạy người khác giết hại nặng hơn tự mình làm. Vì sao? Hoặc là vì người nô tỳ ngu si hạ tiện không biết tội phước, hoặc là bị quan quyền ép buộc phải làm, không cố ý giết. Tuy mắc tội nhưng sự lý chẳng đồng, nặng nhẹ sai khác. Người dạy người khác giết là biết mà cố ý phạm, âm thầm chứa việc ngu ác, tự tay sát sinh, không có lòng Từ, lừa dối Tam bảo, cậy vào thần tự nhiên hại mạng chúng sinh. Tội đó rất nặng, oan oan tương báo, đời đời chịu tai ương, chẳng có chấm dứt, hiện tại bất an, gặp nhiều nạn xấu, chết đọa vào địa ngục, lìa khỏi hình người đọa vào súc sinh, bị người mổ xẻ, ở trong ba đường dữ, tám nạn trăm vạn ức kiếp, đem thịt nạp cho người chưa bao giờ dứt, nay lại chịu thân khốn khổ ăn cỏ

uống nước suối. Đời nay hiện làm những loài cầm thú, đều do đời trước khi làm người bạo nghịch vô đạo, sát hại chúng sinh, không tin mới đến nỗi này, đời đời gây oán, trở lại đền trả với nhau. Thân hình tuy khác nhưng thần thức giống nhau, tội nặng như vậy.

Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

–Người đời và đệ tử có ý ác hướng đến người đạo đức và người thầy, tội đó thế nào?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Hễ làm người thì nên ưa mến điều thiện của người, không nên ganh ghét. Người có ý ác hướng đến người đạo đức và minh sư cũng như hướng ý ác đến Phật. Thà cầm mười ngàn chiếc nỏ tự bắn vào thân mình, không nên hướng ý ác đến những vị ấy.

Phật nói:

–Này Tôn giả A-nan! Tự bắn vào thân mình có đau không?

Tôn giả A-nan thưa:

–Rất đau, rất đau, thưa Thế Tôn!

Phật nói:

–Người hướng ý ác đến người đạo đức hoặc minh sư của mình thì khổ đau hơn bị nỏ bắn vào thân. Là người đệ tử, không nên khinh dể thầy mình và hướng ý ác đến người đạo đức. Nên xem những vị ấy như Phật, không nên khinh dể ganh ghét. Thấy việc thiện của người nên hoan hỷ. Người có giới đức thì chư Thiên, rồng, quỷ thần đều cảm động và tôn kính. Thà nhảy vào lửa, dùng gươm bén cắt thịt, cẩn thận chớ ganh ghét việc thiện của người, tội đó rất lớn. Cẩn thận, cẩn thận!

Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

–Người thầy có thể la mắng đệ tử được không? Không theo đạo lý, đem lỗi nhỏ làm thành lớn là vô tội chăng?

Phật nói:

–Không thể được, không thể được! Thầy trò nghĩa cảm tự nhiên, nên thăm hỏi với nhau, xem đệ tử như mình, điều phục họ bằng lý đúng, dạy dỗ họ bằng đạo đức, điều mình không làm chớ đem cho người, nên tôn sùng lễ luật, không gây tranh cãi. Đệ tử cũng vậy, hai nghĩa thầy trò chân thành. Thầy nên tròn phận thầy, trò nên tròn phận trò, chớ phỉ báng với nhau, ngậm độc gây oán, từ lỗi nhỏ thành lớn, trở lại tự thiêu thân mình. Là người đệ tử, đối với minh sư nên hiếu thuận, cẩn thận chớ hướng ý ác đến thầy. Hướng ý ác đến thầy cũng như hướng ý ác đến Phật, Pháp, Tỳ-

kheo Tăng và cha mẹ thì trời không che, đất không chở. Ta xem thấy người trong đời mạt pháp, những hạng người ác bất trung, bất hiếu, chẳng có nhân nghĩa, chẳng hợp đạo làm người. Trong bốn hạng Tỳ-kheo đời ma, họ chỉ nghĩ lỗi của người khác, không tự dứt lỗi mình, ganh người hiền ghét người thiện lại cùng nhau ngăn cản phá hoại, không nghĩ hành thiện, ganh ghét, gây dữ với người hiền. Mình đã không làm, lại phá hoại người khác, đoạn tuyệt ý đạo, khiến cho người khác không thực hành được, tham muốn việc thế tục, cầu nhiều lợi dưỡng, tích chứa của cải, tự chôn vùi mình, trọng của cải, khinh đạo đức, chết đọa vào đường ác trong địa ngục lớn, ngạ quỷ, súc sinh. Đừng nên như thế! Ở đời cầu gì để nghĩ báo ân Phật, nên trì kinh, giới luật, lấy đạo noi nhau, đạo không thể không học, kinh không thể không đọc, việc thiện không thể không làm. Hành thiện tu đức giúp thần thức lìa khổ, vượt ra sinh tử. Thấy bậc Hiền chớ khinh, thấy người thiện chớ phỉ báng, không lấy lỗi nhỏ tạo chứng thành tội lớn, trái với pháp, mất đạo lý, tội đó rất lớn. Tội phước có chứng cứ, không thể không cẩn thận!

Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

–Đệ tử đời mạt pháp, vì nhân duyên để sinh sống, việc trong gia đình, có nhu cầu cho thân miệng nên làm cách nào, bạch Thiên Trung Thiên?

Phật nói:

–Này Tôn giả A-nan! Có thọ giới cấm của Phật, thành kính phụng hành gìn giữ cẩn thận, hiếu thuận quy kính Tam bảo, hết lòng trung nghĩa, nuôi dưỡng cha mẹ, trong ngoài đều hoàn thiện, tâm miệng tương ưng. Đây gọi là việc thế gian, chứ không phải là ý thế gian.

Tôn giả A-nan bạch:

–Thế nào là việc thế gian, ý thế gian, bạch Thiên Trung Thiên?

Phật nói:

–Là đệ tử của Phật được làm nghề buôn bán: cân bằng, đo thẳng không lường gạt người khác, lấy lý thi hành, không trái với thần minh, hợp với lẽ tự nhiên, việc chôn cất, dời đổi, cưới gả, đó là việc thế gian.

Ý thế gian là làm đệ tử của Phật không được bói toán cầu thỉnh bùa chú, yêu quái, cúng tế, tấu trình giải hạn, không được chọn ngày giờ tốt. Thọ năm giới của Phật là người phước đức, có làm việc gì nên bạch Tam bảo. Huyền thông của Phật không việc nhỏ nào mà Phật không biết. Người giới đức được đạo hộ trì, sai khiến chư Thiên, rồng, quỷ thần, không ai mà không tôn kính. Giới quý báu đáng tôn kính đến đâu cũng an lành, làm gì có việc trái kỵ bất thiện? Đạo đức che trùm cả trời đất, người không thấu

đạt tự gây vướng mắc. Việc thiện ác do lòng người gây ra, họa phước do người, như bóng theo hình, như vang theo tiếng. Đức của giới hạnh hợp với đạo lý, được chư Thiên ủng hộ. Sở nguyện như ý, cảm động thấu mười phương. Đức sánh cùng trời, công lao rạng rỡ, được những vị Thánh khen ngợi không thể nói hết. Người trí thấu đạt thà bỏ thân mạng, không làm tà vạy, đúng như lời Phật dạy thì đạt được đạo độ đời.

Tôn giả A-nan nghe những lời Phật dạy, liền sửa lại ca-sa, đê đầu sát đất bạch:

–Cúi xin Thế Tôn! Chúng con có phước, được gặp Như Lai, ân từ rộng lớn nghĩ thương chúng con mà làm ruộng phước khiến cho tất cả được thoát khổ. Lời Phật chí chân mà người tin thì ít, đời này lắm ác, chúng sinh nguyền rủa với nhau. Thật đáng đau buồn thay! Nếu có người tin chỉ một hoặc hai, tại sao đời xấu ác như vầy? Sau khi Phật diệt độ, kinh pháp tuy còn mà chẳng có người tin, dần dần suy vong. Ôi đau buồn thay! Còn cậy nhờ đâu! Cúi xin Thế Tôn vì các chúng sinh chớ vào Niết-bàn!

Tôn giả A-nan nhân đó nói kệ:

Phật cứu độ ba cõi
Ân Từ bi rộng lớn
Nguyện vì các chúng sinh
Xin đừng vào Niết-bàn.
Người gặp pháp còn ít
Mờ mịt không hiểu đạo
Buồn thay! Người không hiểu
Tội nặng mới như vậy.
Nhờ phước xưa gặp pháp
Chỉ một hoặc hai người
Kinh pháp dần mai một
Sẽ lấy gì nương tựa.
Ân Phật thật rộng lớn
Tội do vì chúng sinh
Trống pháp rền tam thiên
Như vậy sao chẳng nghe?
Đời trược nhiều người ác
Tự rơi vào điên đảo
Dua nịnh, chỉ trích Thánh
Tà mị hủy chánh chân.
Không tin đời có Phật

Cho Phật chẳng đại đạo
Là người chẳng phải người
Tự tạo gốc các tội.
Chết vào ngục Vô trạch
Bị đao kiếm phanh thây
Loài quỷ ưa sát phạt
Thả vào nồi nước sôi.
Dâm dục ôm trụ đồng
Với lửa dữ thiêu đốt
Phỉ báng người thanh cao
Bị móc sắt kéo lưỡi.
Say rượu không tiết lễ
Mê hoặc mất nhân đạo
Chết đọa nơi địa ngục
Nước đồng rót vào miệng.
Lại gặp nhiều ách nạn
Đau khổ không thể nói
Nếu sinh lại làm người
Hàng hạ tiện, bần cùng.
Không sát được sống lâu
Chẳng bệnh luôn khỏe mạnh
Không trộm sau giàu có
Tiền tài thường đầy đủ.
Không dâm được trong sạch
Thân thể thơm tươi sáng
Hình dáng thường rực rỡ
Cho đến làm đại vương.
Thành thật không dối trá
Được mọi người thừa phụng
Không say sau thông minh
Đức tuệ được tôn kính.
Năm phước đó siêu vượt
Trời người cùng mọi loài
Sinh đâu cũng lợi lạc
Thật sáng rõ chân đế.
Mạt thế những người ác
Không tin nhiều hồ nghi
Ngu si chẳng hiểu đạo

Mờ mịt tội sâu nặng.
Hại Thánh, hủy Chánh giác
Chết vào thành sắt lớn
Thần thức ở trong đó
Đầu đội vòng sắt nóng.
Cầu chết không chết được
Chốc lát đã biến hình
Mâu kích đâm qua lại
Thân thể cắt từng mảnh.
Tại sao đời như vậy!
Bỏ chánh tin quỷ thần
Ưa bói toán cầu khẩn
Cúng tế hại, bất nhân.
Chết đọa mười tám chỗ
Trải qua ngục Hắc thằng
Tám nạn là cõi đầu
Khó trở lại thân người.
Nếu khi được làm người
Man rợ vô nghĩa lý
Si ngốc thiếu các căn
Què câm không nói được.
Tối tăm không thông đạt
Ác với ác kéo nhau
Xoay vần qua các nẻo
Loài cầm thú sáu thứ.
Bị người bắt giết hại
Đem lột da cắt cổ
Đền trả lại oán xưa
Lấy thịt cấp cho người.
Vô đạo đọa đường ác
Cầu thoát khỏi thật khó
Thân người đã khó được
Kinh Phật khó được nghe.
Thế Tôn, Bậc Chúng Hựu
Ba cõi đều nhờ ân
Ban bố pháp cam lồ
Khiến mọi người phụng hành.
Đã được trí tuệ rồi

Vì nghĩ thương quần sinh
Mà khai thông đường đạo
Người sáng liền thoát khổ.
Phước nơi người hướng đến
Học kiến đế bất sinh
Tự quy ruộng phước lớn
Gieo giống đất bất tử.
Ân lớn ai bằng Phật
Thế Tôn chuyển pháp luân
Nguyện hết thảy mọi người
Được uống nước cam lồ.
Thuyền tuệ đến bờ kia
Khánh pháp thấu đại thiên
Bỉ ngã không còn hai
Phát nguyện Vô thượng chân.

Tôn giả A-nan tụng kệ này rồi, tất cả đại chúng trong pháp hội đồng thời tin hiểu đều phát tâm cầu đạo Chánh chân Vô thượng, thệ nguyện rộng lớn, pháp âm cam lồ tỏa khắp tam thiên, từ đó được độ, mở đường chỉ lối và làm cầu đường tốt. Quốc vương, thần dân, trời, rồng, quỷ thần nghe kinh và nghe những lời của Tôn giả A-nan đều hoan hỷ nhưng vừa buồn, vừa sợ, đảnh lễ sát chân Phật và Tôn giả A-nan, thọ giáo rồi bái lui.

❑

SỐ 493

KINH A-NAN TỨ SỰ

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Cư sĩ Chi Khiêm,
người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thuở nọ, lúc sắp diệt độ Đức Phật ở nước Câu-di-na-kiệt.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Con nghĩ trời, rồng, quỷ, thần, đế vương, dân chúng đã gặp Phật, nghe Phật dạy bảo nên tất cả đều vui mừng, theo ý nguyện của mình, hoặc làm Sa-môn đắc A-la-hán, hoặc ở tại gia phụng hành năm giới, chết được sinh lên cõi trời. Nay Phật nhập Niết-bàn, trời, rồng, quỷ, thần, đế vương, dân chúng và bốn chúng đệ tử sẽ nhờ cậy vào đâu để được phước, được giải thoát? Và sẽ theo ai để được như trên?

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Này Tôn giả A-nan! Trời, người và các loài khác được độ thoát đều do lòng thương bao la của ông. Sau khi ta diệt độ, trong đời năm trược, lòng người mờ mịt tự dấy lên cấu uế, đời nhiều điên đảo, khinh thiện trọng ác, thật đáng buồn thay! Đời tuy như vậy, nhưng ta có kinh pháp, giới luật khẩn thiết, ai hết lòng tuân hành thì phước tự đến, ông chớ ưu buồn. Ta tuy diệt độ nhưng kinh điển vẫn lưu truyền. Nếu hành giả giữ gìn đại pháp sáu Độ không bỏ thì được độ thoát chẳng phải Thần trao cho. Các ông không hiểu những lời ta chăng?

Tôn giả A-nan liền bạch:

–Xin Thế Tôn nói lại cho!

Phật nói:

–Có bốn đại pháp có thể được phước, có thể đắc đạo Chánh đẳng Chánh giác như Phật.

Tôn giả A-nan lại bạch:

–Cúi xin Thế Tôn vì chúng con mà giải thích bốn việc ấy.

Đức Thế Tôn nói:

–Nên đem tâm Từ nuôi dưỡng người yếu ớt, người hạ tiện, người hành khất để sống và những loài cầm thú, trùng kiến. Thường phải thương xót, tùy sự ăn uống của chúng mà làm cho chúng được sống còn, không nên dùng dao gậy gây tổn thương, tuyệt mạng chúng, tâm Từ thương xót như mẹ hiền. Trời, rồng, quỷ, thần, đế vương, dân chúng, nếu ai thực hành tâm Từ như vậy thì người ấy được phước lớn, công đức ngang bằng với công đức hầu Phật. Đây là việc thứ nhất.

Đời có tai biến, mưa nắng không điều hòa, muôn dân mất mùa, đói kém, ngũ cốc thiếu thốn, chỗ ở chẳng yên, muốn bỏ trốn đi nơi khác. Vua và thần dân giàu có tích chứa lúa gạo, nên nghĩ đến vô thường, thân mạng khó giữ, ngu si yêu thích của báu, lúa gạo. Nếu biết yêu mến thân người thì nên khởi tâm thương đem lúa gạo trong kho ra phân phát cho những người bần cùng thiếu ăn, để cứu giúp thân mạng họ, để chỗ họ ở được yên ổn. Nếu ý còn tham tiếc, không muốn bố thí thì nên suy nghĩ kỹ: Người mới tái sinh, thần hồn từ "không" mà đến, nương vào tinh khí tình dục của cha mẹ để thành thân thể, ở trong thai mẹ mười tháng mới sinh ra, thân mạng được toàn vẹn, được người thân vui mừng, những ngày âu lo tức khắc dứt hết. Cuối cùng cũng phải chết, thần hồn chẳng mất, sinh trở lại thân khác, giàu sang, phú quý, bần tiện, đều do những việc làm của đời trước. Người được quan tước, bổng lộc, quốc độ, châu báu không vì mê hoặc mà để loạn đạo đức cao cả, đến khi qua đời, thân thể và châu báu để lại thế gian không đi theo mình, vậy nên thường khởi tâm Từ, thực hành kinh đạo, nhờ giáo pháp của Phật mà quán thấy người, vật như huyễn như hóa, như mộng, như tiếng vang. Tất cả đều "không", không thể gìn giữ lâu. Quán thế gian như vậy, đây là chân đế. Người đời ngu si mê lầm, tâm bị điên đảo, tự lừa dối mình giống như đem vàng đi bán để mua đồng thau. Thân chết thần thức sẽ bị đọa vào ba đường dữ, suy nghĩ kỹ như vầy mau chóng đem ra bố thí cùng tranh với thân mạng. Người bần cùng xin ăn, người già yếu bệnh tật, tùy nhu cầu mà chu cấp cho họ chớ để họ tuyệt mạng, giữ vững tâm như vậy thì mười phương chư Phật, Bồ-tát đại nhân, trời, rồng, quỷ, thần, tất cả đều cảm động, đến khi qua đời, thần hồn sinh đến nơi nào liền được giàu sang phú quý, thân tâm đều an, không có tai họa, được đầy đủ theo sở nguyện. Cúng dường Phật Chánh Đẳng Giác như Phật còn tại thế chẳng khác. Đây là việc thứ hai.

Trong nước có nhiều trộm cướp, nước lửa, tai biến khác thường sinh ra khí độc, bệnh tật tung hoành, tất cả là do long thần quỷ vương trong biển gây ra. Trong nước đó mắc phải khí độc, trong bệnh khổ não này là vì các quỷ thần, rồng ấy đều do người đời đã gây ra: săn bắn, chém giết, giăng

lưới bắt cá, người trúng độc chết. Thần hồn họ đọa trong biển làm rồng, hoặc làm loài thần hóa sinh có sức mạnh biết được đời trước, tức giận nỗi oán xưa kia mà gây ra sương móc, phun mưa khí độc vào nước ấy. Khi đó dân chúng có người trúng độc chết, hoặc có người mắc bệnh, có người chỉ bị sơ bên ngoài, đó là đều do người đời đã gây ra. Bất nhân tàn sát mạng vật gây oán với nhau, người tự tay giết thì bị trúng độc liền chết, người thấy vui theo thì mắc bệnh ngặt nghèo, hoặc có người chỉ bị sơ bên ngoài đều do ăn thịt chúng sinh, có người cùng chịu có người không cùng chịu. Người thông minh biết rõ tội sát sinh theo người không dừng, lấy mình mà suy lường kẻ khác nào có khác chi, suy lường như vậy, nên truyền rộng lời Phật dạy thực hành bốn Đẳng tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả thì phước tự về mình. Nếu người khác sát hại đem thịt cho mình cẩn thận chớ ăn. Người không ăn thịt, tuy ở trong đời ác, khi giặc cướp, tai biến, khí độc nhưng người này không bị những thứ ấy. Đế vương, dân chúng giàu có, nhiều lúa gạo gặp người góa vợ, góa chồng, mồ côi, không con, thiếu thốn y thực, tật bệnh khốn khổ không thể tự cứu thì nên chu cấp thuốc men, cơm cháo để họ dần dần khỏi hẳn, nếu không dứt hẳn, nên biết rõ người này đời trước đã làm ác, không tin Tam bảo, bỏ chân theo ngụy, tham lam keo kiệt nên đến nỗi như vậy, tội phước phân minh, cẩn thận chớ làm ác. Vậy nên khởi tâm Từ đem kinh pháp của Phật giáo huấn những kẻ ngu si, khiến cho họ giữ gìn kinh đạo, như trị một người bệnh được dứt, chỉ bày con đường thiện cho họ, thọ trì năm giới, trọn đời trong sạch. Phước đó ngang bằng với phước hầu Phật. Đây là việc thứ ba.

Ở đời có Sa-môn, Phạm chí, thanh cao trong sạch vô dục, thuộc kinh điển, nói đúng pháp luật. Đế vương, thần dân, nên đem lòng cung kính những bậc phụng hành giới luật. Những bậc cao sĩ này miệng nói ra lời gì đều là những lời chư Phật để lại, khiến người bỏ ác làm thiện, ân ấy hơn ân của cha mẹ gấp trăm phần, vì làm cho người qua đời không bị đọa vào ba đường ác, vậy thường nên đem tâm Từ cung kính những vị ấy. Thà uống nước đồng sôi, dùng dao bén cắt lưỡi, cẩn thận chớ hủy báng người thanh khiết này. Thà tự chặt tay chớ làm cho vị ấy đau đớn. Thà tự mổ bụng, moi tim ra đốt chớ đem lòng giận dữ với người này. Giả sử người ngu gặp kinh điển của Phật biết rõ việc đến đi, nhờ vậy xa lánh đám ngu ám, mau chóng đến những vị Hiền giả nghe giảng Thánh điển mà trở thành người cao đức. Sa-môn, Phạm chí không mua bán cầu lợi vì thân cấu uế, tâm hành thanh tịnh giống như ngọc báu minh nguyệt, tay bưng bình bát, nhọc thân khất thực, vừa đủ cung cấp cho miệng ngoài ra không tích chứa, hoặc ở chùa, hoặc ở núi rừng, đầm vắng, bên gốc cây, nơi nghĩa địa đều biết túc mạng,

phân biệt chân ngụy, làm theo kinh điển, vì đời mà làm chiếc cầu tốt, tâm Từ bi bao la, lúc nào cũng chú nguyện cho đế vương, thần dân, khiến cho quốc độ bình yên. Sự dạy bảo đạo đức của bậc cao sĩ như vậy làm cho chư Thiên, Rồng, Quỷ khởi tâm thương xót không làm theo thế tục và không gây lỗi lầm theo tình dục, bằng những nhận thức đáng khen ngợi. Quốc vương, thần dân nếu là người có trí thì nên tìm đến những bậc cao sĩ ấy, tùy chỗ cần dùng mà dâng cúng như y thực, giường nằm, tật bệnh thì cấp thuốc men để cho những vị ấy yên ổn, được nghe các vị giảng kinh, giới luật, rộng nói chỉ dẫn tọa thiền, niệm định, hoặc từ đó đắc đạo, hoặc chết được sinh lên trời. Bố thí y thực cho người cấu uế khắp nước không bằng hết lòng cúng dường cho một vị tu hành thanh tịnh. Phước đó rộng lớn ngang bằng phước cúng dường Phật khi Phật còn tại thế chẳng khác. Đây là việc thứ tư. Đế vương, dân chúng thân gần những người này được trời, rồng, quỷ thần ủng hộ giúp họ vui mừng.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Đời trước, ta đã thực hành bốn việc này, lần lượt hưởng phước cho đến thành Phật. Vì vậy, ta nói lại bốn việc này. A-nan! Ông nên rộng vì chư Thiên, đế vương, dân chúng giảng nói lại cho họ. Họ đã làm những việc thiện thì tự họ được phước không bao giờ mất. Ta sắp diệt độ, bốn việc này giao lại cho ông.

A-nan nghe kinh này rồi, vừa buồn vừa vui đến trước Phật đầu mặt đảnh lễ.

❑

SỐ 494

KINH A-NAN THẤT MỘNG

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Tam tạng Trúc Đàm-vô-lan, người Thiên Trúc.

Tôn giả A-nan ở nước Xá-vệ thấy bảy điềm mộng đến thưa hỏi Đức Phật:

1. Thấy ao hồ lửa bốc cháy ngút trời.

2. Thấy mặt trời, mặt trăng và các vì sao rơi rụng.

3. Thấy Tỳ-kheo xuất gia trở lại ở trong vũng bùn ô uế, còn cư sĩ tại gia thì ngoi đầu vượt ra.

4. Thấy bầy heo đến húc rừng cây chiên-đàn.

5. Thấy đầu đội núi Tu-di mà không thấy nặng.

6. Thấy voi mẹ bỏ voi con.

7. Thấy sư tử chúa, hoa đẹp rải trên đầu và có bảy sợi lông dài nằm trên đất mà chết. Những loài cầm thú thấy vẫn sợ sệt, sau thấy trong thân giòi bò ra, liền đến ăn thịt.

Tôn giả A-nan đem những mộng ác này thưa hỏi Đức Phật.

Bấy giờ, Phật đang thuyết pháp trên giảng đường Phổ hội, tại nước Xá-vệ cho vua Ba-tư-nặc, nói về pháp Khổ, Tập, Diệt, Đạo, làm cho an lạc, thấy Tôn giả A-nan sắc mặt buồn rầu lặng thinh không nói, Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Những điềm mộng của ông đều thuộc về đời ác năm trược sau này, không tổn hại gì đến ông, tại sao lại buồn?

Điềm mộng thứ nhất thấy ao hồ lửa bốc cháy ngút trời là sau này Tỳ-kheo tâm thiện giảm dần, ác nghịch bạo phát, sát hại lẫn nhau không thể nói hết.

Điềm mộng thứ hai thấy mặt trời, mặt trăng và các vì sao rơi rụng là sau khi Phật Niết-bàn, tất cả Thanh văn cũng Niết-bàn theo Phật, không trụ ở đời, con mắt của chúng sinh diệt mất.

Điềm mộng thứ ba thấy Tỳ-kheo xuất gia trở lại trong vũng bùn ô uế, còn cư sĩ tại gia thì ngoi đầu vượt ra, là đời sau Tỳ-kheo ôm lòng ác độc, ganh ghét, sát hại lẫn nhau, đạo sĩ chém giết, cư sĩ nhìn thấy can gián chẳng nghe, chết bị đọa địa ngục, cư sĩ tinh tấn chết sinh lên cõi trời.

Điềm mộng thứ tư thấy bầy heo đến húc rừng cây chiên-đàn, là đời sau cư sĩ đi đến chùa tháp phỉ báng chúng Tăng, tìm chỗ tốt xấu, phá tháp hại Tăng.

Điềm mộng thứ năm thấy đầu đội núi Tu-di mà cảm thấy không nặng, là sau khi Phật Niết-bàn, Tôn giả A-nan sẽ làm thầy giảng nói kinh cho một ngàn vị A-la-hán, một câu cũng không quên. Người nghe được giác ngộ rất nhiều, mà chẳng cho là quan trọng.

Điềm mộng thứ sáu là thấy voi mẹ bỏ voi con, là đời vị lai tà kiến hoành hành, phá hoại pháp Phật, còn người có đức thì ẩn không xuất hiện.

Điềm mộng thứ bảy thấy sư tử chết là sau khi Phật Niết-bàn một ngàn bốn trăm bảy mươi năm, các đệ tử của ta chuyên tâm tu đức, tất cả ma ác không phá hoại được; còn bảy sợi lông dài là việc của bảy trăm năm sau.

❑

SỐ 495

KINH A-NAN PHÂN BIỆT

Hán dịch: Đời Khất Phục Tần,
Sa-môn Thánh Kiên.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Có người thờ Phật được giàu sang, lợi lạc, nhưng có người lại bị suy hao, không may mắn, vì sao chẳng đồng? Cúi xin Thế Tôn vì chúng con giảng nói.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Có người thờ Phật theo minh sư thọ giới, một lòng tin tưởng, không phạm, siêng năng hành trì, không bỏ mất những điều đã thọ. Hình tượng sạch sẽ tươi sáng, sớm chiều đốt đèn, cung kính lễ bái. Sự cúng dường thanh tịnh đã an định, không vi phạm giới cấm, trai giới chẳng nhàm, trong lòng vui mừng, thường được chư Thiên, thiện thần ủng hộ thì đến đâu cũng hài hòa, trăm việc tăng tiến, được trời, rồng, quỷ thần và mọi người cung kính, về sau chắc chắn thành Phật. Người thiện nam, thiện nữ này là đệ tử chân chánh của Phật.

Có người thờ Phật không gặp minh sư, chẳng xem kinh giáo, thọ giới rồi thôi chỉ có danh của giới, mờ mịt chẳng tin, vi phạm giới luật, chợt tin chợt không, tâm ý do dự, cũng không có kinh tượng, hàng ngày không đốt hương lễ bái, thường luôn sân hận, ác khẩu mắng chửi, lại không giữ sáu ngày trai giới, thẳng tay sát sinh, không kính trọng kinh Phật, để trong rương tráp quần áo hư mục, hoặc để trên giường vợ con, hoặc treo trên vách, không có tâm đặt những nơi tôn kính để cúng dường, khác nào sách vở thế gian. Nếu có bệnh thì hồ nghi không tin, bèn mời thầy đồng bóng bói hỏi cầu xin giải trừ, cúng tế tà thần. Vì vậy, Thiên thần lánh xa không ủng hộ, yêu mị ngày càng gần, quỷ ác đầy nhà làm cho suy hao, đem đến những điều không an vui. Hiện tại làm người mắc tội, chẳng phải là đệ tử của Phật, chết sẽ bị đọa vào địa ngục, bị tra khảo đánh đập. Do tội ấy hiện tại bị suy hao, sau chịu tai ương, khi chết thần hồn đau khổ, không thể nói hết. Người ngu mờ mịt không nhớ được nhân duyên nơi cuộc sống đời

trước của mình, nguồn gốc của thần thức từ đâu đến mà cho thờ Phật đến nỗi bị suy hao, không xấu hổ những việc làm bất công nơi đời trước của mình, mà lại trách Thánh oán trời. Người đời mê lầm không thấu rõ mình, không hiểu rõ người mới như thế, do dự hoài nghi, lòng tin không vững chắc, tâm không quyết định, tới lui trái lẽ, phụ bạc ân Phật mà không xét kỹ lại, nên bị trói buộc trong cái thấy biết của ba đường. Họa phước tự gây, biết nhân duyên của tội lỗi đã gieo hạt thì nảy mầm, không thể ngược lại. Mười điều ác là oan gia, mười điều thiện là bạn lành, an thần, đắc đạo cũng từ nơi thiện mà ra. Thiện là áo giáp tốt không sợ đao binh. Thường giữ lòng tin, trong nhà an hòa, tự nhiên phước đến, chẳng do thần ban cho. Nay lại có người không tin đời sau lại càng thêm khổ.

Đức Phật nói:

–Này Tôn giả A-nan! Thiện ác theo người như hình với bóng, không thể rời nhau, về việc tội phước cũng đều như vậy, chớ khởi nghi ngờ mà đọa vào đường ác. Lòng tin vững chắc không mê lầm, hiện tại thường được yên ổn. Lời Phật nói thành thật không bao giờ lừa dối.

Đức Phật lại bảo Tôn giả A-nan:

–Phật không nói hai lời, kinh giáo khó được nghe. Ông nhờ có phước của đời trước, nay được hầu Phật, nên nhớ báo ân Phật mà truyền bá giáo pháp, chỉ dạy cho mọi người, làm ruộng phước cho họ. Người có lòng tin gặp được thì đời sau không lo buồn. Tôn giả A-nan nghe đầy đủ vâng lời làm theo.

Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

–Người không tự tay mình giết hại mà sai người khác làm thì vô tội phải không?

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Người sai người khác giết hại tội nặng hơn tự mình làm. Vì sao? Vì hoặc là kẻ nô tỳ hèn hạ ngu muội không biết điều tội lỗi, hoặc bị quan quyền sai ép phải làm, không do ý mình, tuy mắc tội nhưng hành động và ý nghĩ chẳng giống nhau, nên nặng nhẹ có sai khác. Kẻ sai người khác giết, biết mà cố phạm, âm thầm tìm cách gây hại, ngu ác ra tay không có tâm Từ, lừa dối Tam bảo, trái với đạo lý, phạm tội ngũ nghịch. Hại mạng sống người, tội đó rất lớn, oan oan tương báo, đời đời chịu tai ương, quanh quẩn đền trả, không bao giờ dứt, hiện tại bất an, gặp nhiều tai nạn, chết vào địa ngục, vừa lìa hình người đọa vào súc sinh, bị người mổ xẻ, rơi vào ba đường, tám nạn, nhiều vạn ức kiếp, đem thịt dâng người không khi nào nghỉ, khiến thân khốn khổ, ăn cỏ uống nước suối, đời này phải chịu làm

loài cầm thú đều do đời trước. Khi làm người bạo nghịch vô đạo, ngầm hại chúng sinh, do không lòng tin, đến nỗi như vậy, gây oán nhiều đời, vay trả với nhau, thần hồn giống nhau mà hình thể lại khác, tội nặng như vậy.

Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

–Người đời và đệ tử của Đức Phật hướng ý ác đến thầy mình và người đạo đức, tội đó ra sao?

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Hễ là người thì nên ưa mến cái thiện của người, lấy thiện làm bạn, không nên đố kỵ. Người có ý ác hướng đến người có đạo đức và minh sư, cũng như hướng ý ác đó đến Phật, thà cầm mười ngàn cái nỏ bắn vào thân mình.

Đức Phật hỏi Tôn giả A-nan:

–Tự bắn vào thân mình có đau không?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất đau, rất đau!

Đức Phật nói:

–Người hướng ý ác đến người đạo đức và thầy mình thì đau khổ hơn nỏ bắn vào thân. Là người đệ tử không được khinh mạn thầy mình và hướng ý ác đến người đạo đức, phải xem họ như Phật, không nên đố kỵ cái thiện của họ. Người có giới đức cảm động đến chư Thiên, Rồng, Quỷ thần, tất cả đều tôn kính. Thà nhảy vào trong lửa, dao bén cắt thân, cẩn thận không nên đố kỵ cái thiện của người, tội đó rất lớn. Cẩn thận, cẩn thận!

Tôn giả A-nan bạch:

–Người thầy có thể phô bày cái lỗi của đệ tử được không? Cho lỗi nhỏ là lớn có thể không có tội chăng?

Đức Phật nói:

–Chẳng thể được! Lỗi ấy cũng rất nặng, rất nặng! Tình thầy trò, nghĩa cảm tự nhiên, nên thường thăm hỏi với nhau, xem đệ tử cũng như mình, điều gì mình không muốn chớ đem cho người, truyền rộng việc tôn sùng lễ nghi, giới luật, đừng làm cho oán hận, trách móc. Đệ tử cũng vậy, nghĩa thầy trò phải thành thật, thầy ra thầy, trò ra trò, chớ phỉ báng nhau, cẩn thận chớ ôm lòng độc hại, oán nhỏ thành lớn trở lại tự đốt thân mình. Ta xem thấy đời mạt pháp, những hạng người ác, Tỳ-kheo đời ma chỉ nghĩ điều ác của người mà không dứt trừ các lỗi của mình, ganh tỵ người hiền, đố kỵ người thiện, không nghĩ hành đạo. Đã không làm được lại còn ôm

lòng hủy hoại người, đoạn tuyệt ý đạo, khiến chẳng lưu hành, ham việc thế tục, chất chứa của cải tự chôn vùi mình, chết đọa trong địa ngục lớn; đời sau cũng như vậy. Ở đời cầu gì cũng nghĩ báo ân Phật, lấy đạo noi nhau, đạo chẳng thể chẳng học, giúp cho tinh thần lìa khổ, vượt qua sinh tử, thấy bậc Hiền chớ khinh thường, thấy người thiện chớ hủy báng, chớ đem lỗi nhỏ của người mà tạo thành tội lớn, trái pháp thất lý, tội đó rất lớn. Tội phước có chứng cứ, há không cẩn thận!

Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

–Đệ tử tại gia đời sau chỉnh đốn việc gia đình, tùy việc phải làm như thế nào cho thích nghi?

Đức Phật nói:

–Đệ tử đời sau thọ giới cấm của Phật, tin mà làm theo, chẳng nghĩ dối trá, phải cung phụng, hiếu thảo, kính sợ, thận trọng, quy kính Tam bảo, hết lòng nuôi dưỡng cha mẹ, như vậy có thể được gọi là việc thế gian, chứ chẳng thể được gọi là ý thế gian.

Tôn giả A-nan bạch:

–Bạch Thiên Trung Thiên! Việc thế gian, ý thế gian như thế nào?

Đức Phật nói:

–Là đệ tử Phật có thể được làm nghề buôn bán, đong bằng, đo thẳng, không lừa gạt dân chúng, làm việc hợp lý, chẳng trái lẽ tự nhiên như các việc: chôn cất, dời đổi, cưới gả, đó là việc thế gian. Còn ý thế gian: Là đệ tử Phật không được coi bói, tin theo bùa chú, yếm trừ yêu quái, tâu bày cúng tế, cũng không được chọn ngày giờ tốt. Người thọ năm giới của Phật là người phước đức, có làm việc gì nên thưa Tam bảo, đạo hộ trì là sức mạnh sai khiến chư Thiên, Trời, Rồng, Quỷ thần đều kính phục, giới cao quý nên tôn trọng thì việc gì đến cũng tốt đẹp. Há có sự kiêng tránh điều chẳng thiện chăng? Người không thấu rõ tự gây nên trở ngại. Việc thiện ác do tâm mình gây ra, họa phước theo người như hình với bóng, như vang theo tiếng. Cái đức của người giới hạnh hợp với đạo lý, cảm động đến mười phương, được chư Thiên ủng hộ nguyện không trái ý. Đức sánh cùng trời, công lao rạng rỡ, chư Thánh khen ngợi khó mà nói hết. Người trí thấu rõ thân mình, thà bỏ thân này chứ không làm điều tà vạy, hiểu rõ lời Phật dạy, có thể đạt được đạo cứu đời.

Tôn giả A-nan nghe những lời Phật dạy, bèn sửa lại ca-sa, đảnh lễ sát đất, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con có phước được gặp Như Lai ân từ rộng lớn, nghĩ thương tất cả, vì chúng con mà làm ruộng phước, khiến được

thoát khổ.

Đức Phật nói:

–Ở đời này, người chí chân mà tin thì ít, còn người ác lại nhiều. Chúng sinh nguyền rủa lẫn nhau, đau đớn lắm thay! Nếu có một hoặc hai người tin làm sao chuyển hóa được đời ác xấu xa đến như vậy! Sau khi Phật diệt độ, giáo pháp dần dần mai một. Ôi đau buồn thay! Lấy gì để nương tựa?

Tôn giả A-nan rơi lệ, nhân việc này nói kệ:

Phật vì giúp ba cõi
Ân đại Từ rộng lớn
Đời ác không thấy Phật
Gặp giáo pháp càng khó.
Buồn thay! Kẻ chẳng biết
Mờ mịt không hiểu đạo
Mới chịu khổ thế này
Tội khiến nên như vậy.
Hoặc chỉ một hai người
Nhờ phước xưa gặp pháp
Kinh giáo dần mai một
Sẽ lấy gì nương tựa.
Ân Phật thật rộng lớn
Trống pháp rền tam thiên
Vì sao không nghe được?
Vì tội do chúng sinh.
Đời trược nhiều người ác
Vọng kiến làm điên đảo
Dua nịnh dối Thánh hiền
Tà mị theo hủy hoại.
Không tin đời có Phật
Cho Phật chẳng đạo lớn
Người hoặc chẳng phải người
Tự gây ra tội lỗi.
Chết đọa vào Vô gián
Bị đao kiếm phanh thây
Quỷ dữ ưa chém giết
Bỏ vào nồi nước sôi.
Dâm dục ôm trụ đồng

Lửa dữ cùng thiêu đốt
Phỉ báng người thanh cao
Bị móc sắt kéo lưỡi.
Say rượu không lễ tiết
Mê hoặc mất nhân đạo
Chết đọa trong địa ngục
Nước đồng rót vào miệng.
Gặp phải nhiều ách nạn
Đau đớn không thể nói
Nếu sinh lại làm người
Hạng hạ tiện bần cùng.
Không giết được sống lâu
Không bệnh thường khỏe mạnh
Không trộm sau giàu có
Tiền của thường đầy đủ.
Không dâm thân trong sạch
Thơm tho và tươi đẹp
Hình dáng thường sáng sủa
Sinh lên làm vua trời.
Thành thật không lừa dối
Làm chỗ chúng noi theo
Không say sau sáng suốt
Đức, tuệ được tôn kính.
Năm phước đó siêu vượt
Trời, người cùng mọi loài
Được lợi gấp vạn ức
Thật sáng rõ chân đế.
Đời sau đám người ác
Không tin, nhiều nghi ngờ
Ngu si không hiểu đạo
Tội nặng càng tăm tối.
Hại Thánh, hủy Chánh giác
Chết vào thành sắt lớn
Thần thức ở trong đó
Đầu đội vòng sắt nóng.
Cầu chết không chết được
Khoảnh khắc đã biến hình
Mâu kích cùng đâm lụi

Thân thể thường tàn tật.
Đời như vậy làm sao!
Bỏ chánh, tin quỷ thần
Ưa xem bói cầu xin
Cúng tế chẳng lòng Từ.
Chết đọa mười tám ngục
Trải qua ngục Hắc thằng
Tám nạn là cảnh trược
Khó được lại thân người.
Nếu khi được làm người
Ngu độn không đạo lý
Tăm tối là hang sâu
Què câm chẳng nói được.
Mờ mịt chẳng rõ sự
Ác với ác kéo nhau
Lần lần chúng nhóm lại
Thân cầm thú sáu loài.
Bị người đem cắt mổ
Lột da treo cổ chúng
Để đền lại nợ xưa
Đem thịt cấp cho người.
Vô đạo đọa đường ác
Cầu thoát khỏi rất khó
Thân người đã khó được
Pháp Phật khó được nghe.
Phật vì giúp chúng sinh
Tôn quý của ba cõi
Ban rải pháp cam lồ
Khiến mọi người làm theo.
Ôi! Đã được trí tuệ
Thương nghĩ đến quần sinh
Khai chỉ đường giải thoát
Người trí liền vượt khổ.
Phước nơi người hướng đến
Bậc kiến đế bất sinh
Tự quy ruộng phước lớn
Gieo giống đất bất tử.
Ân từ chẳng qua Ngài

Chuyển pháp luân cứu đời
Nguyện tất cả mọi người
Được uống nước cam lồ.
Thuyền trí đến bờ kia
Khánh pháp rền tam thiên
Ta, người không còn hai
Nguyện phát Vô thượng chân.

Tôn giả A-nan nói kệ như thế, các đại chúng trong pháp hội đều tin hiểu pháp âm cam lồ, khởi đại hoằng thệ nguyện, hương xông khắp tam thiên giới, khai mở đường đến, bắc nhịp cầu qua. Quốc vương, đại thần, dân chúng, trời, rồng, quỷ thần nghe lời Phật dạy và lời của Tôn giả A-nan vừa buồn vừa vui, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật và đảnh lễ Tôn giả A-nan, thọ giáo rồi lui ra.

❑

SỐ 496

KINH ĐẠI CA-DIẾP BẢN

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại núi Linh thứu thuộc thành Vương xá. Bấy giờ, trong thành này có vị Phạm chí tên Ni-câu-loại *(nghĩa là không sân hận)* thuộc hàng cự phú, tiền của vô số, vàng bạc bảy báu, trâu ngựa ruộng vườn không sao đếm kể. Vị Phạm chí ấy có một người con tên Tất-bát-học-chí, đã từ bỏ sáu mươi hộc vàng bạc, châu báu quý giá, hàng ngàn trâu cày, xa lìa người vợ hiền dung nhan xinh đẹp bậc nhất. Lại tự nghĩ: "Hãy đến chỗ các vị A-la-hán ở thế gian học tu tịnh hạnh." Bèn đến đền thần Đa-tử nơi rừng cây ăn quả để sống. Lúc này, Đức Thế Tôn chuyển đại pháp luân, thuyết pháp xong, cùng chúng Tỳ-kheo trở về đền thần Đa-tử, nghỉ ngơi ở tinh xá nơi đó.

Khi ấy, Tất-bát-học-chí lúc đêm gần sáng, đứng từ xa trông thấy Đức Thế Tôn ở tại rừng cây này, ánh sáng chiếu tỏa, hào quang bao trùm khắp nơi. Học-chí liền nghĩ: "Ở đây, trời sắp sáng lại có oai thần hiện chiếu, ánh sáng vô lượng, đẹp đẽ rực rỡ. Chắc là nai chúa hay bậc Đại hùng sư tử, hoặc có Thiên thần nên mới có đại thần thông biến hóa. Ta phải đến đó xem sao."

Tất-bát-học-chí đứng dậy, đi đến rừng cây, trông thấy Đức Thế Tôn với trăm ngàn ánh hào quang, đầy đủ tướng hảo. Học-chí khen thầm:

–Trong kinh điển để lại, các vị Thần tiên tiền bối của chúng ta có ghi: "Bậc Đại nhân nào đầy đủ ba mươi hai tướng tốt phải đi vào hai đường: Một là nếu người ấy ở tại nhà sẽ làm Chuyển luân thánh vương, làm chủ bốn châu thiên hạ, tuyên bố giáo lệnh, trị dân bằng chánh pháp, không cần dùng đến quân đội binh khí cai trị. Hai là giả sử xuất gia, từ bỏ ngôi vua sẽ trở thành Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Phải nên thân cận, cung kính."

Tất-bát-học-chí đi đến chỗ Phật, thấy Đức Thế Tôn ngồi bên gốc cây hết sức đoan nghiêm, như khối bảy báu hợp thành, oai đức vợi vợi, các căn vắng lặng, tâm đạo an tĩnh, ung dung thanh tịnh, hoàn toàn giác ngộ. Như núi bằng vàng, như Tu-di vương, như bó đuốc rực sáng giữa đêm tối, như rồng ở nơi vực nước trong mát. Thân sắc gồm đủ ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm, như mặt trời vượt lên khỏi núi, như vầng sáng chiếu rọi khắp nơi, như mặt trăng tròn đầy, sáng rực giữa muôn sao, như Chuyển luân vương với quyến thuộc vây quanh. Tám mươi vẻ đẹp ở khắp toàn thân như ngàn đóa hoa mỗi mỗi nở rộ, trăm ngàn ức màu sắc từ thánh thể xuất ra. Tất-bát-học-chí thấy Đức Phật như vậy rất vui mừng như tối gặp sáng, liền đến bên Thế Tôn chắp tay cung kính thưa chuyện, tự nói tên mình, rồi ngồi sang một bên. Đức Phật vì ông ta nên giảng nói kinh, giải thích vô số nghĩa lý, biện biệt luận bàn về tuệ. Thế Tôn dùng lời dịu dàng chỉ dạy về bố thí, trì giới, bệnh của ái dục, từ bỏ phiền não, xuất gia là tối thượng. Trị bệnh phải tùy bệnh cho thuốc. Thế Tôn thấy rõ tâm vị ấy, nên phải uyển chuyển hợp thời theo tâm. Tâm hồ nghi, tâm bị che buộc, tâm hoan hỷ, tâm tin tưởng, tâm tội phước, tâm bình đẳng, tùy theo căn cơ mà thuyết pháp.

Như chư Phật thuyết pháp, xem xét căn cơ, nguồn gốc của họ mà phân biệt giảng nói về Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Ngay chỗ ngồi, vị ấy xa lìa trần cấu, sinh các pháp nhãn, chứng đạo trong hiện tại, phân biệt lời dạy của pháp, phá được nghi ngờ, chứng ngay quả vị, thọ nhận được lời dạy nhiệm mầu, đạt đến giáo pháp dũng mãnh. Ông đứng dậy, sửa lại y phục cho ngay ngắn, quỳ gối phải chấm đất, đê đầu đảnh lễ sát chân Phật và thưa:

–Khi con mới đến, con muốn gặp Phật, tự giới thiệu tên họ, nhìn tướng hảo của Phật quá đổi vui mừng nên thất lễ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Ca-diếp (tức Tất-bát-học-chí):

–Này Hiền giả! Từ nay trở đi, nếu thiện nam nào đến đây với tâm niệm trong sáng, như ánh trăng tỏ rạng nhiều màu rực rỡ, như vậy, người ấy tự mở mắt mà đi.

Này Ca-diếp! Từ nay về sau, nếu thiện nam nào đi đến nơi đâu mà chế ngự tâm tu hành sẽ như mặt trời chiếu rọi khắp cùng trời đất. Nếu thiện nam nào luôn mở mắt, chế ngự tâm tu hành sẽ giống như mặt trời bừng sáng.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Từ nay trở về sau, chế ngự tâm tu hành, như loài ong mật tìm đến các nơi, nhiều việc phải làm, loài ong mật chọn các hoa hút mật, không hại

gì hương sắc. Thiện nam nào chế ngự tâm tu hành, từ nay trở về sau làm việc cũng như vậy.

Phật bảo Ca-diếp:

–Từ nay trở đi, chế ngự tâm tu hành phải như bốn đại: đất, nước, lửa, gió. Được vật sạch thì không vui, bị đồ dơ không buồn, không sầu lo. Còn nếu được hương hoa, vàng bạc bảy báu, năm màu rực rỡ cũng không vui, không tăng không giảm. Thiện nam nào chế ngự tâm tu hành cũng nên như vậy. Với lời khen ngợi, tán thán, an lạc, hân hoan, đừng lấy đó làm vui. Nếu gặp lời phỉ báng, khổ não không vì đó ưu sầu.

Đức Phật lại bảo Ca-diếp:

–Từ nay về sau, thiện nam nào chế ngự tâm tu hành phải như lau đồ sạch và lau đồ không sạch, lau đồ dơ cũng không buồn, lau đồ sạch cũng không vui. Nếu thiện nam nào chế ngự tâm tu hành cũng phải như vậy.

Phật bảo Ca-diếp:

–Từ nay trở đi, chế ngự tâm tu hành như cây chổi quét, sạch cũng quét, nhơ cũng quét.

Phật bảo Ca-diếp:

–Từ nay trở đi, thiện nam nào chế ngự tâm tu hành, như người ăn xin cúi đầu đi, đến đâu thường giấu hai tay vào trong, như người lõa hình biết hổ thẹn, không có đồ che. Ở tại thế gian muốn mưu sinh thì cũng không nói tên mình. Có thể hay không có thể đều giữ im lặng. Nếu thiện nam nào chế ngự tâm tu hành cũng phải như vậy.

Phật bảo Ca-diếp:

–Từ nay về sau, thiện nam nào chế ngự tâm tu hành như cưa sừng bò, như bò bị cắt sừng hiền hòa dễ sai. Không tham bốn việc khỏi đi vào ngả tư, trong bốn nơi không có nhà cửa, gây nguy hiểm cho tánh mạng. Nếu thiện nam nào chế ngự tâm tu hành cũng nên như thế.

Phật bảo Ca-diếp:

–Từ nay về sau, chế ngự tâm tu hành như nồi sắt, lại như những ngọn lửa, như nồi bị lửa đốt thủng, nhiều lỗ hổng, làm dầu mỡ bên trong chảy ra tràn trề, người mắt sáng đứng một bên thấy rõ sự việc ấy. Nếu thiện nam quán xét thân chẳng thường còn, bốn đại hợp thành, có chín lỗ thủng chảy, chảy ra những thứ bất tịnh thì không tham đắm lạc thú nơi thân, không cho đó là lạ.

Lúc đó, Đại Ca-diếp nghe Thế Tôn giảng nói nhiều ví dụ sáng tỏ, tức thì thọ nhận, đọc tụng, quán thấy được tám cửa giải thoát. Phật bảo Ca-

diếp đến rừng cây có bóng mát.

Tôn giả Ca-diếp đáp:

–Vâng, thưa Thế Tôn!

Tôn giả liền đứng dậy đi theo sau Phật. Khi ấy, Đức Phật cùng Đại Ca-diếp rảo bước ra khỏi rừng cây, đến rừng cây khác, rồi lại tiếp đến ngồi bên gốc cây khác.

–Này Tôn giả Ca-diếp! Ở bên gốc cây này hãy trải tòa cho Như Lai, thân ta đã mệt, lưng ta cũng bị đau.

Tôn giả Ca-diếp vâng lời, vội trải tòa cho Đức Phật, trải tòa ngay ngắn. Sau khi trải xong, Tôn giả Ca-diếp đến trước mặt Đức Thế Tôn thưa:

–Chỗ nằm đã trải xong, thỉnh Thế Tôn nghỉ.

Đức Phật đến ngồi chỗ vừa trải, bảo Ca-diếp:

–Đất này mềm dẻo và rất mịn.

Tôn giả Ca-diếp thưa:

–Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Đất nơi kia và chỗ này, nay được thân người rồi cũng trở về nơi đất ấy, cuối cùng cũng tận diệt, phải trì tâm nhẫn nhục như đất. Nay pháp y của con cũng mềm mại đẹp đẽ, nguyện Đức Phật mở rộng lòng thương nhận y này cho.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Giả sử ta nhận y sắc đỏ mềm mại này thì ông dùng y phục gì?

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

–Xưa kia, chư Phật tán thán, thiện nam nào mặc y che đậy tử thi ngoài nghĩa địa và y ngũ nạp sẽ làm an ổn cho chư Thiên và người thế gian.

Đức Phật bảo:

–Hay thay, hay thay! Này Ca-diếp! Ông sẽ được nhiều sự thương mến, được nhiều sự an ổn, nếu mặc y phấn tảo. Xưa kia, chư Phật từng khen ngợi người đó. Ca-diếp, ông đứng dậy mau đi lấy nước đem lại đây, ta khát lắm, muốn uống nước.

–Vâng, thưa Thế Tôn!

Ca-diếp liền thọ giáo đứng dậy, đê đầu đảnh lễ, đi quanh Phật ba vòng, rồi vội đi lấy nước.

Nhân đó, một số Tỳ-kheo thấy, liền đón hỏi:

–Tôn giả là bậc trưởng lão, không kiêu mạn, không sầu lo, vắng lặng, đoạn tận những tham muốn xấu xa, thể nhập vô sở xứ. Nhờ đâu mà Sa-

môn được thọ giới Cụ túc, nay được như vậy?

Tôn giả Ca-diếp đáp:

–Các vị nên đến chỗ Phật, đem việc này thưa hỏi với Đức Thế Tôn. Tất nhiên, Đức Thế Tôn sẽ phân biệt cho các ông rõ.

Nói xong, Hiền giả Ca-diếp liền đi lấy nước. Sau khi trở về, dâng nước lên Phật. Đức Phật thọ nhận, uống xong, còn chút nước thừa trao lại cho Ca-diếp. Tôn giả Ca-diếp đón lấy, rồi Tôn giả trịch áo một bên, chắp tay, gối phải quỳ xuống đất, sửa y phục ngay ngắn, bạch Thế Tôn:

–Con đi lấy nước, thấy một số đệ tử và các vị Tỳ-kheo hỏi con: Tôn giả là bậc trưởng lão, không kiêu mạn, không sầu lo, cũng không si mê, vắng lặng, đoạn trừ những xấu xa của sự tham muốn trong bốn việc. Con đến gặp những vị A-la-hán đã chứng quả trong thế gian để học đạo. Nay đệ tử và các vị Tỳ-kheo đều lại hỏi con. Con trước kia, ở tại đền thần Đa-tử, trong rừng, ăn trái cây ở đó. Lúc ấy, chưa thọ giới Cụ túc nơi Đức Thế Tôn. Bấy giờ, Đức Thế Tôn du hóa đến thành Vương xá, con đang ở tại rừng Trúc, vườn Ca-lan. Sáng sớm Đức Thế Tôn đắp y ôm bát vào thành khất thực, con thấy như có cung điện mặt trời rộng lớn với muôn ngàn ánh sáng rực rỡ. Khi thấy Đức Thế Tôn, con nghĩ: "Mặt trời lại mọc, như đại Thiên thần, làm màn đêm bỗng sáng rực như ban ngày. Khi vào buổi chiều, Đức Phật xuất thần, như cung điện mặt trăng tỏa ra ánh hào quang, che bớt ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Ví như ngọn lửa lớn ở trong nhà tối. Đức Phật ngồi giữa đại chúng, oai thần cũng sáng rực như vậy, vì các Tỳ-kheo giảng nói kinh pháp. Đức Phật như Chuyển luân vương gồm đủ những người con, quyến thuộc và các vị Tỳ-kheo đông đủ. Khi ấy, con quán sát thật kỹ, xem trong chúng Tỳ-kheo người nào có thể tiếp nhận, nhưng không ai là trò và cũng không ai là thầy. Duy chỉ có một mình Như Lai là bậc cao thượng, vượt ra khỏi thế gian, truyền bá chánh pháp đạt đến giải thoát. Nay chư Tỳ-kheo lại thưa hỏi con."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Ca-diếp:

–Có nhiều Tỳ-kheo không biết thiện ác, giác ngộ và không giác ngộ, không rõ phước điền, đối với các pháp có rất nhiều nghĩa lý. Nay người thuyết giảng bậc nhất là Tôn giả Ca-diếp, nhưng không kiêu mạn, bình đẳng, không lo âu, sống đạm bạc trong bốn việc, không tham dục, thành tựu đệ nhất về việc thọ giới Cụ túc.

Phật giảng nói như vậy, Hiền giả Ca-diếp cùng chư Tỳ-kheo, tất cả đều vui mừng phụng hành.

❑

SỐ 497

KINH MA-HA CA-DIẾP ĐỘ BẦN MẪU

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Tam tạng Cầu-na Bạt-đà-la, người nước Vu-điền.

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, hóa độ cho vua quan, dân chúng ở nước này, cùng với chúng Tỳ-kheo, Bồ-tát Đại sĩ và các chúng Thiên, Long, Quỷ thần, muôn dân ở thế gian, đông vô số kể cùng nhau đến nghe kinh.

Khi ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đi một mình đến thành Vương xá giáo hóa, thường hành hạnh nguyện Từ bi, đem phước điền đến cho chúng sinh, không khất thực nhà giàu có, chỉ khất thực nơi những nhà nghèo. Mỗi lần trước khi đi khất thực, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nhập định xem: "Nên gieo phước cho người nghèo nào."

Hôm đó, Tôn giả đi vào thành Vương xá, trông thấy một bà lão đơn độc, quá nghèo khổ, ở trong một cái hang phân dơ bên cạnh đống rác, nơi một ngõ hẻm. Thân thể gầy ốm, tật bệnh, thường nằm trong chốn tối tăm ấy. Cuộc sống của bà lão lẻ loi bơ vơ, cơm áo thiếu thốn, lại ở trong chỗ dơ bẩn như thế, che chắn mưa nắng chỉ bằng mảnh cót tre nhỏ. Nhờ nhập định, biết người này kiếp trước không tạo phước lành nên kiếp này phải chịu nghèo khổ và Tôn giả còn biết mạng sống của bà lão sắp hết, nên nghĩ: "Nếu ta không độ thì bà lão mãi mãi mất phước." Lúc này, bà lão đang đói lả thì có người đầy tớ gái của một trưởng giả mang nước cơm đi đổ, mùi hôi khó chịu. Bà lão lân la lại xin phần nước cơm ấy, liền lấy bát bể đựng đầy cả hai. Bước tới chỗ bà lão, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp chú nguyện nói:

–Hãy cho tôi một ít thức ăn sẽ được phước lớn.

Bà lão nói kệ:

Tôi đang bị bệnh nặng
Khốn cùng không thể nói
Nghèo nhất trong nước này

Ăn mặc lại không đủ.
Ở đời không người thương
Nhìn thấy chẳng thương xót
Sao gọi là Từ bi
Mà không biết nạn này?
Bần cùng khắp thế gian
Thật không ai bằng tôi
Chẳng thương hại, khinh ghét
Thật chẳng phải lòng nhân.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói kệ:

Phật tôn quý ba cõi
Tôi dự định đến đây
Muốn giúp kẻ đói khổ
Nên khất thực nhà nghèo.
Ai giảm được phần ăn
Bố thí vật tốt đẹp
Mãi mãi đạt giải thoát
Đời sau được giàu sang.

Bà lão nói kệ:

Thật như lời ông nói
Ở đời không công đức
Nay trong hang phân này
Nhơ bẩn bám đầy thân.
Ăn uống không đầy đủ
Mình trần không đồ che
Nay tôi quá nghèo khổ
Muốn thí lấy gì cho!

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói kệ:

Bà nói ở không vui
Nghèo khổ lấy gì cho
Nếu ý bà muốn cho
Tất nhiên không vì nghèo.
Nếu bà biết xấu hổ
Thì mặc pháp y này
Việc ăn mặc của bà
Nhờ đó sẽ đầy đủ.
Ở đời có người ngu

Tham tiếc chứa tiền của
Xấu thay! Không muốn thí
Đời sau phải nghèo khổ.
Lo sợ tích phước đức
Có thể nói hy hữu
Phải tin tội và phước
Thật đúng chớ không sai.

Bấy giờ nghe kệ, bà lão vui mừng nhưng nghĩ thầm: "Cả ngày nay, mình chỉ xin được một ít nước cơm hơi có mùi, muốn bố thí nhưng nước cơm ấy không thể uống được." Cho nên mới thưa với Tôn giả Ca-diếp:

–Nhân giả vui lòng nhận cho tôi không?

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đáp:

–Rất tốt!

Bà lão liền từ trong hang, lom khom lấy bát nước cơm nhưng thân thể không có mảnh vải che nên không dám ra ngay, bèn dùng mảnh cót che cửa, co ro đưa bát nước cơm. Tôn giả Ca-diếp nhận cúng dường rồi chú nguyện cho bà lão được phước báo và an lành. Tôn giả suy nghĩ: "Nếu ta mang nước cơm này đi nơi khác, chắc bà lão không tin, nghi ta đổ nó đi", nên ngay trước mặt bà lão, Tôn giả liền uống, rồi bỏ bát vào trong đãy. Lúc ấy, bà lão mới thật lòng tin. Tôn giả Ca-diếp suy nghĩ: "Phải hiện thần thông làm cho bà lão được đầy đủ sự bình an." Tức thì độn thổ rồi hiện lên hư không, thân xuất ra lửa nước, nửa thân trên phun nước, thân dưới lửa bùng cháy. Lại biến hóa nhiều cách, bay vút lên cao, hiện ra hướng Đông, ẩn về phương Tây, phía Nam, phía Bắc cũng vậy.

Bà lão thấy thế thì vô cùng vui mừng, nhất tâm quỳ gối trông nhìn.

Tôn giả Ca-diếp mới bảo:

–Lão bà ước nguyện những gì? Làm người giàu có ở thế gian, làm Chuyển luân thánh vương hay Tứ Thiên vương, Đế Thích, Phạm thiên. Hoặc muốn đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, hay muốn chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng ắt sẽ được như điều mong muốn.

Bấy giờ, bà lão đã chán cái khổ ở đời này, nghe trên cõi trời đầy an vui, liền thưa với Tôn giả Ca-diếp:

–Con nguyện đem một chút phước nhỏ được sinh lên cõi trời

Tức khắc, Tôn giả Ca-diếp bỗng nhiên biến mất.

Vài ngày sau, bà lão lâm chung, được sinh về cõi trời thứ hai là Đao-

lợi, oai đức rực rỡ, chấn động cả trời đất. Ánh sáng chói lọi như bảy mặt trời cùng một lúc chiếu khắp Thiên cung. Thích Đề-hoàn Nhân giật mình kinh sợ và nghĩ: "Người ấy thế nào mà phước đức cảm ứng đến như vậy? Lẽ nào ở cõi này có người hơn ta?" Thích Đề-hoàn Nhân dùng Thiên nhãn xem Thiên nữ ấy phước đức như thế nào. Thích Đề-hoàn Nhân tức nói kệ:

Nữ này từ đâu lại?
Hào quang lớn tỏa sáng
Ví như bảy mặt trời
Một lúc cùng chiếu rọi?
Chấn động cung điện ta
Oai đức không thể nói
Vốn tu phước đức gì
Được lên cõi trời này?

Thiên nữ nói kệ trả lời:

Xưa ở Diêm-phù-đề
Trong hang phân nhơ bẩn
Già yếu và tật bệnh
Cơm áo không đầy đủ.
Nơi tam thiên đại thiên
Đức Phật Thích-ca Văn
Có người đại đệ tử
Là Ma-ha Ca-diếp.
Thương xót xin lão bà
Nói pháp nên tôi vui
Cúng dường nước cơm hôi
Cho ít được quả nhiều.
Nhất tâm gieo ruộng phước
Nguyện được sinh cõi trời
Bỏ thân nơi hang phẩn
Sinh về cung Đao-lợi.

Thiên nữ bèn nghĩ: "Phước báo này do duyên tiền kiếp cúng dường Tôn giả Ca-diếp mà được như vậy. Nếu ta đem trăm ngàn châu báu đủ loại của cõi trời để cúng dường cho Tôn giả Ca-diếp thì cũng chưa đền đáp chút ân kia."

Thiên nữ liền cùng thị nữ đem hương hoa lập tức giáng trần. Trong hư không tung rải dâng cúng lên người Tôn giả Ca-diếp. Sau đó, Thiên nữ bay xuống, lạy sát đất, đảnh lễ rồi đứng dậy chắp tay khen ngợi:

Cõi nước Đại Thiên
Phật là chí tôn
Đệ tử Ca-diếp
Đóng cửa tội lỗi.
Xưa ở Diêm-phù
Nơi chốn hang phân
Làm bà lão nghèo
Tôn giả dạy đúng.
Bà lão hoan hỷ
Cúng nước vo gạo
Món thí nhỏ nhoi
Được phước như núi.
Được làm Thiên nữ
Tự nhiên được vậy
Nên mới giáng hạ
Lễ bái phước điền.

Thiên nữ nói xong liền cùng thị nữ trở về Thiên giới. Sau đó, Đế Thích nghĩ: "Người nữ ấy ở cõi Diêm-phù-đề, trong chỗ hôi hám, đem nước cơm cúng dường cho Tôn giả Đại Ca-diếp mà được phước báo như vậy. Tôn giả Ca-diếp đại Từ bi, chỉ đem phước cho nhà nghèo không đem cho nhà giàu. Ta phải tìm cách xuống cõi Diêm-phù-đề để gặp, tạo điều kiện cho Tôn giả gieo phước."

Thích Đề-hoàn Nhân cùng Thiên hậu đem trăm món ăn thượng vị bỏ vào bình nhỏ, giáng hạ xuống thành Vương xá, làm căn nhà tồi tàn bên lề đường, biến hình như lão già, thân thể ốm gầy, đi đứng lom khom. Hai vợ chồng cùng làm nghề dệt chiếu, thị hiện làm người bần cùng xin ăn, vật dụng, cơm, áo không có thứ gì để dự trữ.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp trên đường khất thực trở về, thấy người nghèo khổ nên đứng lại khất thực.

Ông lão nói:

–Tôi quá nghèo không có thứ gì cả, cho như thế nào đây?

Tôn giả Ca-diếp chú nguyện rất lâu và chưa đi.

Ông lão lại nói:

–Vợ chồng chúng tôi quá già mà công việc dệt chiếu lại rất mệt nhọc, vừa rồi mới xin được một ít thức ăn, chuẩn bị ăn. Nghe nói, Nhân giả là bậc nhân từ đức độ, chỉ khất thực nhà bần cùng, muốn gieo phước lành cho người nghèo. Chúng tôi tuy khốn khổ nhưng ý cũng muốn bố thí cho Hiền

giả. Đúng như chỗ đã nói thì chúng tôi sẽ được phước.

Mùi hương thức ăn của thiên giới chẳng phải thức ăn nơi thế gian, vừa hé nắp bình mùi hương tỏa ra thơm ngát. Tôn giả Ca-diếp biết thế nên không chịu nhận.

Ông lão liền nói:

–Thưa Sa-môn! Có chút thức ăn dở không nhiều, xin Đạo nhân đưa bát nhận cho.

Tôn giả Ca-diếp đưa bát nhận rồi chú nguyện cho thí chủ. Mùi thơm ấy bay tỏa khắp thành Vương xá và cả nước. Tôn giả Ca-diếp nghi ngờ mùi hương vô lượng ấy, liền nhập định tìm lý do. Trong lúc tọa thiền, vợ chồng ông lão hóa lại thân Đế Thích, lập tức bay thẳng lên hư không và vô cùng vui mừng. Tôn giả Ca-diếp nhập định biết được Đế Thích hóa phép làm ông lão, nên nghĩ: "Đế Thích làm phép biến hóa này vì muốn tăng thêm phước báo, ta nay đã nhận, không lẽ trả lại."

Tôn giả Ca-diếp khen: "Lành thay! Đế Thích! Muốn gieo phước lành không chán, nhẫn chịu hình hài khổ xấu, giáng hạ gieo phước tất được quả thiện."

Đế Thích và Thiên hậu lại thêm vui mừng. Lúc ấy, thiên giới trỗi nhạc vang lừng nghênh đón. Đế Thích về đến Thiên cung tâm ý hoan hỷ ngập tràn.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Bà lão bần cùng kia, tất cả thế gian không ai sánh bằng. Bố thí tuy ít nhưng phước báo được nhiều. Do khổ nạn mà có thể khởi tâm chí thành nên được phước vô lượng như vậy. Như Thích Đề-hoàn Nhân trên cõi trời, hưởng quả báo phước đức đầy đủ như thế mà còn từ bỏ ngôi vị tôn quý, giáng hạ gieo trồng phước lành có thêm được phước báo khó lường. Vì vậy Như Lai nói bố thí là bậc nhất. Người ngu si ở cõi Diêm-phù-đề rất đáng thương, nên có được người như vậy là rất hiếm. Ông phải tuyên thuyết rộng lời nói chân thật này của Như Lai.

Khi Phật giảng nói như vậy, các chúng thiên, long, quỷ thần, Tỳ-kheo Tăng bốn chúng đệ tử đều biết khi tạo đại phước đều phải chú nguyện: Nguyện cho tất cả chúng sinh tùy theo ý nguyện nơi mỗi người đều được quả báo.

Phật thuyết giảng kinh xong, tất cả chúng hội đều vui mừng cung kính đảnh lễ.

❑

SỐ 498

KINH SƠ PHẦN THUYẾT

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ,
người Thiên Trúc.

QUYỂN THƯỢNG

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đến gặp vị trưởng thượng tên là Ca-diếp ở Ưu-lâu-tần-loa. Khi Đức Thế Tôn từ xa đi lại, Ca-diếp trông thấy nên đến bạch với Phật:

–Kính chào Đại Sa-môn! Ngài cần gì? Y phục, thực phẩm hay những thứ vật dụng, tôi xin cúng dường đầy đủ.

Thế Tôn bảo Ca-diếp:

–Cho tôi nghỉ lại trong trú xứ của ông một đêm.

Ca-diếp thưa:

–Căn nhà này không phải chỗ ở của tôi mà là nơi tôi thờ lửa. Nay có một con rồng lớn đang chiếm cứ ở đấy, có đầy đủ thần thông và oai lực, nếu Ngài nghỉ lại thì sợ nó làm hại.

Khi ấy, đến lần thứ hai, thứ ba, Đức Thế Tôn cũng vẫn bảo Ca-diếp:

–Hãy cho tôi nghỉ lại trong căn nhà này một đêm!

Ca-diếp cũng đôi ba lượt khuyên Đức Phật:

–Con rồng lớn trong căn nhà ấy, tôi sợ nó làm hại Ngài.

–Ông hãy tin lời tôi!

Lúc ấy, Đức Thế Tôn suy nghĩ: "Ta không cần nhiều lời, nên khởi tâm Bi quyết định thì sự việc sẽ chuyển đổi." Suy nghĩ rồi, Đức Thế Tôn bước vào trong căn nhà thờ lửa, xếp y Tăng-già-lê làm tư, để lên nơi cỏ sạch và kiết già an tọa.

Khi ấy, rồng tức giận vô cùng, bèn phun lửa khói mù mịt cả căn nhà. Đức Thế Tôn bèn nhập Tam-muội Hỏa giới, cũng phun ra khói lửa bao quanh căn nhà đó, tạo thành một khối lửa lớn bùng cháy dữ dội. Rồng lại phun ra ngọn lửa dữ đủ các màu sắc xanh, đỏ, vàng, trắng… Đức Thế Tôn cũng hiện ra ngọn lửa có nhiều màu sắc như vậy.

Lúc này, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp cùng các đệ tử đứng quanh căn nhà đầy lửa cháy, xem xét sự việc. Ca-diếp nói:

–Vị Đại Sa-môn này tướng hảo trang nghiêm bậc nhất, trước đây không chịu nghe lời ta, chắc bị rồng hại.

Nhưng chỉ trong khoảnh khắc, ánh sáng từ oai lực của rồng bị Đức Thế Tôn dùng sức thần thông chế ngự thâu phục. Bấy giờ, Ca-diếp mới biết Đức Phật có thần thông. Cuối đêm, tùy lúc Đức Phật hiện thần thông. Ca-diếp lân la đến quan sát, thấy ánh sáng từ oai lực của rồng yếu dần, ngược lại, hào quang của Đức Thế Tôn càng lúc càng rõ. Khi trời gần sáng, Đức Thế Tôn đã hàng phục được rồng, bắt bỏ vào trong bình bát, đem đến chỉ cho Ca-diếp thấy và bảo:

–Đây là con rồng trong căn nhà thờ lửa, ta đã thâu phục nó. Rồng này rất dữ, nếu người bình thường thì không thể vào trong căn nhà đó được.

Bấy giờ, Ca-diếp rất thán phục, phát sinh tâm tin thanh tịnh và suy nghĩ: "Tâm xuất gia của ta, lẽ nào không được như vậy?" Vào sáng sớm, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp sắp làm lễ tế lửa, suy nghĩ: "Đại Sa-môn ấy có oai lực lớn, đầy đủ thần thông, thậm chí oai lực như rồng còn bị thâu phục. Hôm nay vào sáng sớm, ta làm lễ tế lửa, còn buổi chiều thì Đại Sa-môn ấy theo sự việc ứng hiện thần thông." Lúc ấy, Đức Thế Tôn biết Ca-diếp đã tin thần thông của Phật nên vào buổi sáng, Ngài dùng thần thông thâu phục Ca-diếp trong lúc ông ta làm phép tế lửa. Do đó, Ca-diếp rất thán phục, phát khởi tâm tin thanh tịnh, suy nghĩ: "Tâm xuất gia của ta lẽ nào không được như vậy?"

Vào buổi chiều, khi Ca-diếp sắp làm lễ tế lửa, suy nghĩ: "Đại Sa-môn đó có oai lực lớn, đầy đủ thần thông, thậm chí cho đến oai lực như rồng kia còn bị thâu phục. Nay ta chỉ nên tế lửa vào buổi chiều, còn Đại Sa-môn kia thì ứng hiện thần thông vào buổi sáng." Đức Thế Tôn biết Ca-diếp đã tin thần thông của Phật, nên vào buổi chiều, Đức Thế Tôn dùng thần thông thâu phục Ca-diếp trong lúc ông ta đang làm lễ tế lửa, khiến ông ta phát sinh tâm tin thanh tịnh và suy nghĩ: "Tâm xuất gia của ta lẽ nào không được như vậy?"

Ca-diếp lại đốt lửa và làm những pháp lễ bái khác nhưng lửa đều không cháy. Ông ta lấy cây khô ném vào trong đó cũng lại không cháy. Tiếp tục lấy cỏ khô, phân bò khô, bơ, dầu… nhiều thứ ném vào đống mồi lửa để có thêm tác dụng nhưng cũng không được gì. Ông ta liền đọc thần chú: "Y lê tát ca đa lê tát ca" và nói: "Tất cả đều phải cháy, sao vật này không cháy?" Đọc thần chú rồi, lửa cũng không cháy.

Khi ấy, Ca-diếp suy nghĩ: "Đại Sa-môn đó có đầy đủ thần thông, oai lực lớn, cho đến oai lực như rồng lửa còn bị hàng phục, ta phải dùng vật gì để cúng dường?" Đức Thế Tôn biết Ca-diếp đã tin thần thông của Phật, liền hiện sức thần thông làm ngọn lửa đó bùng cháy. Ca-diếp rất thán phục, liền phát khởi tâm tin thanh tịnh và suy nghĩ: "Tâm xuất gia của ta lẽ nào không được như vậy?"

Ca-diếp làm pháp tế lửa xong, muốn dập tắt ngọn lửa đó nhưng không được, mới xúc đất đổ vào, dùng tro ném vào, xách nước tưới cũng không thể dập tắt. Ông ta lại đọc thần chú: "Y lê tát ca đa lê tát ca" và nói: "Mọi thứ đã cháy rồi, sao không tắt đi?", nhưng ngọn lửa cũng không tắt. Khi ấy, Ca-diếp suy nghĩ: "Đại Sa-môn đó đầy đủ thần thông, có oai lực lớn, cho đến oai lực như rồng kia còn bị hàng phục, ta phải dùng vật gì để cúng dường?" Đức Thế Tôn biết Ca-diếp đã tin thần thông của Phật, liền dùng sức thần thông làm tắt ngọn lửa. Ca-diếp rất thán phục, phát khởi tâm tin thanh tịnh và suy nghĩ: "Tâm xuất gia của ta lẽ nào không được như vậy?"

Lại nữa, vào ban ngày, Ca-diếp vừa nằm nghỉ, Đức Thế Tôn hóa ra năm trăm ông già giống như Ca-diếp, đều đến chỗ ở của Ca-diếp, đến nơi, các vị ấy đều nói lớn tiếng cười đùa. Do những âm thanh ấy khiến Ca-diếp giật mình thức giấc và nghĩ: "Sao hôm nay ta ngủ quá say thế? Người đồng đạo đến mà ta không hay biết gì?"

Khi ấy, những người biến hóa kia đều khen ngợi:

–Lành thay, lành thay!

Ca-diếp mới nhìn kỹ xung quanh, thấy hình tướng mỗi người đều giống như mình nên suy nghĩ: "Những người biến hóa này há chẳng phải là do thần lực của Đại Sa-môn kia hiện ra? Vị Đại Sa-môn ấy đầy đủ thần thông, có oai lực lớn, cho đến oai lực như rồng còn bị hàng phục, ta phải dùng vật gì để cúng dường?"

Khi ấy, Đức Thế Tôn biết Ca-diếp đã tin thần thông của Phật, mới thâu hồi thần lực thì những người hóa hiện kia cùng biến mất. Ca-diếp rất thán phục, liền phát khởi tâm tin thanh tịnh và suy nghĩ: "Tâm xuất gia của ta lẽ nào không được như vậy?"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ra khỏi trú xứ của Ca-diếp, đến bờ sông Nê-liên, dưới tàng cây A-nhã-bá-la thuộc thôn Kha-na. Thế Tôn bước đi, dung mạo luôn khả kính, oai nghi đầy đủ, đến đó rồi, Đức Thế Tôn tạm dừng chân nghỉ ngơi. Lúc ấy, Ca-diếp suy nghĩ: "Hôm nay chúng ta đến bờ sông Nê-liên làm phép tẩy tịnh bằng nước. Vị Đại Sa-môn kia cũng đến đó."

Ca-diếp cùng các đệ tử đi đến bờ sông, vừa tới nơi thấy nước sông chảy ngược, lại nghĩ: "Nước sông này chảy ngược, có lẽ do thần lực của Đại Sa-môn kia tạo ra chăng? Vị Đại Sa-môn ấy có oai lực lớn, đầy đủ đại thần thông, cho đến oai lực của rồng còn bị thâu phục, ta phải dùng vật gì để cúng dường?"

Đức Thế Tôn biết Ca-diếp đã tin thần thông của Phật, liền thâu hồi thần lực thì nước sông lại chảy xuôi dòng như trước. Ca-diếp rất thán phục, phát khởi tâm tin thanh tịnh và suy nghĩ: "Tâm xuất gia của ta lẽ nào không được như vậy?"

Lại nữa, Đức Thế Tôn lần lượt muốn qua sông Nê-liên để vào trong thôn Phược tượng. Lúc này, bỗng nhiên mây đen kéo đến, mưa tuôn tầm tã, nước sông chảy cuồn cuộn tạo nên âm thanh như tiếng còi hú và Đức Thế Tôn đang lội giữa dòng nước chảy xiết.

Nhưng Đức Thế Tôn vẫn khoan thai tiến bước và dòng nước rẽ làm hai, theo từng bước đất bằng nổi lên. Trước đó, Ca-diếp suy nghĩ: "Đại Sa-môn kia đang ở giữa dòng sông chảy xiết lẽ nào không bị cuốn trôi?" Suy nghĩ rồi, liền thấy Đức Thế Tôn đang đi, nước rẽ làm đôi, theo từng bước chân đất bằng nổi lên, từ từ tới bờ bên kia. Ca-diếp rất thán phục và suy nghĩ: "Chuyện thật hy hữu, khó được! Danh hiệu của Đại Sa-môn này ở thế gian ta chưa từng nghe." Bấy giờ, Ca-diếp phát khởi tâm tin thanh tịnh và nghĩ: "Tâm xuất gia của ta lẽ nào không được như vậy?"

Ca-diếp thấy Đức Phật hóa hiện những thần thông như thế, liền chuyển tâm phát khởi sự tin thanh tịnh tối thượng, càng thêm ái kính và nghĩ: "Đức Phật, bậc Đại Sa-môn ấy có thể hóa hiện những thần thông như thế, ta phải dùng những vật gì để cúng dường?"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đã qua bờ bên kia, vào thôn Phược Tượng nghỉ ngơi. Ngay đêm ấy, Thiên vương Trì Quốc ở phương Đông đến chỗ Đức Phật cung kính lễ bái, hào quang nơi thân vị ấy tỏa sáng, chiếu soi rộng lớn, Ca-diếp cũng trông thấy, nên mới rạng sáng, liền đến chỗ Đức Phật thưa hỏi:

–Thưa Đại Sa-môn! Trong đêm hôm, vì sao ở phương Đông có hào quang tỏa sáng rộng khắp?

Đức Thế Tôn bảo:

–Đêm hôm rồi, nơi hướng Đông có hào quang hiển hiện là do Thiên vương Trì Quốc đến lễ bái ta, hào quang nơi thân vị ấy tỏa sáng chiếu rọi như vậy.

Ca-diếp liền nghĩ: "Danh hiệu của vị thần ấy ta tuy nghe nhưng chưa

được gặp, huống gì vị ấy lại đến lễ bái Đại Sa-môn này, thật là hy hữu khó có được.” Sau đấy, liền phát khởi tâm tin thanh tịnh, lại nghĩ: “Tâm xuất gia của ta lẽ nào không được như vậy?”

Vào đêm thứ hai, Thiên vương Tăng Trưởng ở phương Nam đi đến chỗ Đức Phật cung kính lễ bái, hào quang nơi thân vị ấy cũng tỏa sáng chiếu rộng khắp, Ca-diếp cũng trông thấy, nên rạng sáng liền đến chỗ Phật thưa hỏi:

–Thưa Đại Sa-môn! Đêm qua, vì sao có hào quang từ phương Nam tỏa sáng rộng lớn?

Đức Thế Tôn đáp:

–Vào đêm qua, ánh sáng ở phương Nam xuất hiện là vì Thiên vương Tăng Trưởng đã đến chỗ ta lễ bái, hào quang nơi thân vị ấy tỏa sáng như vậy.

Ca-diếp suy nghĩ: “Danh hiệu của vị thần đó ta tuy nghe nhưng chưa được gặp, huống gì vị ấy lại đến lễ bái Đại Sa-môn này. Thật là việc hy hữu khó có được.” Do đó Ca-diếp liền phát khởi tâm tin thanh tịnh và nghĩ: “Tâm xuất gia của ta lẽ nào không được như vậy?”

Vào đêm thứ ba, Thiên vương Quảng Mục ở phương Tây đi đến chỗ Đức Phật cung kính lễ bái, hào quang nơi thân vị ấy cũng tỏa sáng chiếu rọi rộng khắp, khiến Ca-diếp cũng trông thấy, nên mờ sáng liền đến gặp Đức Phật, thưa hỏi:

–Thưa Đại Sa-môn! Đêm qua, vì sao ánh sáng từ phương Tây chiếu lại cũng tỏa rộng khắp như vậy?

Đức Thế Tôn đáp:

–Đêm qua, hào quang từ phương Tây xuất hiện là vì Thiên vương Quảng Mục đã đến lễ bái ta, hào quang nơi thân vị ấy tỏa sáng như vậy.

Ca-diếp liền nghĩ: “Danh hiệu của vị thần đó ta tuy nghe nhưng chưa được gặp, huống gì vị ấy lại đến lễ bái Đại Sa-môn này, thật là điều hy hữu khó có được.” Do đó Ca-diếp liền phát khởi tâm tin thanh tịnh và nghĩ: “Tâm xuất gia của ta lẽ nào không được như vậy?”

Vào đêm thứ tư, Thiên vương Đa Văn ở phương Bắc đi đến chỗ Đức Phật cung kính lễ bái, hào quang nơi thân vị ấy cũng tỏa sáng, chiếu rọi rộng khắp, Ca-diếp cũng trông thấy, nên sáng sớm liền đến chỗ Đức Phật thưa hỏi:

–Thưa Đại Sa-môn! Đêm rồi, vì sao ánh sáng nơi phương Bắc chiếu lại cũng tỏa sáng rộng khắp như vậy?

Đức Thế Tôn đáp:

–Đêm qua, hào quang đến từ phương Bắc là vì Thiên vương Đa Văn đi đến lễ bái ta, hào quang nơi thân vị ấy chiếu sáng như vậy.

Ca-diếp liền suy nghĩ: "Danh hiệu của vị trời đó ta tuy nghe nhưng chưa được gặp, huống gì vị ấy lại đến lễ bái Đại Sa-môn này, thật là điều hy hữu khó có." Do đó Ca-diếp liền phát khởi tâm tin thanh tịnh, lại nghĩ: "Tâm xuất gia của ta lẽ nào không được như vậy?"

Vào đêm thứ năm, Thiên vương Đế Thích ở phương trên đi đến chỗ Đức Phật cung kính lễ bái, hào quang nơi thân vị ấy cũng tỏa ra, chiếu sáng rộng khắp, Ca-diếp cũng trông thấy, nên rạng ngày liền tới chỗ Đức Phật thưa hỏi:

–Thưa Đại Sa-môn! Đêm qua vì sao có ánh hào quang từ phương trên chiếu lại, tỏa sáng rộng khắp như vậy?

Đức Thế Tôn trả lời:

–Đêm hôm rồi, hào quang ở phương trên hiện ra là do Thiên vương Đế Thích đến đảnh lễ ta, hào quang nơi thân vị ấy tỏa sáng rộng khắp như thế.

Ca-diếp suy nghĩ: "Danh hiệu của vị trời ấy ta tuy nghe nhưng chưa được gặp, huống gì là vị đó lại đến đảnh lễ Đại Sa-môn này, thật việc rất hy hữu khó có." Do đó Ca-diếp phát khởi tâm tin thanh tịnh và nghĩ: "Tâm xuất gia của ta lẽ nào không được như vậy?"

Vào đêm thứ sáu, Tứ đại Thiên vương ở bốn phương và Thiên chủ Đế Thích ở phương trên, cùng nhau đến lễ bái Đức Phật. Hào quang của Tứ đại Thiên vương hợp lại tỏa sáng, chiếu rọi bốn phương, còn hào quang nơi thân Đế Thích chiếu sáng phương trên. Nhưng toàn bộ các thứ ánh sáng ấy đều bị ánh hào quang nơi Tam-muội của Đức Thế Tôn thâu phục. Đêm ấy, cũng trông thấy hào quang tỏa sáng, nên rạng sáng Ca-diếp đi đến chỗ Đức Phật, thưa hỏi:

–Thưa Đại Sa-môn! Đêm qua, vì sao hào quang nơi bốn phương và phương trên đều chiếu sáng?

Đức Thế Tôn đáp:

–Đêm qua, hào quang nơi bốn phương và phương trên cùng tỏa chiếu khắp là vì Tứ đại Thiên vương và Thiên chủ Đế Thích đồng đến lễ bái ta, hào quang nơi thân của các vị ấy cùng chiếu sáng rộng khắp như vậy.

Bấy giờ, Ca-diếp suy nghĩ: "Năm phương đều đến lễ bái Đại Sa-môn này, ta xem việc ấy thật là hy hữu." Do đó Ca-diếp phát khởi tâm tin thanh

tịnh và nghĩ: "Tâm xuất gia của ta lẽ nào không được như vậy?"

Đức Thế Tôn lại bảo Ca-diếp:

–Nay vì ta, ông đến rừng Am-ma-lặc nhặt trái cây nơi ấy đem về.

Ca-diếp vì tâm thán phục thần thông của Đức Phật, nên vâng lời đến nhặt trái cây đem về dâng cho Phật.

Đức Thế Tôn lại bảo:

–Và ông cũng vào rừng Ha-lê-lặc hái vị thuốc nơi đó đem về.

Theo lời chỉ dạy, Ca-diếp cũng đi hái vị thuốc ấy đem về dâng cho Phật.

Đức Thế Tôn lại bảo:

–Ông đi đến chỗ cây Thiệm bộ hái trái, chọn những thứ trái vừa ý hái đem về.

Cũng theo lời chỉ dạy, Ca-diếp đi hái trái cây đem về dâng cho Phật.

Đức Thế Tôn lại bảo tiếp:

–Ông hãy đến châu Bắc Câu-lô lấy cơm đem về đây.

Như lời Đức Phật chỉ dạy, Ca-diếp đi tới nơi kia lấy cơm đem về dâng cho Phật.

Đức Thế Tôn lại bảo:

–Ông đến cõi trời Tam thập tam lấy hoa Mạn-đà-la nơi ấy đem về.

Ca-diếp vâng lời, đi lấy hoa đem về dâng cho Phật.

Bấy giờ, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp biết Đức Thế Tôn có nhiều thần thông như vậy, chuyển hướng phát khởi tâm tin thanh tịnh tối thượng. Đức Thế Tôn biết Ca-diếp suy nghĩ như vậy, nên đến trước mặt, dùng thần lực bay vào hư không, biến ra các thân tướng khác nhau, hiện bày ba oai nghi:

1. Oai nghi đứng.

2. Oai nghi đi.

3. Oai nghi kiết già.

Đức Thế Tôn hiện ra các tướng oai nghi như vậy, chỉ trong chớp mắt, như dòng nước chảy xiết, các tướng cũng hiện ra cũng như thế. Lại ở trong hư không hóa hiện các thứ báu như: đền đài, lầu gác, lại hiện ra sắc tướng vàng ròng. Đức Thế Tôn thị hiện các thứ thần thông xong, rồi thâu hồi thần lực trở về như cũ.

Thường năm, Ca-diếp chọn một ngày làm lễ hội tế trời trong trú xứ của mình, tại thành Vương xá. Vua Tần-bà-sa-la của nước Ma-già-đà và tất cả dân chúng khắp nơi đều đến dự lễ hội. Ca-diếp biết đã đến lúc bày

biện, tổ chức hội, nên trở về trú xứ và suy nghĩ: "Ta thường tổ chức lễ hội tế trời hằng năm, nay là đúng lúc, vua và dân chúng đều tề tựu đông đủ. Đại Sa-môn kia thân tướng diện mạo đẹp đẽ, xa lìa mọi thứ phiền trược, không sinh sân hận, luôn có lời hay ý đẹp, ai thấy Ngài cũng đều được hoan hỷ. Đó là Bậc Thiện Nhân tối thượng, nếu như ông ấy đến chỗ ta, trong lúc ta đang hành lễ tế trời thì phải làm sao?"

Khi ấy, Đức Thế Tôn biết được tâm niệm của Ca-diếp, liền dùng thần lực hiện đến châu Bắc Câu-lô, như thường lệ đi khất thực, rồi trở về bên núi Tuyết an tọa thọ thực, xong thì vào am cỏ nghỉ một đêm. Lúc này, Ca-diếp làm phép tế trời rồi, lễ hội cũng hoàn mãn, Ca-diếp ăn uống no nê nhưng thức ăn vẫn còn quá nhiều, thấy thế bèn nghĩ: "Trong lúc này, nếu Đại Sa-môn kia đến đây, ta sẽ dâng cúng thức ăn." Đức Thế Tôn biết được ý nghĩ ấy, nên từ hư không hiện ra ngay trước mặt Ca-diếp. Ông ta thấy vậy thưa:

Đại Sa-môn đã đến! Hôm qua, tôi bày biện lễ hội tế trời, Ngài ở đâu sao không đến?

Thế Tôn đáp:

–Ta biết được ý nghĩ của ông nên không đến.

Và Thế Tôn nói lại những ý nghĩ của Ca-diếp. Ca-diếp lại hỏi:

–Hôm nay vì sao Đại Sa-môn lại đến?

Thế Tôn đáp:

–Ta cũng biết được ý niệm của ông muốn cúng dường thức ăn, nên ta mới đến.

Lúc ấy, Ca-diếp suy nghĩ: "Thật là hy hữu, khó được. Đại Sa-môn này biết được tâm ý của ta, chắc là như ta, cũng đạt được A-la-hán."

Đức Thế Tôn biết suy nghĩ của Ca-diếp nên nói:

–Này Ca-diếp! Ông chẳng phải là A-la-hán và không biết pháp của A-la-hán.

Ca-diếp nghe rồi lại suy nghĩ: "Đại Sa-môn này biết tất cả tâm, ý, suy xét của ta, thật là hy hữu, hy hữu!" Suy nghĩ rồi, đầu mặt đảnh lễ dưới chân Phật và bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con nay xin quy y Phật, xuất gia thọ giới Cụ túc. Nguyện xin Thế Tôn Từ bi nhận cho.

Đức Phật bảo:

–Này Ca-diếp! Nay ông không nên theo Phật xuất gia. Vì sao? Là vì quốc vương nước Ma-già-đà cùng dân chúng đều cung kính cúng dường

ông. Ông là bậc Thiện nhân đứng đầu trong những người trí thức thân thuộc ở vùng này. Nay phải tự suy xét và suy nghĩ lại.

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

–Xin Đức Thế Tôn đừng nói vậy! Xin Đức Thế Tôn đừng nói vậy! Con ở chỗ Đức Thế Tôn tâm quá vui mừng, được sự an lạc không cùng thì cần gì phải suy xét nữa. Nay con quyết định quy y Phật, xuất gia. Vì sao? Thưa Thế Tôn! Vì con đã xuất gia rồi, nên đối với các Sa-môn, Bà-la-môn trong chúng ngoại đạo sẽ hàng phục tất cả những kẻ lỗi lầm, phỉ báng, làm người lãnh đạo tông phái, tuần tự kinh hành nơi đại thành Vương xá để hiện rõ con là bậc trưởng thượng Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp nay đã được giải thoát ngay trong pháp thanh tịnh của Đức Thế Tôn. Vì vậy, con nay quyết định quy y Phật, xuất gia. Xin Đức Thế Tôn thương xót tiếp độ.

Đức Phật bảo:

–Này Ca-diếp! Ông đã quyết định quy y theo Phật xuất gia, việc này rất tốt. Vậy nay ông hãy về trụ xứ cùng với các đệ tử bàn luận.

Lúc này, Ca-diếp vâng lời chỉ dạy của Đức Phật, trở về cùng các đệ tử nghị bàn. Ca-diếp nói:

–Các ông nên biết! Đức Phật là Đại Sa-môn, đầy đủ thần thông, có oai lực lớn, bất kỳ ai được gặp Ngài đều hoan hỷ. Ta đối với Đức Phật phát sinh tâm tin thanh tịnh tột bậc, nên nay quyết định quy y Phật, xuất gia.

Các đệ tử nói:

–Thưa Thánh giả! Thánh giả là bậc thầy của chúng con mà còn phát tâm dũng mãnh như vậy, lẽ nào mọi người chúng con không xuất gia sao? Thế thì hôm nay chúng con cũng xin quy y Phật, xuất gia.

❑

KINH SƠ PHẦN THUYẾT

QUYỂN HẠ

Bấy giờ, Ca-diếp cùng năm trăm đệ tử đến chỗ Đức Phật, bày áo vai phải, gối phải quỳ chấm đất, chắp tay đảnh lễ, thưa:

–Thưa Thế Tôn! Chúng con muốn theo Phật xuất gia, vâng giữ giới luật, xin Thế Tôn nhận cho.

Phật bảo:

–Hãy đến đây! Nay ông được ở trong giáo pháp của ta, phải tu hành, thọ trì phạm hạnh.

Ngay lúc ấy, râu tóc của Ca-diếp tự rụng, mình mặc ca-sa, tay bưng bình bát, trở thành tướng Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp lấy tóc của mình dâng lên Đức Thế Tôn và thưa:

–Thưa Thế Tôn! Đây là tóc của con, con xin dùng nó để lau chân Thế Tôn. Xin Thế Tôn Từ bi nhận sự cúng dường của con.

Thế là Ca-diếp và các đệ tử của ông, tất cả đã được xuất gia. Ca-diếp lại lấy những dụng cụ trước kia dùng cho việc thờ lửa như cỏ sạch, da trâu, da hổ, vỏ cây, trái cây, ba cây gậy, bình nước sạch và cái vò Kha-ly-ca…. đem ném xuống dòng sông Nê-liên.

Khi đó, Na-đề Ca-diếp ở bên bờ nơi hạ lưu dòng sông Nê-liên với ba trăm đệ tử, thấy dụng cụ thờ lửa bị ném trôi xuống chỗ mình. Na-đề Ca-diếp suy nghĩ: "Sư huynh của ta là Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, chẳng lẽ bị kẻ nào đó hay phi nhân ám hại rồi sao? Nếu không như vậy thì cớ gì những đồ vật kia bị vứt bỏ?" Nghĩ rồi, liền cùng với các đệ tử đi đến trụ xứ của anh mình. Tới nơi, Na-đề Ca-diếp thấy anh mình cùng năm trăm đệ tử, tất cả theo Đức Phật đều là Tỳ-kheo, tu trì phạm hạnh.

Na-đề Ca-diếp hỏi:

–Thưa sư huynh! Đức vua và dân chúng ở nước Ma-già-đà đều tôn trọng cung kính cúng dường anh, nay vì sao anh lại theo Đức Thế Tôn, xuất gia làm Đại Sa-môn, tu hành phạm hạnh? Em thấy việc này thật là hy hữu.

Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp nói:

–Đức Thế Tôn có oai lực lớn, đầy đủ mọi thần thông, có thể biến hóa nhiều phép khác lạ, anh thấy vậy, mới phát sinh tâm tin thanh tịnh, xuất gia tu đạo theo Phật. Nay em cũng nên phát tâm tin tưởng thanh tịnh, quy y Phật, xuất gia.

Na-đề Ca-diếp nghe anh mình nói vậy, liền phát tâm xuất gia. Ông và các đệ tử đều đến trước mặt Đức Phật, sửa lại áo bày vai phải, gối phải quỳ xuống, chắp tay đảnh lễ, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con xin quy y Phật, xuất gia, phụng trì giới luật. Cúi xin Thế Tôn tiếp nhận.

Đức Phật nói:

–Hãy đến đây! Ông được vào trong giáo pháp của ta, tu hành phạm hạnh.

Ngay lúc ấy, râu tóc của Na-đề Ca-diếp tự rụng, mình khoác ca-sa, tay bưng bình bát trở thành Tỳ-kheo và các đệ tử của ông ta cũng xuất gia. Sau đó, Na-đề Ca-diếp cũng đem các dụng cụ thờ lửa của mình ném xuống dòng sông Nê-liên.

Bấy giờ, Già-da Ca-diếp cùng hai trăm đệ tử cũng ở bên bờ sông Nê-liên vùng hạ lưu, nhìn thấy những thứ thờ lửa bị ném bỏ trôi xuống chỗ của mình, bèn suy nghĩ: "Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp và Na-đề Ca-diếp là hai sư huynh của ta, chẳng lẽ bị người nào hay phi nhân ám hại rồi sao? Nếu không như vậy thì vì cớ gì những đồ thờ lửa bị ném bỏ?" Suy nghĩ rồi, bèn cùng với các đệ tử tuần tự đi ngược lên, tới chỗ của hai anh mình để hỏi lý do. Đến nơi, Già-da Ca-diếp thấy hai anh cùng các đệ tử đều theo Đức Phật, tất cả đều là Tỳ-kheo tu hành phạm hạnh. Già-da Ca-diếp mới hỏi:

–Thưa anh Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp! Vua và dân chúng nước Ma-già-đà đều tôn trọng cung kính cúng dường anh, nay do nhận thấy như thế nào mà anh theo Đại Sa-môn này tu hành phạm hạnh? Em xem việc ấy thật là hiếm có.

Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp đáp:

–Đức Thế Tôn có đầy đủ thần thông, oai lực lớn, có khả năng biến hóa nhiều phép kỳ diệu, anh thấy vậy mới phát sinh tâm tin thanh tịnh, xuất gia tu đạo trong pháp Phật. Nay em cũng nên phát tín tâm thanh tịnh, xuất gia quy y Phật.

Già-da Ca-diếp nghe anh mình nói, liền phát tâm xuất gia, cùng các đệ tử đến trước Đức Phật, bày áo vai phải, gối phải quỳ xuống đất, chắp

tay đảnh lễ, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con nay xin quy y Phật, xuất gia, phụng trì giới luật. Cúi xin Thế Tôn tiếp nhận.

Đức Phật nói:

–Hãy đến đây! Ông nay đã vào trong giáo pháp của ta, nên dốc tu hành phạm hạnh.

Ngay lúc ấy, Già-da Ca-diếp râu tóc tự rụng, mình khoác ca-sa, tay bưng bình bát, trở thành tướng Tỳ-kheo, các vị đệ tử của Già-da Ca-diếp cũng xuất gia. Sau đó, Già-da Ca-diếp cũng đem những dụng cụ thờ lửa ném tất cả xuống dòng sông Nê-liên.

Như vậy là ba anh em Ca-diếp và các đệ tử của họ đều xuất gia. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp ở trong chúng đệ tử của mình, bảo một trong số họ:

–Ông hãy đến chỗ vua Tần-bà-sa-la nói lại lời ta với đức vua: "Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp xin thưa lại với đức vua: Nay ta và các đệ tử đều đã theo Đức Phật xuất gia tu đạo. Trước kia, ta có nhận lời nhà vua thọ những thứ cúng dường, nay xin hoàn lại, mong nhà vua đừng cúng dường nữa."

Người đệ tử vâng lời, đến ngay cung vua thưa lại như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đã giáo hóa ba anh em Ca-diếp cùng chúng đệ tử làm Tỳ-kheo. Sau đó, Thế Tôn đến núi Tượng Đầu an nghỉ, rồi suy nghĩ: "Anh em Ca-diếp và các đệ tử của họ, tuy trước kia là những trưởng lão kỳ cựu, tin tưởng giáo pháp thuộc phái thờ lửa tế trời, nhưng không biết các pháp là vô thường v.v… Nay ta vì họ mà giảng nói pháp." Suy nghĩ rồi, liền bay bổng lên hư không, hiện ra ngọn lửa lớn, hào quang tỏa sáng rực rỡ. Hiện xong rồi trở về chỗ ngồi và dạy các Tỳ-kheo:

–Các ông nên biết! Nhãn căn là vô thường, cảnh của sắc là vô thường. Nhãn thức là vô thường. Nhãn xúc là vô thường. Nhãn xúc làm duyên sinh ra các thọ cũng đều là vô thường. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý căn là vô thường. Cảnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp đều vô thường. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức là vô thường. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, xúc là vô thường. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra các thọ cũng đều là vô thường.

Này các Tỳ-kheo! Lửa tham vô thường, lửa sân vô thường, lửa si vô thường; sinh lão bệnh tử, ưu bi, khổ não thảy đều là vô thường.

Này các Tỳ-kheo! Các ông nên biết các pháp như thế đều là vô thường.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Các ông nên biết, nhãn căn không thọ,

cảnh của sắc không thọ, nhãn thức không thọ, nhãn xúc không thọ, nhãn xúc làm duyên sinh ra các thọ, thảy đều không thọ. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý căn không thọ. Cảnh của thanh, hương, vị, xúc, pháp không thọ. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức không thọ. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc không thọ. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra các thọ, tất cả đều không thọ.

Này các Tỳ-kheo! Do như thế nên tất cả các pháp đều không thọ. Vì không thọ tức là xa lìa trần cấu, được giải thoát. Sự sinh của ta đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau.

Khi Phật thuyết giảng pháp này, trong chúng hội có sáu mươi Tỳ-kheo không còn thọ các pháp, tâm được giải thoát, các Tỳ-kheo khác đều hiểu được giáo pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thuyết pháp xong, cùng chúng Tỳ-kheo đến núi Trượng lâm, an trú ở đó. Đức Thế Tôn lại vì các Tỳ-kheo hiện ra ba thứ thần thông, đó là: thần cảnh thông, thuyết pháp thông, giáo giới thông, đem những thần thông như vậy để chỉ bày sự lợi lạc, an vui.

Đức Phật nói:

–Này các Tỳ-kheo! Các ông phải nên tác ý như vậy, quán sát như vậy, nhận biết rõ như vậy, phải làm như vậy, tức sẽ đạt được lợi lạc.

Khi ấy, nơi ba thứ thần thông, các vị Tỳ-kheo đều thấy rõ lợi ích và hoan hỷ, trong chúng hội có vị tâm được giải thoát nên nói kệ:

Núi Tượng đầu và núi Trượng lâm
Thế Tôn thuyết pháp hiện thần thông
Thâu phục ngoại đạo về chánh đạo
Khiến người tâm tà được giải thoát.

Đức Thế Tôn bảo chúng Tỳ-kheo:

–Ta muốn vào đại thành Vương xá.

Bấy giờ, vua Tần-bà-sa-la vừa nghe có Đức Như Lai Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn mười tôn hiệu gồm đủ, dùng trí lực của mình chứng đắc Chánh giác, xuất hiện ở thế gian, giữa các chúng Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết giảng các pháp phần đầu, giữa, sau đều thiện, văn nghĩa sâu xa, thuần nhất không xen tạp, với tướng phạm hạnh viên mãn trong lành. Chúng hội của Phật lúc này có Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Nan-đề Ca-diếp, Già-da Ca-diếp và tất cả đệ tử đều quy y Phật, xuất gia, tu hành phạm hạnh. Hôm nay, nghe Đức Thế Tôn cùng đại chúng vào thành Vương xá, nhà vua liền ra lệnh sửa sang quét dọn đường sá, ngõ hẻm, vỉa hè trong và ngoài thành tất cả cho

sạch đẹp, xông đốt những thứ hương thơm, rải các hoa tươi, treo kết anh lạc, châu ngọc, dựng cờ lọng khắp nơi, mọi chốn đều trang nghiêm như vậy. Trong thành, tất cả dân chúng nghe tin đều hết lòng vui mừng.

Khi ấy, vua Tần-bà-sa-la mặc y phục mới, mang giày đẹp, chỉnh đốn bốn loại binh mã cùng vô số quyến thuộc, tùy tùng trước sau ra khỏi kinh thành nghinh đón Đức Thế Tôn. Ra khỏi thành một đoạn khá xa, nhà vua và quyến thuộc liền xuống xe, đi bộ, thấy Đức Phật từ xa đi đến, nhà vua và quyến thuộc kính cẩn nghinh đón Đức Phật vào thành. Khi Đức Phật đã vào thành, dân chúng trong thành đồng thanh nói kệ:

Thế Tôn vào thành Vương xá này
Sư tử xuất hiện tướng quang minh
Trưởng lão giải thoát, chúng thanh tịnh
Cùng nhau cung kính đi theo Phật.

Khi ấy, vua Tần-bà-sa-la đưa Đức Thế Tôn vào vườn Trúc Ca-lân-đà, đến nơi, Thế Tôn xem xét khắp chốn. Nhà vua cho người trải tòa, thỉnh Đức Phật và đại chúng an tọa. Đức Thế Tôn ngồi ở trước chúng Tỳ-kheo ngồi sau lưng. Lúc này, nhà vua cùng đám quyến thuộc, có người lễ bái nơi chân Đức Phật, có người chắp tay đảnh lễ, có người phát tâm hoan hỷ, có người tùy tâm hoan hỷ liền được an lạc. Sau khi biểu lộ sự cung kính, mọi người đều ngồi sang một bên. Nhà vua đứng dậy, bày áo vai phải, tay phải bưng bình bằng vàng rót ra nước thơm quý rửa tay cho Thế Tôn, sau đó bạch:

–Nay con xin dâng khu vườn này lên Đức Thế Tôn và tứ phương Tăng để ở và sử dụng. Đây là khu vườn rừng đầu tiên con xin cúng dường Phật và chúng Tăng. Xin Thế Tôn hoan hỷ nhận cho.

Sau khi được Phật chấp nhận, nhà vua đảnh lễ nơi chân Phật rồi đến phía trước Tôn giả Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, hoan hỷ chắp tay thưa:

–Thưa Tôn giả Ca-diếp! Trong nước Ma-già-đà này, tất cả dân chúng đều tôn kính Tôn giả, ngay cả con cũng quý trọng cúng dường Tôn giả. Bấy giờ do nhận thấy gì mà Tôn giả quy y, xuất gia với Đức Phật, tu hành phạm hạnh?

Tôn giả Ca-diếp đáp:

–Đại vương nên biết! Đức Thế Tôn có oai lực lớn, đầy đủ thần thông, có thể biến hóa nhiều phép mầu nhiệm, do nhân duyên này nên tôi phát khởi tín tâm thanh tịnh, quy y Phật xuất gia.

Khi ấy, trong chúng hội có người sinh lòng nghi ngờ và suy nghĩ: "Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp này, nay theo bên Đại Sa-môn, tu hành phạm

hạnh, là muốn cầu điều gì mà phát tâm quy y? Được Đức Phật thâu nhận, chắc đã thấy được tướng gì nên mới như thế.”

Lại có người nói:

–Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp này, nay theo Đại Sa-môn tu hành phạm hạnh, nên không còn được vua Tần-bà-sa-la cung kính cúng dường nữa.

Biết trong chúng hội có người nghi ngờ như vậy, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp:

–Này Ca-diếp! Nay đã đúng thời, ông cần thị hiện thần thông.

Tôn giả Ca-diếp vâng lời Đức Phật, tùy theo chỗ ứng hợp liền nhập vào Tam-ma-địa, giống như thiên nga bay bổng lên không trung, dùng sức thần thông khiến trên thân hiện ra lửa, dưới thân phun nước, dưới thân lại phát lửa, trên thân phun nước, bên phải lửa cháy, bên trái phun nước, lại hiện tướng đi, đứng, nằm, ngồi khắp bốn phương.

Hiện thần thông xong, Tôn giả Ca-diếp từ hư không hạ xuống, đến trước Đức Phật, lộ bày vai phải, gối phải quỳ chấm đất, chắp tay đảnh lễ cung kính, thưa:

–Đức Phật là thầy của con, con là đệ tử Thanh văn, chỗ con biết hay không biết, Đức Phật đều biết hết. Sự hiểu biết của Đức Phật là tối thượng.

Đức Phật nói:

–Này Ca-diếp! Trước kia ông hành pháp thờ lửa, đã thấy được sự việc gì? Hành trì như vậy ông có được tịch tĩnh hay bị cấu nhiễm? Tu tập của ông đều không được giải thoát. Nay ta hỏi nghĩa này ông theo đó mà giải đáp.

Ca-diếp bạch Phật:

–Con là người vô trí, trước kia hầu như không biết gì. Đức Thế Tôn là bậc đại long, đã khéo cứu độ con, nay lại khiến cho con được nghe pháp vô thượng. Bạch Thế Tôn! Trước kia, con dùng thức ăn, nước uống bày biện cúng bái, đốt lửa tế trời, thật không phải giải thoát. Mà chuyện cúng tế, ăn uống dù có đủ các món ngon vật lạ, cuối cùng cũng không xa lìa ba dục. hôm nay nhờ Đức Phật mở bày dẫn dắt con mới thấy được như vậy.

Đức Phật bảo:

–Này Ca-diếp! Những pháp lễ tế lửa như ông đã làm ở cõi trời, người nơi thế gian đều không được ưa thích.

Ca-diếp bạch với Phật:

–Con nay ở trong chánh pháp của Phật, thấy được pháp tối thượng, an trú trong ý niệm tịch tĩnh, chắc chắn không còn rơi vào dục hữu, không

còn tu tập trong giáo pháp khác nên sẽ dứt bỏ pháp lễ tế lửa.

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đề Ca-diếp thưa với Tôn giả Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp:

–Thế Tôn là người chứng pháp Niết-bàn, xa lìa lỗi lầm của dục nhiễm, thanh tịnh tối thượng, giảng nói pháp xuất thế, ban bố lợi ích rộng lớn. Anh cũng có thể khéo nói điều ấy.

Bấy giờ, Tôn giả Già-da Ca-diếp nói kệ cho vua Tần-bà-sa-la:

Lành thay, đại vương! Nghe tôi nói:
Xưa tôi ở tại núi Già-da
Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác ra đời
Nói pháp Niết-bàn tôi được lợi.
Phật - Bậc Tối Thắng, như voi chúa
Vô Thượng, Điều Ngự, Tối Thượng Tôn
Không sợ, khéo độ khắp chúng sinh
Tâm an trú Tam-muội tịch tĩnh.
Xưa kia tâm tôi luôn cấu nhiễm
Khởi nhiều tà kiến không giải thoát
Nay Phật phá tâm tà kiến đó
Tất cả trói buộc đều tiêu trừ.

Khi ấy, trong chúng hội không còn tâm nghi ngờ, mới biết Tôn giả Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp và tất cả đệ tử đều quy y Phật, xuất gia tu hành phạm hạnh, quả là điều hy hữu. Đức Thế Tôn biết chúng hội hết nghi ngờ, nên Ngài thuyết giảng pháp yếu cho vua Tần-bà-sa-la như cách thức thuyết pháp của chư Phật thời trước. Đức Thế Tôn thuyết giảng về thí, về giới, về sinh Thiên, nêu rõ dục là cấu nhiễm sinh ra các lỗi lầm, nếu người không sinh tâm tham ái thì lìa chướng ngại.

Nhà vua và quyến thuộc nghe được pháp rồi, tất cả đều phát khởi tâm tin thanh tịnh, quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, thọ nhận học giới, nhờ nơi Đức Thế Tôn mà được tâm an lạc, tâm nhu hòa, tâm tối thượng, tâm lìa chướng ngại, tâm không vướng mắc, tâm thuận thiện. Thế Tôn biết nhà vua và đại chúng đã được tâm mở ý thông, nên dùng vô số phương tiện giảng nói về bốn Thánh đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Nhà vua và đại chúng ngay tại chỗ ngồi, hiểu biết về giáo lý bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Thấy pháp, biết pháp, đạt được pháp thanh tịnh, pháp bình đẳng, pháp kiên cố, pháp an trú, pháp không nhiễm, pháp không hoại, pháp không bị đọa, giống như áo màu trắng dễ nhuộm được màu sắc, nhà vua và quyến thuộc đạt được lợi ích cũng lại như vậy.

Nhà vua và quyến thuộc nhờ Đức Phật thuyết giảng pháp yếu, khai thị đạt dược an vui lợi ích, tất cả đều đứng dậy đảnh lễ sát chân Phật xin cáo lui. Lúc này, có các vị thần giữ hư không, thần giữ hạt giống, thần giữ quốc độ, thần giữ sự nghiệp, thần giữ cỏ, thần giữ cây, thần giữ súc vật, thần giữ rừng, thần giữ đường sá, tất cả chư thần đồng thanh nói:

–Thế Tôn có oai lực lớn, đầy đủ thần thông, có thể tạo ra vô số sự việc biến hóa. Rồi nói kệ:

Hôm nay, vua Tần-bà-sa-la
Cùng các quyến thuộc quy y Phật
Trong rừng Trúc nghe pháp được lợi
Chúng con cũng xin quy y Phật.

Rồi vua Tần-bà-sa-la cùng quyến thuộc nhiễu quanh bên phải Đức Thế Tôn và ra khỏi chúng hội.

Bấy giờ, trong thành Vương xá có một ngoại đạo tên là San-xà-dạ cùng các đệ tử cư trú ở đấy. Sau khi San-xà-dạ mất, hai đệ tử của ông ta tên là Xá-lợi Tử và Đại Mục-kiền-liên đều rời bỏ chúng hội của họ và nói với nhau: "Hai chúng ta, nếu ai chứng ngộ điều gì thì nói cho nhau biết."

Sau đó, có lần Tôn giả Ô-ba-tây-na đắp y, ôm bát đi vào thành Vương xá lần lượt khất thực, Xá-lợi Tử trông thấy Tôn giả kia, thân tướng đoan nghiêm, oai nghi tịch tĩnh, liền suy nghĩ: "Tôn giả kia đi đứng khoan thai, thật là hy hữu." Liền đến trước mặt thưa hỏi:

–Thưa Tôn giả! Thầy của Tôn giả là ai, lại giảng nói pháp gì?

Tôn giả Ô-ba-tây-na đáp:

–Thầy tôi là Đại Sa-môn, ở trong đại chúng luôn quyết định thuyết giảng pháp môn uy lực không hề khuất phục, hết sức rộng lớn.

Tôn giả Xá-lợi Tử nói:

–Nay Tôn giả có thể đem pháp môn đó, dù ít hay nhiều nói cho tôi nghe.

Tôn giả Ô-ba-tây-na nói:

–Thầy tôi dạy: "Các pháp do duyên sinh." Pháp duyên sinh là sao? Nghĩa là: Các pháp do nhân duyên sinh và cũng theo nhân duyên mà diệt. Rồi nói kệ:

Như pháp nhân duyên sinh
Pháp cũng nhân duyên diệt
Nhân duyên sinh diệt ấy
Phật, Đại Sa-môn nói.

Xá-lợi Tử nghe xong, liền xa lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn thanh tịnh và nói kệ:

Duyên sinh như vậy, pháp vi diệu
Tôn giả khéo khai thị cho tôi
Qua vô lượng kiếp không nghe thấy
Nay tôi thấy nghe được giác ngộ.

Nói kệ rồi lại hỏi:

–Thưa Tôn giả! Hiện nay Đức Thế Tôn của Tôn giả ở đâu?

Tôn giả Ô-ba-tây-na đáp:

–Đức Thế Tôn đang ở tinh xá Trúc lâm, vườn Ca-lan-đà.

Tôn giả Xá-lợi Tử lại hỏi:

–Bây giờ, tôi muốn đến ngay chỗ của Đức Thế Tôn được không?

Tôn giả Ô-ba-tây-na đáp:

–Tùy ý Nhân giả.

Khi ấy, Xá-lợi Tử lại nghĩ đến "lời ước hẹn với Đại Mục-kiền-liên, nên trở về để báo cho biết." Mục-kiền-liên trông thấy Xá-lợi Tử trở về với oai nghi thù thắng, khác hẳn, liền biết Xá-lợi Tử đã chứng pháp, bèn hỏi:

–Người đã có chỗ chứng đắc phải không?

Xá-lợi Tử đáp:

–Pháp duyên sinh do Đức Thế Tôn giảng nói, Tôn giả Ô-ba-tây-na lược nêu cho tôi nghe và tôi đã chứng ngộ. Đây là bài kệ của vị ấy nói:

Như pháp nhân duyên sinh
Pháp cũng nhân duyên diệt
Nhân duyên sinh diệt ấy
Phật, Đại Sa-môn nói.

Nghe pháp xong, Đại Mục-kiền-liên liền xa lìa trần cấu, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Phật giảng nói kinh này xong, ba anh em Ca-diếp, các đại Thanh văn và tất cả chúng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà ở thế gian nghe lời Phật giảng nói đều hoan hỷ tín thọ.

❑

SỐ 499

KINH A-CHI-LA CA-DIẾP TỰ HÓA TÁC KHỔ

Hán dịch: Khuyết danh.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật trú tại núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương xá.

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Đức Thế Tôn đắp y, ôm bát ra khỏi núi Kỳ-xà-quật, vào thành Vương xá khất thực. Khi ấy A-chi-la Ca-diếp do có chút việc nên ra khỏi kinh thành, hướng về núi Kỳ-xà-quật, trông thấy Đức Thế Tôn, liền đến chỗ Đức Phật bạch:

–Bạch Cù-đàm! Tôi có điều muốn hỏi, Ngài có rảnh rỗi giải đáp không?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Nay không phải lúc để bàn luận. Ta đang vào thành Vương xá khất thực, khi trở về sẽ nói chuyện với ông.

Đến lần thứ hai, Đức Phật cũng nói như vậy, Ca-diếp lại thưa hỏi lần thứ ba:

–Bạch Cù-đàm! Tại sao gây trở ngại cho tôi? Cù-đàm làm sao lạ thế? Tôi có điều muốn hỏi, hãy giải đáp cho tôi.

Phật bảo A-chi-la Ca-diếp:

–Được rồi, ông cứ hỏi đi.

A-chi-la Ca-diếp bạch Phật:

–Thưa Cù-đàm! Khổ có phải do mình gây ra không?

Phật bảo Ca-diếp:

–Khổ do tự mình làm, điều này ta không chấp nhận.

Ca-diếp lại hỏi:

–Thưa Cù-đàm! Khổ do người khác gây ra phải không?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Khổ do người khác làm, điều này ta cũng không chấp nhận.

Ca-diếp lại hỏi:

–Khổ do tự mình và người khác làm phải không?

Phật đáp:

–Khổ do tự mình làm và người khác làm, điều này ta cũng không chấp nhận.

Ca-diếp lại hỏi:

–Thưa Cù-đàm! Khổ chẳng phải do mình làm, chẳng phải do người khác làm, không có nguyên nhân tạo ra phải không?

Phật đáp:

–Khổ chẳng phải tự mình làm, chẳng phải người khác làm, không có nguyên nhân tạo ra, điều này ta cũng không chấp nhận.

Ca-diếp hỏi:

–Thưa Cù-đàm! Tôi hỏi khổ do tự mình làm phải chăng, Ngài đáp không phải. Tôi hỏi khổ do người khác làm phải không; cả mình và người khác làm phải không; không phải mình, không phải người khác, không có nguyên nhân làm ra phải không, Ngài cũng đáp là không phải. Vậy không có cái khổ phải không?

Phật bảo Ca-diếp:

–Chẳng phải không có cái khổ, mà thật sự là có cái khổ này.

Ca-diếp bạch Phật:

–Lành thay! Thưa Cù-đàm! Ngài nói có cái khổ này. Xin giảng nói pháp đó cho tôi, khiến tôi biết khổ, thấy khổ.

Phật bảo Ca-diếp:

–Nếu thọ tức chính mình thọ nhận thì ý nên nói khổ do tự mình làm ra. Nếu người khác thọ thì người khác là người thọ nhận. Đó là do người khác tạo tác, hoặc thọ nhận cái chính mình thọ, hoặc thọ nhận cái người khác thọ, lại đưa đến cái khổ ấy, do tự mình làm hay người khác làm, cái khổ như vậy, ta cũng không đồng ý. Nếu không do tự mình làm, không do người khác làm, hay không có nguyên nhân mà sinh khổ, ta cũng không đồng ý. Lìa các bên như thế nói trung đạo… Như Lai thuyết pháp: Cái này có nên cái kia có. Cái này khởi lên nên cái kia khởi lên. Nghĩa là duyên vô minh mà có hành cho đến thuần là một khối khổ được tích tập. Vô minh diệt thì hành diệt cho đến thuần là khối khổ lớn diệt.

Phật giảng nói kinh này xong, A-chi-la Ca-diếp liền xa lìa trần cấu, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ, A-chi-la Ca-diếp thấy pháp, đắc pháp, biết pháp, hội nhập pháp, không còn hồ nghi, không do người khác mà biết, chẳng do người

khác độ giúp, đối với chánh pháp, tâm được pháp không sợ hãi.

Ca-diếp chắp tay bạch Phật:

–Con đã được Phật hóa độ, từ hôm nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, suốt đời xin làm Ưu-bà-tắc, xin Phật chứng tri cho con.

A-chi-la Ca-diếp nghe Phật dạy xong, hoan hỷ làm lễ thoái lui.

A-chi-la Ca-diếp từ giã Phật đi chưa bao xa, thình lình bị trâu húc chết, lúc mạng chung các căn thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng.

Lúc Đức Thế Tôn vào thành khất thực, có nhiều Tỳ-kheo cũng vào thành Vương xá khất thực, nghe nói A-chi-la Ca-diếp được nghe pháp từ Đức Thế Tôn, sau khi từ giã Phật chẳng bao lâu bị trâu húc chết. Khi qua đời các căn thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng. Các Tỳ-kheo khất thực xong trở về, thọ thực xong thu dọn y bát, rửa chân, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, ngồi một bên, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sáng nay nhiều Tỳ-kheo vào thành khất thực, nghe chuyện A-chi-la Ca-diếp sau khi được nghe chánh pháp, chẳng bao lâu bị trâu húc, lúc từ trần các căn thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng. Bạch Thế Tôn! A-chi-la Ca-diếp sinh ở loài nào? Thọ sinh nơi đâu và có sở đắc gì?

Phật bảo cho các Tỳ-kheo:

–Ông ấy đã thấy pháp, biết pháp, vượt qua pháp, chẳng thọ các pháp, đã nhập Niết-bàn. Các Tỳ-kheo nên đến cúng dường thân A-chi-la Ca-diếp.

Khi ấy, Thế Tôn vì A-chi-la Ca-diếp thọ ký đầu tiên.

❑

SỐ 500

KINH LA-VÂN NHẪN NHỤC

Hán dịch: Đời Tây Tấn,
Sa-môn Pháp Cự.

Tôn giả A-nan nói:

Tôi theo Đức Phật được nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật trú tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thu Lộ Tử cùng La-vân, vào lúc rạng sáng mặc y, mang bát vào thành khất thực. Khi ấy, có kẻ xấu từ xa trông thấy hai vị liền nghĩ: "Đệ tử bậc nhất của Sa-môn Cù-đàm cùng La-vân đi xin ăn." Rồi khởi ý ác, lấy đất cát bỏ vào bát của Thu Lộ Tử, đánh lên đầu La-vân. Thu Lộ Tử thấy La-vân máu chảy đầy cả mặt, nên nói:

–Là đệ tử của Phật, cẩn thận chớ khởi tâm ác, nên đem tâm Từ thương xót chúng sinh. Đức Thế Tôn thường dạy: "Nhẫn là an vui nhất." Chỉ người trí tuệ mới có thể nghe được lời dạy của Đức Phật, trọn đời không phạm. Ta tự thâu giữ tâm, lấy nhẫn làm vật báu. Tâm phóng túng làm điều ác, giống như tự gieo mình vào lửa. Tự thị cao ngạo, người ngu cho là khỏe mạnh, bất kể tai họa sẽ trở lại hại mình. Cái họa của sự buông thả tâm, nặng hơn đầu đội núi Tu-di, khi hết tuổi thọ rồi sẽ chịu tội ác, trong mười sáu phần chưa giảm một phần. Người ngu hướng đến Sa-môn trì giới thanh tịnh gây điều ác, giống như cầm đuốc đi ngược gió, cuồng ngu không bỏ ắt tự thiêu đốt thân. Kẻ xấu ôm lòng ác độc, tự cho là trí tuệ, như Tỳ-kheo chấp vào bốn đạo Sa-môn. Là đệ tử của Phật thường nên điều phục tâm mình. Điều ác phát sinh liền diệt trừ ngay, trong các sức mạnh nó là hơn hết. Thiên thần, đế vương tuy gọi là nhiều lực, nhưng không bằng nhẫn chịu điều ác, sức mạnh đó không gì hơn.

La-vân thấy máu chảy xuống cùng mặt, đến lấy nước rửa mặt tự nói: "Ta đau đây chỉ trong giây lát, nhưng nghĩ người ác kia phải chịu khổ lâu dài, ở nơi cũng ác như thế. Ta không khởi tâm tức giận, mà thương họ, nên làm gì cho họ?" Đức Phật là bậc tôn quý của ta, dạy ta đại Từ. Đối với

người cuồng loạn, hung bạo, Sa-môn nên lặng thinh nhẫn chịu mới thành bậc cao đức. Đối với kẻ hung bạo thì người ngu kính sợ, còn đối với Sa-môn giữ nhẫn, người ngu lại khinh khi. Kẻ ác này ta không hề giận họ. Họ sẽ bị luân hồi vô tận, đâu chỉ có một đời mà thôi. Ta muốn đem kinh Phật chí chân để dạy bảo cho kẻ ngu tối, giống như đem kiếm bén cắt tử thi hôi thối, tử thi không biết đau, chẳng phải kiếm kia không bén mà do tử thi vô tri. Đem cam lồ của trời cho lợn kia ăn, lợn lại bỏ đi, chẳng phải cam lồ không ngon, mà do loài vật hôi hám mới không biết quý trọng. Đem lời chân chánh của Phật dạy bảo cho kẻ ngu si hung bạo ở đời cũng giống như vậy."

Thầy trò cùng trở về, thọ thực xong, rửa bát, rửa tay, súc miệng rồi đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật. Thu Lộ Tử lui ra ngồi xuống, đem đầy đủ đầu đuôi sự việc xảy ra trình bày với Đức Phật.

Đức Thế Tôn nói:

–Ai khởi lên tâm ác là biểu lộ sự suy kém của mình. Kẻ khinh bạc kia đến nửa đêm nay sẽ qua đời, đọa vào địa ngục Vô gián, quỷ ngục làm cho đau khổ không cùng, trải qua tám vạn bốn ngàn năm thọ mạng mới hết, thần hồn lại thọ thân mãng xà, ngậm nọc độc, chất độc trở lại hại thân mình, chết rồi trở lại như trước, tiếp tục thọ thân loài rắn, thường ăn đất cát, vạn năm mới hết. Do hướng ý sân giận đến người trì giới, nên nhận chịu thân độc hại, đem đất cát bỏ vào bát, nên đời đời ăn đất cát mà chết, hết tội mới thoát khỏi, được sinh làm người, khi mẹ mang thai, thường bị bệnh nặng, trong nhà ngày càng suy hao. Đứa bé sinh ra ngu độn, không có chân tay, cha mẹ kinh sợ, dòng họ cũng vậy. Nói: "Yêu quái gì đây? Sẽ là điềm chẳng lành", nên vứt ngay đi, liền đem đến bỏ ở ngả tư đường. Người qua lại ai thấy cũng kinh ngạc, hoặc lấy ngói đá ném, hoặc dùng dao gậy đánh lên đầu, giẫm đạp lên não, đau khổ cùng cực, trải qua mười tháng mới chết. Sau khi chết, thần hồn liền sinh trở lại cũng không tay chân, ngu độn như trước, trải qua năm trăm đời, tội nặng đó mới hết. Sau đó làm người, thường mắc bệnh đau đầu.

Đức Thế Tôn lại nói với Thu Lộ Tử:

–Người kia ở đời không những chịu vậy mà sinh đến đâu cũng không gặp Phật ở đời, lìa Pháp, xa Tăng, thường ở trong ba đường dữ, chết rồi liền sinh lại như cũ, kiếp số như trước. Nếu nhờ phước còn lại, sinh ra làm người thì bẩm tánh thường ngu, bạo ngược tùy ý, tâm vẫn ghét Thánh, hủy báng bậc chí tôn, là người xấu xa, ai cũng oán ghét, sinh ra bần cùng, chẳng được làm quan, cầu không toại nguyện, Thiên thần, Thánh hiền đều không

trợ giúp, đêm thường mộng ác, thấy toàn yêu quái, gieo họa khắp nơi, chẳng chỗ nào yên, tâm luôn sợ sệt. Nguyên do vì không chế phục tâm ác, nên khiến như vậy. Người nhẫn chịu được những hành vi ác, sinh ở nơi nào cũng được yên vui, các tai họa đều tiêu diệt, cầu điều gì cũng được như ý, dung mạo sáng, thân thể khỏe mạnh, ít bệnh, giàu sang phú quý đều do sự nhẫn nhục, Từ bi cứu giúp chúng sinh mà được. Nhẫn đó là phước, bản thân, cha mẹ được yên ổn, dòng họ hòa thuận, hưng thịnh, thường được vui vẻ. Người trí càng hiểu càng kính phục tinh thần ấy. Kẻ ác là người sai lầm, phá nhà hại thân, bị phép vua giết, chết đọa vào địa ngục bị thiêu nấu, hoặc làm ngạ quỷ, hoặc làm súc sinh, đều do lỗi của tâm.

Đức Thế Tôn lại nói:

–Thà lấy kiếm bén đâm vào bụng, lột da, gieo mình trong lửa, cẩn thận chớ che đậy điều ác. Thà đội núi Tu-di, hủy bỏ thân mạng, hoặc trầm mình xuống biển cả cho cá kình nuốt, nên cẩn thận chớ làm điều ác. Không biết nghĩa này, dè dặt chớ nói dối. Sự sáng tỏ của pháp Phật cùng thế tục trái nhau, cái thế tục tôn quý thì đạo coi rẻ, trong đục khác dòng, trí ngu khác hướng, trung nịnh nghịch nhau, tà thường kỵ chánh, nên người ham muốn chẳng muốn mình tu hạnh không ham muốn. Thà nuốt viên sắt nóng, chứ không phỉ báng Tam bảo.

Nhẫn là ánh sáng hơn cả nhật, nguyệt. Sức mạnh của Long tượng có thể gọi là rất mạnh nhưng so với nhẫn thì vạn vạn lần chẳng bằng một. Vẻ sáng ngời của bảy báu được người phàm tục quý trọng, nhưng rồi sẽ chuốc lấy ưu buồn, vì đưa đến tai nạn. Nhẫn là của báu khiến cho trọn đời an vui. Bố thí khắp mười phương, tuy có phước lớn nhưng phước đó không bằng nhẫn. Tâm sẵn nhẫn nhục, hành hạnh Từ bi, đời đời không oán, trong lòng thản nhiên, chẳng điều độc hại. Đời không có chỗ nương tựa, chỉ có nhẫn mới đáng cậy nhờ. Nhẫn là là ngôi nhà an ổn, chẳng sinh ra tai nạn, yêu quái. Nhẫn là giáp thần, đao binh không núng, nhẫn là thuyền lớn vượt qua hiểm nạn, nhẫn là thuốc hay cứu mạng chúng sinh. Chí của người nhẫn cầu gì chẳng được? Nếu ước nguyện làm Phi Hành hoàng đế (Chuyển luân thánh vương) cai trị bốn thiên hạ, Đế Thích nơi cõi trời thứ hai và lên cõi trời thứ sáu, thọ mạng vô cùng, thân thể sạch thơm thì điều ước nguyện đều tự nhiên liền được thành tựu, giống như đồ vật trong nhà lấy dùng. Bốn đạo Sa-môn thanh tịnh cầu thì có thể được, do sự hướng đến của mình. Nay ta thành Phật, được chư Thiên tôn kính, một mình bước ra ba cõi là nhờ sức nhẫn mà đạt được.

Phật bảo các Sa-môn:

–Các thầy nên tụng kinh Nhẫn chớ quên, khoảnh khắc nào cũng nhớ nghĩ, hiểu biết, đọc tụng, tuyên dương, truyền bá đức Nhẫn để cứu giúp chúng sinh.

Đức Phật giảng nói kinh này rồi, các Sa-môn đều rất vui mừng đảnh lễ lui ra.

❑

SỐ 501

KINH TỲ-KHEO SA-HẠT CÔNG ĐỨC

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Pháp Cự.

Nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật đang trú tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo và một vạn vị Bồ-tát.

Thuở ấy, nước Tu-da-việt có một người nghèo đi hớt tóc thuê cho trẻ em. Những người thuê hớt tóc đều giao kết đến khi lúa chín mỗi người sẽ trả một ang lúa. Sau đó chẳng bao lâu, trên đường đi, ông gặp người thuê hớt tóc trước đây, bèn theo người ấy về nhà đòi lúa để đổi rượu uống, rồi ông đi đòi hết nhưng không ai đem lúa trả. Lúc này, ông ta nổi giận nói: "Ta nguyện sau khi qua đời, sẽ làm con rồng thần to lớn, phá hoại hết nước này."

Sau khi qua đời, thần hồn ông bèn sinh làm rồng. Nước đó suốt một năm mưa gió trái mùa, lúa thóc hoa màu hư hoại. Đức Phật nghĩ đến dân chúng nước này đói kém, liền sai Tỳ-kheo Sa-hạt tới đó để giáo hóa.

Rồng thấy Tỳ-kheo đến liền khởi ý ác, muốn làm hư hoại nước này và giết Tỳ-kheo Sa-hạt. Sa-hạt liền biến hóa bình bát che phủ khắp cả nước. Rồng tuôn mưa xuống và cho rằng cõi này đã chìm ngập. Tỳ-kheo nhờ oai thần của Đức Phật làm cho rồng thấy muôn dân đều yên ổn như trước. Rồng lại nổi giận làm tuyết rơi. Tỳ-kheo lấy bát đựng hết tuyết, dùng tay gạt tuyết dồn một chỗ như núi. Sau đó, Tỳ-kheo vào chỗ ở của rồng, rồng liền vọt ra. Tỳ-kheo lại ra, rồng lại vào. Tỳ-kheo lại vào, cứ như vậy đến không biết bao nhiêu lần, khi rồng mệt mới thôi. Rồng quỳ xuống hỏi:

–Nhân giả là vị thần nào mà làm phiền tôi như vậy?

Tỳ-kheo đáp:

–Ta là đệ tử của Phật.

Rồng thưa:

–Tôi muốn quy y Tôn giả.

Tỳ-kheo đáp:

–Đức Phật là Đại sư của ta, Ngài là bậc tối tôn trong ba cõi, ngươi nên quy y Ngài.

Rồng thưa:

–Đức Phật ở chỗ nào?

Tỳ-kheo đáp:

–Đức Phật hiện ở tại nước Xá-vệ.

Rồng thưa:

–Xin Nhân giả cho tôi đi theo.

Tỳ-kheo nói:

–Muốn đi thì tốt.

Tỳ-kheo bèn bỏ rồng vào giỏ. Dân chúng thấy Tỳ-kheo bắt rồng như vậy, đều vui mừng hỏi:

–Đạo nhân là vị thần lớn nào mà hàng phục được mối họa của nước này?

Tỳ-kheo đáp:

–Tôi là đệ tử của Phật.

Dân chúng lại hỏi:

–Chúng tôi có thể gặp Đức Phật được không?

Tỳ-kheo đáp:

–Muốn gặp Đức Phật thì hãy chờ khi tôi về đã, sắp trưa rồi, đến giờ tôi đi khất thực.

Dân chúng nghe nói thế, nên có người cúng dường cơm, có người cúng dường rượu. Tỳ-kheo nhận rồi ăn uống, đến say, nằm bên gốc cây, rồng, ca-sa, bình bát mỗi thứ một nơi.

Bấy giờ, Đức Phật mỉm cười, phát ra ánh sáng năm sắc. Tôn giả A-nan sửa lại y phục, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn không cười vô cớ, cười ắt có ý gì.

Đức Phật hỏi Tôn giả A-nan:

–Ông có thấy Tỳ-kheo Sa-hạt không?

A-nan thưa:

–Dạ không thấy!

Đức Phật bảo:

–Nay Tỳ-kheo Sa-hạt đang say nằm bên gốc cây kia.

Lúc đó, một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo và một vạn Bồ-tát

cùng bảo nhau:

–Tỳ-kheo Sa-hạt đã đắc quả A-la-hán, vì sao lại say nằm?

Đức Phật biết mọi người có ý nghi, nhân đó nói đến bốn việc:

1. A-la-hán không nhập định thì không nhận biết.

2. Hiện thần thông không được dễ dàng.

3. Không được cưỡng ép khuyên người khất thực.

4. Trong thân hãy còn có trùng độc.

A-la-hán do bốn việc này nên không bằng Phật.

Bấy giờ, một vạn Bồ-tát đều thoái chí, muốn hướng đến A-la-hán. Đức Phật sai Tôn giả Mục-kiền-liên tới chỗ Tỳ-kheo Sa-hạt, bảo ông ta đem rồng về, rồng dùng đầu mặt đảnh lễ Đức Phật. Đức Phật nhân đó giảng nói về gốc gác đời trước của rồng. Tâm rồng liền thấu rõ, thọ năm giới và làm theo mười điều thiện, liền đắc quả Tu-đà-hoàn, đảnh lễ Đức Phật rồi lui ra.

Khi ấy, Đức Phật khen công đức vi diệu của Tỳ-kheo Sa-hạt.

Tôn giả A-nan chắp tay bạch Phật:

–Tỳ-kheo Sa-hạt uống rượu say nằm sao Phật lại khen ngợi công đức của Tỳ-kheo ấy là vi diệu?

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–A-la-hán không đói khát nhưng vì ba việc nên thị hiện say nằm:

1. Phật muốn khai hóa ý của Bồ-tát.

2. Không muốn nghịch ý của các thí chủ.

3. Sợ các đệ tử chưa đắc đạo, mà lại uống rượu sẽ gây ra nhiều lỗi lầm. Do đó chế ra giới này.

Tỳ-kheo Sa-hạt tuy uống rượu mà không say.

Các Bồ-tát và bốn hàng đệ tử nghe Đức Phật nói lời này, đều đứng dậy sửa lại y phục, đảnh lễ Phật.

Tỳ-kheo Sa-hạt đến trước Đức Phật quỳ thẳng, bạch Phật:

–Vua nước Tu-da-việt và dân chúng nước ấy muốn được gặp Phật.

Đức Phật im lặng nhận lời. Tỳ-kheo Sa-hạt vâng lời Phật dạy, chỉ trong thoáng chốc, đã đến nước Tu-da-việt. Quốc vương và dân chúng thấy Tỳ-kheo đều vui mừng, có người đảnh lễ, có người quỳ, có người chắp tay.

Tỳ-kheo Sa-hạt bảo:

–Đức Phật sáng mai sẽ đến.

Nhà vua nghe Đức Phật sẽ đến rất vui mừng, sửa sang bốn đường

lớn, quét dọn, rưới nước, làm rộng rãi, che màn.

Sáng hôm sau, Đức Phật cùng một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo cùng đi đến trên hư không, tự nhiên có hoa sen đỡ dưới chân Phật. Vua, các quan và dân chúng đều đem hoa hương ra khỏi thành nghinh đón Phật, năm vóc sát đất cung kính đảnh lễ. Phật và chư Tỳ-kheo đến vương cung, ở đó có tòa Sư tử đã bày sẵn trải bằng lụa mềm, che lọng hoa bằng bảy báu, năm sắc đan xen. Vua thiết trai cúng dường, tự tay dâng thức ăn. Đức Phật thọ trai xong, lấy nước rửa tay, chú nguyện. Đức Phật vì vua và dân chúng nói về nguồn gốc của rồng, tâm nhà vua và dân chúng đều thấu rõ liền thọ năm giới, làm mười điều thiện, hoặc có người đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, không thể kể hết.

Đức Phật giảng nói kinh này rồi, bốn chúng đệ tử, các chúng Trời, Rồng, Quỷ thần đều vui mừng làm theo.

❑

SỐ 502

KINH PHẬT VỊ NIÊN THIẾU TỲ-KHEO THUYẾT CHÁNH SỰ

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Pháp Cự.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật trú tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ vào mùa hạ an cư, nhiều Thượng tọa Thanh văn an cư bên gốc cây xung quanh chỗ Đức Thế Tôn.

Khi ấy, có nhiều Tỳ-kheo niên thiếu đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, lui ra ngồi một bên. Vì những Tỳ-kheo niên thiếu, Đức Phật dùng nhiều phương tiện thuyết pháp, nêu bày khiến cho sáng tỏ, hoan hỷ. Chỉ dạy làm cho sáng tỏ, hoan hỷ rồi Đức Phật yên lặng. Các Tỳ-kheo niên thiếu nghe lời Phật dạy, hoan hỷ làm theo, đều từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ và lui ra. Các Tỳ-kheo niên thiếu lại đi đến chỗ các Tỳ-kheo Thượng tọa, đảnh lễ sát chân các vị rồi, ngồi sang một bên.

Các Tỳ-kheo Thượng tọa nghĩ như vầy: "Chúng ta nên thâu nhận các Tỳ-kheo niên thiếu này, hoặc một vị nhận một người, hoặc một vị nhận hai, ba hay nhiều người, hoặc có Thượng tọa thậm chí nhận sáu mươi người."

Bấy giờ là ngày mười lăm tức ngày bố tát. Đức Thế Tôn trải tòa ngồi trước đại chúng, quan sát các Tỳ-kheo rồi bảo:

–Lành thay, lành thay! Ta nay hoan hỷ về những việc làm chính đáng của các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nên siêng năng tinh tấn ở nước Xá-vệ này mãn tháng Ca-đề *(tháng 8 âm lịch)*.

Các Tỳ-kheo ở những nơi khác nghe Đức Thế Tôn ở nước Xá-vệ an cư mãn tháng Ca-đề, nên may vá y rồi, mang y bát hướng về nước Xá-vệ, dần dần tới nơi cất y bát, rồi đến chỗ Đức Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật, lui ra ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo ở các nơi khác, dùng nhiều phương tiện thuyết pháp, chỉ dạy làm cho sáng tỏ, hoan hỷ, rồi yên lặng. Khi ấy, các Tỳ-kheo ở những nơi khác nghe Phật thuyết pháp, vui mừng

làm theo, đều từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ và lui ra, rồi đi đến chỗ các Tỳ-kheo Thượng tọa, cúi đầu đảnh lễ sát chân các vị, lui ngồi qua một bên.

Lúc này, các Thượng tọa nghĩ như vầy: "Chúng ta nên nhận Tỳ-kheo ở các nơi khác này, hoặc một vị nhận một người, hoặc hai, ba cho đến nhiều người." Các Thượng tọa liền thâu nhận những Tỳ-kheo ở các nơi khác, hoặc một vị nhận một người, hoặc có vị nhận hai, ba cho đến sáu mươi người. Các Tỳ-kheo Thượng tọa nhận các Tỳ-kheo ở các nơi khác rồi, dạy bảo làm cho rõ biết thứ lớp trước sau.

Bấy giờ, là ngày mười lăm trong tháng, vào giờ bố tát, Đức Thế Tôn trải tòa ngồi trước đại chúng, quan sát các Tỳ-kheo rồi bảo:

–Lành thay, lành thay! Này các Tỳ-kheo! Ta hoan hỷ về việc làm chính đáng của các vị. Ta ưa thích về việc làm chính đáng của các vị.

Này các Tỳ-kheo! Chư Phật quá khứ cũng có chúng Tỳ-kheo đã làm những việc chính đáng, như chúng Tỳ-kheo ngày nay. Các chúng Tỳ-kheo của chư Phật vị lai cũng sẽ làm các việc chính đáng, như chúng Tỳ-kheo hôm nay. Vì sao? Vì hiện tại trong chúng này, các Tỳ-kheo Trưởng lão có vị chứng đắc sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, Từ, Bi, Hỷ, Xả, nhập không vô biên xứ, nhập thức vô biên xứ, nhập vô sở hữu xứ, nhập phi tưởng, phi phi tưởng xứ, an trụ trọn vẹn. Có Tỳ-kheo đã dứt hết ba kết, đắc quả Tu-đà-hoàn, không đọa nơi đường ác, đối với pháp đã quyết định, hướng đến tam Bồ-đề, chỉ còn bảy lần sinh lại cõi trời, người thì vĩnh viễn thoát khổ. Có Tỳ-kheo hết ba kết, tham, sân, si mỏng giảm, đắc Tư-đà-hàm. Có Tỳ-kheo hết năm kết phần dưới, đắc A-na-hàm, đời này nhập Niết-bàn, không còn sinh trở lại. Đời này có Tỳ-kheo chứng đắc vô lượng cảnh giới thần thông, Thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sinh tử trí, lậu tận trí. Có Tỳ-kheo tu quán bất tịnh đoạn trừ tham dục, tu tâm Từ đoạn trừ sân hận, tu quán vô thường đoạn trừ ngã mạn, tu quán hơi thở ra vào, đoạn trừ tưởng về giác. Thế nào là Tỳ-kheo tu quán hơi thở ra vào để đoạn trừ tưởng về giác? Đó là Tỳ-kheo, thậm chí nương ở thôn xóm, quán hơi thở ra vào, biết đúng như thật về hơi thở ra vào để đoạn trừ tưởng giác.

Đức Phật giảng nói kinh này rồi, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều vui mừng làm theo.

❑

SỐ 503

KINH TỲ-KHEO TỊ NỮ Ố DANH DỤC TỰ SÁT

Hán dịch: Đời Tây Tấn,
Sa-môn Pháp Cự.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật đang trú tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, ở nước Câu-tát-la, có một Tỳ-kheo trú trong một khu rừng, đã cùng với một phụ nữ Trưởng giả đùa giỡn, bị mang tiếng xấu.

Khi đó, Tỳ-kheo kia nghĩ: "Ta nay không nên cùng với phụ nữ khác gây ra tiếng xấu. Ta muốn ở trong rừng này tự sát." Lúc này, trong khu rừng ấy có vị Thiên thần suy nghĩ như vầy: "Không phải là hạng ác, bất thiện, Tỳ-kheo này không có xấu ác, không lỗi lầm mà muốn tự sát ở đây, ta nên dùng phương tiện để khai ngộ."

Rồi Thiên thần kia hóa làm thân nữ trưởng giả, nói với Tỳ-kheo:

–Ở khắp nẻo đường, hang cùng ngõ hẻm, mọi người trong thế gian cho tôi và thầy gây ra tiếng xấu, họ nói tôi và thầy kề cận với nhau, làm việc bất chính. Đã có tiếng xấu, nay thầy có thể hoàn tục để cùng nhau hưởng an vui.

Tỳ-kheo đáp:

–Vì ở khắp nẻo đường, trong xóm kia, mọi người cho tôi và cô gây ra tiếng xấu, kề cận với nhau, làm việc bất chính, tôi nay tự sát cho rồi.

Bấy giờ, Thiên thần kia hiện lại nguyên hình, nói kệ:

Tuy nghe nhiều tiếng xấu
Người khổ hạnh nhẫn chịu
Khổ không nên tự hại
Cũng không nên buồn phiền.
Người nghe tiếng mà sợ
Thì như thú trong rừng
Là chúng sinh tầm thường
Không thành pháp xuất gia.

Nhân giả nên gắng nhẫn
Chịu tất cả tiếng xấu
Người giữ tâm vững chắc
Đó là pháp xuất gia.
Không vì người khác nói
Khiến mình thành giặc cướp
Cũng chẳng do người khác
Khiến mình đắc La-hán
Tự biết như pháp rồi
Chư Thiên lại cũng biết.

Lúc ấy, Tỳ-kheo nhờ Thiên thần khai ngộ, nên tinh chuyên tư duy, tu tập đoạn trừ phiền não, đắc A-la-hán.

❑

SỐ 504

KINH TỲ-KHEO THÍNH THÍ

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Tam tạng Đàm-vô-lan, người Thiên Trúc.

Nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật trú tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đi đến chỗ các Tỳ-kheo ở giảng đường nói:

–Tôi nay không ưa kinh pháp, rất mê ngủ nghỉ, chẳng thích hành đạo, nghi các kinh pháp.

Nơi giảng đường có một Tỳ-kheo liền đến bạch Phật:

–Có một Tỳ-kheo tên là Thính Thí, đi đến giảng đường, nói với các Tỳ-kheo: "Tôi nay không ưa kinh pháp, rất mê ngủ nghỉ, chẳng thích hành đạo, nghi các kinh pháp."

Đức Phật nói:

–Tỳ-kheo ấy si mê, không giữ các căn môn, ăn nhiều, vào đầu đêm cuối đêm không cảnh tỉnh tu hành, không quán các pháp thiện, như vậy làm sao ưa kinh pháp, lìa bỏ ngủ nghỉ, thích hành đạo, không nghi các kinh pháp? Tỳ-kheo Thính Thí chẳng bao giờ làm theo điều này nên bị như vậy.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Do không giữ các căn môn, ăn nhiều, đầu đêm cuối đêm không cảnh tỉnh tu hành, không quán các pháp thiện, làm sao Tỳ-kheo kia ưa kinh pháp, lìa ngủ nghỉ, thích hành đạo, không nghi các kinh pháp. Vì Tỳ-kheo Thính Thí chẳng bao giờ làm đúng những điều ấy nên bị như vậy.

Nếu Tỳ-kheo nào giữ các căn môn, ăn ít, đầu đêm cuối đêm cảnh tỉnh tu hành, quán các pháp thiện thì liền ưa kinh pháp, lìa ngủ nghỉ, thích hành đạo, không nghi các kinh pháp. Vì làm theo điều ấy nên được như vậy.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Hãy gọi Thính Thí đến đây.

Tỳ-kheo đứng dậy, đầu mặt lễ sát chân Phật, rồi đi gọi Thính Thí. Tỳ-kheo Thính Thí liền đến chỗ Phật, đầu mặt lễ sát chân Phật, rồi ngồi xuống.

Phật hỏi:

–Này Thính Thí! Ông muốn điều gì hãy nói đi!

Thính Thí bạch:

–Nay con không ưa kinh pháp, rất mê ngủ nghỉ, không thích hành đạo, nghi các kinh pháp.

Phật nói với Thính Thí:

–Ta muốn hỏi ông vài điều, tùy sự hiểu biết của ông mà trả lời.

Đức Phật hỏi:

–Nếu biết rõ không lìa tham sắc, không lìa dục, không lìa luyến mộ, không lìa tức giận, không lìa ái thì khi biệt ly sắc ấy, bèn sinh những cảm xúc khác như là ưu sầu bi ai, làm loạn động ý uẩn, như vậy uẩn có hay là không?

Thính Thí thưa:

–Dạ có.

Phật khen:

–Lành thay, lành thay! Hiền giả như vậy đúng là Thính Thí.

Phật hỏi:

–Nếu biết rõ không lìa thọ, tưởng, hành, thức; nếu người tham thì thức không xa lìa dục, không lìa luyến mộ, không lìa tức giận, không lìa ái thì khi biệt ly thức kia, bèn sinh những cảm xúc khác như là ưu sầu bi ai, làm loạn động ý uẩn, vậy uẩn có hay là không?

Thính Thí thưa:

–Dạ có.

Phật khen:

–Lành thay, lành thay! Hiền giả như vậy đúng là Thính Thí.

Phật hỏi:

–Nếu biết rõ lìa tham sắc, lìa dục, lìa luyến mộ, lìa tức giận, lìa ái thì khi biệt ly sắc kia, không sinh những cảm xúc khác như là ưu sầu bi ai, làm loạn động ý uẩn, vậy uẩn có hay là không?

Thính Thí thưa:

–Dạ có.

Phật khen:

–Lành thay, lành thay! Hiền giả như vậy đúng là Thính Thí.

Phật hỏi:

–Như người lìa thọ (thống dương), tưởng, sinh tử (hành), thức, nếu không tham… thức, không có dục, không luyến mộ, không tức giận, không có ái thì khi biệt ly thức kia, không sinh những cảm xúc khác như: ưu sầu bi ai, làm loạn động ý uẩn, vậy uẩn kia có hay là không?

Thính Thí thưa:

–Dạ có.

Phật khen:

–Lành thay, lành thay! Như vậy đúng là Thính Thí.

Phật bảo Thính Thí:

–Vì ông, ta sẽ giảng nói kinh pháp phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện. Vì ông, ta hiện đầy đủ đạo hạnh rốt ráo, chỉ là các pháp thiện tốt đẹp, ông nên lắng nghe, giữ gìn trong lòng.

Thính Thí thưa:

–Xin vâng.

Phật nói:

–Xưa có hai người cùng đi trên đường, một người biết rõ đường, một người không biết đường. Người không biết đường bèn hỏi người biết đường: "Tôi muốn đến xóm… làng… quận… huyện… nước nọ, xin chỉ giùm tôi đi đường nào?"

Người biết rõ đường chỉ: "Ông từ đường này, cứ bên phải đi thẳng tới trước, sẽ có hai đường, bỏ đường bên trái, đi đường bên phải. Lại cứ bên phải đi thẳng tới trước, chốc lát sẽ gặp suối nước, trên suối nước lại có hai đường, bỏ đường bên trái, đi đường bên phải. Cứ bên phải đi thẳng tới chốc lát sẽ gặp rừng cây, ngay rừng cây lại có hai đường, bỏ đường bên trái, đi đường bên phải. Cứ bên phải đi thẳng tới chốc lát thì dễ dàng đến xóm làng, quận huyện, nước nào theo ý muốn."

Phật nói:

–Như trên, ta đã nêu lên ví dụ, nên biết tất cả điều đã nói đều phải quán sát kỹ. Như trên đã nói, người không biết rõ đường là chỉ cho tà đạo nơi thế gian, cũng chỉ cho những người chấp nơi tà đạo. Còn như trước nói, người hiểu rõ đường là chỉ cho Như Lai Chánh giác Vô sở trước, cũng chỉ cho những người thọ nhận Chánh giác. Con đường bên trái là chỉ cho ba niệm ác của những người ác:

1. Niệm dục.

2. Niệm loạn.

3. Niệm giặc hại.

Cũng chỉ cho tà kiến, tà niệm, tà thuyết, tà ý, tà hạnh, tà phương tiện, tà chí, tà định.

Con đường bên phải là chỉ cho ba niệm thiện:

1. Niệm xuất gia.

2. Niệm không loạn.

3. Niệm không giặc hại.

Cũng chỉ cho chánh kiến, chánh niệm, chánh thuyết, chánh ý, chánh hạnh, chánh phương tiện, chánh chí, chánh định. Hai con đường là chỉ cho chỗ nghỉ của con người, suối nước là chỉ cho sân hận, rừng cây chỉ cho năm dục lạc:

1. Nhãn ưa sắc, ái dục, chính là do tham đắm sắc đẹp.

2. Tai ưa âm thanh.

3. Mũi ưa mùi thơm.

4. Lưỡi ưa mùi vị.

5. Thân ưa xúc chạm, ái dục có thể do tham đắm sắc đẹp.

Còn xóm làng, quận huyện là chỉ cho đức vô vi.

Phật bảo Tỳ-kheo Thính Thí:

–Đây là các Phật sự, ta vì tâm thương nói ra, nếu ai muốn độ thoát thì nhận được tâm thương đó. Nay việc này là việc của ông. Ông nên đến bên gốc cây nơi yên tĩnh ở một mình, như núi, đầm, bãi tha ma, nên lấy quả của cây cỏ làm thức ăn, chuyên tâm tu hành. Tỳ-kheo chớ tham dục ở thế gian, về sau sẽ hối hận. Đó là hạnh của chư Phật, cũng là lời dạy của chư Phật.

Phật giảng nói kinh này rồi, Hiền giả Thính Thí vui mừng, tư duy những lời Phật dạy.

❑

SỐ 505

KINH TÙY DŨNG TÔN GIẢ

Hán dịch: Đời Triệu Tống,
Sa-môn Thi Hộ.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật cùng đông đủ chúng Bí-sô trú tại tinh xá Ca-lan-đà nơi rừng Trúc, thuộc thành Vương xá.

Bấy giờ, có Tôn giả tên là Tùy Dũng ở trong một Tăng viện lớn trên đỉnh núi Cô phong, nơi rắn tụ tập, trong rừng Thi-đà, bên thành Vương xá, một mình đi kinh hành, bỗng nhiên bị rắn độc cắn. Thân hình rắn gầy, nhỏ, bóng láng, hung dữ đáng sợ, như An-nhạ-na xá-la-ca. Lập tức, Tôn giả Tùy Dũng gọi chúng Bí-sô, nói:

–Chư Tôn giả! Tôi bị rắn độc cắn, toàn thân như muốn vỡ ra, nay nên đặt tôi ở ngoài Tăng viện, đừng để trì hoãn chất độc sẽ lây lan.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi Tử ngồi bên một gốc cây cách chỗ Tôn giả Tùy Dũng không xa, nghe Tôn giả Tùy Dũng phát ra những lời như vậy, lập tức đến chỗ Tùy Dũng, nói:

–Này Tôn giả Tùy Dũng! Tôi xem thấy nét mặt và các căn của thầy không có hiện tượng gì khác. Cớ gì lúc nãy thầy lại phát ra những tiếng như vậy?

Tôn giả Tùy Dũng đáp:

–Thưa Tôn giả! Tôi bị rắn độc cắn, toàn thân như thể tan vỡ, nay nên đặt tôi ở ngoài Tăng viện, đừng để trì hoãn chất độc sẽ lây lan.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Nếu tôi chấp trước nhãn là tôi, nhãn là của tôi, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý là tôi…, ý là của tôi; sắc là tôi, sắc là của tôi, thanh, hương, vị, xúc, pháp là tôi…, pháp là của tôi; địa giới là tôi, địa giới là của tôi, thủy, hỏa, phong, không, thức giới là tôi…, thức giới là của tôi; sắc uẩn là tôi, sắc uẩn là của tôi, thọ, tưởng, hành, thức uẩn là tôi…, thức uẩn là của tôi. Nếu tôi chấp trước nơi những pháp như vậy thì mặt và các căn có thể có hiện tượng khác.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Tôi không chấp trước các pháp như vậy,

cho nhãn là tôi, nhãn là của tôi, cho đến thức uẩn là tôi, thức uẩn là của tôi thì nay đây lẽ nào mặt và các căn của tôi có hiện tượng khác!

Tôn giả Xá-lợi Tử nói:

–Này Tôn giả Tùy Dũng! Nếu các thứ ngã, ngã sở kiến, ngã mạn... được đoạn trừ chấp trước rồi, lại có thể rõ biết gốc rễ của chỗ đoạn trừ thì đoạn trừ vĩnh viễn không còn sót, như chặt phá phần lõi của cây Đa-la, tức nó không còn sinh lại. Người đã chứng pháp vô sinh thì đâu có tướng nào khác để có thể chấp giữ.

Lúc đó, Tôn giả Xá-lợi Tử đem Tôn giả Tùy Dũng đặt ngoài Tăng viện, Tôn giả Tùy Dũng ngã lăn trên đất.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi Tử liền nói kệ:

Người trí giỏi thực hành phạm hạnh
Lại thường khéo tu nhân chánh đạo
Khi hết thọ mạng sinh tâm vui
Như người bệnh nặng được thuyên giảm.
Người trí giỏi thực hành phạm hạnh
Lại thường khéo tu nhân chánh đạo
Khi hết thọ mạng sinh tâm vui
Giống như vứt bỏ thứ độc hại.
Người trí giỏi thực hành phạm hạnh
Lại thường khéo tu nhân chánh đạo
Mang mầm giải thoát khi xả thọ
Như người ra khỏi căn nhà lửa.
Người hành phạm hạnh tu chánh đạo
Quán hết thế gian như cỏ cây
Thành công danh lợi đều vô nghĩa
Rốt cuộc không còn gì buộc ràng.

Tôn giả Xá-lợi Tử an trí cho Tôn giả Tùy Dũng xong, liền đi đến chỗ Phật, đến nơi, đầu mặt đảnh lễ sát chân Thế Tôn, trình bày đầy đủ việc trên.

Phật nói:

–Này Tôn giả Xá-lợi Tử! Thiện nam Tùy Dũng kia nếu lúc ấy được nghe ta nói kệ nhiệm mầu và đại thần chú thì chắc chắn thầy ấy không bị rắn độc cắn, làm hủy hoại thân mạng.

Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kệ nhiệm mầu gì? Và đại thần chú nào? Xin Đức Thế Tôn nói cho con được biết.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Ta thương yêu Thiên vương Trì Quốc
Thương rồng La-phạ-vĩ cũng vậy
A thuyết đa lý kiếm Mạt-la
Tất thể đỏa tử đều thương hết.
Thiên vương Quảng Mục ta cũng thương
Thương rồng Hắc Cù-đàm cũng vậy
Rồng Nan-đà, Ô-ba Nan-đà
Hai loài rồng kia ta cũng thương.
Ta cũng thương yêu loài không chân
Loài hai, bốn chân cũng như vậy
Và các hữu tình nhiều chân kia
Tâm bình đẳng thương yêu chẳng khác.
Đem lòng Từ thương tất cả rồng
Rồng kia dừng nghỉ trong biển lớn
Tâm Từ rải khắp các hữu tình
Hữu tình, vô tình đều như vậy.
Tất cả loài hữu tình hiện có
Cho đến loài bò bay máy cựa
Nguyện khắp tiêu trừ nhân bệnh khổ
Hết thảy đều đạt được an lạc.
Tất cả loài hữu tình hiện có
Cho đến loài bò, bay, máy cựa
Đều đem lòng thương bình đẳng quán
Tất cả tiêu trừ các tội ác.
Độc của rắn ấy rất mãnh liệt
Chất độc đó hay làm chết người
Rắn kia ở trong hang núi cao
Mà ta thường kinh hành trên đó.
Ta là thầy cao cả thế gian
Ta thường thuyết giảng lời chân thật
Ta nhờ nhân ngữ nghiệp chân thật
Thân ta rắn độc không thể chạm.
Pháp tham, sân và si hiện có
Là ba độc lớn thế gian này
Đại giác Thế Tôn độc chẳng xâm
Sức Phật chân thật hay phá độc.
Pháp tham, sân và si hiện có

Là ba độc lớn thế gian này
Chánh pháp Thế Tôn độc chẳng xâm
Sức pháp chân thật hay phá độc.
Pháp tham, sân và si hiện có
Là ba độc lớn thế gian này
Chúng tịnh Thế Tôn độc chẳng xâm
Sức Tăng chân thật hay phá độc.
Trong các độc thế gian hiện có
Độc của tham kia là hơn hết
Chỉ Phật có thể phá, thâu giữ
Do đấy các độc đều tiêu diệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói đại minh chú:

–Đát ninh đà, án, đống mật lý, đống mật lý, đống di bát la, đống di na trí, tô ma trí, kế phạ trí, mẫu na duệ, tát tam ma duệ, nan đế, nan để lý, nê lý, nê la kế, thi, phạ lý, phạ la kế, thi, ốt lý, nê dương ngu lý, sa ha.

Phật nói:

–Này Xá-lợi Tử! Thiện nam Tùy Dũng kia, nếu lúc ấy nghe ta nói kệ và đại minh chú này thì nhất định không bị rắn độc cắn, làm cho hoại diệt thân mạng.

Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật nói kệ nhiệm mầu và đại minh chú này ở đây, mà khi Bí-sô Tùy Dũng bị rắn cắn thì ở cách xa chỗ Phật, làm sao thầy ấy nghe được diệu pháp như vậy!

Tôn giả Xá-lợi Tử nói lời này rồi, đầu mặt đảnh lễ sát chân Thế Tôn, rồi ra khỏi chỗ Phật.

❑

SỐ 506

KINH KIỀN-ĐÀ QUỐC VƯƠNG

Hán dịch: Đời Hậu Hán,
Tam tạng An Thế Cao.

Nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo đang trú tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có quốc vương hiệu là Kiền-đà, phụng thờ vị Bà-la-môn, vị này trú trong núi có nhiều thứ cây trái. Khi ấy có người tiều phu kiếm củi chặt đốn những cây trái đó. Bà-la-môn bắt gặp liền đưa đến chỗ vua, nói:

–Người này vô cớ chặt đốn cây trái của tôi, nhà vua nên trừng trị và giết nó đi.

Nhà vua kính thờ Bà-la-môn nên không dám trái lời, liền giết người tiều phu.

Từ đó về sau chẳng bao lâu, có con bò ăn lúa của người, người chủ lúa bắt đánh đập, cắt đi một sừng, máu chảy đầy mặt, đau không thể nói. Bò chạy thẳng đến chỗ vua, thưa:

–Tôi thật không có tội, chỉ ăn một ít lúa của người này, nay bị người đó bắt, đánh, cắt sừng.

Người chủ lúa cũng tìm đến chỗ vua. Vua hiểu tiếng chim thú, nói với bò:

–Ta sẽ vì ngươi mà xử trị giết người đó.

Bò liền thưa:

–Nay tuy giết người ấy, cũng không thể làm cho tôi hết đau, chỉ ra lệnh sau này chớ bắt bớ người như tôi.

Vua liền cảm niệm: "Ta thờ vị Bà-la-môn kia, vị ấy chỉ vì cây trái mà khiến ta giết người, thật không bằng con bò này." Vua bèn gọi Bà-la-môn đến hỏi:

–Ông thờ đạo này có phước gì không?

Bà-la-môn đáp:

–Có thể tránh được tai họa, đạt được phước đức, phú quý, trường thọ.

Vua lại hỏi:

–Có thể khỏi sinh tử không?

Bà-la-môn đáp:

–Không thoát khỏi sinh tử.

Nhà vua suy nghĩ: "Nên dùng đạo này để tôn thờ không?" Vua bèn ra lệnh cho quần thần sửa soạn xa giá, đi đến chỗ Phật, năm vóc sát đất đảnh lễ Phật.

Vua thưa:

–Tôi nghe đạo Phật chí tôn, giáo hóa rạng rỡ, mọi người được độ vô số, xin Phật chỉ dạy để tôi tự sửa mình.

Phật liền trao cho nhà vua năm giới, mười điều thiện và vì tất cả trời đất người vật giảng nói pháp vô sinh bất tử. Nhà vua đầu mặt đảnh lễ sát đất, bạch Phật:

–Phụng thờ giới pháp tối thượng được phước gì?

Phật bảo:

–Bố thí, trì giới, hiện tại được phước. Nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí tuệ thì phước đức vô lượng, sau sinh lên cõi trời, cũng có thể làm vua Chuyển luân thánh vương, cũng có thể đắc đạo vô vi độ đời.

Vì nhà vua, Đức Phật liền hiện tướng hảo oai thần chiếu sáng. Nhà vua thấu rõ nên vui mừng, ngay khi ấy chứng đạo quả Tu-đà-hoàn.

Tôn giả A-nan sửa lại y phục, đầu mặt sát đất đảnh lễ Đức Phật, bạch:

–Vị vua này cùng với bò vốn có nhân duyên gì mà bò nói, nhà vua lại hiểu được, bỏ Bà-la-môn để thờ đạo Phật, gặp Phật nghe pháp, chứng được pháp đạo?

Phật nói:

–Thuở xưa, vào thời Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, vua và bò là anh em, làm Ưu-bà-tắc cùng giữ trai giới một ngày một đêm, vua giữ pháp tinh tấn không bê trễ, hết thọ mạng sinh lên cõi trời, rồi khi hết thọ mạng sinh xuống cõi người làm vua, còn bò thì khi ấy phạm giới ăn đêm nên sau phải chịu tội. Tội hết lại làm bò, một trăm đời còn nhớ tới chuyện xưa, nên đến khai ngộ ý vua. Sau bảy ngày bò qua đời, sinh lên cõi trời.

Phật nói:

–Bốn hàng đệ tử thọ trì trai giới không thể vi phạm.

Các Tỳ-kheo Tăng, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các chúng Trời, Rồng, Quỷ thần nghe lời Phật dạy đều vui mừng, đến trước Phật đảnh lễ, lui ra.

❑

SỐ 507

KINH VỊ SINH OÁN

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Cư sĩ Chi Khiêm,
người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật trú trong núi Kê túc, thuộc nước Vương xá.

Chư Thiên, Rồng, Quỷ, Thần, Đế vương, dân chúng đều đến chỗ Đức Phật cúi đầu đảnh lễ, cung kính cúng dường, ai cũng hết lòng kính lễ. Điều-đạt thấy vậy ganh tỵ vô cùng, đến nói với thái tử Vị Sinh Oán:

–Cha ngươi chở nhiều vật báu của đất nước dâng cho Phật và các Sa-môn, kho tàng của quốc gia cạn kiệt, nên sớm có kế lên ngôi làm vua, tôi sẽ đem binh đến chinh phục Phật. Thái tử được làm vua, tôi sẽ làm Phật, cả hai đều được, không tốt hay sao? Thái tử chắc chắn thành tựu.

Vị Sinh Oán cùng Điều-đạt câu kết âm mưu này rồi, liền ra lệnh bắt bề tôi có thế lực khiến cưỡng chế binh sĩ, chờ vua về đoạt ấn rồi đem giam vào ngục. Nhà vua trở về, bề tôi làm như mệnh lệnh, đem vua giam vào ngục. Lòng vua điềm nhiên xem như tai ương tiền kiếp, tâm không sợ sệt, lại càng tin lời Phật dạy, vua nói:

–Ta có lỗi gì mà kết tội ta?

Hoàng hậu, quý nhân, mọi người lớn nhỏ ai cũng thương cảm. Vua quay lại bảo các người buồn khóc:

–Đức Phật nói: "Trời đất, nhật nguyệt, núi Tu-di và biển cả có thành ắt có hoại, có thịnh tức có suy, có hợp ắt có tan, có sinh ắt có tử, do đó mà ưu sầu bi ai triền miên không bờ bến, đưa đến đau khổ chất chồng. Tìm lại nguồn gốc, xét kỹ ngọn ngành thì nhân duyên hội họp tức là có, gọi là sinh; nhân duyên ly tán tức là diệt, gọi là không. Phàm là thân tức bốn đại, thần thức của chúng sinh gởi trong ấy, khi chết, thần thức trở về nguồn gốc của nó là đi về không, chẳng còn gọi đó là thân. Thân còn chưa gìn giữ được, huống gì là gìn giữ quốc gia. Khi Đức Phật mới vào nước ta, ta chưa có con. Phật hỏi ta có biết rõ vị vua đương lai không? Ta đáp là không biết.

Thế Tôn lại nói: "Tất cả vô thường, đại vương nên suy nghĩ kỹ." Lời

Phật dạy ta ứng vào ngày nay, ta phải nỗ lực, lập chí ghi nhớ lời Phật dạy.”

Vua nói với thái tử:

–Mỗi khi con bị bệnh, lòng ta bứt rứt, muốn đem thân mạng để cứu nguy thay con, ân nghĩa và lòng thương của cha mẹ chỉ có trời mới cao hơn. Tâm con mong muốn gì mà nỡ làm việc ác nghịch? Phàm kẻ nào giết hại cha mẹ, chết sẽ bị đọa vào núi Thái, trong đó chịu những cực hình không dừng nghỉ. Ngươi sẽ bị dẫn vào đó. Ta làm cha ngươi, ngươi tôn trọng hiếu kính còn sợ không xứng danh, huống gì là giết cha. Ta muốn đem quốc gia giao cho con, đến chỗ Phật làm Sa-môn. Ta xem dâm dục giống như lửa thiêu thân, cái đẹp của người nữ như cái rỗng không của hư không. Những sắc đẹp ở trước mắt sao không bị mê hoặc, chính là nhờ xem kinh Phật mới thấy nữ sắc giả dối, thật xấu xa, biết vinh hoa danh lợi là hại thân.

Thái tử nói:

–Ông chớ nhiều lời! Tôi đạt được ước nguyện xưa, đâu có thể thả ông ra.

Thái tử ra lệnh cho người giữ ngục:

–Không cho ông ấy ăn để chết đói.

Quan chủ ngục dẫn vua vào ngục. Vua Bình-sa hướng về chỗ Phật cúi đầu đảnh lễ, thưa:

–Thái tử có tội tày trời, tâm con không một tóc tơ sân giận, chỉ nhớ lời Phật dạy: “Cái vui của đời vô thường mà cái khổ của nó thì lâu dài.”

Vào ngục bị cắt tóc, vua ngửa mặt lên trời than:

–Đau buồn lắm thay! Trời lẽ nào có đạo này chăng?

Hậu phi, quý nhân, cả nước lớn nhỏ ai cũng sầu thương thảm thiết. Hoàng hậu nói với thái tử:

–Đại vương bị xiềng xích chân tay, đau đớn trong lao ngục, ngồi nằm phải nhờ người, khổ đó khó nói. Từ khi sinh con ra đến nay, tâm thương tha thiết của vua trao hết cho con, khi ăn uống ngủ nghỉ cũng luôn nhớ nghĩ đến con. Thân con đau ốm, vừa kê đầu xuống gối, là nhớ đến con nên nước mắt tuôn trào, tâm cháy thân khô, muốn đem thân mạng chết thay con. Con nên duy trì cái đức dưỡng dục của trời người, chớ làm điều ác nghịch! Kinh Phật dạy: “Cùng cực của điều thiện không gì lớn bằng hiếu, điều ác lớn nhất là giết cha mẹ.” Lớn nhỏ kính nhường nhau, trời sẽ giúp cho, huống gì là cha mẹ. Con theo kẻ bạo ngược, gây tội ác nặng này chắc chắn bị đọa vào núi Thái. Ở thế gian sáu mươi ức năm, ở núi Thái là một

ngày một đêm, lại chịu các sự đau khổ, mỗi nơi có thời hạn, con muốn khỏi tội cũng chẳng khó, nếu thỏa ý với việc làm ấy thì sau ắt hối hận.

Thái tử nói:

–Lúc còn nhỏ, con đã có ý giết cha để làm vua. Hôm nay được toại nguyện, mẹ can gián làm gì?

Hoàng hậu nói:

–Nếu con không nghe lời can gián là nền móng của sự mất nước, ta muốn thăm đại vương có được không?

Thái tử đáp:

–Dạ được.

Hoàng hậu tắm rửa thân thể sạch sẽ, lấy mật trộn với bột bôi lên mình, vào thăm đại vương, thấy nhà vua hình dáng tiều tụy chợt khóc òa lên. Nghe hoàng hậu khóc, nhà vua chẳng khỏi gạt lệ.

Hoàng hậu nói:

–Phật nói: "Vinh, vui vô thường, tội khổ lâu dài."

Vua nói:

–Quan giữ ngục không cho ăn, đói khát lâu ngày, nơi thân có tám vạn hang ổ, có hàng trăm loài trùng quấy phá trong bụng ta, thịt tiêu máu cạn, sự sống sắp tàn, nói ra nghẹn ngào không nên lời.

Hoàng hậu nói:

–Biết được cảnh khổ này, thiếp lấy bột trộn với mật ong bôi lên mình, đại vương có thể đem dùng và nên tư duy lời Phật dạy không còn hoảng sợ.

Nhà vua ăn rồi hướng về chỗ Phật, nức nở cúi đầu đảnh lễ thưa: "Ngài dạy: Vinh hoa phước lộc khó gìn giữ, như huyễn, như mộng." Đúng như lời Ngài dạy.

Nhà vua nói với hoàng hậu:

–Khi ta làm vua, quốc độ rộng lớn, cơm ngon, áo đẹp, mà nay ở trong ngục phải chịu chết đói. Thái tử đã theo thầy ác nghịch, trái với lời dạy nhân từ của Phật. Ta không sợ chết, chỉ hối tiếc không gặp được Phật để thọ nhận lời giáo hóa thanh tịnh của Ngài, cùng nghe Thu Lộ Tử, Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp giảng điều bí yếu của đạo tôn quý.

Nhà vua lại nói với hoàng hậu:

–Phật nói: "Ân ái giống như những con chim cùng đậu trên cây, sáng ra tan đàn mỗi con một ngả tùy theo họa phước của nó." Tôn giả Mục-

kiền-liên trừ hết các cấu uế, các ác đã diệt, chứng được sáu thần thông, bốn đạt mà còn bị đám Phạm chí tham lam đánh ngã, huống gì là ta. Họa phước theo người như bóng theo hình, như âm vang theo tiếng. Lời Phật thì khó gặp, giáo pháp khó được nghe. Thánh chúng hạnh cao thượng, oai nghi không lường, mang kinh điển Phật, dùng nhân từ để cảm hóa dân, chẳng phải thế tục có thể làm được. Được phước cúng dường, nhận lời giáo hóa thanh tịnh thật khó gặp thay. Khi ta chết rồi, thần hồn đi xa. Phàm muốn lập chí, không gì hơn nghe lời Phật dạy. Hoàng hậu cẩn thận ghi nhớ đề phòng khi họa đến.

Hoàng hậu nghe vua dạy lại càng bi ai.

Thái tử hỏi quan giữ ngục:

–Không cho vua ăn nhiều ngày, vì sao vua không chết?

Quan giữ ngục đáp:

–Hoàng hậu vào ngục có dâng bột trộn với mật cho vua để duy trì mạng sống.

Thái tử nói:

–Từ nay không cho hoàng hậu vào thăm vua.

Vua bị đói nhưng vẫn hướng về chỗ Phật kính lễ, liền cảm thấy hết đói. Vào ban đêm lại có ánh sáng, thái tử nghe nói, ra lệnh đóng hết cửa sổ, chặt bàn chân vua để khỏi đứng dậy nhìn ánh sáng của Phật được. Chủ ngục liền chặt bàn chân vua, vua đau đớn vô cùng, niệm Phật không thôi.

Đức Phật từ xa nói kinh cho vua:

–Phàm làm thiện, ác, họa phước theo mình lẽ nào chẳng cẩn thận chăng!

Vua Bình-sa thưa:

–Nếu cắt chân tay ra từng đoạn, chặt chém thân này, con cũng không bao giờ nghĩ điều ác.

Đức Thế Tôn lại dạy:

–Ta nay là Như Lai, Vô Sở Trước, Chánh Chân Đạo, Tối Chánh Giác, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, nên mặt trời, mặt trăng, trời, rồng, quỷ thần trong tam thiên đại thiên thế giới đều kính lễ, nhưng vẫn còn dư báo của đời trước, nay cũng không tránh khỏi, huống gì là phàm phu.

Vua thọ ân của Đấng Thiên Trung Thiên, thấy đầy đủ tai ương của đời trước, không dám tức giận, không sợ tội thiêu đốt, ở núi Thái, trong lòng nương nơi Đức Phật và các đệ tử của Phật, ngồi nằm chẳng dám quên, liền chắp tay kính lễ, thưa:

–Hôm nay mạng sống con chấm dứt, vĩnh viễn không còn nghe lời Phật dạy.

Vua nghẹn ngào nức nở, chốc lát băng hà. Thần dân cả nước ai cũng đều giậm đất kêu trời: "Sao thế này?"

Vua Bình-sa liền đạt được Đạo tích (Tư-đà-hoàn) sinh lên cõi trời, đóng cửa ba đường, không còn những điều ác.

❑

SỐ 508

KINH A-XÀ-THẾ VƯƠNG NGŨ NGHỊCH

Hán dịch: Đời Tây Tấn,
Sa-môn Pháp Cự.

Nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Bà-già-bà cùng chúng Đại Tỳ-kheo gồm năm trăm vị trú tại núi Linh thứu, thuộc thành La-duyệt.

Đề-bà-đạt-đâu đến chỗ vua A-xà-thế, đến nơi, liền ngồi vào vị trí. Khi ấy, vua A-xà-thế liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu mặt đảnh lễ sát chân Điều-đạt xong liền trở về chỗ ngồi.

Bấy giờ, vua A-xà-thế thưa với Điều-đạt (Đề-bà-đạt-đâu):

–Tôi từng nghe Sa-môn Cù-đàm thường nói: "Có năm tội nghịch, nếu thiện nam, thiện nữ nào mắc năm tội không thể cứu được ấy thì chắc chắn bị đọa vào địa ngục. Những gì là năm? Đó là tội giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp Tăng và khởi ý ác đối với Như Lai. Đó là năm tội không thể cứu được. Nếu nam tử, nữ nhân nào làm những việc ấy thì chắc chắn bị đọa vào địa ngục." Thưa Tôn giả Điều-đạt! Nay chính tôi giết vua cha, tôi cũng sẽ bị đọa vào địa ngục chăng?

Điều-đạt nói với vua A-xà-thế:

–Đại vương chớ lo sợ, có họa gì đâu, có lỗi gì đâu! Ai gây ra họa thì chịu quả báo. Ai gây ra họa gì thì chịu quả báo ấy, nhưng đại vương không làm nghịch ác. Người đã làm ác thì tự họ sẽ chịu quả báo.

Lúc ấy đã đến giờ, chúng Tỳ-kheo mặc y mang bát vào thành La-duyệt khất thực. Khi chúng Tỳ-kheo đang khất thực trong kinh thành ấy và được nghe vua A-xà-thế nói với Điều-đạt:

–Thưa Tôn giả Điều-đạt! Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm nói như vầy: "Có năm tội không thể cứu, nếu có người nam, người nữ nào làm năm việc này thì chắc chắn bị đọa vào địa ngục." Tôi vô tội về việc chính mình giết vua cha chăng? Tôi sẽ bị đọa vào địa ngục chăng?

Điều-đạt đáp:

–Đại vương chớ sợ! Ai gây họa? Họa do đâu sinh? Ai làm ác, sau họ

chịu quả báo, đại vương không gây họa. Ai đã gây họa, tự họ sẽ chịu quả báo.

Khi ấy, các Tỳ-kheo vào thành La-duyệt khất thực về thì thọ thực, sau khi thọ thực thâu cất y bát, lấy Ni-sư-đàn (tọa cụ) vắt lên vai, đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt đảnh lễ sát chân, ngồi sang một bên, thưa đầy đủ sự việc vua A-xà-thế đã bàn luận với Điều-đạt lên Thế Tôn. Đức Thế Tôn nói kệ:

Người ngu biết điều đó
Cho tội không quả báo
Ta nay thấy đương lai
Chắc chắn chịu quả báo.

Lúc đó, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Vua A-xà-thế nước Ma-kiệt-đà kia tuy giết vua cha, nhưng chẳng bao lâu sẽ đến chỗ ta, vì ông ấy đang có những niềm tin nơi ta. Ông ấy sau khi qua đời sẽ bị đọa vào địa ngục Như đánh cầu.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

–Ông ấy từ địa ngục qua đời sẽ sinh đến cõi nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Từ địa ngục kia qua đời sẽ sinh lên cõi trời Tứ Thiên vương.

Tỳ-kheo bạch:

–Từ cõi trời Tứ Thiên vương qua đời sẽ sinh đến cõi nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Từ cõi trời Tứ Thiên vương qua đời sẽ sinh lên cõi trời Tam thập tam.

Tỳ-kheo bạch:

–Từ cõi trời Tam thập tam qua đời sẽ sinh đến cõi nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Từ cõi trời Tam thập tam qua đời sẽ sinh lên cõi trời Diễm.

Tỳ-kheo bạch:

–Từ cõi trời Diễm qua đời sẽ sinh đến cõi nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Từ cõi trời Diễm qua đời sẽ sinh lên cõi trời Đâu-thuật.

Tỳ-kheo bạch:

–Từ cõi trời Đâu-thuật qua đời sẽ sinh đến cõi nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Từ cõi trời Đâu-thuật qua đời sẽ sinh lên cõi trời Hóa tự tại.

Tỳ-kheo bạch:

–Từ cõi trời Hóa tự tại qua đời sẽ sinh đến cõi nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Từ cõi trời Hóa tự tại qua đời sẽ sinh đến cõi trời Tha hóa tự tại.

Tỳ-kheo bạch:

–Bạch Thế Tôn! Từ cõi trời Tha hóa tự tại qua đời sẽ sinh đến cõi nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Từ cõi trời Tha hóa tự tại qua đời sẽ sinh lại cõi trời Hóa tự tại, trời Đâu-thuật, trời Diễm, trời Tam thập tam, trời Tứ Thiên vương, rồi sẽ sinh lại nhân gian.

Tỳ-kheo bạch:

–Bạch Thế Tôn! Từ đấy qua đời sẽ sinh đến nơi nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Này Tỳ-kheo! Vua A-xà-thế nước Ma-kiệt-đà, trong hai mươi kiếp không đọa vào ba đường ác, lưu chuyển trong cõi trời, người, thọ thân cuối cùng, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, đem lòng tin vững chắc xuất gia học đạo, thành Bích-chi-phật tên là Vô Uế.

Tỳ-kheo bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thật kỳ lạ, thật đặc biệt! Gây tội lỗi như thế, hưởng hoan lạc như thế, rồi thành Bích-chi-phật, tên là Vô Uế.

Đức Thế Tôn nói:

–Vua A-xà-thế nước Ma-kiệt-đà phát tâm thành tựu các điều thiện một cách đầy đủ. Tỳ-kheo có thể phát tâm thành tựu việc cứu độ nơi địa ngục. Nếu phát tâm không thành tựu thì khi nhân duyên thành tựu, tuy chưa sinh vào địa ngục, còn có thể nêu bày phương tiện chẳng đến địa ngục.

Tỳ-kheo bạch:

–Nếu vị kia đều thành tựu hai việc thì vị ấy sẽ sinh vào nơi nào?

Đức Thế Tôn nói:

–Tỳ-kheo kia thành tựu hai việc thì vị ấy sẽ sinh vào hai đường. Đó là sinh vào cõi trời hay cõi người.

Tỳ-kheo bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vị ấy phát tâm thành tựu mà nhân duyên không

thành tựu thì hai sự việc ấy có gì khác biệt?

Đức Thế Tôn nói:

–Tỳ-kheo phát tâm thành tựu mà nhân duyên không thành tựu thì đấy là độn căn. Còn phát tâm không thành tựu mà nhân duyên thành tựu thì đấy là Tỳ-kheo lợi căn.

Tỳ-kheo bạch:

–Bạch Thế Tôn! Độn căn, lợi căn có gì sai khác?

Thế Tôn dạy:

–Độn căn là Tỳ-kheo tu hành không tăng tiến. Lợi căn là Tỳ-kheo thông minh trí tuệ.

Tỳ-kheo bạch:

–Hai hạng này có gì sai khác, sẽ chịu nghiệp gì?

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Trí tuệ là hơn hết
Sẽ đến nơi an ổn
Ai biết rõ các nghiệp
Đoạn nghiệp sinh tử kia.

Đây là sự sai khác của Tỳ-kheo.

Lúc đó, Tỳ-kheo kia nghe lời Phật dạy, vui mừng làm theo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu mặt lễ sát chân, đi nhiễu ba vòng rồi lui ra.

Vào ngày nọ, đến giờ khất thực, Tỳ-kheo kia mặc y mang bát, vào thành La-duyệt khất thực, đến ngoài cửa vương cung nước Ma-kiệt-đà.

Bấy giờ, vua A-xà-thế trông thấy Tỳ-kheo kia từ xa đi đến, thấy rồi liền bảo người giữ cửa:

–Ngươi có biết không? Trước kia ta đã ra lệnh đừng cho Tỳ-kheo dòng họ Thích vào cung, chỉ trừ Tôn giả Điều-đạt.

Khi ấy, người giữ cửa nắm tay Tỳ-kheo kia kéo ra ngoài, Tỳ-kheo kia giơ cánh tay phải lên nói với vua nước Ma-kiệt-đà:

–Ta là Thiện tri thức lớn của đại vương, là nơi an ổn không có những sự não hại.

Nhà vua hỏi:

–Này Tỳ-kheo! Ông nói sao? Ông căn cứ vào đâu mà nói: "Ta là Thiện tri thức của đại vương, là nơi an ổn?"

Tỳ-kheo kia nói với vua A-xà-thế:

–Thế Tôn nói về nhà vua như vầy: "Vua nước Ma-kiệt-đà tuy giết

vua cha, ông ấy làm ác, khi qua đời sẽ bị đọa vào địa ngục Như đánh cầu. Từ địa ngục qua đời sẽ sinh lên cõi trời Tứ Thiên vương. Từ cõi trời Tứ Thiên vương qua đời sẽ sinh lên cõi trời Tam thập tam. Từ cõi trời Tam thập tam qua đời sẽ sinh lên cõi trời Diễm, trời Đâu-thuật, trời Hóa tự tại, trời Tha hóa tự tại. Từ cõi trời Tha hóa tự tại qua đời sẽ sinh lại cõi trời Hóa tự tại, trời Đâu-thuật, trời Diễm, trời Tam thập tam, trời Tứ Thiên vương, rồi sinh lại làm người trong cõi này. Như vậy đại vương trong hai mươi kiếp không đọa vào ba đường ác mà lưu chuyển trong nhân gian, khi thọ thân cuối cùng, sẽ cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, với lòng tin vững chắc xuất gia học đạo, thành Bích-chi-phật tên là Vô Uế. Vì sao? Vì đại vương sẽ được Vô căn tín."

Tỳ-kheo nói lời này rồi liền bỏ đi.

Bấy giờ, vua A-xà-thế nghe Tỳ-kheo kia nói như vậy không vui, mà cũng chẳng giận, cũng không tin những lời của Tỳ-kheo kia, liền hỏi vương tử Kỳ-vực:

–Này Kỳ-vực! Có Sa-môn đến chỗ ta nói những lời như vầy: "Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác đã thọ ký: Ta giết vua cha là làm điều nghịch ác, sau khi chết sẽ bị đọa vào địa ngục Như đánh cầu. Từ địa ngục qua đời sẽ sinh lên cõi trời Tứ Thiên vương, trời Tam thập tam, trời Diễm, trời Đâu-thuật, trời Hóa tự tại, trời Tha hóa tự tại. Từ cõi trời Tha hóa tự tại qua đời sẽ sinh lại cõi trời Hóa tự tại, trời Đâu-thuật, trời Diễm, trời Tam thập tam, trời Tứ Thiên vương. Từ đó qua đời sẽ sinh lại nhân gian, thọ thân người cuối cùng, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, với lòng tin vững chắc xuất gia học đạo, thành Bích-chi-phật tên là Vô Uế." Này Kỳ-vực! Ngươi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm hỏi lại có đúng như vậy không?

Kỳ-vực đáp:

–Tuân lệnh đại vương.

Bấy giờ, vương tử Kỳ-vực vâng lệnh vua nước Ma-kiệt-đà lập tức ra khỏi thành La-duyệt-kỳ đi tới núi Linh thứu, đến chỗ Đức Thế Tôn. Đến nơi, đầu mặt đảnh lễ sát chân, ngồi sang một bên. Khi đó, vương tử Kỳ-vực đem những lời của vua nước Ma-kiệt-đà trình bày đầy đủ lên Đức Như Lai.

Đức Thế Tôn nói:

–Đúng vậy Kỳ-vực! Phật Thế Tôn không nói hai lời, tùy việc mà nói. Vì sao? Này Kỳ-vực! Vì vua A-xà-thế kia sẽ thành Vô căn tín. Này Kỳ-vực! Với bất kỳ nam, nữ nào cũng sẽ có con đường như thế chẳng sai khác.

Bấy giờ, vương tử Kỳ-vực nhận lời chỉ dạy của Đức Như Lai rồi,

liền đứng dậy đầu mặt đảnh lễ sát chân, cáo lui trở về chỗ vua nước Ma-kiệt-đà, đến nơi liền thưa với vua A-xà-thế:

–Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác thật có nói lời ấy. Vì sao? Vì bất kỳ ai được Vô căn tín thì không có gì sai khác. Xin đại vương đến chỗ Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác.

Vua A-xà-thế đáp:

–Này Kỳ-vực! Ta nghe Sa-môn Cù-đàm có chú thuật, có thể hàng phục dân chúng, khiến cho dị học ngoại đạo ai cũng tin nhận lời dạy của ông ta, nên ta không thể chấp nhận đến gặp Sa-môn Cù-đàm. Thôi được, Kỳ-vực! Ta phải quán sát kỹ Sa-môn Cù-đàm có phải là bậc Nhất thiết trí không? Nếu đúng là bậc Nhất thiết trí, sau đó ta sẽ đến yết kiến Sa-môn Cù-đàm.

Bấy giờ, vương tử Kỳ-vực nghe vua A-xà-thế nói những lời trên thì liền ra khỏi thành La-duyệt, đi đến núi Linh thứu, đến chỗ Đức Thế Tôn, đến nơi, đầu mặt đảnh lễ sát chân, ngồi sang một bên, đem sự việc này bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn nói:

–Này Kỳ-vực! Vua nước Ma-kiệt-đà chẳng bao lâu sẽ đến chỗ ta, sẽ thành Vô căn tín. Sau khi ta vào Niết-bàn, nhà vua sẽ cúng dường xá-lợi của ta.

Vương tử Kỳ-vực hết sức vui mừng không thể tự kìm chế.

Đức Thế Tôn nhân đấy thuyết pháp vi diệu cho vương tử Kỳ-vực, khiến ông ta càng thêm hoan hỷ. Vương tử Kỳ-vực nghe Thế Tôn dạy pháp sâu xa này rồi, liền đứng dậy đầu mặt đảnh lễ sát chân Ngài, đi nhiễu ba vòng, rồi cáo lui.

Lúc ấy, vương tử Kỳ-vực nghe những lời Phật dạy liền rất vui mừng làm theo.

❑

SỐ 509

KINH VUA A-XÀ-THẾ ĐƯỢC THỌ KÝ

Hán dịch: Đời Tây Tấn,
Sa-môn Pháp Cự.

Nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc nước La-duyệt-kỳ. Lúc ấy, vua A-xà-thế thỉnh Phật cúng dường. Đức Phật thọ trai xong, trở về tinh xá Kỳ hoàn. Nhà vua bàn luận với Kỳ-bà:

–Hôm nay thỉnh Phật cúng dường trai phạn rồi, chúng ta nên cúng thứ gì cho xứng đáng hơn?

Kỳ-bà thưa:

–Nên cúng nhiều đèn.

Nhà vua liền ra lệnh đem đủ một trăm hộc dầu mè để thắp từ cung vua đến tinh xá Kỳ hoàn để cúng dường Đức Phật. Khi đó, có một bà lão hết sức nghèo túng, nhưng luôn có tâm chí thành muốn cúng dường Phật mà không có của cải để cúng, thấy nhà vua làm công đức này, lòng rất cảm kích, vừa đi xin được hai tiền, liền đến nhà bán dầu mè để mua dầu. Chủ bán dầu nói:

–Bà lão rất nghèo túng, xin được hai tiền sao không mua thức ăn để dành mà mua dầu này làm gì?

Bà lão đáp:

–Tôi nghe Đức Phật rất khó gặp, trăm kiếp gặp một lần, nay tôi may mắn gặp Phật ở đời mà không có gì để cúng dường. Ngày nay, thấy nhà vua làm công đức lớn rạng rỡ không lường, tâm tôi phấn khích, tuy thật nghèo túng, nhưng muốn thắp một ngọn đèn để làm cội gốc cho đời sau.

Bấy giờ, người chủ bán dầu biết tâm chí thành của bà lão, bán cho hai tiền được hai đấu, thêm cho ba đấu, tất cả được năm đấu dầu. Bà lão liền đến ngay trước Đức Phật thắp lên, trong lòng suy nghĩ: "Dầu này thắp không đủ nửa đêm", mới tự thề: Nếu tôi đời sau đắc đạo như Phật thì dầu này thắp đèn sẽ sáng suốt đêm nay không tắt.

Rồi đảnh lễ bái lui.

Bao nhiêu đèn dầu của nhà vua tuy có người trông nom nhưng không toàn vẹn, có cái sáng, có cái tắt. Duy ngọn đèn của bà lão, ánh sáng trong lành đặc biệt hơn hẳn các ngọn đèn khác, suốt đêm không tắt, dầu lại không cạn cho đến bình minh. Bà lão lại đến trước Đức Phật đầu mặt đảnh lễ lui ra đứng chắp tay.

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

–Trời sáng rồi, ông hãy đi tắt các ngọn đèn.

Vâng lời Đức Phật, Tôn giả Mục-liên lần lượt tắt các ngọn đèn, tất cả đều tắt hết, chỉ còn một ngọn đèn của bà lão, ba lần dập tắt nhưng không tắt. Tôn giả Mục-liên liền dùng ca-sa giơ lên quạt, ngọn đèn ấy càng sáng thêm, mới dùng thần thông dẫn gió Tùy-lam để thổi, ngọn đèn của bà lão lại sáng rực rỡ, trên chiếu đến trời Phạm thiên, xung quanh chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới, đều thấy ánh sáng đó.

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

–Thôi, thôi! Đây là ánh sáng công đức của vị Phật đương lai, chẳng phải oai thần của ông có thể tắt được. Bà lão này đời trước đã từng cúng dường một trăm tám mươi ức vị Phật, từ trước được Phật thọ ký, thường đem kinh pháp giáo hóa dân chúng, nhưng chưa từng hành bố thí nên nay nghèo túng không có của báu, về sau trải qua ba mươi kiếp công đức tròn đầy sẽ thành Phật hiệu là Tu-di Đăng Quang Như Lai Chí Chân, thế giới không có mặt trời, mặt trăng, dân chúng trong cõi đó, thân đều có ánh sáng lớn, cung điện, nhà cửa, các thứ báu ánh sáng chiếu với nhau như trên cõi trời Đao-lợi.

Bà lão nghe Phật thọ ký, vui mừng, lập tức thân nhẹ nhàng cất lên hư không cách đất một trăm tám mươi trượng rồi hạ xuống, đầu mặt đảnh lễ Đức Phật rồi bái lui.

Nhà vua nghe vậy hỏi Kỳ-bà:

–Ta làm công đức vĩ đại thế này mà Đức Phật không thọ ký cho ta, còn bà lão chỉ cúng một ngọn đèn lại được Phật thọ ký. Vì sao vậy?

Kỳ-bà thưa:

–Đại vương tuy cúng nhiều đèn nhưng tâm không chuyên nhất, chẳng bằng bà lão này chú tâm nơi Phật.

Thế là nhà vua lại đến thỉnh Phật, đến tối ra lệnh những người giữ vườn: Mỗi người sáng mai hái các hoa đẹp mau đem về cung thật sớm.

Vừa rạng sáng, Đức Phật rời tinh xá Kỳ hoàn, từ từ khoan thai cất bước, dọc đường Phật thuyết pháp cho dân chúng, đến trưa mới tới vương

cung. Sáng sớm, có một người cầm hoa đi từ đường tắt vừa ra khỏi vườn gặp ngay Đức Phật trên đường lớn, nghe Phật giảng nói kinh, một lòng vui mừng, liền đem bao nhiêu hoa cầm trên tay tung lên Đức Phật, hoa đều trụ ở không trung ngay trên đầu Đức Phật. Đức Phật liền thọ ký:

–Ngươi đã từng cúng dường chín mươi ức vị Phật, về sau một trăm lẻ bốn kiếp, sẽ thành Phật hiệu là Như Lai Giác Hoa.

Người đó vui mừng, lập tức thân nhẹ nhàng cất lên hư không rồi hạ xuống, kính lễ Đức Phật xong, lại suy nghĩ: "Nhà vua của ta là người tánh rất nghiêm khắc nóng nảy, hôm qua ra lệnh ta giữ trai giới, hái hoa để cúng Phật, nhưng ta đem tất cả dâng cúng Phật, nay về tay không thì chắc chắn ta sẽ bị giết", ông ta liền đi thẳng về nhà để hộp đựng hoa ngoài cửa và bảo vợ:

–Anh hồi sớm giờ chưa ăn, nay nhà vua sẽ giết anh, mau mau làm thứ gì cho anh ăn.

Người vợ nghe rất hoảng sợ, hỏi:

–Anh vì sao mà bị nhà vua đem giết?

Người chồng liền nói đầy đủ sự việc cho vợ. Người vợ cấp tốc xuống bếp làm thức ăn. Ngay lúc đó, trời Đế Thích liền đem hoa trời bỏ đầy trong hộp. Người vợ đem thức ăn lên, thấy cái hộp không ngoài cửa có hoa đầy tràn, màu sắc rực rỡ khác thường, vội vàng nói với chồng:

–Anh ra ngoài cửa xem.

Người chồng thấy, biết đây là hoa trời, nên rất vui mừng, không ăn mà liền mang hoa đến nhà vua.

Nhà vua đích thân đi đón Đức Phật. Trên đường đi gặp người giữ vườn mang hoa tới, vua thấy hoa rất đẹp, ở thế gian hiếm có, liền hỏi người giữ vườn:

–Trong vườn của ta có rất nhiều hoa đẹp như vầy, mà ngươi lâu nay không dâng lên, tội ngươi đáng chết có biết không?

Người giữ vườn thưa:

–Thưa đại vương! Trong vườn không có hoa này, hạ thần sáng sớm đem hoa trong vườn về cung, trên đường đi gặp Đức Phật, không thắng nổi lòng vui mừng, hạ thần đem hết hoa dâng lên Phật, liền được Ngài thọ ký cho hạ thần. Biết sẽ bị giết nên hạ thần về nhà tìm thứ gì để ăn, trong thời gian đó, hạ thần ra thì lại thấy trong hộp không ấy đầy hoa, đây chắc là hoa trời chứ trong vườn chẳng thể có. Nay hạ thần sinh vào hạng thấp kém, vì đại vương mà giữ vườn, bị ràng buộc nơi vương cung không thể

hành đạo, một khi đã được thọ ký rồi, ngay bây giờ hạ thần có chết chắc chắn sinh lên cõi trời, ở trước mười phương Phật không bị ràng buộc, có thể tùy ý hành đạo. Nếu đại vương đem giết, hạ thần không sợ sệt.

Nhà vua nghe người ấy được thọ ký liền sinh hổ thẹn, xúc động vô cùng, đứng dậy đảnh lễ quỳ gối cầu xin sám hối.

Đức Phật đến vương cung, thọ thực xong, chú nguyện nhà vua rồi trở về tinh xá.

Nhà vua lại hỏi Kỳ-bà:

–Ta lần trước thỉnh Phật thì bà lão được Phật thọ ký. Ngày nay bày phước thì người giữ vườn được Phật thọ ký. Chỉ một mình ta vì cớ gì không được Phật thọ ký, lòng rất áy náy, cần phải làm những công đức gì?

Kỳ-bà thưa:

–Đại vương tuy hàng ngày làm phước chỉ dùng của cải kho tàng của quốc gia, sai khiến sức của dân chúng, hoặc do tâm kiêu mạn, hoặc do ý sân giận, cho nên chưa được Phật thọ ký. Nay nên đem công sức nơi chính mình làm đầy đủ để cúng dường và cởi anh lạc, vòng ngọc bảy báu để làm hoa báu, phải cùng có sự trợ giúp của phu nhân, thái tử, từ đó được nhiều công lao, một lòng dâng lên cho Phật, Phật thấy vua chí thành thì chắc chắn sẽ thọ ký.

Bấy giờ, vua giảm triệt để sự ăn uống, ngày đêm giữ trai giới, cởi những đồ báu trên mình. Những người thợ làm hoa ngày trước tụ họp để làm nhưng lúc này nhà vua và phu nhân, thái tử đều tự tay mình làm những hoa báu, cho đến chín mươi ngày mới hoàn tất. Nhà vua ra lệnh bên ngoài chuẩn bị xa giá để đến dâng lên Phật. Cận thần thưa:

–Hạ thần nghe những ngày trước đây Đức Phật đi đến nước Cưu-di-na-kiệt rồi nhập Niết-bàn.

Nhà vua nghe vậy, lòng rất ưu buồn, rơi lệ nghẹn ngào than:

–Ta cố chí tâm, tự tay mình làm hoa này, Phật tuy vào Niết-bàn, ta vẫn đến núi Kỳ-xà-quật đặt lên chỗ Phật ngồi để dâng lên lòng thành thật của ta.

Kỳ-bà thưa:

–Phật là vô thân, cũng không Nê-hoàn, thường trụ, chẳng mất, chẳng còn, chỉ có người nào chí tâm thì gặp được Phật. Phật tuy tại thế mà người không chí tâm thì không gặp được Phật. Đại vương chí thành như vậy, Phật tuy Bát-niết-bàn nhưng đến đó chắc chắn gặp Phật.

Nhà vua ra lệnh đến núi Kỳ-xà-quật, tới nơi liền thấy Phật, vua vừa

buồn, vừa vui, rơi lệ và tiến đến, đầu mặt đảnh lễ, dùng hoa bằng bảy báu tung lên Đức Phật, tất cả hoa trụ ở giữa hư không hóa thành lọng báu ngay trên Đức Phật.

Đức Phật liền thọ ký cho vua:

–Về sau tám vạn kiếp, kiếp đó tên là Hỷ quán, vua sẽ thành Phật, hiệu là Như Lai Tịnh Kỳ Sở Bộ, quốc độ ấy tên là Hoa vương, khi đó, dân chúng thọ bốn mươi tiểu kiếp.

Lúc ấy, thái tử con vua A-xà-thế tên là Chiên-đà-hòa-lợi vừa tám tuổi, thấy cha được thọ ký nên rất vui mừng, liền cởi những đồ báu trên thân đem tung lên Đức Phật, rồi thưa:

–Con nguyện khi Đức Tịnh Kỳ Sở Bộ thành Phật, con sẽ làm Kim luân thánh vương, được cúng dường Phật, sau khi Đức Phật đó Nê-hoàn, con sẽ kế thừa làm Phật, rải hoa báu làm bằng anh lạc che ngay trên Đức Phật.

Phật nói:

–Con chắc chắn sẽ đạt như sở nguyện. Khi vua thành Phật, con sẽ làm Kim luân thánh vương, hết tuổi thọ sẽ sinh lên cõi trời Đâu-suất, hết thọ mạng ở cõi trời sau đó thành Phật, Phật hiệu là Chiên-đàn, giáo hóa ở cõi Dược vương, dân chúng ở cõi đó thọ mạng cũng như dân chúng ở cõi Hoa vương của Đức Phật Tịnh Kỳ Sở Bộ.

Khi Đức Phật thọ ký xong, vua A-xà-thế và Chiên-đà-hòa-lợi đến trước Phật đảnh lễ, bỗng nhiên không thấy Phật nữa.

❑

SỐ 510

KINH THÁI HOA VI VƯƠNG THƯỢNG PHẬT THỌ QUYẾT HIỆU DIỆU HOA

(Những người hái hoa trái lệnh vua mà dâng cúng Phật được thọ ký tên là Diệu Hoa)

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Tam tạng Trúc Đàm-vô-lan, người Thiên Trúc.

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn giáo hóa ở thành La-duyệt-kỳ, thuyết giảng kinh Tán Tuệ, phần đầu, phần giữa và phần cuối đều là lời thiện, nghĩa lý của kinh thật vi diệu, tịnh tu phạm hạnh, chỗ giảng rộng lớn.

Bấy giờ, nhà vua liền ra lệnh hơn vài mươi người hàng ngày hái hoa đẹp dâng lên nhà vua. Chỉ trừ đám thể nữ lớn nhỏ nơi hậu cung các quý nhân. Một ngày nọ, những người theo lệnh vua ra ngoài thành hái hoa, khi trở vào theo con đường tắt thì thấy Đức Phật đi qua, xa thấy Đức Thế Tôn đủ các tướng hảo, oai quang rực rỡ vô lượng, giống như mặt trăng ở giữa các vì sao, như mặt trời mới mọc chiếu khắp thế gian, cùng đầy đủ chúng Thánh đệ tử, Bồ-tát theo hầu trước sau. Mọi người cùng đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, tự nghĩ: "Mạng người khó giữ, khó gặp Phật ở đời, khó được nghe kinh pháp, nay gặp Đại Thánh như người bệnh gặp thầy thuốc giỏi. Chúng ta thân vốn hèn kém, lại thêm sự ràng buộc của quan quyền, bị sai khiến phục dịch luôn không được tự tại. Nhà vua nghiêm khắc nóng nảy, người phụ trách sai hái hoa thường bảo phải đem về sớm, nếu không đúng giờ thì có thể bị giết." Họ nghĩ: "Thời gian trôi qua không trở lại, Thánh chúng khó gặp, ức kiếp mới gặp, thà bỏ thân mạng, nên dâng hoa tung lên cúng dường Phật và Thánh chúng. Nhờ nghe kinh giới mà hiểu pháp sâu xa, được trí tuệ không cùng. Chúng ta ở nơi vô số kiếp bị người làm hại không thể nói hết, chưa từng vì pháp mà tiếc thân mạng. Nay nhờ việc làm cúng dường Đức Thế Tôn, Tam bảo, nên dẫu bị hại thì cũng chắc chắn không bị đọa vào nơi đau khổ, mà sinh vào nơi yên ổn." Họ bèn đem hoa rải lên Đức Phật và Thánh chúng, rồi tất cả một lòng đảnh lễ. Phật biết ý họ phát tâm vô thượng liền rải tâm Từ đến họ, thuyết giảng pháp Đại thừa: Sáu Độ không cùng tột (sáu độ Ba-la-mật), bốn Đẳng (bốn Vô lượng tâm),

bốn Nhiếp pháp (bốn Ân), ba môn Giải thoát của Bồ-tát. Những người hái hoa đều phát tâm cầu đạt đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thấu rõ Phật tuệ, không còn thoái chuyển. Phật liền thọ ký cho họ sau này sẽ thành Phật hiệu là Diệu Hoa gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vi Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Mọi người nghe đều vui mừng, đón nhận đại pháp, cung phụng Tam bảo.

Bấy giờ, những người hái hoa cúng dường được thọ ký xong, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi trở về nhà báo cho gia đình, cha mẹ, vợ con và nói lời từ biệt:

–Tôi nay hết số, chắc bị nhà vua giết.

Cha mẹ ngạc nhiên hỏi:

–Bị tội gì?

Các người con đáp:

–Vì nhà vua ra lệnh đi hái hoa, nhưng giữa đường gặp Phật đã đem hoa dâng cúng. Nhà vua rất nghiêm khắc, đã không đúng thời gian, lại còn không có hoa, chắc là nguy cho tánh mạng, cho nên nói lời từ biệt.

Cha mẹ nghe vậy càng thêm lo buồn và than:

–Biết phải làm gì đây?

Bỗng thấy trong rương đầy hoa Tu-mạn đẹp xen lẫn hương thơm tỏa ngát xa khắp bốn bên. Cha mẹ nói:

–Có thể dùng dâng lên vua.

Các người con thưa:

–Mọi người thấy vậy chắc truyền đến vua, nhưng không đúng hẹn, sợ chẳng được yên.

Bấy giờ, nhà vua thấy trễ giờ, lại thấy hoa rải đầy đường, nên rất giận, liền ra lệnh quan hầu cận dẫn nhiều binh lính đến bắt đem về. Vâng lệnh vua, quan hầu cận đến bắt những kẻ kia đem về cung. Nhà vua nói:

–Tội các ngươi đáng bêu đầu giữa chợ.

Những người hái hoa không sợ, sắc mặt chẳng đổi, nhà vua thấy lạ lại hỏi:

–Các ngươi lúc này tội lỗi không lường, bị bắt trói sẽ đem đi giết, cớ gì chẳng sợ, sắc mặt không đổi?

Những người hái hoa liền tâu:

–Người sinh ắt có tử, vật thành thì có hoại, chúng tôi từ vô số kiếp

thường làm phi pháp, chẳng tiếc thân mạng. Sáng sớm hái hoa gặp Đức Thế Tôn, dâng hoa cúng dường và đảnh lễ. Bây giờ, biết mình trái lệnh sẽ bị giết, thà vì có đức mà chết, chứ không vì vô đức mà sống.

Nói xong, trở lại thấy trong rương hoa đầy như cũ. Họ nghĩ: "Đây đều là ân từ của Như Lai che chở."

Nhà vua nghe rất lạ không tin, liền đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân, lui ngồi một bên, chắp tay thưa hỏi Đức Phật:

–… Có điều như vậy không?

Đức Phật đáp:

–Đúng vậy! Những người này muốn cứu độ mười phương chúng sinh, không tiếc thân mạng, nên dâng nhiều hoa tung lên cúng dường Phật, ý không có tưởng được báo đáp, do đó được Phật thọ ký, đương lai sẽ thành Phật hiệu là Diệu Hoa Chí Chân Đẳng Chánh Giác, do phát tâm vô thượng nên được thọ ký. Hương hoa của lòng từ đựng đầy rương, không ai là chẳng nghe biết.

Nhà vua nghe rất vui mừng, vội vàng cởi trói tự trách:

–Kẻ ngu không biết đã trói buộc Bồ-tát, xin tha lỗi cho.

Phật bảo:

–Lành thay, lành thay! Người có thể sửa đổi, chẳng khác người không lỗi.

Phật dạy như vậy, vua và thần dân đều vui mừng, đảnh lễ lui ra.

❑

SỐ 511

KINH BÌNH-SA VƯƠNG NGŨ NGUYỆN

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Cư sĩ Chi Khiêm,
người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cùng năm trăm vị Tỳ-kheo ở tại núi Kê thuộc nước Vương xá.

Khi đó, vua nước Vương xá hiệu là Bình-tỷ-sa, lúc nhỏ còn làm thái tử thường nguyện năm điều:

1. Tôi nguyện làm vua lúc còn trẻ.

2. Trong nước tôi có Phật.

3. Tôi thường được ra vào qua lại ở chỗ Phật.

4. Thường nghe Phật giảng nói kinh.

5. Được nghe kinh, tâm mau hiểu rõ, đắc quả Tu-đà-hoàn.

Năm nguyện đó của vua Bình-tỷ-sa đều được thành tựu.

Bấy giờ, phương Bắc nước Vương xá có nước tên là Đức Soa-y-la, vua nước đó tên là Phất-ca-sa, trong đời quá khứ vô cùng cao đẹp, vua đã từng yết kiến Phật và được nghe Phật giảng dạy kinh nói về sáu phần trong thân. Những gì là sáu?

1. Trong thân có đất.

2. Trong thân có nước.

3. Trong thân có lửa.

4. Trong thân có gió.

5. Trong thân có không (hư không).

6. Trong thân có tâm.

Đó là sáu phần trong thân.

Vua Bình-tỷ-sa cùng vua Phất-ca-sa trong đời này chưa từng gặp nhau, nhưng lại thương yêu kính mến như anh em, thường có thư từ qua lại thăm hỏi không gián đoạn. Vua Bình-tỷ-sa thường nghĩ: "Ta mong được vật quý tuyệt hảo để tặng Phất-ca-sa." Vua Phất-ca-sa cũng thường

nghĩ: "Ta mong được vật quý tuyệt hảo để tặng vua Bình-tỷ-sa." Trong nước vua Phất-ca-sa bỗng nhiên sinh ra một hoa sen, có ngàn cánh hoa màu vàng ròng. Vua sai sứ giả đem hoa tặng vua Bình-tỷ-sa. Thấy hoa, vua Bình-tỷ-sa rất hoan hỷ, nói:

–Vua Phất-ca-sa tặng ta vật này thật là hiếm có.

Vua Bình-tỷ-sa viết thư gởi cho vua Phất-ca-sa:

–Trong nước tôi có rất nhiều vàng bạc, châu báu, nhưng tôi không cho là quý. Nay trong nước tôi có một hoa người, hoa người này hiệu là Phật, thân có ba mươi hai tướng tốt, toàn thân màu vàng ròng.

Vua Phất-ca-sa đọc thư nghe tiếng Phật, rất vui mừng, vô cùng xúc động. Do đời trước vua đã từng gặp Phật nên xúc động như thế. Vua Phất-ca-sa viết thư gởi cho vua Bình-tỷ-sa, nói là mình muốn được nghe đầy đủ lời Phật dạy bảo và sẽ theo đó phụng hành. Tôi mong chờ thư đáp của bạn.

Vài ngày sau, vua Phất-ca-sa tự nghĩ: "Mạng sống không thể biết, chỉ tồn tại trong khoảng hơi thở, ta không thể chờ thư đáp của Bình-tỷ-sa, chi bằng ta tự đến gặp Phật." Vua Phất-ca-sa ra lệnh cho quốc vương chín mươi nước nhỏ đến triều kiến, rồi Phất-ca-sa lại hạ lệnh cho vua các nước nhỏ cùng bá quan quần thần, binh lính, tất cả chuẩn bị xa giá khởi hành đến chỗ Phật ở nước Vương xá. Trên đường đi, vua Phất-ca-sa nhận được thư của vua Bình-tỷ-sa, trong thư viết: "Phật dạy người xuất gia bỏ vợ con, đoạn trừ ái dục, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y, làm Sa-môn. Vì sao? Vì người ngu si làm điều không nên làm, đó là si. Do si sinh hành, do hành sinh thức, do thức sinh danh sắc, do danh sắc sinh lục nhập. Những gì là lục nhập?

1. Mắt.
2. Tai.
3. Mũi.
4. Lưỡi.
5. Thân.
6. Ý.

Đó là sáu. Sáu căn này đều hướng ra bên ngoài: mắt hướng sắc, tai hướng tiếng, mũi hướng mùi, lưỡi hướng vị, thân hướng vật mịn màng, ý hướng dục. Đó là sáu hướng. Do sáu hướng sinh nghiệp, do nghiệp sinh khổ vui, do khổ vui sinh ái, do ái sinh thọ, do thọ sinh hữu, do hữu sinh sinh, do sinh sinh già, chết lo buồn khổ não không được như ý. Đó là sự kết hợp nhóm tụ của đại khổ ấm. Những điều khổ này kết tập lại gọi là

người. Người trí tự trừ bỏ ngu si, ngu si chấm dứt thì các điều ác tiêu trừ, điều ác tiêu trừ thì hành chấm dứt, hành chấm dứt thì thức chấm dứt, thức chấm dứt thì danh sắc chấm dứt, danh sắc chấm dứt thì lục nhập chấm dứt, lục nhập chấm dứt thì hợp chấm dứt, hợp chấm dứt thì khổ vui chấm dứt, khổ vui chấm dứt thì ái chấm dứt, ái chấm dứt thì thọ chấm dứt, thọ chấm dứt thì hữu chấm dứt, hữu chấm dứt thì sinh chấm dứt, sinh chấm dứt thì già chết chấm dứt, già chết chấm dứt thì ưu bi khổ não không như ý cũng chấm dứt. Như vậy là sự kết hợp nhóm tụ của các ấm đại khổ chấm dứt, không sinh trở lại, không sinh tức là đắc đạo Niết-bàn vô vi."

Vua Phất-ca-sa đọc thư xong rồi suy nghĩ: "Vào ban đêm, sau khi mọi người yên nghỉ, ta sẽ ra đi." Quần thần bá quan khi ấy đều ngủ, vắng lặng không một tiếng động, vua lén bỏ đi vào trong bãi tha ma, tự mình cạo tóc, mặc pháp y, làm Sa-môn. Không có bình bát đựng thức ăn, vua liền lấy sọ người chết đã lâu trong bãi tha ma, cạo rửa sạch sẽ, dùng làm bình bát. Vua mang bát ấy đi đến nước Vương xá của vua Bình-tỷ-sa. Vua dừng lại ngoài thành, nhìn mặt trời rồi nghĩ: "Bây giờ đi đến chỗ Đức Phật thì đã muộn, nên để ngày mai."

Vua Phất-ca-sa đến trước nhà làm gạch ngói xin ngủ nhờ một đêm. Chủ nhà nói:

–Rất tốt, nhà tôi rộng rãi có chỗ cho ông nghỉ qua đêm.

Vua Phất-ca-sa ra ngoài lấy tấm đệm cỏ nhỏ, vào một chỗ khuất trải ra ngồi trên đó, tự tư duy về năm điều bên trong.

Từ trong núi Kê, Phật dùng Thiên nhãn từ xa thấy vua Phất-ca-sa đến nghỉ ở nhà làm gạch ngoài thành nước Vương xá. Phật nghĩ: "Ngày mai vua Phất-ca-sa sẽ qua đời, sợ không gặp được ta." Vì vậy, Đức Phật hiện đến ngoài cửa nhà làm gạch, xin chủ nhà:

–Cho tôi ngủ nhờ một đêm.

Chủ nhà đáp:

–Nhà tôi rộng lớn, Ngài có thể ở chung với một vị Sa-môn mới đến, cũng xin ngủ nhờ qua đêm. Ông hãy báo cho thầy ấy biết về việc hai người có thể ở chung với nhau qua đêm.

Đức Phật đến chỗ vua Phất-ca-sa nói:

–Tôi được chủ nhà cho ngủ nhờ qua đêm, tôi báo cho thầy biết. Thầy có bằng lòng cho tôi cùng nghỉ qua đêm chăng?

Phất-ca-sa nói:

–Tôi chỉ có đệm cỏ nhỏ, chỉ đủ để ngồi, nhà này rộng rãi, ông cứ tự

nhiên an nghỉ.

Phật liền quan sát rồi lấy tấm đệm cỏ nhỏ ngồi một chỗ. Đức Phật ngồi yên quá canh ba, Phất-ca-sa cũng đang đoan tọa. Đức Phật nghĩ: "Phất-ca-sa đang ngồi thật tĩnh lặng bất động, ta muốn đến trước để hỏi: Vì sao thầy làm Sa-môn? Thọ kinh giới gì? Thích những kinh gì?"

Nghĩ rồi, Phật đến trước Phất-ca-sa hỏi:

–Đạo sư của thầy là ai? Vì sao thầy làm Sa-môn?

Phất-ca-sa đáp:

–Tôi nghe có Phật họ Cù-đàm, con của vua Bạch Tịnh tự là Duyệt-đầu-đàn. Ngài cạo bỏ râu tóc làm Sa-môn đã đắc quả Phật. Đó là thầy của tôi. Tôi vì pháp Phật mà làm Sa-môn. Kinh Phật đã giảng nói thâm nhập tâm tôi, tôi rất vui mừng.

Đức Phật hỏi:

–Thầy đã thấy Phật chưa?

Phất-ca-sa đáp:

–Chưa từng thấy.

–Giả sử thầy thấy Phật có biết được Phật không?

Phất-ca-sa đáp:

–Nếu thấy cũng không thể biết.

Đức Phật nghĩ: "Hiền giả đây vì ta mà làm Sa-môn, ta sẽ vì người này tiếp tục giảng nói kinh đời trước ông ấy đã nghe, như vậy mới mau hiểu."

Đức Phật nói với Phất-ca-sa:

–Tôi sẽ vì ông giảng nói kinh, lời nói đầu, lời nói giữa, lời nói cuối đều thiện. Vì ông ta giảng nói sáu phần trong thân, hãy lắng nghe.

Phất-ca-sa nói:

–Thật quý hóa!

Phật nói:

–Hợp sáu phần này là thành thân người, thân người gồm đủ sáu phần thì có sự hiểu biết. Người dụng tâm thì ý chuyển động thành mười tám việc. Có bốn việc người học đạo cần phải phụng hành, phụng hành rồi tâm không lay chuyển, người tâm không chuyển động thì liền đắc đạo quả, đắc đạo quả rồi thì không sinh trở lại, không già, không bệnh, không chết ở đời này, cũng không chết ở đời sau, cũng không sầu não, không ưu phiền, không phẫn nộ, cũng không suy nghĩ, không ái. Đó là đạo vượt khỏi thế

gian.

Phất-ca-sa thưa:

–Xin Ngài giải rõ sáu phần hợp lại thành người.

Đức Phật nói:

–Ông hãy lắng nghe cho kỹ:

1. Đất.

2. Nước.

3. Lửa.

4. Gió.

5. Không.

6. Tâm.

Những gì là đất? Đất có hai loại: Đất trong thân và đất ngoài thân. Đất trong thân là những gì? Đó là: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, lá lách, thận, gan, phổi, ruột, dạ dày. Các thứ cứng trong thân đều là đất. Đất trong thân, đất ngoài thân đều gọi là đất. Đất trong thân, đất ngoài thân chẳng phải đất của ta. Người biết như vậy thì không có gì để tham ái, nên suy nghĩ chín chắn để tự hiểu rõ.

Những gì là nước? Nước có hai loại: Nước trong thân và nước ngoài thân. Nước trong thân là những gì? Đó là: nước mắt, nước dãi, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, tủy, não, nước tiểu. Những thứ mềm trong thân đều gọi là nước. Nước trong thân, nước ngoài thân đều gọi là nước. Nước trong thân, nước ngoài thân chẳng phải là nước của ta. Người biết như vậy thì không có gì để tham ái, nên suy nghĩ chín chắn để tự hiểu rõ.

Những gì là lửa? Lửa có hai loại: Lửa trong thân và lửa ngoài thân. Lửa trong thân là những gì? Đó là hơi ấm trong thân, hơi nóng trong bụng tiêu hóa các thức ăn. Các hơi nóng trong thân đều là lửa. Lửa trong thân, lửa ngoài thân đều gọi chung là lửa. Lửa trong thân, lửa ngoài thân chẳng phải là lửa của ta. Người biết như vậy thì không có gì để tham ái, nên suy nghĩ chín chắn để tự hiểu rõ.

Những gì là gió? Gió có hai loại: Gió trong thân và gió ngoài thân. Gió trong thân là những gì? Đó là hơi đi lên, hơi đi xuống, hơi trong xương, hơi trong bụng, hơi trong tay chân, hơi thở ngắn, dài. Các thứ hơi khởi động trong thân đều là gió. Gió trong thân, gió ngoài thân đều gọi chung là gió. Gió trong thân, gió ngoài thân chẳng phải là gió của ta. Người biết như vậy thì không có gì để tham ái, nên suy nghĩ chín chắn để tự hiểu rõ.

Những gì là không? Không có hai loại: Không trong thân và không

ngoài thân. Không trong thân là những gì? Đó là khoảng không ở mắt, khoảng không ở mũi, khoảng không ở tai, khoảng không ở miệng, khoảng không ở cuống họng, khoảng không ở bụng, khoảng không ở dạ dày, khoảng không ở chỗ thức ăn ra vào. Đó là không ở trong thân. Không trong thân, không ngoài thân đều gọi chung là không. Không trong thân, không ngoài thân chẳng phải là không của ta. Người biết như vậy thì không có gì để tham ái, nên suy nghĩ chín chắn để tự hiểu rõ.

Người trí học đạo thường tự biết phân biệt năm phần trong thân, trừ một phần là tâm. Tâm thanh tịnh vô dục, tự nghĩ ta thanh tịnh như vậy, hoặc nguyện muốn sinh lên cõi trời thứ hai mươi lăm là Không tuệ, trên cõi trời này tuổi thọ ngàn kiếp thì sợ không giải thoát; hoặc nguyện sinh lên cõi trời thứ hai mươi sáu là Thức tuệ, tuổi thọ gấp đôi cõi trời thứ hai mươi lăm, sợ không giải thoát; hoặc nguyện muốn sinh lên cõi trời thứ hai mươi bảy là Vô sở niệm tuệ, tuổi thọ gấp đôi ở cõi trời thứ hai mươi sáu, sợ không giải thoát; hoặc nguyện muốn sinh lên cõi trời thứ hai mươi tám là Vô tư tưởng, tuổi thọ tám mươi bốn ngàn vạn kiếp, lại sợ không giải thoát; tuổi thọ lâu dài nhưng không giải thoát, tâm nhàm chán khổ nên chọn lấy đạo Niết-bàn.

Những gì là sáu sự hợp?

1. Mắt hợp với sắc.
2. Tai hợp với tiếng.
3. Mũi hợp với mùi.
4. Lưỡi hợp với vị
5. Thân hợp với xúc.
6. Tâm hợp với cái biết.

Đó là sáu sự hợp.

Mười tám sự làm dao động tâm người là những gì? Đó là mắt bị sắc đẹp làm dao động, bị sắc xấu làm dao động, bị sắc bình thường làm dao động. Tai bị âm thanh êm dịu làm dao động, bị âm thanh bi thảm làm dao động, bị âm thanh chát chúa làm dao động. Mũi bị mùi thơm làm dao động, bị mùi hôi làm dao động, bị vô vị làm dao động. Lưỡi bị vị ngon làm dao động, bị vị dở làm dao động, bị vô vị làm dao động. Thân bị vật mềm mịn làm dao động, bị vật thô cứng làm dao động, bị nóng lạnh làm dao động. Tâm bị việc thiện làm dao động, bị việc ác làm dao động, bị thế sự làm dao động.

Đó là mười tám sự làm dao động tâm.

Bốn việc điều chế bền chắc của hành giả là gì?

1. Chí thành.

2. Thương yêu bình đẳng.

3. Trí tuệ.

4. Tiêu diệt các ác.

Đó là bốn việc kiên chí.

Nhân dục lạc đưa đến tham ái của mắt, người lìa bỏ dục lạc thì tự rõ biết quá khứ. Từ khổ mà mang đến khổ có thể biết là khổ, khổ tiêu mất rồi thì tự biết là thoát khổ. Người mang theo khổ khó được an vui, nên suy nghĩ đoạn trừ các việc ác. Vì sự không khổ không vui thì tự biết đã xa lìa các khổ. Ví như lấy hai thanh gỗ ma sát phát sinh ra lửa, nếu tách riêng hai cây, mỗi cây để một chỗ thì lửa diệt mất, cây cũng lạnh. Tham ái hợp nhau liền sinh ra khổ, từ bỏ tham ái tự biết là giải thoát. Ví như người thợ gọt giũa vàng ngọc được vàng tốt thì tự theo ý muốn chế tạo. Những vật hiếm như vòng xuyến, bông tai, vòng đeo chân, hoa quang cùng trăm thứ, người thợ đều có thể làm được. Người học đạo giữ tâm nên như người thợ vàng tùy ý thật sự, muốn sinh lên cõi trời thứ hai mươi lăm, cõi trời thứ hai mươi sáu, cõi trời thứ hai mươi bảy, cõi trời thứ hai mươi tám, nhưng thẩm xét lại đều là hữu vi, tuy được sống lâu nhưng sẽ hoại diệt, đều sẽ qua đi không thường còn. Biết vậy nên bỏ qua, ý không hướng tới, không nhớ nghĩ, không tư duy, không ưa thích, đó gọi là vô vi.

Người trí tự suy nghĩ như vậy mới là cao thượng, người xa lìa các điều ác mới là người trí. Nhìn thấy vạn vật đều trôi qua không thường còn, đó mới là vô vi, cũng không từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu. Người học đạo biết vậy liền tin ở đạo vô vi rất mực chí thành. Khi chưa đắc đạo thì mọi thứ ham thích yêu mến từ thân tâm sinh ra, đắc đạo rồi đều bỏ hết, người bỏ hết tham ái gọi đó là vô vi.

Người để tâm nơi dâm dật nên không giải thoát, để tâm nơi sân hận nên không giải thoát, để tâm nơi ngu si nên không giải thoát. Người học đạo biết vậy nên bỏ tâm dâm dật, bỏ tâm sân hận, bỏ tâm ngu si, nhổ rễ tham ái, trảy rụi cành nhánh, chặt đào hết gốc rễ không để phát sinh trở lại, đó là vô vi.

Tự nghĩ có ta, tâm bị dao động; không ta, tâm cũng bị dao động; ta đoan nghiêm, tâm bị dao động; ta không đoan nghiêm, tâm cũng bị dao động. Người tự gắn liền với những niệm như vậy là bệnh, là bệnh quá nặng, là thống khổ, là không giải thoát. Đây là điểm chính yếu của các khổ, vì vậy không được vọng niệm lung tung.

Phất-ca-sa trước không biết Đức Phật, khi đắc quả thứ ba A-na-hàm thì mới biết là Đức Phật, tức thời liền đứng dậy đảnh lễ sát chân Phật, thưa:

–Con thật ngu si không biết hình tướng nên đã thất lễ cung kính.

Phật liền thị hiện oai thần sáng rực, Phất-ca-sa liền ăn năn sám hối thưa:

–Con là người ngu si.

Phật nói:

–Nếu có thể tự sám hối thì đó là điều tốt, khiến cho tội tiêu trừ.

Phất-ca-sa thưa:

–Xin Ngài chấp nhận cho con làm Sa-môn!

Phật hỏi:

–Nếu ông làm Sa-môn y bát đủ chưa?

Phất-ca-sa thưa:

–Dạ chưa đủ.

Phật nói:

–Sa-môn mà y bát không đủ, không được làm Sa-môn.

Phất-ca-sa thưa:

–Dạ, con xin đi thỉnh đủ.

Phật nói:

–Thật quý hóa!

Phất-ca-sa đảnh lễ Phật, đi nhiễu Phật ba vòng.

Sáng ra, Phất-ca-sa liền vào thành, đi chưa được bao xa, trong thành có con trâu nghé chạy sổng ra dùng sừng húc phải Phất-ca-sa. Các thầy Tỳ-kheo nghe lời đồn liền về bạch Phật:

–Ngày hôm qua, Phật đã ở nhà làm gạch giảng nói kinh cho Sa-môn đó. Sa-môn đó đi thỉnh y bát cho đủ đã bị trâu húc chết. Như vậy Sa-môn ấy sẽ sinh vào chốn nào?

Phật nói:

–Đó là đại Trưởng giả! Ta đã giảng nói kinh cho ông ấy. Ông ấy đã hết lòng thọ trì phụng hành, lập tức đắc ba quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, liền xả bỏ năm triền cái:

1. Dâm dật.

2. Sân hận.

3. Thùy miên (ngủ nghỉ).

4. Hỷ lạc.

5. Tâm bất chánh, nghi hối.

Nay chứng quả A-na-hàm, sinh lên cõi trời thứ mười sáu, rồi ở cõi trời ấy đắc quả A-la-hán, đi giáo hóa độ đời. Nay, các ông hãy cùng nhau đem thân Phất-ca-sa chôn cất tử tế, rồi xây tháp.

Lãnh thọ lời Phật dạy, các thầy Tỳ-kheo liền xây tháp.

Phật giảng nói kinh rồi, các thầy Tỳ-kheo đều chắp tay đảnh lễ Phật.

❑

SỐ 512

KINH TỊNH PHẠN VƯƠNG BÁT-NIẾT-BÀN

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Cư sĩ Thư Cừ Kinh Thanh.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương xá cùng với các vị Đại Tỳ-kheo hội đủ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hiện ra ánh sáng rực rỡ giống như mặt trời mọc, chiếu rõ khắp thế gian. Khi ấy, quốc vương nước Xá-di tên là Tịnh Phạn, từng trị nước bằng chánh pháp, lễ đức và nhân nghĩa gồm đủ, thường hành tâm Từ, lúc này đang bị bệnh nặng, bốn đại trong thân cùng lúc tạo khởi làm suy giảm thân sắc, chi thể như muốn rã rời, hơi thở không ổn định, gấp như ngựa phi, nước chảy. Quan phụ tướng truyền lệnh cho những ai am hiểu về thuốc thang trong nước đều tập họp lại để xem bệnh cho vua, tùy tình hình bệnh trạng mà kê đơn bốc thuốc. Nhưng tất cả các phương pháp trị liệu đều không thể làm bệnh tình của nhà vua thuyên giảm, cả dấu hiệu cho thấy cái chết không còn xa. Lúc ấy, nhà vua buồn đau, trăn trở không thôi, như cá thiếu nước. Phu nhân và các thể nữ trông thấy như thế lại càng thêm đau buồn.

Lúc này, các vua như Bạch Phạn, Hộc Phạn, Đại Xứng... và các quan cùng lên tiếng nói:

–Nay nếu vua băng hà thì sẽ mất hẳn sự chở che, giúp đỡ, nước nhà sẽ suy yếu.

Thân thể vua run rẩy, môi miệng khô héo, tiếng nói như muốn đứt, nước mắt đọng ở mi. Khi ấy, các vị vua kia tâm ý hết mực cung kính, đồng quỳ xuống, khoanh tay và cùng thưa:

–Bản tánh của đại vương xưa nay vốn không thích làm điều dữ, dù chỉ trong khoảnh khắc ngắn ngủi, đại vương cũng luôn tích đức không chán, lo bảo vệ, nuôi dưỡng muôn dân nên không người nào là không được

yên ổn, tiếng tốt ấy truyền khắp mười phương, ngày nay đại vương vì cớ gì mà buồn đau?

Vua Tịnh Phạn bỗng cất tiếng nói với các vua:

–Giờ ta có qua đời cũng không lấy gì làm khổ, chỉ xót xa là không được gặp con ta là Thái tử Tất-đạt. Lại tiếc vì không gặp được con trai thứ là Nan-đà đã dứt được tham dục ở thế gian. Lại cũng tiếc là không gặp được con của vua Hộc Phạn là A-nan-đà, người chuyên giữ gìn pháp tạng của Phật, một lời không mất. Lại cũng tiếc không gặp được cháu nội là La-vân, tuổi tuy còn nhỏ nhưng thần túc gồm đủ, giới hạnh không thiếu. Nếu ta được gặp mặt các con cháu, bệnh ta tuy nặng, chưa thoát được sinh tử, ta cũng không cho là khổ.

Các người đứng vây quanh vua nghe những lời ấy không ai là không kêu khóc, nước mắt như mưa.

Khi ấy, vua Bạch Phạn lên tiếng đáp lời vua Tịnh Phạn:

–Tôi nghe Đức Thế Tôn hiện đang ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá, cách đây khá xa, độ năm mươi do-tuần. Nay vua bị bệnh, giả sử như có phái sứ giả đi thỉnh Phật, nhưng đường sá xa xôi, e sẽ trễ nãi không có ích gì thêm, xin đại vương chớ có sầu lo, mong nhớ cháu con.

Vua Tịnh Phạn nghe những lời ấy, rơi nước mắt đáp lời vua Bạch Phạn:

–Những con cháu của ta tuy có ở xa nhưng tâm ý mong mỏi không bao giờ dứt. Vì sao? Vì con ta đã thành Phật, với tấm lòng đại Từ, đại Bi, thường dùng những thần thông như Thiên nhãn xem thấu mọi nơi, Thiên nhĩ nghe rõ xa gần để cứu độ những chúng sinh nào đang cần cứu độ. Như có trăm ngàn muôn ức chúng sinh bị chìm đắm trong dòng nước, Phật do tâm Từ bi thương xót tức làm thuyền bè để cứu độ những kẻ ấy, hoàn toàn không bao giờ mệt mỏi. Ví như có người bị giặc bao vây, hoặc gặp kẻ oán địch nên lo sợ không biết làm thế nào, không hy vọng tự thoát ra được, chỉ chí thành mong cầu được cứu giúp, nương tựa vào uy lực của Phật, muốn từ trong oán nạn mà được giải thoát. Ví như có người lúc lâm bệnh nặng, mong muốn có được thầy thuốc giỏi để được lành bệnh, so với ta hôm nay mong mỏi được gặp Đức Thế Tôn cũng lại như thế. Sở dĩ như vậy là vì Đức Thế Tôn thường suốt ngày đêm ba thời luôn dùng Thiên nhãn xem xét chúng sinh trong thế gian, những kẻ nào cần được hóa độ, vì Phật với tâm Từ bi thương xót chúng sinh khác nào người mẹ luôn thương nhớ con.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ở tại núi Linh thứu, do Thiên nhĩ thông, Phật nghe từ nơi thành Ca-duy-la-vệ xa xăm kia, vua cha đang lo lắng và

lời của các vua bàn luận, bèn dùng Thiên nhãn xa thấy vua cha lâm bệnh đang nằm ở giường, thân thể tiều tụy, sự sống như đang sắp hết, lại cũng biết vua cha đang khao khát được gặp con cháu. Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói với Tôn giả Nan-đà:

–Vua cha là Tịnh Phạn, một vị vua hơn hẳn các vị vua trong thế gian, là cha của chúng ta nay đang lâm bệnh nặng, nên ta phải về thăm. Hiện sự sống của vua chỉ còn ngắn ngủi, thời điểm nghiêm trọng sắp đến, chúng ta nên trở về thăm cho kịp khi người còn sống để được gặp nhau lần cuối, ngõ hầu ý nguyện của nhà vua được thỏa mãn.

Tôn giả Nan-đà vâng lời dạy, quỳ xuống đảnh lễ:

–Kính bạch Thế Tôn! Vua Tịnh Phạn là phụ vương của chúng ta, nhờ tạo phước đức đặc biệt nên đã sinh được Thánh tử làm lợi ích cho cả thế gian, nay nên về thăm để báo đền ơn nuôi dưỡng.

Tôn giả A-nan chắp tay đến trước Phật thưa:

–Con theo hầu Đức Thế Tôn thường được trông thấy nhau. Vua Tịnh Phạn là bác của con, thấy con xuất gia làm đệ tử của Phật, được Phật dạy dỗ nên con cũng muốn về thăm.

La-vân cũng đến trước Phật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Người là cha của con, rời bỏ đất nước để cầu đạo, con nhờ được ông nội nuôi dưỡng lớn khôn và được xuất gia nên con cũng muốn về để viếng thăm ông nội.

Phật nói:

–Tốt lắm, tốt lắm, nên biết lúc này cần làm cho nhà vua mãn nguyện.

Lúc này, Đức Thế Tôn liền dùng thần túc thông, tựa như vua nhạn, thân vọt lên hư không, chốc lát hiện ra nơi thành Ca-duy-la-vệ rồi phóng ra ánh sáng lớn.

Dân chúng trong nước thấy Đức Phật từ xa đến, họ đều cùng cất tiếng nói trong nước mắt:

–Nếu đại vương băng hà thì tiếng tăm của nước Xá-di ắt là hết rồi.

Dân chúng trong thành đều hướng về Đức Phật khóc lóc, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hồi đó, khi Thái tử rời cung thành đến dưới bóng cây Lam-tỳ, an tọa, để tư duy, vua cha thấy liền cúi đầu kính lễ. Vị đại vương đã đối xử như thế, hôm nay sự sống của người không còn bao lâu sẽ dứt, cầu mong Như Lai nên đến kịp lúc để được trông thấy nhau.

Dân chúng trong nước lăn lộn đau xót tự đánh vào mình, nghẹn ngào kêu khóc. Có người tự dứt bỏ chuỗi ngọc nơi mình, có người tự xé rách

quần áo, có người tự bứt tóc, có người dùng tro bụi bôi lên thân, họ tỏ ra đau đớn đến thấu xương tủy, giống như những người điên cuồng.

Phật thấy thế liền khuyên dân chúng:

–Vô thường lìa biệt xưa nay đều như thế, các vị nên suy xét. Sinh tử là khổ, chỉ có đạo pháp là chân thật. Phật dùng mưa pháp rưới nhuần tâm hồn muôn dân, lại dùng các pháp để mở bày cho họ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tức dùng mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật phóng ra ánh sáng lớn. Lại dùng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, phóng ra ánh sáng lớn. Lại từ công đức mà Phật đã tạo trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, phóng ra ánh sáng lớn. Ánh sáng ấy chiếu rực rỡ, trong ngoài đều thấu tỏ, rọi tỏa cùng khắp cõi nước, chiếu đến thân thể của vua, khiến những đau khổ được yên ổn. Vua lấy làm lạ, hỏi:

–Ánh sáng ấy từ đâu đến? Là của mặt trời, mặt trăng, hay của chư Thiên? Ánh sáng ấy chạm vào thân ta có tác dụng như cây Chiên-đàn quý khiến thân thể ta với bao nhiêu bệnh khổ đều dứt. Ta ngờ ánh sáng ấy không ngoài ánh sáng của con ta là Tất-đạt-đa hiện tới. Trước khi về đến, đã hiện ra ánh sáng, đó là điềm lành.

Khi ấy, vua Đại Xứng từ bên ngoài đi vào cung, thưa với vua Tịnh Phạn:

–Đức Thế Tôn đã về tới, người có đem theo các đệ tử là A-nan, Nan-đà và La-vân... các vị ấy đều từ trên hư không đến, vậy đại vương nên vui mừng, bỏ hết những sầu khổ trong lòng.

Vua nghe Phật về, lòng kính yêu càng phấn chấn, bất giác vua ngồi dậy. Chỉ trong chốc lát, Phật đã vào đến cung. Vua thấy Phật vào liền đưa hai tay ra sát gần tới chân, nói:

–Cầu mong Như Lai chạm tay lên thân này, khiến tôi được an ổn. Bệnh tật làm khốn khổ, như ép dầu mè, đau đớn không chịu nổi. Sự sống của tôi sắp hết, đâu có thể trở lại được. Hôm nay cuối cùng tôi được gặp Đức Thế Tôn, nỗi đau đớn như đã dứt trừ.

Phật biết rõ phụ vương lâm trọng bệnh, thân thể gầy ốm, sắc diện đổi thay, khó biết, không thể nhận ra dáng vẻ ngày trước. Phật nói với Nan-đà:

–Xem vua ngày xưa thân tướng cao lớn, dáng vẻ oai nghiêm, tiếng tăm vang khắp, nay lâm bệnh nặng, khiến không thể nhận ra. Hình tướng uy nghiêm nổi tiếng là khỏe mạnh giờ đâu còn nữa.

Lúc ấy, vua Tịnh Phạn chắp tay, một lòng khen ngợi Đức Thế Tôn:

Nguyện ước Ngài thành tựu
Cũng thỏa nguyện chúng sinh
Nay tôi lâm bệnh nặng
Mong Phật cứu độ tôi.
Dòng Cồ-đàm nghiêm trang
Người là rất đặc biệt
Mạt thế nói chánh pháp
Không giúp mà thành giúp.
Pháp vương dùng pháp vị
Rưới nhuần khắp chúng sinh
Như Thánh vương sau này
Con ta rất từ hiếu.
Rất quý trong loài người
Tiếng vang cõi đại thiên
Trên đến trời Tịnh cư
Một mình không ai bằng.

Phật nói:

–Kính mong phụ vương chớ có lo buồn. Là vì nhà vua vốn có đạo đức thuần hậu, đầy đủ không hề thiếu giảm.

Khi ấy, Đức Phật từ trong lớp ca-sa đưa cánh tay màu vàng ròng, bàn tay như hoa sen, Phật đặt bàn tay mình lên trán phụ vương. Nhà vua là người từng giữ giới hạnh thanh tịnh, tâm đã lìa mọi cấu uế nên nay liền được vui vẻ, không còn phiền não. Cần suy nghĩ chín chắn về những pháp nghĩa nơi các kinh, ở chỗ không kiên cố đạt được ý chí bền vững là nhờ vun trồng căn lành, cho nên đại vương phải vui mừng, mạng sống tuy sắp hết nhưng tự mình có thể mở rộng lòng.

Lúc này, vua Đại Xứng, đem tâm cung kính thưa với vua Tịnh Phạn:

–Phật là con của đại vương có đầy đủ thần lực không ai bằng được. Người con thứ Nan-đà cũng là con của đại vương, đã vượt qua được biển ái dục nơi cõi sinh tử, bốn pháp tu hành không gì ngăn ngại. Con vua Hộc Phạn là A-nan-đà đã thấm nhuần pháp vị, pháp Phật nói ra khác nào biển cả, nhưng một câu cũng không quên, nên đã thâu giữ đầy đủ. Cháu của đại vương là La-vân, đạo đức tinh thuần vẹn toàn, đạt được các bậc thiền định, thành tựu bốn đạo quả. Bốn người con, cháu ấy đã phá được lưới ma.

Vua Tịnh Phạn nghe những lời ấy, vui mừng hết mực, đến nỗi không thể dằn được, liền đưa tay cầm lấy tay Phật đặt lên tim mình, rồi từ thế

nằm, vua ngửa mặt chắp tay bạch Phật:

–Tôi chiêm ngưỡng Như Lai mắt không hề chớp, nhìn hoài không chán. Mong ước của tôi đã thỏa, tâm ý phấn chấn, từ đây xin từ biệt Bậc Như Lai Chí Chân, đã đem lại nhiều lợi ích cho chúng sinh. Người nào được thấy Như Lai, nghe lời Như Lai dạy thì đều là những người từng có nhiều công đức lớn. Ngày nay, Đức Thế Tôn là con của tôi, gần gũi thăm khá lâu, không nỡ rời bỏ.

Vua từ nơi giường bệnh, chắp tay, với tâm cung kính lễ xuống chân Phật. Khi ấy, bàn tay Phật chưa rời khỏi người vua thì phút vô thường đã đến, sự sống của nhà vua đã hết, hơi thở liền dứt. Những người lớn nhỏ thuộc dòng họ Thích, lên tiếng kêu than khóc lóc, tự đập vào thân mình, hoặc vỗ hai tay lên đất, đầu tóc rối bời cùng cất tiếng than:

–Mãi mãi mất đi người che chở cho chúng ta.

Trong số họ có người tự giật đứt xâu chuỗi ngọc quý. Có người tự xé rách y phục. Có người tự lấy tro bụi bôi lên thân. Có người tự giật bức tóc mình. Người thì nói: Vua trị nước bằng chánh pháp không làm khổ nhọc muôn dân. Có người lại nói: Các tiểu quốc cũng mất đi người che chở, bảo hộ. Bậc vua đáng tôn đáng kính nhất trong hàng các vua nay đã băng hà, đất nước mất đi bậc Thần lực uy dũng.

Lúc này, các người trong họ Thích dùng nước các loại hương thơm để tắm rửa thi thể nhà vua, dùng vải Kiếp-ba, vải bông, tơ lụa quấn quanh nhục thân rồi liệm vào áo quan. Bày tòa Sư tử, trang trí bằng bảy báu, châu ngọc kết làm màn lưới buông rũ chung quanh, rồi đưa linh cữu đặt lên tòa Sư tử, có rải hoa đốt hương. Phật và Tôn giả Nan-đà đứng nghiêm trang, cung kính nơi trước linh cữu. Tôn giả A-nan, La-vân đứng ở phía cuối. Tôn giả Nan-đà quỳ xuống bạch Phật:

–Phụ vương đã có ơn nuôi dưỡng, vậy cho con được khiên linh cữu của người.

Tôn giả A-nan chắp tay đến trước Phật bạch:

–Xin cho con được phép khiên linh cữu bá phụ.

La-vân cũng đến trước Phật thưa:

–Nay cho con được phép khiên linh cữu ông nội.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì nghĩ đến đời có kẻ bạo nghịch, hung ác, không tưởng nhớ đến việc đền đáp công ơn của cha mẹ sinh thành, nuôi dưỡng, đó là những kẻ bất hiếu. Nhằm chỉ dạy cho chúng sinh nơi đời vị lai nên Phật lập ra lễ pháp: Như Lai muốn đích thân khiên linh cữu phụ

vương. Tức thì, tam thiên đại thiên thế giới hiện đủ sáu cách chấn động, hết thảy những ngọn núi cao lớn đều trồi lên sụt xuống như thuyền đi trên sóng nước.

Khi ấy, tất cả chư Thiên ở cõi Dục cùng vô số trăm ngàn quyến thuộc đều đến viếng tang. Thiên vương Tỳ-sa-môn ở phương Bắc dẫn theo hàng trăm ngàn ức chúng quỷ thần Dạ-xoa cùng đến viếng tang. Thiên vương Đề-đầu-lại-trá ở phương Đông với ức trăm ngàn chúng quỷ thần kỹ nhạc cùng đến viếng tang. Ở phương Nam Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-xoa đem theo hàng trăm ngàn ức quỷ thần Cưu-bàn-đồ cùng đến viếng tang. Ở phương Tây Thiên vương Tỳ-lưu-bác-xoa cùng với hàng trăm ngàn ức chúng Rồng, Thần cùng đến viếng tang. Tất cả đều bày tỏ lòng thương xót rồi cất tiếng than khóc.

Bấy giờ, bốn vị Thiên vương bàn riêng với nhau khi nhìn thấy Đức Thế Tôn, vì để răn dạy những người con bất hiếu với cha mẹ trong đời sau, nên Phật đã đích thân khiên linh cữu phụ vương. Bốn vị Thiên vương cùng quỳ xuống và bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn cho phép chúng con được khiên linh cữu của phụ vương, vì chúng con cũng đều là đệ tử của Phật, cũng từng theo Phật nghe pháp và đã được lãnh hội, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh, chứng quả Tu-đà-hoàn, vì cớ ấy nên chúng con xin được khiên linh cữu phụ vương.

Đức Thế Tôn bằng lòng cho phép bốn vị Thiên vương cùng khiên linh cữu nhà vua. Lập tức bốn vị Thiên vương hiện ra thân người, dùng tay đỡ linh cữu lên ngang mày. Lúc này dân chúng trong nước và hết thảy đại chúng không ai là không than khóc.

Khi đó, Đức Thế Tôn uy quang càng hiển hiện rực rỡ như muôn mặt trời cùng lúc hiện ra. Tự thân Như Lai tay nâng lư hương đi trước linh cữu, đến nơi hỏa táng. Bấy giờ, trên núi Linh thứu có một ngàn vị A-la-hán dùng diệu lực của thần túc từ hư không đến dự đám tang, đến nơi các vị ấy đồng đảnh lễ nơi chân Phật và bạch:

–Kính mong Đức Thế Tôn sai khiến chúng con những công việc gì đó.

Phật liền nói với các vị A-la-hán:

–Các vị hãy mau đi đến nơi bãi biển lớn, lấy về các loại gỗ thơm ngưu đầu chiên-đàn.

Các vị A-la-hán liền vâng lời và chỉ trong khoảng thời gian ngắn công việc được Phật giao phó đã hoàn thành. Phật cùng đại chúng chồng

xếp các củi thơm thành dàn hỏa rồi khiêng linh cữu đặt lên trên ấy để hỏa táng. Hết thảy đại chúng thấy ngọn lửa bốc cao, đều hướng về Đức Phật, rồi vật vã khóc lóc, buồn thương. Những người đã đắc đạo thì đều mừng cho sự may mắn. Những người chưa đắc đạo thì tâm hốt hoảng, lo sợ, lông tóc dựng đứng.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói với đại chúng:

–Cõi đời là vô thường, là khổ, là không, là phi thân (vô ngã), không có chút gì là bền chắc, nó như huyễn, như hóa, như lửa lúc bốc cao, như ánh trăng trong nước, mạng sống không dài lâu, các người chớ thấy ngọn lửa cháy này mà cho là đau khổ. Lửa của các dục còn bức bách gấp hơn nhiều lần. Do đó, các người nên tự khuyên răn mình để vĩnh viễn xa lìa cái khổ sinh tử, đạt được sự an ổn lớn.

Khi hỏa thiêu thân xác vua Tịnh Phạn xong, các vị vua kia mỗi người đem đến năm trăm bình sữa để rưới tắt lửa. Lửa tắt rồi, các vị cùng nhau thu lấy tro xương đặt vào hộp bằng vàng, trên nền đất ấy cho xây tháp có treo giăng cờ phướn, lọng báu, các loại chuông nhỏ để cúng dường. Lúc ấy, đại chúng cùng bạch Phật:

–Đại vương Tịnh Phạn nay đã qua đời, thần thức của người sinh về cõi nào, xin Đức Thế Tôn nói cho chúng con được rõ?

Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

–Vua Tịnh Phạn, phụ vương của ta là người thanh tịnh, nên được sinh lên cõi trời Tịnh cư.

Đại chúng nghe được lời ấy liền dứt hết những sầu khổ trong lòng.

Phật giảng nói kinh này xong, chư Thiên, Long, Thần, các vị Tứ Thiên vương cùng đám quyến thuộc, dân chúng trong thế gian cùng tất cả đại chúng đồng lễ Phật và lui ra.

❑

SỐ 513

KINH LƯU LY VƯƠNG

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Thị.

Nghe như vầy:

Thuở ấy, Phật du hóa đến thành Ca-duy-la-vệ, vào tinh xá do dòng họ Thích dựng lên dưới bóng cây Ni-câu-loại, cùng với năm trăm Tỳ-kheo, thị giả là Tôn giả A-nan, Kim cang lực sĩ Lâu-do, thảy đều hội đủ.

Trong thành có năm trăm trưởng giả thuộc dòng họ nổi tiếng Xá-di, vì Đức Thế Tôn mà tạo dựng giảng đường, họ giao ước với nhau: Giảng đường làm xong sẽ thỉnh bậc Chánh giác đến để thiết lễ cúng dường. Các hàng Sa-môn, Phạm chí, Trưởng giả, Cư sĩ cùng toàn thể dân chúng không ai được quyền lên giảng đường này trước Đức Phật, nếu ai vi phạm sẽ phạm tội khó lường. Vua nước Xá-vệ có một thái tử tên là Duy-lâu-lê, lúc mới sinh có được ngọc báu lưu ly nên lấy đó đặt tên hiệu. Lúc ấy, thái tử chỉ huy các vệ sĩ đi viếng thăm bên họ ngoại vừa về, khi vào thành trông thấy giảng đường cao rộng, trang nghiêm, toàn bộ đều đẹp đẽ trong đời ít có, liền lên nơi ấy để nghỉ và hóng mát. Người trông coi giảng đường liền đến thưa với các vị trong tộc họ nổi tiếng kia:

–Thái tử nước Xá-vệ vào nghỉ trong giảng đường.

Các vị trong tộc họ kia nghe thế lấy làm tức giận, nên nói:

–Đó là tài sản của tộc họ chúng ta, ông ấy có đức khác lạ gì mà dám lên giảng đường? Chúng ta vốn tạo nên giảng đường này là cho Đức Phật, sẽ là nơi dâng cúng thức ăn cho Đức Thế Tôn và hàng Thánh chúng. Cúng dường xong rồi sau đó chúng ta mới được vào, thế mà có kẻ đến trước Thế Tôn, đặt thân thể ở đó.

Nói rồi, liền sai sứ giả đến trách mắng, xua đuổi kẻ kia ra khỏi nơi ấy không được chậm trễ. Những nơi nào kẻ kia đặt chân đến hãy xóa sạch dấu chân đi. Bậc thềm nào kẻ ấy giẫm lên lập tức thay cái mới.

Thái tử Lưu Ly nghe tiếng mắng nhiếc liền biến sắc, trong lòng nổi lên sự oán hận độc ác, bảo quan thái sử:

–Hãy nghi nhớ thật kỹ điều này, không lâu ta sẽ lên ngôi vua và sẽ giết hết loại ấy.

Quan thái sử là A-tát-đà *(đời Tấn gọi là Vô Tín)*, có khả năng xem thiên văn, nghiên cứu những điều tai họa, quái lạ, chép những điều ấy vào trong đai áo. Ôm nỗi hận độc trong lòng, thái tử ra lệnh cho đám quân hầu trở về, không tiếp tục viếng thăm bên ngoài nữa. Vua cha của thái tử Lưu Ly là Ba-tư-nặc cùng với hoàng hậu là Mạt-lợi, xa giá cùng với đoàn tùy tùng đến vườn cây thái tử Kỳ-đà, vua xuống xe, dẹp bỏ lọng, cởi mũ, cởi kiếm, buông roi ngựa, cởi giày, trừ bốn đội quân, đi bộ vào con đường tắt nhỏ, cùng với hoàng hậu Mạt-lợi, cung kính đảnh lễ Phật rồi ngồi sang một bên.

Thái tử Lưu Ly về cung điện, không thấy ai cả, hỏi kẻ tả hữu:

–Phụ vương và thái hậu bây giờ ở đâu? Tả hữu tâu là vua đến chỗ Đức Phật.

Thái tử nghe nói, liền sai thuộc hạ của mình không được cởi giáp, thẳng đến tinh xá. Nên biết, ngay khi ấy, chính thái tử đã sát hại những cận thần, tùy tùng của vua cha hơn năm trăm người trong cùng một lúc, trừ những người giữ các dụng cụ của vua như: mũ, lọng, kiếm, roi, giày, cùng các đồ trang sức, ngoài ra không còn một ai.

Trong lúc ấy, Đức Thế Tôn vì vua và hoàng hậu giảng nói về giáo pháp vô thường nơi thế gian, ái dục, sum họp rồi biệt ly. Vua nghe đạt pháp không thoái chuyển. Hoàng hậu thấy được Dấu đạo (Tu-đà-hoàn). Phật giảng nói kinh xong, vua đảnh lễ và lui ra, không thấy những người hầu cận, còn thi thể thì la liệt, chỉ có hai người trông coi áo mũ vua là còn sống, do chạy trốn trong lùm cây, trở ra gặp vua. Vua hỏi:

–Các quan đâu rồi?

Hai người ấy thưa:

–Thái tử ép buộc các quan nhập chung với đám quân của thái tử trở về cung rồi.

Vua nói với hoàng hậu Mạt-lợi:

–Con ta làm điều bất hiếu, mưu tạo phản, vốn biết thế này ta nên lánh đi, đem nước giao cho tinh xá. Những người trong họ hầu cận thương vua và hoàng hậu sức khỏe yếu đuối, đi bộ khó khăn, còn dùng xe để đi thì xe hư xấu không dùng được, thế là phải đi bộ lần đến bên thành. Trước đó, thái tử Lưu Ly cho bày năm trăm quân trấn giữ cửa thành và bảo lính coi cửa:

–Nếu vua cha đến thì không cho vào.

Vua Ba-tư-nặc nói:

–Nếu không vào được, chúng ta nên thế nào?

Trả lời:

–Đại vương nên ra khỏi nước.

Vua Ba-tư-nặc nghẹn ngào rơi nước mắt, dùng lời kệ than:

Như lời Đức Phật dạy
Xét suy thật đúng lý
Hưng, suy cùng sang hèn
Tất cả không gì bền.
Thà giữ giới, nhớ đạo
Không tham nhiều bỗng lộc
Nay được nghe giảng pháp
Không mong nhiều đất đai.
Chiếm ngôi, mặc buông lung
Tham bẩn vội làm vui
Nghe pháp nhờ giải thoát
Bụi bẩn tiêu trừ hết.

Bấy giờ, những kẻ xem có tới hàng ngàn người, nghe lời vua than thì tám trăm người đều phát tâm Bồ-đề, an trụ không thoái chuyển, có vẻ lo lắng không vui. Hoàng hậu Mạt-lợi tâu vua:

–Xin chớ buồn phiền, chúng ta hãy về bên nước vua cha của thiếp.

Vua và hoàng hậu khởi hành, bảy ngày bảy đêm đến thôn Đâu-tát, thành Ca-duy-la-vệ, gặp lúc ban đêm cửa thành đóng, không thể vào được, mọi người đói khát không biết đi về đâu, xin ăn thì không có nơi chốn, bèn dừng lại bên sông, gần chỗ những người rửa rau, nhặt những rau cải rơi vãi để ăn. Nhà vua ăn rồi bị trúng độc, đau ruột rồi qua đời. Hoàng hậu quá đau xót, cất tiếng khóc lớn.

Người giữ cổng làng hỏi:

–Ai đó?

Đáp:

–Ta là hoàng hậu.

Lại hỏi:

–Nhà vua ở đâu?

Hoàng hậu đáp:

–Thật là đau xót, vua vừa mất bên bờ sông.

Người giữ cổng làng liền chạy đi báo với những người thuộc dòng họ cao quý Xá-di. Những người ấy nghe tin dữ vội vàng, kinh ngạc theo đường chạy đến, đưa tặng quan tài lo việc tẩm liệu theo đúng pháp để trà-tỳ. Mọi người đều gọi tên, mến tiếc, ai cũng thương cảm.

Bấy giờ, người trong tộc họ Thích là Thích-ma-nam cha của Cù-di, cũng với các hào tộc khác dùng kệ than:

Có con có của khác nào cơn sóng
Ta vốn không ngã đâu là của con?
Ngu si cậy dựa sang quý còn đâu?
Thái tử cướp ngôi, chết, sa địa ngục.

Trong tộc họ Thích có hai trăm năm mươi người nghĩ sâu về lẽ vô thường, đạt bất thoái chuyển, năm trăm người nữ chưa xuất gia chứng được pháp Nhẫn vô sinh. Lúc này, thái tử Lưu Ly nghe vua cha qua đời, liền thăng điện lên ngôi vua, quan thái sử là người theo đạo khác lấy thư viết từ trong đai áo, một bằng chứng khó quên, ghi những điều trái ý. Vua nghe rồi trong lòng càng nổi giận, phẫn chí, liền điều bốn đội quân đi đánh thành Ca-duy-la-vệ. Phật biết trước việc đó, nên từ tinh xá đi đến ngồi nơi một cội cây khô bên đường, trong giây lát quân của thái tử đến.

Bấy giờ, vua Lưu Ly từ xa trông thấy Đức Thế Tôn, bèn xuống xe voi, quỳ, cúi đầu hỏi Phật:

–Thưa Bậc Thiên Trung Thiên! Có bảy loại cây quý là Bồ-đề, Phụ-sai, Ni-câu-loại, Tất-bát, Ưu-đàm-bát, Tất-la, Đát-la, Kiền-ni-xá-la, bóng nó cao lớn, lại sum suê xanh tốt, sao Ngài lại chọn cây khô gai gốc này mà ngồi?

Phật bảo vua Lưu Ly:

–Tuy có bảy loại cây quý, bóng nó cao rộng, cành lá um tùm xanh tốt, nhưng xanh tốt đâu thể còn mãi, ta ngồi nơi cây khô gai gốc lại là an ổn, cũng để tỏ lòng thương xót những người thân quyến.

Vua suy nghĩ: Lời sấm truyền của người xưa nói: Đem quân chinh phạt, gặp vị Sa-môn, nên đem quân về, huống chi hôm nay lại gặp Đức Phật, làm sao tiến binh được? Bèn cúi đảnh lễ nơi chân Phật, rồi đem quân trở về.

Về đến thành Xá-vệ, sáng hôm sau, thị giả là Tôn giả A-nan, lực sĩ Lâu-do theo hầu Đức Phật Thế Tôn, trở lại vườn Ni-câu-loại, Phật bảo Tôn giả A-nan trải tòa ngồi rồi gọi bốn chúng cùng hội họp. Lúc này, sắc diện của Phật không còn chiếu sáng, sau gáy của Phật không có ánh sáng, y phục như cũng đổi sắc. Tôn giả A-nan ngồi xem xét thấy thế, liền sửa lại

y phục, chân phải quỳ xuống đất, chắp tay bạch Phật:

–Con hầu Phật nhiều năm, chưa từng thấy có ba thứ biến đổi.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Sau bảy ngày nữa, dòng họ Thích cao quý ở thành Ca-duy-la-vệ sẽ bị giết hại, nên ta hiện ra những tướng thay đổi như thế.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên tiến lên bạch Phật:

–Điều ấy đâu khó gì, con xin dùng sức thần thông chánh giác đã đạt được, có thể dùng bàn tay phải nâng nước của người Xá-di đặt trên không trung, trên không đến trời, dưới không chạm đất, vua Lưu Ly làm sao có thể giết được?

Phật bảo Tôn giả Mục-kiền-liên:

–Ta biết ông có uy đức thần thông đủ làm sự việc như thế, nhưng đây là tội từ nơi kiếp trước, ai có thể chịu thay được?

Tôn giả Mục-kiền-liên lại nói:

–Có thể dùng chiếc lồng sắt che phủ nước ấy, bên trên dùng mũ trụ chụp lại, khiến không còn thấy hình ảnh, rồi đem đặt nơi đất khác, lại xẻ bốn mặt của núi Tu-di, đặt vào đó rồi khép lại mỗi chốn yên mỗi chỗ. Lại nước nơi biển cả, lượng rất sâu rộng ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, con đem đất nước này đặt nổi giữa biển, khiến dân nơi nước ấy không thể ra vào. Lại đem cõi nước ấy đặt ở đỉnh núi Tu-di, có thể lật úp lại, khiến không thể hủy hoại được. Lại nhấn chìm tầng đất kim cương và đem bốn đội quân của vua Lưu Ly đặt ở mặt ngoài núi Thiết vi khiến cho hai phe thù oán không thể đánh nhau được.

Phật nói:

–Lành thay! Như Lai tin mười uy lực này của ông có thể giải quyết việc ấy, nhưng dòng họ Xá-di đời trước đã mắc tội thì ai có thể thay thế, chuộc các tội ấy?

Tôn giả A-nan thưa:

–Có thể dùng mưu trí bảo vệ nước ấy được yên ổn chăng?

Phật nói:

–Nếu người nước Xá-di có thể đồng lòng không cộng tác với kẻ thù bên ngoài để có cớ qua lại thì nước có thể bảo toàn.

Quan thái sử ba lần khuyên vua Lưu Ly nên lợi dụng lúc này đem quân đánh họ Xá-di. Vua nghe khuyên nổi giận truyền đem quân mã ra đi. Thế Tôn biết sự việc nên đến ngồi nơi cội cây khô. Như thế ba lần và ba lần vua Lưu Ly đều đem quân về. Đến lần thứ tư, Phật không thể ngăn cản

được nữa. Bốn loại quân tinh nhuệ của vua Lưu Ly đến biên giới nước của người Xá-di. Những kẻ tài năng của dòng họ Thích cũng họp quân đem ra chống giữ. Những người mạnh khỏe, bắn cung giỏi trong họ: Có người bắn xa bốn mươi dặm, có người bắn xa hai mươi dặm, có người bắn xa mười dặm, hoặc bảy dặm. Do tài năng, họ bắn ra đều trung đích, không mũi tên nào sai, có thể bắn đứt một sợi tóc thành bảy phần, khi ở cách xa nhiều dặm bắn đều trúng cả, cứ theo tiếng mà trúng đích, chưa từng sai chạy. Trong lúc giao chiến, họ bắn quân của vua Lưu Ly thủng rách cờ xí, hư lọng, gãy cán, càng xe, yên ngựa, xuyên thủng áo giáp, đứt dây cung nỏ, nhưng không làm hại tánh mạng, ngay cả với voi ngựa. Bắn trúng vòng xuyến bằng ngọc anh lạc đeo ở cánh tay, ngón tay, mà không phạm vào da. Bắn đứt râu tóc, tóc mai, lông mi mà không phạm đến cơ thể.

Vua Lưu Ly sợ hãi hỏi các quan:

–Quân địch cách đây bao xa mà bắn trúng như thế?

Có kẻ đáp:

–Hoặc cách bốn mươi dặm, hai mươi dặm, mười dặm, gần cũng bảy dặm.

Vua nghe càng lo, không thể tự chủ, ý định quyết đánh quân địch giờ thì e sợ, muốn rút lui.

Quan thái sử can:

–Đại vương đừng sợ, chắc chắn không thua. Người Xá-di đều theo giới của Phật, là những Thanh tín sĩ (Ưu-bà-tắc) có tâm Từ, không giết hại, chỉ dùng cung tên dọa người chứ không có ý sát hại, họ thà chết chứ không làm hại sinh mạng kẻ khác. Vậy hãy chỉnh đốn thế trận, đồng lòng tiến đánh. Tướng giữ trọng trách đạt thắng lợi nhưng chẳng bao lâu.

Các quan tâu:

–Xem cách bắn của quân địch, tấn công từ xa, không hình, không ảnh, không thể dùng sức để chống lại. Sợ bị đánh bại khiến chúng tôi bị tiêu diệt, vì tên bắn như thế là không thể chống cự. Nay nếu nghe theo lời khuyên của vị quan nhỏ kia thì không thể được, lòng mọi người đều dao động.

Ý chí còn vững, vua Lưu Ly giận dữ ra lệnh thúc quân tiến đánh. Những người Xá-di ở bên ngoài thành chạy vào để bảo vệ thành trì, đóng cửa cố thủ. Bày trận bao vây đến ngày thứ bảy, cho biết rõ việc tới lui, nên kêu gọi giảng giải, yêu cầu quân trong thành nên quy hàng, nếu không sẽ bị tiêu diệt. Những người dòng họ Thích cùng nhau bàn bạc:

–Nên chống cự để giữ thành, hoặc nên đóng cửa ẩn nấp, hay nên bí mật rút đi... Do dự chưa quyết, mọi người bỏ xăm, tìm cách để ổn định nhân tâm, nhiều người chịu bốc xăm, số ít không tham gia, ít phải theo nhiều, mở cửa giúp kẻ ác gây nên tai họa. Bên trong cùng bên ngoài ứng tiếp, muốn cho kẻ địch thắng, vì người khuyến thiện thì ít. Được mở cửa nên giặc tiến vào, trước là giết năm trăm người giữ cửa, chém giết không tiếc thương. Rồi bắt trói ba vạn người họ Thích đem chôn sống, chỉ chừa cái đầu, lại cho bầy voi giẫm đạp đến chết, sau đó dùng ngựa kéo cày xéo lên nơi ấy. Những người bị chết do hành vi tàn bạo ấy đều chứng quả Tu-đà-hoàn.

Thích-ma-nam là người từng giao du thân mật với vua Ba-tư-nặc, nói với người trong nước:

–Hãy xét kỹ về lẽ vô thường, đó là chứng cớ của những nỗi khổ sở, độc hại. Mắc tội từ đời trước nên phải chịu quả báo, chớ mang oán hận. Người sống rồi cũng sẽ chết, cái còn rồi bỗng mất, bao nhiêu nỗi thống khổ như búa bổ xẻ năm chỗ hư ác, ngậm ngùi thương cảm, thở than, hưởng phước cùng lúc chịu tai họa một chốn. Dòng họ hơn bảy vạn người, có những người bị bắt sống, dùng khóa sắt gông cổ. Một ngàn người phụ nữ của dòng họ Thích bị chúng dùng giáo đâm xuyên qua người, phơi ra ở bên đường. Những người trẻ tuổi khác bị chúng dồn lại từng nhóm rồi dùng cung tên bắn chết.

Khi ấy, vua Lưu Ly trông thấy Thích-ma-nam và những người bị khổ, quay sang hỏi các quan:

–Đó là ai vậy?

Có kẻ đáp:

–Đó là Thích-ma-nam.

Thích-ma-nam đi đến, có điều muốn xin, vua bảo nói đi. Thích-ma-nam nói:

–Vua là bậc đại vương còn hưởng thịnh vượng lâu dài, xin nghe những điều tôi nói.

Vua biết những nỗi niềm uẩn khuất, nên để cho thưa.

Thích-ma-nam nói:

–Xin vua bớt cơn giận, hãy ngăn chặn quân lính đừng để buông lung kiếm quá nhiều kẻ bị giết hại. Tôi xin nhảy xuống ao, chốc lát trở về, cùng vua từng có ân tình thân thiết, nhanh chóng nghe được quyết định. Chờ tôi ra khỏi nước, sẽ bàn những điều tốt đẹp.

Tâm suy nghĩ miệng vua nói:

–Người khó ở trong nước được lâu, liền chấp thuận.

Lúc này, Thích-ma-nam vì người trong nước đang gặp tai nạn lớn, từ tạ để vào ao xỏa tóc quấn nơi cây, tự chìm vào ao nước, một lúc lâu vẫn không thấy nổi lên. Vua lấy làm lạ, liền khiến tả hữu mò tìm, kiếm dưới chỗ rễ cây thì gặp được thi thể, đem chôn nơi bờ ao. Vua thương tiếc, buồn bã nghĩ: "Vì dòng họ mà tự trầm, nghĩa cử như thế đó, ta là vua một nước, không dằn được cơn giận nhỏ, chẳng cứ lẽ tiến đánh gấp để mắc phải tội ác càng nhiều sao? Trước là ba ức người thảy đều bị mất mạng. Kế đó cũng ba ức người hy sinh theo. Những kẻ cứu được tự đột phá vòng vây chạy thoát để bảo toàn tánh mạng. Lại có ba ức người lo sửa nhà cửa để cúng dường, yến tiệc thích thú, ca nhạc tự vui, không biết rằng bên ngoài đang có tai ách cho tánh mạng, cũng không nghe biết để lo sợ trốn chạy, vẫn an nhàn như thường, không chút chuẩn bị." Vua Lưu Ly chôn cất Thích-ma-nam tử tế, giữ lại con cháu.

Sau khi đánh dẹp họ Xá-di, vua Lưu Ly lập người trưởng thượng lên ngôi, an ủi vỗ về xong, trở về nước Xá-vệ.

Phật và các đệ tử đến thành Ca-duy-la-vệ, trông thấy những người dân bị thương tật, tàn phế rất nhiều. Lại thấy những phụ nữ không còn chi thể như tay, chân, tai, mũi, thân hình lõa lồ, gục trong các hầm hố, không có gì để che phủ, đời họ đau khổ như thế, kẻ bất nhân hại người thật tàn bạo.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

–Vua Lưu Ly kia buông lung, ác độc, trái đạo, tội nhiều như thế, chỉ trong vòng bảy ngày sẽ bị lửa địa ngục thiêu chết. Đời này gây tội ác sẽ bị quả báo ngay trong đời này.

Quan thái sử tâu lời sấm, điều quái lạ đồng với lời Phật nêu. Vua rất sợ nên chèo thuyền ra biển, mong có thể tự thoát khỏi. Thuyền dừng giữa biển, đến ngày thứ bảy, từ trong nước tự nhiên lửa nổi lên, đốt cả thuyền và nhà vua, trong chốc lát biến thành tro than.

Đức Thế Tôn thương xót những người bị lõa lồ liền dùng oai thần, rung động đến cung điện Tử cam nơi cõi trời Đao-lợi. Vua trời Đế Thích, hoàng hậu, cùng những vị đứng đầu, vô số các vị Thiên tử, mỗi vị đều mang áo trời cùng đi xuống, dùng y phục phủ khắp những người bị lõa lồ. Phật vì những phụ nữ ấy, nói kệ:

Các người nhân đã thấy
Hiện thay đổi như thế

Hết cũ chớ tạo mới
Sau được giải thoát mãi.

Phật nói kệ xong, liền vì họ mà giảng nói chánh pháp. Những người đến xem, tám bộ chúng Trời, Rồng, Quỷ, Thần, A-tu-luân (A-tu-la), Ca-lưu-la (Ca-lâu-la), Chân-đà-la (Khẩn-na-la), Ma-hưu-lặc (Ma-hầu-la-già), Phạm chí, Cư sĩ, Trưởng giả, dân chúng, vô số trăm ngàn, nghe Phật giảng nói, năm trăm Tỳ-kheo, tâm ý thông rõ, các lậu diệt hết. Năm trăm Phạm chí, còn bao nhiêu người có mặt khác, thấy đất nước bị hủy hoại nên càng đau buồn cho những thương tật, tàn phế, hết thảy đều phát tâm xuất gia, tu theo đạo pháp, trở thành những Sa-môn. Năm trăm Thiên tử đạt được pháp Nhẫn vô sinh. Hai trăm A-tu-la, một ngàn Long vương đều phát tâm vô thượng đạo ý chân chánh. Các ngòi, rãnh, hầm hố với năm nhóm nam nữ bị khỏa thân chết, được sinh lên cung trời Đao-lợi. Một ngàn năm trăm người được thấy Dấu đạo (chứng quả Tu-đà-hoàn), một ngàn người chứng quả A-na-hàm.

Phật giảng nói kinh này xong tất cả những người được nghe đều cung kính đảnh lễ và lui ra.

❑

SỐ 514

KINH GIÁN VƯƠNG

Hán dịch: Đời Lưu Tống,
Cư sĩ Thư Cừ Kinh Thanh.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, vua nước đó tên là Bất-ly-tiên-nê đi ra khỏi đất nước, đến chỗ Phật, thân dính đầy bụi, cởi kiếm, hạ lọng, đảnh lễ Đức Phật. Thế Tôn bảo:

–Hãy ngồi xuống.

Vua vâng lời. Đức Phật hỏi vua:

–Vua từ đâu đến mà thân dính đầy bụi vậy?

Vua liền đứng dậy cúi đầu thưa:

–Con đi từ cõi nước có tai nạn khác lạ.

Đức Phật bảo vua:

–Vua trị nước nên dùng chánh pháp thì không mất phép tắc, thường dùng tâm Từ bi chăm sóc muôn dân, sở dĩ được làm vua cai trị đất nước là do thực hành việc thiện đời trước mà được, việc quản lý dân chúng không thể thiện lệch. Nếu không thì các công thần quan lại, cho đến dân chúng đều có lời oán trách, vua cai trị không bình đẳng, người trong nước đều căm giận, thân chết rồi thì thần thức sẽ nhập vào địa ngục núi lớn, sau đó tuy có hối hận nhưng không kịp nữa. Vua cai trị nước đúng đắn bình đẳng theo phép tắc thì thần dân khen ngợi công đức, bốn biển đều quy thuận. Trời, rồng, quỷ thần đều nghe vua lành, băng hà được sinh cõi trời, sau đó cũng không ân hận. Vua không nên ham mê phóng túng, dâm dục, mà bỏ bê việc nước, không dùng tâm sân giận để giết hại giặc, phải nghe lời can gián đúng đắn của trung thần, phàm nói với người thường dùng lời nói khoan hồng, không có nóng giận, phải dùng bốn ý đối với muôn dân trong nước. Những gì là bốn? Đó là: tùy thời ban phát, ý và lời tương ưng, có ngọc quý ban cho toàn dân, thăm hỏi người già bệnh và đơn độc. Vua như vậy, trong nước hòa bình thì được phước đức, sau khi băng hà được sinh lên cõi trời, mong cầu được như ý. Vua không phải lo, thường được tự tại,

mọi người đều cung kính, nể sợ, lấy đó làm vui. Còn các thứ như voi giỏi, ngựa hay, xe quý, quan hiền, quần liêu, trăm quan tùy tùng trước sau, châu báu cất giấu, trăm vật trong kho, đều sẽ hủy hoại không tồn tại lâu dài, tuổi trẻ đến già, mạnh khỏe rồi bệnh, các loài chúng sinh đều đi đến chỗ chết, châu báu, vợ con, nhà cửa trong ngoài không thể tồn tại, như người nằm mộng thấy cung điện, nhà cửa, vườn đẹp, cây lớn, hoa quả, hồ nước, suối chảy, vui chơi ở trong đó thú vị vô cùng, nhưng khi tỉnh dậy bỗng nhiên chẳng biết ở đâu, thấy những vật hiện có ở đời cũng như người thấy cảnh trong mộng. Vua dù thấy cây có hoa quả, nhưng hoa quả không thể dính mãi trên cây, lá xanh sẽ bị vàng rụng, áo lễ, khăn, mão trang phục của vua không thể đẹp lâu dài, nước chảy không thể thường đầy, phóng lửa nơi hoang dã lửa cháy bỏ hừng hực nhưng chẳng bao lâu thì tắt, gió mạnh, mưa tuôn, sấm sét ầm ầm, chỉ trong chốc lát bỗng nhiên không còn, khi mặt trời xuất hiện thì ánh sáng của vì sao biến mất, mặt trời chiếu sáng rực rỡ khắp thiên hạ chẳng bao lâu lại tối. Thế gian vô thường cũng lại như vậy.

Ví như bốn bên có núi đá lớn, trên dưới đều có sáu ngọn núi, cùng đến một lúc hợp lại, các loài chúng sinh ở trong đó, không kể giàu sang, hay thấp hèn đều sẽ tan nát. Con người có bốn việc không thể dừng lại, già đến thân thể khô gầy, bệnh đến tâm khổ não, thân chết thần thức biến đi, dù có châu báu, cũng vất bỏ không thể mang theo.

Bốn việc này chắc chắn không thể từ bỏ, không thể tránh xa, chẳng phải miệng có thể bảo vệ yêu cầu, không thể đem tiền của mua chuộc, van xin mà thoát được. Khi ấy, dù có voi tốt, ngựa hay châu báu, quần thần, tráng sĩ trăm quan trước sau, dẫn đường hộ vệ nhưng ai có thể làm cho chúng rút lui. Vua có thấy sư tử là loài mạnh nhất trong loài thú, từ xa nhìn thấy bầy nai muốn bắt, bèn nhảy tới trước vồ bắt, xẻ từng miếng thịt để ăn. Đau đớn như vậy, đâu có kể xiết! Mạng sống như sư tử khi bắt bầy nai, thân người lúc sắp chết không an ổn, máu huyết tiêu hao, sắc mặt biến đổi, mạng sống ngày càng ngắn ngủi, ngũ tạng không điều hòa, không màng ăn uống, tuy có thần chú, thầy giỏi, thuốc hay cũng không thể làm cho lành bệnh. Miệng vì nói dối theo đòi hỏi của nó mà nhà cửa tan nát, thân thể đau đớn như bị đánh đòn, tay chân run rẩy, gân cốt muốn rã rời, miệng khô, hơi thở rất yếu, suy nhược gầy ốm, không thể đi đứng ngồi nằm như người thường. Nếu có thuốc tốt, cơm cháo ngon ngọt, có thể dùng chút đỉnh nhưng rất khổ cực, gân mạch muốn tan rã, chỉ có đem hơi ra mà không vào lại, môi khô nứt, chánh khí khô cạn, chỉ còn tà khí, lưỡi co rút, mặt nhăn, mắt không còn sắc, tai mũi tắt ngẹt, không nghe âm thanh, mùi

hương, tay chân co quắp, gân rút, miệng câm, muốn nói không được, tay nắm lấy hư không, quờ quạng hơi bên, mồ hôi toát, nước mắt chảy tương tục, tâm ý đau buồn, ý thức lần lần tiêu diệt, không còn biết gì nữa, hơi ấm mất, thân lạnh, thần hồn lìa xác, ngọc ngà châu báu, cha mẹ, anh em, vợ con, nội ngoại, bạn bè, người giúp việc đều bỏ hết, chỉ đi một mình không biết đến đâu. Thế gian tuy vui thích nhưng không được lâu dài.

Ngay bây giờ, vua nên nương tựa vào đâu? Chỉ có hiếu thuận thương yêu phụng dưỡng cha mẹ, cúng dường các vị Sa-môn thanh tịnh phạm hạnh, gặp người già cả phải tôn kính, có tiền tài châu báu cho đều muôn dân, phải đem lòng thương yêu ban bố cho dân, không nghe lời gièm pha mà hãm hại mọi người, pháp của vua nên tuyên dương Thánh đạo, dạy bảo dân chúng làm thiện, chỉ nhất tâm đối với Tam bảo. Vua làm đúng như vậy thì được các bậc Thánh khen ngợi, trời, rồng, quỷ thần đều ủng hộ đất nước, sống được cao quý giàu sang, chết lại sinh lên cõi trời.

Thân chết, thần thức ra đi sẽ nương tựa vào đâu? Chỉ nhờ vào điều thiện mà thôi. Lửa cháy hừng hực thì dựa vào nước mà dập tắt. Con người đói khát chỉ nhờ cơm nước, già yếu nương vào cây gậy, người mù nhờ người có mắt, bóng tối nhờ đèn đuốc, bệnh tật nguy cấp nhờ thầy thuốc giỏi, thuyền vượt qua biển lớn sóng gió dữ dội nhờ vào người chèo lái, đường có giặc cướp nhờ có chỗ ẩn núp. Thân chết, thần thức thoát đi chỉ nhờ vào sự tu tập điều thiện, giống như gặp những nạn kia đều dựa vào những việc như vậy. Nhờ mình cứu giúp mà dòng họ được an ổn. Vua không vì thú vui, ăn uống ngọt ngon, việc đi ở tự tại không thể luôn được, ăn no thì sẽ tiêu hóa, không thể no hoài. Hương thơm xoa thân mùi thơm bay đến mũi, ngọc trai, chuỗi ngọc sáng láng chói mắt, hoa đẹp dưới nước trên bờ dùng để trang sức, chỉ vàng may thành gọi là y phục, y bằng tơ trắng, y thêu hoa, y đủ màu, y rất quý, y nhiều điều, y mịn dày, y gấm lụa, những thứ này đều vô thường chẳng thể bảo tồn lâu dài; cung đình, lâu đài, cung điện, phòng xá, bảy báu, vàng, bạc, giường niệm, thảm trải đất quanh co mềm mại dùng để che thân thể, do bảy báu dệt thành; gấm hoa lụa là dùng làm màn trướng, cột, cửa cung điện, đều được điêu khắc chạm trổ hoa văn, đốt các thứ hương, vui chơi ở trong đó, những thứ ấy đều là vô thường không thể bảo tồn lâu dài; các thứ khí cụ âm nhạc: đàn cầm, đàn sắt, đàn tranh, sáo, các thứ âm thanh ca vũ kỹ nhạc vang dậy nghe thật là thích thú, không thể diễn tả. Những thứ ấy cũng vô thường như huyễn, như mộng, không thể duy trì lâu dài. Nhìn thấy mỗi lần vua đi có voi, ngựa, xe quý, đánh chuông trống vang lên, người bảo vệ đi trước sau, vua ngồi ở trong xe có che lọng bằng lông chim, người hầu cầm cờ chim lông màu

xanh, cán chạm trổ hoa văn, dùng để quét bụi, sửa sang đường đi, vẽ lan can màu đỏ, mọi người thấy đều tôn kính, hoa đẹp hương thơm đều đem dâng vua, chúc thọ vạn tuế. Những điều này cũng khó tồn tại lâu dài.

Vua thấy con người sắp chết chăng? Bà con nội ngoại tập họp lại bên người ấy, vỗ ngực kêu trời, đều nói làm sao! Nghẹn ngào nức nở lệ rơi ràn rụa, kêu than khổ thay thần thức lẻ loi, bỏ ta như vậy sao! Nghe những lời này thật đáng thương, thấy vậy càng thêm bi ai, đưa thi hài ra khỏi thành bỏ nơi hoang vắng, chim bay thú chạy xông vào ăn thịt, trong thân có trùng lại ăn thịt tử thi, nắng cháy, gió thổi, xương cốt đều bị khô kiệt. Trước kia các vua tôn vinh phú quý, kho tàng đầy ắp cũng như đại vương. Ngày nay bỗng nhiên không thấy gì cả. Những điều này vô thường tự chứng nghiệm biết. Xưa còn như vậy huống gì ngày nay. Vua suy nghĩ kỹ không còn nhớ nghĩ dâm dục, không nghe lời nịnh ghép nhầm tội người, thu nhận lời can gián, cai trị khoan dung, sẽ sợ nỗi khổ trừng trị tàn khốc ở địa ngục. Muôn loài chúng sinh đều ham sống, không nên giết hại.

Đức Phật thuyết giảng kinh này xong, vua lãnh hội, phát nguyện làm đệ tử thọ trì năm giới, thành kính đảnh lễ Phật sát đất rồi lui ra.

❑

SỐ 515

KINH NHƯ LAI THỊ GIÁO THẮNG QUÂN VƯƠNG

Hán dịch: Đời Đường,
Tam tạng Pháp sư Huyền Trang.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Bạc-già-phạm ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Thất-la-phiệt, cùng với vô lượng các bậc Đại Bí-sô, các chúng trời, người... hội đủ.

Bấy giờ, người chủ nước Kiều-tát-la là đại vương Thắng Quân, thành tựu ngôi vị và uy đức tôn quý, vì muốn chiêm ngưỡng và thưa hỏi Đức Phật, nên xa giá trang nghiêm đến nơi ở của Như Lai. Khi đến nơi, vua xuống xe đi bộ vào khu vườn, nơi Phật ngụ. Từ xa nhà vua trông thấy Đức Thế Tôn đang ngồi bên cội cây, dáng ngay ngắn, trang nghiêm, các căn thanh tịnh, tâm ý an nhiên, đã có thể khéo đạt được sự thuận hợp tối thượng vắng lặng, trọn vẹn, đã có thể khéo đạt tới chỗ điều thuận bậc nhất lặng ngừng giải thoát, lại khéo có thể âm thầm hộ trì, thâu giữ các căn, là rồng đã trưởng thành, là ngưu vương đã trưởng thành, là ngựa quý đã trưởng thành, thanh tịnh không vẩn đục, như ao suối trong lành, oai đức rực rỡ, ánh sáng tỏa chiếu, như núi vàng lớn, có đủ ba mươi hai tướng của bậc đại trượng phu, trang nghiêm viên mãn, cùng với tám mươi vẻ đẹp luôn hiện bày nơi thân tướng.

Bấy giờ, vua Thắng Quân từ xa trông thấy Phật rồi, lòng mừng khấp khởi, không sao dằn được, liền cởi bỏ những nghi trượng tiêu biểu của bậc vua giòng Sát-đế-lợi đã thọ pháp Quán đảnh. Năm thứ mà đại vương thường mang theo mình gồm:

1. Mũ báu đội trên đầu.
2. Kiếm quý cầm nơi tay.
3. Lọng gồm các thứ báu.
4. Chiếc quạt bằng ngọc Mạt-ni.
5. Đôi giày do những thứ báu dệt nên.

Vua bỏ những thứ ấy lại đi tới chỗ của Như Lai. Đến nơi, cúi lạy

xuống chân Thế Tôn, nhiễu quanh theo phía bên phải Phật ba vòng, lui ra ngồi sang một bên.

Vua an tọa xong, liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn đại Bi! Xin Như Lai thương xót chỉ dạy trao truyền! Xin Thiện Thệ thương xót chỉ dạy, dẫn dắt khiến con trong cõi sinh tử đạt được ý nghĩa lớn, lợi ích, an lạc.

Đức Thế Tôn nói với nhà vua:

–Lành thay, lành thay! Này đại vương! Nay ông có thể thưa hỏi Như Lai về ý nghĩa lớn như thế.

Này đại vương! Ông nay là chủ của một nước lớn, nên dùng chánh pháp, chớ dùng tà pháp, nên làm theo chánh pháp, không nên làm theo phi pháp. Vì sao? Đại vương nên biết! Nếu có quốc vương hoặc các vị vua khác, bỏ chánh pháp, dùng tà pháp để cai trị một nước, người đó hiện tại bị các vị Thánh hiền chê trách, sau dẫn tới những lo âu, hối hận, khi thân hoại mạng chung sẽ bị đọa vào các đường dữ, sinh trong địa ngục chịu bao thứ khổ não dữ dội. Lại nếu có vị quốc vương hay các vua khác, lìa bỏ tà pháp, dùng chánh pháp để cai trị một nước, những vị ấy hiện tại được các Thánh hiền ngợi khen, sau này không có điều lo lắng hối hận, khi thân hoại mạng chung sẽ được sinh lên các cõi thiện, sinh trong các cõi trời, thọ nhận những thứ vui vẻ, tốt đẹp.

Này đại vương! Ví như cha mẹ thương các con, tâm thường muốn con mình xa lìa khổ đau, đạt được vui sướng. Nhà vua cũng nên như thế, đối với đô thị, huyện, ấp trong nước với những chúng sinh hiện có, từ những hạng tôi tớ, kẻ được sai khiến, các quan, tể tướng, phụ tá, nên dùng bốn Nhiếp pháp được Phật thuyết giảng để thu phục họ. Bốn pháp ấy là những gì?

1. Bố thí.

2. Nên nói những lời thân ái (Ái ngữ).

3. Làm những điều lợi ích (Lợi hành).

4. Cùng làm những công việc (Đồng sự).

Như vậy khéo thu phục mọi chúng sinh khắp chốn trong nước, từ kẻ tôi tớ, kẻ được sai khiến, đến những quan tể tướng, phụ tá. Thâu phục nơi hai nghĩa cùng phụng sự, cùng quy về. Hai nghĩa ấy là gì? Một là ở hiện tại, hai là ở vị lai.

Đại vương nên biết! Ví như có người nam hay người nữ, trong giấc mơ thấy những vườn cây đáng yêu, hang núi đáng yêu, làng nước đáng

yêu, cùng các thứ khác. Khi tỉnh dậy, những thứ đã thấy ấy đều không có. Như thế, này đại vương! Vận nước, thân mạng đều là hư giả vô thường, tất cả đều như những thứ thấy trong giấc mơ.

Đại vương nên biết! Cái vui nơi sự giàu sang của vua, cái vui tự tại của vua, cái vui theo ái dục của vua, cùng những thứ dục lạc khác được thọ nhận như: voi, ngựa, xe cộ, quân binh, cung điện, hoàng hậu, cung phi, thái tử, các vương hầu, các quan tể tướng phụ tá, đám hầu cận, cho đến quân sĩ bảo vệ và chúng dân, rồi cha mẹ, anh em, chị em, thê thiếp, trai gái tôi tớ, những người để sai khiến, mọi chúng sinh nơi làng xóm trong nước, các thứ vàng bạc, châu báu, Mạt-ni, chân châu, y phục, lúa thóc, kho tàng, những thứ dục lạc hiện có như thế, nhưng khi mạng chung đều phải bỏ hết, một mình chuyển sang kiếp sau, không một vật nào đem theo được. Đại vương nên biết! Như đã nói trên, những thứ để tạo vui không thể còn mãi, không thể giữ gìn, tin tưởng, đều là pháp biến đổi nhanh chóng không dừng, lưu chuyển dời động rốt cuộc quy về hoại diệt. Niệm niệm trôi qua, tiếp theo là tro tàn, sau cùng đi tới nẻo diệt tận. Là pháp mất, hoại, có những lo sợ, những tai ương, nhiều việc sầu não, đều là pháp héo khô, tàn tạ, rơi rụng, hoại diệt, ly tán.

Đại vương nên biết! Ví như rừng cây trước thấy nở hoa, tiếp theo là biết trái, sau thì trở lại không còn trái. Trước thấy là xanh tươi, sum suê, tiếp theo là úa vàng, sau cùng là tàn rụng. Như thế, này Đại vương! Vận nước, thân mạng, cái vui nơi sự giàu sang của vua, cái vui tự tại của nhà vua, cái vui theo ái dục của vua, cùng những thứ dục lạc khác được thọ nhận như voi, ngựa, xe cộ, quân binh... nói rộng cho đến đều là pháp rơi rụng, héo tàn, hoại diệt, ly tán cũng đều như thế.

Đại vương nên biết! Như đống lửa lớn, trước thấy cháy bừng, lại càng bừng lên dữ dội, chuyển sang cháy bừng khắp, sau cùng là bặt dừng. Tuy cháy bừng lên dài lâu, rốt cuộc cũng quy về diệt tận. Như thế, này đại vương! Vận nước, thân mạng, cái vui nơi sự giàu sang của vua, cái vui tự tại của vua, cái vui theo ái dục của vua, cùng những thứ dục lạc khác được thọ nhận như: voi, ngựa, xe cộ, quân binh... nói rộng cho đến đều là pháp sự rơi rụng, héo tàn, hoại diệt, ly tán cũng lại như vậy.

Đại vương nên biết! Như vầng mặt trời, mặt trăng có diệu dụng lớn lao, khó lường, gồm đủ uy lực lớn, phóng ra ánh sáng lớn để tự trang nghiêm, chiếu rọi khắp thế gian, cuối cùng quy về ẩn khuất. Như vậy, này đại vương, vận nước, thân mạng, cái vui về sự giàu sang của vua, cái vui tự tại của vua, cái vui theo ái dục của vua cùng những thứ dục lạc khác

được thọ nhận như voi, ngựa, xe, cộ, quân binh... Nói rộng cho đến đều là pháp rơi rụng, úa tàn, hoại diệt, ly tán, cũng lại như vậy.

Đại vương nên biết! Ví như từ đám mây lớn trùm khắp hư không, gió mạnh, sấm chớp nhanh, mưa trút xuống, làm chấn động trời đất, rồi chỉ trong chốc lát là tan mất hết. Như vậy, này đại vương! Vận nước, thân mạng, cái vui nơi sự giàu sang của vua, cái vui tự tại của vua, cái vui yêu theo cái dục của vua, cùng những thứ dục lạc khác được thọ nhận như: voi, ngựa, xe cộ, quân binh... nói rộng cho đến đều là pháp rơi rụng, héo tàn, hoại diệt, ly tán cũng lại như vậy. Cho nên, này đại vương! Phải khéo siêng năng tu tập theo pháp quán vô thường, theo phép quán tận diệt, đối với sự chết chóc của chính mình thường nên kinh sợ. Là vua của nước lớn nên dùng chánh pháp, chớ dùng phi pháp, nên làm theo chánh pháp, không làm theo phi pháp.

Đại vương nên biết! Như bốn núi lớn từ bốn phương hướng tới, bền chắc, dày kín, không chút thiếu sót, không có các khoảng trống, vây quanh đủ khắp, gồm lại làm một, trên đến tận hư không, dưới cùng khắp mặt đất, trong đó tất cả cỏ cây, nhánh cành, hoa lá hiện có các hữu tình, kể cả loại sâu bọ máy cưa đều bị tiêu diệt, khó lấy sức mạnh để có thể trốn thoát, không thể dùng thế lực để chống lại, khó lấy chú thuật, của cải, thuốc men để có thể ngăn chặn. Như vậy, này đại vương! Thế gian có bốn thứ rất đáng sợ, mỗi thứ khi đến sẽ làm hao mòn hủy diệt tất cả chúng sinh, khó dùng sức mạnh để có thể trốn tránh, khó dùng thế lực để chống lại, không thể dùng chú thuật, của cải thuốc men để ngăn chặn. Thế nào là bốn thứ rất đáng sợ hãi?

1. Cái già yếu đến bức bách, làm hao mòn mất hết sự trẻ khỏe của chúng sinh.

2. Bệnh tật đến bức bách, làm hao mòn sự điều hợp của chúng sinh.

3. Cái chết đến bức bách, hủy diệt sự sống của chúng sinh.

4. Sự suy tàn đến bức hại, làm hao mòn, tiêu mất sự hưng thịnh của chúng sinh.

Đại vương nên biết! Ví như sư tử là vua của các loài thú, vào trong đàn hươu bắt một con rồi ăn hoặc chưa ăn, không có gì là khó khăn trở ngại. Lúc ấy, con hươu kia, trước thì chạy nhảy mạnh mẽ, nhưng khi vào miệng sư tử rồi thì không thể làm gì được. Như vậy, này đại vương! Tất cả chúng sinh khi đã vào miệng của vua sư tử vô thường rồi thì bao thế lực đã có cũng không làm gì được.

Đại vương nên biết! Ví như một người có nhiều sức khỏe, mạnh mẽ,

khi bị tên độc bắn trúng thì tất cả sức mạnh kia đều bị gãy đổ, tiêu diệt mất. Như thế, này đại vương! Tất cả chúng sinh cứng cỏi, mạnh mẽ, khi bị trúng tên độc là cái chết thì sẽ không còn thế lực, không còn cách cứu giúp, không nơi nương náu, không chỗ trốn chạy. Đến lúc sắp lìa bỏ thân mạng, cơ thể rã rời, máu thịt cạn kiệt, tâm can nóng bức, đau đớn khô khát thúc ép, há miệng thở mạnh, tay chân run rẩy, không sao chịu nổi, không còn nguồn sức, nước bọt, nước mắt chảy ra, đại tiểu tiện chảy rớt làm thân thể nhơ bẩn, sáu căn bế tắc, cổ họng nghẹn lại, giọng nói khản đặc, hơi thở khò khè, gấp gáp, thầy giỏi bó tay, thuốc hay cũng chịu, trong việc ăn uống những món ngon vật lạ không ăn gì được, nằm bẹp nơi giường gối, sắp sang tới cõi khác, chìm đắm không cùng. Sinh già bệnh chết, dòng thác vô thường trôi nhanh, đến khi lâm chung mạng thừa không còn là báo, nghiệp có sức mạnh nên có đời sau hiện ra trước mắt thật đáng lo sợ. Sứ giả của vua Diễm-ma to rộng đen tối, nuốt vào trong đêm, thoi thóp sau cùng sắp mất, chỉ một thân đơn độc không có thân thứ hai, cũng không bạn bè nào khác, vội bỏ đời này, quy nơi đời sau, là di sự chuyển lớn, hướng tới rừng rậm lớn, vào cõi hắc ám lớn, dạo trong chốn đồng trống mênh mông, trôi dạt trong biển lớn mịt mờ, gió nghiệp thổi lộng đến nơi hoang vắng tối tăm, không dấu vết gì để ghi nhớ. Ngay lúc ấy, không có cách nào để chở che, cứu giúp, không chỗ để nương dựa, không lối nào khác để trốn tránh, chỉ trừ có chánh pháp.

Này đại vương! Lúc như thế chỉ có chánh pháp mới có thể cứu vớt, mới có thể làm nhà cửa, cung điện, làm chỗ trở về nương náu. Đó là chỗ để chạy về, là chỗ để tránh thoát, có thể cứu vớt chúng sinh ra khỏi mọi khổ não sinh tử.

Đại vương nên biết! Ví như có người bị cái khổ vì lạnh lẽo bức bách, chỉ có hơi ấm của lửa, ánh sáng của mặt trời, y phục để mặc... mới có thể ngăn chặn đạt được yên ổn. Cái khổ của sự nóng bức chỉ có rừng cây, suối nước... hoặc đi trên đường xa thì chỉ có bóng râm mát mẻ. Nếu bị khô khát bức bách thì chỉ có nước trong mát. Nếu bị đói bức bách thì chỉ có nhiều thức ăn ngon. Nếu do bệnh tật bức bách thì chỉ có thuốc của lương y cùng người chăm sóc. Nếu bị sợ sệt thúc ép thì chỉ có những người bạn hiền mạnh mẽ. Như thế, này đại vương! Tất cả chúng sinh bị trúng tên độc là cái chết không còn sức lực, không người cứu giúp, không chỗ nương tựa, không lối trốn thoát. Đến khi sắp lìa bỏ thân mạng, chi thể rã rời, máu thịt khô cạn, tâm can bức não, nóng khát thúc ép, há miệng thở mạnh, tay chân bấn loạn, không sao chịu được, nói rộng, cho đến chính ở lúc ấy, chỉ có chánh pháp mới có thể cứu giúp, có thể là nhà cửa cung điện, có thể làm

nơi trở về nương náu, là nơi hướng về, là chốn để tránh thoát, có thể cứu vớt chúng sinh ra khỏi mọi khổ não sinh tử. Vì sao? Đại vương nên biết! Như thân này, dù tăng sự giữ gìn, bảo vệ, dù từ lâu được tắm rửa, trang sức, tuy dùng nhiều các thức ăn uống ngon bổ, no đủ, thỏa thích, kịp đến khi lâm chung chắc chắn không sao thoát được, bị đói khát bức bách mà lìa bỏ tánh mạng.

Đại vương nên biết! Như thân này dù thường tắm rửa, xoa các thứ hương, như hương bột, hương xông, đeo tràng hoa... mặc tình trang sức, do tự thể này vốn từ các thứ cấu uế tạo thành, đến khi lìa bỏ thân mạng, tất trở về với nơi bất tịnh xú uế.

Đại vương nên biết! Như thân này tuy dùng các thứ y phục đẹp đẽ để mặc che, trùm vấn, do tự thân này vốn từ các vật bất tịnh hợp thành, nên khi mạng chung, chắc chắn là vô số những thứ cấu bẩn chảy ra. Đại vương nên biết! Như thân này tuy được ở trong cung thất có hoàng hậu, phi tần, thể nữ, cung nhân xinh đẹp, thân quyến vây quanh, tấu các thứ nhạc, hát các bài ca để tự làm vui, hoan hỷ thích thú, đến khi lâm chung tự thấy những tướng xấu, chắc chắn sẽ sợ hãi, lo buồn, đau khổ. Đại vương nên biết! Như thân này tuy được ở nơi cung thất có trang trí sắc màu, lầu đài, điện gác được sơn vẽ, điểm tô cửa chính, cửa sổ, đóng mở kỹ lưỡng, các thứ hương hoa dùng để trang trí, các thứ đèn nến, ánh sáng luôn tỏa chiếu, bày biện các loại châu ngọc quý lạ, màn trướng che chắn, đốt các thứ hương tốt, rải các loài hoa đẹp, hoa hương, bình quý, trưng bày khắp nơi, nào vàng bạc, lưu ly, các loại giường tòa quý giá, trải thảm lông, gấm thêu, chiếu vẽ, đệm hoa, che phủ lên trên thì dùng màn trướng đẹp tốt, chăn gấm, chốn nghỉ ngơi yên ổn, giấc ngủ êm đềm. Đến khi mạng chung thì không còn biết gì cả. Hoặc đưa thi hài tới chỗ chôn cất, những loài cầm thú xấu ác như diều quạ, cầy, sói, dã can, cùng giành nhau ăn xác, xương thịt, máu mủ, râu tóc, phẩn nhơ vung vãi trên đất hôi thối cả vùng thật đáng ghê tởm.

Đại vương nên biết! Như thân này trước thường cỡi voi quý, ngựa quý, xe kiệu được trang sức bằng các thứ báu, lại đánh trống, thổi ốc, tạo âm nhạc vang dội, các loại tàn, lọng theo sau che hầu, quạt lễ, ánh sáng lấp loáng, vô lượng những kẻ mạnh mẽ, gan dạ nơi quân đi voi, quân cỡi ngựa, quân dùng xe, quân đi bộ, kẻ tùy tùng đưa đường trước sau, bảo vệ hai bên, trăm ngàn chúng quan, hết dạ trung thành cung kính phục vụ, dân chúng nơi thành thị, thôn ấp đều chắp tay kinh ngạc, thán phục. Tuy nhận hưởng quả báo tốt đẹp thù thắng, vẻ vang tự tại, nhưng chẳng bao lâu, khi nhắm

mắt xuôi tay, không còn cử động, thây nằm ngang ngửa lắc lư trên xe tang, mọi người khiên kéo ra cửa thành lớn, cha mẹ, vợ con, anh em, chị em, những kẻ sai phái, tôi tớ, nào quan chức, phụ tá, những quyến thuộc theo tiễn hai bên, buồn lo đau khổ chất chứa trong lòng, đầu tóc rối bời, nghẹn ngào đau xót, đi đứng nghiêng ngã, cùng lên tiếng kêu gào: Khổ thay, những người cùng nước trong các thành ấp trông thấy cũng khóc lóc thương xót theo tiễn đến nơi chôn cất. Hoặc nếu thi thể bị lộ ra ngoài, tức cho các loài cầm thú như diều, quạ, chó đói, các loài chim dữ, thú dữ chồn, sói, cáo cấu xé ăn xác, thịt xương rơi vãi. Hoặc như nhóm củi dùng lửa thiêu xác, gân xương cháy tàn, máu thịt tiêu mất, mùi khói bốc lên tỏa ra bốn phía. Lửa tắt, xương tiêu, thành tro bụi tung bay cùng khắp. Hoặc có đào đất chôn cất trong mộ phần hay lăng tẩm, trải qua thời gian rồi thịt tiêu, xương mục. Đại vương nên biết! Thân này như thế là biến hoại, vô thường, tất cả chúng sinh và những việc làm thảy đều như vậy, không thường còn, không thể giữ gìn, tin tưởng, đều là pháp biến đổi, nhanh chóng không dừng, trôi chảy, chuyển dời, rốt lại đều hủy diệt. Niệm niệm đổi thay, tiêu mòn sau đó là tro tàn, rốt cùng là đến cửa diệt vong, là pháp mất mát, hủy hoại, có những lo sợ, có những tai nạn và nhiều thứ buồn rầu, đau khổ. Đều là pháp rơi rụng, úa tàn, hoại diệt, lìa tan.

Cho nên, này đại vương! Hãy khéo siêng năng tu theo pháp quán vô thường, pháp quán tận diệt, đừng để những tham dục làm cấu nhiễm, đừng để sự giận dữ kích động, đừng để sự ngu si che lấp. Đừng để đắm nhiễm lại thú vui nơi sự giàu sang của ngôi vua. Đừng để đắm nhiễm lại thú vui theo ái dục của ngôi vua. Đừng để đắm nhiễm lại những thứ dục lạc khác được thọ nhận như voi, ngựa…. Phải nên diệt trừ sự kiêu căng, phóng túng về của cải, thọ mạng. Phải nên sợ sệt quỷ vô thường, không hẹn với người hẹn, bất chợt mà đến. Là người chủ nước lớn, nên dùng chánh pháp, không dùng phi pháp, nên làm theo chánh pháp, không làm theo phi pháp. Nên thương xót chúng sinh đều như con một. Phải nên thành tâm hộ trì pháp Phật, nối dòng Tam bảo, chớ nên quan tâm đến những cái khác. Vì sao? Vì trong biển sinh tử lưu chuyển từ vô thỉ, chỉ có chánh pháp của Phật mới là bến bãi, cầu đò lớn, ngàn vạn ức kiếp thật khó gặp được.

Đại vương nên biết! Ta rốt cuộc không nói về chỗ đạt những thứ dục lạc của thế gian, chứa chất thọ dụng gọi là giàu sang. Ta chỉ nói về chỗ đạt được chánh pháp của chư Phật, trí tuệ của bậc Thánh là của báu được tích lũy để thọ dụng, mới là sự giàu sang chân thật viên mãn. Do đó, này đại vương! Phải nên chán lìa những thứ dục lạc hiện có ở thế gian, phải nên nguyện cầu chánh pháp của chư Phật, trí tuệ của bậc Thánh, đó là của báu.

Khi Đức Thế Tôn giảng nói xong kinh này, chủ nước Kiều-tát-la là đại vương Thắng Quân và tất cả hàng trời, người... ở thế gian nghe điều Phật dạy, đều rất vui mừng, tin tưởng, thọ nhận và vâng làm.

❑

SỐ 516

KINH THẮNG QUÂN VƯƠNG SỞ VẤN

Hán dịch: Đời Triệu Tống,
Đại sư Thi Hộ.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với các bậc Đại Bí-sô một ngàn hai trăm năm mươi người hội đủ. Lúc ấy, có đại vương, chủ nước Kiều-tát-la là Thắng Quân, một vị vua tôn quý, có uy đức lớn, giàu có, tự tại, quốc độ, cảnh giới của đại vương là một cảnh giới rộng lớn, được tất cả mọi người cùng tôn kính. Phước đức của nhà vua từ lâu đối với pháp Phật là rất tôn trọng tin tưởng.

Bấy giờ, nhà vua liền ngồi xe báu, cùng các quan, đám tùy tùng và vô số trăm ngàn Bà-la-môn, Trưởng giả... vây quanh, dùng các thứ âm nhạc đi trước dẫn đường. Vua ra khỏi nước Xá-vệ, đến vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, là nơi Phật Thế Tôn cư ngụ, để cung kính cúng dường, nghe nhận chánh pháp.

Đức Phật nói:

–Nhà vua là chủ của muôn dân, nên thường dùng chánh pháp thi hành trong việc cai trị, giáo hóa. Đối với phi pháp thì lìa bỏ, không làm. Vì sao? Đại vương nên biết! Nếu vua và các quan lìa bỏ chánh pháp, thi hành phi pháp thì trong đời này mọi người sẽ khinh khi, chê bai, cho đến khi thân mạng hoại diệt không được sinh nơi các cõi tốt. Nếu vua và các quan rời bỏ phi pháp, thi hành chánh pháp, ở đời này được mọi người ca ngợi, đến khi thân hoại mạng chung được sinh lên cõi trời thọ nhận quả báo tốt đẹp, giàu vui, tự tại, được trời, người kính trọng.

Này đại vương! Ví như người đời sinh một đứa con, cha mẹ yêu thương xem như ngọc báu, tạo nhiều phương tiện khiến cho con luôn được vui sướng, người con lớn lên cũng có lòng hiếu kính. Tâm Từ bi yêu thương của vua cũng lại như thế, tất cả muôn dân đều là con một, chỗ yêu thương, nhớ tưởng của vua giống như cha mẹ, thường dùng bốn pháp để giáo hóa thu phục họ, đó là bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Thường thi

hành bốn pháp như thế, tất cả dân chúng đều sẽ quy phục, vua hãy dùng tâm từ ái quan sát dân chúng giống như nghĩ nhớ đến con mình. Mọi người trong nước cũng xem vua như cha mẹ của họ. Lại như có người nơi giấc mộng thấy mọi thứ như sông suối, ao hồ, vườn rừng, hoa quả, đường phố, ngõ hẻm, đại lộ, mọi nơi đều trang nghiêm, thanh tịnh, vừa ý, mọi người đều yêu thích. Những việc như thế khi tỉnh giấc đều không còn thấy gì cả. Các pháp ở thế gian cũng lại như vậy, thảy đều như mộng, rốt cuộc không thật, như đại vương là chủ của mọi người, thọ ba thứ vui thú, đó là vui vì giàu sang, vui vì ái dục, vui vì tự tại. Cai quản một nước lớn, có nhiều thứ của cải như voi, ngựa, xe cộ, vàng bạc, ngọc báu, kho chứa các vật, cho đến hoàng hậu, phi tần, quyến thuộc, các quan phụ giúp, kẻ hầu... số lượng rất nhiều, giàu sang thịnh vượng, không gì sánh bằng. Giàu sang như thế tuy nhiều nhưng những thứ hiện có ấy không cho là hơn hẳn. Vì sao? Vì đó là pháp điên đảo, làm tâm ý lao nhọc, tăng thêm các phiền não.

Đại vương nên biết! Những thứ ấy đều là pháp vô thường, hoại diệt, là không bền vững và không rốt ráo, như chùm bọt nước mà không có thật. Cho nên, này đại vương! Đối với những việc ấy phải biết rõ như thật. Đối với các pháp ở thế gian cũng thường biết rõ. Lìa các phiền não, tu hạnh xuất thế. Lại nữa, các pháp ở thế gian như một cây lớn tưới nhuần nơi gốc rễ liền sinh cành lá. Cành lá sum suê nên có thể ra hoa. Hoa nở không lâu liền sinh trái hạt, trái hạt chín rồi, màu sắc mùi hương thơm tho, ngon ngọt, mọi người đều yêu thích. Cây ấy bỗng bị lửa lớn thiêu đốt, khắp phía đều hừng cháy, sắc hồng rực sáng, chiếu át cả mặt trời, mặt trăng, bốn phương trên dưới là một khối lửa. Cây đáng yêu kia đều không còn gì cả, chỉ có ánh lửa hiện ra, nhưng ánh lửa ấy không lâu liền bị cơn mưa lớn dập tắt. Mây, sấm, tia chớp, ánh sáng giao nhau xuất hiện, lúc ấy đống lửa không còn nữa, chỉ còn cơn mưa to liên miên không dứt. Cơn mưa ấy không lâu lại cũng ngưng tạnh.

Đại vương nên biết! Như trên đã nói, các pháp ở thế gian cũng lại như thế, chỉ trong giây lát là bị hoại diệt, rốt cuộc đều không thực. Như nơi nhà vua cai trị, tuy là rộng lớn chứa nhiều của cải, chỉ trong giây lát là bị hoại diệt, nghĩa lý ấy cũng vậy. Do đó, này đại vương! Đối với pháp vô thường thì chớ sinh tưởng thường trụ. Đối với pháp có diệt tận đừng tạo tưởng vô tận. Niệm niệm tư duy luôn bị vô thường đến xâm phạm. Niệm xả bỏ những pháp thế gian, lìa xa những đắm nhiễm, tu hạnh xuất thế làm lớn thêm căn lành.

Này đại vương! Lại như bốn phương có bốn dãy núi lớn, từ không

trung đến, những ngọn núi cao rộng kia, ngọn nào cũng vững chắc, rơi xuống cõi Diêm-phù, mà trong cõi ấy tất cả loài cây cỏ, rừng rậm hiện có đều bị hủy diệt không còn sót gì, kẻ có sức mạnh cũng không thể cứu được.

Này đại vương! Trong cõi thế gian có bốn điều đáng sợ lớn cùng đến bức bách cũng lại như vậy. Tất cả chúng sinh không nơi trốn chạy, kẻ có sức mạnh lớn cũng không thể cứu được. Bốn cái đáng sợ đó là gì?

1. Sợ những tà hạnh.

2. Sợ cái già.

3. Sợ bệnh tật.

4. Sợ cái chết.

Này đại vương! Tà hạnh nếu phát sinh tức hủy hoại chánh hạnh. Cái sợ nơi già nếu đến sẽ hủy vẻ trẻ trung. Cái sợ về bệnh đến sẽ hủy hoại điều vui an ổn. Cái sợ về chết nếu đến sẽ hủy hoại mạng sống.

Này đại vương! Lại như sư tử là vua của loài thú nếu vào đàn thú bắt một con ăn thịt, con thú bị bắt kia làm sao trốn chạy? Vào trong bụng sư tử rồi sẽ tiêu mất không còn gì.

Này đại vương! Sức mạnh lớn của luật vô thường đối với chúng sinh cũng sẽ như vậy.

Này đại vương! Những người ở trong thế gian, đến lúc sắp lâm chung, trước đó bị nhiều bệnh khổ như trúng tên độc, sức lực suy yếu, gân cốt, chi thể thảy đều đau nhức, da thịt khô gầy, tay chân run rẩy, những chất nhơ bẩn xuất ra, các căn như mắt tai mũi lưỡi thân... không thể phát khởi nhận biết, các cảnh không hiện, chỉ thấy cảnh của nghiệp bất thiện mà mình đã tự tạo hiện ra trước mắt, khiến hết sức sợ sệt. Không nơi nương náu, không ai cứu vớt, cha mẹ, bà con vây quanh, thầy giỏi, thuốc hay cũng không thể chạy chữa. Thức ăn thức uống ngon bổ không thể nuốt trôi. Trong từng ý niệm luôn sợ hãi vô thường. Hơi thở ra vào dần dần nhỏ, ngắn. Sợ về bệnh như thế, khi ấy mới bắt đầu, tâm nghĩ đến việc tạo nghiệp thiện, nói tiếng nhỏ với cha mẹ: "Con nay rất sợ, ghét cảnh trước mắt, mạng sống sắp dứt, cha mẹ nên vì con tạo các lợi ích, bố thí nơi Phật, Tăng, nguyện thương xót cứu giúp."

Nói như vậy rồi, chỉ trong sát-na, thọ mạng liền hết. Chốn này đã bỏ, chốn khác lại sinh, theo nghiệp tự mình tạo ra mà thọ nhận các quả báo.

Đại vương nên biết! Chúng sinh nơi thế gian, hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc hơn, hoặc kém, đều từ chỗ tự tạo nhân, sinh quả, không hề mất. Tạo nghiệp thiện chính là chỗ quy hướng, là chốn dựa nương. Khi mạng

sắp hết chẳng sinh sợ hãi. Chốn này duyên lìa, sinh nơi chốn khác, thọ nhận quả thù thắng. Do đấy, này đại vương! Ông nay phải nên xả bỏ pháp thế gian, lìa các thứ nhiễm, chấp, tu hạnh xuất thế, hướng tới của pháp thiện, ở trong niệm niệm tạo tưởng về vô thường. Nếu được như thế thì đối với pháp thiện mới gọi là tinh tấn.

Lại nữa, này đại vương! Như người ở thế gian đi vào đống lửa lớn, cần dùng phương tiện tức có thể diệt. Ở trong phiền não bức bách, phải nhờ sự mát mẻ, trong lành thì mới tỉnh táo. Khi bị đói khát phải nhờ ăn uống thì mới có thể cứu sống. Lúc nhiễm bệnh khổ, phải nhờ thuốc hay thì mới có thể trừ khỏi. Đối với nguy nan, phải có được sức mạnh nơi tri thức thiện mới thoát khỏi các nạn. Lúc bị nghèo khốn, phải có được của cải quý báu mới có thể cứu tế. Khi vào chiến trận, cần phải mặc áo giáp đồng dày kiên cố, dũng mãnh mới có thể chiến thắng. Mọi nơi chốn không nương không nhờ, cô độc khổ não, phải có được bạn thân, mới là chỗ dựa nương.

Này đại vương! Pháp thiện xuất thế gian cũng lại như vậy. Nơi các thế gian, giống như trên đã nói, các thứ ăn uống, thuốc hay, bạn thân… có thể làm nơi nương tựa, có thể làm người cứu giúp.

Này đại vương! Nếu người không tu tập pháp xuất thế gian thì đều không phải là chỗ có thể nhờ cậy, lúc mạng sắp hết, tự sinh sợ hãi thì ai là người cứu giúp? Bỏ báu này rồi, tự thọ khổ kia, ai làm việc cứu độ? Do sự việc ấy, nên Như Lai nêu giảng đúng như thật.

Này đại vương! Nên mau chóng đối với các pháp thế gian, bỏ các kiến chấp về thường, tạo tưởng vô thường, bỏ kiến chấp vững chắc, tạo tưởng về hoại diệt, như bọt nước tụ lại, không thật. Nên nhớ nghĩ tu tập pháp thiện xuất thế gian. Từ chỗ tự làm rồi, chuyển sang khuyên người khác cùng làm, như thế, mới có thể ở trong pháp thiện gọi là tinh tấn.

Này đại vương! Nên quán về tự thân, không có một chút vui nào có thể đạt được, tuy lại có đủ vô số thức ăn uống thượng vị, ngon bổ để nuôi thân, chưa từng một lúc nào có sự sai lầm về đói khát. Như vậy, dần dần có thể nuôi giữ mạng căn. Quả báo nơi thọ mạng kia hết, tức thì tan hoại, quy về pháp vô thường.

Này đại vương! Lại quán về tự thân. Tuy có đủ loại y phục quý giá bậc nhất, các vật dụng trang nghiêm, cho đến vô số kho chứa các vật, không hề thiếu hụt. Voi, ngựa, xe, cộ, bốn thứ đầy đủ, số lượng ấy rất nhiều, không gì có thể so sánh. Quả báo nơi thọ mạng hết, tất quy về vô thường.

Lại nữa, này đại vương! Như người ở thế gian giàu có, nhiều của cải,

trong mỗi mỗi ngày đều tắm rửa sạch sẽ, dùng dầu thơm xoa lên thân. Lại dùng các thứ y phục trang nghiêm đẹp đẽ bậc nhất, các vòng hoa tươi đẹp, cùng các chuỗi anh lạc, chân châu, các thứ vòng xuyến, nhẫn ngọc… như thế để trang sức nơi thân tướng, ngồi nơi tòa báu, giàu sang tự tại, uy đức hết mực tôn quý, cùng với đám quyến thuộc vây quanh, hòa tấu hàng trăm thứ âm nhạc đặc biệt. Khắp các lầu gác đều đốt các loại hương vi diệu như chiên-đàn, trầm thủy… tất cả sinh diệt nối tiếp, luân chuyển không có cùng tận, đều do vô minh làm nhân sinh ra. Do đấy, tất có các thứ pháp như tham… nếu diệt trừ vô minh thì tham… chẳng sinh. Tham… đã được diệt thì hành chân chánh được khởi, lìa các lỗi lầm. Đây tức gọi là pháp xuất thế gian.

Lại nữa, này đại vương! Hết thảy cảnh giới của đối tượng được duyên nơi thế gian, hoặc được, hoặc mất, hoặc quyết định, chẳng quyết định, hoặc đáng yêu thích, chẳng đáng yêu thích. Tâm tham sinh khởi không hề biết chán đủ. Đó là lỗi lầm lớn. Nếu đối với pháp xuất thế gian của chánh đạo, yêu thích, mong cầu, không cho là chán đủ, mới là hành chân chánh, là lợi ích lớn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Đại vương nay nên biết
Pháp chết kia cực ác
Dứt mọi thọ mạng người
Cùng hủy hoại các uẩn.
Đó là sợ hãi lớn
Đời đều không yêu thích
Pháp chết kia nếu đến
Hiện khắp mọi nơi chốn.
Hư không cùng biển cả
Hang sâu và núi cao
Đại địa cùng các phương
Không nơi nào trốn thoát.
Chỉ các bậc trí tuệ
An trụ pháp chân thật
Nên kiên cố, không động
Tất cả không thể hoại.
Báo thọ mạng chưa hết
Nên khởi đại tinh tấn
Tu tập rộng nhân thiện

Siêng hành các phạm hạnh.
Do diệu lực căn lành
Được đến cõi Niết-bàn
Đạt được Niết-bàn rồi
Xa lìa hẳn sợ chết.

Lúc này, đại vương chủ nước Kiều-tát-la là Thắng Quân, nghe Đức Phật Thế Tôn dùng các phương tiện thiện xảo, nêu ví dụ để giảng nói pháp vi diệu rồi thì hết sức hoan hỷ, nên cung kính tán thán, đảnh lễ nơi chân Phật rồi về cung.

Phật thuyết giảng kinh này xong, các chúng Đại Bí-sô, nghe Phật giảng nói đều vô cùng vui mừng, tin thọ nhận phụng hành.

❑

SỐ 517

KINH MẠT-LA VƯƠNG

Hán dịch: Đời Lưu Tống,
Cư sĩ Thư Cừ Kinh Thanh.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo, ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy, có quốc vương hiệu là Mạt-la, cai trị đất nước phồn thịnh, dân chúng đông đúc, mạnh mẽ. Ở nước đó có tảng đá vuông vức, chu vi hàng chục dặm nằm trên đường đến cung vua. Quần thần cùng nhau bàn tán, tâu nhà vua nên dời tảng đá. Vua liền lựa chọn trong nước được chín ức người để đào, di chuyển, trải qua nhiều năm tháng, các lực sĩ đã mỏi mệt mà không di chuyển được.

Phật nghĩ: "Những người dân này ngu si, nên uổng công lao nhọc mà vẫn không di chuyển được tảng đá", liền bảo Tôn giả A-nan:

–Ông hãy cùng đi với ta đến đó.

Chỉ trong khoảng khảy móng tay, Phật và Tôn giả A-nan đã đến nước ấy. Khi đó, Phật giả làm Sa-môn, đắp y, đứng bên cạnh tảng đá, nói với dân chúng:

–Vì sao phải đào, di chuyển tảng đá này?

Ban đầu không ai trả lời. Phật hỏi như vậy đến ba lần, dân chúng tức giận nói:

–Chúng tôi đào tảng đá này rất cực khổ, trải qua nhiều năm. Các ông là ai mà đến hỏi chúng tôi?

Nói xong, mọi người đều bỏ đi.

Khi ấy, Phật liền mỉm cười, dùng ngón chân hất tảng đá, rồi dùng tay nắm lấy, ném lên hư không, lại dùng tay hứng lấy, đem để dưới đất. Phật liền phóng ra ánh sáng, hiện tướng tốt. Chín ức người thấy oai thần của Phật đều khiếp sợ, cúi đầu thưa:

–Chúng con ngu si không phân biệt thật, giả. Ngài là vị trời, thần

nào?

Phật bảo:

–Ta là Phật.

Mọi người hỏi:

–Ngài dùng những lực nào mà có thể nâng được tảng đá này?

Đáp:

–Ta có bốn lực. Đó là:

1. Lực tinh tấn.

2. Lực nhẫn nhục.

3. Lực bố thí.

4. Lực phụ mẫu.

Thế nào là lực tinh tấn? Nghĩa là không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, giảng thuyết kinh pháp, hướng dẫn cho người và vật, chưa lúc nào biếng nhác. Đó là lực tinh tấn.

Thế nào là lực nhẫn nhục? Nghĩa là nếu có người làm hại, hủy hoại, hay làm nhục, nói xấu ta thì tâm ta vẫn như đất, đều nhận lấy tất cả. Đó là lực nhẫn nhục.

Thế nào là lực bố thí? Nghĩa là đem quốc gia, thành lũy, châu báu, vợ con, đầu mắt mà ban cho người, tâm không hề hối tiếc. Đó là lực bố thí.

Thế nào là lực phụ mẫu? Nghĩa là có thân này là do cha mẹ, nhờ ơn bú mớm, nuôi dưỡng. Nếu đem ban cho người những châu báu cất chứa từ dưới đất cho đến cõi trời thứ hai mươi tám cũng không bằng cung phụng và nuôi dưỡng cha mẹ. Đó là lực phụ mẫu.

Mọi người lại hỏi:

–Còn có những lực nào nữa không?

Phật bảo:

–Còn có bốn lực.

Thế nào là bốn? Đó là sinh, già, bệnh, chết. Đó là bốn lực.

Lại hỏi:

–Phật đang thường trụ ở đời phải không?

Phật bảo:

–Ta cũng sẽ nhập Niết-bàn.

Mọi người nói:

–Phật chính là bậc Thần thánh, thân tướng tốt, màu vàng ròng, ở đời

hiếm có mà còn Niết-bàn, huống chi là chúng ta.

Vua và quần thần, dân chúng chín ức người cùng lúc đều hiểu rõ, xin thọ năm giới, mười điều thiện, quy y Tam bảo, cắt đứt mọi ràng buộc của phiền não và liền đắc quả Tu-đà-hoàn.

Tôn giả A-nan sửa y phục, đảnh lễ Phật, thưa:

–Nhà vua và chín ức người này có công đức gì mà nay nghe kinh pháp liền mau hiểu rõ?

Phật nói:

–Thuở xưa, vào thời Phật Câu-lưu-tần, nhà vua và chín ức người trong nước đều đã lập chí nguyện, hoặc có người thọ năm giới, mười điều thiện, hoặc có người trì trai giới, hoặc có người thắp đèn, hoặc có người đốt hương, rải hoa, hoặc có người đọc tụng kinh, hoặc có người nghe kinh, nên ngày nay họ đến hội này nghe kinh liền hiểu. Các Tỳ-kheo nghe vậy đều vui mừng làm lễ Phật.

❑

SỐ 518

KINH CHIÊN-ĐÀ-VIỆT QUỐC VƯƠNG

Hán dịch: Đời Lưu Tống,
Cư sĩ Thư Cừ Kinh Thanh.

Nghe như vầy:

Một thời, Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy, có quốc vương tên là Chiên-đà-việt, phụng thờ đạo Bà-la-môn. Chính sách trị nước của nhà vua thường tin dùng các Bà-la-môn. Thứ phi của nhà vua đặc biệt được quý trọng, nuông chiều. Khi ấy, bà đang mang thai, các phu nhân khác ganh ghét, liền đem vàng cho Bà-la-môn, bảo họ gièm pha, tâu với vua: "Người này hung dữ, nếu sinh con, ắt sẽ gây hoạn nạn cho nước." Vua nghe nói, rất buồn rầu, không vui, hỏi Bà-la-môn:

–Nên làm thế nào?

Bà-la-môn đáp:

–Chỉ nên giết đi là được.

Vua nói:

–Mạng người rất lớn, làm sao có thể giết?

Đáp:

–Nếu không giết đi, ắt sẽ có nỗi lo tan thân, mất nước, họa không nhỏ đâu.

Vua liền nghe theo lời nói ấy, đem bà ta giết chết một cách oan uổng, rồi chôn cất.

Về sau, đứa bé được sinh ra ở trong gò mả, nửa thân của người mẹ không bị thối nát, nên đứa bé được bú sữa mẹ cho đến ba tuổi. Sau đó, gò mả bị phá vỡ, đứa bé được ra ngoài, cùng vui chơi với chim, thú, chiều đến về ngủ trong mả. Khi đứa bé được sáu tuổi, với tâm Từ ban rộng khắp, nghĩ đến sự cực khổ của đứa bé phải cùng sống với chim thú, Phật liền hóa làm Sa-môn, mặc pháp y đến đó, gọi đứa bé lại hỏi:

–Con là con nhà ai, ở đâu?

Đứa bé vui vẻ thưa:

–Con không có nhà cửa, chỉ ngủ nghỉ trong mả này thôi. Nay con xin đi theo Đạo nhân.

Phật đáp:

–Con theo ta để làm gì?

Đứa bé thưa:

–Tốt xấu gì, con cũng theo Đạo nhân.

Phật liền dẫn đứa bé đi đến vườn Kỳ hoàn. Thấy các Tỳ-kheo oai nghi nghiêm túc, đứa bé rất vui mừng, bạch Phật:

–Con muốn được làm Tỳ-kheo.

Phật liền đồng ý, lấy tay xoa đầu đứa bé, tức thời tóc liền rơi xuống, tự nhiên có ca-sa đắp trên thân, đặt tên là Tu-đà, theo Phật thọ đại giới, siêng năng, gắng sức tiến tới, không lười biếng, bảy ngày liền đắc quả A-la-hán.

Phật bảo Tu-đà:

–Ông theo Phật thọ đại giới, đã nhổ sạch gốc rễ của sự ham muốn, đối với sinh tử, được tự tại. Nay ông nên đến hóa độ cho vua Chiên-đà-việt.

Tu-đà vâng lời Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, rồi đi đến nước kia. Đến nơi, Tu-đà đứng ngoài cửa cung, xin được gặp nhà vua. Vị hạ thần vào tâu vua:

–Bên ngoài có Đạo nhân xin muốn gặp nhà vua.

Vua nghe, liền đi ra gặp Đạo nhân.

Vua hỏi:

–Tôi có một mối lo lớn, không biết như thế nào?

Đạo nhân đáp:

–Nhà vua lo việc gì?

Vua đáp:

–Tôi tuổi đã lớn, sắp đến thời già yếu mà trong nước không có người nối ngôi, do đó tôi rất buồn rầu.

Đạo nhân nghe nhà vua nói, ban đầu không đáp, chỉ mỉm cười mà thôi.

Vua liền giận dữ nói:

–Tôi nói chuyện với Đạo nhân, đã không đáp lại lời của tôi mà chỉ

mỉm cười là sao?

Vua liền muốn giết Đạo nhân để trị tội.

Biết ý nhà vua, Tu-đà liền nhẹ nhàng bay lên đứng giữa hư không, phân tán thân thể, ra vào không gián đoạn.

Thấy thần thông biến hóa của Tu-đà, nhà vua sợ hãi, hối lỗi thưa:

–Con thật là ngu si, không phân biệt thật, giả, nguyện xin Đạo nhân một lần nữa cho con được quay về nương tựa.

Tu-đà liền từ trên không đi xuống, đứng trước nhà vua, bảo:

–Nếu đại vương đã có thể tự quy y thì rất tốt, nên tự quy y Phật. Phật là bậc Đại sư của tôi, là bậc Thầy trong ba cõi, độ thoát tất cả chúng sinh.

Nhà vua liền ra lệnh quần thần chuẩn bị xa giá đi đến gặp Phật.

Tu-đà liền dùng đạo lực, chỉ trong khoảng co duỗi cánh tay, đã đưa vua và quần thần đến chỗ Phật. Đến nơi, tất cả đều cúi đầu, đảnh lễ sát chân Phật, quy y Tam bảo, xin thọ năm giới làm Ưu-bà-tắc.

Phật bảo nhà vua:

–Đại vương muốn biết Tỳ-kheo Tu-đà là ai không? Trước kia, vua nghe lời nói gièm pha của Bà-la-môn, giết đứa bé trong thai thứ phi, đứa bé ấy chính là đây. Sau khi người mẹ chết, đứa con sinh ra ở trong mả, nửa thân của người mẹ không thối rữa, đứa bé được bú sữa mẹ cho đến sáu tuổi. Nay đứa bé theo Ta tu đạo mới được như thế này.

Nghe Phật nói, vua kinh sợ không thể kìm chế được.

Phật nói:

–Thuở xưa, vào thời Phật Câu-tiên-ni còn tại thế, có quốc vương hiệu là Phất-xá-đạt. Vua và ba ức người trong nước đều theo vua cúng dường Tam bảo. Khi đó, có người thường dân nhà nghèo, không nghề nghiệp, thường làm thuê cho những người giàu trong nước, chăn bò đến hàng trăm con. Thấy vua và mọi người cúng dường Tỳ-kheo Tăng, người chăn bò liền hỏi: "Các ông làm gì vậy?"

Mọi người đáp: "Chúng tôi cúng dường Tam bảo, về sau sẽ được phước báo."

Lại hỏi tiếp: "Được những phước báo gì?"

Mọi người đáp: "Người có tâm trong sạch, cúng dường Tam bảo, về sau sinh ở chỗ nào cũng được an vui, tôn quý, không bị khổ cực."

Người chăn bò liền nghĩ: "Nhà ta nghèo cùng, khốn khổ, chỉ làm thuê chăn bò cho người, tự mình không có thức ăn uống thì lấy gì mà cúng dường." Lại nghĩ: "Chỉ bằng cách là trở về lén lấy sữa bò cô lại thành cao

sữa, váng sữa rồi đem cúng cho các Tỳ-kheo với lòng trong sạch là được.”

Tỳ-kheo Tăng chú nguyện: “Nguyện cho ông, đời đời sinh ra ở đâu cũng được phước này. Từ đây về sau trải qua các kiếp sinh tử, đều hưởng được phước báo, hoặc trên thì làm chư Thiên, hoặc dưới thì làm vua những nước nhỏ.”

Mãi cho đến về sau này, khi ông ta đã được làm vua, đi săn bắn, thấy người trong nước có con bò cái tốt đang mang thai, vua liền ra lệnh cho người bắt giết con vật đó.

Phu nhân thưa với vua: “Chớ sai người giết con của nó.”

Khi ấy, người chủ bò chạy theo xin mổ lấy bò con ra đem về nuôi dưỡng. Người chủ bò quá tức giận nên nói: “Nguyện cho nhà vua như con bò nghé này.”

Về sau, thần hồn của nhà vua đó đến làm con của đại vương. Khi chưa sinh ra người mẹ đã bị vua giết chết. Tu-đà tức là người đó. Mẹ Tu-đà bị giết oan uổng tức là phu nhân của vua thời bấy giờ. Bà-la-môn tức là chủ bò. Lý do Tu-đà sinh ra trong mả, nửa thân người mẹ không hư thối, nên Tu-đà được sữa để bú để tự lớn lên là vì đời trước đã đem váng sữa, cao sữa dâng cúng Tỳ-kheo Tăng.

Phật bảo:

–Tội phước tương ứng như bóng theo hình, chưa có người nào làm thiện mà không được phước, làm ác mà không bị tai họa.

Nghe Phật thuyết giảng kinh, vua hiểu rõ, liền đắc đạo Tu-đà-hoàn, mọi người trong nước đều theo vua vâng giữ năm giới, thực hành mười điều thiện, quy y Tam bảo, hoặc có người chứng đắc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Bốn chúng đệ tử, các chúng thiên, long, quỷ, thần nghe kinh đều hoan hỷ, đến trước Phật làm lễ rồi lui ra.

❑

SỐ 519

KINH MA-ĐẠT QUỐC VƯƠNG

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Cư sĩ Thư Cừ Kinh Thanh.

Nghe như vầy:

–Một thời, Đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo ở trong vườn Trúc thuộc thành La-duyệt-kỳ. Khi ấy, có quốc vương hiệu là Ma-đạt, chuẩn bị ra trận chinh chiến, tuyển quân trong nước đến hàng trăm vạn người để theo vua đi đánh giặc.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo đã đắc quả A-la-hán, đến khất thực ở nước đó cũng bị bắt, dẫn tới cửa cung vua. Quan coi ngựa của vua bảo vị Tỳ-kheo ấy chăm sóc ngựa trong bảy ngày rất cực khổ. Sau đó, đích thân vua đến xem quân trận. Tỳ-kheo thấy vua liền đến trước mặt, nhẹ nhàng bay lên đứng giữa hư không, hiện các thần thông. Vua quá hoảng sợ, cúi đầu hối lỗi:

–Con thật ngu si, không phân biệt thật, giả.

Vua truy hỏi các quan:

–Ai làm cho vị thần đây đến nỗi này? Hãy giết chết hắn đi để trị tội.

Tỳ-kheo bảo vua:

–Chẳng phải lỗi của vua và mọi người, mà do nghiệp đời trước của tôi. Xưa kia tôi hành đạo, thường cúng dường thầy. Khi dọn cơm cho thầy, thầy bảo tôi: "Hãy rửa tay trước rồi mới dọn cơm." Tôi ngu si nghĩ: "Thầy không chăm sóc ngựa, sao không chịu rửa tay trước đi." Thầy liền bảo tôi: "Nay con nghĩ việc này nhẹ thôi, nhưng sau này sẽ mắc quả báo nặng." Nghe nói vậy, tôi rất lo buồn. Biết tâm tôi, thầy nghĩ: "Ta sắp nhập Niết-bàn, sao lại làm cho ngươi buồn?" nên vào canh ba đêm ấy, thầy nhập Niết-bàn. Từ đó đến nay, đã lâu xa, qua nhiều lần sinh tử, nay chính là quả báo đó, phải chịu tai họa đời trước, chăm sóc ngựa bảy ngày. Phàm làm việc thiện, ác đều có họa, phước, như bóng theo hình.

Nghe Tỳ-kheo nói về tội, phước, vua hiểu rõ, lòng vui vẻ, xin được quay về nương tựa với Tỳ-kheo. Tỳ-kheo bảo:

–Vua nên quay về nương tựa nơi Phật. Phật là Thầy ba cõi.

Vua và mọi người trong nước đều theo Tỳ-kheo tới gặp Phật. Đến nơi, tất cả đều cúi đầu đảnh lễ Phật, thọ năm giới làm Ưu-bà-tắc. Vì vua và dân chúng, Phật hiện bày tướng tốt, oai thần, ánh sáng chiếu soi khắp trời đất. Rồi giảng nói về vô thường, khổ, không.

Lúc đó, vua liền đắc quả Tu-đà-hoàn, dân chúng trong nước đều thọ trì năm giới và mười điều thiện, quay về nương nơi Tam bảo, tháng ngày ăn chay giữ giới, cho là pháp thường.

Tôn giả A-nan sửa lại y phục, làm lễ, bạch Phật:

–Vua và dân chúng trong nước này gặp Phật, nghe kinh liền hiểu. Vì sao?

Phật bảo:

–Chính vì khi xưa, vào thời Phật Ma Phụ, Tỳ-kheo này làm Sa-môn, vua làm Ưu-bà-tắc, cúng dường ba ngày, với lòng thành trong sáng, nguyện sinh ra ở đâu cũng được phước, giờ đã đắc đạo độ đời. Ngày nay vua đến hội này nghe kinh liền đắc quả Tu-đà-hoàn là vậy.

Bốn chúng đệ tử, các chúng Trời, Rồng, Quỷ, Thần nghe kinh đều vui vẻ, đứng trước Phật làm lễ rồi lui ra.

❑

SỐ 520

KINH TÁT-LA QUỐC

Hán dịch: Thất dịch, phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

Thuở xưa, có nước lớn tên là Tát-la, lãnh thổ rộng, là một vùng đất thiên nhiên tươi đẹp, dân chúng đông đúc, giàu có, an vui, phát triển mạnh. Thành quách, lầu gác, đường lớn, hẻm nhỏ, nhà cửa đều được trang trí bằng các châu báu năm màu trong trời đất, lẫn lộn vàng bạc vuông tròn rất tinh xảo, cùng với những đường nét hoa văn rất đẹp. Trong ao tắm quanh thành có hoa sen mọc, lại có vịt trời, chim nhạn, uyên ương, tu hú, chim di la, khổng tước, anh võ, chim cốc cất cánh bay theo nhau đều ở trong ao, ngày đêm đậu nghỉ cùng nhau hót rất hay. Nam, nữ vui chơi, ca hát, trổi các nhạc cụ không biết chán. Niềm vui không thể nói hết được. Dân chúng ở đó tự kiêu, tự mạn, không biết pháp Phật, người người đều tự thỏa mãn cho thiên hạ không ai bằng mình.

Bấy giờ, Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Phật thấy nước này hưng thịnh, dân chúng vui chơi như vậy, không nghĩ tới khổ, sinh tử, vô thường, chỉ ham muốn vào sắc và các việc xấu ác, không hiểu biết gì. Phật nghĩ đến nước ấy, thấy sự sinh tử càng thêm nhiều, nếu không thực hành bằng phương tiện khéo léo của trí tuệ, làm sao có thể độ được. Phật liền dùng phương tiện mở bày rõ tâm cho họ, các pháp có hình sắc đều tương ưng với không, tất cả những sướng vui đều tương ưng với khổ, dùng phương tiện khéo léo, tùy vào tâm họ, làm cho họ lìa xa những cái biết không đúng. Phật hiện thần thông Tam-muội như ý, phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp soi tất cả, chấn động tám phương. Người, phi nhân, các trời, rồng, quỷ thần theo hầu ở sau. Đế Thích, Phạm thiên tay cầm lọng bảy báu hầu Phật. Các đệ tử, Bồ-tát Di-lặc, Văn-thù, Mục-liên, La-vân, A-nan, Ly-việt, Xá-lợi-phất và vô số ngàn người cùng đi theo đến nước đó. Trăm loài chim chóc, cầm thú cùng hót, kêu vang. Các nhạc khí không đánh mà tự hòa tấu. Các cây khô đều tự sống lại. Các loài sống dưới nước, nơi kênh, ngòi, sông, biển như rùa, ba ba, giãi, cá nhỏ đều vui mừng. Tam thiên thế giới đều chấn động mạnh, mặt đất mọc hoa sen lớn như bánh xe

bằng ngọc báu lưu ly xen kẽ nhau, màu sắc rất đẹp, chói sáng mắt người.

Phật phóng ra ánh sáng chiếu khắp mọi nơi, các chỗ tối tăm, cực khổ đều được thông suốt, không có chướng ngại. Khi ấy, quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, thái tử, cung phi, mỹ nữ nơi hậu cung cùng dân chúng lớn nhỏ trong nước đều kinh sợ, nghĩ: "Hôm nay cớ sao lại có hiện tượng như vậy. Lâu nay sống tự tại trong cung hưởng thú vui năm dục, được những kỹ nữ vỗ về, sung sướng không ai bằng. Những điều trông thấy hôm nay thật là hiếm có ở đời."

Khi ấy, thần giữ đất từ dưới đất vọt lên, hiện ra trước cung điện nhà vua, khen ngợi công đức Phật:

–Đức Thế Tôn biến hóa ra ánh sáng, vượt quá ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Các trời đều kính ngưỡng, Thích, Phạm đều tôn trọng. Ngài đã đoạn trừ mọi cấu uế xấu xa ở đời, giải thoát cho người khỏi sinh tử. Người nào thấy Phật tội lỗi sẽ được tiêu trừ, người nào cúng dường Phật sẽ được phước vô lượng, gieo trồng căn lành, về sau sinh lên cõi trời, một khi đã phát tâm trí tuệ liền được vô lượng, có thể được gặp Phật, lãnh thọ được lời Phật dạy.

Nghe vậy, nhà vua chuyển đổi tâm ý, vui mừng, tự nghĩ: "Như Lai đã hiện thần thông ở cõi nước của ta, chúng sinh sẽ được cứu độ, chẳng phải riêng mình ta."

Tất cả quần thần và những người khác, lúc này đều ra khỏi thành, lòng vui mừng hớn hở. Oai thần Phật đã làm cho cõi nước này bỗng nhiên có ánh sáng lớn, thông suốt vô biên. Vua và dân chúng đều đến gặp Phật. Lành thay! Đúng là phước báo, tâm thiện đã sinh. Được thấy tôn nhan Phật, ánh sáng vàng rực làm rõ sức oai thần dũng mãnh, điềm lành, trang nghiêm, tướng tốt trong suốt, vắng lặng. Vua và dân chúng đứng trước Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi đến trước Phật, thưa trình đầy đủ:

–Lâu nay, chúng con chìm đắm trong những ham muốn xấu ác, bị tiếng hay sắc đẹp làm cho mê hoặc, không gặp được Như Lai để cúng dường, hầu hạ, thưa hỏi giáo pháp.

Phật bảo:

–Lành thay! Vua và thần dân, thái tử trong cung đều bình an không?

Vua thưa:

–Nhờ ơn Phật, tất cả đều bình an.

Phật nói:

–Vua tham mê sắc dục, buông thả không chán, thu thuế bằng những vật quý báu, tham mê những món ăn cao sang, mải mê vui chơi nơi vườn đẹp, ao tắm, không nghĩ gì đến vô thường thì chẳng có chút ích lợi nào cả. Người bị dục trói buộc, không nghĩ đến đời sau, sẽ bị đọa vào cảnh giới địa ngục, súc sinh, mắc tội không cùng, bị lửa thiêu nướng, cho đến lúc thân hình tan rã, đói không được một bữa ăn, khát không có nước uống. Những nỗi sợ hãi, lo buồn, căm giận, xâm lấn nhau đều là do tâm trái nghịch, phạm vào điều ác. Ở đời, tuy giàu sang ở ngôi vị cao quý, nhưng đều là vô thường như mộng mà thôi. Nghĩ đến thân mạng của mình là do nghiệp mình tạo ra, không lệ thuộc vào một người nào khác.

Nghe vậy, nhà vua đến trước Phật quỳ gối, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Làm thế nào để xa lìa tội này. Phật là Đấng Pháp Vương, là nơi quay về nương tựa của tất cả mọi người, Phật là Đấng Chí Tôn chân chánh, cho chúng sinh kính ngưỡng. Con nguyện vâng theo lời Phật dạy, để thoát khỏi khổ này.

Phật nói:

–Lành thay! Nhà vua hãy có lòng tin sâu xa, lập thệ nguyện, thực hành bốn việc, mới có thể xa lìa được tội này.

1. Ban cho những gì mình có cho người mà không luyến tiếc.

2. Đối với sự ham muốn, sự tức giận, việc làm tổn hại, sự tham lam ăn uống… phải nên ít lại.

3. Nghe Phật thuyết kinh, giới thì tin tưởng lãnh nhận thi hành, không phạm.

4. Tôn kính và tùy thuận vào Pháp sư và bậc Thiện tri thức. Đó là bốn việc làm được có thể đem lại sự trong sáng cho mình.

Nhà vua phát tâm, muốn lập đàn bố thí lớn, liền đến trước Phật, chắp tay đảnh lễ, thưa:

–Nguyện xin Thế Tôn thương xót đến cung của con thọ bữa cơm đơn sơ.

Phật im lặng nhận lời mời.

Nhà vua trở về cung, nói lại cho các quan, hoàng thân, quyến thuộc: Phật là bậc khó gặp, còn hơn hoa Ưu-đàm-bát, nay đã được gặp nên phải thành tâm cúng dường. Đem các thứ hoa hương, cờ phướn, nhạc cụ, trang hoàng cung điện, quét dọn sạch sẽ, những con đường trong thành đều phải treo cờ phướn, lọng báu. Nhà vua còn ra lệnh cho phu nhân trong cung và dân chúng khắp nước đều phải sửa sang lại giường, tòa, lại bảo quan đầu

bếp làm trăm món ăn thơm ngon, xong xuôi đâu đó, liền đi thỉnh Phật. Đến nơi, vua thưa:

–Bạch Thế Tôn! Mọi việc đã chuẩn bị xong, nguyện xin Thế Tôn biết cho.

Phật biết đã tới giờ, ngay tại tòa ngồi hiện bày oai thần, làm cho đại chúng trong hội đều biết mà chuẩn bị. Bốn bộ đệ tử, trăm ngàn trời, người và các rồng thần, Càn-thát-bà cùng quyến thuộc vây quanh và tất cả cùng theo Phật. Trời Tứ Thiên vương đi đầu, trời Thích, Phạm cầm lọng và Bồ-tát Đại sĩ theo hầu Phật đi vào thành. Phật vừa bước đến cổng thành, cả cảnh giới đó đều chấn động, những người mù, điếc, câm, ngọng, trúng độc, tật bệnh đều được trở lại đầy đủ, bình thường như cũ, đàn không hầu và các thứ nhạc khí không đánh mà tự tấu vang.

Phật phóng ra ánh sáng chiếu soi khắp cung điện, thành quách, nhà cửa, khiến cho tất cả đều trở thành lưu ly, trong ngoài thông suốt đều được thấy Phật. Phật lên cung điện chính, ngồi trên tòa Sư tử. Vua và thái tử, thần dân trong nước tự tay bưng dọn và san sớt thức ăn cúng dường Phật và đại chúng. Dùng cơm xong, lau dọn và tẩy rửa cũng xong, tất cả mọi người đều ngồi im lặng, nhà vua lấy ghế nhỏ đến ngồi ở trước để nghe Phật thuyết giảng kinh.

Phật chuyển bánh xe pháp, thuyết pháp không thoái chuyển. Nhà vua vui mừng, đem áo trị giá ngàn vạn, hiếm có ở đời, cúng dường Phật: Chiếc áo tung lên, lơ lửng giữa hư không và biến thành lọng hoa che ngay trên Đức Phật, bảy loại châu báu giao nhau rũ xuống, từ châu báu này tỏa ra ánh sáng chiếu khắp vô số cõi Phật trong mười phương. Vua và thần dân, hậu cung, thái tử, phu nhân, mỹ nữ cùng vạn người khác, thấy sự biến hóa này đều rất vui mừng, phát tâm với đạo Chánh đẳng Chánh chân Vô thượng. Tám trăm Thiên thần đạt được pháp Nhẫn vô sinh, năm ngàn vị Bồ-tát được quả vị Bất thoái chuyển, vô số ngàn người căn lành và phước đức phát triển lên thêm, sau khi qua đời được sinh lên cõi trời.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Nhà vua này đã hầu hạ, cúng dường của cải, châu báu cho năm trăm vị Phật, thực hành hạnh Từ bi, tôn trọng pháp không mệt mỏi, vào đời vị lai sẽ được làm Phật, hiệu là Như Lai Tuệ Quang, Bậc Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác.

Dân chúng và các phu nhân trong nước, nương nhờ phước đức này cũng sẽ được thành Phật. Nghe Phật thọ ký, nhà vua vọt lên hư không, hiện thân cách mặt đất một trăm bốn mươi trượng, rồi từ trên không, hạ xuống,

khen ngợi công đức Phật:

–Phật là Bậc Chí Tôn, làm bóng cây cho chúng sinh, phước đức ấy các cõi trời cũng đều được che phủ. Tám ngàn người trong nước nghe Phật thọ ký cho vua, đều phát tâm trong sạch, nguyện làm Bồ-tát.

Phật giảng nói kinh xong, tất cả chúng hội, người và phi nhân ai nấy cũng đều vui mừng. Thế Tôn đã khéo dùng phương tiện giáo hóa như vậy.

❑

SỐ 521

KINH PHẠM-MA-NAN QUỐC VƯƠNG

Hán dịch: Thất dịch. Phụ vào dịch phẩm đời Tây Tấn.

Nghe như vầy:

Một thời, Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy, có quốc vương hiệu là Phạm-ma-nan, thường cúng dường Phật và chúng Tăng. Mỗi khi đến ngày ăn chay giữ giới, nhà vua truyền lệnh cho quần thần chuẩn bị xe cộ, hàng ngàn người theo vua đến chỗ Phật, đến nơi hình thể quỳ sát đất, cúi đầu lễ sát chân Phật.

Khi Phật thuyết pháp cho các trời và dân chúng, nhà vua vui vẻ cung kính lắng nghe, những người trong cung vua cũng đều hầu hạ Tam bảo, ăn chay giữ giới trong sạch. Vua có thái tử, tên là Quân-lân-nho, hết lòng sáng suốt tu tập, hiểu rõ thế gian là vô thường, không có gì sinh mà không diệt, không tham vinh hoa, danh lợi ở đời.

Thái tử thưa:

–Tâu phụ vương, gặp Phật ở đời là khó, được nghe kinh pháp cũng là khó, con nay muốn xin theo Phật làm Sa-môn.

Nhà vua liền đồng ý. Quân-lân-nho tạ từ nhà vua đi đến chỗ Phật, xin làm Tỳ-kheo.

Phật liền lấy tay xoa đầu, tóc tự rơi xuống, tự nhiên có ca-sa đắp trên thân.

Quân-lân-nho vâng giữ giới luật, siêng năng tu hành, suốt ngày không mỏi mệt, trọn ba tháng đắc quả A-la-hán.

Khi ấy, không biết thái tử đã đắc đạo, thấy thái tử rất cực khổ, đồ ăn thức uống đạm bạc, nên mỗi lần đến cúng dường, nhà vua cúng dường cho thái tử những thức ăn khác với chúng Tăng. Với tâm không bình đẳng nhà vua bảo với Quân-lân-nho:

–Trong nước ta, châu ngọc, bảy báu, cơm ăn thơm ngon, không thứ gì là không có, vì sao con lại thích làm Sa-môn?

Phật biết vua nặng lòng thương con, liền bảo Quân-lân-nho:

–Ông hãy hiện thần thông.

Vâng lời Phật dạy, Quân-lân-nho cúi đầu sát đất, làm lễ Phật xong, nhẹ nhàng trụ trên hư không, bay đi, biến hóa, phân chia thân hình ra vào không gián đoạn. Sau đó, Quân-lân-nho cúi đầu làm lễ sát chân Phật.

Nhà vua thấy công đức, đạo lực của Quân-lân-nho đến như thế, lòng cảm động vui mừng, hướng đến Quân-lân-nho, cả hình thể quỳ sát đất, cúi đầu làm lễ.

Khi ấy, Phật bảo Quân-lân-nho hãy nói pháp Tứ đế, khổ, không, vô thường. Lúc đó, nhà vua tâm ý đã hiểu rõ, liền đắc quả Tu-đà-hoàn.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Tỳ-kheo có bốn việc khi thọ nhận các thứ cúng dường. Những thức ăn ngon, y phục tốt xấu của thí chủ không được chê.

1. Muốn ban phước cho nhà thí chủ.

2. Không muốn trái ý thí chủ.

3. Vì thân thể già yếu hoặc thân có bệnh tật.

4. Sợ người hành đạo khổ nhọc.

Muốn ăn ngon thì phải định tâm nghĩ đến trọng giới, tất cả chúng sinh đều là thân thuộc của ta, nhưng dần dần chuyển thành lâu xa, mỗi người đều bị trôi lăn trong sinh tử, không biết nguồn gốc của mình. Ví như thân thể mình bị lở ghẻ và bệnh tật, uống thuốc là để cho lành mạnh, không được tham đắm.

Phàm người muốn làm việc ban cho, tâm phải bình đẳng, không luận người sang hay hèn.

Khi ấy, Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Khi ăn phải xướng Tăng bạt. Tăng bạt là chúng Tăng lúc ăn đều phải bình đẳng.

❑

SỐ 522

KINH PHỔ ĐẠT VƯƠNG

Hán dịch: Thất dịch. Phụ vào dịch phẩm đời Tây Tấn.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo, ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Văn vật.

Khi ấy, có vua nước Phu diên tên là Phổ Đạt, thống lãnh các nước, bốn phương đều đem lễ vật dâng. Nhà vua hầu hạ Phật, tôn kính pháp, chưa từng lay động tâm tin kính, luôn có lòng lành, thương xót những người dân còn si mê không biết đến Tam bảo. Mỗi lần ăn chay giữ giới, nhà vua thường lên lầu cao đốt hương, cúi đầu sát đất làm lễ. Dân chúng trong nước thấy nhà vua làm việc kỳ lạ như vậy, cùng nhau bàn luận: "Vua là bậc để vạn dân tôn thờ, xa gần đều kính phục, nói ra lời nào, mọi người đều làm theo, còn mong muốn điều gì mà hủy nhục phép tắc oai nghi, phải đầu mặt sát đất như vậy." Quần thần thường cùng nhau bàn luận, muốn can gián nhà vua nhưng không dám thưa.

Một hôm, nhà vua ra lệnh các quan sửa soạn hành trang để đi xa. Vua cùng đi với quan dân hàng ngàn người, mới ra khỏi cung thành chưa được bao xa, bỗng gặp một Đạo nhân, nhà vua liền dừng xe bước xuống, bỏ lọng, cùng với đám tùy tùng dừng lại, đầu mặt sát đất làm lễ Đạo nhân. Do thấy Đạo nhân, nhà vua muốn quay trở về, thiết cơm cúng dường, bèn không tiếp tục chuyến đi nữa.

Lúc đó, quần thần khuyên can:

–Đại vương là bậc chí tôn, cớ sao ngay giữa đường, đầu mặt sát đất, làm lễ vị Đạo nhân xin ăn? Mọi người ở đời, quý trọng chỉ có đầu mặt. Hơn nữa nhà vua đã làm quốc chủ, không giống với những người khác.

Nhà vua liền ra lệnh các quan:

–Hãy đi tìm đầu người chết và đầu trâu, ngựa, heo, dê.

Các quan liền đi khắp nơi tìm kiếm, trải qua nhiều ngày mới mua được đem về, thưa:

–Tâu đại vương! Hôm trước, chúng thần vâng lệnh đi tìm đầu người chết và đầu các loài súc sinh. Nay đều đã tìm được.

Vua nói:

–Hãy đem ra chợ bán các thứ này đi.

Các quan liền sai người đi bán, đầu trâu, ngựa, heo, dê đều bán được, chỉ có đầu người là chưa bán được.

Vua bảo:

–Mắc rẻ gì cũng bán đi, hãy mau bảo người đem bán, nếu không bán được thì đem cho người ăn xin.

Như vậy, trải qua nhiều ngày bán đã không được, người ăn xin cũng không lấy. Đầu người đã phình trướng lên, hôi thối, không thể gần được.

Vua liền giận dữ, bảo các quan:

–Trước kia, các khanh khuyên ta: "Đầu người rất quý, không thể hủy nhục, cúi đầu sát đất làm lễ Đạo nhân." Nay ta sai bán, đầu các loài súc sinh đều bán được. Vì sao đầu người cho kẻ ăn xin cũng không lấy?

Vua liền ra lệnh các quan chuẩn bị xe đi ra ngoài thành. Đến giữa đồng rộng, như có điều gì muốn hỏi, quần thần và dân chúng đều run sợ, chưa biết vua đi đâu. Vua liền dẫn đường đi ra khỏi thành, bảo quần thần:

–Các khanh có biết, vua cha ta trước đây có đứa bé thường cầm lọng không?

Các quan thưa:

–Chúng thần có biết đứa bé đó.

Vua hỏi:

–Đứa bé đó nay ở đâu?

Các quan đáp:

–Mất đã lâu rồi, đã được mười bảy năm.

Vua hỏi:

–Đứa bé đó là người tốt xấu như thế nào?

Các quan thưa:

–Chúng thần thường thấy đứa bé hầu hạ tiên vương, ăn chay giữ giới nghiêm túc, thành tín, tự giữ gìn, không nói điều phi pháp.

Vua bảo các quan:

–Nay nếu gặp đứa bé này, mặc y phục của nó lúc đó thì các ông có nhận ra không?

Các quan thưa:

–Tuy đã lâu xa, chúng thần vẫn nhận ra được.

Vua quay lại, bảo quan hầu bên cạnh mau trở về, vào kho trong cung vua, tìm lấy áo của đứa bé đã mất trước đây đem đến. Trong chốc lát, áo được mang tới.

Vua bảo:

–Đây có phải là áo đó không?

Các quan thưa:

–Thật đúng là áo đó.

Vua hỏi:

–Nay giả dụ gặp đứa bé, các ông có nhận ra không?

Các quan đều im lặng, một lúc lâu mới thưa:

–Thần e sợ mình bị mê mờ, nên thấy không chắc phân biệt được.

Lúc này, vua mới định nói nguồn gốc sự việc đó, bỗng thấy ở phía trước, có vị Đạo nhân đang đi đến. Nhà vua rất vui mừng, đầu mặt sát đất, làm lễ Đạo nhân. Các quan cũng đều vui vẻ. Đạo nhân đến tòa ngồi, vua chắp tay, thưa:

–Lúc trước, tôi đang đi thì gặp Đạo nhân ở giữa đường liền muốn quay trở về. Quần thần, dân chúng thấy vậy cho là quái lạ, khuyên can tôi: "Đầu mặt người rất là tôn quý. Hơn nữa, vua là người đứng đầu một nước, chủ vạn họ, bốn phương đều quy hướng, mong muốn điều gì mà đầu mặt làm lễ vị Đạo nhân xin ăn." Lúc đó, tôi ra lệnh bảo các quan đi tìm đầu các loài súc sinh và đầu người rồi đem ra chợ bán. Đầu súc sinh đều bán được, còn đầu người không ai mua, người ăn xin cũng không lấy, mà bọn này lại cho là yêu quý cho nên nay sửa soạn ra đi cũng là muốn nói rõ đầu đuôi việc này, may mắn được thỏa nguyện. Nguyện xin Đạo nhân rũ lòng thương xót dân chúng nước này, chỉ rõ chỗ mê mờ, làm cho họ hiểu biết chánh pháp, làm chiếc cầu dẫn đường cho họ.

Đạo nhân liền nói nguồn gốc của nhà vua cho các quan nghe. Muốn biết vua là ai? Đứa bé cầm lọng vào thời tiên vương, giữ gìn việc ăn chay giữ giới mỗi ngày, thực hành chánh pháp, giữ ý trong sạch, không phạm các điều ác. Sau khi đứa bé qua đời, thần hồn trở lại sinh làm con của vua. Nay được tôn quý đều do hạnh nghiệp đời trước ăn chay giữ giới mà có.

Các quan lớn nhỏ đều thưa:

–Chúng tôi may mắn được gặp Đạo nhân. Nguyện xin Nhân giả thương xót cho những kẻ mê muội, xin được làm đệ tử của Đạo nhân.

Đạo nhân bảo các quan và dân chúng:

–Tôi có bậc Đại sư, nên theo Ngài mà học hỏi.

Các quan thưa:

–Chúng tôi muốn được nghe bậc Đại sư ban cho việc tu hành như thế nào để trọn đời chúng tôi sẽ phụng sự theo giáo pháp của Ngài.

Đạo nhân bảo:

–Thầy tôi hiệu là Phật, thân có thể bay đi tự tại, trên đỉnh đầu có hào quang, có thể phân thân, tàng hình, biến hóa vô số. Có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thống lãnh cả trời đất, một mình Ngài vượt khỏi tam thiên thế giới, đi khắp ba cõi, không ai bằng, môn đồ trong sạch gọi là Sa-môn, lời dạy của Ngài chắc chắn độ thoát chúng sinh.

Các quan liền thưa Đạo nhân:

–Làm sao có thể gặp được Phật?

Đạo nhân đáp:

–Rất tốt, nên đến gặp Đức Thế Tôn.

Các quan hỏi Đạo nhân:

–Hiện giờ, Phật ở cách đây bao xa?

Đạo nhân đáp:

–Hơn sáu ngàn dặm.

Nói xong, trong chốc lát, Đạo nhân liền bay đến nước Xá-vệ, trình bày đầy đủ lên Đức Phật:

–Dân chúng nước kia thật đáng thương xót. Nay đều thành tâm muốn được gặp Phật. Xin Ngài mở lòng lành lớn, chỉ bày đạo chân chánh.

Phật im lặng rồi bảo Tôn giả A-nan:

–Hãy bảo các Tỳ-kheo ngày mai nên đến nước Phu diên.

Tôn giả A-nan đi ban bố lời Phật dạy rồi trở lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Cách thức ngày mai đi như thế nào?

Phật bảo:

–Sắp đến nơi, nên hiện thần thông.

Hôm sau, Phật và các Tỳ-kheo, đi chưa đến vài chục dặm, vua và quần thần đã theo Đạo nhân, cầm hoa hương ra ngoài thành đón rước Phật.

Thấy oai linh của Phật, mọi người vừa mừng vừa sợ, hình thể quỳ sát đất, cúi đầu làm lễ, rước Phật lên tòa về cung điện.

Vua đến trước quỳ gối, chắp tay, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn và chúng Tăng đã khổ nhọc từ xa đến đây.

Vua và các quan lo sợ, không biết làm thế nào.

Phật biết ý vua, liền bảo Tôn giả A-nan thưa với nhà vua:

–Chớ có lo sợ, không biết làm thế nào. Phật đến đây đâu có thiếu thứ gì.

Vua hết lòng thiết bày cúng dường, tự tay san sớt thức ăn. Ăn xong, vua tự đi lấy nước cho Phật tẩy rửa.

Chú nguyện xong, Phật mỉm cười. Từ miệng Ngài phóng ra ánh sáng năm màu. Tôn giả A-nan sửa y phục, làm lễ Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Phật không bao giờ mỉm cười vô cớ, ắt có điều gì muốn nói.

Phật nói:

–Các ông muốn biết nguồn gốc vua Phổ Đạt và Đạo nhân không?

Tôn giả A-nan thưa:

–Con xin muốn nghe việc này.

Phật bảo:

–Chính khi xưa, vào thời Phật Ma-ha Văn, vua là con một dòng họ lớn, người cha luôn cúng dường Tam bảo. Một hôm, cha sai con đi phân phát hương. Khi ấy, có một người hầu, do người con có ý khinh thường, nên người con không đưa hương cho người ấy. Tội phước báo ứng, nên mắc họa này. Tuy chỉ là sai khiến, nhưng đã vâng giữ giáo pháp thì không được quên, ngày nay được làm vua, thống lãnh dân chúng. Nên biết là quả báo đều do mình tự bày ra thì phải cẩn thận chớ nên bất bình. Đạo nhân chính là người hầu. Khi ấy không được hương, tuy vậy, không giận mà còn phát nguyện: "Nếu ta đắc đạo sẽ độ người này." Nay phước nguyện quả hợp, nên đến độ nhà vua và dân chúng.

Nghe Phật nói nguồn gốc của mình, nhà vua hiểu rõ, đắc quả Tu-đà-hoàn. Dân chúng trong nước nghe kinh đều thọ năm giới, mười điều thiện, lấy làm pháp thường.

Khi ấy, bốn chúng đệ tử nghe kinh đều vui vẻ ở trước Phật làm lễ rồi lui ra.

❑

SỐ 523

KINH NGŨ VƯƠNG

Hán dịch: Thất dịch. Phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

Xưa có năm ông vua, cõi nước gần nhau, qua lại với nhau, không gây chiến tranh, chỉ làm bạn lành. Vua lớn nhất tên là Phổ An, thường tu tập hạnh Bồ-tát, còn bốn vua nhỏ kia thường làm điều tà vạy. Vua lớn thương xót, muốn độ các vua kia.

Một hôm, đại vương mời các tiểu vương đến cung điện mình để cùng nhau vui chơi trong bảy ngày, cả ngày lẫn đêm, ca hát trổi nhạc. Bảy ngày đã mãn, bốn tiểu vương cùng thưa đại vương:

–Việc nước còn rất nhiều, xin trở về lo liệu.

Đại vương bảo các quan tả hữu sửa soạn xe cộ, cùng quần thần và dân chúng đưa các vua trở về. Đi được nửa đường, đại vương thương xót, ý muốn độ các tiểu vương, bèn bảo bốn vua:

–Các khanh hãy nói những điều ưa thích của mình.

Một ông vua nói:

–Thần muốn vào ba tháng mùa Xuân, cây cối sum suê, ra nhiều hoa đẹp, được đi dạo chơi ngoài cánh đồng. Đó là sở thích của thần.

Một ông vua lại nói:

–Thần muốn luôn được làm vua, yên ngựa được trang sức đẹp, lầu gác cung điện sáng sủa, rực rỡ, quần thần, quyến thuộc, dân chúng vây quanh hai bên, gióng trống khua chuông, ra vào đi tới, mọi người đều cúi đầu chào. Đó là sở thích của thần.

Một ông vua lại nói:

–Sở thích của thần lại khác, muốn được vợ đẹp, con xinh, nết na thùy mị không ai bằng, cùng nhau vui chơi rất là thích thú. Đó là sở thích của thần.

Một ông vua lại nói:

–Sở thích của thần lại khác. Thần muốn cha mẹ thần luôn sống mãi,

có nhiều anh em, vợ con, y phục tốt đẹp, thức ăn ngon dư giả để tha hồ ăn uống, cùng vui chơi với những kỹ nữ đờn ca hát xướng. Đó là sở thích của thần.

Sau khi nói xong sở thích của mình, bốn tiểu vương quay đầu lại thưa:

–Đại vương ưa thích những điều gì?

Đại vương đáp:

–Trước hết, ta nói điều ưa thích của các khanh rồi mới nói điều ưa thích của ta. Các khanh, một người nói thích vào ba tháng mùa xuân cây cối sum suê, đơm hoa, dạo chơi ngoài đồng. Khi mùa thu đến, lá cây rơi rụng, xơ xác, vậy chẳng phải là thú vui lâu dài. Một người nói, muốn luôn được làm vua, yên ngựa được trang sức đẹp, lầu gác cung điện sáng sủa, rực rỡ, quần thần, quyến thuộc, dân chúng vây quanh hai bên, gióng trống khua chuông, ra vào đi lại, mọi người đều cúi đầu chào. Các vua xưa nay giàu có, hưng thịnh, nhưng do vui chơi sung sướng không cùng, nên phước đức mòn hết, rồi khi các nước đánh nhau, đột ngột băng hà, vậy chẳng phải là vui lâu. Một người nói, muốn được vợ đẹp, con xinh, nết na, thùy mị không ai bằng, cùng nhau vui chơi rất là thích thú, nếu chẳng may một mai tật bệnh, sầu khổ vô cùng, vậy chẳng phải là vui lâu. Một người nói, muốn cha mẹ luôn sống mãi, có nhiều anh em, vợ con, y phục tốt đẹp, thức ăn ngon dư giả để tha hồ ăn uống, cùng vui chơi với những kỹ nữ đờn ca hát xướng, nếu một mai có việc, bị quan bắt giữ, nhốt ở trong ngục, không có người cứu giúp, vậy chẳng phải là vui lâu.

Bốn vua nhỏ đều hỏi:

–Vậy vua ưa thích điều gì?

Vua nói:

–Tôi muốn không sinh, không chết, không khổ, không não, không đói, không khát, không lạnh, không nóng, sự còn mất đều tự tại. Đây là ý muốn của tôi.

Bốn vua đều thưa:

–Điều ưa thích này, ắt phải có bậc minh sư.

Đại vương đáp:

–Thầy tôi, hiệu là Phật, ở tinh xá Kỳ hoàn.

Các vua vui mừng, đều đi đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ, lui ra ngồi một bên.

Đại vương quỳ gối, chắp tay thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ngày nay, chúng con được làm người, nhưng căn tánh đần độn, không có trí tuệ, chỉ tham đắm vào những thú vui ở đời, không biết tội phước. Nguyện xin Phật thuyết pháp khổ đế cho đệ tử chúng con.

Phật bảo:

–Các ông hãy lắng nghe cho kỹ, ta sẽ giảng nói. Con người sống ở đời thường có vô lượng các khổ bức bách thân thể. Nay ta sẽ nói tóm lược tám khổ cho các ông nghe. Thế nào là tám khổ? Đó là sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, tử khổ, thương yêu mà xa lìa là khổ, mong cầu không được là khổ, oán ghét mà gặp nhau là khổ, sầu lo buồn phiền là khổ. Đó là tám khổ.

Thế nào là sinh khổ? Khi người chết, không biết thần hồn đi về đâu, chưa biết chỗ sẽ sinh, tạm thọ thân "trung ấm", đến hai mươi mốt ngày, cha mẹ giao hợp, liền đến thọ thai. Tuần lễ đầu như váng sữa, tuần lễ thứ hai như sữa đặc, tuần lễ thứ ba như cao sữa, tuần lễ thứ tư như thịt nát, năm bọc hình thành, gió vừa vào bụng, thổi vào thân thể, sáu tình bắt đầu hình thành ở trong bụng mẹ, sinh tạng ở dưới, thục tạng ở trên. Mẹ ăn một miếng thức ăn nóng thấm vào thân thể hài nhi, như vào vạc nước nóng. Mẹ uống một miếng nước lạnh cũng như băng giá cắt thân thể hài nhi. Khi mẹ ăn no, thân thể hài nhi bị mệt nhọc, đau khổ không thể nói được. Khi mẹ đói, bụng mẹ trống không, hài nhi cũng như treo ngược, chịu khổ vô cùng. Đến khi đủ tháng, sắp đến ngày sinh, đầu quay về sản môn như hai hòn núi đá kẹp lại. Lúc gần sinh, mẹ thì nguy đến tánh mạng, cha thì lo sợ. Hài nhi được sinh ra trên cỏ, thân thể mỏng manh, cỏ chạm vào thân như đao kiếm đâm chém, bỗng nhiên cất tiếng khóc lớn. Đấy là khổ phải không?

Mọi người đều thưa:

–Đây là khổ lớn.

–Còn thế nào là lão khổ? Cha mẹ nuôi con đến tuổi trưởng thành, thân thể mạnh mẽ, gánh vác được các công việc nặng nhẹ, không biết tự mình lo lường, khi lạnh rất lạnh, khi nóng rất nóng, khi đói rất đói, khi no rất no, không có điều độ. Dần dần đến khi tuổi già, đầu bạc răng rụng, mắt nhìn lờ mờ, tai nghe không rõ, thời mạnh mẽ đã qua, lúc suy yếu đã đến, da mặt nhăn nheo, trăm đốt xương đau nhức, đi lại khó nhọc, đứng ngồi rên rỉ, lo rầu khổ não, trí nhớ giảm dần, hay lẫn quên mạng sống ngày càng sắp hết, giọng nói phều phào, chảy nước miếng, đứng ngồi cần có người dìu đỡ. Đây là khổ phải không?

Đại vương thưa:

–Thật là rất khổ.

–Còn thế nào là bệnh khổ? Con người do bốn đại hòa hợp mà thành thân này. Bốn đại là: Đất, nước, lửa, gió. Một đại không điều hòa, sinh ra một trăm lẻ một bệnh, bốn đại không điều hòa, bốn trăm lẻ bốn bệnh đồng thời phát sinh. Chất đất không điều hòa, toàn thân đau nhức; chất nước không điều hòa, toàn thân sưng phù; chất lửa nóng không điều hòa, toàn thân nóng bức, chất gió không điều hòa, toàn thân cứng đờ, trăm đốt xương đau nhức, cũng như bị gậy đập. Bốn đại sắp lìa, tay chân không dở nổi, khí lực kiệt quệ, ngồi đứng cần có người dìu đỡ, miệng khô, môi nứt, gân giãn, mũi sụn, mắt không thấy hình sắc, tai không nghe tiếng, các thứ dơ bẩn thường chảy, thân nằm trên đó, tâm bị khổ não, lời nói thảm thương, thân quyến ở bên cạnh ngày đêm chăm sóc từ đầu không dừng nghỉ, thức ăn ngon ngọt vào miệng thành đắng. Đấy là khổ phải không?

Đáp:

–Thật là rất khổ.

–Còn thế nào là tử khổ? Khi người chết, bốn trăm lẻ bốn bệnh đồng thời phát sinh, bốn đại sắp tan rã, tinh thần không an. Khi gần chết, gió đao cắt thân, đau đớn khắp thân mình, mồ hôi chảy ra, hai tay quờ quạng trên không, bà con thân thuộc đều ở hai bên buồn rầu than khóc, đau đớn tận xương tủy, không kìm chế được. Người chết ra đi, gió hết, khí tàn, hỏa diệt thân lạnh, trước là gió, kế đến là lửa, thần hồn rã đi, thân thể cứng đơ, không còn biết gì, trong vòng một tuần lễ, thịt ra, máu chảy, phình trướng thối nát, không thể nào đến gần, đem bỏ ngoài đồng, các loài chim đến ăn thịt, thịt hết, xương khô, đầu lâu ở chỗ khác. Đấy là khổ phải không?

Đáp:

–Thật là khổ lớn.

–Thế nào là thương yêu chia lìa là khổ? Bà con thân thuộc, anh em, vợ con thương mến nhau, một mai ly tán bị giặc cướp bóc mỗi người mỗi nơi, cha Đông, con Tây, mẹ Nam, con Bắc, không ở một nơi, làm người nô tỳ, tự mình buồn than, tuyệt vọng, xa xăm mờ mịt, không có kỳ hạn gặp nhau. Đây là khổ phải không?

Đáp:

–Thật là khổ lớn.

–Thế nào là cầu không được là khổ? Nhà có tiền của, còn mong tìm cầu nữa, quan lớn, thứ dân vì mong được giàu sang, nên chịu khổ nhọc, cầu mãi không dừng, nếu gặp cơ hội may mắn thì làm cho sự nghiệp càng thêm lớn, còn chưa gặp thời cơ thì tham lấy vật của dân, rồi bị người tố

cáo, một mai có việc, bị xe tù tải đi, lúc sắp bị giết, buồn khổ vô cùng, không biết chết sống ngày nào. Đấy là khổ phải không?

Đáp:

–Thật là rất khổ.

–Thế nào là oán thù gặp nhau là khổ? Thói xấu của người đời là đang sống chung, thương yêu nhau, rồi tranh cãi việc không đáng gì, lại giết hại nhau, bèn thành oán lớn, rồi tự tránh nhau, không có chỗ ẩn nấp. Mỗi người tự mài dao, giũa tên, cắp cung, cầm gậy, lo sợ gặp nhau mà lại gặp nhau trên con đường hẹp, mỗi người tự giương cung, lắp tên, hai dao hướng đến nhau, không biết ai thắng ai thua, lúc đó sợ hãi vô cùng. Đó là khổ phải không?

Đáp:

–Thật là rất khổ.

–Thế nào là sầu lo buồn phiền là khổ? Người sống ở đời, sống thọ lắm cũng chỉ đến trăm tuổi, mạng sống ngắn ngủi là sầy thai. Người sống thọ trăm tuổi, đêm ngủ mất hết một nửa, còn sống có năm mươi năm. Say rượu, bệnh tật, không biết làm người thì mất hết năm năm nữa, lúc nhỏ ngu si, trong khoảng mười lăm năm đầu, chưa biết lễ nghi, lúc quá tám mươi thì già yếu, lẫn lộn mất trí, tai điếc, mắt mờ, không có phép tắc lại giảm hai mươi năm nữa. Như vậy đã mất hết chín mươi năm, chỉ còn có mười năm thì gặp nhiều điều buồn khổ. Khi thiên hạ làm loạn cũng sầu khổ, thiên hạ lúc đại hạn cũng sầu khổ, thiên hạ lúc lụt lớn cũng sầu khổ, thiên hạ lúc sương muối nhiều cũng sầu khổ, thiên hạ lúc trời nóng bức cũng sầu khổ, bà con thân thuộc trong gia đình có nhiều người bệnh tật cũng sầu khổ, tiền của trong nhà để sinh sống sợ mất cũng sầu khổ, trăm thứ thuế cho quan chưa nộp cũng khổ, người nhà gặp nạn bị quan bắt nhốt trong ngục chưa biết lúc nào ra khỏi cũng sầu khổ, anh em, vợ con đi xa chưa về cũng sầu khổ, gia đình nghèo cùng không có cơm ăn áo mặc cũng sầu khổ, nhà cửa thôn xóm có việc cũng sầu khổ, quốc gia không yên ổn cũng sầu khổ, trong nhà có người chết không có tiền của để lo việc chôn cất cũng sầu khổ, đến mùa xuân làm các việc đồng áng không có trâu cày cũng sầu khổ. Các thứ sầu khổ như vậy thường không vui, đến ngày lễ tiết nếu cùng nhau hội hợp đông đủ thì vui vẻ, trái lại thì cùng nhau than khóc. Đấy có phải là khổ không?

Thưa:

–Thật là rất khổ.

Bấy giờ, năm ông vua, các quần thần, hàng ngàn vạn người ở trong

hội, nghe Phật thuyết các khổ đế, tâm ý đều hiểu rõ, liền đắc quả Tu-đà-hoàn, đều rất hoan hỷ, làm lễ rồi lui ra.

Bốn vua đều thưa với vua Phổ An:

–Đại vương thật là Bồ-tát có trí tuệ quyền xảo đã hóa độ chúng thần, làm cho được vào đạo. Đó là nhờ ân của đại vương. Chúng thần vốn tham đắm các cung điện không thể xa lìa, nay xem cung điện như nhà xí ô uế, không thể tham đắm.

Các vua liền xả bỏ ngôi vua, giao lại cho em rồi đi xuất gia hành đạo tu tạo công đức, ngày ngày không mệt mỏi.

❑

SỐ 524

KINH PHẬT VỊ ƯU-ĐIỀN VƯƠNG THUYẾT VƯƠNG PHÁP CHÁNH LUẬN

Hán dịch: Đời Triệu Tống,
Sa-môn Bất Không.

Bấy giờ, vua Ưu-điền ngồi trong tịnh thất, ở chỗ thanh vắng, suy nghĩ: "Làm thế nào để biết được lỗi lầm thật sự, công đức thật sự của các đế vương? Nếu biết ta sẽ xả bỏ các lỗi lầm mà tu tạo các công đức. Nếu Sa-môn nào có hạnh trong sạch hiểu rõ giảng giải giúp cho ta."

Suy ngẫm hồi lâu, vua liền nghĩ tiếp: "Chỉ có Thế Tôn của ta là bậc Đại sư trong ba cõi, đầy đủ Nhất thiết trí, chắc chắn biết lỗi lầm thật sự, công đức thật sự của các vua. Nay ta sẽ đến gặp Phật Thế Tôn để thưa hỏi việc này."

Nghĩ xong, vua đến chỗ Phật, thưa:

–Nguyện xin Như Lai giải rõ cho con. Bạch Thế Tôn! Thế nào là lỗi lầm thật sự của các vua? Thế nào là công đức thật sự của các vua?

Lúc này, Thế Tôn bảo vua Ưu-điền:

–Đại vương! Nay nên hiểu biết tội lỗi của vua, công đức của vua, những cánh cửa làm cho vua suy tổn, những pháp làm cho vua ưa thích và những pháp có thể làm cho vua đáng kính mến.

Thế nào là tội lỗi của vua? Đại vương nên biết! Tội lỗi của vua tóm lược có mười điều. Nếu vua có những tội lỗi này, tuy có kho chứa lớn, có các đại thần giúp đỡ, có quân lính mạnh, nhưng cũng không ai kính sợ. Mười điều đó là gì?

1. Dòng họ không cao quý.
2. Không có quyền lực.
3. Bản tánh hung ác.
4. Chính sách hà khắc hung dữ.
5. Ít ban bố ân huệ.
6. Nghe theo lời lừa dối nịnh hót.

7. Làm việc không thuận theo quy chế của bậc tiên vương.

8. Không hướng đến pháp thiện.

9. Không xem xét việc phải trái, hơn thua.

10. Chỉ ăn chơi buông thả.

Thế nào là dòng họ vua không cao quý? Nghĩa là: Vua sinh ra trong dòng họ thứ dân, thấp kém, chẳng phải là bậc tôn quý thay thế được ngôi vua. Đó gọi là dòng họ không cao quý.

Thế nào là vua không có quyền lực? Nghĩa là: Bậc đế vương bị các đại thần, phụ tướng, quan quyền cản trở, không cho làm theo ý muốn, việc làm của mình thường bị ngăn cản. Đối với năm sướng vui vua cũng không được tự tại thỏa thích. Như vậy gọi là vua không có quyền lực.

Thế nào là tánh tình của vua hung ác? Nghĩa là: Bậc đế vương thấy các quan thần, hoặc những người khác phạm các tội lỗi nhỏ liền ở trước mặt nói lời hung ác, la hét, sắc mặt bừng bừng, giận dữ, bức bách, giáng chức, gạt bỏ. Nếu không nói trước mặt thì ở sau lưng người đó, hướng đến người khác trút bỏ, mắng nhiếc... cho hả cơn sân giận, hoặc luôn giận dữ không hề xả bỏ. Như vậy là trước mặt hung dữ, sau lưng cũng hung dữ. Đó gọi là đế vương tánh tình hung dữ.

Thế nào là vua có chính sách hà khắc, hung dữ? Nghĩa là: Quốc vương thấy các quần thần có lỗi nhỏ, có chút chống trái liền cách chức, cắt bổng lộc, đoạt lấy vợ và nàng hầu, dùng hình phạt nặng để trừng trị. Như vậy là vua có chính sách hà khắc hung dữ.

Thế nào là vua ít ban bố ân huệ? Nghĩa là: Quốc vương có các quần thần thân cận hộ vệ, họ rất trong sạch, có lòng tốt, nhưng do nghe theo lời nói ngọt ngào, dua nịnh, nên vua ban cho chức tước, bổng lộc, thưởng công không đầy đủ, không đúng phép nước, hoặc làm cho hao tổn, hoặc tìm cách chèn ép sau đó mới cho. Như vậy gọi là vua ít ban bố ân huệ.

Thế nào là vua nghe theo lời lừa dối, dua nịnh? Nghĩa là: Đế vương thấy các quần thần, thật ra chẳng phải là trung chánh, chẳng biết phép tắc, phàm làm việc gì đều đem lòng dua nịnh, kết bè đảng, không làm theo phép nước, lại ganh ghét người hiền lương. Vua lại tin dùng những lời tâu không thật của những hạng người như trên. Do nhân duyên này, sự nghiệp, của cải của vua tiêu tan, tiếng tăm bị thương tổn giảm suy. Như vậy gọi là vua nghe theo lời tà vạy, dua nịnh.

Thế nào là vua không thuận theo quy chế của bậc tiên vương? Nghĩa là: Quốc vương không chịu cứu xét kỹ để lựa chọn các quần thần. Đối với các việc nước, người không thể đảm nhận được mà lại giao phó, người có

thể gánh vác được thì lại không giao phó, người đáng khen thưởng lại trừng phạt, người đáng trừng phạt lại khen thưởng. Lại nữa, có quần thần lúc thiết triều, bàn luận chưa xong đã nói lời cắt ngang, không kính nể, không kiêng sợ mà lại ngăn cản, không theo phép nước phụng hành, không tuân theo những chỉ dạy của bậc tiên vương. Như vậy gọi là không thuận theo pháp chế của bậc tiên vương.

Thế nào là vua không hướng đến pháp thiện? Nghĩa là: Quốc vương không tin nhân quả, không hiểu biết những việc làm tốt hay xấu, những quả báo trong trời, người ở đương lai, nên mặc tình để cho thân, ngữ, ý tạo các việc ác. Không dành chút thời gian nào để ban cho, tu phước, ăn chay, học giới, thực hành Đà-la-ni và pháp môn quán đảnh. Đối với bốn Vô lượng tâm không dùng cứu độ rộng khắp. Như vậy là vua không hướng đến pháp thiện.

Thế nào là vua không xem xét việc phải, trái, hơn, thua? Nghĩa là: Quốc vương đối với các đại thần, phụ tướng, quan quyền lại dùng tâm điên đảo, không hiểu biết rõ ràng, không phân biệt chính xác sự trung thành, lòng tin, tài nghệ, trí tuệ. Do không biết, nên người không trung thành đáng tin lại tưởng là trung thành đáng tin; người không có tài nghệ giỏi, lại tưởng là tài giỏi; người có trí tuệ mà làm việc ác, lại tưởng là có trí tuệ làm việc thiện; người có trí tuệ làm việc thiện, lại tưởng là có trí tuệ làm việc ác. Lại nữa, các quan thần tuổi lớn, suy yếu tức là đã có thời gian lâu dài, thân cận, hộ vệ. Vậy mà khi biết những vị đó không còn sức nữa, vua bèn không kính mến, lại không ban cho tước lộc, không thưởng công nữa. Những vị đó bị kẻ khác lấn hiếp, khinh thường, vua lại bỏ qua, không hỏi han đến. Như vậy là vua không xem xét việc phải, trái, hơn, thua.

Thế nào gọi là vua chỉ lo ăn chơi buông thả? Nghĩa là có đế vương chỉ lo vui chơi, chìm đắm, đam mê trong năm ham muốn, không bao giờ tự khuyên răn, nhắc nhở hay thận trọng dùng phương tiện làm những việc nên làm, nghĩ đến công lao của quần thần. Như vậy gọi là vua chỉ lo ăn chơi buông thả.

Nếu quốc vương nào có mười lỗi lầm như vậy, dù có kho tàng lớn, có quan đại thần phụ tá, có quân lính hùng mạnh thì không bao lâu cõi nước cũng sẽ bị tai họa loạn lạc, không ai kính nể.

Đại vương nên biết! Mười tội lỗi này, lỗi đầu tiên là lỗi thuộc về dòng họ vua, chín lỗi kia là lỗi thuộc về tự tánh của vua.

Thế nào gọi là công đức của vua? Đại vương nên biết! Công đức của vua tóm lược có mười điều. Đó là:

1. Dòng họ cao quý.

2. Được uy lực lớn.

3. Tánh tình không hung dữ.

4. Chính sách khoan hồng.

5. Ân huệ sâu dày.

6. Nghe theo lời nói ngay thẳng.

7. Làm việc, suy nghĩ thuận theo lời dạy của bậc tiên vương.

8. Hướng đến pháp thiện.

9. Biết rõ sự sai khác.

10. Không buông thả, phóng đãng.

Thế nào là dòng họ vua cao quý? Nghĩa là: Quốc vương trước đã gieo trồng căn lành. Do nguyện lực lớn nên được sinh trong dòng họ vua, được thừa kế ngôi vua, chăm lo cho dân chúng, có lòng tin trong sạch đối với Tam bảo. Như vậy là vua có dòng họ cao quý.

Thế nào là vua được uy lực lớn? Nghĩa là: Đế vương, tùy theo ý muốn của mình, đối với năm dục vui chơi thỏa thích, tùy ý ban thưởng cho người có công. Đối với trăm quan, vua ra mệnh lệnh tuyên bố điều gì không bị ngăn cản. Như vậy là vua được uy lực lớn.

Thế nào là vua có tánh tình không hung ác? Nghĩa là: Quốc vương thấy các quần thần có chống trái chút ít, phạm các lỗi nhỏ... nhưng có thể dung thứ, không giáng chức, không nói lời thô ác, cũng không ở trước mặt tỏ vẻ giận dữ, cũng không để bụng, ôm giữ ở trong tâm. Như vậy gọi là vua có tánh tình không hung ác.

Thế nào là vua có chính sách khoan hồng? Nghĩa là: Quốc vương đối với các quần thần có lỗi lớn, có chống trái lớn, nhưng không tước chức quan, bổng lộc, đoạt lấy vợ và nàng hầu, không dùng hình phạt nặng để trừng trị, phải tùy theo lỗi nhẹ, nặng, mà cảnh cáo hay giáng chức. Như vậy gọi là vua có chính sách khoan hồng.

Thế nào là vua có ân huệ sâu dày? Nghĩa là: Quốc vương thấy các quần thần, thân cận hộ vệ, có tâm ý trong sạch, hòa thuận thì vua nên dùng chính sách ban cho đầy đủ, dùng lời nói nhu hòa, ban thưởng người có công, không làm cho họ bị tổn hao, bị cản trở, nhọc nhằn, oán hận, phải làm cho họ dễ thân cận, không gây khó khăn cho công việc của họ. Như vậy gọi là vua có ân huệ sâu dày.

Thế nào là vua nghe theo lời nói ngay thẳng? Nghĩa là: Quốc vương thấy các quần thần thật là trung trực, liêm chính, không ác độc, không thiên

lệch, biết rõ phép tắc, không làm phản. Vua phải tin dùng những lời thưa trình của những người như thế. Do nhân duyên này, sự nghiệp, của cải, châu báu sẽ được đầy đủ, tiếng tốt vang xa, dân chúng đều ca tụng. Như vậy là vua nghe theo lời nói ngay thẳng.

Thế nào là vua làm việc, suy xét, thuận theo giáo huấn của tiên vương? Nghĩa là: Quốc vương có thể cứu xét, lựa chọn các quần thần. Đối với việc nước, người không thể đảm nhận thì không giao phó, người có thể đảm nhận thì giao phó, người đáng thưởng công thì ban thưởng đúng mức, người đáng trị phạt thì trị phạt đúng phép, phàm làm việc gì đều suy xét kỹ, lựa chọn kỹ sau đó mới làm, không vội vàng. Các quần thần lúc thiết triều hoàn toàn không phát biểu chặn ngang lời người khác, chỉ chờ nói xong mới tranh cãi, thực hành theo giáo lệnh của vua. Như vậy gọi là thuận theo giáo huấn của bậc tiên vương.

Thế nào là vua hướng đến pháp thiện? Nghĩa là: Đế vương nên tin có nhân quả, có nghiệp thiện, nghiệp ác, quả báo luôn có trong cõi trời, người, phải luôn biết hổ thẹn, không buông thả, giữ ba nghiệp thân, ngữ, ý, không làm gì ác, thường ban cho, tu phước, an chay, xây dựng đạo tràng, thọ pháp quán đảnh, bày sự cúng dường Thánh chúng, luôn thực hành bốn Vô lượng tâm để tế độ rộng khắp. Như vậy gọi là vua hướng đến pháp thiện.

Thế nào là vua xem xét việc phải, trái, hơn, thua? Nghĩa là: Quốc vương đối với các đại thần, phụ tướng, bá quan văn võ, tâm không hề điên đảo, có thể phân biệt rõ người nào là trung thành đáng tin, tài giỏi, trí tuệ. Nếu có hoặc không đều biết như thật. Đối với người không có thì nên xa họ, đối với người có thì kính trọng họ. Lại nữa, các quan thần tuổi lớn, suy yếu, tức là đã có thời gian lâu dài thân cận, hộ vệ, tuy biết họ không còn sức lực nhiều để làm việc, nhưng vua cũng nên nghĩ đến ân họ trước kia, vẫn kính trọng, không nên khinh rẻ, vẫn nên ban cho bổng lộc, thưởng công mà không thay bỏ. Như vậy là vua có thể suy xét việc phải, trái, hơn, thua.

Thế nào là vua không buông thả, phóng đãng? Nghĩa là: Quốc vương đối với năm dục không bị vướng mắc vào, ung dung vui chơi mà không đắm chìm trong đó, thường dùng phương tiện dạy bảo, làm những việc nên làm, thăm hỏi an ủi quần thần. Như vậy gọi là vua không buông thả, phóng đãng.

Nếu vua thành tựu công đức như vậy, tuy không có kho tàng, không có nhiều phụ tá, không có nhiều quân lính, nhưng không bao lâu, cõi nước

tự nhiên cũng sẽ được giàu mạnh và được mọi người kính nể.

Đại vương nên biết! Mười công đức của vua như vậy, công đức đầu tiên là công đức thuộc dòng họ, chín công đức kia là công đức thuộc về tự tánh của nhà vua.

Thế nào gọi là pháp môn làm vua suy tổn? Đại vương nên biết! Pháp môn làm cho vua suy tổn, tóm lược có năm điều:

1. Không khéo quán sát để nắm giữ quần thần.

2. Tuy khéo quán sát nhưng không có ân huệ. Tuy có ân huệ nhưng không kịp thời.

3. Chỉ lo vui chơi buông thả, không nghĩ đến việc nước.

4. Chỉ lo vui chơi buông thả, không giữ gìn kho tàng.

5. Chỉ lo vui chơi buông thả, không tu hành pháp thiện.

Năm điều như vậy, gọi là pháp môn làm vua suy tổn.

Thế nào là vua không khéo quán sát để nắm giữ quần thần? Nghĩa là: Quốc vương đối với các quần thần, không chịu quán xét kỹ, không lựa chọn kỹ những người trung thành đáng tin, có kỹ thuật, có trí tuệ để nắm giữ, làm kẻ thân cận, hộ vệ; kính trọng, ban cho họ chức tước, bổng lộc sâu dày, giao phó cho họ những công việc trọng yếu, dùng lời êm dịu an ủi họ… ngược lại đem của cải châu báu giao phó cho các quần thần, mà nhiều lần làm hao mất, quần thần mà nếu gặp kẻ thù, giặc ác, khi đánh trận thì thoái lui trước, sợ thất bại, nên chạy trốn, không nghĩ đến chủ nữa. Như vậy là vua không khéo quán sát mà nắm giữ quần thần.

Thế nào là vua tuy khéo quán sát mà không có ân huệ, tuy có ân huệ nhưng chẳng đúng lúc? Nghĩa là: Quốc vương có cứu xét, lựa chọn kỹ, biết là người trung thành đáng tin, có kỹ thuật, có trí tuệ, nắm giữ làm người thân cận, hộ vệ; nhưng không trọng đãi, không lường được tài của những vị ấy, không ban cho chức tước, bổng lộc, không giao phó những việc trọng yếu. Bỗng nhiên, vào một lúc nào đó, vua gặp kẻ thù giặc ác, đánh trận lo sợ. Đến lúc gặp nạn, đối với các quần thần, bấy giờ vua mới kính trọng, ban chức tước, dùng lời êm dịu an ủi. Khi ấy, các quần thần cùng bàn với nhau: "Nay vua vì gặp nguy ách, mới tạm ban ân huệ cho chúng ta, chẳng phải là lâu dài." Biết vậy, nên quần thần dù có lòng trung thành đáng tin, có kỹ thuật, trí tuệ cũng đều ẩn mất. Như vậy gọi là vua tuy khéo quán sát nắm giữ quần thần nhưng không có ân huệ, tuy có cũng chẳng đúng lúc.

Thế nào là vua chỉ lo ăn chơi buông thả, không nghĩ đến việc nước? Nghĩa là: Quốc vương đối với việc nước, đúng ra là phải bàn bạc hợp lực

mới hoàn thành. Vậy mà không chịu ở chỗ yên tịnh để cùng với các trí sĩ, suy nghĩ toan tính tìm phương cách, lại tránh né các việc ấy. Cả những việc đáng ban thưởng cho đến những việc trọng yếu trong quân trận cần phải làm và hoàn thành thì vua cũng không chăm lo gì đến. Như vậy, gọi là vua chỉ lo ăn chơi, buông thả, không nghĩ đến việc nước.

Thế nào là vua chỉ lo ăn chơi buông thả, không lo giữ gìn kho tàng? Nghĩa là: Quốc vương không chăm lo đến sự nghiệp, không coi ngó cung đình, kho tàng trong triều. Những điều bí mật của quốc gia, lại đem nói cho vợ nghe, lại còn săn bắt, cờ bạc, vui chơi, tài sản, của cải làm cho hao tổn, không giữ gìn cẩn thận. Như vậy gọi là vua chỉ lo ăn chơi buông thả, không lo giữ gìn kho tàng.

Thế nào là vua chỉ lo ăn chơi, buông thả, không làm theo pháp thiện? Nghĩa là: Quốc vương vẫn biết ở đời, có các Sa-môn, Bà-la-môn hiểu biết, nhu hòa, trong sạch, thông minh, có trí tuệ, giảng nói hay, đạt được nghĩa lý của sự giải thoát, nhưng vua không chịu gần kề, lễ kính, thưa hỏi thế nào là tốt lành, thế nào là ác, thế nào là có tội, thế nào là không tội, thế nào là phước lành may mắn, là pháp xa lìa các điều ác? Nếu được nghe pháp, cũng không chịu nương theo tu hành. Như vậy, gọi là vua chỉ lo ăn chơi, buông thả, không làm theo các pháp thiện.

Nếu quốc vương nào có năm pháp môn gây ra sự suy tổn như vậy, nên biết, quốc vương đó mất phước báo ở đời này, cho đến đời sau cũng mất phước báo sinh vào cõi trời, người. Nghĩa là bốn pháp môn trước làm mất phước lợi trong đời hiện tại, pháp môn sau cùng làm mất phước báo ở đời sau.

Thế nào là pháp làm cho vua được kính mến? Đại vương nên biết! Tóm lược có năm pháp. Nghĩa là, những pháp làm cho vua đáng yêu, đáng mến, đáng ưa, đáng thích. Đó là:

1. Được người kính mến.
2. Uy lực ngày càng được tăng lên.
3. Có thể đánh bại kẻ địch.
4. Khéo điều phục việc nuôi dưỡng thân.
5. Luôn làm các việc thiện.

Năm pháp như vậy, sẽ làm cho vua đáng yêu, đáng mến, đáng ưa, đáng thích.

Thế nào là pháp khéo phát sinh làm cho vua đáng yêu? Đại vương nên biết! Tóm lược có năm pháp khéo phát sinh làm cho vua đáng yêu.

Năm pháp đó là:

1. Lấy ân nghĩa nuôi dưỡng quần sinh.
2. Anh dũng đầy đủ.
3. Khéo dùng các phương tiện hợp tình hợp lý.
4. Lãnh thọ vật đúng cách.
5. Siêng làm các pháp thiện.

Thế nào là vua dùng ân nghĩa nuôi dưỡng quần sinh? Nghĩa là: Quốc vương, bản tánh là phải biết đủ, làm việc cẩn thận, phải thật sự là trong sạch, không tham lam. Nếu có kho tàng thì tùy theo khả năng cung cấp, ban bố cho người nghèo cùng, cô độc. Nhu hòa, nhẫn nhục, dùng lời êm dịu, giải bày cho dân chúng. Nếu có các quần thần vi phạm tội lỗi không thể miễn cho thì nên so lường tội đó mà nghiêm trị hay tha thứ, phải đúng sự thật, đúng thời, đúng lý mà trị phạt. Như vậy gọi là vua dùng chánh pháp giáo hóa có ân nghĩa, nuôi dưỡng quần sinh nên được người thế gian kính mến.

Thế nào là vua anh dũng đầy đủ? Nghĩa là: Quốc vương có tinh thần, chính sách rõ ràng, võ lực, mưu lược đầy đủ. Những người chưa hàng phục thì làm cho hàng phục, những người đã hàng phục thì bảo vệ họ. Như vậy gọi là vua anh dũng đầy đủ.

Thế nào gọi là vua khéo dùng phương tiện hợp tình hợp lý? Nghĩa là: Quốc vương phải khéo hiểu biết, phân biệt rõ ràng tất cả các việc. Biết tìm đủ mọi cách để tạo sự hòa hợp, tóm thu và nắm giữ bọn cường đảng. Do đó mà thu phục được tất cả oán địch.

Thế nào gọi là vua lãnh thọ đúng cách? Nghĩa là: Quốc vương phải khéo tính toán và suy lường sự tăng giảm của kho tàng, không xa xỉ, không keo kiệt mà thọ dụng ở mức bình thường, tùy lúc, đúng thời cung cấp cho quần thần, thân tộc, cho những người lo việc âm nhạc. Lại khi bị bệnh, phải ăn những món nên ăn, tránh ăn những món không nên ăn. Những món nào thầy thuốc cho phép ăn mới ăn. Nếu ăn chưa tiêu hoặc ăn mà bị kiết lỵ đều không nên ăn. Nên cùng ăn với người khác, không nên ăn một mình. Nếu có thức ăn ngon nên chia cho mọi người để cùng ăn cho vui. Như vậy gọi là vua hưởng thọ vật dụng đúng cách và như vậy mới có thể khéo điều dưỡng thân mình.

Thế nào là vua siêng làm các pháp thiện? Nghĩa là: Quốc vương phải đầy đủ sự trong sạch về niềm tin, về giữ giới, về hiểu biết, về xả bỏ và trí tuệ. Về niềm tin trong sạch là phải rõ biết và tin có đời sau, tin có quả báo trong cõi trời, người, tin có nghiệp thiện, nghiệp ác ở đời. Như vậy gọi là

đầy đủ niềm tin trong sạch.

Về thọ giữ giới trong sạch thì mỗi năm ba tháng, mỗi tháng sáu ngày ăn chay giữ giới, xa lìa sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, xa các chỗ vui chơi buông thả. Như vậy gọi là vua đầy đủ giới trong sạch.

Về hiểu biết trong sạch là phải hiểu biết nghiệp đời nay là có quả đời sau, phải biết tu tạo, tấn tới các việc phước đức, ưa nghe Bát-nhã hoặc các pháp môn vi diệu, tâm cần ý tuệ được rốt ráo, được thông đạt. Như vậy gọi là vua đầy đủ sự hiểu biết trong sạch.

Về xả bỏ trong sạch là tâm xa lìa sự tham lam keo kiệt, nên tự mình ban bố trí tuệ cho mọi người, thường tu phước tròn đầy bình đẳng. Như vậy là vua đầy đủ sự xả bỏ trong sạch.

Đầy đủ trí tuệ trong sạch nghĩa là hiểu biết như thật những phương tiện nào là có tội, không tội; tu, không tu; hơn, thua; phải gần kề các Sa-môn học rộng và có giới hạnh, phải biết xa lìa các điều ác, các tà giáo, phải biết rõ ba pháp: quả báo viên mãn, sĩ dụng (công dụng) viên mãn, công đức viên mãn.

Quốc vương kế tục đế nghiệp, vua sinh vào thị tộc, trí tuệ thông minh, kho tàng, tài sản báu vật dùng hoài không hết. Như vậy là quả báo viên mãn.

Nếu các quốc vương khéo dùng phương tiện quyền xảo, luôn thành tựu được các việc, anh dũng trong đánh trận, tiến lui đúng lúc, thông đạt các môn kỹ nghệ. Đó là sĩ dụng viên mãn.

Nếu các quốc vương thọ trì chánh pháp, cùng với các nội cung, vương tử, đại thần thực hành bố thí, làm các việc thiện, ăn chay, giữ giới, lòng thành, tu các môn Tam-ma-địa, phạm hạnh cao tột, luôn làm các việc giúp đỡ người dứt trừ tai họa, tăng thêm ích lợi, thiết lập đạo tràng, thọ pháp quán đảnh. Đó là công đức viên mãn.

Nếu vua có thể thực hành như vậy tức là đầy đủ trí tuệ trong sạch.

Lại nữa, đại vương nên biết! Ta đã tóm lược tội lỗi của vua, công đức của vua, pháp môn làm vua suy tổn, pháp làm cho vua đáng kính mến và pháp phát sinh làm cho vua đáng kính mến.

Vì thế, đại vương mỗi ngày, vào lúc sáng sớm, hoặc đọc, hoặc tụng giáo pháp tối thượng bí mật này, nương theo đó tu hành, tức gọi là Thánh vương, là Pháp vương, được chư Phật, Bồ-tát, tám bộ chúng thiên, long, ngày đêm thường theo bảo vệ và giúp đỡ, có thể làm cảm động đến thế gian, gió mưa thuận hòa, chiến tranh chấm dứt, được các nước đến xin dâng nạp, phước lộc sẽ vô biên, nước nhà an vui, mạng sống được lâu dài.

Vì thế nên được tất cả lợi ích, được vui suốt cả đời này.

Sau khi nghe Phật dạy, vua Ưu-điền tâm rất vui mừng, hớn hở tin nhận, nguyện tu hành.

❑

SỐ 525

KINH TRƯỞNG GIẢ TỬ ÁO NÃO TAM XỨ

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng An Thế Cao, người nước An Tức.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo, ở tại tinh xá trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ, có đại trưởng giả giàu có, của cải vô số, ruộng đất, nhà cửa, trâu, ngựa không thể tính đếm được. Nhà trưởng giả không có con. Tục lệ nước đó, nếu không có con thì sau khi qua đời, của cải sẽ nhập vào cửa quan. Vợ chồng trưởng giả cầu đảo cúng tế chư Thiên, Thần, mặt trời, mặt trăng, sao để cầu xin con, cầu mãi cũng không được.

Khi ấy, vợ trưởng giả quy y Tam bảo, vâng giữ năm giới, ngày đêm tinh tấn, không dám biếng nhác, sau đó mang thai. Người vợ thông suốt, biết rõ năm việc:

1. Biết ý chồng mình.

2. Biết chồng mình nghĩ gì và không nghĩ gì.

3. Biết nguyên nhân bào thai.

4. Biết phân biệt nam hay nữ.

4. Phân biệt được thiện, ác.

Lúc ấy, vợ trưởng giả, báo cho chồng biết là mình đã có thai. Trưởng giả vui mừng, hằng ngày cung cấp cho vợ y phục, chăn đắp đẹp nhất, thức ăn ngon nhất. Mười tháng đã mãn, vợ trưởng giả sinh được đứa con trai, giao cho nhiều bà mẹ cùng nuôi dưỡng chăm sóc. Một bà mẹ cho bú mớm, một bà mẹ lo tắm giặt, một bà mẹ lo thay áo, đắp chăn, một bà mẹ lo bồng ẳm. Đứa bé khôn lớn, đến khi được mười lăm, mười sáu tuổi, vợ chồng trưởng giả lo tìm vợ cho con. Thời gian sau tìm được cô con gái xinh đẹp, nết na, con của một trưởng giả. Đám cưới, trưởng giả tổ chức tại nhà, trong một khu vườn ở ngoài thành, thỉnh mời rất nhiều khách đến ăn uống, vui chơi, thết đãi các thức ăn ngon nhất. Bốn phương đều đến, không ai chống phá. Tiếp đãi khách khứa như vậy đến bảy ngày.

Lúc này, cặp vợ chồng trẻ đang dạo chơi trong vườn, thấy trên cây Vô ưu có hoa, màu sắc rất đẹp giống như lụa đào. Người vợ nói với chồng:

–Thiếp muốn được hoa này.

Người chồng leo lên cây, hái hoa Vô ưu. Cành cây bé nhỏ, nên bị gãy, người chồng rơi xuống đất, chết ngay.

Cha mẹ hay tin con mình té cây chết, liền chạy nhanh đến. Người mẹ ôm đầu đứa con, người cha ôm hai chân con, xoa bóp, xem xét, nhưng đứa con hoàn toàn không sống lại được. Cha mẹ thương con, đau đớn thảm thiết, thân thể bị tổn thương. Khách khứa thấy vậy, cũng rất đau xót: "Chết sao mà nhanh chóng thế! Buổi tiệc ăn uống, vui chơi chưa tàn, mà chú rễ té trên cây xuống, chết mất, sao mà vô thường đến thế!"

Khi ấy, Đức Thế Tôn cùng với Tôn giả A-nan đắp y, mang bát vào thành khất thực. Nghe tin vợ chồng trưởng giả chỉ có một đứa con mà lại té cây chết, đang kêu khóc thảm thiết, thật không thể nói hết được. Đức Phật bèn quán xét, thấy chỗ sinh của đứa bé này là từ cõi trời Đao-lợi. Tuổi thọ hết, sinh làm con nhà trưởng giả, rồi sau khi chết, sinh vào loài rồng, bị vua chim Kim sí bắt ăn thịt. Ba nơi đều đau xót, đều làm đám tang.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ta với ông hãy đến nơi đó, giảng giải cho tâm ý vợ chồng trưởng giả vơi đi, để tiêu trừ tai họa. Nếu như không được vậy, ta e trưởng giả lo buồn sẽ chết!

A-nan vâng lời, liền đi theo Phật, đến chỗ Trưởng giả.

Nghe Phật đến, trưởng giả vui mừng, cúi đầu lễ sát chân Phật.

Phật hỏi trưởng giả:

–Ông ưu sầu việc gì đến như vậy?

Trưởng giả thưa:

–Thân con vô phước, chỉ có một đứa con, vừa cưới vợ cho nó, thỉnh mời khách đến, đang ăn uống vui chơi, chưa tan tiệc, nó leo lên cây hái hoa, rơi xuống đất chết liền. Nay thân con như đá, tâm trơ trơ như sắt. Vừa được một đứa con, mà nó lại bỏ con, đi rồi.

Phật bảo trưởng giả:

–Con người có sinh, phải có chết, sự vật có thành tựu, phải có tan hoại. Suy cho cùng, đến khi mạng hết thì không thể trốn tránh. Hãy bỏ đi sự thương nhớ, chớ lo nghĩ xúc động quá.

Khi ấy, Phật phóng ra ánh sáng chiếu khắp mười phương làm cho trưởng giả thấy được, cha mẹ đứa bé trên cõi trời, trong loài rồng cũng

đang than khóc.

Phật bảo trưởng giả:

–Đứa bé này, vốn ở trên cõi trời Đao-lợi, hết tuổi thọ sinh vào làm con nhà ông. Sau đó qua đời, lại sinh trong loài rồng, bị vua chim Kim sí bắt ăn thịt. Cha mẹ ba nơi cùng lúc đều than khóc. Vậy đó là con của ai?

Phật liền nói kệ:

Các Thiên tử trên trời
Đó là con ông sao?
Khi ở trong loài rồng
Là con loài rồng chăng?

Bấy giờ, Phật giảng nói:

Chẳng phải con chư Thiên
Cũng chẳng phải con ông
Lại chẳng phải con rồng
Sinh tử do nhân duyên
Vô thường như mộng ảo
Tất cả không bền lâu
Ví như khách qua đường.

Phật bảo trưởng giả:

–Người chết không thể thoát khỏi được. Việc đã qua thì không thể kéo lại được.

Trưởng giả thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đứa bé này, đời trước tạo tội, phước gì, mà được sinh vào trong nhà giàu, mạng sống lại ngắn ngủi? Việc này như thế nào?

Phật bảo:

–Kiếp trước, đứa bé này ưa làm việc bố thí, tôn kính người. Do phước đức này, nên được sinh vào nhà giàu. Trái lại, đứa bé này cũng ưa vui chơi săn bắn, làm tổn hại đến chúng sinh. Do nghiệp duyên này, làm cho mạng sống yểu.

Phật bảo trưởng giả:

–Tội phước theo người, như bóng theo hình.

Lúc ấy, trưởng giả vui mừng hớn hở, liền đắc pháp nhẫn.

Khi Phật nói xong, vợ chồng trưởng giả và tất cả đại chúng trong hội đều vui mừng lãnh thọ.

❑

SỐ 526

KINH TRƯỞNG GIẢ TỬ CHẾ

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng An Thế Cao, người nước An Tức.

Nghe như vầy:

Một thời, Phật cùng với năm trăm vị Sa-môn, đều là bậc A-la-hán, ở trong núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành La-duyệt-kỳ. Vào một buổi sáng, Phật cùng với đại chúng đắp y, mang bát vào thành khất thực.

Khi ấy, trong thành có một nhà hào tộc giàu có, thuộc trong bốn chủng tánh. Nhà cửa, lầu gác rất tốt đẹp, ở chỗ cao ráo nhất trong nước, thành quách được bao quanh bằng bảy lớp cửa.

Nhà hào tộc trong bốn chủng tánh, tên là Đàn-ni-ca-nại, có một người con tên là Chế đã được mười sáu tuổi. Cha là Đàn-ni-ca-nại qua đời nên Chế ở với mẹ.

Khi Phật đến nhà khất thực, Chế đang đứng trong cửa thứ ba, từ xa đã trông thấy Phật đến, Chế liền suy nghĩ: "Người này sao mà đẹp đẽ, trang nghiêm quá vậy, đẹp như hạt châu minh nguyệt, có ánh sáng như mặt trời, mặt trăng, da có sắc màu vàng ròng, như ánh trăng tròn đầy ngày rằm."

Lúc Phật đang còn đứng ngoài cửa, Chế liền chạy vào, thưa với mẹ:

–Con thấy có một người đến nhà mình, rất trang nghiêm, đẹp đẽ, trong thiên hạ không ai bằng. Từ lúc mới sinh ra đến giờ, con chưa thấy người nào như vậy. Nay đang đứng trước cửa khất thực, mẹ nên bố thí cho người ấy.

Người mẹ là người tham lam, bỏn sẻn, nên không chịu bố thí.

Chế thưa:

–Mẹ nên thương con mà bố thí cho người này, cho người ấy như bị bệnh được thuốc hay vậy.

Chế lại thưa:

–Mẹ nên bố thí cho người này, vì đó là bậc danh tiếng, vang khắp đến cõi trời, cõi người. Hiện nay người này đang đứng ngoài cửa.

Người mẹ cũng không chịu bố thí. Chế luôn miệng khuyên mẹ không ngừng. Mẹ liền sân giận bảo Chế:

–Sao con cứ quấy rối mẹ mãi. Con làm cho mẹ phiền não rối loạn đây nè.

Mẹ lại nói tiếp:

–Người này không phải đến đây khất thực mà chỉ muốn lừa dối con thôi. Nay con còn nhỏ dại, làm sao biết được. Con nài nỉ mãi không thôi, chừng nào mẹ lấy cây đánh mới thôi à.

Biết được tánh bỏn sẻn, tham lam của người mẹ, Phật liền hiện thần thông, phóng ra ánh sáng, chiếu suốt bảy lớp cửa. Thấy ánh sáng Phật, Chế rất vui mừng, liền đến chỗ mẹ thưa:

–Người ngu không biết bố thí, như người mù bị rơi trong lửa, phải ngồi trong đó chịu trận, chỉ vì không có mắt. Người ở thế gian chỉ vì bỏn sẻn, tham lam, không tin bố thí, sau sẽ bị tai họa. Người mà tâm nghĩ điều ác, miệng nói lời ác, thân làm việc ác, ngu si không tin Phật, không tin kinh điển, không tin Tỳ-kheo Tăng, sau khi chết đều đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Người không tham lam, bỏn sẻn, tin bố thí, về sau sẽ được phước. Thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện, tâm nghĩ điều thiện, tự mình được phước, mọi người thường giúp đỡ. Theo ở với người trí làm cho mình cũng thành có trí.

Chế thưa tiếp:

–Mẹ không chịu bố thí thì con đem phần ăn của con ngày nay mà bố thí vậy. Con thà nhịn ăn một ngày, mẹ thương con, mau đem đến. Con muốn cho người này, sợ người ấy sẽ bỏ con mà đi. Nếu bỏ đi thì rất khó gặp lại người này.

Người mẹ vẫn không chịu cho. Chế tự đi lấy phần cơm của mình, lấy áo tốt đẹp, đem đến chỗ Phật, đầu mặt đảnh lễ sát chân Phật, rồi lui ra, đứng một bên, chắp tay bạch Phật:

–Con đem y phục, thức ăn dâng cúng Phật.

Phật im lặng, không đáp.

Chế lại thưa:

–Phật là Bậc Đạo Sư của cõi trời, cõi người. Xin Ngài thương xót độ thoát chúng con. Xin Ngài thọ nhận cho con, làm cho con được phước.

Chế thưa như vậy ba lần, Phật liền thọ nhận. Chế rất vui mừng.

Phật bảo Chế:

–Những thói tham lam, bỏn sẻn, con đã điều phục. Hôm nay, con

cúng dường Phật y phục, thức ăn, sẽ làm cho tâm con nếu có mong muốn điều gì cũng được thành tựu.

Chế rất vui mừng, lại bạch Phật:

–Nếu được như ý nguyện, con cũng không mong cầu làm Thiên vương Đế Thích ở cõi trời Đao-lợi thứ hai, cũng không mong cầu làm Phạm vương ở cõi trời thứ bảy, cũng không mong cầu đời đời giàu sang phú quý mà chỉ nguyện cho con được trí tuệ, ánh sáng như Phật.

Phật bảo:

–Rất tốt, các ý nguyện của con sẽ được thành tựu.

Thiên vương Đế Thích ở cõi trời thứ hai, nghe Chế nói, đang chắp tay đứng ở sau Phật, liền đến trước Phật, bảo Chế:

–Hôm nay, ông đem một chút thức ăn, y phục cúng dường Phật mà liền muốn cầu làm Phật, không thể được đâu. Mười kiếp, trăm, ngàn, vạn ức kiếp ông còn chưa thể được làm Phật.

Chế thưa Thiên vương Đế Thích:

–Tôi không phải đem một bữa ăn cúng dường để muốn được làm Phật. Mà tôi luôn giữ gìn tâm thiện, tinh tấn không lười biếng, cầu Phật không ngừng, nên phải được làm Phật.

Thiên vương Đế Thích bảo Chế:

–Ông đem bốn báu nhiều như núi Tu-di, với lòng lành nhớ nghĩ, bố thí cho dân chúng khắp trong thiên hạ, đến ngàn vạn kiếp, ức vạn kiếp, còn chưa được làm Phật.

Chế lại bảo Thiên vương Đế Thích:

–Ví như người thợ mộc, cầm rìu vào núi tìm cây, phải chọn lấy cây thẳng, tốt, được như ý mới lấy. Tôi không vì đem một chút thức ăn, y phục mà cầu làm Phật.

Thiên vương Đế Thích lại bảo Chế:

–Ông muốn cầu làm Phật khổ lắm, chi bằng ông cầu làm Phạm vương ở cõi trời thứ bảy, hoặc làm Thiên vương Đế Thích ở cõi trời Đao-lợi thứ hai, cầu làm Phật rất khó được.

Chế lại hỏi Thiên vương Đế Thích:

–Thiên vương có thấy bên trong cõi Diêm-phù-lợi không?

Thiên vương Đế Thích đáp:

–Tôi có thấy.

Chế nói:

–Khắp trong cõi ấy, lửa lớn lên đến cõi trời, dù có đem thân mình vào trong đó, tôi cũng chờ cầu làm Phật, trọn không dừng nghỉ.

Thiên vương Đế Thích bảo:

–Lửa lớn khắp trong cõi Diêm-phù-lợi. Trong cõi đó có dân chúng, súc sinh và các loài côn trùng. Ông không nên giết chúng. Miệng nói lời ác, tâm nghĩ điều ác, chết sẽ vào địa ngục, lúc nào mới được làm Phật?

Chế bảo Thiên vương Đế Thích:

–Dân chúng và côn trùng ở thế gian, với lòng lành, tôi đều đem giao phó cho Phật Di-lặc. Phật Di-lặc sẽ độ thoát họ. Tôi cầu Phật đạo không dừng nghỉ.

Chế lại bảo Thiên vương Đế Thích:

–Phạm vương ở cõi trời thứ bảy, Thiên vương Đế Thích ở cõi trời thứ hai, chỗ ở rồi cũng bị tan hoại, cũng sẽ đến chỗ chết, đều không thoát khỏi cái chết.

Thiên vương Đế Thích chắp tay thưa:

–Ông giữ tâm vững vàng đến như vậy. Mong cầu làm Phật không ngừng, ông sẽ được làm Phật.

Chế lại bảo Thiên vương Đế Thích:

–Ông chớ giữ tâm coi thường, cao ngạo. Ở cõi trời còn có người hơn ông. Tôi giữ tâm thiện, tinh tấn không lười biếng, cầu làm Phật không ngừng, chắc chắn phải được làm Phật.

Thiên vương Đế Thích liền im lặng, không nói nữa.

Phật bảo Chế:

–Con trước sau đã hầu hạ sáu vạn Phật. Con luôn nguyện cầu làm Phật. Con thường giữ tâm tinh tấn để hầu hạ chư Phật. Cách sau hai trăm ức vạn kiếp, con không còn đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh nữa. Hai trăm ức vạn kiếp xong, con sẽ làm vua Chuyển luân, sẽ có mười ức nước nhỏ phụ thuộc vào con. Con sẽ thống lãnh bốn thiên hạ, đi lại tự tại, làm việc rất ngay thẳng. Thọ mạng hết thì sinh lên làm Phạm thiên ở cõi trời thứ bảy, vua trời Đâu-suất ở cõi trời thứ tư. Tuổi thọ cõi trời hết sẽ lại sinh xuống làm vua Chuyển luân. Tuổi thọ hết lại sinh lên làm Phạm thiên ở cõi trời thứ bảy. Lên xuống như vậy trăm ức vạn kiếp xong, con sẽ làm Phật hiệu là Tu-di Ca-la, độ thoát cho dân chúng cõi trời, người. Khi con sinh ra, ánh sáng chiếu khắp một vạn hai ngàn ức cõi trời đất, lên đến cõi trời thứ hai mươi tám. Trời đất đều chấn động mạnh. Đêm sáng như mặt trời mọc. Dân chúng đều thọ đến bảy ngàn ức tuổi. Thân con cao hai trăm

trượng, cõi nước của con sẽ có một vạn một ngàn thành, mỗi thành đều rộng bốn trăm tám mươi dặm, đều có bảng treo được khắc chạm bằng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh, san hô, xà cừ, mã não.

Khi con làm Phật, sẽ mở hai hội thuyết kinh. Hội thứ nhất có sáu ngàn ức Sa-môn, đều đắc quả A-la-hán. Hội thứ hai khi thuyết kinh có bốn ngàn ức Sa-môn cũng đều đắc quả A-la-hán. Lúc ấy, dân chúng không có trộm cắp, nam nữ đều đồng lòng, không có người ác, cũng không có núi, rừng, khe, hang, đất đai bằng phẳng. Dân chúng không có bệnh tật, buồn khổ, tất cả đều an vui, chỗ ở đều tự giữ. Mỗi ngày trời mưa ba lần để giảm bớt bụi đất. Dân chúng muốn bàn luận đều tụ hội lại. Tháng mùa hạ thì không nóng, tháng mùa đông thì không lạnh, tất cả đều được điều hòa. Tinh xá con giảng pháp tên là Nan-đề-đà. Nếu có người nam, người nữ giữ giới, cúng dường cho Phật, Bích-chi-phật, A-la-hán, cầu làm Phật, đều có thể chứng đắc Phật đạo, không thể không cầu. Tám phương trên dưới không thể sánh bằng, trí tuệ của Phật cũng vậy. Dân chúng trong thiên hạ không biết sinh ra từ đâu, cũng không biết chết đi về đâu.

Phật giảng nói kinh này xong, Chế và các Tỳ-kheo Tăng đều ở trước Phật, đầu mặt lễ sát chân Phật rồi lui ra.

❑

SỐ 527

KINH THỆ ĐỒNG TỬ

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Chi Pháp Độ.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành La-duyệt-kỳ.

Vào một buổi sáng, Phật cùng các Tỳ-kheo đắp y, mang bát vào thành khất thực. Phật đi đến một nhà giàu có tên là Ca-la-việt. Nhà này có một đứa con mười sáu tuổi tên là Thệ.

Khi ấy, ở trong lớp cửa thứ ba, Thệ thấy Phật đến, thân có tướng tốt, hình dáng trang nghiêm, tâm ý an tịnh, các căn vắng lặng, từ sau ót của Phật, phóng ra ánh sáng rực rỡ, như ánh sáng mặt trời, ánh mặt trăng ngày rằm, chiếu suốt vào trong cửa. Thệ thấy Phật như vậy, trong lòng vui vẻ, kính trọng, liền đi lên nhà gặp mẹ nói bài kệ:

Ánh sáng vàng trăm màu
Hy hữu chưa từng thấy
Nay đến đứng ngoài cửa
Cầu mình nên giúp đỡ.
Oai nghi hơn Phạm vương
Mặt sáng hơn chư Thiên
Thương con mẹ nên đến
Cúng dường cho vị ấy.

Nghe nói thế, người mẹ bảo:

–Như lời con nói, người này đâu phải nghèo khổ, vì sao đến xin con? Thật là lạ, nếu quả như vậy thì không hợp lý!

Bấy giờ, Phật liền dùng thần thông hóa hiện, ánh sáng từ thân chiếu ra, thấu suốt bảy lớp cửa.

Cảm kích trước oai thần của Phật, Thệ lại nói kệ, thưa mẹ:

Ví như người thấy lửa
Gieo mình vào trong đó
Không biết hướng đến Phật

Tự làm hại như vậy.
Bậc tôn quý trời, người
Các Thánh không ai hơn
Bậc xứng đáng cúng dường
Ban cho được lợi lớn.
Phần thức ăn hôm nay
Xin đem đến cho con
Để dâng cúng vị ấy
Vui này khó gặp được.

Người mẹ liền đi lấy áo tốt đẹp, thức ăn đến cho Thệ. Thệ cầm lấy đi đến chỗ Phật, đầu mặt cúi sát đất, làm lễ Phật, rồi lui qua một bên, chắp tay bạch Phật:

–Nay được gặp Đức Như Lai, con chí tâm cung kính, một lòng hướng về Phật. Xin Phật thương xót, thọ nhận phần cúng dường này.

Đúng thời, Phật thọ nhận rồi, nói kệ cho Thệ:

Con điều phục tâm tham
Lại khéo tu bố thí
Ngày nay cúng dường Phật
Tâm niệm thật là tốt.

Nghe Phật nói, Thệ liền nói kệ thưa:

Con không nguyện giàu sang
Cũng không mong Thích - Phạm
Chỉ cầu tuệ cao tột
Như Phật, Đấng Vô Thượng.

Bấy giờ, trời Đế Thích hạ xuống ở trước Thệ, nói kệ:

Bố thí một chút ít
Mong cầu là Phật sao!
Đời đời luôn bố thí
Chứa báu như Tu-di.
Trải qua ngàn ức kiếp
Đem lòng lành thương khắp
Không vì chút ban cho
Mà đắc đạo Vô thượng.

Thệ liền đáp lại trời Đế Thích bằng kệ:

Muốn chặt cây to lớn
Không thể một nhác búa
Liền chặt được cây to

Mà phải chặt lần lần
Mới đốn được cây to
Nghiệp tích chứa từ nhỏ
Cầu đạo cũng như vậy
Không do một chút thí.
Sao thành đạt đạo lớn
Niềm tin tôi mạnh mẽ
Cũng là cho thế gian.

Thiên đế Thích lại nói kệ với Thệ:

Chi bằng cầu Tôn thiên
Thích - Phạm đều dễ đạt
Khó hiểu được pháp Phật
Phật đạo rất khó thành.

Thệ đáp lại trời Đế Thích bằng kệ:

Giả sử cả thiên hạ
Bị lửa cháy khắp nơi
Dù đem thân vào đó
Trọn không bỏ tâm Phật.
Giả sử tất cả người
Cùng nhau làm hại tôi
Nguyện luôn đem lòng thành
Trọn không bỏ đạo lớn.
Nguy thay! Thích Phạm thiên
Đó đều là pháp chết
Nguyện hướng Nhất thiết trí
Dũng mãnh như sư tử.

Thiên đế Thích lại nói kệ cho Thệ:

Vui thay được lợi lớn
Mới có tâm kính Phật
Một lòng hướng đạo lớn
Ông chắc chắn làm Phật!

Thệ đáp lại Thiên đế Thích bằng kệ:

Thiên vương chớ nghi ngờ
Đối với đạo Vô thượng
Tinh tấn không lười biếng
Được làm Phật ở đời.

Bấy giờ, Thiên đế Thích im lặng.

Khi ấy, Phật nói kệ cho Thệ:

Đời trước con đã từng
Hầu hạ tám ngàn Phật
Tâm luôn nguyện đạo lớn
Muốn an lạc quần sinh.
Sau mười hai ức kiếp
Trọn không đọa đường ác
Chỉ tu nhiều đức thiện
Cho ý nguyện thêm nhiều.
Con sẽ trăm ức lần
Làm vua Chuyển luân vương
Cũng làm Tứ Thiên vương
Luôn thực hành chánh pháp.
Cũng sẽ làm Đế Thích
Chưa từng trái phạm hạnh
Sau sinh trời Đâu-suất
Đạo đức được thành tựu.
Ở giữa ngàn cõi nước
Được làm Phật tại đó
Hiệu là Tu-di Kiếp
Được tất cả hầu hạ.
Ngàn nước đều rộng lớn
Bốn trăm tám mươi dặm
Thành quách được trang nghiêm
Bằng tất cả châu báu.
Hội thuyết pháp thứ nhất
Sáu mươi ngàn ức người
Những đệ tử được độ
Đều đắc A-la-hán.
Hội thuyết kinh thứ hai
Bốn mươi ngàn ức người
Đều nhập tuệ La-hán
Hóa độ rất nhiều chúng.
Hội thuyết kinh thứ ba
Độ được chúng vô số
Lìa nhơ, vào tuệ sáng
Thảy đều không vướng mắc.
Khi ấy trong cõi Phật

Không có người ác loạn
Đều hướng đến đạo pháp
Việc làm đều chân chánh.
Tật bệnh và buồn khổ
Tất cả đều không có
Mọi người đều hòa kính
Cùng nhau sống an vui.
Trời mưa ngày ba lần
Làm sạch hết bụi đất
Nóng lạnh được điều hòa
Độ được rất nhiều người.
Tộc tánh nam và nữ
Nếu muốn phát tâm thiện
Với chư Phật tôn kính
Cúng dường nên như vậy.
Nay ta giảng pháp này
Bồ-tát nên thực hành
Đối mặt trước Chánh giác
Liền được mắt tuệ Phật.
Chư Phật có vô số
Kinh pháp không thể tận
Nếu hết lòng cung kính
Phước báo cũng vô lượng.

Phật thọ ký cho Thệ xong, con của Ca-la-việt là Thệ cùng trời Đế Thích và các Tỳ-kheo lòng đều vui mừng, ở trước Phật làm lễ, rồi lui ra.

❑

SỐ 528

KINH BỒ-TÁT THỆ

Hán dịch: Đời Tây Tấn,
Sa-môn Bạch Pháp Tổ.

Phật cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo, đều là bậc A-la-hán, đang ở tại núi Kê.

Một buổi sáng, Phật cùng đại chúng đắp y, mang bát vào thành khất thực.

Bấy giờ, trong thành có một trưởng giả giàu có, ở chỗ cao ráo bậc nhất trong nước. Nhà cửa, lầu gác rất đẹp, tường quách bao quanh bảy lớp cửa. Trưởng giả tên là Đàn-ni-gia-nại. Ông ta có người con tên là Thệ được mười sáu tuổi. Đàn-ni-gia-nại qua đời, nên Thệ ở với mẹ.

Phật đến nhà Đàn-ni-gia-nại khất thực. Khi ấy, Thệ đang ở trong lớp cửa thứ ba, thấy Phật đến, lòng rất vui mừng, liền nghĩ: "Vị này sao mà đẹp đẽ, trang nghiêm không ai bằng như vậy. Đẹp như châu minh nguyệt, ánh sáng như mặt trời, mặt trăng, da có sắc màu vàng kim, đẹp như mặt trăng ngày rằm."

Phật đến đứng ngoài cửa. Thệ liền chạy vào thưa mẹ:

–Con thấy một người đến nhà mình rất trang nghiêm, đẹp đẽ, thiên hạ không ai bằng. Từ lúc sinh ra đến nay, con chưa từng thấy người nào như vậy. Nay đang đứng ngoài cửa muốn khất thức. Thệ thưa mẹ:

–Ta nên cho vị ấy.

Người mẹ rất tham lam, bỏn sẻn, không chịu cho.

Thệ lại thưa mẹ:

–Phàm người ở đời, tham lam, bỏn sẻn không ích lợi gì cho bản thân, tốt xấu gì cũng nên cho họ.

Người mẹ cũng không chịu cho.

Thệ lại thưa mẹ:

–Vị này là bậc Thầy trong thiên hạ. Cúng dường vị này như bệnh được thuốc hay vậy.

Thệ nói tiếp:

–Mẹ thương con mà cho vị này. Tiếng tăm vị này vang khắp thiên hạ. Nay đang đứng ngoài cửa.

Mẹ cũng không chịu cho.

Thệ thưa mẹ nhiều lần. Mẹ giận dữ bảo Thệ:

–Con quấy rối mẹ không thôi, làm cho mẹ phiền muộn. Người này không phải đến đây khất thực, chỉ muốn dối gạt con thôi. Con còn nhỏ làm sao biết được. Con cứ nài nỉ mãi, chừng nào mẹ lấy cây đánh mới thôi à.

Biết người mẹ tham lam, bỏn sẻn, Phật dùng oai thần, phóng ra ánh sáng chiếu suốt bảy lớp cửa. Thấy ánh sáng Phật, tâm Thệ liền được tỏ rõ, mở bày. Thệ lại đến thưa mẹ:

–Người ngu mới không biết bố thí, ví như người mù rơi vào trong lửa, người này chỉ vì bị mù không có mắt nên mới vậy. Người đời chỉ vì tham lam, bỏn sẻn, nên tâm nghĩ điều ác, miệng nói lời ác, thân làm việc ác. Người ngu không tin Phật, không tin kinh, sau khi chết sẽ bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Người không tham lam, bỏn sẻn, thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện, tâm nghĩ điều thiện thì sẽ được phước. Người có trí nên cúng dường thức ăn cho Phật. Người thường theo ở với người trí cũng làm cho mình trở thành có trí.

Thệ thưa mẹ:

–Mẹ không chịu cho thì đem phần cơm của con hôm nay đến cho con. Hôm nay con không ăn. Con sẽ cúng dường cho vị ấy. Mẹ mau đem đến cho con, con sợ người này bỏ con mà đi. Vị này rất khó được gặp.

Mẹ cũng không chịu cho. Thệ liền tự đi lấy thức ăn và y phục tốt đẹp đem đến chỗ Phật, trước Phật, đầu mặt đảnh lễ sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, chắp tay bạch Phật:

–Con xin dâng cúng Phật y phục, thức ăn.

Phật im lặng không đáp.

Thệ lại bạch Phật:

–Phật là bậc cha mẹ trong thiên hạ. Xin Ngài độ thoát cho chúng con, thương xót thọ nhận cho con, làm cho con được phước.

Thệ thưa như vậy ba lần, Phật thọ nhận. Thệ rất vui mừng.

Phật bảo Thệ:

–Những thói tham lam, bỏn sẻn con đã đẩy lùi. Hôm nay, con cúng dường Phật y phục, thức ăn, như vậy sẽ làm cho con được như ý nguyện.

Thệ rất vui mừng, lại bạch Phật:

–Tâm con không mong làm Thiên vương Đế Thích ở cõi trời Đao-lợi thứ hai, cũng không muốn làm Phạm thiên, cũng không cầu giàu sang ở đời, chỉ nguyện cho con có được ánh sáng trí tuệ như Phật.

Phật bảo:

–Lành thay! Ý nguyện của con sẽ được thành tựu.

Nghe Thệ nói, Thiên vương Đế Thích đang đứng chắp tay ở sau Phật, liền bước ra trước, bảo Thệ:

–Mong cầu làm Phật rất khó được, mười kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp, ức kiếp còn chưa có thể được làm Phật. Nay ông chỉ đem một chút thức ăn, y phục cúng dường Phật mà liền muốn làm Phật, thật không thể được!

Đế Thích lại bảo Thệ:

–Nếu đem bốn báu nhiều như núi Tu-di mà ban cho khắp, với lòng lành luôn nghĩ đến thiên hạ, mười vạn kiếp, trăm vạn kiếp, ngàn vạn kiếp, còn chưa có thể được làm Phật.

Thệ trả lời Đế Thích:

–Ví như người thợ giỏi, cầm rìu vào núi chặt cây, tất phải tìm được cây thẳng, tốt, vừa ý, mới chặt lấy. Tôi cũng không vì một chút thức ăn, y phục cúng dường Phật để muốn được làm Phật, mà tôi luôn giữ gìn tâm thiện, sáng suốt, suy nghĩ tiến tới, không biếng nhác, chắc chắn phải được làm Phật.

Đế Thích lại bảo Thệ:

–Mong cầu làm Phật rất khổ nhọc, chi bằng cầu làm Phạm vương, Đế Thích.

Thệ lại trả lời Đế Thích:

–Nếu trong cõi Diêm-phù-đề đều có đầy lửa, lên đến cõi trời, đem thân tôi quăng vào trong đó, tôi cũng cầu làm Phật, trọn không dừng nghỉ.

Đế Thích bảo:

–Nếu làm cho lửa đầy khắp cõi Diêm-phù-lợi thì trong cõi đó có dân chúng, súc sinh và các loài côn trùng. Ông không nên giết chúng. Còn nếu có lòng dạ ác, phải đọa vào địa ngục thì lúc nào mới được làm Phật?

Thệ lại nói:

–Dân chúng và các loài côn trùng ở thế gian, với lòng từ, tôi sẽ giao phó cho Phật Di-lặc. Phật Di-lặc sẽ độ thoát cho họ. Tôi vẫn cầu Phật đạo, không dừng nghỉ.

Thệ lại bảo Đế Thích:

–Phạm thiên, Đế Thích tuy tôn quý nhưng cũng vô thường, cũng không thoát khỏi cái chết.

Đế Thích liền chắp tay thưa Thệ:

–Ông giữ tâm bền chí đến như vậy, mong cầu làm Phật không ngừng, chắc chắn ông sẽ được làm Phật.

Thệ bảo Đế Thích:

–Chớ nên giữ tâm coi thường, cao ngạo. Ở cõi trời, vẫn có người hơn mình. Tôi giữ gìn lòng lành, sáng suốt, tiến tới không biếng nhác, mong cầu Phật đạo chắc chắn sẽ được làm Phật.

Đế Thích liền im lặng, không nói nữa.

Phật bảo Thệ:

–Trước sau, con đã cúng dường thức ăn cho sáu vạn Phật. Tâm con luôn mong cầu làm Phật. Con thường cúng dường Phật với tâm thiện. Cách sau hai trăm vạn ức kiếp, con không còn đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ nữa.

Phật lại bảo Thệ:

–Con thường cúng dường Phật với lòng lành, sau sẽ làm Kim luân vương, sẽ có mười ức vua nước nhỏ theo hầu, sẽ thống lãnh cả thiên hạ, thường bay lại tự tại, mọi việc làm đều chân chánh. Tuổi thọ hết sẽ sinh làm Phạm thiên và vua trời Đâu-suất. Tuổi thọ cõi trời hết lại sinh xuống làm Kim luân vương. Tuổi thọ hết lại sinh lên làm Phạm thiên. Như vậy lên xuống hai trăm vạn ức kiếp xong, con sẽ làm Phật hiệu là Tu-di Gia-la, độ thoát dân chúng trong cõi trời, người. Khi sinh ra, ánh sáng chiếu khắp ba ngàn núi Tu-di, trên lên đến cõi trời hai mươi tám. Trời đất đều chấn động mạnh, ngày đêm đều sáng. Khi ấy tuổi thọ con người là bảy ngàn ức tuổi, thân cao hai trăm trượng. Cõi nước có một vạn hai ngàn thành, mỗi thành rộng bốn trăm tám mươi dặm, cửa thành được chạm khắc bằng bảy báu. Khi làm Phật có hai hội thuyết kinh cho các Sa-môn. Hội thuyết kinh thứ nhất có sáu ngàn ức Sa-môn đắc đạo quả A-la-hán. Hội thuyết kinh thứ hai có bốn ngàn ức Sa-môn đều đắc đạo A-la-hán. Thời đó, dân chúng không có trộm cắp, người nam người nữ đều đồng lòng, dân chúng không làm ác, các đường ác, các nơi cực khổ đều không có, cũng không có núi rừng, khe, hang. Đất đai bằng phẳng, dân chúng không bị bệnh tật, đau khổ, tất cả đều được an vui, chỗ ở đều tự giữ. Trời mưa ngày ba lần rửa sạch bụi đất. Dân chúng muốn luận bàn, đều tụ hội với nhau. Tháng mùa hạ không nóng lắm, tháng mùa đông không lạnh lắm, tất cả được điều hòa. Tinh xá giảng kinh tên là Nan-đề-đà. Nếu có người cúng

dường Phật, A-la-hán, mong cầu làm Phật, Bích-chi-phật, A-la-hán đều được Phật đạo, không ai không cầu Phật trí, tận cùng mười phương không thể xưng lường hết được. Trí Phật cũng như vậy, không có gì cao hơn. Người trong thiên hạ không biết từ đâu sinh đến, cũng không biết chết đi về đâu.

Phật giảng nói kinh này xong, Thệ và các Tỳ-kheo, Thiên vương Đế Thích, đều cùng đảnh lễ Phật.

❑

SỐ 529

KINH A-CƯU-LƯU

Hán dịch: Thất dịch.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Xưa có một người buôn bán, tên là A-cưu-lưu, nhà cửa giàu có, vàng bạc, châu báu, nô tỳ rất nhiều. A-cưu-lưu không tin có đời sau, làm thiện không được điều tốt, làm ác cũng chẳng gặp điều xấu. A-cưu-lưu nói: "Thân người sau khi chết, đất bên ngoài, đất trong thân; nước bên ngoài, nước trong thân; lửa bên ngoài, lửa trong thân; gió bên ngoài, gió trong thân đều hòa hợp lại với nhau. Con người sau khi chết, hoàn toàn không sinh trở lại. Những việc thiện ác đã làm, những gì tâm nghĩ, miệng nói, thân làm đều mất hết, về sau không sinh trở lại."

Khi ấy, A-cưu-lưu đem hàng ngàn vạn của cải hàng hóa cùng đi buôn với năm trăm thương gia khác, trong đó A-cưu-lưu là giàu có nhất. Đoàn thương gia đi qua vùng đất rất khó khăn, không có nước, cỏ. Lương thực, nước, cỏ mang theo đều đã cạn. Đi một ngày, hai ngày không thấy nước, cỏ. Đi ba ngày, bốn ngày cũng không thấy nước, cỏ. Các thương gia bắt đầu sợ hãi, nói:

–Nay chúng ta đều phải chết đói trong vùng đất hoang này sao?

Mọi người khóc lóc kêu cha, mẹ, vợ, con. A-cưu-lưu cưỡi ngựa Tứ bố đi tìm nước, cỏ. Đang đi thì từ xa, A-cưu-lưu thấy một cây, có lá màu xanh, hoa trái sum suê, mới tự nghĩ: "Cây này dưới gốc sẽ có nước", liền đi thẳng đến, tới nơi thấy một người đàn ông khôi ngô tuấn tú, không ai bằng. Trông thấy A-cưu-lưu cưỡi ngựa đi đến, người ấy ra tiếp đón và nói:

–Chào ông! Ông đến đây tìm điều gì?

A-cưu-lưu thấy người ở tại gốc cây chào hỏi mình, nên rất vui mừng, như được sống lại.

Người ở tại gốc cây nói:

–Ông từ đâu đến, đến đây muốn điều gì?

A-cưu-lưu đáp:

–Tôi muốn được cứu mạng sống của tôi và năm trăm người cùng với súc sinh.

Người ở tại gốc cây hỏi:

–Ông cần gì?

Đáp:

–Tôi muốn có nước.

Người ở tại gốc cây liền đưa tay phải ra. Nước từ năm đầu ngón tay chảy như dòng suối, có mùi rất thơm. Người ấy bảo A-cưu-lưu:

–Hãy tự nhiên uống đi.

Uống xong lại đòi ăn. Người ở tại gốc cây liền đưa tay phải, thức ăn ngon từ đầu ngón tay tuôn ra. Được ăn uống no nê rồi, A-cưu-lưu lại khóc lớn. Người ở tại gốc cây hỏi:

–Vì sao ông khóc?

A-cưu-lưu thưa:

–Các bạn tôi, năm trăm người và súc sinh từ ba, bốn ngày nay đều không ăn uống gì, rất là đói khát. Mạng sống chỉ còn trong chốc lát. Vì thế tôi khóc.

Người ở tại gốc cây bảo A-cưu-lưu:

–Hãy dẫn năm trăm người và súc sinh đến đây. Ta sẽ cho họ được no đủ.

A-cưu-lưu liền chạy đi kêu các bạn:

–Chớ có buồn nữa. Đã có được chỗ ăn uống rồi. Hãy theo tôi đi đến đó.

Các bạn rất vui mừng, đi theo đến dưới cây. Đến nơi, tất cả đều chắp tay làm lễ người ở tại gốc cây.

Người ấy hỏi:

–Các ông muốn điều gì?

Mọi người đều thưa:

–Chúng tôi rất đói khát.

Người ở tại gốc cây liền đưa tay phải, từ năm đầu ngón tay chảy ra rất nhiều nước như dòng suối. Người, ngựa, súc sinh đều uống. Uống xong lại đòi ăn. Người ở tại gốc cây lại đưa cánh tay phải, từ năm đầu ngón tay tuôn ra thức ăn ngon. Năm trăm người và súc sinh đều ăn no.

Người ở tại gốc cây hỏi:

–Năm trăm người các ông muốn đi tìm điều gì mà đến đây?

Các thương gia thưa:

–Chúng tôi muốn đến biển lớn, tìm châu báu.

Người ở tại gốc cây bảo:

–Các ông đều muốn tìm châu báu. Những thứ ấy đều từ trong tay ta mà có. Người ở tại gốc cây liền đưa cánh tay phải, từ năm đầu ngón tay tuôn ra vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, san hô, hổ phách, ngọc trắng. Mọi người liền thâu lấy, lấy theo sức mình rồi đi.

Người ở tại gốc cây bảo A-cưu-lưu đem vàng bạc này về làng, ban bố cho người nghèo cùng. Ai muốn thức ăn thì cho thức ăn. Ai muốn vàng bạc, tiền của, y phục thì cho những thứ ấy, rồi bảo những người đó chú nguyện cho tôi, làm cho tôi được phước, làm cho trong tay tôi luôn tuôn ra các vật báu, lại làm cho tôi sớm thoát khỏi chỗ hoang vắng này. Nghe nói vậy, A-cưu-lưu rất kinh sợ, liền cúi đầu lạy sát đất, hỏi:

–Nhân giả là ai? Là trời hay là rồng, hay quỷ thần, hay là người?

Người ở tại gốc cây đáp:

–Tôi chẳng phải là trời, cũng chẳng phải là rồng, chẳng phải là quỷ, cũng chẳng phải người. Tôi là Hào Bệ Lệ (ngạ quỷ giàu). Đời trước, tôi là người rất nghèo ở trong nước, thường ngồi dưới cửa thành. Tuy nghèo khổ, nhưng tâm tôi trong sạch, ưa thích Sa-môn Đạo nhân. Tôi nghèo khổ nên không thể bố thí cho người, thấy người khác bố thí, tôi vui theo. Khi ấy, Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, các Tỳ-kheo đến chỗ tôi khất thực. Tôi thưa với các thầy Tỳ-kheo: "Con không có gì để cúng dường." Nhưng tôi chỉ vào trong thành, nhà nào hiền lành, có thể được thức ăn, nhà nào không hiền lành, không thể được thức ăn. Các thầy Tỳ-kheo đến đó khất thực, tôi thấy họ khất thực được nên rất vui mừng.

Vào thời kỳ Phật Ca-diếp Niết-bàn, quốc vương tên là Cơ Lập, làm tháp bảy báu cúng dường Phật Ca-diếp, tôi liền lấy tay sờ trên đó và nói: "Nguyện cho tôi được phước." Vua đem vật tốt đẹp, cúng dường tháp Phật, tôi liền lấy tay sờ vào đó và nói: "Nguyện cho tôi được phước", do nghèo khổ, nên chưa từng ăn chay giữ giới, ăn uống không đúng thời, lại thêm uống rượu, nên sau khi chết, sinh làm Hào Bệ Lệ. Nhưng do đời trước, thấy người làm thiện, tôi vui theo, lấy tay sờ trên vật cúng dường, nên làm cho năm đầu ngón tay của tôi tuôn ra được các vật cần dùng. Lại do đời trước chưa từng ăn chay giữ giới, nên khiến tôi phải sinh làm loài ngạ quỷ này.

A-cưu-lưu tự nghĩa: "Ta trước đây không tin có đời sau, làm thiện

không gặp được điều tốt, làm ác không gặp điều xấu. Nay chính mắt ta thấy thật rõ có đời sau. Lại cũng rõ ràng, ở đời làm thiện thì được điều tốt, làm ác gặp điều xấu. Từ nay về sau, trở về làng, ta sẽ làm việc thiện, ban bố cho người. Người mong cầu điều gì: vàng bạc, châu báu, thức ăn uống, y phục... ta đều cho, không làm trái ý."

Về đến làng, A-cưu-lưu bảo những người trong nước:

–Ai muốn được vàng bạc, châu báu, y phục, thức ăn uống, mong cầu vật gì đều có thể đến đây lấy.

Ban bố như vậy thật vô số. Hàng ngày nấu cơm cho tám vạn bốn ngàn Đạo nhân. Nước vo gạo chảy ra cửa, nhiều đến nỗi người ta phải dùng ghe đi. A-cưu-lưu dốc lòng làm việc thiện, sau khi chết sinh lên cõi trời Đao-lợi thứ hai, làm người ở cõi trời, cách tòa thiên đế bốn trăm tám mươi dặm. Trong nước ấy, có người nữ hành khất tên là Tham, với lòng lành đem một bồn cháo gạo cúng dường Sa-môn Ma-ha Ca-diếp. Sau khi chết, người nữ ấy cũng sinh làm Thiên nhân ở cõi trời Đao-lợi, ở bên tòa thứ ba của trời Đế Thích. Lại còn hơn các thiên nhân khác năm việc. Năm việc đó là:

1. Tuổi thọ lâu dài.

2. Xinh đẹp.

3. An lạc.

4. Trí tuệ.

5. Thần lực.

Về sau, khi Phật mẫu sinh lên cõi trời Đao-lợi. Phật lên trời, thuyết kinh cho mẹ. Thuyết kinh xong, Phật mẫu và vô số Thiên chúng đều đắc quả Tu-đà-hoàn. Nhân đó, Phật gặp A-cưu-lưu, đời trước luôn ban bố cho người, nay cách xa Thiên đế bốn trăm tám mươi dặm. Lại gặp người nữ xin ăn đời trước, đã đem cháo gạo cúng dường Sa-môn Ma-ha Ca-diếp, nay được ở bên tòa thứ ba của trời Đế Thích, lại còn hơn các Thiên chúng khác năm việc. Tri kiến của Phật biết tất cả. Từ xa Phật gọi A-cưu-lưu đến và bảo:

–Người làm việc thiện, ban phát cho nhiều người nay lại gặp nhau.

A-cưu-Lưu liền đến trước Phật, đầu mặt lễ Phật sát đất, bạch Phật:

–Con ban phát cho rất nhiều người, nhưng chỉ được làm Thiên nhân thôi, không được quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Phật đạo. Nay thấy người nữ xin ăn, chỉ đem cháo gạo cúng dường Sa-môn Ma-ha Ca-diếp mà được ở bên tòa thứ ba của Thiên đế

Thích, lại còn hơn các Thiên chúng khác năm việc. Người đem chút vật nhỏ cúng dường Ma-ha Ca-diếp mà được phước báo lớn như thế, cho nên bản thân họ được giàu sang đến như vậy.

Thưa xong, vị trời làm lễ Phật, rồi giã từ.

❑

SỐ 530

KINH TU-MA-ĐỀ TRƯỞNG GIẢ

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Cư sĩ Chi Khiêm,
người nước Nguyệt Chi.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật cùng với đại chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị ở tại tinh xá Kỳ hoàn, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn cùng với A-nan đắp y, mang bát vào thành khất thực. Trong thành có con của đại Trưởng giả, tên là Tu-ma-đề vừa mới mất, cha mẹ, dòng họ và bạn bè đều khóc lóc thương tiếc, dậm chân than oán buồn rầu, tuyệt vọng, hoặc kêu cha mẹ, anh em, hoặc kêu chồng, gào khóc đủ cách như vậy. Lại có người cào nắm đất làm cho bụi bặm dính đầy mình, hoặc có người cầm dao cắt râu tóc mình, ví như bị người bắn tên độc vào tim, đau đớn vô cùng. Hoặc có người cào xé áo đang mặc mà than khóc, giống như gió lớn thổi mạnh, làm cho cây rừng cành lá rung động. Lại có người như cá mắc cạn, quằn quại trên đất, giống như cây lớn bị chặt đổ ngổn ngang. Khổ sở đau đớn như vậy.

Đức Thế Tôn biết mà vẫn hỏi Tôn giả A-nan:

–Các người kia vì sao khóc lóc thảm thiết như vậy?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Trong thành này, có con của đại Trưởng giả, tên là Tu-ma-đề vừa mới mất, cha mẹ, anh em, vợ con, dòng họ, bạn bè vì ân ái ràng buộc nên mê loạn như vậy. Nguyện xin Đức Thế Tôn đi đến nhà đó để cứu độ cho họ. Chư Phật Thế Tôn không ai thỉnh cầu thì không có chỗ để nói. Nay vì những người kia, con xin thỉnh cầu Phật Thế Tôn rũ lòng đại Từ bi đến đó.

Như Lai nhận lời thỉnh của A-nan, liền đến nhà kia.

Trông thấy Đức Thế Tôn đến, những người đó đều lấy tay lau mặt rồi đi ra tiếp đón Phật, đầu mặt lễ sát chân Phật, khóc lóc nghẹn ngào, không thể nói được. Họ muốn than lớn nhưng vì kính sợ Phật nên không dám than thở, mà chỉ đứng đó.

Khi ấy, Phật hỏi cha mẹ, anh em, dòng họ, bạn bè của con Trưởng giả:

–Vì sao các người than khóc, buồn rầu, đắm chìm vào pháp không thật này?

Những người này đều thưa:

–Bạch Thế Tôn! Trong thành chỉ có người này là thông minh trí tuệ, đẹp đẽ hơn hết, đã đến tuổi trưởng thành. Chúng con lúc nào cũng nhớ nghĩ đến, mọi người đều thích nhìn, ngắm không chán, lời nói hiền hòa, hiếu thảo với cha mẹ, kính thuận anh em. Lại có nhiều của báu: Vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, kho tàng chứa đầy châu báu. Lại có xe, ngựa, thức ăn uống, thuốc thang, quần áo, đồ nằm, nô tỳ, tôi tớ. Tất cả đều đầy đủ. Bỗng một hôm, người này qua đời. Vì thế chúng con khóc than, thương tiếc không thể kìm chế được.

Lành thay! Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn vì chúng con, dùng phương tiện thuyết pháp để chúng con xa lìa được các khổ não. Từ nay về sau lại không còn chịu các khổ như vậy nữa, đoạn trừ được các gốc rễ của phiền não: tham dục, sân giận, ngu si, được qua khỏi bờ sinh, lão, bệnh, tử, vĩnh viễn xa lìa biển sầu bi khổ não, sinh ra nơi nào cũng được gặp chư Phật, bạn lành, không gặp duyên ác.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo cha mẹ, dòng họ, bạn bè của con Trưởng giả và mọi người:

–Các người có bao giờ thấy, có ai sinh mà không già, không bệnh, không chết không?

Các người này thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con chưa từng thấy như vậy.

Phật lại bảo mọi người:

–Các ngươi muốn xa lìa sinh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ não thì chớ nghĩ đến sự ràng buộc ân ái này, giữ tâm ngay thẳng, quay về nương với Tam bảo. Vì sao? Vì ở đời, không ai hơn Phật. Phật có thể dẫn đường cho những người mê mờ, ngu si. Các người buôn bán và các thầy thuốc giỏi, có tướng tốt cũng không bằng Phật. Vì sao? Vì chính Như Lai là bậc thầy cho thuốc, lời Phật nói ra chính là thuốc hay.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Trong mười phương thế giới
Có sinh ắt có tử
Đường sinh tử qua lại

Chỉ pháp mới trừ diệt.
Không mười phương, cõi nào
Có thể vượt cái chết
Chỉ Phật mới dứt bỏ
Vì thế quy mạng Phật.

Phật lại bảo mọi người:

–Các người biết thế nào gọi là tử không?

Mọi người thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con không biết.

Phật bảo mọi người:

–Sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời hung dữ, nói thêu dệt, ganh ghét, sân giận, si mê, người nào làm mười điều ác này gọi là tử.

Phật lại bảo mọi người:

–Người nào trái nghịch, không hiếu thuận cha mẹ, không thực hành chánh pháp, không cung kính Sa-môn, Phạm chí và các bậc trưởng lão cũng gọi là tử.

Phật lại bảo:

–Người nào không tôn kính Tam bảo và các Sa-môn trì giới, có đức, cũng gọi là tử.

Phật lại bảo:

–Người nào tham lam, bỏn sẻn, ganh ghét, kiêu ngạo, coi khinh, tự mình không giữ giới, người lớn nhỏ trong nhà cũng không giữ giới, lời nói thô lỗ, làm tổn thương đến người, cuồng si, biếng nhác, tâm ý không an ổn, sáu tình không đủ, trí tuệ kém cõi, không nghiêm khắc với chính mình, thích tin lời nói của người khác, thường ôm lòng ganh tỵ, sân giận, tự khen mình, ngăn cản việc thiện của người, khen ngợi việc quấy của người, cao ngạo tự thỏa mãn, không thân cận Sa-môn, Phạm chí, không nghe chánh pháp. Người như vậy cũng gọi là tử.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Người nào tâm không tốt
Ưa làm mười điều ác
Thường ôm lòng cao ngạo
Không tôn kính Tam bảo.
Không giữ giới trong sạch
Lười biếng không tinh tấn

Những người nào như vậy
Đều được gọi là tử.
Người ưa làm điều ác
Sinh đọa vào đường ác
Người nào làm điều thiện
Mới được sinh cõi trời.
Nếu người không tin Phật
Cũng không hành chánh pháp
Mà thực hành phi pháp
Như vậy gọi là tử.

Phật lại bảo mọi người:

–Người nào giàu sang mà không kiêu mạn, tâm ý thường an vui, không tự cho mình cao, cũng không tự cho mình thấp, tâm bình đẳng với tất cả, xem mọi người như mình. Tuy được giàu sang, tâm vẫn bình thường không khác, thường xem tất cả đều là vô thường, biết chúng không phải là của ta, còn hơn oán độc, hiểu biết các pháp, hội họp là có ly tan. Biết vậy nên siêng năng tu tập, biết tất cả pháp không thể nương tựa, đối với danh lợi không màng đến, cũng không vướng mắc vào tất cả cảnh trần, thường tu dưỡng tâm, gần gũi người trí, không gần bạn ác, thường mong cầu sự xa lìa. Pháp Phật nói ra, không khi nào sai trái.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ít có chúng sinh
Ở tại thế gian
Được nhiều giàu sang
Mà không cao ngạo.
Tự cao coi thường
Không lìa được khổ
Nếu không cao ngạo
Mau được giải thoát.
Người không cao ngạo
Nhất định giải thoát
Người mà cao ngạo
Ắt đọa đường ác.
Người bỏ cao ngạo
Không gọi là tử
Người có cao ngạo
Mới gọi là tử.

Phật lại bảo mọi người:

–Các người có biết: Sinh, già, bệnh, chết ở đời này thì đời sau thần thức luân chuyển sẽ lại thọ thân khác không?

Mọi người thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con không biết.

Phật bảo:

–Các người nên biết! Chúng sinh do bốn nhân duyên trói buộc, thần thức luân chuyển trong năm đường, nên không biết từ đâu sinh đến, chết đi về đâu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Vô thường cho là thường
Không sạch cho là sạch
Thật khổ mà nói vui
Vô ngã cho có ngã.
Chúng sinh trong sinh tử
Đắm trong kiến đảo điên
Trải ngàn vạn ức kiếp
Không biết gốc sinh tử.
Nếu có người hiểu biết
Pháp vi diệu chân thật
Biết đấy chẳng phải thường
Đúng là gốc lớn khổ.
Nếu người thấy ác xấu
Đoạn được gốc ba độc
Chắc chắn được thành tựu
Đạo Chánh giác Vô thượng.

Phật lại bảo mọi người:

–Do các phiền não nên phát sinh các nhân duyên. Do nhân duyên nên chịu các khổ não, những cái đó luân chuyển trong sinh tử. Sắc không đến đời sau, thọ, tưởng, hành, thức cũng không đến đời sau. Vì sao? Vì năm ấm không thể nắm bắt được, không chắc chắn, không tạm dừng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Vì do các phiền não
Nên phát sinh điều ác
Vì các nhân duyên này
Lãnh chịu vô lượng khổ.

Do thọ các khổ não
Sinh vô lượng phiền não
Đó là gốc sinh tử
Luân chuyển luôn như vậy.
Các sắc đẹp thế gian
Ví như bọt trên nước
Tất cả các khổ, bệnh
Ví như bọt nước mưa.
Tất cả các tưởng nhớ
Như ngựa hoang không khác
Vô lượng các việc làm
Tánh như thân cây chuối.
Những cái biết của tâm
Đều là ảo không thật
Chánh pháp vi diệu này
Do Như Lai nói ra.
Là diệu pháp của Phật
Đã giảng cho các ngươi
Vì thương xót chúng sinh
Mà nói là cam lồ.

Phật lại bảo mọi người:

–Địa không đến tới đời sau, thủy, hỏa, phong cũng không đến tới đời sau. Vì sao? Vì địa vô giác, vô tri, vì bốn đại là vô thức. Địa tức là không thật, bốn đại phải hợp mới thành. Do nhân duyên này nên không đến tới đời sau.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Hết thảy trong các pháp
Không hình thể, không sắc
Cũng không chỗ hiểu biết
Giả dối, không chân thật.
Bốn đại giả hợp thành
Yếu mềm không chắc chắn
Muốn đến tới đời sau
Hoàn toàn không thể được.

Phật lại bảo:

–Nhãn không đến tới đời sau, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng không đến tới đời sau. Vì sao? Vì nhãn là không, vô ngã, vô thường, không có chỗ

tạm trú. Nếu muốn làm cho dừng cũng không thể được, có duyên liền sinh, hết duyên liền diệt, sinh không từ đâu đến cũng không đi về đâu; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như vậy.

Các người nên biết! Sáu tình này duyên hợp thì có, duyên tan thì không, ví như khách ở nhờ không lâu dài. Lại như người mắc nợ, tính số ngày công làm để trả nợ, hết số ngày liền đi không ở lại, đi rồi là hết sạch không còn gì, không còn qua lại. Sáu tình này cũng như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Các tình không kiên cố
Pháp này như hư không
Không an, không lâu bền
Không thể là của ta.
Do nhân duyên mà có
Hoàn toàn không quyết định
Duyên hòa hợp tạo thành
Đời sau không thể được.

Khi Phật giảng nói kinh này, có ba trăm Tỳ-kheo diệt trừ hết các lậu, giải thoát khỏi phiền não, đắc quả La-hán. Lại có năm trăm chư Thiên xa lìa bụi bẩn cõi trần, được mắt pháp trong sạch. Lại có tám ngàn trời, người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật lại bảo mọi người:

–Các người nên xem xét hết thảy là vô thường, không nên xa lìa nhớ nghĩ này. Ta biết chư Phật ở quá khứ, vì tất cả chúng sinh làm chiếc cầu lớn, có lòng đại Từ bi với tất cả chúng sinh. Phật ở quá khứ hiệu là Phật Ca-diếp, Phật Câu-tôn-đế, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Phật Tùy Diệp, Phật Thi-khí, Phật Định Quang, có hằng hà sa số chư Phật Như Lai như vậy đã đoạn trừ tất cả pháp ác, tu tập vô lượng pháp thiện, sâu dày, ở trong các pháp không còn chướng ngại, nhưng cũng đều là vô thường. Đời quá khứ, cũng có vô lượng Bích-chi-phật, quyết tâm cầu sự vắng lặng, khéo tu tập tâm, cũng đều là vô thường. Đệ tử chư Phật đời quá khứ có vô lượng, vô biên đều đoạn trừ hết các phiền não, chứng được ba minh, sáu thông và tám giải thoát, vĩnh viễn xa lìa sinh tử được đến bờ giác, cũng đều là biến đổi vô thường. Đời quá khứ, cũng có những Tiên nhân chứng được năm thông, tu hành giữ giới trong sạch, thọ vô lượng kiếp, cũng đều trở về vô thường. Thuở xưa cũng có vô lượng Chuyển luân thánh vương và các Tiểu vương, đầy đủ bảy báu, không thiếu thứ gì, rồi cũng lại vô thường.

Ta, vô lượng kiếp đời quá khứ làm các quốc vương, đem đầu, mắt,

tủy, não, tay, chân, đất nước, thành lũy, vợ con, voi ngựa, bảy báu, cung điện, lâu đài và cả năm thú vui, tất cả đều ban cho khắp. Bấy giờ, ta cũng tu hành giữ giới, không có khuyết phạm. Nếu có người đến xin các vật thì cũng vui vẻ ban cho, không sinh tâm sân giận, cũng không có tâm ganh ghét, thân tâm luôn dũng mãnh sáng suốt, tấn tới, không biếng nhác, chuyên tu thiền định giải thoát Tam-muội. Do trí tuệ nhạy bén, rộng lớn không ngại, sâu xa không ai bằng, đầy đủ vô lượng công đức như vậy, nên khi hành đạo Bồ-tát, với công đức này, ta ngồi bên cội Bồ-đề, với tâm kim cang mà lập thề nguyền: "Quyết không rời khỏi chỗ này trừ phá được bốn ma, đắc Nhất thiết chủng trí, mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng." Vừa phát tâm niệm này, thiên ma Ba-tuần dẫn quyến thuộc đến, trang bị binh khí, vây quanh cây Bồ-đề, cách ba mươi hai do-tuần, phát lòng suy nghĩ ác: "Ta đem binh chúng, quyết phá hoại người này, làm cho không thành đạo." Khi ấy, ta duỗi tay vỗ xuống đất, các quyến thuộc của ma liền bị phá tan. Pháp mà ta hiểu biết, chứng đắc và hiểu rõ hiện đang chứng nghiệm, nên ta được thành đạo.

Bấy giờ, ta liền tập hợp vô lượng công đức, trí tuệ, dùng một niệm tương ưng với tuệ, thành được đạo Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, rồi chuyển xe pháp, tự mình thành tựu, rồi cũng lại thành tựu giáo hóa cho tất cả chúng sinh. Khi ấy, lại có ba Dạ-xoa, một tên là A-la-bà-già, hai tên là Tỳ-sa-na-già, ba tên là Tu-chỉ-lam, cùng với những Dạ-xoa, như vậy còn có vô lượng quỷ thần biến hóa, biết giữ giới, ở trong chín mươi lăm ngoại đạo, họ là bậc cao quý hơn hết, không ai bằng, đã đoạn trừ tất cả gốc rễ của ba độc, không có khổ về sinh, lão, bệnh, tử, thành tựu được đạo quả vô thượng, nhưng rồi cũng sẽ bị vô thường biến chuyển. Sau ba tháng, ta cũng sẽ nhập Niết-bàn.

Phật lại bảo đại chúng:

–Này các người! Hãy xem xét vô thường với tất cả mọi người, Như Lai đắc Nhất thiết chủng trí, thân tướng tốt đẹp, thành tựu đầy đủ mà cũng không thể thoát khỏi. Chư Phật đời quá khứ, vị lại, hiện tại cũng lại là vô thường, vì thế các người phải xem xét kỹ pháp vô thường. Nếu có thể được như vậy thì không có tâm yêu đương, quyến luyến, cũng không có ý tưởng ham muốn, sân giận, ngu si, đoạn trừ hẳn các khổ của sinh, già, bệnh, chết, xa lìa tất cả pháp ác, tăng thêm vô lượng hạnh trong sáng, thông đạt các pháp phát khởi từ mười hai nhân duyên. Do nhân duyên này, thường gặp chư Phật. Vì sao? Vì người nào thông đạt mười hai nhân duyên tức là thấy pháp. Nếu thấy pháp tức là thấy Phật. Muốn thấy Phật, nên trong sạch giữ

gìn giới oai nghi không để khuyết.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Các vua quá khứ
Sinh trưởng cung cấm
Hùng mạnh, đoan chánh
Trang sức đẹp đẽ.
Voi ngựa xe cộ
Của báu rất nhiều
Các vua như vậy
Rồi cũng vô thường.
Chư Tiên quá khứ
Mặc áo da nai
Như Đề-bà-diên
Chư Thiên, Tiên nhân.
Sách vở ngoại đạo
Đều thông suốt hết
Chư Tiên như vậy
Cũng lại vô thường.
La-hán quá khứ
Đã đoạn ba độc
Ba minh, sáu thông
Không đắm ba cõi.
Lìa các si, dục
Nhiều ruộng phước tốt
Thánh chúng như vậy
Cũng lại vô thường.
Không nghe một câu
Đoạn hết phiền não
Tự mình tinh tấn
Là ruộng phước lớn.
Như con tê giác
Độc chiếm núi rừng
Tiếng tăm Duyên giác
Cũng về vô thường.
Quyến thuộc của ma
Phá tan một lúc
Đoạn trừ phiền não
Được thành Phật đạo.

Đã thành đạo rồi
Sau chuyển xe pháp
Phật tuy như vậy
Cũng là vô thường.
Chư Phật quá khứ
Biết việc ba cõi
Chư Phật vị lai
Bền chí chúng sinh.
Chư Phật hiện tại
Hằng sa ức cõi
Chư Phật như vậy
Cũng là vô thường.
Sức mạnh vô thường
Không bỏ cõi Dục
Cõi Sắc, Vô sắc
Tiên nhân, quốc vương.
Sang hèn, cao thấp
Cũng đều không bỏ
Chư Phật, Duyên giác
Học và Vô học.
Không sợ vô thường
Không chọn tài sắc
Không kể mạnh yếu
Cùng bậc Đại trí.
Làm người bền vững
Vì thế nên biết
Vô thường rất khổ
Nên cầu chánh pháp.
Ta xưa làm vua
Bố thí cung điện
Lầu vườn ao tắm
Hoa quả sum suê.
Quốc thành, vợ con
Đầu, mắt đều cho
Đem công đức này
Mong cầu Phật đạo.
Ta thuở xa xưa
Bố thí tay chân

Do sự việc này
Tu tập nhẫn nhục.
Ưng đuổi bồ câu
Cắt thịt đổi mạng
Vì đạo Vô thượng
Nhẫn chịu bệnh khổ.
Thực hành khổ hạnh
Tập hạnh khó làm
Phá trừ ma vương
Nơi cây đạo tràng.
Đắc thành Phật đạo
Không còn bẩn nhơ
Ta chuyển xe pháp
Nơi vườn Lộc dã.
Ta hàng phục được
Dạ-xoa hung dữ
Ở trong bảy núi
Trụ ở Tuyết sơn.
Ta hàng phục được
Quyến thuộc của chúng
Mà không thể hàng
Sức mạnh vô thường.
Có thể hàng phục
Giống như đỉnh núi
Voi dữ như vậy
Độ làm đệ tử.
Và các quyến thuộc
Ta đều hàng phục
Mà không thể hàng
Sức mạnh vô thường.
Ta với luận sư
Cùng với ngoại đạo
Đem chánh pháp luận
Thảy không bằng ta.
Chúng sinh các đường
Độ làm để tử
Nhưng không hàng phục
Sức mạnh vô thường.

Ta thấy tham muốn buộc
Nên sân giận, ngu si
Pháp mê mờ như thế
Đều đã được trừ diệt.
Đèn trí tuệ lớn soi
Chiếu tam thiên thế giới
Mà không thể hàng phục
Sức mạnh của vô thường.
Hàng phục Thiên ma vương
Và quyến thuộc của ma
Phá tan mọi u ám
Đem chánh pháp chiếu sáng.
Hàng phục các luận sư
Và những người xem tướng
Nhưng không thể hàng phục
Sức mạnh của vô thường.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan ở trước Phật, thưa:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã khéo phân biệt, giảng rõ pháp này. Kinh này tên là gì? Phụng trì như thế nào?

Phật bảo:

–Kinh này tên là Trừ Chư Ưu Não, các ông nên thọ trì. Còn có tên khác là Hội Chư Phật Tiền, cũng có tên là Như Lai Sở Thuyết Thị Hiện Chúng Sinh, các ông nên thọ trì.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Vào đời sau, thiện nam, thiện nữ nào thọ trì kinh Như Lai Sở Thuyết Thị Hiện Chúng Sinh trong bảy đời thì tự mình biết rõ được đời trước, độc không thể làm hại, lửa không thể đốt cháy, nước không thể làm trôi, không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và tám nạn, xả thân này được sinh vào cõi nước của Phật Di-lặc, được ở trong hội thứ nhất của Phật Di-lặc.

Phật giảng nói kinh này xong, Tôn giả A-nan và các đại chúng Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân... nghe Phật nói đều vui vẻ lãnh nhận để tu hành.

❑

SỐ 531

KINH TRƯỞNG GIẢ ÂM DUYỆT

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Cư sĩ Chi Khiêm,
người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo và các Bồ-tát, thiện nam, tín nữ ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành La-duyệt-kỳ. Tất cả chúng hội vây quanh nghe Phật thuyết pháp. Phật bảo đại chúng:

–Ở trong thành kia, có Trưởng giả tên là Âm Duyệt, rất giàu có, của cải vô số, tuổi đã cao mà không có con, nên lấy làm buồn rầu. Tuy nhiên, vị trưởng giả này có phước đức đời trước nên được bốn phước báo:

1. Phu nhân sẽ sinh con trai, đẹp đẽ không ai bằng.

2. Năm trăm ngựa trắng cùng một lúc sinh ngựa con khỏe mạnh.

3. Được nhà vua trao ấn vàng, cho làm sứ giả.

4. Năm trăm thuyền báu cùng đến một lúc.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Vì sao được thuyền báu... cùng đến một lúc?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Lúc trước, Trưởng giả Âm Duyệt có thân tộc rất nhiều, đã sai năm trăm người đi thuyền vào biển. Nay được vật báu và an ổn trở về nhà. Thế nên Đức Như Lai nói bốn phước ấy, cùng một lúc tập hợp.

Trưởng giả vui mừng, tự nghĩ: "Trời đã ban phước đức và tập hợp lại cho ta, ta nên làm thức ăn ngon, hội hợp thân tộc cùng nhau chúc mừng." Liền theo ý nghĩ, trưởng giả làm nhiều thức ăn, vui chơi, ca hát, đờn trống, âm thanh vang đến cõi trời.

Khi ấy, trời Tứ Thiên vương, trời Thích Phạm vương, các vua Rồng, Quỷ, A-tu-la vương, tất cả thần vương cùng với quyến thuộc đứng trong hư không, nhìn xem phước đức vô lượng của Trưởng giả.

Với thần lực, Đức Như Lai biết Trưởng giả lòng rất vui mừng hớn

hở. Nhân đó Như Lai muốn đến khen ngợi. Nếu Trưởng giả hiểu rõ, có thể gieo trồng phước đức.

Đúng thời, Như Lai đến khen ngợi bằng tám loại âm thanh hay tốt liền đứng ngoài cửa, nói bài kệ:

Trưởng giả hôm nay
Phước lành tụ hợp
Tất cả đều đến
Lợi tốt dòng họ.
Xưa gieo phước đức
Được bốn phước lành
Lớn nhỏ sướng vui
Thế gian ai bằng!
Chư Thiên, rồng, thần
Đều cùng kính phục
Vui thay Trưởng giả
Chứa được phước lành.
Như xuân gieo lúa
Mùa thu gặt hái
Trước làm sau hưởng
Phước báo theo nhau.

Trưởng giả nghe được âm thanh hay của Phật, năm tình thong thả, vui vẻ bước ra, gặp Phật, liền cung kính thưa:

–Sa-môn Cù-đàm thật là thần diệu! Biết được gia tộc của con có vô lượng phước lành, Ngài còn chiếu cố đến nhà con khen ngợi.

Trưởng giả liền đem lụa trắng tốt trị giá ngàn vạn lượng vàng dâng cúng Như Lai. Phật liền thọ nhận và chú nguyện.

Phật bảo trưởng giả:

–Tài có năm điều nguy hại. Người đời không biết mới tham lam bỏn sẻn, không chịu giảm bớt, ban phát cho người nghèo cùng thiếu thốn, sau khi qua đời cũng bỏ hết của cải lại. Nay ông cũng vậy, đã được phước báo, sinh ra nơi nào cũng được phước đức.

Trưởng giả bạch Phật:

–Thế nào là năm việc nguy hại?

Phật liền dạy:

1. Không biết lửa lớn thiêu đốt lúc nào.

2. Nước lớn vô thường sẽ làm trôi chìm.

3. Bị quan trên vô cớ tìm cách chiếm đoạt.

4. Con hư sẽ tiêu xài không có hạn lượng.

5. Bị giặc cướp tìm cách đoạt lấy.

Năm việc này một khi xảy đến thì không thể ngăn chặn được. Ví như có người vi phạm pháp vua, bị bắt giam vào ngục phải chịu hình phạt chết, của cải nhập vào cửa quan làm sao ngăn cản được.

Lại nữa, như của cải châu báu nước Bân-chì nhiều vô số, bị quốc vương đoạt lấy, người chủ không thể giữ lại được, cũng chẳng phải thần, rồng có thể ngăn được. Vì sao? Vì đời trước bố thí không hối tiếc cho nên đời này không giàu không nghèo.

Nghe Phật nói, trưởng giả càng thêm vui mừng. Lúc đó, Như Lai liền trở về núi Kỳ-xà-quật.

Bấy giờ, trong nước có kẻ dị đạo Ni-kiền tên là Bất-lan Ca-diếp, nghe Như Lai đến nhà Trưởng giả nói bài kệ khen ngợi mà được Trưởng giả cúng dường ngàn vạn lượng vàng, nên sinh tâm ganh ghét, liền suy nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm chỉ nói bài kệ khen ngợi mà còn được vàng, huống gì là ta đến đó xin mà không được sao?" Lại suy nghĩ tiếp: "Ta nên đến nhờ Sa-môn Cù-đàm nói cho một bài kệ rồi sau đó mới đi xin chắc chắn sẽ được châu báu. Ta than thở sẽ được Cù-đàm cho bài kệ."

Bất-lan Ca-diếp ôm lòng ngu si, ganh ghét, đến cúi đầu thăm hỏi Như Lai, quỳ gối thưa Phật:

–Con đức mỏng không có phước, áo cơm không no đủ, nghe nói Cù-đàm đến nhà trưởng giả chỉ nói một bài kệ khen ngợi mà được rất nhiều châu báu, lẽ nào Ngài không thương xót mà ban cho con bài kệ để cho con đọc tụng, đến đó than thở, hy vọng sẽ được châu báu.

Với ba minh, Đức Như Lai biết được trưởng giả kia sau này của cải sẽ tan hoại. Bất-lan Ca-diếp không biết thời nếu đến nhà Trưởng giả gặp lúc nguy ách mà nói bài kệ phước lành ắt sẽ bị Trưởng giả đánh trượng rất đau.

Như Lai mới bảo:

–Ta không tiếc bài kệ. Vì sao? Vì ông không biết thời để nói bài kệ này, ắt sẽ bị đau khổ. Thế nên, Như Lai không thể giúp theo ý muốn của ông. Nếu như gặp lúc nói đúng thời, ta sẽ cho ông câu kệ hay tuyệt, làm cho Trưởng giả nghe lời nói chân thật, ông có thể thoát khỏi bị đánh đập đau đớn.

Bất-lan Ca-diếp tự nghĩ: "Vì không muốn ta đến nhà trưởng giả xin

châu báu nên Sa-môn Cù-đàm tiếc bài kệ, không chịu cho ta.”

Nghĩ vậy liền thưa xin lần nữa:

–Ngài cứ cho con, đâu cần biết những việc khác.

Như Lai thương xót, can gián ba lần nhưng người kia vẫn không chịu hiểu, Phật cũng biết rõ nhân duyên đời trước của Bất-lan Ca-diếp nên đời nay phải chịu đau khổ này.

Như Lai lại bảo:

–Tội không thể để nợ được.

Phật liền nói bài kệ phước lành Ni-kiền đọc tụng một năm mới thuộc.

Về sau, nhà Trưởng giả bị lửa đốt cháy, vật báu đều cháy hết, năm trăm ngựa mạnh khỏe, cùng một lúc bị lửa thiêu chết, sinh đứa con xinh đẹp trong một ngày liền chết, nhà vua sai sứ đòi lại ấn vàng. Sau đó, nhà Trưởng giả đi thuyền vào biển, tìm châu báu an ổn trở về, vào bờ được vài ngày, năm trăm thuyền báu chỉ trong một ngày bị trôi chìm hết. Thân tộc lớn nhỏ đều buồn rầu ví như có người sắp bị xử trảm đang trong thời gian chờ chết, cảnh thật buồn rầu, lo sợ khó nói hết được.

Ngày hôm đó, Bất-lan Ca-diếp đi đến cửa nhà Trưởng giả, đọc bài kệ Cát tường của Như Lai cho:

Hôm nay trưởng giả
Phước lành tập hợp
Tất cả đều đến
Lợi tốt dòng họ.
Xưa gieo phước đức
Được bốn phước lành
Lớn nhỏ sướng vui
Thế gian ai bằng!
Chư Thiên, Thần, Rồng
Đều cùng khen ngợi
Vui thay trưởng giả.
Chứa được phước lành.
Như xuân gieo lúa
Mùa thu gặt hái
Trước làm sau hưởng
Phước báo theo nhau.

Lúc Bất-lan Ca-diếp đọc bài kệ này xong, trưởng giả liền mở cửa, nổi giận nói:

–Tai họa trong thiên hạ không ai hơn ta. Vì sao người này lõa hình, không biết hổ thẹn mà còn cho đó là tốt đẹp, nói điềm phước lành cho ta, làm cho ta càng thêm lo buồn?

Nói xong, liền ra đánh đập Bất-lan Ca-diếp, từ đầu đến chân, không chỗ nào là không bị đánh, toàn thân cử động rất đau đớn. Bất-lan Ca-diếp phải bò lết về nhà.

Các Lục sư thấy vậy, hỏi thăm.

Bất-lan Ca-diếp đáp:

–Tai biến này chính là do Cù-đàm.

Bất-lan Ca-diếp không biết tự xét mình trở lại oán trách Thế Tôn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở trong vườn Trúc, thuộc thành La-duyệt-kỳ, cùng đại chúng đang vây quanh nghe Phật thuyết pháp.

Phật bảo đại chúng:

–Bất-lan Ca-diếp trước đây theo Như Lai cầu xin một bài kệ, muốn đến nhà trưởng giả ca tụng để xin châu báu. Như Lai đã can gián, nhưng ông ta không tin, nay đã ở đó gặp tai họa đau đớn.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bất-lan Ca-diếp với Trưởng giả có nhân duyên gì mà bị tai họa ấy?

Phật bảo A-nan:

–Chính thuở xưa, cách nay hàng a-tăng-kỳ kiếp không thể tính đếm được, khi ấy có quốc vương cũng tên là Âm Duyệt, lại có một con chim tên là Anh vũ, đậu trên cung vua hót tiếng rất hay. Vào lúc nhà vua nằm nghỉ trưa, nghe tiếng chim hót giật mình thức dậy hỏi các quan xung quanh: "Con chim gì hót tiếng rất hay?"

Các quan thưa: "Có một con chim kỳ lạ, lông có năm màu sáng rực, đậu trên cung vua hót rồi bay đi."

Nhà vua liền sai mọi người cưỡi ngựa đuổi theo, liên tục tìm kiếm rất lâu mới bắt được nó đem về. Được chim, vua rất vui mừng, yêu thích không chán. Vua liền lấy châu ngọc, thủy tinh, lưu ly, chân châu, san hô để trang sức trên khắp thân, đầu, cổ, lông, cánh của nó và luôn ở bên nó ngày đêm nhìn ngắm, không rời nó giây phút nào.

Sau đó lại có một con chim tên là Cú sói đầu, bay đến đậu trên cung vua, thấy Anh vũ được vua thương mến, liền hỏi Anh vũ: "Do nhân nào đến đây?"

Anh vũ đáp: "Tôi bay đến đậu trên cung vua hót tiếng rất hay, nhà vua thương mến tôi, bắt lấy tôi, thường ở bên cạnh, lấy châu báu năm màu

và chuỗi ngọc trang sức trên thân tôi.”

Chim Cú sói đầu nghe rồi ganh tỵ, liền nghĩ: “Ta cũng sẽ hót tiếng hay hơn Anh vũ. Quốc vương cũng sẽ yêu mến ta.”

Đến lúc vua nằm nghỉ, chim Cú sói đầu cất tiếng kêu, vua giật mình kinh ngạc, lông tóc dựng đứng, vô cùng lo sợ, hỏi các quan: “Đây là tiếng gì vậy, làm cho ta kinh động lo sợ?”

Các quan tâu: “Đó là tiếng hót ghê rợn của con chim tên là Cú sói đầu.”

Vua nổi giận nói: “Các người hãy phân công đi tìm kiếm, đuổi bắt nó về đây.”

Mọi người bắt được chim đem về cho vua. Vua ra lệnh các quan: “Nhổ hết lông cánh của chim Cú sói đầu, sẽ khiến cho toàn thân của nó cử động rất đau đớn.”

Chim Cú sói đầu đi xiểng liểng ra đến đồng ruộng. Các chim bạn thăm hỏi: “Vì sao đến nỗi như vậy?”

Chim Cú sói đầu sân giận, không tự trách mình, lại đáp: “Chính tại Anh vũ nên tôi mắc tai vạ này.”

Phật nói:

–Tiếng tốt được phước, tiếng xấu mắc tai họa, tội báo do mình, trở lại giận Anh vũ.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Quốc vương khi xưa nay chính là Trưởng giả Âm Duyệt. Chim Anh vũ chính là ta. Chim Cú sói đầu nay chính là Bất-lan Ca-diếp. Khi xưa, chim Cú sói đầu ganh ghét Anh vũ liền bị tai họa, nay ganh ghét Như Lai mắc tai họa đau đớn khó nói, tham lam ganh ghét sẽ thiêu đốt thân mình, khác gì nạn khổ. Vì sao? Vì Bất-lan Ca-diếp trước sau đã chê bai Như Lai sáu lần, đó là:

1. Ở trong nước đang có tai nạn mà sinh tâm tham ganh ghét, chê bai Như Lai.

2. Ở trong vườn Trúc, thuộc thành La-duyệt-kỳ, chê bai Như Lai.

3. Ở trong thành La-duyệt-kỳ đến nhà Trưởng giả Âm Duyệt, vì tham vàng bạc mà chê bai Như Lai.

4. Ở trong nước Ma-kiệt-đề, vì tham vật cúng dường mà chê bai Như Lai.

5. Ở trong nước Duy-da-ly, vì tham danh lợi dưỡng mà chê bai Như Lai.

6. Ở trong nước Xá-vệ, vì tham lợi dưỡng và tiếng khen mà chê bai Như Lai.

Khi ấy, quốc vương đuổi ra khỏi nước, Bất-lan Ca-diếp và ngoại đạo, lục sư, đồ chúng đều một lòng nói: "Cù-đàm thật là oai thần, ai nấy đều kính trọng. Chúng ta pháp thuật còn non kém, tiếng tăm không còn, ai thấy cũng sợ hãi, làm sao mà sống được. Cũng như lấy cát bỏ vào trong bình nước, liền bị chìm xuống." Sau đó qua đời, bị đọa vào địa ngục, bị tra khảo, trị tất cả tội, đau khổ vô cùng.

Phật lại bảo đại chúng:

–Vào đời vị lai phần nhiều là người xấu ác, tham lam, ganh tỵ, cao ngạo, chê bai, nhiều ít đều cùng nhau mong cầu, vì thế mà tự thiêu đốt lấy mình. Thật khổ thay!

Này A-nan! Vì thế các ông nên giảng nói rộng kinh này để cứu giúp chúng sinh đời vị lai.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Trưởng giả Âm Duyệt đời trước gieo trồng phước đức gì mà nay được bốn phước báo này và đã tạo tội gì mà lại mất đi?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Đời trước, Trưởng giả Âm Duyệt, lúc còn nhỏ tôn kính Phật, Pháp và Thánh chúng, hết lòng cúng dường và nguyện được giàu sang. Sau đó cưới vợ, đam mê sắc đẹp, xem thường Tam bảo, không có lòng lành cứu giúp người già yếu và trẻ nhỏ. Vì thế quả báo ứng hợp, phước hết, sự nghiệp liền tiêu tan. Các ông nên giảng nói, chỉ bày làm cho họ hiểu biết pháp này.

Phật giảng nói kinh này rồi, bốn bộ đệ tử, trời, rồng, quỷ, thần, quốc vương, dân chúng và tất cả đại chúng trong hội được nghe kinh đều vui mừng cùng đảnh lễ Phật.

❑

SỐ 532

KINH TƯ-HA-MUỘI

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Cư sĩ Chi Khiêm,
người nước Nguyệt Chi

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cùng với đại chúng Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị trú tại vườn Trúc, thuộc nước Vương xá.

Bấy giờ, có con của Trưởng giả Thệ Tâm tên là Tư-ha-muội, cùng năm trăm đệ tử ra khỏi thành Vương xá, để đến vườn Trúc. Chưa đến nơi, nhưng từ xa đã trông thấy Phật đi kinh hành, hào quang chiếu sáng khắp nơi mà người đời không thể có được. Năm trăm đệ tử cùng nhau bàn luận: "Phật trang nghiêm không ai bằng, oai thần đến như vậy. Vì nhân duyên gì lại có ở đời? Do làm những hạnh gì, tích chứa công đức gì mà được thân như vậy? Chúng ta nên đến thưa hỏi." Năm trăm đệ tử đều cung kính, run sợ, lông tóc dựng đứng, đến trước Phật làm lễ rồi lui qua một bên.

Tư-ha-muội đứng ra bạch Phật:

–Thân Phật trang nghiêm như vậy, chẳng phải ở đời có được! Nhờ đâu được như vậy? Do đã làm hạnh gì, tích chứa công đức gì?

Phật hỏi Tư-ha-muội:

–Do thấy được điều gì mà nói thân Phật trang nghiêm như vậy, chẳng phải ở đời có được?

Tư-ha-muội liền ở trước Phật, nói kệ, thưa:

Dùng tưởng để nhìn, không thể thấy
Đấng Trung Tôn trong lúc kinh thành
Cất mỗi bước chân, hoa sen hiện
Hình tướng trang nghiêm, không thể lường.
Không tuệ, ngã, năng hiện chánh pháp
Khắp cả mặt đất đều chấn động
Đất cao thấp, tự nhiên bằng phẳng
Chỗ gập ghềnh, làm cho dễ đi.
Khi cất bước kinh hành nơi ấy

Chân kinh hành đặt lên mặt đất
Thân đứng lại mà đất chuyển phải
Đất xoay chuyển mà không thể biết.
Khi bước chân đạp xuống đất này
Đi kinh hành nhưng lại không thấy
Dấu vết của chân như bức vẽ
Tất cả tướng đều hiện rõ ràng.
Tướng bánh xe đó vô sắc
Nhưng đều hiện rõ trên mặt đất
Những điều thấy đó, đời chẳng có
Vì thế, nên biết phải tôn quý.
Không thể thấy được ở trên đảnh
Ở bên trái hay ở bên phải
Ở phía trước hay ở phía sau
Tất cả chỗ, đều không thể thấy.
Do nhân nào mà ý biết rõ?
Do duyên nào mà trí tỏ tường?
Vì thế, nên tâm lấy làm lạ
Nguyện xin Ngài giảng giải rõ cho.
Thân trí tuệ do đâu lại được?
Gốc rễ này làm sao đến nơi?
Hành bố thí là những pháp nào?
Phải làm gì để thành sự thật?
Xin Ngài vì con đoạn trừ nghi
Giải rõ cho chúng con được hiểu
Làm sao để được trí tuệ Phật
Để chúng con bắt đầu phát tâm.
Theo thứ lớp xin Ngài giải rõ
Các hạnh nguyện Bồ-tát đang hành
Để tự mình thành tựu mọi việc
Được thần túc, đến khắp mười phương.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Tư-ha-muội! Những điều ông hỏi thật là dày sâu, thật là bổ ích, nhiều mối suy nghĩ, nhiều điều sâu kín, chỉ có lòng thương xót cõi trời, người khắp mười phương, muốn độ thoát cho họ, mới phát khởi tâm Bồ-tát Đại sĩ, làm cho sáng suốt tiến tới.

Phật bảo Tư-ha-muội:

–Ta sẽ giảng rõ cho ông. Ông hãy lắng nghe và lãnh thọ.

Tư-ha-muội liền thưa:

–Con xin lãnh thọ sự chỉ dạy.

Phật nói:

–Nếu thiện nam, thiện nữ nào thực hành sáu việc sau đây, nếu chưa phát tâm Bồ-đề thì liền phát tâm. Những gì là sáu?

1. Nương theo Phật mà trụ.

2. Vào chánh đạo không quay trở lại.

3. Tự hiểu rõ bên trong tâm mình.

4. Được gặp bạn lành để tự nương theo.

5. Thường có nguyện lớn.

6. Không khiếp nhược, không nhàm chán trí tuệ.

Đó là sáu việc.

Khi ấy, Phật nói kệ:

Nếu có người nương theo pháp Phật
Vào đường chánh rồi, không trở ra
Luôn biết nương tựa nơi bạn hiền
Liền theo đó có được nguyện lớn.
Trong tâm ý phải hiểu biết rõ
Được vậy là người không khiếp nhược
Chuẩn bị đầy đủ các trí tuệ
Người như vậy, mới lãnh thọ pháp.

Tư-ha-muội bạch Phật:

–Nếu phải phát tâm thì có bao nhiêu tâm vui?

Phật nói:

–Nếu phải phát tâm Bồ-tát thì sẽ có sáu tâm vui. Những gì là sáu?

1. Do được tâm vui, nên không xa lìa Phật.

2. Quyết nhận lời để vào chánh đạo.

3. Làm vị Y vương chữa trị sinh, già, bệnh, chết cho người.

4. Ta làm vị dẫn đường đưa người trong năm đường thoát khỏi sinh tử.

5. Ta làm vị thuyền trưởng quyết cứu thoát người đang trôi nổi trong biển lớn.

6. Ta ở chỗ tối tăm làm vị Minh chủ phá tan mọi ngu si.

Đó là sáu tâm vui.

Bấy giờ, Phật nói kệ:

Do tâm vui nên không lìa Phật
Quyết giữ lời để vào chánh đạo
Làm Y vương chữa trị tất cả
Hạnh như vậy mới được vừa ý.
Ở thế gian, ta sẽ dẫn đường
Cho người ra khỏi mọi ách nạn
Hết thảy sinh tử và lão bệnh
Mọi người bị nó làm tham đắm.
Điều ta thấy luôn làm người khổ
Xoay chuyển, đọa đày trong năm nẻo
Ta sẽ làm vị thuyền trưởng lớn
Quyết cứu vớt người trôi trong biển.
Trong tăm tối ta làm minh chủ
Với người mù sẽ cho mắt sáng
Với người dua nịnh và ngu si
Tất cả đều được cho trí tuệ.

Tư-ha-muội bạch Phật:

–Do được tâm vui nên có bao nhiêu công đức được dừng nghỉ?

Phật nói:

–Do phát tâm Bồ-tát sẽ có sáu việc thân ý được an nghỉ. Những gì là sáu?

1. Do được thoát khổ nhọc trong địa ngục, cầm thú, ngạ quỷ, nên thân ý được an nghỉ.

2. Được thoát khỏi tám điều tai nạn.

3. Do được thoát khỏi các luận bàn, nên không còn rơi vào chín mươi sáu tà kiến.

4. Được chư Phật và La-hán độ thoát.

5. Do được an trụ trong pháp khí đệ nhất nên không còn lay chuyển.

6. Do an trụ trong lời Phật dạy, nên không bỏ mất Phật đạo.

Đó là sáu công đức được an nghỉ.

Bấy giờ, Phật nói kệ:

Do được ra khỏi các đường ác
Mà thân xa lìa tám nạn khổ
Các ngoại đạo không màn tên gọi
Hạng như vậy đều phải xa lìa.

Được chư Phật và các La-hán
Và tất cả những bậc danh tiếng
Đều hóa độ để khởi tôn ý
Tất cả các pháp cao quý nhất.
Ta nay được làm các pháp khí
Tất cả chư Phật cùng với pháp
Cũng không dứt bỏ lời Phật dạy
Do đó nên mới được vừa ý.
Thể của hư không có thể tận
Bóng, tiếng vang cũng có thể thấy
Cũng không bằng người dùng mãnh này
Hành vô biên là không thể tận.

Tư-ha-muội bạch Phật:

–Người phát tâm Bồ-tát còn phải thực hành các pháp nào?

Phật nói:

Người phát tâm Bồ-tát nên thực hành sáu việc. Đó là:

1. Nên thực hành bố thí.
2. Nên tự mình giữ gìn giới cấm.
3. Nên nhẫn nhục.
4. Nên tinh tấn.
5. Nên nhất tâm.
6. Nên thực hành trí tuệ.

Đó là sáu việc nên thực hành.

Khi ấy, Phật nói kệ:

Người thực hành nhiều bố thí
Hoặc thực hành việc giữ giới
Hành nhẫn nhục và tinh tấn
Tu thiền định và trí tuệ.
Trước Phật liền được thọ ký
Được hùng mạnh giữa loài người
Công đức này cao quý nhất
Các Bồ-tát nên thực hành.
Người như vậy với tất cả
Hạnh đặc biệt không ai bằng
Ở nơi nào cũng tôn quý
Được vô số người cúng dường.

Tư-ha-muội bạch Phật:

–Bồ-tát muốn chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh nên làm những pháp gì?

Phật nói:

–Bồ-tát có sáu việc thực hành để mau chứng được pháp Nhẫn vô sinh. Thế nào là sáu?

1. Không xét đến có thân.

2. Không xét đến có người.

3. Không xét đến có thọ mạng.

4. Không xét đến có hình tướng.

5. Không xét đến sự có, không.

6. Không xét đến sự thường có.

Đó là sáu việc, Bồ-tát thực hành sẽ mau chứng được pháp Nhẫn vô sinh.

Bấy giờ, Phật nói kệ:

Ngô, ngã, nhân, cùng với thọ.
Cũng không xét có hình tướng
Tâm không nghĩ, có hay không
Bậc trí tuệ nên xa lìa.
Miệng giảng nói pháp nhân duyên
Pháp nhân duyên vô sở hữu
Tất cả pháp không chỗ khởi
Do đó nên đắc pháp nhẫn.

Tư-ha-muội bạch Phật:

–Bồ-tát Đại sĩ đã chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh thì cần thực hành bao nhiêu việc nữa để đạt được Nhất thiết trí?

Phật nói:

–Bồ-tát Đại sĩ đã đạt được pháp Nhẫn vô sinh thì có sáu việc nên làm để chứng được Nhất thiết trí. Đó là:

1. Được sức của thân.

2. Được sức của miệng.

3. Được sức của ý.

4. Được sức của thần túc.

5. Được sức của đạo.

6. Được sức của tuệ.

Tư-ha-muội bạch Phật:

–Thế nào là sức của thân?

Phật nói:

–Thân lực là thân bền chắc như kim cương, không có tỳ vết, lửa không thể thiêu đốt, dao không thể chặt được, tất cả mọi người không thể làm lay động. Đó là sức của thân.

–Thế nào là sức của miệng?

Phật nói:

–Khẩu lực là miệng có được sáu loại âm thanh, như từ miệng của Như Lai giảng nói, vang khắp tam thiên đại thiên thế giới. Đó là sức của miệng.

–Thế nào là sức của ý?

Phật nói:

–Ý lực là dù cho trăm ngàn ức ma có đến, cũng không thể lay động được một sợi lông của Phật. Đó là sức của ý.

–Thế nào là thần túc lực?

Phật nói:

–Thần túc lực là dùng một ngón chân có thể làm chấn động tam thiên đại thiên thế giới, mà dân chúng trong đó không chút kinh sợ. Đó là sức của thần túc.

–Thế nào là đạo lực?

Phật nói:

–Đạo lực là mười phương chư Phật thuyết pháp cho tất cả mọi người, không thiếu sót chỗ nào, tất cả đều được nghe. Đó là sức của đạo.

–Thế nào là tuệ lực?

Phật nói:

–Tuệ lực là có thể hiểu biết việc làm và ý nghĩ của tất cả mọi người, hiểu biết cả những lúc gặp gỡ. Trong khoảng khảy móng tay, bằng trí tuệ có thể biết, có thể thấy, có thể hiểu, tất cả đều thấy biết rõ. Đó là sức của trí tuệ.

Bồ-tát Đại sĩ đã được pháp Nhẫn vô sinh và có sáu pháp này thì thành tựu Nhất thiết trí.

Bấy giờ, Phật nói kệ:

Thân dũng mãnh không thể lường
Không có ai phá hoại được
Dù dùng lửa, hoặc dùng dao

Cùng không thể hại thân này.
Tất cả người và đao binh
Hoặc dùng gậy và mắng chửi
Muốn hại thân, không thể được
Cũng không làm động sợi lông.
Âm thanh lớn vang Phạm thiên
Ở trong đó không sợ hãi
Thuyết kinh pháp khắp thế giới
Không có thể ngăn cản được.
Ý cao quý khó sánh bằng
Tánh Bồ-tát thật tự nhiên
Một ức ma muốn quấy loạn
Cũng không thể làm động tâm.
Thần túc lực đều đầy đủ
Làm chấn động cả trời đất
Người thành tựu thần túc lực
Liền biết là bậc tôn quý.
Nếu đã được đạo giác ngộ
Liền biết là bậc tối tôn
Phật và pháp đều đầy đủ
Liền theo đó chuyển xe pháp.

Tư-ha-muội bạch Phật:

–Đã thành tựu Nhất thiết trí, Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Chánh Giác an trụ bao nhiêu pháp?

Phật nói:

–Thành tựu Nhất thiết trí, Thích-ca Như Lai an trụ sáu pháp. Đó là:

1. Mười Lực của Phật.

2. Bốn Vô sở úy.

3. Mười tám pháp Bất cộng.

4. Có lòng xót thương lớn.

5. Không ai có thể thấy được đảnh Phật.

6. Có ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân.

Đó là sáu pháp trụ.

Khi ấy, Phật nói kệ:

Phật là bậc đủ mười Lực
Bốn vô úy, đều vượt qua

Vượt lên trên tất cả pháp
Làm đại tướng trong loài người.
Được thành tựu lòng thương xót
Không ai thấy được đảnh Phật
Cho đến trời và loài rồng
Tất cả người không thể thấy.
Bậc như vậy, tướng dũng mãnh
Có đầy đủ ba hai tướng
Tất cả đều được thành tựu
Liền chứng đắc bậc Vô thượng.

Tư-ha-muội bạch Phật:

–Đã chứng đắc Nhất thiết trí, Như Lai Vô Sở Trước Chánh Đẳng Giác thực hành bao nhiêu pháp diệt độ?

Phật nói:

–Đã chứng đắc Nhất thiết trí, Thích-ca Như Lai thực hành sáu pháp diệt độ.

Lúc đó, Thích-ca Như Lai để lại năm phần diệt độ.

Thế nào là năm?

1. Giới thân.

2. Định thân.

3. Trí tuệ thân.

4. Giải thoát thân.

5. Giải thoát tri kiến thân.

Đó là năm phần diệt độ để lại. Vì thương xót mọi người nên phải diệt độ…

Bấy giờ, Thích-ca Như Lai dùng vô số việc ca tụng, khen ngợi công đức của Tỳ-kheo Tăng dạy người bố thí. Vì thương xót mọi người nên phải diệt độ.

Lúc này, Thích-ca Như Lai tự làm tan hoại thân xương nát như hạt cải. Vì thương xót mọi người nên phải diệt độ.

Khi ấy, Thích-ca Như Lai nói với các Bồ-tát:

–Ta vì mong cầu đạo Chánh giác Vô thượng, vì thương xót mọi người nên diệt độ.

Khi đó, Thích-ca Như Lai thuyết mười hai bộ kinh cho chúng sinh trong mười phương, làm cho họ đều hiểu rõ. Mười hai bộ kinh đó là:

1. Văn kinh.

2. Thuyết kinh.

3. Thính kinh.

4. Phân biệt kinh.

5. Hiện kinh.

6. Thí dụ kinh.

7. Sở thuyết kinh.

8. Sinh kinh.

9. Phương đẳng kinh.

10. Vô tỷ pháp kinh.

11. Chương cú kinh.

12. Hàng kinh.

Đó là mười hai bộ kinh.

Vì thương xót mọi người nên Phật diệt độ.

Lúc ấy, Như Lai giảng nói bốn tự quy. Đó là:

1. Chỉ lấy cốt yếu, không lấy thức.

2. Chỉ lấy pháp, không lấy thức.

3. Chỉ lấy tuệ, không lấy hình.

4. Chỉ lấy chánh, không lấy lời nói.

Đó là bốn tự quy. Đã đạt được Nhất thiết trí, Thích-ca Như Lai thực hành sáu pháp diệt độ như vậy.

Bấy giờ, Phật nói kệ:

Khi Đức Phật sắp diệt độ
Vì muốn tất cả được an ổn
Để năm phần cho mười phương
Thương xót người và phi nhân.
Để xá-lợi cho thế gian
Vì tất cả làm tan thân
Như hạt cải rất nhỏ mịn
Người nào được đều tôn kính.
Và do đó nên cúng dường
Người, phi nhân rất vui mừng
Ở trong cõi trời và người
Sinh nơi nào cũng không khổ.
Khi diện kiến cúng dường ta

Hoặc xá-lợi sau diệt độ
Với tâm ý rất thanh tịnh
Phật dặn dò Tỳ-kheo Tăng.
Hai việc này không sai khác
Được quý trọng không ai bằng
Bố thí lớn trong thế gian
Hưởng phước đức trời và người.
Lưu lại mười hai bộ kinh
Phật để chúng khắp mười phương
Các Bồ-tát nên tu tập
Làm vô số phát tâm tốt.
Mười đạo địa, ba tạng kinh
Ánh sáng lớn độ không cùng
Thương tất cả người, chẳng người
Mà hiện ra ở đời sau.
Liền thuyết giảng bốn tự quy
Những ai không thọ trì pháp
Thương sự đời nói kinh này
Phật lúc này đã diệt độ.

Khi ấy, Đồng tử Tư-ha-muội, liền đứng trước Phật, nói kệ thưa:

Con cũng sẽ vâng lời Phật
Thật vui thay! Tuệ vô thượng!
Người nào được nghe pháp này
Mà không phát tâm Bồ-tát.
Năm trăm đệ tử hôm nay
Đang trụ tại thế gian này
Con sẽ làm cho phát tâm
Khuyến khích hành hạnh Bồ-tát.
Ví như các hạt giống cây
Do thấm ướt được sinh mầm
Có thấm ướt nên phát triển
Mọc ra thân và đốt cây.
Sau đó mọc cành và lá
Từ cành lá mà có hoa
Do có hoa nên có quả
Rồi sau đó sinh trở lại.
Tâm Bồ-tát cũng như vậy
Theo sáu pháp, liền phát sinh

Do tâm này có thể làm
Mà thực hành thì pháp sinh.
Nghĩa chân thật của kinh này
Tất cả Phật đều giảng nói
Kế đó được cành và lá
Để sau đó sinh trở lại.
Như vậy cây được sinh trưởng
Cây Bồ-tát là trên hết
Nếu muốn được tựa cây này
Làm an ổn cho tất cả.
Pháp như vậy là cây lớn
Vì thế nên xưng là Phật
Hay thương xót tất cả người
Chỗ thực hành hạnh Bồ-tát.

Tư-ha-muội lại bạch Phật:

–Sau khi Như Lai diệt độ, có bao nhiêu công đức mà chẳng phải như Phật, A-la-hán có thể đem lại?

Phật nói:

–Sau khi Thích-ca Như Lai diệt độ, có sáu công đức mà chẳng phải chư Phật, A-la-hán có thể đem lại. Sáu công đức đó là:

1. Sau khi Như Lai diệt độ, xá-lợi được cúng dường Trời, Rồng, Quỷ, Thần, thần Chất lượng, thần Chấp nhạc, thần Kim điểu, thần giống hình người, thần hành động bằng tấm lòng người, phi nhân đều đến cúng dường xá-lợi, việc hành lễ đến không cùng.

2. Sau khi Như Lai diệt độ, mọi người trong ba cõi đều được ra khỏi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới

3. Sau khi Như Lai diệt độ, bốn chúng đệ tử thực hành phước cúng dường Tỳ-kheo Tăng.

4. Sau khi Như Lai diệt độ, mười hai bộ kinh đều được ban bố khắp cõi Diêm-phù-đề.

5. Sau khi Như Lai diệt độ, ở chỗ hẻo lánh xa xôi và các nước lớn sẽ không hiểu kinh pháp, nghĩa lý. Các pháp ngoại đạo ở trong đó sẽ hưng thịnh.

6. Sau khi Như Lai diệt độ, người nào nghe được điều Phật đã làm, thần túc của Phật, sự biến hóa của Phật, trí tuệ Phật, sinh tâm mến mộ, phát tâm cung kính thanh tịnh, từ nhân duyên đó, sẽ được sinh vào cõi trời, người, thọ hưởng phước lành.

Đó là sáu công đức mà chẳng phải chư Phật, A-la-hán có thể đem lại được.

Khi ấy, Phật nói kệ:

Người nào cúng dường xá-lợi
Được sinh vào cõi trời, người
Nếu cúng dường Tỳ-kheo Tăng
Được bốn chúng theo ủng hộ.
Người trụ pháp thực hành pháp
Được vượt qua khỏi ba cõi
Người nào nghe pháp yếu này
Nương theo đó mà thực hành.
Ở biên địa và các nước
Người nghe pháp Vô thượng này
Người nào nghe công đức Phật
Liền phát sinh tâm Bồ-tát

Tư-ha-muội bạch Phật:

–Thế nào là đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chân thật?

Phật nói:

–Có sáu pháp chân thật. Sáu pháp đó là:

1. Mắt lìa sắc là chân thật.
2. Tai lìa sắc là chân thật.
3. Mũi lìa sắc là chân thật.
4. Lưỡi lìa sắc là chân thật.
5. Thân lìa sắc là chân thật.
6. Ý lìa sắc là chân thật.

Bấy giờ, Phật nói kệ:

Chẳng phải tai, mắt và tiếng
Trong đó hiểu là vô sắc
Không hiện tưởng là chân thật
Người muốn học nên như vậy.
Tai và lưỡi không liên quan
Thân và miệng lại cùng ý
Chớ khiến tâm nghĩ việc đó
Không chỗ nghĩ là chân thật.
Không chỗ tưởng là chân thật
Nên xa lìa, tham đắm sắc

Các cái có không liên quan
Đó gọi là chánh chân thật.

Khi ấy, Tư-ha-muội liền ở trước Phật, nói kệ thưa:

Thật lành thay! Pháp không nghĩ
Người nào nghe, không ưa muốn
Điều lo sợ đều đã thoát
Không vướng mắc vào yêu thương.

Phật liền nói kệ cho Đồng tử Tư-ha-muội:

Nếu không lễ lạy chư Phật
Cũng không tôn kính chánh pháp
Không gần kề với chúng Tăng
Không thích nghe lời dạy bảo.
Nếu có người lòng không tin
Đối với giới, cũng yếu kém
Do khiếp nhược, không tinh tấn
Nên không thể hiểu pháp này.
Rất nóng giận và hung dữ
Ý mê loạn không cảm hóa
Tánh coi thường không trí tuệ
Đám người này không nên ưa.
Những con ma và lính ma
Hạng tà kiến, kẻ ngoại đạo
Mãi ở trong lưới nghi ngờ
Nghe lời này không tin nhận.

Tư-ha-muội bạch Phật:

–Hạng người này chẳng phải là bậc pháp khí. Con sẽ làm bậc pháp khí. Xin Phật truyền thọ cho con.

Tư-ha-muội liền ở trước Phật nói kệ, thưa:

Ví như người hoại pháp khí
Với chánh pháp không thể giữ
Nên đối với người ngu này
Con nguyện làm bậc pháp khí.
Xin Phật truyền thọ cho con
Ý này phát từ trong lòng
Sẽ gần gũi các bạn lành
Cùng đồng ý cầu Bồ-tát.
Người nghèo cùng, làm cho giàu

Người không tin, làm cho tin
Người xấu ác, khuyên giữ giới
Ủng hộ cho khắp mọi người.
Thường thuyết giảng nhẫn, tinh tấn
Chỉ bày cho họ sám hối
Ánh sáng chiếu độ tất cả
Loài côn trùng, đều độ thoát.
Dùng pháp không chỉ dạy người
Khiến tất cả thoát sinh tử
Quyết phát tâm nhận Bồ-tát
Ở trong pháp mà thực hành.
Phần xá-lợi, đều chia khắp
Cho chúng sinh được an ổn
Kinh giới lưu khắp mười phương
Cho tất cả thường tu tập.

Phật bảo Đồng tử Tư-ha-muội:

–Chư Phật ở quá khứ đều là truyền thọ rồi, nếu quyết muốn nay ta cũng sẽ truyền cho hiện tại, vô số chư Phật ở các cõi nước đang chuyển pháp luân, chư Phật này đều cũng thọ nhận rồi.

Nghe Phật truyền thọ, Đồng tử Tư-ha-muội lòng rất vui mừng, từ chỗ đứng giữa hư không, cách mặt đất một trăm bốn mươi trượng, hạ xuống, đầu mặt đảnh lễ sát chân Phật.

Khi ấy, năm trăm đệ tử thấy sự biến hóa như vậy, liền ở trước Phật nói kệ, thưa:

Xin thương xót dạy chúng con
Cúi xin Phật truyền thọ cho
Đời sau năm trước xấu ác
Chúng con sẽ gìn giữ pháp.
Nếu có người tranh, mắng chửi
Người hung ác, dùng gậy đánh
Khi đời có hạng người này
Con dạy họ tự biết lỗi.
Chúng con vào lúc ở đời
Các khổ não đều sẽ nhịn
Vì tất cả người, chẳng người
Trao cho chúng con pháp yếu.
Chúng con đều hiểu rõ thân

Với mạng sống không tham tiếc
Chỉ thích ở nơi vắng vẻ
Với cúng dường không luyến tiếc.

Bấy giờ, Phật nói kệ cho trăm năm đệ tử:

Năm trăm đệ tử ở đây
Hôm nay đều đến hội này
Vào thời kỳ đời vị lai
Đều được phát tâm Bồ-tát.
Còn sẽ chịu ít khổ não
Với tuổi thọ sẽ ngắn đi
Vào lúc ấy, ở nơi nào
Được cúng dường vô lượng số.
Ta lúc đầu phát Bồ-tát
Cũng đời đời nhẫn chịu khổ
Người nào học được như ta
Sẽ được làm vua cõi người.
Pháp vốn không, ngã cũng không
Thương tất cả thuyết pháp này
Vào lúc ta ở thời đó
Vì tất cả hiện hình tượng.
Các Bồ-tát đều hoan hỷ
Khen ngợi Phật còn ở đời
Làm tất cả được an ổn
Người làm ra hình tượng Phật.
Tất cả cõi khắp mười phương
Chư pháp vương ở hiện tại
Phật vì các chúng Bồ-tát
Thường phóng ra ánh sáng lớn.
Đại sĩ lòng Từ rộng khắp
Hiện đang ở trời thứ tư
Thường khuyên mến các Bồ-tát
Cố chỉ bày pháp sâu dày.
Đời bấy giờ người thực hành
Phần nhiều người đều phát tâm
Như còn dư nghiệp đời trước
Hoặc ý loạn, sẽ hết tội.
Chí mong cầu không nhàm chán
Cũng không thể tự no đủ

Không ưa làm các việc khác
Thường cầu hạnh Phật, Bồ-tát.
Các đệ tử chớ âu sầu
Tuy khổ nhọc, nhưng không lâu
Lúc sau này, khi qua đời
Liền sinh lên trời Đâu-suất.
Nguyện được sinh cõi an ổn
Thọ vô lượng, trước pháp vương
Ở trong nước Diệu dược vương
Nơi Phật Vô Nộ truyền giáo.
Nguyện được sinh đến cõi đó
Lúc sau này, khi qua đời
Liền ở đó, đắc thần túc
Luôn cúng dường các Đức Phật.
Hành sáu pháp được thành tựu
Bấy giờ được Phật truyền thọ
Sẽ ra khỏi ba đường ác
Và xa lìa tám hoạn nạn.
Các lưới ngoại đạo, tà kiến
Bi tan hoại, được giải thoát
Do không vướng mắc, liền ngộ
Nên vượt qua các bọn kia.

Bấy giờ, năm trăm đệ tử được Phật truyền thọ đều rất vui vẻ, liền đứng giữa hư không, cách mặt đất hai mươi trượng, rồi mới hạ xuống lễ Phật, thưa:

–Thầy Tư-ha-muội của chúng con, vì sao được truyền thọ?

Khi ấy, Phật mỉm cười, vô số màu sắc khác nhau từ miệng Phật phóng ra. Ánh sáng chiếu khắp vô số cõi Phật, trở về xoay quanh Phật ba vòng rồi nhập vào đỉnh đầu.

Lúc này, Tôn giả A-nan rời khỏi chỗ ngồi, y phục chỉnh tề, gối phải quỳ sát đất, đầu mặt lễ sát chân Phật, chắp tay bạch Phật:

–Vì sao Phật mỉm cười? Phật mỉm cười tức là có ý nghĩa.

Phật nói kệ cho Tôn giả A-nan:

Tư-ha-muội là đứng đầu
Trong đệ tử, thầy bậc nhất
Đều ở chung trong một kiếp
Được tôn kính trong loài người.

Lúc đó vào kiếp Hiền thiện
Đời xấu ác, năm thứ nhơ
Ở trong đó, hết tội báo
Cho nên được thần túc thông.
Sau khi đủ các thần túc
Liền bay khắc các cõi nước
Lo cúng dường được thành Phật
Danh hiệu là Liên Hoa Thượng.

Khi ấy, năm trăm đệ tử liền ở trước Phật nói kệ khen ngợi:

Phật đã nói cho chúng con
Được truyền thọ sẽ làm Phật
Dạy tất cả tạo công đức
Vô số lượng không nhớ hết.
Lúc đó, con không chánh pháp
Trụ nơi cõi Diêm-phù-đề
Giảng đạo Bồ-tát thọ kinh
Giảng chánh pháp cho tất cả.
Nếu có người nghe kinh này
Liền phát sinh tâm Bồ-tát
Thì chúng con nguyện xin Phật
Đấng Đại Hùng truyền thọ cho.
Phật là cha của tất cả
Luôn thương xót người, chẳng người
Vì chúng con nên thương xót
Bậc đại tướng phân biệt nói.
Lúc bấy giờ với kinh này
Về sau sinh tâm cung kính
Liền phát sinh tâm Bồ-tát
Vì người nên hỏi nghĩa này.
Đấng Đại Hùng thuyết đầy đủ
Tâm Bồ-tát có đức nào
Người sáng suốt nghe pháp này
Liền phát sinh tâm Bồ-tát?

Bấy giờ, Phật nói kệ cho năm trăm đệ tử:

Nếu có người nghe liền tin
Bậc Bồ-đề Vô thượng tôn
Ta truyền thọ cho tất cả

Đều sẽ được vua cõi người.
Ý mong muốn được dũng mãnh
Liền phát sinh tâm Bồ-tát
Ý chí ấy rất thanh tịnh
Sẽ được sinh quả trong sạch.
Từ sắc dục vượt ba cõi
Liền phát sinh tâm Bồ-tát
Dùng tâm này làm công đức
Mau được ra khỏi ba cõi.
Mọi việc làm của cõi người
Đều vướng mắc trong ba cõi
Nếu tâm ý không vướng mắc
Bậc Bồ-tát không ai hơn.
Nếu Bồ-tát phát sinh tâm
Vì tất cả thuyết đạo thọ
Có công đức liền chỉ dạy
Giữ kinh này và hiện rõ.
Thuyết đầy đủ việc Bồ-tát
Lời giáo hóa, phổ biến khắp
Các pháp khác vô số kể
Pháp tốt đẹp không thể nói.
Tuệ vô lượng đều đầy đủ
Do đó nên được làm Phật
Thương xót khắp tất cả người
Luôn tu tập hạnh Bồ-tát.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Kinh này tên là gì? Nên phụng hành như thế nào?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Kinh này tên là Bồ-tát Đạo Thọ Kinh, nên phải đọc tụng, thọ trì.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Vì sao có tên là Bồ-tát Đạo Thọ Kinh?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ví như các loại cây, trước là phải nẩy mầm, sau mới mọc lên thân cây, cành cây, lá, hoa, quả. Như vậy, này Tôn giả A-nan! Đối với kinh này, từ khi mới phát tâm Bồ-tát, liền được vui vẻ. Do vui vẻ, thân ý được dừng nghỉ, đầy đủ sáu độ hoàn hảo, thực hành phương tiện thắng trí, liền chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh, đầy đủ tuệ Nhất thiết trí, chuyển pháp luân cho

đến khi diệt độ, phân bố xá-lợi cho đời sau thờ cúng. Vì thế, này A-nan! Kinh này tên là "Bồ-tát đạo thọ kinh."

Phật giảng nói kinh này xong, Đồng tử Tư-ha-muội và năm trăm đệ tử, các Tỳ-kheo Tăng, Trời, Người, Rồng, Quỷ, Thần chất lượng được nghe kinh rồi, tất cả đều rất vui vẻ, đầu mặt sát đất, làm lễ Phật rồi lui ra.

❑

SỐ 533

KINH BỒ-TÁT SINH ĐỊA

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Cư sĩ Chi Khiêm,
người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời, Phật cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo nghỉ bên gốc cây Ni-câu-loại, ở tinh xá dòng họ Thích, thuộc nước Ca-duy-la-vệ.

Lúc ấy, trong thành có con của trưởng giả dòng họ Thích, tên là Sai-ma-kiệt đi đến chỗ Phật, đảnh lễ xong, ngồi qua một bên, chắp tay thưa:

–Bạch Phật! Bồ-tát thực hành hạnh gì để mau đắc đạo Chánh giác Vô thượng, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, đến khi qua đời, tâm ý không loạn, không đọa vào tám chỗ nạn khổ, thường biết việc quá khứ, vị lai, thành tựu các pháp, tròn đầy mọi việc, biết rõ tất cả pháp không có chỗ chướng ngại, tin hiểu hạnh thông, chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh, luôn một lòng mong cầu làm Sa-môn, chưa từng phạm giới, không ham thích chỗ ở?

Phật nói:

–Lành thay! Sai-ma-kiệt! Con đã hỏi hạnh của Bồ-tát. Hạnh Bồ-tát lấy nhẫn nhục làm gốc. Nhờ sức nhẫn, nên mau được thành Phật, nhẫn có bốn việc. Bốn việc đó là:

1. Nếu bị người chửi mắng thì im lặng không trả lời.

2. Nếu bị người đánh đập thì lãnh chịu mà không đánh lại.

3. Nếu bị người sân giận thì hướng lòng lành về người ấy.

4. Nếu bị người khinh chê hủy báng thì đừng nhớ nghĩ đến điều xấu ác đó.

Khi ấy, Phật nói tụng:

Đánh chửi mà không sân
Khinh chê cũng không hận
Bồ-tát nhẫn như vậy
Tu học tất sẽ đạt.

Cẩn thận, không coi thường
Tâm ý chưa từng đoạn
Không phạm, không làm ác
Như vậy mau thành Phật.
Bồ-tát thường hành nhẫn
Hết lòng hành đại Từ
Cho nên được thành Phật
Được ba hai tướng tốt.
Làm theo việc người ác
Thường vui thích đánh đập
Tâm oán hại mọi người
Nóng nảy, ưa sân giận.
Gieo đầu vào lưới mê
Trọn không gần Bồ-tát
Ngu vì tham quá độ
Ngang ngược không kính lễ.
Không hiếu thuận mẹ cha
Nên chịu khổ địa ngục
Muốn mau được thành Phật
Nên tu tập giới đức
Theo lời thầy lành dạy
Tâm bình đẳng cho người.

Lại có bốn việc thực hành để mau được thành Phật.

Bốn việc đó là:

1. Ưa thích kinh điển và đạo Bồ-tát, hết lòng bảo vệ chánh pháp, dạy bảo mọi người.

2. Xa lìa người nữ không cùng làm việc với họ.

3. Thường vui thích làm việc bố thí cho Sa-môn, Phạm chí.

4. Không ngủ nghỉ trái giờ giấc, tu tập hạnh không.

Lúc này, Phật nói tụng:

Người thích hạnh Sa-môn
Siêng bảo vệ chánh pháp
Ưa pháp, không rời thầy
Người như vậy khó có.
Học rộng, cầu Phật đạo
Nghe nhiều, giáo hóa khắp
Thích cho, không tính toán

Do đó mau thành Phật.
Không nên gần, người nữ
Tổn đức, loạn thế gian
Làm các việc ham muốn
Không thể gần Bồ-tát.
Vì thế, người thanh cao
Thường phòng xa nữ sắc
Tịnh tu Bồ-tát đạo
Thương xót giúp quần sinh.

Lúc đó, Sai-ma-kiệt liền tháo châu báu chuỗi ngọc trên người ra, tung rải dâng lên Phật, oai thần của Phật làm cho châu báu ấy lơ lửng giữa hư không và hóa thành lọng báu, từ trong đó có năm trăm người biến hóa đi ra, cũng tháo châu báu trên thân ra, tung rải dâng lên Phật và cất tiếng thưa:

–Chúng con nguyện phát tâm Bồ-đề Vô thượng.

Thấy các người biến hóa, Sai-ma-kiệt hớn hở vui mừng, thưa hỏi Phật:

–Những người biến hóa này từ cõi trời đến hay từ khắp bốn phương đến?

Phật bảo:

–Những người này không từ mười phương đến.

Cũng chẳng phải trời, cũng chẳng phải rồng, cũng chẳng phải thần, chẳng phải người.

Cũng chẳng phải địa, thủy, hỏa, phong, không.

Chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Cũng chẳng phải ý, chẳng phải tâm.

Chẳng phải làm.

Chẳng phải qua, chẳng phải lại.

Cũng chẳng phải đời này, chẳng phải đời sau.

Cũng chẳng phải sinh tử.

Những người này, gọi là người biến hóa, không từ đâu sinh đến, gọi là không, như bóng hiện trong gương, không lấy, không bỏ, không do đâu đến, không nắm bắt, không ngã, không nhân, không thọ mạng, không thức.

Người nam, người nữ nào hiểu biết các pháp như là mộng ảo, không có thức, nghe điều này mà tin và thực hành theo thì đó là con Phật. Đẩy lùi bóng tối, đem lại ánh sáng cho thế gian, làm cho quân ma hàng phục, thành

tựu đức lớn, đó là Sa-môn, Phạm chí, là bậc Đại Bồ-tát thanh tịnh, là người không do đâu sinh, đã được truyền thọ, là bậc Vô thượng, không thoái chuyển. Tin ưa pháp này thì được như vậy.

Phật bảo Sai-ma-kiệt:

–Người nào nghe kinh này mà kinh ngạc, chê bai cười cợt thì nên biết đó chẳng phải là Sa-môn, Phạm chí. Đó là bọn ngoại đạo, buông thả, theo thầy xấu ác, không trở lại được đường lành, bị che mờ, mắt không còn sáng, giả xưng là Bồ-tát. Đó là bọn người lừa dối chuyên gây xung đột.

Bấy giờ, ma ác đến hỏi Phật:

–Có bao nhiêu người tin pháp này?

Phật bảo:

–Có bốn trăm ức trời, người trong cõi Dục đều được pháp Nhẫn vô sinh.

Khi ấy, Sai-ma-kiệt đạt được pháp Nhẫn vô sinh, năm trăm Tỳ-kheo, năm trăm thiện nam và hai mươi lăm tín nữ đều được quả vị bất thoái chuyển. Hết tuổi thọ, sẽ được sinh lên cõi Tây phương thanh tịnh, có vô lượng chư Phật, luôn bảo vệ vô số pháp Phật, giáo hóa tất cả mọi người khiến họ đều được bất thoái chuyển. Như vậy, trải qua vô số kiếp ở cõi này rồi mới làm Phật.

Nghe Phật dạy, ma bước đi chầm chậm đến thưa Phật:

–Đời sau có thể không cần nói lại pháp này.

Hiền giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì? Phụng trì như thế nào?

Phật bảo Hiền giả A-nan:

–Kinh này tên là Bồ-tát Sinh Địa do Sai-ma-kiệt hỏi. Hãy nên gìn giữ tu hành. Trăm kiếp thực hành, năm độ sẽ hoàn hảo, dù không có đại trí, không có Bồ-tát dẫn dắt, không bằng đọc tụng kinh này và thuyết giảng khắp cho mọi người.

Khi ấy, Phật nói tụng:

Nếu đã tin học kinh Sinh Địa
Công đức ấy thật không thể lường
Tự mình vượt khỏi ba đường ác
Chắc chắn thọ hưởng phước đời sau.

Đức Phật giảng nói kệ xong, Sai-ma-kiệt và bốn chúng đệ tử, các Trời, Rồng, Thần đều vui vẻ lãnh nhận.

❑

SỐ 534

KINH NGUYỆT QUANG ĐỒNG TỬ

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời, Phật cùng với một ngàn vị Tỳ-kheo và hai vạn Bồ-tát trú nơi núi Linh thứu, thuộc thành Vương xá.

Các vị Tỳ-kheo đều đã chứng thần thông vô ngại, đắc quả A-la-hán, dứt sạch phiền não, ra khỏi đường sinh tử, không còn vô minh che lấp, chỉ còn lại trí tuệ sáng suốt.

Hai vạn Bồ-tát thì thần thông đạt đến bậc Thánh, quản lý ba cõi, thu giữ các pháp, trí tuệ khéo xoay chuyển không ngăn ngại, chứng được thần lực oai đức của Phật, trụ nơi không có chỗ trụ.

Bấy giờ, Thế Tôn ở trong thành lớn Vương xá, giảng nói rộng về đạo nghĩa, khai hóa chúng sinh. Các thần trời, thần đất, hải linh, quỷ thần, vua chúa, thần dân, chúng sinh ba cõi, đều đến lễ lạy, cúng dường Đức Phật.

Khi ở đời không có Phật, ngoại đạo hưng thịnh, giống như trong đêm tối đèn đuốc mới tỏa sáng. Khi thiên hạ có Phật, ngoại đạo tiêu tan, ví như mặt trời mọc, đèn đuốc không còn sáng.

Trong nước có bọn ngoại đạo, tà kiến như Bất-lan Ca-diếp… Phật dùng đạo chánh chân dạy bảo thiên hạ. Khi ấy, lục sư ngoại đạo bị dứt bỏ, không được ai tin theo, nên ôm lòng ganh ghét, tìm cách phá hoại Phật, để mình được cung kính trở lại.

Bấy giờ, lục sư tập họp môn đồ lại, cùng nhau bàn luận:

–Chúng ta đạo đức cao xa, tên tuổi vang bốn biển, được quần chúng tôn trọng, các vua đều tuân theo, dân chúng nam nữ đều kính tin và ngưỡng mộ, được mười sáu nước lớn suốt đời cúng dường. Đức độ chúng ta như gió, dân thì như cỏ, đều phải cúi đầu lễ lạy dưới chân chúng ta. Nay Phật ra đời, hiện oai thần biến hóa, nên chúng ta bị mọi người bỏ rơi, không tin theo nữa, làm cho chúng ta ăn uống không ngon, nằm ngồi không yên, ra vào đi tới thường buồn rầu, rối ruột, trong tâm uất hận như muốn điên

cuồng. Chúng ta nên tìm kế gì phá hoại, làm xấu Phật, để bị đuổi ra khỏi nước làm cho mọi người không còn thấy, khi ấy mọi người mới trở lại cúng dường cho chúng ta. Hiện nay, trong thành lớn La-duyệt, có Trưởng giả quyền thế, làm tướng quốc đại thần tên là Thân Nhật, tin theo chúng ta, một lòng không đổi, thường phá hoại đạo Phật, cho là hư dối. Chỉ có người này, có đủ quyền lực, giúp đỡ chúng ta phá hoại và làm xấu Phật.

Bàn xong, lục sư liền rời khỏi chỗ ngồi, dẫn năm trăm đệ tử đến nhà Thân Nhật, trong thành Vương xá (La-duyệt).

Thấy các lục sư đến, Thân Nhật xuống điện chánh để đón tiếp, làm lễ và dâng cúng giường ghế tốt đẹp, thức ăn đồ uống đầy đủ, rồi chắp tay ngồi ở trước.

Các sư nói:

–Chúng tôi cùng với đại chúng đến nhà Trưởng giả, muốn bàn luận một việc, xin Trưởng giả nghe cho.

Thân Nhật thưa:

–Xin quý sư dạy bảo, con xin lắng nghe.

Lục sư nói:

–Chúng tôi là thầy trong nước này, công danh rạng rỡ, mọi người lễ lạy, quốc vương tôn kính, đại thần tin theo, được nói năng đi lại trong mười sáu nước. Trưởng giả biết không! Phật xuất hiện ở đời, tự xưng là Thánh trí, dùng ảo thuật lừa dối, nói những lời trái nghịch, muốn cùng với chúng tôi so bề tài trí, cùng oai lực, thần thông, làm mê hoặc mọi người, dân chúng trong nước vì ngu muội, tin theo đạo ấy, đạo ấy làm thiên hạ nghi hoặc, bại hoại lòng lành, còn cho chúng tôi là không có đạo đức, không cho tin theo. Trưởng giả là người có thế lực, được đế vương khâm phục, dân chúng đều tin theo, oai lực vang động bốn biển. Thiên hạ chỉ trông mong vào thầy trò chúng tôi, trọn đời trọng nghĩa, đem công đức truyền cho đời sau. Nguyện xin vì chúng tôi mà phá hoại và trừ bỏ đạo ấy đi, để mọi người trở lại cúng dường chúng tôi, như vậy không sướng chăng?

Trưởng giả thưa:

–Tôi nhờ ngày trước, tôi có người anh ngu muội, tin theo Phật nên phá hoại và làm xấu các sư. Từ đó đến nay, tôi rất giận anh tôi. Mỗi lần muốn toan tính làm việc gì, đều không biết làm sao. Nay nghe lời các sư dạy, hợp với ý tôi, nên tôi sẽ đem hết sức mình giúp cho các sư.

Các Phạm chí nói:

–Vừa rồi, chúng tôi cùng nhau luận bàn, muốn trưởng giả đào cái

hầm rộng năm trượng, sâu sáu thước, ngay bên trong cửa, trong đó để lửa than, đặt nửa miếng thiết nhỏ làm đòn tay, trên phủ lớp đất mỏng che lại; rồi lại làm cơm cúng dường, trong cơm có tẩm thuốc độc. Nếu hầm lửa không thiêu đốt thì thức ăn độc cũng đủ giết hại. Chúng ta sẽ đến thỉnh Phật. Phật thường nói, đã đạt được ba trí, thần thông vô ngại, soi thấy tất cả: Thấy rõ nguồn gốc tội phước, chỗ đến của lành dữ. Thật ra, Phật không có trí này, mà chỉ làm mê hoặc mọi người. Nếu thật có trí này thì sẽ không nhận lời thỉnh. Nếu không có trí này, ắt sẽ nhận lời. Nay chúng ta sẽ dùng mưu kế này đối với Phật.

Nghe vậy, Thân Nhật rất vui mừng, khen ngợi:

–Kế này rất hay, thật đúng là lời dạy của bậc Đại sư. Mưu kế này rất sâu dày cao trí, thật là kỳ diệu. Dùng mưu này lo gì không thành công.

Theo lời dạy, Trưởng giả đào hầm lửa, làm thức ăn trộn thuốc độc, bày dọn sẵn sàng, chỉ chờ thỉnh Phật.

Bấy giờ, Bất-lan Ca-diếp và năm trăm đệ tử, thấy Thân Nhật đồng ý với âm mưu của mình, lòng rất vui mừng hớn hở, không kìm chế được, đều đứng dậy, đồng đưa tay khen ngợi Thân Nhật:

–Lành thay! Thật là đệ tử thứ nhất của bậc Thánh.

Thân Nhật trịnh trọng thưa:

–Hôm nay lo sửa soạn việc này, ngày mai các sư sẽ thấy.

Trưởng giả làm lễ, các sư quay trở về.

Khi đó, Thân Nhật ra lệnh người nhà chuẩn bị xe, ông cùng nhiều người đi đến chỗ Phật.

Đến nơi, trưởng giả xuống xe, bỏ lọng, tháo kiếm, cởi giày, chắp tay tiến tới, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, quỳ gối bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Khi đói khát, con mong được oai thần giáo hóa của Thế Tôn và rất vui được hưởng ngọn gió mát của Thế Tôn. Nhưng việc nhà quá bận rộn, nên không thể đến thăm Thế Tôn được. Nay con xin được cúi đầu đảnh lễ Đạo Sư.

Phật bảo trưởng giả:

–Hãy chí tâm hướng về Như Lai.

Thân Nhật thưa:

–Ngày mai con muốn làm cơm cúng dường. Nguyện xin Thế Tôn và các Thánh chúng vui lòng đến tệ xá của con.

Vì thương xót trưởng giả ngu mê, muốn cứu độ ông ta, nên Thế Tôn im lặng nhận lời mời.

Thân Nhật rất vui, tự nghĩ: "Quả đúng như diệu kế", liền lễ Phật, giã từ rồi đi đến chỗ lục sư.

Các sư đón hỏi:

–Phật có nhận lời thỉnh không?

Thân Nhật thưa:

–Nhờ oai lực của các sư, Phật đã nhận lời mời, đúng như mưu kế của chúng ta.

Các sư và năm trăm đệ tử đều rất vui mừng, không kìm chế được. Các Phạm chí đều mừng rỡ nói:

–Trưởng giả mau trở về đào hầm lửa, làm thức ăn trộn thuốc độc, dọn bày sẵn chờ Phật đến.

Trưởng giả về nhà, âm thầm sai bảo mọi người chuẩn bị hầm lửa ngay giữa cửa, dọn bày thức ăn có tẩm thuốc độc để sẵn.

Trưởng giả có người con, tên là Nguyệt Quang, đã mười sáu tuổi, rất đĩnh đạc, khôi ngôi, tuấn tú, thông suốt các sách vở, nắm vững các môn thiên văn, địa lý, tên tuổi vang xa khắp nơi, các kẻ có trí đều kính mến ngưỡng mộ, có lòng Từ bi thương xót khổ não sinh tử ở đời, đem đức bủa khắp cứu giúp quần sinh.

Nguyệt Quang khuyên can cha:

–Phật là Bậc Đại Thánh, Tôn sư của ba cõi, đạo đức trong sạch, lời dạy chân chánh, chứng đắc ba trí, Từ, Bi, Hỷ, Xả, tâm còn hơn mẹ hiền. Chúng ta nên nương nhờ để được độ thoát, sao lại sinh tâm ác nghịch mà mong cầu phước cõi trời. Như vậy há không phải là mê hoặc sao? Ngày xưa, Thế Tôn cầu đạo, ngồi nơi đạo tràng, bên gốc cây Nguyên kiết, thiên ma thứ sáu thấy Phật cao xa, ba độc đã diệt, đoạn sạch các cấu bẩn và vô minh, chỉ còn lại trí tuệ sáng suốt, thần thông vô thượng, được các trời tôn kính, các vua hầu hạ, vạn thần theo bảo vệ… nên sinh tâm ganh ghét, phiền muộn, suy nghĩ: "Nếu Phật thành đạo ắt sẽ hơn ta." Do đó, ăn uống không ngon, không màng đến múa hát. Thiên ma ra chánh điện, tập họp quần thần bàn luận, tìm phương kế phá đạo Phật.

Quần thần thưa: "Bồ-tát có thần thông, đạo lực vô phương, oai lực chấn động ba cõi, đức độ điều phục cả mười phương. Chúng thần chẳng thể tìm được mưu kế gì."

Lúc đó, ma vương nổi giận, ra oai, làm chấn động cả trời đất, kêu gọi binh chúng ma quỷ, mặc áo giáp, cờ xí rợp trời, ánh sáng che khuất bầu trời. Ma vương ra lệnh cho quân lính, đều biến hóa thành hàng trăm

ngàn loại hình khác lạ, đầu trùng, thân quỷ rất đáng sợ, gánh núi, vác đá, miệng mắt phóng ra lửa, vây quanh Bồ-tát kêu gào, đạp đất như trâu rống, chấn động đến cả chỗ hoang vắng. Núi lở, đất nứt, cây cối đổ gãy, nước biển sóng lớn, vọt lên sáu nguồn, nước chảy tràn mênh mông, sóng lên cao cuồn cuộn đến trời. Trăm họ khiếp sợ, tổ chim trên cây rớt xuống núi, rồng ẩn trong nước bay vọt lên, làm cho chim kinh sợ bay tứ tung, sư tử sợ hãi chạy trốn, chim cánh vàng bay trốn, cá lớn Ma-kiệt trôi ngửa theo dòng nước. Chư thần sợ hãi, chạy tìm chỗ ẩn náu. Ma biến hóa ra hàng ngàn hình tướng hung ác, nhiều loại khí độc bay tứ tung khắp nơi, rồi cùng lúc gom tụ lại hướng đến Thế Tôn.

Với lực của Từ tâm, Phật chỉ đưa tay, các ác quỷ cùng lúc đều hàng phục, chắp tay, đầu mặt lễ Phật, xin quy y. Lúc đó, Như Lai liền đến điều phục, các thiên ma xin làm đệ tử. Tuy thắng, nhưng Phật không có ý vui.

Đem hầm lửa, thức ăn trộn thuốc độc thì làm sao hại được Phật.

Chất độc có nhiều như núi Tu-di, ngọn lửa lớn, đao, kiếm, mâu… cùng không thể lay động một sợi lông của Phật. Nay dùng hầm lửa, thức ăn trộn thuốc độc để hại Phật, giống như sức lực của muỗi mòng mà muốn lay đổ núi lớn, như cánh của loài ruồi nhặng muốn ngăn che mặt trời, mặt trăng, chỉ tự mình hủy hoại mà thôi, chi bằng sớm sám hối tội lỗi, mới mong thoát tội.

Trời, Rồng, Quỷ, Thần, dân chúng nơi thế gian, Phạm vương, Đế Thích, Ma vương… đều cúi đầu nghe lời dạy của Phật. Sắc thân Như Lai như kim cương, dứt trừ các điều ác, tích chứa vạn điều thiện, tướng tốt, ánh sáng, thần thông vô lượng, đã dứt hẳn năm đường ác mê mờ, đạt được trí tuệ Chánh chân Vô thượng, vượt trên Thánh chúng, như mặt trăng giữa các vì sao, như mặt trời mới mọc, tỏa chiếu ánh sáng khắp nơi, giảng đạo rộng khắp, giáo hóa quần sinh mê muội, Từ, Bi, Hỷ, Xả, thương xót chúng sinh, ban ân cứu giúp khổ nạn, còn hơn mẹ hiền.

Phật có oai đức, thần lực như vậy, xin cha sửa đổi, sám hối, quy y Tam bảo.

Bấy giờ, Trưởng giả Thân Nhật bị nghiệp tội che mờ, tâm không tin hiểu lời Nguyệt Quang thưa, bảo con:

–Nếu đức độ của Như Lai, đúng như lời khen ngợi của con: Phật có thần thông, chiếu thấy hết thì sẽ biết trước cha làm hầm lửa, nấu thức ăn trộn thuốc độc, sao lại nhận lời thỉnh mời của cha. Do đó đủ biết, không cần nghĩ chi xa.

Nguyệt Quang lại thưa:

–Phật thật có ba Thánh trí, sáu thần thông, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả… tất cả đều thành đạt. Phật thường độ cho những người ngu muội, không muốn trái ý người.

Tâm Thân Nhật ngu si, ôm lấy sự mê muội, không xả bỏ ý định!

Sáng ngày mai, trưởng giả sai người thỉnh Phật. Sứ giả vâng lời, đến chỗ Phật, quỳ gối bạch:

–Bạch Thế Tôn! Trưởng giả Thân Nhật kính lời mời. Bây giờ đã đến lúc thọ trai, nguyện xin Đức Thế Tôn và đại chúng quá bước đến tệ xá của chúng con.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nghĩ: "Nay nhận lời mời của Thân Nhật không như bình thường. Nên phóng ra thần thông, làm chấn động mười phương, khiến cho họ hàng phục, ắt sẽ thành tựu đạo lớn, giáo hóa được rộng khắp vô lượng, đồng thời giáo hóa đám lục sư và chín mươi sáu ngoại đạo."

Bấy giờ, Thế Tôn phóng ra ánh sáng lớn, chiếu soi, trên đến trời Tam thập tam, dưới thấu đến mười tám địa ngục. Cảnh giới của cõi Phật lúc này có đầy ánh sáng lớn, thần thông. Bồ-tát, La-hán, Duyên giác, Phạm vương, Đế Thích, Thiên vương, Thần biển, Thần đất và các ma quỷ, hàng ức vạn tướng đảng bộ, nghe Phật độ Thân Nhật, đều đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, rồi lui qua hai bên.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông hãy mang bát đến nhà Trưởng giả Thân Nhật.

Các Tỳ-kheo đều thưa:

–Dạ vâng!

Tất cả đều chuẩn bị sẵn sàng. Đất biến thành màu vàng. Trên đảnh Phật có bảy lớp mây thơm, sáu loại hoa sen: hồng, vàng, xanh, cam, tía, trắng… tự nhiên mọc lên ở hai bên đường.

Phật đi bộ ra khỏi cổng, bảo Bồ-tát Không Vô Cát Tường và sáu mươi vạn người đi trước, hoặc đi trên không, hoặc theo đường lộ mà đi, Phật đi ở giữa, còn bao nhiêu người khác đều đi theo sau Phật. Ánh sáng rực rỡ chiếu khắp tất cả, làm mờ ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Các trời cúng dường lọng báu, rải hoa xuống như mưa. Trời, rồng bay khắp, chim không dám bay qua. Chúng sinh ba cõi không thấy đảnh Phật. Nhạc trời cùng lúc trỗi lên, trùng độc ẩn mất, chim lành liệng quanh, hót vang.

Phật không đạp đất, nhưng tướng bánh xe in trên đất, ánh sáng chiếu rực rỡ suốt bảy ngày. Các loại cây quý, cây thuốc, cây ăn trái đều nghiêng ngã xuống, ngưỡng lên như hình dáng người đang quỳ. Quỷ Dạ-xoa cánh

vàng, các ma quỷ đều dẫn theo trăm ngàn binh lính, tay cầm các loại nhạc hoặc cầm hương hoa, bảy báu, chuỗi ngọc, lụa cõi trời, cờ phướn, lọng báu từ mười phương đến hội họp. Thiên chúng đều hạ xuống, nhạc khí trỗi lên, người mù thấy được, người điếc nghe được, người câm nói được, người què đi được, mọi oán ghét đều hòa vui, người mê được tỏ, người say tỉnh lại, trâm cài, vòng đeo phụ nữ phát ra tiếng. Chim bay, thú chạy đều hóa thành hình người, cây khô trăm năm tự nhiên ra hoa, ngạ quỷ được no đủ, địa ngục được an vui. Đàn tỳ bà, đàn tranh, ống sáo và trống được đánh lên vang rền.

Phật dùng thần lực biến hóa hầm lửa thành ao tắm bảy báu màu cam tía, có nước tám mùi vị, dưới dáy có cát vàng, chung quanh có hoa sen, trong ao có cá, ba ba, con giải, cá sấu… đang vui đùa. Chim bay, thú chạy, âm thanh hòa hợp. Ven bờ ao có trồng nhiều hàng cây trúc ti, cây y phục, giữa những cây treo lụa mỏng, lụa đỏ, đủ cả năm màu. Cành lá bằng san hô, thủy tinh, lưu ly, vàng ròng, bạc trắng, dây bằng vàng ròng giăng mắc giữa các hàng cây, các chuỗi ngọc được treo rũ xuống, mỗi khi có gió thổi, va chạm, phát ra trăm loại âm thanh thật êm dịu: Khen ngợi oai đức của Phật chưa từng có, nói pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, làm cho người buồn lại vui, người vui lại buồn. Trên cây bảy báu có các loài chim khổng tước, anh võ, chim cánh vàng, chim thần mỏ đỏ, chim phụng hoàng, chim cát tường, câu-kỳ-na-la có đến hàng trăm ngàn con, ánh sáng màu sắc rực rỡ, tỏa chiếu trên các cây, hót vang trăm thứ tiếng, làm cho mọi người đều đến nghe. Chim đang bay, thú đang chạy đều ngừng lại để nghe. Tất cả tuy hình tướng khác nhau, nhưng đồng lòng đem thân mạng quay về nương theo Thế Tôn.

Bấy giờ, Thần biển, Thần đất, chúng sinh ba cõi, đều đã đến nhà Trưởng giả, thần hầm lửa biến thành ao tắm, trời đất chấn động, các vị đến xem Thân Nhật, thấy rõ thần thông biến hóa, đạo đức thù thắng như vậy. Trông thấy các vị ấy, Trưởng giả Thân Nhật kinh sợ, lông tóc dựng đứng, hồn vía thất kinh, tự nghĩ: "Ôi, thật là mê hoặc! Ta đã làm việc ác nghịch, không có đạo đức."

Trưởng giả quay lại nói với lục sư:

–Các ông là loại súc sinh, đẩy tôi vào chỗ nước sôi lửa bỏng. Bây giờ biết làm sao đây!

Lục sư sợ hãi, xấu hổ, không nói gì, sợ mang tại họa lớn, nên đã chạy trốn.

Lúc ấy, Thân Nhật cùng với người con là Nguyệt Quang và phu

nhân, thể nữ, quyến thuộc nam nữ, ngoại đạo, bạn bè… đều cung kính đón Phật, trông thấy Thế Tôn ánh sáng rực rỡ như núi báu, hình dáng trang nghiêm, sắc thân vàng tía, cao một trượng sáu, các căn vắng lặng, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, là vua các trời, đạo đức sáng ngời. Đức Thế Tôn đầy đủ mười Lực, là vua trong hàng trời, người. Phật dùng thần lực và oai đức, chiếu thấu vào tâm mê mờ, làm cho Thân Nhật hiểu rõ, như mê được tỏ rõ, dứt trừ bệnh quá dại khờ, giải thoát năm tình, buồn vui lẫn lộn. Trưởng giả liền biết tội, đem thân quỳ sát đất, làm lễ Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn tha thứ cho con. Con ngu si, không biết chánh chân, tin theo lời nói xấu ác, sinh tâm độc ác, muốn làm hại Thế Tôn. May mắn nhờ tâm Từ hóa độ của Thế Tôn, xin tha tội cho con. Nguyện xin Thế Tôn rũ lòng thương xót cứu giúp cho con thoát khỏi tội lớn. Xin thỉnh Thế Tôn đến chỗ ngồi.

Khi ấy, Như Lai đi lên chánh điện, chúng hội cũng đã an tọa. Thân Nhật xấu hổ, sợ sệt không yên, đến trước Phật, bạch:

–Vì ngu si mê lầm, tin theo lời của bọn xấu ác cho là chân thật, như người mê sảng uống lộn thuốc, bệnh càng tăng thêm. Nay được gặp Phật, bệnh tà được dứt trừ. Con đã làm việc không có đạo đức, vì đã bỏ thuốc độc vào thức ăn, nên không thể cúng dường. Xin Đức Thế Tôn đợi chốc lát để con nấu thức ăn mới.

Phật bảo Trưởng giả:

–Hãy đem thức ăn ấy đến, không cần nấu lại. Tham lam, dâm dục, sân giận, ngu si, tà kiến là các thứ độc lớn ở đời. Ta không có những độc này, đã đoạn trừ các độc, độc không thể hại ta.

Thân Nhật đem thức ăn đến, mùi hương diệt hết tám nạn, ngạ quỷ được an vui. Phật và đại chúng thọ trai xong, Trưởng giả đi lấy nước rửa, chúng hội đều im lặng.

Thân Nhật lui ra, ngồi khóc, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Xin tha thứ cho con! Con vì mê hoặc đã dám mưu toan nghịch ác đến Như Lai. Tự xét biết tội nặng, đáng vào địa ngục, chịu khổ đêm dài, nước sôi lửa bỏng, đau đớn vô cùng, làm sao thoát khỏi được. Phật với lòng đại Từ, cứu giúp ba cõi, thương xót chúng sinh, vớt họ ra khỏi cảnh lửa nóng bỏng. Khi chưa được nghe lời Thế Tôn dạy, con đã gây ra tội lỗi. Không có Thế Tôn, không ai biết trước được.

Phật bảo Thân Nhật:

–Thuở xưa, khi Phật Định Quang thọ ký cho ta, có nói: "Vào đời sau, vô số a-tăng-kỳ kiếp, ở trong đời năm xấu ác, ông sẽ làm Phật, hóa độ cho

chúng sinh như ta ngày nay. Lúc ấy, sẽ có Trưởng giả Thân Nhật làm hầm lửa, nấu thức ăn trộn thuốc độc mưu toan hại ông.” Khi ấy, ta đã đắc trí tuệ Tam-muội, biết trước tên họ của ông rồi, huống chi là ngày hôm qua lại không biết sao?

Thân Nhật vui vẻ thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã biết trước việc vô số kiếp. Con đã tỉnh ngộ, sẽ được thoát khỏi tội. Nay con hết lòng tự quy y Phật. Con đã làm việc sai trái, nguyện cho tội nặng của con được nhẹ bớt.

Phật vốn có thệ nguyện không bỏ chúng sinh ngu si, mê hoặc, liền bảo Thân Nhật:

–Lành thay, Trưởng giả! Ông đã tự giác sám hối, tội nặng ắt sẽ tiêu trừ. Ta sẽ thuyết giảng đạo nghĩa, làm cho ông hiểu rõ.

Trưởng giả thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nguyện xin muốn nghe. Dù chết, đối với đạo thiện, con hết lòng không quên.

Khi ấy, Thế Tôn phát ra âm thanh lớn, gồm tám loại tiếng, diễn đạt vạn ức âm thanh, thuyết giảng vô lượng pháp: Tám Giải thoát, bốn Đế, ba môn Giải thoát, sáu Ba-la-mật, thực hành đạo pháp sâu dày rất tốt đẹp, hiểu biết ba cõi là không. Các pháp, tội phước đều do nhân duyên tạo ra. Xem bệnh, chọn thuốc, tùy theo căn cơ thích hợp mà thuyết pháp.

Thân Nhật tỉnh ngộ, bỗng nhiên hiểu rõ, giải trừ mọi nghi ngờ, vui vẻ nhập định Vô tưởng tịch nhiên, ngay trên tòa ngồi liền đạt bất thoái chuyển. Trưởng giả vui mừng, vọt lên hư không, cách mặt đất một trăm bốn mươi trượng, từ trên hư không hạ xuống, cúi đầu sát đất, hôn và xoa chân Phật, quỳ gối trình thưa:

–Nay con được giác ngộ, là nhờ Phật hóa độ cho con.

Trưởng giả vui mừng, tán thán Phật:

–Mười Lực của Phật thật oai hùng. Thần lực của Như Lai chấn động mười phương, không ai sánh bằng, biết trước hầm lửa, cơm trộn thuốc độc, làm cho mọi thứ độc hại tự tiêu trừ. Phật không lo buồn gì. Tất cả dao kiếm không thể làm tổn hại Phật được. Mũi tên, dao cứng đều hóa thành hoa. Đức Phật dũng mãnh thay! Như Lai có thể làm cho chín mươi sáu tà đạo hàng phục. Tất cả dù khác miệng nhưng đều cùng một lời, ca ngợi Phật là đạo vững chắc như kim cương. Phật như núi vàng chiếu sáng tất cả, làm tan hoại mọi u ám, mê mờ, chỉ còn lại ánh sáng trí tuệ. Phật vượt lên trên các vị Thánh, đức vượt quá hư không, biện tài vô ngại, mở bày chánh pháp

khắp đại thiên thế giới, điều phục những chúng sinh khó hóa độ, làm cho thành thục. Oai lực chấn động ba cõi, độc tôn không có ai sánh bằng, lìa các bụi nhơ cõi trần, sạch như vàng cõi trời, mưa những pháp báu, làm tất cả được no đủ, ban phát bảy loại của cải vô tận. Xét tâm mà chọn thuốc, trước hết phá tan quân ma. Tùy theo căn cơ thích hợp mà giảng nói pháp, làm cho tất cả đều được độ thoát. Chín mươi sáu tà đạo đều ẩn trốn.

Khi Thân Nhật ca ngợi pháp Phật, có vô số chúng đến với đại hội, họ đều thích nghe pháp nên được phước báo, được độ thoát, số lượng không thể tính đếm được. Trời đất chấn động, nhạc khí vang lên, trời Phạm vương thứ bảy nghe giảng nói pháp. Đàn tỳ bà, khánh, trống, ngàn loại nhạc cụ tự nhiên trỗi lên. Thiên đế trời Đao-lợi rải hoa dâng lên Phật, khen ngợi oai đức của Phật chưa từng có.

Khi ấy, ai nấy đều vui mừng, cúi đầu làm lễ Phật rồi lui ra.

❑

SỐ 535

KINH THÂN NHẬT

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời, Phật cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị, trú tại đỉnh núi Linh thứu, thuộc thành Vương xá.

Bấy giờ, trong thành Vương xá, có đại Trưởng giả giàu có, tên là Chiên-la-nhật, của báu nhiều vô lượng, kính tin pháp Phật, cúng dường chúng Tăng, tinh tấn không ai bằng.

Trưởng giả có người em tên là Thân Nhật, không tin pháp Phật, tin theo các tà đạo, thấy anh hầu hạ chánh pháp thì ôm lòng giận ghét. Ông ta hầu hạ ngoại đạo tên là Bất-lan Ca-diếp.

Một hôm Bất-lan Ca-diếp và năm trăm ngoại đạo gọi Thân Nhật lại nói:

–Nay chỉ có anh của ông là không chịu theo ta, không biết đạo chân chánh mà lại tin theo Phật.

Chiên-la-nhật biết việc các ngoại đạo bàn luận, ông bảo Thân Nhật:

–Ngày mai tôi muốn mời thầy của chú. Các vị ấy có chịu hạ mình đến nhà tôi không?

Thân Nhật đáp:

–Nên đến đó thỉnh trước.

Thân Nhật liền đi đến chỗ các thầy của mình, quỳ gối thưa:

–Nay anh con muốn hàng phục, thỉnh mời các đại nhân. Ngày mai, xin các vị vui lòng đến nhà con thọ thực.

Các sư nói:

–Tốt lắm!

Các sư liền nhận lời mời.

Lúc đó, Thân Nhật trở về báo lại cho người anh:

–Hôm nay các sư đã nhận lời. Ngày mai sẽ đến.

Khi ấy, Chiên-la-nhật sai nhiều người giúp việc đào cái hầm lớn sâu năm thước, ngay giữa cửa, rồi đem bùn xanh đổ đầy hầm. Sau đó phủ lên một lớp đất bùn mỏng, làm cho bằng phẳng. Lại chuẩn bị sẵn năm trăm cái giường lỏng một chân, dùng vải che lại. Lại lấy năm trăm bát đựng sữa bò chín, chuẩn bị sẵn sàng, đợi các sư ngoại đạo đến.

Sáng hôm sau, Thân Nhật đến thỉnh các sư.

Các Ni-kiền Tử không có phép tắc, đi đứng lộn xôn, chen nhau vào ngồi trước, không nhường cho người trên. Họ vừa đến cửa, hấp tấp chạy tới, liền rơi xuống hầm bùn, làm dơ y phục. Các sư đều sân giận, muốn bỏ về.

Lúc ấy, Chiên-la-nhật sai người kéo giữ lại, dùng lời khuyên giải:

–Đây là hầm bùn cũ, Đạo nhân không biết mới rơi xuống đó. Không phải cố ý, xin chớ có sân giận. Xin mời các sư đến thọ thực, thay y phục rồi vào dùng cơm.

Các sư đi vào trong, được người nhà dâng cho bát sữa, các sư cầm lấy rồi tìm chỗ ngồi. Vừa ngồi xuống, các giường đều nghiêng sụp, năm trăm Đạo nhân đều ngã xuống đất, bát sữa đổ đầy mặt và y phục các sư. Lúc đó, các Đạo nhân càng tức giận, bảo Thân Nhật:

–Hôm nay ông cùng với anh ông âm mưu làm xấu chúng tôi. Việc này thật không nhỏ đâu!

Khi ấy, Thân Nhật cũng rất buồn. Đạo nhân tức giận muốn bỏ đi.

Bấy giờ, Chiên-la-nhật kéo giữ lại, dùng phương tiện thí dụ, nói:

–Khi các ông rơi xuống bùn, thân thể đen bẩn, thật là hôi nhơ, giống như đạo các ông. Bây giờ dính sữa trắng, màu này tinh khiết, ví như đạo Phật. Các ông cũng có thể bỏ đạo tà thuật của các ông mà đến với đạo pháp chúng tôi.

Các ngoại đạo không nghe theo, tức giận bỏ đi.

Sáng ngày mai, Thân Nhật đến gặp các thầy của mình, quỳ gối thưa:

–Anh con không ý thức, đã làm việc phi pháp. Con thật không biết, xin các sư thương xót, đừng quở trách con. Tuy vậy, hôm nay, con sẽ báo oán việc ngày hôm qua cho các sư. Anh con chỉ làm hầm bùn và sữa để làm xấu và hại các sư. Nay con báo oán còn hơn thế nữa. Con sẽ thỉnh vị thầy mà anh con tin theo. Con sẽ đào hầm sâu năm trượng ở giữa cửa, để lửa vào trong đó, rồi phủ lên lớp đất mỏng. Con sẽ dọn bày thức ăn trộn thuốc độc. Khi Phật đến, nếu không rơi xuống hầm lửa thì cũng bị cơm trộn thuốc độc giết hại. Ý các sư thế nào?

Khi ấy các sư đáp:

–Như Phật Thế Tôn, Thánh trí dũng mãnh, thấy được các việc trong quá khứ, vị lai, những điều người khác bàn bạc Phật đều biết trước. Tuy ông muốn làm vậy, e rằng không thể được.

–Trước hết, con sẽ thỉnh họ đến. Nếu họ nhận lời, tức là không biết, còn nếu chắc là bậc Thánh minh thì không nhận lời thỉnh của con.

Các sư nói:

–Hay lắm!

Khi ấy, Thân Nhật ra khỏi thành Vương xá, đi tới núi Linh thứu, đến trước Phật, chắp tay vái chào, bạch Phật:

–Con muốn thỉnh Phật và các đệ tử. Nguyện xin Phật vui lòng đến nhà con dùng bữa cơm đạm bạc.

Phật bảo:

–Tốt lắm!

Lúc đó, Thân Nhật vui mừng ra về. Rồi trở lại bạch với các thầy mình:

–Phật đã nhận lời mời, như vậy là không biết. Chúng ta chỉ việc đào hầm, làm thức ăn trộn thuốc độc thôi.

Lúc ấy, các ngoại đạo đều rất vui mừng, bàn bạc với nhau rất vui vẻ.

Thân Nhật có con tên là Chiên-la-pháp (Hán dịch là Nguyệt Quang Đồng tử), đời trước đã có nhân duyên học kinh đạo Phật, có thần lực, ý chí dũng mãnh, hướng về Đại thừa. Đồng tử thưa với cha:

–Phật là Bậc Đại Thánh, chứng đắc thần thông, biết trước mọi việc đến vô cùng, thấy rõ việc đến vô tận, đến ý nghĩ của loài côn trùng Phật cũng đều biết trước. Cha chớ nên tin theo lời nói xấu ác. Không đúng mà mắc tội nặng.

Chiên-la-pháp lại tiếp tục thưa cha:

–Giả sử đến kiếp tận, lửa cháy khắp ba ngàn cõi nước, lấy các chất độc nhiều như núi Tu-di cũng không thể làm động một sợi lông của Phật, huống chi là hầm lửa nhỏ này mà muốn hại Phật! Việc cha làm ví như lửa con đom đóm, dùng ánh sáng nhỏ mà muốn che mặt trời, mặt trăng, giống như chim nhỏ muốn lấy thân mình làm lở núi Thiết vi, ngược lại bị tan nát thân, chứ không thể làm gì được! Nay hành động của các ngoại đạo cũng như vậy, cha không nên thỉnh Phật.

Người cha không tin, vẫn làm theo âm mưu trước.

Sáng ngày mai, Trưởng giả sai người đến gặp Phật, thưa:

–Vật thực cúng dường đã xong, xin Phật vui lòng đến nhà con.

Lúc đó, Như Lai khởi tâm hướng đến, phóng ra ánh sáng lớn chiếu soi tất cả.

Khi ấy, mười phương đều có mười vị Bồ-tát đều là bậc A-duy-nhan (Nhất sinh bổ xứ). Mỗi vị Bồ-tát, đều cùng với trăm ức vô số Bồ-tát bay đến đại hội. Các vị đều đem theo hoa quý, hương thơm Chiên-đàn và các vị ca nhạc cúng dường Thế Tôn. Các vị đến thành Vương xá muốn được xem Như Lai cảm hóa Thân Nhật.

Bấy giờ, nhà Thân Nhật có ánh sáng màu vàng, sáng như mặt trời.

Chiên-la-pháp thưa:

–Hôm nay Phật hiện ánh sáng sắc vàng ở nhà ta. Phật vì nghĩ đến nhà ta, nên có sự cảm ứng này. Ngài có thể đến đây mà không cần phải sai người đón rước.

Người cha vẫn không tin.

Khi ấy, đệ nhất phu nhân của Thân Nhật, tên là Nguyệt Vũ, mẹ của Chiên-la-pháp, thấy việc biến hóa lạ thường này, lòng rất vui mừng hớn hở, phát tâm Chánh chân Vô thượng.

Bấy giờ, Chiên-la-pháp thưa mẹ:

–Mẹ nên bảo năm trăm phu nhân trang sức để ra tiếp đón Như Lai. Vì sao? Vì Thế Tôn khó gặp, hàng trăm ngàn kiếp mới có Phật ra đời.

Năm trăm phu nhân đều nghe theo, vui vẻ ra chào đón Phật.

Khi Phật vào thành, chân vừa bước đến ngạch cửa, ba ngàn cõi nước chấn động mạnh, những người bệnh tật đều hết bệnh, người mù thấy được, người điếc nghe được, người câm nói được, người què đi được, người bị trúng độc chất độc không thể làm hại, các nhạc khí không đánh tự kêu, vàng bạc bảy báu đều phát ra âm thanh, chim bay, thú chạy, kêu hót rất hay…

Khi ấy, chư thần và các chúng trời nơi mười phương cùng các vị thần lớn, không thể tính đếm được, cùng theo nhau đến nhà Thân Nhật.

Phật vừa bước lên hầm lửa, hầm lửa biến thành ao tắm. Trong đó mọc lên hoa sen lớn như bánh xe, hoa có ngàn cánh, cọng sen bằng bảy báu, màu sắc tươi đẹp. Phật đi trên hoa sen đó, các Bồ-tát đi trên hoa có năm trăm cánh, đệ tử đi trên hoa có năm trăm cánh.

Thân Nhật thấy hầm lửa biến hóa như vậy lòng rất kinh sợ, cúi đầu làm lễ.

Phật vào trong nhà, các Bồ-tát, đệ tử đều đã ngồi yên. Thân Nhật tự

biết lỗi lầm đứng trước Phật, thưa:

–Con rất ngu si, không biết gì, nên làm việc phi pháp. Trong thức ăn hôm nay, đều có trộn thuốc độc, xin Đức Thế Tôn chờ chốc lát để con làm thức ăn khác.

Phật bảo:

–Ông cứ đem thức ăn tẩm thuốc độc đến dọn cho ta.

Thân Nhật vui vẻ làm theo lời Phật, phân chia thức ăn cho tất cả. Phật và đại chúng thọ nhận và chú nguyện. Thức ăn có độc biến thành trăm vị, mùi thơm bay khắp mười phương. Những ai nghe mùi thơm của thức ăn này đều tự nhiên no đủ, thân được an ổn, đều phát tâm bình đẳng vô thượng.

Đại chúng ăn uống xong, năm trăm phu nhân và Chiên-la-pháp đảnh lễ Phật, rồi đứng qua một bên, Trưởng giả Thân Nhật tự lấy ghế nhỏ, ngồi ở trước Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã chứng đắc thần thông, đạt được ba trí. Những việc gì con nghĩ và làm, Phật đều biết hết, sao không kịp thời dạy bảo chúng con, để cho chúng con làm việc phi pháp, tạo ra tội ác này. Phật lẽ nào không biết chúng con bàn luận?

Phật bảo Thân Nhật:

–Thuở xưa, vào thời quá khứ, cách đây vô số kiếp, có Phật hiệu là Đề-hòa-kiệt Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác, trí tuệ vô lượng, hóa độ những người biếng nhác.

Một thời, Phật cùng với chúng Bồ-tát và vô số đại đệ tử đi vào thành. Bấy giờ, có Trưởng giả tên là Tỉnh Đà Vệ, vừa ra khỏi thành, gặp con gái Phạm chí xinh đẹp, ít ai sáng bằng, tay cầm hoa thơm đẹp.

Khi ấy, con của Trưởng giả liền lấy năm trăm đồng tiền bằng bạc mua hoa của cô gái, hoa có năm cành. Con của Trưởng giả đem tung lên cúng dường Phật. Phật bèn truyền thọ rồi nói: "Cách sau vô số a-tăng-kỳ kiếp, con sẽ được làm Phật, hiệu là Thích-ca Văn. Trong thời con làm Phật, sẽ có Trưởng giả tên là Thân Nhật, cùng với các ngoại đạo hợp nhau làm việc ác nghịch, đào hầm lửa, thức ăn có thuốc độc, mưu toan thử thách con. Tuy làm ác như vậy, nhưng được con hóa độ."

Phật bảo Thân Nhật:

–Con Trưởng giả khi ấy nay chính là ta. Chính lúc được Như Lai thọ ký, ta liền đạt trí tuệ thiền định, biết trước tên họ của ông, huống chi là hôm qua các ông mưu toan bàn bạc việc này, lẽ nào Ta không biết. Nên

biết, chư Phật rất khéo léo dùng đến trí tuệ, chỉ vì muốn đem nhân duyên để hóa độ cho người biết phát tâm.

Trưởng giả Thân Nhật nghe Phật dạy, liền đắc pháp nhẫn, bèn ca ngợi Thế Tôn:

–Trí tuệ của Như Lai vượt qua tất cả, biết rõ hôm nay con không mắc tội. Vì sao? Vì vào đời quá khứ, Phật Đỉnh Quang đã nói trước tên con, hôm nay con sẽ được Phật hóa độ. Do đó con mới nói là không bị mắc tội.

Bấy giờ, Phật thuyết pháp ở thành Vương xá có hàng ngàn trưởng giả, cư sĩ và năm trăm ngoại đạo đều phát tâm Chánh chân Vô thượng, năm trăm phu nhân đều chứng đắc quả vị Bất thoái chuyển.

Đồng tử Nguyệt Quang rời khỏi chỗ ngồi, tán thán Phật, rồi thưa:

–Vào đời sau, nếu con được làm Phật, nguyện cho cõi nước của con, tất cả mọi người đều không có tâm ác, ai cũng hiền lành chân thật. Nếu có những người quá ư xấu ác, vào đời năm trược xấu nhơ, trong cõi nước của con, con nguyện cũng sẽ hóa độ cho họ.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông có nghe Đồng tử Nguyệt Quang nói không?

Tôn giả A-nan thưa:

–Thưa, con có nghe.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Sau khi ta nhập Niết-bàn một ngàn năm, chánh pháp sắp chấm dứt, Đồng tử Nguyệt Quang sẽ ra đời ở nước Tần, làm bậc Thánh quân, thọ trì kinh pháp của ta, mở rộng sự giáo hóa, làm cho đạo của ta được phát triển mạnh lên. Nước Tần và các nước gần bên: Thiện Thiện (phía Tây nhà Hán), Ô Trường Quy, Tư Sơ Lặc, Đại Uyên, Vu-điền và các dân tộc Rợ đều tin theo Phật, tôn kính pháp, thọ làm Tỳ-kheo rất nhiều. Tất cả người nam, người nữ nào nghe kinh Thân Nhật, nếu trước kia đã phạm tội ác, nay đều được hết tội. Nên biết, Đức Thế Tôn ứng hiện hóa độ như vậy. Người có phạm tội ác nghịch còn được độ thoát, huống là là người chí thành học Phật đạo.

Phật giảng nói kinh xong, tất cả chúng hội đều vui vẻ làm lễ rồi lui ra.

❑

SỐ 536

KINH THÂN NHẬT NHI BẢN

Hán dịch: Đời Tống, Tam tạng Cầu-na Bạt-đà-la, người nước Thiên Trúc.

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trên núi Linh thứu, thuộc thành Vương xá. Bấy giờ, quốc vương, đại thần, trưởng giả, dân chúng đều kính trọng, vâng giữ giới của Phật.

Phật dạy quốc vương, các quan, trưởng giả, dân chúng: Không được sát sinh, trộm cắp, xâm phạm phụ nữ, xâm phạm của cải người khác; không được nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói dối, nói thêu dệt; không được ganh ghét, tham lam, nghi ngờ.

Nên tin làm thiện thì được phước lành, làm ác mắc quả báo xấu.

Điều mình không ưa thích, chớ đem cho người.

Những người nào học các ngoại đạo, không lãnh thọ giáo giới của Phật dạy thì nhà vua, trưởng giả, quan dân đều không cung kính. Sở dĩ không cung kính là vì đó chẳng phải là đạo chân chánh. Dạy người không có đạo đức, tự mình sát sinh, dạy người sát sinh; tự mình trộm cắp tài vật của người, dạy người trộm cắp tài vật của người; tự mình xâm phạm phụ nữ của người; tự mình nói hai lưỡi, nói thô ác, nói dối, nói thêu dệt; dạy người nói hai lưỡi, nói thô ác, nói dối, nói thêu dệt; tự mình ganh ghét, tham lam, nghi ngờ, dạy người ganh ghét, tham lam, nghi ngờ.

Khi ấy, trong nước có trưởng giả, thuộc một trong bốn tộc tánh, tên là Thân Nhật, tài sản rất nhiều, vàng bạc, châu báu vô số. Thân Nhật cung phụng ngoại đạo, không cung kính đạo Phật, không tin kinh sách Phật. Các ngoại đạo ganh ghét Phật, cùng nhau hội họp, bàn luận với Thân Nhật:

–Nay Phật được nhà vua, cận thần, trưởng giả, quan, dân kính trọng, riêng chúng ta không được vua, cận thần, trưởng giả, quan, dân kính trọng. Phật thường nói: Biết các việc trong hiện tại, quá khứ, vị lai, còn biết trước những suy nghĩ trong tâm của người khác, biết họ đang nói điều gì, nghĩ việc gì. Nay ta có thể thử xem xét, Phật có nói đúng như vậy hay không.

Thân Nhật nói:

–Nên thử như thế nào?

Các ngoại đạo bảo Thân Nhật:

–Nên làm một bữa cơm để thỉnh Phật, trong đó có trộn thuốc độc. Ngay cửa, đào một cái hầm sâu năm trượng, để lửa trong đó, trên phủ một lớp đất mỏng, để Phật đi trên đó, sẽ rơi xuống hầm. Nếu như Phật biết sự việc trong hiện tại, quá khứ, vị lai thì không nhận lời mời của ta. Còn như nhận lời mời, là không biết các việc trong hiện tại, quá khứ, vị lai. Hãy đào đất làm hầm, đặt bày thức ăn trong đó có tẩm thuốc độc.

Thân Nhật thưa:

–Dạ vâng, rất tốt!

Ông ta liền đi thỉnh Phật.

Phật nói:

–Rất tốt!

Thân Nhật trở về, báo với ngoại đạo, ngoại đạo nói:

–Người này thật không biết gì. Hãy mau đào đất làm hầm thôi!

Thân Nhật có một người con trai tên là Chiên-la-pháp, mười sáu tuổi, thông biết được việc đời trước, học đạo Phật, có thể biết được các việc trong hiện tại, vị lai, quá khứ.

Chiên-la-pháp thưa với cha:

–Phật đã biết việc bàn luận của mình, không cần phải thử, cha chớ nên nghe lời người xấu ác, mà tự mình nhảy vào nước sôi, lửa bỏng.

Thân Nhật không tin theo lời con, liền sai người đào hầm, để lửa trong đó, làm cơm có tẩm thuốc độc.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông hãy nên bảo các Tỳ-kheo: "Sáng ngày mai, đi trọ trai, không được đi trước Phật, mà đều phải theo sau Phật."

Phật ngồi tư duy chánh đạo, các vua trời đều kinh động.

Thân Nhật sai người đến bạch Phật. Người ấy đến chỗ Phật, thưa:

Đã đến lúc, xin mời Ngài đến thọ trai.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông hãy bảo các Tỳ-kheo đắp y, mang bát đi theo sau Phật.

Các Tỳ-kheo vâng lời, đắp y mang bát đi theo sau Phật.

Vô số các vua trời và các quỷ thần đều đi theo.

Phật liền biến hóa đất thành màu vàng ròng, thẳng đến cửa nhà Thân

Nhật. Vừa đến nơi, Phật liền phóng ra ánh sáng làm cho trong nhà Thân Nhật tất cả đều thành màu vàng.

Chiên-la-pháp thưa với cha:

–Nay Phật đã đến cửa thành, mười phương đều sáng như mặt trời. Phật cùng với các Tỳ-kheo và vô số các trời cùng đến. Phật đi trong chúng Tỳ-kheo và vô số chư Thiên, giống như mặt trăng sáng ở giữa các vì sao. Nay trong nhà cha sáng giống như vậy. Cha không nên thử Phật.

Thân Nhật cũng không tin lời con.

Phật đến cửa thành, vừa bước lên ngạch cửa, khắp cả thành liền chấn động mạnh: Người bệnh được khỏe mạnh, người mù được thấy, người điếc nghe được, người câm nói được, người bị độc, độc không gây hại được, người say cuồng được hiểu biết, người lưng gù được ngay thẳng, người sân giận đều làm cho vui vẻ. Các thứ nhạc, đàn không hầu… không đánh tự kêu. Các vòng châu ngọc của phụ nữ đều phát ra tiếng. Trăm thứ chim thú đều cùng nhau ca hót rất hay.

Phật đến cửa nhà Thân Nhật, hầm lửa sâu năm trượng đã biến thành ao tắm, trong ao mọc hoa sen. Phật đứng trên hoa sen có ngàn cánh, còn các đệ tử đứng trên hoa sen trăm cánh, tất cả đều bước trên hoa sen mà đi vào.

Thấy hầm lửa biến thành ao nước, trong ao lại mọc hoa sen, Thân Nhật rất kinh sợ, cúi đầu sát đất, chí thành thưa:

–Thức ăn hôm nay cúng Phật đều có tẩm thuốc độc, con lấy lại, xin làm thức ăn khác cúng Phật.

Phật bảo Thân Nhật:

–Thôi, khỏi làm thức ăn lại, hãy đem thức ăn có trộn thuốc độc đến đây.

Khi ấy, trên tòa, các Tỳ-kheo đều đã ngồi yên chỗ.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông hãy bảo các Tỳ-kheo chớ nên ăn. Cần phải vâng lời Phật dạy, chú nguyện rồi mới ăn.

Phật liền chú nguyện:

–Trong thiên hạ có ba độc:

1. Tham dâm.

2. Sân giận.

3. Ngu si.

Phật không có ba độc này. Thuốc độc cũng không làm hại được. Người chí thành trì kinh pháp, độc cũng không làm hại. Các Tỳ-kheo hành đạo chân chánh, độc cũng không gây hại.

Phật nói vừa xong, thuốc độc trong thức ăn đều được tiêu trừ.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông hãy bảo các Tỳ-kheo thọ thực. Thuốc độc trộn trong thức ăn đều đã tiêu trừ.

Khi Phật và các Tỳ-kheo đã ăn uống xong, Thân Nhật liền bước lên trước, đầu mặt lễ sát chân Phật, quỳ gối chắp tay, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con vốn không có tội tình gì, chỉ do tin theo lời người xấu, dạy làm việc ác. Con nguyện theo Phật, cầu xin Phật rũ lòng thương xót xá tội cho con.

Phật giảng nói kinh cho Thân Nhật, Thân Nhật liền đắc quả thứ nhất: Tu-đà-hoàn, thọ năm giới, làm Ưu-bà-tắc:

1. Không sát sinh.

2. Không trộm cắp.

3. Không xâm phạm vợ của người khác.

4. Không nói hai lưỡi.

5. Không uống rượu.

Sau khi thọ giới xong, Thân Nhật đem cả đầu mình đảnh lễ sát chân Phật.

❑

SỐ 537

KINH VIỆT NAN

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Cư sĩ Nhiếp Thừa Viễn.

Nghe như vầy:

Một thời, Phật và các Hiền giả nhóm họp tại nước Ba-la-nại-tư. Khi ấy, trong nước có một Trưởng giả, thuộc một trong bốn dòng họ lớn, tên là Việt Nan. Nhà Trưởng giả giàu có, châu báu, trâu ngựa, ruộng vườn, nhà cửa, đồ vật rất nhiều. Việt Nan là người tham lam keo kiệt, ganh tị, không tin đạo đức, không ưa ban cho. Ban ngày thường dạy người gác cửa: "Nếu có người đến xin, chớ có cho vào."

Việt Nan có một người con, tên là Chiên-đàn, cũng rất tham lam keo kiệt. Việt Nan sau khi qua đời, cũng sinh lại trong nước này, làm con của vợ chồng người hành khuất mù.

Một hôm người chồng bảo:

–Nàng bệnh nặng, nay lại mang thai, tôi thì nghèo khổ, không đủ cơm ăn, áo mặc. Nàng hãy tự đi.

Nghe lời chồng nói, người vợ liền ra đi, chưa được bao xa thì gặp đống rác lớn, dừng nghỉ ở đó.

Đến chín tháng, người vợ sinh ra đứa bé, hai mắt đều mù. Người mẹ phải đi xin thức ăn về nuôi con.

Đến lúc con lên bảy tuổi, người mẹ nói:

–Mẹ nuôi con đã lâu rồi. Nay con hãy tự mình chống gậy, cầm bát đi xin, nói những lời bi thảm: "Ở đời, người nghèo rất khổ. Nay con bạc phước sinh vào nhà nghèo hèn, hai mắt lại mù, không thấy gì cả, bị người khinh dể. Cho con xin chút ít thức ăn uống, để con đỡ đói, ví như trời mưa cho người khát được nước uống."

Nghe mẹ nói như vậy, đứa bé liền đi xin từng nhà, rồi đến nhà Chiên-đàn.

Khi đứa bé vừa đến nơi, người canh cửa đã bỏ đi đâu đó, nên nó vào được trong sân, nói y lời mẹ dạy.

Khi ấy Chiên-đàn đang đứng ở nhà trên, nghe đứa bé mù nói vậy, liền nổi giận, kêu người canh cửa, hỏi:

–Ai cho đứa bé mù xin ăn này vào cửa?

Nghe gọi, người canh cửa rất sợ, liền kéo đứa bé mù đánh đập, đẩy ra ngoài cửa. Bị thương ở đầu, mặt, gãy cánh tay phải và bát đựng thức ăn rơi xuống đất bể nát, thân thể rất đau đớn, đứa bé kêu khóc thảm thiết.

Nghe tin con như vậy, người mẹ liền chạy đến chỗ con, nói:

–Người nào xấu ác, gây hại con ta? Con ta còn nhỏ, hai mắt lại mù, nó có lỗi gì mà phải chịu như vậy? Sao trời không thương xót!

Đứa bé thưa với mẹ:

–Con vừa vào trong cửa nhà này để xin. Có một người gọi lớn, nhiều người mạnh mẽ đến kéo con đánh đập, làm cho thân thể con bị tổn thương, rất đau đớn như vầy. Không bao lâu con sẽ chết!

Lúc ấy, vị thần giữ cửa, liền kêu đứa bé, nói:

–Con bị đau khổ này cùng còn nhỏ thôi. Sau này con bị đau khổ rất lớn, là do tội đời trước: Con giàu có của cải mà không ban cho nên nay chịu quả khổ này. Ở đời không có giàu sang mãi. Giàu sang mà không có lòng ban phát cho người thì cũng như không có tài vật, khi chết bị đau khổ. Lúc đó lo buồn, hối hận, đâu có ích gì!

Khi ấy, người đến xem rất nhiều, họ nói với nhau và tiếng đồn vang xa.

Với trí giác ngộ, Phật biết được, nên cùng các Tỳ-kheo vào thành khất thực. Trông thấy việc này, Phật liền hỏi Tôn giả A-nan:

–Những tiếng gì mà ồn ào đến như vậy?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Đó là sự việc đã xảy ra của mẹ con đứa bé mù.

Tôn giả A-nan liền chắp tay bạch Phật:

–Xin Phật thương xót, đi đến chỗ đứa bé này.

Phật im lặng không đáp.

Khất thực xong, lúc trở về, Phật liền đến đó. Thấy đứa bé mù bị thương đau đớn, Phật lấy tay xoa đầu, mắt. Đứa bé thấy những vết thương đau đớn liền được lành mạnh. Nhờ đó biết được nhân đời trước của mình.

Phật hỏi đứa bé:

–Đời trước, con là Trưởng giả tên Việt Nan phải không?

Đứa bé thưa:

–Vâng, phải.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Người ở đời rất ngu si. Một đời làm cha con với nhau mà không biết được.

Bấy giờ, Phật thuyết kinh để giải bày cho mọi người:

Người cầu con và của
Trong cả hai việc này
Rất buồn lo, khổ cực
Làm người mắc quả báo.
Có thân khó bảo tồn
Huống là con và của
Ví như nóng tháng hạ
Nghỉ mát bên gốc cây.
Trong chốc lát, sẽ đi
Thế gian không thường còn.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Sau khi qua đời, đứa bé này sẽ sinh vào cõi nào?

Phật nói:

–Nó sẽ bị đọa vào đại địa ngục đến một kiếp.

Khi Phật thuyết giảng kinh này, hơn tám vạn người đều xả bỏ ba độc: tham, sân, si, chứng được mắt pháp. Các đệ tử đều vui mừng, làm lễ Phật rồi lui ra.

❑

SỐ 538

KINH HA-ĐIÊU A-NA-HÀM

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Sa-môn Trúc Đàm-vô-lan, người nước Thiên Trúc.

Nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Ha-điêu A-na-hàm dẫn năm trăm Ưu-bà-tắc đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất làm lễ, rồi lui ra ngồi một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết giảng kinh cho họ nghe. Nghe xong, mọi người rất vui mừng, rồi lui ra.

Bấy giờ, mọi người đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ sát chân Phật, chắp tay đi nhiễu Phật ba vòng, rồi ngồi qua một bên.

Phật hỏi Ha-điêu A-na-hàm:

–Nhờ những công đức nào mà ông giáo hóa được năm trăm người đệ tử này theo ông?

Ha-điêu A-na-hàm liền quỳ gối, chắp tay thưa:

–Con thường vâng giữ bốn điều Phật dạy. Bốn điều đó là:

1. Bố thí cho người.

2. Nói lời tốt đẹp.

3. Xem xét bạn bè, giúp đỡ cho họ đầy đủ những vật cần dùng.

4. Giúp đỡ tài vật cho bạn bè không tính toán.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Chư Phật ở quá khứ không hề bỏ qua bốn việc này. Chư Phật ở đời sau cũng không bỏ qua bốn việc này. Chư Phật hiện tại cũng không bỏ qua bốn việc này.

Nghe Phật nói kinh xong, Ha-điêu A-na-hàm và mọi người rất vui mừng, làm lễ và lui ra. Về nhà, Ha-điêu A-na-hàm gọi những người giúp việc, nô tỳ ra ngồi ở trước nhà, rồi thuyết kinh, mở bày cho họ, về đường thiện ác, sinh tử. Lại lên điện trên, gọi những người coi kho, cô hầu ra trước, để nói kinh giới cho họ. Tất cả đều rất vui mừng. Lại đến điện sau, nói kinh giới cho các phu nhân, phụ nữ. Sau đó đến điện chánh, ăn chay

giữ giới, lên tòa ngồi ngay thẳng, nhớ nghĩ chân chánh, liền được tâm bình đẳng.

Khi ấy, Tứ Thiên vương ở cõi trời thứ nhất, mời chư Thiên đến hội họp, cùng nhau khen ngợi công đức của Ha-điêu A-na-hàm. Vị vua lớn nhất trong bốn Thiên vương hạ xuống, đến chỗ Ha-điêu A-na-hàm, khen ngợi công đức của ông ta. Lúc đó, Ha-điêu A-na-hàm được tâm bình đẳng, không đáp lời Thiên vương. Một vị Tỳ-kheo ở bên Phật, đến nhà Ha-điêu A-na-hàm. Ông ta liền đứng dậy đón tiếp vị Tỳ-kheo, mời ngồi ở trước.

Tỳ-kheo nói:

–Ở trong chúng, Phật thường khen ngợi công đức của ông.

Ha-điêu A-na-hàm hỏi Tỳ-kheo:

–Khi Phật khen ngợi con, có người cư sĩ nào ở đó không?

Tỳ-kheo đáp:

–Không có cư sĩ. Nếu có cư sĩ sẽ gây ra sự ganh tị nghi ngờ gì?

Ha-điêu A-na-hàm thưa:

–Phật nói lời chân thật, sợ cư sĩ không tin, sẽ bị đọa vào địa ngục. Nếu người tin lời Phật, liền đến hầu hạ con, ban phát cho con. Con không thích làm phiền người khác. Do đó, nên con mới hỏi như vậy.

Khi Tỳ-kheo từ giã ra về. Ha-điêu A-na-hàm thưa:

–Có lẽ từ sớm đến giờ thầy chưa ăn gì. Xin mời thầy ở lại dùng bữa.

Nói xong, ông ta liền đi lấy nước và thức ăn.

Ăn uống xong, Tỳ-kheo trở về, bạch Phật:

–Con đến nhà Ha-điêu A-na-hàm nói: "Ở trong chúng, Phật thường khen ngợi Ha-điêu A-na-hàm."

Nhân đó, ông ta hỏi con: "Khi Phật khen ngợi con, có cư sĩ nào ở đó không?"

Con nói: "Không có cư sĩ. Nếu có, cư sĩ sẽ gây ra sự ganh tị nghi ngờ gì?"

Ha-điêu A-na-hàm thưa: "Phật khen ngợi con là lời thành thật, không sai. Cư sĩ không tin lời Phật, sẽ bị đọa vào địa ngục. Nếu tin thì lại đến hầu hạ con. Con không thích làm phiền người khác. Do đó, nên mới hỏi như vậy."

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Ta chưa từng nói bảy việc của Ha-điêu A-na-hàm cho các ông nghe. Nay lại có thêm một việc nữa là tám việc.

Tám việc đó là:

1. Không mong cầu, không muốn cho người ta biết đến.
2. Có lòng tin, nhưng không muốn cho người ta biết đến.
3. Biết sợ hãi tội lỗi, nhưng không muốn cho người ta biết đến.
4. Biết hổ thẹn, nhưng không muốn cho người ta biết đến.
5. Rất sáng suốt tiến tới nhưng không muốn cho người ta biết đến.
6. Tự xem xét nhưng không muốn cho người ta biết đến.
7. Đắc thiền định nhưng không muốn cho người ta biết đến.
8. Thông tuệ nhưng không muốn cho người ta biết đến.

Sở dĩ không muốn cho người ta biết đến là vì: Không muốn làm phiền người khác, nên không muốn làm cho người khác biết đến.

Phật giảng nói kinh xong, các Tỳ-kheo lòng rất vui mừng, đều đến trước Phật làm lễ và lui ra.

❑

SỐ 539

KINH LÔ-CHÍ TRƯỞNG GIẢ NHÂN DUYÊN

Hán dịch: Thất dịch. Phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

Phật nói:

–Nếu vướng mắc vào tham lam, bỏn sẻn thì bị hàng trời, người khinh rẻ. Do đó, người trí nên biết bố thí người khác? Vì sao? Vì ta từng nghe:

Xưa kia, có đại Trưởng giả tên là Lô-chí. Nhà rất giàu có, tài sản vô lượng, kho tàng chất đầy như Tỳ-sa-môn. Do thuở xưa gieo nhiều ruộng phước, tu hạnh bố thí, nên được phước báo này. Nhưng khi bố thí lại không biết lòng cho. Do đó, tuy giàu có, nhưng tâm ý thấp hèn, bản thân mặc quần áo dơ bẩn, ăn cơm độn, gạo lúa xấu đắng, rau cỏ sơ sài để no lòng; uống nước thiu, nước lạnh để trị bệnh khát; đi xe cũ mục, lấy lá cỏ làm tán xe; đối với tài sản của mình rất là keo kiệt, tinh thần khổ nhọc, mệt mỏi chăm lo giữ gìn của cải, cực khổ như đầy tớ, bị mọi người chê cười.

Nghe vậy, La-hầu-la nói kệ:

Do bố thí không đồng
Nên quả báo sai khác
Bố thí với tâm thành
Tâm ý được thoải mái.
Nếu lòng không kính trọng
Quả bố thí không sạch
Lô-chí tuy rất giàu
Vẫn bị cười, coi thường!

Lại nữa, có một thời, trong thành đến kỳ lễ hội, nhà cửa được trang hoàng, vẽ vời rất đẹp, cờ, lọng, lụa là trang sức khắp nơi, treo các giỏ hoa, rưới nước thơm dưới ao và rải các loài hoa thơm, đẹp. Các cửa lớn, cửa nhỏ, cửa sổ đều có hoa trang trí. Lại có các thứ âm nhạc, ca múa, vui chơi, hưởng lạc như ở các cung trời. Trong các cửa lớn, đều đặt bình vàng, đựng đầy nước thơm. Trong các hẻm nhỏ đều treo cờ, lọng, lụa là, rải các loại hoa thơm đẹp, rưới nước thơm dưới đất.

Thấy dân chúng, người người hợp lại, cùng nhau vui chơi nhảy múa rất vui vẻ, Lô-chí liền nghĩ: "Những tôi tớ, kẻ xin ăn, người thấp hèn, đều vay mượn quần áo để mặc, được ăn những thức ăn ngon. Ta thì y phục, chuỗi ngọc, của báu đầy đủ, cớ sao lại không vui chơi?"

Lô-chí liền đi mau về nhà, dùng chìa khóa mở cửa kho, lấy năm quan tiền, rồi khóa cửa lại, suy nghĩ: "Nếu ở nhà ăn, có mẹ, vợ và quyến thuộc thì sẽ không đủ. Nếu đến nhà người khác ăn thì chủ nhà và người xin ăn sẽ đến xin."

Lúc đó, Lô-chí dùng hai quan tiền mua bánh, hai quan tiền mua rượu, một quan tiền mua hành, lấy vạt áo bọc muối, từ trong nhà ra ngoài thành, đến bên gốc cây. Đến nơi, thấy có nhiều quạ, ông ta nghĩ: "Nếu ngồi ở đây, quạ sẽ đến rỉa ăn."

Nghĩ vậy, ông ta liền đi đến gò cao, thấy có nhiều chó, lại càng chạy xa. Đến chỗ vắng vẻ, lấy muối bỏ vào rượu, ăn bánh với hành. Trước đây chưa từng uống rượu, nên ông ta rất say. Say sưa rồi, ông ta nói:

–Bây giờ cả nước đều vui vẻ, ta sao lại một mình không vui?

Lô-chí liền đứng dậy nhảy múa, ca hát:

Dầu làm Đế Thích
Ngày nay vui chơi
Còn không bằng ta
Huống Tỳ-sa-môn!

Lại nói tiếp:

–Nay gặp lễ hội, tha hồ uống rượu, tha hồ vui sướng, còn hơn Tỳ-sa-môn, cùng hơn cả trời Đế Thích.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân cùng vô số Thiên chúng đang đến vườn Kỳ hoàn. Đi giữa đường, gặp Lô-chí say sưa, múa men, ca hát lại còn nói hơn cả trời Đế Thích.

Đế Thích bèn suy nghĩ: "Kẻ tham lam bỏn sẻn này, ở chỗ vắng, uống rượu, mắng chửi, làm xấu ta."

Rồi lại nghĩ: "Ta chớ nên đến chỗ Phật, trước hết nên quấy rối kẻ kia đã."

Đế Thích liền biến hóa thân mình giống như Lô-chí, đi đến nhà ông ta. Đến nơi, ông nhóm họp cha mẹ, tôi tớ, quyến thuộc, rồi ngồi ở trước mặt mẹ, thưa:

–Xin mẹ nghe lời con nói. Từ trước đến nay, có con quỷ bỏn sẻn theo con, làm cho con tiếc của, không dám ăn, cũng không cho cha mẹ, quyến

thuộc tiền bạc, của cải gì… đều do con quỷ bỏn sẻn này. Nay con ra đi, gặp một Đạo nhân, cho con bài chú thiện, nên trừ được quỷ bỏn sẻn. Nếu quỷ bỏn sẻn kia có đến, hoàn toàn không thể làm não loạn con được. Nhưng con quỷ bỏn sẻn lại giống như con. Nếu nó đến, các người giữ cửa hãy lấy cây đánh cho nó thật đau, ắt nó sẽ giả xưng: "Ta là Lô-chí." Mọi người chớ nên tin lời nó.

Nói rồi ông ta cho mở cửa các kho, lấy nhiều của cải, làm thức ăn ngon cho mẹ, vợ cùng quyến thuộc ăn uống no nê. Sau đó, bảo người giữ cửa mau ra đóng cửa, kẻo quỷ bỏn sẻn đến, đợi cho ta phân chia chuỗi ngọc, y phục, tấu các loại âm nhạc, rồi mới mở cửa.

Lúc đó, Đế Thích mở rộng kho tàng, lấy các chuỗi ngọc quý báu, trước hết dâng cho mẹ, rồi đến cho vợ và tất cả nam nữ trong nhà. Những khách đến thăm cũng được cho chuỗi ngọc, y phục, thức ăn và các loại nhạc. Quyến thuộc trong nhà dùng các loại hương thoa thân, xông trầm, rưới nước.

Khi ấy, Đế Thích một tay dắt mẹ Lô-chí, một tay dắt vợ Lô-chí, vui chơi nhảy múa, vui vẻ không cùng.

Người ở thành Xá-vệ, nghe quỷ bỏn sẻn tham lam trong người Trưởng giả Lô-chí đã bị diệt trừ, nên tụ họp đến xem thử.

Lúc này, Lô-chí tỉnh rượu, trở về thành, vào nhà, thấy mọi người đứng đầy cả cửa, lại nghe trong nhà có tiếng ca múa, nên rất kinh ngạc, nghĩ: "Chắc là nhà vua giận ta nên đem quần thần, binh chúng đến nhà ta, muốn trách phạt ta. Hay là người trong thành Xá-vệ, nhân ngày lễ hội mà vào nhà ta? Hay là chư Thiên muốn làm ích lợi cho ta, nên đến nhà ta tấu các loại âm nhạc này? Hay là người nhà phá hoại kho tàng của ta, tự ăn uống?" Suy nghĩ rồi, Lô-chí vội vàng chạy đến cửa chính, lớn tiếng gọi những người trong nhà.

Khi ấy, tiếng nhạc trong nhà rộn ràng, làm cho mọi người không nghe tiếng Lô-chí gọi, Đế Thích nghe tiếng gọi, bảo mọi người:

–Ai đập cửa ngoài kia? Các người hãy ngừng nhạc lại. Hoặc có thể là quỷ bỏn sẻn kia đã trở về.

Nghe có quỷ, mọi người mở cửa lớn, bỏ chạy.

Khi ấy, Lô-chí đi vào nhà, thấy quyến thuộc ngồi la liệt vây quanh. Đế Thích ngồi ở giữa, mẹ ngồi bên phải, vợ ngồi bên trái, y phục xinh đẹp, đeo chuỗi ngọc quý, trống nhạc đàn ca, uống rượu mừng hội, sắc mặt vui vẻ, Lô-chí ngạc nhiên hỏi Đế Thích:

–Ông là ai mà vào nhà tôi tự do như vậy?

Đế Thích mỉm cười:

–Ngày nay, người trong nhà đã biết ta.

Quyến thuộc trong nhà liền hỏi Lô-chí:

–Ông là ai?

Lô-chí đáp:

–Ta là Lô-chí.

Mọi người đều chỉ Đế Thích, nói:

–Đây mới là Lô-chí, chủ nhà của chúng ta.

Lô-chí lại hỏi người nhà:

–Còn tôi là ai?

Người nhà đáp:

–Ông tuy nhận như vậy nhưng giống như quỷ của Lô-chí.

Lô-chí nói:

–Tôi không phải là quỷ. Tôi là Lô-chí. Các người hãy xem cho kỹ.

Nhìn về phía mẹ, Lô-chí nói:

–Đây là mẹ tôi, đây là anh tôi, đây là em tôi, đây là vợ yêu quý của tôi, đây là con thương yêu của tôi, tất cả nô bộc đều là của tôi.

Lại chỉ Đế Thích và nói với người nhà:

–Đây là dung mạo người khác chỉ giống tôi, hóa ra giả tôi. Tôi từ nhỏ đến nay, tích chứa tài sản, tiền của, kho tàng… người này huyễn hóa, gạt gẫm, để làm tiêu tan tài sản của tôi.

Khi ấy, mọi người trong nhà đều không tin.

Đế Thích hỏi mẹ:

–Con với người này rất giống nhau, phải không?

Mẹ đáp:

–Dung mạo quỷ kia rất giống con.

Mẹ lại nói với Đế Thích:

–Xem con là người hiếu thuận, biết phụng dưỡng mẹ. Chính con là thật, mẹ đã sinh con, người kia là quỷ. Nếu cả hai người đều hiếu thuận với mẹ thì mẹ không thể phân biệt được. Do con hiếu thuận, người kia trái nghịch, nên mẹ chắc chắn biết con là con của mẹ.

Đế Thích quay lại hỏi vợ:

–Người kia là chồng của nàng, sao nàng không lại thân cận với hắn đi.

Người vợ thẹn đỏ mặt, nói:

–Quái lạ, không đi đâu hết, tôi nhất định không làm vợ người đó.

Người vợ thưa Đế Thích:

–Đại gia, thiếp thà chết bên chàng, chứ quyết không sống bên quỷ kia.

Đế Thích bảo người nhà:

–Các ngươi đã quyết định ta là Lô-chí, sao lại để quỷ kia vào đây?

Người nhà nghe nói vậy, liền kéo ngược chân Lô-chí đánh đập, đẩy ra ngoài cửa. Đến hẻm nhỏ, Lô-chí khóc lớn, than:

–Thật lạ thay! Nay tôi thân thể, đầu mặt có khác lúc trước hay sao, mà bị mọi người đuổi đi như vậy?

Lại nói với người xung quanh:

–Thân của tôi có giống như trước không? Mặt của tôi có giống như trước không?

Rồi lại hỏi những người đi đường:

–Tướng mạo cao thấp có khác không?

Những người bên cạnh đáp:

–Ông vẫn như vậy, không khác lúc trước.

Lô-chí lại nói với mọi người:

–Ta nay là ai? Ai đã hóa ra ta làm người khác phải không? Tên ta là gì? Ta đang ở đâu?

Lại than lớn:

–Thật là lạ thay! Bây giờ ta biết đi đường nào?

Khi ấy, Lô-chí như người điên cuồng. Những người hàng xóm, chẳng phải người nhà, đều đến an ủi Lô-chí:

–Ông chớ lo sợ, ông là Lô-chí, ông ở trên phố lớn, trong thành Xá-vệ. Chúng tôi là xóm giềng của ông, nên đến thăm ông, ông hãy bình tĩnh, để tìm phương kế, phân minh rõ ràng.

Nghe nói vậy, Lô-chí tạm yên tâm, lau nước mắt, hỏi lại mọi người:

–Tôi có phải thật là Lô-chí không?

Mọi người đáp:

–Ông thật là Lô-chí.

Lô-chí bảo mọi người:

–Các người đều có thể làm chứng cho tôi được không?

Mọi người đáp:

–Chúng tôi có thể làm chứng: Ông thật là Lô-chí.

Lô-chí nói:

–Nếu vậy, các người hãy nghe tôi nói nguyên nhân:

Người trẻ này là ai?
Rất giống tôi như đúc
Cùng vợ yêu của tôi
Chung ngồi kề trên giường.
Người quyến thuộc trong nhà
Đánh đuổi tôi ra khỏi
Họ đều thương người kia
Cho ở trong nhà tôi.
Tôi chịu khổ đói rét
Tích chứa tiền của cải
Người kia tự do dùng
Tôi chẳng có hào nào.
Giống như Tỳ-sa-môn
Ăn mặc được thoải mái
Những người ở trong thành
Tất cả đều nghi ngờ.
Đều nói như thế này:
Việc này nên làm sao?
Có người rất hiểu biết
Nói lời như thế này:
Người xảo quyệt gian trá
Tướng mạo giống Lô-chí
Biết ông rất bỏn sẻn
Nên đến quấy rối ông.
Chúng ta cùng làm chứng
Đừng để ông bị đuổi.

Nghe nói như vậy, mọi người đồng lòng, nói với Lô-chí:

–Sao, bây giờ ông muốn làm gì?

Lô-chí liền nói:

–Các người nên vì tôi, ngày mai tụ họp, cùng đi đến cung vua.

Mọi người nói:

–Sáng mai chúng tôi sẽ đưa ông đến cung vua.

Qua ngày mai, mọi người nói:

–Lành thay, lành thay! Nay đã đến lúc.

Lô-chí liền nói:

–Đây là việc lớn. Tiền bạc của tôi, nay tôi không được quyền sử dụng. Các ông có thể cho tôi mượn, nếu kiện thắng được, tôi sẽ trả lại cho.

Mọi người nói:

–Ông muốn vật gì, chúng tôi sẽ cho ông.

Khi ấy, Trưởng giả Lô-chí nói:

–Các người đưa cho tôi mượn hai tấm vải, trị giá bốn thù vàng, để dâng lên vua.

Mọi người đều cười, nghĩ thầm: "Lô-chí từ trước đến nay, chưa từng có như vậy. Nay nói bốn thù, thật là lòng bố thí lớn."

Lô-chí liền ôm hai tấm vải đến cung vua, bảo người gác cổng:

–Tôi có vải, muốn hiến dâng cho nhà vua.

Người gác cổng rất kinh ngạc, mỉm cười, nghĩ: "Ta ở đây ba mươi năm, chưa từng nghe người này đến đây dâng hiến vật gì. Nay vì sao lại như vậy?"

Khi ấy, người giữ cửa liền vào, chắp tay tâu vua:

–Thật là việc chưa từng có! Hôm nay, Lô-chí đến cửa cung dâng hiến.

Nhà vua suy ngẫm, không hề vội vàng, mà tự nghĩ: "Hôm nay nhằm ngày lễ hội, vì lý do gì có nhiều người kéo đến cung ta? Lô-chí keo kiệt, lại càng không đến cung ta. Người giữ cửa không lẽ đùa với ta. Việc này như thế nào, ta không thể tin. Phàm làm vua, ví như biển lớn, không chảy ngược về các sông nhỏ, đâu có thể tính toán tài sản nhiều ít."

Bấy giờ, nhà vua mới cho dẫn Lô-chí vào. Vua suy nghĩ: "Lô-chí này, vốn bản tánh keo kiệt, nếu không có việc chết đến nơi thì đâu có đến đây."

Khi ấy, Lô-chí cùng với mọi người đến chỗ vua, muốn lấy hai tấm vải ra để dâng lên vua. Lô-chí dùng tay kéo mạnh tấm vải đang kẹp dưới nách, nhưng kéo hoài không được, phải dùng hết sức kéo mới lấy ra được.

Khi Lô-chí kéo ra được, Đế Thích liền hóa nó thành hai bó cỏ.

Nhìn thấy hai bó cỏ. Lô-chí rất hổ thẹn, liền ngồi xuống đất. Thấy vậy, nhà vua thương xót bảo:

–Dù là bó cỏ, cũng không có gì khổ sở. Ngươi muốn nói việc gì thì

cứ nói đi.

Lô-chí nghẹn ngào, sụt sùi thưa:

–Thần thấy bó cỏ, thật vô cùng xấu hổ. Không lẽ chui đầu xuống đất. Không biết hôm nay có thân này hay là không? Biết làm sao đây?

Nghe nói, nhà vua thương xót, mới hỏi người bên cạnh:

–Hôm nay, người kia sao mà khổ sở, không thốt ra lời? Các ngươi, nếu biết việc này thì nên thay thế, trình bày rõ ràng.

Người bên cạnh tâu vua:

–Hôm nay, Lô-chí đến cung vua là muốn tâu trình một việc: Không biết người nào, hình dạng giống như Lô-chí, đến nhà giả xưng là Lô-chí, làm cho những người trong nhà đều yêu mến người ấy. Người ấy đã tiêu dùng sạch hết tài sản, mọi người trong nhà đã không nhận biết được, còn đánh đuổi Lô-chí ra khỏi nhà, lang thang ngoài đường, do đó nên buồn khổ, không thốt nên lời.

Vua bảo:

–Nếu như vậy thì thật đáng buồn khổ. Vì sao? Vì tài sản của mình đã bị người khác dùng. Tuy vậy, ta sẽ xét xử để lấy lại tài sản cho ngươi.

Vua lại hỏi:

–Người đời, tuy hình dạng giống nhau, nhưng tâm ý chưa chắc giống nhau. Tuy tâm giống nhau, nhưng chỗ ẩn kín trong thân thể có dấu vết, có thể mọi người không biết, ắt phải khác nhau chút ít. Ngươi chớ buồn rầu, ta sẽ kiểm tra lại cho ngươi.

Khi ấy, có một vị quan tên là Túc Cựu, liền đứng dậy, chắp tay, tâu vua:

–Lành thay! Đại vương! Trí tuệ của nhà vua, thương xót người oan uổng, thật là chánh đáng.

Bấy giờ, Túc Cựu liền nói kệ:

Người buồn khổ lo sợ
Vua cứu giúp cho họ
Người nghèo cùng gặp nạn
Nhà vua làm bạn thân.
Người làm thiện chân chánh
Vua cùng làm bạn pháp
Đối với người làm ác
Vua làm móc câu voi.

Lúc này, Lô-chí hình thể sát đất, tâu vua:

–Nhà thần có chỗ cất báu rất kín đáo, người kia không thể biết được. Thân thể thần có vết kín, làm sao biết được. Cúi xin đại vương vì hạ thần kiểm xét.

Vua liền sai sứ đến gọi người giống Lô-chí, bảo ông ta mau đến. Nghe gọi, người kia liền đến chỗ vua, đứng một bên. Hình tướng hai người không thể phân biệt được. Vua quán xét kỹ, cho là việc chưa từng có, tuổi tác, tướng mạo, vóc hình lớn nhỏ, mặt mũi, nói cười, nhan sắc đều giống nhau như biến hóa ra, giống nhau không khác chút nào. "Nay hai người này đứng ở đây ta không thể phân biệt, còn làm cho ta kinh ngạc, nghi ngờ."

Vua hỏi người mới gọi đến:

–Ông là ai?

Người này liền than thở:

–Thần mà không sống ở đây, chi bằng chết còn hơn. Làm sao mà thần sinh trưởng ở đất nước nhà vua mà vua không biết, lại hỏi hạ thần là ai!

Vua thẹn đỏ mặt, nghĩ: "Đây thật là Lô-chí." Vua nói với người đến trước:

–Ông lại muốn nói điều gì?

Lô-chí thưa:

–Thần là Lô-chí, người kia không phải.

Vua nói:

–Hai người các ông như bóng trong gương, mặt mũi, hình dáng, nhan sắc giống nhau, làm sao có thể phân biệt?

Lô-chí thưa:

–Chính vì việc này, hạ thần mới đến vua trước. Giống như có người bệnh đau, khổ sở, gặp nạn, sợ hãi thì đều hướng về vua vậy.

Vua nói:

–Thật đúng như vậy. Sở dĩ ta nhận tô thuế của mọi người chính là việc này.

Vua suy nghĩ, rồi nói với Đế Thích:

–Ta muốn hỏi ông: Tánh của Lô-chí là bỏn sẻn, còn tánh của ông rộng rãi, mỗi người mỗi tánh khác nhau. Nay vì sao ông lại xưng là Lô-chí?

Đế Thích thưa:

–Vua hỏi chi điều nhỏ nhặt như vậy. Thật đúng như vua nói, nhưng nay hạ thần đã gần gũi và theo Phật giáo. Người bỏn sẻn, đọa vào loài ngạ quỷ, trăm ngàn vạn năm chịu khổ đói khát, cầu xin máu mủ, phẩn tiểu bất tịnh để ăn, hoàn toàn cũng không thể được, dù nhỏ như đầu sợi lông, nước sông suối mát mẻ thì biến thành dòng lửa… Thần nghe bỏn sẻn có lỗi như vậy, nên sợ hãi, muốn xả bỏ tội lỗi này. Vì vậy liền xả bỏ lòng bỏn sẻn tham lam, phát sinh tâm bố thí.

Nhà vua bảo:

–Ngươi nói có lý, giống như áo hôi bẩn, dùng tro giặt liền sạch. Nghe pháp, tâm phiền não được đoạn trừ.

Vua bảo các quan:

–Như vậy, làm sao phân biệt được hai người, ai là Lô-chí thật, ai là Lô-chí giả?

Vị quan Túc Cựu tâu:

–Thần xin hỏi những việc ẩn kín trong nhà của hai người. Nếu có giống hay khác, sau đó ta có thể phân biệt, biết được.

Vua bảo quan Túc Cựu:

–Ta bận nhiều việc, không thể tinh tế hỏi được. Theo lời ngươi nói, nên như vậy mà hỏi.

Quan Túc Cựu liền phân hai người, mỗi người mỗi chỗ, rồi bảo:

–Các ngươi hãy ghi chép lại: Hằng năm, những người thân thuộc, trong ngoài, lớn nhỏ, số người, tên họ bao nhiêu. Trong nhà có phòng ốc, cửa lớn, cửa nhỏ và tài sản, tất cả kho chứa, các thứ đồ vật để trên đất hay giấu trong lòng đất, mọi thứ đều nghi rõ ra hết, thành sổ sách, rồi mau đem đến đây.

Hai người đều đem sổ sách đến. Tất cả vật sở hữu, việc bí mật, cho đến những dấu vết đều giống nhau.

Vua thấy việc này cho là việc chưa từng có: “Ta đã hết sức suy nghĩ nhiều cách, mà không thể phân biệt. Đây chẳng phải là việc của người thường. Chắc là việc làm của phi nhân.”

Vua bảo:

–Hãy gọi hai người đến bên ta.

Vua nhìn xem hồi lâu, rồi bảo người hầu:

–Hãy gọi mẹ họ đến.

Quân lính liền gọi người mẹ đến. Đến nơi, người mẹ hướng đến nhà vua, lễ bái.

Vua chắp tay:

–Tôi cũng chào bà.

Người mẹ tâu:

–Nguyện cho đại vương sống lâu ngàn năm, vạn tuế, lìa các oán hại, tu phước không mỏi.

Vua bảo trải tòa ngồi, mời người mẹ ngồi yên lên đó.

Vua hỏi người mẹ:

–Hai người này, ai là con bà? Ai chẳng phải là con bà?

Đế Thích nói nhỏ với mẹ:

–Mẹ chớ có nhìn lại cái khổ lúc trước.

Mẹ nói:

–Con chớ có lo.

Người mẹ cung kính tâu vua:

–Đứa con hiếu thảo, cúng dường mọi thứ cho tôi, hiếu thuận với tôi, đó là con tôi. Đứa con bất hiếu, thường không thương yêu tôi, nên biết chẳng phải là con tôi. Mà hai người này, tuy biết tâm tốt xấu, nhưng tiếng nói, hình dạng giống nhau. Tôi cũng không thể phân biệt.

Vua lại hỏi:

–Ta muốn hỏi thêm các việc khác: Bà nuôi đứa con này từ lúc còn nhỏ, thường tắm rửa, bà thấy trên thân thể nó, chỗ ẩn kín, có dấu sẹo hay nốt ruồi gì bí ẩn không?

Người mẹ nói:

–Tâu vua, có.

Đế Thích nghĩ: "Giả sử có vết sẹo lớn như núi Tu-di, ta cũng có thể hóa ra được, huống gì là vết sẹo nhỏ", liền biến hóa ngay.

Vua liền nghĩ: "Nay ta sẽ xử được việc này. Chắc chắn quyết định được!" Vua bảo:

–Các ngươi hãy bày nách bên trái, giơ cao cánh tay lên.

Hai người liền đưa cánh tay lên, thấy hai vết sẹo không khác, vua và quần thần cười lớn, nói:

–Việc này chưa từng nghe thấy, làm cho mọi người cười, làm cho mọi người sợ, làm cho mọi người nghi. Đây là việc kỳ lạ, rất đáng lo sợ!

Vua bảo các quan:

–Việc như vầy, ta chẳng hiểu được, nên dẫn hai người này đến vườn Kỳ hoàn gặp Phật, ắt sẽ được giải quyết rõ ràng, việc này làm ta mất vui

trong ngày lễ hội này.

Vua liền nói kệ:

Phật ra đời đã lâu
Hay cứu giúp thế gian
Giải thoát các tội lỗi
Khô cạn biển ái dục.
Mặt như ánh trăng rằm
Đầy đủ thần túc thông
Ba cõi đều kính ngưỡng
Tự tại trong thế gian.
Bậc Đại Bi có thể
Giải nghi cho chúng ta
Tất cả đều khen ngợi
Việc này phải như vậy.

Nói kệ xong, vua và quần thần đều tự trang sức trên mão, đeo châu báu chuỗi ngọc. Quần thần cầm hương hoa đi theo sau vua. Hai Lô-chí cưỡi hai con voi, đều được trang sức. Khi ấy, nhà vua đi xe có mái che, cùng với trăm ngàn vạn loại âm nhạc hòa tấu đi theo sau vua.

Khi đến tinh xá Kỳ hoàn, nhà vua cởi bỏ năm thứ mũ báu, lọng báu, đao kiếm, giày da và dây đai, ngọc châu, y phục tề chỉnh, đi đến chỗ Phật.

Bấy giờ, trời, rồng, tám bộ và bốn chúng đang vây quanh nghe Phật thuyết pháp.

Khi ấy, nhà vua và mọi người đều quỳ sát đất làm lễ Phật, rồi chắp tay, bạch Phật:

–Con và chúng sinh bị vô minh che lấp, không phân biệt được thật giả, chỉ Phật là tâm ý trong sáng. Tất cả chúng sinh bị trăm ngàn ngọn lửa phiền não thiêu đốt, chỉ có Phật Thế Tôn được đoạn trừ, vắng lặng. Tất cả thế gian đều bị trói buộc trong sinh tử, chỉ có Phật là bậc được giải thoát, làm bạn thân chân chánh của chúng sinh. Trong khi tất cả người đều mù. Phật là bậc có mắt sáng. Chúng con không thể phân biệt được các nhân duyên trong hai người này, ai là Lô-chí, ai chẳng phải là Lô-chí.

Nhà vua cho dẫn hai Lô-chí đến trước Phật. Tất cả mọi người đều ngồi im lặng.

Lô-chí giả sắc mặt vui vẻ, có chuỗi ngọc châu báu trang sức trên thân, ngồi im lặng.

Lô-chí thật sắc mặt tiều tụy, ăn mặc bẩn thỉu, bụi đất bám đầy thân, rất là buồn khổ, thưa:

–Thế Tôn đại Bi, cứu giúp tất cả! Xin Ngài cứu giúp cho con.

Bấy giờ, Đế Thích thấy Lô-chí buồn rầu, tự mỉm cười.

Vua Ba-tự-nặc từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay, thưa Phật:

–Đối với việc này, Phật có thể chứng biết. Tất cả chúng sinh bị phiền não che mờ, chỉ có Phật Thế Tôn cầm ngọn đèn trí tuệ hướng dẫn chúng sinh theo đường giải thoát. Như vị thầy thuốc lớn, như người dẫn đường, có thể ban cho tất cả chúng sinh sự không sợ hãi, ban cho tất cả chúng sinh tài sản căn lành, diệt trừ phiền não, nên gọi là đại tiện. Lành thay, Đức Thế Tôn! Xin Thế Tôn dùng ngọn lửa trí tuệ, thiêu đốt rừng lưới nghi, phiền não của con. Nguyện xin Thế Tôn, đoạn trừ nghi ngờ của chúng con. Hai người này, ai là thật, ai là giả?

Lúc này, Đức Thế Tôn đưa cánh tay tướng tốt trang nghiêm chỉ Đế Thích mà hỏi:

–Ông làm việc gì vậy?

Đế Thích liền biến mất thân tướng Lô-chí, trở lại hiện nguyên hình với các thứ ánh sáng, châu như ý, anh lạc trang sức nơi thân, chắp tay hướng về Phật, nói kệ thưa:

Bị bỏn sẻn chế ngự
Không dám ăn mặc gì
Năm tiền mua rượu bánh
Trộn muối vào mà uống.
Uống rồi lại say sưa
Cười giỡn và ca múa
Khinh chửi các vị trời
Vì nhân duyên như vậy
Con làm khổ não hắn.

Phật bảo Đế Thích:

–Tất cả chúng sinh đều có tội lỗi, ông nên xả bỏ.

Bấy giờ, Lô-chí thưa với Đế Thích:

–Tôi cực khổ lắm mới tích chứa được của cải. Tất cả tài sản của tôi nếu ông không tiêu dùng thì sao hết?

Đế Thích đáp:

–Tôi không làm tiêu hao một hào ly tài vật của ông.

Phật bảo Lô-chí:

–Hãy về nhà xem lại tài vật của ông.

Lô-chí bạch Phật:

–Tài vật của con, ông ấy đã tiêu dùng hết, về nhà làm chi nữa?

Đế Thích đáp:

–Thật tình, tôi không tiêu hao một chút nào tài sản của ông.

Lô-chí thưa:

–Tôi không tin ông, mà chỉ tin lời Phật dạy.

Do tin lời Phật nên Lô-chí đắc quả Tu-đà-hoàn.

Khi ấy, tám bộ chúng và bốn chúng thấy, nghe việc này đều chứng đắc bốn đạo quả. Các chúng sinh gieo nhân duyên ba nghiệp, chư Thiên và bốn chúng nghe Phật thuyết pháp, tất cả đều vui mừng và lui ra.

❑

SỐ 540

KINH THỌ-ĐỀ-GIÀ

Hán dịch: Đời Tống, Tam tạng Cầu-na Bạt-đà-la, người nước Vu-điền.

Phật nói:

–Xưa có một đại trưởng giả giàu có, tên là Thọ-đề-già, kho tàng chứa đủ thứ, vàng bạc đầy dẫy, nô tỳ rất nhiều, không thiếu một thứ gì.

Một hôm, gặp lúc trở trời, gió thổi mạnh, làm cho chiếc khăn lụa trắng của Thọ-đề-già, treo ở cạnh bờ ao, bay đến trước điện vua.

Nhà vua mở hội lớn, tập hợp các quần thần, cùng nhau bàn luận, hỏi các quan về điềm kỳ lạ. Các quan đều tâu:

–Nước sắp hưng thịnh, trời ban cho lụa trắng.

Chỉ riêng Thọ-đề-già im lặng không nói.

Vua hỏi Thọ-đề-già:

–Các quan đều vui mừng, vì sao khanh không nói?

Thọ-đề-già tâu:

–Thần không dám dối vua. Đó là khăn lau mình của nhà thần, treo ở cạnh bờ ao, gặp lúc gió trời thổi mạnh, bay đến trước điện vua. Do đó nên thần im lặng không nói.

Vài ngày sau, có một hoa vàng chín màu, lớn như bánh xe, gặp lúc trời có gió thổi mạnh, bay đến trước điện vua. Nhà vua liền mở đại hội, tập hợp các quần thần, cùng nhau bàn luận, hỏi các quan về điềm kỳ lạ. Các quan đều tâu:

–Nước sắp hưng thịnh, trời ban cho hoa vàng này.

Thọ-đề-già im lặng không nói.

Vua hỏi Thọ-đề-già:

–Các quan đều vui mừng, vì sao khanh không nói?

Thọ-đề-già tâu:

–Thần không dám dối vua. Đó là hoa sau vườn nhà thần. Hoa rụng, gặp lúc trời có gió thổi mạnh, bay đến trước điện vua. Vì thế thần im lặng

không nói.

Vua bảo Thọ-đề-già:

–Nhà khanh được như vậy, khanh hãy về bảo những người trong nhà sắp xếp, ta sẽ dẫn hai mươi vạn người đến nhà khanh tham quan.

Thọ-đề-già thưa:

–Xin vua cùng đi ngay đến nhà thần. Nhà thần, giường chiếu tự nhiên có sẵn, không cần người trải; thức ăn uống tự nhiên có sẵn, không cần người làm. Tất cả các thứ đồ dùng tự nhiên đến, không cần kêu gọi; tự nhiên đi, không cần dẹp cất.

Nhà vua liền dẫn hai mươi vạn người đến tham quan nhà Thọ-đề-già. Đi thẳng vào cửa phía Nam, vua thấy trong cửa có một bé trai, hình dáng ngay thẳng xinh đẹp, sắc mặt tươi vui, rất đáng mến.

Vua hỏi Thọ-đề-già:

–Đây có phải là cháu bé nhà khanh không?

Thọ-đề-già thưa:

–Thần không dám dối vua, đó là người ở, giữ cửa nhà thần.

Lại tiến bước thêm vào bên trong, nhà vua thấy một cô gái nhan sắc xinh đẹp, vẻ mặt tươi vui, rất đáng mến.

Vua hỏi Thọ-đề-già:

–Đây có phải là vợ, hay con gái của khanh không?

Thọ-đề-già thưa:

–Thần không dám dối vua. Đó là đứa tớ gái, giữ nhà của thần.

Lại tiến thẳng vào trong cửa, vua thấy vách làm bằng bạc trắng, đất bằng thủy tinh, vua nghi là nước chảy, không dám bước tới, Thọ-đề-già liền đi trước dẫn vua. Vua thấy giường làm bằng vàng ròng, ghế làm bằng ngọc trắng. Vợ của Thọ-đề-già, từ trong bức màn có tới một trăm hai mươi lớp vàng bạc đi ra, xinh đẹp không ai bằng, vừa bước tới, làm lễ nhà vua, liền chảy nước mắt.

Vua hỏi Thọ-đề-già:

–Vợ khanh thấy có gì không ưa hay sao mà chảy nước mắt?

Thọ-đề-già thưa:

–Thần không dám dối vua. Vợ thần nghe mùi khói xông của vua, nên chảy nước mắt.

Vua nói:

–Thường dân đốt đèn bằng mỡ, chư hầu đốt đèn bằng sáp, Thiên tử

đốt đèn bằng keo, cũng không có mùi khói hay sao mà lại chảy nước mắt!

Thọ-đề-già tâu:

–Thần không dám dối vua. Nhà thần có một hạt châu minh nguyệt quý giá, treo nơi điện chính, nên suốt ngày đêm đều không cần đèn thắp sáng. Do đó, nhà vua vẫn ở trong khói, nên vợ thần vẫn nghe có mùi khói xông như vậy.

Phía trước nhà Thọ-đề-già, có lầu cao mười hai tầng. Trưởng giả đưa vua lên xem, phía Đông nhìn sang phía Tây, phía Nam nhìn sang phía Bắc, vui chơi thấm thoát đã hơn một tháng.

Đại thần tâu vua:

–Nước nhà có việc lớn. Đại vương cần trở về giải quyết.

Vua bảo:

–Hãy ráng chờ ta một chút.

Thọ-đề-già đưa vua dạo chơi sau vườn, xem suối chảy, tắm trong ao tắm, ăn trái cây vừa chín, ngon ngọt không gì bằng, rất là thích thú. Vua chơi cho đến một tháng nữa.

Đại thần tâu vua:

–Đại vương nên trở về. Nước có việc lớn cần phải giải quyết.

Vua bảo:

–Hãy ráng chờ ta một chút.

Thọ-đề-già liền đem vàng bạc, châu báu, các loại lụa là cho hai mươi vạn người. Tất cả đều lên xe, ngựa trở về cung.

Về cung, vua tập họp quần thần, cùng nhau bàn luận các việc kỳ lạ. Vua nói:

–Thọ-đề-già là bề tôi của ta, mà vợ con, nhà cửa lại còn hơn ta. Ta muốn diệt trừ hắn có được không?

Quần thần đều tâu:

–Hãy nên làm đi!

Vua liền đem bốn mươi vạn binh, đánh trống gióng chuông đi đến, vây quanh nhà Thọ-đề-già hơn hàng trăm lớp.

Trong nhà Thọ-đề-già, có một lực sĩ, tay cầm gậy vàng, giơ lên định đánh, bốn mươi vạn binh đều ngã quỵ, tay chân bị cột cứng, nằm cong queo, trạng thái như người say, đầu chân tê liệt, không thể đứng dậy được.

Thọ-đề-già nương trong xe mây, ở giữa hư không, hỏi mọi người:

–Các người đến đây có ý gì mà nằm dưới đất, không chịu đứng dậy?

Mọi người đáp:

–Quốc vương sai chúng tôi đến, muốn diệt trừ Trưởng giả. Trong nhà Trưởng giả có một lực sĩ, tay cầm gậy vàng giơ lên, toan đánh chúng tôi, bốn mươi vạn binh đều ngã lăn xuống đất, không thể đứng dậy được.

Thọ-đề-già hỏi:

–Các ngươi có muốn đứng dậy không?

Mọi người đều đáp:

–Chúng tôi muốn đứng dậy.

Thọ-đề-già phóng ánh mắt đại thần thông, nhìn qua một lượt, bốn mươi vạn binh đều đứng dậy và trở về cung vua.

Vua liền sai sứ giả gọi Thọ-đề-già. Khi Thọ-đề-già đến, vua và ông ta cùng ngồi một xe, đi đến gặp Phật. Vua hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Thọ-đề-già là bề tôi của con. Đời trước có công đức gì, mà vợ con, nhà cửa còn hơn con?

Phật bảo:

–Do tạo công đức ban phát cho người nên nay Thọ-đề-già hưởng phước lạc như trên cõi trời. Xưa, có năm trăm thương chủ, dẫn các thương nhân, đem theo châu báu, đi qua đường nguy hiểm, đang vội vã đi trong núi vắng thì gặp một Đạo nhân bị bệnh. Các vị cung cấp cho người bệnh ấy nào là nhà cỏ, giường nệm, nước uống, lương thực, nồi nhỏ, đèn đuốc... Lúc ấy họ nguyện được phước báo trên cõi trời, nên nay họ được phước báo này.

Phật nói:

–Người hành hạnh bố thí lúc đó, nay là vợ chồng Thọ-đề-già. Vị Đạo nhân bị bệnh khi ấy, nay chính là ta. Năm trăm thương chủ và thương nhân đều đã đắc quả A-la-hán.

Phật nói:

–Xưa, có Trưởng giả tên là Thọ-đề-già, kho tàng chứa đầy vàng, bạc, nô tỳ đông đúc, không thiếu một vật gì.

Một hôm, gặp lúc trời trở gió, khiến cho chiếc khăn lụa trắng, treo cạnh bờ ao, bay đến trước điện vua. Vua mở hội, triệu tập quần thần, cùng nhau bàn luận về điềm kỳ lạ này. Các quan đều tâu:

–Nước sắp hưng thịnh, nên trời ban cho lụa trắng.

Riêng Thọ-đề-già im lặng không nói.

Nhà vua hỏi Thọ-đề-già:

–Các quan đều vui vẻ, riêng khanh sao không nói?

Thọ-đề-già tâu:

–Thần không dám dối vua. Đó là khăn lau mặt của nhà thần, treo ở cạnh bờ ao, gặp lúc trời trở gió thổi mạnh, bay đến trước điện vua. Do đó nên thần im lặng không nói.

Vài ngày sau, có một hoa vàng chín màu, lớn như bánh xe, gặp lúc trời trở gió thổi mạnh, bay đến điện vua. Vua triệu tập quần thần, cùng nhau bàn luận, hỏi các quan về điềm kỳ lạ. Các quan đều tâu:

–Nước sắp hưng thịnh, nên trời ban cho hoa vàng.

Riêng Thọ-đề-già im lặng không nói.

Vua hỏi Thọ-đề-già:

–Các quan đều vui mừng, khanh sao không nói?

Thọ-đề-già tâu:

–Thần không dám dối vua. Đó là hoa sau vườn nhà thần, hoa rụng, gặp lúc trời có gió thổi mạnh, bay đến trước cung điện vua. Do đó thần im lặng không nói.

Nhà vua bảo Thọ-đề-già:

–Nhà khanh được như vậy, khanh hãy về bảo những người nhà sắp xếp, trẫm sẽ dẫn hai mươi vạn người đến nhà khanh tham quan.

Thọ-đề-già tâu:

–Xin đại vương và các quan cùng đi ngay với thần. Nhà thần giường mền tự nhiên có sẵn, không cần người trải. Thức ăn uống tự nhiên có sẵn, không cần người làm. Tất cả đồ dùng tự nhiên đến, không phải gọi kêu; tự nhiên đi, không cần cất dọn.

Nhà vua dẫn hai mươi vạn người đi thẳng vào cửa phía Nam nhà Thọ-đề-già. Bên trong cửa có một Đồng tử hình dáng đẹp đẽ, sắc mặt tươi vui, rất đáng mến.

Vua hỏi Thọ-đề-già:

–Đó là con trai của khanh, phải không?

–Tâu đại vương! Thần không dám dối với đại vương. Đó là người tớ, giữ nhà cho thần.

Lại tiến bước vào bên trong, nhà vua thấy một thiếu nữ hình dáng xinh đẹp, sắc mặt tươi vui, rất đáng yêu mến.

Vua hỏi Thọ-đề-già:

–Người đó là con gái hay vợ của khanh?

–Tâu đại vương! Thần không dám dối với đại vương. Đó là người ở, giữ nhà của thần.

Lại tiến thẳng vào hiên nhà, vua thấy vách làm bằng bạc trắng, mặc đất bằng thủy tinh, vua cho là dòng nước, nên phân vân không dám bước tới, Thọ-đề-già liền đi trước, dẫn vua vào xem giường vàng, ghế ngọc. Vợ của Thọ-đề-già, từ trong bức màn một trăm hai mươi lớp vàng bạc bước ra, lễ bái vua, liền chảy nước mắt.

Vua hỏi Thọ-đề-già:

–Vợ khanh lễ bái ta, có điều gì không ưa mà chảy nước mắt?

Thọ-đề-già tâu vua:

–Thần không dám dối vua. Vợ thần nghe hơi khói của nhà vua, nên chảy nước mắt.

Vua nói:

–Hàng thường dân đốt đèn bằng mỡ, chư hầu đốt đèn bằng sáp, Thiên tử đốt đèn bằng keo, cũng không có hơi khói hay sao, mà lại chảy nước mắt?

Thọ-đề-già tâu vua:

–Thần không dám dối vua. Nhà thần có một hạt ngọc thần minh nguyệt quý giá, treo ở điện chính, nên suốt ngày đêm không dùng lửa đốt mà vẫn sáng. Do đó, nhà vua thì vẫn ở trong khói, nên vợ thần vẫn nghe có mùi khói như vậy.

Thọ-đề-già đưa vua ra phía trước, bước lên lầu cao mười hai tầng, xem được từ phía Đông nhìn qua phía Tây, phía Nam nhìn qua phía Bắc. Thấm thoát, nhà vua ở chơi đã một tháng.

Đại thần tâu vua:

–Nước nhà có việc quan trọng. Xin đại vương trở về lo việc nước.

Vua bảo:

–Hãy ráng đợi ta chút nữa.

Thọ-đề-già lại đưa vua dạo ra sau vườn, xem suối chảy, ao tắm... tất cả đều rất xinh đẹp, rất đáng yêu. Thấm thoát, nhà vua vui chơi đã qua hơn một tháng nữa.

Đại thần tâu vua:

–Nước còn có việc lớn. Xin đại vương trở về lo việc nước.

Vua bảo:

–Hãy ráng đợi ta một chút.

Thọ-đề-già đem bảy báu, các thứ lụa là biếu cho hai mươi vạn người. Tất cả đều lên ngựa, xe trở về cung.

Về cung, vua mở đại hội, tập hợp các quần thần, cùng nhau bàn bạc, hỏi những điều kỳ lạ. Vua nói:

–Thọ-đề-già là thần dân của ta, mà vợ con, nhà cửa còn hơn ta. Ta muốn diệt trừ hắn, có được không?

Các quan đều tâu:

–Hãy nên làm!

Nhà vua liền sai bốn mươi vạn binh, khua chuông đánh trống, vây quanh nhà Thọ-đề-già đến hàng trăm lớp.

Trong nhà Thọ-đề-già, có một lực sĩ, tay cầm chày vàng, giơ lên toan đánh thì bốn mươi vạn người ngựa đều ngã quỵ xuống đất, tay chân bị trói cứng, nằm cong queo, trạng thái như người say, đầu chân tê liệt, không thể đứng dậy được.

Thọ-đề-già nương trong xe mây, trụ giữa hư không, hạ xuống, hỏi mọi người:

–Các người đến đây có ý gì mà nằm dưới đất không chịu đứng dậy?

Mọi người thưa:

–Đại vương sai chúng tôi đến đây, muốn diệt trừ Trưởng giả. Nhưng trong nhà Trưởng giả có một lực sĩ, tay cầm chày vàng, giơ lên toan đánh, làm cho bốn mươi vạn người ngựa chúng tôi đều ngã xuống đất, bị trói chặt, nằm cong queo, trạng thái như người say, đầu chân tê liệt, không thể đứng dậy.

Thọ-đề-già hỏi mọi người:

–Các ngươi có muốn đứng dậy không?

Mọi người đáp:

–Muốn được đứng dậy.

Thọ-đề-già đưa cây gậy thần lên, làm cho bốn mươi vạn người ngựa đều đứng dậy và trở về cung.

Nhà vua liền sai sứ giả gọi Thọ-đề-già. Khi Thọ-đề-già đến, nhà vua bảo:

–Ta cùng với khanh cùng ngồi một xe, đi đến chỗ Phật.

Lúc đến nơi, nhà vua thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thọ-đề-già là bề tôi của con. Đời trước ông ta có công đức gì mà được vợ con, nhà cửa hơn con?

Phật bảo:

–Đời trước, Thọ-đề-già cùng với năm trăm thương chủ, dẫn các thương nhân, đem theo đồ vật quý báu, đi qua đường nguy hiểm. Lúc ấy, thấy trong núi sâu có một vị Đạo nhân bị bệnh, Thọ-đề-già đã giúp đỡ đầy đủ cho vị ấy, nào là nhà ở tốt, trải giường nệm, nước uống, nồi nhỏ, gạo, thức ăn, đèn đuốc... đồng thời Thọ-đề-già cũng nguyện đời đời được sự cung cấp các vật dụng như ở cõi trời, nên nay được phước báo này.

Phật nói:

–Người ban cho lúc đó cũng chính là Thọ-đề-già này vậy. Vị Đạo nhân bị bệnh đó, nay chính là ta. Năm trăm thương chủ nay đều đắc quả A-la-hán.

Phật giảng nói kinh này rồi, vua và các quan đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đảnh lễ Phật rồi lui ra.

❑

SỐ 541

KINH PHẬT ĐẠI TĂNG ĐẠI

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Cư sĩ Thư Cừ Kinh Thanh.

Bấy giờ, Đức Phật ở tại thành Vương xá. Thành ấy, có một người giàu có tên là Lệ, của cải, vàng bạc, ruộng đất, nhà cửa, bò, ngựa, tôi tớ nhiều không kể xiết. Ông Lệ tuổi đã xế chiều mà không có được một đứa con nối dõi. Theo phép tắc thường lệ ở thành ấy, người nào không có con thì sau khi chết, tài sản đều phải sung vào của công. Ông luôn cầu đảo mặt trời, mặt trăng, các vị trời, quỷ thần, chín vị thần làm mẹ, thần núi, thần cây… để xin có được một đứa con, nhưng đều không được. Ông tự nghĩ: "Người có chậm nhanh, cứ luôn đến nương nhờ thần cây, thần núi thì chắc chắn cũng sẽ được. Của cải rồi cũng sẽ tiêu tán hết, sản nghiệp thì không tu bổ, tật bệnh vẫn hay xảy ra, tai họa thì hoặc sớm muộn, nô tỳ thì già chết, gia súc chẳng đông nhiều, đều là những yêu nghiệt, quỷ thần dẫn dắt, mê hoặc đảo điên, làm loạn vua và dân… Như vậy thì làm sao có phước. Chỉ thêm tai họa kéo đến, như do mù tối uống nhầm thuốc độc lại cho là thuốc hay, vô cùng hao tổn, thuốc độc mà ngấm vào thì phải mất mạng. Ngày nay, ta giết hại chúng sinh, thờ cúng quỷ thần, ta sẽ bị đọa vào địa ngục, còn mong gì được sinh lên cõi trời nữa. Thật là điều sai lầm, ở đời có đạo Phật, có bậc Thánh tiết tháo thanh cao, lại có vị tiên tên là Ứng Chân nhân (A-la-hán). Vị Chân nhân ấy thanh tịnh như ngọc lưu ly, ta hãy luôn tinh tấn đến đó để phụng sự đạo ấy, chỉ giữ tâm yên tĩnh, không mong không muốn, lấy đó làm niềm vui, hiện tại được an ổn, qua đời được sinh lên cõi trời."

Trưởng giả Lệ lại nghĩ: "Ta phải thường xuyên cúng dường, phụng sự Phật và ba ngôi báu."

Trưởng giả cúng dường Phật chừng một năm thì vợ ông sinh được một người con trai. Ông cho rằng nhờ cúng dường Phật mà được mãn nguyện, nên ông đặt tên cho con là Phật Đại. Trưởng giả lại cúng dường, làm lợi ích cho các vị Tỳ-kheo Tăng, là đệ tử của Đức Phật, được một năm thì vợ ông sinh tiếp một đứa con trai, ông đặt tên cho con là Tăng Đại.

Trưởng giả Lệ nuôi dạy hai người con, chỉ bày Thánh đạo cho chúng. Bẩm tánh của Tăng Đại rất nhân từ, thương yêu người và vật, vô cùng hiếu thảo, tụng niệm kinh pháp và giới luật của Phật, gần gũi bậc Sa-môn, thanh tịnh biết đủ. Người cha thấy ý chí con như vậy nên thương yêu rất đặc biệt. Ông bị bệnh nặng, liền kêu người con lớn là Phật Đại đến, ông khóc và dặn dò:

–Phàm có sống thì phải có chết, vạn vật đều vô thường, giữ giới thì được an vui, phá giới thì bị nguy khốn, người nào giữ gìn giới luật của Phật dạy thì hoàn toàn không bị hoạn nạn. Tăng Đại còn nhỏ mà có lòng nhân từ, biết hiếu thảo và thanh bạch…

Trưởng giả Lệ dặn dò như vậy, vừa dứt lời thì ông qua đời. Tăng Đại như mất cả bầu trời, cô đơn không nơi nương tựa, sau khi cân nhắc, tăng Đại thưa với anh mình:

–Thưa anh, em muốn xuất gia làm Sa-môn.

Người mẹ lo nghĩ: "Con mình chắc muốn vợ, nhưng lại giả vờ nói dối là muốn làm Sa-môn." Nên bà lo tìm hỏi vợ cho con. Phật Đại cũng nghĩ là em mình nói dối như người mẹ đã nghĩ, nên liền đi tìm kiếm người làm vợ cho em.

Trong thành, có người con gái nhà hiền lành, tên là Khoái Kiến, nàng rất xinh xắn, kiều diễm, đoan trang không ai sánh bằng, không cao không thấp, không mập không ốm, rất vừa người, lại thêm nết na trong trắng, hiền từ hiếu thảo, giống như vầng trăng giữa các vì sao. Nếu được nàng làm vợ hiền, ai cũng đều ưa thích. Nàng được hỏi cưới về làm vợ Tăng Đại.

Hôm ấy, người anh mời rất nhiều khách quý, mọi người bà con, dòng họ ai ai cũng vui mừng hớn hở. Giữa lúc đông khách, người anh hỏi người em:

–Hôm nay, em có muốn làm Sa-môn hay không?

Tăng Đại đáp:

–Xin anh cho phép em làm Sa-môn, để em được thỏa mãn nguyện vọng từ lâu nay. Xin anh cho phép, em rất muốn làm Sa-môn.

Người anh liền cười bảo:

–Anh cho phép em được thỏa nguyện đó!

Người em rất vui mừng, liền đảnh lễ người anh, rồi ngay ngày hôm ấy đi vào núi, thấy một vị Sa-môn tuổi trẻ đầy đủ uy nghi đang sống một mình bên một gốc cây. Tăng Đại đi đến trước mặt vị Sa-môn, chắp tay cúi đầu đảnh lễ, rồi đứng thưa:

–Vì nhân duyên gì mà Tôn giả tu hành làm Sa-môn?

Vị Sa-môn ấy là người đã đạt đạo A-la-hán, vị ấy biết được các việc trong vô số kiếp về quá khứ và vị lai, liền nói với Tăng Đại:

–Kinh Phật có dạy: Con người ham dâm dục như lửa thiêu thân, như cầm đuốc cháy đi ngược chiều gió, sẽ bị lửa đốt cháy cánh tay nếu không chịu rời bỏ ngọn đuốc. Lại giống như con quạ ngậm miếng thịt, bị chim ưng, chim cắt đuổi theo để tranh giành, con quạ không chịu nhả miếng thịt ra nên bị tai ương đến thân mạng nhỏ bé… Dâm dục cũng vậy, vô cùng nguy hiểm. Chính vì thế mà tôi xuất gia làm Sa-môn.

Lại như mật dính trên lưỡi dao bén, đứa trẻ ham vị ngọt dùng lưỡi liếm nên bị tai họa đứt lưỡi. Người dâm dục chỉ tạm vui tâm ngu trong phút chốc mà không nghĩ đến sau đó sẽ bị đốt cháy thân. Ví như chó đói được khúc xương khô gặm nhai ngấu nghiến, chỉ bị đau miệng mẻ răng, tự làm tổn hại chứ không lợi ích gì. Dâm dục cũng vậy, trăm ngàn ức kiếp chẳng được chút phước đức dù bằng tơ tóc mà chỉ bị tội báo trong ba đời. Vì nghĩ như thế nên tôi mới xuất gia làm Sa-môn.

Lại ví như cây có nhiều hoa quả tốt tươi, người qua đường vì tham lam nên lấy đá ném, lấy cây khều, chỉ trong chốc lát, hoa quả đều bị rơi rụng, cành lá tả tơi. Cây vì có hoa quả mà phải tự chịu lấy sự nát tan.

Lại như con phù du tham màu lửa, cứ đâm đầu vào ngọn đèn nên thân thể bị thiêu cháy rụi. Vậy thì sao lại không lo chế phục dâm dục.

Người mê mờ không biết phân biệt thiện, ác, rời xa người hiền, gần gũi kẻ ngu, càng ngày càng tối tăm, trôi nổi, bị mất nước, bỏ mạng, sau khi chết bị đọa vào địa ngục, điều ác đã tạo, tội lỗi đã mang, hối hận làm sao kịp nữa! Đức Phật đã thấu đạt chân lý, mở bày Thánh đạo. Tôi nhờ ân Phật, được gặp kinh pháp và giới luật, luôn giữ tâm thanh tịnh, ở riêng một mình không hề bị hoạn nạn, quay nhìn lại cuộc đời mới biết đó là lầm lạc. Vì vậy nên tôi đã xuất gia làm Sa-môn.

Tăng Đại nghe xong, liền cúi đầu đảnh lễ ngang chân vị Sa-môn, rồi quỳ thưa:

–Đức Phật thật là bậc Thánh tối thượng, là bậc tôn quý trong các vị trời, kinh pháp Ngài dạy để diệt trừ ngu si, xin nhập vào tâm con, con nguyện từ bỏ cuộc đời ô trược, thực hành theo đạo thanh tịnh, giữ gìn giới luật Sa-môn để tạo dựng phước đức.

Vị Sa-môn trở thành thầy dạy bảo cho Tăng Đại. Tăng Đại siêng đọc tụng giới luật, hầu thầy được mấy tháng thì bạch thầy:

–Con muốn vào núi sâu để tu thiền định tịch tĩnh, cầu đạo ứng chân

cho đến khi diệt trừ hết các hoạn nạn.

Vị thầy nói:

–Ở một mình trong núi sâu rất khó khăn. Người ở trong rừng núi sâu phải học về tinh tú, biết rõ khí hậu, thời tiết, phải dự trữ nước, lửa, lương khô, mật... Vì sao? Vì bọn giặc trộm vào khoảng nửa đêm đến sáng sớm hay tìm tới xin lửa, nước, lương khô và mật, chúng có hỏi thì phải giải thích, chúng cần gì cũng phải cho chúng, nếu ta trái ý sẽ bị chúng giết.

Tăng Đại kính vâng lời dạy bảo Từ bi, ghi nhớ kỹ càng những lời dặn dò của thầy, rồi từ tạ thầy để đi vào núi.

Người anh nghĩ: "Em mình đã thành Sa-môn chắc không bao giờ giữ lại vợ." Vợ Tăng Đại là Khoái Kiến, xinh đẹp không ai sánh bằng, nên người anh rất thích nàng. Phật Đại bèn đến chỗ Khoái Kiến, đàn lên khúc ca ủy mị, khơi dậy lòng dâm dục, như sau:

–Thương cho cây uất kim hương, mọc giữa cánh đồng hoang, đã qua bao mùa rồi mà không ai hái, tấm thân bé nhỏ muốn được tốt tươi, khoe sắc khoe hương đổi mới, hãy cùng tôi ở bên nhau, gắn chặt tình thắm thiết. Mỗi năm chỉ một ngọn gió tây, hỏi ai là người mà nàng yêu quý…

Khoái Kiến nghe xong, hiểu người anh chồng có ý xằng bậy, nàng cũng dùng một khúc ca để đáp lời Phật Đại:

–Đức Bổn sư của tôi cao vời, là bậc tôn quý trong cõi trời, người, chúng đệ tử thanh tịnh của Ngài gọi là các Sa-môn, ca tụng người chân chánh, tôn làm bậc Thánh. Còn hàng dâm dục chỉ là loài súc sinh. Tôi đã thọ giới trang nghiêm, không thờ hai chồng, không bao giờ sinh lòng dâm dục, thà cam chịu phận nhỏ bé yếu hèn.

Phật Đại lại hát lên khúc tình cảm bi ai, lời lẽ ủy mị:

–Lòng ta yêu nàng từ lâu nay càng tăng thêm, đã nhờ mai mối và bói quẻ xem giờ lành, ta thật lo âu, sợ nàng không đến, nhưng rồi thấy được ánh sáng dung nhan của nàng, lòng ta rất đỗi vui mừng. Giờ đây nàng lại chẳng chịu cùng ta bên nhau, thật phí uổng công ta. Ta đã thề nguyện một lòng, thục nữ còn nghi ngờ gì nữa?

Khoái Kiến rất sợ hãi, nàng đáp:

–Đức Phật đã dạy lễ nghi, phải có tôn ti thứ tự, vợ của em trai cũng tức là con, anh của chồng cũng như cha. Tôi đã vâng giữ giới luật, nguyện càng ngày càng chân chánh, thanh cao, như bậc Thánh, dâm dục chính là loài trùng, loài chuột. Hỡi người anh chồng của tôi!

Nghe những lời nói ấy, tâm ý người anh vẫn cứ mê hoặc, vì quá yêu

mến Khoái Kiến, lòng đã sâu đậm, không thể chuyển dời được.

Khoái Kiến lại nói:

–Phàm người ở đời phải lìa xa hai điều: Không nên ham thích dâm loạn và làm trái với giới luật Phật dạy. Sao anh lại khác chồng tôi như thế?

Phật Đại nói:

–Nhan sắc của nàng thật yêu kiều rực rỡ, khắp các mỹ nữ cõi trời cũng không ai đẹp như nàng. Lòng ra rất say đắm, núi cao gì ta cũng sẽ vượt qua.

Khoái Kiến suy nghĩ: "Anh này vì muốn ta nên bừng bừng cuồng loạn, thật khó để ngăn cản."

Rồi nàng nói về những sự bất tịnh, những điều xấu ác của thân thể để từ chối. Nàng nói:

–Anh yêu thân thể của tôi, vậy thân thể tôi có gì tốt đẹp? Đầu gồm chín mảnh xương hợp lại thành chiếc đầu lâu, bên trong chỉ toàn là não. Mặt thì có bảy lỗ, luôn chảy ra đờm giãi, nhờ da che bọc lấy xương. Ham thích đầu cổ thì chỉ là da thịt lẫn lộn nhau. Thân thể lại có lông, tóc, móng, răng, da, thịt trong da, máu, não, xương, thịt. Trong bụng thì có tim, lá lách, thận, ruột, dạ dày, mỡ, phổi, phân, nước tiểu, máu mủ, nóng lạnh… Bàn chân thì liền với cẳng chân, cẳng chân liền với đùi vế, đùi vế liền với xương cùn, xương cùn liền với lưng, lưng liền với xương sống, xương sống liền với xương sườn, xương sườn liền với cổ, cổ liền với đầu lâu. Cánh tay thì liền với khuỷu tay, khuỷu tay liền với vai… Tôi như chiếc bình vẽ, bên trong chứa đầy phân và nước tiểu. Trong thân toàn bộ bất tịnh, đáng nhờm gớm như vậy, có gì đáng để ham thích?

Phàm người ta thích điều gì thì nên nói cho họ nghe những chỗ xấu ác của điều ấy, tâm họ sẽ không còn thích điều đó nữa.

Phật Đại suy nghĩ: "Cô này nhớ chồng thì làm sao chịu lấy ta. Ta giết em mình thì cô ấy mới chịu theo ta." Suy nghĩ xong, Phật Đại tức giận đi tìm những kẻ giặc. Phật Đại thấy một người dáng vẻ khinh bạc nơi quán rượu, liền nói với hắn:

–Nhà ta có nuôi một đứa ở, nó trốn đi làm Sa-môn, hiện nay nó đang ở trong núi.

Kẻ giặc nói:

–Ta biết chỗ đó.

Phật Đại liền đem vàng bạc cho hắn và bảo:

–Phải giết đứa tôi tớ ấy rồi nhanh chóng đem đầu của nó, cả y phục,

gậy pháp thường dùng và giày dép của nó mang cũng đều phải đem hết về. Ta sẽ thưởng thêm cho ngươi nhiều vàng bạc.

Tên giặc rất vui mừng, nói:

–Các anh em, theo ta.

Rồi hắn liền vào núi, đến chỗ của Tăng Đại, nói:

–Này Sa-môn! Ông xuất gia nhanh thật.

Tăng Đại nói:

–Các ông muốn gì? Ở đây, tôi có nước, lửa, lương khô, mật… có thể sử dụng được.

Đến nửa đêm, tên giặc nói:

–Chúng tôi không cần lửa, nước… lương khô cũng chẳng cần biết thời gian của ông, chúng tôi chỉ muốn có được đầu của ông để đem đi mà thôi!

Tăng Đại nghe xong vô cùng sợ hãi, Tôn giả khóc, nói:

–Tôi chẳng phải Trưởng giả, cũng chẳng phải bậc công hầu gì cả, tôi bỏ thế tục tu hành theo đạo, không tranh cãi với đời, học đạo còn non kém, chưa đạt đạo quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và bậc A-la-hán có sáu thông. Các ông giết tôi thì được lợi ích gì?

–Chúng tôi đến đây là vì cần chiếc đầu lâu của ông, ông đừng van xin vô ích.

Tăng Đại suy nghĩ: "Chắc bọn giặc nghe nhà mình giàu có, họ cho rằng mình mang theo châu báu đến đây", nên Tôn giả nói với bọn giặc:

–Nếu muốn được châu báu, có anh tôi còn ở nhà, anh ấy tên là Phật Đại. Tôi sẽ đưa thư về để anh tôi cho các ông, các ông sẽ có được châu báu như ý muốn.

Tên giặc đáp:

–Anh của ông sai tôi đến giết ông đấy.

Tăng Đại liền nói:

–Hôm nay, tôi bị giết, đấy cũng là do vợ tôi. Trước đây, thầy tôi đã dạy: "Người sống với dâm dục như cầm đuốc cháy đi ngược gió, không sớm bỏ đuốc xuống thì sẽ bị lửa đốt cháy tay, lại như mật dính trên lưỡi dao, như chim ưng đuổi bắt chim quạ, như chó được khúc xương khô, như cây do có hoa quả mà bị tai họa… Sắc dục là điều tai họa của thân, thật thấm thía làm sao những lời dạy của thầy."

Rồi Tăng Đại lại khóc xin tên giặc:

–Xin hãy cho tôi được sống thêm một năm nữa để tôi tu hành đắc đạo. Tôi vẫn luôn ở chỗ này, lúc ấy, đến giết tôi vẫn không muộn.

Tên giặc đáp:

–Ta muốn có được đầu của ông để đem đi ngay bây giờ. Một năm nữa là cái gì? Những người tu đạo ở trong núi đắc đạo rất nhiều. E đến lúc ông tu hành đắc đạo rồi vận thần thông biến đi mất. Thôi, ông đừng nhiều lời nữa, bắt được ông rồi, ta phải lấy đầu ông thôi.

Tăng Đại lại nói:

–Xin ông đừng giết tôi liền. Trước hết hãy chặt đứt một chân của tôi và đặt trước mặt tôi.

Tên giặc liền chặt đứt một chân của Tăng Đại và đặt trước mặt Tôn giả.

Tăng Đại vô cùng đau đớn, đến nỗi không thể nói được. Khi ấy, có một vị trời xuống chỗ của Tăng Đại, nói:

–Hãy cẩn thận, đừng kinh sợ, hãy giữ tâm kiên trì. Đời trước, Tôn giả đã bị sinh trong loài súc sinh, bị người mổ giết rồi rao bán thịt của Tôn giả chứ không phải chỉ một đời. Địa ngục, ngạ quỷ gì Tôn giả cũng đều đã bị đọa, thống khổ từ đó đến nay, không phải mới bây giờ.

Tăng Đại nói với vị trời:

–Xin hãy làm ơn báo cho thầy tôi biết để thầy tôi chỉ cho tôi biết con đường chết rồi sinh về chốn nào.

Vị trời liền đi đến nói với vị thầy:

–Đệ tử của thầy sắp bị người khác giết, đang khóc lóc cầu xin được gặp thầy.

Vị thầy liền bay đến chỗ của đệ tử mình, giảng nói kinh cho đệ tử:

–Trời, đất, núi Tu-di còn phải bị hoại diệt, biển cả cũng có lúc khô cạn, chỉ trong bảy ngày là bị hoại diệt. Dưới trời có một trận gió tên là Duy-lam, gió Duy-lam vừa nổi lên thì mọi ngọn núi đều bị đánh đổ, vậy mà trận gió ấy rồi cũng phải chấm dứt… huống gì là tấm thân nhỏ bé của con, làm sao sánh bằng được. Bây giờ, con chỉ nên niệm Phật. Đức Phật thường dạy về vô thường, có thịnh ắt có suy, có hợp rồi sẽ tan, vinh hoa cũng khó giữ, thân con cũng thế.

Tăng Đại nghe như vậy liền chứng đạo Tu-đà-hoàn. Tên giặc lại chặt đứt chân còn lại của Tăng Đại, Tăng Đại lại càng nhớ nghĩ đến lời dạy của thầy, Tôn giả liền chứng đạo quả Tư-đà-hàm. Tên giặc chặt đứt tay trái của Tăng Đại, Tăng Đại lại một mực nhớ nghĩ về lời dạy của thầy, Tôn giả liền

chứng đạo quả A-na-hàm. Tên giặc chặt đứt tay phải của Tăng Đại, Tăng Đại lại càng nhất tâm nhớ nghĩ về lời dạy của thầy, Tôn giả liền chứng đạo quả A-la-hán, nên không còn sợ hãi đối với ba đường ác, sống chết rất tự tại, không có gì đáng sợ hãi. Tăng Đại nói:

–Hãy đưa cho tôi một miếng vỏ cây.

Tên giặc liền lột một miếng vỏ cây đưa cho Tăng Đại. Tăng Đại tự chích máu mình, viết thư lên vỏ cây: "Anh hãy sống tùy thời cho an lành và hiền lành. Khi cha mẹ còn sống đã gởi gắm tôi cho anh, anh chẳng những không nghe mà còn trái bỏ lời dạy của cha mẹ, chỉ vì một chút nữ sắc mà cốt nhục phải tương tàn. Trái lời cha mẹ, anh là đứa con bất hiếu, giết hại mạng người, anh là kẻ bất nhân, giết một súc vật thì tội đã không nhỏ, huống gì là giết bậc A-la-hán. Tội thì chẳng bị dừng nửa chừng, chỉ mình anh tự tạo tội ác. Hôm nay tôi còn có thân hình, anh còn có thể giết tôi, đến lúc tôi thành bậc Thiện Thệ tĩnh lặng, anh có muốn giết hại cũng luống uổng. Tôi nguyện nỗ lực tôn sùng chánh đạo." Rồi Tăng Đại duỗi cổ dài ra hai thước, Tôn giả nói với tên giặc:

–Ông hãy chặt đầu tôi đi. Đầu tôi bây giờ cũng giống như đầu bằng bùn, không có gì sợ hãi, tôi chỉ lo sợ các ông bị đọa vào địa ngục.

Tên giặc liền chặt đầu Tăng Đại, hắn lấy y phục, gậy, dép và bình bát của Tôn giả, đem đến chỗ người anh và đưa mọi thứ cho người anh. Người anh lại trả công cho hắn bằng nhiều vàng bạc.

Người anh làm thành một hình nộm rồi để đầu người em lên trên, lấy y phục của người em mặc vào hình nộm, gậy, bình bát và dép đều để một bên. Xong xuôi, người anh nói với nàng Khoái Kiến:

–Chồng của nàng mới về nhà, nàng hãy vào thăm hỏi chồng đi.

Khoái Kiến vô cùng vui mừng, nàng chạy đến chỗ của Tăng Đại, thấy Tăng Đại đang ngồi nhắm mắt, nàng nghĩ là chồng mình đang tư duy về đạo nên nàng không dám gọi. Nàng làm nhiều món ăn ngon để đợi lúc chồng tu niệm về đạo xong rồi sẽ dùng cơm. Đến trưa, thấy Tăng Đại vẫn chưa mở mắt, Khoái Kiến đến trước chồng thưa:

–Bây giờ đã trưa lắm, sợ sẽ bị quá ngọ.

Nàng lấy làm kỳ lạ, sao Tăng Đại chẳng đáp lời gì. Nàng lay áo Tăng Đại để đánh thức. Ngay khi ấy, đầu của Tăng Đại rơi xuống đất, thân thể đều bị phân tán mỗi thứ một nơi. Khoái Kiến vô cùng kinh hãi, nàng nhảy ra và la lên:

–Chàng vừa ngồi trước mặt tôi, sao lại bị giết hại thế này.

Nàng đau đớn, phẫn uất kêu trời, xót xa như xé nát tim gan, máu trào nơi miệng, đột ngột qua đời. Khoái Kiến giới hạnh thanh tịnh, trong sạch như hư không, tâm ý theo mô phạm của bậc Thánh, không thể lay động giống như đất, trinh tiết thanh cao, như bầu trời rất khó lường tính. Lúc Khoái Kiến còn sống, chư Thiên đã bàn bạc sắp đặt chỗ ở cho nàng, để nghênh đón thần thức của nàng lên cung trời Đao-lợi, cho đến chỉ trong chốc lát, nàng đạt được nhiều phước báo không cùng tận ở cõi trời.

Lúc ấy, Phật Đại vào nhà để xem thử Khoái Kiến thế nào rồi, anh ta thấy đầu và tay chân của Tăng Đại lăn tứ tán, Khoái Kiến thì bị thổ huyết chết một bên. Thấy vậy, Phật Đại la lên:

–Than ôi! Ta là kẻ trái đạo trời, gây ra điều tàn ác.

Rồi liền đến chỗ của tên giặc để hỏi:

–Em ta lúc sắp chết có trăng trối gì không?

Tên giặc bảo:

–Có gởi thư lại cho ông đây.

Phật Đại đọc thư, lời lẽ trong thư vô cùng khẩn thiết, xót xa. Đọc thư xong, Phật Đại đau đớn, nghẹn ngào, ngũ tạng gần như tắc nghẽn, khóc than, nước mắt ràn rụa:

–Ta trái lời cha mẹ, làm cho cốt nhục tương tàn, ta lại giết bậc A-la-hán.

Nói xong, Phật Đại bị xúc động quá mạnh mà chết, sau khi chết, ông ta bị đọa vào địa ngục.

Nghe chuyện này, nhà vua và dân chúng, ai ai cũng đều xót thương, ngậm ngùi. Để noi theo và khen ngợi đức hạnh thanh tịnh của người em là Tăng Đại, họ mai táng cho Tôn giả, bốn phía đều xây tháp. Trời, rồng, quỷ thần đứng đầy trong hư không, rải hoa, đốt hương thơm, ai ai cũng đều rất thương cảm.

Khoái Kiến được người trong cả nước chôn cất, ai ai cũng đều xót thương.

Các vị trời có bài tán: "Tinh tấn đạt đạo, giữ năm giới không thiếu khuyết, trinh lương thì được sinh lên cõi trời. Còn trái lời Phật dạy, bất hiếu với cha mẹ, giết hại bậc Thánh thì chết sẽ bị đọa vào địa ngục, bị nóng bức khổ đau, không biết khi nào mới hết…."

Đức Phật bảo các đệ tử:

–Từ nay về sau, các ông hãy gắng sức tu hành để xa lìa ái dục.

Đức Phật giảng nói kinh này xong, các đệ tử đều hoan hỷ đảnh lễ rồi

lui ra.

❑

SỐ 542

KINH DA-KỲ

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Cư sĩ Thư Cừ Kinh Thanh

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Ca-nại, trong nước có một người Bà-la-môn rất giàu tên là Da-kỳ.

Ông ta vốn là người thờ phụng một trong chín mươi sáu phái ngoại đạo, thường cầu phước trời gia hộ. Nghe mọi người thờ Phật, được phú quý, trường thọ, an ổn, được độ thoát sinh tử, thọ phước báo, không bị rơi vào trong ba đường ác và không còn khổ đau, Da-kỳ tự nghĩ: "Chi bằng ta bỏ ngoại đạo mà phụng thờ Đức Phật." Nhân đó, Da-kỳ đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ sát đất, quỳ gối, bạch với Đức Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Con vốn ngu si, không hiểu biết, quả thật nay mới nghe Đức Thế Tôn có lòng từ lớn, cứu giúp rộng khắp, trên trời, dưới trời, trong loài người Đức Phật là đấng cao quý. Con chưa bao giờ có được sự bình yên, nên nay muốn từ bỏ việc thờ phụng ngoại đạo mà quay về nương tựa với Thế Tôn, nguyện Thế Tôn thương xót thâu nhận và chỉ dạy cho con.

Đức Phật bảo:

–Ông nói rất khéo, vậy là có sự suy nghĩ chín chắn, dừng việc ác, làm việc thiện thì làm sao mà còn lo lắng, không được an ổn!

Da-kỳ bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Từ trước đến giờ, con làm nhiều việc không đúng, nên hôm nay con quay về quy y Phật. Đức Thế Tôn đã thương thì trừ khử những hành nghiệp cấu uế của con, con xin ghi nhận lời dạy trong sạch của Thế Tôn. Nếu được như vậy là đại phước cho con.

Da-kỳ đến trước Đức Phật lãnh thọ năm giới:

1. Không sát sinh.

2. Không trộm cắp.

3. Không dâm dục.

4. Không nói hai lưỡi, không nói ác khẩu, không nói hư dối, không nói thêu dệt.

5. Không uống rượu.

Quy y Tam bảo xong, đứng dậy đi quanh Phật ba vòng, Da-kỳ giữ gìn trai giới bảy ngày rồi ra đi. Sau khi đến một nước khác sinh sống, Da-kỳ thấy người ta săn bắn sát sinh, trộm cắp tài vật, cũng làm theo họ, thấy sắc đẹp nữ nhân, tâm ý cũng tham đắm, thấy người ta làm phải, làm trái đều luận đạo với họ, thấy người uống rượu mê loạn lại muốn thúc ép họ, tâm ông ta không an định. Da-kỳ thấy hối hận, tự nghĩ: "Ta không thể giữ gìn giáo pháp của Đức Phật, chắc phải hoàn năm giới lại cho Đức Phật thôi." Nghĩ thế rồi liền đến chỗ Đức Phật cúi đầu thưa:

–Bạch Thế Tôn! Trước kia con theo Thế Tôn thọ năm giới, bị ngăn cấm quá nhiều, con không được vừa ý. Nay con tự suy nghĩ, muốn bỏ giáo pháp tôn trọng của Thế Tôn, vì con không đủ khả năng phụng thờ. Con xin trả năm giới lại được không?

Đức Phật im lặng không trả lời. Da-kỳ miệng nói chưa dứt lời thì tự nhiên có quỷ thần cầm chùy sắt đánh Da-kỳ tét đầu. Lại có quỷ thần lột áo Da-kỳ. Lại có quỷ thần lấy lưỡi câu sắt móc vào miệng kéo lưỡi Da-kỳ ra. Lại có quỷ thần là dâm nữ dùng dao cắt "âm tàng" của Da-kỳ. Lại có quỷ thần rót nước đồng vào miệng Da-kỳ. Kẻ đứng trước, người đứng sau, người bên phải, kẻ bên trái, tất cả quỷ thần tranh giành phanh thây Da-kỳ. Trông Da-kỳ rất ghê tởm: Mắt trợn tròng, miệng há hốc, mặt như màu đất. Rồi tự nhiên Da-kỳ bị lửa thiêu đốt toàn thân, cầu sống không được, muốn chết cũng không xong. Mọi cử chỉ, hành động của quỷ thần cứ giằng xéo tới tấp. Đức Phật thấy Da-kỳ như vậy thương xót hỏi:

–Hiện giờ ông cảm thấy ra sao?

Da-kỳ bị cấm khẩu không thể nói được, nhưng đưa tay quơ quào hướng về Đức Phật muốn cầu cứu. Đức Phật liền dùng oai thần, phóng hào quang làm cho quỷ thần sợ hãi bỏ đi. Da-kỳ được hồi sức sống lại, đứng dậy cúi đầu sát đất, đứng trước Đức Phật, thưa:

–Kính thưa Thế Tôn! Trong tâm con có năm giặc xui khiến, khiến con vướng mắc vào tội ác, nói ra lời ác. Nay chịu hình phạt vì tự con trái lời Thế Tôn dạy, nguyện xin Thế Tôn thương xót con.

Đức Phật bảo:

–Chỉ do tâm và miệng của ông gây ra tội lỗi, chứ không ai khác.

Da-kỳ bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Từ nay trở về sau, con tự sửa đổi, thờ phụng và gìn giữ năm giới. Ăn chay giữ giới một năm ba tháng, một tháng sáu lần, con thắp hương đốt đèn, thờ cúng Tam bảo, thân, khẩu, ý quyết không để phạm lỗi lầm.

Đức Phật bảo:

–Được như vậy thì rất tốt. Nếu mắt thấy được thì thân thể tiếp xúc được. Mình làm mình chịu, làm thiện được thiện, tâm nghĩ ác thì quả báo ác. Như Lai là thầy trong giáo pháp dạy người bỏ ác làm thiện, mãi mãi sẽ được độ thoát. Chư Thiên, muôn dân, người ngu si đều được trí tuệ không bị đau khổ. Từ nay trở đi, ông nên sửa đổi làm các việc thiện, chớ để tâm ý xét đoán thành người sai lầm như trước đây.

Phật giảng nói kinh xong, tâm ý Da-kỳ được mở rộng thấu hiểu rõ ràng, liền đắc quả Tu-đà-hoàn và vui vẻ xin lui ra. Da-kỳ về nhà khuyến khích mọi người lớn nhỏ trong gia đình, đến chỗ Đức Phật lãnh thọ năm giới, ăn chay giữ giới một năm ba tháng, một tháng sáu lần. Da-kỳ lìa bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa, theo Phật làm Sa-môn rồi đắc quả A-la-hán.

❑

SỐ 543

KINH CỰ LỰC TRƯỞNG GIẢ SỞ VẤN ĐẠI THỪA

Hán dịch: Đời Triệu Tống,
Sa-môn Trí Cát Tường.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại tinh xá nơi vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng đông đủ chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị, đều là A-la-hán, các lậu đã đoạn tận, xa lìa trói buộc của phiền não, tâm khéo giải thoát, tuệ hoàn toàn giải thoát, như đại Long vương, thần thông biến hóa, những việc nên làm đã làm xong, trút bỏ gánh nặng và được lợi mình, tâm trí giải thoát tự tại nơi các pháp, có khả năng tu tập để đến bờ giác. Lại có Tôn giả A-nan học rộng, căn tánh thông lợi, làm người đứng đầu. Lại có năm trăm vị Đại Bồ-tát đạt được các Đà-la-ni, trụ trong Tam-ma-địa, tất cả đang ở trong chúng hội.

Bấy giờ, tại thành lớn Xá-vệ, có một Trưởng giả tên là Cự Lực, sắc tướng đầy đủ tăm tiếng đồn xa. Nhà cửa của Trưởng giả rất giàu, có đủ các loại vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, ngọc lớn ma-ni cùng vô số châu báu khác lạ. Mỗi kho tàng đều cất chứa đầy ắp, tài sản về lúa gạo thì không sao tính xuể. Tất cả các thứ châu báu được dùng thỏa mãn tùy ý, muốn bất cứ thứ gì cũng không thiếu, tiền lời vào ra khắp các nước, không chỗ nào là không có. Các nơi ấy, Trưởng giả Cự Lực đều sai khiến nô tỳ, tôi tớ làm việc trông coi, voi, ngựa, xe cộ cũng vô số. Cho nên chỗ ở của Trưởng giả Cự Lực, nhà cửa, lầu gác nguy nga tráng lệ, trong nhà phòng ốc được trang hoàng đủ các thứ châu báu đan xen. Hoa viên, ao hồ, ánh sáng nhiều màu, những loại hoa quả quý lạ đều tập trung hết trong ấy. Mỗi thứ được trang nghiêm với nhiều vẻ đẹp không thể so sánh. Tất cả thể nữ, kỹ nhạc đều đẹp, chỉ thua nhà vua còn không thua ai. Trưởng giả hưởng thụ trong hạnh phúc tột đỉnh, ngày đêm sáu thời không lúc nào dứt. Bên cạnh Trưởng giả Cự Lực, lại có năm trăm vị Trưởng giả làm người

phụ tá công việc. Họ giữ gìn châu báu và trông coi những thứ tài sản trong kho tàng.

Một hôm, Trưởng giả Cự Lực bỗng nhiên căn lành thành thục, tâm lãnh hội được nghĩa lý, liền tự suy nghĩ: "Cảnh đời trôi nổi không vững chắc, giống như một giấc mộng. Tất cả sắc tướng rốt cuộc cũng sẽ bị hủy diệt, mà thân thể, tánh khí này vốn không rồi cũng hư hoại. Năm dục lạc là nhân sinh ra quả khổ. Chúng sinh mê muội điên đảo không biết lúc nào thoát ra được." Ngay lúc ấy, Trưởng giả Cự Lực mời các vị Trưởng giả đến đông đủ, sau khi họ ngồi yên Trưởng giả bắt đầu nói:

–Xin quý vị hãy bình tĩnh lắng nghe. Tất cả các pháp do có duyên tụ lại mà sinh ra, duyên tiêu mất thì diệt, thể tánh không thật rốt cuộc sẽ hư hoại. Chúng sinh do suy nghĩ không thật tạo ra sự phân biệt: Cho thân này là của ta và quyến thuộc là của ta, không biết vô thường, sinh diệt trong từng sát-na. Tiền tài, nhà cửa thay đổi biến thành của người khác, cao ngạo ngu si là nhân tạo ra năm nẻo, kết nghiệp thành thục, thọ lãnh nhiều quả báo khác nhau. Nẻo ác thì dễ đến, đường thiện thì khó vào. Các vị nên biết làm thân khó được, nếu ở trong từng sát-na thay đổi mà phát sinh những suy nghĩ chân chánh điều đó là khó.

Các vị Trưởng giả, nên biết! Các Đức Như Lai xuất hiện ở thế gian khó được gặp, đã sinh trong nước có Phật, lòng tin không thoái chuyển đó cũng là khó. Đối với chánh pháp của Phật khởi lên lòng tin, xa lìa thế tục, xuất gia, cũng là khó. Tuy đã xuất gia có thể tu hạnh Tỳ-kheo, phạm hạnh trong sạch, dứt trừ duyên ác, vậy cũng là khó. Ngày đêm tu tập, tinh tấn nơi các thiền-na, xa lìa sự tán loạn, cũng lại là khó. Nếu tánh thông tuệ, khéo có thể phân biệt các pháp thật giả đó cũng là khó. Nay được làm người, lại gặp vị vua hiền, không còn chiến tranh, cuộc sống bình yên, hạnh phúc, cũng là rất khó. Nếu tất cả chúng sinh tu nhiều công đức, sinh trong nước Như Lai, tâm kiên cố thì cũng là khó. Lại có nhiều chúng sinh có thể dùng phương tiện ngôn ngữ thiện xảo, khuyến dụ những bạn lành tri thức bằng nhiều cách để họ siêng năng tu phước nghiệp, đi đến chỗ Phật, gần gũi cúng dường, làm được cũng là khó. Nếu có chúng sinh xa lìa sự bần cùng, đói rách, đạt được nhiều phước tuệ, sinh ở nước Phật, sống giữa mọi người, có thể làm nhiều Phật sự trang nghiêm, đó cũng là khó. Nếu có chúng sinh ở trong hàng Thanh văn tinh tấn giữ giới cấm, muốn cầu giải thoát, với hàng Bích-chi-phật muốn cầu giải thoát, với Vô thượng thừa muốn cầu giải thoát, đạt được chân thật cũng là khó.

Bấy giờ, Trưởng giả Cự Lực nói về ba thừa và các việc xong rồi bảo

với mọi người:

–Điều tôi nói, mọi người phải nên nhận biết, hiểu rõ sắc tướng là không kiên cố.

Lúc ấy, trong năm trăm vị Trưởng giả ngồi nghe sự việc như thế, như người say rượu, hết rượu tỉnh lại. Bỗng trong chúng có một vị Trưởng giả từ chỗ ngồi đứng dậy, nói với Trưởng giả Cự Lực:

–Hiện giờ, tất cả chúng tôi đều có chỗ nghi ngờ. Sao gọi là Thanh văn, Duyên giác và Vô thượng thừa? Sao gọi các sắc tướng là năm dục lạc của thế gian, là thể tánh không chắc, là từng sát-na sinh diệt? Hãy vì chúng tôi một lần nữa phân biệt, giải thích, chúng tôi rất muốn được nghe.

Trưởng giả Cự Lực nói với vị Trưởng giả đó và mọi người:

–Tại thành lớn Xá-vệ này, ở tinh xá Cấp cô độc, rừng Kỳ-đà, có Đức Phật Thế Tôn đầy đủ ba trí sáng, sáu thần thông, tám Giải thoát, mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, công đức đầy đủ, gọi là Nhất thiết trí, hiệu là Thiên Nhân Sư. Tại đại hội ấy, Đức Thế Tôn vì đại chúng thuyết pháp, có thể giải thích những mối nghi ngờ của chúng ta. Bây giờ, các vị cùng tôi đến đó để được gần gũi, cúng dường, thưa hỏi Như Lai những diệu pháp như vậy.

Năm trăm vị Trưởng giả nghe nói như thế, ai cũng vui mừng hớn hở khôn cùng. Họ đem hương hoa thơm, nhiều loại châu báu cùng nhau theo Trưởng giả Cự Lực đến chỗ Phật, họ nhiễu quanh bên phải ba vòng, đảnh lễ sát chân Phật, cung kính cúng dường, ca tụng và khen ngợi Phật, rồi lui ra ngồi qua một bên.

Đức Thế Tôn xét thấy những vị Trưởng giả này, căn lành đã thành thục, có khả năng lãnh thọ chánh pháp. Đức Thế Tôn bèn hỏi Trưởng giả Cự Lực và năm trăm vị Trưởng giả:

–Các vị vì nhân duyên gì mà đến đây?

Trong chúng có vị Trưởng giả từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai bên phải, gối phải quỳ xuống đất, chắp tay cung kính khen ngợi Đức Thế Tôn rồi thưa:

–Kính thưa Thế Tôn! Chúng con trước đã được nghe Trưởng giả Cự Lực tìm cách chỉ bảo: Ở thế gian, tất cả sắc tướng, năm dục lạc, thể tánh đều không kiên cố, không chân thật, cuối cùng rồi cũng bị hủy diệt… nói rộng cho đến được làm thân người thật là khó. Trong từng sát-na thay đổi, phát sinh nhớ nghĩ chân chánh, đoạn diệt những tà vọng cũng là khó. Gặp được chư Phật Như Lai xuất hiện ở thế gian là khó. Sinh vào nước có Phật, đầy đủ lòng tin điều đó cũng là khó. Đối với lời dạy chánh pháp của Đức

Phật khởi lên lòng tin, nhàm chán, xa lìa thế tục, vui cầu xuất gia, làm được điều đó cũng là khó. Tuy đã xuất gia, có thể làm Tỳ-kheo tu tập phạm hạnh, dứt trừ các duyên ác, làm việc như vậy là khó. Ngày đêm siêng năng tu tập các thiền-na, xa lìa sự tán loạn cũng là khó. Nếu tánh thông tuệ, khéo giỏi phân biệt các pháp giả, thật đó cũng là khó. Nay được thân người, lại gặp vua lành, chấm dứt chiến tranh, cuộc sống an lạc, bình yên, cũng rất là khó. Nếu các chúng sinh tu các công đức, được sinh vào nước của Như Lai thì cũng là khó. Lại có chúng sinh, có thể dùng phương tiện ngôn ngữ khéo léo, bằng nhiều cách khuyến dụ những bạn lành tri thức, để họ siêng tu phước nghiệp, đến chỗ Đức Phật gần gũi cúng dường, quả là khó. Nếu có chúng sinh được nhiều phước tuệ, sinh vào nước có Phật, có khả năng làm Phật sự trang nghiêm, đó cũng là khó. Nếu có chúng sinh đối với thừa Thanh văn, thừa Bích-chi-phật và Vô thượng thừa, muốn cầu giải thoát, quả thật là khó. Khi ấy, Trưởng giả Cự Lực vì tất cả chúng con đã nói pháp thế gian cho đến ba thừa và những việc khó như vậy. Tuy chúng con nghe, chưa tỏ ngộ, nhưng ai cũng mãn nguyện an vui và muốn gần gũi Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác có đại thần thông, đầy đủ Nhất thiết trí. Chúng con nguyện xin Đức Thế Tôn ban rải Từ bi, vì chúng con mà chỉ bày, diễn nói ba thừa diệu pháp và những việc khó: Thế gian, thân người, sắc tướng, năm dục đều hư huyễn, không thực, cuối cùng cũng bị hủy diệt, để chúng con nghe được mà thấu đạt nghĩa lý về tướng sinh diệt, rồi quyết tu hạnh Thánh đạo của Bồ-tát, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các vị Trưởng giả:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Các ông đã khéo có thể thưa hỏi Như Lai về ba thừa diệu pháp và các việc khó: Sắc tướng không thật, năm dục không bền. Các ông hãy lắng nghe và khéo nhớ nghĩ về lời dạy của ta: Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở thế gian tùy theo căn tánh của chúng sinh mà giảng nói pháp ba thừa, dùng phương tiện chỉ bày nhiều loại thí dụ, dựa theo nguồn gốc đó mà tin hiểu, tỉnh ngộ dần dần, giúp mọi người chứng Niết-bàn vắng lặng. Nếu chúng sinh có tánh Như Lai, đối với Vô thượng thừa có căn lành thành thục, nghe Phật giảng nói về pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tâm không còn khiếp sợ mà lại ưa thích, mong cầu trí tuệ sáng tỏ, tinh tấn tu học, dẫu gặp duyên khổ, oan gia bức hại, vững vàng không lui, cuối cùng cũng chứng được Bồ-đề Vô thượng. Nếu có chúng sinh đối với Bích-chi-phật căn lành đã thành thục, nghe Phật nói mười hai nhân duyên, rồi xem xét hành động thuận nghịch, lưu chuyển qua lại, diệt mất, hiểu rõ một cách chắc chắn,

không còn nghi ngờ, sẽ sinh tâm tin hiểu sâu xa, hoặc do ở thế gian có bốn mùa thịnh suy mà thấu đạt nghĩa lý vô thường, một mình chứng được Thánh quả. Nếu các chúng sinh đối với thừa Thanh văn, căn lành thành thục, nghe Phật thuyết pháp bốn Thánh đế, tùy theo chỗ hiểu biết về khổ đế, đoạn tập đế, chứng diệt đế và tu đạo đế, bốn hướng bốn quả chứng được Vô học. Như thế ba thừa là pháp vừa thích ứng vừa rốt ráo trong việc giảng giải giáo lý, nên sẽ tùy theo căn cơ, trình độ lớn nhỏ, sự vui thích tu học, xa lìa sinh tử, giải thoát an vui của mỗi chúng sinh.

Khi ấy, Trưởng giả Cự Lực và năm trăm Trưởng giả nghe lời Phật dạy, tất cả vui mừng khôn xiết, cùng cất tiếng ngợi khen:

–Lành thay, lành thay! Năng Nhân Đại sĩ khéo diễn thuyết diệu pháp của ba thừa. Nay chúng con rất vui mong muốn được nghe việc tu hành nghĩa sâu xa của pháp Đại thừa vô thượng. Đức Thế Tôn hãy dùng nhiều loài ngôn từ, phương tiện, thí dụ làm cho chúng con đối với pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không còn nghi ngờ và sinh lòng tin hiểu chắc chắn để tu học, cuối cùng chứng được tâm Bồ-đề không thoái chuyển.

Đức Thế Tôn bảo Trưởng giả Cự Lực và tất cả những vị Trưởng giả:

–Pháp Vô thượng thừa sâu xa vi diệu ấy là đạo thực hành đại trí, đại Bi của Đại Bồ-tát, chẳng phải là xứ sở đầy đủ an vui của hàng Thanh văn và Độc giác. Người phàm phu khó tin, khó hiểu. Các ông hãy chắp tay lắng nghe, ghi nhớ.

Này thiện nam! Nếu các chúng sinh trụ trong bản tánh, muốn cầu sự tu tập Vô thượng thừa thì đối với tất cả hữu tình phải khởi tâm đại Bi một cách bình đẳng, cứu giúp, thương nhớ, thâu nhận tất cả hữu tình như thầy của mình, như cha mẹ của mình, nam nữ, quyến thuộc gần gũi thương yêu lẫn nhau. Dùng tâm thanh tịnh làm việc bố thí rộng lớn, thấy người không có áo quần mặc thì cho họ quần áo, thấy người đói khát cho họ ăn uống, thấy người bần cùng thì cho họ của cải và đồ dùng, thấy người bệnh khổ thì cho họ thuốc hay, giường chiếu, đồ dùng để ngồi, ruộng vườn, nhà cửa, châu báu quý hiếm, vòng hoa, chuỗi ngọc, hương bột, hương thoa. Những thứ đó đều đem cho hết, cho đến nam nữ, quyến thuộc và chính thân mạng mình cũng đem cho hết, vì tâm hướng cầu Bồ-đề nên không tham tiếc, không do người khác chỉ dạy, tự lòng mình muốn tu tập Bố thí ba-la-mật. Nếu thấy chúng sinh không thích pháp Phật, không hành chánh đạo, chê bai làm hại ba thừa, trụ trong tà kiến, đoạn tuyệt căn lành, vướng mắc tham, sân, si, tạo các nghiệp ác, khi chết đi bị đọa vào địa ngục và các đường ác, thọ nhiều loại khổ không thể dừng nghỉ thì người tu hành Vô thượng thừa

đối với loài hữu tình này khởi tâm đại Bi nhớ nghĩ thương mến không tiếc thân mạng, phát thệ nguyện lớn trụ những nơi đau khổ của loài hữu tình, dùng phương tiện ngôn ngữ nói nhiều phương pháp, giáo hóa loài hữu tình đó để họ phát tâm Bồ-đề chân chánh, nhớ nghĩ liên tục, nhàm chán khổ báo của thân, vui hành hạnh Bồ-tát, khiến cho đời sau có cùng chí hướng tu tập hạnh bố thí trong sạch bền vững không mất. Cũng lấy của cải riêng tư, thực phẩm, thức ăn nước uống, quần áo của chính mình và của những người thân thuộc. Cũng chuẩn bị sẵn sàng những thứ tư trang: tràng hoa, chuỗi ngọc, giường chiếu, đồ để ngồi, hương bột, hương thoa, để hiểu rõ và thấu đạt về sắc không, khiến tâm không chìm đắm vào đó, rồi có thể an vui xả bỏ tất cả, tự mình cầu pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng lại lần lượt hóa độ các loài hữu tình để cùng tu hạnh thù thắng. Nếu có chúng sinh cầu Vô thượng thừa, tâm không thấp kém, vững vàng tu tập giới Ba-la-mật, có sức nguyện lớn, gìn giữ giới thanh tịnh, trong sáng không cấu nhiễm, không hủy phạm, ở trong ba loại giới tuần tự tu học, đi, đứng, nằm, ngồi oai nghi đầy đủ, điều phục ba độc, bảo vệ các căn, cảnh ma có hiện ra tâm liền thấu hiểu, không sinh ưa thích. Hoặc gặp kẻ ác, đối đầu với oán thù có thế lực bức hiếp, nhưng người tu hành thì tâm vẫn trụ vào nhớ nghĩ chân chánh. Nếu lỡ mình bị xúc phạm thì tâm không chấp trước, thân, ngữ, ý nghiệp phải thanh tịnh để xa lìa lỗi lầm. Đối với các pháp thiện có thể uyển chuyển tu tập và giúp tất cả loài hữu tình được lợi ích, không bị tổn hại. Đối với hàng Thanh văn và Bích-chi-phật giữ vô tác giới, luôn luôn giữ gìn một lỗi nhỏ cũng không vướng mắc. Cho đến giới thiện của cõi người, cõi trời ở thế gian cũng phải đem hết khả giữ gìn. Nếu có chúng sinh cầu Vô thượng thừa, tu hành hạnh nhẫn nhục, dứt dần sự sân hận, tự tánh nhu hòa, tu tập thành tựu Nhẫn nhục ba-la-mật, phải làm cho tất cả các loài hữu tình được nhiều lợi ích. Còn như gặp đám oan gia, họ mắng chửi đánh đập, dùng lời thô tục bôi xấu mà người tu hành ấy không sinh hờn oán, vẫn vui vẻ chấp nhận. Hoặc gặp những việc bức hiếp phải làm nhanh như: khốn cùng, nghèo khổ, bệnh tật, giá rét, nóng bức… vì hướng đến Bồ-đề nên vui vẻ thọ nhận tất cả đau khổ. Nếu có kẻ ác lập mưu làm mình xấu hổ, hoặc làm tổn hại đến thân mạng thì người tu hành nên xem các hữu tình đều là duyên sinh huyễn hoặc, nó thay đổi sinh diệt trong từng sát-na, coi như không thấy có hữu tình, chỉ còn lại pháp không. Cũng không khởi tâm trả thù. Nếu có chúng sinh cầu Vô thượng thừa, vì muốn thành tựu Tinh tấn ba-la-mật, dũng mãnh mong cầu pháp thù thắng của Bồ-tát, trước hết phải phát khởi tâm đại Bồ-đề, tu tập các chánh hạnh, dẫu gặp duyên khổ nhưng không bao giờ thoái chuyển. Gặp oan gia phiền

não tranh giành, gây tổn hại thì mặc áo giáp tinh tấn, chế ngự, điều phục, làm cho tâm luôn dũng mãnh, không có những nỗi khiếp sợ, thời gian lớp lớp trôi qua vẫn bền chắc, không thoái lui. Nếu có chúng sinh cầu Vô thượng thừa, lặng lẽ tu học Thiền-na ba-la-mật, chấm dứt sự tán loạn, trước mắt luôn nghĩ nhớ chân chánh, điều hòa thân tâm mau chóng xa lìa hai thứ: nghiệp chướng làm đắm chìm trong mê mờ và phiền não chướng làm xao xuyến nặng nề, để được an vui nhẹ nhàng, trí tuệ chân chánh sẽ hiện ra. Nếu có chúng sinh cầu Vô thượng thừa, có tâm thông minh sáng suốt, tánh có thể tu tập Bát-nhã ba-la-mật, làm cho trí tuệ sáng tỏ, thông đạt chân thật, hư dối, tìm cách mở đường khéo léo phân biệt tà chánh, nhân quả, ngu si đần độn, nghiệp chướng cấu nhiễm nhỏ nhặt. Nếu có chúng sinh cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tâm phải luôn bình đẳng, không lìa oán hay kết thân, không sinh phân biệt. Nếu thấy chúng sinh làm việc bố thí hay không bố thí thì tâm cũng không yêu hay ghét. Nếu thấy chúng sinh giữ sạch giới hay phạm giới, cũng không thích hay giận. Nếu thấy chúng sinh có hành nhẫn nhục hay không nhẫn nhục, có hành tinh tấn hay không tinh tấn, tu các thiền-na hay không tu các thiền-na, người có trí tuệ sáng suốt hay ngu si tối dạ, đối với tất cả những hàng chúng sinh như thế phải xa lìa tướng phân biệt không yêu, ghét, xem xét chỗ này, chỗ kia, trên cao, dưới thấp một cách bình đẳng, vì những pháp này vốn không sai biệt, đồng một pháp giới, tự tánh không có khác. Nghĩa của pháp Đại thừa là chánh giác cao cả, là trí cao tột tròn đầy của các Đấng Như Lai. Nếu có chúng sinh đối với Vô thượng thừa khởi niềm tin, cho đến phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đó gọi là hướng tới nhà Như Lai, đứng trên đất Bồ-tát.

Bấy giờ, Trưởng giả Cự Lực cùng năm trăm Trưởng giả, nghe Phật nói diệu pháp như vậy, vui mừng khôn xiết chưa từng có, mới bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn khéo vì chúng con mà phân biệt diễn nói pháp quan trọng của Đại thừa, làm cho tất cả chúng con sinh tâm tin hiểu sâu xa, vui thích tu học. Nếu các chúng sinh vì cầu nơi Đại thừa vô thượng tối thắng đã không tiếc thân mạng, buông bỏ nhà cửa, tài sản, vật báu, các quyến thuộc, đồ ăn, thức uống, y phục, giường chiếu, đồ ngồi, tràng hoa, chuỗi ngọc, hương bột, hương thoa và đem nhiều thức khác để cúng dường thì chúng con đều nguyện tu học theo hạnh Bồ-đề cầu Vô thượng thừa của những vị Bồ-tát, là không tiếc thân mạng kể cả quyến thuộc, cúng dường bố thí tài sản và những thứ châu báu quý đẹp, thực hành hạnh Bồ-tát Ba-la-mật. Cúi xin Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác vì tất cả chúng con thu nhận chứng biết giúp cho chúng con được giải thoát.

Đức Thế Tôn bảo Trưởng giả Cự Lực và tất cả những vị Trưởng giả:

–Các ông hãy lắng nghe! Nếu có chúng sinh vì cầu Bồ-đề mà thương xót hữu tình, tuy làm bố thí nhưng không cầu phú quý, tuy trì giới nhưng không cầu tướng đoan nghiêm, tuy hành nhẫn nhục nhưng không cầu quyến thuộc, tuy hành tinh tấn, thiền định, trí tuệ, vì thương chúng sinh cầu Vô thượng thừa, nhưng không vì thế gian luân hồi nhân quả. Nếu có chúng sinh đủ căn lành, trí tuệ thấu rõ việc thế gian, sắc thân, năm dục sinh diệt đều là ảo mộng, chỉ có giả danh, thể tánh không thực, xét xem thân tướng này từ trứng sinh, từ bào thai sinh, từ những vật nhỏ sinh, từ sự biến hóa sinh đều là giả tạo hòa hợp mà thành, như bèo như bọt, sinh đó rồi diệt đó. Chúng sinh nghĩ nhớ mơ hồ bảo là vĩnh cữu. Lại xem thân này như do bóng nắng, hình thể vốn không thực, chỉ từ việc quá khát nước mà sinh ra cảm nghĩ thấy như là nước. Cũng như cây chuối không thể chắc thật. Nay có được thân này rốt cuộc cũng là không thật đều tự điên đảo mà sinh, hư giả trôi nổi không bền. Cũng như nơi hoang vắng mênh mông không có gì cả. Cũng như nhà xí đầy dẫy nhơ bẩn, một thân có tới chín lỗ luôn chảy những thứ không sạch. Cũng như giếng dơ nhiều rác rưởi đen tối hôi thối rất đáng chán ghét, lại như cừu thù, như rắn độc, đừng có quá yêu mến. Loài hữu tình luôn trôi nổi, phiêu lạc, nhập vào biển sinh tử, đắm chìm lưu chuyển khó có thời hạn thoát ra là đều do năm dục, phiền não. Nay các ông gần kề Như Lai, học hạnh Bồ-tát, nhàm chán xa lìa năm dục là phiền não nơi thế gian, tất cả sắc thân đều hư hoại không chắc. Cầu nơi Đại thừa Vô thượng tối thắng, tuần tự tu tập dần dần các hạnh Ba-la-mật, muốn chứng giải thoát rất khó đạt được.

❑

KINH CỰ LỰC TRƯỞNG GIẢ SỞ VẤN ĐẠI THỪA

QUYỂN TRUNG

Bấy giờ, Đức Phật bảo Trưởng giả Cự Lực và những vị Trưởng giả:

–Các ông đời trước vốn đã vun trồng căn lành và lòng tin vững bền, muốn tu học hạnh đạo của Đại Bồ-tát, cắt bỏ nghiệp chướng nhiễm ô, cầu chứng Bồ-đề, phải nên quán xét các loài hữu tình kia, từ vô thỉ đến nay luân hồi lưu chuyển, thân thọ khổ báo, trải qua nhiều đời không có giới hạn, mà sắc thân này không chắc thật, như huyễn như hóa. Các loài hữu tình bị ảo tưởng làm điên đảo, tạo ra nghiệp nhân, ngoài thì mượn các duyên tích tập hợp thành, như đống bọt trên mặt nước. Năm uẩn cùng đất, nước, gió, lửa và nghiệp đời trước làm nhân, gây tạo thế lực, tích tập các chủng tử trụ trong Tàng thức, rồi nhờ cha mẹ tình ái hòa hợp, vui vầy, dẫn đến thọ sinh, gọi là Yết-la-lam, thần thức trước tiên nương vào chỗ đó, cho đến khi tinh huyết giao kết, bất tịnh ngưng kết lại trong bào thai, trải qua nhiều giai đoạn: Gió nghiệp bên trong thổi, tứ chi tăng trưởng, do thế lực của nghiệp dần dần hình thành, từ sắc thân bốn đại cho đến các căn vẹn toàn và tâm thức, phiền não cũng sinh đầy đủ. Khi ra khỏi bào thai, tiếp xúc gió bên ngoài, đau đớn mà phát ra tiếng khóc, đối với tất cả cảnh không thể hiểu rõ. Gió duyên chuyển động có hơi thở ra vào, bú mớm sữa mẹ, sinh đại tiểu tiện. Tâm thức lúc này sinh nhiều phân biệt, đam mê ăn uống, bổ dưỡng các căn, tiện lợi cho da thịt, máu ruột, vị, xương, tủy, lông, tóc, móng, răng, nước miếng, rồi mới trưởng thành tướng tốt xấu của thân thể, tứ chi. Tự theo nghiệp nhân mà thọ lãnh các quả báo sai khác, tham, sân, si, cao ngạo khinh chê, phiền não theo đuổi vướng mắc. Gặp cảnh oán, thân lại sinh ảo tưởng thuận nghịch. Năm dục, sắc tướng ý buông thả đều vướng mắc, với nghiệp báo thân lại tăng thêm nghiệp báo. Bên trong thân cận bạn ác, bên ngoài kiêu mạn với người tôn kính. Đối với các Bồ-tát và pháp chân thật tâm không ưa thích, cũng không chịu học hỏi lãnh thọ, mặc ý buông lung cho ngu si tạo ra các ác. Sân hận độc hại, dua nịnh ghen ghét, tức giận, ngang ngạnh, đánh đấm mắng chửi, làm tổn hại hữu tình. Đối với

sắc đẹp của nam nữ hoàn toàn bị chấp trước như vật bị trói buộc, không tháo gỡ được. Còn chính bản thân mình thì không nghĩ là vô thường, cho là trường tồn, không có sự thay đổi và chết. Đối với tài sản châu báu thì tham cầu tích chứa mà không nhàm chán, không biết đủ. Phiền não, bụi nhơ nơi cõi trần che lấp tâm thức, không tu sửa trí tuệ để vô minh tăng trưởng, không hiểu được sắc tướng của nam nữ thế gian và chính bản thân mình là từ năm Căn, bốn đại trong pháp hữu lậu sinh ra. Do duyên điên đảo bị đọa vào chỗ bất tịnh. Da, máu, thịt, tóc, lông, móng, răng vốn không tự có tướng, từ tham ái kết nghiệp phát sinh. Nhân duyên luân hồi lưu chuyển không dứt, quả khổ sinh tử không bao giờ ngừng nghỉ. Lửa nghiệp phiền não thiêu đốt thân tâm, ngày đêm chưa từng được an ổn. Ngu muội, lười biếng, buông thả thì không thích đạo Bồ-đề, quay lưng với Thánh đạo. Đối với tâm mình dơ bẩn không biết cầu trong sạch, thân thường ngông láo, tâm ý ngạo khinh, chê bai nhân quả, coi thường người hiền lành, đối với tướng không, rỗng và ảo mộng của pháp hữu vi thì không biết, không hiểu, đó là các loài hữu tình vô trí, ở trong biển sinh tử không hạn kỳ. Này các Trưởng giả! Đối với những việc như vậy phải biết rõ nghĩa lý sâu xa, sắc tướng đẹp đẽ của nam nữ, tiền tài, quyến thuộc đều là giả duyên mà có, chỉ là sự tạm thời. Nên nhớ rằng, cái gì đã hưng thịnh rồi thì trở lại bị hủy diệt. Thân tướng và năm uẩn tánh vốn đều không, do các Nhân giả tạo mà thọ nhiều quả báo khác nhau. Như người trong mộng trải qua bao nhiêu là việc khi thức dậy tất cả đều là không, không có gì. Cho nên Đại Bồ-tát một lòng cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đối với các sắc tướng phải tự biết nghĩa lý để thoát khỏi sự cấu nhiễm một cách nhẹ nhàng, trí tuệ được sáng suốt. Tuy phát đại nguyện vào trong các đường lãnh thọ nhiều loại thân, cũng chỉ vì giáo hóa chúng sinh chứ tâm không hề điên đảo. Cứ như thế, cho đến khắp các cõi ở mười phương, tùy ý thuận theo chúng sinh làm các sự nghiệp: Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, tìm cách tiếp nhận để làm lợi ích cho hữu tình. Bỏ nhà tà kiến vào chánh đạo, tu các hạnh thiện cùng hướng về Đại thừa, quyết đến Bồ-đề, thề nguyện không đầu hàng hay thoái lui.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát vì cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà thân tâm thanh tịnh thì được bốn tổng trì (pháp, nghĩa, chú thuật, nhẫn Đà-la-ni). Đối với tên, câu nghĩa, ấn, nhẫn không được quên, cẩn thận xem xét tư duy để đạt được tự tánh chân thật của các pháp này. Đại Bồ-tát thân tâm thanh tịnh, đối với các hữu tình thì bình đẳng giáo hóa, không sinh tâm phân biệt hay thương ghét kẻ oán người thân. Đại Bồ-tát thân tâm thanh tịnh, không tham đắm vào các món ngon vật lạ của thế gian, nuôi

dưỡng bằng niềm vui nghe pháp, sự an lạc khi vào thiền. Đại Bồ-tát thân tâm thanh tịnh, xem tất cả các pháp hữu vi ở thế gian đều có tướng sinh diệt, đều giả dối, ảo tưởng không chân thật. Đại Bồ-tát thân tâm thanh tịnh phải nuôi dưỡng cha mẹ, tôn kính thuận theo bậc sư trưởng, tiếp nhận sự dạy bảo, không có tâm khinh mạn. Đại Bồ-tát thân tâm thanh tịnh, sinh vào dòng họ cao quý, làm vua nước lớn, dùng chánh pháp giáo hóa muôn dân, chấm dứt tranh đấu. Đại Bồ-tát thân tâm thanh tịnh, tu hạnh ít ham muốn chỉ biết đủ, không tham tiếc và xa lánh kẻ chuyên mổ thịt nguy hại, không làm theo những luật lệ ác độc của hạng Chiên-đà-la, luôn tu hành phạm hạnh, cắt đứt tâm say đắm ái dục. Đại Bồ-tát thân tâm thanh tịnh, ngôn ngữ chân thật, không có giả dối, âm thanh rõ ràng, giúp mọi người nghe được vui vẻ, nói pháp như nguồn suối tuôn trào không dứt. Đại Bồ-tát thân tâm thanh tịnh, giỏi điều phục tham, sân, si… tâm đối với cái quả trong ba cõi không bị chấp trước, không xả bỏ hành trang pháp khổ (mười một pháp khổ của người xuất gia). Trí tuệ hiện ra tâm thường sáng rõ. Đại Bồ-tát thân tâm thanh tịnh, ngày đêm tu tập bốn Đẳng, sáu Độ, cho đến mãi mãi không chút mệt mỏi, đó là con đường để dứt bỏ tám vạn bốn ngàn phiền não, sinh ra các công đức. Đại Bồ-tát thân tâm thanh tịnh, không chấp giữ vào Bồ-đề, không nhàm chán sinh diệt, ở trong các pháp tâm luôn tự tại, hoặc nhập dòng lưu chuyển, hoặc chứng Niết-bàn. Đại Bồ-tát thân tâm thanh tịnh, đối với Đại thừa cao tột mà Phật đã nói, phải sinh lòng yêu thích sâu xa và cũng phải nhớ nghĩ kinh điển vi diệu của chư Phật thời quá khứ, giữ gìn không quên. Cũng có thể thay thế chư Phật giảng nói và chuyển bánh xe pháp, như con sông lớn chảy cuồn cuộn vô tận. Đại Bồ-tát thân tâm thanh tịnh thì xa lìa dua nịnh, kiêu mạn, ghen tị, thú dữ, trùng độc, hạnh Tất-xá-gia nên khởi tâm thương yêu mến hữu tình không cho phiền não tổn hại. Đại Bồ-tát thân tâm thanh tịnh, nếu không tham của cải riêng tư, chẳng màng đến ăn uống, không bỏ rơi người bần cùng nghèo khổ hay kẻ cô thân, được sinh vào nơi giàu có, đầy đủ tiền của, quyến thuộc sum vầy, thân tướng đẹp đẽ có oai đức lớn. Đại Bồ-tát thân tâm thanh tịnh, đối với tất cả vui sướng phải biết rõ, với tất cả khổ phải tìm cách giải thoát như: sinh, lão, bệnh, tử, thương yêu, chia ly, hay việc cố tránh né kẻ cừu thù, hoặc những việc muốn mà khó được… những khổ ấy hiện ra thì phải được hiểu rõ không để phiền não xúc chạm. Quán các hữu tình và xem sắc tướng như mộng như huyễn, không có kiên cố. Này các Trưởng giả! Theo chỗ nghe được nên nhận biết như vậy. Các đại Bồ-tát thân tâm thanh tịnh, biết rõ về bốn đại, năm uẩn, sắc thân trống không, hoàn toàn chẳng thật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo Trưởng giả Cự Lực và các vị Trưởng giả:

–Này thiện nam! Như vậy, Đại Bồ-tát ở trong sinh tử gieo duyên, kết thân, yêu mến hữu tình, hiện ra hình tướng nhưng không có mong cầu, trong nhiều cảnh giới đều xa lìa ái nhiễm. Thân tâm bình đẳng, không giữ, không bỏ, thường làm việc thiện để chúng sinh được lợi ích an vui, không bao giờ bỏ bê hay lười biếng. Mạng sống của Bồ-tát ở trong ba cõi tăng giảm tùy theo sự thay đổi an vui của chúng sinh, tuy muốn cho tất cả được tự chứng biết nghĩa lý nhưng tâm không vướng mắc vào đó, đối với các chúng sinh đều bình đẳng trước sau như một. Những thứ châu báu đẹp đẽ như: vàng, bạc, kho tàng, tiền của, lúa gạo, y phục, thức ăn nước uống, giường nằm, đồ ngồi, hương bột, hương thoa, tràng hoa, chuỗi ngọc, thể nữ, quyến thuộc cùng tất cả những thứ trang sức quý đẹp của thế gian và ngay cả sắc thân, mạng sống của mình, Đại Bồ-tát đều không luyến ái. Nếu có chúng sinh đến cầu xin những thứ: tiền tài, lúa gạo, vàng bạc, kho tàng, châu ngọc, quần áo, thức ăn, nước uống, giường chiếu, đồ ngồi, hương bột, hương thoa, chuỗi ngọc, tràng hoa, nam nữ, thể nữ, quyến thuộc nội ngoại, mạng sống sắc thân thì cũng sẵn sàng cho hết, chưa từng có tâm tham tiếc dù trong một khoảnh khắc nhỏ. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát từ lâu đã tự hiểu được tướng sinh diệt là không thật nên không vướng mắc vào. Đại Bồ-tát cũng vì muốn viên mãn sáu hạnh Ba-la-mật để đến bờ giác độ thoát chúng sinh xa lìa bến khổ, cho nên đối với cảnh tướng không thật là nguyên nhân của sự sinh diệt này, chỉ cầu xa lìa, tâm không chấp trước, không tham tiếc.

Này thiện nam! Nên biết Đại Bồ-tát luôn luôn sáng suốt tiến tới không chút lười biếng, tu hành sáu hạnh Ba-la-mật cao tột như vậy để mau chóng thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là hoàn toàn phù hợp với chánh pháp của Như Lai, tâm không hề thoái chuyển.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì các Trưởng giả dùng kệ nói rõ nghĩa lý ấy một lần nữa:

Lành thay! Trưởng giả
Các ông nên biết
Là bậc Bồ-tát
Với pháp sinh diệt.
Có nhiều thân tướng
Đủ loại mạng sống
Các thứ trang nghiêm
Thể nữ quyến thuộc.

Vì muốn viên mãn
Sáu Ba-la-mật
Chuyển hóa chúng sinh
Xa lìa bờ khổ.
Với những thứ này
Đều không tham ái
Này thiện nam tử
Vui vẻ lắng nghe.
Hành hạnh Bồ-tát
Phải siêng tu tập
Chớ để tham, sân
Phiền não trói buộc.
Đêm ngày xiết chặt
Chìm đắm ba nẻo
Không có dừng nghỉ
Này thiện nam tử!
Thân này giống như
Đồ chứa ăn uống
Khoảng trống trong ngoài
Thường nên trong sạch.
Chớ để nhập vào
Các thứ độc hại
Nếu có ăn uống
Xem các vị ngon.
Có làm tổn hại
Mạng sống sắc thân
Trong thân nếu có
Các tham, sân, si.
Thuốc độc phiền não
Xem các pháp vị
Chúng sinh ăn vào
Tổn hại pháp thân.
Cùng với tuệ mạng
Này thiện nam tử
Tất cả chúng sinh
Từ trước đến nay.
Ít có trí tuệ
Như một đứa bé

Chỉ muốn uống sữa
Không hề thấy biết.
Có những cảnh tướng
Không thể phân biệt
Lỗi lầm sinh diệt
Do nhân ra quả.
Quả lại tạo nhân
Trí không hiện rõ
Tâm thường ngu tối
Chỉ tham ăn uống.
Bổ dưỡng bốn đại
Thường ở trong mộng
Mà không tỉnh biết
Gặp giáo pháp Phật.
Tâm không tu tập
Như người say nói
Lời không có nghĩa
Với cảnh năm dục.
Chẳng chịu xa lìa
Ngày đêm nghĩ bậy
Tăng dần khổ đau
Tích chứa buồn lo.
Thân tâm buông thả
Theo dòng sinh tử
Nhập biển sinh tử
Bồng bềnh trôi nổi.
Lãnh những nghiệp báo
Đói lạnh khốn khổ
Gầy ốm tiều tụy
Bờ giác còn xa.
Không thể giải thoát
Những chúng sinh này
Từ bấy lâu nay
Từ nơi chân tâm.
Cấu nhiễm che tối
Không thể thấu hiểu
Nên với cảnh ảo
Tham yêu vướng mắc.

Này các Trưởng giả
Phải biết thân mình
Nhờ nhân duyên thành
Không có chắc chắn.
Chỉ do sức nghiệp
Tạo ra gom lại
Sinh tử luân hồi
Lãnh các quả báo.
Xoay tròn nhiều kiếp
Không lúc giải thoát
Người trí tự xem
Tâm sâu chán bỏ.
Phàm phu mê muội
Không hiểu vô thường
Chấp ta chấp người
Ham vui quá độ.
Không gần bạn lành
Tự kết nghiệp duyên
Thân hoại mạng chung
Rơi vào địa ngục.
Luân chuyển ba cõi
Lãnh các khổ đau
Lửa lớn đốt thân
Không đất để trốn.
Tâm bi chư Phật
Thương xót thế gian
Người không lòng tin
Cũng khó cứu giúp.
Người trí tự biết
Sắc thân ảo giả
Không có chân thật
Chỉ do nghiệp nhân.
Gom lại mà có
Các căn trần lớn
Gom tụ hòa hợp
Gọi tạm là thân.
Như bọt như bèo
Hoàn toàn vô thể

Máu mủ hư hoại
Chỗ nào yêu chấp.
Vì thế nên biết
Trong những thứ ấy
Đều xem không sạch
Sinh tâm chán lìa.
Siêng tu Thánh pháp
Đạt thân không hoại
Xa lìa các ác
Gần tri thức thiện.
Tin pháp cao tột
Tu hạnh Bồ-đề
Rộng tu phước tuệ
Sinh trong nước Phật.
Thân tâm an vui
Trong sáng không sợ
Dùng áo tốt đẹp
Và thức ăn ngon.
Giường chiếu, đồ ngồi
Vòng hoa chuỗi ngọc
Hương quý vô giá
Đủ loại vật dụng.
Chẳng thiếu thứ gì
Dùng tâm thanh tịnh
Vui vẻ cúng dường
Hiểu rõ, hổ thẹn.
Mong trừ nghiệp tội
Phước trí tăng trưởng
Người được như vậy
Trong trăm ngàn kiếp.
Với đạo Vô thượng
Phát sinh tin hiểu
Dần dần thấu biết
Thật tánh chân không.
Xưa nay vắng lặng
Như biển sâu thẳm
Không có tăng giảm
Khi gặp gió duyên.

Nước thành đợt sóng
Sóng tức là nước
Động tĩnh là một
Hiểu rõ như thế.
Trụ cảnh giới Phật
Không sinh nẻo ác
Chấm dứt luân hồi
Qua trăm ngàn ức.
Na-dũ-đa kiếp
Tâm địa sáng suốt
Tham, sân, si, mạn
Phiền não nghiệp nhân.
Mà không hiện hành
Các loại quả khổ
Tự nhiên không lãnh
Sắc thân chắc chắn.
Vô lượng thời gian
Vui vẻ sung sướng
Tâm không nghĩ xấu
Cũng không ảo tưởng.
Với cảnh điên đảo
Thường sinh suy nghĩ
Giỏi nói pháp yếu
Lợi ích chúng sinh.
Tự làm không bệnh
Người khác cũng không
Vui hợp điều thuận
An ổn vui đủ.
Thâm nhập thiền định
Lìa các khổ buộc
Thường làm việc thiện
Bảo vệ chúng sinh.
Không tạo duyên ác
Gần gũi bậc trí
Ca tụng Như Lai
Pháp màu cao tột.
Cung kính khen ngợi
Vui mừng làm theo

Xem khắp thế gian
Sự tướng hữu vi.
Đều như huyễn mộng
Không chút chân thật
Hiểu rõ ăn uống
Sắc lực mạng sống.
Gốc khổ phiền não
Kẻ ngu không biết
Tham ái đắm nhiễm
Dù một khoảnh khắc.
Cũng không đoạn dứt
Mùi vị ăn uống
Làm tăng lỗi lầm
Bạn lành khuyên bảo.
Tâm không thêm tin
Gặp kẻ xấu ác
Thỏa mãn gần kề
Vào trong ngu si.
Không thể thấu biết
Các cảnh cõi trần
Ảo tưởng chìm đắm
Không kể ngày đêm.
Mê nhiều thú vui
Người trí xem nó
Sinh nhiều chán bỏ
Các cõi thế gian.
Sắc tướng huyễn hoặc
Rồi cũng suy tàn
Vợ, con, trai, gái
Quyến thuộc, nhân duyên.
Như người đi đường
Tạm thời gặp gỡ
Khi nhân duyên hết
Ân ái lìa xa.
Quyến luyến bên nhau
Dù ít cũng khó
Này các trưởng giả
Biết thân là ảo.

Ví như họa sĩ
Vẽ nhiều màu sắc
Đẹp xấu mà thành
Rồi cũng tan rã.
Lại như mùa đông
Nước đóng thành băng
Chắc cứng tạm thời
Cũng tan thành nước.
Vì sao như vậy?
Sắc tướng hư huyễn.
Thể tánh chẳng thật
Mà người ngu si
Theo cảnh sinh tham
Yêu thích vướng mắc.
Tâm đó điên đảo
Tạo nhân không thiện
Rơi vào ba nẻo
Lãnh đủ thứ khổ.
Trải qua nhiều kiếp
Không có đột ra
Nếu sinh trời, người
Cũng mê hoan lạc.
Do thân ảo này
Tạo ra nghiệp ác
Không có cùng tận
Người si như thế.
Thường bị trói buộc
Ma oán quấy phá
Vợ con, trai gái
Cha mẹ, quyến thuộc.
Trói buộc tâm lại
Không cho thoát khỏi
Thời gian ngày đêm
Vì bị ràng buộc.
Nhận lầm làm vui
Thật ra do khổ
Ba độc nhiễm vào
Tăng trưởng ngạo khinh.

Là người như vậy
Trái với duyên thiện
Trí tuệ không sinh
Việc làm không cùng.
Các bất luật nghi
Với nhiều quyến thuộc
Cha mẹ, vợ con
Tiền tài, thực phẩm.
Trong pháp sinh khổ
Tâm không chán đủ
Không nghĩ dứt ra
Tham nhiễm chấp ái.
Cầu nhiều của báu
Gom góp kho tàng
Mà thấy chúng sinh
Đói khổ nghèo hèn.
Lòng không thương cảm
Cứu giúp nguy khốn
Không hành chánh đạo
Nghĩ xấu càng nhiều.
Người trí chỉ dạy
Không chịu lắng nghe
Nên cứ xoay tròn
Này các Trưởng giả.
Sắc thân con người
Ví như cây lớn
Rễ, thân, lá, cành
Sum suê tỏa rộng.
Lâu không thấm nước
Đất cát khô cằn
Mặt trời thiêu đốt
Nhựa sống cạn kiệt.
Năm tháng chẳng lâu
Tất sẽ khô mục
Tất cả chúng sinh
Tráng niên sắc tốt.
Thân tướng đầy đủ
Tham đắm thế gian

Chạy theo năm dục
Gân, huyết suy hao.
Bệnh khổ xâm nhập
Hình dáng tiều tụy
Các căn tàn tạ
Không được lâu bền.
Cuối cùng mòn mất
Người si như thế
Mê đắm sắc thân
Tham nhiều của báu.
Không biết tội phước
Không nghĩ vô thường
Như cây khô mục
Không lâu gãy đổ.
Này các Trưởng giả
Xem thân ảo này
Và của cải kia
Vàng, bạc, lưu ly.
Chân châu, ma-ni
Xa cừ, mã não
San hô, hổ phách
Thể nó không thật.
Như bọt nước kia
Kẻ ngu mê tình
Tưởng là quý trọng
Càng tăng ham muốn.
Chánh niệm tạp loạn
Với pháp môn Phật
Không có hướng vào
Người trí hiểu biết.
Sắc thân, vật dụng
Tất cả đều như
Cảnh thấy trong mộng
Đều không tự tướng.
Phải giữ sáu căn
Khép kín năm dục
Gần kề Tam bảo
Hành hạnh sáu Độ.

Bỏ hết tham tiếc
Dứt tâm ái nhiễm
Xem các dục kia
Như ngọn lửa lớn.
Thiêu đốt chúng sinh
Phải hết sức sợ
Không nên quyến luyến.

❑

KINH CỰ LỰC TRƯỞNG GIẢ SỞ VẤN ĐẠI THỪA

QUYỂN HẠ

Phật bảo trưởng giả:

Các chúng sinh này
Ở trong Hiền kiếp
Gom chứa các pháp.
Là: tham, sân, si
Kiến, mạn, nghi, hối
Với các cảnh dục
Tiếp xúc đắm mê.
Suốt ngày lẫn đêm
Không bao giờ dứt
Chưa từng tu tập
Thiền định vắng lặng.
Nguồn khổ sinh tử
Cũng không xem xét
Không rõ thế gian
Là tướng sinh diệt.
Không có tự thể
Hoàn toàn là không
Chỉ do tham ái
Gom lại gieo trồng.
Mượn nhân duyên sinh
Hòa hợp mà có
Nhân duyên chấm dứt
Cuối cùng tan mất.
Do gốc vô minh
Lại sinh tham ái
Gốc ngọn liên tục
Như kiến bò quanh.

Với xuất thế gian
Trong lý chân thật
Chư Phật Bồ-tát
Cảnh giới thanh tịnh.
Không có chút tâm
Yêu thích hướng vào
Những người như vậy
Bị ngu si che.
Trong biển sinh tử
Bồng bềnh trôi nổi
Năm trần huyễn tướng
Tâm nhiều vướng mắc.
Say loạn điên đảo
Mãi không tỉnh biết
Nếu có chúng sinh
Căn lành thành thục.
Tự nhiên gần kề
Những tri thức thiện
Tâm thường tu tập
Hành hạnh nhị lợi.
Với các tăng thượng
Ta, người, chúng sinh
Có thể thuyết pháp
Phát tâm hiếm có.
Ưa thích cung kính
Không sinh cao ngạo
Với công đức Phật
Sâu xa vi diệu.
Cảnh không nghĩ bàn
Không nghi, không chê
Cũng không với những
Trong cảnh năm trần.
Giả dối mê đắm
Khởi lên tham ái
Không tạo nhiều tội
Nhân khổ sinh diệt.
Ngày đêm tinh cần
Suy nghĩ chắc thật

Tăng các thắng hạnh
Tập các pháp thí.
Thường vui đọc tụng
Kinh điển Đại thừa
Tâm không tà niệm
Không có tưởng khác.
Pháp thiền an vui
Phạm hạnh thanh tịnh
Nuôi lớn pháp thân
Và cho tuệ mạng.
Không như người si
Vướng mắc thế gian
Chỉ nghĩ ăn uống
Sắc thân, tài vật.
Vui đắm năm dục
Thường không chán bỏ
Không biết gốc khổ
Không cầu giải thoát.
Theo các ngoại đạo
Biết tà, nghĩ tà
Chánh niệm không sinh
Tuệ không chân thật.
Như nói ta có
Ao báu trong sạch
Nếu có chúng sinh
Vào trong tắm rửa.
Bơi lội vui đùa
Những người như vậy
Không lâu sẽ được
Sinh lên cõi trời.
Ngu si như thế
Chìm trong dị kiến
Không hiểu nhân quả
Tìm gỡ tà vọng.
Điên đảo chánh lý
Tu hạnh bất tịnh
Nhân ác, quả khổ
Không được giải thoát.

Này các Trưởng giả
Phải nên hiểu biết
Nhân quả thế gian
Hư giả hòa hợp.
Như tượng gỗ người
Sự nghiệp làm ra
Mà ở trong đó
Chớ sinh cao ngạo.
Kho tiền châu báu
Tôn vinh, phung phí
Như thấy cảnh mộng
Biết rồi là không.
Mà những người ngu
Không biết việc này
Sinh diệt biến đổi
Tánh vốn vắng lặng.
Đối với thế gian
Chấp là thường có
Vì lý do gì?
Vì do xưa nay.
Khởi tham, sân, si
Trói buộc không xả
Thuận, nghịch, vui, giận
Không có dừng nghỉ.
Oan gia cừu thù
Luôn luôn gặp nhau
Quyến thuộc rộng lớn
Tài sản phong phú.
Gần gũi thân cận
Cùng nhau vui chơi
Tham ái thêm lớn
Đó là nhân khổ.
Về sau bần cùng
Tài vật tiêu mất
Trái ngược, biệt ly
Buồn rầu khổ não.
Khởi nhiều tranh giành
Và kết oan gia

Đến tuổi quá già
Thêm nhiều loại khổ.
Hình sắc tiều tụy
Các căn suy yếu
Bạn lành quyến thuộc
Họ đều xa lánh.
Thanh niên trai tráng
Mê đắm năm dục
Không thích tu hành
Không nghĩ chán bỏ.
Già bệnh xâm nhập
Lo lắng buồn phiền
Thân hoại mạng chung
Đọa xuống địa ngục.
Ngưu đầu giam giữ
Đau khổ chua cay
Vô phương cứu giúp
Trải qua nhiều kiếp.
Địa ngục chấm dứt
Sinh làm ngạ quỷ
Đầu như núi lớn
Cổ nhỏ như kim.
Ăn uống không được
Chỉ da bọc xương
Nghiệp ngạ quỷ hết
Làm loài súc sinh.
Mang lông, vảy, cánh
Bơi lội, bay nhảy
Bị lưới bủa vây
Lần lượt tóm bắt.
Kinh sợ hoảng hốt
Trốn chạy không được
Roi gậy đập đánh
Trả nghiệp đời trước.
Nghiệp súc sinh hết
Hoặc sinh làm người
Nghèo đói xấu xa
Các căn không đủ.

Tiền của thiếu thốn
Quá nhiều bệnh khổ
Nếu sinh phú quý
Phước tuệ trái nghịch.
Tài sản có được
Không thể đem dùng
Hoặc nhiều sân hận
Tự tâm thường khổ.
Hoặc nhiễm bệnh nặng
Mà bị chết yểu
Quả báo như vậy
Do tham, sân, si.
Chỗ tạo tác đó
Như tằm kéo tơ
Tự trói buộc mình
Như con thiêu thân.
Bị lửa đốt cháy
Thân tâm khó chịu
Không có tạm ổn
Nghiệp ác liên tục.
Qua lại không yên
Vào ba đường ác
Như dạo xem vườn
Gặp nhiều đau khổ.
Tâm không hối tiếc
Không cầu giải thoát
Cũng không chán bỏ
Lãnh các tội báo.
Khó gắng khó nhẫn
Quạnh hiu tăm tối
Vào đúng lúc ấy
Không chút than vãn.
Cha mẹ, vợ con
Tất cả quyến thuộc
Không thể thế nhau
Duy chỉ chính mình.
Thọ nhiều chướng nạn
Từ khổ đến khổ

Không có chấm dứt
Nhân duyên như vậy.
Đều do chúng sinh
Vô thủy vô minh
Liên tục tạo ra
Tham, sân, kết sử.
Thân, khẩu, ý động
Tạo quá nhiều ác
Chưa hiểu hối trừ
Nghiệp nhân ba cõi.
Từng lúc lớn thêm
Này các Trưởng giả
Nếu có chúng sinh
Chí ưa vắng lặng.
Mong cầu xuất ly
Tâm với chỗ duyên
Nhiễm, tịnh bình đẳng
Tự nhiên sẽ được.
Nghiệp chướng tiêu dần
Xa lìa luân hồi
Ác báo lẫn lộn
Gặp chánh pháp Phật.
Tin vui tu tập
Dần dần điều phục
Các tham, sân, si
Cũng khéo xem xét.
Hiểu rõ sắc thân
Như mộng như ảo
Như chớp, như bọt
Rốt ráo tìm cầu.
Thấy chỗ không thật
Những người có trí
Phải biết như vậy
Xem xét kỹ càng.
Ta - pháp đều không
Gặp được chư Phật
Với pháp chân thiện
Tuần tự tu hành.

Hạnh Ba-la-mật
Tích tập vi diệu
Chánh pháp trên hết
Xả bỏ tánh phàm.
Thành dòng giống Thánh
Ví như hòn núi
Chứa đất mà thành
Lại như giọt nước.
Nhiều dần đầy bình
Này thiện nam tử
Với Phật giáo thừa
Trọng lý chân thật.
Gắng nhẫn được vui
Với vị đạo đời
Không nên tham đắm
Bỏ pháp giả dối.
Chứng tánh chân thật
Lìa khổ sinh tử
Được vui không sợ
Thấu rõ sắc tướng.
Giống như bóng nắng
Thật tình ảo tưởng
Thể tánh không thực
Xem xét như vậy.
Tự tướng các pháp
Tâm không điên đảo
Cuối cùng giải thoát
Tên ấy gọi là:
Tánh Bồ-tát thừa
Khéo được an vui
Tất cả chúng sinh
Theo hạnh của Phật.
Mỗi mỗi hạnh nguyện
Hiểu tu tùy thuận
Tâm không thoái chuyển
Luôn luôn tinh tấn.
Không hề bỏ bê
Mau chóng tu tập

Sáu Ba-la-mật
Tự làm bố thí.
Không mong đền đáp
Ba luân thí không
Hai duyên đều mất
Hoặc đến sau này.
Thảy đều không tiếc
Các căn giữ kỹ
Không phạm giới cấm
Oán cừu luôn gặp.
Cũng không báo trả
Đầu, giữa, cuối đêm
Mạnh mẽ tinh tấn
Lìa xa phiền não.
Dừng mọi tán loạn
Các phần thiện ác
Đủ sức nghĩ chọn
Thân nghiệp thanh tịnh.
Thường hành luật nghi
Giọng nói nhỏ nhẹ
Hòa vui tâm chúng
Sáu thức vắng lặng.
Dứt các giác quan
Đối với chư Phật
Cái có hơn hết
Pháp sâu vi diệu.
Có thể nhập vào
Dùng trí khéo léo
Thu nhận chúng sinh
Tùy căn cơ đó.
Tìm cách diễn nói
Đều khiến ngộ nhập
Pháp môn giải thoát.

Khi ấy, Trưởng giả Cự Lực cùng năm trăm Trưởng giả nghe pháp xong, tâm họ hết sức vui mừng, nhờ nghe pháp ấy nên đạt được pháp nhẫn sâu xa, được nhẫn hơn hết, được nhẫn không gì hơn, họ liền đứng dậy, đi quanh Phật ba vòng, đảnh lễ sát chân Phật, rồi đứng sang một bên. Trưởng giả Cự Lực và năm trăm vị Trưởng giả cùng lúc bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Từ trước đến giờ, chúng con chưa từng được nghe pháp sâu xa vi diệu này. Hôm nay, chúng con được gặp Đấng Vô Thượng Giác, là người đầy đủ Nhất thiết trí, là người ban bố pháp lớn cho khắp thế gian. Chúng con được nghe diệu pháp như vậy nên mới hiểu rõ, các pháp ở thế gian chỉ là sự tạo lập giả hợp, như huyễn mộng… cuối cùng cũng chỉ là không. Chúng con đều tự thấu hiểu và được nhập vào pháp Nhẫn vô sinh, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chúng con nguyện vào vị lai cũng sẽ như Đức Thế Tôn ngày hôm nay, có thể ở trong vô lượng đại chúng, người, trời cất tiếng gầm của sư tử, hiện rõ ràng lời nói pháp cao đẹp trong sạch, làm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh.

Bạch Thế Tôn! Chúng con rất vui muốn nói kệ khen ngợi Đức Như Lai, xin Như Lai cho phép. Nói rồi họ đứng trước Phật nói kệ:

Tướng sắc vàng vi diệu
Hơn hết không gì bằng
Dùng âm thanh dịu dàng
Ca ngợi nghĩa chân thật.
Đã tu hạnh Bồ-tát
Mạng sống không thể lường
Tất cả các chúng sinh
Thấy nghe đều vui vẻ.
Gom công đức thanh tịnh
An vui nơi đạo tràng
Ví như vua mặt trời
Luôn đứng chỗ hư không.
Đều do thời xa xưa
Làm bố thí rộng lớn
Như: vàng, bạc, châu báu
Voi, ngựa và xe cộ.
Cả đầu, mắt, tủy não
Nào thành nước, vợ con
Làm những việc khó làm
Bố thí được viên mãn.
Nên dùng sức bản nguyện
Hiện ra thân biến hóa
Lâu dài không gián đoạn
Vượt qua vô số kiếp.
Đại Bi không nghĩ bàn
Thương mến các chúng sinh

Ban phát pháp cam lồ
Trừ não sẽ được trong.
Chúng con từ nhiều kiếp
Lưu chuyển trong nhiều cõi
Tham ái với tài sản
Và vợ con, quyến thuộc.
Ít phước không trí tuệ
Không phát tâm Bồ-đề
Đắm chìm nơi danh vọng
Cùng năm dục vui thú.
Chúng con nhờ phước cũ
May mắn gặp Thế Tôn
Nghe nghĩa vi diệu này
Biết rõ pháp không thật.
Tất cả được giải thoát
Tâm mọi người an ổn
Xin Phật cho chúng con
Xuất gia làm Sa-môn.
Nguyện hết thảy chúng sinh
Thấu biết pháp môn này
Không ham vui thế gian
Mau thành đạo Bồ-đề.

Trưởng giả Cự Lực và các vị Trưởng giả nói kệ xong, mỗi người thành kính đảnh lễ Đức Phật, xin xuất gia. Đức Phật đồng ý.

Bấy giờ, Đức Phật ngồi trên tòa mỉm cười vui vẻ, dùng sức oai đức hiện bày thần thông lớn. Trên khuôn mặt Đức Phật hiện ra vô số hào quang, gồm đủ loại màu sắc, giống như ánh sáng của các loại châu báu phản chiếu nhau, nào là màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu xanh lá cây, màu tím, màu ngọc pha lê, màu vàng ròng. Ánh hào quang ấy phóng ra chiếu khắp vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ thế giới không thể nghĩ bàn. Lên đến thế giới Phạm thiên, chỗ có ánh sáng của mặt trời, mặt trăng và ánh sáng của thân chư Thiên, tất cả đều bị che phủ không hiện ra được. Ánh hào quang chỉ chiếu sáng một nơi như thế, tất cả chúng sinh đều tiếp xúc được, không ai là không vui. Nghiệp ác, tội chướng của chúng sinh đều được tiêu trừ. Người mù có thể thấy, người điếc có thể nghe, người què có thể đi, người câm có thể nói, người đói có thể no đầy, người không có quần áo được quần áo. Hữu tình được tháo bỏ gông cùm nơi lao ngục, không có các ác, cảnh Thánh hiện ra trước mắt.

Khi ấy, trong chúng hội lớn của trời, người, ai ai thân ý cũng vui vẻ kỳ lạ chưa từng có, cùng thốt lên: "Vì nhân duyên gì mà hiện tướng này?" Mọi người phát tâm đứng dậy, nhiễu quanh Phật trăm ngàn vòng, cung kính lễ bái, cúng dường, khen ngợi rồi lui ra đứng một bên. Lúc này, từ trong chúng hội, Tôn giả A-nan bày vai bên phải, gối phải quỳ xuống đất, cúi mình cung kính bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Thế Tôn hiện tướng kỳ lạ đẹp đẽ ấy? Tất cả chúng hội đều có sự nghi ngờ, ai ai cũng bảo: "Đức Thế Tôn khi mỉm cười là luôn luôn có nhân duyên." Hôm nay, Như Lai hiện tướng lạ này chắc có nguyên nhân. Cúi xin Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác đại Từ, đại Bi vì chúng con mà giảng nói. Đức Thế Tôn luôn tự trang nghiêm, giảng nói đủ các loại việc thiện. Chúng con rất vui muốn được nghe.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Hôm nay Như Lai hiện tướng đẹp đẽ này vì nhằm giảng nói cho Trưởng giả Cự Lực cùng năm trăm Trưởng giả, để họ tự thấu hiểu pháp Nhẫn vô sinh, mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tuần tự hội đủ nhân duyên rồi sẽ thành Phật. Này Tôn giả A-nan! Hãy lắng nghe! Các vị Trưởng giả này đã ở trong vô lượng trăm ngàn kiếp thời quá khứ, chỗ của chư Phật, mỗi người đều được gần kề cung kính cúng dường lễ bái, tôn trọng khen ngợi, được nghe pháp nghĩa chân thật cao tột như vậy, nên tiêu trừ nghiệp chướng, xa lìa ba nẻo khổ. Với trăm ngàn kiếp thường sinh vào cõi người, cõi trời và lãnh thọ pháp vui cao đẹp hơn hết, cho đến nay họ được tài sản giàu có đồ sộ, có nhiều quyến thuộc, phước tuệ tôn nghiêm, được mọi người yêu kính. Tất cả đều do đời trước có sức gieo trồng căn lành. Nay đến đời của ta, họ lại được nghe nghĩa pháp sâu xa. Này Tôn giả A-nan! Trưởng giả Cự Lực và các vị trưởng giả kia, vào đời vị lai họ sẽ gặp Di-lặc Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác. Khi gặp vị Phật ấy, họ lại nghe được diệu pháp Đại thừa thanh tịnh, có thể khéo léo tinh tấn tu tập hạnh bố thí, đó là hạnh đầu tiên trong sáu Ba-la-mật, có thể ở trong mười phương gần kề lễ bái, cung kính, cúng dường, tôn trọng, khen ngợi vô lượng chư Phật, cũng có thể gặp được chư Phật trong Hiền kiếp. Phật Thế Tôn đó cũng lại giảng nói pháp nghĩa Đại thừa vi diệu. Họ nghe rồi lãnh thọ và vì mọi người, họ lần lượt diễn nói, chỉ dạy cái lợi, cái vui cho vô lượng chúng sinh. Này Tôn giả A-nan! Trưởng giả Cự Lực sau khi trải qua năm ngàn kiếp, sẽ sinh vào các cõi nước của Phật, tu hành nhiều cách, gặp được nhiều vị Phật, làm những việc cúng dường nhưng không thấy mình

làm. Sau cùng, thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tất cả đồng một hiệu là: Cát Tường Tạng gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật - Bạc-già-phạm. Cõi nước được trang nghiêm, an ổn, thịnh vượng vui vẻ, chánh pháp, tượng pháp trải qua rất nhiều đời, tất cả đều đồng đẳng, thuyết pháp cứu độ chúng sinh không thể tính đếm.

Khi ấy, Tôn giả A-nan và đại chúng trời, người nghe Phật, Thế Tôn khéo giảng nói pháp nghĩa vi diệu như vậy, tất cả liền ca ngợi cùng bạch với Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này nên đặt tên gì? Chúng con lãnh thọ và gìn giữ như thế nào?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Kinh này đặt tên là "Kinh Trưởng giả Cự Lực hỏi về Đại thừa." Các ông cứ theo đó thọ trì.

Phật thuyết giảng kinh xong, Tôn giả A-nan cùng các Bồ-tát, Tỳ-kheo và Trưởng giả Cự Lực và các chúng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà ở thế gian nghe Phật giảng nói đều rất vui mừng, một lòng tin nhận tu hành.

❑

SỐ 544

KINH BIỆN Ý TRƯỞNG GIẢ TỬ SỞ VẤN

Hán dịch: Đời Hậu Ngụy,
Sa-môn Pháp Tràng.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cùng với một vạn vị Bồ-tát và một ngàn hai trăm năm mươi vị Sa-môn, ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thường giảng nói pháp cho vô số đại chúng cùng vây quanh.

Khi ấy, ở trong thành có con của đại Trưởng giả tên là Biện Ý và năm trăm người con của các Trưởng giả khác, mỗi người đều đem theo năm trăm người hầu cùng nhau đi đến chỗ Đức Phật. Đến nơi, cung kính, đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi sang một bên.

Lúc ấy, Biện Ý (con đại trưởng giả) thấy mọi người đều ngồi yên, mới nương theo oai thần của Đức Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trang nghiêm đến đảnh lễ trước Đức Phật, rồi quỳ gối chắp tay, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con có điều muốn thưa hỏi, cúi mong Đức Thế Tôn thương xót giảng giải cho con. Đức Thế Tôn là Đấng Chí Chân, thần thông biến hóa, đạo đức không gì hơn, ở trong ba cõi tìm cách giảng giải, dẫn dắt, cứu độ chúng sinh, khiến cho họ đến với giáo pháp của Đức Phật. Nhưng về sau, vào đời ác năm trược, bị ba độc sôi sục, thiêu đốt, không còn trật tự trên dưới, đối xử nhau với lòng ác độc. Thời điểm ấy, các hàng vua chúa, quần thần vì tham lam ngôi vua mà khởi binh đánh nhau, gây nên cảnh chết chóc, lúc ấy tai họa ập đến dân lành. Nếu bốn chúng đệ tử Phật, nhờ ân đức của Phật mà được vào đạo, bề ngoài tuy mặc áo pháp nhưng trong lòng ganh ghét không có sự kính thuận, trở lại chê bai lẫn nhau, hiển bày việc xấu, ngăn chận việc tốt, cao ngạo coi khinh người khác thì những hạng người này đều là phần tử ở trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chỉ vì lợi ích một lúc mà không biết tai họa bao kiếp về sau. Thế thì

phải dùng phương pháp gì để giáo hóa họ? Cúi xin Đức Thế Tôn trình bày đầy đủ những phương pháp giáo hóa, để cho những người ở đời vị lai nhờ phước đức ấy mà thoát khỏi ba đường ác, an vui vĩnh viễn.

Đức Phật khen:

–Lành thay, lành thay! Này Biện Ý! Ông đã đứng trước Đức Thế Tôn tạo nên tiếng gầm của sư tử, thưa hỏi về phương pháp khai hóa cho tất cả, để những kẻ hung ác, ngu si ở đời vị lai, nhờ phương pháp ấy mà được an vui. Những điều ông muốn hỏi, chớ có hoài nghi, Như Lai sẽ vì ông mà phân biệt giảng nói.

Biện Ý lại thưa hỏi Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà người ta được sinh lên cõi trời? Vì nhân duyên gì sinh trong loài người? Vì nhân duyên gì đọa vào địa ngục? Vì nhân duyên gì bị đọa trong loài ngạ quỷ? Vì nhân duyên gì bị đọa trong loài súc sinh? Vì nhân duyên gì được sinh vào hàng tôn quý, được mọi người kính trọng? Vì nhân duyên gì sinh trong hàng tôi tớ bị người sai khiến? Vì nhân duyên gì sinh trong hàng thứ dân, nhưng hơi miệng lại thơm tho, sạch sẽ, thân tâm thường an vui, không bị chê bai, được mọi người khen ngợi? Vì nhân duyên gì được sinh trong loài người, nhưng thường bị người khác ghét bỏ, chê bai, hình dáng xấu xa, thân tâm không yên ổn, thường lo lắng, sợ hãi? Vì nhân duyên gì sinh ở nơi thường được gặp Phật, nghe pháp, vâng giữ giới luật, gặp gỡ hàng tri thức, đạt được tâm thiện? Nếu làm Sa-môn thì thường đạt được điều mong muốn? Những điều con hỏi như thế, cúi xin Đức Thế Tôn phân biệt, giảng giải, khiến cho mọi người ở trong chúng hội này đều được nghe chánh giáo, mong cho tất cả đều được cứu giúp đến chỗ an vui.

Đức Phật bảo:

–Này Biện Ý! Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Ta sẽ vì ông giảng nói về pháp vi diệu cần thiết. Có năm việc, ai thực hành sẽ được sinh lên cõi trời. Năm việc đó là gì?

1. Tâm thương yêu, không giết hại chúng sinh, trái lại biết nuôi dưỡng mạng sống loài vật, để cho chúng được an ổn.

2. Hiền lành, không trộm cắp tài vật của người khác, trái lại phải biết bố thí, không tham lam keo kiệt, cứu giúp những kẻ khốn khổ.

3. Trong sạch, không phạm vào thân thể người nam hoặc người nữ, siêng năng ăn chay giữ giới.

4. Có lòng tin ngay thẳng, không lừa dối người khác, giữ gìn bốn lỗi của miệng, không được tham lam, dối trá.

5. Không được uống rượu, không tạo điều kiện để miệng gây điều không tốt. Đó là năm việc, làm được sẽ sinh lên cõi trời.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Không giết, được sống lâu
Không bệnh, thường khỏe đẹp
Tất cả sinh cõi trời
Thân vui, ánh sáng tỏa.
Không trộm, thường giàu sang
Của cải tự nhiên đủ
Cung điện bằng bảy báu
Lòng luôn được an vui.
Nam nữ không tham đắm
Thân thơm, thể trong sạch
Thường sinh thân đoan nghiêm
Đức hạnh tự sáng ngời.
Không dối, hơi miệng thơm
Nói năng thường thông suốt
Luận bàn luôn trôi chảy
Lời nói nhiều người nghe.
Rượu, thịt không được dùng
Ý không bị rối loạn
Dù sinh ở nơi đâu
Trời, người thường theo hầu.
Khi người ấy qua đời
Hai lăm vị thần lớn
Năm phước tự nhiên đến
Ánh sáng rất rạng ngời.

Đức Phật bảo:

–Này Biện Ý! Lại có năm việc, nếu ai làm được sẽ sinh trong loài người. Năm việc đó là gì?

1. Bố thí của cải cho kẻ khốn khổ.

2. Giữ giới, không phạm mười điều ác.

3. Nhẫn nhục, không làm náo loạn tâm ý chúng sinh.

4. Tinh tấn, khuyến hóa, không được biếng nhác.

5. Nhất tâm giữ trọn trung hiếu.

Đó là năm việc, làm được sẽ sinh trong loài người, sẽ được giàu sang, sống lâu, oai đức đoan nghiêm… được làm vua trong loài người, được tất

cả cung kính hầu hạ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Bố thí được giàu sang
Tiền của luôn dư giả
Thường sinh nơi tôn quý
Hưởng tài sản của cha.
Thường giữ giới đầy đủ
Lãnh thọ ba ngôi báu
Hết lòng không làm ác
Để mạng sống được lâu.
Nhẫn nhục, không phiền ai
Không tức giận người nào
Bị đánh, không đánh trả
Thường sinh nơi đoan chánh.
Siêng năng không biếng nhác
Luôn nhớ hạnh phải làm
Thường sinh nơi quyền quý
Được làm tướng triều đình.
Một lòng không thoái chuyển
Trung tín nhớ kỹ càng
Phụng sự các tôn trưởng
Sinh nơi không khổ nhọc.
Thực hành năm việc này
Đời sau được làm vua
Sắc tài đều đứng đắn
Tướng dũng mãnh tự có.

Đức Phật bảo:

–Này Biện Ý! Lại có năm việc, nếu ai làm theo thì khi chết sẽ bị đọa vào địa ngục, trải qua ức kiếp mới ra khỏi. Năm việc đó là gì?

1. Không tin có Phật, Pháp, Tăng, chê bai khinh thường, hủy hoại Thánh đạo.

2. Đập phá tượng Phật, chùa chiền, tôn miếu.

3. Ở trong bốn chúng mà trở lại chê bai làm hại nhau, không tin tội lỗi, tai họa, không có tâm tôn kính nhường nhịn.

4. Thường chống đối nhau, không biết kẻ trên người dưới, vua tôi, cha con không hòa thuận nhau.

5. Đời vị lai có người muốn tu đạo, được tu đạo rồi lại không vâng

theo lời dạy của sư trưởng, tự cho mình là hơn hết, khinh khi, cao ngạo, chê bai sư trưởng.

Đó là năm việc, nếu ai làm thì chết bị đọa vào địa ngục, xoay vần mãi trong đó, không có kỳ hạn ra khỏi.

Đức Thế Tôn bèn nói kệ:

Người ngu si ở đời
Không tin Phật, Pháp, Tăng
Ý ngu muốn hủy hoại
Bảo Phật không thần lực.
Gặp các việc thiện, ác
Nên tạo ra các tội
Đập phá đền thờ thần
Lợi ít, mắc tội nhiều.
Đời sau trong bốn chúng
Ôm lòng độc ghét ganh
Vì danh lợi hại nhau
Không biết sau tội nặng.
Những người ác ở đời
Cha, con ganh ghét nhau
Vì của cải, lợi danh
Không có tâm kính thuận.
Vị lai những người ác
Nếu có làm Sa-môn
Không vâng lời thầy dạy
Chết mắc tội rất nặng.
Người tạo năm việc này
Tội họ nói không hết
Ức kiếp trong địa ngục
Chư Phật không thể cứu.

Này Biện Ý! Lại có năm việc, ai làm sẽ bị đọa trong loài ngạ quỷ. Năm việc đó là gì?

1. Tham lam keo kiệt, không muốn bố thí cho người khác.

2. Trộm cắp, không hầu hạ nuôi dưỡng cha mẹ.

3. Ngu si, không có lòng thương.

4. Gom giữ của cải vật dụng, không dám ăn mặc.

5. Không cung cấp cho cha mẹ, anh em, vợ con, tôi tớ.

Đó là năm việc, nếu ai làm thì khi chết sẽ bị đọa trong loài ngạ quỷ.

Lúc này, Đức Thế Tôn nói kệ:

Keo kiệt không bố thí
Không nuôi dưỡng cha mẹ
Gom chứa sợ bỏ sót
Không thương kẻ yếu già.
Vợ con và tôi tớ
Thảy đều không cung cấp
Giữ tài sản đến chết
Đọa ngạ quỷ rất khổ.
Thân không có áo mặc
Bụng lớn, cổ như kim
Đi kiếm ăn khắp nơi
Đồng sôi rót vào miệng.
Không muốn uống nước đồng
Vả miệng, ép phải uống
Một ngụm vào trong bụng
Gan, ruột, phổi… chín nhừ.
Chịu khổ nhọc như thế
Trải qua mấy vạn năm
Hết tội mới được ra
Sinh làm người nghèo hèn.

Này Biện Ý! Lại có năm việc, ai tạo ra thì bị đọa trong loài súc sinh. Năm việc đó là gì?

1. Phạm giới, lén trộm cắp.

2. Mắc nợ nhưng chống cự không trả.

3. Thích giết hại để nuôi dưỡng thân mình.

4. Không thích nghe và lãnh thọ kinh pháp.

5. Luôn viện cớ việc bố thí, ăn chay giữ giới là khó làm để kết duyên với đời.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Thường lén lút trộm cắp của người
Nợ tiền không trả còn chống cự
Thích giết hại, săn bắn, chài lưới
Tạo duyên đời chẳng gặp pháp hội.
Không tin thành thật không biết đạo
Việc quá khứ, hiện tại, vị lai
Tạo các tội mà mình chẳng biết

Chút ít lần hồi đọa súc sinh.
Làm trâu, ngựa, voi, lừa, lạc đà
Heo, dê, chó… nhiều không tính đếm
Đã mang nặng chết còn lột da
Khổ lắm thay! Không thể chịu nổi.

Này Biện Ý! Lại có năm việc, ai thực hành sẽ thành người cao quý, được mọi người kính trọng. Năm việc đó là gì?

1. Ban phát và mang lại điều tốt lành cho khắp mọi nơi.

2. Kính lễ Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng và các bậc trưởng lão.

3. Nhẫn chịu, không có tức giận.

4. Nhu hòa, khiêm tốn, nhún nhường.

5. Học rộng, nghe nhiều, đọc tụng kinh và giữ giới.

Đó là năm việc, nếu thực hành thì làm người tôn quý, được mọi người kính trọng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Tâm bình đẳng bố thí
Cứu khắp chúng được yên
Đẹp, khỏe, thọ, không bệnh
Họ hàng đều nhờ ân.
Người kính Phật, Pháp, Tăng
Thờ lạy các tôn trưởng
Sinh vào hàng tôn quý
Thường được mọi người lạy.
Nhịn nhục không giận dữ
Cả đời được ngay thẳng
Mọi người thấy vui mừng
Ngắm hoài không biết chán.
Tâm điều phục nhu hòa
Khiêm nhường và kính thuận
Học hỏi, tụng thuộc kinh
Mới được người tôn quý.

Này Biện Ý! Lại có năm việc, nếu ai làm thì bị sinh trong hạng thấp hèn, làm kẻ tôi tớ. Năm việc đó là gì?

1. Kiêu mạn, không hiếu thuận với cha mẹ.

2. Ương ngạnh, không có cung kính.

3. Buông lung, không lễ lạy Tam bảo.

4. Sinh sống bằng nghề trộm cắp.

5. Mắc nợ, trốn tránh không trả.

Đó là năm việc, nếu làm sẽ sinh trong hạng thấp hèn, làm kẻ tôi tớ.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Như có người ngu đần
Kiêu mạn với song thân
Không có tâm cung kính
Đời sau sinh thấp hèn.
Tam bảo không thờ lạy
Ương ngạnh với tôn trưởng
Không xót thương người khác
Đời sau làm nô tỳ.
Buông thả tâm ý mình
Trộm cắp tài vật người
Nợ nần không muốn trả
Sau sinh trong tôi tớ.
Ăn mặc dựa vào chủ
Sai khiến chẳng thảnh thơi
Gắng công trả nợ chủ
Tội hết mới được ra.

Này Biện Ý! Lại có năm việc, ai thực hành thì được sinh trong hạng người hơi miệng thơm sạch, thân tâm thường an vui, không bị chê bai, được mọi người khen ngợi. Năm việc đó là gì?

1. Rất thành thật, không lừa dối người khác.

2. Tụng kinh, không có sự phân biệt đây, kia.

3. Giữ gìn lời nói, không nhạo báng Thánh đạo.

4. Khuyên dạy người bỏ việc ác, làm việc thiện.

5. Không soi mói việc tốt, xấu của người khác.

Đó là năm việc, làm được sẽ sinh trong hạng người hơi miệng thơm sạch, thân tâm thường an vui, không bị chê bai, được mọi người khen ngợi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Cung kính ba ngôi báu
Không ngạo nghễ song thân
Chân thành không dối trá
Làm thế được người kính.
Giữ lời không chê bai

Tâm bình đẳng tất cả
Khuyên người xa nghiệp ác
Tụng thuộc, nhớ kinh pháp.
Không khinh khi người đời
Kính nhau như cha mẹ
Ngăn ác, tăng điều thiện
Như thế mau thành Phật.

Này Biện Ý! Lại có năm việc, nếu có ai làm thì sau này sinh trong loài người thường bị mắng nhiếc, bị người ghét bỏ, hình dáng xấu xí, tâm ý không an, thường ôm lòng sợ hãi. Năm việc đó là gì?

1. Thường không có lòng chân thật, lừa dối người khác.

2. Trong pháp hội có người thuyết pháp lại chê bai người ấy.

3. Thấy bạn đồng học thì khinh thường và tìm cách để thử họ.

4. Không theo sự hướng dẫn tốt của người khác, nên làm việc gì cũng đều sai.

5. Nói hai lưỡi để hai bên đánh nhau.

Đó là năm việc, nếu làm thì sau này sinh trong loài người, thường bị mắng nhiếc, bị người ghét bỏ, hình dáng xấu xí, tâm ý không an, thường ôm lòng sợ hãi.

Lúc này, Đức Thế Tôn nói kệ:

Lừa dối mê hoặc chúng
Không có tâm chân thật
Tâm, miệng tạo ra nghiệp
Khiến thân chịu tội nặng.
Nếu đọa trong địa ngục
Móc sắt kéo lưỡi ra
Nước đồng rót vào miệng
Sớm tối chẳng nghỉ ngơi.
Nếu đời này làm người
Hơi miệng thường tanh hôi
Người gặp đều không thích
Không dịu dàng vui vẻ.
Thường gặp việc đến quan
Bị bàn tán chê cười
Mắc phải các ách nạn
Tâm ý chẳng được yên.
Chết đọa vào địa ngục

Ra khỏi làm súc sinh
Xoay chuyển trong năm đường
Không thoát khỏi ách nạn.

Này Biện Ý! Lại có năm việc, ai thực hành sẽ sinh vào nơi thường được gặp Phật, Pháp, Tăng, khởi đầu không có gì sai trái, gặp Phật, nghe pháp, liền được tâm thiện. Nếu làm Sa-môn thì đạt được điều mong muốn. Năm việc đó là gì?

1. Tự mình vâng theo Tam bảo, khuyên người khác thờ lạy.

2. Tạo hình tượng Phật, phải làm cho sáng đẹp.

3. Thường vâng theo lời dạy bảo của thầy, không phạm giới đã thọ.

4. Thương yêu khắp tất cả chúng sinh cũng như thân mình, thương yêu như con đỏ.

5. Kinh pháp đã thọ, sớm chiều đọc tụng.

Đó là năm việc, để sinh về nơi thường được gặp Phật, Pháp, Tăng, khởi đầu không có gì sai trái, gặp Phật, nghe pháp, liền được tâm thiện. Nếu làm Sa-môn thì đạt được điều mong muốn

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Người phụng kính Tam bảo
Giáo hóa khuyên lạy, thờ
Tạo hình tượng Phật đẹp
Vâng lời các tôn sư.
Nên xem cả mọi người
Như thân mình chẳng khác
Mình, người đều bình đẳng
Làm thế gặp được Phật.
Sớm tối thường học hỏi
Trí tuệ là quý nhất
Mở bày kẻ ngu dốt
Khiến đều hiểu chân đạo.

Sau khi nghe Đức Phật giảng nói về nghĩa nơi pháp chính yếu của năm mươi việc, Biện Ý liền vô cùng vui mừng, đạt được pháp nhẫn. Năm trăm người con của trưởng giả đều đạt được Pháp nhãn thanh tịnh, những người trong pháp hội đều đạt được chí nguyện. Lúc ấy, Biện Ý liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Đức Phật, quỳ gối chắp tay, bạch:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn! Ngài đã vui vẻ giảng nói pháp này để cho những người trong pháp hội đều được nghe và để cứu độ ách nạn cho

mai sau. Giờ ngọ ngày mai, kính thỉnh Đức Thế Tôn và cả đại chúng ở trong hội này quá bước đến nhà con, trong một xóm nghèo để thọ thực. Khi ấy, Đức Thế Tôn yên lặng nhận lời, Biện Ý đảnh lễ Đức Phật rồi vui vẻ ra về.

Biện Ý về đến nhà, thưa với cha mẹ:

–Hôm nay, con thỉnh được một vị hiếm có trong loài người, gọi là Như Lai Pháp Sư Vô Thượng, cả ba cõi không ai sánh bằng.

Biện Ý liền bảo vợ mình sửa soạn đồ ăn uống, chuẩn bị đầy đủ cho bữa cúng dường. Hôm sau, Đức Thế Tôn cùng cả đại chúng đi đến nhà của Biện Ý, vào đúng chỗ ngồi ngay ngắn. Khi thấy Đức Thế Tôn và cả đại chúng đã an tọa, Biện Ý và cha mẹ, quyến thuộc cùng đến trước đảnh lễ sát chân Phật, mỗi người tự cung kính hầu hạ. Biện Ý đứng dậy đi lấy nước cho Đức Phật và đại chúng rửa tay, rồi hết lòng cung kính dâng thức ăn.

Phật và đại chúng thọ trai chưa xong, có một cậu bé ăn xin đến trước các tòa, lần lượt xin ăn. Vì Đức Phật chưa chú nguyện nên không ai dám cho. Cậu bé xin khắp, không được, nên tức giận, liền sinh suy nghĩ ác: "Các Sa-môn này buông lung, đâu có đạo đức gì? Còn kẻ nghèo theo xin thì dửng dưng không cho, trưởng giả mê lầm đem cơm cho họ, đây chẳng phải là lòng thương xót. Ta mà được làm vua, sẽ dùng xe bánh sắt cán đứt đầu họ", nói rồi bỏ đi. Đức Phật nhận phẩm vật cúng dường xong, có một cậu bé ăn xin khác lại vào xin ăn, trong buổi thọ trai mọi người đều cho nên được rất nhiều cơm, thức ăn, cậu ta vui vẻ ra về, liền phát sinh suy nghĩ thiện: "Các Sa-môn này đều có lòng Từ, thương ta nghèo khổ, cho ăn no nê, cứu giúp được mấy hôm. Hay thay, Trưởng giả mới có khả năng làm việc cúng dường, ông ta chẳng khác gì Bồ-tát, phước ấy vô lượng. Ta mà được làm vua, sẽ cúng dường Đức Phật và chúng Tăng suốt trong bảy ngày, để báo đáp ân cứu giúp đói khát hôm nay", nói rồi liền đi. Đức Phật thọ trai xong, thuyết giảng pháp rồi trở về tinh xá.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Từ nay về sau, nhận đồ cúng dường xong mới thọ trai, lấy đó làm khuôn phép.

Bấy giờ, hai cậu bé ăn xin, lần lượt đi xin ăn qua đến một nước khác, nằm nghỉ nơi đám cỏ rậm bên đường. Vừa lúc vua nước ấy bỗng nhiên qua đời nhưng không có người nối ngôi.

Lúc này, trong nước có một thầy xem tướng, thông thạo về tướng pháp, mới tiên đoán: "Hiện nay, có kẻ nghèo khổ là người có mạng làm vua." Quần thần, bá quan, ngàn xe, vạn ngựa, lần lượt đi khắp các cõi nước

tìm người nào ứng với mạng làm vua. Nhìn thấy trong đám cỏ rậm bên đường, có đám mây che ở trên, thầy tướng xem rồi nói: "Trong đó có vị thần." Liền cho người tìm và thấy một cậu bé ăn xin, có tướng ứng với bậc vua. Quần thần liền cúi lạy, ra mắt và mọi người đều xưng là "thần."

Cậu bé ăn xin kinh hãi nói:

–Tôi là kẻ hạ tiện, chẳng phải là dòng vua chúa.

Quần thần đều thưa:

–Đã ứng với tướng làm vua, không nên từ chối.

Liền gội đầu, tắm rửa cho cậu bé đó bằng nước ấm thơm, mặc áo của vua, dáng vóc rất uy nghiêm, xứng với vô lượng phước lành, rồi dẫn cả đoàn người quay xe về nước.

Lúc ấy, cậu bé ăn xin có suy nghĩ ác kia, đang nằm ngủ say trong đám cỏ rậm, không hay biết gì, bị xe cán đứt đầu.

Vua về rồi thì trong nước âm dương điều hòa, khí hậu bốn mùa đều hưng thịnh, muôn dân an cư lạc nghiệp, ca tụng đức độ của vua.

Một hôm, vua tự nghĩ: "Thuở trước, mình là một kẻ nghèo khổ. Vì nhân duyên gì mà được làm vua? Nhớ thuở ấy, đi ăn xin, nhờ ân của Phật, được nhiều thức ăn, liền sinh suy nghĩ tốt: "Ta được làm vua sẽ cúng dường Đức Phật suốt bảy ngày." Nhờ ân đức của Phật, hôm nay ta đã được làm vua." Vua liền cho tập họp quần thần, đốt hương, hướng về nước Xá-vệ đảnh lễ và sai sứ giả đến thưa thỉnh Đức Phật: "Nhờ ân của Thế Tôn nên được làm vua, khát khao mong được Thế Tôn đến giáo hóa cho những người ngu muội của nước này, để họ nghe được những lời chỉ dạy của Thế Tôn." Lúc đó, nhận lời thỉnh của vị quốc vương kia, Đức Phật bảo với đệ tử: "Hãy nhận lời thỉnh mời của vị vua ấy."

Đức Phật cùng rất đông các đệ tử đi đến nước ấy. Bấy giờ, vua cùng với các quần thần ra tiếp đón, cúi đầu lạy sát chân Phật, đốt hương, rải hoa, tấu nhạc để cúng dường. Đức Phật vào trong cung điện đi đến chỗ ngồi, vua đi lấy nước, thức ăn cúng dường, khoảnh khắc đã xong.

Lúc ấy, quốc vương đảnh lễ Đức Phật, thưa:

–Con vốn là hạng người thấp hèn. Có phước lành gì mà được hưởng quả vị này, ngưỡng mong Thế Tôn giảng nói, để muôn dân trong nước này nhờ đó mà được mở mang sự hiểu biết.

Đức Phật bảo vua:

–Này đại vương! Trước đây, trong nước Xá-vệ, có con nhà Trưởng giả tên là Biện Ý, mở hội thí lớn, thỉnh Phật và chúng Tăng. Lúc đó, Phật

ngồi yên thọ thực nhưng chưa nhận phẩm vật cúng dường, có một cậu bé hành khất đến xin ăn, xin một loạt mà không được gì liền tức giận bỏ đi, khởi sinh suy nghĩ ác: "Nếu ta được làm vua, sẽ dùng xe bánh sắt cán đứt đầu họ." Sau đó, có một cậu bé ăn xin khác đến, xin được rất nhiều thức ăn, ra về liền khởi sinh suy nghĩ thiện: "Nếu ta được làm vua, sẽ cúng dường các vị Thánh tăng này suốt bảy ngày." Cậu bé khởi suy nghĩ thiện ấy, chính là vua hôm nay. Còn cậu bé sinh suy nghĩ ác kia, lúc ngủ say trong đám cỏ rậm, khi vua nhận ngôi rồi quay xe về nước, đoàn xe đã cán đứt đầu cậu ta. Cậu ấy chết, đọa vào địa ngục, bị xe lửa cán, trải qua ức kiếp mới khỏi. Hôm nay, vua thỉnh Phật để báo đáp lời thệ quá sâu dày, đời đời thọ phước không hết.

Lúc này, Đức Thế Tôn nói kệ:

Tâm người là cội độc
Miệng là cửa tai họa
Tâm nghĩ và lời nói
Thân chịu tội họa thay.
Kẻ ác không nghĩ tốt
Mình làm, mình chịu tội
Ý muốn hại người khác
Không ngờ xe cán mình.
Tâm tạo pháp cam lồ
Khiến người sinh lên trời
Tâm nghĩ và lời nói
Thân thọ phước đức ấy.
Người nghèo có nghĩ tốt
Tự làm yên thân mình
Tâm nghĩ đều là tốt
Như vua được ngôi cao.

Khi nghe kinh, quốc vương rất vui vẻ, quần thần và muôn dân trong cả nước đều đạt được quả Tu-đà-hoàn. Cúng dường Đức Phật suốt bảy ngày xong, Đức Phật ra về. Vua, quần thần và muôn dân đều vui vẻ đảnh lễ tiễn đưa.

Đức Thế Tôn vừa về đến tinh xá ở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ thì Hiền giả A-nan, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, đảnh lễ Đức Phật, quỳ gối bạch:

–Bạch Thế Tôn! Kinh hôm nay nên gọi tên là gì? Thọ giữ như thế nào?

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Kinh này gọi là "Những điều Biện Ý con trưởng giả đã hỏi", nên theo đấy mà thọ giữ. Cũng gọi là "Nghĩa thiết yếu của các pháp."

Đức Phật lại bảo Tôn giả A-nan:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thực hành, vâng giữ, đọc tụng, truyền dạy kinh này cho đời sau và bảo người khác lãnh thọ giữ gìn thì phước của người ấy như phước của người hầu hạ thân Phật không khác. Người tụng kinh này về sau sẽ được Phật Di-lặc thọ ký. Như Lai có tướng lưỡi rộng dài nên lời nói không hư dối.

Đức Phật giảng nói kinh xong, các chúng Trời, Rồng, Quỷ, Thần, bốn chúng đệ tử Phật, nghe kinh đều vui vẻ, đảnh lễ Đức Phật.

❑

SỐ 545

KINH ĐỨC HỘ TRƯỞNG GIẢ

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng
Pháp sư Na-liên-đề-da-xá.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá, cùng đông đủ chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị và chúng Đại Bồ-tát gồm năm trăm vị, đều từ các cõi Phật khác đi đến nhóm hội. Các vị đều đạt được thần thông về cái không có, không tạo tác, thần thông về huyễn sinh, đã thành tựu tâm tin thanh tịnh, xa lìa những bụi bặm cấu uế đạt được sự hiểu biết thuận hợp, được thông suốt tất cả tướng như huyễn, được thân như bóng, biến hiện khắp cả cõi Phật, được tiếng nói như âm vang, có khả năng giữ gìn pháp luân, được trí tuệ như mộng, thuận theo và thấy tất cả cõi Phật, được khả năng thuận hợp nơi a-tăng-kỳ chỗ giáo hóa của Như Lai, được cảnh giới của trí lớn không chướng không ngại.

Tên của các vị là: Bồ-tát Thanh Tịnh Biện Tài, Bồ-tát Phóng Quang Diệm, Bồ-tát Đoan Nghiêm Tạng, Bồ-tát Vô Lượng Quang, Bồ-tát Tạp Tạng, Bồ-tát Bất Định Trụ Phật Sát, Bồ-tát Thuyết Phật Pháp Trượng Phu Nguyệt, Bồ-tát Đà-la-ni Thiện Căn Thành Trụ, Bồ-tát Tỳ-lô-giá-na Sai Biệt Tạng… có đủ năm trăm vị Đại Bồ-tát như thế, mỗi vị Bồ-tát đều có a-tăng-kỳ Bồ-tát làm quyến thuộc.

Bấy giờ, các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Quốc vương, Đại thần, Sa-môn, Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Trưởng giả, Cư sĩ và các tiểu vương, những hàng ngoại đạo có lòng tin thanh tịnh đều cung kính, tôn trọng, khen ngợi Đức Như Lai, dùng nhiều thứ tốt đẹp nhất để cúng dường như quần áo, đồ ngồi, thức ăn thức uống, thuốc thang… tất cả được dâng lên cúng dường Đức Như Lai. Vì lòng Từ bi, vì muốn lợi ích cho chúng sinh, nên Đức Phật thọ nhận những thứ cúng dường ấy, chứ chẳng phải vì lòng tham. Vì sao? Vì tất cả các ruộng phước, ruộng phước

của Phật là hơn hết. Như Lai có đầy đủ vô lượng định, vô lượng tuệ, vô lượng giải thoát, vô lượng giải thoát tri kiến. Giống như hư không, không có biên vực, pháp giới không có giới hạn, năm phần pháp thân cũng không có giới hạn. Vì Phật hay bố thí, xả bỏ nên công đức lớn dần, thành tựu quả báo không thể nghĩ bàn. Phật còn là vị thầy dẫn đường cho tất cả thế gian, có khả năng giáo hóa, dẫn dắt khéo léo khiến hết thảy chúng sinh không rời bỏ pháp Phật. Ai thích phước đức, Phật làm ruộng phước vô tận cho người ấy. Đối với tất cả chúng sinh, Phật luôn thương xót như nhau. Phật được giải thoát tự tại với Nhất thiết trí.

Lúc ấy, những hàng ngoại đạo như Già-la-ca, Ba-lợi-bà-xà-ca… và tất cả các ngoại đạo khác vì xa lìa lòng tin, chỉ sinh lòng tham muốn, lại vì không được cung kính, tôn trọng, khen ngợi, cúng dường y phục, đồ ngồi, thức ăn thức uống, thuốc thang… mới sinh lòng ganh ghét. Các ngoại đạo ấy… thấy thân tướng của Đức Phật đẹp đẽ, đoan nghiêm và có nhiều chúng quyến thuộc theo hầu, mà họ thì không có những việc như thế, nên sinh lòng ganh ghét. Các ngoại đạo ấy… thấy Đức Phật đầy đủ bốn thứ biện tài, có khả năng giảng nói các pháp, còn họ thì không, nên mới sinh lòng ganh ghét. Các ngoại đạo ấy… thấy Đức Phật được nhiều lợi lạc, còn họ thì không được, nên dùng nhiều lời lẽ xấu xa chê bai Đức Phật. Các ngoại đạo ấy… thấy Đức Phật có oai đức cao quý, ai thấy đều khiếp sợ như gặp một vị vua lớn, còn tự họ không có oai đức, nên sinh lòng chê bai. Các ngoại đạo ấy… thấy Đức Phật đầy đủ công đức cả bên trong lẫn bên ngoài, ba mươi hai tướng tốt và Nhất thiết chủng trí, chúng sinh đều yêu thích, còn họ thì không có những điều ấy, nên mới sinh lòng chê bai. Các ngoại đạo ấy… thấy Đức Phật đầy đủ thần thông và trí tuệ tự tại ẩn hiện, biến hóa không gì cản trở, một thân biến thành nhiều thân, nhiều thân hợp lại một thân, thần lực diệu dụng, suốt đến cõi trời Phạm thế, khéo biết tất cả tướng sai khác của nghiệp báo ở quá khứ, vị lai, khéo biết những suy nghĩ của tâm chúng sinh ở hiện tại, để tùy theo đó mà nói pháp. Người nhiều sự ham muốn thì nói cho họ phương pháp hãy xem tất cả đều không sạch. Người nhiều tức giận thì nói cho họ phương pháp về lòng thương xót. Người nhiều ngu si thì nói cho họ hiểu rõ pháp nhân duyên. Những chúng sinh tin và thực hành theo các phương pháp ấy, được xa lìa sự ham muốn, sự tức giận, ngu si, còn họ thì không có việc như thế, nên mới sinh lòng ganh ghét, nói những lời xấu ác. Các ngoại đạo ấy… thấy Đức Phật đầy đủ bốn Vô sở úy, khả năng nói pháp hùng hồn, vững chắc, như tiếng gầm của sư tử. Nếu ai được như thế thì đắc quả Sa-môn, ai không như thế thì không đắc quả Sa-môn, còn họ thì thấy biết không thật, nói năng nhầm lẫn,

điên đảo, nên mới sinh lòng chê bai. Các ngoại đạo ấy… thấy Đức Phật đầy đủ đại Từ, đại Bi, thương xót tất cả các chúng sinh và được tự tại như xem quả A-ma-lặc trong lòng bàn tay, còn họ không có việc như thế, nên mới sinh lòng chê bai. Các ngoại đạo ấy… thấy Đức Phật được nhiều chúng trời, người khâm phục, ngưỡng mộ, tôn trọng, khen ngợi, cúng dường, còn họ không được cúng dường đầy đủ như thế, nên mới sinh lòng ganh ghét, nói những lời xấu ác. Các ngoại đạo ấy… thấy Đức Phật đầy đủ những thứ công đức không thể hủy hoại như thế, còn họ không đầy đủ nên mới sinh lòng ganh ghét chê bai Như Lai. Những ngoại đạo ấy, phước của quá khứ đã hết mà không sinh phước mới, lại rơi vào rừng rậm hoang dã gặp đầy dẫy xấu ác. Giống như có người vào đồng cỏ mênh mông, quên mất đường chính không thể ra được. Cũng vậy, các ngoại đạo ấy xa lìa trí tuệ, ở trong chỗ xấu ác không thể ra được, không tin chánh pháp, không cúng dường chúng Tăng, mất đi gốc thiện, phát sinh đủ các thứ xấu ác, nói năng thảy đều điên đảo, không tin nghiệp báo, không biết pháp mười hai nhân duyên… đi vào rừng ấy xấu ác, chẳng phải là con đường chân thật, đối với các pháp như người mù.

Khi ấy, các ngoại đạo Lục sư quyến thuộc và ngoại đạo không mặc áo quần, tất cả đều tụ tập đến Luận nghị đường, cùng nhau bàn bạc: "Xưa, Sa-môn Cù-đàm chưa ra đời, chưa thành Đại Sa-môn, tất cả muôn dân ở cõi Diêm-phù-đề này đều thuộc về ta, tin phục pháp ta, theo điều ta mong muốn. Nay Cù-đàm xuất hiện ở đời, tất cả muôn dân bỏ pháp của chúng ta, không còn cung cấp y phục, thức ăn uống, đồ để ngồi, thuốc thang, cũng không cung kính, tôn trọng, ca ngợi, không chịu nghe lời ta. Nay, trong chúng ta ai có những mưu kế gì?" Lại bàn: "Sa-môn Cù-đàm tuy còn đầy đủ phước đức, trí tuệ hay giáo hóa ở nước Ương-già Ma-đà-la, tất cả dân chúng đều đã quay về nương tựa nhưng không thể hóa độ một vị trưởng giả là Đức Hộ (Thi-lợi-quật-đa). Thành Vương xá này chỉ còn Trưởng giả ấy là chưa tin Cù-đàm, riêng ông ấy còn thọ pháp ta, cung kính, tôn trọng, khen ngợi, cúng dường, ban cho chúng ta quần áo, thức ăn uống. Còn dặn dò chúng ta, chỉ có các thầy như: Ni-kiền Đà-nhã-đề tử, Mạt-già-lợi Câu-xá-lê tử, Bát-phù-đa Ca-chiên-diên, San-xà-na Tỳ-la-đề tử, A-chi-la Xí-xá-cam-bà-la, Phú-lan-na Ca-diếp… là được ông ta tiếp đón… Ngoài các vị ấy ra, Sa-môn và Bà-la-môn trước giờ vẫn chưa từng được đến cửa của nhà ông ấy. Nếu tất cả người của chúng ta đến nhà ông ấy, ông ấy có thể đem lòng thành cúng dường mọi thứ. Ngày nay, tín căn của ông ấy đã thành tựu, đối với chúng ta phát sinh lòng tin hơn hết, thấm sâu vào xương tủy. Trong thành Vương xá, quốc vương, đại thần, Sát-lợi, Bà-la-môn và

các hạng người khác, không ai có lòng tin vững chắc như thế. Sa-môn Cù-đàm và tất cả Bà-la-môn, các ngoại đạo khác… cũng không thể lay chuyển lòng tin của ông ta. Chúng ta ở chỗ ông ấy mới được tự tại. Điều chúng ta nói ra, nghe được chắc chắn ông ấy tin nhận. Hôm nay, phải nên đi đến nhà ông ấy, đem tất cả sự việc trên nói cho ông ấy. Còn phải bảo ông ấy ở dưới bảy lớp cửa đều làm hầm lửa, mỗi hầm sâu chứa độ bảy người, bên trong chứa đầy lửa than Khư-đà-la không có khói, dùng đồng làm xà ngang, phủ cỏ đất lên trên. Cù-đàm sắp đến, phải dùng nước rưới và rải các thứ hoa. Nếu Cù-đàm giẫm lên, chắc chắn sẽ rơi xuống dưới mà chết. Nếu không chết, lại dùng thuốc độc trộn trong thức ăn uống, đem cho họ ăn. Chuẩn bị việc ấy xong rồi, sai người đi thỉnh Cù-đàm đến nhà thọ thực. Nếu Cù-đàm là người có Nhất thiết trí, chắc chắn không chịu nhận mời, không bị lửa, độc hại đốt. Nếu ông ta chẳng phải là người có Nhất thiết trí thì chịu nhận mời mà không nghi ngờ gì cả.

Sau khi bàn tính xong, các ngoại đạo cùng nhau lên đường, đi đến thành Vương xá, tới nhà của đại Trưởng giả Đức Hộ. Đến nơi, tất cả đứng thẳng hàng. Khi ấy, trưởng giả thấy các ngoại đạo, lòng rất vui mừng, hoan hỷ khôn lường, đến đảnh lễ các vị ấy. Đảnh lễ xong, khắp trong nhà sắp đặt các giường, mời ngồi. Các ngoại đạo đã ngồi xong, trưởng giả chắp tay cúi người, thưa:

–Tôi thường nhớ nghĩ, nay chợt gặp gỡ. May thay, may thay! Vì trời nghĩ đến tôi khiến các Đạo sư, các Đại đức… đến đông đủ tạo cho tôi được làm ruộng phước.

Khi trưởng giả thấy các ngoại đạo đều ngồi xong, lần lượt đi lấy bát đĩa, thiết bày các thứ thức ăn; ăn rồi, dọn rửa xong. Bấy giờ, trưởng giả đến trước giường một ngoại đạo lớn, đặt riêng một ghế nhỏ, ngồi vào ghế ấy.

Khi đó, vị ngoại đạo: Lô-kiệt-đa Mật-đa-ni-diên-tha… cùng tất cả ngoại đạo đã thấy trưởng giả ngồi yên xong, bèn nói:

–Này Trưởng giả! Vừa rồi khi chúng tôi tụ tập ở đại luận nghị đường, có bàn tính trước thế này: “Khi Sa-môn Cù-đàm chưa ra đời, chưa thành Đại Sa-môn, cả cõi Diêm-phù-đề, mười sáu nước lớn như: nước Ương-già Ma-đà-la… đều thuộc về ta, hết lòng tin theo lời ta, cung kính, tôn trọng, cúng dường, ca ngợi, cung cấp áo quần, đồ dùng để ngồi, thuốc thang. Khi Cù-đàm ra đời, thành Đại Sa-môn, họ chỉ tin thọ pháp của Cù-đàm, bỏ chúng ta, không còn tôn trọng, cung kính, cúng dường, cũng không cung cấp áo quần, đồ để ngồi, thuốc thang. Mười sáu nước lớn như: Ương-già

Ma-đà-la… đều được Cù-đàm thống lãnh, chỉ riêng ông là người tu hạnh ban cho của ta, tin nhận lời ta. Những phương tiện của Sa-môn Cù-đàm không thể lay chuyển ông khiến ông tin nhận. Mười sáu nước lớn như: Ương-già Ma-đà-la… không có ai tin lời ta bằng ông. Tất cả muôn dân và đại vương… cũng tin lời Cù-đàm. Thế nên, chúng ta nảy sinh kế như sau để cùng ông bàn bạc. Nay ông tin ta, ta cũng tin ông, những điều bàn luận này, ngoài chúng ta ra, không để cho người ngoài biết được."

Này Trưởng giả! Nay ông nhất định phải tin dùng mưu kế của chúng tôi: "Ở dưới bảy lớp cửa nhà ông, trong mỗi cửa hãy làm một hầm lửa lớn, mỗi hầm sâu chứa độ bảy người, chứa lửa than Khư-đà-la không có khói, dùng đồng làm xà ngang, trải kín bằng rèm trúc, rồi dùng đất phủ lên. Cù-đàm sắp đến, dùng nước rưới lên và rải hoa đẹp. Nếu Cù-đàm đi qua, chắc chắn sẽ lọt xuống mà chết. Nếu đốt không chết thì dùng thuốc độc trộn trong thức ăn. Chuẩn bị xong, sai người đi mời Cù-đàm. Nếu ông ta thật có Nhất thiết trí thì chắc chắn không nhận lời mời, còn chẳng có Nhất thiết trí thì chắc nhận lời mời mà không nghi ngờ gì cả."

Khi nghe Lục sư chỉ vẽ, trong lòng trưởng giả rất vui mừng khen:

–Hay thay, hay thay! Kế này rất tuyệt, thích hợp điều mong mỏi của tôi. Nay tôi đã có sẵn đủ những thứ ấy, mong đại sư chớ lo lắng.

Lục sư đáp:

–Nếu thế thì ngay bây giờ có thể mau chóng làm xong.

Trưởng giả tiếp:

–Hay lắm, mọi việc sẽ y theo lời chỉ vẽ, liền cho làm những hầm lửa, thức ăn có độc và đến thỉnh Cù-đàm. Nếu tôi không giết được, cũng không còn ai có thể giết được ông ấy. Kế này rất cần thiết, đúng với điều mong mỏi của tôi.

Nói xong, trưởng giả tự vui mừng, lại tự suy nghĩ: "Điều thầy ta đã nói, rất hay, rất hay."

Khi các ngoại đạo chỉ vẽ cho trưởng giả xong, mỗi người tự cảm thấy rất hân hạnh, lời đồn xưa nay quả thật chẳng sai, tự cảm thấy thỏa mãn:

–Nay ta chỉ vẽ cho ông ấy, lìa bỏ việc thiện, gây tạo nghiệp ác, lìa bỏ: không tham, không sân, không si, thay vào đó là việc làm bất nhẫn: Tham, sân, si. Lời chỉ bày xằng bậy mà còn có thể làm theo, hay thay, trưởng giả rất tin lời ta.

Niềm vui mừng của họ được bộc lộ ra bằng ca hát, hoặc huýt gió…

rồi mỗi người từ biệt về chỗ ở của họ.

Bấy giờ, con của Trưởng giả Đức Hộ tên là Nguyệt Quang vừa tròn mười sáu tuổi, dáng mạo đoan nghiêm đẹp đẽ, tướng người bậc nhất, thân có hai mươi tám thứ tướng của bậc đại trượng phu, mọi người nếu gặp đều ngắm nhìn không chán. Đã từng cúng dường chư Phật ở quá khứ, trồng các gốc công đức, nghe thọ chánh pháp của nhiều Đức Phật, tịnh tu phạm hạnh ở chỗ tám ức Đức Phật, thông minh, lanh lợi, dũng mãnh, kiên cố, đầy đủ biện tài, tánh tình ngay thẳng không dối trá. Lời nói đi đôi với việc làm, đạt niệm Phật Tam-muội. Ở chỗ các Đức Phật lòng luôn vui vẻ, đối với chánh pháp tâm luôn luôn được vui vẻ diệu lạc. Chí không nhu nhược, đủ bốn biện tài, lòng tin vững chắc. Đối với các pháp tâm không nghi ngờ, hay dùng: áo quần, thức ăn uống, đồ để ngồi, thuốc thang tốt đẹp nhất cúng dường chúng Tăng, khéo léo nói pháp, đắc Đà-la-ni, được không thoái chuyển nơi quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ở trong chánh giác được thân tâm không thể nghĩ bàn. Đối với tất cả chúng sinh luôn có tâm đại Từ vững chắc, siêng năng giáo hóa tất cả chúng sinh, không thoái lui sự mong cầu Nhất thiết trí. Có khả năng phá tan tất cả ma oán, đánh bại và thuyết phục tất cả ngoại đạo, đạt được trí tuệ phương tiện và trí tuệ sâu xa, hay xả như mây, giữ giới trong sạch, nhẫn nhục như đất, siêng năng vững vàng, đối với tất cả pháp, tâm không loạn động, có khả năng dùng trí tuệ như thật xem xét tất cả pháp, đạt được sự mầu nhiệm của tất cả các pháp, đem lòng tin cao tột hơn hết để cúng dường chư Phật, đối với các thứ công đức của Phật đều phát sinh lòng tin, lòng vui thích cảm mến trong sáng, đối với tất cả chúng sinh đều sinh lòng thương xót, lòng tin thật vững chắc như núi kim cương không thể lay ngã, đạt được sự ghi nhớ không quên những thứ trí tuệ sai khác, có thể thọ nhận các pháp cho đến bờ bên kia. Trí tuệ có thể hiểu rõ tất cả những phương tiện thực hành pháp Phật. Sức của phước lành, đức thiện không thể hư hoại, trụ nơi bốn biện tài, ý không khiếp nhược. Đối với cha mẹ thì biết ân và báo ân, đối với tất cả pháp Phật thì được tâm cao tột hơn hết, thường vì chúng sinh mà trình bày công đức của Phật. Hoặc thấy, hoặc nghe thần thông của Phật, tâm không hề nhàm chán. Có khả năng giáo hóa thu nhận những người trí tuệ, có khả năng trình bày những cảnh giới của chư Phật. Tất cả pháp Phật đều có thể giảng nói. Con của Trưởng giả ấy đã thành tựu những công đức như thế… có thể thành tựu vô lượng pháp khí như thế… nói rộng thì vô lượng lời khen ngợi cũng không thể nói hết. Đồng tử Nguyệt Quang biết cha mình tin theo ngoại đạo muốn hại Như Lai, liền đến chỗ mẹ thưa:

–Mẹ biết không, nay tâm cha lú lẫn, nhận lời chỉ vẽ của ngoại đạo,

mất đi cái gốc của tâm. Đối với ngoại đạo lại sinh tâm vui vẻ và kính tin, các ngoại đạo ấy tự họ tạo nghiệp nơi ba đường ác, lại xui khiến cho cha tạo nghiệp ba đường ác. Nay mẹ đừng chấp nhận những điều xấu ác của cha mà nói lời chê bai Đức Phật. Vì sao? Vì khó được gặp Phật xuất hiện ở đời, trải qua kiếp số lâu xa về sau cũng không thể gặp được, hoặc một kiếp, mười kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp, cho đến kiếp số không thể nói được. Tên gọi của chư Phật còn không thể nghe đến huống gì là được gặp Đức Phật. Đức Phật có thể làm cho tâm các chúng sinh thanh tịnh, Phật có đầy đủ thần thông, trí tuệ hiểu rõ mọi việc không bị chướng ngại, có khả năng giáo hóa tất cả chúng sinh, làm cho họ không còn nghi ngại. Đối với ba thứ giải thoát, Phật là bậc nhất, trong khoảng một niệm biết tất cả pháp. Như Lai khéo trụ trong tất cả pháp. Như Lai có thể biết nơi sinh ra của tất cả chúng sinh. Lời nói chân thật của Phật làm bằng chứng cho tất cả chúng sinh. Phật có khả năng dứt trừ các thứ giặc oán, phiền não nơi thân tâm của chúng sinh, đối với các cảnh giới không bị vướng mắc. Mẹ hãy tin Đức Phật, đừng tin lời hư dối của Lục sư. Con vì kính mẹ, vì báo ân mẹ nên kính trình những lời ấy. Vì sao? Vì mẹ đã mang thân con trọn mười tháng, chịu nhiều khổ nhọc. Khi sinh thân con ra nửa sống nửa chết, chết đi sống lại. Con ghi nhớ ân này, chưa từng quên mất. Dù ở trong trăm ngàn vạn kiếp cũng không thể báo đáp. Lòng con luôn mong được cùng mẹ đến gặp trăm vạn ức na-do-tha Đức Phật, thường mong cùng mẹ nghe pháp của chư Phật, thường mong cùng mẹ đi đến những nơi tu hành của tất cả Bồ-tát, thường mong cùng mẹ đến tận những nơi pháp Phật thanh tịnh của tất cả Bồ-tát, thường mong cùng mẹ đến tận những nơi có lòng tin thanh tịnh không thể hoại, thường mong cùng mẹ đến những nơi toàn làm việc Phật, thường mong cùng mẹ đến những nơi có sự cúng dường Phật, Pháp, Tăng bằng những hương hoa, y phục, ngọa cụ, thuốc thang… thường mong cùng mẹ đến những nơi tu hành pháp của tất cả Thánh nhân, thường mong cùng mẹ đến tất cả nơi các căn lành đã thành tựu niềm tin sâu xa không có điên đảo, đạt đến Niết-bàn.

Lúc ấy, Nguyệt Vân mẹ của Nguyệt Quang khen:

–Hay thay, hay thay! Được nghe những lời của con! Con thật là đại Bi, đối với cha mẹ hết lòng hiếu kính. Như vị đại Đạo sư mở bày, chỉ dẫn những việc thiện. Con cũng như vậy, những pháp con nói ra nay mẹ tin thọ. Nay con vì lòng mình thanh tịnh, cũng vì muốn an ổn cho các chúng sinh nên phát tâm Bồ-đề, tâm rộng lớn, tâm cao thượng, tâm không so lường, tâm vui vẻ, tâm thanh tịnh. Đối với các pháp thì được tâm không nghi ngờ, tâm không điên đảo, đầy đủ luyến tiếc. Trong chúng Tăng thì có

đủ giải thoát, giải thoát sự thấy biết, có thể phá tất cả những trói buộc của phiền não. Ngay lúc này phải phát sinh lòng tin thanh tịnh, cung kính cúng dường.

Đức của Phật không lường, hạnh của Phật không lường, cảnh giới của Phật không lường, diệu pháp của Phật đã nói ra cũng không lường, lợi ích cho chúng sinh cũng không lường. Như điều con nói, Đức của Phật không có giới hạn. Nay mẹ không có trí tuệ để nói về công đức của Phật.

Này Nguyệt Quang! Mẹ luôn tin nơi Đức Phật, không sinh tâm ác. Tuy con chưa có đầy đủ sự chánh chân nhưng đúng là người hiểu biết lớn của mẹ, có thể vì mẹ mà nói vô lượng công đức của Phật. Ở trong vô lượng ngàn vạn a-tăng-kỳ kiếp nói về công đức của Phật cũng không nhàm chán, không có giới hạn.

Bấy giờ, Nguyệt Vân vì con nói kệ:

Vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp
Tên Phật khó nghe huống được gặp
Con thường vững tin nơi Đức Phật
Lòng tin như thế thật khó được.
Nay mẹ tin Phật vô lượng đức
Không thể được nghe huống mắt thấy
Con nay sinh nhằm trong nhà ta
Mẹ lại xem như thầy dẫn đường.
Khéo làm tâm mẹ tin thanh tịnh
Pháp chư Phật không thể nghĩ bàn
Con nay giống như cha mẹ ta
Cũng như chư Phật sinh nhà ta.
Ví như cha mẹ dẫn con đi
Đến cõi không nhơ của chư Phật
Chúng ta vô lượng ngàn vạn kiếp
Không thể báo ân con hôm nay.
Con là Thiện tri thức của mẹ
Đời đời luôn giữ đạo thanh tịnh
Khiến mẹ luôn nghĩ nhớ cao cả
Quyết định tin Phật không nghi ngờ.
Vĩnh viễn xa được ba nẻo ác
Thường được ở yên chốn trời, người
Không chỉ Thiện tri thức của mẹ
Con là Thiện tri thức chúng sinh.

Chúng sinh khác còn muốn độ thoát
Huống là cha mẹ và họ hàng
Khiến cho cả nhà, cả quyến thuộc
Phá tan tất cả những oán thù.
Cũng lại lìa xa ba nẻo ác
Vượt ra rồi ở cõi trời, người
Phật hiện ở đời rất là khó
Trải qua vô lượng trăm ngàn kiếp.
Con nay được sinh vào nhà ta
Ít có, khó gặp việc như thế
Con nay thật là đại trượng phu
Có thể khéo nói pháp vi diệu.
Con nay thật là con của Phật
Thường vui vẻ tin ở Như Lai
Ai đã cho ta đứa con hiếm
Mà nay mới đến trong nhà ta.
Nguyệt Quang con ta rất ít có
Thường hay khen ngợi tất cả Phật.

Khi ấy, một ngàn thể nữ quyến thuộc ở trong nhà Trưởng giả Đức Hộ nghe phu nhân Nguyệt Vân và Đồng tử Nguyệt Quang nói kệ ấy xong, đều rất vui vẻ, hớn hở khôn lường, đồng thanh khen ngợi:

–Hay thay, hay thay! Không thể nghĩ bàn, không thể nghĩ bàn! Phước của Nguyệt Quang nhiều vô lượng mới sinh vào nhà ta. Bậc trượng phu này còn khó được nghe đến huống gì là được gặp. Người này dù sinh ở nơi nào, trong xóm làng, hoặc thành ấp ở cõi Diêm-phù-đề, nếu ai có thấy, nghe thì nên gần gũi cúng dường, cùng nhau trò chuyện, sẽ vĩnh viễn xa lìa được nẻo ác. Huống gì sinh trong nhà ta mà không có lợi ích chăng? Cha mẹ, thân thuộc chắc sẽ được xa lìa nẻo ác.

Khi Trưởng giả Đức Hộ tiễn các ngoại đạo ra về xong, liền rời thành Vương xá, đến núi Kỳ-xà-quật để mời thỉnh Đức Phật. Từ xa ông đã trông thấy Đức Thế Tôn tướng tốt trang nghiêm, sáu căn vắng lặng không thể nghĩ bàn, đạt được sự thiền định cao tột, đạt được sự thiền định vắng lặng bậc nhất, các căn được đầy đủ như rồng lớn, như nước ao lớn trong sạch không vẩn đục, phản chiếu vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha ánh sáng, oai đức nghiêm nghị khó được nhìn thấy. Nếu ai thấy được thì sinh lòng vui vẻ.

Trưởng giả Đức Hộ đã đến chỗ Đức Phật, dùng những lời nói nhỏ

nhẹ, dịu dàng chào hỏi, rồi thưa Đức Phật:

–Ngày mai, thỉnh Phật và chúng Tăng thương xót nhận sự cúng dường của con.

Đức Phật biết rõ Trưởng giả đã vâng theo lời chỉ vẽ của ngoại đạo đến đây, nhưng Phật vẫn im lặng nhận lời mời. Trưởng giả biết Đức Phật đã hứa nhận lời, trong lòng cảm thấy vui mừng, cúi đầu từ biệt, xuống núi Kỳ-xà-quật về thẳng tới nhà Lục sư trong thành Vương xá, đến nơi ông thuật lại:

–Sa-môn Cù-đàm và các đồ chúng đã nhận lời mời của tôi. Như thế biết được ông ta chẳng phải là người có Nhất thiết trí.

Nghe nói vậy, các ngoại đạo… trong lòng vui mừng gấp bội, thân tâm hả hê, vui thích tràn trề, bảo Trưởng giả:

–Bây giờ, ông hãy trở về mau chóng chuẩn bị hầm lửa, thức ăn có độc, như đã bàn trước, để điều mong đợi của chúng ta được thành công.

Trưởng giả liền trở về nhà, sai khiến gia nhân bố trí xong việc ấy. Bấy giờ, Đồng tử Nguyệt Quang thấy cha dấy tâm làm việc ác, trong lòng lo lắng buồn phiền mới can gián cha:

–Việc này không tốt, với Đức Phật cha chớ khởi nghiệp ác như thế. Vì sao? Vì khó phá hoại chư Phật được. Tất cả hàng trời, người, rồng, quỷ thần đối với Như Lai dù khởi lên việc xấu ác, đối nghịch cũng không thể phá hoại Phật được. Mọi thứ đao kiếm không thể chém đứt, mọi thứ lửa dữ không thể đốt cháy. Dù lửa ở địa ngục Phật cũng không nóng, huống gì là lửa ở thế gian? Như khi hết kiếp, lúc bảy mặt trời xuất hiện, lửa ngập khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, thiêu đốt đến cõi Phạm thiên và núi Thiết vi, còn không thể đốt cháy một góc y của Phật, huống gì là dùng hầm lửa nhỏ này để đốt hại Như Lai, chuyện ấy không xảy ra bao giờ. Dù lửa nơi ánh chớp như núi Tu-di còn không thể làm hại đến dấu vết bốn oai nghi của Như Lai, huống nữa là hầm lửa này đốt cháy được chăng? Tất cả những thứ cực độc ở thế gian nhiều như nước biển cả, Đức Phật còn có thể tiêu diệt, huống nữa là dùng mấy thứ độc mọn để trộn trong thức ăn mà có thể hại được Phật sao? Dù đem thuốc độc cao như núi Tuyết, mắt Phật nhìn vào chúng tự nhiên tiêu trừ, huống gì là thức ăn độc này mà có thể hại được chăng? Xin cha chớ như kẻ nhỏ mọn gây ra các nghiệp ác, tạo nhân duyên xa lìa Phật. Tất cả những người có phước đức mới được gần gũi Phật, xin cha chớ sinh tâm ác độc, đối nghịch, sân hận hại Đức Phật. Tâm tánh của tất cả chúng sinh vốn thanh tịnh, chớ tạo ra tâm phiền não, nhiễm ô, vẩn đục, chớ tiếp tay cho ngoại đạo, chớ đem hạt cải mà so với núi Tu-di, đem

vũng nước nơi vết chân trâu mà so với biển cả, chớ đem mạng nhện cỏn con mà muốn giăng khắp cả hư không, chớ dùng sức hèn mọn mà muốn dời núi Tu-di, chớ đem núi Chước-ca-la nhét vào một lỗ chân lông, chớ đem một hạt cát mà muốn làm tràn đầy tam thiên thế giới. Vì sao? Vì trí tuệ của Phật là không hạn lượng, không chướng ngại, vượt khỏi tất cả pháp chướng ngại của thế gian. Đức Phật đầy đủ mười Lực, những sức mạnh không thể phá hoại được. Sức Na-na-diên của Như Lai, tất cả chúng sinh ác độc đều không thể hại Phật được. Như Lai vững chắc không có gì có thể phá hoại. Như Lai thường an ổn, luôn ở trong thật tế chân như. Như Lai không nắm giữ đối với tất cả pháp xa lìa sự chấp trước. Ở trong ba đời, Như Lai không nương tựa vào nơi nào. Như Lai tịch diệt không có nơi chốn, Như Lai vô cùng vắng lặng, lìa các sự buồn phiền, bứt rứt. Đối với tất cả chúng sinh, Như Lai vắng lặng là cao tột bậc nhất. Như Lai không gì sánh bằng vượt qua các thí dụ. Ba nghiệp của Như Lai luôn làm theo trí tuệ. Như Lai trong sạch lìa các bụi trần, thực hành các pháp. Như Lai dũng mãnh khỏe mạnh phá tan được tất cả các ma, ngoại đạo. Như Lai có đầy đủ sức biện tài vô tận. Như Lai khéo điều phục, có khả năng làm cho người chưa được điều phục thì được điều phục. Như Lai khéo vắng lặng, có khả năng làm cho người chưa vắng lặng được thì được vắng lặng. Nước trí tuệ của Như Lai có khả năng dập tắt lửa phiền não của chúng sinh, có khả năng làm cho người nhiều phiền não không còn phiền não. Như Lai cao quý ở trong tất cả chúng sinh, được đỉnh cao Nhất thiết trí. Như Lai là đám mây lớn, có khả năng tạo ra những cơn mưa pháp, không thể dứt. Như Lai có khả năng làm thỏa mãn những hành động của tâm tất cả chúng sinh. Như Lai được trí tuệ không hư dối, có khả năng biết được và ứng với tâm hành của chúng sinh mà nói pháp. Như Lai có khả năng chỉ bày những hoạt động tạo căn lành ở quá khứ cho tất cả chúng sinh. Như Lai có khả năng làm cạn dòng phiền não cho tất cả chúng sinh. Người gặp Như Lai ngắm hoài không chán. Trong hàng Bồ-tát, Phật là vị Bồ-tát không vị Bồ-tát nào bằng. Như Lai có khả năng dứt sạch tất cả phiền não. Như Lai có khả năng đoạn dứt tất cả dòng thác phiền não. Như Lai có đầy đủ lòng thương lớn có khả năng che chở, bảo vệ cho tất cả chúng sinh. Chúng sinh nào gặp Như Lai đều được an ổn, thảnh thơi. Như Lai Thiện Thệ giống như sư tử chúa, không sợ gì ở thế gian. Như Lai cao tột trong tất cả thế gian, không nhiễm nơi chúng sinh trong ba đời, tất cả những thế lực tồn tại ở thế gian không thể phá hoại Phật. Như Lai là pháp cao thượng cùng tột trong tất cả pháp giới. Như Lai vắng lặng, lìa các lý luận vô nghĩa. Nhất thiết trí của Như Lai thấy hết tất cả, có khả năng biết những việc quá khứ, hiện tại, vị lai.

Khi chưa thành Chánh giác, Như Lai đã đoán biết trước, ở trong thành Vương xá có một đại Trưởng giả tên là Đức Hộ, dùng tâm xấu xa làm hầm lửa, thức ăn độc để giết hại Như Lai, cũng vì nhân duyên biết được việc làm ác này mới có thể đạt được sự trong sạch tột bực, lòng tin cao cả mà lìa bỏ tâm độc. Những chúng sinh làm ác và làm thiện, Như Lai đều có thể giáo hóa khiến cho chúng có nhân duyên với Bồ-đề Vô thượng. Mong cha hãy buông bỏ tất cả những suy nghĩ và việc làm ác độc, tội lỗi. Vì sao? Ví như có người nuôi dưỡng đất đai, lại có người đốt phá đất đai, đối với hai hạng người này lợi ích bằng nhau, không có sự phân biệt. Cũng vậy, vì bản nguyện nên Đức Phật đối với người cúng dường và người đánh mắng đều coi như nhau, đều làm cho họ tạo ra nhân duyên để đắc đạo. Thế nên, Như Lai sẽ làm tất cả ruộng phước cao tột bậc nhất cho tất cả chúng sinh, gieo trồng gốc căn lành. Nếu có người nào cúng dường Đức Phật thì chắc chắn ra khỏi ba cõi. Phật là đại Thiện tri thức của tất cả chúng sinh. Nay cha sinh tâm ác đối với Phật, tự thân mình đã bị mất mát và thiêu đốt cả chính mình, về sau đọa vào địa ngục chịu các khổ não. Mà thân Như Lai thì không thể phá hoại, tất cả ngoại đạo và tất cả chúng sinh cũng không thể phá hoại. Vì sao? Vì Như Lai đã lìa lửa dữ ba độc, đã thoát khỏi vô minh, được trí tuệ ba đời, có khả năng biết được chúng sinh ở trong quá khứ, hiện tại, lìa mọi thứ tội lỗi, được mọi thứ phước lành, thành tựu tất cả các cội gốc thiện. Thế nên, cha phải vui thích, phát sinh lòng tin sâu xa, chớ khởi tư tưởng oán thù về Đức Như Lai, chớ nghe những lời ngu si của ngoại đạo mà lìa xa Phật, chớ sinh tâm ác độc đối nghịch với Phật, chớ sinh tâm oán thù, chớ sinh tâm ác hại với Bậc Như Lai Thiện Tri Thức, sẽ bị đọa vào trong ba đường khổ về sau phải hối hận.

Bấy giờ, Trưởng giả Đức Hộ hỏi Nguyệt Quang:

–Nếu như những điều con đã nói, Phật có vô lượng công đức, là người Nhất thiết trí biết được tâm của người khác, cha dùng tâm ác độc làm hầm lửa, thức ăn độc. Vì sao Phật không biết mà lại nhận lời thỉnh của cha?

Nguyệt Quang thưa cha:

–Đức Phật thật biết tất cả, thật thấy tất cả, biết rõ hết thảy tâm ác của cha, cũng vì biết tâm ác ấy mà mới được điều phục. Trí tuệ của Phật là trí tuệ lớn vô cùng, hiểu biết một cách thông suốt tự tại. Vì muốn trừ diệt tâm ác của cha nên nay Ngài nhận lời mời của cha, chứ chẳng phải vì thọ thực. Cha nên nhớ, Phật có sự trang nghiêm lớn, Phật có thần thông lớn, Phật có lòng thương xót lớn; vì muốn cho tâm xấu xa, tâm vẩn đục của cha được

giải thoát nên Phật mới đến đây. Vì muốn người có tâm ác có chỗ dựa vào để trồng cội thiện, vì muốn cho thân cha hôm nay được giải thoát, được điều phục, vì muốn cho tâm mờ mịt thành tâm sáng suốt, vì muốn cho tâm đen tối thành tâm xán lạn, vì muốn cho tâm vẩn đục thành tâm trong sạch. Vì cha tin thọ sự xấu xa, nhơ bẩn của ngoại đạo nên Phật muốn làm cho cha được hoàn toàn trong sạch, vì muốn trừ bỏ tất cả khổ có ở trong ba cõi. Nếu cha không tin Phật là đấng có đủ thứ thần thông biến hóa thì mai đây cha sẽ biết.

Sáng hôm sau, Trưởng giả Đức Hộ sai người đi đón Phật, ông dặn:

–Ngươi theo lời của ta, đến thưa Đại Sa-môn: "Mọi việc đã chuẩn bị xong, thưa Ngài đã đến giờ."

Bấy giờ, người đi đón Đức Phật ra khỏi thành Vương xá đến núi Kỳ-xà-quật, đến chỗ của Đức Phật rồi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Trưởng giả Đức Hộ đã chuẩn bị thức ăn xong rồi, xin Phật biết là đã đến giờ.

Lúc ấy, nhận lời mời thọ thực, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo đắp y cầm bát đến nhà Trưởng giả Đức Hộ.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Dạ vâng.

Các Tỳ-kheo liền về phòng đắp y, cầm bát đến chỗ Như Lai đứng một bên. Lúc ấy, Như Lai oai hùng như đại sư tử vương, từ bốn răng của Phật, mỗi răng phóng ra trăm ngàn ức ánh sáng đủ các màu. Ở mỗi răng khác cũng như thế. Hai tay, hai cánh tay, hai vai và nhục kế trên đỉnh đầu cũng phóng ra trăm ngàn ức ánh sáng đủ các thứ màu sắc. Lông trắng giữa chặng mày cũng phát ra trăm ngàn vạn na-do-tha các tia sáng có màu sắc. Khắp thân cũng phóng ra vô lượng trăm ngàn vạn na-do-tha ánh sáng đủ các thứ màu sắc. Chữ "Đức" ở trước ngực cũng phóng ra vô lượng ngàn vạn na-do-tha ánh sáng đủ các thứ màu sắc. Từ rốn của Phật cũng phóng ra ánh sáng, phá tan tất cả tối tăm, có trăm ngàn vạn na-do-tha các tia sáng làm quyến thuộc. Lại dùng sức thần thông phát ra vô lượng ánh sáng. Ánh sáng ấy chiếu khắp tất cả các cõi Phật ở phương Đông. Ánh sáng ấy cũng chiếu khắp tất cả các cõi Phật ở phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phía, trên, dưới cũng đều như thế.

Bấy giờ, ở phương Đông, trải qua vô số cõi Phật trong tam thiên đại thiên thế giới, có một thế giới tên là Diêm-phù tràng quang. Cõi ấy có một vị Phật hiệu là Nhân Tự Tại Vương Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang thuyết pháp. Đức Phật ấy có vị Bồ-tát tên là Tu-di Quang

cùng a-tăng-kỳ quyến thuộc vây quanh. Lại có một vạn Bồ-tát cũng đồng một hiệu Tu-di Quang, đều cùng nhau lên đường đi đến thế giới Ta-bà. Những cõi nước các vị đi qua đều xuất hiện những vầng mây báu lớn, những cơn mưa các thứ báu. Đến núi Kỳ-xà-quật tới chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, các Bồ-tát này vì muốn gặp Phật để cung kính cúng dường, vì muốn gặp Đồng tử Nguyệt Quang, vì thương xót Trưởng giả Đức Hộ nên mới đến chỗ Đức Phật.

Bấy giờ, ở phương Nam, trải qua vô số cõi Phật trong tam thiên đại thiên thế giới, có một cõi Phật tên là Hỏa vị, Đức Phật ở đó hiệu là Thiện Trụ Bảo Tràng Vương Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang thuyết pháp. Trong cõi Phật ấy có Bồ-tát tên là Phổ Đức Quang Diễm Vương. Lại có một vạn Bồ-tát cũng đồng một hiệu Phổ Đức Quang Diễm Vương. Mỗi vị Bồ-tát đều cùng với a-tăng-kỳ quyến thuộc cung kính vây quanh cùng nhau lên đường đi đến thế giới Ta-bà. Những cõi nước các vị đi qua đều phóng ra vô lượng a-tăng-kỳ ánh sáng chiếu khắp cả thế giới. Các Bồ-tát này vì muốn gặp Phật để cung kính cúng dường, vì muốn gặp Đồng tử Nguyệt Quang, vì thương xót Trưởng giả Đức Hộ nên mới đến chỗ Đức Phật.

Bấy giờ, ở phương Tây, trải qua vô số cõi Phật trong tam thiên đại thiên thế giới, có thế giới tên là Nhất thiết trang nghiêm, ở đó có Đức Phật hiệu là Nhất Thiết Phổ Quang Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang thuyết pháp. Trong cõi Phật ấy, có Bồ-tát tên là Phổ Diễm Vân Vương. Lại có một vạn Bồ-tát cũng đồng một hiệu Phổ Diễm Vân Vương. Mỗi vị Bồ-tát đều cùng với a-tăng-kỳ Bồ-tát quyến thuộc cung kính vây quanh cùng nhau lên đường đi đến thế giới Ta-bà. Những cõi nước các vị đi qua, nổi lên những vầng mây hoa xen đủ loại báu, những cơn mưa hoa đủ các loại báu, hơn hẳn sự cúng dường của tất cả hàng trời, người. Các Bồ-tát này vì muốn gặp Phật để cung kính cúng dường, vì muốn gặp Đồng tử Nguyệt Quang, vì thương xót Trưởng giả Đức Hộ nên mới đến chỗ Đức Phật.

❑

KINH ĐỨC HỘ TRƯỞNG GIẢ

QUYỂN HẠ

Bấy giờ, ở phương Bắc, trải qua vô số cõi Phật trong tam thiên đại thiên thế giới, có một cõi Phật tên là Diễm quang, Đức Phật ở đấy hiệu là Đức Tạng Phong Phấn Tấn Vương Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang thuyết pháp. Thế giới của Đức Phật ấy có vị Bồ-tát tên là Lô-xá-na Phóng Đại Quang Minh. Lại có một vạn Bồ-tát cũng đồng một hiệu Lô-xá-na Phóng Đại Quang Minh. Mỗi vị Bồ-tát đều cùng với a-tăng-kỳ Bồ-tát quyến thuộc, cung kính vây quanh, đi đến thế giới Ta-bà. Những cõi nước các vị đi qua, tung các thứ hương đốt, trầm thủy thanh tịnh. Hương ấy xông khắp gấp mười a-tăng-kỳ mười phương thế giới chư Phật, tỏa khắp các thế giới, hơn hẳn sự trang nghiêm của tất cả hàng trời, người. Các Bồ-tát này vì muốn gặp Đức Phật để cúng dường, vì muốn gặp Đồng tử Nguyệt Quang, vì thương xót Trưởng giả Đức Hộ nên mới đến chỗ Đức Phật.

Bấy giờ, ở phương Đông bắc, trải qua vô số cõi Phật trong tam thiên đại thiên thế giới, có thế giới Phật tên là Nhất thiết bảo trang nghiêm, Đức Phật ở đấy hiệu là Pháp Tự Tại Vương gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, hiện đang thuyết pháp. Đức Phật ấy có vị Bồ-tát tên là Ly Chướng Ngại Thần Thông. Lại có một vạn Bồ-tát cũng đồng một hiệu Ly Chướng Ngại Thần Thông. Mỗi vị Bồ-tát đều cùng với a-tăng-kỳ Bồ-tát quyến thuộc cung kính vây quanh, cùng đi đến thế giới Ta-bà. Những cõi nước các Bồ-tát đi qua dùng căn lành thanh tịnh của mười ngàn vạn kiếp để thành tựu âm thanh khen ngợi tất cả các Đức Phật, nổi lên những vầng mây pháp lớn, rưới những cơn mưa pháp, đến chỗ Đức Phật. Các Bồ-tát này vì muốn gặp Đức Phật để cúng dường, vì muốn gặp Đồng tử Nguyệt Quang, vì thương xót Trưởng giả Đức Hộ nên mới đến chỗ Đức Phật.

Bấy giờ, ở phương Đông nam, trải qua vô lượng cõi nước trong tam thiên đại thiên thế giới, có thế giới tên là Phổ trang nghiêm, thế giới ấy có Đức Phật hiệu là Ly Chướng Ngại Quang Diễm gồm đủ mười tôn hiệu:

Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, hiện đang thuyết pháp. Đức Phật ấy có vị Bồ-tát tên là Phổ Quang Thanh Tịnh Nguyệt. Lại có một vạn Bồ-tát cũng đồng một hiệu Phổ Quang Thanh Tịnh Nguyệt. Mỗi vị Bồ-tát đều cùng với trăm ngàn vạn Bồ-tát quyến thuộc vây quanh trước sau, đi đến thế giới Ta-bà. Những cõi nước các vị đi qua, phóng ra ánh sáng đủ loại báu, màu sắc rực rỡ. Dùng màn lưới được xen kẽ với các linh vàng báu che kín khắp tất cả hư không. Âm thanh của linh báu ấy thật là vi diệu, giống như tiếng của trăm Đức Phật. Các Bồ-tát này vì muốn gặp Đức Phật để cúng dường, vì muốn gặp Đồng tử Nguyệt Quang, vì thương xót Trưởng giả Đức Hộ nên mới đến chỗ Đức Phật.

Bấy giờ, ở phương Tây nam, trải qua vô lượng cõi nước trong tam thiên đại thiên thế giới, có thế giới tên là Kim võng phú, thế giới ấy có Đức Phật hiệu là Thắng Hạnh Vương gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, hiện đang thuyết pháp. Đức Phật ấy có vị Bồ-tát tên là Nhuyến Thanh Tự Tại. Lại có một vạn Bồ-tát cũng đồng một hiệu Nhuyến Thanh Tự Tại. Mỗi vị Bồ-tát đều cùng a-tăng-kỳ Bồ-tát quyến thuộc cùng đi đến thế giới Ta-bà. Những cõi nước các Bồ-tát đi qua xuất hiện những vầng mây như dù, lọng báu tràn ngập cả hư không. Mỗi vị Bồ-tát đều che dù lọng. Mỗi lọng báu có nhiều sợi tua bằng chân châu rũ xuống sáng rực trong suốt như ánh sáng của Phật. Các Bồ-tát này vì muốn gặp Đức Phật để cúng dường, vì muốn gặp Đồng tử Nguyệt Quang, vì thương xót Trưởng giả Đức Hộ nên mới đến chỗ Đức Phật.

Bấy giờ, ở phương Tây bắc, trải qua vô lượng cõi Phật trong tam thiên đại thiên thế giới, có thế giới tên là Phổ nhập, Đức Phật ở đó hiệu là Vô Ngại Nguyệt gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, hiện đang thuyết pháp. Đức Phật ấy có vị Bồ-tát tên là Vô Lượng Âm Nhạc Thanh. Lại có một vạn Bồ-tát cũng đồng một hiệu Vô Lượng Âm Nhạc Thanh, cùng với vô lượng a-tăng-kỳ Bồ-tát quyến thuộc cung kính vây quanh đều đi đến thế giới Ta-bà. Những cõi nước các Bồ-tát đi qua, ngay từ mỗi lỗ chân lông của mỗi mỗi vị Bồ-tát phát ra a-tăng-kỳ điệu âm nhạc, ca tụng tất cả pháp Phật. Các Bồ-tát này vì muốn gặp Đức Phật để cúng dường, vì muốn gặp Đồng tử Nguyệt Quang, vì thương xót Trưởng giả Đức Hộ nên mới đến chỗ Đức

Phật.

Bấy giờ, ở phương dưới, trải qua vô lượng cõi Phật trong tam thiên đại thiên thế giới, có thế giới tên là Bảo liên hoa thiện trụ, Đức Phật ở đó hiệu là Nhất Thiết Chúng Sinh Thế Đăng gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, hiện đang thuyết pháp. Đức Phật ấy có vị Bồ-tát tên là Phổ Vân Đức. Lại có một vạn Bồ-tát cũng đồng một hiệu Phổ Vân Đức. Mỗi vị Bồ-tát cùng với vô lượng a-tăng-kỳ Bồ-tát quyến thuộc cung kính vây quanh đều đi đến thế giới Ta-bà. Những cõi nước các Bồ-tát đi qua, xuất hiện những vầng mây hoa sen báu, mưa nhiều thứ hoa đủ loại màu sắc trang nghiêm a-tăng-kỳ cõi Phật. Các Bồ-tát này vì muốn gặp Đức Phật để cúng dường, vì muốn gặp Đồng tử Nguyệt Quang, vì thương xót Trưởng giả Đức Hộ nên mới đến chỗ Đức Phật.

Bấy giờ, ở phương trên, trải qua vô số cõi Phật trong tam thiên đại thiên thế giới, có thế giới Phật tên là Tạp hoa tràng, Đức Phật ở đó hiệu là Tạp Bảo Phấn Tấn Vương gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, hiện đang thuyết pháp. Đức Phật ấy có vị Bồ-tát tên là Kiến Giả Bất Không. Lại có một vạn Bồ-tát cũng đồng một hiệu Kiến Giả Bất Không. Mỗi vị Bồ-tát đều cùng với a-tăng-kỳ Bồ-tát quyến thuộc cung kính vây quanh để đi đến thế giới Ta-bà. Những cõi nước các vị đi qua, xuất hiện vầng mây Chiên-đàn vị hương, tỏa ngát các thứ hương thơm, tràn ngập a-tăng-kỳ cõi Phật. Các Bồ-tát này vì muốn gặp Đức Phật để cúng dường, vì muốn gặp Đồng tử Nguyệt Quang, vì thương xót Trưởng giả Đức Hộ nên mới đến chỗ Đức Phật.

Vô lượng Bồ-tát với thân hình thù thắng ở khắp các phương như thế, đều từ các cõi Phật đến, hiện ra oai đức lớn, hình sắc sáng ngời, đi đến nhóm hội. Từ núi Kỳ-xà-quật lên đến trời Hữu đảnh và cả tam thiên đại thiên thế giới đều chiếu sáng rực rỡ. Những Bồ-tát ấy đã thành tựu hạnh Bồ-tát để trang nghiêm, ánh sáng trong suốt rực rỡ, tâm không trụ vào bất cứ nơi nào, ở trong vô số cõi Phật không thể nghĩ bàn, các vị đã tịnh tu phạm hạnh, tăng trưởng trí nguyện, trí phương tiện, Tam-muội không thể nghĩ bàn, thường không thoái chuyển. Nếu có người thấy, nghe và gần gũi được các vị Bồ-tát ấy thì thảy đều đạt được lợi lạc.

Khi ấy, Đức Thế Tôn thấy các Đại Bồ-tát cùng với a-tăng-kỳ Bồ-tát

quyến thuộc ở khắp mười phương từ các cõi Phật đã đến nhóm họp. Đức Thế Tôn liền rời chỗ ngồi kiết già để đến nhà Trưởng giả Đức Hộ. Ngay lúc ấy, khắp cả tam thiên đại thiên thế giới có sáu cách với mười tám tướng chấn động: Rung động, rung động mạnh, rung động đều khắp. Vọt lên, vọt lên mạnh, vọt lên đều khắp. Gầm rống, gầm rống mạnh, gầm rống đều khắp. Gây cảm xúc, gây cảm xúc mạnh, cảm xúc đều khắp. Chấn động, chấn động mạnh, chấn động đều khắp. Nổi lên, nổi mạnh lên, nổi lên đều khắp.

Lúc đó, có a-tăng-kỳ hoa sen từ đất mọc lên, a-tăng-kỳ hương thơm, a-tăng-kỳ ánh sáng, a-tăng-kỳ ngọn lửa, a-tăng-kỳ vòng hoa báu, a-tăng-kỳ cành hoa ma-ni tạp báu, a-tăng-kỳ đài hoa ma-ni tạp báu, a-tăng-kỳ tỳ lô giá na tạng, a-tăng-kỳ màu sắc công đức nhiều không kể hết.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn sửa sang y phục, bước lên hoa báu, dùng sức thần thông biến hóa ra trăm, ngàn, vạn, ức đóa hoa sen từ đất mọc lên đủ loại màu sắc, cành bằng đức tạng lưu ly màu xanh, nhị bằng cam lồ vị báu, đài hoa bằng chánh ma-ni tạng báu. Ánh sáng long kiên Chiên-đàn-na hương, tỏa ra trăm ngàn tia. Những hoa sen như thế mọc theo thứ lớp, thẳng hàng, từ núi Kỳ-xà-quật đi đến tận nhà đại Trưởng giả Đức Hộ, hoa báu che rợp khắp cả một vùng. Ngài lại dùng thần lực làm cho toàn thân tỏa sáng, chiếu khắp tất cả cõi Phật ở phương Đông. Ánh sáng đó cũng chiếu rực rỡ khắp tất cả cõi Phật ở phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn hướng, trên, dưới như vậy. Trong thành Vương xá, tất cả cung điện, tất cả phòng nhà, tường thành, trong, ngoài, các nẻo đường, tường vách cho đến dưới giường cũng đều sáng rực. Những cảnh tượng như thế tất cả người dân chưa từng thấy. Lúc ấy, chúng Đại Bồ-tát, Đại A-la-hán có khắp cả hư không… thứ lớp vây quanh, cung kính đứng hầu Đức Như Lai, bước lên hoa sen báu xuống núi Kỳ-xà-quật, đi vào thành Vương xá, đến nhà Trưởng giả Đức Hộ. Ngay lúc Phật xuống núi, có Long vương A-nậu-đạt-đa cùng với vô lượng các loại long tử, số ấy năm trăm và vô lượng trăm ngàn Long vương phóng ra vô lượng vầng mây hương, mưa vô lượng hương, theo hầu Như Lai.

Vua bốn cõi trời cũng hầu hạ suốt bên cạnh Thế Tôn. Bấy giờ, lại có vầng mây báu rưới nước giữa đường đi, hai bên đường đều có hành lang bằng bảy báu, đầy đủ những thứ trang nghiêm. Tất cả vua trời, vua rồng, tất cả vua Dạ-xoa, tất cả vua Kiền-thát-bà, vua A-tu-la, vua Ca-lâu-la, vua Ma-hầu-la-già, vua Khẩn-na-la, trời Phạm, trời Đại Phạm, trời Bất Hoại Phạm, với vô lượng ngàn vạn na-do-tha quyến thuộc cung kính vây quanh,

ca tụng khen ngợi: Khen ngợi chân thật, khen ngợi rất chân thật, khen ngợi không đảo điên, khen ngợi chỉ một, khen ngợi nhiều, khen ngợi hơn hết, vui vẻ khen ngợi, khen ngợi như pháp Phật, những lời khen ngợi như thế vang khắp cả hư không. Lại dùng những sự cung kính cúng dường: Cúng dường thù thắng, cúng dường cao tột hơn hết, cúng dường a-tăng-kỳ, cúng dường hơn cả a-tăng-kỳ như thế… tất cả bay lên hư không theo hầu Như Lai vào thành Vương xá, đến cửa nhà Trưởng giả Đức Hộ. Vua bốn cõi trời, vua A-tu-la, vua Dạ-xoa… cũng từ đại thành Vương xá theo hầu Như Lai đi đến cửa nhà Trưởng giả Đức Hộ.

Bấy giờ, Đồng tử Nguyệt Quang thấy ánh sáng và thần thông lớn của Phật, cho đến mười tám tướng nơi đại địa chấn động, tâm sinh vui mừng, các căn và toàn thân diệu lạc, đi lên lầu bảy tầng, chắp tay hướng về phía cha nói kệ:

Phật xả kiết già tọa
Lúc chuẩn bị lên đường
Oai vệ như sư tử
Nay đã đến nơi đây.
Na-na-diên đưa đến
Khó hoại đấng Lưỡng Túc
Phá ma và quyến thuộc
Khỏi từ cội Bồ-đề.
Như kim cương đến đây
Mọi thứ không thể hoại
Nhưng bị phá hoại hết
Các ngoại đạo xấu ác.
Ví như Đại sĩ lớn
Đánh bại các oán thù
Từ bi phá tan cả
Các phiền não kiêu mạn.
Khó phá hoại đã đến
Dứt sạch, vượt qua hết
Trí tuệ đại Đạo sư
Luôn cứu giúp tất cả.
Không thể giết đã đến
Lửa đốt cũng không cháy
Như Lai xa cái chết
Các độc không thể hoại.
Đại trượng phu đã đến

Đại Đạo sư thường dạy
Thân tối thắng ba cõi
Tất cả không sánh bằng.
Vai tròn, tướng thông tuệ
Và Thánh chúng Từ bi
Cả mọi loài chúng sinh
Tối thắng không ai bằng.
Đầy đủ các tướng tốt
Tám mươi thứ trang nghiêm
Thân sáng chói rực rỡ
Điều phục sạch, không nhơ.
Phật nương hư không đến
Lìa tội không vướng bận
Không trụ thấy biết nào
Thường ở đạo chân thật.
Phật từ vô tận đến
Thường rộng nói các pháp
Xe pháp không nghĩ bàn
Hiểu biết những sai biệt.
Nhất thiết trí đã đến
Hiểu rõ tất cả pháp
Mười lực và đại Bi
Trụ trong bốn biện tài.
Kiến Bất Không đã đến
Làm cho chúng an ổn
Vô lượng ức vạn kiếp
Khó được nghe, huống gặp.
Điều Phục Long đã đến
Đấng trượng phu sư tử
Thương chúng không nghĩ bàn
Hạnh thành vô lượng kiếp.
Đấng Tự Tại đã đến
Chúng sinh không thể ngăn
Đạo sư Từ bi lớn
Giúp người cầu mãn nguyện.
Thiện tri thức đã đến
Trụ pháp giới tối thắng
Vô biên như hư không

Một niệm rõ các pháp.
Bậc Ly Nhị đã đến
Tới bờ giác các pháp
Ở trong địa vô tướng
Thắng giác tối thượng đến.
Đấng Tịnh Thí đã đến
Hai thứ tài và pháp
Đời trước bỏ thân mạng
Vì thương xót chúng sinh.
Đấng Đạo sư đã đến
Ban cho mọi an ổn
Vô lượng kiếp tu hành
Để cầu quả giải thoát.
Tâm đại trí bình đẳng
Thường tu pháp tối thắng
Oán thân đều bình đẳng
Tâm sáng không phân biệt.
Như Sư Tử Phấn Tấn
Sức thần độ chúng sinh
Ở vô lượng cõi nước
Ánh sáng đều chiếu khắp.
Nhiều kiếp thường khen ngợi
Công đức của Như Lai
Dù chỉ một sợi lông
Không hết, huống cả thân!

Khi ấy, Nguyệt Thượng là em gái của Đồng tử Nguyệt Quang, thân tướng đoan trang, nghe Đồng tử Nguyệt Quang nói kệ khen ngợi thân Phật, trong lòng vui vẻ. Lại thấy ánh sáng rực rỡ và sức thần thông lớn của Như Lai làm cho đại địa chấn động, tâm càng vui vẻ, chắp tay hướng về cha, nói kệ:

Như anh Nguyệt Quang khen
Các công đức của Phật
Cả thế gian không có
Xin cha nên tin Phật.
Chớ tin lời ngoại đạo
Thường ôm lòng giận ghét
Sinh ý ác với Phật
Làm ác mất tâm thiện.

Vì không biết pháp Phật
Nghe nói không tin thọ
Vì ác mất nẻo thiện
Với Phật không nói hết.
Nhận lời ác xấu kia
Sẽ đọa các nẻo ác
Vì ganh ghét ngu si
Làm mất đi tâm thiện.
Nương ba độc xấu ác
Như vậy tham lam tăng
Vì tâm si, nhầm lẫn
Xa lìa các pháp Phật.
Vô lượng ngàn vạn kiếp
Khó được nghe hiệu Phật
Cha nên hướng về Phật
Xin lòng tin thanh tịnh.
Nếu thường xưng hiệu Phật
Người này còn khó gặp
Huống gặp được thân Phật
Thế nên cha phải tin.
Như lời Đạo sư nói
Hiện vô lượng thần thông
Phóng vô lượng ánh sáng
Bậc ấy nay đã đến.
Như đã nói trước đây
Vô số cõi chấn động
Vô lượng các Phật tử
Vì thương chúng đến đây.
Chư Phật mười phương đến
Như sư tử khó diệt
Các trời, người và rồng
Đều vui mừng mưa hoa.

Lúc ấy, Đức Sinh là con gái của Trưởng giả, thấy đại địa chấn động, ánh sáng rực rỡ đủ các màu sắc, thấy xong lòng vui mừng phấn khích khôn lường, mặc áo quý giá, vội đến nơi ấy, chắp tay, với lòng tin rộng lớn, vô cùng vui vẻ hướng về cha nói kệ:

Cha nay tin ngoại đạo
Tâm này ác vô cùng

Rơi vào trong xấu ác
Thường không tin pháp Phật.
Đẩy người vào nẻo ác
Ngăn người vào đường lành
Mãi thế không điều phục
Không nhờ công đức Phật.
Phật như hoa Ưu đàm
Dẫu trải trăm ngàn kiếp
Còn khó được nghe tên
Huống có thể được gặp.
Cha nay tin ngoại đạo
Khởi tâm xấu mời Phật
Nay đã được thấy nghe
Không nên nghĩ ác nữa.
Chớ sinh tâm vẩn đục
Mang suy nghĩ giết hại
Nên khởi tâm thanh tịnh
Với Phật sinh vui mừng.
Thần lực Phật khó lường
Trải khắp mười phương cõi
Con Phật mặt như trăng
Long thần và Dạ-xoa.
Tất cả đều cung kính
Hết lòng kính lễ Phật
Dùng hoa Mạn-đà-la
Rải cúng Phật, đại chúng.
Đệ tử Phật tâm vui
Kẻ tà tâm vẩn đục
Phật nhật chiếu ngoại đạo
Mặt trời che đom đóm.
Đại nhân nguyện tối thắng
Phật khó gặp lễ lạy
Thấy vô lượng quyến thuộc
Vây quanh Phật Thích-ca.
Trí cao, trí trong sáng
Ngoại đạo làm được gì
Mây lọng, mây Chiên-đàn
Đủ mọi thứ trang nghiêm.

Bấy giờ, Đồng tử Trí Kiên là em trai của Nguyệt Quang, ở quá khứ đã từng trồng các căn lành, cúng dường chư Phật, ở chỗ các Đức Phật tịnh tu phạm hạnh. Trong giấc mộng, Đồng tử Trí Kiên thấy sức thần thông lớn của Phật, xuống núi Kỳ-xà-quật vào thành Vương xá, đại địa chấn động, nên liền thức giấc, sửa lại y phục, vội đến dưới cửa, trong lòng rất vui mừng, quay lại chỗ cha, nói kệ:

Trong mộng con thấy Phật
Ở trong khoảng một niệm
Từ núi Kỳ-xà-quật
Núi rất lớn, đi xuống.
Sức mạnh không nghĩ bàn
Chúng Bồ-tát vây quanh
Đều từ các cõi đến
Rõ pháp giới sai khác.
Mỗi mỗi vị Bồ-tát
Vô lượng chúng vây quanh
Đều ở trong các cõi
Tên các Ngài chưa nghe.
Đại Bồ-tát Đại Trí
Tên là Ly Cấu Quang
Được chư Phật hướng dẫn
Cầm dù lọng bảy báu.
Phát âm thanh vi diệu
Người nghe đều yêu thích
Cũng có thể che khắp
Vô lượng cõi mười phương.
Con thấy Thế Tôn ấy
Hóa giải những tranh chấp
Sau khi mộng thức dậy
Lập tức đến chỗ cha.
Nay cha phải tin Phật
Chớ cuồng tin ngoại đạo
Họ làm xấu lòng người
Hãy nên mau xa lìa.
Giả sử có thế giới
Lửa ngập mười phương cõi
Không thể cháy y Phật
Huống chi thân Như Lai.

Dù có các thuốc độc
Tràn ngập trăm ngàn cõi
Chẳng hại đệ tử Phật
Huống gì hại Như Lai.
Xa lìa mọi thứ độc
Phật luôn là bậc nhất
Chẳng nghĩ, độc tự tiêu
Huống nghĩ, chẳng diệt sao?
Nhất thiết trí khéo điều
Nay đến thành Vương xá
Bồ-tát không nghĩ bàn
Đều đã tới bờ giác.
Xuyên suốt trong ba đời
Hoặc nghe, hoặc thấy hình
Hay ban sự an ổn
Thế nên cha phải tin.
Kiến Bất Không đến đây
Cha phải nên cúng dường
Phật phóng vô lượng quang
Diệt trừ tà ám này.
Ánh sáng soi trời, người
Tu-la, Rồng, Dạ-xoa
Và quyến thuộc của chúng
Ai thấy cũng lợi lạc.
Địa ngục nếu nóng bức
Cũng đều được mát mẻ
Chúng sinh trong địa ngục
Vui mừng trừ nóng bức.
Phạm thiên và Thiên chủ
Thân tỏa ngát mây hương
Giống như lọng năm sắc
Trang nghiêm ở hư không.
Tâm vô ngại đến đây
Như rồng tốt dẫn đường
Sẽ nổi mây xả, thí
Mưa các thứ tạp báu.
Nào là chuỗi ngọc báu
Chiên-đàn và dù, lọng

Che khắp cả hư không
Cùng mười phương thế giới.
Năng Phân Biệt đến đây
Thần thông đến bờ giác
Biết nhiều thứ sai khác
Luôn khen ngợi chư Phật.
Số trời đông vô lượng
Và thắng nhân thành này
Nghe đại danh của Phật
Đều đi đến chỗ Phật.
Voi phát tiếng mừng vui
Sư tử cũng như thế
Các ngưu vương hớn hở
Cũng phát tiếng như thế.
Súc sinh nghe hiệu Phật
Đều phát tâm hoan hỷ
Cha là người tối thắng
Cớ sao lại không tin?
Ngàn vạn na-do-tha
Vô lượng những âm nhạc
Đồ anh lạc quý báu
Không trỗi tự nhiên vang.
Vô lượng loài súc sinh
Với mười Lực của Phật
Lìa bỏ tâm độc ác
Vui mừng sinh lòng tin.
Giải trừ ma tranh chấp
Vắng lặng lớn điều phục
Nhẫn nhục đến bờ giác
Lòng từ thương yêu khắp.
Lòng thương đến bờ giác
Thường cứu các chúng sinh
Bố thí xả nhiều thứ
Luôn phát tâm Bồ-đề.
Cha phải tin Thích-ca
Ra khỏi bờ thế gian
Phật tỏa sáng mười phương
Chúng sinh lìa tám nạn.

Phật đầy đủ thần lực
Ba đời không thể lường
Bước đi như sư tử
Trí tuệ đến bờ giác.
Trí vững như Tu-di
Thường phóng ánh sáng báu
Phật tử và các chúng
Thứ tự vây chung quanh.
Hiện ra các thần thông
Đi đến thành Vương xá
Đủ chủng loại báu quý
Treo kết để trang nghiêm.
Chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa
Tu-la trăm ngàn ức
Chắp tay cung kính lễ
Phật Thích-ca Mâu-ni.
Điều phục nay ở cửa
Khi chân giẫm lên bệ
Người mù được thấy sắc
Kẻ điếc được nghe tiếng.
Người khổ được an vui
Kẻ bệnh được trừ khỏi
Người mang thai khó sinh
An ổn được thoát nạn.
Thảy đều được kho báu
Người nghèo được giàu sang
Thần thông Phật trong sáng
Tất cả đều vui mừng.
Khắp các nẻo trong thành
Các báu đều đầy đủ
Báu dễ mến, trang nghiêm
Thân họ rất oai nghi.
Điều Phục đi trong hẻm
Cha phải ra đón tiếp
Dọc hai dãy lầu gác
Nam nữ đều đông đúc.
Dùng y đựng hoa thơm
Và các chuỗi ngọc quý

Tâm thanh tịnh hoan hỷ
Rải lên Đức Thích-ca.
Quốc vương tên Tiên Ni
Cùng sáu vạn thể nữ
Đều cầm đủ thứ báu
Cúng dường Đức Như Lai.
Y đựng đầy chuỗi ngọc
Và những hoa thơm, đẹp
Cùng phát tâm vui vẻ
Đem rải lên Đức Phật.
Người trí khắp nẻo đường
Vui, tin, cầu công đức
Lòng hớn hở vui mừng
Đảnh lễ Phật Thế Tôn.
Phật từ hẻm đi đến
Trăm ngàn ức chúng sinh
Chắp tay lòng vui vẻ
Tất cả đều lễ bái.
Dưới khắp tất cả cõi
Trên đến trời Hữu đảnh
Những cõi nước mười phương
Trời, người xen lẫn nhau.
Loài người mọi tầng lớp
Cúng dường Đức Như Lai
Tất cả đều hớn hở
Tâm thanh tịnh lễ Phật.
Thắng luận sư ngoại đạo
Đảnh lễ chân Thế Tôn
Với niềm vui cao thượng
Tâm sáng tin tột cùng.
Chắp tay khen ngợi Phật
Lành thay! Phật xuất thế
Đại trí, Nhất thiết trí
Đã đến bờ giác ngộ.
Cha phải sinh vui mừng
Cùng đến chỗ Như Lai
Dùng y phục quý báu
Cúng dường Đức Như Lai.

Trừ bỏ tâm nghi hoặc
Ganh ghét và xấu ác
Trong đời tin Phật hơn
Lễ lạy Đấng Mâu-ni.
Nay cha phải nên biết
Đấng Điều Phục muôn loài
Hay che chở chúng sinh
Nên biết các tâm ác.
Đều có thể trừ diệt
Đại Đạo sư là thế
Do vì thương xót cha
Nay đến đứng ngoài cửa.
Hầm lửa sẽ tự tắt
Mọc đủ loại hoa sen
Ưu-bát, Câu-vật-đầu
Ba-đầu, Phân-đà-lợi.
Chư Thiên và người đời
Long, thần và quyến thuộc
Rải đủ loại hoa thơm
Tràn ngập cả mặt đất.
Cờ trí đó dẫn đường
Oai quang khó thấy hết
Thấy biết Nhất thiết trí
Đạt đến bờ giác ngộ.
Biết tâm nghiệp ba đời
Thượng, trung, hạ sai khác
Cha phải vui vẻ tin
Đấng khó nghe, khó gặp.
Vô lượng tăng kỳ kiếp
Vì chúng tu khổ hạnh
Đầy đủ các công đức
Trừ hẳn mọi tội lỗi.
Người muốn tu phước nghiệp
Ruộng phước này hơn hết
Vì thương xót chúng sinh
Nên hiện ở thế gian.
Không vì cầu ăn mặc
Hiểu rõ trí tuệ mình

Chỉ vì lòng Từ bi
Thương xót cha nên đến.
Biết cha sinh lòng ác
Bị xấu ác che lấp
Muốn cha được giải thoát
Lìa bỏ nghiệp giết hại.
Phật đối với chúng sinh
Tất cả đều bình đẳng
Không suy nghĩ lựa chọn
Cũng không tưởng oán thù.
Như Lai chân trí tuệ
Lìa hẳn các dua nịnh
Cha phải sinh lòng tin
Tôn trọng và kính lễ.
Phật quý nhất trong đời
Phải từ bỏ xấu ác
Cha hãy vui vẻ tin
Lưới nghi đều được trừ.
Vì tin Đức Như Lai
Không đọa các nẻo ác
Năm căn Phật luôn sáng
Phải nên mau kính lễ.
Thầy dẫn đường ba đời
Con Phật đông vây quanh
Trụ trong khắp mọi nơi
Trí hạnh không chướng ngại.
Đấng Nhất thiết trí này
Sáng rực quanh Như Lai
Như mặt trời che sao
Thế nên phải kính lễ.
Cha thấy thần lực Phật
Hầm lửa tràn ngập nước
Mọc nhiều loại hoa sen
Tâm sinh niềm vui lớn.
Thấy biến hóa thế rồi
Ngoái nhìn con Nguyệt Quang
Con là thầy của cha
Thương cha sinh đến đây.

Vì cha tin ngoại đạo
Tâm thường ôm độc hại
Cha nay kính tin Phật
Bỏ cả các xấu ác.
Con là tri thức ta
Khó thể được gặp gỡ
Khuyên cha kính tin Phật
Lại sinh tâm vui vẻ.
Bấy giờ trời Đế Thích
Và trời Đại tự tại
Hai vua trời lớn này
Trang nghiêm pháp tòa Phật.
Tám mươi ngàn ức trời
Dùng y phủ tòa báu
Để Nhất thiết trí ngồi
Hiển bày ánh sáng rực.
Vua Phạm thiên lễ rồi
Cầm lọng báu che Phật
Diêm-phù-đàn vàng ròng
Và các báu trang nghiêm.
Cùng những vị trời khác
Chắp tay lễ Thế Tôn
Rải cả trăm loại hoa
Và bột Chiên-đàn đỏ.
Trưởng giả thấy Phật rồi
Tâm ông rất vui mừng
Tám ngàn các cô gái
Được trí tuệ thanh tịnh.
Có năm trăm Đồng tử
Và năm trăm Đồng nữ
Thấy thần thông của Phật
Đều phát tâm Bồ-đề.
Vô lượng trăm ngàn ức
Na-do-tha Thiên tử
Thấy thần thông của Phật
Được trí tuệ trong sáng.
Trưởng giả ôm nỗi lo
Tâm sinh rất hổ thẹn

Liền đảnh lễ chân Phật
Hướng Phật mà sám hối.
Thức ăn này có độc
Nay muốn cúng món khác
Cúi xin Phật Thế Tôn
Nhín chút ít thời giờ.
Như Lai dùng Phạm âm
Bảo Trưởng giả Đức Hộ
Như Lai Nhất thiết trí
Khử được tất cả độc.
Tham, sân, si ba thứ
Và thuốc độc thế gian
Như Lai chân thật nói
Đã xa lìa từ lâu.
Tham sân si ba thứ
Và thuốc độc thế gian
Lìa độc pháp thanh tịnh
Lời thật, độc chẳng còn.
Tham, sân, si ba thứ
Và thuốc độc thế gian
Lìa độc tăng thanh tịnh
Lời thật đều xa lìa.

Khi Phật nói lời ấy, vô lượng chư Thiên đều cất tiếng thưa:

–Đại trí thanh tịnh, đã lìa các độc, hầm lửa đều tắt, trong nhà thanh tịnh giống như trước đây, đều nhờ sức oai thần của đấng Pháp vương.

Khi ấy, ở trước Đức Phật, Trưởng giả Đức Hộ sinh lòng tin rộng lớn, dùng y tốt đẹp nhất giá trị trăm ngàn vạn ức, khoác lên thân Đức Phật, khoác xong, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con vốn ngu si, nhận lời chỉ vẽ của Lục sư. Nay ở trước Phật xin hết lòng ăn năn nhận lỗi. Do đời trước, cha con kính tin ngoại đạo, con vâng theo cha nên mới tạo ra những việc tội lỗi như thế. Nay nhờ Nguyệt Quang khiến cho con tin Phật. Nay con ân cần hết lòng nhận lỗi không dám tạo tội nữa, mong Phật cứu con!

Bấy giờ, chư Thiên ở cõi Sắc cũng đồng cất tiếng nói và rải hoa trời Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi, hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la. Hoa rải đầy trên mặt đất, nhóm cao đến tận đầu gối.

Trưởng giả bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nguyệt Quang con của con, ở trong ngàn vạn ức kiếp khó có thể gặp gỡ, vì thương xót con nên sinh đến nhà con, khéo vì con mà nói về những công đức của chư Phật, trong ngàn vạn ức kiếp ân ấy khó thể báo đáp.

Trưởng giả thưa xong, lại dùng những chân châu chuỗi ngọc vô giá để rải lên Đức Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn vì sự phát sinh lòng tin sâu xa của Trưởng giả Đức Hộ nên dùng thần lực hiện ra trăm ngàn vạn vầng mây báu đủ màu sắc. Lúc đó, các vị thần Lô-hột-đa-thâu, Tỳ-chất-la-sa cũng dùng những thứ hoa báu đủ màu sắc, ánh sáng rực rỡ rải lên Đức Phật. A-tăng-kỳ Bồ-tát tạo ra vô lượng thần thông, đến trước Đức Phật vì muốn giáo hóa trăm ngàn vạn ức chúng sinh.

Lúc ấy, Trưởng giả Đức Hộ, Đồng tử Nguyệt Quang và Đồng tử Đức Sinh… hết sức vui mừng, lòng thành kính lễ Phật, một mực ăn năn nhận lỗi, cùng nhau suy nghĩ:

–Thật là kỳ diệu! Đức Thích-ca Như Lai thần thông biến hóa không thể nghĩ bàn. Ở trong trăm ngàn vạn kiếp khó có thể được thấy, huống gì là sinh lòng tin thanh tịnh. Vô lượng ức kiếp khó gặp Phật ở đời. Con Nguyệt Quang đây có trí tuệ lớn đã từng gặp vô lượng ức Phật khắp mười phương, đi khắp tất cả thế giới chư Phật, cúi đầu, lễ bái, đem thân quay về với Phật. Như Như Lai Thích-ca thấy được mười phương Phật, Đồng tử Nguyệt Quang cũng như thế, có khả năng thấy và kính lễ sát chân các Đức Phật khắp mười phương, được ở chỗ các Đức Phật nghe pháp không quên.

Bấy giờ, Như Lai thấy quyến thuộc nam nữ lớn nhỏ trong nhà của Trưởng giả Đức Hộ và Đồng tử Nguyệt Quang đã sinh khởi tâm tin chân thật, lễ bái, ca ngợi Tam bảo, rộng trồng căn lành làm tăng thêm lợi ích cho tâm, Đức Như Lai liền mỉm cười.

Như pháp thường của chư Phật, từ khuôn mặt của Như Lai phát ra vô lượng ngàn vạn tia sáng đủ loại màu sắc. Bốn mươi chiếc răng và cả bốn răng cửa trong miệng, mỗi chiếc răng đều phát ra vô lượng ngàn vạn ức ánh sáng, màu xanh, vàng, đỏ, trắng, tím, pha lê. Ánh sáng ấy chiếu khắp tất cả cõi Phật ở phương Đông, ở khắp phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn hướng, trên, dưới cũng như thế. Ánh sáng ấy xoay quanh thân Phật ba vòng rồi nhập vào đảnh đầu.

Khi ấy, Bồ-tát Ly Phan Duyên Đức từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì Như Lai mỉm cười? Chư Phật mỉm cười chẳng phải không có nhân duyên?

Đức Thế Tôn liền khen Bồ-tát Ly Phan Duyên Đức:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Ông có thể hỏi Phật nhân duyên như thế. Vô lượng ngàn vạn ức kiếp ở quá khứ ông đã từng hỏi nghĩa này. Nay ông nương nơi sức oai thần của Phật nên mới có thể hỏi nghĩa ấy.

Này thiện nam! Nay ông hết lòng lắng nghe, ta sẽ nói cho ông.

Này thiện nam! Nay ông thấy Đồng tử Nguyệt Quang, con lớn của Trưởng giả Đức Hộ này không?

Bồ-tát Ly Phan Duyên Đức thưa:

–Dạ vâng, con đã thấy!

Đức Phật nói:

–Vị Đồng tử này có khả năng làm cho chúng sinh chưa có lòng tin sẽ phát sinh lòng tin. Người chưa được điều phục có thể sẽ được điều phục. Người chưa được thành thục có thể làm cho được thành thục, làm bạn lành cho cha mình. Vì sao? Vì có khả năng đem pháp của Đạo sư giáo hóa cho cha mình, đưa vô lượng ngàn vạn na-do-tha, a-tăng-kỳ chúng sinh vào trong pháp Phật, khiến họ phát sinh lòng tin đứng vững nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cũng chính Đồng tử này, sau khi ta nhập Niết-bàn, ở đời vị lai sẽ là người giữ gìn pháp ta, lãnh thọ pháp Phật, cúng dường Như Lai, làm yên ổn pháp Phật, ca ngợi pháp Phật. Ở trong đời vị lai, vào thời mạt pháp, Đồng tử ấy tên là Đại Hạnh, làm đại quốc vương của nước Đại Tùy trong cõi Diêm-phù, có khả năng làm cho tất cả chúng sinh nơi nước Đại Tùy kính tin pháp Phật, trồng các căn lành. Khi ấy, vua Đại Hạnh sẽ dùng lòng tin rộng lớn, sức oai đức lớn, cúng dường bình bát cho ta. Vài năm đến đây, bình bát của ta sẽ được mang đến nước Sa-lặc, từ đó lần lượt đến nước Đại Tùy. Vua Đại Hạnh ấy thiết lễ cúng dường bình bát của Phật rất lớn. Lại còn có thể vâng giữ tất cả pháp Phật, còn chép lại bộ sách lớn là kinh Đại Thừa Phương Quảng. Vô lượng trăm ngàn ức những kho tàng pháp Phật đều được ông đặt yên mọi nơi, gọi là tháp pháp. Ông tạo ra vô lượng trăm ngàn tượng Phật và xây dựng trăm ngàn tháp Phật, khiến cho vô lượng chúng sinh được ở trong pháp Phật, được Bất thoái chuyển, được lòng tin không thoái. Nhờ nhân duyên cúng dường ấy, nên vị vua kia thường được sinh trong các cõi Phật nhiều đến không thể kể hết, không thể lường tính, không có giới hạn. Ở tất cả cõi Phật thường làm bậc Chuyển luân thánh vương, thường được gặp các Đức Phật, luôn cung kính, tôn

trọng, khen ngợi, cúng dường tất cả Phật, Pháp, Tăng và xây dựng chùa tháp. Mọi thứ nhạc cụ đều đem dâng cúng, qua nửa đời người, xa lìa năm sự ham muốn, bỏ nhà xuất gia, tịnh tu phạm hạnh, thực hành pháp cúng dường. Tất cả nam nữ trong cõi Diêm-phù-đề thấy vua xuất gia cũng xuất gia theo, cũng tịnh tu phạm hạnh. Vua Đại Hạnh này, thành tựu vô lượng những lời nguyện cao cả của Bồ-tát, thành tựu đại thần thông, thực hành hạnh Bồ-tát ở kiếp số không thể lường xét. Ở trong mỗi kiếp giáo hóa chúng sinh không thể tính đếm, không thể nói, không thể lường, làm cho họ đều được ở trong pháp Phật. Như trong một kiếp hóa độ chúng sinh, hay trong tất cả kiếp cũng như thế. Bồ-tát ấy tạo mọi an ổn cho vô lượng, vô biên không thể nêu bày chúng sinh như thế đều trụ trong pháp Phật rồi, ở nơi thân sau cùng sẽ được thành Phật hiệu là Ly Cấu Nguyệt Bất Động Vô Chướng Ngại Đại Trang Nghiêm gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Thế giới tên là Vô chướng ngại, thân Phật cao lớn, ánh sáng vô lượng, tia sáng vô lượng, sức thần thông vô lượng, thuyết pháp vô lượng, các chúng vô lượng, chuyển pháp luân vô lượng, thân tướng vô lượng, giáo hóa chúng sinh vô lượng. Đức Phật ấy khi sắp nhập Niết-bàn, thọ ký cho Trưởng giả Đức Hộ sẽ được thành Phật hiệu là Vô Đẳng Thân gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Quyến thuộc trong nhà của Trưởng giả Đức Hộ, thấy được thần thông biến hóa của Như Lai đều phát tâm Bồ-đề, đều ở trong kiếp ấy, mỗi mỗi danh hiệu tuần tự đều được thành Phật. Các hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân và phi nhân… khi thấy ta hiện thần biến ở trong nhà Trưởng giả Đức Hộ, đều phát tâm Bồ-đề, đều được ở nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thoái chuyển, mười phương cõi, mỗi mỗi cõi nước, mỗi mỗi danh hiệu đều sẽ được thành Phật.

Này thiện nam! Đồng tử Nguyệt Quang ấy, ở trong quá khứ đã trải qua vô lượng a-tăng-kỳ kiếp giáo hóa Trưởng giả Đức Hộ. Ở đời vị lai, Đồng tử Nguyệt Quang này và Trưởng giả Đức Hộ sẽ được sinh vào thế giới có Phật để giáo hóa vô lượng chúng sinh.

Khi nói về nhân duyên thọ ký Đồng tử Nguyệt Quang và Trưởng giả Đức Hộ, đại địa nơi vô lượng thế giới đều hiện đủ sáu cách chấn động.

Ánh sáng lớn tỏa chiếu khắp, từ hư không mưa xuống vô số những hoa trời, châu báu trời, chuỗi ngọc trời, lọng báu trời, những y phục trời, hương bột Chiên-đàn trời, hương trầm thủy trời, hương Đa-già-la trời, hoa Ưu-bát-la trời, hoa Bát-đầu-ma trời. Âm nhạc của chư Thiên phát ra tiếng vi diệu cùng những âm thanh ca ngợi mô tả… của chư Thiên đều khen ngợi Đức Phật. Tất cả những cảnh tượng như thế, đều là nhờ nơi diệu lực thần thông của Đức Phật, cũng là sức nơi căn lành đời trước của Nguyệt Quang để giáo hóa Trưởng giả Đức Hộ và quyến thuộc, để giáo hóa Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già…

Khi ấy, những người trong nhà của Trưởng giả Đức Hộ cũng được thấy những thần lực của Phật, cũng thấy tám bộ chúng trời, rồng… đều vui vẻ cúng dường, nên những người ấy liền hướng đến Phật, nói kệ ca ngợi:

Nam-mô Phật đại trí
Thích Sư Tử Như Lai
Có thể sinh lòng tin
Mới được lợi ích lớn.
Trước tin theo ngoại đạo
Tạo ra các nghiệp ác
Nay tin theo Thế Tôn
Được lợi ích như vậy.
Thấy việc không nghĩ bàn
Ai chẳng tin Đức Phật
Người trọng tội như thế
Nhờ Phật lực nên tin.
Một lòng cung kính tin
Thắng đạo sư xuất thế
Vô lượng trăm ngàn kiếp
Không đọa các đường ác.
Trưởng giả tạo tội lớn
Nay lòng tin thanh tịnh
Vì nhân duyên tín tâm
Như Lai thọ ký cho.
Trưởng giả tự biết tội
Sinh tâm rất buồn rầu
Nay được lòng tin rồi
Được vô lượng phước đức.
Trừ xấu ác trong tâm
Ăn năn tất cả tội

Ở nơi Phật Thế Tôn
Khởi lên tâm trong sáng.
Vì một lòng tin Phật
Do nhân duyên tin Phật
Đời sau sẽ thành Phật
Pháp vương không nghĩ bàn.
Lúc đầu chẳng tin Phật
Mà nay tin sâu xa
Vì nhân duyên bố thí
Được kho nghiệp trong sạch.
Người phát tâm tin Phật
Người ấy tin hết thảy
Sẽ được nhiều phước đức
Không thể xưng lường được.

Lúc ấy, Trưởng giả Đức Hộ cung kính đảnh lễ Đức Phật, tất cả Bồ-tát và tất cả A-la-hán rồi, lần lượt đem dâng những thức ăn ngon.

Khi Đức Phật thuyết giảng pháp này xong, Bồ-tát Ly Phan Duyên Đức, Đồng tử Nguyệt Quang và Trưởng giả Đức Hộ, cùng với nội ngoại quyến thuộc của Trưởng giả, chúng Đại Bồ-tát và tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà… tất cả đại chúng đều rất vui mừng, đảnh lễ, nhận lãnh tu hành.

❑

SỐ 546

KINH ĐỒNG TỬ KIM DIỆU

Hán dịch: Đời Triệu Tống,
Đại sư Thiên Tức Tai.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Đúng thời, Đức Thế Tôn đắp y, cầm bát, cùng các vị Tỳ-kheo cung kính vây quanh, vào đại thành Xá-vệ, theo thứ lớp khất thực.

Có một Bà-la-môn, ra khỏi thành Xá-vệ, gặp Đức Thế Tôn. Ông ta nhìn oai nghi toàn thân Đức Thế Tôn một hồi lâu mới nói lời khen ngợi:

–Cù-đàm! Mặt Ngài sắc vàng thật đoan nghiêm tối thượng!

Đức Thế Tôn trả lời:

–Đúng thế, đúng thế! Ta đã tạo ra phước đức mới được quả báo ấy.

Bà-la-môn nói:

–Cù-đàm! Ngay đời này, tôi cũng có phước đức. Ở trong nhà, tôi sinh được một Đồng tử, dáng điệu oai nghi, tướng tốt, sắc vàng chói lọi chưa từng có, giống như Cù-đàm.

Lại nữa, Cù-đàm! Lúc Đồng tử ấy mới sinh, có việc thiện đặc biệt tốt đẹp xảy ra, làm cho tâm ý an vui nhẹ nhõm, các thức thông sáng, lanh lợi. Đó là trong sân chợt mọc ra hoa sen, suốt ngày, khắp cả phòng, hương trời tỏa ngào ngạt, tất cả mọi người đều ưa thích.

Lại nữa, Cù-đàm! Việc ấy chưa phải đặc biệt tốt đẹp, cũng chưa phải là hiếm có. Lúc Đồng tử mới sinh, lại có cây hoa Chiêm-bặc mọc ở mọi nơi, cây ấy kết hoa Chiêm-bặc trời màu vàng tía.

Lại nữa, Cù-đàm! Điềm lành đặc biệt nhất ấy cũng chưa phải là hiếm có. Khi Đồng tử mới sinh, lại có mâm vàng của chư Thiên tự nhiên xuất hiện. Trong mâm ấy, đựng đầy trăm ngàn vạn thứ thức ăn uống của trời. Dù cho mọi người ăn cũng không bao giờ hết.

Lại nữa, Cù-đàm! Những cảm ứng như thế vẫn chưa là kỳ lạ. Khi mới sinh, Đồng tử đã cất tiếng nói: "Có Đức Phật Thế Tôn và A-la-hán

cùng xuất hiện ở thế gian, cho đến việc đi, đứng luôn là chỗ suy nghĩ."

Bà-la-môn nói những điềm lành của Đồng tử ấy rồi, thưa với Đức Phật:

–Ngài hãy đến nơi ấy để gặp Đồng tử.

Đức Thế Tôn lặng lẽ đi đến nhà kia, lúc sắp bước vào nhà, ngay khi ấy có một Ưu-bà-tắc thưa:

–Ngài chớ vào nhà này, đối với pháp Phật, Bà-la-môn không kính tin.

Đức Thế Tôn đáp:

–Bà-la-môn này cũng đầy đủ tín căn.

Sau khi trả lời Ưu-bà-tắc, Đức Thế Tôn liền đi vào nhà của Bà-la-môn để gặp Đồng tử. Lúc vừa thấy Đức Thế Tôn, Đồng tử liền đến kính lễ, thân mình sát đất. Đức Phật liền chú nguyện cho cậu bé. Như vậy, những Tỳ-kheo theo Đức Phật đi đến đây cũng đều thấy Đồng tử. Đức Phật chú nguyện xong, cùng các Tỳ-kheo trở về tinh xá.

Về sau, Đồng tử dần dần trưởng thành. Vua nước Xá-vệ là Ba-tư-nặc nghe Bà-la-môn kia có đức hạnh như thế, sinh được quý tử, bèn sai sứ thần mang vòng hoa, hương báu Chiên-đàn đến nhà Bà-la-môn, nhiễu quanh Đồng tử rồi đưa ra lời mời.

Đồng tử đáp:

–Theo tôi, trước tiên đến vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, kính lễ Đức Thế Tôn, sau mới vào nước Xá-vệ để yết kiến vua Ba-tư-nặc.

Sứ thần trở về, đem tất cả những việc vừa qua tâu lên vua. Vua Ba-tư-nặc nghe sứ thần tâu xong, bảo:

–Nay ta cũng đi đến vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, kính lễ Đức Thế Tôn và gặp Đồng tử ấy.

Bấy giờ, Đồng tử tìm đến vườn Kỳ-đà Cấp cô độc. Giữa đường, Đồng tử gặp một Bà-la-môn, hỏi:

–Bây giờ ngươi đi đâu?

Đồng tử thưa:

–Tôi muốn đến vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, kính lễ Đức Thế Tôn.

Bà-la-môn quở trách Đồng tử:

–Đã sinh trong dòng dõi Bà-la-môn, danh tiếng vang xa, cần gì phải đến gặp Sa-môn.

Đồng tử thưa:

–Được kho châu báu lớn, lại không cần mang của báu về nhà. Được điềm lành đến trước mặt, lại từ chối đem ném nó đi.

Đồng tử trả lời xong, liền đi đến vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, đến chỗ Đức Thế Tôn đảnh lễ sát chân Phật, ngồi ở trước Phật để nghe pháp và cảm thấy vừa lòng. Hoa sen trời rất đẹp mọc trong khu vườn rừng này, hương thơm ngát tỏa khắp mọi nơi, Đồng tử chợt sinh sự khôn ngoan sáng suốt: "Ta nay đem hoa sen này cúng dường Đức Thế Tôn." Và lại nghĩ: "Trước khi ta sinh, ở thế gian hiếm có cây Chiêm-bặc-ca. Khi ta phát tâm thì cây Chiêm-bặc-ca tự nhiên mọc lên, cây ấy kết hoa Chiêm-bặc-ca trời màu vàng tía."

Ngay lúc ấy, Đồng tử đưa tay bẻ lấy cành hoa Chiêm-bặc-ca rải lên Đức Thế Tôn. Hoa rải dính trên thân Phật làm trang nghiêm thân Phật. Trong số đó, hoặc có hoa dính ở đỉnh đầu Đức Phật, hoặc dính ở giữa bụng, hoặc dính dưới chân Phật. Hoặc có hoa kết thành áo vòng hoa, đủ những thứ cúng dường như thế. Lúc này, vua kinh ngạc hỏi Đồng tử:

–Ngươi cúng dường thế nào mà có được sức oai thần như thế?

Đồng tử đáp:

–Ở vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, tôi đã tạo ra những sự trang nghiêm như vậy.

Khi ấy, Đồng tử lại phát sinh sự khôn ngoan sáng suốt cao tột: "Cây Chiêm-bặc-ca của ta, theo sự phát tâm của mình mà đơm hoa Chiêm-bặc. Hoa ấy hoặc sinh ở thân cây, hoặc sinh ở trên quả, hoặc sinh ở trên cành, hoặc sinh ở trên lá. Hoa Chiêm-bặc ấy cũng xuất hiện trụ trong hư không. Cũng trong hư không nơi vườn Kỳ-đà Cấp cô độc lại xuất hiện nhiều chuông rung, chuông lắc bằng vàng rất quý."

Khi ấy, Đồng tử lễ sát chân Thế Tôn, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay, xin nhận thức ăn của con dâng cúng cho Đức Thế Tôn cùng các vị Tỳ-kheo, quốc vương, quần thần. Kính mong tất cả nhận sự cúng dường của con.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời, đợi đánh kiền chùy. Đến thời, Đức Thế Tôn ngồi yên lặng và các Tỳ-kheo, quốc vương, quần thần ngồi theo thứ lớp. Lúc ấy, Đồng tử phát sinh sự sáng suốt nhờ suy nghĩ về đạo lý cao đẹp cùng tột: "Thuở trước, lúc ta sinh ra có mâm vàng xuất hiện, trong mâm đầy những thức ăn của cõi trời. Nguyện được hiện ra ở trước mặt để đem dâng cúng Đức Phật." Niệm ấy vừa dứt, mâm vàng khi sinh tùy tâm xuất hiện, thức ăn ngon nhất của cõi trời đầy cả trong mâm. Bấy giờ, Đồng tử tự mình mang thức ăn trên mâm vàng để cúng dường. Khi Thế Tôn cùng

các Tỳ-kheo, quốc vương, quần thần ăn uống xong, Đồng tử Kim Diệu cảm thấy rất vui mừng, đảnh lễ sát chân Phật, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sau đó, căn lành được tăng trưởng, tâm dũng mãnh phát nguyện:

–Con đã thực hành việc pháp thí cùng khắp để cứu độ hữu tình, sau đó mới thành Phật. Người chưa được cứu độ thì con cứu độ cho họ. Người chưa được an lạc thì con đem đến cho họ sự an lạc. Người chưa được sự vắng lặng thì con làm cho họ được sự vắng lặng.

Vì sự phát tâm của Đồng tử, nên khi đó Đức Thế Tôn lần lượt nói về tướng trạng của địa ngục, đó là: Địa ngục A-tỳ, địa ngục Pháo, địa ngục Pháo liệt, địa ngục A-tra-khảm, địa ngục Ha-ha-thiết, địa ngục Hộ-hộ-thiết, địa ngục Hoa sen xanh, địa ngục Hoa sen hồng, địa ngục Hoa sen hồng lớn.

Đức Phật nói:

–Từ đây ra rồi thì vào địa ngục Bát nhiệt, lần lượt đều do hoặc nghiệp chiêu cảm lấy. Nếu người có trí tuệ, nói pháp cứu độ của ta thì họ được mát mẻ.

Khi nói những lời ấy xong, từ kim khẩu của Đức Thế Tôn phóng ra tia sáng bốn màu: xanh, vàng, đỏ, trắng. Trong những tia sáng ấy, có tia sáng xông thẳng lên trên không, có tia sáng xuống tận các địa ngục, chiếu rõ những sinh hoạt ở các địa ngục, như: Địa ngục Hắc thằng, địa ngục Chúng hợp, địa ngục Hào khiếu, địa ngục Đại hào khiếu, địa ngục Viêm nhiệt, địa ngục Cực viêm nhiệt. Địa ngục A -tỳ, địa ngục Pháo, địa ngục Pháo liệt, địa ngục A-tra-khảm, địa ngục Ha-ha-thiết, địa ngục Hộ-hộ-thiết, địa ngục Hoa sen xanh, địa ngục Hoa sen hồng, địa ngục Hoa sen hồng lớn. Tia sáng của Đức Phật, nếu chiếu đến địa ngục nóng bức thì chúng sinh ở đó được mát mẻ, nếu chiếu vào địa ngục đóng băng thì chúng sinh ở đó được ấm áp và những chúng sinh ấy vì thế mà phát tâm thù thắng:

–Chúng ta làm thế nào ở nơi này, khi mạng chung sẽ được chuyển sinh đến nơi khác.

Những chúng sinh ấy phát tâm xong, Đức Thế Tôn vì họ phóng ra ánh sáng biến hóa, tạo sự biến hóa để cho họ được thấy. Thấy xong, những chúng sinh ấy phát nguyện:

–Từ nay, sau khi mạng chung, chúng ta nhất định không sinh vào những nẻo ác khác. Hôm nay, những chúng sinh chưa từng thấy nơi này, được nhận ánh sáng vô vi thù thắng, từ đó phát sinh lòng tin, chịu nghiệp địa ngục hết, tất cả chắc chắn đều được sinh lên nhân gian, cõi trời.

Ánh sáng như thế chiếu lên đến phương trên: Trời Tứ đại vương, trời Đao-lợi, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất, trời Nhạo biến hóa, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Đại phạm, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Cực quang tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Vô vân, trời Phước sinh, trời Quảng quả, trời Vô tưởng, trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện kiến, trời Thiện hiện, trời Sắc cứu cánh. Ánh sáng chiếu đến rồi thì phát ra tiếng giảng nói về vô thường, khổ, không, vô ngã, rồi nói kệ:

Phát quang khuyến hóa người
Về với Phật, Pháp, Tăng
Trừ dẹp quân ma tử
Như voi lìa trói buộc.
Nếu vào trong pháp này
Chí tâm hành không thoái
Do vậy đoạn luân hồi
Các khổ đều hết sạch.

Ánh sáng ấy chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới, cứu độ các hữu tình như vậy, rồi trở về tụ sau lưng Đức Thế Tôn. Lúc ấy, Đức Thế Tôn muốn được thọ ký nơi hành nghiệp quá khứ thì ánh sáng ấy phóng ra rồi nhập sau thân Phật. Muốn được thọ ký nơi hành nghiệp vị lai, ánh sáng ấy nhập vào ở phía trước mặt Đức Phật. Muốn được thọ ký cho chúng sinh bị đọa vào địa ngục, ánh sáng ấy nhập vào từ dưới chân Đức Phật. Muốn được thọ ký cho chúng sinh bị đọa vào súc sinh, ánh sáng ấy nhập vào từ gót chân Đức Phật. Muốn được thọ ký cho chúng sinh bị đọa vào ngạ quỷ, ánh sáng ấy nhập vào từ đầu ngón chân cái Đức Phật. Muốn được thọ ký cho hạng sinh trong loài người, ánh sáng ấy nhập vào từ dưới đầu gối của Đức Phật. Muốn được thọ ký cho hạng Lực luân vương, ánh sáng ấy nhập vào từ bàn tay trái Đức Phật. Muốn được thọ ký cho bậc Chuyển luân vương, ánh sáng ấy nhập vào từ bàn tay phải Đức Phật. Muốn được thọ ký cho hạng sinh lên trời, ánh sáng ấy nhập vào từ rốn Đức Phật. Muốn được thọ ký cho hàng Bồ-đề Thanh văn, ánh sáng ấy nhập vào từ ngực Đức Phật. Muốn được thọ ký cho hàng Duyên giác, ánh sáng ấy nhập vào từ giữa chặng mày Đức Phật. Muốn được thọ ký cho hàng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ánh sáng ấy nhập vào từ đảnh đầu Đức Phật.

Lúc này, ánh sáng do Đức Thế Tôn đã phóng ra, xoay quanh mình ba vòng rồi nhập vào đảnh đầu Thế Tôn.

Khi ấy, Tôn giả A-nan chắp tay cung kính, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những thứ hình sắc với trăm ngàn sự trang nghiêm từ miệng phóng ra đều tỏa chiếu rực rỡ cùng khắp mười phương. Con xin nói kệ:

Phải, trái đã xa lìa
Phiền não cũng dứt sạch
Thế gian Phật trên hết
Nhân quả thắng, không hư.
Như đài hoa sen trắng
Hàng ma, Phật phóng quang
Nên khi ma bỏ đi
Trí tuệ an định tốt.
Khiến Thanh văn cầu Phật
Phật an định Thanh văn
Như ngưu vương trên hết
Trừ sạch các lưới nghi.
Không có kẻ oán thù
Như nước làm tan muối
Phóng quang nói chánh giác
Phật thọ ký cho ai
Họ nghe vui an định
Những người ấy đều mừng.

Đức Phật bảo:

–Đúng thế, đúng thế! Này A-nan! Chẳng phải là không có nhân quả.

Này A-nan! Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri Chánh Giác luôn thuyết giảng chân chánh.

Này A-nan! Ông thấy đấy, Đồng tử này cúng dường ta như thế, Đồng tử ấy căn lành sâu xa vững chắc, phát tâm ban phát pháp cho người, trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp tu hành Bồ-đề, thành tựu đại Bi, sáu pháp Ba-la-mật, quán hạnh trọn vẹn, thành Đẳng Chánh Giác, hiệu là Như Lai Kim Diệu đầy đủ mười Lực, bốn Trí viên minh, ba Mật, Bất cộng, Niệm xứ, đại Bi, như thuở xưa ta đã từng phát tâm, cũng thực hành pháp thí này.

Vua Ba-tư-nặc thưa hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Đồng tử này tạo hạnh nghiệp gì mà được phước báo thù diệu như thế?

Đức Thế Tôn đáp:

–Vào đời quá khứ xa xưa, Đồng tử này đã rộng tạo nhân của phước nghiệp, nên nay ở trong đời này hưởng được quả báo. Cũng thuở ấy, lúc

gieo trồng nghiệp nhân, Đồng tử này đã chí tâm không thoái chuyển, nên ở đời này nhận được phước báo. Đó là điều tất nhiên.

Này đại vương! Nghiệp đã tạo ra thì phải nhận lấy quả báo, giống như địa giới vô tận, thủy giới vô tận, hỏa giới vô tận, phong giới vô tận. Cũng vậy, uẩn, giới, sáu trần… tạo ra nghiệp thì nhận lấy quả báo không có cùng tận. Thuở xưa, Đồng tử dốc tâm gieo trồng hạt giống phước, nên đời này thọ quả báo không bao giờ hết. Cho đến hai thứ nghiệp thiện và ác thì nghiệp báo cũng vô tận. Giả sử trải qua trăm ngàn kiếp, khi nghiệp thành thục tất phải nhận lấy quả báo.

Này đại vương! Vào thời quá khứ, ở nước Ba-la-nại có vua tên là Văn Quân. Vua có thái tử tên là Cát Tường Mật. Thuở ấy, vua cha tạo nhiều nghiệp tội. Thấy vua cha tạo tội, trong lòng thái tử cảm thấy sợ hãi, mới thưa vua cha: "Con muốn xuất gia tu hành."

Vua cha bảo: "Ta chỉ có một mình con là nam, làm sao cha để con xuất gia tu hành được."

Cát Tường Mật thưa: "Con phải xa cha, quyết chí xuất gia tu hành."

Thái tử nói tiếp: "Cả vàng, bạc, voi, ngựa, tôi tớ, kho tàng nhưng tâm con không tham đắm cũng không yêu thích, sử dụng."

Từ đó, thái tử tu hành ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần, chứng quả Bồ-đề Duyên giác, có vô số trăm ngàn trời, người đi đến cúng dường. Có người thấy thế báo lại vua cha: "Thái tử đã đạt được công đức."

Nghe xong, vua muốn gặp con mình. Vua rời khỏi cung điện, cùng quan quân hộ giá bốn bên. Có một người nghèo, thấy vua mặc y phục tốt đẹp, thân thoa đầy hương thơm, ngồi trên lưng voi lớn, có dù lọng che trên, quan quân vây quanh, người ấy liền nghĩ: "Vua này, đầu mặt tay chân vai lưng chẳng khác gì ta. Nhưng vì sao vị ấy thoa hương thơm, mặc y phục tốt đẹp, ngồi trên lưng voi lớn quý, lại có dù lọng che trên và quan quân vây quanh? Còn ta, nhiều đời bỏn sẻn, tham lam, chưa từng xả bỏ, ban cho khiến đời này chịu sự khổ nhọc. Những việc nhỏ nhặt mà không thể bỏ, cho, làm sao ta được sinh vào nơi hạng người ấy."

Người ấy lại hỏi vua: "Chẳng biết đại vương đi đâu?"

Vua Văn Quân đáp: "Ta có một người con trai, tên là Cát Tường Mật, xuất gia tu hành, chứng được Bồ-đề Duyên giác. Nếu ai cúng dường một chút ít, đời sau sẽ được thọ hưởng quả báo lớn.

Trả lời xong, vua tiếp tục đi về phía trước. Lúc đó, vua chợt thấy đàn nai. Vua thích nai nên mới đuổi theo chúng. Khi ấy, người nghèo suy nghĩ: "Vua tham lam, đuổi theo những con nai. Ngay lúc này, ta muốn gặp vị

Duyên giác.” Người nghèo nghĩ xong liền từ từ đi về phía trước, vào trong một hang núi, gặp vị Duyên giác kia thân tướng uy nghiêm, cao vời, tâm ý vắng lặng, có vô lượng trăm ngàn Thánh hiền vây quanh, tung rải hoa Mạn-đà-la cao đến đầu gối.

Lúc này, người nghèo bỗng nhiên òa khóc, tiếng khóc nghe thảm thương, áo não. Khi trăm ngàn Thánh hiền cúng dường xong và trở về, người nghèo chợt hiểu ra: “Nay mình nên cúng dường vị Duyên giác ấy bằng thứ gì?” Cách đó không xa, có cây Am-một-la, người nghèo vội đến hái quả Am-một-la tươi tốt nhất, đựng đầy bát, đem cúng dường vị Duyên giác.

Vị Duyên giác cầm bát ấy, bay lên hư không, tự tại giống như ngỗng chúa, hiện ra những thứ thần biến, rồi từ hư không hạ xuống ngồi lại chỗ cũ. Người nghèo vội lễ sát chân vị Duyên giác, thưa: “Ông nhận thức ăn của con, con sẽ được phước. Ngày mai, con xin cúng dường cho ông.”

Tâm của vị Duyên giác thanh tịnh, đã hiểu rõ. Vì muốn cứu độ người nghèo ấy, liền nhận lời mời cúng dường.

Bấy giờ, người nghèo ấy ra khỏi hang núi, trở về.

Vua Văn Quân từ xa trông thấy vị Duyên giác đứng trong hư không, liền nghĩ: “Nơi ấy chắc có hàng trời, người phước đức lớn. Nay ta mau đến gặp vị Duyên giác và hàng trời, người ấy.”

Vua vội đi vào trong hang núi. Giữa đường, gặp người nghèo từ trong hang núi đi ra, vua vội hỏi: “Ngươi ở đâu đến?”

Người nghèo đáp: “Tôi ở nơi ấy đến.”

Vua nói: “Này gã nghèo! Thân ngươi nhớp nhúa, đầu tóc rối bù, quần áo nhơ bẩn mà chẳng bỏ đi được. Nay ngươi làm sao xa lìa sự nghèo khổ để được giàu sang như ta? Xem ra ngươi không thể nào xa lìa sự nghèo khổ khốn cùng được.

Người nghèo ấy từ biệt vua và chợt suy nghĩ: “Làm thế nào để có được một khoảng đất rộng rãi, sạch đẹp và được nhiều mâm có thức ăn uống ngon, đầy đủ cả trăm vị?” Dòng suy nghĩ chưa dứt, người ấy giẫm lên một viên đá, trượt chân ngã nhào xuống đất. Ngay nơi ấy, người nghèo bắt gặp một cái lu bằng sắt, bên trong chứa đầy vàng ròng…

Vua kia đến núi, gặp vị Duyên giác, tới ngồi trước mặt. Lát sau, vua bảo vị Duyên giác: “Ta muốn cầu phước, ngày mai mời ông đến thọ trai được không?”

Vị Duyên giác đáp: “Đại vương! Trước đây tôi đã nhận lời mời rồi.”

Vua Văn Quân hỏi: "Nhận lời mời của người nào?"

Vị Duyên giác đáp: "Có một người nghèo mời đến để cúng dường."

Vua liền sai sứ thần tới bảo người nghèo ấy: "Ta mời vị Duyên giác thọ trai, hôm khác ngươi sẽ mời."

Sứ thần tới trình bày ý của nhà vua, nhưng người nghèo ấy chẳng chịu. Vua mới tự mình đến chỗ người nghèo. Vua bảo: "Ta cúng dường vị Duyên giác thức ăn, hôm khác ngươi mới thiết cúng."

Người ấy không chịu. Vua nói: "Ngươi phải dời sang ngày khác."

Người nghèo nói: "Vì sao khiến tôi phải dời sang ngày khác? Vả lại tôi đã có vàng ròng, tôi quyết phải cúng dường."

Vua bảo: "Xưa nay, ngươi nghèo khổ khốn cùng, còn ta là dòng vua Quán đảnh Sát-đế-lợi. Ngươi hãy từ bỏ ý định đó đi, vàng của ta thiếu gì."

Người nghèo nói: "Nếu đại vương không tin lời tôi nói thì mời đại vương đi xem vàng." Hai người cùng đến chỗ phát hiện vàng, thấy có một cái lu bằng sắt, nghiêng cái lu đổ ra nhiều vàng ròng, chất đống cao như núi, đến nỗi mỗi người đứng một bên mà hai người chẳng thấy nhau.

Vua mới suy nghĩ: "Người này có phước đức như thế."

Người nghèo nói: "Khi tôi thiết trai cúng dường xong, sẽ đến lượt đại vương."

Hôm sau, người nghèo dọn dẹp sạch sẽ khoảng đất, trang hoàng đẹp đẽ trang nghiêm, rải nhiều hoa sen, chọn lấy những cây có chùm lá sum suê làm thành dù che và bày các phẩm vật đồ ăn uống để cúng dường.

Khi ấy, vị Duyên giác kia lại ở trên hư không, hiện những thứ thần biến.

Lúc đó, người ấy đảnh lễ sát chân vị Duyên giác rồi phát nguyện: "Như chỗ đất này, con gieo trồng hoa sen, con nguyện đời đời kiếp kiếp được hoa sen trời rất tốt đẹp kia. Như chỗ tàng cây con tạo thành dù che để cúng dường, con nguyện đời đời kiếp kiếp được cây Chiêm-bặc-ca, ra hoa Chiêm-bặc-ca trời màu vàng tía. Như căn lành con mượn bát đất đựng thức ăn cúng dường, con nguyện đời đời kiếp kiếp thường được mâm vàng đựng đầy thức ăn trời. Giả sử, có trăm ngàn người ăn, thức ăn ấy cũng không hết và được gặp Phật."

Đức Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

–Đại vương nên biết! Người nghèo lúc ấy, nay chính là Đồng tử Kim Diệu, con của Bà-la-môn. Nhờ cúng dường vị Duyên giác mới được căn lành ấy, an lạc vô biên, tất cả tâm nguyện đều được thành tựu.

Đức Phật giảng nói kinh này xong, các vị Tỳ-kheo đều một lòng cung kính lãnh thọ, vui vẻ thực hành.

❑

SỐ 547

KINH TRƯỞNG GIẢ ĐẠI HOA NGHIÊM HỎI PHẬT VỀ SỨC NA-LA-DIÊN

Hán dịch: Tam tạng Bát-nhã,
Lợi Ngôn cùng dịch.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Bạc-già-phạm ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Thất-la-phiệt, nước Tất-đế.

Bấy giờ, Trưởng giả Đại Hoa Nghiêm, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ gối, chắp tay, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả hữu tình làm những việc bố thí thức ăn uống thì sẽ được phước báo gì?

Đức Bạc-già-phạm đáp:

–Nếu người cúng dường thức ăn thì được sức của Như Lai.

Trưởng giả lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sức của Như Lai ấy, có thí dụ nào để giảng nói cho con nghe không?

Đức Phật bảo Trưởng giả:

–Có.

Này thiện nam! Không thể dùng ít nhân duyên mà có thể giảng nói được việc đó.

Đức Phật lại bảo Trưởng giả:

–Như sức mười con bò thường bằng sức một con bò rừng. Sức mười con bò rừng bằng sức một con tê giác. Sức mười con tê giác bằng sức một con voi thường. Sức mười con voi thường bằng sức một con Thiết-lạp-bà. Sức mười con Thiết-lạp-bà bằng sức một con voi chiến đấu. Sức mười con voi chiến đấu bằng sức một con voi say. Sức mười con voi say bằng sức một con voi hoang dã. Sức mười con voi hoang dã bằng sức một con voi Yết-lê-nậu-ca. Sức mười con voi Yết-lê-nậu-ca bằng sức một con voi Câu-mậu-đầu-hoa. Sức mười con voi Câu-mậu-đầu-hoa bằng sức một con voi

Ốt-bát-la-hoa. Sức mười con voi Ốt-bát-la-hoa bằng sức một con voi Ninh-lô-bát-la. Sức mười con voi Ninh-lô-bát-la bằng sức một con voi Đại hương. Sức mười con voi Đại hương bằng sức một con Sư tử chúa năm màu. Sức mười con Sư tử chúa năm màu bằng sức một người lực sĩ. Sức mười người lực sĩ bằng sức một Nặc-câu-la. Sức mười Nặc-câu-la bằng sức một Át-chủ-na. Sức mười Át-chủ-na bằng sức một Tỳ-ma-tế-na. Sức mười Tỳ-ma-tế-na bằng sức một Na-la-diên. Sức sáu trăm sáu mươi ba Na-la-diên bằng sức nơi một lỗ chân lông của Phật Thế Tôn. Trong tám vạn bốn ngàn lỗ chân lông, mỗi mỗi lỗ chân lông đều đầy đủ sức Na-la-diên. Như thế, sức tám vạn bốn ngàn lỗ chân lông bằng sức nơi một chi phần của Đức Bạc-già-phạm.

Đức Phật lại bảo Trưởng giả:

–Thế nên phải biết, mỗi mỗi chi phần của chư Phật Như Lai đều đầy đủ tám vạn bốn ngàn lần sáu trăm sáu mươi ba sức Na-la-diên.

Đức Phật giảng nói kinh này, Trưởng giả Đại Hoa Nghiêm nghe xong, liền vui vẻ phụng hành.

❑

SỐ 548

KINH ĐỒNG TỬ KIM QUANG VƯƠNG

Hán dịch: Đời Triệu Tống,
Tam tạng Pháp Hiền.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại tinh xá, trong vườn cây Nga-lỗ-đà, thuộc thành Ca-tỳ-la.

Bấy giờ, trong dòng họ Thích có một Đồng tử tên là Kim Quang Vương, sắc tướng đoan nghiêm, thân hình đầy đặn, ánh sáng rực rỡ giống như ánh sáng mặt trời, mặt trăng, thông minh lạ thường, lanh lợi hơn người, tôn trọng tự nhiên, siêng năng loại trừ những thói hư tật xấu, đem hết lòng thành cung kính thầy, bạn, người cao tuổi. Tuy giàu sang, có mọi thứ ngọc ngà quý báu khác lạ, luôn sử dụng nhưng không tham đắm, cùng với quyến thuộc, cung nữ, kỹ nữ cả thảy một ngàn năm trăm người, ở trong cung thọ hưởng những hoan lạc ấy.

Một hôm, Đồng tử chợt nghe người ta nói:

–Thuở trước, Đức Thế Tôn do thấy khổ não cứ xoay tròn trong ba cõi, nên đã từ bỏ ngôi vị Luân vương, xuất gia tu khổ hạnh, Phật đạo viên mãn, ngồi nơi cội Bồ-đề, hàng phục bốn thứ ma, chứng được quả Vô thượng giác.

Đồng tử nghe xong, lòng rất vui mừng, liền dẫn quyến thuộc và tùy tùng vây quanh trước sau đi đến chỗ Đức Phật. Từ xa, trông thấy cửa tinh xá thì lòng kiêu mạn được từ bỏ, cùng với đám tùy tùng rảo bước nhanh đến. Tới nơi, chắp tay, đảnh lễ và khen ngợi Đức Phật:

–Thân của Như Lai giống như núi vàng, cũng như cờ báu được trang hoàng những thứ báu. Mặt như trăng mùa thu tròn đầy trong sáng. Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu xa giống như ngàn mặt trời, tôn quý, an lành, trí lớn sáng suốt, đầy đủ công đức lớn và phước tuệ trọn vẹn, biết tất cả pháp, đoạn tất cả nghi, đủ Nhất thiết trí, làm thầy của hàng trời, người. Là vị cha lành cứu độ các hữu tình trong ba cõi, hiện ra ở thế gian, người thấy đều vui mừng.

Khen ngợi Đức Phật xong, Đồng tử nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi đảnh lễ sát chân Phật, lui ngồi sang một bên, muốn nghe pháp thiện và lại khởi tâm:

–Ta có phước báo, được sinh trong cung vua, đầy đủ các thế lực lớn, nhân quả ấy như thế nào?

Lúc ấy, Đức Thế Tôn biết được điều suy nghĩ trong tâm của Đồng tử Kim Quang, đang ở trong chúng hội mong muốn được nghe pháp, Đức Phật liền vì Đồng tử rộng nói mười hai nhân duyên và bốn Thánh đế, đầu, giữa và cuối đều thiện, ngôn từ khéo léo dễ hiểu, nghĩa lý sâu xa thuần nhất, không xen tạp, đầy đủ tướng phạm hạnh trong sáng. Diễn nói pháp ấy xong, Đức Phật lại nói về việc nhân quả báo ứng từ đời trước của Đồng tử Kim Quang:

–Vào thời quá khứ xa xưa, trải qua chín mươi mốt kiếp, có Đức Phật Tỳ-bà-thi gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời, giảng nói pháp, giáo hóa, đem lợi lạc cho chúng sinh. Làm việc Phật xong, Phật liền nhập Niết-bàn.

Lúc ấy, có một người làm nông luôn vất vả cực nhọc nhưng thường không đủ ăn. Song với mọi điều thiện đều vui thích làm theo. Đối với việc ăn, mặc thì tằn tiện, dành dụm tiền của để cúng dường, bằng cách tạo tượng Đức Phật Tỳ-bà-thi. Nay ta nói về quả báo mà người ấy đạt được:

–Này các Tỳ-kheo! Phước mà người làm ruộng kia đạt được, là suốt trăm ngàn đời được làm Chuyển luân thánh vương, cai trị bốn châu thiên hạ, bay đi trên hư không, đầy đủ bảy thứ báu, được tự tại lớn, thân phát tỏa ánh sáng, trong mọi đời đều vui sướng bậc nhất. Nhận phước ấy hết, lại sinh trong sáu cõi trời thuộc Dục giới, làm Thiên chủ ở những cõi ấy, trải qua trăm ngàn đời thọ hưởng những diệu lạc, trăm ngàn đời làm Phạm thiên vương, trăm ngàn đời làm vua trời Tịnh quang, trăm ngàn đời làm vua bốn cõi trời Vô sắc. Thọ nhận vui sướng ở những cõi trời như thế, về sau hạ sinh xuống nhân gian, trong dòng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá và luôn ở ngôi vua được tự tại lớn.

Này các Tỳ-kheo! Nay Đồng tử ấy từ cõi trời sinh xuống đây nơi cung vua, do trước đã tạo phước nghiệp không bị tổn giảm, không hề bị đọa lạc, sau sẽ đạt được vô lậu chứng quả Tịch diệt.

Này các Tỳ-kheo! Người tạo tượng Phật Tỳ-bà-thi thời ấy, nay chính là Đồng tử Kim Quang. Nhân quả nơi Đồng tử ấy có được như ta đã nói.

Lại nữa, nếu có người, hoặc dùng báu Phả-chi-ca, hoặc báu Mạt-ni, hoặc vàng, bạc, thau đồng, cho đến gỗ, đá, ngà voi… để đúc, vẽ, chạm, khắc hình tượng Phật. Hoặc có xá-lợi hay không xá-lợi, hoặc dài hay ngắn, hoặc lớn hay nhỏ, cho đến chỉ nhồi hương nắn thành tượng Phật thì cũng sẽ được quả báo của sự tạo tượng như thế.

Này các Tỳ-kheo! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào đã tạo tượng, theo đó lại có tâm chí thành thanh tịnh, dùng nước thơm, như pháp tắm rửa, sẽ đạt được công đức, nay ta nói việc đó: Người thiện nam, thiện nữ này, sau khi xả bỏ thân mạng, thọ thân sau sẽ là người đứng đầu trong dòng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, phước đức tròn đầy, tướng người đầy đủ, đạt được trí túc mạng, được quyến thuộc hiền lành, cho đến tôi tớ, xe ngựa, châu báu, tài vật, tất cả mọi vật dụng đều dồi dào. Làm chủ, làm chỗ nương tựa cho tất cả chúng sinh, ai gặp cũng vui thích, nói năng được mọi người nghe theo. Chư Phật, Bồ-tát, Bích-chi-phật, A-la-hán luôn luôn nhớ nghĩ bảo vệ. Người ấy mong cầu điều gì tất cả đều được như ý.

Này các Tỳ-kheo! Phước người ấy tích chứa không thể ví dụ được, huống gì là tạo tượng (?). Những việc như: Ganh tỵ, thương, ghét, tham, sân, si… tất cả phiền não đều mau được giải thoát. Tu hành dần dần chứng được quả Vô thượng giác.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói lại bằng kệ:

Sau khi ta diệt độ
Hoặc nam, hoặc là nữ
Dùng các báu tạo tượng
Tắm rửa nước hoa thơm.
Lại dùng hoa vừa ý
Hết lòng đem cúng dường
Ở trong những đời sau
Cảm quả báo đoan nghiêm.
Tất cả các chúng sinh
Chiêm ngưỡng không biết chán
Được các thứ quả báo
Tôn quý và an vui.
Vì nghiệp thiện đời trước
Xa lìa các phiền não
Mây ngu muội được trừ
Như trăng nơi hư không.
Sau nhờ sức thù thắng

Được sinh lên cõi trời
Làm Thiên chủ cõi ấy
Trăm kiếp thọ diệu lạc.
Khi thọ mạng đã hết
Sinh xuống làm Luân vương
Sắc tướng như thân trời
Phước đức luôn thù thắng.
Bảy báu luôn dồi dào
Có thần thông tự tại
Dạo chơi cả bốn châu
Tùy ý được tất cả.
Sau vào trong Thánh đạo
Cho đến chứng Niết-bàn
Lại có chúng sinh nào
Gặp được tháp của Phật.
Trong có thờ xá-lợi
Dù nhỏ bằng hạt bụi
Tâm người ấy vẫn vui
Vẫn làm việc cúng dường.
Sẽ được khối phước lớn
Giống như trước không khác
Thân Như Lai biến hóa
Cùng khắp cả ba cõi.
Phước cúng dường người kia
Cảm lấy các quả báo
Cho đến được danh xưng
Cùng khắp cả mười phương.
Sắc thân như vàng ròng
Ánh sáng luôn rực rỡ
Ở cõi trời hoặc người
Được vô lượng diệu lạc.

Đồng tử Kim Quang nghe Đức Phật giảng nói pháp vi diệu và nghe quả báo của nhân duyên nơi đời trước xong, đối với quyến thuộc tâm không còn lưu luyến, chán lìa sự giàu sang, xả bỏ sự vui sướng, đối với chánh pháp muốn xin xuất gia. Đức Phật liền độ cho làm Sa-môn, sau đó chứng được quả A-la-hán. Những quyến thuộc dẫn theo, ngồi trong pháp hội cũng đều chứng đạo quả.

Đức Phật giảng nói kinh này xong, Đồng tử Kim Quang cùng quyến

thuộc và mọi người trong pháp hội vui vẻ lãnh thọ kính tin, làm lễ Phật rồi lui ra.

❑

SỐ 549

KINH NHÂN DUYÊN QUANG MINH ĐỒNG TỬ

Hán dịch: Đời Triệu Tống,
Đại sư Thi Hộ.

QUYỂN 1

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại tinh xá Trúc lâm Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá. Trong thành ấy, có một trưởng giả tên Thiện Hiền, có nhiều của cải, tài sản quý báu, nhiều quyền lực. Trưởng giả này lại rất kính tin các ngoại đạo Ni-kiền-đà. Ông có người vợ đang mang thai.

Vào một sáng, Đức Thế Tôn mặc ca-sa, mang bình bát vào thành Vương xá, lần lượt đi khất thực, do nhân duyên đã có, nên dần dần đến nhà của Trưởng giả Thiện Hiền.

Trưởng giả thấy Thế Tôn đến gần nhà mình, liền nói với vợ:

–Chúng ta nên tới chỗ Đức Thế Tôn.

Nói xong, cùng vợ đến trước Đức Phật. Đến rồi, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con tên Thiện Hiền. Còn đây là vợ con. Vợ con mang thai, sắp đến ngày sinh. Người con sinh ra sẽ là nam hay nữ?

Phật bảo:

–Này Trưởng giả! Trong thai vợ ông chắc chắn là con trai. Sau khi sinh rồi, gia đình được giàu có thịnh vượng, an lành vào bậc nhất. Ở trong loài người được thọ hưởng phước trời. Sau đó, xuất gia học đạo trong pháp của ta, dứt các phiền não, chứng A-la-hán.

Bấy giờ, Trưởng giả mới đặt vào trong bình bát đầy những thức ăn ngon, sạch, dâng lên Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn nhận, rồi nói:

–Nguyện cho người ban cho thức ăn này được nhiều điều thiện và an lạc.

Nói xong, Đức Thế Tôn mang thức ăn ấy trở về chỗ ở.

Phật đi chưa lâu, có một ngoại đạo, trước đây được Thiện Hiền tin kính. Ông ta thấy Thế Tôn, bèn nghĩ: "Có phải hôm nay Sa-môn Cù-đàm làm mất lòng tin của Trưởng giả đối với ta? Ta nên đến hỏi việc ấy, xem Sa-môn Cù-đàm đã đến nói gì?"

Nghĩ vậy rồi, người ngoại đạo đến nhà của Trưởng giả và hỏi:

–Này Trưởng giả! Sa-môn Cù-đàm cầu xin gì mà đến nhà ông? Lại nói điều gì?

Trưởng giả đáp:

–Thưa Thánh giả! Thầy con, vì vợ con mang thai nên con đến hỏi Sa-môn Cù-đàm, đứa con sắp sinh là nam hay nữ? Ngài bảo con: Chắc chắn sẽ sinh con trai. Đứa con sinh rồi, gia đình được giàu có thịnh vượng, an lành vào bậc nhất. Ở trong loài người thọ hưởng phước trời. Cuối cùng sẽ xuất gia, học đạo trong pháp của Ngài, chứng A-la-hán.

Người ngoại đạo này vốn đoán tướng rất giỏi, nghe nói xong, liền lấy đá trắng sắp bày toán pháp, tính đếm xem việc ấy là thật hay giả. Bày tính rồi, biết việc ấy đúng như Phật nói, là thật, không giả dối.

Người ngoại đạo dù biết ấy là thật, nhưng lại nghĩ: "Nếu ta nói sự thật thì Trưởng giả này chắc chắn tin kính Sa-môn Cù-đàm. Ta nên bảo Trưởng giả: Lời Sa-môn Cù-đàm nói có thật, có giả."

Ngoại đạo nghĩ xong, bảo vợ của Trưởng giả đến trước mặt, nắm lấy hai tay, xem chỉ tay và tướng mặt.

Bấy giờ, Trưởng giả Thiện Hiền nói với ngoại đạo:

–Thưa Thánh giả, Thầy con! Thầy đã tính rồi, vậy còn xem chỉ tay, tướng mặt làm gì?

Người ngoại đạo nói:

–Ta mới vừa tính xem lời Cù-đàm đã nói và tướng của vợ ông, biết việc này có chút phần chân thật, chút phần giả dối.

Trưởng giả hỏi:

–Thế nào là giả? Thế nào là thật?

Ngoại đạo đáp:

–Cù-đàm đã nói vợ ông sẽ sinh nam, đây là lời nói thật.

Sinh rồi, gia đình giàu có thịnh vượng, đây cũng là thật.

Nhưng khi sinh con, có chút ánh sáng lửa hội lại, người con này về sau chắc chắn hại gia đình ông.

Lời nói: Được an lành vào bậc nhất, ở trong loài người thọ hưởng

phước trời, ấy là dối trá.

Này Trưởng giả! Ngươi có từng nghe: "Có người nào sống trong loài người mà thọ hưởng phước trời hay không?" Việc này là khó tin.

Nói sẽ xuất gia trong giáo pháp của Cù-đàm, đây là nói thật. Do vì nhu cầu thiếu thốn cơm áo, sau chắc chắn cầu xuất gia theo Cù-đàm.

Nói dứt các phiền não, chứng A-la-hán, đây là giả dối, vì trong pháp của Cù-đàm, chắc chắn không dứt được các phiền não, chứng quả Thánh.

Lúc Trưởng giả Thiện Hiền nghe nói việc này, tâm nghi ngờ, không biết là thật hay giả, liền sinh buồn rầu. Ông bèn nói với ngoại đạo:

–Thưa Thánh giả! Thầy con, việc này con phải nên làm thế nào?

Ngoại đạo nói:

–Trưởng giả nên làm cho đứa con sinh ra, sau xuất gia tu học trong giáo lý của ta, tức có thể học hết sự nghiệp. Trưởng giả, ta tuy nói như vậy, nhưng ông tự tính lấy.

Người ngoại đạo kia nói rồi, liền ra khỏi nhà.

Trưởng giả Thiện Hiền ngồi yên một chỗ, suy nghĩ rất kỹ: "Hiện nay ta không thể nào cố giữ, vì tất cả mà phải xả bỏ thôi! Phải bày mưu kế để phá bỏ thai."

Nghĩ xong, Trưởng giả Thiện Hiền liền đem thuốc độc xoa vào bụng vợ. Lúc Trưởng giả xoa thuốc bên phải, đứa con chuyển sang bên trái. Xoa thuốc bên trái, đứa con chuyển sang phải. Xoa khắp hết bụng thì đứa con hết chỗ chịu nổi. Do xoa thuốc độc nên vợ Trưởng giả chết.

Thiện Hiền nghĩ: "Người mẹ đã chết, con cũng chết theo. Sau sẽ không còn người phá hoại gia đình ta, cũng không có người chứng được Thánh quả."

Bấy giờ, Trưởng giả thấy vợ đã chết, liền chảy nước mắt kêu khóc. Người làng xóm thân thuộc đến an ủi, thăm hỏi Trưởng giả Thiện Hiền:

–Vợ ông vì sao bỗng nhiên mà chết?

Trưởng giả kể lại:

–Do bào thai hại, bỗng nhiên chết.

Làng xóm thân thuộc hỏi thăm xong, ai về nhà nấy.

Trưởng giả Thiện Hiền tự nghĩ: "Vợ ta chết rồi, chớ để trong nhà. Nên sắm các đồ tang lễ, rồi đưa xác ra rừng Thi-đà." Nghĩ rồi, liền chuẩn bị các đồ tang lễ, sắp sửa đưa đi.

Xóm làng thân thuộc biết vậy, lại đến nói với Trưởng giả:

–Vợ ông chết rồi, khóc lóc làm gì mà tự mình sinh buồn khổ!

Lúc ấy, Trưởng giả lấy áo quần, đủ các màu xanh, vàng, đỏ, trắng và các vật quý báu để trang trí, cùng quyến thuộc đưa xác đi, đến rừng Thi-đà.

Lúc này, người đoán tướng khi trước là ngoại đạo Ni-kiền-đà, biết được việc ấy lòng rất vui mừng, liền mang lọng, cờ, trang sức oai nghiêm đi khắp các ngả tư đường trong thành Vương xá, nói với các ngoại đạo Ni-kiền-đà:

–Các ông biết không? Trước đây Sa-môn Cù-đàm nói: "Vợ Trưởng giả Thiện Hiền sẽ sinh con trai. Sau khi đứa con sinh ra, gia đình sẽ giàu có thịnh vượng, an lành vào bậc nhất, ở trong loài người thọ hưởng phước trời. Về sau xuất gia học đạo trong pháp của ta, dứt các phiền não, chứng A-la-hán." Lời nói ấy là giả dối, vì nay vợ Trưởng giả đã chết, con cũng chết theo. Các ông nên biết, ví như cây to đã chặt đứt gốc rồi, nhánh, lá, hoa, quả sao có thể sống?

Các đám ngoại đạo nghe nói, lòng đều vui mừng.

Những người có lòng tin thanh tịnh, biết Phật Thế Tôn có pháp chân thật, không chỗ nào là không biết, không thấy, không chỗ nào là không giải được, không chỗ nào là không rõ, luôn phát lòng thương rộng lớn phủ khắp thế gian, chỉ với một suy nghĩ là che chở, ban bố cho sự không sợ hãi, đã tròn đầy định tuệ cùng tu, đã thành tựu ba việc điều phục, đã qua khỏi bốn dòng phiền não của biển lớn, đã có thể an ổn ở trong hạnh bốn thần túc, đã đem bốn Nhiếp pháp thâu phục khắp chúng sinh. Trong đêm dài sinh tử, luôn nghĩ đến việc độ thoát, đã có thể thành tựu bốn Vô sở úy, dứt năm phần kết sử, đã ra khỏi năm đường, đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, hết thảy đều viên mãn, đã đầy đủ sáu pháp Phật thường làm, hoa bảy Giác chi nở thành quả Tám chánh đạo, thành tựu Tam-ma-bát-đề, chín hành thiện trước hết, mười Lực kiên cố, tiếng khen vang khắp mười phương thế giới. Đầy đủ ngàn thứ tự tại bậc nhất. Ngày ba lần và đêm ba lần, thường dùng mắt Phật để xem xét thế gian, thấy biết đúng đắn những luân chuyển trong chúng sinh. Các việc đã làm, nếu có chỗ nào thêm, chỗ nào bớt, chỗ nào có phiền não, chỗ nào chịu cực khổ, chỗ nào phá hại, chỗ nào có đủ các việc phiền não, cực khổ, hư hoại... Chỗ nào cần sắp đặt chút phần phương tiện, chỗ nào cần sắp đặt sức phương tiện lớn, chỗ nào cần sắp đặt các phương tiện, chỗ nào chúng sinh bị đọa trong cõi ác, chỗ nào chúng sinh được sinh lên cõi trời, chỗ nào chúng sinh được quả giải thoát, chỗ nào chúng sinh chưa trồng căn lành, làm cho trồng căn lành; chỗ nào chúng

sinh đã trồng căn lành, làm cho được thành thục; chỗ nào chúng sinh thành thục rồi, làm cho được giải thoát. Công đức của Phật Thế Tôn đầy đủ như vậy, lời nói không thể giả dối, luôn lìa các lỗi lầm.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn xét biết rõ các nơi xảy ra sự việc, biết đã đến lúc cần phóng ánh sáng, nên từ trong miệng phóng ra các ánh sáng màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Ánh sáng ấy soi khắp trên dưới, chiếu rõ bao nhiêu cảnh đời sống trong địa ngục: Có các địa ngục Hắc thằng, địa ngục Chúng hợp, địa ngục Hào khiếu, địa ngục Đại hào khiếu, địa ngục Viêm nhiệt, địa ngục Cực viêm nhiệt, địa ngục A-tỳ. Tám loại địa ngục nóng bức đó được ánh sáng chiếu đến, thảy đều trở thành mát mẻ.

Còn có các địa ngục Pháo, địa ngục Pháo liệt, địa ngục A-trá-trá, địa ngục Ha-ha-thông, địa ngục Hổ-hổ-thông, địa ngục Hoa sen xanh, địa ngục Hoa sen đỏ, địa ngục Hoa sen hồng lớn. Tám địa ngục lạnh đó, khi ánh sáng ấy soi đến rồi, đều trở thành ấm áp.

Nhờ năng lực nơi ánh sáng cao tột của Phật, các chúng sinh ở trong đó khi được tiếp xúc với ánh sáng ấy thì thân được lìa khổ, lòng sinh vui vẻ. Mỗi người tự nói: "Chúng ta do gây tội gì mà bị đọa vào địa ngục, ngày nay lại thấy được ánh sáng kỳ lạ này?"

Khi các chúng sinh ở trong địa ngục phát tâm suy nghĩ thanh tịnh như vậy, Đức Thế Tôn lại vì lòng thương lớn, ở trong ánh sáng ấy biến hiện thêm các việc. Những chúng sinh trong địa ngục kia thấy được các sự việc do biến hóa lại nói: "Ngày nay chúng ta đã thấy các tướng biến hóa kỳ lạ ấy. Nếu ra khỏi chỗ này, không nên sinh lại trong cảnh giới ác nữa. Nhờ vào ánh sáng tối thắng của Phật, nên thân sẽ được lìa khổ não, tâm sinh an vui."

Nói vậy rồi, mỗi người phát lòng tin thanh tịnh tối thượng khiến cho nghiệp địa ngục kia thảy đều diệt hết, liền được thọ sinh vào hai cảnh giới trời, người. Chúng sinh trong địa ngục do lòng chân thật ấy nên được lợi ích như vậy.

Ánh sáng của Phật lại chiếu lên đến cõi trời Tứ Thiên vương, trời Đao-lợi, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Đại phạm, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Quang âm, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Vô vân, trời Phước sinh, trời Quảng quả, trời Vô phiền, trời Vô nhiệt, trời Thiện kiến, trời Thiện hiện, trời Sắc cứu cánh.

Ánh sáng soi đến các cõi trời, rồi từ trong ánh sáng ấy phát ra tiếng vô thường, khổ, không, vô ngã. Lại trong ánh sáng ấy, nói ra bài kệ:

Ví như voi lớn lún trong bùn
Dùng sức mạnh nên liền ra khỏi
Lời Phật dạy, sức cũng mạnh lớn
Có thể phá tan trận sinh tử.
Nay đây chánh pháp khéo điều phục
Xa lìa các lỗi lầm đã làm
Chấm dứt luân hồi trong ba cõi
Diệt sạch bến bờ khổ chúng sinh.

Khi ấy, ánh sáng của Thế Tôn phóng ra đã chiếu khắp mọi nơi, soi đến khắp tam thiên đại thiên thế giới. Phật Thế Tôn tuy phóng một ánh sáng, nhưng khi quay trở lại thì ở mỗi chỗ lại khác nhau.

Nếu Đức Thế Tôn muốn nói việc quá khứ thì ánh sáng ấy liền đi vào sau lưng Phật. Nếu muốn nói việc đời vị lai, ánh sáng ấy liền đi vào trước mặt Phật.

Nếu muốn nói đến việc địa ngục, ánh sáng ấy đi vào nơi lòng bàn chân Phật. Hoặc muốn nói việc ngạ quỷ, ánh sáng liền đi vào theo ngón chân Phật. Muốn nói việc bàng sinh thì ánh sáng ấy đi vào lưng bàn chân Phật.

Hoặc muốn nói việc trong cõi người, ánh sáng ấy liền đi vào nơi đầu gối Phật.

Nếu muốn nói việc của Tiểu Chuyển luân vương, ánh sáng ấy đi vào lòng bàn tay trái của Phật.

Nếu muốn nói đến việc Đại Chuyển luân vương, ánh sáng ấy đi vào lòng bàn tay phải của Phật.

Nếu muốn nói việc trong cõi trời, ánh sáng ấy liền đi vào nơi rốn của Phật.

Nếu muốn nói việc về Bồ-đề Thanh văn, ánh sáng ấy đi vào trong miệng Phật.

Hoặc muốn nói việc về Bồ-đề Duyên giác, ánh sáng ấy đi vào nơi mi mắt của Phật.

Nếu muốn nói về đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ánh sáng ấy đi vào nơi đỉnh đầu Phật.

Phật Thế Tôn đã phóng ra ánh sáng, chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới xong, ánh sáng ấy xoay chuyển rồi đi vào trong miệng của Thế Tôn.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan hầu bên Phật, thấy ánh sáng này liền chắp

tay, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các loại ánh sáng có màu sắc đẹp đẽ trong sáng, cao tột này từ miệng Phật phóng ra, chiếu rực rỡ khắp thế giới. Vì nhân duyên gì mà có sự việc ấy?

Nói lời này rồi, liền nói kệ khen ngợi:

Ở thế gian Phật là bậc nhất
An trụ chánh nhân và chân thật
Ngài đã xa lìa nói hai lời
Dứt trừ kiêu mạn và lỗi lầm.
Như thương khư, ngó sen trong đời
Phải có nhân duyên màu tự trắng
Như Lai Tối Thắng Nhân Trung Tôn
Phải có nhân duyên hiện ánh sáng.
Như Lai dùng sức hạnh nguyện mình
Hiện được thần thông và trí lớn
Xem xét người nghe, vui nghe pháp
Phật chủ cõi người muốn diễn bày.
Đại ngưu vương trí lớn vắng lặng
Ắt nói lời pháp thiện cao tột
Như Lai giảng một lời thanh tịnh
Trừ sạch được lưới nghi chúng sinh.
Lại như núi chúa và biển lớn
Nếu không nhân duyên không thể động
Như Lai Chánh Giác Nhân Trung Tôn
Không duyên, không hiện tướng ánh sáng
Trí lớn xét kỹ về nguyên nhân
Việc đáng nên làm đều phải ích
Tùy chỗ mong cầu của chúng sinh
Nên Như Lai hiện tướng ánh sáng.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này A-nan! Nên biết Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, nếu không có nhân duyên thì không phóng ra ánh sáng. Nay ta muốn đến rừng Thi-đà, ông đến bảo chúng Tỳ-kheo: "Như Lai sắp đến rừng Thi-đà, Tỳ-kheo các ông nên phát tâm dũng mãnh, mỗi người nên đắp ca-sa, theo hầu Như Lai, đến rừng Thi-đà."

Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, đến chỗ các Tỳ-kheo nói:

–Phật dạy các Tỳ-kheo: Như Lai sắp đến rừng Thi-đà. Các Tỳ-kheo

nên phát tâm dũng mãnh, mỗi người đắp ca-sa, theo hầu Như Lai, đến rừng Thi-đà.

Khi đó, Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như, Mã Thắng, Phược-sáp-ba, Đại Danh, Bạt-nại-lý-ca, Xá-lợi Tử, Mục-kiền-liên, Ca-diếp, Mãn Xưng... cùng các chúng đại Thanh văn vâng lời Phật rồi, như oai nghi thường lệ, đắp ca-sa đi đến chỗ Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng với đại chúng vây quanh trước sau đến rừng Thi-đà. Nghĩa là: Chúng điều phục vây quanh người khéo điều phục, chúng giải thoát vây quanh người giải thoát, chúng an ổn vây quanh người an ổn, chúng luật nghi vây quanh người luật nghi, chúng ứng cúng vây quanh người ứng cúng, chúng lìa tham vây quanh người lìa tham, chúng tướng tốt đoan nghiêm vây quanh người tướng tốt đoan nghiêm.

Giống như chúng ngưu vây quanh ngưu vương, cũng như đàn voi vây quanh voi chúa, như các thú vây quanh sư tử chúa, như đàn ngỗng vây quanh ngỗng chúa, như chúng Kim sí điểu vây quanh Kim sí điểu chúa, như học chúng vây quanh Bà-la-môn, như người bệnh vây quanh thầy thuốc, như quân lính vây quanh tướng dũng mãnh, như của cải vây quanh người giàu có, như người buôn vây quanh thương chủ lớn, như nhiều người vây quanh người đứng đầu, như người hộ vệ vây quanh tiểu quốc vương, như ngàn Thiên tử vây quanh Chuyển luân vương, như các ngôi sao vây quanh Thiên tử mặt trăng, như ngàn ánh sáng vây quanh Thiên tử mặt trời, như chúng Càn-thát-bà vây quanh Thiên vương Trì Quốc, như chúng Cưu-bàn-trà vây quanh Thiên vương Tăng Trưởng, như chúng rồng vây quanh Thiên vương Quảng Mục, như chúng Dạ-xoa vây quanh Thiên vương Đa Văn, như chúng A-tu-la vây quanh A-tu-la vương Tỳ-ma Chất-đa-la, như cõi trời Tam thập tam vây quanh Thiên chủ Đế Thích, như Phạm chúng vây quanh Đại phạm vương, như cá Để-di-la xuất hiện trong biển lớn, như mây đen kéo đến sắp tuôn mưa lớn và các đám mây xung quanh đều giăng theo. Các căn của Như Lai đều nhu hòa và điều thuận khéo léo. Oai nghi trang nghiêm, các tướng không khiếm khuyết. Như voi chúa bảy chi tròn đầy, ngay thẳng, đứng vững trên đất bằng, lìa các lỗi lầm.

Như Lai có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân tướng tốt, thanh tịnh trang nghiêm, không ai hơn được, tròn sáng rực rỡ, chiếu đến khắp nơi, như trong ánh sáng của ngàn mặt trời. Lại như núi báu cao lộ ra ngoài, tất cả đều rực rỡ, hoàn hảo, với mười Lực, bốn Vô sở úy, ba Bất hộ, ba Niệm trụ và đại Bi... các pháp công đức thảy đều đầy đủ.

Lúc đó, lại có vô số chúng Tỳ-kheo và vô số trăm ngàn người vây

quanh nhiều vòng theo Phật đi đến rừng Thi-đà. Khi Phật đi có mười tám pháp rất đáng ca ngợi. Thế nào là mười tám?

1. Không sợ lửa.
2. Không sợ nước.
3. Không sợ sư tử.
4. Không sợ cọp.
5. Không sợ nạn biển.
6. Không sợ quân kẻ khác.
7. Không sợ giặc cướp.
8. Không sợ nạn vua.
9. Không sợ người ác.
10. Không sợ thuế các cửa đường qua sông.
11. Không sợ người.
12. Không sợ không phải người.
13. Không sợ phi thời.
14. Là mắt trời, tai trời thấy nghe như thật.
15. Là ánh sáng chiếu sáng rỡ, rộng lớn.
16. Là với pháp đều tự tại.
17. Là với người đều tự tại.
18. Là không bị khổ não, bệnh...

Các pháp thiện ấy, khi Phật bước đi đều có đầy đủ.

Bấy giờ, lại có vô số trăm ngàn người và trời đều tập trung theo Thế Tôn, đi đến rừng Thi-đà xem Phật Thế Tôn sẽ làm những gì.

❑

KINH NHÂN DUYÊN QUANG MINH ĐỒNG TỬ

QUYỂN 2

Bấy giờ, trong thành Vương xá có hai Đồng tử, một người là dòng Bà-la-môn, người thứ hai dòng Sát-đế-lợi.

Đồng tử dòng Sát-đế-lợi tên là Thọ Mạng.

Hai Đồng tử này từ thành Vương xá đi ra, đang cùng đùa giỡn ở bên trái đường. Từ lâu, Đồng tử Thọ Mạng đã có lòng tin chân chánh.

Đồng tử Bà-la-môn không có lòng tin chân chánh, bèn nói với Đồng tử Thọ Mạng:

–Tôi nghe trước đây Thế Tôn nói: "Vợ của Trưởng giả Thiện Hiền sẽ sinh con trai, sau khi sinh rồi, gia đình sẽ giàu có thịnh vượng, an lành vào bậc nhất, ở trong loài người thọ hưởng phước trời. Về sau sẽ xuất gia học đạo trong pháp của Phật, dứt các phiền não, chứng A-la-hán." Vợ của Thiện Hiền đã chết, con cũng chết theo. Thân thuộc của Trưởng giả đem xác đặt trong rừng Thi-đà. Không biết có phải Thế Tôn nói dối việc này hay không?"

Lúc ấy, Đồng tử Thọ Mạng vì Đồng tử Bà-la-môn nói kệ ca ngợi:

Mặt trời, sao, trăng có thể rơi
Núi, đá, đất bay lên hư không
Nước biển, vực sâu có thể khô
Lời Phật nói quyết không giả dối.

Đồng tử Bà-la-môn nghe kệ rồi, mới nói với Đồng tử Thọ Mạng:

–Nếu bạn không tin, tôi cùng bạn đi đến rừng Thi-đà xem rõ sự việc này.

Lúc này, Đức Thế Tôn từ thành Vương xá tiếp tục ra đi. Hai Đồng tử kia đang đùa giỡn bên trái đường. Đồng tử Thọ Mạng từ xa trông thấy Thế Tôn và đại chúng vây quanh, do căn lành đã có từ trước liền nói kệ ca ngợi:

Đại Mâu-ni hiếm có

Lìa các tướng loạn động
Khắp đại chúng trời, người
Tuần tự đi theo Phật.
Gầm lên tiếng sư tử
Phá các luận ngoại đạo
Khéo dứt các lưới nghi
Bậc tối thượng khó thấy.
Phật đến rừng Thi-đà
Tướng oai nghi thích nhìn
Như gió thổi sạch tuyết
Sáng lạnh khắp không gian.
Đức Thích-ca Mâu-ni
Biến hóa hiện ánh sáng
Người thấy trong khoảnh khắc
Theo đó được lợi ích.

Bấy giờ quốc chủ nước Ma-già-đà, vua Tần-bà-sa-la, trước đã nghe Phật Thế Tôn nói: "Vợ của Trưởng giả Thiện Hiền sẽ sinh con trai, sau khi sinh rồi, gia đình giàu có thịnh vượng, an lành vào bậc nhất, ở trong loài người thọ hưởng phước trời. Về sau sẽ xuất gia học đạo trong pháp của Phật, dứt các phiền não, chứng A-la-hán. Vợ của Trưởng giả đã chết, thân thuộc đem xác đặt vào rừng Thi-đà. Nay Phật Thế Tôn cùng đại chúng vây quanh cũng đến rừng Thi-đà."

Vua nghe rồi, tự nghĩ: "Phật Thế Tôn, thầy ta, nếu không vì lợi ích thì không đến rừng Thi-đà. Không phải vợ của Thiện Hiền chết rồi mà sống lại được. Thế Tôn đến nơi ấy vì muốn làm các việc lợi ích. Ta nên đến đó xem!"

Vua Tần-bà-sa-la nghĩ rồi, liền cùng với các đại thần, quyến thuộc, cung tần vây quanh cùng ra khỏi thành. Khi ra thành, hai Đồng tử kia vẫn còn đang đùa giỡn bên trái đường.

Đồng tử Thọ Mạng từ xa trông thấy vua Tần-bà-sa-la, liền đến trước mặt, nói kệ ca ngợi:

Quốc chủ Ma-già-đà tối thắng
Quần thần hộ vệ ra khỏi thành
Phát lòng tin thanh tịnh chắc chắn
Tất cả mọi người đều vui mừng.

Lúc ấy, Phật và tất cả đại chúng trời, người, vua Tần-bà-sa-la, Đồng tử Thọ Mạng... đều đi đến rừng Thi-đà.

Bấy giờ, từ trong kim khẩu của Đức Thế Tôn phóng ra ánh sáng thanh tịnh chiếu khắp chúng hội. Người đoán tướng là ngoại đạo Ni-kiền-đà cũng có trong hội. Thấy Phật Thế Tôn phóng ra ánh sáng, liền nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm hiện tướng ánh sáng ở trong đại chúng, lẽ nào con của Thiện Hiền chưa chết hay sao?"

Nghĩ xong, ông ta nói với Trưởng giả Thiện Hiền:

–Này Trưởng giả! Ta thấy Sa-môn Cù-đàm hiện bày tướng ánh sáng, ắt là con ông còn, không chết.

Trưởng giả Thiện Hiền hỏi:

–Thưa Thánh giả thầy con! Nếu việc này như vậy, con phải làm sao?

Ngoại đạo bảo:

–Trưởng giả! Nếu con ông còn thì nên cho vào tu học trong pháp của ta.

Bấy giờ, Trưởng giả sắp hỏa táng người vợ, chất củi và các đồ tang lễ bên ngoài, đặt thi thể người chết ở trong rồi châm lửa đốt. Khi ngọn lửa đã cháy thì từ giữa rốn người vợ dần dần nứt, mọc ra một hoa sen, trong hoa sen ấy có một Đồng tử ngồi ngay thẳng, diện mạo tươi đẹp, sắc tướng khác thường.

Lúc đó, vô số đại chúng trong chúng hội đều thấy tướng này, khen là chưa từng có. Những người chánh tín, nhớ lời Phật đã nói lúc trước là thành thật, không giả dối. Ngoại đạo Ni-kiền-đà thấy sự việc này, trong lòng buồn khổ, đứng yên lặng.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Trưởng giả Thiện Hiền:

–Ông đem Đồng tử này về giữ gìn, nuôi dưỡng.

Ngoại đạo Ni-kiền-đà lén nhìn thái độ của Trưởng giả, rồi nói:

–Trưởng giả! Trong lửa đốt xác chết, bỗng sinh ra Đồng tử. Tất cả việc này đều không phải điềm lành. Ông không nên mang đứa bé về nuôi dưỡng.

Trưởng giả Thiện Hiền nghe lời, không bằng lòng nhận Đồng tử. Lúc này, Phật bảo Đồng tử Thọ Mạng:

–Ông nên nhận Đồng tử này về giữ gìn, nuôi dưỡng.

Đồng tử Thọ Mạng suy xét rồi bạch Phật:

–Ở trong nhà của con không nơi nào chứa nhận. Giả như được đứa con này, không phải việc con nên làm.

Sau khi vợ Thiện Hiền được hỏa táng xong. Phật dùng sức oai thần của ánh sáng, khiến lửa tự diệt tắt. Trong khoảnh khắc, bầu trời rơi tuyết

nhỏ, tự nhiên trong lành, thâu sạch củi dư, làm sạch đất nơi hỏa táng. Trong lửa sinh ra một Đồng tử đứng vững vàng.

Đức Thế Tôn bảo chúng hội và Đồng tử Thọ Mạng:

–Các ông là người có lòng tin chân chánh, chớ học theo sự cuồng loạn khác thường của ngoại đạo, phải nên đứng vững trong suy nghĩ chân chánh.

Đồng tử Thọ Mạng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con sinh trong dòng vua, cũng là dòng vua lâu đời, thân con thanh tịnh, như hương thơm ngưu đầu Chiên-đàn. Con thật không biết những việc cuồng loạn khác thường của ngoại đạo.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn lại bảo Trưởng giả Thiện Hiền:

–Đồng tử này là con ông, ông nên đem về giữ gìn, nuôi dưỡng.

Trưởng giả Thiện Hiền kia còn mang nặng những quan niệm xấu ác, không thực hành chánh đạo. Lúc đó lại lén nhìn ngoại đạo Ni-kiền-đà.

Ngoại đạo nói:

–Trưởng giả Thiện Hiền! Ông nên suy xét, Đồng tử này là di vật trong lửa còn sót lại, rất xui xẻo. Tuy lửa không đốt, nhưng tướng sao tốt được? Nếu đem về ở với ông, gia đình ông sẽ bị hư hoại, lại không hợp với mạng của ông, sẽ gây nhiều tổn hại, muốn làm việc gì đều không được thuận lợi, sau sẽ hối hận.

Trưởng giả nghe ngoại đạo nói vậy, nên không bằng lòng nhận Đồng tử.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo vua Tần-bà-sa-la:

–Đại vương! Ông nên mang Đồng tử này về cung nuôi dưỡng.

Vua Tần-bà-sa-la vâng lời Phật dạy, vội vàng đứng dậy, khom người xuống, đưa hai tay bồng Đồng tử, nhìn khắp đứa bé, rồi bạch Phật:

–Con vâng lời Phật dạy, đem Đồng tử về cung, nhưng đặt tên Đồng tử là gì? Xin Phật Thế Tôn đặt cho.

Phật bảo:

–Đại vương! Đồng tử này được sinh từ trong lửa, nên đặt tên là Hỏa Quang Minh.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn ở trong đại chúng, đem Đồng tử giao phó cho vua Tần-bà-sa-la, lại quan sát kỹ để biết vua Tần-bà-sa-la và chúng hội, rồi tùy theo căn tánh, sở thích của họ mà giảng nói pháp.

Các chúng hội này được nghe pháp rồi, có hơn trăm người phát khởi

lòng tin chân thật trong sạch, cao tột. Có người chứng quả Tu-đà-hoàn, có người chứng quả Tư-đà-hàm, có người chứng quả A-na-hàm, có người chứng quả A-la-hán, có người đạt đến căn lành của noãn vị, có người đạt đến căn lành của đảnh vị, có người đạt đến căn lành của nhẫn vị, có người phát tâm Bồ-đề Thanh văn, có người phát tâm Bồ-đề Duyên giác, có người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có người phát tâm quy y thâu nhận, có người phát tâm thọ trì giới luật.

Với chúng hội như vậy, Phật đều đem sức của công đức và chánh pháp làm chúng được hòa hợp, tùy theo chỗ thích ứng đều được lợi ích.

Khi ấy, vua Tần-bà-sa-la rời khỏi hội Phật, đem Đồng tử trở về cung vua. Đại vương triệu tập tám cung tần làm tám người mẹ:

Hai người làm dưỡng mẫu để nuôi dưỡng.

Hai người làm nhũ mẫu lo việc cho bú mớm.

Hai người làm tịnh mẫu để tắm giặt.

Hai người làm hý mẫu, để làm bạn học tập và vui chơi.

Đại vương sai tám bà mẹ làm như vậy rồi giao Đồng tử cho họ nuôi, từ lúc còn bú mớm cho đến trưởng thành. Lúc ăn, lúc bú và các việc làm khác, suốt cả ngày đêm ân cần, nuôi dưỡng, vỗ về, thương yêu, không để thiếu sót. Dần đến khi trưởng thành, giống như một hoa sen đẹp từ trong ao trong sạch mọc lên, luôn luôn được thương yêu, giữ gìn như vậy cho đến sau này.

Đồng tử Quang Minh có một người cậu họ, đem của cải đi ra ngoài buôn bán đã lâu, trải qua nhiều năm nay chưa quay trở về. Bỗng một bữa nọ, nghe người ngoài nói: "Em gái ông mang thai, Phật đã thọ ký, chắc chắn sẽ sinh con trai. Sau khi sinh rồi, gia đình giàu có thịnh vượng, an lành vào bậc nhất, ở trong cõi người thọ hưởng phước trời, sau đó xuất gia học đạo trong pháp của Phật, dứt các phiền não, chứng A-la-hán."

Người anh nghe nói như vậy, liền thâu góp của cải buôn bán, mang vác lặn lội từ xa trở về nhà mình. Về đến nhà, biết em đã chết, nên kêu buồn khóc lóc. Tự nghĩ: "Lúc trước, ở ngoài đã nghe Phật thọ ký, em ta chắc chắn sinh con trai, dứt các phiền não, chứng A-la-hán. Nay em ta đã chết, lời Phật nói là không thật. Chẳng lẽ Phật Thế Tôn cũng nói dối hay sao?"

Nghĩ vậy rồi, tìm đến nhà hàng xóm hỏi han việc ấy. Hỏi:

–Tôi đi buôn bán xa mới về. Trước đã nghe người nói: Em tôi mang thai, Phật đã thọ ký, chắc chắn sẽ sinh con trai. Sau khi sinh rồi, gia đình

giàu có thịnh vượng, an lành vào bậc nhất, ở trong cõi người thọ hưởng phước trời, sau đó xuất gia học đạo trong pháp của Phật, dứt các phiền não, chứng A-la-hán. Tôi nghe nói vậy, vui mừng vội trở về. Kịp về đến nhà thì em tôi đã chết. Lời Phật nói vậy có phải là giả dối hay không?

Người làng xóm vì người cậu họ của Đồng tử Quang Minh mà nói kệ:

Trăng, sao có dưới đất
Núi, đá bay lên không
Biển lớn có thể khô
Lời Phật thật, không dối.

Người làng xóm nói kệ rồi, lại bảo với người cậu họ:

–Lời Thế Tôn nói thật, không giả dối, nhưng em ông đã chết là có nguyên nhân. Trưởng giả Thiện Hiền tin theo lời ngoại đạo, nên tạo nghiệp giết hại. Do nguyên nhân giết hại mà em ông chết. Đồng tử Quang Minh có oai đức lớn, lửa không thể đốt cháy, người sinh ra từ trong hoa sen. Nay vua Tần-bà-sa-la đang nuôi dưỡng trong cung.

Người làng xóm kể lại đầy đủ việc ấy cho người cậu.

Người cậu nghe rồi, trở về nhà, nói với Trưởng giả Thiện Hiền:

–Việc Trưởng giả làm là không theo pháp lý. Em gái tôi làm sao chết, tôi đã biết rõ. Em tôi mang thai, ông sắp bày mưu kế, sinh sản không tròn. Nguyên nhân ông dùng điều xấu ác, tin theo ngoại đạo, giết hại em tôi. Đồng tử Quang Minh có oai đức lớn, sinh ra từ trong hoa sen, lửa không thể đốt cháy, nay đang ở trong cung vua. Việc này thật phi lý. Ngày nay, ông hãy mau đến cung vua xin đem Đồng tử về thì việc này tốt, nếu không làm được vậy, ắt tôi cùng ông sẽ không còn hòa thuận. Tôi sẽ đem tro trắng đi rải nơi các ngả tư đường và khắp chốn, làm cho trắng đất, khiến mọi người sợ hãi, rồi tôi xướng lên: "Trưởng giả Thiện Hiền giết hại người nữ. Em tôi trước do nguyên nhân này nên bị giết. Đồng tử Quang Minh nay ở trong cung vua, nhà vua như vậy là làm việc không lợi ích." Tôi sẽ rao việc này khắp nơi. Ông hãy tự tính toán, không nên để lại sự xấu hổ.

Trưởng giả Thiện Hiền nghe nói xong, lòng sinh buồn rầu, tự mình suy nghĩ:

–Như anh nói là thật, không phải dối. Nếu thật như vậy, ta thật xấu hổ.

Nghĩ rồi, liền đến cung vua. Đến rồi, cung kính quỳ lạy, đem việc ấy tâu vua:

–Thưa đại vương! Tôi quả thật không nghĩ kỹ, vua thật là cao tột. Nếu không đem được Đồng tử Quang Minh về, e vua bị chê bai. Xin vua cho tôi đem Đồng tử này về.

Vua nói:

–Này Trưởng giả! Lòng ta vốn không muốn giữ lấy Đồng tử này. Do Phật Thế Tôn giao phó cho ta. Nếu không phải Phật bảo, ta giữ lấy làm gì? Nếu ông muốn đem Đồng tử này về, nên đi đến chỗ Phật trình bày đầy đủ việc ấy.

Trưởng giả Thiện Hiền liền ra khỏi cung vua, đến chỗ Phật, rồi bạch:

–Con có người thân từ xa về, bảo con: Đồng tử Quang Minh ở nơi cung vua, trong ngày này phải mau đem Đồng tử về là tốt. Nếu không, người ấy không hòa thuận với con, sẽ đến ngả tư đường hô lên: "Trưởng giả Thiện Hiền giết hại người nữ. Em tôi trước do nguyên nhân này mà chết. Đồng tử Quang Minh nay ở trong cung vua, lúc ấy vua cũng không làm việc lợi ích." Con vì việc này nên đã đi đến cung vua xin lại Đồng tử. Vua đáp: "Trước kia do Phật bảo ta đem về nuôi dưỡng." Nay con đến đây xin Phật bảo vua trao lại Đồng tử cho con.

Đức Thế Tôn biết việc ấy, xem xét biết Trưởng giả Thiện Hiền nếu không được Đồng tử này, trong lòng bị khổ não thúc ép, không đạt được ý này chắc chắn sẽ nôn huyết mà chết. Phật vì lòng thương rộng lớn làm việc cứu giúp, liền bảo Tôn giả A-nan:

–Này A-nan! Ông có thể đến cung vua Tần-bà-sa-la nói lại như lời của ta: "Phật hỏi đại vương có được khỏe không? Nay có một việc xin vua nghe lời Phật dạy: Trưởng giả Thiện Hiền đến xin lại Đồng tử Quang Minh. Xin vua trao lại cho. Nếu Trưởng giả Thiện Hiền không nhận được Đồng tử, lòng bị buồn rầu thúc ép, ý này không đạt được, chắc chắn sẽ nôn huyết mà chết. Vua vì việc này, nên làm theo lời Phật dạy."

Tôn giả A-nan vâng theo sự chỉ dạy của Phật, liền đến cung vua Tần-bà-sa-la, gặp vua, rồi nói như lời Phật nói:

–Phật thăm hỏi đại vương có được khỏe không? Nay có một việc xin vua nghe lời Phật dạy: Trưởng giả Thiện Hiền đến xin lại Đồng tử Quang Minh. Xin vua trao lại cho. Nếu Trưởng giả Thiện Hiền không nhận được Đồng tử, lòng bị buồn rầu thúc ép, ý này không đạt được, chắc chắn sẽ nôn huyết mà chết. Đại vương vì việc ấy, nên trao Đồng tử lại cho họ.

Bấy giờ, vua Tần-bà-sa-la vâng lời Phật dạy, liền nói:

–Tôn giả Đại đức! Xin trở về bạch Phật giúp con: Vua Tần-bà-sa-la cúi đầu dưới chân Thế Tôn, kính lời thăm hỏi Thế Tôn, con xin vâng theo

lời Phật dạy.

Tôn giả A-nan ra khỏi cung vua, trở về chỗ Phật, bạch Phật Thế Tôn đúng như lời vua.

Lúc ấy, vua Tần-bà-sa-la liền kêu Trưởng giả Thiện Hiền đến, rồi nói:

–Này Thiện Hiền! Đồng tử ấy được nuôi dưỡng, giữ gìn trong cung vua đã lâu. Tám bà mẹ chăm sóc, bú mớm theo từng lúc. Lòng ta thương yêu hơn là cha con. Tuy nay ta vâng lời Phật, trao lại cho ông, nhưng ông cũng sẽ theo như tâm ý của ta, mỗi ngày ba lần ông đưa Đồng tử vào cung, ta muốn gặp nó.

Trưởng giả Thiện Hiền vâng lệnh vua, liền tâu:

–Tôi vâng lệnh vua, không dám làm trái. Mỗi ngày ba lần sẽ đưa đến cung vua.

Vua Tần-bà-sa-la liền lấy các thứ báu đẹp, trang nghiêm, vòng trang sức bằng ngà voi, để Đồng tử Quang Minh cỡi voi báu, cho riêng một người hầu theo làm bạn đưa đến nhà Trưởng giả Thiện Hiền. Sau đó, mỗi ngày ba lần, Trưởng giả đưa Đồng tử đến cung vua, vua tự mình xem kỹ, Đồng tử Quang Minh làm việc gì đều theo như pháp lý.

Cho đến sau này, Trưởng giả Thiện Hiền qua đời, Đồng tử Quang Minh làm chủ nhà, tiếp nối sự nghiệp, lại chuyên cần, sáng suốt tin Phật, tin Pháp, tin Tỳ-kheo Tăng; quy y Phật, Pháp, Tăng.

Ở nơi này, trước kia người cha là Trưởng giả Thiện Hiền đã tạo nghiệp giết hại, nay Trưởng giả Quang Minh vì cha tu làm việc phước. Trong nhà lúc nào cũng có đầy đủ bốn thứ để cúng dường, hầu Tăng chúng bốn phương. Cho đến vị lai, đối với người gom thu gìn giữ kho tàng chánh pháp của Thế Tôn, người cao tuổi đứng đầu trong các đại Thanh văn, cũng luôn lo việc cung cấp, cúng dường các thứ.

Trưởng giả Quang Minh ở trong thành Vương xá, tu các phước nghiệp như vậy, đều vì cha mà làm việc lợi ích.

Bấy giờ, có một khách buôn, trước là bạn cũ cùng buôn bán với Thiện Hiền, ở phương xa buôn bán lâu chưa về, nghĩ: Thiện Hiền hoàn toàn không làm nghiệp thiện. Nay lại nghe biết ông ta đã chết, có con tên Quang Minh. Trưởng giả Quang Minh tin Phật, Pháp, Tăng, quy y Tam bảo, làm việc đúng như lý. Người khách buôn nghe việc này rồi nghĩ thương Thiện Hiền, vui mừng cho Trưởng giả Quang Minh, liền đem hương tốt ngưu đầu chiên-đàn, tạo ra cái bát lớn chứa đầy vật báu, từ phương xa sai người đem đến nói:

–Ý tôi mong mãi mãi làm kỷ niệm để nhớ không quên.

Khi ấy, Trưởng giả Quang Minh liền đem câu thần chú ủng hộ cho họ. Câu chú ấy là:

–Kế na tức tư thác dạ phược, thất thác dạ phược, yết lý ca thác kế na phược ngật lý hệ hằng.

Đọc chú này xong, lại nói:

–Bát báu này, hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc người có các thứ thần thông oai lực lớn sẽ nhận nó. Nếu được như vậy nên vui.

Chú nguyện rồi, liền mang bát ấy ra khỏi thành Vương xá. Trước tiên trồng một cây trụ lớn ở bên trái đường, rồi trang sức dây lụa, trên lại treo chuông rung, để cái bát ở dưới cây làm dấu hiệu.

Bấy giờ có các ngoại đạo, như thường lệ, vào lúc sáng sớm, đi đến sông tắm rửa, lần lượt qua đường ấy, thấy bát báu này liền hỏi Trưởng giả Quang Minh:

–Trưởng giả, ông đặt bát ở đây để làm gì?

Trưởng giả Quang Minh đem nguyên nhân nói lại cho các ngoại đạo, các ngoại đạo nói:

–Các vị Sa-môn Thích tử thanh tịnh, có thể nhận lãnh bát này, người không năng lực không thể nhận được.

Ngoại đạo nói rồi, theo đường mình mà đi.

Sau đó có các chúng Tỳ-kheo Đại đức cao tuổi, mang bát đi khất thực, vào thành Vương xá, thấy bên trái đường có bát báu ấy, mới hỏi Trưởng giả Quang Minh:

–Ông để bát ở đây làm gì?

Trưởng giả Quang Minh cũng đem nguyên nhân trả lời như trước.

Các Tỳ-kheo nói:

–Trưởng giả, bát báu này chúng tôi không thể nhận, nên đem dâng lên Phật để thêm lớn lợi lành, diệt các tội nhơ.

Các Tỳ-kheo nói vậy xong, theo đường mình mà đi.

❑

KINH NHÂN DUYÊN QUANG MINH ĐỒNG TỬ

QUYỂN 3

Bấy giờ, Tôn giả Thập Lực Ca-diếp đi đến chỗ để bát, thấy việc này rồi, nên đến nhà Trưởng giả Quang Minh, hỏi Trưởng giả:

–Ông để bát báu ở bên trái đường làm gì?

Trưởng giả Quang Minh đem nguyên nhân trước thưa với Tôn giả. Thập Lực Ca-diếp suy nghĩ: "Ta nghe trước kia Trưởng giả Thiện Hiền gây nghiệp giết hại vì tin ngoại đạo. Nay ở đây, Trưởng giả Quang Minh lại làm việc phước, ta không nên bỏ bát này mà đi, phải hiện sức thần làm cho Trưởng giả Quang Minh tròn đầy chí nguyện."

Nghĩ xong, liền dùng thần lực duỗi cánh tay phải, giống như lực sĩ co duỗi cánh tay, chỉ trong khoảnh khắc, lấy bát báu kia đem về chỗ mình.

Các Tỳ-kheo thấy Thập Lực Ca-diếp mang bát báu đến, đều cùng thưa hỏi:

–Tôn giả, ông được bát này ở đâu?

Thập Lực Ca-diếp đem việc trước nói lại cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo thưa:

–Tôn giả, ông vì bát này mà hiện thần lực, có đúng nghi pháp không?

Thập Lực Ca-diếp nói với các Tỳ-kheo:

–Ví như nghi pháp, hoặc không như nghi pháp, ta đã làm rồi, vậy biết làm sao đây?

Các Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật. Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu không đúng lúc, không đúng nơi và không lợi ích thì không được tự tiện hiện tướng thần lực. Hiện không đúng pháp sẽ sinh lỗi lầm.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng thần lực hóa ra bốn bát:

1. Bát bằng vàng.

2. Bát bằng bạc.

3. Bát bằng phệ-lưu-ly.

4. Bát bằng phả-chi-ca.

Hóa bốn bát rồi, lại hóa thêm bốn bát:

1. Bát thứ nhất bằng đá nhũ.

2. Bát thứ hai bằng đồng đỏ.

3. Bát thứ ba bằng đồng trắng.

4. Bát thứ tư bằng gỗ.

Hóa xong, lần lượt đem bốn bát trước xếp bày. Bốn bát sau cũng xếp như vậy. Trong mỗi bát có đầy đủ thức ăn thơm ngon nhất, đem đặt một chỗ, các Tỳ-kheo tùy ý mà lấy, tùy người nên nhận.

Khi Phật thu thần lực, bát lại biến mất.

Cho đến về sau này, Trưởng giả Quang Minh hưởng phước ở cõi trời, hiện tướng an lành, những việc kỳ lạ luôn luôn xuất hiện.

Khi ấy, đường ranh ở giữa cõi nước Chiêm-ba và thành Vương xá có cây trụ, trang sức bằng dây lụa, ở dưới có hai bát: Một bát bằng sắt, một bát bằng đất. Bát này trước đã chú nguyện, đặt ở giữa ranh giới hai nước. Không xa, có một trạm thu thuế. Các người buôn bán đem các vật đến nạp thuế cho vua. Có một người coi lấy thuế, đầy đủ con cái quyến thuộc, của cải tơ lụa, nhưng không làm việc thiện. Bỗng người ấy chết ở chỗ thu thuế, làm Dạ-xoa lớn ác, cũng ở nơi ấy giữ gìn trạm thuế.

Một đêm, các người con nằm mộng thấy Dạ-xoa nói:

–Hãy treo một cái chuông rung lớn trên trụ ranh giới ấy. Các người buôn bán đi qua trạm thuế, nếu có vật phải đóng thuế mà giấu không nạp, chuông ấy tự nhiên kêu lên, người lấy thuế biết được sẽ giữ họ lại kiểm soát, lấy được thuế rồi mới cho họ đi.

Các người con thấy mộng rồi, sáng sớm cùng với thân thuộc đến chỗ trạm thuế, tìm thấy cây trụ ranh giới, bèn y theo mộng treo cái chuông rung ở trên.

Bấy giờ, trong nước Chiêm-ba có một gia đình Bà-la-môn tên Mạn-ninh-đát-mộ, làm nghề mua bán. Một bữa nọ, vợ chồng cùng ngồi lại với nhau. Vợ bảo chồng:

–Em ở nhà lo liệu việc trong nhà. Tiền bạc của chàng làm ra chỉ đủ tiêu dùng. Chẳng lẽ cứ như vậy hoài hay sao? Anh nên vào trong chợ, mua sợi bông vải thật tốt. Em sẽ dệt thành tấm vải đẹp, anh đem ra chợ bán, không lợi hơn hay sao?

Bà-la-môn theo lời vợ nói, mua được sợi vải đem về. Vợ bèn sắp đặt khung dệt, dệt thành tấm vải mềm mại, tốt đẹp, không chê vào đâu được. Đường chỉ ngang dọc kỹ, đều, tinh xảo. Người vợ chăm chỉ dệt, đã thành

một tấm vải tốt, bèn bảo chồng:

–Tấm vải đã dệt xong, tốt đẹp, mềm mại, giá đáng ngàn vàng. Anh có thể đem ra chợ bán. Nếu có ai trả đúng giá ngàn vàng thì bán cho họ. Nếu không trả đủ giá ngàn vàng, tùy theo trường hợp, nên nói dịu dàng: "Ở đây, không ai làm được tấm vải tốt đẹp, tinh xảo này." Xướng lên vậy rồi đem đến chỗ khác mà bán.

Bấy giờ, Bà-la-môn Mạn-ninh-đát-mộ như lời vợ dặn, đem tấm vải tinh xảo này vào bán trong chợ. Rốt cuộc, không có người nào trả đúng ngàn vàng. Nhớ lời vợ, ông bèn xướng:

–Trong thành lớn Chiêm-ba, không ai làm được tấm vải tinh xảo như vậy.

Nói xong, đem về bàn với vợ:

–Không có người nào trả đúng giá ấy. Nên đem đến nước khác bán, sẽ có người biết giá trị của nó.

Nói rồi cùng nhau từ biệt.

Khi ấy, Bà-la-môn đem một tấm vải đã từng mặc qua, cùng với tấm vải mới dệt giấu trong cán cây lọng, âm thầm đi theo những người buôn, dần dần ra khỏi nước mình.

Vừa đến thành Vương xá, những người buôn đi qua giữa hai chỗ có trạm thuế. Đến chỗ ấy rồi, gom các vật lại để một chỗ. Lúc này, người lấy thuế lần lượt kiểm soát. Các người buôn đem các vật đóng thuế nạp lên cho vua. Trong đó chỉ có Bà-la-môn Mạn-ninh-đát-mộ, trước đã cất giấu tấm vải trong cái lọng, đứng ở một bên không chịu đem nạp thuế.

Một bên của trạm thuế, trước đó đã trồng cây trụ ranh giới, trên treo cái chuông rung, tự nhiên chuông phát ra tiếng. Người thu thuế biết trong đoàn có người trốn thuế, bèn nói với chủ buôn:

–Cái chuông rung trên cây trụ này không phải gió thổi động, không phải người lay động mà tự nhiên phát ra tiếng. Tôi biết trong đoàn của ông có người giấu vật, không đem nạp thuế phải không?

Người thu thuế liền giữ họ lại kiểm soát, thấy trong đoàn này không có người nào giấu, trốn không nộp thuế. Các người buôn biết chắc không còn vật chưa nạp thuế muốn được tiếp tục đi. Cái linh lại phát ra tiếng, bốn lần như vậy, lại kiểm soát kỹ, cũng không tìm được người nào trốn thuế.

Chủ buôn nói với người thu thuế:

–Trong đoàn của tôi không có người nào trốn thuế, chắc là đoàn người khác đã lén đi trước rồi.

Nói xong, liền cùng bàn với nhau:

–Trong này, có một Bà-la-môn cất giấu vật không đóng thuế.

Cuối cùng, người thu thuế kia đến chỗ người Bà-la-môn Mạn-ninh-đát-mộ nắm lại không thả ra, cố tìm vật trốn thuế.

Bà-la-môn nói:

–Vì sao ông nắm tay tôi? Ông đã thấy rõ thật không có vật trốn thuế. Tôi không giấu chút vật nào không nạp thuế. Nếu có thì đã đem đóng thuế rồi.

Nói xong, cái chuông rung lại phát ra tiếng. Khi ấy, người thu thuế nhắm vào Bà-la-môn kiểm soát thật kỹ, rồi nói:

–Bà-la-môn! Vì sao ông cố giấu vật, không chịu nạp thuế? Nay cái chuông rung này phát ra tiếng nhiều lần là việc kỳ lạ. Ông nên biết, dưới cây trụ ranh giới này có Thiên thần ủng hộ, ông nên đem vật ra nạp thuế, đừng làm việc xấu như vậy.

Bà-la-môn nói:

–Tôi tin là thật, có Thiên thần ủng hộ.

Nói xong, lấy tấm vải tốt trong cán lọng ra, đưa cho người thu thuế và nói:

–Đây là vật tôi trốn thuế. Ông hãy lấy nó đi.

Người thu thuế nhận tấm vải này rồi nói với Bà-la-môn:

–Không phải tôi nhận đem nạp cho vua, cũng không lấy cho tôi, mà là đem dâng cúng Thiên thần.

Nói rồi, đem tấm vải treo lên cây trụ và nói với Bà-la-môn:

–Tôi đã treo tấm vải dâng cho thần linh rồi. Nếu ông muốn lấy hãy tự lấy đi.

Bà-la-môn liền lấy tấm vải đó, đem đến một chỗ vắng, cũng cất giấu trong cán lọng như trước, rồi tiếp tục đi dần vào thành Vương xá.

Bà-la-môn đem tấm vải đó bày bán trong chợ, mong có người trả đúng giá ngàn vàng. Đi khắp, rốt cuộc không có ai trả đúng giá như vậy. Bà-la-môn xướng lên:

–Trong thành lớn Vương xá không có người nào biết được giá trị của tấm vải tốt đẹp này.

Lúc xướng như vậy, Trưởng giả Quang Minh đang cỡi voi báu, từ cung vua trở về nhà mình, bỗng nghe nói như thế, rất kinh ngạc, bèn dừng lại hỏi Bà-la-môn:

–Vì sao ông nói lời chê bai người trong thành này?

Bà-la-môn ấy không trả lời.

Trưởng giả Quang Minh nói:

–Ông nên nói rõ nguyên nhân của việc ấy.

Bà-la-môn nói:

–Tôi từ nước mình đem hai tấm vải tốt đẹp đến đây bán. Nếu có người trả đúng giá ngàn vàng thì tôi bán. Tôi đã đi khắp mà không có người nào trả đúng giá ấy.

Trưởng giả Quang Minh nói:

–Ông có thể đem đến để tôi xem kỹ.

Bà-la-môn liền theo Trưởng giả về đến nhà, rồi lấy tấm vải đó cho Trưởng giả xem. Trưởng giả xem rồi liền nhận biết giá trị, bảo Bà-la-môn:

–Hai tấm vải này một mới, một cũ. Cái cũ tôi trả ông giá năm trăm tiền vàng.

Bà-la-môn nói:

–Giá Trưởng giả trả chưa bán được.

Trưởng giả Quang Minh nói:

–Ta thấy tấm vải này cũ, phải giặt tẩy mới trở thành mới.

Trưởng giả liền đem tấm vải cũ, ở trên lầu cao quăng từ trên không xuống, tấm vải ấy nặng, liền rơi xuống đất.

Trưởng giả Quang Minh nói với Bà-la-môn:

–Tôi muốn xem kỹ tấm vải mới còn lại.

Bà-la-môn lấy tấm vải mới trao cho Trưởng giả. Trưởng giả xem xong, cũng làm như trước. Từ trên không quăng xuống, tấm vải ấy nhẹ, tốt nên từ từ mới xuống đến đất.

Bà-la-môn sinh lòng kính trọng, nói:

–Trưởng giả Quang Minh có oai lực lớn. Hai tấm vải tốt đẹp này, mới, cũ tôi đều dâng cho ông, không lấy giá ấy. Ông nên nhận lấy.

Trưởng giả đáp:

–Nhà tôi rất giàu có. Ông đã trải qua gian khổ, tôi không thể vô cớ nhận vật này của ông. Nay, tôi trả cho ông mỗi tấm ngàn vàng, ông đưa cho tôi hai tấm vải này.

Bà-la-môn nhận được tiền vàng rồi trở về nhà.

Trưởng giả Quang Minh lấy tấm vải cũ đem cho người ở. Sau lấy tấm vải mới làm khăn mới để dùng thường ngày. Trưởng giả dùng khăn

rồi, sau đó đem phơi nắng.

Bấy giờ, vua Tần-bà-sa-la cùng người hầu cận mới vừa lên cung điện, bỗng nhiên có gió mạnh thổi khăn ấy rơi xuống trước mặt vua. Vua Tần-bà-sa-la bảo người hầu cận:

–Tấm vải tốt đẹp này từ đâu bay đến? Chỉ có hàng vương giả mới sử dụng nó.

Người hầu cận tâu:

–Tâu đại vương, thần đã từng nghe: Chuyển luân thánh vương bảy ngày sắp sửa lên ngôi, trời mưa vàng. Nay đại vương đã lên ngôi, trời mưa tấm vải tốt đẹp, không lâu sau cũng sẽ mưa vàng.

Vua nói:

–Các ngươi không biết. Ta nghe Phật thọ ký: Trưởng giả Quang Minh ở trong cõi người thọ hưởng phước trời. Tấm vải tốt đẹp này là vật của Quang Minh dùng, gió bay đến đây, có thể mời người ấy đến đây trao trả lại.

Trưởng giả Quang Minh liền đến trước vật. Vua nói:

–Trưởng giả, trước kia Phật thọ ký cho ông, ở trong cõi người thọ hưởng phước trời. Tấm vải tốt đẹp này là của ông, ta trả lại cho ông.

Trưởng giả Quang Minh cúi mình đưa tay đón nhận tấm vải ấy. Nhận rồi, xem đúng là của mình, liền tâu vua:

–Đây là khăn sạch tôi dùng ở nhà, mới vừa đem phơi nắng, gió bay đến đây. Việc ấy đúng là thật.

Vua bảo Trưởng giả:

–Phật thọ ký cho ông thọ hưởng phước trời, hiện tướng an lành. Lời Phật chắc thật, việc ấy đúng vậy.

Lại nói với Trưởng giả:

–Bây giờ tướng tốt của ông đã được như vậy, sao không mời vua đến nhà ông xem qua một lượt?

Trưởng giả tâu:

–Nay tôi may mắn, xin được mời vua đến nhà.

Vua nói:

–Trưởng giả! Ông nên về trước chuẩn bị các thức ăn uống.

Trưởng giả tâu:

–Đại vương! Người thọ hưởng phước trời, không cần làm mà tự nhiên có, rất may mắn mời vua đến nhà.

Vua Tần-bà-sa-la cùng quần thần thân cận đến nhà Trưởng giả Quang Minh. Trưởng giả dẫn đường cho vua tới nhà mình.

Vua thấy ở ngoài cửa có đứa tớ gái giữ cửa, tướng mạo rất xinh đẹp lạ thường, bèn dừng lại giây lát. Trưởng giả tâu:

–Vì sao đại vương dừng lại đây mà không đi tiếp?

Vua nói:

–Trưởng giả, ta thấy vợ ông nên mới dừng lại đây.

Trưởng giả đáp:

–Đây là tớ gái giữ cửa, không phải vợ tôi.

Vua đi tiếp đến cửa giữa, thấy một tớ gái giữ cửa, vua cũng dừng lại không đi tiếp. Trưởng giả tâu:

–Vì sao vua lại dừng, không đi?

Vua trả lời như trước. Trưởng giả tâu:

–Đó không phải là vợ tôi, mà là đứa tớ gái giữ cửa giữa.

Vua lại tiến vào cửa bên trong, thấy trên đất có báu ma-ni, nước chảy, cá và các loại côn trùng. Vua cho đó là cái ao, cũng dừng lại giây lát.

Trưởng giả tâu:

–Sao đại vương dừng ở đây không đi?

Vua đáp:

–Nơi đây có nước, nên ta không đi tiếp.

Trưởng giả tâu:

–Đại vương, nơi đây không có nước, chỗ đất này làm bằng báu ma-ni.

Vua nói:

–Trưởng giả, nếu là đất báu, sao có các tướng nước chảy, có cá và côn trùng.

Trưởng giả tâu:

–Đại vương, trên có chạm khắc hình bánh xe quay, cá và côn trùng... Do ánh sáng của báu ma-ni phản chiếu cho nên thấy như vậy.

Vua nghe vậy nhưng chưa tin, liền rút chiếc nhẫn đeo tay của mình ném xuống đất. Chiếc nhẫn va vào đất phát ra tiếng, vua mới tin đó là đất báu ma-ni.

Vua Tần-bà-sa-la vào nhà, ngồi trên tòa Sư tử, vợ của Trưởng giả ra bái chào vua, bỗng nhiên rơi nước mắt.

Vua hỏi:

–Trưởng giả, vì sao vợ ông thấy ta lại rơi nước mắt?

Trưởng giả tâu:

–Đại vương! Vợ tôi bái chào vua, đâu dám rơi nước mắt. Do vì vua mặc áo có hơi khói củi nên mắt cay mà chảy nước mắt. Đại vương, vậy nên người hưởng phước trời muốn ăn uống gì đều có báu như ý, tự nhiên hiện ra.

Vua Tần-bà-sa-la ở nhà Trưởng giả đã bảy ngày, quên trở về cung điện. Khi ấy, các quan đồng liêu cùng đến chỗ Thái tử A-xà-thế tâu:

–Đã bảy ngày vua ở nhà của Trưởng giả Quang Minh. Việc triều chính trong nước bị bỏ bê. Thái tử nên đến mời vua trở về cung.

Thái tử A-xà-thế liền đến nhà Trưởng giả Quang Minh, tâu với vua cha:

–Sao phụ vương không trở về cung? Việc lớn trong nước đã bị bỏ bê.

Vua nói:

–Ta ở một ngày nơi nhà này, việc trong nước ngươi há không thể làm thay ta sao?

Thái tử tâu:

–Phụ vương nên biết, đã bảy ngày ở nhà này rồi.

Vua nghe nói, nhìn Trưởng giả Quang Minh, hỏi:

–Có thật vậy không?

Trưởng giả tâu:

–Đúng vậy, thưa đại vương, đã qua bảy ngày rồi.

Vua nói:

–Trưởng giả, trong nhà của ông xem vào hiện tượng gì để phân biệt ngày đêm?

Trưởng giả đáp:

–Theo hoa khép, hoa nở để phân biệt ngày đêm.

Theo tiếng chim lạ hót và chim không hót để phân biệt ngày đêm.

Theo ánh sáng của châu báu ma-ni hiện và không hiện để phân biệt ngày đêm.

Hoặc có hoa khép lại nhưng không phải đêm, có hoa nở nhưng không phải ngày.

Ánh sáng của các báu không hiện ra nhưng không phải đêm, có ánh sáng của các báu hiện ra mà không phải ngày.

Chim lạ yên lặng mà không phải đêm, có tiếng chim lạ hót nhưng không phải ngày.

Vua Tần-bà-sa-la nghe việc này rồi, nói với Trưởng giả Quang Minh:

–Ta tin lời Phật chân thật không dối. Phật đã nói: Ông ở trong loài người thọ hưởng phước trời. Việc ấy đúng như thật.

Vua Tần-bà-sa-la nói xong, ra khỏi nhà Trưởng giả.

Lúc Thái tử A-xà-thế sắp ra khỏi nhà của Trưởng giả Quang Minh, đã lén lấy một hạt châu ma-ni tên Phiến hằng, đưa cho người hầu giữ. Về lại cung vua rồi kêu người ấy đến bảo:

–Ta đã đưa hạt châu ma-ni cho ngươi, ngươi nên mang đến đây. Ta muốn xem kỹ.

Người hầu mở tay muốn dâng lên Thái tử, nhưng không thấy hạt châu ấy, liền tâu:

–Không biết hạt châu ấy mất ở nơi nào.

Lúc đó, thái tử liền lấy chùy đánh người hầu. Trưởng giả Quang Minh dùng phước lực cõi trời biết được việc ấy, bèn đến hỏi thái tử:

–Vì sao lại lấy chùy đánh người hầu này?

Thái tử đáp:

–Vừa rồi, ở nhà ông, tôi lén lấy hạt châu ma-ni đưa cho kẻ hầu này, nay bỗng mất đi. Tôi đã lấy trộm, người này còn trộm lại. Tội ấy càng nặng, cho nên đánh bằng chùy.

Trưởng giả tâu:

–Ông lấy châu của tôi, không gọi đấy là trộm. Nay đã không thấy, cũng không phải là người khác trộm. Hạt châu này đã trở lại ở nhà tôi. Vì sao? Người hưởng phước trời mới có thể dùng được. Nếu thái tử muốn cần điều gì, tôi sẽ dâng cho, không tiếc gì cả.

Thái tử A-xà-thế sinh lòng nghi ngờ, nghĩ: "Hiện nay đối với Trưởng giả này, ta chưa muốn lấy gì. Sau khi cha ta - vua Tần-bà-sa-la băng hà - ta mới mong cầu các tài sản vật báu của ông ta." Nghĩ rồi, thái tử A-xà-thế cùng với Đề-bà-đạt-đa lập mưu hại chết vua cha.

Sau khi giết cha rồi, tự làm lễ quán đảnh để lên ngôi. Khi lên ngôi, ông cho mời Trưởng giả Quang Minh đến và nói:

–Trưởng giả là anh ta. Ta muốn đến ở nhà ông và hễ có chỗ nào cần, ông nên cung cấp cho ta.

Trưởng giả Quang Minh suy nghĩ: "Vua Tần-bà-sa-la dùng chánh pháp trị đời. Người này hung ác, lại bạo ngược, giết phụ vương của mình,

tự mình làm lễ quán đảnh để lên ngôi vua. Giờ ở trước ta nói ra lời kiêu mạn, muốn ở nhà ta, ta cũng nên thuận theo. Nếu làm trái, người này sẽ nhân đó hại cả gia tộc của ta."

Nghĩ rồi, liền tâu:

–Đại vương! Tôi biết lòng đại vương có điều mong muốn. Mong rằng trước hết đại vương đến nhà tôi, hễ cần gì tùy ý lấy dùng. Sau tôi sẽ đến cung vua.

Vua A-xà-thế nói:

–Nếu được như vậy rất là tốt.

Khi vua nghị bàn rồi, đến nhà Trưởng giả trước. Trưởng giả lại trở về cung vua.

Trưởng giả có tướng đặc biệt an lành của hàng trời, người. Trưởng giả đi tới nơi nào, các kho vật báu cũng đều đến theo.

Vua A-xà-thế ở nhà Trưởng giả, thấy kho châu báu bảy lần hiện ra, bảy lần biến mất. Thái tử nghĩ: "Các kho vật báu trong nhà này đều đi theo ông ấy, ta không thể có được. Ta nên bày mưu kế khác: Bèn sai một số người hung ác chở đầy một xe đưa đến nhà Trưởng giả Quang Minh để lấy trộm châu báu."

Số người ấy đến nơi rồi, bày kế để rình lấy trộm châu báu.

Lúc ấy, Trưởng giả Quang Minh ở trên lầu cao có các hầu gái thân cận. Khi đó, các hầu gái thấy những người trong xe ấy, họ đã biết là kẻ hung ác, đến rình lấy trộm châu báu.

Các hầu gái thấy rồi, cười chỉ họ mà nói:

–Đây là kẻ trộm cắp hung ác.

Trưởng giả nghe cười nói, bỗng hiểu rõ mọi việc.

Các người trộm kia ẩn núp suốt đêm. Đến sáng sớm, nhiều người cùng thấy họ, đồng lòng xướng lên:

–Vua A-xà-thế là người nghịch ác, giết hại phụ vương. Nay lại sai các người ác đến trộm cắp châu báu nhà Trưởng giả.

Khi vua A-xà-thế biết việc này, sai người đến chỗ Trưởng giả Quang Minh và nói:

–Vì sao Trưởng giả khinh chê người của ta?

Trưởng giả Quang Minh biết ý vua, liền sai đuổi các người ác đi khỏi hết.

Rồi Trưởng giả tự nghĩ: "Vua A-xà-thế rất nghịch ác, giết hại phụ

vương. Có phải sau này cũng làm việc giết hại với ta không? Ta phải xả bỏ những gì đã có. Nhớ lời trước Phật đã thọ ký: Ở trong pháp Phật xuất gia học đạo, dứt các phiền não, chứng A-la-hán. Ta nên xuất gia theo Phật.” Nghĩ xong, liền đem kho báu làm các việc từ thiện, đem ban cho khắp cả, đem lợi lạc đến khắp mọi người.

❑

KINH NHÂN DUYÊN QUANG MINH ĐỒNG TỬ

QUYỂN 4

Bấy giờ, Trưởng giả Quang Minh làm các việc từ thiện ban phát những lợi lạc với mọi người, nhưng không cho các người thân thuộc biết, làm xong việc, ông âm thầm đến chỗ Phật. Đến rồi, đầu mặt sát đất lễ chân Thế Tôn và bạch:

–Xin Phật Thế Tôn ban cho con được lợi lành. Con muốn xuất gia, ở trong pháp Phật, thọ đầy đủ giới, làm Tỳ-kheo, tịnh tu phạm hạnh. Xin Phật mở lòng thương lớn thâu nhận con.

Phật bảo:

–Lành thay! Hãy đến trong pháp của ta và siêng tu phạm hạnh.

Phật vừa nói xong, râu tóc Trưởng giả Quang Minh tự nhiên rụng, thành tướng Tỳ-kheo, thân đắp y Tăng-già-lê, bưng bình bát.

Qua bảy ngày đêm, tâm ở trong sự suy nghĩ chân chánh sáng suốt tu phạm hạnh và những phép tắc oai nghi như người trăm tuổi hạ.

Phật đem y Tăng-già-lê che trên đỉnh đầu Tỳ-kheo Quang Minh, các căn đều vắng lặng, một lòng ở trong chánh pháp.

Bấy giờ, trong hư không có tiếng khen ngợi:

–Ở vào thời có Phật, Tỳ-kheo Quang Minh tròn đầy ý nguyện, lại phát sinh ý chí mạnh mẽ chắc chắn, xem xét năm đường sinh tử luân hồi, xoay vần chuyển động không lúc nào ngừng. Các nghiệp của chúng sinh mỗi loài khác nhau, hiện rõ trong sự sống chết. Chỉ có chánh pháp của Phật mới có thể giải thoát.

Quan sát vậy rồi thấy pháp bốn Đế, hiểu rõ sinh tử, xa lìa tưởng tham ái của ba cõi. Xem các vật báu vàng ròng cũng như đất bùn, dứt các phiền não, chứng quả A-la-hán, đều đầy đủ ba minh, sáu thông cao tột không ai bằng, bay đi trên hư không tự tại như ý. Tất cả tiếng khen và lợi dưỡng ở đời không tham đắm. Chư Thiên, Thích, Phạm đều đến cúng dường.

Khi ấy, các chúng Tỳ-kheo trong hội thấy sự việc này sinh lòng nghi

ngờ, cùng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Quang Minh này vì nhân duyên gì khi chưa xuất gia, ở trong cõi người thọ hưởng được phước trời. Vào trong pháp Phật, vừa mới xuất gia liền trừ tất cả phiền não, chứng A-la-hán?

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo Quang Minh này đời trước căn lành đã thuần thục, đã được lợi ích, chắc chắn như vậy. Cho nên Tỳ-kheo Quang Minh vì duyên thiện đó mà được quả như thế.

Các Tỳ-kheo nên biết! Các quả báo của nghiệp đều do nguyên nhân tự mình làm ra, không phải được thành tựu do địa giới bên ngoài, cũng không phải do đất, nước, gió, lửa, không phải được thành tựu do các uẩn, xứ, giới. Thiện hay ác đều do nghiệp của chính mình mà nhận lấy quả báo.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói kệ khen ngợi:

Tất cả chúng sinh đã tạo nghiệp
Trải qua trăm kiếp cũng không mất
Đến một lúc nhân duyên hòa hợp
Sẽ theo đó nhận lấy quả báo.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông lắng nghe! Tỳ-kheo Quang Minh do nhân duyên nơi đời quá khứ, cách đây chín mươi mốt kiếp, có Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Đức Phật đó cùng với sáu trăm hai mươi vạn chúng Tỳ-kheo đi khắp trong thành của nước lớn Mãn-độ-ma-để, rồi ở lại một nơi.

Vua của nước ấy tên là Mãn-độ-ma, rất tin chánh pháp, dùng chánh pháp trị nước. Đất nước rộng lớn, dân chúng hùng mạnh, giàu có, an ổn, không có các nạn bệnh khổ, đói khát, cũng không có chiến tranh oán hại, trộm cắp, sợ hãi. Muôn dân hòa thuận, đầy đủ tướng thiện.

Trong thành ấy, có một Trưởng giả tên là Tích Tài, tin tưởng chánh pháp. Nhà giàu có, của báu vô lượng, ngang bằng Thiên vương Tỳ-sa-môn. Bấy giờ, Trưởng giả biết Như Lai Tỳ-bà-thi và chúng Tỳ-kheo đã đến trong thành, liền nghĩ: "Ta muốn mời Phật và chúng Tỳ-kheo để cúng dường các thức ăn uống và nhà ở trong ba tháng." Nghĩ xong liền đến chỗ Phật, đầu mặt làm lễ dưới chân Phật, lui ra ngồi qua một bên.

Phật Tỳ-bà-thi liền tùy theo ý Trưởng giả chỉ dạy pháp thiện lợi,

giảng nói các điều quan trọng.

Trưởng giả Tích Tài nghe chánh pháp rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục ngay ngắn, chắp tay hướng về Phật và thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nay con thỉnh mời Phật và chúng Tỳ-kheo đến nhà con. Con xin cúng dường trong ba tháng các thức ăn uống và nhà ở. Tất cả các nhu cầu đều cung cấp đầy đủ. Xin Phật mở lòng thương nhận lời con thỉnh mời.

Phật Tỳ-bà-thi im lặng.

Trưởng giả Tích Tài thấy Phật im lặng, biết Phật đã nhận lời, lòng rất vui mừng, đầu mặt lễ sát chân Phật, ra khỏi hội Phật, trở về nhà mình.

Lúc ấy, vua Mãn-độ-ma nghe Phật Tỳ-bà-thi và sáu trăm hai mươi vạn chúng Tỳ-kheo đến thành của nước mình, liền nghĩ: "Nay ta sẽ thỉnh mời Phật và chúng Tỳ-kheo về trong cung để cúng dường các thức ăn uống và nhà ở an cư trong ba tháng. Tất cả nhu cầu sẽ tùy theo mà cung cấp đủ." Nghĩ xong, cùng quan hầu thân cận đến nơi Phật. Đến rồi, đầu mặt lễ sát chân Phật, rồi lui xuống ngồi một bên.

Lúc ấy, Phật tùy theo ý muốn, chỉ dạy thiện lợi, giảng pháp chính yếu. Vua nghe rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay hướng về Phật, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nay con thỉnh Phật và chúng Tỳ-kheo đến trong cung. Con xin cúng dường thức ăn uống trong ba tháng an cư. Tất cả nhu cầu ăn uống, y phục, thuốc thang, giường nằm, tùy theo đó mà cung cấp cúng dường đầy đủ. Xin Phật mở lòng lành thương xót nhận lời con thỉnh mời.

Phật bảo:

–Này đại vương! Ta đã nhận lời thỉnh mời của Trưởng giả Tích Tài trước rồi.

Vua thưa:

–Xin Phật đến cung, con xin cúng dường thức ăn uống. Con sẽ ra lệnh cho Trưởng giả Tích Tài.

Phật bảo:

–Đại vương! Theo pháp thì không nên làm trái lời đã thỉnh mời trước.

Vua Mãn-độ-ma đầu mặt lễ sát chân Phật Tỳ-bà-thi, rồi từ hội Phật trở về cung, rồi sai sứ đến nhà Trưởng giả Tích Tài, truyền lệnh vua:

–Ông nên biết! Vua đã thỉnh Phật Tỳ-bà-thi và chúng Tỳ-kheo trước. Ông có thể làm thức ăn cúng dường vào một ngày khác.

Trưởng giả Tích Tài nói với sứ giả:

–Xin vua xót thương, tôi đã thỉnh mời Phật và chúng Tỳ-kheo trước.

Sứ giả trở về tâu vua. Vua lại sai sứ đến nói với Trưởng giả:

–Nay ông ở trong nước ta, theo lý thì nên để cho ta thỉnh Phật trước.

Trưởng giả nói với sứ giả:

–Nếu đại vương nói ở trong nước vua, vua phải được thỉnh trước, về lý thật không đúng. Xin vua chớ nên gây trở ngại.

Sứ giả trở về tâu lại như vậy. Vua lại sai sứ giả nói với Trưởng giả:

–Nên biết! Giả như ngươi có thỉnh rồi, ta cũng không gây trở ngại. Nhưng nếu ngươi có thể làm thức ăn thơm ngon, Phật sẽ tự đến.

Trưởng giả Tích Tài nghe nói, liền ngay đêm ấy, dùng củi thơm để đốt nấu làm ra các thứ thức ăn uống sạch sẽ, mùi vị thơm ngon. Vua Mãn-độ-ma ở trong cung cũng làm các thức ăn uống.

Đến sáng sớm ngày hôm sau, trong nhà Trưởng giả đã trải bày giường tòa trang nghiêm tốt đẹp và những bình nước sạch. Sắp xếp xong rồi, sai người đến chỗ Phật, bạch với Phật:

–Thức ăn uống đã làm xong, giờ ăn cũng đã đến. Xin Phật đến dự. Nay đã đúng lúc.

Bấy giờ, Phật Tỳ-bà-thi cùng chúng Tỳ-kheo đúng giờ, đắp y, bưng bình bát đến nhà Trưởng giả Tích Tài, nhận sự cúng dường.

Đến nơi, trước tiên Phật rửa chân, rồi ngồi trên tòa tốt đẹp nhất. Các chúng Tỳ-kheo mỗi người cũng đều rửa chân, ngồi theo thứ tự. Trưởng giả Tích Tài chắp tay cung kính, lễ sát chân Phật. Lễ rồi, tự bưng thức ăn thơm ngon dâng lên Phật Thế Tôn và lần lượt dâng đến các Tỳ-kheo.

Phật và chúng Tỳ-kheo ăn xong, thâu lấy y bát, rửa tay sạch sẽ, lần lượt ngồi yên lặng. Trưởng giả Tích Tài cũng ngồi cung kính ở trước Phật, lắng nghe Phật nói pháp.

Khi đó, Phật Tỳ-bà-thi tùy theo khả năng của Trưởng giả Tích Tài, chỉ dạy lợi hành, giảng nói pháp chính yếu. Trưởng giả nghe pháp rồi rất vui mừng, đảnh lễ sát chân Phật. Trưởng giả Tích Tài cúng dường xong rồi, Phật ra khỏi nhà ông ấy.

Lúc này, vua Mãn-độ-ma còn ở trong cung làm thức ăn uống, muốn cho hơn Trưởng giả. Vua bảo cận thần:

–Ở trong cung ta, quyến thuộc phi tần rất đông. Người nào làm thức ăn thơm ngon hảo hạng hơn Trưởng giả Tích Tài?

Cận thần tâu:

–Đại vương phải cấm các người bán củi. Trưởng giả sẽ không có củi

để nấu được thức ăn ngon cúng dường Phật.

Vua y như lời nói, ra lệnh cấm bán củi. Nếu người nào cố bán sẽ bị đuổi ra khỏi nước.

Trưởng giả Tích Tài nghe có lệnh cấm bán củi, sinh lòng tức giận, nói:

–Trong nhà của ta đã có gỗ thơm, còn cần gì củi, để đốt thân mình sao?

Trưởng giả ở nhà, lấy gỗ hương và dùng dầu thơm đốt nấu làm thức ăn. Mùi thơm ấy tỏa khắp trong thành lớn.

Vua Mãn-độ-ma nghe mùi thơm này, hỏi cận thần:

–Mùi thơm này từ nơi nào bay đến?

Cận thần thưa:

–Mùi thơm này từ nhà của Trưởng giả Tích Tài, ông ấy đem gỗ thơm đốt nấu làm thức ăn uống nên các mùi thơm ấy bay đến nơi này.

Vua nghe nói thế, biết Phật đã nhận lời thỉnh mời và đã đến nhà của Trưởng giả, liền buồn rầu bảo với cận thần:

–Trong cung của ta sao không có gỗ thơm?

Cận thần tâu:

–Ngoài chợ không có gỗ thơm, làm sao ông ta có được? Đại vương nên biết! Trưởng giả Tích Tài nhà tuy giàu có nhưng không có con, sau khi qua đời sẽ không có người nối nghiệp, mọi thứ hiện có ở đấy sẽ thuộc về đại vương.

Vua Mãn-độ-ma dù nghe nói vậy nhưng cũng không vui.

Cận thần tâu:

–Đại vương đừng nên buồn rầu. Người nên thỉnh mời Phật để cúng dường vào ngày khác như đã muốn. Thần sẽ có cách làm hơn Trưởng giả kia.

Khi cận thần nói vậy rồi, vua liền ra lệnh những người ở trong thành Mãn-độ-ma-đề, phải dọn sạch hết tất cả cát, đá, sỏi và các vật dơ nhớp, dùng nước thơm Chiên-đàn rảy cho thơm, đốt các hương thơm, đem các đồ quý báu, chân châu treo khắp nơi, trồng các cờ phướn, rải đủ các loại hoa, tất cả giống như vườn Hoan hỷ ở cõi trời không khác, luôn trong sáng, trang nghiêm đầy đủ các báu. Trang trí tòa ngồi rất rộng lớn, bằng đủ các thứ báu tốt, đầy đủ các thức ăn mùi thơm ngon thượng hạng, hương sắc trong sạch, mùi vị ngon như mùi vị tô-đà ở cõi trời. Thức ăn như vậy đáng nên cúng dường ba cõi trung tôn.

Sắp đặt xong rồi, các cận thần tâu:

–Thành lớn này trong ngoài đều sạch sẽ, các thứ đều trang nghiêm. Thức ăn hảo hạng đều đã làm xong. Xin vua thỉnh mời Phật về để cúng dường.

Vua Mãn-độ-ma thấy việc này lòng rất vui mừng, bèn sai sứ giả đến chỗ Phật Tỳ-bà-thi, bạch với Phật:

–Xin Phật đến dự bữa cơm đã làm xong. Nay là đúng lúc.

Bấy giờ, Phật Tỳ-bà-thi và chúng Tỳ-kheo đắp y, bưng bình bát đến cung vua Mãn-độ-ma nhận sự cúng dường.

Đến nơi, trước tiên Phật rửa chân, ngồi trên tòa tốt nhất và cao đẹp nhất. Các chúng Tỳ-kheo cũng rửa chân, ngồi theo thứ tự.

Vua Mãn-độ-ma bưng bình báu an lành, từ Phật trở xuống, dâng nước rửa đều khắp. Nhờ thần lực của Phật, có rồng an lành đứng giữa hư không, cầm trăm cái lọng che trên đỉnh đầu Phật Thế Tôn và các Tỳ-kheo. Đại phu nhân của vua cầm quạt làm bằng các thứ vàng, châu báu trang nghiêm tốt đẹp đứng hầu một bên Phật.

Các cung tần khác cũng cầm quạt báu, đứng hầu bên các Tỳ-kheo.

Vua Mãn-độ-ma làm lễ dưới chân Phật. Lễ rồi, bưng thức ăn thơm ngon hảo hạng, kính dâng Thế Tôn, sau đó dâng đến các Tỳ-kheo.

Khi ấy, Trưởng giả Tích Tài biết Phật cũng đến nơi vua Mãn-độ-ma mời thỉnh. Ông liền sai người đến đó, lén xem các việc được xếp bày, các thức ăn uống ngon dở ra sao.

Người này đến chỗ vua, thấy hết các việc đẹp đẽ lạ kỳ như vậy nên quên, ở lại không về.

Trưởng giả sai thêm người thứ hai đi, cũng lại không về.

Cuối cùng Trưởng giả tự đi đến nơi ấy.

Đến nơi, thấy các việc cúng dường thật đầy đủ, bèn nghĩ: "Trong cung vua được sắp đặt như vậy, không biết là do người nào làm? Nhà ta không có người nào làm được như vậy."

Nghĩ rồi, trở về nhà mình, nói với người giữ kho:

–Ông có thể lấy vàng bạc, châu báu treo ở trên cửa, có người đến cầu xin gì thì cho, không cần dẫn vào đây, ta không muốn gặp.

Trưởng giả Tích Tài nói xong, vào nhà, ngồi yên một chỗ, ưu sầu buồn bã. Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích dùng Thiên nhãn quan sát, thấy việc này rồi nghĩ: "Trong cõi này, Trưởng giả Tích Tài là người đã bố thí cúng dường Phật Tỳ-bà-thi, là thí chủ đứng hàng đầu, có lòng tin trong sáng. Ta

nên biến thân mình để giúp đỡ ông ấy.”

Nghĩ rồi, Thiên chủ Đế Thích ẩn thân hiện ra tướng Bà-la-môn, đến chỗ của Trưởng giả Tích Tài nói với người giữ cửa:

–Ông vào nhà báo với Trưởng giả: Có Bà-la-môn, dòng Kiều-thi-ca đang ở ngoài cửa, muốn gặp Trưởng giả.

Người giữ cửa nói:

–Trưởng giả đã dặn: “Nếu có người đến xin, cần gì thì cho, không nên dẫn vào.” Ông là Bà-la-môn, nếu muốn gì, nên lấy đi, sao lại đòi gặp Trưởng giả?

Bà-la-môn nói:

–Ta không xin các thứ đồ vật, chỉ muốn xin gặp Trưởng giả. Ông nên vì tôi mau vào báo rõ.

Người giữ cửa vào thưa:

–Có một người Bà-la-môn dòng Kiều-thi-ca đang ở ngoài cửa, muốn gặp Trưởng giả.

Trưởng giả bảo:

–Ngươi có thể nói với Bà-la-môn: Nếu có xin gì nên lấy đi, sao lại đòi gặp ta?

Người giữ cửa ra nói lại như vậy.

Bà-la-môn lại nói:

–Ta không xin gì. Chỉ muốn được gặp Trưởng giả.

Người giữ cửa lại vào thưa Trưởng giả. Trưởng giả đồng ý cho người ấy vào gặp.

Bà-la-môn vào rồi, nói với Trưởng giả:

–Vì sao ông buồn rầu không vui? Có điều gì lo âu phải không?

Lúc đó, Trưởng giả nói kệ:

Ta không nói việc buồn
Nói cũng không thể thoát
Nếu làm ta thoát được
Ta sẽ nói với ông.

Bà-la-môn nói:

–Ông hãy nói rõ nguyên nhân buồn rầu, tôi sẽ giải tỏa việc ấy cho ông.

Trưởng giả Tích Tài nói hết nguyên nhân rồi, Thiên chủ Đế Thích liền thâu tướng Bà-la-môn, hiện trở lại thân của mình, nói với Trưởng giả:

–Tôi là Thiên chủ Đế Thích. Tôi sẽ sai Thiên tử Tỳ-thủ-yết-ma đến giúp cho ông làm thức ăn thơm ngon để cúng dường Phật.

Nói rồi, ẩn về cung trời, truyền lệnh cho Thiên tử Tỳ-thủ-yết-ma:

–Ông đến nhà của Trưởng giả Tích Tài bí mật giúp làm thức ăn cúng dường Phật, không phải là tốt sao?

Thiên tử vâng lệnh Thiên chủ Đế Thích, dùng thần lực xuống giúp đỡ cho Trưởng giả. Dùng sức thần thông biến thành rộng lớn, làm cho thảy đều trong sáng, xếp bày các thứ vật dụng châu báu thật trang nghiêm tốt đẹp, như cảnh ở cõi trời. Tòa báu giống cõi trời, thức ăn ngon cõi trời thảy đều đầy đủ. Có vua rồng Ái-la-phược-nỗ đứng trong hư không cầm trăm lọng che trên đỉnh đầu Phật.

Các rồng an lành, mỗi con cầm một cái lọng che trên đỉnh đầu các Tỳ-kheo. Có đồng nữ cõi trời cầm quạt bằng vàng báu trang nghiêm cao tột đứng hầu bên Đức Phật. Các Thiên nữ khác cũng cầm quạt báu đứng bên các Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Trưởng giả Tích Tài bưng các thức ăn thơm ngon cung kính dâng lên Phật và chúng Tỳ-kheo.

Lúc ấy, vua Mãn-độ-ma bảo sứ giả:

–Ông đến nhà Trưởng giả Tích Tài, lén xem nhà ấy xếp bày thức ăn và các thứ trang nghiêm ra sao?

Sứ giả vâng lệnh, đến nhà Trưởng giả, thấy hết các việc trang nghiêm, xem xong quên trở về. Vua lại sai người khác đi, cũng quên trở về. Thái tử đi, cũng không về. Cuối cùng, vua tự đến nơi ấy, lén đứng bên ngoài cửa.

Bấy giờ, Phật Tỳ-bà-thi biết vua ở bên ngoài, mới bảo Trưởng giả Tích Tài:

–Trước, ông nói lời không tốt với vua Mãn-độ-ma, ấy thật là tội lỗi. Nay vua ở ngoài cửa nhà ông, ông mau ra xin tạ tội.

Trưởng giả liền ra ngoài, thấy vua rồi xin tạ tội, rước vua vào. Vua vào nhà, thấy các thức ăn thơm ngon, các thứ trang nghiêm tốt đẹp ở cõi trời. Thấy xong, đều quên hết các việc trước kia.

Vua nói với Trưởng giả:

–Ông đã cúng dường Phật các thứ cao tột như vậy. Nếu như mỗi ngày có thể cúng dường Phật và chúng Tỳ-kheo thì không có gì so sánh được.

Trưởng giả Tích Tài lòng sinh thanh tịnh, lễ trước chân Phật, phát

nguyện:

–Xin cho con nhờ phước đức cúng dường Phật và chúng Tỳ-kheo, như là đã làm căn lành, đời sau sẽ được giàu có tự tại, đầy đủ tất cả. Sinh vào nơi nào trong cõi người cũng đều được thọ hưởng phước trời, không sinh lòng tham lam, xa lìa nghiệp tham, được pháp thiện lợi như ngày hôm nay. Ở trong chánh pháp của Phật, theo Phật xuất gia.

Phát nguyện xong, Phật Tỳ-bà-thi và chúng Tỳ-kheo đến nhà Trưởng giả an cư trong ba tháng.

Bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni bảo các Tỳ-kheo:

–Ý các ông như thế nào? Lúc ở trong pháp hội của Phật Tỳ-bà-thi, Trưởng giả Tích Tài đâu phải người nào khác, nay chính là Tỳ-kheo Quang Minh. Vì khi ấy, nói lời không tốt với vua Mãn-độ-ma nên phải chịu quả báo: Trong năm trăm đời đều cùng mẹ bị lửa đốt. Cho đến đời này cũng lại như vậy. Nhưng do đời trước đã trồng căn lành, ở thời Phật Tỳ-bà-thi và phát nguyện lớn, nay đã thành thục, làm Trưởng giả giàu có, đầy đủ tất cả, ở trong cõi người thọ hưởng phước trời, làm việc thiện lợi cho đến các việc oai lực. Vào thời Phật Tỳ-bà-thi và cuối cùng đang ở trong pháp của ta xuất gia học đạo, dứt các phiền não, chứng A-la-hán.

Các Tỳ-kheo! Do nhân duyên này, các ông nên biết, tất cả chúng sinh nếu tạo một nghiệp đen, chắc chắn phải chịu một quả báo đen. Nếu tạo một nghiệp trắng, chắc chắn sẽ nhận được một quả báo trắng.

Vậy nên các Tỳ-kheo, Nghiệp nhân đen hoặc trắng, đều có một quả báo, chắc chắn không mất. Phải biết tất cả đều do mình đã làm ra. Tỳ-kheo các ông nên tu học như vậy.

Phật giảng nói kinh này xong, các chúng Tỳ-kheo đã nghe Phật nói đều rất vui mừng, tin nhận, vâng làm.

❑

SỐ 550

KINH KIM SẮC ĐỒNG TỬ NHÂN DUYÊN

Hán dịch: Đời Triệu Tống,
Sa-môn Duy Tịnh.

QUYỂN 1

Theo nghe như vầy:

Sau khi Tôn giả Đại Ca-diếp viên tịch, Tôn giả A-nan là người có đầy đủ oai đức và trí tuệ lớn không khác gì Tôn giả Xá-lợi Tử, cũng lòng lành như Phật thương xót, bảo vệ tất cả chúng sinh, có thể ở một nơi nào đó của xóm làng, thành ấp trong nước, tùy theo mỗi nơi, mỗi chỗ, dùng các phương tiện thù thắng để giáo hóa tất cả chúng sinh. Mãi đến về sau, các Tôn giả vì muốn giáo hóa cho vô lượng trăm ngàn chúng sinh, nên mới giảng nói chánh pháp, tuôn mưa cam lồ rót vào tâm trí, làm lợi lạc cho mọi người ở vườn cây Am-la thuộc thành lớn Quảng nghiêm.

Khi ấy, tại thành Vương xá, có thương chủ tên là Nhật Chiếu, của cải rất nhiều, quyến thuộc đông đúc, càng lúc càng phát triển, như là Thiên vương Tỳ-sa-môn. Do giàu có nên thương chủ lấy vợ thuộc dòng họ cao quý, cùng nhau vui hưởng an lạc, đã lâu mà không có con nối dõi tông đường, cả dòng tộc Trưởng giả rất mong nên buồn rầu.

Bấy giờ, trên cung trời Đao-lợi có một Thiên tử, đầy đủ oai lực và phước đức, phước báo ở cõi trời sắp hết, năm tướng suy đã hiện ra, nhưng vị ấy mong muốn được xem các tướng trang nghiêm của Phật, từ lúc xuất hiện ở đời cho đến khi nhập Niết-bàn, nên mong cầu tiếp tục thọ sinh trong loài người.

Khi ấy, Thiên chủ Đế Thích xem xét thấy Thiên tử kia sắp hết phước trời, muốn xem các tướng trang nghiêm của Phật, muốn tiếp tục thọ sinh trong loài người. Biết vậy, nên Thiên chủ nói với vị Thiên tử:

–Nếu ông muốn sinh trong loài người thì nên biết hiện trong thành Vương xá có thương chủ tên là Nhật Chiếu, ông có thể nhập vào thai vợ ông ta.

Thiên tử thưa:

–Xưa, con từng nghe vị thương chủ ấy không có lòng tin thanh tịnh đối với pháp Phật.

Đế Thích lại bảo:

–Ông hãy làm theo ta, ta có thể làm cho thương chủ Nhật Chiếu kia phát sinh lòng tin thanh tịnh đối với pháp Phật.

Thiên tử thưa:

–Con xin vâng lời Thiên chủ. Nếu thương chủ kia và vợ chính của ông ta trọn đời quy y Tam bảo thì con sẽ xả báo thân này sinh vào nhà kia.

Sau đó, Thiên chủ rời khỏi Thiên cung đến nhà thương chủ Nhật Chiếu. Đế Thích hiện trên không trung. Do sắc tướng, oai lực thần thông của Thiên chủ Đế Thích đã làm cho xung quanh nhà đều có ánh sáng lạ chiếu rực rỡ. Thương chủ Nhật Chiếu thấy ánh sáng rất lạ đẹp này, lúc đầu bất ngờ, sau thì vô cùng vui mừng, nhìn khắp bốn phương, quan sát kỹ thấy tướng thù thắng của Thiên chủ Đế Thích, liền cúi đầu làm lễ dưới chân, thưa:

–Bạch Thiên chủ! Hôm nay con được lợi ích hoàn hảo, được bậc Thánh tôn giáng xuống nhà con, chắc sẽ chỉ dạy điều gì, ban cho việc tốt lành gì đây?

Thiên chủ đáp:

–Này thương chủ! Ta biết ông không có con. Nếu ông mong cầu có con thì ông cùng với vợ chính, từ nay trở đi cho đến suốt đời phải phát lòng tin thanh tịnh, quy y Tam bảo tức sẽ sinh được quý tử.

Nghe rồi, thương chủ Nhật Chiếu rất an tâm, hớn hở vui mừng làm lễ, thưa:

–Bạch Thiên chủ! Chúng con sẽ vâng lời Thiên chủ dạy bảo. Từ nay cho đến suốt đời, vợ chồng chúng con đều phát lòng tin thanh tịnh, quy y Tam bảo.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích chỉ bày cho thương chủ Nhật Chiếu và vợ của ông ta phát lòng tin thanh tịnh, quy y Tam bảo, rồi biến mất khỏi thành Vương xá. Trở về cõi trời Đao-lợi, đến cung Thiên tử kia, hiện ra trước mặt, kể lại các việc như trên. Vị Thiên tử này, phước báo nơi cõi trời đã hết, liền xuống nhập vào thai vợ của thương chủ Nhật Chiếu trong thành Vương xá. Khi Thánh tử vào thai, tướng lạ hiện ra, tự nhiên trong thân của vợ thương chủ có đủ các tướng ánh sáng tốt đẹp, tâm ý vui vẻ, được nghe những hương thơm từ xa bay đến.

Trong thành của nước đó, những người vợ hiền ở trong nhà, đều có những hiểu biết rộng, những người này có năm tướng rất khác lạ. Năm tướng đó là:

1. Biết được điều người ưa thích.

2. Biết được điều người không ưa thích.

3. Biết đúng lúc.

4. Biết thời giờ một cách tường tận.

5. Biết các sự việc vào thai.

Sự việc vào thai là: Lúc vào thai, có thể biết khi sinh ra là trai hay gái. Nếu là bé trai thì nằm bên phải, nếu là bé gái thì nằm bên trái của thai.

Khi ấy, vợ ông ta rất vui mừng, thưa với chồng:

–Chàng nên biết: Hôm nay thiếp biết là đang mang thai một Thánh tử, bào thai đang lớn dần, nằm phía bên phải, sau này nhất định sẽ sinh con trai.

Người chồng nghe nói càng thêm vui mừng. Khi ấy, vợ của thương chủ cảm thấy nhẹ người, mới duỗi cánh tay phải và nói:

–Chúng ta lâu nay mong cầu có con, muốn thấy mặt con. Hôm nay thiếp đã có mang, hoặc đã sinh, hoặc chưa sinh, chúng ta phải nên làm việc phước thôi. Hãy gọi người giữ kho, lấy của cải ra, tùy theo đó mà ban cho, làm cho tộc họ chúng ta được thịnh vượng lâu dài. Vì sao? Vì đời trước chúng ta cũng đã làm việc phước đức, tùy theo khả năng mà ban cho hoặc nhiều hay ít, nên trong đời này được tiếng tốt theo ta đời đời không mất.

Bấy giờ, vợ của thương chủ đoán biết bào thai đang lớn dần, phải đến ở chỗ gác cao yên ổn lo giữ gìn chăm sóc, nuôi dưỡng. Tùy theo thời tiết lạnh hay nóng mà ăn uống những thức ăn cho phù hợp để nuôi dưỡng bào thai cho tốt, dùng thuốc dưỡng thai, ăn uống điều độ, không dùng thức ăn quá đắng, cay, chua, ngọt, mặn, lạt, sáu vị này bằng nhau, điều hòa không để sai lệch. Người mẹ còn dùng chuỗi bằng ngọc quý trang sức trên thân, trông giống như Thiên nữ, thường vui vẻ dạo chơi trong vườn. Chỗ nằm, ngồi tùy theo cao thấp đều thuận tiện, khi đi đứng không xúc chạm vào chỗ đất gồ ghề, cũng không nghe nhiều âm thanh không vừa ý. Đến khi bào thai đã đúng kỳ hạn hoặc mãn tám tháng hoặc mãn chín tháng, người mẹ sinh ra một Đồng tử tướng mạo khôi ngô tuấn tú, mọi người đều ưa muốn nhìn, thân thể xinh xắn, bụ bẫm, thân có ánh sáng màu vàng ròng, các bộ phận của cơ thể đầy đủ, nhìn rất vừa ý nên mọi người rất thích ngắm, có áo màu vàng ròng tự nhiên che thân, hương Chiên-đàn bay tỏa

khắp thân, miệng tỏa ra mùi hương của hoa Ưu-bát. Khi đứa bé sinh ra, trong nhà Trưởng giả lại có mưa các loại vải tốt đẹp, đều màu vàng ròng, hoa Ca-ni-ca xen nhau rơi xuống. Những tướng kỳ lạ hiếm có như vậy, hiện ra đầy khắp nhà thật là tốt đẹp. Thương chủ Nhật Chiếu, vợ và các quyến thuộc thấy sự việc này thảy đều kinh ngạc.

Lúc ấy, thương chủ ra đứng trước nhà xem xét cảnh vật bên ngoài càng thêm vui mừng. Thấy như vậy, thương chủ nghĩ: "Đứa bé này sinh ra, càng làm cho ta tăng lòng thành tín." Trưởng giả rất vui mừng, trở vào nhà, đến chỗ Đồng tử, thấy con mình tướng mạo rạng rỡ oai nghiêm đứng đắn nên càng thêm vui mừng và nói kệ:

Vui thay! Ta đang được lợi lành
Vui thay! Ý nguyện được thành tựu
Ngày nay sinh con đủ phước đức
Thế nên lòng ta rất vui mừng.

Nói kệ xong, do vui vẻ quá nên thương chủ lấy tất cả những y phục tốt đẹp nhất trong nhà đem cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn và họ hàng quyến thuộc cùng những người nghèo khổ, đơn côi, để tạo phước đức.

Khi Đồng tử sinh được hai mươi mốt ngày, thương chủ cũng đã làm tất cả việc phước đức rồi thì thân tộc tập hợp để đặt tên cho đứa bé. Có những người trong thân tộc nói:

–Đồng tử này thân có ánh sáng màu vàng ròng rực rỡ, chúng ta nên đặt tên cho Đồng tử là Kim Sắc. Mọi người đều đồng ý, bèn đặt tên là Kim Sắc.

Lúc ấy, thương chủ chọn tám người nữ làm dưỡng mẫu cho Đồng tử Kim Sắc. Hai người lo việc nuôi dưỡng, hai người lo việc tắm rửa, hai người cho bú mớm, hai người lo việc vui chơi. Do đó, Đồng tử được nuôi lớn nhanh như hoa sen sạch vượt lên khỏi nước bùn. Lớn lên Đồng tử được giáo dục, học tập các kỹ năng nghệ thuật như sách vở, toán số và các loại nghề nghiệp.

Họ bày ra các thứ như ghi chép tính toán sổ sách.

Bày ra các vật dụng.

Bày ra y phục.

Bày ra ngựa.

Bày ra xe cộ.

Bày ra châu báu.

Bày ra đồng nam.

Bày ra đồng nữ.

Bày ra tám thứ này để xét xem sở thích của Đồng tử.

Sau đó, Đồng tử đều thành tựu về kỹ thuật nghề nghiệp, lời nói thông suốt, tâm ý hiền lành, lòng tin thanh tịnh, đầy đủ phước đức lớn, làm lợi mình và lợi người, tu tập hạnh Từ bi, thành tựu các điều mong muốn, thương mến chúng sinh, trí tuệ thông suốt, hiểu rõ các sách vở. Đồng tử đầy đủ các sự nghiệp như vậy.

Khi ấy, thương chủ suy nghĩ: "Lúc này, những y phục, phước đức, oai lực, của cải, Đồng tử thảy đều đầy đủ. Tuy nhiên, ta không biết oai lực, phước đức này do đâu mà có. Chắc là do oai lực của ta quy y Tam bảo nên sinh ra đứa con được phước đức thù thắng này." Sau đó, thương chủ đối với pháp Phật càng thêm tin kính, nhờ đó mà từng lúc làm được nhiều việc Phật.

Bấy giờ, trong thành Vương xá có thương chủ tên là Ly Cấu, đi vào biển lớn thu được rất nhiều của cải, an ổn trở về, tổ chức lễ cúng dường Đức Thế Tôn và một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo tùy tùng, rồi lại cúng dường mỗi vị Tỳ-kheo ba y. Lúc ấy, danh tiếng về lòng tin thanh tịnh của thương chủ Ly Cấu vang khắp các chốn, mọi người đều khen ngợi, đều cùng nhau ca tụng ông:

–Thương chủ Ly Cấu không những rất giỏi việc buôn bán, mà còn vượt qua biển lớn đạt được rất nhiều lợi ích, còn đối với pháp Phật lại làm được nhiều việc Phật lớn lao.

Nghe lời nói này, thương chủ Nhật Chiếu nguyện sẽ làm theo như vậy, bèn suy nghĩ: "Ta sẽ làm theo như thế. Nếu vào biển lớn mà không có tai nạn được trở về thì ta nguyện sẽ cúng dường Phật và các chúng đệ tử Thanh văn có khắp trong cõi Diêm-phù-đề này, nhờ Phật ra lệnh nhóm họp lại một chỗ, ta sẽ đem dâng cúng đầy đủ những thức ăn hảo hạng và đến từng vị Tỳ-kheo cúng dường mỗi vị ba y tốt đẹp nhất." Nghĩ như vậy rồi, thương chủ đem ý nghĩ trên nói với vợ. Người vợ nói:

–Thưa phu chủ! Nếu có khả năng thì tùy theo sở nguyện của chàng, ắt sẽ thành tựu.

Khi ấy, thương chủ Nhật Chiếu liền rung chuông ba lần thông báo khắp trong thành Vương xá, rồi cùng năm trăm thương nhân tùy tùng lên đường vào biển lớn, được an ổn đến xứ kia.

Lúc này, Đức Thế Tôn đã vào Niết-bàn. Sau đó Tôn giả Đại Ca-diếp cũng nhập Niết-bàn. Mãi về sau ở tinh xá Trúc lâm, Đồng tử Kim Sắc nghe một vị Tỳ-kheo tụng kệ vô thường:

Ban ngày hay ban đêm
Khi đi hay đứng lại
Như sông lớn chảy nhanh
Nối tiếp không dừng nghỉ.
Đêm dài ngủ nghỉ quá
Mạng sống giảm dần theo
Giống như cá ít nước
Đâu có vui sướng gì.
Thân tướng này suy yếu
Bệnh tật phá hoại ngay
Như dê sắp bị giết
Không bao lâu mất mạng.
Thân này không sống lâu
Đất cùng sáu đại thành
Giống như ở đồng trống
Không nhà, không cửa nẻo.
Thân này có gì thích
Tuôn chảy các nhơ uế
Bệnh khổ luôn trói buộc
Già chết thường lo sợ.
Nay thân nhơ nhớp này
Bị bệnh liền tan rã
Được vắng lặng cao tột
Mới an vui bậc nhất.

Đồng tử Kim Sắc nghe kệ này rồi, đối với sinh tử hết sức nhàm chán, rất vui thích và luôn khen ngợi Niết-bàn, liền làm lễ với Tỳ-kheo ấy và thưa hỏi:

–Thưa Thánh giả! Bài kệ vừa rồi con nghe Thánh giả tụng, lời này như thế nào?

Tỳ-kheo đáp:

–Con nên biết! Đó là lời dạy của Đức Phật.

Đồng tử nghe rồi đối với pháp Phật càng thêm tin tưởng, bèn hết lòng phát tâm xuất gia, ở trước vị Tỳ-kheo ấy cúi đầu cung kính làm lễ, thưa:

–Bạch Thánh giả! Nay con muốn xuất gia tu hạnh thanh tịnh. Nguyện xin Thánh giả tỏ lòng lành thương xót tiếp độ cho con được xuất gia.

Tỳ-kheo hỏi:

–Ông muốn xuất gia, cha mẹ ông có cho không?

Đồng tử thưa:

–Con chưa được lệnh của cha mẹ.

Tỳ-kheo nói:

–Ông hãy về thưa với cha mẹ. Nếu họ cho phép thì mới được xuất gia.

Đồng tử lại thưa:

–Con xin vâng theo lời Thánh giả dạy.

Khi ấy, Đồng tử Kim Sắc rất lo sợ và nhàm chán về sinh tử, một lòng ưa thích việc xuất gia, liền trở về nhà đến chỗ mẹ, cúi đầu làm lễ sát chân, thưa:

–Xin mẹ hiểu cho, con muốn xuất gia để được thanh tịnh, tu học pháp luật ở trong chánh pháp, xin mẹ cho phép.

Nghe rồi, người mẹ lo sợ, than thở, giải thích với con:

–Chỉ có mình con. Mẹ rất thương yêu. Con ưa thích thứ gì, mẹ đều chìu theo, vì sao con lại bỏ mẹ mà đi xuất gia?

Đồng tử thưa mẹ:

–Mẹ nên biết, những sự yêu thương rồi cũng phải xa lìa, ngay bây giờ, xin mẹ cho con được xuất gia tu học chánh pháp.

Người mẹ nghe rồi càng thêm buồn rầu, nghẹn ngào rơi lệ bảo con:

–Con nên biết, ở trước mẹ con đừng nói lần thứ ba, đừng làm cho mẹ tức giận.

Nói rồi người mẹ lại thầm nghĩ: "Nếu làm thế này chắc chắn không ngăn được ý muốn của con, mà nên bày cách nào để con bỏ ý nghĩ đó." Bèn bảo với con:

–Này Đồng tử! Cha con có lòng tin thanh tịnh, ở trong pháp Phật làm những việc Phật lớn lao, nay đã đi vào biển lớn, chẳng bao lâu nữa sẽ về. Con nên đợi cha về rồi, cha sẽ cho con xuất gia.

Đồng tử vì giữ hiếu với mẹ nên liền suy nghĩ: "Nếu ta xin nài mẹ mãi, chắc làm cho mẹ ta thêm khổ não, ta nên đợi cha về." Do đó, Đồng tử im lặng luôn vâng lời mẹ.

Bấy giờ, do tướng mạo đặc biệt tốt đẹp, nên Đồng tử Kim Sắc đi dạo chơi ở những ngả tư, đều được mọi người nhìn xem không chán.

Mẹ Đồng tử thấy vậy lại càng suy nghĩ: "Con ta tướng mạo mạnh mẽ tươi đẹp, được mọi người yêu mến, ưa thích, nhưng đối với việc thế

gian thì lại nhàm chán, do đó tâm ta rất lo âu. Đứa con này có khi sẽ bỏ ta xuất gia, vậy ta nên tìm cách ngăn lại. Nếu để nó đi thì sau sẽ khổ.”

❑

KINH KIM SẮC ĐỒNG TỬ NHÂN DUYÊN

QUYỂN 2

Về sau, Đồng tử Kim Sắc thường đến gần gũi với các Sa-môn, Bà-la-môn có trí tuệ để nghe họ thuyết giảng, lãnh thọ chánh pháp vi diệu giải thoát, hoặc là tự mình ghi chép kinh điển và làm nhiều việc Phật sự.

Thương chủ Nhật Chiếu có một khu vườn lớn ở ngoài thành Vương xá, nước chảy trong veo, hoa trái sum suê xanh tốt. Đồng tử Kim Sắc ngày ngày đến vui chơi, nghỉ ngơi ở đó, hoặc cũng làm nơi đọc tụng kinh điển.

Khi ấy, trong thành Vương xá có một kỹ nữ tên là Ca-thi Tôn-na-lợi, tuổi trẻ xinh đẹp, mọi người đều mến mộ.

Bấy giờ, có đại thần Dũng Lệ, ở nước của vua A-xà-thế, rất được nhà vua yêu mến trọng dụng. Ông ta rất mến người kỹ nữ xinh đẹp này, ngày ngày thường mời đến khu vườn của mình để vui thú đùa giỡn.

Vào một bữa nọ, cô Ca-thi Tôn-na-lợi trang điểm thật xinh đẹp, ra khỏi thành Vương xá để đến khu vườn của đại thần Dũng Lệ. Vừa mới ra đường, cô ta thấy Đồng tử Kim Sắc cũng đi ra ngoài thành Vương xá để đến khu vườn của thương chủ Nhật Chiếu, tướng mạo khôi ngô tuấn tú, thân lại có ánh sáng màu vàng rực rỡ, lại có áo màu vàng ròng mặc sẵn trên thân, nhìn rất vừa ý nên mọi người đều thích ngắm. Thấy rồi, cô kỹ nữ kia suy nghĩ: "Lạ thật! Tướng mạo sao mà đẹp như thế. Lạ thật! Lại có ánh sáng rực rỡ đầy oai lực không ai sánh bằng." Nghĩ xong, cô ta mặc sức nhìn ngắm, rồi lại suy nghĩ tiếp: "Đời này, cô nào có đủ phước đức mới được Đồng tử này làm chồng. Cô nào ít phước đức, khó được cùng bậc trượng phu kia vui thú với nhau. Bây giờ biết làm sao đây! Ta muốn kết duyên với Đồng tử, có trở ngại gì không? Vì sao? Vì trong các người đàn ông, chỉ có Đồng tử này là khôi ngô tuấn tú nhất. Bây giờ lòng ta rất thương mến, phải làm cách nào để ta được gần gũi." Ngay khi ấy, cô ta liền đến trước mặt Đồng tử, chú ý xem kỹ, rồi lại suy nghĩ tiếp: "Thân thể của Đồng tử này trang nghiêm, đầy đủ oai đức lớn, xả bỏ tà dục ô nhiễm ở thế gian, hướng đến Niết-bàn, chánh đạo chân thật. Dẫu ta có thương mến, người kia cũng không chấp nhận. Bây giờ ta không sợ bị xấu hổ, không đến khu vườn của đại thần Dũng Lệ nữa, mà nên đi theo đến chỗ anh ta ở." Nghĩ

rồi, cô ta liền âm thầm đi theo sau Đồng tử.

Biết việc này, Đồng tử vội vàng đi nhanh vào trong vườn, sai người giữ vườn đóng chặt cửa. Lúc ấy, nàng kỹ nữ Ca-thi Tôn-na-lợi ở ngoài cửa nói:

–Này Đồng tử! Vì lẽ gì mà chàng đóng cửa vườn. Thiếp đến đây vì chàng, sao lại cố chấp không để cho thiếp được chiêm ngưỡng, việc đó không nên.

Đồng tử im lặng không đáp.

Nàng kỹ nữ kia lại suy nghĩ: "Hôm nay, Đồng tử không ra là vì hai việc: Hoàn toàn không bị các dục lạc ở thế gian làm ô nhiễm, hoặc là bị ma quỷ nhập. Đối với tất cả những thứ như tướng mạo, nhan sắc, lời nói của ta đều không làm cho chàng chú ý. Nhưng bây giờ thì các cửa đã đóng kín, dẫu ta có tìm mưu kế hay bày ra đủ cách, cuối cùng cũng chỉ làm cho Đồng tử thêm ngăn chận thôi." Lúc này, ta chớ để cho những người hầu của Đồng tử biết, sáng sớm sẽ đi đến khu vườn trước, đứng ẩn nấp, Đồng tử ắt đến sau, lúc ấy ta có thể được gần gũi chàng.

Cô kỹ nữ suy nghĩ vậy rồi, liền trở về thành. Thế là ngày hôm ấy, cô kỹ nữ không đi đến khu vườn của đại thần Dũng Lệ. Cũng ngày hôm ấy, đại thần Dũng Lệ ở trong khu vườn suốt ngày dạo chơi, ngắm cảnh đến chiều tối, không thấy nàng kỹ nữ đến. Trông đợi đã lâu, về lại trong thành, Dũng Lệ liền sai người đến nhà cô kỹ nữ Ca-thi Tôn-na-lợi.

Người hầu đến nơi bảo:

–Này cô kỹ nữ! Vì sao hôm nay không đến khu vườn của đại thần Dũng Lệ?

Người kỹ nữ tìm cách đáp khéo léo:

–Ông có thể giúp tôi thưa với đại quan, hôm nay, tôi bị trúng gió chóng mặt, đau nhức đầu mắt, do đó không thể đến khu vườn được.

Người hầu nhận lời rồi chưa về kịp để trình lên. Người ở gần đấy lén nói với đại thần:

–Ngày hôm ấy, cô kỹ nữ kia đâu có bệnh gì. Chỉ vì cô ta đi đến khu vườn của Đồng tử Kim Sắc kia để dạo chơi, thế nên không tới khu vườn của đại thần được.

Khi nghe lời nói này, đại thần Dũng Lệ giận dữ, liền suy nghĩ: "Nếu nàng kỹ nữ Ca-thi Tôn-na-lợi kết thân với Đồng tử Kim Sắc kia thì thật là bất lợi cho ta." Do đó giận dữ càng khắc sâu trong lòng: "Ở đời đã nói người nữ là oan trái số một mà."

Khi ấy, đại thần bị lửa sân giận đốt cháy tim gan, rất bực tức, trằn trọc suốt đêm, nên mới sáng sớm đã kêu người hầu vào bảo:

–Ngươi hãy cầm kiếm đi theo ta, ra khỏi thành Vương xá, đến khu vườn của thương chủ Nhật Chiếu, ta có chút việc cần phải làm ngay.

Người hầu đáp:

–Con xin vâng lời.

Khi ấy, người hầu cầm kiếm đi theo đại thần Dũng Lệ, ra khỏi thành Vương xá, đến khu vườn của thương chủ Nhật Chiếu. Lúc ấy, nàng kỹ nữ Ca-thi Tôn-na-lợi trang điểm lộng lẫy cũng ra ngoài thành Vương xá, đến khu vườn của thương chủ Nhật Chiếu, cứ thế đi vào. Bỗng nhiên, nàng kỹ nữ thấy đại thần Dũng Lệ cũng có ở trong khu vườn, nên kinh sợ không biết trốn chỗ nào, mới tự nghĩ: "Hôm nay đối với ta, đại thần Dũng Lệ nhất định sẽ làm việc rất ác và bất lợi."

Thấy nàng kỹ nữ rồi, đại thần Dũng Lệ bị ngọn lửa sân giận đốt cháy tim gan, hiện ra các tướng cau mặt, nhíu mày và bước nhanh tới, nắm nàng kỹ nữ lôi đi, làm cho tóc tai rối bù, mặt úp sát đất, lớn tiếng bảo nàng kỹ nữ:

–Hôm nay, ngươi đến đây cùng Đồng tử Kim Sắc chắc chắn có hẹn nhau rồi, lại nói dối với ta là bị trúng gió xây xẩm mặt mày. Hay cho nàng, khéo dùng phương kế mà lừa dối nhau, sự việc đến thế này, oán cừu đâu thể bỏ qua. Tin cho nàng biết, hôm nay mạng nàng khó bảo toàn.

Khi nghe lời nói này, nàng kỹ nữ Ca-thi Tôn-na-lợi rất kinh sợ chợt nghĩ: "Ta tự chuốc lấy sự phiền khổ này, chắc khó bảo toàn được tánh mạng." Trong lòng rất đau đớn, than khóc, đứng dậy đến trước đại thần lễ bái dưới chân, năn nỉ van xin:

–Thưa đại quan! Xin đại quan thương xót mà tha cho tôi được sống, thân người nữ sinh nhiều tội lỗi. Từ nay về sau tôi không dám làm nữa, cho đến suốt đời nguyện làm nô tỳ. Xin Nhân giả thương xót, bớt sân giận mà tha thứ cho tôi.

Khi ấy, vị đại thần tuy đã nghe lời van xin thảm thiết, nhưng tâm bị ngọn lửa giận dữ thiêu đốt che lấp nên không tha được, liền bảo người hầu:

–Ngươi hãy cầm kiếm chặt đứt đầu kỹ nữ này vứt xuống đất.

Khi nghe đại thần nói lời hung ác này, người hầu phát run sợ, bèn suy nghĩ: "Khổ thay, người này si mê, không có tâm thương xót, rất say đắm nàng kỹ nữ, nhưng sao chỉ trong một lúc, vì một lỗi nhỏ mà muốn giết hại mạng sống. Khổ thay, hiện nay, ta đang sống nhờ vào người này, thật

đáng kinh sợ giống như rắn độc. Tại sao ta nương dựa vào người đê hèn này để phải rơi vào các đường hiểm nạn? Chẳng lẽ hôm nay ta đến chỗ chết rồi sao? Hoặc là ta nên nói rõ ý của mình, nếu lúc ta nói rõ, biết đâu người ấy có thể ngừng việc tội lỗi, biết việc ấy là bất chính sẽ bỏ tâm giết hại, khi thấy người kỹ nữ này run sợ, đau khổ, khóc lóc van xin thảm thiết." Suy nghĩ rồi, ông ta liền đến trước đại thần Dũng Lệ chắp tay, thưa:

–Thưa đại quan, xin ông bớt giận, thương xót tha cho, đừng bảo con làm việc bất nghĩa này, đừng bảo con làm kẻ đồ tể giết người, đừng bảo con phải hung tợn để gây nghiệp sát sinh, chủ con là người nhân từ, xin cứu độ cho. Huống chi người nữ ấy dung mạo xinh đẹp, mọi người đều thích nhìn, trong thành Vương xá từ lâu đã là chỗ dừng nghỉ của những người ở nơi khác đến, họ thấy làm sao không mến mộ. Lại nữa, người nữ này được tất cả mọi người thương mến nghĩ đến. Vì sao chủ con thông minh, có trí tuệ, lại giận dữ đối với một người nữ đã được tất cả mọi người đều thương mến? Xin đại quan đừng gây nhân ác sẽ thoát khỏi nghiệp sát sinh rất nặng trong hai đời, không nên cố chấp mà giết hại người kia, chớ để thân con phải tự thiêu đốt vì tạo việc ác.

Lại nữa, người nữ này đang tuổi trẻ đẹp, được mọi người thương mến, nay ở trước mặt đại quan chịu đau khổ giày vò, dùng lời tha thiết để khẩn cầu van xin. Nghe cô ấy nói con rất xúc động, nghe lời nói hung ác của đại quan muốn giết cô ta, con càng thêm run sợ. Cho đến những người hung ác ở nơi biên giới xa còn không giết hại mạng người huống hồ là ông mà giết người hay sao? Giả sử tất cả loài súc sinh, gặp lúc nguy khốn ta còn khởi tâm thương xót, huống chi cùng là loài người mà sinh tâm giết hại.

Khi ấy, người hầu bèn nói kệ ngợi khen:

Lời ông nói thật không hợp ý
Con không muốn nghe lời nói ấy
Huống là bảo con phải làm theo
Xin ông bỏ hành động ác này.

Mặc dù đã nghe lời nói như thế, nhưng vì sân giận nên đại thần Dũng Lệ vẫn cố chấp không xả bỏ được, tâm ý không còn như bình thường, càng tăng thêm sân giận, biểu hiện các tướng hung ác, lớn tiếng bảo người hầu:

–Chao ôi, nhà ngươi đối với người kỹ nữ này cũng rất thương mến nên ra sức bảo vệ, chống lại lệnh của ta, theo ngăn cản ta, không muốn giết người ấy. Ngươi vâng lời ta giết là tốt, nếu không giết thì bây giờ mạng ngươi cũng khó bảo toàn.

Lúc ấy, người hầu thấy chủ của mình chẳng nghe lời can ngăn và rất ác độc, nên suy nghĩ: "Khổ thay, hôm nay ta đi vào chỗ nguy hiểm rồi. Nếu ta không vâng lời giết thì ông ta chắc chắn sẽ hại ta. Vì sao? Vì ông ta rất thương mến người kỹ nữ mà còn cố giết, huống gì là đối với ta mà không giết chăng? Còn nếu ta vâng lệnh vung kiếm giết người nữ hiền thiện này thì sao gọi là trượng phu. Ta thà chịu nát thân mạng dưới bất cứ hình phạt nào, chắc chắn không thể giết hại cô ta." Sau đó, người hầu xoay qua tìm cách khác, liền suy nghĩ: "Ta nên cầm kiếm chạy trốn, ắt có thể bảo vệ được mạng mình và mạng cô ấy." Suy nghĩ rồi, người hầu liền cầm kiếm chạy thật nhanh trốn ra khỏi khu vườn.

Khi đó, đại thần Dũng Lệ cũng chạy theo sau, ra đến bên cửa.

Bấy giờ, người kỹ nữ Ca-thi Tôn-na-lợi sức lực đã suy yếu, mạng sống không còn bao lâu, không thể đi nổi, nhưng cũng muốn chạy chốn. Nghĩ rồi, liền gắng sức đi mau đến bờ tường, tường cao nên không thể vượt qua. Vừa lúc đó đại thần quay vào, người kỹ nữ liền chạy trốn trong bụi hoa A-đề-mục-đa-ca.

Đại thần không thấy, liền tìm kiếm khắp nơi, mới thấy cô ta núp ở bụi cây, bên cạnh bức tường cao. Khi ấy, dưới bức tường có một con rắn độc nằm sẵn trong hang, từ đó bò ra cắn vào chân bên phải cô gái làm cho bị thương. Thấy cô ta rồi, đại thần liền chạy nhanh đến. Bấy giờ cô ta suy nghĩ: "Đại thần này đến là để sát hại ta."

Lúc này cô ta chỉ còn chờ chết. Sau đó không lâu, cô ta biết mình đã bị rắn cắn.

Khi ấy, thấy được người nữ, đại thần càng thêm tức giận, không còn chút thương xót, bước tới trước kéo lê cô ta, giẫm đạp trên đầu tóc làm cho thân thể cô gái càng thêm khốn cùng.

Than ôi! Cô ta chịu sự hành hạ tàn ác, nên sức lực cạn kiệt, ngã lăn ra đất. Thấy cô gái ngã lăn dưới đất, đại thần suy nghĩ: "Cô này đã chết rồi, ta nên quay về." Nhưng còn lo người khác lén nhìn thấy sự việc, nên đại thần phải nhảy qua bờ tường để trở vào thành.

Bấy giờ, trong thành Vương xá, có các quan đi tuần tra kiểm soát khắp nơi, trên đường đi đến khu vườn của thương chủ Nhật Chiếu, thấy Đồng tử Kim Sắc ra khỏi thành Vương xá cũng đi vào khu vườn ấy, các quan vừa tới nơi, thấy ngay kỹ nữ Ca-thi Tôn-na-lợi nằm dưới đất. Thấy rồi, các quan tỏ ra thương xót, mới cùng nhau đến xem xét kỹ và suy nghĩ: "Người nào độc ác, không có tâm thương xót, không sợ nghiệp tội quả báo ở đời sau, kết oán kết thù gì mà giết hại mạng người. Khổ thay, người gì

mà tâm ý độc ác, đối với người nữ sao không thương mà phải giết hại.”

Các quan đi xem xét kỹ khắp trong vườn, không thấy có sự việc gì, các quan lại suy nghĩ: “Cô gái này tướng mạo xinh đẹp, tiếng đồn khắp nơi, vì sao đến nỗi bị chết ở đây? Những kẻ xấu nào gây ra việc ác này, sự việc mờ ám chỉ có trời mới tỏ. Chúng ta không làm rõ nguyên do này cũng thật có lỗi.” Khi ấy các quan rất lo buồn, phân vân nghĩ ngợi. Các quan lại trở vào trong vườn lần nữa, cố xem xét kỹ mong tìm ra manh mối, nhưng cũng chỉ thấy các sự việc như trước, thấy cô ta vẫn nằm ngay dưới đất. Có phải nghiệp lực quả báo đời trước của Đồng tử Kim Sắc chưa hết, chớ vì sao cô ta lại chết ở đây.

Lúc này, các quan đi tuần cùng bàn với nhau:

–Không biết người nào giết cô gái này? Chúng ta dạo khắp trong vườn đã ba lần, xem xét rất kỹ, không có hiện trạng gì khác, chỉ thấy Đồng tử Kim Sắc.

Các quan liền gọi Đồng tử đến, hỏi:

–Kẻ nào giết cô gái này?

Đồng tử đáp:

–Xin các quan xét rõ việc ấy, tôi tuy thấy vậy, nhưng thật không biết ai đã giết cô gái này.

❑

KINH KIM SẮC ĐỒNG TỬ NHÂN DUYÊN

QUYỂN 3

Bấy giờ, các quan tuần tra lại cùng nhau bàn luận:

–Hôm nay, mọi người đều thấy rõ Đồng tử này, tướng mạo hiền lành, xem anh ta không thể tạo ra việc ác như vậy. Nhưng hiện giờ không có hiện tượng nào khác. Ở đây chúng ta gặp phải khó khăn, làm sao giải quyết việc này cho đúng lý.

Trong nhóm có một người nói:

–Sự việc này chúng ta thật khó có thể giải quyết được. Trong nước có đại thần tư pháp trông coi luật pháp, nên đưa Đồng tử và người nữ đến đó, mọi việc sẽ rõ.

Sau khi các quan bàn luận và quyết định, liền đặt xác người nữ nằm trên kiệu tre và đưa cả Đồng tử đến chỗ quan tư pháp.

Lúc này, đại thần Dũng Lệ là người nắm giữ chức quan trông coi luật pháp, đang ngồi họp với các quan, thấy các quan đi tuần từ xa đi đến trước chỗ mọi người họp, liền hỏi:

–Các ông đến đây làm gì? Vì việc gì?

Các quan đáp:

–Người nữ này nằm chết trong khu vườn của thương chủ Nhật Chiếu, không biết kẻ nào đã giết hại. Chúng tôi đã xem xét kỹ ba lần khắp trong khu vườn ấy chỉ thấy có Đồng tử Kim Sắc, ngoài ra không có hiện tượng gì khác. Ngay khi ấy chúng tôi có hỏi Đồng tử: "Ai giết người nữ này?" Đồng tử đáp: "Các quan nên xét rõ, sự việc ấy tôi tuy thấy, nhưng thật ra không biết người nào giết." Chúng tôi đưa hết đến đây, xin quan xét rõ việc này.

Đại thần Dũng Lệ nói:

–Các ông hãy chờ tôi xem xét lại một chút, sau đó đến nhà vua cầu xin cách giải quyết sự việc.

Khi ấy, vị đại thần coi luật pháp liền đến cung vua A-xà-thế. Thấy quan canh cổng, đại thần liền đến trước, hỏi:

–Nhà vua đang làm gì? Ở đâu?

Quan canh cổng thưa:

–Nhà vua ở nơi cung điện, đang cho tập hợp các cung nữ để vui chơi, thổi kèn, đánh trống, đàn hát.

Bấy giờ, đứng ở cửa cung, đại thần trình bày các sự việc, xin quan trông coi cung nữ tâu đến nhà vua:

–Hôm nay, con của thương chủ Nhật Chiếu giết nàng kỹ nữ Ca-thi Tôn-na-lợi ở trong khu vườn nhà mình. Nếu nhà vua không ban chiếu thì các quan chúng tôi không thể phán xử được.

Khi ấy, quan trông coi cung nữ liền đến chỗ vua trình bày đủ các việc như trên. Gặp lúc nhà vua đang vui chơi, chưa rảnh xem xét, bèn bảo quan trông coi cung nữ:

–Ngươi hãy ra bảo với đại thần Dũng Lệ, phải nên xem xét rõ ràng đúng như sự thật.

Quan trông coi cung nữ vâng lệnh, ra nói lại lời của vua, bảo đại thần Dũng Lệ và các quan trông coi pháp luật nên xem xét rõ việc này. Nghe lời ban của vua, đại thần Dũng Lệ trở về công đường gọi các quan đi tuần đến bảo:

–Các ông có thể tập hợp các người đao phủ mau đến đây.

Khi họ đến, đại thần nói:

–Đồng tử này giết hại nàng Ca-thi Tôn-na-lợi trong khu vườn nơi nhà hắn. Các ngươi nên trói người này, đánh trống thông báo khắp các ngả tư và hang cùng ngõ hẻm, khiến mọi người đều nghe biết, rồi đưa ra khỏi cửa thành phía nam đến rừng bỏ thây, cột vào để xử chết. Sau đó, để chung với thây người nữ rồi chất củi thiêu đốt.

Tuy nghe lời dạy này, nhưng các đao phủ thấy Đồng tử Kim Sắc khôi ngô tuấn tú, giống như núi vàng, rất thương xót nên nhìn nhau bàn luận:

–Làm sao chúng ta có thể giết người này? Đồng tử ấy thật là hiếm có, trong đời khó gặp được người như vậy. Chúng ta tuy là những đao phủ, nhưng cũng có lòng thương, nỡ nào sát hại người như thế. Thà chúng ta chịu chết chứ quyết không dám dùng hình phạt phanh thây người ấy.

Nghe các đao phủ bàn với nhau, đại thần Dũng Lệ nổi giận nói:

–Vì sao các ngươi kéo dài thời giờ mà không mau vâng lệnh ta?

Đám đao phủ liền bước tới trước, cùng nhau chắp tay van xin tha thiết:

–Xin đại quan bớt giận! Chúng tôi tuy là đao phủ, nhưng không thể

mạnh dạn làm việc ấy? Vì sao? Vì Đồng tử này có tướng mạo khôi ngô tuấn tú, được người đời thương mến, cớ sao hôm nay lại nhẫn tâm làm việc giết hại.

Nghe xong, đại thần Dũng Lệ lại càng giận dữ, bảo những người kia:

–Các người, nếu không vâng lệnh vua, nhất định ngày nay các người và vợ con quyến thuộc đều phải chết.

Nghe vậy, các đao phủ rất kinh sợ, cùng nói với nhau:

–Vì cớ gì đại thần nắm giữ luật pháp mà không y vào luật pháp để thi hành chân thật đúng lý? Đối với Đồng tử này, tướng mạo hiếm có trong đời, lại cố tình giết hại để anh ta bị chết. Vả lại, nếu chúng ta không giết thì toàn bộ vợ con quyến thuộc sẽ bị giết.

Vì sao chúng ta phải chịu lấy đau khổ khó khăn này? Làm sao chúng ta thi hành việc ấy?

Khi các đao phủ đang rất sợ cái chết thì lại hiện ra mưu kế: Đồng tử này đã được mọi người thương mến, nên dẫn đến chỗ đông người như ở ngả tư đường để mọi người nhìn thấy sự việc này. Khi Đồng tử ở trong hoàn cảnh như thế thì nhiều người sẽ phát tâm thương xót, không thể nhẫn tâm nhìn thấy, ắt phải tìm phương cách cứu giúp Đồng tử.

Lúc này, thân tâm các đao phủ đau đớn như dao cắt, cùng nhau thở than, nói:

–Khổ thay! Chúng ta tạo nghiệp tội gì mà đau khổ như vậy, để chúng ta phải làm việc vô nghĩa, không có lợi này!

Bấy giờ, đại thần Dũng Lệ càng thêm giận dữ, bảo những đao phủ:

–Vì sao các ngươi cứ kéo dài mãi?

Các đao phủ nghe lời nói này, đều khóc lóc, gắng gượng mà làm, cùng nhau đến lột áo, trói hai tay Đồng tử lại.

Thấy Đồng tử bị trói tay rồi, đại thần Dũng Lệ liền rời khỏi chỗ công đường, đi đến rừng bỏ thây chết.

Khi đó, dân chúng nhìn thấy cảnh như thế đều sinh tâm sân giận, như trong cảnh biệt ly nên thảy đều rơi lệ, cùng nói với nhau:

–Khổ thay! Ách nạn nguy khốn! Đồng tử này hiếm có trong đời mà đến lúc phải bỏ mạng!

Các đao phủ đưa Đồng tử đi khắp các ngả đường tìm cách để cứu Đồng tử. Khi ấy, tại thành Vương xá, nam nữ, già trẻ ở trong ở ngoài thành, cùng với các người từ phương xa đến, tất cả đều nhìn thấy Đồng tử Kim Sắc bị trói tay, thấy rồi, đều sinh đau khổ, thương xót, hoang mang, không

biết rõ sự việc, đều hỏi:

–Vì sao người này bị trói như vậy?

Các đao phủ thương khóc, nghẹn ngào đáp:

–Đồng tử này giết hại cô kỹ nữ Ca-thi Tôn-na-lợi, sắp phải bỏ mạng, nên bị dẫn đến đây cho khắp tất cả dân chúng hay biết. Rồi sẽ dẫn đến rừng bỏ thây chết, sau đó không bao lâu sẽ bị giết.

Nghe rồi, mọi người đều buồn khổ, thương xót cùng nói:

–Khổ thay, khổ thay! Sao lại nguy khốn như thế. Đồng tử này tướng mạo khôi ngô, tuấn tú, mọi người đều ưa nhìn, thân thể cường tráng, có ánh sáng màu vàng, nét mặt vui vẻ, dáng điệu đàng hoàng, trí tuệ sáng suốt, đầy lòng Từ bi, thương yêu chúng sinh, ham thích giáo pháp, đủ oai đức lớn, người như vậy làm sao có thể giết người được! Bậc Thánh hiền công minh nay ẩn đâu mất rồi, chánh pháp thì bị che mờ, phi pháp thì hiện rõ. Vua quan thống lãnh ở ngôi cao quý, lẽ nào làm oan uổng, khốn khổ người như vậy!

Lúc ấy, mọi người cùng nói kệ:

Tướng tốt khiêm nhường và tôn quý
Trang nghiêm bằng đức hạnh tối thượng
Chúng ta chiêm ngưỡng mãi không chán
Đẹp đẽ xưa nay chưa từng có.
Chúng ta đều thấy Đồng tử này
Nay bị đao phủ trói dẫn đi
Mọi người nhìn thấy rất đau khổ
Làm cho thân, tâm như tan nát.
Nét vui vẻ cảm hóa nhiều người
Làm cho ai nấy đều yêu mến
Vì sao đối với người như vậy
Mà nhà vua lại phạt nghiêm hình.
Nếu mọi người chịu xem xét kỹ
Tâm kia vui vẻ không gây tội
Sao đem giao cho quan luật pháp
Khổ thay quan lại không thương xót.
Miệng nói ra cho là luật pháp
Cứ theo lời đó mà thi hành
Phải xét rõ người hiền lành này
Làm sao lại gây tội lớn ấy.
Đây chính là việc làm phi pháp

Chánh pháp bị mờ hoặc mất đi
Nếu người xử phạt bằng cách này
Chúng ta đều phải khổ chia lìa.

Khi mọi người nói kệ xong, trong thành có nhiều người nữ rất thương mến Đồng tử Kim Sắc, trong ấy có người vì khổ phải biệt ly nên lăn lộn dưới đất, hoặc có người đấm vào đầu gối cho bị thương, hoặc có người tâm ý mê mờ, coi như mình chia lìa đứa con thân yêu nên rất khổ não. Lúc Đồng tử này sắp đến chỗ bỏ mạng, tất cả những người trong và ngoài thành Vương xá đều rất đau khổ, do sự chia lìa, cùng nhau kêu gào, miệng nói lảm nhảm, run rẩy, sợ hãi.

Khi ấy, trong nhà của thương chủ Nhật Chiếu có một đồng nữ, nhân lúc đi chợ ngang qua ngả tư, bỗng nhiên nghe việc này liền thương khóc, vội vàng trở về nhà đến trước chỗ mẹ Đồng tử Kim Sắc ngã mình xuống đất.

Mẹ Đồng tử Kim Sắc thấy vậy phân vân, kinh ngạc, liền hỏi:

–Con có việc gì nên nói mau đi.

Đồng nữ thưa:

–Lão mẫu nên biết, Đồng tử Kim Sắc bị đao phủ trói tay dẫn đi. Mọi người đều nói, Đồng tử giết nàng kỹ nữ Ca-thi Tôn-na-lợi ở trong khu vườn nhà mình, không bao lâu nữa sẽ bỏ mạng trong rừng. Tất cả mọi người ở khắp các nẻo đường đều nghe biết hết.

Mẹ Đồng tử Kim Sắc nghe nói vậy thì rất đau khổ, ngã quỵ xuống đất. Bà được đồng nữ rưới nước lên mặt hồi lâu mới tỉnh. Bà ngồi dậy than và nói:

–Khổ thay cho con tôi! Khổ thay cho con tôi!

Ngay khi ấy, bà ta bỗng run rẩy bàng hoàng, tự đấm vào đầu gối rất thảm thương, tóc rối bù, bỏ ra khỏi nhà chạy đến ngả tư và các nẻo đường. Do nỗi khổ xa lìa con hành hạ nên sức lực yếu đuối, kêu la mệt mỏi, trông thấy ai bà cũng đều hỏi:

–Đồng tử Kim Sắc con tôi nay ở đâu? Khổ thay! Bây giờ tôi không gặp được con. Thưa các vị, nguyện xin cứu giúp! Nguyện xin cứu giúp! Để cho tôi được gặp con. Than khóc như vậy và bà ta đi lang thang khắp các nơi.

Do không gặp được Đồng tử Kim Sắc, vợ của thương chủ Nhật Chiếu rất buồn khổ, đau đớn, kêu gào, cuồng loạn, trông thấy ai cũng chắp tay lễ bái, thưa hỏi:

–Nguyện xin các vị mau cứu giúp. Nguyện xin các vị mau cứu giúp. Trong lúc con tôi chưa đến khu rừng ấy, xin các người cho tôi được gặp con.

Lại còn nói: Các người nên thương xót, đừng để con tôi đi đến chỗ mất mạng, để tôi được gặp con tôi.

Mẹ của Đồng tử Kim Sắc thốt ra những lời nói ấy, bảo với các người kia rồi mà không thấy, nghe gì đến tin con, bà lại than tiếp:

–Khổ thay! Tại sao không được gặp con tôi?

Rồi bà gieo mình xuống đất, lăn lộn trên mặt đất như cá ra khỏi nước ở trên đất khô cạn, vùng vẫy lung tung, không đứng yên một chỗ, ruột đau như cắt, lại càng thêm đau đớn, giống như con nghé lạc mất mẹ, rất sợ hãi nguy khốn, bà than thở:

–Khổ thay! Con của tôi. Khổ thay! Nó vui vẻ. Khổ thay! Nó là người khéo nhịn. Khổ thay! Nó là người rất có hiếu. Khổ thay! Đứa con yêu tôi hằng cầu nguyện mới được. Khổ thay! Con tôi mạnh mẽ đẹp đẽ mọi người đều ưa nhìn. Khổ thay! Thân thể nó cường tráng. Khổ thay! Thân nó có màu vàng rực rỡ. Khổ thay! Nó luôn được mọi người vui vẻ chiêm ngưỡng. Khổ thay! Con tôi có nét mặt làm cho mọi người vui lây. Khổ thay! Con tôi thông minh có trí tuệ, lời nói hiền lành vui vẻ, không làm ai sợ hãi. Khổ thay! Con tôi có tâm Từ bi rộng lớn, thích nghe pháp, thương mến chúng sinh. Khổ thay! Dòng họ của con tôi nổi tiếng vào bậc nhất. Khổ thay! Nó là ngọn đuốc sáng trong tộc họ của tôi. Khổ thay! Đứa con tôi rất yêu mến. Khổ thay! Nó là vật quý báu của tôi. Khổ thay! Nó là sự chân thật của tôi. Khổ thay! Nó là con mắt mãi sáng của tôi. Khổ thay! Tôi thương yêu nó không dứt. Khổ thay! Nó là vật quý báu trong tộc họ của tôi. Khổ thay! Tại sao quan trông coi pháp luật hành sự không xem xét kỹ để con tôi phải bỏ mạng.

Khi ấy, mẹ Đồng tử đã kiệt sức, mệt mỏi, chắp tay trình bày lại cho tất cả mọi người bằng kệ:

Khổ thay! Tôi nói không ra lời
Vì sao? Tôi phải làm gì đây
Nay tôi như mộng, như cuồng si
Đau đớn thân, tâm, mê cuồng loạn.
Vì con sầu khổ rất nguy khốn
Đau thương quá sức tâm loạn mất
Nay tôi xin tất cả mọi người
Thương xót tôi đang rơi nước mắt.

Tâm không ổn định, thân xơ xác
Tôi không còn ưa thích gì cả
Con tôi sắp đến rừng bỏ thây
Nay cầu xin các người cứu giúp.
Nếu các người có lòng thương xót
Đem năng lực khéo giúp giùm tôi
Tôi hết lòng chân thật cầu xin
Nay mong muốn được gặp con mình.
Tôi không còn thích gì nữa cả
Các Chiên-đàn hương hoa thơm ngát
Cho đến các vật trang sức quý
Đều xả bỏ để cầu cứu giúp.
Các thứ trang sức vòng vàng xuyến
Nay tôi đều chẳng muốn mang nữa
Khốn khổ sắp lìa con yêu mến
Hết được gần: bồng, dắt, vỗ về.
Nay tôi không đi nhiễu ba vòng
Cũng không kính lễ ở dưới chân
Hôm nay chưa biết do duyên nào
Con tôi phải đến chỗ bỏ mạng.
Tôi nhìn mười phương đều rỗng không
Chỉ thấy tan nát và thiêu đốt
Tâm tôi nóng đốt lại rực cháy
Ý si mê, không biết tính lường.
Mau nhanh đến rừng bỏ thây chết
Quan chấp pháp xử phạt con tôi
Sau không gặp nữa thật khổ thay
Đứa con mà tôi hằng thương mến.
Chẳng phải đời này tôi tạo tội
Chắc do đời trước còn dư báo
Nay tôi vì con rất buồn khổ
Giống như lửa dữ đốt cỏ khô.
Tâm tôi luôn làm người chân thật
Không gây tội kẻ oán người thân
Con tôi nếu nhờ nhân duyên ấy
Nguyện cho nó thoát khỏi nạn này.

❑

KINH KIM SẮC ĐỒNG TỬ NHÂN DUYÊN

QUYỂN 4

Bấy giờ, thương chủ Nhật Chiếu vượt qua biển lớn, hoàn thành chuyến đi, đã thu được lợi. Một ngày nọ, ông trở về thành Vương xá. Khi vừa vào thành, bỗng thấy hiện tượng không tốt, thương chủ Nhật Chiếu kinh sợ, run rẩy, hai mắt máy động. Hiện tượng đó là: Chim tụ tập thành bầy bay ở trước, lớn tiếng kêu liên tục. Thương chủ vốn hiểu được điềm này, nên suy nghĩ: "Như hôm nay, theo điềm này, ta thấy thật không tốt, chắc chắn Đồng tử Kim Sắc con ta đang có việc không an, theo như tướng pháp nói, ắt có chia ly." Khi ấy, thương chủ nói kệ:

Như hai mắt ta đều máy động
Bầy chim dữ bay kêu liên tục
Chắc chắn con ta vào lúc này
Nỗi khổ chia ly đang gần kề.
Lại như thân thể phát run sợ
Tâm buồn bực, không an, kinh hãi
Nhất định chia lìa con thân yêu
Tướng ác hiện trước, ắt không xa.

Nói kệ xong, trong lòng rất run sợ, thương chủ Nhật Chiếu suy nghĩ trăm ngàn việc vô nghĩa bất lợi, ngờ ngợ trong lòng, đi quanh quẩn không biết nơi ngừng. Lại suy nghĩ: "Nay vì sao ta lại đến thành này." Suy nghĩ, cho tới khi nghe tiếng mọi người kêu gào. Nghe rồi, thương chủ lại vừa đi vừa nghĩ tiếp, đến ngả tư, lại thấy nhiều người như bị quỷ La-sát khủng bố, ai cũng có nỗi đau khổ xa lìa. Thấy một người đứng trước, thương chủ bèn hỏi:

–Này Nhân giả! Vì sao mà có việc như vậy?

Người kia đáp:

–Con của thương chủ Nhật Chiếu tên là Đồng tử Kim Sắc, tướng mạo khôi ngô, đầy đủ các đức, nhưng Đồng tử ấy lại giết hại nàng kỹ nữ Ca-thi Tôn-na-lợi trong khu vườn nhà mình. Nay vua quan không chịu xét kỹ việc ấy, lại giao cho người chấp pháp, Đồng tử sắp bỏ mạng nên khắp

các ngả tư, ngõ hẻm, mọi người đều nghe biết. Không bao lâu nữa Đồng tử ấy sẽ bỏ mạng nơi rừng bỏ thây chết.

Nghe nói rồi, thương chủ Nhật Chiếu do khổ chia lìa con làm cho đau đớn nên ngất xỉu, ngã lăn xuống đất. Được mọi người rưới nước lên mặt, hồi lâu thương chủ mới tỉnh, lần vịn đứng dậy, khóc lớn, nước mắt như mưa, quay nhìn bốn phía nói:

–Khổ thay! Đồng tử Kim Sắc con ta nay ở đâu?

Lúc ấy, thương chủ liền đi nhanh đến khắp các ngả đường tìm kiếm, mới thấy vợ mình tóc xõa, mê loạn, than khóc kêu gào, lang thang khắp nơi vì nỗi khổ lìa con. Thương chủ thấy rồi lòng đau đớn, nghẹn ngào, đi lần tới. Thấy chồng, người vợ càng thêm đau buồn, như tên bắn vào tim, nước mắt ròng ròng, vội vàng đến trước mặt chồng, ngã lăn xuống đất. Lúc ấy, thương chủ Nhật Chiếu nắm tay vợ, lớn tiếng than khóc. Người vợ cố gắng bước tới trước cung kính, thưa:

–Này phu chủ! Xin cứu thiếp. Cứu thiếp. Thiếp mong cầu chàng hãy cứu đứa con yêu quý. Xin chàng hãy thương xót.

Rồi bà nói kệ:

Nay xin phu chủ an ủi thiếp
Thiếp không phước nên không vui vẻ
Thiếp đang bị xa cách con yêu
Rất đau khổ đến phải than khóc.
Phu chủ nên biết khi hai ta
Sinh được con là niềm vui lớn
Nay vì sao đứa con yêu quý
Không bao lâu sẽ phải chịu chết.
Con thiếp hiền hòa, không ngang ngược
Thông suốt tất cả các kinh sách
Tướng mạo tuấn tú không ai bằng
Người con có trí sắp bỏ mạng.
Đoạn dòng giống trong tộc họ ta
Phá nguồn gốc của tộc họ ta
Đuốc sáng an lành trong tộc họ
Ánh sáng chiếu soi bị tiêu diệt.
Con là của báu trong tâm thiếp
Là đứa con thiếp thương yêu mãi
Trong chúng, con thiếp là mắt sáng
Bị quan chấp pháp sắp hành hình.

Tất cả việc làm đều vì con
Mất con cũng như mù đôi mắt
Con quý trong tâm cũng mất luôn
Vì sao nay sắp bị giết hại.
Chàng nên mau gắng sức dũng mãnh
Vì con mà tìm mọi cách hay
Người nào có thể cứu con thiếp
Tất cả châu báu, thiếp đều cho.
Thiếp thấy con chúng ta lúc này
Chưa bị hình phạt, mạng còn sống
Theo ý chàng muốn và suy nghĩ
Hãy mau tìm cách cứu con mình.

Bấy giờ, tuy bị nỗi khổ xa lìa con làm cho đau đớn giày vò, nhưng thương chủ vẫn cố tỉnh táo, gắng sức giữ gìn thân tâm, thương chủ Nhật Chiếu lần đến trước chỗ mọi người, chắp tay, nói:

–Này các Nhân giả! Các ông nghe lời tôi nói. Tôi đang gặp lúc ách nạn nguy khốn. Vì sao các ông không tìm chút ít phương cách để cứu giúp giải thoát cho con tôi? Nếu sự việc ở nơi vắng vẻ thì khó có ai thấy rõ. Nay sự việc ở giữa cung thành vua, lẽ nào các ông không thấy, huống chi con tôi rõ ràng có đức tốt. Vì sao lại giao cho quan chấp pháp đưa con tôi đến chỗ chết? Vì sao các ông không có một chút lòng thương nào để gắng sức cứu giúp nó? Vì sao nhà vua có nhiều pháp luật mà không xem xét kỹ? Vì sao các vị không mở lòng ra để hiểu rõ về con tôi?

Khi ấy, trong đám đông có một người nói:

–Thưa thương chủ! Đồng tử con ông các đức đầy đủ, chúng tôi đều biết. Vả lại, hôm nay, chẳng phải riêng một mình ông đau khổ, mà tất cả người trong và ngoài thành như chúng tôi cũng đều đau khổ. Song chúng tôi chưa tìm ra phương cách nào để làm cho Đồng tử được thả ra. Vì thế, chúng tôi đều rất lo âu, bứt rứt.

Thương chủ nói:

–Các ông nên biết! Đồng tử con tôi hoàn toàn làm việc thiện, luôn có tâm Từ bi, có oai đức lớn, rất ưa thích chánh pháp, thương mến chúng sinh, đối với việc vô nghĩa, không lợi ích cũng không thể phát tâm làm, huống chi là làm việc tà ác như vậy. Xin các Nhân giả hãy mau xem xét kỹ sự việc này. Nếu Đồng tử thật không có tội xin được giải thoát khỏi ách nạn ấy. Này các ông! Nếu các ông xét rõ sự việc thì cùng nhau làm chứng, tất cả mọi người sẽ làm theo lời các ông, sẽ không có điều gì là sai lầm cả.

Ngoài điều này ra, không có cách gì thể hiện tâm thương xót rõ ràng. Nếu được như vậy thì các ông đúng là những người có tâm thương yêu hiền lành, kính mến người có đức.

Nếu các ông phát tâm thương xót rồi, nên đến chỗ nhà vua cầu xin ban lệnh cho các quan, đúng như lời tâu trình sự việc của các ông, ngoài ra không nên tin nghe điều gì khác.

Các ông nên biết! Tôi sắp xa lìa con nên vô cùng đau khổ. Xin cứu giúp cho tôi. Người nào cứu được thì tôi sẽ cho hết tất cả châu báu. Xin các ông làm ơn cứu giúp, vì Đồng tử này mà xét đúng sự thật.

Khi nghe thương chủ nói, mọi người đều hiểu ý, cùng nói với nhau:

–Đồng tử này các đức đều đầy đủ, thật đáng kính mến.

Họ liền chọn lựa hai ba người có trí, thông minh, hiểu được lý lẽ đi đến cung vua, tâu lên nhà vua đầy đủ sự việc. Nếu vua vì Đồng tử Kim Sắc, ra lệnh các quan xem xét kỹ lại sự việc cho rõ ràng, thực hư thế nào thì những người dân chúng tôi sẽ dâng lên nhà vua mười vạn tiền vàng. Vua y theo lời tâu.

Bấy giờ, người có trí đại diện đi đến chỗ quan tư pháp là đại thần Dũng Lệ để trình bày làm rõ sự việc. Từ xa trông thấy hai ba người đi đến, đại thần Dũng Lệ liền hỏi:

–Các ông không có việc gì, vì sao đến đây?

Các người ấy đáp:

–Chúng tôi, dân chúng ở thành Vương xá đều thương xót thưa: Thưa đại nhân! Đồng tử Kim Sắc tướng mạo khôi ngô tuấn tú, các đức đầy đủ, được nhiều người yêu mến. Người ấy sắp phải chết rồi. Tất cả dân chúng trong thành Vương xá đều rất đau khổ. Hơn nữa, người này thường ưa chánh pháp, pháp luật… đức hạnh không thiếu. Người ấy không có một chút tội lỗi nào, mọi người đều tin tưởng. Vua ra lệnh cho đại nhân, vì Đồng tử Kim Sắc, tra xét lại sự việc trước đây. Chúng tôi đã đem mười vạn tiền vàng dâng lên nhà vua. Thương chủ Nhật Chiếu cũng tự bày ra đầy đủ các loại châu báu để dâng lên nhà vua, làm cho kho của cải báu nhà vua càng thêm nhiều.

Nghe như vậy, đại thần Dũng Lệ nổi giận, nói:

–Sự việc quyết định đã lâu rồi. Vì sao các ông lại muốn tra xét lại? Hơn nữa, sao lại nói đem dâng mười vạn tiền vàng để cho kho báu nhà vua tăng thêm. Lẽ nào ta lại nhận của phi lý để làm giàu cho kho báu của nhà vua sao? Các ông thật là không biết ý nhà vua. Dân chúng các ông ở mọi

nơi khéo bày ra mưu kế muốn cho nhà vua làm việc vô nghĩa. Đây chẳng phải là đúng cách mà chính các ông đã phỉ báng nhà vua. Chỉ vì một việc khác mà muốn khiến cho nhà vua cùng xét đến việc này để thấy nhiều người đều bị hại.

Đại thần Dũng Lệ quở trách những người đại diện kia rồi, liền cho gọi bốn hạng người ác. Nghĩa là:

1. Người làm nghiệp rất ác.

2. Người không biết nhịn nhục.

3. Người không có lòng thương xót.

4. Người không có lòng lành.

Khi họ đến rồi, đại thần Dũng Lệ ra lệnh:

–Các ngươi hãy dẫn các đao phủ kia ra khỏi thành. Theo lệnh ta, đúng phép vua giết Đồng tử này. Các người chớ có tự ý thả ra, các quan khác có nói gì cũng không được thả. Các người y theo lệnh ta làm thì rất tốt, nếu không nghe lời ta mà có ý khác thì ta và các người sinh ra oán thù lớn đấy!

Các người kia đáp:

–Chúng tôi xin vâng lệnh.

Sau khi nhận lệnh, bốn quan giám sát đều cầm kiếm bén dẫn đường đi trước.

Khi ấy, các đao phủ suy nghĩ đến trăm cách mưu kế. Họ dẫn Đồng tử đi bộ từ từ lòng vòng khắp các ngả tư, ngõ hẻm, muốn để cho tất cả mọi người đều hay đều biết, bèn nói:

–Khổ thay! Nay ta phải có mưu kế gì để Đồng tử thoát khỏi nạn này. Lẽ nào chúng ta phải làm việc vô nghĩa ấy.

Khi ấy, bốn quan giám sát cầm kiếm bén đến trước các đao phủ nói:

–Các người nên vâng lệnh của đại quan, mau thi hành việc ấy. Nếu các người không mau ra khỏi thành, theo lệnh giết Đồng tử này thì ta sẽ giết các người ngay.

Bốn quan giám sát rất hung ác, đều cầm kiếm bén, bộ dạng đáng sợ, giương đôi mắt giận dữ nhìn các đao phủ kia.

Các đao phủ nghĩ đến mạng sống, nên đều sợ hãi, cùng nói:

–Khổ thay! Bây giờ chúng ta không còn phương cách nào để cứu Đồng tử, mà phải tuân lệnh đem Đồng tử đi giết.

Nói xong, nước mắt tuôn rơi, đau xót. Khi ấy, các quan giám sát lại

hối thúc mau kéo Đồng tử Kim Sắc ra ngoài thành. Khi Đồng tử ra khỏi thành, có vô số trăm ngàn người chạy theo nhìn ngắm, rồi đau đớn than khóc và đều nói:

–Khổ thay, khổ thay! Vật báu lớn của thương chủ Nhật Chiếu tan mất. Dòng họ tôn quý của thương chủ Nhật Chiếu nay đến lúc sắp đoạn tuyệt. Ngọn đuốc sáng trong dòng tộc của thương chủ Nhật Chiếu sắp bị tắt. Hạt ngọc trên búi tóc của thương chủ Nhật Chiếu sắp rơi xuống. Đôi mắt sáng của thương chủ Nhật Chiếu sắp bị hư. Sự tốt đẹp trang nghiêm của thương chủ Nhật Chiếu phải bị tan hoại. Tâm của thương chủ Nhật Chiếu rất đau đớn giống như bị mổ xẻ ra. Sự sống trong thân thể của thương chủ Nhật Chiếu đang dần chết. Khổ thay! Vì sao để Đồng tử ấy đến chỗ đồng trống, hiu quạnh ngoài thành, bơ vơ, quay cuồng, hoảng hốt, không nơi nương tựa, không người cứu giúp. Ở trong thành Vương xá, Đồng tử này là bậc cao quý nhất, giống như mặt trăng sáng bị La-hầu nuốt, giống như mặt trời trong thành lớn Vương xá giữa ban ngày mà bị tối đen, mọi người ở trong thành lớn Vương xá như mất con mắt sáng, mê mờ lạc phương hướng. Mọi người ở trong thành lớn Vương xá đành phải xa lìa lòng thương mến nhau đã có rất lâu. Sự tốt đẹp quý báu của mọi người ở trong thành Vương xá nay đành phế bỏ. Hạt châu trong búi tóc của mọi người ở thành Vương xá đã rơi xuống đất. Vật báu yêu mến của mọi người ở trong thành Vương xá đã bị phá hoại. Con mắt của mọi người ở trong thành Vương xá đã mất ánh sáng, làm sao để nhìn. Chúng ta chứng kiến việc này rồi làm sao có thể vui vẻ được, tâm ý chúng ta thật không có chỗ nương tựa!

Bấy giờ, Đồng tử Kim Sắc đã ra ngoài thành, các quan giám sát kia sai người đến báo với đại thần Dũng Lệ, là Đồng tử đã ra ngoài thành Vương xá. Nghe rồi, đại thần Dũng Lệ rất vui lòng.

Lúc này, những người dân ở trong và ngoài thành đã thấy, nghe việc ấy đều buồn rầu không vui, hoang mang không biết làm thế nào, bèn đi hỏi lại những người thông minh được bầu chọn đến gặp vua lúc trước. Những người này trình bày đầy đủ sự việc trên. Dân chúng nghe rồi buồn rầu vô cùng, không biết làm sao nên cùng nhau bàn nói:

–Các người nên biết! Quốc chủ chúng ta, vua A-xà-thế là một vị vua ác, không tuân theo lẽ chánh đáng, xưa kia giết cha, nay làm việc phi pháp. Người kia có oai đức, tướng mạo khôi ngô, tuấn tú, được mọi người yêu mến, trí tuệ hơn người mà bị giết hại. Khổ thay! Nhà vua lại rất ác, không có tâm thương xót. Khổ thay! Nhà vua không biết người có đức. Nhà vua

và các quan không có hiểu biết đúng đắn. Vì sao không dựa vào pháp luật chân chánh xem xét rõ ràng đối với người hiền lành, lại xem thường vứt bỏ, hay là do thời vận nên khiến sự việc như vậy. Chánh pháp chìm mất, phi pháp tăng trưởng, ở trong đời xấu ác tin theo lời người ác, nên làm cho người phước đức hiền lành phải chịu khổ chia lìa. Khổ thay! Khổ thay! Thật là vô lý.

❑

KINH KIM SẮC ĐỒNG TỬ NHÂN DUYÊN

QUYỂN 5

Nghe nói đầy đủ việc xảy ra như vậy, thương chủ Nhật Chiếu tan nát cả cõi lòng, buồn khổ, đau đớn đến ngất xỉu, ngã quỵ xuống đất, được mọi người xung quanh lấy nước rưới lên mặt, hồi lâu mới tỉnh dậy, từ từ ngồi dậy, rồi khóc than và nói:

–Khổ thay, khổ thay! Tôi chỉ có một đứa con, nay sắp bỏ mạng. Nói xong, lại than khóc lớn hơn, rồi nói kệ:

Khổ thay! Mắt con tôi lanh lợi
Khổ thay! Cao quý trong tộc họ
Tôi là cha nó nhưng ít phước
Vì làm hại con nên khóc lớn.
Tôi vì con nên lòng tan nát
Mê cuồng chẳng biết phương hướng đâu
Lửa thiêu đốt cha con xa lìa
Khổ thay! Lòng tôi như lửa cháy.
Con tôi người hiền lành có trí
Giàu lòng yêu mến thương xót người
Tôi làm cha nó nhưng rất ác
Gây cho con tôi nhiều ách nạn.
Vào ngày khi con mới chào đời
Cha rất vui vẻ không gì sánh
Mà nay sắp phải xa lìa con
Lửa buồn bừng cháy đốt tim gan.
Khổ thay! Nhà vua và quần thần
Không tâm phân biệt, không thương xót
Gặp người sống đúng theo pháp luật
Mà không xét rõ việc cho họ.
Khổ thay! Làm vua một nước lớn
Không tâm thương xót chẳng sáng suốt
Không thể điều tra rõ sự thật
Bỏ qua chứng cớ về con tôi.

Nó hiền lành bậc nhất ở đời
Tâm ý hoàn toàn không mê muội
Đức hạnh con tôi ai cũng biết
Con bị giết nên tôi than khóc.
Các Thánh hiền ở trong thành này
Nay đang phân tán những nơi nào
Soi đuốc sáng vào người có đức
Để được tha, khỏi bị hành hình.
Trời Đế Thích cùng trời Hộ thế
Và các trời có oai đức lớn
Xin mở chút lòng lành thương xót
Vì con tôi xin khéo giúp cho.
Các bậc Tiên thành tựu giới cấm
Và chư Tiên tu hành thiền định
Xin đảnh lễ để mở lòng thương
Xin các vị hãy cứu con tôi.

Thương chủ Nhật Chiếu nói kệ này rồi, liền phát sinh trí sáng suốt, bèn suy nghĩ: "Nay ta kêu gào cũng chỉ uổng công, vô ích, nghe Đức Phật Thế Tôn có vô lượng công đức, thương yêu khắp tất cả chúng sinh trong thế gian, phát lòng thương xót lớn tùy theo ý nghĩ mà cảm ứng. Đức Phật Thế Tôn ấy, đối với người không nơi nương tựa thì làm chỗ nương tựa, đối với người không có ai cứu giúp thì cứu giúp, không có nơi quay về thì làm chỗ để quay về, không có nơi hướng đến thì làm chỗ hướng đến. Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời, lòng lành thương xót cứu độ cho tất cả chúng sinh bị nạn khổ nguy hiểm, phiền não bức bách làm cho lo sợ. Như người đi buôn vượt biển, gặp cá lớn Ma-kiệt rất sợ hãi, nhưng người ấy nghĩ nhớ niệm Phật thì Phật cảm ứng theo tiếng niệm đó liền cứu độ cho họ. Lại nữa, ví như Ương-quật-ma-la cần giết hại một ngàn người, chỉ còn thiếu một người chưa giết được, sau đó muốn giết mẹ của mình cho đủ số, người mẹ lo sợ mất mạng, Phật liền dùng phương tiện để cứu độ. Lại như oán nghiệp đời trước mạnh mẽ, phải thọ thân các Dạ-xoa: Dạ-xoa Khoáng Dã, Dạ-xoa Chấp Trì… vì ăn uống nên ở thế gian giết hại vô số trăm ngàn chúng sinh, các Dạ-xoa này ăn máu, thịt người, tham mùi vị tanh hôi, ăn nuốt, giành giựt, hiện tướng lưỡi xấu, răng cứng, dài, bén nhọn, mũi xẹp, mặt dữ tợn não hại cho người thật đáng lo sợ. Các chúng sinh ấy cũng đều được Phật cứu độ. Đức Phật Thế Tôn chắc chắn sẽ cứu giúp con ta vượt qua khổ nạn này. Nếu Phật Thế Tôn dùng tâm đại Bi thù thắng thương mến các chúng sinh thì cầu xin Ngài biết được ý nghĩ của con."

Thương chủ Nhật Chiếu suy nghĩ những điều này xong thì hỏi một Ưu-bà-tắc đang đứng bên cạnh:

–Này Nhân giả! Nay Đức Phật Thế Tôn đang ở nơi nào?

Ưu-bà-tắc nghe hỏi liền nhớ nghĩ đến Phật Thế Tôn, rơi lệ thổn thức, nghẹn ngào, nói kệ đáp lại thương chủ:

Bậc Đại sư ở trên đời này
Ban vui tối thượng cho thế gian
Đối với tất cả đều như nhau
Đức Phật Đại sư đã nhập diệt.
Chiếu ánh sáng cho người tăm tối
Nơi nương cho người không chỗ dựa
Ánh sáng Phật nay đã mất rồi
Cũng như ngọn đèn đã hết dầu.

Nghe nói Đức Phật Thế Tôn đã nhập Niết-bàn, thương chủ Nhật Chiếu càng thêm buồn khổ, như tên bắn vào tim, ngất xỉu ngã quỵ xuống đất, được rưới nước lên mặt, hồi lâu mới tỉnh, lần vịn đứng dậy, hướng đến chỗ Phật Thế Tôn Niết-bàn khóc lóc lớn tiếng, nói kệ:

Khổ thay! Vua pháp Nhất thiết trí
Hay trừ tội lỗi các oán thù
Nay không còn, người mất chỗ nương
Phật đã nhập diệt biết làm sao.
Khổ thay! Còn đâu việc cao cả
Thương tất cả chúng sinh như nhau
Làm cho biệt ly đều hòa hợp
Đạo sư chỉ bày đường Niết-bàn.
Khổ thay! Vì sao thế gian này
Vô minh che lấp con mắt sáng
Nếu chúng sinh xa Đức Thế Tôn
Sinh tử luân hồi không cùng tận.
Trong đạo vắng lặng Phật sẽ đến
Lòng thương cao tột càng mạnh mẽ
Nếu thế gian này không chỗ nương
Thì ta nương tựa vào ai đây!
Hết thảy đều sinh từ chánh pháp
Từ pháp lại sinh các con Phật
Con Phật cũng đã lìa thế gian
Thì lấy ai làm chỗ nương tựa.

Nhiều hạng chúng sinh ý chân thật
Mong Phật cứu khổ đều vẹn toàn
Chỉ bày chúng sinh thương yêu khắp
Về lại hư không nương vắng lặng.
Tất cả mọi người đều bình đẳng
Nghe Phật thuyết pháp sinh sáng suốt
Nay Phật Thế Tôn đã Niết-bàn
Còn ai tuyên nói chánh pháp đây.
Khổ thay! Hàng trời, người thế gian
Đều tan hoại không còn ánh sáng
Bậc Thánh hiện ở đời rất khó
Phật Đại Mâu-ni đã diệt độ.
Nghe Phật Thánh Tôn đã Niết-bàn
Lòng yêu chánh pháp cũng diệt theo
Pháp sâu xa chúng sinh ưa thích
Còn có người nào khéo thực hành.
Chỉ có lòng thương không sợ hãi
Sự thương xót là chỗ nương tựa
Tất cả công đức có thể thành
Đã diệt, sau này làm sao được.
Làm sao có lợi ích ba đời
Nghĩa là phát lòng thương rộng lớn
Thương xót chính là trí chân thật
Bình đẳng nương theo hạnh xa lìa.
Khổ thay! Công đức Phật quý báu
Tích chứa trải qua vô số kiếp
Đất này khó giữ nên đã mất
Chánh pháp của Phật cũng mất theo.
Thế Tôn Đạo Sư lìa thế gian
Khổ thay! Vô minh lại che lấp
Nên đời này sinh trong hiểm nạn
Gắng sức thành tựu đều tan vỡ.
Lớn thay! Báu Phật là cao tột
Vì sao bây giờ đều ly tán
Thật đáng xót thương cho thế gian
Mọi việc phát sinh đều tan hoại.
Phật diệt, chúng Tỳ-kheo cũng vắng
Ví như bầy nghé bị mất mẹ

Người có trí gặp sự việc này
Ai lại không phát sinh khổ não.
Thân sát đất chắp tay cung kính
Đảnh lễ Thế Tôn bậc lìa trần
Ánh sáng Phật nay đã lu mờ
Chúng con đến sau không chỗ hướng.
Việc lớn vô thường rất thảm hại
Hết thảy chúng sinh đều phải chịu
Phật cũng bị vô thường xâm đoạt
Làm cho con không được cứu giúp.
Pháp tám Thánh đạo như thuốc hay
Trị sạch nguồn gốc bệnh phiền não
Bậc thầy đại Bi vua thầy thuốc
Nay cũng bị vô thường cản ngăn.
Khổ thay! Nhanh chóng, không thương xót
Cha lành Thế Tôn đã nhập diệt
Tất cả thế gian đều đen tối
Ai là người mở mắt sáng đây.
Khổ thay! Thế Tôn đã nhập diệt
Con yêu quý sẽ không về nữa
Nay con sắp phải chịu hình phạt
Xin Phật đến cứu ách nạn này.
Thế Tôn cứu khắp các đau khổ
Tạo chỗ quay về cho hết thảy
Con tôi sắp chết không chỗ nương
Nay nguyện xin rũ lòng cứu giúp.
Nếu ngày nay con được lợi lớn
Như bậc oai đức đã giảng dạy
Khiến người con yêu không xa lìa
Đó là lời cao cả con xin.

Lời lẽ thảm thiết, thương chủ Nhật Chiếu nói kệ như vậy, sau đó lại hỏi Ưu-bà-tắc:

–Trong các đệ tử Thanh văn lớn của Phật, Đức Phật đem giáo pháp giao phó cho vị nào rồi nhập Niết-bàn?

Ưu-bà-tắc đáp:

–Thương chủ hãy lắng nghe! Đức Phật Thế Tôn của chúng ta đem giáo pháp dặn dò trao cho Tôn giả Đại Ca-diếp rồi nhập Niết-bàn. Tôn giả

Đại Ca-diếp đúng theo lời dạy của Đức Thế Tôn đã đem giáo pháp dặn dò trao cho Tôn giả A-nan rồi nhập Niết-bàn. Chính Tôn giả A-nan, vị có oai đức lớn đang giữ gìn chánh pháp. Tôn giả A-nan có tâm thiện và lòng thương giống như Phật, có thể đi khắp mọi nơi, mọi xóm làng, mọi thành nước để điều phục giáo hóa chúng sinh. Đối với các chúng sinh chưa gieo trồng căn lành thì tìm cách giáo hóa làm cho họ gieo trồng căn lành, người đã liên tục tích tập căn lành thì làm cho được thành tựu, người đã được thành thục căn lành rồi thì làm cho họ tự được biết rõ lý lẽ chân thật. Nếu có người bị bệnh phiền não ràng buộc thì nói phương thuốc ngọt của pháp giải thoát cao đẹp làm cho hết bệnh, giống như thầy thuốc giỏi.

Lại nữa, chúng sinh bị phiền não che mờ tối tăm thì Tôn giả giảng thuyết chánh pháp, đem ánh sáng trong suốt như mặt trời phá tan phiền não mê mờ, phát ra lời trong sáng hòa hợp để điều phục cho phù hợp, giống như hoa Câu-mẫu-đà nở trông rất dễ mến, cũng như mặt trăng. Tôn giả thường dùng chánh pháp giáo hóa điều phục các vua nước nhỏ giống như Chuyển luân vương. Dùng trí tuệ đặc biệt và cách giảng giải tốt để thu phục tất cả ngoại đạo, tà giáo giống như sư tử. Chỉ bày luật pháp, mở đường, hướng dẫn cho tất cả, giống như vị thầy dẫn đường giảng thuyết chánh pháp cho khắp chúng sinh, làm tăng thêm lợi ích về pháp và của cải giống như thương chủ. Làm cho các hạt giống gieo trồng được tăng trưởng tươi tốt che mát giống như đám mây lớn. Chỉ bày điều tai hại, điều lợi ích giống như cha mẹ, khéo điều phục những chúng sinh khó điều phục, người chưa được độ làm cho được độ, người chưa an ổn làm cho được an ổn, người chưa Niết-bàn làm cho được Niết-bàn, làm cho tất cả nạn hiểm ác, khổ não bức bách vô số chúng sinh khiến họ kinh sợ đều được thoát khỏi. Nói tóm lại, bậc Thánh giả đó có oai đức lớn, tất cả việc Phật đã làm đều có thể làm được, tùy theo ý nghĩ của chúng sinh mà cảm ứng, như hôm nay, con ông mắc nạn nguy hiểm, tùy theo ý nghĩ của ông có thể được cứu giúp.

Nghe nói như vậy, thương chủ Nhật Chiếu như được sống lại, dần dần bớt kinh sợ, rồi nói:

–Này Nhân giả! Tôn giả A-nan hiện nay ở đâu?

Ưu-bà-tắc đáp:

–Này thương chủ! Tôn giả A-nan đang ở vườn cây Am-la, thuộc thành Tỳ-xá-ly.

Nghe nói vậy, thương chủ Nhật Chiếu liền cung kính quỳ gối sát đất, hướng về thành Tỳ-xá-ly, chắp tay đảnh lễ, nước mắt đầm đìa, thưa:

–Kính bạch Tôn giả có lòng lành lớn! Con của con đang bị khổ chia ly, buồn đau thúc ép, không nói được với Tôn giả. Con xin dốc hết lòng thành cầu xin Tôn giả A-nan, nguyện xin Tôn giả rũ lòng cứu giúp cho con.

Thương chủ liền nói kệ ca ngợi:

Hiện nay Tôn giả bậc tối thắng
Tâm ý chúng sinh thảy đều rõ
Ý nguyện thế nào thảy biết hết
Nay xin nghe con thưa việc này.
Phật Thế Tôn con đã nhập diệt
Các đệ tử Phật oai lực lớn
Tôn giả học rộng không ai bằng
Giữ gìn pháp thanh tịnh của Phật.
An ủi chúng con lúc gặp khổ
Làm chỗ quay về cho thế gian
Luôn làm lợi lạc cho chúng sinh
Nay xin Thánh giả xem xét việc này.
Do duyên gì mà con của con
Vì sao sắp bị người giết hại
Con con gặp nạn không chỗ nương
Xin thầy hiện thần lực cứu giúp.
Nếu Thánh giả không giúp thế gian
Làm sao chúng sinh được lợi ích
Khi người hiền lành sắp bị hại
Không thầy, người nào có thể cứu.
Trụ ở đời làm lợi chúng sinh
Giữ gìn đầy đủ pháp của Phật
Xin hãy mở rộng lòng thương xót
Lãnh nhận cứu giúp con của con.
Con không còn cách hay nào nữa
Nay không nơi nương, không người cứu
Cha, con đều chìm trong bùn khổ
Xin Tôn giả thương xót cứu vớt.
Con run sợ xin thưa bày rõ
Làm lợi thế gian còn ai nữa
Lời dạy của Thích-ca Mâu-ni
Như trong bóng tối chiếu ánh sáng.
Chỉ có Tôn giả làm lợi ích

Ngoài ra không người nào cứu được
Nguyện xin Tôn giả mau đến đây
Mà khởi tâm thương cứu con con.
Vì con lòng buồn như gây oán
Khó chịu đựng người ác quấy nhiễu
Con và vợ con không nơi tựa
Xin Tôn giả sẵn lòng ban vui.

Khi thương chủ Nhật Chiếu nói kệ này thì Tôn giả A-nan đang trải lòng thương làm việc lợi ích, ngày đêm sáu lần nhớ nghĩ. Ở trong hàng Thanh văn, Tôn giả được mắt sáng nhìn khắp cả thế gian, pháp nào là tăng, pháp nào là giảm, người nào hiểm ác, người nào mắc nạn khổ, người nào bị hành hạ, người nào chịu đủ các việc hiểm ác đau khổ, bức bách, người nào hưng thịnh, người nào nhỏ mọn, người nào rộng lớn, người nào ở trong đường ác thì sẽ cứu vớt họ, người nào ở trong đường thiện, cõi trời và đạo giải thoát thì sẽ làm cho họ ổn định, người nào bị chìm trong vũng bùn ham muốn thì sẽ tự mình đưa tay cứu vớt, người nào xa lìa Thánh tài thì sẽ làm cho họ càng thêm rộng lớn nơi Thánh tài. Tôn giả A-nan luôn vì chúng sinh mà xem xét như Tôn giả Xá-lợi-phất không khác.

Khi ấy, Tôn giả dùng Thiên nhãn thanh tịnh nhìn thấy Đồng tử Kim Sắc ấy xưa đã gieo trồng căn lành, nay nghiệp đã chín, song bị nạn hiểm ác làm cho khổ não, trói buộc. Thấy rồi, Tôn giả như vị voi chúa duỗi cánh tay, tức khắc đến cung vua A-xà-thế, đứng trên cửa cung điện ẩn thân không hiện, ở trong hư không khảy móng tay ra hiệu.

Khi ấy, nhà vua đang ở trong cung điện đam mê vui chơi, bỗng nghe giữa hư không có tiếng nói:

–Đại vương! Ông làm việc không tốt! Đồng tử Kim Sắc kia hoàn toàn không có tội lỗi. Nhà vua không tự mình xét rõ sự việc, nay lại cho dẫn Đồng tử ra khỏi thành Vương xá, đến rừng bỏ thây chết, sắp đem giết hại. Đại vương nên cho dừng ngay việc này.

Nghe lời nói của Tôn giả A-nan vang giữa hư không, vua A-xà-thế rất kinh sợ, bèn hướng về phía Tôn giả A-nan đảnh lễ, rồi đến trước điện lớn tiếng bảo khắp trong bốn phương:

–Các ông nghe cho rõ! Hãy mau đến rừng bỏ thây chết, tuyên nói lời ta: "Chớ có giết hại Đồng tử Kim Sắc. Hãy mau thả ra." Trong tất cả các ông, ai có thể đến đó thông báo, ta sẽ lấy vàng trong kho thưởng công và sẽ ban cho năm làng ấp lớn.

Nghe nhà vua đã ban lệnh rồi, những người thương mến Đồng tử

Kim Sắc đều muốn Đồng tử được thả ra.

Có hàng trăm ngàn người chạy nhanh đến rừng bỏ thây chết để nói lời ấy. Lúc này, bốn vị quan giám sát và các đao phủ đã đưa Đồng tử Kim Sắc đến nơi khu rừng bỏ thây. Thân người nữ Ca-thi Tôn-na-lợi được thân quyến bạn bè dùng đủ thứ vải màu xanh, vàng, đỏ, trắng tốt đẹp nhất để trang sức, đặt lên xe đưa vào trong rừng ấy. Lúc đó, lại có người bạn cô ta đến ngay tại đó gom củi lại để làm giàn hỏa.

Các đao phủ nói:

–Các ông không nên bố trí giàn hỏa ngay, hãy đợi một chút, chờ chúng tôi trói Đồng tử vào giá chém này, rồi giết, sau đó mới đặt Đồng tử Kim Sắc cùng với cô kỹ nữ Ca-thi Tôn-na-lợi kia thiêu chung một lúc. Nói xong các đao phủ liền sai người đem giá chém đặt trên đất.

Thấy giá xử chém đặt trên đất, Đồng tử Kim Sắc liền nghĩ tới mẹ, lòng càng đau đớn, nước mắt tuôn trào: "Ta đang xa lìa mẹ, mẹ ta hiện giờ ở nơi nào? Khi xưa, vào lúc giữa đêm, không thấy ta trong chốc lát là mẹ đã rất đau khổ rồi…."

"Mẹ ta chỉ có một đứa con. Nay ta phải xa lìa thì làm sao mẹ sống nổi. Khổ thay! Ta thật là vô phước, làm cho mẹ phải chịu nỗi đau chia lìa. Nay mẹ và con đều phải chịu khổ lớn."

Các đao phủ trong lúc đào đất để dựng giá xử chém, đã cùng nhau bàn luận:

–Trong đám đao phủ chúng ta, ai có thể đứng ra trói Đồng tử Kim Sắc vào giá?

Họ đùn đẩy nhau:

–Ngươi hãy làm đi!

Trong bọn họ một người nói:

–Tôi bị đau đầu, chóng mặt, không thể làm được.

Một người khác lại nói:

–Tôi bị đau vai quá.

Người khác nữa lại nói:

–Tôi đau nhức hai bên hông.

Một người khác lại nói:

–Tôi bị đau bụng.

Các đao phủ, mỗi người đều nói bệnh khổ của mình, cùng nhau muốn tránh né không chịu làm việc vô nghĩa ấy.

❑

KINH KIM SẮC ĐỒNG TỬ NHÂN DUYÊN

QUYỂN 6

Bấy giờ, Đồng tử Kim Sắc nghe các đạo phủ bàn luận với nhau và thấy giá chém đang dựng ở chỗ đất đã đào, liền than:

–Khổ thay! Ta phải chịu nạn nguy hiểm này! Ta cảm thấy chán nản đối với lỗi lầm to lớn của sinh tử, muốn vui thích mong cầu đạo giải thoát. Nhưng thân ta không còn chỗ nương tựa, trong lòng lo sợ những điều hiểm ác hiện đến.

Trong khoảng thời gian ngắn, Đồng tử lại kêu than:

–Khổ thay! Ta đã đem hết sức mình mà không thể làm được việc gì! Hôm nay với thân người này còn có thể làm được điều gì lợi ích? Khổ thay! Ta nay ở trong biển sinh tử, lại còn bị trôi lăn cùng khắp. Ta đang đi trong sinh tử. Ta đang ở trong cánh đồng sinh tử, giữa các hiểm nguy, hối hả quay cuồng. Lại nữa, nay ta trở lại chỗ sinh tử rất hiểm ác, nay ta lại rơi vào chỗ sinh tử, nay ta lại rơi vào lưới lớn sinh tử. Lại nữa, nay ta lại rơi vào các địa ngục Dây đen, địa ngục Kêu gào lớn, địa ngục Nóng đốt, địa ngục Rất nóng, địa ngục A-tỳ...

Lại nữa, ta sẽ sinh vào loài súc sinh, vào các loài cầm thú: Voi, ngựa, chim chóc... Ta sẽ sinh vào loài ngạ quỷ, luôn chịu các khổ đói khát, không được thức ăn uống dư thừa và cả đại tiểu tiện cũng không thuận lợi. Sinh vào các đường này đều phải chịu khổ não. Xưa ta nghe Đức Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian, như hoa Ưu-đàm-bát cao đẹp khó có được. Đức Phật Thế Tôn hiểu biết các luật pháp, hay chỉ bày giảng thuyết cho thế gian những pháp khó được ấy, chỉ trong một sát-na là đầy đủ hết.

Lại nữa, thân người khó được, mà nay ta đã được, lại sinh vào nơi cao quý, các căn không thiếu, không điếc, không câm ngọng, thân cũng không tật nguyền, sức lực đầy đủ, cũng có thể biết lời nói thiện, lời nói ác, nghĩa lý của các pháp. Nay ta xa Phật Thế Tôn không ai cứu giúp, lại không xa lìa được tám nạn, tuy được thân người nhưng thật uổng phí, không lợi ích, bây giờ ta biết làm sao! Đức Phật Thế Tôn là người rất thương xót

chúng sinh, nay ở đâu? Nguyện xin Ngài có lòng lành lớn nghĩ nhớ đến con, thương xót con, nay con không còn nơi nương tựa, không người đỡ đầu, không người cứu giúp, không chỗ quay về, không nơi hướng đến, lại không có ngọn đuốc chiếu sáng, nạn khổ hiểm ác càng làm thêm đau khổ. Đức Thế Tôn với lòng thương xót lớn, nguyện xin Ngài mau biết đến cứu giúp con…

Than rồi, lại suy nghĩ: "Ta phước mỏng, nghiệp tội sâu dày, vì sao mà Đức Thế Tôn mau nhập Niết-bàn." Lúc đang run sợ như vậy thì trí tuệ bỗng phát sinh, lại tiếp tục suy nghĩ: "Nếu Phật Thế Tôn đã nhập Niết-bàn thì trong hàng đệ tử của Phật, bậc có oai đức lớn là Tôn giả Đại Ca-diếp. Đức Như Lai đã giao phó Tôn giả gìn giữ giáo pháp, nay cũng lại nhập Niết-bàn. Ta nghe Tôn giả A-nan hiện đang gìn giữ giáo pháp của Như Lai, có thần thông lớn, đầy đủ oai đức lớn, luôn làm lợi ích lớn cho tất cả chúng sinh, che chở chúng sinh chưa từng dừng nghỉ. Tôn giả kia có lòng thương xót lớn, sẽ nghĩ đến ta đang chịu gian nan, khổ sở này. Nguyện xin Tôn giả lòng lành thương xót như Phật, mau đến cứu giúp."

Nghĩ rồi lại khóc, nước mắt tuôn trào, lo sợ xoay vần trong sinh tử, thật hết sức đáng chê trách, phát khởi tâm mong cầu xuất ly bậc nhất, từ xa hướng về phía Tôn giả A-nan, tha thiết nói kệ:

Trong đường sinh tử rất đáng sợ
Con thường không được sống an vui
Tôn giả A-nan đều biết rõ
Nguyện xin Tôn giả nghe lời này.
Phật Đấng Đại Bi, Nhất thiết trí
Giáo hóa sau khi nhập Niết-bàn
Pháp môn chánh: lợi ích chúng sinh
Giao phó Tôn giả Đại Ca-diếp.
Tôn giả kia đã làm lợi lạc
Giáo hóa xong việc nhập Niết-bàn
Lại đem pháp lợi ích thế gian
Phó chúc A-nan oai đức lớn.
Tôn giả Ca-diếp tiếng vang khắp
Sau khi nhập Niết-bàn đến nay
Tôn giả đối thế gian bình đẳng
Làm lợi lạc cho khắp chúng sinh.
Ba cõi không chủ, làm chủ tể
Các người lo sợ, làm không sợ

Người mệt cho ở chỗ nghỉ ngơi
Khiến người không hướng, có hướng về.
Tôn giả với thế gian bình đẳng
Việc Đại sư làm đều làm được
Đệ tử Phật từng là thị giả
Đang gìn giữ chánh pháp Như Lai.
Thưa Thánh giả con đang bị nạn
Nếu không rũ lòng cứu giúp con
Ngoài Thánh giả còn ai để nương
Xin biết con đang bị nguy hiểm.
Đã có sinh thì phải có tử
Bậc trí không nên lo sợ chết
Tôn giả đối với vòng sinh tử
Biết rõ con đường nào giải thoát.
Nếu có thể ra khỏi tám nạn
Làm việc có lợi đến khi chết
Sát-na thành việc rất là khó
Do duyên này nên con buồn khổ.
Chư Phật ra đời bày các pháp
Nhưng mà tối thượng rất khó được
Hôm nay Tôn giả nên nghĩ đến
Quá khứ chính Phật đi hóa độ.
Lòng thương Tôn giả rất vững bền
Lòng lành thương xót không bỏ con
Vì các chúng sinh mà xuất hiện
Con hướng đến cầu đạo giải thoát.
Tôn giả oai lực, công đức lớn
Thường phát tâm lợi ích chúng sinh
Nay con bị đau khổ bức ép
Nguyện đem lòng lành khéo xét xem.
Nay con khốn khổ không ai cứu
Nguyện xin bậc mắt sáng chiếu soi
Tôn giả lòng lành mau hiện đến
Cứu giúp con khỏi nạn khổ này.

Đồng tử Kim Sắc nói kệ này xong, Tôn giả A-nan vì muốn thành tựu lợi lạc cho khắp thế gian, nên phát sinh lòng yêu thương, xem xét các việc ưa muốn của vô lượng, vô biên chúng sinh, làm lợi ích liên tục không dứt, liền dùng Thiên nhãn quán thấy Đồng tử Kim Sắc rất đau khổ, không nơi

nương nhờ. Quán như vậy rồi, Tôn giả phát tâm thương xót, phóng ra ánh sáng vi diệu chiếu khắp cung điện, thành, nước, tất cả cảnh giới đều được chiếu sáng. Rồi cùng năm trăm đại A-la-hán quyến thuộc, đều vận dụng thần lực, đồng thời bay vút lên cao như mây như lọng ở giữa hư không, hiện ra tất cả tướng tốt, ánh sáng vây quanh luân phiên chiếu khắp, rồi tất cả hướng về rừng bỏ thây chết.

Bấy giờ, vua A-xà-thế đứng trên lầu cao rộng tráng lệ, nhìn thấy Tôn giả A-nan cùng chúng Tỳ-kheo như tướng hình bán nguyệt, Tôn giả A-nan ngồi kiết già ở giữa, tất cả bay vọt lên hư không như mây như lọng, với tất cả sự trang nghiêm tốt đẹp, rất đáng yêu đi về rừng bỏ thây chết.

Thấy rồi, nhà vua liền suy nghĩ: "Tôn giả A-nan chắc chắn vì Đồng tử Kim Sắc nên mới đến đây. Tôn giả đã đến ắt sẽ hiện tướng trang nghiêm lạ thường, muốn giảng thuyết pháp chưa từng có, ta nên mau đến đó."

Khi ấy, nhà vua A-xà-thế hướng về Tôn giả và A-la-hán cung kính đảnh lễ, rồi từ lầu cao, đi xuống cùng với vô số trăm ngàn người thân cận vây quanh theo sau hướng đến rừng bỏ thây chết.

Lúc này, bốn vị quan giám sát đều tức giận, cầm kiếm cưỡng bức mấy đao phủ và nói:

–Vì sao các ông cứ kéo dài việc này, không mau đem Đồng tử Kim Sắc kia trói vào giá chém?

Những đao phủ nghe nói sợ hãi liền bắt Đồng tử trói vào giá. Khi ấy, Đồng tử Kim Sắc lại càng nhàm chán những tội lỗi của sinh tử, không chỗ nương nhờ, liền nói:

–Khổ thay, khổ thay! Hôm nay, nếu Tôn giả A-nan không cứu giúp con, con ắt bỏ mạng.

Lúc Đồng tử nói ra lời này, Tôn giả A-nan từ xa đi đến, liền phát ra tiếng để an ủi tất cả, rồi lại an ủi Đồng tử Kim Sắc:

–Con chớ lo sợ! Con là người hiền lành biết pháp luật, ta sẽ ngăn chận việc phi pháp này cho con, giống như ngăn nọc độc rắn và khiến người rất ác ấy không được làm hại. Thế nên, ta sẽ giải thoát ách nạn này cho con, ta sẽ làm cho con được viên mãn ý nguyện như Phật Thế Tôn. Ta sẽ dùng cái thấy, biết của Phật, tùy theo căn cơ mà giảng bày, lại cũng như Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, đem chánh pháp giao phó cho Tôn giả Đại Ca-diếp. Ta sẽ làm đúng theo lời dạy ấy, chân thật thi hành và nay sẽ giảng nói cho con. Pháp của các bậc có oai đức lớn đứng đầu trong hàng Thanh văn nói ra, nay ta sẽ làm cho con được mãn nguyện, ta sẽ chấm dứt nỗi lo sợ chết và tất cả nỗi lo sợ trong kiếp luân hồi cho

con, ta sẽ nhổ sạch mũi tên hý luận nghi ngờ cho con, do xấu ác nên mắt trong sạch bị che phủ, ta sẽ dùng thuốc hay để chữa trị làm cho trong sạch, ngọn lửa sân giận của con sẽ được ta diệt trừ. Nay ta sẽ làm cho con xa lìa lòng tham, được trong sạch, ta sẽ làm cho con được gieo hạt giống tốt khắp nơi, ta sẽ kéo con ra khỏi bùn sinh tử, ta sẽ làm cho con vượt qua được biển khổ, ta sẽ làm cho con ra khỏi tận cùng tất cả hiểm nạn, ta sẽ làm cho con được giải thoát khỏi bị phiền não trói buộc, ta sẽ phá tan cửa chướng ngại cho con. Nói tóm lại, ta sẽ tùy theo hoàn cảnh mà làm mọi việc cho con. Con ở trong vô số trăm ngàn kiếp đã tu tập các pháp tối thượng khó được, nghĩa là đã diệt sạch phiền não, chứng quả A-la-hán, dùng lửa trí tuệ đốt cháy tất cả củi phiền não, sự chứng đắc được tăng cao, lìa được bệnh nghi ngờ, như cây đại thọ trải qua hơn ngàn năm khó mà chết được, phải dùng trí kim cang mới chặt tận gốc.

Bấy giờ, Tôn giả nói kệ:

Tham, sân, kiêu mạn thường liên tục
Chảy vào biển ba cõi không cùng
Nương thuyền trí tuệ tinh tấn kia
Nay ta vì con làm khô cạn.
Sinh là khổ lớn, già là rễ
Chết tức là nơi nguy hiểm nhất
Trí tuệ kim cang rất sắc bén
Phá tan tất cả các núi khổ.
Trải qua cả ngàn ức số kiếp
Chịu khổ tu tập vẫn chưa thành
Hôm nay với điều khó được này
Khiến cho con được pháp vô lậu.

Nghe Tôn giả A-nan nói kệ như vậy rồi, Đồng tử Kim Sắc như được sống lại, thân tâm an ổn, rất vui mừng, ngửa mặt lên hư không, một lòng thành kính hướng về phía Tôn giả, mắt nhìn không rời. Khi ấy, bốn vị quan giám sát gọi các đao phủ lại và nói:

–Các ngươi nên biết! Các vị Tỳ-kheo này là người Từ bi. Nay từ hư không đến làm chướng ngại việc của chúng ta. Các ông nên mau trói Đồng tử vào giá chém, bằng không chúng ta trái lệnh của vua, tạo ra tội lỗi, thành việc làm vô ích.

Các đao phủ nghe rồi, đều sợ vợ con, quyến thuộc mất mạng, tức thời cùng nhau đưa Đồng tử Kim Sắc treo vào giá chém.

Tôn giả A-nan vội dùng thần lực, ngay trên giá chém, đặt một bánh

xe như mặt trăng sáng, ánh sáng trong suốt, giữa vầng tròn lại hiện ra đài hoa sen xinh đẹp, rộng lớn. Do sức thần lực hộ trì của Tôn giả, làm cho Đồng tử Kim Sắc tự nhiên đến ngồi kiết già trên tòa hoa sen ấy. Sau khi ngồi yên, Đồng tử xem xét khắp nơi, thấy trong hư không có vô số trăm ngàn những Thánh hiền cùng lúc nói: "Lạ thay, lạ thay!" Và nói kệ:

Lạ thay! Chánh pháp oai lực lớn
Nhất thiết trí Phật chưa từng có
Nay đệ tử Thanh văn cũng vậy
Hay làm việc thần biến Như Lai.
Tôn giả A-nan vào lúc này
Hiện rõ thần lực oai đức lớn
Việc làm giống như Bậc Thiện Thệ
Chánh pháp rộng lớn chưa từng có.
Ánh sáng mặt trời Phật tuy lặn
Oai quang Tôn giả vẫn chiếu soi
Các khổ bức ép đều diệt trừ
Lạ thay! An lành hoan hỷ lớn.
Phước đức, trí tuệ, oai thần lớn
Ánh sáng rực rỡ rất trang nghiêm
Tôn giả giống như vầng trăng đẹp
Trong sáng xuất hiện giữa hư không.
Ánh sáng Thiện Thệ tuy đã lặn
Bóng tối dẫu che khắp thế gian
Thần quang Tôn giả vẫn chiếu rọi
Chánh pháp ngày nay vẫn huy hoàng.
Phật báu tối thượng nay tuy ẩn
Đức khó nghĩ bàn đều viên mãn
Vật báu thế gian an lành lớn
Tôn giả A-nan có thể bày.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan ở trên hư không, giống như ánh trăng rằm mùa thu trong suốt, ánh sáng chiếu soi khắp tất cả. Lại như lọng mây hiện tướng thiện, trong sáng biến khắp cả, oai lực của ánh sáng hơn cả mặt trời. Tôn giả cùng với năm trăm đại A-la-hán thân cận vây quanh, đứng trên hư không nói kệ cho Đồng tử Kim Sắc:

Như Lai Đại sư xuất thế gian
Là bậc tối thượng thật hiếm có
Bậc thầy cao cả của trời, người

Năm mắt thanh tịnh không chướng ngại.
Như Phật Thế Tôn xưa đã nói
Pháp môn lìa khổ được thanh tịnh
Pháp này cho biết khổ do đâu
Tất cả khổ kia sẽ bị diệt.
Vì biết khổ nên đoạn nhân khổ
Liền có thể vượt qua pháp khổ
Tám Thánh đạo đúng lý tu hành
Hướng đến Niết-bàn được an vui.
Nay ta làm theo lời Phật dạy
Tất cả pháp khổ phải diệt trừ
Chánh trí sẽ phá tâm vô trí
Bỏ thân này rồi không sinh nữa.

Sau khi nghe Tôn giả A-nan nói kệ, Đồng tử Kim Sắc dùng trí kim cang phá tan thân kiến cao như hai mươi ngọn núi, liền chứng quả Tu-đà-hoàn. Khi Đồng tử Kim Sắc chứng quả rồi, giống như người đi buôn được lợi lớn, như người làm ruộng được mùa, như người ra trận dũng mãnh được chiến thắng, lại được như bậc Chuyển luân thánh vương, phát sinh niềm vui mừng cao tột, liền chắp tay hướng về Tôn giả A-nan, nói kệ khen ngợi:

Tôn giả A-nan con cúi đầu
Quay về nương tựa bậc cao cả
Cũng quy y các đệ tử Phật
Dựng cờ chánh pháp của Mâu-ni.
Lòng thương rộng lớn thật hiếm có
Lòng lành cao tột cũng hiếm có
Con nay bị khổ làm điên đảo
Tôn giả Từ bi khéo cứu con.
Tôn giả A-nan ở nơi này
Luôn nghe được khắp những tiếng kêu
Con bị khổ não không nơi tựa
Nhờ Tôn giả cứu được giải thoát.
Trong đường khổ não rất nóng bức
Nhờ sức Tôn giả nên mát mẻ
Tâm Từ bi như vầng trăng sáng
Mâu-ni xuất hiện như trăng rằm.
Con nay chứng đắc được các việc
Chẳng do cha mẹ, hay bà con
Tôn giả bạn lành đến cho con

Và làm cho con được lợi lớn.
Tôn giả khéo ngăn các đường ác
Lại chỉ bày pháp môn giải thoát
Làm khô cạn dòng chảy sinh tử
Phá tan đống xương chứa như núi.
Sinh tử không có đầu, giữa, cuối
Phiền não chứa đựng các lo sợ
Dùng pháp bình đẳng trí kim cang
Tôn giả ra khỏi vòng sinh tử.
Vô thỉ đến nay bị chìm sâu
Mũi tên buồn trong tim chưa nhổ
Nay gặp thầy thuốc lớn cao cả
Từ miệng sinh pháp lìa các bệnh.

Khi ấy, các bậc Thánh hiền ở giữa hư không liền hướng về phía Tôn giả A-nan hết lòng tôn kính chiêm ngưỡng. Trong một khoảnh khắc, chỗ rừng bỏ thây chết tự nhiên loại bỏ tất cả đất, đá, sỏi, ngói, gạch gồ ghề, bên trong bên ngoài được rưới nước hương Chiên-đàn, đốt các thứ hương thơm, dựng cờ, lọng và lầu báu, lại có nhiều y phục được trang sức bằng châu báu, các loại hoa thơm đẹp rải khắp mọi nơi. Nơi ấy, bỗng nhiên biến thành trang nghiêm thanh tịnh, giống như vườn Hoan hỷ của các cõi trời.

Lúc này, các Thánh hiền sắp đặt thật trang nghiêm với các thứ châu báu tốt đẹp, dùng tất cả vàng ròng tạo thành tòa Sư tử lớn và ghế báu để cho Tôn giả A-nan gác chân. Lại sắp xếp cho năm trăm A-la-hán, mỗi vị cũng có một tòa báu trang nghiêm.

Tôn giả A-nan từ trên hư không hạ xuống, đến ngồi ở tòa Sư tử.

Năm trăm A-la-hán cũng từ hư không hạ xuống, mỗi vị đều ngồi lên tòa của mình.

❑

KINH KIM SẮC ĐỒNG TỬ NHÂN DUYÊN

QUYỂN 7

Bấy giờ, vua A-xà-thế cùng với vô số trăm ngàn đại thần tùy tùng đã đến chỗ đông người ấy, thấy các tướng đặc biệt hiện ra, thấy Đồng tử Kim Sắc có ánh sáng rực rỡ như vầng trăng, ngồi trên đài hoa sen như ánh trăng rằm giữa trời thu trong suốt, lại có các phướn bằng vàng, ánh sáng rực rỡ, trang nghiêm kỳ diệu.

Thấy rồi, nhà vua rất ngạc nhiên, cho là việc vô cùng kỳ lạ, hiếm có, lông tóc dựng đứng, mặt mày rạng rỡ, như biển gợn sóng nhỏ lăn tăn, càng tăng thêm lòng tin thanh tịnh, liền hướng đến Tôn giả A-nan, toàn thân phủ phục sát đất, cung kính hết lòng lễ bái dưới chân. Sau đó chắp tay kính trọng nhìn ngắm Tôn giả A-nan rồi nói kệ:

Quy y Thánh giả bậc tối thượng
Hành động Tôn giả thật tốt đẹp
Có thể cứu hết người trong hội
Lại còn đưa tay giúp chúng con.
Những người chúng con vào lúc này
Nếu chẳng được Tôn giả tiếp độ
Một tiếng động lớn ở trong hội
Tất cả chúng con đều bị hoại.
Nếu chẳng được Tôn giả cứu giúp
Việc lợi chúng sinh đều ngừng lại
Hôm nay chúng con cùng chúng hội
Bị lửa lớn thiêu đốt hành hạ.
Lạ thay! Tôn giả trí thù thắng
Tâm thiện thương xót rất đủ đầy
Việc làm cao cả thật hiếm có
Diễn giải rõ ràng thật lạ kỳ.
Hiện bày thần biến như mây thiện
Chúng con thấy việc chưa từng có
Ánh sáng lớn vắng lặng cao tột
Không khác với ánh sáng Như Lai.

Thế gian chất chứa các khốn khổ
Thánh giả làm chủ ra tay độ
Làm lợi ích lớn cho chúng sinh
Như Phật Từ bi thương yêu khắp.
Thế Tôn quán khắp các thế gian
Chúng con thảy đều được vui vẻ
Nay Tôn giả soi chiếu thế gian
Giữ gìn pháp thanh tịnh Như Lai.

Vua A-xà-thế nói kệ khen ngợi rồi mới cảm thấy thỏa mãn ý nguyện, trong lòng vui vẻ liền bước tới vòng sắt trói người kia, đưa hai tay tiếp đón Đồng tử Kim Sắc, tâm vô cùng hoan hỷ như được đứa con yêu mến.

Khi ấy, Đồng tử từ tòa sen thản nhiên bước xuống. Nhà vua do lòng thương mến sâu xa liền bước đến trước ôm choàng lấy Đồng tử vỗ về hai ba lần, ánh mắt nhìn ngắm Đồng tử không rời và nói kệ:

Như ta lúc trước lên ngôi vua
Khi ấy niềm vui không lớn lắm
Thấy ngươi thoát được khỏi khổ lớn
Nỗi vui mừng tăng hơn gấp bội.
Ánh mắt sáng ngời trên gương mặt
Giống như cánh đóa hoa sen xanh
Như ánh sáng mặt trăng trong suốt
Hôm nay chúng con được chiêm ngưỡng.
Tướng mạo cân đối lại thanh nhã
Trang nghiêm bằng đủ các công đức
Các phần thân thể đều đầy đặn
Nét tươi sáng rạng rỡ thích nhìn.
Trước ông đã gặp những người nào
Kẻ đó rất ác không lòng thương?
Do ông được mọi người thương mến
Sắp đem giết hại và vứt bỏ.
Việc ông làm rất là rõ ràng
Lời nói ra ai cũng thích nghe
Tướng mạo nghiêm trang đời hiếm có
Thế gian người nào không yêu mến.
Đức hạnh như vậy ai sân giận
Công đức vậy lẽ nào gây tội
Giống như tâm kim cang chân thật

Vì sao ở đây làm sai đi?
Những người có trái tim sắt đá
Và những kẻ không có suy nghĩ
Những người tâm thức bị hủy hoại
Nên đối với ông không thương xót.
Ngọn lửa kim cang bùng cháy mạnh
Như có người để trên đầu ta
Lại như kiếm bén đâm vào ngực
Thấy giết hại ông cũng như vậy.
Lại như sấm sét chấn động lớn
Trên không đánh xuống vào tim ta
Nay ông được mọi người thương mến
Người nào ra lệnh giết hại ông?
Khổ thay! Người nào nói lời ác
Bảo rằng ông gây ra nghiệp này
Do tâm cực ác oán kết vào
Đối với ông lại không thương mến.
Lẽ nào thần chết đến quấy nhiễu
Người nào lại hiểm ác như vậy?
Khi trước người nào muốn giết ông
Ông hãy mau nói rõ ta nghe.

Nghe vua A-xà-thế nói như vậy, Đồng tử Kim Sắc liền suy nghĩ: "Nếu hôm nay ta đem sự việc trước kia tâu trình đầy đủ cho vua nghe, há chẳng phải ta lại tạo nghiệp ác với đại thần Dũng Lệ chăng. Vì sao? Vì tánh vua nóng nảy, khi hiểu rõ sự việc thì sẽ hại tánh mạng người kia." Rồi tự suy nghĩ tiếp: "Phải tự xét kỹ về nghiệp đời trước. Sống ở đời trước, ta đã trải qua các kiếp, chắc chắn đã tạo các nghiệp chẳng tốt, nay đã thành thục, mới có quả báo rõ ràng, nên nghiệp nhân nơi đời trước không thể không có quả báo. Nay ta thật không có lỗi, bị người khác muốn giết hại, nên khiến trừ bỏ."

Nghĩ vậy rồi, quyết định không còn phân vân, liền đến trước vua, nói kệ:

Như tôi ở vào đời quá khứ
Tự gây ra các nghiệp chẳng thiện
Nghiệp thành quả chín thật rõ ràng
Báo ứng hiện hành ngày hôm nay.
Nhận lấy thật chẳng phải quả tốt

Đều do đã gây nhân bất thiện
Nay chịu quả báo thật không nghi
Vì tôi vua nên xem xét kỹ.

Nói kệ xong, Đồng tử đến trước Tôn giả A-nan, toàn thân phủ phục xuống đất, đảnh lễ nơi hai chân, rồi lui qua một bên. Khi ấy, Tôn giả bảo Đồng tử:

–Này Đồng tử! Nàng Ca-thi Tôn-na-lợi trước bị rắn độc cắn vào chân, ông hãy dùng năng lực gia trì chân thật, làm cho mau được bình phục như cũ, cũng làm cho tất cả đại chúng trong chúng hội này đều phát sinh lòng tin thanh tịnh.

Nghe Tôn giả nói, Đồng tử Kim Sắc muốn làm cho tất cả chúng sinh phát tâm vững bền liền tư duy dũng mãnh, phát ra năng lực gia trì chân thật. Nếu pháp chân thật thì lời nói cũng sẽ chân thật: Ta với nàng Ca-thi Tôn-na-lợi nhất định chưa từng phát sinh một chút phiền não, hoặc tham, hoặc sân, hoặc si, hoặc hại, hoặc các tâm sở tùy phiền não khác. Pháp chân thật tức là lời nói cũng chân thật sẽ làm cho nọc độc trong thân người nữ này được tiêu trừ và trở lại như cũ.

Đồng tử nghĩ nhớ đến năng lực gia trì chân thật xong, nọc độc trong người nàng Ca-thi Tôn-na-lợi liền tiêu trừ và nàng tỉnh lại, trở lại an vui như trước, quay nhìn bốn phía thấy được tất cả đại chúng trong chúng hội.

Khi ấy, tất cả vô số trăm ngàn hàng trời, người trong đại chúng cùng lúc nói:

–Kỳ lạ thay! Hiếm có thay! Đồng tử Kim Sắc tâm ý thật là thanh tịnh. Có thần lực, oai lực lớn mới có thể làm được như vậy. Do năng lực gia trì chân thật mà vị ấy đã làm cho nàng Ca-thi Tôn-na-lợi được thân thể an ổn và sống trở lại.

Bấy giờ, nàng Ca-thi Tôn-na-lợi nhìn kỹ chúng hội, mới thấy trong rừng bỏ thây chết có Tôn giả A-nan và đại chúng Tỳ-kheo đứng theo hình bán nguyệt, có nhiều ánh sáng báu rực rỡ, đẹp đẽ, thứ tự ngồi trên tòa Sư tử, cũng thấy vua A-xà-thế cùng vô số trăm ngàn quần thần tùy tùng đang ở trong chúng hội. Lại thấy mình đang nằm trên sàn tre, trang sức lụa là, đủ các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng. Thấy vậy, đồng nữ rất hoang mang, sợ sệt, nghĩ: "Ta đây đang nằm mộng mà thấy hay sao, tâm ta mê loạn hay sao, nghiệp mình làm nay đưa đến như vậy hay sao?" Sau đó, thân tộc cô ta nói rõ hết sự việc lúc trước và bảo:

–Sự việc này đều nhờ Tôn giả A-nan đoái hoài đến đây và hiện bày sức thần thông làm cho cô sống lại.

Nghe nói rồi, đồng nữ liền đến trước Tôn giả A-nan phát tâm tin kính thanh tịnh tột bực, rất thán phục, rồi tự mình suy xét nhớ lại mọi sự việc trước kia ở trong khu vườn của thương chủ Nhật Chiếu, bị đại thần Dũng Lệ muốn giết hại, cái chết cận kề, làm cho tâm ý mê loạn rất chán nản đối với những hoạn nạn do kẻ ác gây ra. Xét thân người nữ có nhiều tổn não. Khổ thay, khổ thay! Gọi là người nữ so với các đồng loại khác rất là thấp kém, là nơi tập hợp các khổ. Nay ta làm thế nào để có thể bỏ được thân người ô uế đáng chán này?

Nghĩ vậy rồi, liền đứng dậy rời khỏi chúng hội, tìm một tấm vải đẹp, cầm đến trước Tôn giả A-nan, nghiêm trang đảnh lễ dâng lên và phát sinh tâm tin kính thanh tịnh hết mực, nghĩ đến công đức cao cả của Tôn giả A-nan trước đây đã dùng lực gia trì chân thật làm cho mình được an ổn, pháp của Tôn giả là chân thật, lời nói của Tôn giả cũng chân thật. Trong hàng đệ tử của Như Lai, Tôn giả là bậc học rộng đệ nhất, là bậc rất tối thắng trong các bậc tối thắng, là bậc tối thượng trong các bậc tối thượng, là rồng trong hàng Thanh văn, là sư tử trong hàng Thanh văn, là Đại tiên trong hàng Thanh văn, là bậc hiền lành trong hàng Thanh văn, là hoa sen hồng trong hàng Thanh văn, là hoa sen vàng trong hàng Thanh văn, là hoa sen trắng trong hàng Thanh văn, là bậc Điều ngự trong hàng Thanh văn, là thầy hướng dẫn trong hàng Thanh văn, là mặt trăng trong hàng Thanh văn, là mặt trời trong hàng Thanh văn, là vật báu trong hàng Thanh văn, là viên ngọc quý trên búi tóc trong hàng Thanh văn, là vị nghe pháp nhiều, nắm giữ giáo pháp. Vị A-la-hán này đã đoạn tận các lậu, việc cần làm đã làm xong, đã bỏ gánh nặng xuống, đã làm được lợi ích cho mình, trừ hết các ràng buộc của phiền não, tâm hoàn toàn giải thoát, có thần thông lớn, đầy đủ oai đức lớn, ánh sáng lớn, là ruộng để bố thí lớn, Tôn giả đã có những công đức lớn như vậy, nếu pháp chân thật thì lời nói cũng chân thật, sẽ làm cho ta hôm nay chuyển thân người nữ thành tướng người nam.

Khi nói ra lời này, nhờ vào lực gia trì chân thật của Tôn giả nên chỉ trong khoảng sát-na, Đồng nữ Ca-thi Tôn-na-lợi liền chuyển thân nữ thành thân nam, có đầy đủ sắc tướng trang nghiêm đẹp đẽ, mọi người đều ưa nhìn, có cả y phục đẹp, đồ trang sức đầy đủ.

Lúc ấy, trên hư không tự nhiên mưa các loại vải trời rất tốt đẹp, rất vừa ý. Những tấm vải trời ấy rộng lớn trùm khắp hư không, như bánh xe che phủ khắp tất cả, trong chốc lát ở rừng bỏ thây chết kia, bánh xe vải ấy che khuất cả ánh mặt trời.

Thấy sự việc này, hàng trời, người, đại chúng trong hội đều rất kinh

ngạc. Là do Tôn giả A-nan có công đức oai thần lớn như vậy, nên liền khi ấy trên hư không có vô số trăm ngàn Thiên chúng đều nói:

–Lạ thay, lạ thay! Thật là vĩ đại và đặc biệt chưa từng có. Tôn giả A-nan đầy đủ oai đức lớn, tối thượng thanh tịnh, làm ruộng bố thí lớn. Đồng nữ Ca-thi Tôn-na-lợi kia chỉ đem một tấm vải dâng cúng, nhờ nguyện lực nối tiếp mà chuyển được thân nữ thành thân nam. Hạnh nguyện thật lớn thay. Đặc biệt cao cả là vậy.

Các chúng trời đều phát lòng tin thanh tịnh, ở trên hư không mưa các hoa trời và trỗi các loại nhạc trời.

Bấy giờ, Đồng tử Ca-thi Tôn-na-lợi, nhờ oai đức lớn của Tôn giả A-nan nên các ý nguyện mong muốn đều được viên mãn, đã thấy rõ quả báo hiện thời như vậy nên vô cùng vui mừng, toàn thân sung sướng, đứng trước Tôn giả A-nan, quỳ gối sát đất, chắp tay cung kính, thành tâm nói kệ ca ngợi:

Lạy bậc khó được, không nghĩ bàn
Trang nghiêm bằng công đức vi diệu
Nay con không có nơi nương tựa
Nhờ Tôn giả nên được sống lại.
Hôm nay con không gặp Thánh giả
Bậc trí nhẫn thanh tịnh cứu giúp
Thì mạng sống con không thể còn
Tôn giả đem mạng sống cho con.
Lạ thay! Công đức oai lực lớn
Lạ thay! Ban vui khắp chúng sinh
Khi gặp hoạn nạn khổ gây hại
Khéo dùng phương tiện cứu giúp người.
Lạ thay! Chính là Bậc Ứng Cúng
Rất khó được, điều thiện trong sạch
Con đem một tấm vải cúng dường
Nhờ oai thần, lợi nhỏ thành lớn.
Lại nữa tấm vải dù rất nhỏ
Đem dâng Tôn giả Đại Mâu-ni
Tùy theo mong muốn được viên mãn
Nhờ oai lực nên có quả ngay.
Theo ý con nghĩ, thân người nữ
Chất chứa đủ các lỗi lầm lớn
Nhờ oai lực Tôn giả gia trì

Được chuyển thân nữ thành thân nam.
Tướng trời người chuyển đi chuyển lại
Dùng vật báu trời để trang sức
Trên không lại mưa vải trời đẹp
Rực rỡ rơi xuống thêm vui mừng.
Ruộng phước công đức tốt như vậy
Người nào không thể làm như thật
Người đó ít phước không lợi ích
Bị phiền não ngu si… buộc ràng.

Sau khi nói kệ khen ngợi xong, Đồng tử thấy rõ quả báo hiện thời như thế, liền suy nghĩ: "Ta được chuyển thân tướng như vầy, lại xem đủ các quả báo ưa thích, không ưa thích mà sự lý rõ ràng, ta nay không nên ở nhà thế tục nữa, phải cầu xuất gia." Nghĩ vậy rồi, đến trước Tôn giả A-nan, hai chân đứng thẳng, đảnh lễ và thưa:

–Bạch Tôn giả! Cho con được đến với Tôn giả, được xuất gia ở trong pháp thanh tịnh, thọ giới cụ túc thành Tỳ-kheo, ở chỗ Tôn giả phát nguyện tu phạm hạnh.

Tôn giả A-nan liền truyền dạy pháp xuất gia cho Đồng tử, sau khi thành Tỳ-kheo, dứt sạch các phiền não, chứng quả A-la-hán.

Trường hợp của thương chủ Nhật Chiếu và vợ trước đây, vì xa lìa Đồng tử Kim Sắc, bị buồn khổ, đi khắp các hang cùng ngõ hẻm trong thành Vương xá, ngã lăn xuống đất, vừa ngồi lên lại ngã xuống, tới lui hoang mang, không biết đi đâu, đau buồn sợ hãi đưa tay đánh vào thân, la lớn: "Khổ thay con tôi, khổ thay con tôi", kêu la thảm thiết rồi khóc lóc, nay bỗng nhiên nghe mọi người nói: "Tôn giả A-nan từ trên không hạ xuống đến rừng bỏ thây chết để cứu giúp Đồng tử Kim Sắc, làm nhiều việc hiếm có", thương chủ Nhật Chiếu và vợ như có nước cam lồ rót vào lòng, vô cùng vui mừng, giống như Chuyển luân thánh vương thọ ngôi vị quán đảnh nên rất vui mừng, liền vội vàng đi khỏi thành Vương xá, tới rừng bỏ thây chết. Đến nơi, ông bà thấy Đồng tử Kim Sắc như trăng tròn mùa thu chiếu sáng trong suốt, mênh mông, ánh sáng của La-hầu không hiện ra được, ngồi an nhiên gần Tôn giả A-nan.

Lại thấy Tôn giả có oai lực lớn, có thể phát sinh tướng hiếm có đặc biệt tốt đẹp, thần thông biến hóa vĩ đại làm hàng trời, người kinh ngạc.

Thương chủ thấy rồi liền đối với Tôn giả A-nan phát sinh tâm tin kính thanh tịnh đặc biệt tối thượng, toàn thân sát đất, đảnh lễ nơi chân Tôn giả, đứng dậy, rồi quỳ gối sát đất, chắp tay cung kính say sưa ngắm nhìn,

lòng rất vui mừng, nước mắt chảy ròng, hướng đến Tôn giả A-nan nói kệ khen ngợi:

Lạ thay! Tôn giả phước lực lớn
Oai thần rộng bày thật rõ ràng
Nay con gặp nạn khổ nguy ách
Tôn giả khéo tìm cách giúp con.
Lạ thay! Lòng lành đức đại thắng
Lạ thay! Diệu trí đều viên mãn
Nhất thiết trí, như Đức Thế Tôn
Trong sạch cao tột và sáng suốt.
Như con hôm nay vì đứa con
Mà chìm trong biển khổ ách nạn
Tôn giả trí tuệ oai quang lớn
Khéo tìm cách để cứu giúp con.
Nếu hôm nay con không được gặp
Tôn giả lòng lành tiếp độ cho
Con và vợ con lâu nay đã
Lọt vào lưới khổ không ra khỏi.
Nay Tôn giả đi đến nơi này
Oai lực đại Bi phát sinh ra
Con con được cứu khỏi biển khổ
Cũng được thoát khỏi chỗ hiểm nạn.
Dây ưu sầu nay cũng đã thoát
Nước mắt ưu phiền nay cũng ngừng
Lo âu sợ hãi diệt trừ hết
Ngục ưu phiền nay đã ra khỏi.
Không còn chìm đắm trong bùn lo
Không sợ đâm chém tổn thương thân
Không còn lo rắn độc xâm hại
Không sợ mũi tên lo bắn trúng.
Không sợ lưỡi kiếm sầu chặt đứt
Không gặp các âu lo thù oán
Không bị cá lớn phiền não nuốt
Không bị ngọn lửa sầu đốt cháy.
Hôm nay Tôn giả khéo chỉ bày
Ánh sáng đẹp chiếu khắp chúng hội
Mắt sáng chúng sinh được khai mở
Tất cả đại chúng đều mừng vui.

Tôn giả xưng tên là Khánh Hỷ
Chúng sinh được lợi ích an vui
Khéo mở cửa cứu thoát như vậy
Hôm nay con rất đỗi vui mừng.

Thương chủ Nhật Chiếu nói kệ khen ngợi Tôn giả xong, liền cùng với vợ đến trước Đồng tử Kim Sắc, vì lòng thương yêu con mãnh liệt nên tiến đến trước ôm choàng, vỗ về ba lần, vui mừng khôn xiết đến rơi nước mắt.

Cùng lúc, cha mẹ đều vui vẻ nhìn kỹ Đồng tử và nói kệ ngợi khen:

Tướng tốt như trăng tròn mùa thu
Thân thanh tịnh ánh sáng chiếu khắp
Các ý nguyện đều được viên thành
Cha mẹ vui được thấy mặt con.
Mắt xanh tướng màu đồng sáng chói
Cao lớn trang nghiêm và rất đẹp
Đều nhờ Tôn giả đã đến kịp
Cha mẹ vui được thấy mặt con.

❑

KINH KIM SẮC ĐỒNG TỬ NHÂN DUYÊN

QUYỂN 8

Bấy giờ, Đồng tử Kim Sắc đối với cảnh lỗi lầm của sinh tử rất là nhàm chán nên thưa với cha mẹ, rồi đến trước chỗ Tôn giả A-nan, đến nơi Đồng tử đảnh lễ dưới chân, thưa:

–Con xin được xuất gia trong giáo pháp thanh tịnh của Tôn giả, thọ giới Cụ túc, thành Tỳ-kheo, ở chỗ Tôn giả thệ nguyện tu phạm hạnh.

Tôn giả A-nan liền trao pháp xuất gia cho Đồng tử. Cho đến khi thành Tỳ-kheo, chỉ trong chốc lát Đồng tử dứt hết các phiền não, chứng quả A-la-hán. Chứng quả rồi, dùng trí hiểu biết về thân mạng của đời trước, xét rõ nghiệp nhân liên tục xảy ra ở đời trước, mới thấy thân mình có đầy đủ tất cả oai lực, phước đức thù thắng, liền nghĩ: "Ta tuy được oai lực phước đức như vầy, nhưng thọ nhận được phước ấy có giới hạn. Ta nay được phước báo như thế là do đời trước đã tạo các nhân phước đức. Ta nên vì các chúng sinh mà mở rộng cửa phước, làm cho hết thảy đều phát tâm tôn trọng, đồng thời tự hiện rõ oai lực phước đức của mình."

Nghĩ như vậy rồi, Đồng tử cởi áo để bố thí. Nhờ thần lực, chiếc áo vừa cởi ra thì có chiếc áo khác lại xuất hiện, cứ như vậy, áo lấy ra rồi áo khác lại xuất hiện rất nhiều, chất thành đống trước Tôn giả A-nan. Đống áo ấy tốt đẹp, vô giá, ánh sáng rực rỡ như mặt trăng mới mọc, lại giống như đống vàng Diêm-phù-đàn sáng đỏ phản chiếu ánh sáng càng thêm đẹp.

Khi ấy, tất cả đại chúng ở hội thấy sự việc này lấy làm kinh ngạc, đồng thanh nói:

–Lạ thay! Thật là hiếm có! Lạ thay! Thật là hiếm có! Lạ thay, oai lực cao tột của người có phước đức. Lạ thay, làm việc phước mà có sức oai thần rộng lớn như vậy. Nếu Tôn giả này liên tục lấy y ra thì đống áo tốt đẹp, vô giá rộng lớn kia nhiều vô số kể!

Bấy giờ, Tôn giả Kim Sắc đem áo đến dâng cho cha mẹ trước, đem áo cúng dường cho Tôn giả A-nan và chúng Tỳ-kheo, cho đến tất cả đại chúng trong hội ở rừng bỏ thây chết, mỗi người đều được hai áo đắp trên thân. Do thần lực của Tỳ-kheo Kim Sắc, nên áo đã cho tất cả mà đống áo

đó cũng không hết.

Khi ấy, Tôn giả Kim Sắc dùng thần lực của mình bay lên hư không đến thành Vương xá, đi khắp các nẻo đường, cứ liên tục cởi y đẹp màu vàng đang đắp trên người tạo ra số lượng rất nhiều chất thành đống, cất tiếng nói vang khắp thành:

–Các người nên biết! Ta lấy áo đang mặc trên mình để ban cho tất cả, các người hãy tùy ý lấy, theo nhu cầu của mình.

Mọi người nghe rồi, trong khoảng sát-na đã có vô số trăm ngàn người tập hợp lại, cùng ngắm nhìn áo đẹp màu vàng chất thành đống lớn ở khắp các nẻo đường trong thành Vương xá. Nó giống như mặt trời mới mọc, có ánh sáng rực rỡ chiếu khắp, lại sáng chói như vàng Diêm-phù-đàn. Tôn giả Kim Sắc ở trên hư không, oai quang hiển hiện, cũng như núi vàng bừng sáng tạo nên sự an lành. Tất cả đại chúng nhìn thấy tướng như vậy rồi, lòng rất kinh ngạc, sắc mặt rạng rỡ phấn khích như sóng biển và đều nghĩ: "Lạ thay! Việc này thật là kỳ lạ, hiếm có. Do tu nhân gì mà được phước báo như vậy, oai thần, phước đức đều thù thắng. Chúng ta nếu có thể biết được do tu nhân gì, sẽ làm theo đúng như vậy ắt sẽ được quả oai thần như thế."

Tôn giả này oai thần phước đức đặc biệt cao cả như thế, là do từ lâu đã tu hành giới cấm hay là đầy đủ trí Thiên nhãn? Chúng ta hãy mau thưa hỏi. Sau khi bàn với nhau, họ vui mừng chắp tay hướng lên hư không, một lòng tin kính chiêm ngưỡng quy y đảnh lễ Tôn giả Kim Sắc, rồi cùng cất tiếng nói kệ:

Tôn giả đầy đủ phước thù thắng
Và được chứng đắc trí Thiên nhãn
Oai thần lớn bố thí như vậy
Tôn giả giải thích cho chúng con.
Nếu ở đời này hoặc đời sau
Mong cầu phước vui và công đức
Tu các hạnh gì được thành đủ
Tôn giả nói rõ cho chúng con.
Lúc ấy Tôn giả Đại Chánh Sĩ
Phát sinh lòng Từ bi thương xót
Vui vẻ giảng giải rõ mọi điều
Diệu âm vang đến khắp nơi nơi.
Nay ta giảng nói nghĩa lý này
Mở bày chỉ rõ cho mọi người
Cứ thế tuần tự giảng giải đủ

Mọi người hãy lắng nghe ta nói.
Ta vào đời này và đời khác
Đều được thành tựu các cửa phước
Phước vui công đức đều hiếm có
Do tu phước mà được như vậy.
Mọi người phải chán ghét khổ não
Nên ham muốn thành tựu an vui
Nên mau tu tập các nhân phước
Phước đức an vui sẽ kéo đến.
Chúng sinh mong cầu quả an vui
Ở đời này hoặc ở đời khác
Tất cả đều được không còn nghi
Do tu phước mới được quả này.
Trưởng giả, cư sĩ và thương chủ
Bà-la-môn các hạng người khác
Tùy tâm thọ hưởng những giàu sang
Do tu phước mới có quả này.
Ở trong loài người ham muốn được
Vợ con cùng với các quyến thuộc
Hòa hợp tròn đầy, tâm sướng vui
Do tu phước mới có quả này.
Sắc tướng khiêm nhường đều tốt đẹp
Ý vui, mắt sáng nhìn khắp cả
Trong kiếp người được oai quang tốt
Do tu phước mới có quả này.
Nếu trong kiếp người muốn thành tựu
Quyến thuộc đầy đủ không tan lìa
Của báu luôn đủ dùng không hết
Do tu phước mới có quả này.
Muốn đủ phước lớn và túc mạng
Lời nói ra người nghe tin nhận
Trong kiếp người thường được kính phục
Do tu phước mới có quả này.
Nếu muốn thành tựu phước rộng lớn
Sinh ở đâu cũng có phước theo
Trong loài người luôn được vừa ý
Do tu phước mới có quả này.
Trong kiếp người muốn được thành tựu

Đầy đủ vô số những của báu
Lâu bền không giảm lại tăng thêm
Do tu phước mới có quả này.
Nếu muốn sinh châu Bắc Câu-lô
Chỗ sinh ra vô ngã, ngã sở
Tuổi thọ loài người được quyết định
Do tu phước mới có quả này.
Có đủ ruộng lúa mạ ngũ cốc
Không trồng tự nhiên có kết quả
Trong kiếp người thọ hưởng đầy đủ
Do tu phước mới có quả này.
Cây Kiếp ba cho áo tốt đẹp
Tự nhiên mà có chẳng làm ra
Tùy ý dùng để che thân thể
Do tu phước mới có quả này.
Lại muốn sinh châu Bắc Câu-lô
Trong kiếp người thọ hưởng không dứt
Sau khi qua đời sinh cõi trời
Do tu phước nên có quả này.
Long vương phước báo như Thiên tử
Thức ăn ngon ngọt như cõi trời
Ở đây thọ hưởng nhờ phước trời
Do tu phước nên có quả này.
Oai quang nhà vua rất thù thắng
Cũng đầy đủ như trời không khác
Mọi người tôn kính phước đức tăng
Do tu phước nên có quả này.
Chuyển luân thánh vương và Tiểu vương
Quyền lực tùy theo quả vị mình
Đồng với Thiên chủ oai quang lớn
Do tu phước nên được quả này.
Trong kiếp người ai muốn có đủ
Tất cả bảy báu đều thành tựu
Chuyển luân vương dùng cũng không hết
Do tu phước nên được quả này.
Thân vua Tỳ-ma Chất-đa-la
Và tất cả vua A-tu-la
Thọ dụng cũng như trời Đế Thích

Do tu phước nên có quả này.
Thiên vương Tỳ-sa-môn tối thắng
Tứ Thiên vương bảo vệ thế gian
Thọ dụng các thứ càng vui vẻ
Do tu phước nên có quả này.
Vườn Hoan hỷ ở trong cõi trời
Nơi thọ hưởng tốt của chư Thiên
Thường cùng Thiên nữ vui trong đó
Do tu phước nên có quả này.
Lại có vô số các Thiên vương
Thiên chủ Đế Thích đầy đủ hết
Nhận nhiều tốt đẹp càng vui sướng
Do tu phước nên có quả này.
Trên trời tất cả tùy ý muốn
Sướng giàu thọ dụng không hề tận
Cung điện biến hóa đẹp để ở
Do tu phước nên có quả này.
Cõi trời mười công đức cao tột
Tuổi thọ, sắc tướng và thể lực
Cõi trời này tốt hơn cõi trước
Do tu phước nên có quả này.
Ở cõi Dục các việc đều tốt
Sướng giàu đều đầy đủ như trời
Tự tại thọ hưởng nơi cõi Dục
Do tu phước nên có quả này.
Tùy theo điều ưa thích mong cầu
Trong cõi trời được dùng tùy ý
Không cần phải tốn công nhọc sức
Do tu phước nên có quả này.
Lại có các cõi trời Phạm chúng
Người tu định ở yên cõi định
Được an vui lìa xa sinh tử
Do tu phước nên có quả này.
Người được định từ định sinh vui
Tham muốn hết, niềm vui tăng trưởng
Được vui vắng lặng, bỏ các niệm
Do tu phước nên có quả này.
Lại có chúng Thanh văn của Phật

Đầy đủ công đức thù thắng nhất
Oai thần rộng lớn đều đã thành
Do tu phước nên có quả này.
Trong trăm kiếp siêng năng tu tập
Chứng đắc quả Bồ-đề Duyên giác
Oai thần phước cao tột đều thành
Do tu phước nên có quả này.
Vô lượng điều tốt không sánh được
Tất cả công đức trang nghiêm khắp
Thành tựu quả Chánh đẳng Chánh giác
Do tu phước nên có quả này.
Trẻ trung, xinh đẹp rất hoàn hảo
Dòng họ cao quý đức trang nghiêm
Người hầu quyến thuộc nhờ phước báo
Vừa ý sướng vui không ngại gì.
Tu phước lớn nên được sinh Thiên
Có đủ Thiên nữ và quả phước
Được vừa ý từ phước sinh ra
Tất cả ưa thích đều đã thành.
Do tu phước nên luôn luôn được
Trang nghiêm trong sạch trí tuệ tốt
Do phước luôn sinh tâm tin, sáng
Biện tài ghi nhớ đều hoàn hảo.
Do phước nên nói lời hòa nhã
Do phước nên được tiếng khen lớn
Tất cả đều do phước sinh ra
Các công đức thù thắng tốt đẹp.
Không có việc tốt nào ở đời
Mà không do phước để được thành
Vì thế thường mong cầu người tốt
Thường nên tu tập các việc phước.
Ta thuở xưa nhờ tu chút phước
Nên được gặp Phật Tỳ-bà-thi
Tùy theo ý muốn được viên mãn
Rốt ráo thành tựu lớn như vầy.
Ta thuở xưa sinh trời lục dục
Làm chủ tự tại cõi trời ấy
Trải qua vô số ngàn kiếp sống

Ở đó mà hưởng vui cao tột.
Chưa từng khổ não không thiếu thốn
Sướng nhất trong loài người cũng vậy
Vua Chuyển luân vô cùng cao quý
Thọ hưởng đầy đủ các phước vui.
Nên biết phước có oai lực lớn
Dù sinh ra bất cứ nơi nào
Tùy sở thích ta đều có được
Tự thọ dụng hưởng phước an vui.
Sắc tướng học rộng đều viên mãn
Miệng tỏa hương hoa Ưu-bát-la
Tiếng hay người nghe đều ưa thích
Phát ra lời nói mọi người vui.
Do nguyện lực xưa kia ta phát
Nay được phước báo cũng như vậy
Sắc tướng công đức đều viên mãn
Người thấy đều sinh tâm vui mừng.
Đời này dòng họ rất rộng lớn
Của cải giàu sang khó lường hết
Y đẹp màu vàng Diêm-phù-đàn
Trang nghiêm thân thể rất đáng yêu.
Khắp cả thân thể tỏa hương thơm
Ngào ngạt cũng như hương chiên-đàn
Mùi thơm hương ấy bay đi khắp
Theo gió ai nghe cũng thích ưa.
Những điều mà mọi người mong cầu
Y phục, châu báu các nhạc cụ
Tùy theo sự suy nghĩ của ta
Tất cả đều có như ý muốn.
Trong lời dạy của Đại Thích Tôn
Pháp xuất gia ta được đầy đủ
Quả A-la-hán đã chứng thành
Ở nơi mát mẻ và vắng lặng.
Nay ta vượt qua đời sống này
Không còn thọ sinh thân sau nữa
Cũng không trở lại thế gian này
Đã vui chứng Niết-bàn vô lậu.
Do đã gây tạo nghiệp đời trước

Nay lãnh thọ quả báo lớn ấy
Ta coi việc đó lẽ đương nhiên
Phước báo cùng tận không thấy hết.

Sau khi Tôn giả Kim Sắc nói kệ, vô số trăm ngàn người được nghe các việc phước chưa từng có, không hạn lượng, không nghĩ bàn như vậy, tất cả đều kinh ngạc, phát tâm lạ kỳ đặc biệt rất cao cả, hết lòng tôn trọng giáo pháp thanh tịnh của Đại sư Thế Tôn, tùy theo ước muốn và năng lực của mình mà thực hành sự bố thí, phát lời thệ nguyện lớn làm các việc phước.

Bấy giờ, Tôn giả Kim Sắc vì tất cả đại chúng với vô số chủng loại có ở trong thành mà mở bày phước hạnh, làm cho họ phát sinh tâm tin kính, tùy theo đó mà giảng nói các việc phước. Sau đó, Tôn giả vận dụng thần lực từ trên không trở lại rừng bỏ thây chết, hướng đến Tôn giả A-nan và chúng Tỳ-kheo, lần lượt đảnh lễ dưới chân, rồi lui ra ngồi một bên.

Bấy giờ, quốc vương A-xà-thế nghe việc đại thần Dũng Lệ, trước đây ở trong vườn của thương chủ Nhật Chiếu, do giận đồng nữ Ca-thi Tôn-na-lợi mà làm việc bất nghĩa. Đồng tử Kim Sắc vốn không có lỗi mà làm cho có tội, rồi sai người giết hại đem đi bỏ. Nghe rồi, vua tức giận nhìn khắp các cận thần, bảo:

–Các khanh nên biết! Người rất ác này gây tạo việc ác như vậy, các khanh hãy bắt đem đi giết.

Khi ấy, đại thần Dũng Lệ đang theo vua ở trong hội, nghe vua ban lệnh như vậy, sợ chết nên toàn thân run rẩy, tâm hồn mê loạn, như lửa thiêu đốt, liền hướng về phía trước vội vã bỏ chạy.

Lúc đó, các quan và vô số trăm ngàn người đều rất tức giận nên cùng nhau đuổi theo bắt lấy. Nhiều người bắt được đại thần càng thêm tức giận nên cùng nhau đánh đập, làm cho đại thần đau đớn khắp thân không thể chịu nổi.

Bấy giờ, đại thần Dũng Lệ do gặp nguy ách nên khóc lóc đến trước Tôn giả A-nan, thưa:

–Cúi xin Tôn giả khởi tâm cứu giúp cho con qua nạn khổ này. Nay con không có chủ, không người giúp đỡ, không chỗ nương tựa. Mọi người đều ghét bỏ, con sắp chết đến nơi.

Tôn giả A-nan liền bảo mọi người:

–Các người hãy dừng lại, chớ nên giết hại, ta sẽ nói với đại vương.

Nghe Tôn giả A-nan nói như vậy, mọi người đều thả đại thần Dũng

Lệ không bắt giữ nữa.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan quay nhìn vua A-xà-thế. Vua suy nghĩ kỹ, rồi thưa Tôn giả:

–Nếu đại thần Dũng Lệ này có thể ở trong pháp của Tôn giả xuất gia thanh tịnh cho đến trọn đời làm người cận sự, ta sẽ y lời dạy của Tôn giả thả hắn ra.

Tôn giả đáp:

–Đúng như vậy.

Khi ấy, mọi người đều dừng lại không đánh đập gây khổ não nữa. Sau đó, Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Kim Sắc:

–Ông hãy dùng lực gia trì chân thật làm cho mọi đau đớn trên thân thể của đại thần Dũng Lệ đều tiêu tan hết, trở lại nhẹ nhàng như trước.

Tôn giả Kim Sắc liền phát tâm bền vững rộng lớn, làm lợi lạc cho tất cả chúng sinh, rồi phát lực gia trì chân thật, nói:

–Nếu pháp chân thật, lời nói chân thật thì đại thần Dũng Lệ tuy làm việc bất nghĩa đối với ta, nhưng ta thật sự đối với người ấy không khởi tâm làm tổn hại chút nào. Pháp này chân thật, lời nói chân thật thì mau làm cho các đau đớn trên thân thể của người này đều được nhẹ nhàng.

Khi nói như vậy, các đau khổ của đại thần Dũng Lệ đều tiêu tan, trở lại nhẹ nhàng như cũ, có thể cử động được. Lúc ấy đại thần mới phát sinh tâm tin kính giáo pháp trong sáng của Như Lai, đến trước Tôn giả A-nan đảnh lễ dưới chân, thưa:

–Con xin được xuất gia trong giáo pháp thanh tịnh của Tôn giả, thọ giới Cụ túc, thành tướng Tỳ-kheo, ở chỗ Tôn giả thề nguyện tu phạm hạnh.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan liền truyền dạy pháp xuất gia cho đại thần. Cho đến khi đã thành Tỳ-kheo, trong chốc lát dứt sạch các phiền não, chứng quả A-la-hán. Sau khi chứng quả, liền bay vọt lên hư không, hiện ra các oai thần biến hóa, làm cho tất cả mọi người trong hội đều ngạc nhiên.

Khi ấy, Tỳ-kheo Dũng Lệ từ trên không hạ xuống, đến trước Tôn giả A-nan và chúng Tỳ-kheo lần lượt đảnh lễ dưới chân, rồi lui ra ngồi một bên.

Bấy giờ, thấy Tôn giả A-nan hiện oai lực thần thông rộng lớn hy hữu như vậy, tất cả các đại chúng đối với Tôn giả phát sinh tâm tin kính thanh tịnh tối thượng, vui vẻ hết lòng chiêm ngưỡng.

Tôn giả A-nan, tùy theo căn cơ từng loài mà thuyết pháp cho đại chúng.

Vô số trăm ngàn người trong chúng hội nghe thuyết pháp đều được lợi ích, chứng các quả khác nhau, hoặc có người chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến có người chứng quả A-la-hán, có người phát tâm Bồ-đề Thanh văn, cho đến có người quay về nương Phật, tin ưa Pháp, tôn trọng Tăng, tất cả đều được lợi ích, tùy theo căn cơ mà được trụ yên. Thương chủ Nhật Chiếu và vợ ở trong chúng hội này cũng được chứng ngộ chân lý.

Lại có vô số trăm ngàn chúng cõi trời phát tâm tôn trọng, tin kính thanh tịnh, mưa xuống những áo báu cõi trời, tấu nhạc trời, lại mưa đủ các loại hoa thơm đẹp ở cõi trời, như hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-nột-ma, hoa Câu-mẫu-đà, hoa Bôn-noa-lợi-ca, hoa Mạn-đà-la…, số lượng rất nhiều, cao đến đầu gối. Lại còn tung rải các loại hoa trời đầy khắp khu rừng bỏ thây chết để cúng dường với lòng tôn kính.

❑

KINH KIM SẮC ĐỒNG TỬ NHÂN DUYÊN

QUYỂN 9

Sau khi thấy việc thần biến và những việc hiếm có xảy ra ở cõi trời và cõi người như vậy, quốc vương A-xà-thế phát sinh tâm tin kính đặc biệt thanh tịnh tối thượng, mới nói lời khen ngợi:

–Lạ thay, lạ thay! Thật chưa từng có, oai lực công đức của Tôn giả A-nan cao cả và đặc biệt đến như vậy, lại hiện bày rất rõ, có thể khai mở giáo pháp thanh tịnh bậc nhất của Như Lai bằng oai lực thần thông rộng lớn.

Lớn thay, lớn thay! Giáo pháp thanh tịnh tối thượng do Đức Thế Tôn Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác tuyên thuyết bằng sự thấy biết cao tột đã giao phó cho Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả ấy đã làm theo một cách chân thật.

Khổ thay! Đức Như Lai, mặt trời Thánh đã ẩn mất! Ánh sáng công đức của Tôn giả A-nan lại lên cao chiếu tỏa khắp nơi.

Khổ thay! Đức Như Lai, mặt trăng rất đẹp đã ẩn mất! Không còn chiếu sáng như bị sao La-hầu A-tu-la ăn nuốt. Mặt trăng trí tuệ của Tôn giả A-nan lại chiếu sáng khắp cả hư không, soi tỏ mọi nơi, như rừng hoa Câu-mẫu-đà tốt tươi nở rộ.

Khổ thay! Đức Như Lai đã nhập Niết-bàn. Thế gian chia lìa rất là đau xót, cũng như lửa thiêu đốt, nóng bức xâm hại. Tôn giả trong sáng như đám mây lớn che khắp tất cả, diễn nói pháp thiện như mưa cam lồ thấm nhuần thế gian, làm cho mọi người đều được vui vẻ.

Lớn thay! Đức Như Lai ý nguyện tối thắng! Tôn giả chân chánh hiền lành, tất cả đều được viên mãn.

Vĩ đại thay! Giáo pháp vô thượng của Đức Như Lai! Tôn giả đã lãnh thọ và chỉ bày cho tất cả.

Vĩ đại thay! Giáo pháp vô thượng của Đức Như Lai! Tôn giả đã gánh vác chỉ bày rõ ràng.

Lạ thay! Tôn giả trong hàng Thanh văn được danh tiếng là cao tột hơn cả, hành động rất chân thật và đầy đủ như vậy, thật xưa nay chưa từng

có, công đức thù thắng, oai lực thần thông rất rộng lớn, làm lợi ích thành tựu cho vô biên chúng sinh, có thể giải thích rộng về Nhất thiết trí và pháp công đức lớn.

Lạ thay! Tôn giả có thể hiện rõ và nêu bày oai lực thần thông rộng lớn, do lòng thương lớn sinh ra của Đại sư Thế Tôn, hiện ra trí tuệ làm lợi ích cho tất cả.

Sau khi khen ngợi Tôn giả A-nan xong, vua A-xà-thế phát sinh tâm tin kính tối thượng liền hướng về phía trước, toàn thân sát đất, đảnh lễ dưới chân Tôn giả, sau đó ngồi dậy, quỳ gối sát đất, vô cùng xúc động, chắp tay cung kính nói kệ:

Quy mạng Bậc tối thắng trên đời
Quy mạng Bậc học rộng như biển
Lạy Bậc hiếm có không nghĩ bàn
Lạy Bậc gánh vác giáo pháp Phật.
Pháp Phật thanh tịnh oai lực lớn
Lạ thay! Tôn giả chỉ rất đúng
Tôn giả hiếm có, lại khó nghĩ
Khéo làm lợi ích cho thế gian.
Giáo pháp vô thượng của Như Lai
Giao phó cho Ca-diếp đại trí
Ca-diếp giao phó lại A-nan
Tôn giả chân thật thực hành theo.
Tôn giả làm lợi ích cho con
Cao cả không thể nghĩ bàn được
Cửa công đức: Nhất thiết trí Phật
Làm cho mọi người đều hiểu rõ.
Việc hy hữu Như Lai thế nào
Tôn giả làm lợi ích cũng vậy
Nhất thiết trí Phật, lòng thương lớn
Thảy đều khai mở cho tất cả.
Tôn giả hiện ra tướng Thanh văn
Con được thấy thật là hiếm có
Lòng thương lớn như lời Phật dạy
Là làm lợi ích khắp chúng sinh.
Nhiều người trong nước Ma-già-đà
Vui thay hôm nay được lợi ích
Tất cả chúng sinh đều buông thả

Nhờ Tôn giả nên được lợi ích.
Pháp Như Lai giao phó Tôn giả
Cũng là ngôi vị của Như Lai
Cũng ngang đồng với Đấng Thiện Thệ
Hãy ban cho nhiều việc hiếm có.
Nhờ bậc Thánh Tôn giả A-nan
Hiện oai lực lớn rất kỳ lạ
Từ đấy nhớ tưởng bậc Chánh giác
Hết lòng đảnh lễ và khen ngợi.
Lạy Đấng Thế Tôn Bậc Vô Úy
Đảnh lễ Chánh Giác Lưỡng Túc Tôn
Thanh văn hiện oai thần như vậy
Đều vì lợi ích cho chúng sinh.
Oai lực rộng lớn của Như Lai
Khéo mở bày làm cho rực rỡ
Thế Tôn tuy diệt cũng như còn
Tôn giả giáo hóa thật hoàn hảo.

Sau khi nói kệ khen ngợi Tôn giả, vua A-xà-thế thưa hỏi:

–Thưa Tôn giả! Thương chủ Nhật Chiếu và vợ ông ta đời trước tu nhân gì mà hiện tại được phước báo đặc biệt tốt đẹp như vậy? Được nhà cửa rộng lớn, giàu có, của cải dồi dào, ở trong pháp Phật được chứng ngộ chân lý?

Lại nữa, Tỳ-kheo Ca-thi Tôn-na-lợi và Tỳ-kheo Dũng Lệ do tu nhân gì mà đời này được giàu có, tích chứa nhiều của báu, sinh trong dòng họ cao quý, được xuất gia tu đạo trong pháp Phật, đoạn các phiền não, chứng quả A-la-hán?

Tỳ-kheo Kim Sắc xưa kia tu nhân gì mà đời này được phước báo đặc biệt tốt đẹp, sinh trong dòng họ cao quý, giàu có, lại được thân tướng đoan nghiêm, có ánh sáng sắc vàng, thường tỏa chiếu, được mọi người thích nhìn và trìu mến, y phục tốt đẹp tự nhiên mặc lên thân, toàn thân thơm ngát như hương Chiên-đàn, trong miệng tỏa hương thơm hoa Ưu-bát-la theo gió bay đi ai cũng đều ưa thích. Lúc sinh ra trên hư không tự nhiên có mưa y phục tốt đẹp màu hoàng kim và hoa Câu-mẫu-đà, lại được đầy đủ các oai đức lớn, xưa nay chưa từng có như vậy? Sau lại được ở trong pháp Phật xuất gia tu đạo, đoạn các phiền não, chứng quả A-la-hán? Nguyện xin Tôn giả giải thích cho con.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bảo vua A-xà-thế:

–Đại vương nên biết! Những việc này đều do đời quá khứ đã tu các nhân phước, đến ngày nay quả chín hoàn toàn nên thọ hưởng phước báo.

Đại vương, ông hãy lắng nghe! Trong đời quá khứ, cách đây chín mươi mốt kiếp, có Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Đức Phật ấy trú ở thành tên Mãn-độ-ma-đế.

Bấy giờ, trong thành có một thương chủ tên là Diệu Nhĩ, nhà cửa rộng lớn, giàu có, của cải rất nhiều, ngày càng tăng thêm, chẳng khác gì Thiên vương Tỳ-sa-môn. Trong thành Mãn-độ-ma-đế, gia tộc thương chủ là cao quý nhất, không ai bằng, vì giàu sang nên thương chủ ấy lấy vợ cũng thuộc dòng họ cao quý.

Sau đó, vợ chồng vui sống, người vợ mang thai, đứa con chưa sinh ra, nhưng thương chủ Diệu Nhĩ đã cùng với năm trăm thương nhân làm bạn đồng hành, muốn đi vào biển lớn để có thêm tài lợi. Thai nhi trong bụng người vợ ở lại nhà dần dần lớn lên.

Khi ấy, thương chủ và các thương nhân đã đi xa đến xứ khác, dựa vào khả năng kinh doanh cũng kiếm được chút ít tài lợi, nhưng tài lợi ấy hoặc bị lửa lớn thiêu đốt, hoặc bị giặc cướp, hoặc bị gia nhân của bạn đồng hành trộm lấy rồi bỏ đi… Ở nhà, người vợ mang thai đủ tháng, đến kỳ sinh, sinh được một Đồng tử, da dẻ thô cứng, đen đủi, dung mạo xấu xí, đủ mười tám tướng xấu, thật là đáng chán ghét, thân miệng tỏa ra mùi rất hôi thối, đến nỗi mùi hôi đó theo gió bay đi, người nhà thân thuộc ngửi nhầm cũng phải quay mặt chỗ khác.

Lại nữa, Đồng tử mới sinh ra, trong nhà tự nhiên có lửa bùng cháy, của cải sản vật đều bị thiêu đốt, không còn sót thứ gì.

Khi ấy, vợ thương chủ Diệu Nhĩ hốt hoảng kịp ôm lấy đứa con mới sinh, vội vã chạy ra khỏi nhà. Tất cả tài sản, vật dụng trong nhà đều bị lửa dữ đốt cháy hết, thiêu đốt không còn vật gì lửa mới tắt.

Vợ thương chủ vào trong nhà đã bị lửa hủy hoại, xé đôi chiếc áo của mình đem trải dưới đất rồi đặt Đồng tử nằm lên. Bà ta thở dài, tự than, nghĩ đến thương chủ Diệu Nhĩ rơi lệ, nói: “Khổ thay, khổ thay! Ta nay vì sao mà nhà cửa tan nát như vầy?”

Bấy giờ, các nô tỳ, quyến thuộc, người làm việc trong nhà của thương chủ, thấy lửa cháy thiêu đốt hết tất cả, rất sợ hãi, nghĩ: Chúng ta có phải do duyên xấu ác mà bị hủy hoại như vầy? Bèn cùng nhau bàn luận, rồi bỏ nhà thương chủ ra đi, chỉ có một cô hầu giúp việc hiếu nghĩa tự nghĩ:

"Nay nhà thương chủ Diệu Nhĩ, của cải thì bị thiêu đốt, quyến thuộc thì chia ly, không còn một chỗ nào để nương tựa. Vợ thương chủ đơn độc, không có bạn bè, không có chỗ nương nhờ, ta không nên bắt chước những người khác mà bỏ đi, ta nên ở lại với bà." Rồi lại nghĩ tiếp: "Nhà cửa, tài sản của thương chủ đều bị thiêu đốt hết, cơm ăn một ngày còn chưa đủ, biết tính làm sao đây."

Nghĩ như vậy rồi, người nữ giúp việc liền đi đến nhà những người bà con thân thích của thương chủ Diệu Nhĩ. Đến nơi cô nói: "Các vị nên biết! Vợ của thương chủ nay đang lâm vào hoàn cảnh thật là khốn khổ, bức bách, các vị nên tìm cách giúp đỡ, nuôi sống bà ta."

Các người bà con thân thích, liền theo lời nói ấy, góp sức nuôi dưỡng vợ con thương chủ Diệu Nhĩ.

Chẳng bao lâu sau, trong nhà những người bà con đó, thường xảy ra những việc bất lợi, các người ấy cùng bàn với nhau: "Đứa con của thương chủ Diệu Nhĩ này rất xui xẻo, không có phước đức. Do sinh ra nó, mà nhà cửa, tài sản, tất cả đều bị tan hoại. Nếu chúng ta nuôi dưỡng nó thì nhà chúng ta cũng như vậy, không bao lâu cũng sẽ tan nát hết. Vì sao? Vì đứa con của thương chủ này, chỉ nghe đến tên là đã kinh sợ, huống gì là nuôi dưỡng."

Các người bà con liền bảo người nữ giúp việc: "Từ đây về sau cô chớ có đến nhà chúng tôi nữa."

Người nữ giúp việc bị các người bà con không cho đến, liền tự nghĩ: "Vợ thương chủ không còn bất cứ nơi nào để nương nhờ, ta tìm cách gì để cứu giúp đây? Hay là ta đến nhà người khác tìm việc làm để có tiền nuôi vợ thương chủ Diệu Nhĩ?"

Nghĩ như vậy rồi, cô ta liền đi đến nhà người khác, làm các việc phục dịch, thuê mướn, nhận được thù lao đem về đổi lấy thức ăn cho vợ con thương chủ. Người mẹ vì sinh ra Đồng tử có đủ các tướng xấu xí bèn đặt tên cho con là Đồng tử xấu tướng.

Từ đó, mỗi ngày người nữ giúp việc đều đi đến nhà người khác ra sức làm việc để kiếm ăn hàng ngày, sức lực càng tăng thù lao càng nhiều, một người làm việc không lười biếng nên cả ba người cũng sống được qua ngày. Cuộc sống kéo dài như vậy thật là khó khăn! Vợ thương chủ Diệu Nhĩ bỗng suy nghĩ: "Trong nhà ta trước đây có rất nhiều nô tỳ, người giúp việc, bà con quyến thuộc, nay chỉ còn có người nữ giúp việc này là còn ở nuôi giúp ta, nhờ vậy mà ta được sống còn. Trong dòng họ mẹ, chỉ có người này là thương mến giúp đỡ, nhưng sự việc này kéo dài thời gian lâu,

người kia sức lực đơn độc, việc làm ngày càng nhiều, lẽ nào không mệt mỏi, chán nản. Khi đã mệt mỏi, kiệt sức rồi, người ấy sẽ bỏ đi. Hơn nữa, một người làm việc thì tiền công rất ít, do đó không đủ để nuôi sống. Ta nên chấp nhận nghiệp đời trước, nay quả đã như vậy, có khổ cũng đành cam chịu. Ta nên cùng đi làm thuê với người nữ giúp việc."

Nghĩ như vậy rồi, bà ta liền kêu người nữ giúp việc lại, cùng đi đến nhà người khác làm việc, lấy tiền đem về sinh sống. Nhưng vợ thương chủ, thể lực rất yếu, không làm nổi những việc nặng nhọc, lửa đói thiêu đốt, bị các khổ hành hạ, trong chốc lát mệt quá mê loạn, tuyệt vọng cúi xuống dừng nghỉ, rơi lệ thở dài, nghĩ đến thương chủ Diệu Nhĩ, buồn khổ than: "Khổ thay! Ta vì sao phải chịu khổ nạn như vầy? Lẽ nào mọi người không thấy, ta trước kia từng ở trong thành này, là cao quý, giàu có nhất, nhà cửa, tài sản tất cả đều đầy đủ. Vì sao hôm nay phước đức lại hết, trở thành người tan hoại nhất trong thành này, hàng ngày phải đến nhà người khác làm thuê kiếm sống, chịu nhiều khổ não hành hạ?"

Khi ấy, vì đau khổ hành hạ, vợ thương chủ nhìn người nữ giúp việc mà rơi lệ. Lúc đó, người nữ giúp việc càng thêm buồn khổ, cũng chảy nước mắt, nói: "Khổ thay, khổ thay! Vợ thương chủ xưa giàu có, oai quyền, mặc toàn loại y phục quý tốt, xoa hương thơm, đeo những vòng hoa thơm đẹp đẽ trang sức nơi thân, trong miệng thường ngậm những mùi hương thơm để tiết ra những nước thơm. Lại như Thiên nữ thường sống trong nước Hoan hỷ, đầy đủ các thức ăn uống, y phục, châu báu, đồ trang sức, nô tỳ, bà con thân quyến nội ngoại, bạn bè đông đúc, ai cần gì đều cho đầy đủ. Vì sao nay lại tan nát như vầy, tình cảnh thật vô cùng xót xa, đầu tóc rối tung, thân thể dơ bẩn, đầy rận rệp, rất hôi hám, là người thấp hèn chịu khổ cực nhất trong thành, phải đi làm thuê cho nhà người khác để kiếm miếng ăn. Tình cảnh tan nát ấy thật là thảm thương. Khổ thay! Vì sao phước đức bị tan mất nhanh như vậy? Khổ thay! Giàu sang tồn tại không bao lâu. Khổ thay! Đủ các nghiệp báo khác nhau."

Bấy giờ, than thở xong, người nữ giúp việc nói kệ:

Trước đây mặc y phục tốt đẹp
Trang sức bằng đủ loại châu báu
Giống như Thiên nữ rất xinh tươi
Nay ở ngõ hẹp rất cực khổ.
Cớ sao lúc này lại như vầy!
Tất cả phước đức đều tan hết
Thân thể tiều tụy và dơ bẩn

Mảnh áo rách nát che trên thân.
Trước đây hình dung như Thiên nữ
Mắt đẹp mọi người đều thích nhìn
Mà nay hôi xấu như ma quỷ
Người thấy đều sinh tâm chán bỏ.
Trước đây giàu có nhiều của báu
Giàu sang bậc nhất trong thành này
Luôn cung cấp cho người ăn xin
Nay lại khốn khổ và nghèo hèn.
Trước đây thọ hưởng nhiều vui vẻ
Dòng họ giàu sang của cải nhiều
Nay quả báo đến thật rõ ràng
Đau buồn khổ não theo nhau tới.
Khổ thay! Luân hồi thật đáng trách
Khổ thay! Giàu sang cũng không bền
Thế gian trước thọ hưởng vui sướng
Nhất định về sau chịu khổ, phiền.

❑

KINH KIM SẮC ĐỒNG TỬ NHÂN DUYÊN

QUYỂN 10

Bấy giờ, vợ thương chủ Diệu Nhĩ cùng người nữ giúp việc hàng ngày đi đến nhà người khác làm thuê lấy tiền công. Do vì xấu tướng, phước đức của Đồng tử cạn kiệt, nghiệp lại tăng thêm, nên tiền trả công làm việc ngày càng ít đi. Về sau, từ lúc mặt trời mới mọc cho đến chiều tối, làm việc vất vả mà tiền công lại không được bao nhiêu. Cuối cùng những nơi làm đều cho nghỉ, không thuê nữa.

Khi ấy, vợ thương chủ bàn với người nữ giúp việc: "Nay chúng ta không còn chỗ làm thuê nữa, vậy chỉ còn đi xin ăn thôi."

Nói rồi, họ liền cầm bát đi xin thức ăn. Về sau, khi Đồng tử xấu tướng đã trưởng thành, có thể đi lại, người mẹ bảo: "Con hãy tự mình đi xin ăn để nuôi sống."

Nói rồi, bà đưa cho con một cái bát. Đứa bé cầm lấy bát đi khắp hang cùng ngõ hẻm xin ăn để tự nuôi sống. Do đứa bé ấy da dẻ đen, thô, dung mạo xấu xí, đủ mười tám tướng xấu đáng chán nên ai nhìn thấy cũng đều che mặt bỏ đi. Còn hễ đi đến cửa nhà người ta thì do gầy gò, mùi hôi bốc ra theo gió bay làm cho ai cũng bịt mũi, hoặc lấy cây, gậy, ngói, đá ném đuổi và nói: "Hãy mau đi khỏi nhà tao, giống như loài trùng bọ."

Đứa bé đi khắp các thành ấp, băng qua các nơi đầy sỏi đá, dơ bẩn, đến đâu cũng bị người ta lấy cây, gạch, đá ném đánh xua đuổi. Nó giong ruổi cầu xin một bữa ăn mà cũng không được. Cái bát cầm trên tay cũng bị đánh vỡ nát. Vào lúc này, Đồng tử như là kẻ giặc ác bị người ghét bỏ, nên khóc lóc, hốt hoảng chạy về chỗ mẹ, thấy con, người mẹ vỗ về, thương xót nói: "Khổ thay! Con tôi nguy khốn thế này! Những người nào không thương xót, không sợ tội lỗi mà đánh đập làm cho con chịu khổ như vầy?"

Khi ấy, Đồng tử nghẹn ngào khóc, rồi nói kệ:

Con đến nhà người khắp mọi nơi
Chỉ để xin ăn nuôi mạng sống
Nhưng đều bị mọi người xua đuổi
Dùng cây, gậy, đá ném đánh con.

Nghe rồi, người mẹ ôm chầm lấy Đồng tử xấu tướng quá thương xót, than khóc và nói kệ:

Há chẳng phải con ở đời trước
Đã từng gây tạo nghiệp chẳng thiện
Nay mới bị nhiều người đánh đập
Chẳng phải đời này gây tội lỗi.
Thân con xấu xí lại khô gầy
Nên mất tất cả điều vui sướng
Chịu nghèo cùng khốn khổ gian nan
Không được người nào thương xót đến.
Khổ thay! Nhà ta bị tan nát
Thân con thương tổn, bát bị vỡ
Cái vật xin ăn đã không còn
Làm sao có thể nuôi mạng sống.
Cha mẹ xa lìa, con nương ai
Cửa nhà tan hoại suy sụp hết
Cái bát xin ăn cũng không còn
Bây giờ người nào nuôi con đây.
Bà con thân quyến và bạn bè
Chủ nhà, tôn trọng đều chia ly
Bát đi xin đã không còn nữa
Bây giờ người nào nuôi con đây.
Có người nào thấy con nghèo bệnh
Mà có thể phát tâm dũng mãnh?
Khổ thay! Tai họa đến thế này
Chắc do nghiệp tội con đời trước.
Khổ thay! Con là người hiền lành
Cớ sao không được ai thương xót
Lòng người sao cứng như sắt đá
Cứ làm tổn hại như dao búa.
Đã tan nát cả chịu khổ nghèo
Lẽ nào còn nhẫn tâm làm hại
Thấy kẻ đi xin rất đói khổ
Không ai dũng mãnh phát lòng thương.
Đói khát ốm yếu tâm mỏi mệt
Chia ly tan nát không còn gì
Bệnh khổ bao vây còn gây phiền
Chao ôi! Tàn hoại lại tàn hoại.

Nghèo cùng khốn khổ rất sầu lo
Đói khát hành hạ không nói nổi
Xác thân khô cạn sức chẳng còn
Người thấy lẽ nào không xót thương.
Họ lại nhẫn tâm đánh đập con
Có phải đời trước con kiêu căng
Nên nay chịu các khổ bệnh này
Cực khổ không người tỏ lòng thương.
Nghèo cùng, đói khát, khổ hành hạ
Đã xin khắp nơi nào được gì
Lắm khi gặp được chút thực phẩm
Của quạ, chó ăn còn sót lại.
Khổ thay! Thân tôi thật vô phước
Không biết phải làm thế nào đây?
Nghiệp trước là nhân gây tan hoại
Nay là chủ nghiệp chịu như vầy.

Nói xong, vợ thương chủ càng thêm sầu lo, buồn khổ, dừng chân trước ngôi nhà bị tàn phá, tạm thời ở qua ngày, vì Đồng tử xấu tướng trước bị đánh đập, máu chảy bê bết khắp thân. Bà ta ôm lấy vết thương dính đầy bụi dơ ngói gạch, lấy tay lau sơ thân Đồng tử rồi từ từ dẫn con đi vào trong hẻm. Thấy con của các gia đình giàu có, con của thương chủ, con trưởng giả, Bà-la-môn giàu sang khác, mặc áo Ca-thi-ca tốt đẹp, sạch sẽ, thơm tho, trang sức các chuỗi ngọc báu, tai đeo các vòng ngọc, tay mang những vật rất quý giá, còn có các lọng hoa thơm đẹp sáng rỡ che chở.

Thấy như vậy rồi, nhìn mình đang trong tình cảnh rất gian khổ, nguy khốn, lại nhìn Đồng tử xấu tướng nghèo cùng khốn khổ, ốm yếu, mặt mày tiều tụy, liền thở dài, nước mắt đầm đìa, nói kệ:

Xưa giàu có đầy đủ tất cả
Các loại ngọc nhiều như núi báu
Gia tộc rộng lớn và đông đủ
Thọ hưởng sự an vui tối thượng.
Nay mẹ con đều bị tan nát
Sống ở nơi bẩn thỉu tanh hôi
Phải khéo nói những lời van xin
Còn không có người cho thức ăn.
Buồn lo như sóng nước biển sâu
Lo sợ hành hạ không ích gì

Lớn tiếng kêu cứu càng khốn khổ
Chìm sâu theo dòng nước nghèo cùng.
Trong dòng nguy hiểm nhiều thủy tộc
Sóng lớn phá tan nguy lại đến
Bệnh tật hiểm nghèo làm hại thêm
Đắm chìm trong dòng nước nghèo cùng.
Bệnh khổ sầu lo như tên bắn
Như tiếng sư tử giữa đồng trống
Như chim tụ lại để giữ trứng
Nghèo cùng lo khổ cũng như vậy.
Xưa với người hiền không bố thí
Không phát tâm thanh tịnh cúng dường
Nay mẹ, con đều không có phước
Thấy các việc vui như oán thù.
Xưa từng không cho người ăn xin
Chán bỏ người ít phước hèn hạ
Nay mẹ con ta bị tan hoại
Gian nan khổ cực cùng nhau chịu.
Xưa kia đối với các Thánh hiền
Đã không cung kính lại coi thường
Nay mẹ con ta bị tan hoại
Và cũng bị người khác khinh khi.
Xưa từng quấy nhiễu các Thánh hiền
Lại còn đánh đập những người khác
Nay bị người dùng gậy, ngói, đá
Đánh đập, ném đau phải chịu thôi!
Xưa kia không tôn trọng người khác
Hoặc hay mở lời trách mắng người
Nay mẹ con ta bị tan hoại
Lại còn bị người khác mắng chửi.
Đời trước đã không tôn trọng người
Hoặc đối với người lại coi thường
Nay chịu cực khổ lắm gian nan
Trở lại bị người khác khinh ghét.
Đời trước mẹ con ta keo kiệt
Thấy người đến xin không hề cho
Nay nghèo khổ áo cũng không có
Trở lại không được người khác cho.

Xưa kia đối với việc của người
Gây ra nhiều chống trái, chướng ngại
Đời nay quyến thuộc đều chia ly
Thường bị khổ não và than khóc.
Xưa kia gặp người lúc lỡ đường
Không cho họ giường nằm, các thứ
Ngày nay ngủ ở nơi gai gốc
Quả báo rõ ràng phải thọ lấy.
Các giường tòa trang sức tốt đẹp
Xưa chưa từng bố thí người hiền
Nay phải nằm ngồi ở trên đất
Lại còn bị nhiều thứ gai gốc.
Xưa chưa từng cho người giày dép
Xe cộ cùng các thứ nhạc cụ
Ngày nay giẫm đạp đi trên đất
Tiếp xúc nhiều đủ loại gai chông.
Nghỉ đêm nhà cửa và đồ dùng
Xưa kia bỏn sẻn chưa từng cho
Ỷ mình sang giàu tự cao ngạo
Nay bị rơi vào chỗ bẩn, dơ.
Xưa kia từng thấy người tiều tụy
Khát nước cần xin miếng nước uống
Tuy thấy chẳng chịu cho nước sạch
Đời nay mặt mày chịu khô gầy.
Xưa kia người nghèo và bè bạn
Do đói khổ nên đến cầu xin
Không có tâm tôn trọng bố thí
Nay không có ăn lại hoảng loạn.
Xưa thấy người khác được lợi lạc
Liền phát sinh đủ cách ghét ganh
Đời nay bị làm người thấp hèn
Bị người khác sân giận ghét bỏ.
Xưa mẹ con ta ỷ giàu sang
Thường kiêu ngạo đối với người khác
Hoặc lại quấy nhiễu người có đức
Nay chịu quả xấu, khổ đành chịu.
Biển sinh tử xoay tròn, không đầu
Hết thảy bệnh khổ đều đáng sợ

Chưa từng bố thí thuốc chữa trị
Ngày nay bệnh nặng luôn hành hạ.
Cha mẹ, tôn trọng, người tu hành
Cho đến người nghèo cùng bậc nhất
Ăn uống, tắm gội không bố thí
Đời nay vô phước chịu khổ nghèo.
Nay ta đói khát rất mệt mỏi
Không có thức ăn uống, y phục
Các bệnh khổ hành hạ thân tâm
Nay có người nào cứu giúp ta.
Mẹ con ta muốn làm nô tỳ
Người nào chấp nhận, nguyện theo hầu
Để hai mạng người này được sống
Là việc rất khó được ở đời.
Khổ thay!Đời trước không làm phước
Khổ thay! Nay nghèo khó như vầy
Thành nước này là nơi giàu có
Nhưng không ai để ta cậy nhờ!

Nói kệ xong, vợ thương chủ Diệu Nhĩ đành chịu đói khát, buồn rầu. Mẹ con đành cam chịu theo nghiệp báo.

Lại nói về thương chủ Diệu Nhĩ.

Trước kia qua biển lớn buôn bán để kiếm thêm của cải, chẳng may thuyền bè đều bị tan nát, của cải chìm hết. May nhờ một tấm ván nổi trên biển và một đứa ở nhỏ, ông đã qua khỏi ách nạn và được lên bờ yên ổn. Giữa đường, ông xin nghỉ đêm tại một làng gần thành Mãn-độ-ma, ở đó có một nông dân trông coi làng ấy. Thấy thương chủ này, vốn đã biết mặt nên người kia mới nghĩ: "Thương chủ này vì sao lại ốm o tiều tụy như vầy, tất cả vàng bạc, của báu, hàng hóa có được đều bị tan hoại! Chỉ nhờ đứa ở nhỏ giúp đỡ mà đến đây. Nay ta nên đem chuyện nhà của thương chủ bị cháy ra nói, hay là để sau này thương chủ sẽ tự biết?"

Nghĩ rồi, người kia đem nước cho thương chủ rửa tay và hai bánh đậu xanh cho ông ta ăn.

Bấy giờ, thương chủ Diệu Nhĩ tự suy nghĩ: "Ta không nên về nhà với tay không." Bèn lấy một cái bánh cất lại, rồi bẻ cái kia ra chia cho đứa ở nhỏ cùng ăn.

Sáng hôm sau, ông tiếp tục đi, dần tiến về phía trước, thân thể khô gầy, sức lực yếu đuối, mệt mỏi, mặc áo dơ rách, dần dần cũng về đến thành

ấp. Bấy giờ, Đồng tử xấu tướng đang ở trong căn nhà tan nát, vừa mới sáng sớm bỗng tự nghĩ: "Ta đói khát gầy mòn như vầy, mạng sống tuy còn, nhưng bây giờ lấy gì để sống? Ta nên tự tìm lấy cái chết." Nghĩ rồi, bèn đến trước chỗ mẹ thưa: "Thưa mẹ, con nay muốn đi đến vườn của ông cha."

Người mẹ đáp: "Con cứ tùy ý."

Khi ấy, thương chủ Diệu Nhĩ đã vào thành rồi, dần dần đi về nhà cũ, thấy nhà cửa sụp nát, quyến thuộc chia ly, vắng vẻ hiu quạnh, chỉ còn một đống đất, thương chủ tự nghĩ: "Nhà cửa ta vì sao như vầy?" Thương chủ liền vào phía trong nhà tan hoại, thấy vợ mình và người nữ giúp việc đang ngồi im lặng, dung mạo vợ ông khô gầy, đen đủi, ốm yếu, che thân bằng y phục dơ bẩn. Thấy rồi, ông than lớn: "Khổ thay, khổ thay! Sao lại đến nỗi này."

Nói xong, thương chủ ngất xỉu ngã quỵ xuống đất, được gió mát thổi vào thân thể, hồi lâu mới tỉnh dậy. Người vợ bèn hướng tới trước gào khóc lớn tiếng, rồi từ từ kể hết mọi chuyện trong nhà đã xảy ra. Khi ấy thương chủ liền thở dài, nói: "Kiếp trước, chúng ta đã không gieo trồng ruộng phước, lại không tu tạo các việc phước đức, nên nay phải chịu các việc tan hoại như vầy. Bây giờ ta nên làm thế nào, đi đến nơi đâu, có người nào thương giúp ta không, có người nào thương xót sự nghèo cùng khốn khổ này? Chúng ta bị chìm đắm trong biển lớn nghèo cùng, ai đến cứu vớt chúng ta đây? Chúng ta bị tan nát, chìm hãm trong vũng bùn, ai sẽ rửa sạch cho chúng ta? Chúng ta tự gieo mình vào trong dòng sông khổ rộng lớn, ai sẽ cứu vớt? Chúng ta gặp oán thù nghèo khổ, ai sẽ giúp chúng ta chống lại? Chúng ta đã trồng các gốc cây khổ, ai sẽ chặt đứt cho chúng ta? Chúng ta đã chôn sâu gốc cây nghèo cùng, ai sẽ đào lên cho chúng ta? Chúng ta bị ngọn lửa khát ái thiêu đốt, ai sẽ dập tắt cho chúng ta? Chúng ta bị con voi say đắm nhiễm những điều không sạch quấy nhiễu, ai sẽ giúp chúng ta điều khiển? Chúng ta bị các khổ, rắn độc, khí độc tấn công, ai sẽ giải trừ cho chúng ta? Chúng ta bị đội quân lớn nghèo cùng phá tan tất cả đến gây chiến, ai sẽ giúp chúng ta đánh đuổi? Chúng ta bị tất cả các xiềng xích nghèo cùng, lao nhọc, khổ não trói buộc thân tâm, ai sẽ giải thoát cho chúng ta? Chúng ta bị rơi vào hang sâu nghèo cùng, ai sẽ kéo chúng ta lên? Chúng ta đã ở lâu trong nhà nghèo cùng, đóng kín kiên cố, ai sẽ mở ra cho chúng ta? Chúng ta bị đám ác nghèo cùng đến gây hại, ai sẽ đuổi chúng đi? Chúng ta bị chìm đắm trong dòng hiểm ác, ai sẽ cứu vớt chúng ta? Chúng ta bị nỗi lo sợ, nghèo cùng, gian khổ hành hạ theo đuổi, ai sẽ cứu

giúp chúng ta?"

Thương chủ Diệu Nhĩ thốt ra nhiều lời thảm thiết như vậy rồi lại lớn tiếng nói: "Ở trong ba cõi chỉ có Phật Thế Tôn là bậc cao quý hơn hết, không một pháp nhỏ nào mà không biết, không thấy, tất cả đều hiểu rõ. Chư Phật Thế Tôn pháp là như thế, có đầy đủ các tướng tốt, hào quang sáng rỡ như mặt trời chiếu khắp, lại như ngọc báu ma-ni sáng sạch, giống như ngọc trong suốt không có tỳ vết; đầy đủ các đức tốt như hoa sen nở, như mặt trời mới mọc, như cây cung của Đế Thích xinh đẹp mềm dẻo; như viên ngọc trên búi tóc, hình bánh xe, ánh sáng rực rỡ, giống như ngọn lửa mạnh, lại có thêm dầu vào càng thêm sáng đỏ; lại như vầng mây ánh sáng có đủ màu sắc; như thân chim công có các màu sắc. Ánh sáng Phật chiếu khắp tất cả phá tan các tăm tối, mê mờ. Sinh, già, bệnh, chết là cái lồng của ba cõi, oai lực trí tuệ của Phật có thể tháo mở ra, Phật đã chứa nhóm vô số trăm ngàn công đức trí lực thiện xảo mới thành tựu các tướng tốt. Ánh sáng của Phật trong sáng như voi trắng, hoa trắng, vải trắng, như tuyết, như ngó sen trong sạch đáng yêu. Ánh sáng của Phật sáng rỡ như vàng Diêm-phù-đàn phát ra hào quang rực rỡ như đỉnh núi cao rộng lớn đặc biệt hơn hết không ai sánh bằng. Lông trên thân Phật mềm mại đều xoay hướng về bên phải, ánh sáng xoay tròn tự tại chiếu soi, lông trắng giữa đôi chân mày hiện rõ tướng đặc biệt, mặt trong sáng như hoa sen mới nở.

Lại nữa, xưa kia Phật ở trong a-tăng-kỳ kiếp lớn đã đem bố thí nào là đầu, mắt, tay, chân, các phần trên của thân và cả máu thịt vợ con, nô tỳ, voi, ngựa, xe cộ, y phục tốt đẹp, đồ nằm ngồi, vàng bạc, châu báu, các vật của mình có cho đến ngôi vua, thành nước. Ngài có thể xả bỏ tất cả để tăng trưởng tâm Bồ-đề Vô thượng, tu hành các hạnh thù thắng rộng lớn, dùng oai lực vô ngại để thu phục quân ma, thanh tịnh tinh khiết như vầng trăng mùa thu, ngàn vầng ánh sáng vây quanh chiếu khắp, xuất hiện rõ ở trên cao như là núi chúa. Ánh sáng của vầng trăng chiếu soi làm tan hết những đám mây che, trắng trong như ngà voi, lại như biển sữa, như hoa trắng nở. Thân Phật sáng rỡ, thanh tịnh trang nghiêm cũng như núi vàng đầy đủ các tướng tốt đẹp, như núi Khổng Tước, như núi Lưu Ly có ánh sáng tràn đầy soi khắp.

Phật dùng lửa trí tuệ hiện chứng thiêu đốt các điều ác thành như tro bụi. Các Thiên vương thường đến cung kính, các Thiên vương này thường đội nón báu, gắn ngọc báu ma-ni và trang sức các loại vàng ròng tốt đẹp, lễ kính dưới chân hoa sen sáng của Thế Tôn. Hai chân Phật đều có tướng đặc biệt tốt, mười móng chân màu đồng đỏ, mỏng mướt rất đẹp, các ngón

chân tròn như nửa vầng trăng, chân hoa sen trong sạch không nhơ đủ các tướng trang nghiêm giẫm đạp các cành cây tham ái chúng sinh.

Phật lại dùng ánh sáng trí tuệ chiếu soi, phá tan tất cả bóng tối làm mê mờ, xem khắp thế gian đều như bạn thân, dùng lòng lành không nhân duyên thương yêu chúng sinh, yên ổn ở trong cảnh giới trí lớn không nghĩ bàn, thu phục tất cả các loài rồng rắn độc dữ, tích chứa vô số trăm ngàn các hạnh đặc biệt cao đẹp, các công đức cao cả khó làm, từ vô lượng kiếp đến nay làm nhiều việc phước đức, dùng kiếm trí tuệ chặt đứt các gốc cây phiền não từ xa xưa của chúng sinh. Phạm vương, Đế Thích và các vị bảo vệ thế gian trong mười phương, các đại chúng đều ca ngợi công đức cao đẹp và chánh pháp của Phật.

Chư Phật Thế Tôn phát lòng thương lớn bảo bọc thế gian, thương yêu bình đẳng không phân biệt, dùng lời nói không hai, bình đẳng thuyết pháp, an ổn ở trong sự thấy biết vắng lặng, khéo nói ba loại pháp điều phục, vượt qua bốn dòng nước, vận dụng bốn thần túc, dùng bốn Nhiếp pháp tu hành trong thời gian lâu dài, giáo hóa cho chúng sinh, đoạn năm phần kết sử, vượt qua năm nẻo, đầy đủ sáu pháp, viên mãn sáu pháp Ba-la-mật, nở hoa bảy Giác chi, chỉ dạy tám Thánh đạo, tu trọn vẹn chín thứ đệ định, đầy đủ mười Lực, tiếng khen vang khắp mười phương thế giới, đạt được ngàn điều tự tại cao ngạo, ngày ba thời, đêm ba thời thường dùng ánh sáng của mắt Phật trong sáng xem khắp thế gian, biết: Pháp nào tăng, pháp nào giảm, pháp nào gian khổ, pháp nào nguy hiểm, pháp nào phiền não, pháp nào có nhiều gian khổ nguy hiểm thúc ép, pháp nào nhỏ, pháp nào lớn dần, pháp nào rộng lớn; biết người nào bị chìm đắm trong biển lớn sinh tử… thì sẽ cứu vớt họ; người nào bị La-sát và nghiệp phiền não ăn nuốt, sẽ cứu họ thoát khỏi; người nào bị rắn độc nghèo cùng làm cho bị thương thì sẽ giải trừ; người nào bị lửa sân giận thiêu đốt tim gan thì sẽ dùng mưa pháp cam lồ rót vào tâm trí; người nào bị các si mê ám chướng, phiền não che lấp thì sẽ dùng ánh sáng thanh tịnh chiếu soi, đưa họ an ổn ở yên trên núi cao chánh định vô thượng; người nào mắc bệnh lâu ngày rất đau khổ thì sẽ dùng thuốc tám Chánh đạo để chữa trị, làm cho họ hoàn toàn hết khổ đau; người nào lâu ngày bị trói buộc trong cảnh nhà nghèo kiên cố thì sẽ mở ra cho họ; người nào bị u mê không có trí, tối tăm che khuất con mắt sáng, ta sẽ dùng thuốc trí tuệ khai sáng cho họ; người nào bị gông cùm cực ác trói buộc thân thể thì Ngài sẽ cởi trói cho họ.”

Bấy giờ, thương chủ lại nói kệ:

Biển cả, loài cá rồng nương ở

Thủy triều nước biển có khi sai
Phật tùy cơ giáo hóa chúng sinh
Đúng thời quyết định không sai mất.

Lúc này, Phật Tỳ-bà-thi Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác xem xét kỹ khắp thế gian này, thấy thương chủ Diệu Nhĩ bị chìm trong vũng bùn nghèo cùng, khốn khổ, gian nguy, lo sợ. Xem thấy rồi, Ngài phát lòng thương lớn, đắp y mang bát đi vào thành Mãn-độ-ma lần lượt khất thực. Các bậc Trưởng giả, Cư sĩ, Bà-la-môn, thương chủ, muôn dân, vô số trăm ngàn người trong thành thấy Phật Tỳ-bà-thi Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác vào thành khất thực, đều đem thức ăn uống trong sạch, thơm ngon nhất cúng dường Phật, làm đầy bát của Thế Tôn Như Lai. Khi ấy, vì thương xót thương chủ Diệu Nhĩ, Đức Thế Tôn đi đến giữa ngả tư đường, ngồi yên ở đó. Thân Phật tỏa ánh sáng, các tướng đầy đủ như mặt trời mới mọc, trong sáng rất đẹp như mây giữa hư không, trang nghiêm cao đẹp như ánh trăng mùa thu, như cây Kiếp ba, như cây san hô quý báu trang nghiêm, rất đẹp, lại như cờ vàng, cây vàng rạng rỡ cao quý. Như đống châu báu chất cao như núi báu lớn, tự tại không sợ như ngỗng chúa vui chơi trong ao sen vàng, bước đi tiến thẳng như voi chúa, ở cõi trời Ái-la Phược-la nơi ao sen, như sư tử chúa đầy đủ oai lực lớn, mang điềm lành lớn, trang nghiêm rất khéo đẹp biến khắp mười phương. Tướng "Thiên bức luân" dưới bàn chân Phật đặc biệt sạch sẽ, mềm mại, tốt đẹp. Thân Như Lai có hình chữ vạn, ở lòng bàn chân có tướng hình con cá đặc biệt trang nghiêm, mười ngón chân có màu đồng đỏ, ánh sáng rất đẹp như mặt trăng mới lên, các ngón chân hẹp, dài, sáng, sạch, mềm mại như sợi Đâu-la, mu bàn chân đầy đặn, mềm diệu, vuông vức, sạch sẽ trắng trẻo đặc biệt không ai bằng. Thân Phật tỏa ánh sáng chiếu khắp mười phương. Ánh sáng ấy cũng chiếu đến căn nhà tan hoại của thương chủ Diệu Nhĩ.

Bấy giờ, Đức Phật Tỳ-bà-thi Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác phóng ra ánh sáng rực rỡ thanh tịnh giống như vàng ròng mới ra khỏi lửa, giống như các loại hoa thơm đẹp nở ra tươi tốt trang nghiêm rộng khắp. Khi ấy, tại nhà tan hoại của thương chủ Diệu Nhĩ, trong ngoài đều được ánh sáng chiếu khắp. Thấy ánh sáng này thương chủ rất kinh ngạc, rồi lại thấy Phật Tỳ-bà-thi Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác có đầy đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, có ánh sáng vàng rực rỡ đầy đủ các màu sắc trang nghiêm. Thấy rồi, thương chủ liền phát lòng tin kính thanh tịnh đặc biệt rất cao cả và nghĩ: "Ta nghèo cùng không có vật gì dâng cúng Đức Thế Tôn." Chợt nhớ lại lúc trước mình còn cất một cái bánh đậu xanh, bèn đem ra, bảo vợ: "Lúc trước, ta đem về một cái bánh đậu xanh,

nay muốn dâng cúng Phật Tỳ-bà-thi Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác. Xin Phật Từ bi thương xót làm cho vật nghèo hèn này thành vật cúng dường cao cả, vật tuy quá nhỏ nhưng tâm rất thanh tịnh, coi như gieo trồng chút hạt giống bố thí thanh tịnh, nguyện xin Phật nhận cho vật cúng dường này của ta. Chúng ta sẽ được cứu giúp khỏi bần cùng khốn khổ."

Người vợ đáp: "Tốt lắm! Đây là việc làm cao đẹp nhất, biết đâu do căn lành này mà sẽ được ra khỏi nhân của sinh tử."

❑

KINH KIM SẮC ĐỒNG TỬ NHÂN DUYÊN

QUYỂN 11

Bấy giờ, thương chủ Diệu Nhĩ liền nhớ nghĩ: "Trước kia ở thành này, ta rất giàu có mà nay lại nghèo khổ, vật nhỏ bé thế này làm sao đem cúng dường? Trong thành ấy, các quan, thứ dân, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, thương chủ và muôn dân đều sẽ nhìn thấy ta đem vật nhỏ bé này dâng cúng Thế Tôn. Ta nên tìm một chiếc lá để gói lại, đừng để mọi người thấy."

Nghĩ vậy, thương chủ liền vào trong nhà tan hoại của mình tìm kiếm lá, kiếm khắp mọi nơi nhưng không có. Khi ấy thương chủ tự trách mình: "Khổ thay, ta nay quá ư cực khổ. Chao ôi! Thật là đáng thương cảm."

Nói rồi, ông liền ra khỏi nhà, phát sinh lòng tin thanh tịnh rộng lớn, đành phải cầm cái bánh dâng cúng Đức Thế Tôn Tỳ-bà-thi Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, cung kính đặt vào trong bát trong sạch, cúng dường xong, đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, rồi phát nguyện: "Bạch Thế Tôn! Con nguyện đem chút ít căn lành làm pháp cúng dường với lòng tin thanh tịnh này, nguyện cho con qua đời này đến đời sau, không chịu nghèo khổ dù chỉ một ngày, được giàu có, tùy ý thọ hưởng đầy đủ các vật dụng."

Phát nguyện xong, thương chủ Diệu Nhĩ lễ bái Đức Như Lai Tỳ-bà-thi. Nhờ thần lực của Phật làm hiện rõ phước báo thù thắng, khiến cho hình tướng khô gầy, yếu đuối của thương chủ không còn nữa, tướng đẹp đẽ tròn đầy trở lại như trước, những mong muốn được đáp ứng, nên rất sung sướng.

Khi ấy, Như Lai Tỳ-bà-thi Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác ra khỏi thành Mãn-độ-ma, trở lại đồng trống nơi Phật đã ở lúc trước. Bấy giờ, ở thành ấy, trong số các bạn bè trước kia của thương chủ Diệu Nhĩ có một người bảo: "Hôm nay, các ông đều đã thấy thương chủ Diệu Nhĩ bị tan hoại, nghèo cùng khốn khổ như vậy, chúng ta không nên bỏ mặc, mỗi người có thể giúp đỡ chút ít, không cần phải nhiều. Các ông nên cùng nhau giúp đỡ, đem đến vật gì đều đặt lại một chỗ."

Trưởng giả ấy nói xong, các Trưởng giả kia đều đem vô số châu báu, vòng đeo tai, vòng đeo tay và các đồ trang sức quý báu khác có đến trăm

ngàn thứ để giúp đỡ thương chủ. Chỉ trong khoảng thời gian ngắn, vàng, bạc, châu báu, các vật tốt đẹp đã được đem đến rất nhiều, chất thành đống cao.

Thương chủ Diệu Nhĩ thấy sự việc ban cho đặc biệt cao đẹp như vậy, liền bảo vợ: "Bà hãy xem những hạt giống sạch về lòng ban cho này để có thể phát sinh mầm thiện."

Người vợ liền rất vui vẻ, từ xa hướng về phía Phật Tỳ-bà-thi cung kính đảnh lễ, rồi mặc y phục và mang đồ trang sức đi vào trong nhà.

Bấy giờ, Đồng tử xấu tướng trước đi đến vườn của ông cha, do đói khát, khổ não bức bách nên càng thêm xấu xí. Đồng tử rất buồn khổ, chán nản, tự nghĩ: "Ta do nghiệp tội gì đến nỗi như thế này? Đã không có phước, lại xấu xí, bị khổ não bức bách, sống có ích lợi gì nữa đâu. Ta nên tự tìm lấy cái chết."

Nghĩ rồi, Đồng tử liền đến chỗ cây Ba-tra-lê rất cao, vịn níu cành cây leo lên, cành cây gãy, Đồng tử rơi xuống đất, thân thể tổn thương đau đớn vô cùng.

Chư Phật Thế Tôn bất cứ việc gì cũng đều thấy và cũng đều hiểu rõ.

Khi ấy, Như Lai Tỳ-bà-thi dùng mắt Phật trong sáng vượt xa mắt trần ở thế gian, thấy Đồng tử xấu tướng đang chịu khổ não liền phát lòng thương rộng lớn, dùng thần thông đến khu vườn ấy, đem ánh sáng của lòng lành yêu thương do trăm kiếp tích tập chiếu đến thân Đồng tử. Khi Đồng tử được ánh sáng chiếu đến, mọi đau đớn về thân thể của Đồng tử đều tiêu tan hết, đói khát cũng tiêu trừ, tất cả được nhẹ nhàng an ổn. Đồng tử liền cử động trở mình thì nhìn thấy Đức Như Lai Tỳ-bà-thi Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác với ba mươi hai tướng trong sáng cao tột khó được, do trăm ngàn vô số kiếp tu tập gom lại, ánh sáng rất là đẹp và trang nghiêm chiếu khắp.

Thấy Đức Phật tướng tốt trong sáng cao đẹp, Đồng tử phát lòng tin an vui, chân thật, liền cởi tấm áo màu vàng đang mặc trên thân vừa đủ một thước đem dâng cúng Đức Như Lai Tỳ-bà-thi, phát lòng tin sâu xa trong sáng cao tột đặt lên chỗ Phật và cầm một cành hoa Ca-lan-nị-ca cùng dâng cúng Phật. Nhờ thần lực của Phật Tỳ-bà-thi Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác nên tấm áo lại vừa vặn với thân Phật, cành hoa cúng dường giống tán lọng lớn to như bánh xe trụ ở trên Phật. Thấy tướng như vậy, Đồng tử xấu tướng càng tăng thêm lòng tin sâu, trong sạch rộng lớn, liền cung kính lễ dưới chân Phật phát thệ nguyện lớn và nói kệ:

Đồng tử xấu tướng xin dâng cúng

Như Lai tối thượng Lưỡng Túc Tôn
Con nguyện từ nay qua đời này
Đời sau sẽ được hình tướng đẹp.
Thân màu vàng ròng, quần áo tốt
Có ánh sáng rực rỡ trang nghiêm
Miệng tỏa hương hoa Ưu-bát-la
Thân thể ngào ngạt hương chiên-đàn.
Thân có sắc vàng, da dẻ mịn
Ai được nhìn thấy đều vui thích
Trừ bỏ hết tất cả nhiễm ái
Tất cả lời dạy đều thông suốt.
Lời nghĩa đúng lý đều lưu giữ
Xa lìa những gì không ích lợi
Những gì được thấy là trên hết
Đầy đủ hết các tướng trang nghiêm.
Nguyện sẽ được thành tựu quả Phật
Lòng lành luôn thương nhớ chúng sinh
Đức nhiều trong sạch an lành lớn
Tài sản châu báu được đủ đầy.

Khi Đồng tử xấu tướng nói kệ phát nguyện lớn này, nhờ thần lực của Phật và phước báo đặc biệt cao cả hiện rõ, nên ngay lúc ấy, tướng xấu xí của Đồng tử ẩn mất, Đồng tử trở thành người có sắc tướng đẹp đẽ, trang nghiêm, thân như có màu vàng, tự nhiên có y phục màu vàng đẹp đẽ đáng yêu từ trên không bay xuống mặc nơi thân Đồng tử. Lại có các đồ trang sức như chuỗi ngọc, vòng ngọc đeo tay… Lại có các Thiên tử từ trên không mưa các thứ hoa trời thơm đẹp như hoa Ca-lan-nị-ca, hoa Ưu-bát-la, hoa Chiêm-ba-ca, hoa Bát-nột-ma, hoa Câu-mẫu-đà, hoa Mạn-đà-la… và làm mưa hương thơm cõi trời, như hương Chiên-đàn, hương Trầm thủy, hương Cung-câu-ma, hương Đa-ma-la, Bát-đa-la và các loại hương xoa. Trên không lại phát ra tiếng nói lớn: "Lạ thay! Đối với Phật Như Lai mà gieo trồng hạt giống ban cho trong sạch đáng yêu thì hiện tại được phát sinh ngay mầm cây cao tốt."

Khi ấy, trong hư không lại tiếp tục có mưa hương hoa, số lượng rất nhiều chất cao đến đầu gối.

Bấy giờ, Như Lai Tỳ-bà-thi ra khỏi vườn, trở về đồng trống nơi Phật đã ở.

Lúc này, thương chủ Diệu Nhĩ đang ở trong nhà bỗng nói với vợ:

"Con chúng ta đâu rồi?"

Người vợ đáp: "Hôm trước, Đồng tử đến thưa với tôi là muốn vào vườn của ông cha, nay chưa thấy về, ông nên mau đến khu vườn ấy tìm xem, coi chừng Đồng tử tự tử đó."

Người chồng nói: "Vì sao con tôi đến nông nổi như vậy?"

Người vợ đáp: "Nó vì xấu xí, lại thêm nghèo khổ, đói khát bức bách nên như vậy."

Thương chủ liền vội đến khu vườn tìm con. Tới nơi, ông thấy một Đồng tử tướng mạo đẹp đẽ, thân như sắc vàng, mặc chiếc áo cũng màu vàng, trang sức bằng các vật báu tốt đẹp, mọi người nhìn thấy đều yêu mến, ánh sáng đặc biệt tốt đẹp như Thiên tử. Thấy rồi, ông rất kinh ngạc liền nói: "Lạ thay, lạ thay! Người có phước đức đầy đủ mới sinh được đứa con như thế này."

Nói rồi liền hỏi Đồng tử: "Cháu là con ai?"

Đồng tử đáp: "Cháu là con của thương chủ Diệu Nhĩ."

Thương chủ bèn tự suy nghĩ: "Đồng tử này chẳng lẽ nói giỡn với ta."

Nghĩ rồi, sinh nghi ngờ nên càng xem xét kỹ lưỡng, rồi lại nói: "Đồng tử, cháu nên nói sự thật. Cháu là con ai?"

Đồng tử lại thưa: "Vì sao ông lại tra hỏi như vậy? Thật sự cháu là con của thương chủ Diệu Nhĩ."

Thương chủ lại nói: "Lạ thay! Đồng tử, sao cháu cứ nói giỡn như vậy."

Thương chủ ngầm nghĩ sự việc, biết như thật, rồi lại nói: "Này Đồng tử! Vì sao? Con ta tướng mạo vốn xấu xí, cháu thì tướng mạo đẹp đẽ, do đâu mà xấu xí trở thành đẹp đẽ?"

Khi ấy, Đồng tử vui vẻ nói cho thương chủ nghe bằng kệ ca ngợi:

Con trước kia bị lửa nghèo cùng
Nóng bức thiêu đốt tim gan con
Tìm cây cao tự ý gieo mình
Rơi xuống đất sắp bị mất mạng.
Thân thể bị thương rất đau đớn
Nằm lăn dưới đất thoi thóp thở
Khi ấy mê loạn không biết gì
Trong khoảng sát-na sắp bỏ mạng.
Bấy giờ Như Lai Tỳ-bà-thi
Xem thấy liền phát lòng thương xót

Vì xót thương nên đại Thánh Tôn
Lại đến khu vườn cứu giúp con.
Thân Phật ánh sáng màu vàng ròng
Ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm
Sáng rỡ như vàng vừa mới chảy
Ánh sáng chiếu khắp mười phương cõi.
Thân con nhờ ánh sáng chiếu đến
Được trở lại an lành như cũ
Do đó tất cả trở nên vui
Được rưới giọt cam lồ tối thắng.
Các đau khổ, đói khát, não phiền
Mọi điều không tốt nơi thân con
Nhờ ánh sáng Từ bi Phật chiếu
Trong khoảng sát-na đều bị diệt.
Con thấy Bậc Đại Thánh Mâu-ni
Ánh sáng điềm lành cao đẹp quá
Do đấy con sinh lòng dũng mãnh
Tự đứng lên để được thấy Ngài:
Thế Tôn bậc an lành cao cả
Giống như núi báu cao hiện rõ
Lại như ánh chớp khắp mười phương
Thấy rồi con phát lòng tin sáng.
Cả thân tâm vô cùng vui vẻ
Cởi tấm áo nhỏ mặc trên thân
Đem dâng cúng dường Phật Thế Tôn
Phát lòng tin thanh tịnh tối thượng.
Có một hoa Ca-la-ni-ca
Con cũng đem dâng cúng dường Ngài
Do thần lực Phật ở trên không
Hoa như lọng lớn che trùm khắp.
Khi ấy thấy rồi con rất vui
Cung kính đảnh lễ dưới chân Phật
Con đem tâm thanh tịnh chân thật
Đến trước Phật phát lời nguyện lớn.
Nguyện con nhờ nhân cúng dường Phật
Từ đời này cho đến đời sau
Bỏ tướng xấu xí được đẹp đẽ
Rốt ráo ra khỏi biển tử sinh.

Nói rồi trời mưa áo màu vàng
Thân tướng trang nghiêm cũng màu vàng
Thân tỏa hương hoa Ưu-bát-la
Miệng thơm phức mùi hương Chiên-đàn.
Do oai lực nguyện tối thắng này
Mọi việc con làm đều viên mãn
Được nhiều tướng tốt đẹp như vậy
Sinh ra các tướng ý đều thích.
Mưa y phục tốt đẹp vô giá
Da màu vàng ròng lại mịn màng
Áo này đồng thời mặc cho con
Chỉ trong sát-na đều xuất hiện.
Khi ấy lại có các chúng trời
Trên không mưa xuống hoa thơm đẹp
Và các mùi hương thơm thanh khiết
Như là hương chiên-đàn, trầm thủy…
Trên không lại phát tiếng nói lạ
Và tấu lên nhạc trời vi diệu
Ca ngợi, nương về Phật Thế Tôn
Âm thanh phát ra vang khắp nơi.
Do việc làm này đều tốt lành
Nên con được tướng tốt như vậy
Ai nhìn thấy cũng đều vui vẻ
Màu vàng sáng rỡ không ai bằng.

Nghe nói kệ xong, thương chủ Diệu Nhĩ rất vui mừng, lông tóc dựng đứng, trong chốc lát phát sinh lòng tin thanh tịnh, chắp tay hướng về đức Như Lai Tỳ-bà-thi cung kính đảnh lễ, nhìn kỹ hình tướng đẹp đẽ của Đồng tử, rồi nói: "Đồng tử, hãy cùng với cha trở về nhà mình."

Khi ấy, Đồng tử tướng tốt mới phát tâm tôn kính thừa nhận cha mình, liền hướng lên trước bái lạy cha, thưa: "Thưa cha kính yêu!"

Thưa rồi, liền cùng cha trở về nhà.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích xem xét khắp hạ giới, biết rõ việc này liền nghĩ: "Thương chủ Diệu Nhĩ này đối với chư Phật hay làm các việc Phật, lẽ nào lại ở trong ngôi nhà tan nát?" Nghĩ rồi liền bảo Thiên tử Tỳ-thủ-yết-ma: "Ông hãy đến ngôi nhà tan hoang của thương chủ Diệu Nhĩ, biến hóa nó thành ngôi nhà khang trang, tốt đẹp, làm bằng bốn loại châu báu, có tám lớp với nhiều tầng cấp."

Thiên tử Tỳ-thủ-yết-ma vâng lệnh, trong khoảng sát-na đi đến nhà của thương chủ Diệu Nhĩ tại thành Mãn-độ-ma-đế, biến hóa thành ngôi nhà khang trang, làm bằng bốn loại châu báu, có tám trụ cột, nóc, xà nhà, bậc cấp trước sau cao ráo tốt đẹp, có đầy đủ cửa, cửa sổ, mái hiên, tường vách, trên gác lầu có trang trí ngà voi như quả xoài, có các dây báu quấn kết thành các loại hoa, treo rũ xuống, cờ lọng treo xung quanh thẳng hàng rất đẹp, sạch sẽ trang nghiêm như ánh sáng mặt trăng. Lại có các loại giống như tuyết tơ lụa lẫn lộn cùng vô số vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh, mã não, đế thanh, đại thanh… đủ các loại châu báu quý đẹp trang trí nhà cửa. Ở mỗi bốn cửa đều để một cái bình vàng chứa đầy nước tám công đức. Lại có vô số trăm ngàn châu báu tốt đẹp đầy ở trong nhà.

Bấy giờ, thương chủ Diệu Nhĩ vừa về đến nhà mình, thấy nhà cửa sang đẹp quý báu như vậy, rất kinh ngạc nhưng lòng thì vui vẻ. Vợ ông ta cũng vui mừng đem bình vàng đựng nước trao cho chồng rửa, rồi thưa: "Thưa phụ chủ! Chỉ oai lực của phước đức mới có thể đem lại việc đặc biệt tốt đẹp như vậy! Nhà cửa sáng đẹp quý báu này do đâu mà được?"

Thương chủ Diệu Nhĩ lại càng vui mừng khôn xiết, phát sinh lòng tin trong sáng rộng lớn đối với Đức Như Lai Tỳ-bà-thi, lông tóc dựng đứng, chắp tay hướng về Đức Như Lai Tỳ-bà-thi Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác cung kính đảnh lễ, nói: "Phật là châu báu như ý lớn không thể nghĩ bàn, luôn làm ruộng phước cao cả tốt đẹp nhất."

Nói rồi, nét mặt vui vẻ như hoa sen, thương chủ vui mừng nói kệ ca ngợi:

Công đức thành nhờ ruộng phước lớn
Xa lìa tất cả các tội lỗi
Con gieo hạt giống thí rất ít
Mà lại được phước ruộng lớn này.
Xưa tâm con ít biết ban cho
Đã không cho vật dụng tối thượng
Nay lại được châu báu trang nghiêm
Nhà cửa khang trang từ đâu có?
Trước kia nhà con rất buồn khổ
Không còn gì chỉ có bức tường
Nay sáng sủa như trời mây tạnh
Trong sáng như ánh trăng mùa thu.
Trước đây nhà con đầy chỗ trống
Trùng, chuột đến làm nhiều hang ổ

Nay trang trí châu báu tốt nhất
Các cửa đều sáng sủa sạch đẹp.
Trước đây nhà con rất nhơ bẩn
Tiếng ghê rợn cáo kêu, chó sủa
Nay nhà cửa tốt đẹp trang nghiêm
Châu báu đầy dẫy từ đâu có?
Trước đây nhà con đầy trùng rắn
Tấm áo rách nát không có gì
Nay đầy đủ y phục tốt đẹp
Dây ngọc châu rũ thật dễ thương.
Nhà con xưa lửa cháy tan rụi
Chó đến nhai cắn càng thêm nhơ
Nay rộng rãi có hoa thơm đẹp
Cảnh đẹp trang nghiêm từ đâu đến?
Xưa kia nghèo khó luôn buồn khổ
Thường khóc than nước mắt như mưa
Nay đất báu sạch sẽ không nhơ
Nước hương thơm chiên-đàn rưới khắp.
Xưa bị lửa lớn thiêu cháy hết
Quạ đậu trên cửa rất bẩn nhơ
Nay trang trí bằng ngọc châu đẹp
Ánh sáng màu vàng từ đâu đến?
Xưa kia ở nhà cửa tan hoại
Trong nhà trống trải chẳng có gì
Nay cửa được làm bằng thủy tinh
Cao rộng tốt đẹp từ đâu đến?
Xưa kia ở trong nhà tan hoại
Sụp đổ rách nát người khinh ghét
Nay nhà cửa tốt đẹp khang trang
Các cột nhà chạm ngọc ma-ni.
Xưa con nghèo cùng khổ bức bách
Tiếng buồn lo vang khắp bốn phương
Ngày nay khúc nhạc vang lên khắp
Tiếng nhạc không hầu nghe trong thanh.
Xưa kia nhà con nhiều nhơ bẩn
Đầy dẫy xương khô đốt sót lại
Nay nhiều loại châu báu yêu thích
Trang trí nhiều khắp ở trong nhà.

Xưa kia vật quý như ngà voi
Đều bị thiêu rụi không còn gì
Nay trang trí vật quý đế - thanh
Xung quanh nhà đều bằng thủy tinh.
Các giường tòa đẹp xưa thiêu cháy
Tan rụi hết phải nằm dưới đất
Ngày nay các loại quý tốt đẹp
Giường tòa, y phục lại đầy đủ.
Xưa kia lấy đất làm giường tòa
Đầy dẫy các thứ vật nhơ bẩn
Nay nệm lụa mịn màng tốt đẹp
Ngồi tòa an lành được thích ý.
Xưa ở nơi gai gốc nhơ bẩn
Trải cỏ làm giường để ngủ nghỉ
Ngày nay tơ lụa mỏng mịn màng
Dùng trải giường nằm, rất thích ý.
Xưa lửa thiêu đốt các đồ vật
Trong nhà mùi hôi xông lên khắp
Ngày nay hương thơm xông ngào ngạt
Tỏa khắp trong nhà thật đáng ưa.
Xưa kia trong ngoài đều thiêu đốt
Cháy rụi tan hoại thật họa lớn
Nay các loại châu báu tốt đẹp
Trưng bày khắp nơi rất ưa thích.
Xưa ở nhà rách nát, dột lủng
Chim quạ lại đến thải phân dơ
Nay nhà cửa rộng lớn đẹp đẽ
Châu ngọc treo giăng càng trang nghiêm.
Xưa kia nghèo khổ luôn thúc ép
Duỗi tay gào khóc nhiều lo sợ
Ngày nay treo đủ cờ lọng báu
Thanh tịnh trang nghiêm thật tuyệt vời.
Đảnh lễ Như Lai Đại Thế Tôn
Là thầy ruộng phước con quy kính
Ngài phát lòng thương đến nơi này
Cứu giúp con khỏi biển nghèo cùng.
Cúi lạy bậc tối thượng thế gian
Nhất thiết trí hiệu Tỳ-bà-thi

Phát lòng thương xót đến nơi này
Khiến con được mọi việc tốt lành.
Như cung điện rộng đẹp cõi trời
Công đức trang nghiêm không thể bàn
Phát lòng thương xót đến nơi này
Khiến con có được nhà cửa đẹp.
Nay con hướng về thầy ba cõi
Cao lớn cũng như ngọn Chỉ-la
Nay chỗ ở của con cũng giống
Như ánh trăng mùa thu trong sáng.
Con nghĩ xưa ở thành lớn này
Phải chịu nghèo cùng và khốn khổ
Do lòng thương Phật đến nơi này
Được nhiều của cải giàu bậc nhất.
Nay con mới gieo chút ít giống
Hưởng lấy lợi lớn lại quá nhiều
Phật ở thế gian là trên hết
Người sao lại không biết cúng dường.

Nói kệ xong, thương chủ Diệu Nhĩ ở trước Đức Phật Thế Tôn phát sinh lòng tin thanh tịnh mới suy nghĩ: "Đức Phật Thế Tôn hiện đến nơi này, làm cho ta được nhiều việc đặc biệt tốt đẹp. Ta nên thỉnh Phật Thế Tôn và chúng Thanh văn đến nhà để ta được cúng dường." Nghĩ như vậy rồi, thương chủ liền ở trước Phật Tỳ-bà-thi Như Lai và chúng Thanh văn phát tâm kính trọng rộng lớn và cung kính mời các vị về nhà, chuẩn bị thức ăn với một trăm vị thơm ngon nhất, cúng dường trong bảy ngày. Phật thọ trai xong, thương chủ đảnh lễ dưới chân Phật, thưa: "Bạch Thế Tôn! Từ nay cho đến suốt đời, con nguyện xin cung cấp và cúng dường tất cả vật thọ dùng."

Khi Đức Phật đến nhà thương chủ thọ cúng dường thì nhà kế bên cũng có một người giữ ruộng, vào lúc sáng sớm đến nhà chủ ăn cơm xong trở về, giữa đường nghe Phật Thế Tôn có oai đức lớn, thương chủ Diệu Nhĩ chỉ đem một chiếc bánh đậu xanh dâng cúng Phật, liền được tướng tốt thù thắng. Nghe rồi, người ấy liền hỏi một vị Ưu-bà-tắc bên cạnh: "Này Nhân giả! Đức Phật Thế Tôn kia có đầy đủ những oai lực Thánh đức nào?"

Ưu-bà-tắc đáp: "Ngươi nên biết! Công đức của Phật Thế Tôn cao vời vợi rộng lớn không thể lường, tôi làm sao có thể nói được. Tuy nhiên tôi có thể nói tóm lược việc đó, ông nên lắng nghe: Như Lai Tỳ-bà-thi Ứng

Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác có đầy đủ tướng của bậc đại trượng phu cao tột trang nghiêm, thanh tịnh, có ánh sáng rực rỡ giống như núi vàng, ánh sáng mặt trời, mặt trăng không thể sánh bằng; là người dũng mãnh, người này có đủ giới đức, thân tướng tốt đẹp, lời nói hoàn hảo, tâm ý tịch tĩnh, rất trang nghiêm, nét mặt hiền hòa; người luôn làm việc thiện, biết rõ các pháp thiện; người rất khéo nhẫn nhục, thuyết pháp giỏi và thông suốt; người khéo điều phục, khéo giáo hóa; người rất hiểu biết luật nghi, người khéo nhu hòa luôn nhớ báo ân, khéo quan sát kỹ, các căn tịch tĩnh, dứt trừ các ham muốn yêu thương không còn sân giận, phá các si mê, mở bày giải thoát, sáng lập chánh pháp, ngăn chận đường ác, chỉ bày đường chân chánh, hiện rõ sự chân thật, đoạn trừ sự nghi ngờ, dứt hết phiền não, phá tan các ma, cứu giúp thế gian; thật là đại Pháp vương, bậc Đại sĩ chân thật, bậc tôn kính của thế gian, cờ trí tuệ lớn, lời nói thông suốt, kho phước đức lớn, nguồn gốc chánh pháp lớn, bậc đại Thánh dẫn đường, đảm nhận chánh pháp lớn, bậc nghe và giữ gìn chánh pháp lớn, ruộng phước cúng dường lớn, là chỗ cung kính cúng dường của Phạm vương, Đế Thích, bậc thù thắng ra khỏi thế gian, làm lợi ích lớn cho chúng sinh. Bậc tối thượng đã đoạn trừ hết các lậu, dứt hết các khổ, bậc đại A-la-hán có hiểu biết rộng lớn tất cả luật pháp, tự tại không lo sợ, các việc bàn luận hỏi đáp đều thông suốt, không bị tất cả các lỗi lầm làm ô nhiễm, mở bày tất cả các giáo nghĩa rất cao đẹp. Đối các sắc tướng, giới hạnh, thiền định, tinh tấn, trí tuệ tuy đã viên mãn nhưng không chấp trước, giảng nói các pháp không bị chướng ngại, giải thoát các khổ não, xa lìa các lý luận vô ích, chỉ dạy pháp tăng, giảm cho người, dùng lòng lành lớn làm phương tiện ban bố cho chúng sinh, đầy đủ sự thắng giải trong sạch, dùng chánh pháp vô thượng để chỉ bày điều phục, làm thầy thuốc giỏi chữa lành các bệnh, đầy đủ trí tự nhiên, ba cõi đều tôn kính, thân tướng nghiêm trang có vô lượng ánh sáng, bớt ham muốn biết đủ, hiểu biết đúng lúc, đúng nghĩa, đầy đủ trí chân chánh, bẻ gãy phiền não, diệt trừ lửa ba độc, tám pháp không lay chuyển. Chúng sinh ở thế gian rất nhiều đau khổ, phiền não chìm đắm trong hố bùn vô trí. Phật xem xét xong dùng trí lực tùy theo đó mà cứu độ, Phật khởi tâm thương xót đến tất cả chúng sinh, dùng sắc tướng oai lực trí tuệ tối thắng ban bố, làm cho họ thoát khỏi. Phật giải thoát các đau khổ, các nỗi sợ hãi của thế gian làm cho họ được an ổn. Tất cả chúng sinh chìm đắm trong bùn sinh tử, Phật đều khéo léo lôi ra. Tất cả chúng sinh bị ngọn lửa thiêu đốt tâm can, Phật sẽ ban cho dòng nước mát mẻ. Chúng sinh nào lười biếng, Phật mở bày hạnh mạnh mẽ tiến tới. Phật khi xưa trong vô số trăm ngàn đời đã từng bố thí thức ăn uống, y phục, giường tòa, voi ngựa, xe cộ,

tôi tớ, đầu mắt, máu thịt, cả các phần thân thể, đối với người khôn, kẻ ngu đều bình đẳng, lìa các tướng có. Đối với các chúng sinh Phật dùng các phương tiện tư duy làm lợi ích, lúc nào Phật cũng xem xét khắp thế gian. Tất cả chúng sinh bị khổ, già, bệnh, chết, ngu mê, loạn động, chìm đắm, không nơi nương tựa, hoặc hiện ở trước, hoặc không hiện ở trước, với tâm thương xót, Phật xem xét khắp rồi an ủi họ. Chư Phật thường nói, nếu không có các công đức bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ thì dù có trải qua vô số trăm ngàn câu-chi kiếp cũng hoàn toàn không thể được quả Bồ-đề Vô thượng tịch tĩnh. Vì sao? Vì Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác siêng tu các hạnh, là cao tột hơn hết trong tất cả chúng sinh, đầy đủ tiếng khen lớn, thực hành pháp an ổn, các tâm phân biệt hiểu rõ đều tròn sáng, rộng lớn, siêng năng tinh tấn lời thệ nguyện phát ra rốt ráo, không hư dối, phá trừ si mê ám chướng, xa lìa tội lỗi, đầy đủ các đức, tâm vắng lặng, điều phục ba nghiệp, không vướng mắc vào các căn cảnh, được tự tại, không có đời sau, đầy đủ vô lượng ánh sáng oai đức, là kho tàng trí tuệ lớn trang nghiêm, tướng trong sáng như trăng tròn, Thiên vương, Long vương, A-tu-la vương, tất cả Thiên chúng đều cung kính, tin tưởng, lễ bái, khen ngợi, phước tuệ viên mãn, là bậc đại Thánh trong các vị Thánh, giống như ánh sáng của vàng mới vừa nung xong, tự tại trong các pháp, tối thượng trong các pháp, cứu mình và cứu người, đến bờ bên kia, là bậc rất tôn quý trong tất cả các bậc đứng đầu, như đại Long vương, giải thoát, không sợ, là trời trong các cõi trời.

Này thiện nam! Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác có đầy đủ công đức lớn tối thắng vô lượng như vậy, bằng ngôn từ ít ỏi làm sao có thể khen ngợi hết được.”

❑

KINH KIM SẮC ĐỒNG TỬ NHÂN DUYÊN

QUYỂN 12

Lúc này Ưu-bà-tắc lại nói kệ ca ngợi:

Sắc tướng nhu hòa gồm các đức
Tốt đẹp tròn đủ rất trang nghiêm
Ngoài Đức Như Lai Bậc Đại Giác
Bậc tối thượng không có ai bằng.
Lời nói của Phật không ai hơn
Trí Phật thông suốt không ai bằng
Không ai hiểu rõ được như Phật
Phật Đại Mâu-ni của muôn loài.
Phật là đại pháp khí hơn hết
Phật là an vui cao đẹp nhất
Không ai khéo điều hòa như Phật
Phật: Bậc Tôn quý trong muôn loài.
Phật là Đại sư không thể sánh
Phật là cha lành không ai bằng
Phật là bạn tốt không ai hơn
Không ai thương yêu được như Phật.
Không ngã, không sợ ai cũng phục
Không nhiễm, xa lìa nơi ồn ào
Vượt qua hiểm nạn trong ba cõi
Không oán, không lo, thường trong sáng.
Tướng tốt đẹp thanh tịnh đặc biệt
Đầy đủ niệm lực, đại tự tại
Mở cửa lợi ích khắp chúng sinh
Phật tối thắng thượng không gì sánh.
Gom tụ các công đức chân thật
Lời nói rất hay đúng như pháp
Phật là tối thượng trong ba cõi
Ông nên tin nhận công đức ấy.

Nghe Ưu-bà-tắc kia nói những công đức rất cao cả của Như Lai rồi,

người giữ ruộng liền phát sinh lòng tin thanh tịnh, lông trên thân dựng đứng và nói: "Thương chủ Diệu Nhĩ chỉ đem một cái bánh đậu xanh dâng lên cúng dường Đức Như Lai Tỳ-bà-thi, là gieo trồng ruộng cúng dường trong sáng cao tột. Trong khoảng sát-na, thương chủ liền được xa lìa các nghèo khổ. Nhờ thần lực của Phật, đem một vật dù rất nhỏ nhưng với tâm trong sạch cúng dường mà nguyện lực đã thành tựu. Do nhân duyên cao đẹp này nên được châu báu như ý.

Đức Như Lai Tỳ-bà-thi Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác này đã xuất hiện ở đời, trải qua câu-chi na-hữu-đa trăm ngàn kiếp, ta không thể nào được gặp, cũng rất khó thấy, nhưng Phật Thế Tôn ở trong trăm ngàn kiếp tu thành đạo Chánh giác Vô thượng, luôn làm lợi ích cho chúng sinh, có vô lượng phước đức, tùy theo chúng sinh mà phát khởi tâm thương rộng lớn, dùng phương tiện để cứu độ chúng sinh thoát khỏi vòng khổ lớn của sinh tử, phiền não, rắn độc, lòng lành luôn nghĩ nhớ chúng sinh cũng như thân thuộc bạn bè. Ta hôm nay, nhà không có tài sản, tuy lâu nay làm việc nhưng không để dành được gì, sẵn đây chỉ có tấm lòng trong sạch đem phần ăn có được của người giữ ruộng mà ban cho, tuy rất ít nhưng cũng xin dâng cúng và xin phát nguyện: Nguyện cho tất cả chúng sinh đều được viên mãn ý nguyện cao cả của mình."

Khi người giữ ruộng nói như vậy, Đức Như Lai Tỳ-bà-thi Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác liền dùng thần lực hiện ra trước mặt người ấy. Người giữ ruộng thấy Phật Thế Tôn oai đức rất thù thắng, xưa nay chưa từng thấy, thân tướng đoan nghiêm giống như núi vàng, ánh sáng rực rỡ làm che mờ ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Thấy rồi, người ấy liền phát sinh lòng tin yêu rộng lớn cao cả, với tâm trong sạch đem thức ăn có được dâng lên Đức Thế Tôn Tỳ-bà-thi Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác và để vào trong bình bát sạch của Phật. Cúng dường xong, người ấy lại càng tăng thêm lòng tin sâu xa thanh tịnh, đảnh lễ sát chân Phật, phát lời nguyện lớn, nói kệ khen ngợi:

Do cúng dường Phật được phước đức
Nguyện hết đời này sinh đời sau
Con phát lòng thương xót cao cả
Xem khắp chúng sinh làm lợi ích.
Như Phật chứng đắc đạo Vô thượng
Như Phật đạt thành các tướng tốt
Con cũng sẽ thành Phật như vậy
Được tất cả các pháp vô thượng.

Như Phật giảng nói rõ chánh pháp
Như Phật thành tựu Nhất thiết trí
Con cũng sẽ được quả như vậy
Đủ Nhất thiết trí khéo nói pháp.
Như Phật thu phục các quân ma
Khéo chuyển bánh xe pháp trong sáng
Con đắc quả và làm như vậy
Thu phục quân ma, giảng chánh pháp.
Phật ở trong biển lớn sinh tử
Cứu mình cứu người để được ra
Con cũng sẽ cứu các chúng sinh
Ra khỏi cùng về đạo Vô thượng.

Bấy giờ, Đức Như Lai Tỳ-bà-thi Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác liền tạo ra đám mây rất rộng lớn, gầm tiếng gầm của sư tử, thọ ký cho người giữ ruộng: "Này thiện nam! Vào đời vị lai, ông sẽ được thành Phật hiệu là Nhất Thiết Nghĩa Thành, làm bậc thầy trong ba cõi, đầy đủ oai đức lớn, dùng lực đặc biệt cao cả điều phục quân ma, làm các việc Phật như Phật đã làm." Đức Như Lai Tỳ-bà-thi thọ ký quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của người cho người giữ ruộng rồi trở về chỗ cũ. Tất cả dân chúng trong thành Mãn-độ-ma-đế đều được nghe sự việc này cho đến nhà vua, khi đã nghe sự việc này rồi, liền nghĩ đến năng lực căn lành của người giữ ruộng. Nhà vua bèn bảo sửa soạn xe cộ để đi đến chỗ người giữ ruộng, phát lòng tin tưởng kính trọng, trang sức tòa ngồi trên voi báu, rồi mời người giữ ruộng cỡi voi ấy, cùng đến cung vua và trao cho người đó một nửa ngôi vua.

Lúc ấy, người giữ ruộng thưa với vua: "Tâu đại vương! Lời dạy của đại vương chẳng phải là điều thần mong muốn. Chí nguyện của thần là ưa thích xuất gia, tu phạm hạnh trong sạch."

Nhà vua nghe vậy, liền thuận theo ý nguyện của người giữ ruộng, rồi trở về cung. Người giữ ruộng cầu xin Phật xuất gia, ở trong giáo pháp của Phật Tỳ-bà-thi cho đến trọn đời tu hành phạm hạnh. Sau khi qua đời, người ấy được sinh lên cõi trời Hóa lạc, cho đến thân cuối cùng là Đồng tử tướng tốt đẹp kia. Do đầy đủ phước đức thù thắng nên được mọi người kính trọng, như vua đang ở trên ngôi dùng luật pháp điều hành lãnh đạo đất nước, trải qua sáu vạn năm dùng chánh pháp cai trị, giáo hóa, sau khi qua đời được sinh lên cõi trời Đâu-suất.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bảo vua A-xà-thế:

–Này đại vương! Ý ông thế nào? Nhà vua có tướng tốt đẹp ở trong giáo pháp của Phật Tỳ-bà-thi kia đâu phải người nào khác, chính là Tỳ-kheo Kim Sắc. Nhà vua ấy, khi xưa gặp Phật Tỳ-bà-thi Như Lai, bởi nghèo khổ nên cởi tấm áo nhỏ trên thân, đem cúng dường Phật, cúng dường rồi phát lời thệ nguyện lớn. Do nghiệp thiện này mà được ở trong cõi trời, người thọ lấy sự an vui thù thắng, sinh ra ở nơi nào đều có thân màu vàng, áo màu vàng tự nhiên đắp mặc trên thân. Lúc sinh ra trời mưa xuống các thứ hoa tốt đẹp, cho đến ngày nay cũng còn đầy đủ phước đức lớn, thân có áo tốt đẹp, cởi ra rồi có trở lại, đầy đủ các tướng tốt đẹp.

Thương chủ Diệu Nhĩ lúc ấy chính là thương chủ Nhật Chiếu này. Vợ của thương chủ Diệu Nhĩ ngày xưa nay chính là vợ của thương chủ Nhật Chiếu ấy. Người nữ giúp việc xưa kia nay chính là đồng nữ Ca-thi Tôn-na-lợi. Người gia đồng khi ấy nay chính là đại thần Dũng Lệ.

Bấy giờ, vua A-xà-thế lại thưa với Tôn giả A-nan:

–Thưa Tôn giả! Tỳ-kheo Kim Sắc kia lại tạo nghiệp gì mà vốn không có tội lỗi, lại bị người ta vu oan, gán cho tội lỗi ô nhiễm, phải bị treo vào cái giá bằng sắt sắp bỏ mạng? Lại tạo duyên thiện gì mà liền được xuất gia chứng được quả A-la-hán?

Tôn giả A-nan đáp:

–Này đại vương! Vào thời quá khứ, có Phật xuất hiện ở đời, hiệu là Diệu Nguyệt gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Khi ấy, có một nước, ở ngoài thành nước ấy có chùa Tăng. Trong số chúng Tăng trú ở có một Tỳ-kheo giỏi thuyết pháp, các Bà-la-môn, Trưởng giả ở trong thành đều đến nghe pháp, cung cấp đầy đủ các thức ăn uống và vật dụng cần thiết, cho đến về sau có một Tỳ-kheo tên là Vô Thắng cũng đến trú tại chùa đó, vị này đã thông minh lại còn khéo nói giáo pháp, giảng giải rõ ràng không gặp trở ngại, lời nói thông suốt, âm thanh trong trẻo. Khi ấy, tất cả mọi người đều đến chỗ của Tỳ-kheo Vô Thắng để nghe và lãnh nhận giáo pháp. Lời giảng nói của vị ấy đầu, giữa, cuối giọng nói khéo, ý nghĩa sâu xa, tướng phạm hạnh hoàn toàn trong sạch.

Lúc đó, mọi người ở khắp bốn phương được nghe thuyết giảng rồi, đều tin kính mến mộ cung cấp đầy đủ các vật dụng thức ăn uống, y phục, giường nằm, đồ ngồi, thuốc thang chữa bệnh. Họ ngưng cung cấp các vật dụng cần thiết cho vị Tỳ-kheo đã thuyết giảng giáo pháp trước kia.

Vị Tỳ-kheo đã từng thuyết pháp trước kia tự suy nghĩ: “Nay có Tỳ-

kheo Vô Thắng cùng ở một chỗ với ta thì các thức ăn và vật dụng cần thiết của ta ắt sẽ chấm dứt. Do việc này mà ta sẽ không còn những quyền lợi nữa. Vị ấy lại có trí tuệ và học rộng chắc được nhiều người tin tưởng, như vậy họ sẽ không cung kính ta nữa!"

Nghĩ rồi, vị ấy lo sợ bèn bịa đặt mọi cách để ngăn cản việc này. Ông ta đi mời một đồng nữ Bà-la-môn, bày cho cô ta đi lại giả vờ có nhân duyên yêu thương nhau để vu khống Tỳ-kheo Vô Thắng.

Đồng nữ vâng lời theo như cách ấy mà làm.

Sau đó, vào một ngày, tất cả các Tỳ-kheo đang hội họp trong phòng Tăng như thường lệ để bàn luận, bỗng một đồng nữ đi vào thưa: "Trong nhóm người xuất gia các ông, lẽ nào có người lại chẳng phạm hạnh. Vì sao? Vừa rồi tôi bị Tỳ-kheo Vô Thắng dùng nhiễm duyên quấy rối, đối với người tu phạm hạnh đây là việc rất sai."

Lúc ấy, các Tỳ-kheo nghe rồi, liền bịt tai bảo với đồng nữ: "Này đồng nữ, chớ nói lời này, chớ để người khác nghe lời nói xấu ác ấy, đó chỉ là do Tỳ-kheo thuyết pháp nói lời không tốt, chê bai Tỳ-kheo Vô Thắng nên mới đưa ra những lời nói như vậy. Thật ra không có việc như thế."

Cho đến về sau chuyện này dần dần lan ra đến tai Tỳ-kheo Vô Thắng. Vị ấy nghe rồi, liền nói: "Vì sao Tỳ-kheo thuyết pháp kia đối với ta lại bày ra lời nói này?"

Nói rồi liền đến chỗ Tỳ-kheo thuyết pháp kia nói: "Thưa Tôn giả! Tôi với Tôn giả không có xúc phạm, vì sao lại nói xấu chê bai nhau?"

Khi ấy, Tỳ-kheo thuyết pháp kia càng sân giận, lại càng nói ra những lời xấu ác quở trách: "Ông có tội này, sau sẽ thọ lấy đau khổ bị trói vào giá sắt."

Nghe nói, Tỳ-kheo Vô Thắng tự suy nghĩ: "Việc làm như vậy là phá hoại pháp tu hành." Biết việc này, vị ấy liền thu dọn y bát, dụng cụ rời khỏi chùa, đi đến một gốc cây trú nghỉ.

Lúc đó, bốn chúng đều trông thấy liền cùng nhau chạy đến khuyên mời, năn nỉ trở về lại chùa, nhưng Tỳ-kheo Vô Thắng hoàn toàn không theo lời mời. Sau đó, Tỳ-kheo thuyết pháp kia tự suy nghĩ: "Nay ta đã làm việc không tốt, chỉ vì những thức ăn và đồ dùng mà tạo nghiệp đọa vào đường ác." Suy nghĩ như vậy nên lòng cảm thấy có tội, bèn nghĩ: "Ta nên đến đó xin nhận lỗi." Suy nghĩ rồi, rời khỏi chùa đi tìm Tỳ-kheo Vô Thắng, tự quở trách mình thậm tệ, nước mắt ràn rụa, giống như trẻ con khóc mãi không thôi.

Khi ấy, có vô số trăm ngàn Bà-la-môn, Trưởng giả, mọi người đều

thấy việc này. Đến nơi, Tỳ-kheo thuyết pháp kia liền đến trước Tỳ-kheo Vô Thắng, hai chân đứng thẳng làm lễ thưa: "Bạch Tôn giả! Nay tôi biết tội lỗi, nguyện xin Tôn giả tha thứ cho. Tôi như đứa trẻ, như người ngu si, không hiểu biết, vì tham lam những đồ vật cúng dường nên tạo nghiệp bất thiện, đem việc không thực mà nói lời bất thiện để chê bai Tôn giả, tội lỗi rất nặng! Tội lỗi rất nặng! Nguyện xin Tôn giả thương xót tha thứ cho."

Tỳ-kheo Vô Thắng đáp: "Này Đại đức! Tôi tha thứ cho ông rồi. Nay tôi chỉ vì nhàm chán chỗ ồn ào nên trú ở bên gốc cây, ngồi kiết già, thân ngay thẳng nhớ nghĩ chân chánh, tu hạnh tịch tĩnh."

Nói xong, Tỳ-kheo Vô Thắng phát sinh tâm rất nhàm chán, nghĩ thế gian thật đáng kinh sợ, biến đổi, lưu chuyển, hoại diệt, các hoạt động của thân, miệng, ý không dừng, năm uẩn tuần hoàn lưu chuyển trong sinh tử cho đến được Đế Thích và các trời cúng dường khen ngợi đều chẳng phải là đã rốt ráo.

Nghĩ thế, liền bay vọt lên, giống như ngỗng chúa, trắng tinh trong sạch, tất cả đại chúng đều được nhìn, kính phục phát sinh lòng tin cao cả trong sáng, ở trên hư không Tỳ-kheo Vô Thắng hiện đủ các thần thông biến hóa.

Khi thấy sự việc ấy, Tỳ-kheo thuyết pháp kia liền nói: "Khổ thay! Tại sao ta đối với bậc đại Thánh này lại có sự hiềm khích hủy báng."

Nói rồi, ngất xỉu, ngã lăn dưới đất.

Khi ấy, Đức Diệu Nguyệt Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác biết sự việc này, nên phát tâm thương xót, nghĩ đến Tỳ-kheo kia, không để cho vị ấy nôn ra máu đến phải chết, liền vận thần lực hiện ra trước vị ấy, rồi Phật Thế Tôn mới duỗi bàn tay, với tướng trăm phước như màng lưới trong sáng, xoa đầu, an ủi Tỳ-kheo ấy.

Khi được Phật xoa đầu, Tỳ-kheo này lại bình tâm cảm thấy được nhẹ nhàng, liền đứng trước Phật hết lòng xin sám hối.

Bấy giờ, Đức Như Lai Diệu Nguyệt nói kệ cho đại chúng:

Con người ở thế gian
Miệng nói ra lời ác
Cũng như dao búa bén
Tự cắt thân thể mình.
Đáng khen lại hủy báng
Đáng chê lại khen ngợi
Lời ác từ miệng sinh
Nói ra không tự biết.

Tâm ác ban đầu ít
Như cờ bạc hao tài
Trong các điều ác lớn
Là hủy báng La-hán.
Tâm sinh nhân hủy báng
Chúng sinh đọa đường ác
Tâm sinh nhân thanh tịnh
Chúng sinh đến đường thiện.

Bấy giờ, Đức Như Lai Diệu Nguyệt giảng thuyết diệu pháp cho bốn chúng, chỉ dạy cho tất cả đều được lợi ích, vui vẻ rồi trở về chỗ ở.

Lúc này, Tôn giả A-nan bảo vua A-xà-thế:

–Thưa đại vương! Ý đại vương thế nào? Tỳ-kheo thuyết pháp khi ấy đâu phải người nào khác mà chính là Tỳ-kheo Kim Sắc này, xưa kia đối với Tỳ-kheo Vô Thắng, một vị đã đắc quả Thánh, phát ra lời nói ác, lừa dối, chê bai, do nghiệp báo ấy, nên năm trăm đời bị đọa vào ngục lớn, trong mỗi địa ngục chịu đủ các khổ đau, lại năm trăm đời đọa vào đường ngạ quỷ, lại năm trăm đời đọa vào đường súc sinh. Các quả báo ấy hết, sau đó năm trăm đời được sinh trong loài người, trong mỗi kiếp phải chịu mỗi tội lỗi, bị người vu khống ghét cho tội nhiễm duyên, bị treo trên giá chém, chịu lấy khổ rất đau đớn, cho đến đời này quả báo nghiệp ác mới dứt, cuối cùng là bị đại thần Dũng Lệ vu oan tội ái nhiễm, bị trói trên giá chém, ta dùng thần lực cứu độ làm cho thoát khỏi.

Này đại vương! Người này, do nghiệp tội như vậy nên chịu khổ báo. Khi xưa cũng nhờ căn lành xuất gia, với lòng tin thanh tịnh, gìn giữ phạm hạnh ở trong giáo pháp của Đức Như Lai Diệu Nguyệt. Do nghiệp thiện này, nay ở trong giáo pháp của Thích-ca Như Lai cũng được xuất gia thanh tịnh, dứt các phiền não, chứng quả A-la-hán.

Này đại vương! Thế nên, chúng sinh ở đời thà tự chịu đau khổ, chứ không nên chê bai người khác. Mình sợ tiếng xấu thì không nên làm cho người khác nhận lấy tiếng xấu. Nếu mình thọ hưởng an vui, liền phải san sẻ cho người khác sự an vui đó.

Khi Tôn giả A-nan thuyết giảng pháp này, có vô số trăm ngàn chúng sinh được lợi ích lớn, hoặc có người chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, hoặc có người chứng đắc quả Tư-đà-hàm, hoặc có người đắc quả A-na-hàm, hoặc có người đắc quả A-la-hán, hoặc có người phát tâm Chánh giác Vô thượng, hoặc có người phát tâm Bồ-đề Thanh văn, hoặc có người phát tâm quy hướng thọ giới cận sự. Ở trong hội cũng có người chỉ biết Phật đáng tin,

biết Pháp để nương nhờ, biết Tăng để phụng sự.

Bấy giờ, ở trong hội, thương chủ Nhật Chiếu quỳ gối phải sát đất, cung kính, chắp tay thưa Tôn giả A-nan:

–Thưa Tôn giả! Con thuở xưa từng phát nguyện muốn được thỉnh Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo đến nhà mình, để con được tự mình lo việc cúng dường thức ăn uống và y phục tốt đẹp trị giá trăm ngàn cho mỗi vị Tỳ-kheo. Nhưng khổ thay, con nay ít phước, Phật Thế Tôn đã nhập Niết-bàn! Con nay lòng thành kính mời Tôn giả và các Tỳ-kheo đến nhà để con được cúng dường.

Tôn giả bảo:

–Lành thay, thương chủ! Ông cứ theo ý muốn. Ta sẽ cùng đại chúng tất cả đệ tử Thanh văn của Phật Thích-ca Như Lai trong toàn cõi Diêm-phù-đề sẽ tập hợp đến theo lời mời của ông.

Khi ấy, thương chủ Nhật Chiếu được thỏa mãn ý nguyện nên rất vui mừng, liền quét dọn sạch sẽ trong ngoài thành, dọn dẹp hết tất cả sỏi đá, dựng cờ phướn, rưới nước hương chiên-đàn khắp nơi, treo các dây hoa châu báu rực rỡ, đốt các hương thơm, rải các hoa thơm đẹp.

Sau khi trang sức các thứ đặc biệt cao đẹp như vậy rồi, lại chuẩn bị tiếp các thức ăn uống thơm ngon trong sạch cao quý.

Đến sáng hôm sau, trải bày các chỗ nằm ngồi với nệm chiếu tốt đẹp, ở giữa đặt bình nước có hương thơm trong sáng. Sắp đến giờ ăn, thương chủ sai người đến bạch Tôn giả A-nan:

–Chúng con đã dọn bày xong, nguyện xin Tôn giả đến nhà chúng con.

Khi ấy, Tôn giả A-nan liền dùng thần lực vụt bay lên hư không, phóng ra ánh sáng màu vàng rực rỡ chiếu khắp cõi Thiệm bộ châu này. Trên không, tự nhiên vang lên tiếng kiền chùy, phát tiếng nói lớn:

–Tất cả đại chúng Thanh văn của Thế Tôn đã được thần thông, đều tự dùng thần lực để đến dự hội ngọ trai. Các chúng phàm phu thì nương thần lực của Tôn giả A-nan để cùng đến dự.

Tất cả Thanh văn nghe trong kiền chùy phát ra tiếng nói rồi thì từ các nơi đang ở như là trời Đao-lợi, núi Đại tuyết, núi Đại dã, núi Ma-la, núi Kiếp-nĩ-la, núi Hương túy, núi Diệu cao, núi Trì song, núi Trì trạc, núi Di-dân-đà-la và các vườn, rừng, bên gốc cây, xóm làng, thành ấp, sông ao và các Tiên nhân đang ở biển lớn kia cho đến bên đường, nhà trống, rừng bỏ thây chết... Tất cả đại chúng Tỳ-kheo ở khắp các nơi như vậy đều ra

khỏi thiền định, trong khoảnh khắc bay vọt lên hư không như hoa A-thâu-ca, màu sắc rực rỡ xanh, vàng, đỏ, trắng che khắp từ trên hư không xuống, từ từ vào thành lớn Vương xá, trong khoảng sát-na trong ngoài thành đều đầy khắp, đông vô số kể, có ba hạng:

1. Những vị đã dứt hết các phiền não.

2. Chúng Hữu học.

3. Chúng phàm phu hiền lành.

Khi ấy, Tôn giả A-nan và đại chúng đã đến nơi, theo thứ lớp thượng, trung, hạ mà ngồi.

Bấy giờ, thương chủ Nhật Chiếu xem xét khắp, thấy đại chúng đã ngồi yên vào chỗ, liền đem thức ăn trong sạch và thơm ngon nhất tự tay dâng cúng. Thọ trai xong, Tôn giả A-nan và đại chúng đang rửa bát thì thương chủ liền đem ba y tốt đẹp giá trị trăm ngàn muốn dâng cúng Tôn giả và đại chúng, phát tâm thanh tịnh tôn kính chiêm ngưỡng khắp trong đại chúng.

Khi ấy, Tỳ-kheo Kim Sắc biết ý cha mình, liền nói:

–Con sẽ giúp cha thực hành pháp cúng dường.

Nói rồi, trong khoảng sát-na, Tỳ-kheo liền cởi ba y màu vàng ròng đang mặc trên thân mình, lần lượt dâng cúng Tôn giả A-nan và vô số đại chúng, y cởi ra rồi có lại không hết…

Khi ấy, trên hư không trăm ngàn chúng cõi trời đều phát tiếng nói:

–Lạ thay, lạ thay! Thật là hiếm có!

Trên không lại tấu lên các nhạc trời, mưa các hoa trời.

Bấy giờ, tất cả đại chúng từ các nơi đến, cả quốc vương A-xà-thế, cung nữ, quyến thuộc, quần thần, thứ dân đều rất vui mừng khi nhìn thấy việc này, đều đồng lòng khen ngợi:

–Lành thay, lành thay! Thật là hiếm có!

Liên tiếp khen ngợi, nói lời này ba lần:

–Lạ thay! Gieo trồng phước đức được quả báo thù thắng. Lạ thay! Phước đức có năng lực lớn. Bố thí là ruộng phước vững bền nhất. Vì thế nên biết, nếu gieo hạt giống bố thí thì được quả báo tốt đẹp nhất và không uổng phí. Những người có trí, xem xét kỹ phước đức có quả báo như vậy, ai mà không gieo vào ruộng thí thanh tịnh.

Nói vậy rồi, vô số trăm ngàn người cùng chắp tay đảnh lễ và cùng đọc:

–Nam-mô Phật-đà-da.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan giảng nói rộng rãi pháp bố thí thanh tịnh cho đại chúng. Thương chủ Nhật Chiếu liền rời khỏi chỗ ngồi, gối phải quỳ sát đất, hướng về Tôn giả A-nan chắp tay đảnh lễ thưa ba lần:

–Bạch Tôn giả! Hôm nay con được thấy các việc đặc biệt cao đẹp như vầy, chẳng phải cha, chẳng phải mẹ, chẳng phải vua, chẳng phải trời, chẳng phải bạn bè thân thuộc, chẳng phải Sa-môn, Bà-la-môn mà có thể làm được! Chỉ có Tôn giả với lòng thương lớn khéo cứu giúp con. Như con ngày xưa, do lòng yêu thương vợ con mà nước mắt khóc than như biển, Tôn giả đã dùng thần lực làm khô cạn nguồn gốc yêu thương ấy.

Thưa xong, lại nói kệ:

Tôn giả đã lìa sinh, già, chết
Tất cả trời, người đều cúng dường
Ngàn đời khó được gặp bậc Thánh
Nay được quả thù thắng chân thật.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan tùy nghi giảng nói pháp, chỉ dạy, làm lợi ích an vui cho tất cả đại chúng trong hội.

Tôn giả giảng xong, vô số trăm ngàn trời, người trong hội và tất cả đại chúng nơi thành Vương xá đều phát tâm thanh tịnh quy thuận theo lời dạy, đảnh lễ, thưa:

–Hôm nay, chúng con đều được lợi ích hoàn toàn. Thưa rồi, tất cả liền rời khỏi chỗ ngồi, ra khỏi hội.

❑

SỐ 551

KINH NỮ MA-ĐĂNG

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng An Thế Cao, người nước An Tức.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả A-nan bưng bát đi khất thực, ăn xong, Tôn giả A-nan đi theo bờ nước, thấy một người con gái đang gánh nước. Tôn giả A-nan liền theo cô gái xin nước. Cô gái cho nước, rồi lại theo Tôn giả A-nan và biết được chỗ ở của Tôn giả. Cô ta về nhà nghĩ cách để thưa lại với mẹ. Người mẹ họ là Ma-đặng, thấy con gái trở về nằm dài, rũ rượi, khóc lóc, bèn hỏi:

–Vì sao con khóc lóc thảm thiết như vậy?

Cô con gái thưa:

–Thưa mẹ! Mẹ muốn cưới gả cho con, nhưng con không thích một ai hết. Hôm nay, con ở bên bờ nước, có một vị Sa-môn đến xin nước. Con hỏi tên gì? Ông ta nói tên là A-nan, nên con chỉ muốn kết hôn với A-nan mà thôi. Mẹ không làm được việc này thì con không lấy chồng.

Người mẹ đi tìm hiểu, mới biết A-nan là vị Sa-môn, là người hầu Phật. Người mẹ quay về nói với con:

–A-nan đã theo Phật, học đạo, chắc gì chịu làm chồng con.

Cô gái khóc lóc, bỏ ăn, bỏ uống và nói:

–Mẹ có mưu kế, làm người ta mê hoặc, sao không dùng đi.

Một hôm, nghĩ ra kế, bà thỉnh Tôn giả A-nan về nhà cúng dường cơm, cô con gái rất vui mừng. Người mẹ nói với A-nan:

–Con gái tôi muốn làm vợ Tôn giả.

Tôn giả A-nan nói:

–Tôi giữ giới, không bao giờ lấy vợ.

–Con gái tôi nếu không được Tôn giả ưng thuận nó sẽ tự sát.

Tôn giả A-nan nói:

–Đức Thế Tôn, thầy của tôi, không cho phép cùng người nữ giao

tiếp.

Người mẹ thuật lại với cô con gái:

–A-nan không chịu làm chồng con. Ông ta còn nói luật kinh không cho phép có vợ.

Cô con gái nhìn mẹ khóc than nói:

–Mẹ! Sao mẹ không dùng mưu?

Người mẹ nói:

–Mưu kế của thiên hạ không thể vượt qua đạo Phật và đạo A-la-hán.

Cô con gái lại nói:

–Nhưng mẹ hãy vì con đóng cửa lại, đừng để ông ta đi ra. Đến chiều ông ta phải làm chồng con thôi.

Người mẹ dùng mưu kế, đóng cửa để giữ chân Tôn giả A-nan lại. Đến chiều bà giúp con mình trải mền chiếu, sửa soạn chỗ nằm. Cô nàng quá vui mừng, tự trang điểm, còn Tôn giả A-nan không chịu cứ đứng trước giường. Bà mẹ ở trong nhà đốt một đống lửa dưới đất trước mặt A-nan, kéo y A-nan. Bà dùng lời hăm dọa:

–Ông không chịu làm chồng nó thì tôi sẽ ném ông vào lửa.

Tôn giả A-nan tự nghĩ: "Thật xấu hổ, đường đường là một Sa-môn của Phật, nay lại bị nạn ở trong này, không thể ra được." Đức Phật biết tâm niệm của A-nan nên dùng thần thông giải thoát A-nan.

A-nan trở về đến bạch với Đức Phật:

–Thưa Thế Tôn! Ngày hôm nay con đi khất thực bên bờ nước, thấy một cô gái, con đến xin nước rồi trở về chỗ Thế Tôn. Sáng hôm sau, có một người nữ, tự xưng là họ Ma-đặng, thỉnh con đến nhà để cúng dường cơm. Rồi bà ta ra giữ con lại, muốn để con gái bà làm vợ con. Con nói: "Tôi giữ gìn giới luật của Phật không bao giờ lấy vợ." Cô con gái biết con khước từ, nên ở trong nhà khóc than.

Bấy giờ, bà mẹ nói:

–Ông ta nhờ thần lực của Phật, nên mưu kế của mẹ không thể thắng được. Mẹ không giúp gì được cho con nữa.

Cô con gái vẫn khóc than và nhớ A-nan. Sáng hôm sau, cô ta tự mình đi tìm A-nan. Tình cờ gặp Tôn giả A-nan đang đi khất thực, rồi nàng đi theo sau lưng A-nan, A-nan đi đâu, nàng đều theo sau, không hề dừng bước. A-nan quay về chỗ Phật còn nàng đứng giữ ngay cửa. A-nan không ra ngoài nữa, nàng khóc rồi bỏ đi.

Tôn giả A-nan đến trước Phật và thưa:

–Thưa Thế Tôn! Hôm nay nữ Ma-đặng lại theo con.

Đức Phật bèn sai người đi tìm nữ Ma-đặng đến gặp Phật. Đức Phật hỏi:

–Con theo đuổi A-nan vì những gì?

Cô gái đáp:

–Con biết Tôn giả A-nan không vợ, con lại không chồng, nên con muốn làm vợ A-nan.

Phật bảo cô ta:

–Sa-môn A-nan không tóc, con có tóc. Vậy con có thể cạo tóc của con không? Nếu như vậy ta sẽ bảo A-nan làm chồng con.

Cô gái đáp:

–Dạ, con đồng ý cạo tóc.

Phật bảo:

–Về nhờ mẹ cạo tóc cho con rồi đến đây.

Cô quay về nói với mẹ:

–Mẹ không thể giúp cho con đến với A-nan. Nay Đức Phật bảo mẹ xuống tóc cho con thì Ngài bảo Tôn giả A-nan làm chồng con.

Người mẹ nói:

–Này con! Ta sinh ra con nhờ mái tóc che chở, hà cớ gì lại muốn làm vợ ông Sa-môn. Trong nước thiếu gì những nhà giàu sang lớn, Mẹ có thể gả con cho những người ấy.

–Thưa mẹ, dù sống hay chết con quyết làm vợ A-nan.

–Vì sao con muốn làm nhục dòng họ của ta.

–Nếu mẹ thương con thì mẹ phải giúp cho con vui lòng.

Người mẹ rơi lệ đành lấy dao xuống tóc cho con.

Sau khi cạo tóc xong, cô ta trở lại chỗ Phật và bạch với Phật:

–Thưa Thế Tôn! Con đã xuống tóc.

Đức Phật bảo:

–Con thương A-nan vì những gì?

Cô ta đáp:

–Dạ thưa Thế Tôn! Con yêu đôi mắt của A-nan. Con yêu lỗ mũi của A-nan. Con yêu cái miệng của A-nan. Con yêu lỗ tai của A-nan, con yêu tiếng nói của A-nan. Con yêu dáng đi của A-nan.

Đức Phật bảo:

–Trong đôi mắt chỉ có nước mắt. Trong lỗ mũi chỉ có nước mũi. Trong miệng chỉ có nước miếng. Trong lỗ tai chỉ có các thứ cấu bẩn. Trong thân có phân, nước tiểu hôi thối, chứa toàn thứ không sạch. Dù hai con có sánh đôi thành vợ chồng thì cũng cùng chung sự nhơ bẩn. Trong sự nhơ bẩn ấy lại có sinh, mà có sinh thì có chết. Một khi có chết mất thì có nước mắt và khóc than. Như vậy thân này có ích gì.

Ma-đặng nữ suy nghĩ: "Trong thân này hôi thối nhơ bẩn." Tự mình chánh niệm liền đắc quả A-la-hán.

Biết nàng đã chứng quả A-la-hán Phật bảo:

–Con hãy đứng dậy đến chỗ của Tôn giả A-nan đi.

Nàng thẹn thùng cúi đầu đảnh lễ và quỳ gối trước Đức Phật bạch:

–Kính thưa Thế Tôn! Con thật ngu si, nên đã theo đuổi Tôn giả A-nan như vậy. Nay tâm con đã ngộ như nhà tối có ánh sáng, như người nương thuyền nhờ thuyền đưa qua bờ, như người mù được giúp đỡ, như người già nhờ gậy bước đi. Nay Thế Tôn hướng dẫn con vào đạo, làm cho tâm con được khai ngộ.

Khi ấy, các Tỳ-kheo có mặt đông đủ đều hỏi Đức Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Mẹ của Ma-đặng nữ theo ngoại đạo mê mờ, nhờ nhân duyên gì nàng lại đắc quả A-la-hán?

Đức Phật đáp:

–Này chư Tỳ-kheo! Các ông có muốn biết về người con gái này không?

Chư Tỳ-kheo đáp:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con muốn biết, xin Thế Tôn chỉ dạy.

Đức Phật bảo:

–Thuở quá khứ, Ma-đặng nữ trải qua năm trăm đời làm vợ A-nan. Trong năm trăm đời đó họ luôn thương yêu, kính trọng lẫn nhau, cùng ở trong giới luật của ta, tu học đều được đắc đạo. Tuy là vợ chồng nhưng coi nhau như anh em. Như vậy, Phật đạo làm sao không đắc được.

Đức Phật thuyết giảng kinh xong, các Tỳ-kheo nghe đều rất vui mừng.

❑

SỐ 552

KINH MA-ĐĂNG NỮ GIẢI HÌNH TRONG SÁU VIỆC

Hán dịch: Mất tên người dịch, phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

Một thời, Đức Phật ở tại tinh xá trong vườn Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả A-nan bưng bình bát đi khất thực, men theo bờ nước, Tôn giả thấy một người con gái đang gánh nước đi. A-nan theo xin nước, cô gái cho nước xong, lại đi theo đến tận chỗ ở của A-nan. Nàng nghĩ sẽ về mách với mẹ mình. Mẹ của nàng họ Ma-đăng. Nhưng khi về nhà nàng lại rũ rượi, nằm dài khóc lóc. Mẹ hỏi:

–Vì sao con khóc?

Nàng nói:

–Mẹ muốn gả chồng cho con, chớ có gả cho ai. Vừa rồi, con đi gánh nước. Có một vị Sa-môn đến xin nước, con hỏi tên gì? Ông ta nói tên là A-nan. Con muốn kết hôn với A-nan, nếu không lấy được A-nan thì con không lấy chồng.

Người mẹ liền đi tìm hiểu về A-nan, biết A-nan là vị Sa-môn đang làm người hầu cho Phật. Bà trở về nói với con gái:

–A-nan theo Phật học đạo. Ông ta không chịu làm chồng con đâu.

Nàng khóc lóc, kể lể, bỏ ăn, bỏ uống và nói:

–Mẹ theo đạo làm người ta mê hoặc, sao không làm đi.

Thế rồi người mẹ nghĩ ra một kế. Một hôm, bà cung thỉnh Tôn giả A-nan về nhà cúng dường cơm. Cô con gái rất vui mừng. Người mẹ thưa với A-nan:

–Thưa Tôn giả! Con gái tôi muốn làm vợ Tôn giả.

A-nan nói:

–Tôi theo Phật, giữ giới, không bao giờ lập gia đình.

Người mẹ lại nói:

–Con gái tôi nếu không được Tôn giả làm chồng, nó sẽ tự sát.

A-nan nói:

–Đức Bổn sư thầy tôi dạy không được giao tiếp cùng người nữ.

Người mẹ thuật lại cho con gái mình nghe:

–A-nan không chịu làm chồng con. Đạo của ông ta có giới luật, không cho phép lập gia đình.

Nàng nhìn mẹ, khóc lóc, nói:

–Mẹ ơi, đạo mê hoặc của mẹ sao không dùng?

–Tất cả đạo của thiên hạ không thể vượt qua đạo Phật và đạo A-la-hán.

–Thôi như thế này, mẹ hãy vì con đóng cửa lại, đừng cho A-nan ra ngoài. Đến chiều, A-nan sẽ làm chồng con.

Người mẹ lập mưu đóng cửa giữ chân A-nan cho đến chiều. Bà trải mền chiếu, sửa soạn chỗ nằm. Cô con gái thì vui mừng, trang điểm, còn A-nan không chịu đến chỗ nằm. Người mẹ liền đốt đống lửa ở trước mặt A-nan, rồi kéo áo A-nan nói:

–Ông mà không chịu làm chồng nó thì tôi sẽ ném ông vào lửa.

A-nan tự nghĩ: "Thật xấu hổ cho một người Sa-môn. Nay phải chịu nạn trong này, không thể thoát được." Tôn giả chắp tay nhớ nghĩ đến Phật. Đức Phật biết được tấm lòng của Tôn giả A-nan, Ngài dùng thần thông giải thoát cho A-nan. Tôn giả A-nan trở về đến chỗ Đức Phật, bạch:

–Thưa Thế Tôn! Hôm qua con đi khất thực bên bờ nước, thấy một người nữ gánh nước, con đi theo xin nước. Sáng hôm sau, có một bà họ là Ma-đăng thỉnh con về nhà cúng dường cơm. Khi con chuẩn bị ra đi, bà giữ lại vì muốn con gái bà làm vợ con. Con giữ gìn giới luật của Phật, quyết không lập gia đình.

Bấy giờ, khi thấy Tôn giả A-nan được giải thoát ra đi, ở trong nhà nàng càng khóc lóc. Người mẹ nói:

–Ông ta đã theo Phật học đạo, mưu kế của mẹ không thể thắng được. Mẹ không nói trước với con như vậy sao.

Nàng lại tiếp tục khóc mãi, cứ nhớ tưởng về A-nan. Rạng ngày, nàng tự mình đi tìm A-nan. Trên đường, thấy Tôn giả A-nan đang đi khất thực, nàng liền đi theo sau lưng. Nàng nhìn chân A-nan, nhìn mặt A-nan. A-nan thẹn không nhìn lại mà có ý lẫn tránh cô ta. Nàng tiếp tục đi theo A-nan. A-nan trở về chỗ Đức Phật còn nàng đứng giữ ngay cửa, rồi không thấy A-nan xuất hiện, nàng khóc lóc quay về.

Tôn giả A-nan đến trước Đức Phật, bạch:

–Thưa Thế Tôn! Hôm qua nữ Ma-đăng theo con. Hôm nay lại theo nữa.

Đức Phật bèn cho người gọi nàng đến và hỏi:

–Con theo A-nan vì những thứ gì?

Nàng thưa:

–Thưa Thế Tôn! Con nghe A-nan không vợ, con cũng không chồng, nên con muốn làm vợ A-nan.

Phật bảo:

–Sa-môn A-nan không tóc. Con phải xuống tóc thì ta sẽ bảo A-nan làm chồng con.

Nàng nói:

–Vậy thì con sẵn sàng xuống tóc.

Đức Phật bảo:

–Con về bảo mẹ xuống tóc cho con.

Cô ta trở về nói với mẹ:

–Thưa mẹ, mẹ không thuyết phục được A-nan nên con đã tự mình đến tìm hiểu và hỏi Phật. Đức Phật dạy con phải xuống tóc rồi bảo A-nan làm chồng con.

Người mẹ nói:

–Ta sinh ra con, nhờ mái tóc che chở bảo vệ, cớ gì con phải làm vợ ông Sa-môn? Trong nước có biết bao nhà giàu sang, mẹ có thể tìm cho con một tấm chồng với những người đó.

Nàng nói:

–Dù sống hay chết con cũng phải làm vợ A-nan.

–Vì sao con muốn làm nhục dòng tộc của ta?

–Nếu mẹ thương thì giúp cho con vui lòng.

Người mẹ gạt lệ đành lấy dao xuống tóc cho con gái mình. Sau đó, nàng trở lại chỗ Phật, bạch với Phật:

–Thưa Thế Tôn! Con đã xuống tóc.

Đức Phật hỏi:

–Con yêu A-nan vì những gì?

Nàng đáp:

–Con yêu đôi mắt của A-nan. Con yêu lỗ mũi của A-nan. Con yêu cái miệng của A-nan. Con yêu lời nói của A-nan. Con yêu dáng đi của A-nan.

Đức Phật bảo:

–Trong đôi mắt có nước mắt. Trong lỗ mũi có nước mũi. Trong cái miệng có nước miếng. Trong lỗ tai có các thứ cấu bẩn. Trong thân có nước tiểu, phân đều chứa đồ dơ dáy. Hai con dù có sánh đôi chồng vợ với nhau thì cũng cùng chung chỗ dơ dáy. Trong cái dơ dáy đó, lại có sinh, mà có sinh ắt có chết. Nếu có sự chết mất thì có nước mắt và khóc than. Vậy thân này có ích gì.

Nghe vậy, nàng tự nghĩ: "Trong thân thể này đúng là dơ bẩn xấu xa." Trong lúc tập trung suy nghĩ như vậy, nàng liền đắc quả A-la-hán. Biết cô ta đã chứng quả A-la-hán, Đức Phật bảo:

–Con đi đến chỗ A-nan đi.

Nàng thẹn thùng cúi đầu, quỳ gối trước Phật và bạch:

–Thưa Thế Tôn! Con thật ngu si nên theo đuổi Tôn giả A-nan. Nay tâm con đã được mở, như bóng tối có ánh đèn, như đi thuyền nhờ thuyền đến được bờ, như người mù được dẫn dắt, như người già được cây gậy lần bước. Nay nhờ Đức Thế Tôn đưa con vào đạo, tâm con mới được khai mở như vậy.

Các Sa-môn có mặt đông đủ đều hỏi Đức Phật:

–Thưa Thế Tôn! Mẹ cô ta theo đạo làm mê hoặc người ta, nhưng nhờ nhân duyên gì mà cô ta đắc quả A-la-hán?

Đức Phật bảo:

–Này các Sa-môn! Các ông có muốn biết về người nữ này không?

Chư Sa-môn đáp:

–Thưa Thế Tôn! Chúng con muốn nghe chỉ dạy.

Đức Phật nói:

–Thuở quá khứ, Ma-đăng nữ đã trải qua năm trăm đời làm vợ A-nan. Trong năm trăm đời đó, họ kính trọng, yêu mến nhau. Suốt thời gian đó, họ cùng nhau vào đạo, giữ gìn giới luật, học kinh điển. Tuy làm vợ chồng nhưng xem nhau như anh em.

Đức Phật giảng nói kinh xong, các vị Sa-môn mới hiểu rõ về cô ta như thế. Các vị Sa-môn liền đứng dậy, ở trước Đức Phật cung kính đảnh lễ.

❑

SỐ 553

KINH NHÂN DUYÊN NẠI NỮ VÀ KỲ-VỰC

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng An Thế Cao, người nước An Tức.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước La-duyệt-kỳ, cùng đông đủ chúng Đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị và các Đại Bồ-tát, tám bộ thiên, long, đại chúng và muôn dân, tín thí đông vô số, tập trung để nghe Phật thuyết pháp.

Bấy giờ, có một người nghèo, chỉ có một chiếc khăn tay rách nát, ý muốn bố thí, nhưng lại sợ vật bố thí tồi tàn, nên do dự chưa quyết định. Khi ấy, trong chúng hội, có một Tỳ-kheo-ni tên là Nại Nữ, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ gối chắp tay làm lễ và bạch với Đức Phật:

–Thưa Thế Tôn! Con tự nhớ: Đời trước, sinh ở nước Ba-la-nại, làm một người nữ nghèo khổ. Khi ấy, có Phật hiệu là Ca-diếp cùng đại chúng vây quanh để nghe thuyết pháp. Lúc con ngồi nghe kinh tâm rất vui mừng, ý muốn bố thí, nhưng không có gì để bố thí, tự nghĩ mình quá nghèo hèn nên lòng buồn. Rồi con đi ra ngoài vườn cố gắng tìm hái trái cây chín để cúng dường. Trong vườn có một cây táo rất lớn, hương thơm ngào ngạt. Con lấy cái bồn nước nâng lên, dùng cây kèo hái những quả táo để dâng lên Đức Phật Ca-diếp và chúng Tăng. Đức Phật biết ý muốn của con, nên đã chú nguyện thọ nhận và phân bố nước táo cho khắp tất cả. Duyên từ việc làm phước này, nên sau khi qua đời con được sinh lên cõi trời, làm Thiên hậu. Rồi lại sinh xuống thế gian, trải qua chín mươi mốt kiếp không phải sinh từ bào thai, mà sinh từ hoa cây táo, đẹp đẽ, đoan chánh, luôn biết được số mạng nơi đời trước. Nay con được Đức Thế Tôn mở bày mắt đạo. Lúc ấy, Nại Nữ liền đọc kệ:

Tam Tôn rải lòng lành thấm khắp
Dùng tuệ độ không phân nam, nữ
Trái cây cúng dường được phước báo

Nhờ vậy xa lìa các khổ nhọc.
Sinh cõi trời được làm Thiên hậu
Ở đời, sinh ra từ trong ho.
Tự mình quay về Thánh Thế Tôn
Ruộng phước con được rất sâu dày.

Tỳ-kheo-ni Nại Nữ lễ xong, quay về chỗ ngồi.

Bấy giờ, tại nước Duy-da-lê, trong vườn ngự của nhà vua tự nhiên mọc một cây táo cành lá sum suê, tốt tươi. Cây rất cao lớn, lại có ánh sáng phát ra màu sắc và hương thơm ngào ngạt khác thường. Nhà vua rất yêu quý cây táo này, nên cấm cả hậu cung từ người tôn quý cho đến mỹ nhân, không được ăn trái cây ấy.

Trong nước có một Cư sĩ Phạm chí giàu có, tiền của vô số không ai bằng, lại thông minh, học rộng, tài trí vượt mọi người, nên nhà vua rất trọng vọng và dùng làm đại thần. Một hôm, nhà vua mời Phạm chí đến dùng cơm, ăn cơm xong nhà vua lấy một trái táo ngon ra mời Phạm chí. Phạm chí thấy trái táo thơm ngon khác lạ mới hỏi nhà vua:

–Tâu đại vương! Ở dưới cây táo này chắc có cây con. Nếu có cho hạ thần xin một cây, được không?

Nhà vua nói:

–Cây nhỏ rất nhiều, nhưng ta sợ nó hại cây lớn nên đã bỏ hết. Nếu khanh muốn trồng ta giúp cho.

Nhà vua liền sai người đi lấy hột giống cây táo cho Phạm chí. Phạm chí trở về gieo trồng hôm sớm tưới nước, cây càng ngày càng phát triển to lớn, cành lá xanh tốt. Ba năm trôi qua, cây táo đơm hoa kết trái, đủ loại màu sắc giống như cây táo nhà vua. Phạm chí rất vui mừng tự nghĩ: "Tài sản của gia đình ta vô số, không thua kém nhà vua, duy chỉ không bằng nhà vua là chưa có cây táo. Nay ta đã được nó thì đâu thua gì nhà vua nữa." Rồi Phạm chí hái táo ăn, nhưng ăn không được vì đắng và chát. Buồn rầu chán nản Phạm chí lại suy nghĩ: "Lẽ nào đất không màu mỡ hay sao." Ông liền đi lùa trăm con bò sữa, chọn một con để vắt sữa. Phạm chí đem sữa của con bò đó nấu thành đề hồ, rồi dùng để tưới lên rễ cây. Hàng ngày, Phạm chí tưới cây táo, cho đến năm sau, trái rất ngon ngọt, như cây táo nhà vua không khác. Rồi bên cạnh cây táo, bỗng nhiên nhô lên khối u, càng ngày càng lớn, to bằng nắm tay. Phạm chí suy nghĩ: "Sao tự nhiên có khối u này?" Ông ta sợ sẽ có hại cho trái nên muốn cắt bỏ đi, nhưng lại sợ hại cho cây. Ngày nào cũng suy nghĩ, lòng lưỡng lự, chưa quyết định. Rồi bỗng nhiên, giữa khối u, sinh ra một nhánh cây chỉa thẳng lên trời, to lớn,

cứng cỏi, vượt hơn ngọn cây táo chính, cách mặt đất bảy trượng. Ngọn cây của nó đâm ra rất nhiều nhánh, che phủ khắp nơi. Hình dạng trông như cái lọng đặt ngược, hoa lá sum suê, tươi tốt hơn cây chính. Phạm chí lấy làm lạ: Không biết nó mọc lên từ đâu? Bèn đóng thang gỗ leo lên xem thử, thấy trên cành cây bên trong như cái lọng lật ngửa, lại có chỗ nước đọng, nước trong vắt và tỏa hương thơm, lại có những đóa hoa màu sắc sặc sỡ. Phạm chí vạch hoa ra xem thấy ở phía dưới có một bé gái nơi chỗ đọng nước, ông ta bồng về nuôi nấng và đặt tên là Nại Nữ. Đến năm mười lăm tuổi, Nại Nữ có sắc đẹp hơn người, tiếng đồn vang xa đến các nước.

Bấy giờ, có bảy quốc vương cùng nhau đến nhà Phạm chí xin cầu hôn, muốn cưới Nại Nữ làm phu nhân. Phạm chí lo sợ không biết chọn ai, liền cất một lầu cao trong vườn cho Nại Nữ ở trên đó. Phạm chí thưa với các quốc vương:

–Tâu các đại vương! Nại Nữ không phải do hạ thần sinh ra, mà nàng sinh ra từ cây táo, nên không biết là nữ của thiên, long, quỷ, thần hay vật của ma quỷ chăng? Nay bảy đại vương đến đây cầu hôn với nàng, hạ thần thiết nghĩ, nếu gả cho một vị thì sáu vị kia sẽ phẫn nộ, nên hạ thần không dám chọn ai. Hiện nay, nàng đang ở trên lầu cao trong vườn, các đại vương tự ý nghị bàn để tìm ra phương pháp. Nếu như ai được thì đưa nàng về, còn hạ thần không dám đặt điều kiện.

Thế rồi, bảy vua cùng nhau tranh cãi, phân vân không quyết định được. Cho đến tối, Bình-sa vương theo đường hầm, vào bên trong, leo lên lầu ngủ với Nại Nữ một đêm. Sáng sớm, Bình-sa vương chuẩn bị ra đi, Nại Nữ thưa:

–Tâu đại vương! Đại vương là người đức hạnh cao cả, đã tiếp đãi thần thiếp. Nay lại chia tay ra đi, nếu thần thiếp có con, đó là "hạt giống" của đại vương thì phải gửi gấm ở đâu?

Nhà vua bảo:

–Nếu là con trai đem về cho trẫm, còn con gái thì tiện thể nàng nuôi.

Nhà vua tháo ấn vòng vàng trong tay giao lại cho Nại Nữ để làm tin. Nhà vua quay lại nói với quần thần:

–Trẫm đã cùng Nại Nữ ngủ chung một đêm. Nàng không có gì lạ, cũng như người bình thường, nên không giữ lấy làm gì.

Lúc ấy, quân lính của vua Bình-sa tung hô "Vạn tuế!" và nói lớn:

–Đức vua của chúng ta đã được nàng Nại Nữ.

Sáu vị vua kia nghe như vậy nên quay trở về. Từ khi vua Bình-sa ra

đi, Nại Nữ mang thai và dạy người hầu:

–Nếu có ai tìm thì nói là ta bị bệnh.

Ngày tháng trôi qua, nàng sinh một nam nhi, hình dáng đoan nghiêm. Khi mới sinh, tay đứa bé cầm kim châm cứu và túi thuốc.

Phạm chí nói:

–Con vua nước này mà nắm giữ đồ thuốc men, chắc chắn sẽ thành y vương.

Nại Nữ lấy áo trắng mặc cho cho đứa bé, rồi sai nữ hầu đem nó để trong ngõ hẻm. Nữ hầu vâng lời ẵm đứa bé đem đi bỏ. Sáng sớm, vương tử Vô Úy lên xe để đến yết kiến đại vương, sai người dẹp đường. Trên đường đi vương tử thấy một vật màu trắng, mới hỏi người đánh xe bên cạnh:

–Vật màu trắng kia là thứ gì vậy?

–Thưa vương tử, đó là một đứa bé.

–Chết hay sống?

–Dạ, còn sống.

Vương tử ra lệnh cho người đánh xe ẵm đứa bé lên, đem về tìm nhũ mẫu nuôi dưỡng cho khôn lớn. Phạm chí lại nhận nuôi đứa bé này và giao trở lại cho Nại Nữ, đặt tên là Kỳ-vực. Năm lên tám tuổi, Kỳ-vực đã rất thông minh, tài giỏi. Về học vấn, binh thư đều thông suốt đặc biệt, "có một không hai." Mỗi lần chơi đùa, đứa bé này thường có tâm xem thường những đứa bé láng giềng, coi người ta không bằng mình. Chúng bạn cùng nhau mắng nó và nói:

–Mày là thứ không cha, cái hạng do dâm nữ sinh ra. Vậy sao dám khinh tụi tao?

Kỳ-vực ngạc nhiên, lặng thinh không trả lời, quay về hỏi mẫu thân:

–Thưa mẹ, những đứa bạn của con, chúng đều không bằng con mà dám mắng: "Đồ cái thứ không cha." Vậy hiện giờ cha con ở đâu?

–Cha của con chính là Bình-sa vương.

–Bình-sa vương ở tại nước La-duyệt-kỳ, cách đây năm trăm dặm làm sao sinh ra con? Theo như lời mẹ nói thì lấy gì làm bằng chứng?

Người mẹ lấy ra ấn vòng vàng và nói:

–Đây là vòng vàng làm chứng Bình-sa vương là cha con.

Kỳ-vực thấy ấn văn của vua Bình-sa mới rõ tin, rồi kính cẩn thâu giữ vòng vàng, tìm cách đến nước La-duyệt-kỳ. Kỳ-vực tới nơi, đi thẳng vào

cung môn, đến cửa không ai hỏi nên đi luôn đến trước nhà vua làm lễ, quỳ gối tâu:

–Tâu phụ vương! Con là vương tử, mẹ Nại Nữ sinh ra con. Khi lên tám tuổi mới biết là dòng họ nhà vua, nên đem ấn vòng vàng làm tin từ xa đến đây.

Nhà vua thấy ấn văn, nhớ lại lời thề thuở xưa, biết Kỳ-vực là con mình, lòng thương xót vô hạn và phong làm thái tử. Thời gian thấm thoát đã hai năm, sau đó, vua sinh ra A-xà-thế. Kỳ-vực nhân tiện thưa với vua:

–Tâu phụ vương! Lúc con mới sinh, tay đã cầm kim châm và túi y dược, tức là phải làm thầy thuốc. Tuy phụ vương phong vị con làm thái tử nhưng con không vui. Nay chánh hậu sinh hoàng nam, như vậy đã có người nối dõi tông tự, vậy con nguyện được học y thuật, xin phụ vương cho phép.

Nhà vua nói:

–Con không làm thái tử mà học y dược thì không được hưởng bổng lộc của triều đình.

Nhà vua ban lệnh cho các thầy thuốc giỏi trong nước, phải hết lòng dạy bảo Kỳ-vực. Kỳ-vực thường rong chơi không chịu học. Các vị thầy luôn trách than:

–Y thuật là nghề thô kệch, chẳng phải là nghề để hàng thái tử, vương tôn học. Nay vì phụng mạng nhà vua không dám chống trái. Sắc lệnh đã ban xuống, ngày tháng trôi qua, vậy mà thái tử chưa học được nửa lời phương thuốc. Nếu nhà vua có hỏi thì chúng tôi trả lời ra sao đây?

Kỳ-vực nói:

–Khi ta mới sinh ra, đã có dụng cụ y dược trong tay. Ta đã xin phụ vương bỏ vinh hoa, phú quý để cầu học y thuật, ta đâu có làm biếng để phiền các thầy đôn đốc. Thật ra, nghề thuốc của các thầy không đủ để ta học.

Kỳ-vực liền lấy một ít vị dược thảo và phương pháp châm cứu kinh mạch hỏi các thầy thuốc. Các thầy thuốc không trả lời được, tất cả đều quỳ gối xuống, đảnh lễ Kỳ-vực và chắp tay nói:

–Hôm nay mới biết thái tử thật là thần thánh, chúng tôi không sao sánh bằng. Những điều thái tử vừa hỏi là những chỗ nghi ngờ, cả thầy của chúng tôi đã trải qua nhiều đời chưa thông đạt được. Mong thái tử giải bày tất cả những vấn đề mà nhiều năm chúng tôi còn vướng mắc.

Kỳ-vực giải thích rõ những ý nghĩa nghi hoặc. Các thầy thuốc vui mừng, đứng dậy đảnh lễ sát đất, ghi nhận lời dạy của Kỳ-vực. Lúc này,

Kỳ-vực suy nghĩ: "Nhà vua ban lệnh cho các thầy thuốc dạy ta, nhưng ta không học bất cứ người nào. Vậy ai có thể dạy ta về y thuật? Nghe nói ở nước Đức-xoa-thi-la có một thầy thuốc tên là A-đề-lê, tự là Tân-ca-la rất giỏi về nghề thuốc, người ấy chắc có thể dạy ta."

Đồng tử Kỳ-vực đi đến nước đó, tới chỗ ở của Tân-ca-la và thưa hỏi:

–Thưa đại sư! Nay con muốn thỉnh đại sư làm thầy chỉ dạy nghề y thuật cho con.

Thấm thoát bảy năm theo học, một hôm Kỳ-vực nghĩ ngợi: "Ta học tập y thuật đến nay không biết có thành đạt gì chưa?" Bèn đến hỏi thầy:

–Thưa thầy, con học y thuật đến nay đã được gì chưa?

Vị thầy cầm rổ sắt và dụng cụ đào cây thuốc, bảo:

–Con đi quanh nước Đức-xoa-thi-la cách một do-tuần, tìm các loại cỏ không phải là thảo dược, đem về đây cho ta.

Kỳ-vực vâng lệnh thầy đi quanh nước Đức-xoa-thi-la cách một do-tuần, tìm những thứ không phải thảo dược, tìm kiếm khắp nơi thấy toàn là cây thuốc, khéo léo tìm kiếm phân biệt nhưng tất cả đều là cây thuốc có thể sử dụng được. Kỳ-vực không lấy được gì, đành trở về thưa lại thầy:

–Thưa thầy! Hôm nay thầy bảo con đi quanh nước Đức-xoa-thi-la tìm cây không phải là cây thuốc, nhưng trong nước cách một do-tuần con tìm khắp không thấy cây nào chẳng phải là cây thuốc. Con cố gắng tìm kiếm hết sức, phân biệt kỹ lưỡng, nhưng tất cả cây cỏ đều sử dụng được hết.

Vị thầy bảo Kỳ-vực:

–Vậy con có thể ra đi. Về y thuật, con đã thành đạt rồi. Trong cõi Diêm-phù-đề này, ta là bậc nhất, sau khi ta qua đời thì còn có con.

Thế là, Kỳ-vực đi trị bệnh, hễ chữa là lành, trong nước đều biết danh. Một hôm, Kỳ-vực đi vào thành, đến trước cổng của cung, gặp một đứa bé gánh củi. Kỳ-vực thấy được tất cả ngũ tạng trong bụng đứa bé: nào ruột, bao tử... nhiều thứ đều rõ. Kỳ-vực suy nghĩ: "Trong sách dược thảo có nói, loại cây Dược vương có thể nhờ nó mà từ bên ngoài thấy được nội tạng của con người. Chẳng lẽ trong gánh củi của đứa bé này có cây Dược vương sao?"

Kỳ-vực đến hỏi đứa bé:

–Gánh củi bán bao nhiêu tiền?

–Dạ, mười tiền.

Kỳ-vực lấy tiền mua gánh củi. Gánh củi vừa đặt xuống đất thì trong

bụng đứa bé tối sầm không còn thấy gì nữa. Kỳ-vực lấy làm lạ nghĩ ngợi: "Không biết vì sao trong bó củi lại có cây Dược vương?" Liền tháo hai bó củi ra, lấy từng cây để lên bụng đứa bé, không thấy gì hết. Kỳ-vực lại lấy từng cây trong bó củi kia làm như vậy cho đến hết, chỉ còn lại cây củi nhỏ cuối cùng dài hơn một thước. Kỳ-vực lấy lên thử chiếu một lần nữa thì thấy toàn bộ nội tạng trong bụng đứa bé. Kỳ-vực rất vui mừng, biết chắc cây củi nhỏ này là Dược vương, rồi trả toàn bộ củi lại cho đứa bé. Đứa bé vừa được củi vừa được tiền nên vui mừng bỏ đi.

Bấy giờ, Kỳ-vực tự nghĩ: "Trước tiên ta nên trị bệnh ai? Nước này nhỏ, lại là vùng xa xôi hẻo lánh, ta nên trở lại quê nhà, khai mở y đạo." Rồi trở về thành Bà-ca-đà. Trong thành Bà-ca-đà có một đại Trưởng giả, vợ ông ta đã hơn mười hai năm qua thường có chứng bệnh đau đầu, nhiều thầy thuốc trị mà không khỏi. Kỳ-vực nghe tin liền đến nhà Trưởng giả, bảo người giữ cửa:

–Người vào nói với trưởng giả là có một vị lương y đang đứng ngoài cổng.

Người giữ cổng vào trong thưa lại:

–Có vị thầy thuốc đang đứng ngoài cổng.

Vợ Trưởng giả nghe, hỏi:

–Ông thầy thuốc hình dáng ra sao?

–Dạ, trạc tuổi niên thiếu.

Vợ trưởng giả nghĩ thầm: "Các bậc thầy thuốc lớn tuổi trị còn không được, huống gì là một người trẻ tuổi." Rồi bảo người giữ cửa:

–Ngươi ra nói lại là hôm nay ta không cần lương y.

Người giữ cửa ra nói lại:

–Tôi vì ông thưa với trưởng giả, nhưng bà vợ trưởng giả nói: "Hôm nay bà không cần lương y."

Kỳ-vực lại nói:

–Ngươi có thể thưa lại với vợ trưởng giả, để cho ta chữa trị, nếu trị lành tùy ý cho ta gì cũng được.

Người giữ cửa vào thưa lại:

–Ông thầy thuốc nói như vầy: "Hãy để ông ta chữa trị, nếu trị lành tùy ý cho ta gì cũng được."

Vợ trưởng giả nghe thế, nghĩ ngợi: "Nếu vậy thì không tốn kém gì." Rồi dạy người giữ cửa ra mời vào. Kỳ-vực vào đến chỗ vợ trưởng giả hỏi:

–Bà đau đớn như thế nào?

–Dạ, đau như thế này, thế này...

–Bệnh phát khởi ra sao?

–Dạ, bệnh phát khởi như vầy, như vầy…

Kỳ-vực lại hỏi:

–Bệnh mới đây hay lâu chưa?

–Dạ, thưa thầy bệnh lâu lắm rồi.

Kỳ-vực hỏi xong đâu đó nói:

–Tôi có thể trị cho bà.

Kỳ-vực lấy thuốc hảo hạng dùng sữa đặc nấu, rồi rót vào mũi vợ trưởng giả. Trong miệng bệnh nhân sữa và nước miếng chảy ra. Lúc đó bệnh nhân lấy đồ hứng, gạt nước miếng bỏ đi, giữ lại phần sữa. Kỳ-vực thấy vậy trong lòng lo nghĩ: "Chỉ có một chút sữa không sạch mà còn tham tiếc, huống nữa là trả công cho ta."

Vợ trưởng giả thấy vậy hỏi Kỳ-vực:

–Trông thầy có vẻ buồn?

–Vâng, đúng thế.

–Vì sao thầy buồn?

–Tôi nghĩ một chút sữa này không sạch mà còn tham tiếc, huống nữa là trả công cho tôi. Vì thế tôi buồn.

–Dạ, việc ấy không phải thế! Đổ đi có ích gì, có thể dùng vào việc đốt đèn. Vì vậy tôi giữ lại, thầy cứ lo trị chớ có buồn như vậy!

Kỳ-vực chữa trị cho vợ trưởng giả. Sau khi bệnh lành, vợ trưởng giả đem ra bốn mươi vạn lượng vàng và nô tỳ, xe ngựa... biếu cho Kỳ-vực. Kỳ-vực nhận lễ vật này rồi quay trở về thành Vương xá, đến cửa của vương tử Vô Úy bảo người giữ cửa:

–Ngươi vào bẩm với vương tử là có Kỳ-vực đến, đang đứng ở ngoài.

Người giữ cổng vào thưa với vương tử. Vương tử ra lệnh cho người giữ cổng mời Kỳ-vực vào. Kỳ-vực đến trước vương tử đảnh lễ sát đất, đứng qua một bên, đem hết mọi việc lúc trước trình bày đầy đủ lên vương tử Vô Úy và nói:

–Nay tôi được lễ vật này xin dâng hết cho vương tử.

Vương tử bảo:

–Tôi không nhận đâu! Anh đã được người ta cúng dường thì tùy ý sử dụng.

Đây là lần đầu tiên Kỳ-vực trị bệnh.

Bấy giờ, ở nước Câu-thiểm-di, có con một trưởng giả chơi nhảy nhào lộn, ruột trong bụng bị co thắt, ăn uống không tiêu, đại tiện cũng không được. Lương y nước ấy không tìm được cách cứu chữa. Trưởng giả nghe nói nước Ma-kiệt có bậc lương y tài giỏi, khả năng trị lành bệnh, bèn sai người đến thỉnh cầu nhà vua:

–Tâu đại vương! Ở nước Câu-thiểm-di có con vị Trưởng giả bị bệnh, duy chỉ Kỳ-vực mới chữa trị được. Nguyện xin đại vương cho phép thỉnh thầy Kỳ-vực đến đó.

Lúc này Bình-sa vương cho mời Kỳ-vực vào cung và hỏi:

–Con Trưởng giả nước Câu-thiểm-di bị bệnh, con có thể chữa trị được không?

–Tâu phụ vương, dạ được.

–Nếu được, con có thể đến đó chữa trị.

Bây giờ, Kỳ-vực lên xe đến nước Câu-thiểm-di. Tới nơi con trưởng giả đã chết, đang tấu nhạc tiễn đưa. Kỳ-vực nghe âm thanh ấy hỏi:

–Tiếng trống nhạc gì vậy?

Người bên cạnh đáp:

–Đó là tiếng trống nhạc người ta đánh tiễn đưa con trưởng giả đã chết.

Kỳ-vực giỏi phân biệt các loại âm thanh, tức khắc ra lệnh đoàn tiễn đưa quay trở lại nhà và nói:

–Người ấy chưa chết.

Tất cả đều quay trở lại. Kỳ-vực xuống xe cầm dao bén mổ bụng, banh chỗ ruột bị thắt, nói với cha mẹ và người thân:

–Đây là do chơi trò nhào lộn mà ruột bị thắt rối như thế này, nên ăn uống không tiêu, chẳng thể chết được.

Kỳ-vực giải phẫu, sắp xếp ruột chỗ nào lại chỗ đó, may chỗ mổ lại, rồi lấy thuốc hảo hạng thoa trên vết thương tức thì lông mọc lên, lành lặn như không có vết thương. Vợ của con Trưởng giả đền ân Kỳ-vực bốn mươi vạn lượng vàng. Con Trưởng giả cũng đền ân Kỳ-vực bốn mươi vạn lượng vàng. Ông bà trưởng giả cũng như vậy, mỗi người đều biếu bốn mươi vạn lượng vàng. Lúc ấy, Kỳ-vực suy nghĩ: "Mình đã làm được thầy thì phải nhớ ân thầy, phải đền đáp công ơn thầy thuốc của mình." Rồi đem một trăm sáu mươi vạn lượng vàng về lại nước Đức-xoa-thi-la, đến chỗ thầy mình là Tân-ca-la. Như đã dự định, Kỳ-vực đem vàng đến chỗ thầy, đảnh lễ sát chân và dâng số vàng ấy lên nói:

–Xin Đại sư thương con nhận cho.

Thầy bảo:

–Con có tấm lòng cúng dường, nhưng ta không nhận báu vật đó đâu.

Kỳ-vực ân cần thỉnh dâng nhiều lần nên thầy Tân-ca-la mới chịu nhận số vàng. Kỳ-vực cung kính đảnh lễ ra đi.

Khi ấy, trong nước có con gái của một gia đình Cư sĩ, vừa tròn mười lăm, sắp sửa thành hôn bỗng nhiên đau đầu mà chết. Kỳ-vực hay tin, liền đến gia đình ấy, hỏi thân phụ của người con gái:

–Con gái ông mang bệnh gì mà dẫn đến chết yểu?

–Tiểu nữ nhà tôi bị chứng đau đầu, càng ngày càng trầm trọng. Sáng này bệnh tái phát nặng hơn ngày thường rồi đưa đến tuyệt mạng.

Kỳ-vực lấy cây Dược vương chiếu trong đầu để xem, thấy côn trùng đục khoét, lúc nhúc lớn nhỏ vô số hàng trăm con. Chúng rúc rỉa trong não cho hết cạn nên cô ta chết. Kỳ-vực lấy dao vàng mổ đầu cô ta, gắp hết côn trùng trong đó ra, bỏ vào cái vò đậy nắp lại, lấy ba loại thuốc bột thần, bôi lên vết thương. Một loại trị vết thương chỗ trùng ăn trong xương. Một loại bổ não. Một loại trị vết thương dao mổ.

Kỳ-vực nói với cha cô gái:

–Tốt lắm rồi, để bệnh nhân nghỉ ngơi, cẩn thận, đừng làm kinh động. Mười ngày nữa sẽ bình phục mau chóng, đúng ngày đó tôi sẽ trở lại.

Kỳ-vực cáo từ ra đi.

Mẹ cô gái than khóc nói:

–Sao làm như thế, chỉ vì để sống lại mà phải mổ não đầu, nên con tôi phải chết một lần nữa. Ông làm cha cớ gì nhẫn nhịn để người ta mổ con mình như vậy.

Người cha ngắt lời:

–Thầy Kỳ-vực lúc mới sinh ra tay đã cầm kim y dược, từ bỏ địa vị tôn quý làm thầy thuốc chỉ vì lo cho hết thảy mạng người. Đó là y vương của trời đâu có dối trá, bà chớ nói như vậy. Thầy có dặn tôi phải cẩn thận chớ kinh động, mà bà không nghe lại khóc kể làm kinh động con mình, nó không sống lại được.

Người vợ nghe chồng nói vậy nên không khóc nữa. Hai người cùng nhau săn sóc con. Hai vợ chồng bình tĩnh trong bảy ngày. Sáng sớm ngày thứ bảy, người con gái hắt xì thức dậy như người ngủ tỉnh giấc, liền hỏi:

–Hôm nay sao con không còn đau đầu, thân thể khỏe khoắn, ai giúp cho con được thế này?

Người cha nói:

–Lúc trước con đã chết, Y vương Kỳ-vực đến đây giúp con, thầy đã mổ đầu lấy hết côn trùng cứu con sống lại.

Người cha mở cái vò đựng côn trùng đưa con gái xem. Cô thấy rất kinh sợ, tự nghĩ: "Mình quả là may mắn mới có thần y Kỳ-vực đến cứu giúp như vậy. Ta phải mau đền đáp công ơn này."

Người cha bảo:

–Thầy Kỳ-vực có hứa với cha hôm nay sẽ trở lại.

Khi ấy, Kỳ-vực cũng vừa đến. Cô con gái vui mừng chạy ra cửa đón tiếp, đảnh lễ sát đất, quỳ gối chắp tay thưa:

–Nguyện xin thầy cho con theo làm nô tỳ, trọn đời phụng dưỡng để đền đáp ân thầy cứu mạng.

Kỳ-vực nói:

–Ta làm thầy thuốc đi trị bệnh khắp nơi, không chỗ ở cố định, làm sao nuôi người hầu. Cô muốn đền đáp công ơn thì biếu cho ta năm trăm lượng vàng. Ta không chi tiêu số vàng này, nhưng ta đòi hỏi vì: Phàm người học đạo đúng phép tắc phải tạ ân thầy. Thầy ta tuy không dạy ta nhưng ta từng là đệ tử. Nay được số vàng của cô, ta sẽ lấy nó tạ ân thầy.

Cô gái đem năm trăm lượng vàng biếu cho Kỳ-vực. Kỳ-vực nhận lấy rồi đem về dâng cúng lại cho thầy, nhân tiện tâu lên nhà vua xin về nước Duy-da-ly để thăm mẹ.

Bấy giờ, ở trong nước, có con trai của một Cư sĩ tinh thông võ thuật, tạo ra một con ngựa gỗ, cao hơn bảy thước. Hàng ngày luyện tập, mới đầu leo lên trên ngựa gỗ tập rất đắc ý, luyện tập rất lâu bỗng nhiên hôm đó nhảy qua thế nào, mất thăng bằng té xuống đất chết. Kỳ-vực nghe chuyện đó, liền tới nơi lấy cây Dược vương chiếu vào trong bụng, thấy gan lộn ngược ra sau nên bị tắt khí không thông mà chết. Kỳ-vực dùng dao vàng mổ bụng, đưa tay dò xét sắp xếp cho gan quay về vị trí cũ, dùng ba loại thuốc bột mỡ thần. Một loại bổ ngay chỗ Kỳ-vực dùng tay sửa. Một loại giúp thông khí, hơi thở điều hòa. Một loại trị vết thương bị mổ, xong rồi Kỳ-vực dặn dò người cha:

–Nên cẩn thận đừng làm ồn ào, ba ngày nữa bệnh sẽ lành.

Người cha vâng lời chỉ dạy, chăm sóc nuôi dưỡng, đến ngày thứ ba cậu con trai nhảy mũi và tỉnh dậy, trạng thái giống như người ngủ vừa tỉnh giấc. Chốc lát Kỳ-vực cũng vừa đến, cậu con trai vui mừng chạy ra ngoài cổng tiếp đón, đảnh lễ sát đất, chắp tay quỳ gối thưa:

–Nguyện xin thầy cho con theo làm người hầu, suốt đời phụng dưỡng để đáp đền công ơn cứu mạng.

Kỳ-vực nói:

–Ta là thầy thuốc trị bệnh khắp nơi. Bệnh nhân của nhiều gia đình đều xin theo ta làm người hầu, nhưng ta đâu cần người hầu. Ta còn mẹ, mẹ ta nuôi ta khổ nhọc, công ơn của mẫu thân chưa đền đáp được. Anh nếu muốn đền đáp ân ta thì biếu cho ta năm trăm lượng vàng để ta báo ân mẫu thân.

Thế là Kỳ-vực đem số vàng ấy dâng lên cho mẹ là Nại Nữ rồi trở lại nước La-duyệt-kỳ. Đến đây, Kỳ-vực đã trị bệnh được bốn người, danh tiếng vang khắp thiên hạ, không ai là không biết.

Lại ở phương Nam có một nước rất lớn, cách nước La-duyệt-kỳ tám ngàn dặm. Vua Bình-sa và các nước nhỏ đều phải lệ thuộc nước này. Vua nước ấy đau bệnh nhiều năm nay mà không thuyên giảm. Ông ta thường đau khổ và giận dữ hay lăm le giết người. Người nào đưa mắt nhìn là giết, người nào cuối đầu không ngước lên cũng giết, sai người nào mà đi chậm cũng giết, đi nhanh cũng giết. Hầu cận hai bên không biết liệu tính thế nào. Lương y bào chế thuốc, ông ta nghi kỵ có độc cũng giết, trước sau giết sạch, nào cận thần, cung nữ, những người thầy thuốc không thể tính hết. Căn bệnh ngày càng trầm trọng. Độc nóng nung đốt trong tâm, phiền muộn rầu rĩ, hơi thở hổn hển, toàn thân như bị thiêu đốt. Ông ta nghe tiếng Kỳ-vực liền xuống chiếu chỉ gởi đến nhờ Bình-sa vương gọi Kỳ-vực. Kỳ-vực nghe ông vua này đã giết hại nhiều thầy thuốc nên rất lo sợ. Bình-sa vương thương lo cho Kỳ-vực tuổi còn nhỏ, e rằng sẽ bị giết, nên không muốn cho đi, nhưng lại sợ ông ta đem quân gây chiến tranh. Cha con ray rứt đêm ngày đau buồn không biết tính thế nào. Bình-sa vương bèn đưa Kỳ-vực đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ sát đất, bạch với Đức Phật:

–Thưa Thế Tôn! Ông vua kia tánh tình hung ác, giết hại nhiều thầy thuốc, vậy Kỳ-vực đến đó được không?

Phật bảo Kỳ-vực:

–Đời trước, ta và con ước thệ cùng nhau cứu giúp thiên hạ. Ta trị nội bệnh, con trị ngoại bệnh. Nay ta thành Phật đúng như sở nguyện, ý ta đã đạt. Ông vua đó bệnh quá nặng mà ở xa, mời con làm sao không đến được. Mau liệu tính phương tiện khéo léo đến cứu giúp, bệnh tình thuyên giảm thì ông ta không giết con.

Kỳ-vực nương nơi thần lực của Phật đến chỗ ông vua đó. Kỳ-vực chẩn đoán mạch lý, lấy cây Dược vương chiếu vào, thấy bên trong ngũ

tạng và hàng trăm kinh mạch của nhà vua, khí huyết khắp thân thể chảy rần rần đều là chất độc của mãng xà.

Kỳ-vực tâu nhà vua:

–Tâu hoàng thượng! Bệnh của hoàng thượng có thể trị được, trị chắc phải hết. Tuy nhiên, cho phép hạ thần được gặp thái hậu để nghị bàn bào chế thuốc, nếu không gặp thái hậu thì thuốc không bao giờ thành được.

Nhà vua nghe lời lẽ của Kỳ-vực, không hiểu cớ gì. Ý đã tức giận nhưng sợ ảnh hưởng đến bệnh, lại nghe Kỳ-vực là danh y được đón tiếp từ xa, nghĩ chắc cũng có ích cho lòng mong mỏi. Vả lại là người nhỏ tuổi, Kỳ-vực cũng không thông gian, nên nhẫn nhịn lắng nghe. Nhà vua liền lệnh cho quan thái giám đưa Kỳ-vực đến gặp thái hậu. Kỳ-vực thưa thái hậu:

–Bẩm thái hậu! Bệnh của nhà vua có thể trị được nhưng phải cùng thái hậu bào chế thuốc. Vì đây là phương thuốc tối mật không thể tiết lộ cho ai dù là người hầu cận tả hữu.

Thái hậu liền đuổi quan thái giám ra ngoài, nhân tiện Kỳ-vực mới bạch thái hậu:

–Bẩm thái hậu! Hạ thần xem bệnh nhà vua thấy khí huyết trong thân toàn là chất độc của mãng xà, hình như chẳng phải loài người. Xin thái hậu xác định nhà vua là con ai? Thái hậu thành thật kể cho hạ thần thì hạ thần mới có thể trị cho nhà vua. Còn nếu không nói cho hạ thần biết thì sợ rằng bệnh của nhà vua khó trị lành.

Thái hậu kể:

–Trước kia, vào một buổi trưa, ta đang ngủ tại điện Kim trụ, bỗng nhiên có một vật đến đè trên người ta. Lúc ấy, ta hốt hoảng nửa tỉnh nửa mơ, trạng thái như bị bóng đè trong mộng, rồi thỏa ý thông tình. Giật mình, thức giấc thấy một con Mãng xà rất to, dài hơn ba trượng, từ trên người ta bò đi. Giờ mới biết mang thai nhà vua là con của Mãng xà. Ta quá xấu hổ về điều đó, nên chưa bao giờ nói ra. Nay Đồng tử đã biết việc ấy, sao mà thần diệu vậy? Nếu bệnh này có thể trị được thì ta xin phó thác mạng sống nhà vua cho Đồng tử. Bây giờ trị cho nhà vua bằng thuốc gì?

Kỳ-vực đáp:

–Chỉ có "đề hồ" thôi.

–Ôi! Đồng tử cẩn thận chớ có chế đề hồ. Nhà vua ghét ngửi mùi đề hồ, ghét nghe nói tên đề hồ. Ai chế đề hồ, là tiếng trước tiếng sau giết ngay người đó, con số lên đến hàng trăm hàng ngàn người. Nay Đồng tử chế đề

hồ, chắc chắn sẽ bị giết. Còn nếu đem đề hồ cho nhà vua uống là càng hoàn toàn không được. Xin Đồng tử liệu kế chế thuốc khác.

Kỳ-vực thưa:

–Đề hồ trị độc, bị bệnh độc mà căm ghét đề hồ thì bệnh nhà vua tuy ít nhưng rồi sinh thêm bệnh khác, chỉ có thuốc đó mới trị hết bệnh. Chất độc của Mãng xà rất nặng lại lan tràn khắp thân. Nếu không phải đề hồ thì không bao giờ diệt được nó. Bây giờ sắc nấu thành nước, sẽ không còn hơi hay mùi vị. Ý nhà vua không biết nhất định tự uống, khi thuốc ngấm vào bệnh sẽ lành. Thôi thái hậu đừng lo lắng nữa.

Kỳ-vực ra ngoài tâu lại nhà vua:

–Tâu hoàng thượng! Hạ thần đã diện kiến thái hậu đưa ra phương thuốc, nghị bàn bào chế mười lăm ngày sẽ thành. Nay hạ thần có năm điều nguyện, nếu hoàng thượng nghe lời hạ thần thì bệnh mau khỏi, còn không nghe hạ thần, chắc bệnh khó lành.

Nhà vua hỏi:

–Năm điều nguyện ấy là chuyện gì?

Kỳ-vực tâu:

Nguyện thứ nhất là xin trong kho báu hoàng thượng một cái áo giáp mới, chưa ai mặc, cho hạ thần mặc.

Nguyện thứ hai là cho hạ thần tự nhiên ra vào trong cung không được ngăn cấm.

Nguyện thứ ba là hằng ngày hạ thần vào gặp thái hậu và hoàng hậu, không ai được ngăn cấm.

Nguyện thứ tư là khi hoàng thượng uống thuốc phải uống một hơi cho hết, không được nghỉ nửa chừng.

Nguyện thứ năm là xin hoàng thượng ban cho hạ thần con bạch tượng đi tám ngàn dặm để hạ thần cỡi nó.

Nhà vua nghe xong vô cùng giận dữ hét lớn:

–Tiểu tử... sao dám cả gan cầu năm điều nguyện đó, mau giải thích cho rõ, nếu không giải thích ta sẽ cho tả hữu đánh chết. Sao ngươi dám đòi áo mới của ta? Vì muốn giết ta hay tiện bề mặc áo của ta để giả danh ta chăng?

Kỳ-vực tâu:

–Tâu hoàng thượng! Khi chế thuốc phải thanh tịnh trai giới, mà hạ thần đến đây đã lâu quần áo dơ bẩn, nên muốn xin hoàng thượng áo để mặc nấu thuốc.

Nhà vua hiểu rồi lại hỏi:

–Như vậy thì tốt. Sao ngươi muốn tự ý ra vào cung môn không bị ngăn cấm. Có phải nhân cơ hội đó đem binh tấn công giết ta chăng?

Kỳ-vực thưa:

–Tâu hoàng thượng! Những ông thầy thuốc trước nay, hoàng thượng đều không tin tưởng và muốn tàn sát họ, không dùng thuốc của họ. Quần thần lớn nhỏ đều nói: "Hoàng thượng cũng sẽ giết hạ thần", mà bệnh của hoàng thượng đã nặng, sợ người ngoài sinh tâm làm loạn. Nếu để hạ thần ra vào không bị ngăn cấm, tức người ngoài lớn nhỏ đều biết hoàng thượng tin tưởng hạ thần, một khi nhà vua dùng thuốc của hạ thần thì bệnh sẽ lành. Thế là họ không dám sinh tâm nghịch loạn.

Nhà vua nói:

–Tốt lắm, vậy còn hàng ngày sao ngươi muốn một mình vào gặp mẹ và vợ ta, muốn dâm loạn chăng?

Kỳ-vực thưa:

–Tâu hoàng thượng! Từ trước đến này, hoàng thượng đã giết quá nhiều người. Quần thần lớn nhỏ đều ôm lòng lo sợ. Họ cầu nguyện cho hoàng thượng gặp điều bất hạnh, cho nên không thể tin bất cứ một ai. Nay cùng họ chế thuốc, nhân lúc hạ thần lơ là sơ ý họ sẽ bỏ thuốc độc vào, hạ thần không biết thì chẳng phải chuyện nhỏ. Hạ thần suy nghĩ nên tin tưởng người nào có ân tình, không hai lòng thì chỉ có thái hậu và hoàng hậu. Vì vậy, hạ thần cần gặp thái hậu và hoàng hậu để cộng sự nấu chế thuốc. Mười lăm ngày là hoàn thành nhưng hạ thần muốn hàng ngày vào để thăm bệnh và nấu thuốc vậy thôi.

Nhà vua nói:

–Vậy thì tốt, tại sao ngươi muốn ta uống phải uống cho hết, không được nghỉ nữa chừng, có phải bỏ thuốc độc sợ ta biết chăng?

Kỳ-vực thưa:

–Tâu hoàng thượng! Vì thuốc có nhiều loại, hơi và mùi vị phải hòa hợp lẫn nhau, nếu uống nửa chừng nghỉ thì mùi vị không liên kết với nhau.

Nhà vua nói:

–Hay lắm, thế tại sao ngươi muốn cỡi voi của ta. Con voi đó là vật báu nơi vương quốc ta, một ngày đi tám ngàn dặm, ta chinh phục được các nước là nhờ nó. Ngươi xin cỡi nó vì muốn chiếm đoạt, rồi quay về quê hương cùng cha ngươi chinh phạt nước ta chăng?

Kỳ-vực thưa:

–Tâu hoàng thượng! Ở trong núi nơi biên giới phía nam có loại thuốc thần diệu, đến đó mất bốn ngàn dặm. Hoàng thượng uống thuốc là loại dược thảo ấy. Tuy việc khó khăn nhưng phải chế cho được, hạ thần muốn mượn voi đến đó hái thuốc, sáng đi chiều về thì thuốc không mất mùi vị.

Nhà vua nghe mọi chuyện, ý đã hiểu rõ. Thế là Kỳ-vực luyện nấu đề hồ trong mười lăm ngày xong. Nó trong vắt như nước, tất cả được mười lăm thăng, đưa cho thái hậu và vương hậu bưng ra ngoài. Kỳ-vực đến thưa nhà vua:

–Tâu hoàng thượng! Có thể chuẩn bị bạch tượng dẫn đến trước điện.

Nhà vua cho phép. Ông ta thấy thuốc trong như nước không mùi vị, không biết là đề hồ, lại có thái hậu và vương hậu thân cận cùng chế thuốc nên tin tưởng chắc không phải thuốc độc. Nhà vua như lời dặn uống một lần hết sạch. Kỳ-vực lên voi ra đi, trở về nước La-duyệt-kỳ. Kỳ-vực đi được ba ngàn dặm, vì tuổi nhỏ, thể lực yếu nên không chịu nổi, bỗng nhiên đau đầu, hoa mắt choáng váng phải dừng lại nằm nghỉ. Đến giữa trưa, nhà vua nhảy mũi, hắt hơi, văng ra đề hồ, liền nổi giận quát tháo:

–Thằng nhóc con, dám cả gan cho ta uống đề hồ, hèn chi thằng quái mượn bạch tượng của ta, chắc nó phản nghịch rồi.

Nhà vua có một cận thần, tên là Ô, đầy đủ thần thông đi nhanh, có khả năng rượt đuổi bạch tượng. Nhà vua gọi Ô lại bảo:

–Ngươi cấp tốc đuổi theo, bắt sống nó đem về trước mặt ta, dùng chùy đánh cho chết. Ngươi có tánh không liêm chính, tham ăn nên gọi là Ô. Những bọn thầy thuốc có nhiều mẹo vặt hay dùng thuốc độc. Nếu thằng nhóc cho ngươi ăn thì cẩn thận đừng ăn.

Ô vâng lệnh ra đi, như bay vào trong núi gặp Kỳ-vực bảo:

–Vì sao ngươi làm đề hồ cho vua uống mà nói là thuốc? Hoàng thượng sai ta đuổi theo bắt ngươi quay lại. Ngươi mau theo ta trở về, tự thú tạ tội ngõ hầu hy vọng sống. Nếu ngươi muốn đào tẩu thì bắt buộc ta giết ngươi, đừng hòng chạy thoát được.

Kỳ-vực suy nghĩ: "Ta đã dùng mưu kế mượn bạch tượng cũng không thoát được." Rồi nói với Ô:

–Từ sáng đến giờ tôi chưa ăn gì, đường nào cũng chết, thôi ông nghỉ ngơi đợi tôi chốc lát. Tôi đi vào trong núi kiếm trái cây ăn, uống miếng nước cho no bụng, chết cũng chịu.

Ô thấy Kỳ-vực còn nhỏ, nghe chết hoảng sợ, lời lẽ tội nghiệp thương lòng đồng ý và nói:

–Đi kiếm thức ăn mau đi.

Không bao lâu, Kỳ-vực trở lại tay cầm trái lê ăn hết một nửa, lấy thuốc độc bỏ vào móng tay, để cho vào phần còn lại rồi đặt xuống đất. Lại lấy ly nước đã uống hết một nửa, dùng móng tay có độc búng vào ly nước, để xuống đất và than:

–Nước và lê đều là thuốc trời trong mát lại thơm ngon. Người nào ăn, uống được nó thân thể bình an, trăm bệnh tiêu trừ, khí lực gấp bội. Rất tiếc, kinh đô không có thứ này. Trăm họ đang cần mà nó lại ở trong núi sâu, người ta không biết được, đôi khi vào núi tìm kiếm thì gặp trái cây khác.

Ô tánh tham ăn không thể nhẫn nhịn về chuyện ăn uống, lại nghe Kỳ-vực khen là thần dược, cũng thấy Kỳ-vực ăn uống rồi, Ô nghĩ chắc không có độc liền lấy phần lê và nước còn lại, ăn uống hết sạch. Liền bị kiết lỵ, tiêu chảy như nước, rồi ngã sấp xuống nằm dài, cố gắng đứng dậy lại hoa mắt ngã xuống, không cử động được nữa.

Kỳ-vực nói:

–Tôi chế thuốc cho hoàng thượng uống, tất nhiên bệnh sẽ hết. Giờ thì thuốc chưa thấm là bao, nên chất độc vẫn còn. Nếu ở lại chắc tôi bị giết. Ông đâu có biết, nên rượt bắt tôi để giải về cho nhà vua. Vì vậy tôi phải làm cho ông bị bệnh, bệnh của ông không hại gì, thận trọng chớ động đậy ba ngày bệnh sẽ lành. Nếu ông đứng dậy rượt theo tôi tất nhiên chết không sai.

Kỳ-vực cỡi bạch tượng ra đi. Kỳ-vực đi qua một ngôi làng nghèo nói với người trưởng làng:

–Sứ giả vương quốc này bỗng nhiên lâm bệnh, các ông cố gắng cấp tốc đưa ông ta về nhà, nuôi dưỡng chăm sóc cho chu đáo, chuẩn bị giường chiếu cho đàng hoàng, cung cấp cháo thịt cẩn thận chớ để chết. Nếu để ông ta chết thì nhà vua tiêu diệt ngôi làng các ông.

Nói rồi Kỳ-vực lên đường quay về nước mình. Trưởng làng vâng lệnh đón Ô về nuôi dưỡng ba ngày, độc ngưng tuyệt hẳn. Ô trở về gặp nhà vua, cúi đầu tường thuật lại:

–Hạ thần thật ngu si trái lời hoàng thượng dạy, tin lời Kỳ-vực, ăn uống phần dư nước và trái cây, vì ăn trong đó nên sinh bệnh kiết lỵ ba ngày. Từ đó đến nay mới hết, hạ thần tự biết tội chết.

Trong thời gian ba ngày ấy, đến khi Ô trở về thì nhà vua cũng hết bệnh. Nhà vua suy nghĩ: "Ta rất ăn năn đã sai Ô đi." Thấy Ô về vừa buồn vừa vui nói:

–Lúc trẫm giận sai ngươi đuổi theo giết thằng nhỏ không được trái lời. Hiện nay mạng trẫm đã được cứu sống là nhờ ân của nó. Vậy trẫm đã gây ra tội lỗi không nhỏ và rất hối hận vì đã giết nhiều người chết oan trước đây. Nghĩ rồi, vua ra lệnh cho hậu táng, đưa tiền của để giúp gia đình họ. Nghĩ đến ân cứu mạng của Kỳ-vực, nhà vua sai sứ giả cung nghênh Kỳ-vực. Kỳ-vực tuy biết nhà vua hết bệnh nhưng vẫn còn nỗi lo sợ không muốn đến. Bấy giờ, Kỳ-vực đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ sát chân Phật và bạch:

–Thưa Thế Tôn! Ông vua đó sai sứ giả đến nghênh đón con, con có nên đến không?

Đức Phật bảo Kỳ-vực:

–Mạng đời trước con đã thệ nguyện là phải hoàn thành công đức sao dừng nửa chừng, nên đến đó đi! Con trị ngoại bệnh cho nhà vua, ta cũng trị nội bệnh cho ông ta.

Kỳ-vực bèn theo sứ giả lên đường. Đến nơi nhà vua thấy Kỳ-vực lòng hết sức vui mừng, dắt tay đến ngồi chung một chỗ và vịn vai nói:

–Đội ân công đức của Hiền giả đã cứu mạng, nay lấy gì đền đáp đây? Trẫm muốn chia vương quốc mỗi người một nửa. Thể nữ trong cung, kho tàng châu báu cũng chia làm đôi, tha thiết xin Hiền giả nhận cho.

Kỳ-vực thưa:

–Tâu hoàng thượng! Hạ thần vốn cũng là thái tử. Tuy là vương quốc nhỏ nhưng cũng có dân chúng, châu báu đầy đủ. Hạ thần không vui với ngôi vị trị nước nên cầu làm thầy thuốc đi trị bệnh. Hoàng thượng cho đất đai, thể nữ, châu báu hạ thần thấy không cần. Trước kia hoàng thượng nghe và đồng ý cho hạ thần thỉnh năm điều nguyện, nhân đó ngoại bệnh đã lành. Bây giờ, nếu hoàng thượng chịu nghe theo một điều nguyện nữa thì nội bệnh cũng dứt sạch.

Vua nói:

–Xin Nhân giả chỉ dạy, ta rất muốn biết sự việc của điều nguyện đó.

Kỳ-vực thưa:

–Xin hoàng thượng thỉnh Phật đến, để thọ chánh pháp cao minh. Vì hoàng thượng, Đức Phật sẽ giảng nói công đức vời vợi của Đức Thế Tôn.

Nhà vua nghe thế quá vui mừng bảo:

–Vậy để trẫm sai Ô lấy bạch tượng đón rước Đức Phật có được không?

Kỳ-vực nói:

–Không cần dùng bạch tượng. Tất cả tâm niệm của mọi người dù ở xa, Đức Phật cũng đều biết. Miễn là hoàng thượng một đêm trai giới thanh tịnh, dâng cúng đầy đủ hương trầm, quay về hướng Phật làm lễ, quỳ gối thỉnh nguyện tự nhiên Đức Phật đến.

Nhà vua làm như lời dặn. Sáng ngày hôm sau, Đức Phật cùng đầy đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo đến đó. Sau khi thọ trai xong, vì nhà vua, Đức Phật đã thuyết giảng kinh. Tâm ý nhà vua nhờ đó được mở bày, liền phát tâm với đạo Chánh chân Vô thượng. Cả nước lớn nhỏ đều thọ năm giới, rồi cung kính làm lễ lui ra.

Lại nữa, nàng Nại Nữ sinh ra đã là kỳ dị, càng lớn càng thông tuệ, theo cha học hành, rộng hiểu kinh đạo, thuật chiêm tinh toán số đều vượt hơn hẳn cha, lại thông thạo về âm nhạc, tấu nhạc tiếng như Phạm thiên. Những đứa con của các gia đình Cư sĩ, Phạm chí, tất cả năm trăm người theo học và tôn Nại Nữ là Đại sư. Nại Nữ cùng năm trăm đệ tử thường ca ngợi, trao đổi kinh thuật hay du ngoạn chốn hoa viên, ao hồ hoặc chơi âm nhạc. Người trong nước không hiểu việc làm của họ, nên sinh tâm chê bai, gọi Nại Nữ là dâm nữ, còn năm trăm đệ tử gọi là dâm đảng.

Lúc Nại Nữ sinh ra, đồng thời trong nước còn có Tu-mạn nữ và Ba-đàm nữ cũng sinh cùng lượt. Tu-mạn nữ là người sinh trong hoa Tu-mạn. Tại nước ấy có nhà Cư sĩ thường bện hoa Tu-mạn để làm hương cao. Bên chỗ bện thạch cao bỗng nhiên nhô lên khối u to như viên đạn. Ngày ngày lớn dần như nắm tay rồi hòn đá nứt ra, trong kẽ đá có điểm tụ sáng như ánh lửa đom đóm, bắn ra ngoài rơi xuống đất. Ba ngày sinh ra cây Tu-mạn, ba ngày nữa thành hoa, trong hoa nở ra có một bé gái. Nhà Cư sĩ chăm sóc nuôi dưỡng và đặt tên là Tu-mạn nữ. Khi nàng trưởng thành, nhan sắc diễm kiều, tài trí vẹn toàn, nếu so sánh với Nại Nữ, nàng là người thứ hai.

Bấy giờ, cũng lại có một gia đình Phạm chí, nơi ao nhà tự nhiên mọc lên hoa sen xanh. Đặc biệt hoa sen không những lớn mà ngày càng vươn cao to bằng cái bình năm thăng. Khi hoa nở bên trong có một bé gái, Phạm chí giữ lấy nuôi dưỡng đặt tên là Ba-đàm nữ. Khi lớn khôn nàng cũng rất đẹp, tài trí sánh như Tu-mạn nữ. Vua các nước nghe đồn về hai người con gái này nhan sắc tuyệt đẹp, họ đem sính lễ đến cầu hôn. Hai nàng nói:

–Chúng tôi không phải sinh ra từ bào thai mà sinh ra từ hoa thảo, nên cùng người phàm không đồng. Vậy làm sao thích hợp theo người đời để cùng sánh đôi được. Nghe Nại Nữ thông minh, nhan sắc tuyệt thế, không thể sánh kịp với nàng. Lại biết Nại Nữ cũng sinh ra giống với hai người, nên họ từ biệt cha mẹ theo Nại Nữ cầu làm đệ tử, thấu rõ kinh điển, trí tuệ

sáng suốt, giỏi hơn năm trăm đệ tử kia.

Khi ấy, Đức Phật vào nước Duy-da-lê, Nại Nữ dẫn năm trăm đệ tử ra nghinh đón Đức Phật, đảnh lễ sát đất, quỳ gối và bạch:

–Kính thưa Thế Tôn! Ngày mai xin thỉnh Thế Tôn vào nơi vườn của chúng con thọ trai.

Đức Phật im lặng thọ nhận. Nại Nữ trở về chuẩn bị đầy đủ những thứ cúng dường. Khi Đức Phật đi vào thành, nhà vua ra khỏi cung nghinh đón Đức Phật, xong quỳ gối thỉnh Phật:

–Thưa Thế Tôn! Nguyện thỉnh Thế Tôn ngày mai đến cung thọ trai.

Phật đáp:

–Nại Nữ đã thỉnh ta trước rồi.

Nhà vua buồn rầu nói:

–Con làm vua một nước, đã hết lòng thỉnh Phật, tất nhiên phải được y hứa. Còn Nại Nữ chỉ là gái dâm, hàng ngày theo năm trăm đệ tử dâm loạn, làm việc trái phép. Vì sao Thế Tôn từ chối con, mà nhận lời thỉnh nguyện của nó?

Đức Phật bảo:

–Người con gái này không phải là dâm nữ, đời trước cô ta có công đức lớn, đã cúng dường ba ức Phật. Xưa kia, cô ta, Tu-mạn và Ba-đàm cùng là chị em. Nại Nữ là chị cả, Tu-mạn là chị thứ, còn Ba-đàm là út, cùng sinh trong một đại gia tộc, tài sản châu báu vô kể. Chị em họ cùng nhau cúng dường cho năm trăm Tỳ-kheo-ni. Hàng ngày, bày biện đồ ăn thức uống để cúng dường và may y phục, tùy theo chỗ nào không có, đều cúng dường đầy đủ. Khi sắp chết, họ cùng nhau phát thệ nguyện: "Nguyện đời sau được gặp Phật." Tự nhiên họ được hóa sinh không do bào thai, xa lìa dơ bẩn. Nay họ được toại nguyện sinh vào thời của ta, nhờ xưa kia cúng dường Tỳ-kheo-ni. Do làm con nhà giàu có, với ngôn ngữ cao ngạo, lại luôn luôn trêu chọc, giỡn cợt các Tỳ-kheo-ni: "Những người ở trong đạo lâu ngày, chắc cũng muốn có chồng, ngặt vì chúng tôi cúng dường, kiểm soát, nên các cô không dám tự ý tư tình đó thôi." Do vậy, nên ngày hôm nay họ phải chịu nhiều tai ương. Hằng ngày ca tụng kinh điển đạo lý, nhưng vẫn bị chê bai là dâm nữ. Lúc ấy, tất cả năm trăm đệ tử cùng sức tương trợ cúng dường, vui vẻ một lòng, cho nên sinh ra, gặp nhau, hưởng chung cái quả như vậy. Còn Kỳ-vực thuở ấy làm con gia đình nghèo, thấy Nại Nữ cúng dường, ý cũng rất vui mừng, nhưng không có của cải riêng nên thường giúp đỡ Tỳ-kheo-ni bằng công việc quét dọn cho sạch sẽ, rồi phát lời thệ nguyện: "Nhờ công đức của việc quét dọn, sau này giúp cho

ta có thể dứt trừ bệnh tật cho mọi người trong thiên hạ, nhất định xin được như vậy.” Nại Nữ thương Kỳ-vực nghèo khổ, lại siêng năng cần cù nên nhận làm con. Mỗi khi, những vị Tỳ-kheo-ni có bệnh, thường nhờ Kỳ-vực đón thầy thuốc về bổ thuốc và bảo: “Đời sau ngươi và ta, cả hai đều được phước.” Kỳ-vực đón thầy thuốc về trị, trị tất nhiên là lành. Kỳ-vực thề: “Xin nguyện đời sau làm đại y vương luôn trị bệnh tất cả thân bốn đại, trị dứt khoát là hết.” Nhờ nhân duyên ngày trước, mà nay làm con Nại Nữ và được như ý nguyện.

Nhà vua nghe Phật nói, liền quỳ gối ăn năn về tội lỗi của mình và đồng ý chờ ngày hôm sau. Sáng ngày, Đức Phật cùng hàng Tỳ-kheo đến vườn của Nại Nữ. Vì tất cả, Đức Phật đã thuyết giảng về bản nguyện công đức. Ba nàng nghe kinh nên được tỏ ngộ và tất cả năm trăm đệ tử một lượt vui mừng, xin xuất gia tu hành, tinh tấn không làm biếng và họ đều đắc quả A-la-hán.

Bấy giờ, Phật bảo A-nan:

–Ông phải thọ trì, vì bốn chúng mà giảng nói kinh này chớ để dứt mất. Tất cả chúng sinh cẩn thận nơi thân, khẩu, ý, chớ sinh cao ngạo, chê khinh, buông thả. Như Nại Nữ ngày xưa, vì chế nhạo, đùa giỡn Tỳ-kheo-ni mà nay phải bị chê bai là hàng dâm nữ. Ông phải tu hành nơi ba nghiệp thân, khẩu, ý, mãi mãi phát nguyện điều thiện, nghe kinh tùy ý tin vui, thọ trì chớ sinh chê bai sẽ bị đọa vào địa ngục, ngoài ra còn bị quả báo làm súc sinh, trải qua trăm ngàn kiếp, quả báo sau cùng làm người thì cũng nghèo hèn, cùng khổ, không nghe được chánh pháp, sinh trong gia đình tà kiến, thường gặp vua ác, thân không đầy đủ. Ông phải tu hành, thọ trì đọc tụng cho đến tận đời vị lai, mãi mãi không được dứt.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, quỳ gối, chắp tay, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Chính yếu của pháp này nên đặt tên là kinh gì?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Kinh này gọi là kinh Nhân Duyên Nại Nữ và Kỳ-vực, tu hành theo pháp như trên, cúng dường Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, chỉ có bố thí thuốc và đón lương y, theo đó vui vẻ phát nguyện mà nay được quả báo như thế. Vậy nên theo đấy mà thọ trì.

Nghe Phật thuyết giảng kinh xong, tất cả đại chúng: muôn dân, tám bộ trời, rồng… đều vui vẻ phụng hành.

❑

SỐ 554

KINH NẠI NỮ VÀ KỲ-BÀ

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng An Thế Cao, người nước An Tức.

Khi Phật còn tại thế, bấy giờ ở nước Duy-da-ly, trong vườn của nhà vua, tự nhiên mọc lên một cây táo, cành lá sum suê, trái rất lớn, màu sắc rực rỡ và hương thơm ngào ngạt, khác thường. Nhà vua rất yêu quý cây táo này, ông ta cấm người trong hậu cung từ bậc tôn quý đến mỹ nhân không được ăn trái của cây táo. Lại trong nước có một Cư sĩ Phạm chí rất giàu có, tài sản vô số. Ông ta thông minh hiểu biết rộng, tài trí hơn người, nhà vua yêu thương trọng dụng, cho ông làm đại thần. Một hôm, nhà vua mời Phạm chí đến dùng cơm, ăn xong nhà vua lấy một trái táo thưởng cho ông. Phạm chí thấy trái táo thơm ngon khác lạ, bèn hỏi nhà vua:

–Tâu bệ hạ! Chắc ở dưới cây táo này có cây con, có thể cho phép hạ thần xin một cây được không?

Nhà vua nói:

–Cây nhỏ rất nhiều, nhưng trẫm phòng giữ cho cây lớn nên bỏ hết rồi. Nếu khanh muốn trẫm sẽ cho.

Nhà vua liền sai người lấy hạt giống cây táo cho Phạm chí. Phạm chí đem nó về trồng, sớm hôm tưới bón, ngày càng lớn to, cành lá xanh tốt, ba năm có trái, trái cây táo lớn nhỏ đủ loại màu sắc giống như cây táo nhà vua. Phạm chí rất vui mừng, tự nghĩ: "Tài sản của gia đình ta vô số không thua gì nhà vua, chỉ không bằng nhà vua là chưa có cây táo. Nay đã có nó thì đâu thua gì nhà vua nữa." Liền hái một trái ăn, nhưng ăn không được vì đắng và chát. Phạm chí quá buồn rầu chán nản lại suy nghĩ: "Lẽ nào đất này không màu mỡ sao?" Rồi ông đi chọn một trăm con bò sữa, đem sữa một trăm con cho một con uống, rồi vắt sữa nơi con bò ấy nấu thành đề hồ tưới xuống gốc cây. Hàng ngày, Phạm chí đều tưới cây táo như vậy, cho đến năm sau, quả nó ngon như cây táo nhà vua. Nhưng bên thân cây táo bỗng nhiên nhô lên khối u lớn như nắm tay, ngày càng to dần. Phạm chí nghĩ ngợi: "Sao tự nhiên lại có khối u này, ta lo cho cây táo quá." Muốn

chặt bỏ đi nhưng sợ bị thương cho cây táo, nhiều ngày suy nghĩ lưỡng lự chưa quyết định. Đột nhiên trong khối u lại sinh một nhánh cây chỉa thẳng lên trên, to lớn tốt tươi, cao hơn ngọn cây cũ và cách mặt đất bảy trượng. Nhánh cây của nó phân chia nhiều nhánh nhỏ, che phủ khắp nơi, hình dáng như cái lọng đặt ngược, lá xanh tốt đẹp hơn cây trước. Phạm chí lấy làm lạ: "Không biết cành cây mọc lên từ đâu." Bèn đóng thang gỗ leo lên xem thử, thấy bên trong cành cây giống cái lọng đặt ngược đó có vũng nước vừa trong vừa thơm, giống như chùm hoa màu sắc sặc sỡ. Phạm chí vạch hoa ra xem, thấy có một bé gái ở dưới vũng nước, ông ta bồng lên đem về nuôi dưỡng khôn lớn và đặt tên là Nại Nữ. Năm mười lăm tuổi Nại Nữ nhan sắc vô cùng đẹp đẽ, trong thiên hạ không có người thứ hai, tiếng đồn vang khắp cả nước.

Bấy giờ, có bảy quốc vương cùng một lúc đến nhà Phạm chí xin cầu hôn với Nại Nữ. Phạm chí quá lo lắng không biết phải chọn ai. Ông liền cất một căn lầu trong vườn để Nại Nữ ở đó. Phạm chí tâu với các quốc vương:

–Tâu các đại vương! Người con gái này không phải do hạ thần sinh, mà được sinh ra từ trên cây táo, không biết đó là nữ của trời, rồng, quỷ, thần hay vật của ma quỷ chăng? Hôm nay, bảy đại vương đến đây cầu hôn, hạ thần thiết nghĩ nếu chọn một người thì sáu vị kia sẽ giận, nên hạ thần không dám chọn ai. Hiện Nại Nữ đang ở trên lầu trong vườn, các đại vương tự ý nghị bàn chọn ra phương pháp, rồi cứ tự nhiên, còn hạ thần không dám ra điều kiện.

Lúc đó, bảy đại vương cùng nhau tranh luận, phân vân chưa quyết định được, mãi cho đến tối, Bình-sa vương theo đường hầm đi vào, leo lên lầu ngủ với Nại Nữ một đêm. Sáng sớm, Bình-sa vương chuẩn bị ra đi, Nại Nữ thưa:

–Tâu đại vương! Đại vương đức hạnh cao quý đã tiếp đãi thần thiếp, nay lại chia tay. Nếu thần thiếp có con, đó là hạt giống của đại vương thì gửi gấm sao đây?

Nhà vua nói:

–Nếu là con trai phải đưa về cho trẫm, còn như con gái thì tiện thể nàng nuôi.

Nhà vua liền cởi ấn vòng vàng giao cho Nại Nữ để làm tin, rồi nhà vua ra ngoài nói với quần thần:

–Trẫm đã được Nại Nữ và ngủ với nàng một đêm. Nàng không có gì lạ, cũng như người phàm, vì thế không giữ lấy.

Quan quân của Bình-sa vương liền tung hô:

–Vạn tuế, đại vương của chúng ta đã được Nại Nữ.

Sáu vị vua kia nghe rồi, tất cả đều trở về nước. Nại Nữ sinh được một nam nhi. Lúc vừa mới sinh, trong tay đứa bé đã cầm nắm kim châm và túi đựng thuốc. Phạm chí nói:

–Con vua nước này mà cầm dụng cụ y dược chắc làm y vương.

Và đặt tên là Kỳ-bà. Lên tám tuổi Kỳ-bà rất thông minh, tài giỏi cả về học vấn lẫn các thứ binh thư đều thông suốt, đặc biệt "có một không hai." Mỗi lần chơi đùa thường có tâm coi thường những đứa bé láng giềng, cho là không bằng mình. Chúng bạn cùng nhau mắng và nói:

–Mày là thứ không cha, cái hạng dâm nữ sinh ra. Vậy sao dám coi thường tụi tao?

Kỳ-bà ngạc nhiên lặng thinh không trả lời, trở về hỏi mẫu thân:

–Thưa mẹ! Những đứa bạn của con đều không bằng con, mà dám mắng: "Đồ cái thứ không cha." Vậy hiện giờ cha con ở đâu?

–Cha con chính là Bình-sa vương.

–Bình-sa vương ở tại nước La-duyệt-kỳ, cách đây năm trăm dặm, làm sao sinh ra con? Như lời mẹ nói lấy gì làm chứng?

Người mẹ lấy ấn vòng vàng ra nói:

–Cái vòng vàng này làm chứng Bình-sa vương là cha con.

Kỳ-bà thấy ấn văn của vua Bình-sa mới hiểu rõ, kính cẩn thâu giữ vòng vàng rồi, lên đường đến nước La-duyệt-kỳ. Kỳ-bà đi vào cửa cung điện, không thấy ai hỏi, liền thẳng đến trước nhà vua làm lễ, quỳ gối, tâu:

–Tâu phụ vương! Con là vương tử do mẹ là Nại Nữ sinh ra. Nay được tám tuổi mới biết là dòng giống của phụ vương, cho nên đem ấn vòng vàng để làm tin. Con từ xa đến đây.

Nhà vua thấy ấn văn nhớ lại lời thề thuở xưa, biết là con mình lòng buồn bã thương xót, phong Kỳ-bà làm thái tử. Thời gian thấm thoát hai năm, sau đó nhà vua sinh ra A-xà-thế. Kỳ-bà nhân tiện tâu:

–Tâu phụ vương! Lúc con mới sinh tay cầm kim và túi đựng y dược ứng điềm con sẽ làm thầy thuốc. Tuy phụ vương phong vị cho con làm thái tử nhưng con không vui. Nay chánh hậu sinh được hoàng nam đã có người nối dõi tông tự, vậy con xin học nghề y thuật, mong phụ vương cho phép.

Nhà vua bảo:

–Con không làm thái tử mà học theo nghề thuốc thì không được hưởng bổng lộc của triều đình.

Nhà vua liền ban lệnh cho các thầy thuốc giỏi nhất trong nước, phải hết lòng dạy dỗ Kỳ-bà, nhưng Kỳ-bà đi rong chơi không chịu học. Các thầy thuốc trách:

–Y thuật là nghề thấp kém, không sang trọng, chẳng phải nghề để hàng thái tử, vương tôn học. Vì phụng mạng nhà vua, không dám chống trái sắc lệnh ban xuống, ngày tháng trôi qua, vậy mà từ trước đến giờ, thái tử vẫn chưa học được nửa lời của phương thuốc. Nếu nhà vua có hỏi, chúng tôi phải trả lời sao đây?

Kỳ-bà nói:

–Khi tôi mới sinh, tay đã có dụng cụ y dược. Tôi đã xin phụ vương bỏ vinh hoa phú quý cầu học y thuật, đâu có biếng nhác để các thầy phải đốc thúc. Thật ra nghề thuốc của các thầy không đủ để tôi học.

Kỳ-bà lấy rễ dược thảo theo phương thuốc châm cứu kinh mạch, hỏi các vị thầy thuốc những câu hỏi khó. Các thầy thuốc không trả lời được, họ đều cúi mình đảnh lễ Kỳ-bà, quỳ gối chắp tay nói:

–Hôm nay mới biết thái tử là vị thần thánh của y dược, chúng tôi chẳng dám so cùng thái tử. Những điều thái tử vừa hỏi đều là chỗ nghi ngờ, mà thầy của chúng tôi, trải qua nhiều năm nay, cũng không thể thông hiểu. Xin thái tử nói rõ điều đó, giải bày cho chúng tôi vì nhiều năm qua còn vướng mắc.

Kỳ-bà liền giải thích ý nghĩa của những điều đó. Các thầy thuốc vui vẻ, tất cả đều đứng dậy đảnh lễ sát đất và ghi nhận lời dạy.

Bắt đầu Kỳ-bà hành nghề trị bệnh, hễ trị là lành, trong nước đều biết tiếng. Một hôm, Kỳ-bà đi vào cung, trước cổng gặp một đứa bé đang gánh củi. Kỳ-bà trông thấy rõ ràng từng bộ phận của năm tạng trong cơ thể của đứa bé: nào là ruột, bao tử... Kỳ-bà suy nghĩ: "Sách thảo dược nói, hễ có cây Dược vương thì từ bên ngoài chiếu vào sẽ thấy bên trong bụng của con người. Trong gánh củi của đứa bé này, có cây Dược vương sao?"

Kỳ-bà đến hỏi đứa bé:

–Bán gánh củi bao nhiêu tiền?

–Dạ, mười tiền.

Kỳ-bà trả cho đứa bé mười tiền. Đứa bé đặt gánh củi xuống đất thì trong bụng đứa bé lại tối om không thấy gì nữa. Kỳ-bà suy nghĩ: "Không biết vì sao trong bó củi có cây Dược vương?" Liền tháo hai bó củi ra, lấy từng cây đặt lên bụng đứa bé, nhìn vào đều không thấy gì. Kỳ-bà cứ làm như vậy cho đến hết hai bó củi, chỉ còn một cây củi nhỏ cuối cùng dài hơn

một thước, Kỳ-bà lấy lên thử chiếu thì thấy toàn bộ trong bụng đứa bé. Kỳ-bà quá mừng, biết cây củi nhỏ này nhất định là Dược vương. Kỳ-bà trả lại toàn bộ củi cho đứa bé, chỉ giữ cây Dược vương, đứa bé vừa được tiền vừa được củi như thế, hớn hở bỏ đi.

Bấy giờ, trong nước có người con gái của một gia đình Cư sĩ, mười lăm tuổi, gần đến ngày xuất giá, bỗng nhiên đau đầu chết. Kỳ-bà nghe tin đến gia đình ấy, hỏi cha cô gái:

–Người nữ này thường bệnh gì mà dẫn đến tử vong?

Người cha đáp:

–Dạ, tiểu nữ thường có chứng bệnh đau đầu, tháng ngày nặng dần. Sáng nay, bệnh phát khởi quá nặng hơn bình thường nên phải bỏ mạng.

Kỳ-bà lấy cây Dược vương chiếu vào đầu, thấy vô số trăm ngàn trùng lớn nhỏ, lúc nhúc đục khoét trong ấy. Chúng rúc rỉa não cô ta cho đến hết sạch nên phải chết. Kỳ-bà lấy dao vàng mổ đầu cô gái, gắp hết trùng trong đó ra, bỏ vào cái vò đậy nắp lại, lấy ba loại thuốc bột thần bôi lên vết thương. Một loại bồi bổ vết thương chỗ xương trùng ăn. Một loại tái sinh bộ não. Một loại trị ngoài vết thương chỗ dao mổ. Kỳ-bà bảo cha cô gái:

–Tốt lắm rồi, để bệnh nhân nghỉ ngơi cẩn thận, đừng làm cô ta kinh động. Bảy ngày nữa bệnh sẽ bình phục, đến ngày đó tôi sẽ trở lại.

Kỳ-bà cáo từ ra đi. Mẹ cô gái than khóc nói:

–Sao lại làm như thế! Chỉ vì muốn sống lại mà để thầy thuốc mổ đầu não, làm cho con tôi chết một lần nữa. Ông làm cha cớ sao nhẫn nhịn để người ta mổ con mình như vậy?

Cha cô gái ngắt lời.

–Kỳ-bà vừa sinh ra tay đã cầm kim y dược, từ bỏ ngôi vị tôn quý người thầy thuốc chỉ vì tất cả sinh mạng của con người, đó là y vương của trời, bà chớ nói càn. Kỳ-bà dặn tôi cẩn thận chớ ồn ào mà bà không nghe, khóc lóc than van, làm kinh động con mình khiến nó không sống lại được.

Bà vợ nghe chồng nói vậy nên không khóc nữa. Hai người cùng chăm sóc nuôi dưỡng con mình, giữ yên tĩnh trong bảy ngày. Sáng sớm ngày thứ bảy, cô gái hắt hơi thức dậy như người ngủ tỉnh giấc, hỏi:

–Hôm nay sao con không còn đau đầu, thân thể lại khỏe mạnh. Ai giúp cho con vậy?

Người cha đáp:

–Lúc trước con đã chết, y vương Kỳ-bà đến đây giúp con, mổ đầu lấy trùng ra cho nên con được sống lại.

Người cha mở cái vò đựng trùng đưa cho con gái xem. Cô thấy rất kinh sợ trong tâm tự nghĩ: "Mình quá may mắn nên mới có thần y Kỳ-bà đến cứu, lấy gì đền đáp công ơn này."

Người cha bảo:

–Kỳ-bà hẹn với cha là hôm nay quay lại.

Nói xong thì Kỳ-bà cũng vừa đến. Cô con gái quá vui mừng chạy ra cửa nghinh đón, đảnh lễ sát chân, quỳ gối chắp tay thưa:

–Nguyện xin thầy cho con theo làm nô tỳ, trọn đời phụng dưỡng để đền ân cứu mạng.

Kỳ-bà nói:

–Tôi làm thầy thuốc đi khắp nơi trị bệnh, chỗ ở không nhất định, làm sao nhận người hầu. Cô muốn đền đáp công ơn thì trả cho tôi năm trăm lượng vàng. Tôi cũng không dùng số vàng này. Sở dĩ tôi nhận là vì: Phàm làm người học đạo đúng phép phải tạ ân thầy. Tuy thầy tôi không dạy tôi, nhưng tôi từng là đệ tử. Nay cô trả số vàng ấy, tôi sẽ đem dâng thầy tôi.

Cô gái đem năm trăm lượng vàng biếu cho Kỳ-bà. Kỳ-bà thọ nhận đem về dâng cho thầy và nhân tiện xin nhà vua về quê thăm mẹ. Kỳ-bà về đến nước Duy-da-ly. Lúc này, trong nước ấy, nơi một gia đình Cư sĩ có đứa con trai tinh thông võ thuật, tạo ra một con ngựa gỗ cao hơn bảy thước, hàng ngày luyện tập. Mới đầu leo lên tập trên lưng ngựa rất là đắc ý. Luyện tập lâu, bỗng nhiên hôm đó nhảy qua thế nào mất thăng bằng, té xuống đất chết. Kỳ-bà nghe tin tìm đến, lấy cây Dược vương chiếu vào trong bụng, thấy gan lộn ngược ra sau nên bị khí tắt không thông mà chết. Kỳ-bà lấy dao vàng mổ bụng, dùng tay dò xét, sắp xếp cho gan về vị trí cũ, dùng ba loại thuốc mỡ thần: Một loại bồi bổ chỗ vết thương, đưa tay vào sửa bộ phận gan. Một loại giúp thông khí, để hơi thở điều hòa. Một loại trị vết thương chỗ dao mổ. Kỳ-bà làm xong dặn dò người cha:

–Phải cẩn thận đừng kinh động, ba ngày bệnh sẽ lành. Người cha theo lời chỉ dạy yên lặng nuôi dưỡng chăm sóc, đến ngày thứ ba cậu con trai bắt đầu tỉnh, trạng thái giống như người ngủ vừa thức giấc và liền ngồi dậy. Chốc lát Kỳ-bà cũng vừa đến. Cậu ta vui mừng ra ngoài cửa tiếp đón, đảnh lễ sát đất, quỳ gối chắp tay, nói:

–Thưa thầy, thầy cho con theo làm người hầu. Suốt đời phụng dưỡng hầu hạ để đền đáp công ơn cứu mạng.

Kỳ-bà nói:

–Ta làm thầy thuốc trị bệnh khắp nơi. Bệnh nhân nhiều gia đình cũng

xin theo ta làm người hầu, nhưng ta đâu cần. Ta còn mẹ, mẹ ta nuôi ta khổ nhọc, công ơn ấy chưa đền đáp được. Nếu ngươi muốn đền ân thì trả cho ta năm trăm lượng vàng, để ta đền ân mẫu thân.

Thế rồi Kỳ-bà đem số vàng ấy dâng cho mẹ là Nại Nữ rồi trở lại nước La-duyệt-kỳ. Kỳ-bà cứu sống hai người này, nên tiếng đồn vang khắp thiên hạ, không ai mà không biết.

Ở phương Nam có một nước rất lớn, cách La-duyệt-kỳ tám ngàn dặm. Bình-sa vương và các nước nhỏ đều lệ thuộc nước ấy. Vua nước này mắc bệnh nhiều năm nay mà không hết, thường đau khổ và giận dữ. Ông ta luôn lăm le giết người. Người nào nhìn ngó là giết, người nào cúi đầu không ngẩng lên là giết, người nào đi chậm cũng giết, người nào đi nhanh cũng giết. Hầu cận hai bên không biết liệu tính thế nào. Những lương y chế thuốc thì nghi kỵ có độc cũng giết. Trước sau đều giết sạch, tất cả cung nữ, cận thần, lương y không thể tính hết. Căn bệnh ngày càng trầm trọng, chất độc đã dồn vào tim, phiền muộn dẫy đầy, hơi thở hổn hển, toàn thân như bị thiêu đốt. Ông ta nghe danh Kỳ-bà liền xuống chiếu chỉ, ra lệnh Bình-sa vương mời cho được Kỳ-bà. Kỳ-bà nghe ông vua này đã giết nhiều thầy thuốc nên rất lo sợ. Bình-sa vương lại thương Kỳ-bà tuổi còn nhỏ, e rằng sẽ bị giết, không muốn cho đi, nhưng lại sợ ông ta đem quân chinh phạt. Cha con ray rứt, đêm ngày lo buồn không biết tính làm sao. Bấy giờ, Bình-sa vương mới đưa Kỳ-bà đến chỗ Đức Phật để hỏi xin ý kiến. Đức Phật bảo Kỳ-bà:

–Mạng đời trước của con và ta cùng ước thệ là phải cứu giúp bệnh mọi người trong thiên hạ. Ta trị nội bệnh, con trị ngoại bệnh. Nay ta đã thành Phật được như sở nguyện, nguyện của ta đã đạt. Ông vua đó bệnh nặng ở xa mời con, vậy sao không đi? Hãy mau đi cứu ông ta, dùng phương tiện khéo léo chữa trị mau lành thì nhà vua không giết con đâu.

Kỳ-bà nương nơi oai thần của Phật, đến chỗ ông vua đó, chẩn đoán mạch lý, lấy Dược vương chiếu vào, thấy trong ngũ tạng của nhà vua qua trăm kinh mạch, khí huyết khắp thân thể chảy rần rần đều là chất độc của mãng xà. Kỳ-bà tâu với nhà vua:

–Tâu hoàng thượng! Bệnh của hoàng thượng có thể trị, bảo đảm là lành, nhưng cho phép hạ thần được gặp thái hậu để nghị bàn chế thuốc. Nếu hạ thần không gặp được thái hậu thì thuốc khó thành.

Nhà vua nghe nói thế không hiểu ý Kỳ-bà, trong lòng đã muốn nổi giận nhưng sợ ảnh hưởng đến bệnh. Vả lại trước kia đã nghe danh tiếng Kỳ-bà, từ xa phải nghinh đón, nghĩ cũng có ích cho lòng mong mỏi. Xét

ra, Kỳ-bà tuổi còn nhỏ, chắc cũng không gian xảo gì, nên nhẫn nại lắng nghe. Nhà vua ra lệnh cho quan thái giám đưa Kỳ-bà đến gặp thái hậu. Kỳ-bà thưa với thái hậu:

–Bẩm thái hậu! Bệnh của hoàng thượng có thể trị. Nay phải kết hợp làm thuốc nhưng phương thuốc rất tối mật không thể tiết lộ, dù là thân cận hai bên.

Thái hậu liền đuổi quan thái giám ra ngoài, nhân tiện Kỳ-bà mới hỏi thái hậu:

–Bẩm thái hậu! Khi hạ thần xem mạch bệnh của hoàng thượng, thấy khí huyết trong thân hoàng thượng đều là chất độc của mãng xà, hình như chẳng phải là loài người, vậy nên xác định hoàng thượng là con ai? Thái hậu thành thật kể cho hạ thần biết, hạ thần mới có thể chữa trị cho hoàng thượng. Còn nếu không cho hạ thần biết thì hạ thần không thể chữa trị, chắc chắn bệnh không lành.

Thái hậu kể:

–Trước kia vào một buổi trưa, ta đang ngủ tại điện Kim Trụ, bỗng nhiên có một vật đến đè lên thân ta. Lúc ấy, ta hốt hoảng nửa tỉnh nửa mơ, trạng thái như bị bóng đè trong mộng, rồi thỏa mãn thông tình. Bất chợt giật mình thấy một con mãng xà to lớn, dài hơn ba thước từ trên thân ta bò đi. Rồi biết được mình mang thai, nhà vua đúng là con của mãng xà. Ta nghĩ quá xấu hổ nên chưa từng nói với ai. Đồng tử biết được việc này sao thần diệu vậy? Nếu bệnh này có thể trị, ta xin phó thác mạng sống nhà vua cho Đồng tử. Giờ thì trị bệnh cho nhà vua bằng thuốc gì?

Kỳ-bà nói:

–Chỉ có đề hồ thôi.

Thái hậu thốt lên:

–Chao ôi! Đồng tử cẩn thận chớ chế loại thuốc đề hồ này. Nhà vua rất ghét ngửi mùi đề hồ, cũng ghét nghe nói đến tên đề hồ. Tiếng trước tiếng sau là giết người nào làm đề hồ. Con số đã lên đến hàng trăm hàng ngàn người. Nay Đồng tử chế thuốc ấy, chắc bị giết, huống gì là cho vua uống, càng không được. Xin hãy chế thuốc khác đi!

Kỳ-bà nói:

–Đề hồ trị độc, bị bệnh độc mà căm ghét đề hồ như thế thì bệnh nhà vua tuy ít cũng sẽ sinh thêm bệnh khác, chỉ thuốc đó mới có thể trị lành. Chất độc mãng xà quá nặng, đã lan tràn khắp thân thể. Nếu không phải đề hồ thì không thể tiêu diệt được. Bây giờ đem nấu làm cho nó hóa thành

nước không hơi không mùi vị. Hoàng thượng không biết, chắc phải uống nó, thuốc thấm vào, bệnh sẽ lành. Thôi thái hậu đừng lo lắng nữa!

Kỳ-bà ra ngoài tâu lại nhà vua:

–Tâu hoàng thượng! Hạ thần đã gặp thái hậu, đã đưa ra phương thuốc, đã nghị bàn bào chế và mười lăm ngày sẽ thành. Nay hạ thần có năm điều nguyện, nếu hoàng thượng nghe theo hạ thần, bệnh có thể lành, còn nếu không nghe lời hạ thần, chắc bệnh không thể hết.

Nhà vua hỏi:

–Năm điều nguyện đó là những việc gì?

Kỳ-bà thưa:

–Nguyện thứ nhất: Xin một cái áo giáp mới chưa ai mặc trong kho của nhà vua để hạ thần mặc.

Nguyện thứ hai: Cho phép hạ thần một mình ra vào trong cung, không được ngăn cấm.

Nguyện thứ ba: Xin phép hàng ngày một mình được vào diện kiến thái hậu, vương hậu, cũng không ngăn cấm hạ thần.

Nguyện thứ tư: Xin hoàng thượng khi uống thuốc phải uống một lần cho hết, không được ngưng giữa chừng.

Nguyện thứ năm: Xin hoàng thượng cho mượn con bạch tượng đi tám ngàn dặm để hạ thần cỡi nó.

Nhà vua nghe thế quá giận, hét lớn:

–Thằng chuột con, sao dám cả gan cầu xin năm điều nguyện đó, mau giải thích những việc ấy. Nếu không giải thích được, ta cho người đánh chết ngươi. Vì sao ngươi xin ta áo mới? Có phải muốn trá hình mặc áo ta để giết ta chăng?

Kỳ-bà đáp:

–Tâu hoàng thượng! Chế thuốc phải nên trai giới thanh tịnh, mà hạ thần đến đây đã lâu, y phục bị bẩn, nên muốn xin áo mới của hoàng thượng để chế thuốc.

Nhà vua hiểu rồi, lại hỏi:

–Tốt lắm, vì sao ngươi muốn tự ý ra vào cung môn mà không bị ngăn cấm, có phải thừa cơ hội đem binh tấn công giết ta chăng?

Kỳ-bà thưa:

–Tâu hoàng thượng! Những vị thầy thuốc xung quanh, hoàng thượng đều có sự nghi kỵ, không tin tưởng, lại muốn tàn sát họ, hoàng thượng

cũng không dùng thuốc họ. Quần thần lớn nhỏ đều nói: "Hoàng thượng rồi cũng sẽ giết hạ thần. Vả lại, bệnh của hoàng thượng còn nặng, e kẻ ngoài mà biết sẽ sinh loạn. Nếu để hạ thần ra vào không bị ngăn cấm thì người ngoài lớn nhỏ đều biết hoàng thượng tin tưởng hạ thần. Tất nhiên, hoàng thượng sẽ dùng thuốc hạ thần, bệnh sẽ lành. Lúc ấy, người ngoài không dám sinh tâm nghịch loạn."

Nhà vua nói:

–Vậy thì tốt! Còn vì sao hằng ngày ngươi muốn một mình vào gặp mẹ và vợ ta, muốn dâm loạn chăng?

Kỳ-bà thưa:

–Tâu hoàng thượng! Từ trước đến giờ hoàng thượng giết rất nhiều người, quần thần lớn nhỏ ai cũng ôm mối lo sợ, cũng không muốn hoàng thượng yên ổn, nên không thể tin tưởng họ. Nếu hàng ngày cùng nhau chế thuốc, nhân lúc hạ thần lơ là họ bỏ thuốc độc vào, hạ thần không biết thì chẳng phải là chuyện nhỏ. Nhân đây nghĩ xem có thể tin ai được vừa có thâm tình lại không hai lòng, duy chỉ có mẹ và vợ, nên hạ thần muốn vào gặp hoàng hậu và thái hậu, cùng sắc chế thuốc trong vòng mười lăm ngày là xong. Do đó, hạ thần muốn được hàng ngày vào thăm bệnh, làm thuốc vậy thôi.

Nhà vua nói:

–Tốt lắm! Vì sao ngươi muốn ta uống thuốc một lần cho hết không dừng giữa chừng. Vì trong đó có độc sợ ta biết phải không?

Kỳ-bà thưa:

–Tâu hoàng thượng! Thuốc có nhiều mùi vị hợp lại. Mùi vị và hơi phải liên tục với nhau, nếu dừng nửa chừng thì thuốc không công hiệu.

Nhà vua nói:

–Hay lắm! Còn vì sao ngươi muốn mượn bạch tượng của ta, con voi này là vật báu của nước, nó đi một ngày tám ngàn dặm. Sở dĩ ta chinh phục được các nước chính là nhờ nó. Ngươi muốn cỡi nó trở về quê hương, để cùng cha ngươi tấn công nước ta chăng?

Kỳ-bà thưa:

–Tâu hoàng thượng! Trong nước, ở biên giới phía Nam có thảo dược thần diệu, đi đến đó bốn ngàn dặm, chế thuốc cho hoàng thượng phải lấy thuốc đó, tuy khó khăn cũng phải lấy cho được, nên hạ thần muốn mượn bạch tượng đến đó hái thuốc. Sáng đi chiều về để mùi vị thuốc vẫn còn.

Nhà vua nghe mọi chuyện và hiểu rõ. Thế là, Kỳ-bà ra sức nấu luyện

đề hồ mười lăm ngày là xong, biến nó trong như nước. Tất cả được năm thăng liền đưa cho thái hậu, hoàng hậu bưng thuốc ra. Kỳ-bà tâu với nhà vua:

–Hoàng thượng có thể uống thuốc và cho bạch tượng đứng trước điện.

Nhà vua liền cho phép. Nhà vua thấy thuốc trong như nước không mùi vị, không biết là đề hồ, lại có hoàng hậu, thái hậu cùng tham gia chế thuốc, nên tin tưởng thuốc không phải độc. Như đã hứa nhà vua uống một lần hết sạch. Kỳ-bà lên voi đi thẳng về quê nhà. Kỳ-bà tuổi còn nhỏ, thể lực còn yếu, mới đi được ba ngàn dặm, không thể chịu đựng mỏi mệt, hoa mắt, đau đầu nên dừng lại trong núi nằm nghỉ. Đến quá trưa, nhà vua hắt hơi, đề hồ trong mũi văng ra, liền giận dữ hét lớn:

–Thằng chuột con... dám lấy đề hồ cho ta uống. Ta lấy làm lạ, hèn chi nó mượn bạch tượng của ta, mục đích muốn bỏ đi.

Nhà vua có một cận thần dũng sĩ tên là Ô. Dũng sĩ Ô có thần túc đi bộ, tài năng bằng bạch tượng. Nhà vua gọi Ô tới, bảo:

–Ngươi cấp tốc đuổi theo thằng chuột bắt sống đem về. Ta đích thân đánh nó chết trước mặt ta. Ngươi tánh thường không liêm khiết, tham ăn uống nên gọi là Ô. Đám thầy thuốc đó nhiều mẹo vặt dùng độc, nếu thằng chuột cho ngươi ăn nên cẩn thận đừng ăn.

Ô vâng lệnh ra đi, gặp Kỳ-bà ở trong núi, Ô bảo:

–Vì sao ngươi lấy đề hồ cho hoàng thượng uống, mà nói là thuốc. Hoàng thượng sai ta đuổi theo gọi ngươi về. Ngươi mau theo ta quay lại, tự thú tạ tội mới có hy vọng sống. Nếu ngươi muốn chạy bắt buộc ta giết ngươi, không bao giờ thoát được đâu.

Kỳ-bà suy nghĩ: "Tuy ta đã dùng phương tiện là mượn bạch tượng này nhưng cũng không thoát. Bây giờ phải dùng mưu kế mới có thể thoát được." Nghĩ rồi bèn bảo Ô:

–Từ sáng đến giờ, ta chưa ăn, đường nào cũng chết, vậy cho ta nghỉ ngơi chốc lát để vào trong núi, ăn chút trái cây, uống miếng nước cho no bụng, chết cũng được.

Ô thấy Kỳ-bà còn nhỏ, nghe chết thì hoảng sợ, nói ra lời đau khổ, thương xót lời nói của Kỳ-bà, nên bảo:

–Thôi, đi kiếm ăn cho mau.

Không bao lâu, Kỳ-bà cầm một trái lê ăn khuyết một nửa, lấy thuốc độc bỏ vào móng tay, bôi vào nửa phần còn lại, để xuống đất. Lại lấy một

ly nước, trước tiên uống một nửa rồi dùng móng tay có độc búng vào trong nửa ly nước dư, cũng để xuống đất và than:

–Nước và lê đều là thần dược, vừa trong sạch lại thơm ngon, ăn uống những thứ này thân thể an ổn, trăm bệnh tiêu trừ, khí lực gấp bội. Rất tiếc những thứ ấy sao không có tại kinh đô? Trăm họ đang cần mà những thứ này lại ở trong núi sâu, đôi khi người ta không biết vào núi tìm kiếm lại gặp trái cây khác.

Ô tánh tham ăn, đang đói và khát không thể nhịn được, lại nghe Kỳ-bà khen là thần dược, cũng thấy Kỳ-bà đã ăn, uống, nghĩ chắc không có độc. Ô liền lấy phần trái cây dư ăn và uống cạn phần nước còn lại, bị ngay kiết lỵ, đi chảy như nước, khụy hai chân xuống đất nằm dài, cố đứng dậy liền hoa mắt ngã xuống, không cử động nữa.

Kỳ-bà đến nói với Ô:

–Hoàng thượng uống thuốc của tôi chắc chắn bệnh phải lành. Nhưng hiện nay sức thuốc chưa ngấm, chất độc chưa hết, nếu tôi ở lại chắc sẽ bị giết. Vì ông không biết nên đuổi theo bắt tôi để giải về cho nhà vua, nên tôi phải làm ông bị bệnh. Bệnh này không nặng cẩn thận đừng cử động ba ngày sẽ lành, nếu đứng dậy đuổi theo tôi chắc chết không sai.

Nói rồi, Kỳ-bà lên voi ra đi, đi ngang qua một ngôi làng nghèo, bảo với trưởng làng:

–Đằng kia có sứ giả của nhà vua, bỗng nhiên lâm bệnh. Các ông mau mau đến khiêng về nhà, nuôi dưỡng chăm sóc ông ta cho tốt, chuẩn bị giường chiếu chu đáo, cung cấp cháo thịt thận trọng đừng để chết. Nếu để ông ta chết, nhà vua sẽ tiêu diệt làng của các ông.

Nói rồi lên đường trở về quê nhà. Trưởng làng vâng lời nghinh đón Ô về nuôi dưỡng. Ba ngày độc dứt hẳn, Ô trở về gặp nhà vua, cúi đầu thuật lại:

–Tâu hoàng thượng! Hạ thần thật ngu si trái lời hoàng thượng dạy, tin lời Kỳ-bà ăn uống trái cây, nước dư, nên trúng độc bị kiết ba ngày, đến nay mới khỏi.

Trong thời gian ba ngày đến khi Ô trở về, bệnh của nhà vua cũng đã lành, tự nghĩ lại: "Ta rất ăn năn đã sai Ô đi" nên thấy Ô trở về vừa thương, vừa vui. Nhà vua nói:

–Lúc trẫm giận sai khanh không được chậm trễ bắt thằng nhỏ đem về đánh cho chết. Nhưng trẫm mang ân nó cứu mạng, mà lại giết nó thì tội lỗi không phải là nhỏ.

Nhà vua hối hận vì đã giết nhiều người oan uổng từ trước đến giờ, nên ra lệnh cho tất cả được hậu táng và ban cho tiền bạc đến các nhà ấy. Nhà vua nghĩ lại Kỳ-bà, muốn đền đáp công ơn, liền sai sứ giả nghinh đón Kỳ-bà. Tuy Kỳ-bà biết nhà vua hết bệnh nhưng còn lo sợ không muốn đi. Kỳ-bà đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ sát chân Phật và bạch:

–Kính thưa Thế Tôn! Nước đó lại sai sứ giả đến thỉnh con, con có nên đến không?

Phật bảo Kỳ-bà:

–Mạng đời trước, con đã thệ nguyện thì phải làm cho thành tựu công đức sao lại dừng nửa chừng? Nay nên đến đó, con đã trị ngoại bệnh, ta cũng phải trị nội bệnh cho ông ta.

Kỳ-bà theo sứ giả ra đi. Khi nhà vua thấy Kỳ-bà thì hết sức vui mừng, dẫn đến ngồi chung chỗ, vịn lên vai Kỳ-bà, nói:

–Trẫm nhờ ân Nhân giả cứu mạng sống lại, vậy lấy gì đền đáp đây? Thôi thì, trẫm phân chia vương quốc mỗi người một nửa, thể nữ trong cung, kho tàng châu báu cũng chia làm đôi, tha thiết mong Nhân giả nhận cho.

Kỳ-bà nói:

–Hạ thần vốn là thái tử, tuy nước nhỏ nhưng cũng có dân chúng, châu báu đầy đủ. Hạ thần không vui với việc trị nước, chỉ cầu làm thầy thuốc đi trị bệnh. Hoàng thượng cho đất đai, thể nữ, châu báu, tất cả hạ thần đều không cần. Trước kia, hoàng thượng đã nghe năm điều nguyện của hạ thần, nhờ vậy, ngoại bệnh đã trị lành, nếu nghe một điều nguyện quan trọng của hạ thần nữa thì nội bệnh của hoàng thượng cũng có thể trị hết.

Nhà vua nói:

–Xin Nhân giả chỉ dạy, nguyện muốn nghe sự việc của điều nguyện.

Kỳ-bà nói:

–Nguyện xin hoàng thượng thỉnh Đức Phật đến để thọ chánh pháp cao minh. Phật sẽ vì hoàng thượng giảng nói về công đức vời vợi, tôn quý của chư Phật.

Nhà vua nghe qua, liền vui mừng nói:

–Bây giờ trẫm sai Ô đem bạch tượng đi nghinh đón Đức Phật có được không?

Kỳ-bà thưa:

–Tâu hoàng thượng, không cần dùng bạch tượng. Dù ở xa, Đức Phật

luôn biết tất cả tâm niệm của mọi người, chỉ cần có một đêm trai giới thanh tịnh, dâng cúng đầy đủ hương trầm, quay về hướng Phật, làm lễ quỳ gối bạch thỉnh, tự nhiên Đức Phật đến.

Nhà vua làm theo lời Kỳ-bà. Sáng ngày, Đức Phật cùng đầy đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo đến, thọ trai xong vì nhà vua, Đức Phật giảng nói kinh. Ý vua được mở bày và biết rõ, liền phát tâm đạo Chánh chân Vô thượng, hướng dẫn các nước lớn nhỏ đều thọ năm giới, tất cả cung kính làm lễ rồi ra đi.

Trở lại chuyện Nại Nữ. Lúc Nại Nữ sinh ra đã rất kỳ dị, lại mau lớn, thông minh, theo cha học hành, hiểu sâu xa kinh đạo, thuật chiêm tinh, toán số, vượt hơn cha. Nại Nữ lại thông thạo âm nhạc, tấu âm thanh như Phạm thiên. Những người con gái của các gia đình Cư sĩ, Phạm chí, tất cả gồm năm trăm người đều theo học và tôn Nại Nữ làm đại sư. Nại Nữ thường cùng năm trăm đệ tử giảng nói kinh, thuật, hoặc cùng nhau du ngoạn nơi hoa viên, ao hồ hay chơi âm nhạc. Người trong nước không hiểu việc làm của họ, sinh chê bai cho là dâm nữ, còn năm trăm đệ tử gọi là dâm đảng. Khi Nại Nữ sinh, trong nước lại có Tu-mạn nữ và Ba-đàm nữ cùng sinh một lúc. Tu-mạn nữ sinh trong hoa Tu-mạn. Có gia đình Cư sĩ ở nước ấy thường bện hoa Tu-mạn để làm hương cao. Bên chỗ bện thạch cao bỗng nhiên mọc ra khối u to như hòn đạn, ngày ngày lớn dần bằng nắm tay, rồi hòn đá nứt ra trong kẽ đá rực sáng như lửa đom đóm, ánh sáng bắn ra ngoài rơi xuống đất. Ba ngày sinh ra cây Tu-mạn. Ba ngày nữa cây Tu-mạn nở hoa, hoa nở ra một bé gái. Gia đình giữ bé gái ấy nuôi dưỡng đặt tên là Tu-mạn nữ. Tu-mạn nữ lớn khôn, nhan sắc tươi đẹp, tài trí vẹn toàn, so với Nại Nữ nàng là người thứ hai. Lại có gia đình Phạm chí nơi ao nước trong vườn tự nhiên mọc lên hoa sen xanh rất to, ngày ngày hoa lớn dần và to bằng cái bình năm đấu. Khi hoa sen nở ra có một bé gái, Phạm chí bồng về nuôi dưỡng đặt tên Ba-đàm nữ. Ba-đàm nữ lớn khôn, tài trí như Tu-mạn nữ. Vua các nước nghe đồn hai nàng này nhan sắc tuyệt thế, nên đến cầu hôn. Hai nàng nói:

–Chúng tôi không phải sinh ra từ bào thai, mà sinh ra trong hoa nên không giống với người phàm, vậy làm sao thích hợp theo người đời mà kết hôn được. Nghe Nại Nữ thông minh không ai bằng, lại sinh ra cũng cùng một cách, hai nàng bèn từ giã cha mẹ, đến gặp Nại Nữ xin làm đệ tử, trí tuệ họ thông đạt hơn năm trăm đệ tử kia.

Khi Đức Phật du hóa đến nước Duy-da-ly. Nại Nữ cùng năm trăm đệ tử ra ngoài thành nghinh đón Đức Phật, đảnh lễ sát đất, quỳ gối và bạch:

–Kính thưa Thế Tôn! Ngày mai kính thỉnh Thế Tôn đến vườn của chúng con thọ trai.

Đức Phật im lặng thọ nhận. Nại Nữ trở về chuẩn bị đầy đủ đồ cúng dường. Đức Phật đi vào thành, quốc vương ra khỏi cung nghinh đón, lễ xong quỳ gối thỉnh Phật:

–Ngày mai nguyện thỉnh Thế Tôn đến vương cung thọ trai.

Đức Phật nói:

–Nại Nữ đã thỉnh ta trước rồi.

Nhà vua tỏ vẻ không vui, nói:

–Con làm vua một nước, đã hết lòng thỉnh Đức Thế Tôn, hy vọng Thế Tôn thương xót đồng ý. Nại Nữ chỉ là dâm nữ, hàng ngày cô ta cùng năm trăm đệ tử làm việc không đúng. Vậy sao Thế Tôn từ chối lời mời của con, nhận lời thỉnh cầu của cô ta?

Đức Phật bảo:

–Người nữ đó chẳng phải là dâm nữ. Mạng đời trước của cô ta có đại công đức, vì đã cúng dường ba ức Đức Phật. Ngày xưa, Nại Nữ cùng Tu-mạn nữ, Ba-đàm nữ đều là chị em. Nại Nữ là chị cả, Tu-mạn là thứ, Ba-đàm là út, sinh trong một gia đình thuộc dòng họ lớn, tài sản giàu có. Chị em cùng nhau cúng dường năm trăm Tỳ-kheo-ni, hằng ngày bày biện thức ăn, nước uống và may y phục, coi chỗ nào không có đều cúng dường cho đủ, cúng dường suốt cả đời họ. Ba người thường thệ nguyện: "Nguyện đời sau chúng ta đều được gặp Phật." Do vậy mà được hóa sinh, không do bào thai, xa lìa được cấu uế. Nay được như ý nguyện, sinh vào đời có ta. Lúc đó, tuy họ cúng dường Tỳ-kheo-ni, nhưng làm con trong gia đình giàu có, nên lời ăn tiếng nói cũng kiêu hãnh, buông thả, lúc nào cũng trêu chọc các Tỳ-kheo-ni: "Những người theo đạo ở trong đó lâu ngày, chắc cũng muốn có chồng, ngặt vì do chúng tôi cúng dường, kiểm soát, nên không dám tự ý tư tình vậy thôi!" Do đó nên nay họ phải chịu nhiều tai ương, tuy hàng ngày tán tụng kinh đạo nhưng vẫn bị chê bai, cho là dâm nữ. Còn năm trăm đệ tử là những người cùng chung sức, tương trợ cúng dường, đồng tâm vui vẻ, nên sinh ra gặp nhau, hưởng quả như vậy. Khi đó Kỳ-bà làm con gia đình nghèo, thấy Nại Nữ cúng dường ý rất vui mừng, nhưng không có tiền tài nên giúp đỡ Tỳ-kheo-ni bằng công việc quét dọn cho sạch sẽ, rồi phát thệ nguyện: "Nhờ công đức quét dọn này ta có thể quét trừ thân bệnh cho thiên hạ, nhất định nguyện được như vậy."

Nại Nữ thương Kỳ-bà nghèo khổ, lại siêng năng cần cù nên nhận làm con. Mỗi lần những vị Tỳ-kheo-ni có bệnh, thường nhờ Kỳ-bà đón thầy

thuốc về bổ thuốc. Và nói: "Đời sau ngươi và ta cả hai đều được phước." Kỳ-bà đón thầy thuốc về trị, hễ trị là lành. Kỳ-bà thề: "Ta nguyện đời sau làm đại y vương, luôn trị tất cả thân bệnh của bốn đại, hễ trị là hết." Nhờ nhân duyên đời trước, nay Kỳ-bà làm con Nại Nữ, được như ý nguyện.

Nhà vua nghe Phật giảng nói liền quỳ gối ăn năn lỗi lầm, đồng ý chờ ngày hôm sau. Sáng ngày, Đức Phật cùng hàng Tỳ-kheo đến vườn Nại Nữ. Vì tất cả, Đức Phật đã thuyết giảng về bản nguyện công đức. Ba nàng nghe kinh, tâm được mở bày, tỏ ngộ, cùng năm trăm đệ tử một lượt vui mừng đắc quả A-la-hán.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông phải thọ trì và vì bốn chúng thuyết giảng kinh này đừng để dứt mất. Tất cả chúng sinh phải thận trọng nơi thân, khẩu, ý, chớ sinh kiêu ngạo, buông thả. Chỉ vì xưa kia Nại Nữ trêu chọc các Tỳ-kheo-ni mà nay bị chê bai là dâm nữ. Ông phải tu hành nghiệp thân, khẩu, ý, thường phát nguyện làm điều thiện, nghe kinh tùy hỷ, tin vui, thọ trì, chớ sinh chê bai mà bị đọa vào địa ngục, còn bị dư báo làm súc sinh, trải qua trăm ngàn kiếp, sau được làm người cũng nghèo cùng khốn khổ, không nghe được chánh pháp, sinh vào nhà tà kiến, thường gặp vua ác, thân tướng không đầy đủ. Ông phải tu hành thọ trì đọc tụng cho đến tận đời vị lai, mãi mãi không hề dứt.

❑

SỐ 555

KINH NGŨ MẪU TỬ

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Cư sĩ Chi Khiêm,
người nước Nguyệt Chi.

Xưa, có một vị A-la-hán, sống trong núi phụng hành đạo nghiệp. Lại có một đứa bé vừa mới bảy tuổi, rất thích đạo pháp nên từ bỏ mẹ, xuất gia làm Sa-di, theo vị đại Sa-môn sống trong núi. Sa-di được học đạo và giúp đỡ thầy mọi việc cần đến, tụng kinh, hành đạo, không hề lười biếng. Đến năm tám tuổi, sa-di đạt được tuệ nhãn, nhìn thấy xa vô tận, tai nghe tiếng rất rõ, thấu triệt khắp cả trời đất. Hành động thiện ác chỗ nào cũng nghe biết, thân có khả năng tự tại bay đi bay tại, tự mình hóa phép phân thân không điều gì là không làm được. Tự biết mạng đời trước của mình, của người và của các loài động vật, côn trùng từ đâu sinh đến. Tự biết rõ mọi con đường thiện ác đã trải qua. Sa-di biết mạng đời trước của mình là con của năm người mẹ, liền tự cười. Thầy hỏi vì sao con cười?

Sa-di đáp:

–Con cười không có gì cả.

Thầy nói:

–Trong núi này không có ca xướng kỹ nhạc, vậy con cười ta chăng?

Sa-di thưa:

Dạ, con không dám cười thầy, con chỉ tự cười thôi. Con nhớ đời trước một thân con mà có tới năm người mẹ, các bà mẹ đều vì con ngày đêm khóc lóc, cảm thương, sầu não, không thể tự dứt, thường nhớ nghĩ đến con, lo nghĩ không thể nào quên được. Con nhớ có một thân mà đã làm buồn khổ tới năm nhà. Vì vậy con cười, đâu dám cười thầy.

Khi con làm con của người mẹ thứ nhất, gần đó, cũng có người sinh ra cùng ngày với con, sau ngày ấy con mất. Con của người ta vui chơi chạy nhảy, mẹ con thấy, lòng liền thương xót nhớ nghĩ: "Con tôi mà còn sống, cũng sẽ vui chơi chạy nhảy như vậy." Bà nhớ nghĩ thương con, ưu sầu, lệ rơi như mưa.

Khi con làm con của người mẹ thứ hai. Con mạng yểu nên chết sớm.

Mẹ con thấy người ta cho con bú mà lòng quặn đau nước mắt ràn rụa, than thở nhớ con.

Lúc con làm con của người mẹ thưa ba, năm được mười tuổi lại chết yểu. Cứ đến bữa ăn, mẹ con lại đau lòng thầm khóc nghĩ: "Con tôi mà còn sống thì nó sẽ cùng tôi ăn cơm. Nay nó đã chết rồi, để tôi phải ăn một mình."

Bà thương nhớ con, cứ nghẹn ngào, nức nở.

Khi con làm con của người mẹ thứ tư, con bạc mệnh chết sớm. Chúng bạn con có vợ, mẹ con thấy, liền nhớ nghĩ: "Nếu con còn sống mẹ cũng sẽ cưới vợ cho con." Bà than khóc: "Tôi đâu có phụ trời mà sao trời lại giết con tôi."

Khi con làm con của người mẹ thứ năm. Con vừa được bảy tuổi, vui thích đạo, nên bỏ mẹ, lìa gia đình theo thầy vào núi cầu đạo và đắc quả A-la-hán. Mẹ con ngày ngày khóc than: "Tôi chỉ có một đứa con, nó đã theo thầy học đạo. Tôi không biết nó ở chỗ nào, đói no lạnh nóng sống chết ra sao, tôi không gặp nó được." Bà thương nhớ con cứ mãi sầu thảm.

Năm người mẹ này đều thương yêu con. Mỗi người đều khóc than: "Con tôi mất rồi, không bao giờ gặp nó được nữa!" Cứ than như vậy nên khóc mãi không dứt. Con có một thân một vía, di chuyển cùng khắp, lần lượt làm con cho năm người mẹ. Năm người này vì nhớ nghĩ thương con, nghi hoặc, cố chấp, nên làm nhiều điều phiền muộn khổ não. Nay con dục vọng đã hết, vì vậy con cười. Con nghĩ ở thế gian, người ta không biết, chết rồi sẽ có chỗ đầu thai sinh ra, nên cùng nhau nói chết là hết. Phàm người nào khéo biết chết còn có chỗ đến, nên khi sống làm điều thiện thì tự hưởng phước ấy. Làm ác thì tự chịu lấy tai ương, không ai thoát khỏi họa phước. Ở đời khi còn sống thường tạo những nghiệp ác, không điều gì sợ sệt từ bỏ. Sau khi chết, bị đọa trong địa ngục lớn, chịu nhiều thống khổ, ăn năn không kịp. Con nhàm chán thế gian, cố từ bỏ cha mẹ vào núi tinh tấn cầu đạo. Nay con thấy súc sinh, ngạ quỷ, chúng sinh trong địa ngục chịu nhiều thống khổ, nên rất sợ hãi. Con nhờ ân Phật, được nghe kinh pháp. Ngày đêm con nhớ thương năm người mẹ không có khả năng tự mình giải thoát. Con đã đạt được ý nguyện, không còn buồn lo. Con nghĩ, người thế gian cứ lần lượt cùng sinh rồi cùng vui cười trong luân hồi, không có ngày chấm dứt. Thân này dù có trả về cho cát bụi, thần thức vẫn còn hoạt động, tùy theo thiện ác, không tự cứu mình được. Con được giải thoát vì đã xa lìa tham dục, đoạn tận gốc rễ ân ái. Con không trở lại với sinh tử, con buồn cho mọi người thân đã đoạn, mà không chịu gieo trồng

đạo nghiệp Niết-bàn an vui nên chịu nhiều đau khổ triền miên. Sa-di nói với thầy rồi liền bay đi.

-oOo-

(*)KINH NGŨ MẪU TỬ

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Cư sĩ Chi Khiêm,
người nước Nguyệt Chi.

Ngày xưa, có một vị A-la-hán sống ở trong núi, nghiêm trì hành đạo. Lại có một đứa bé lên bảy tuổi, rất ưa thích đạo, từ bỏ gia đình sống hạnh Sa-môn. Đứa bé theo thầy học đạo, ở trong núi luôn tinh tấn, không hề biếng nhác. Năm tám tuổi chứng đắc bốn thần thông:

1. Mắt có khả năng thấy xa.

2. Tai có thể nghe thấu hết.

3. Có khả năng bay đi biến hóa.

4. Biết thân mạng đời trước của mình từ đâu sinh đến.

Ngay chỗ ngồi, đứa bé lặng yên suy nghĩ, thấy mạng đời trước của mình làm con năm người mẹ, rồi tự cười.

Vị thầy hỏi:

–Con cười cái gì? Chúng ta ở trong núi này không có ca múa, xướng hát, vậy con cười vì dụng ý gì?

Sa-di đáp:

–Con không dám cười thầy. Con tự thấy một thân mình mà có tới năm người mẹ, mỗi người mẹ đều vì con ngày đêm khóc lóc cảm thương sầu não, luôn nói lúc nào cũng nhớ con. Con tự nghĩ một mình mà làm sầu não năm nhà, vì vậy con cười, chớ không dám cười thầy.

Khi con làm con của người mẹ thứ nhất, gần bên nhà cũng có người cùng con sinh trong một ngày. Sau ngày đó con chết, thấy con của người ta đi lại ra vào, mẹ con liền nói: "Con tôi mà còn sống, nó cũng đi vào qua lại như vậy." Thế là bà ưu sầu, đau khổ nhớ con.

Khi làm con của người mẹ thứ hai, con sinh ra chưa bao lâu lại chết, mẹ con thấy người ta cho con bú, bà ưu sầu khóc lóc nhớ con.

Khi làm con của người mẹ thứ ba, con lại mất sớm, đến bữa ăn mẹ con lệ tràn, thương khóc nói: "Con tôi còn sống cũng sẽ cùng tôi ăn cơm, vì sao con bỏ mẹ mà đi!" Bà ưu sầu thương nhớ con.

Khi làm con của người mẹ thứ tư, con sống không bao lâu cũng lại

qua đời, thấy chúng bạn con lấy vợ, bà lại nhớ con bà nói: "Nếu con không chết thì nay mẹ cũng sẽ cưới vợ cho con." Nói như vậy rồi, buồn rầu khóc lóc nhớ con.

Hiện nay con làm con của người mẹ thứ năm, đã xuất gia học đạo. Hằng ngày mẹ cứ khóc than: "Tôi đã mất con, không biết nó ở đâu, đói lạnh sống chết ra sao? Tôi không gặp được nó." Bà đau khổ, than khóc, nhớ con.

Nay năm người mẹ cùng gặp đều nói: "Tôi đã mất con." Họ cùng nhau than khóc. Con nhớ thần thức của một người, đi làm con cho năm người mẹ, rồi làm cho họ khóc lóc nhớ thương. Vì vậy con cười. Người ở thế gian không biết có đời sau, họ chỉ nói chết là hết. Người làm điều thiện tự hưởng phước ấy, làm ác thì chịu cái họa do mình gây ra. Người ta sống ở đời vui giận buông thả, làm điều ác không biết sợ, sau phải chịu thống khổ không thể nói hết, đọa vào trong đường ác ăn năn không kịp. Vì vậy, con nhàm chán thế gian, từ bỏ cha mẹ xuất gia cầu đạo. Con thấy địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh đời đời chịu nhiều đau khổ mà sợ hãi. Con nhờ ân thầy, được thọ giới pháp học kinh điển, nay đã giải thoát, ý nguyện của con đã được viên mãn. Con nhớ năm người mẹ, tự bản thân không thể giải thoát vì còn ưu não về thân con. Người thế gian luân hồi triền miên, sầu não khóc lóc không lúc nào dứt. Thân chỉ là nắm đất là chỗ để cho thần thức nương vào theo đó mà thọ nghiệp. Thần thức không tự đoạn gốc rễ thì làm sao có thể giải thoát! Hằng ngày tích chứa điều ác, si mê, vì thế con nay không đứng vào hàng ngũ sinh tử. Như người thế gian không gieo trồng hạt giống Niết-bàn làm sao được Niết-bàn an vui?

Sa-di thưa xong, đến trước đảnh lễ thầy, rồi bay đi.

❑

SỐ 556

KINH THẤT NỮ

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Cư sĩ Chi Khiêm,
người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn cây Phân-nho-đạt, thuộc nước Câu-lưu, cùng một ngàn vị A-la-hán, năm trăm vị Bồ-tát và chư Thiên, rồng, quỷ, thần.

Bấy giờ, trong nước Câu-lưu, có một Bà-la-môn tên Ma-ha-mật tham lam, keo kiệt, không tin pháp Phật. Ông ta rất giàu có: của cải, châu báu, ngọc quý, ngựa, trâu, ruộng vườn, nhà cửa nhiều vô số, lại có trí tuệ không ai bằng. Vì vậy mà được làm thầy trong nước. Không những thế, ông có năm trăm đệ tử và được quốc vương, đại thần kính mộ. Bà-la-môn này có bảy người con gái, dung mạo xinh đẹp, ăn nói khôn ngoan, thông suốt hơn người. Từ đầu đến chân luôn được trang sức bằng vàng, bạc, ngọc trắng, chuỗi châu báu, ăn mặc và trang điểm y phục theo thời và thường được năm trăm người nữ hầu hạ. Họ thường tự cao, ỷ mình đẹp đẽ, cậy mình giàu có. Mỗi khi đàm luận với mọi người trong nước, họ bảo vạn vật thường còn lấy đó làm đắc thắng.

Bấy giờ, có một Cư sĩ tên Phân-nho-đạt, nghe bảy người nữ này rất đẹp, liền đến chỗ của Bà-la-môn, nói:

–Ông tự nêu, bảo nhà mình có người nữ đoan chánh. Tuy nhiên, nếu đi khắp trong nước, có người trách mắng những người nữ này thì ông phải thua tôi năm trăm lạng vàng. Còn nếu không ai trách mắng thì tôi thua ông năm trăm lạng vàng.

Sau đó, suốt chín mươi ngày, người nữ Bà-la-môn ấy đi đến khắp nơi trong nước, nhưng không có ai nói những người nữ này xấu, Bà-la-môn liền được năm trăm lạng vàng. Phân-nho-đạt lại bảo Bà-la-môn:

–Đức Phật ở gần vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, Ngài biết sự việc hiện tại, quá khứ, vị lai và nói lời chân thật, không nói lời giả dối. Chúng ta đi đến

đó, Đức Phật sẽ nói cho biết.

Bà-la-môn nói:

–Tốt lắm.

Rồi cùng quyến thuộc năm trăm người và còn có năm trăm người nữ trong nước cũng cùng nhau đến chỗ Phật.

Bấy giờ, Đức Phật vì vô số người mà giảng nói pháp. Mỗi người đến trước đảnh lễ Phật rồi ngồi qua một bên. Bà-la-môn đến trước Đức Phật, bạch:

–Thưa Cù-đàm! Ngài thường đi đến nhiều nước, chắc có thấy những người nữ đoan chánh, vậy có người nào đoan chánh bằng người này không?

Đức Phật liền quở:

–Người nữ này không đoan chánh, toàn thân xấu xí, không có chỗ nào là đẹp cả.

Bà-la-môn hỏi Phật:

–Khắp trong nước không có người nào chê cô ta xấu. Nay chỉ có riêng Cù-đàm chê người nữ này xấu. Vì sao?

Bà-la-môn hỏi tiếp:

–Người đời lấy gì làm đẹp?

Đức Phật nói:

–Người thế gian, mắt không tham sắc, tai không ghi nhận tiếng ác, đó là tốt đẹp. Mũi không ngửi mùi thơm, miệng không nếm vị, đó là tốt đẹp. Thân không tham điều mát mẻ, ý không nghĩ điều ác, đó là tốt đẹp. Tay chẳng lấy tài vật của người, miệng chẳng nói lời ác, đó là tốt đẹp. Không cao ngạo, không nói thêu dệt, biết mình từ đâu sinh đến và chết đi về đâu, đó là tốt đẹp. Tin bố thí sẽ được phước, đó là tốt đẹp. Tin Phật, tin Pháp, tin Tỳ-kheo Tăng, đó là tốt đẹp.

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

–Sắc đẹp bên ngoài chẳng phải là đẹp, thân thể đẹp chẳng phải là đẹp, y phục đẹp chẳng phải là đẹp, khéo nói lời hay đẹp chẳng phải là đẹp, tâm ngay thẳng ý chân chánh mới thật là đẹp.

Khi ấy, Phân-nho-đạt được trả lại năm trăm lạng vàng. Đức Phật bảo Bà-la-môn:

–Ngày xưa, có thành tên là Ba-la-nại, vùng đất chư Phật quá khứ đã đến, đương lai các Đức Phật cũng sẽ ngồi ở đây. Bấy giờ, có quốc vương tên là Cơ-duy-ni, làm Ưu-bà-tắc hiểu rõ kinh điển, vì Đức Phật làm tinh

xá. Vua có những tỳ nữ làm Ưu-bà-di cũng hiểu rõ kinh điển, trí tuệ thông tỏ không ai bằng. Thân họ đều được trang sức bằng vàng bạc, hổ phách, châu báu, y phục rất quý giá. Người nữ thứ nhất tên Tu-đam, người nữ thứ hai tên Tu-đam-ma, người nữ thứ ba tên Tỳ-kheo-ni, người nữ thứ tư tên Tỳ-kheo La Truy, người nữ thứ năm tên là Sa-môn-ni, người nữ thứ sáu tên là Sa-môn-mật, người nữ thứ bảy tên Tăng Đại Tát-đam. Bảy người nữ này vì chánh pháp của Phật nên luôn giữ gìn trai giới.

Một hôm khi bố thí xong, họ cùng nhau đi đến cung điện của vua cha và thưa:

–Chị em chúng con muốn cùng nhau đi đến nghĩa địa thăm chơi.

Vua nói:

–Nghĩa địa rất đáng sợ. Nơi ấy toàn là những xương cốt, râu tóc, tay chân, hình hài của những người chết vung vãi trên đó. Ở đấy đầy dẫy những điều thảm thương, đầy dẫy lời khóc than. Các loài hổ, sói, kênh, quạ đến ăn máu thịt của những người chết. Chị em chúng con vào đó làm gì? Nơi cung của ta có vườn cảnh, ao tắm, có chim bay, có uyên ương cùng nhau vui hót, các loài hoa cỏ cây lá kỳ lạ năm sắc đẹp mắt, trái cây mát ngọt tùy ý mà dùng, thật là chỗ vui chơi sướng nhất. Cớ chi chị em các con phải vào trong nghĩa địa?

Bảy chị em liền thưa:

–Tâu vua cha! Những trái cây ngon ngọt nào có ích gì. Chúng con thấy người thế gian đến lúc già yếu, mạng sống thoi thóp chờ chết đến nơi, không ai mà không chết. Chúng con thường bị các món ăn làm mê hoặc, chị em con không còn nhỏ nữa, xin cha thương cảm, cho chị em con ra ngoài thành xem xét thân người chết.

Họ xin như vậy ba lần. Vua nói:

–Thôi được, ta cho phép các con làm việc đó.

Bấy giờ, bảy người nữ cùng năm trăm nữ hầu trang hoàng xe ngựa ra khỏi vương cung. Bảy người nữ cởi bỏ tất cả chuỗi ngọc xuống đất, việc làm này có hơn ngàn người thấy, nên theo sau vui mừng thu lượm châu ngọc. Đến nghĩa địa ở ngoài thành, là chỗ không sạch, chỉ nghe tiếng khóc lóc. Những người nữ hầu và người dân đứng yên, toàn thân đều có cảm giác rùng rợn. Bảy người nữ đi đến thấy những người chết, trong đó: Có người mất đầu, có người mất tay chân, có người mất tai, mũi, có người đã chết hoặc chưa chết, có quan tài, có người ở trong quan tài, có người nằm trên chiếu, có người bị trói buộc. Gia đình họ khóc lóc đều muốn cho người chết được giải thoát. Bảy người nữ nhìn xung quanh thấy quá nhiều người

chết. Lại có kẻ mang người chết đang từ bốn phía đi lại làm cho các loài chim thú tìm đến giành nhau ăn thịt. Thân người chết sình chướng, máu mủ chảy ra, trong bụng vạn ức côn trùng lúc nhúc chui ra, hôi thối không thể chịu nỗi. Bảy người nữ không bịt mũi, họ đi quanh một vòng rồi cùng nhau nói:

–Không bao lâu, thân thể của chị em chúng ta cũng hôi thối như vậy.

Người thứ nhất nói:

–Mỗi người có thể làm một bài kệ giúp cho thần hồn của người chết được giải thoát không.

Sáu người kia đều đáp:

–Hay lắm.

Người thứ nhất nói:

–Người này khi còn sống, thân thể mặc y phục đẹp trang sức hương thơm, ở giữa mọi người đi đứng dịu dàng, thùy mị. Cặp mắt nhỏ long lanh kỳ diệu ai cũng muốn nhìn. Nay chết ở đây, hằng ngày gió thổi mùi thịt. Vậy người làm chủ sự thùy mị nay ở chỗ nào?

Người thứ hai nói:

–Như con chim ở trong lồng, bị nhốt kín, không thể bay được. Nay lồng bị phá vỡ chim bay đi.

Người thứ ba nói:

–Như người lái xe giữa đường bỏ xe, xe không thể tiếp tục chạy, người làm chủ điều khiển xe chạy được. Vậy nay chủ của nó ở đâu?

Người thứ tư nói:

–Ví như người lên thuyền mà đi, nhiều người được chở qua sông rồi lên bờ, bỏ thuyền. Người bỏ thân này cũng như thuyền vậy.

Người thứ năm nói:

–Như có thành vách kiên cố, trong thành nhiều người sinh sống. Nay thành biến mất, không biết người dân sống ở chỗ nào?

Người thứ sáu nói:

–Người chết nằm đây, y phục từ đầu đến chân vẫn còn nguyên đẹp, không mất hay mục nát. Nay người này không thể đi cũng không thể hoạt động. Vậy người ấy đang ở chỗ nào?

Người nữ thứ bảy nói:

–Như người sống độc thân, khi ra khỏi nhà mình, trong nhà trống không có người coi giữ. Nhà sẽ lần lần tan hoại.

Lúc ấy, có Thiên vương cõi trời Đạo-lợi là Thích Đề-hoàn Nhân, ngay nơi chỗ ngồi bị dao động vì nghe bảy người nữ nói pháp. Trong chốc lát, Thiên vương từ Thiên cung hạ giới đến chỗ bảy người nữ và khen bảy người nữ nói pháp rất hay. Thiên vương nói:

–Các cô muốn ước nguyện điều gì, tôi sẽ vì các cô làm cho được như ý nguyện.

Bảy người nữ cùng hỏi:

–Ông là trời Đế Thích hay Phạm thiên? Không thấy ông đến mà sao tự nhiên có ở trước mặt chúng tôi?

Thiên vương đáp:

–Tôi là Thích Đề-hoàn Nhân, nghe các cô nói pháp rất hay nên đến đây.

Bảy người nữ nói:

–Có phải ông là vị Thiên chủ nơi cõi trời thứ hai là cõi trời Đao-lợi? Là người muốn giúp chúng tôi được như ý nguyện phải không? Vậy chị em chúng tôi sẽ nói ý nguyện của mình.

Người nữ thứ nhất nói:

–Tôi nguyện muốn được sống ở chỗ cây không gốc, rễ, nhánh, lá. Đó là sở nguyện của tôi.

Người nữ thứ hai nói:

–Tôi muốn ở trên đất chỗ nào không có hình bóng, không có đầu mối, âm dương. Tôi nguyện sống ở đó.

Người nữ thứ ba nói:

–Người ở trong núi sâu, nói to, âm vang bốn phương đều nghe mà không biết chỗ họ ở. Tôi nguyện sống ở đó.

Thích Đề-hoàn Nhân liền nói:

–Xin thôi! Tôi không thể làm theo ý nguyện của các cô. Các cô muốn được làm Thích phạm, Tứ Thiên vương, Nhật Nguyệt Trung Tôn thì có thể được. Nay ước nguyện của các cô thật tôi không đáp ứng nổi.

Bảy người nữ nói:

–Là vị cao cả, tôn quý, có oai thần, sao không đáp ứng được những ước nguyện ấy? Ông giống như con bò già, không thể kéo xe, không thể cày bừa, không có ích gì cho chủ.

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

–Ta nghe các cô nói pháp nên đến nghe, ta chẳng thể biết những điều

nguyện đó. Nói rồi cáo lỗi, xin lui.

Bảy người nữ im lặng, không nói. Lúc ấy, trong không trung có vị trời bảo:

–Hiện nay có Đức Phật Ca-diếp ở gần Duy-vu-lăng-tụ, sao không đến đó hỏi Ngài.

Bảy người nữ nghe được đều rất vui mừng, cùng năm trăm nữ hầu đi đến đó. Trong nghĩa địa đầy dẫy sự chết chóc thảm thương, đầy tiếng khóc lóc, lại có năm trăm người phát tâm đi theo.

Khi ấy, Đức Phật Ca-diếp vì vô số ngàn người mà giảng nói pháp. Tất cả đều đến trước Đức Phật Ca-diếp, đảnh lễ, rồi ngồi qua một bên. Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Vừa rồi, con nghe bảy người nữ của quốc vương nói pháp nên đến nghe. Vì con cảm kích nên đã yêu cầu họ bày tỏ ước nguyện. Họ ước nguyện: "Tôi nguyện sống ở chỗ cây không có gốc, rễ, cành, lá, chỗ vô hình không có đầu mối âm dương. Trong thâm sơn cùng cốc nói to, bốn phương đều nghe mà không biết chỗ ở. Con không thể đáp ứng được, cúi xin Đức Thế Tôn vì bảy người nữ giải nói ý muốn của họ.

Đức Phật Ca-diếp bảo:

–Lành thay! Chỗ hỏi của các cô thật quá sâu xa. Việc này hàng La-hán, Bích-chi-phật còn không thể biết huống gì là ông.

Khi đó, Phật mỉm cười, ánh sáng năm sắc từ miệng phóng ra chiếu khắp cõi Phật, trở lại nhiễu quanh thân, rồi nhập vào trên đỉnh. Người hầu đến trước, quỳ gối hỏi:

–Phật không duyên cớ mà cười, nguyện xin nghe ý đó.

Đức Phật Ca-diếp bảo Tát-bà-la:

–Ông thấy những người nữ này không.

–Dạ thấy.

–Bảy người nữ của quốc vương đây đã phát tâm nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đã cúng dường năm trăm Đức Phật, sẽ báo đáp vạn Đức Phật, mười kiếp sau đều sẽ thành Phật đồng một hiệu là Phục-đa-la-bôn, cõi Phật tên là Thủ-đà-ba, Đức Phật đó thọ ba vạn năm, dân chúng nơi cõi này ăn uống, y phục và các vật có được đều giống như cõi trời Đao-lợi. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, đạo lý kinh sách lưu hành ban bố đến tám ngàn năm mới tận diệt. Thời Đức Phật này thuyết giảng pháp, độ được bảy mươi lăm ức vạn người đắc đạo Bồ-tát và La-hán.

Lúc Đức Phật Ca-diếp thọ ký cho bảy người nữ, họ vô cùng vui

mừng bay lên trụ ở hư không, cách mặt đất hai mươi trượng, từ đầu đến chân, tất cả đều hóa thành nam tử, đắc quả không thoái chuyển. Năm trăm người hầu nữ cùng một ngàn năm trăm người và chư Thiên thấy bảy người nữ hóa thành nam tử, họ rất vui mừng và đều phát tâm Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. Một ngàn người xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh.

Phật bảo Bà-la-môn:

–Bảy người nữ của quốc vương ấy đoan chánh, an vui, giàu sang còn không muốn giữ thân tốt đẹp. Vì sao? Vì nhớ nghĩ thân chẳng thường, biết thân này không thể sống lâu được. Tất cả người thế gian, vì ngu si, còn nằm trong mười hai nhân duyên nên có sinh tử. Người đời đều do ân ái nên từ sinh đến già, từ già đến bệnh, từ bệnh đến chết, từ chết đến khóc lóc đau khổ. Người đời từ ân ái sinh ra nên phải tự xem xét thân mình và thân người khác, để nhân đó nhìn thấy thân không sạch, đờm giãi, lạnh nóng, nước mắt, nước mũi luôn chảy ra. Như vậy một khi thân hoại, tự nhiên sinh giòi, chúng trở lại ăn thịt thân, xương cốt, tay chân tiêu thành tro đất. Phải nhớ thân ta chết sẽ như vậy. Không nên tự thị cho thân này là đẹp, nên nhớ rằng nó chẳng phải thường. Nếu người làm điều thiện không tự cao, khéo nói thì sau khi chết được sinh lên cõi trời. Nếu người làm việc ác sẽ bị đọa trong địa ngục. Người nữ sở dĩ bị đọa trong địa ngục nhiều. Vì sao? Vì họ có nhiều sự ganh ghét, buông thả.

Khi Đức Phật giảng nói lời này, những người nữ Bà-la-môn đều hân hoan vui mừng, cởi các thứ châu báu trên thân tung rải cúng dường Phật. Nhờ oai thần của Phật làm cho những thứ đó trụ giữa hư không, hóa thành chiếc lọng báu, phát ra tiếng nói:

–Lành thay! Như lời Phật nói không có sai khác. Lúc đó, Đức Phật cảm động, liền hiện bày oai thần, từ trên chỗ ngồi dùng ngón chân ấn xuống đất làm cho tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động. Ánh sáng chiếu khắp mười phương, cây khô trăm năm sinh hoa quả, các khe rạch khô tự nhiên có nước, những nhạc khí không đánh tự kêu. Vàng ngọc châu báu của những người nữ đều tự phát ra âm thanh. Người mù thấy được, người điếc nghe được, người câm nói được, người lưng gù được thẳng, người chân tay bị bệnh được hết, người bị điên cuồng được trở lại bình thường, người bị trúng độc độc không làm hại, người bị bắt được thả ra. Trăm chim muôn thú cùng nhau hòa vui múa hát. Bấy giờ, người dân trong nước Câu-lưu không có người nam, người nữ nào mà không vui mừng hoan hỷ, đồng lòng hòa hợp như được đắc thiền. Khi Đức Phật biến hóa, vua nước Câu-lưu xả bỏ châu báu vui mừng phấn khởi cùng trăm đại thần các nữ Bà-la-

môn và quyến thuộc Bà-la-môn năm trăm người đều phát tâm Bồ-đề Vô thượng. Lại có năm trăm Tỳ-kheo đắc A-la-hán, trong nước có năm trăm người được quả Tu-đà-hoàn.

Đức Phật giảng nói kinh xong, Bồ-tát, Tỳ-kheo Tăng, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, quốc vương, đại thần, trưởng giả, dân chúng, chư Thiên, rồng, quỷ, thần đều rất vui mừng đến trước cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi lui ra.

❑

SỐ 557

KINH LONG THÍ NỮ

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Cư sĩ Chi Khiêm,
người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật đến ở nơi vườn cây Nại thị, thuộc thành Duy-da-ly, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, Bồ-tát năm trăm. Sáng sớm, đến giờ khất thực, Đức Phật đắp y mang bát, đại chúng theo sau, vào thành khất thực. Hôm ấy, các trời và rồng, thầm rải hương hoa, tấu nhạc hơn ngày thường. Đức Phật đến ngoài cửa nhà Trưởng giả Tu Phước. Tu Phước có một người con gái, tên là Long Thí, chưa tròn mười bốn tuổi.

Lúc đó, Long Thí đang ở trong nhà tắm, tắm rửa rồi trang điểm, mặc y phục đẹp. Bỗng nhiên, ánh sáng chiếu bảy vòng khắp trên lầu cao, ánh sáng đó là từ giữa hai lông mày của Đức Phật phát ra. Long Thí nhìn về hướng đông, thấy Đức Phật đứng ngoài cửa, hình dáng đoan nghiêm như trăng giữa các vì sao. Đại chúng theo sau đều có tướng tốt, sắc vàng kỳ diệu, các căn vắng lặng. Long Thí thấy vậy vui mừng tự nghĩ: "Ta nay thấy Phật và chúng đệ tử, nhân đấy mà phát tâm tu hạnh Bồ-tát, ta nguyện sẽ đắc đạo như Phật."

Ma vương biết Long Thí phát đại tâm, liền không vui và nghĩ: "Người nữ này phước rất lớn, lại muốn cầu làm Phật, tất sẽ độ nhiều dân chúng trong thế giới của ta. Nay ta phải đến phá hoại tâm đạo đó." Ma vương hóa thành một người có hình tướng và mặc quần áo giống cha của Long Thí, đi đến nói với Long Thí:

–Ta có ý quan trọng muốn nói với con. Phật đạo khó được, phải trải qua trăm ức ngàn kiếp, khổ nhọc, không mệt mỏi, sau mới có thể thành. Đời này may mắn có được Phật, nhưng không bằng cầu La-hán. La-hán dễ thành lại cứu độ thế gian và cũng chứng được Niết-bàn không khác gì Phật. Vậy tham thành Phật để làm gì, chịu nhiều cực khổ lâu dài. Ta là cha của con nên mới nói cho con hiểu.

Long Thí thưa:

–Không phải như cha nói. La-hán và Phật tuy cũng cứu độ thế gian, nhưng công đức không đồng. Đức Phật trí lớn, độ người không cùng, khắp cả mười phương hư không. La-hán trí kém, chỉ độ bằng một phần. Mình có tài cao mà ưa trí kém sao?

Ma vương lại nói:

–Ta chưa từng nghe người nữ nào được làm Chuyển luân thánh vương, huống chi làm Phật. Phật đạo lâu dài, không như La-hán thì mau thành và cũng được Niết-bàn.

Long Thí nói:

–Con cũng nghe người nữ không được làm Chuyển luân thánh vương, không được làm Đế Thích, không được làm Phạm vương, không được làm Phật. Nhưng con sẽ tinh tấn, chuyển hóa thân nữ này thành thân nam. Do con nghe thiên hạ tôn trọng đạo hạnh Bồ-tát, nếu người nào không lười biếng, ức kiếp sau sẽ thành Phật.

Ma vương thấy Long Thí ý không lay chuyển, liền dùng kế dựng cảnh tượng thê thảm ác độc để nói khích:

–Người muốn tu hạnh Bồ-tát, không nên tham ở thế gian, không tiếc mạng sống. Nay con tinh tấn thì hãy lên trên lầu, tự thả mình xuống đất, sau đó sẽ được thành Phật.

Long Thí suy nghĩ rồi nói:

–Con nay thấy Phật, nên cảm kích muốn cầu đạo Bồ-tát. Cha đã dạy phải tinh tấn xả thân có thể được đạo. Vì chọn đạo, con nào tiếc gì nguy hiểm cho tánh mạng.

Long Thí bèn đến bên hành lang chắp tay hướng về Phật và thưa:

–Nay con tự xin quy y Đấng Thiên Trung Thiên với tất cả lòng thành, mong Phật chứng tri nguyện cầu của con. Con xin bỏ mạng sống của thân nhỏ nhoi này, chớ không bỏ đạo Bồ-tát. Nguyện đem thân này tán thành hoa cúng dường Phật. Nói rồi liền từ trên lầu thả mình xuống, từ giữa hư không, chưa đụng đất thì thân nữ Long Thí hóa thành thân nam. Khi ấy, Đức Phật mỉm cười, từ trong miệng phóng ra ánh sáng năm sắc, chiếu khắp cõi Phật, rồi trở vào đỉnh đầu. Hiền giả A-nan thấy vậy đến trước Phật, quỳ gối thưa:

–Kính thưa Thế Tôn! Thế Tôn cười phải có lý do, nguyện xin được nghe ý đó.

Đức Phật hỏi:

–Này Hiền giả A-nan! Ông có thấy người nữ kia ở giữa không trung hóa thành nam tử không?

Hiền giả A-nan đáp:

–Dạ thấy.

Phật bảo:

–Người nữ đó đời trước phụng thờ vạn Đức Phật, sau này cũng cúng dường vô số Như Lai. Đến bảy ức sáu ngàn vạn kiếp sẽ đắc quả Phật hiệu là Long Thạnh, thọ mạng một kiếp. Sau khi vào Niết-bàn thì giáo pháp hưng thịnh nửa kiếp mới diệt. Khi Đức Phật đó thuyết pháp sẽ độ chín mươi bảy ức vạn người đắc đạo Bồ-tát và A-la-hán. Đời sống của dân chúng ở đó cũng như cõi trời thứ hai là trời Đao-lợi.

Long Thí đứng trước Phật thưa với cha mẹ:

–Con nguyện xả bỏ thân này được làm Sa-môn, xin cha mẹ cho phép. Mọi người thấy Long Thí hóa thành thân nam, gia đình quyến thuộc gần năm trăm người và tám trăm Thiên thần đều phát ý nơi đạo Chánh chân Vô thượng. Ma vương thấy mọi người đều cầu làm Phật, tàn tạ nỗi mong ước, nên không vui, xấu hổ im lặng rút lui.

Khi Đức Phật giảng nói kinh này, tất cả đều hết sức vui mừng.

❑

SỐ 558

KINH LONG THÍ BỒ-TÁT BẢN KHỞI

Hán dịch: Đời Tây Tấn,
Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ,
người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật đến vườn cây Nại nữ, thuộc nước Duy-da-ly, cùng đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, năm ngàn Bồ-tát và vô số chúng trời, người. Khi Phật thuyết giảng kinh, chúng hội đều im lặng. Bồ-tát Long Thí đứng trước Đức Phật gầm vang tiếng sư tử, ca ngợi Đại thừa, nói hạnh đời trước, gôm công đắp đức không tiếc thân mạng, không tính toán ta hay người, không chỗ mong cầu.

Bồ-tát Long Thí bạch Phật:

–Thuở đời quá khứ, có một vị Bát-già-tuần (người có năm thần thông) sống bên cạnh một đại thọ nơi khu rừng tinh tấn tu hành, tâm không còn chỗ vướng mắc, luôn thương xót mọi người khắp mười phương và các loài động vật, thực hành bốn Vô lượng tâm Từ, Bi, Hỷ, Hộ (xả), thường ăn trái chín và uống nước suối, không màng chuyện đời, vinh hoa không tham tiếc, chứng đắc năm thần thông, tự tại an vui. Năm thần thông là gì? Là mắt có thể thấy xuyên suốt, tai có thể nghe thấu triệt, thân có thể tự tại bay nhảy, hiểu được căn tánh chúng sinh và tự biết gốc ngọn. Bát-già-tuần sống trong núi đọc tụng, tu tập nghĩa kinh, ngày đêm không bê trễ.

Khi ấy, có một con rắn độc, thấy Bát-già-tuần ngày đêm tụng kinh, tâm nó rất vui mừng. Nó đến trước Bát-già-tuần, cúi đầu đảnh lễ và lấy cỏ làm đồ quét, miệng ngậm nước phun trên mặt đất, làm mọi sự cung cấp hầu hạ cho Đạo nhân, không chút biếng nhác, nó thường nằm bên trái nghe kinh không rời xa. Mỗi khi Bát-già-tuần tụng kinh, rắn độc tụng theo. Như vậy, trong vòng vài tháng mùa đông đã đến, hoa trái nơi các cây quanh vùng đều héo tàn.

Bát-già-tuần suy nghĩ: "Mùa đông đến hoa quả cũng hết, không có chỗ nương tựa, nay ta phải trở lại nhân gian." Nghĩ rồi, sửa soạn y bát ra

đi. Rắn độc thấy thế buồn rầu rơi lệ, hỏi Đạo nhân:

–Thánh giả muốn đi đâu?

Đạo nhân đáp:

–Thời tiết lạnh, lại không nhà cửa, hoa quả cũng lụi tàn không có gì để sống, nên ta phải đi vào trong thành.

Rắn độc nghe lời lẽ thảm thiết, bèn thưa với Đạo nhân:

–Đạo nhân sống ở đây, con nương tựa như Thái sơn, ngày đêm nghe được pháp khiến tâm vui yên ổn. Nay Đạo nhân bỏ đi, con không chỗ cậy nhờ, xin Thánh giả có lòng lành thương xót thân con.

Đạo nhân nói:

–Ta có thân bốn đại, thường phải nhờ thực phẩm mới sinh hoạt vững vàng. Nay trong núi này không còn gì, tuy có lòng từ nhưng không thể sống nổi.

Rắn độc thưa:

–Trong núi này cây cối cao ngất, nước suối luôn chảy. Trăm chim hót vang thật vui thích, vì sao mà bỏ nó? Xin Đạo nhân đừng thấy vậy mà vứt bỏ. Nếu phải ra đi thì cho con theo hầu hạ Đạo nhân, con không dám ở lại nơi vắng vẻ, rồi cũng chết vì buồn rầu nhớ nghĩ.

Đạo nhân nói:

–Ngươi làm rắn độc, mọi người thấy đều căm ghét muốn giết, không ưa thích. Hoặc trên đường đi gặp hổ, sói, trùng độc, chim, thú, chúng cũng sẽ hại ngươi. Nay nếu ta cho ngươi đi theo, thiệt là ân hận, không thể nào dứt được, tuy tâm ngươi không có gì, nhưng ta không được tự tại. Nguyện cho ngươi ở đây, suy nghĩ về đường đạo, tưởng nhớ đến gốc đức và tinh tấn, tự mình nhẫn chịu mọi khổ ách, nếu ta còn khỏe mạnh, năm sau lại gặp nhau.

Đạo nhân xót thương, gạt lệ ra đi, Rắn độc lệ tuôn đầm đìa không cầm được, nhìn theo Đạo nhân mãi không thôi, rồi leo lên cây trông theo Đạo nhân, nhìn theo, nhìn theo từng bước đi của Đạo nhân, lại tiếp tục leo tuốt nơi ngọn cây cao, trông cho đến khi hình bóng Đạo nhân mất hút dần. Rắn độc ngậm ngùi tự trách mình: "Vì ta có tội, đến nỗi mang thân rắn độc, nên mất sự tốt đẹp để gần gũi Đạo nhân. Đời trước quá ngu si, phạm nhiều tội ác, quá ham muốn, lại hay giận dữ, u mê, tăm tối, lại sống buông thả, biếng lười, không biết, không chịu tinh tấn, mê loạn không dứt, tâm không yên lặng. Không gặp Phật ở đời, xa lìa chánh pháp, mất đại trí tuệ, đi ngược ánh sáng, theo khổ, nhập vào khổ, xa bờ giác, đọa vào năm đạo,

làm loài sâu bọ, bươm bướm, trùng bay... Nay làm thân rắn bị người khinh ghét, lỗi đều do mình không do người khác. Sự giàu sang trên trời và thế gian cũng là vô thường huống chi thân ta chứa nọc độc, quay vòng theo sinh tử như bánh xe.

Rắn độc tự trách móc, nói rõ lỗi của mình, nên lòng được thanh thản và suy nghĩ: "Nay thân này nguy hại, không cần tham tiếc, không nên ôm giữ nữa."

Liền từ trên cây tự ném mình xuống, chưa rơi xuống đất, va chạm giữa nhánh cây, thân đã đứt làm hai. Lập tức mạng sinh về cung trời Đâu-suất, thấy được ánh hào quang, rồi suy nghĩ biết ngay đời trước: "Khi ta còn ở đời, thân làm rắn độc, theo hầu hạ Đạo nhân để cải tà quy chính, không lười biếng, luôn hàng phục tâm ma ác, thấy thân mạng như đất cát, biết mạng chẳng thường, nên từ trên cây, tự ném mình xuống, lúc mạng chung lại được sinh ở nơi này." Nghĩ rồi, người ấy, từ trên trời, cùng các ngọc nữ, Thiên tử, mỗi người đều cầm hoa trời tung rải lên xác rắn độc và người ấy tự nói: "Thân rắn này tuy độc hại nhưng đối với ta, ân rất sâu dày, không phải là ít. Nhờ rắn độc tinh tấn tu hành các pháp, tâm không vướng mắc, nên khi bỏ thân rắn, được sinh ngay lên cõi trời. Nay ta xuống đây là muốn đền đáp ân này." Nghĩ rồi liền đi đến chỗ Bát-già-tuần, cúi đầu đảnh lễ, cúng dường hương hoa, ca ngợi công đức:

–Đạo nhân không bè bạn, không có người thân, thực hành đại Từ bi giáo hóa cho tất cả xa lìa ba đường ác. Con vốn là rắn độc mà Thánh giả coi như con ruột, nhớ nghĩ đến công đức lớn ấy, con muốn đền đáp ân này, chớ biết bao giờ có thể làm được. Nói rồi, trở về cung trời Đâu-suất.

Cùng theo các thiên nhân
Đến trước Phật Di-lặc
Cùng cúi đầu đảnh lễ
Tâm mọi người an vui.
Thấy Di-lặc hoan hỷ
Lễ xong đứng một bên
Di-lặc nhân nói pháp
Đều được nhẫn vô sinh.
Trên trời, sau khi mất
Mạng lại sinh thế gian
Nhà Trưởng giả Tu Phước
Làm người nữ thông minh.
Tên gọi là Long Thí

Từ bỏ mọi dục tình
Khi Đức Phật đến nhà
Giữa mày phóng hào quang.
Nàng ở tại phòng tắm
Tâm ý rất kinh ngạc
Trên lầu nhìn ra xem
Thấy Phật công đức lớn.
Các căn đều vắng lặng
Ba mươi hai tướng tốt
Tâm nữ liền reo vui
Nay có được điềm lành.
Phải cúng dường pháp Phật
Liền phát tâm Bồ-đề
Khi ấy Ma vương biết
Trong tâm nghĩ sầu lo:
Nữ này phát đạo ý
Sẽ diệt cảnh giới ta.
Nghĩ rồi biến làm cha
Nói nhiều chuyện gian xảo:
Nay Phật có ở đời
Công đức được là bao
Bồ-tát nhiều cực khổ
La-hán mau đạt được.
Thiếu nữ bèn trả lời:
Cha nói không nghĩa lý
Trí Phật như hư không
La-hán như hạt cải.
Do vậy hãy so sánh
Đạo nhỏ không cao bằng
Phật đức như biển lớn
Độ người vô số kể.
Ma vương bảo nữ nhân:
Con cớ gì ngu si!
Bồ-tát rất cực khổ
Đắc đạo không có hạn.
Giả sử muốn thành Phật
Phải không tiếc thân mạng
Tự mình buông xuống đất

Hóa thành nữ diệu kỳ.
Tinh tấn không vướng mắc
Đắc Chánh giác Vô thượng
Khi nữ đứng lan can
Hướng Phật chắp tay nói:
Con nguyện bỏ tất cả
Xin Phật chứng lòng con
Tự mình nhảy xuống lầu
Liền được Nhẫn vô sinh.
Biến thành thân người nam
A-nan kinh sợ quá
Sửa y phục chắp tay
Đứng trước bạch Thế Tôn.
Nay con nghĩ thật lạ
Những chuyện ấy thế nào?
Tất cả đều không rõ
Nguyện xin Phật giải bày.
Phật mới bảo A-nan:
Ông thấy người nữ đó
Tự mình gieo xuống đất
Chuyển làm thân nam tử.
Chẳng những bỏ thân này
Đời trước cũng như vậy
Lại làm nhiều việc Phật
Tinh tấn không lười biếng.
Quá khứ đến đương lai
Cúng dường như hằng hà
Nên chứng đắc thành Phật
Danh hiệu là Long Thượng.
Tại đại hội đệ nhất
Độ thoát chư Thiên nhân
Số nhiều không đếm xuể
Ví như mây trôi nổi.
Bấy giờ Phật ở đời
Thật vô cùng an lạc
Ăn uống đều tự nhiên
Như cung trời Đao-lợi.
Khi ấy thân Long Thí

Đứng phía trước Đức Phật
Thưa xin cha mẹ mình:
Cho con làm Sa-môn.
Cha mẹ liền đồng ý
Thị tùng năm trăm người
Và tám trăm Thiên thần
Đều phát tâm vô thượng.
Bấy giờ, Ma buồn rầu
Hối hận không chỗ nói
Long Thí liền bạch Phật:
Nguyện thương hết mọi người.
Để trừ mười hai biển
Dứt bỏ các khổ nhọc
Độ tất cả ngu si
Nói toàn lời châu báu.
Khi ấy Phật thuyết pháp
Năm trăm người thị tùng
Đều đắc nhẫn vô sinh
Và tám trăm chư Thiên.
Đắc pháp nhẫn vắng lặng
Khi ấy thân Long Thí
Liền đến trước Đức Phật
Tự nói đời quá khứ.
Cầu đạo rất khổ nhọc
Đã không tiếc thân mạng
Vì tất cả chúng sinh
Công đức của Như Lai.
Không thể nói cho hết
Thời ấy, Bát-già-tuần
Nay là Đức Thế Tôn
Còn thân của độc xà.
Nay là thân Long Thí
Và năm trăm ngọc nữ
Nay là năm trăm người
Tám trăm chư Thiên tử.
Được chí không gì bằng
Chỗ Bồ-tát thị hiện
Do vì có nhân duyên

Muốn ca tụng công đức.
Trọn không thể tận hết
Long Thí thân Bồ-tát
Khi gầm tiếng sư tử
Vô số chư thiên nhân.
Đều phát vô thượng chân
Tất cả rất vui mừng
Trước Thế Tôn đảnh lễ.

❑

SỐ 559

KINH LÃO NỮ NHÂN

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Cư sĩ Chi Khiêm, người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật dừng nghỉ tại xứ Lạc âm thuộc nước Đọa-xá-la, cùng với tám trăm Tỳ-kheo và đông đủ một vạn Bồ-tát.

Bấy giờ, có một bà lão nghèo đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ sát đất, bạch với Đức Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Con có điều muốn hỏi.

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Bà cứ hỏi.

Bà lão hỏi:

–Sinh từ đâu đến và đi về đâu? Lão từ đâu đến và đi về đâu? Bệnh từ đâu đến và đi về đâu? Tử từ đâu đến và đi về đâu? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức từ đâu đến và đi về đâu? Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý từ đâu đến và đi về đâu? Địa, thủy, hỏa, phong, không từ đâu đến và đi về đâu?

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Hỏi như vậy là rất có ý nghĩa. Sinh không từ đâu đến và cũng không đi về đâu. Lão không từ đâu đến và cũng không đi về đâu. Bệnh không từ đâu đến cũng không đi về đâu. Tử không từ đâu đến cũng không đi về đâu. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức không từ đâu đến cũng không đi về đâu. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý không từ đâu đến cũng không đi về đâu. Địa, thủy, hỏa, phong, không không từ đâu đến cũng không đi về đâu. Các pháp đều như vậy. Ví như hai thanh cây cọ xát vào nhau thì phát ra lửa, rồi lửa lại đốt hai thanh cây, cây cháy hết lửa cũng tắc.

Phật hỏi bà lão:

–Vậy ngọn lửa từ đâu đến và đi về đâu?

Bà lão thưa:

–Nhân duyên hòa hợp thì được lửa, nhân duyên ly tán thì lửa cũng

mất.

Phật bảo:

–Các pháp cũng như vậy. Nhân duyên hòa hợp mới thành, nhân duyên ly tán tức diệt. Pháp không chỗ đến và không chỗ đi. Mắt thấy sắc, tức là ý, ý tức là sắc. Cả hai đều không, không có chỗ để mà thành, diệt cũng như vậy. Ví như cái trống không phải do một thứ mà thành. Khi khởi sự muốn thành phải có da, có cây, người cầm dùi đánh vào trống thì trống mới có âm thanh. Vậy âm thanh cũng không, âm thanh đó không phải âm thanh hiện tại, đương lai, hay âm thanh quá khứ. Âm thanh đó không phải từ da, không phải từ cây, không phải từ dùi trống của người cầm, phải hợp các thứ lại mới thành tiếng trống. Âm thanh từ chỗ không nên cuối cùng là không. Vạn vật đều như vậy, vốn thanh tịnh không có nhân tạo ra pháp, pháp cũng không sở hữu. Ví như mây kéo đến mịt mù rồi mưa, nhưng không từ thân rồng xuất ra, cũng không từ tâm rồng làm ra mà đều nhờ nhân duyên rồng mới tạo thành trận mưa đó. Các pháp không chỗ đến và không chỗ đi. Ví như họa sĩ trước tiên phải dàn dựng giá vẽ, khung vải, sau đó pha trộn các màu cho hài hòa rồi mới vẽ. Vậy vẽ không từ giá vẽ hay khung vải, cũng không từ tay người họa sĩ vẽ ra mà mỗi thứ theo ý làm mới thành. Sinh tử cũng vậy, mỗi thứ tùy theo sự hoạt động của nó mà thành. Ví như bị tai họa đọa vào địa ngục, sinh lên trời hay làm người thế gian cũng thế. Ngoài ra các thứ khác cũng không phải tự nhiên mà có.

Bà lão nghe rồi, vui mừng hớn hở và nói:

–Nhờ hồng ân của Đức Thế Tôn con đã có được mắt pháp, tuy thân thể già yếu, cũng được mở bày tỏ rõ.

Tôn giả A-nan sửa lại y phục quỳ gối bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Vì sao bà lão có trí tuệ như vậy, vừa mới nghe Phật thuyết liền được mở bày, tỏ rõ?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Bà lão này, thân đời trước là mẹ của ta. Bà có phát tâm học đạo.

Tôn giả A-nan hỏi Phật:

–Là mẹ tại sao bần cùng khốn khổ như thế?

Phật bảo:

–Thuở quá khứ, vào thời Đức Phật Câu-lưu-tần, ta muốn làm Sa-môn, nhưng từ mẫu thương mến không cho ta đi, ta buồn rầu bỏ ăn một ngày. Vì thế, năm trăm đời bà sinh ở thế gian bị nghèo khổ. Đời này thọ mạng hết, sẽ sinh vào cõi Phật A-di-đà, cúng dường chư Phật và trải qua

sáu mươi tám ức kiếp mới thành Phật hiệu là Ba Kiền, cõi nước gọi là Hóa hoa. Khi thành Phật, mọi người ở cõi đó ăn mặc như cung trời Đao-lợi, dân chúng trong nước tuổi thọ một kiếp.

Đức Phật giảng nói kinh xong, bà lão, Tôn giả A-nan, các vị Bồ-tát, Tỳ-kheo Tăng, chư Thiên, Người, Quỷ, Thần, Rồng, A-tu-la đều vui mừng khôn xiết, tất cả đứng trước Phật đảnh lễ rồi lui ra.

❑

SỐ 560

KINH LÃO MẪU NỮ LỤC ANH

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Tam tạng Pháp sư Cầu-na-bạt-đà-la, người Thiên Trúc.

Công đức của Phật, Thế Tôn cao vời vợi, vì lòng thương xót luôn nhớ nghĩ đến chúng sinh. Khi ấy, Đức Phật cùng hàng đệ tử và các vị Bồ-tát dừng nghỉ ở xứ Lạc âm. Đức Phật rộng nói giáo pháp.

Bấy giờ, có một bà lão nghèo, lưng còng, đến quỳ gối hỏi Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Năm ấm, sáu suy cùng hợp nhau tạo ra thân con là ai? Từ đâu đến và đi về đâu? Nguyện xin Thế Tôn vì con giải bày.

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Nên biết, người hiểu được nhân duyên của các pháp là hiếm. Ví dụ lấy hai thanh cây dùi vào nhau để lấy lửa, lửa không từ chỗ dùi, cũng không từ chỗ lấy lửa, lửa xuất ra từ chỗ rực sáng của chính nó, rồi trở lại thiêu đốt hai thanh cây thành tro. Ví dụ như đánh trống. Trống phát ra tiếng và mất. Âm thanh ấy không từ da, cũng không từ dùi đánh. Các pháp đều như vậy, đều từ nhân duyên hòa hợp lẫn nhau. Như trời mưa là do gió, mây, sấm chớp hợp lại tạo thành mưa, không phải do oai lực của một con rồng. Các pháp đều như vậy, như vậy. Ví như họa sĩ pha trộn điều hòa màu sắc, nhờ nhân tố đó vẽ bất cứ hình nào cũng thành. Tất cả phải nhờ nhiều duyên hòa hợp, chứ không phải một thứ.

Lão mẫu nghe kinh, vui vẻ và nghiêng mình liền đạt được mắt pháp, thân được an lạc.

Tôn giả A-nan thưa hỏi:

–Kính thưa Thế Tôn! Vì sao bà lão này nghe Phật giảng nói các pháp sinh tử không chỗ đến và đi thì ý được mở bày, tâm được tỏ ngộ, đạt được chân đạo.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Hãy nghe ta nói! Thuở quá khứ, đời Đức Phật Câu-lưu-tần, lúc ấy, bà lão này là thân mẫu của ta. Ta đi học đạo, bà lưu luyến ngăn cản, ta

buồn rầu bỏ ăn một ngày. Vì nhân duyên yêu mến đó mà năm trăm đời bà lão đều nghèo khổ. Nay ta thành Phật, vạn phước đều ban bố cho chúng sinh vô lượng thanh tịnh nơi Phật đạo. Bà lão trải qua sáu mươi ức kiếp sẽ thành Phật hiệu là Tát-bà, tên nước là Đa hoa, kiếp tên Lễ thiền. Khi ấy, loài người ăn mặc như cung trời Đao-lợi, thọ mạng của họ được một kiếp và không có sự khổ nhọc.

Bấy giờ, bà lão và các chúng Người, Trời, Rồng, Dạ-xoa, nghe Phật thuyết pháp, tất cả đều vui mừng, tám vạn bảy ngàn người đều phát tâm cầu đạt đạo Chánh chân, họ lễ Phật rồi lui ra.

❑

SỐ 561

KINH LÃO MẪU

Hán dịch: Thất dịch. Nay phụ vào dịch phẩm đời Lưu Tống.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật dừng nghỉ ở xứ Lạc âm, thuộc nước Duy-da-la cùng với đầy đủ tám trăm Tỳ-kheo Tăng, Bồ-tát một vạn vị.

Bấy giờ, có một bà lão nghèo khổ, đi đến đảnh lễ Đức Phật sát đất và bạch Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Con có điều muốn hỏi.

Phật bảo:

–Lành thay, lành thay! Bà cứ hỏi.

Bà lão thưa:

–Sinh, lão, bệnh, tử từ đâu đến và đi về đâu? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức từ đâu đến và đi về đâu? Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý từ đâu đến và đi về đâu? Địa, thủy, hỏa, phong, không từ đâu đến và đi về đâu?

Phật bảo:

–Sinh, lão, bệnh, tử không từ đâu đến cũng không đi về đâu. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức không từ đâu đến cũng không đi về đâu. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý không từ đâu đến cũng không đi về đâu. Địa, thủy, hỏa, phong, không không từ đâu đến cũng không đi về đâu. Các pháp đều như vậy. Ví như hai cây cọ xát vào nhau phát ra lửa, rồi lửa đó trở lại đốt cây, cây cháy hết thì lửa cũng tắc.

Phật lại hỏi bà lão:

–Như vậy, lửa từ đâu đến và đi về đâu?

Bà lão đáp:

–Do nhân duyên hòa hợp mà có lửa, nhân duyên ly tán thì lửa mất.

Phật nói:

–Các pháp cũng như vậy. Do nhân duyên hợp nhau mà thành, nhân duyên tan rã thì dứt. Các pháp không từ đâu đến và không đi về đâu. Mắt

nhìn thấy sắc do ý, ý do sắc mà sinh, hai thứ này đều không, không có hình thành và hoại diệt. Các pháp giống như cái trống không từ một thứ làm ra. Khi có người cầm dùi đánh vào, trống mới phát ra âm thanh. Âm thanh của tiếng trống cũng không. Không phải âm thanh đương lai, không phải âm thanh quá khứ. Âm thanh này không phát ra từ thùng trống, da, dùi, hay tay người đánh mà phải hợp các thứ đó lại mới có tiếng trống. Âm thanh từ cái không nên cuối cùng là không. Tất cả vạn vật cũng vậy, mạng sống con người cũng vậy. Vốn trong sạch không sở hữu, pháp từ chỗ không có nhân tạo ra, nên pháp cũng không có. Ví như mây nổi lên mù mịt rồi mưa. Mưa không phải từ thân rồng phun ra, cũng không phải từ tâm rồng xuất ra, mà phải nhờ nhân duyên rồng mới tạo thành mưa. Các pháp không từ đâu đến cũng không đi về đâu. Ví như họa sĩ trước tiên dựng giá vẽ, sau đó pha trộn các màu rồi tùy ý vẽ. Hình vẽ không từ giá vẽ hay màu sắc, hay theo ý họa sĩ mà thành. Sinh tử cũng vậy, từng loại khác nhau: Địa ngục, cầm thú, ngạ quỷ, cõi trời, thế gian cũng thế. Ai hiểu được là người có trí tuệ và không bị rơi vào chấp hữu.

Bà lão nghe Phật nói xong rất vui mừng tự nhủ: "Nhờ ân đức của Đấng Thiên Trung Thiên nên ta đạt được mắt pháp, nay tuy thân già yếu nhưng cũng đã được an ổn."

Tôn giả A-nan sửa lại y phục đến trước Phật quỳ xuống, thưa:

–Thưa Thế Tôn! Bà lão này vừa nghe Thế Tôn thuyết giảng liền được mở bày tỏ rõ, vì nhân duyên gì mà trí tuệ được như thế?

Phật bảo:

–Bà lão nhờ đức lớn vời vợi nên được tỏ ngộ rõ ràng. Bà lão này là mẹ đời trước của ta, khi ta phát tâm Bồ-tát.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bà lão là mẹ đời trước của Thế Tôn, sao lại nghèo khổ như vậy?

Phật bảo:

–Thuở quá khứ, vào thời Đức Phật Câu-lưu-tần, ta hành đạo Bồ-tát muốn làm Sa-môn. Vì lòng yêu mến, mẫu thân không cho phép ta làm Sa-môn, ta buồn rầu bỏ ăn một ngày. Vì thế từ đó đến nay bà sinh ở thế gian năm trăm đời chịu nhiều khổ sở như vậy.

Đức Phật lại bảo Tôn giả A-nan:

–Khi thọ mạng hết, bà lão sẽ sinh về cõi Phật A-di-đà, cúng dường chư Phật, trải qua sáu mươi tám ức kiếp sẽ thành Phật, hiệu là Phù-ba-kiện, nước đó tên là Hóa tác, ăn mặc giống như ở cung trời Đao-lợi, dân chúng

trong nước tuổi thọ một kiếp.

Đức Phật thuyết giảng kinh xong, bà lão, Tôn giả A-nan, Bồ-tát, Tỳ-kheo Tăng, chư Thiên, Rồng, Quỷ, Thần, A-tu-la đều vui mừng, đứng trước Đức Phật cung kính đảnh lễ rồi lui ra.

❑

SỐ 562

KINH VÔ CẤU HIỀN NỮ

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành La-duyệt-kỳ, cùng với các vị Bồ-tát, đại đệ tử, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và vô số chư Thiên, dân chúng, A-tu-la, quỷ, thần, rồng đều tụ hội.

Bấy giờ, Đức Phật đang giảng nói pháp. Trong chúng hội, có Trưởng giả Phạm chí tên Tu-đàn. Ông có người vợ chính tên là Bì-lâu-diên cùng chín trăm bảy mươi lăm ức phụ nữ đều chắp tay nghe pháp. Trong thời gian Bì-lâu-diên mang thai, bé gái trong bụng mẹ hình hài đầy đủ, cũng chắp tay nghe kinh. Hiền giả A-na-luật dùng năng lực nơi công đức thấy khắp của mình, thấy rõ bé gái ở trong thai chắp tay nghe kinh, liền suy nghĩ: "Theo ta thấy những người trong chúng hội này, chưa ai có khả năng quán sát những việc vô hình như ta." Nghĩ vậy, vẻ sung sướng hiện trên nét mặt của Hiền giả A-na-luật.

Đức Phật hỏi Hiền giả A-na-luật:

–Ông thấy việc gì mà có vẻ vui khác thường đến như thế?

Hiền giả A-na-luật đáp:

–Bạch Thế Tôn! Con nhìn thấy rõ ràng một bé gái còn ở trong thai, chắp tay nghe kinh. Con cho việc này là hiếm có, nên tự vui mừng.

Đức Phật khen:

–Lành thay, lành thay!

Điều ông nói giống như đem ánh sáng các ngôi sao so sánh với ánh sáng mặt trời, mặt trăng, làm sao ngang bằng được. Đối với hàng Thanh văn, cái thấy của ông là bậc nhất, không ai có thể theo kịp. Như Lai quán khắp mười phương, thấy được các loài chim bay, thú chạy, những côn trùng dưới đất đang mang thai, con của chúng ở trong thai nghe kinh như ông đã thấy, không khác.

Khi ấy, Hiền giả A-na-luật và mọi người trong chúng hội đều có ý

nghi ngờ. Đức Phật bèn phóng ra ánh sáng, chiếu tám phương cùng phương trên dưới đến vô cùng, làm cho vô số cõi nước, người, vật hiện ra không bị chướng ngại. Ví như tấm gương phản chiếu hình ảnh trong đó. Hiền giả A-na-luật và mọi người ngước nhìn lên hư không, thấy các loài chim, lượn qua lượn lại, nghe Phật thuyết giảng. Trứng trong bụng các loài chim chưa sinh nở cũng gian cánh, giũ lông nghe kinh. Cuối xuống thì nhìn thấy loại động vật bốn chân dừng ăn cỏ, nghỉ uống nước, đứng yên lắng nghe kinh. Còn bào thai ở trong bụng chúng cũng co hai chân trước, một lòng nghe kinh. Các loài trùng, rắn, giun, sống dưới đất, thân yên tĩnh không lay động, chú ý nghe kinh. Những đứa con chưa sinh còn ở trong bào thai các loài động vật này cũng ngẩng đầu, thẳng mình một lòng nghe kinh.

Bấy giờ, Hiền giả A-na-luật nương nơi oai thần của Phật, dùng tám loại âm thanh hỏi bé gái trong thai, hỏi con trong trứng của loài chim, con trong bụng nơi loài trùng, loài thú, là đang làm gì mà chắp tay, duỗi cánh, co chân, thẳng mình một lòng nghe kinh.

Bé gái và các loài động vật trong thai đáp:

–Thưa Tôn giả A-na-luật! Chúng con vì tất cả những loài đã sinh ra, đều bị mê đắm trong năm dục, không biết chánh đạo, nên nghe kinh. Vì tất cả đều ham muốn chuyện yêu đương, ngu si, sinh tử không dứt, nên nghe kinh. Vì tất cả những người bất hiếu với cha mẹ, không cúng dường Phật, Tỳ-kheo Tăng nên nghe kinh.

Khi Hiền giả A-na-luật nghe những lời nói đó rồi, liền quỳ xuống bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Con nhớ, biết và thấu triệt như vậy là nhờ công đức oai thần của Thế Tôn. Con thà đem thân mình giam hãm trong địa ngục, chịu đau khổ vô số kiếp chứ không dám nhận quả vị A-la-hán. Vì sao? Vì các vị ở trong thai tuy chưa sinh ra, mà đã phát ý niệm to lớn cầu Nhất thiết trí. Hôm nay, con sợ thân này bị tưởng thức trói buộc, khi chết đi cũng giống như người chết, không lợi ích gì cho người sống.

Lúc đó, bé gái từ hông bên phải sinh ra, ba ngàn cõi nước đều chấn động mạnh. Có vô số chư Thiên đứng trên hư không, mưa xuống hoa trời, tấu các âm nhạc, tự nhiên có hoa sen ngàn cánh lớn như bánh xe, cộng như lưu ly. Bé gái ngồi trên hoa sen ấy. Cùng một lúc chư Thiên, nhân, các loài chim bay thú chạy, côn trùng, rắn rết, giun, các loài mang thai đều sinh ra. Ví như khi vua du hành thì quần thần, quan chức lớn nhỏ đều đi theo. Khi ấy, Đế Thích đem áo trời từ hư không bay xuống đưa cho bé gái và nói:

–Bé gái! Hãy mặc áo vào.

Thiên tử Đao-lợi và các Vương nữ cũng cầm áo đưa cho các loài vừa sinh ra.

Bé gái đáp:

–Nếu người nào chưa giải thoát mà cầu Niết-bàn thì tôi không thể nhận áo được. Thiên chủ là La-hán, tôi là Bồ-tát. Thiên chủ không giống tôi vì ý nguyện bất đồng.

Đế Thích lại nói:

–Ta vì thân nữ chưa có y phục nên đem áo đưa cho, với ý giúp đỡ thôi.

Bé gái đáp:

–Đối với pháp Đại thừa, không có nam nữ. Tự nhiên ta sẽ có áo đem đến.

Đức Phật bảo Đế Thích:

–Như vậy, không vì trang sức nơi thân nữ mà phát tâm Bồ-tát, tự mình có tướng tốt, ứng hiện vô cùng mới là trang sức nơi thân Bồ-tát.

Hiền giả Xá-lợi-phất rất đỗi ngạc nhiên, không hiểu sao bé gái ấy có những ý nghĩ kỳ lạ như vậy, nên bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Bé gái này từ nước nào tới, sao đến đây? Ai sẽ dâng áo?

Phật bảo:

–Cách đây về hướng Đông nam, qua mười vạn cõi Phật, có cõi nước tên là Diêm-phù-đàn, bé gái này học tập pháp nơi Bì-lâu-diên, ở chỗ Đức Phật của mình, từ đó đến đây là vì muốn gặp ta, tự nhiên sẽ có áo nước đó đem tới.

Ngay lúc ấy, chiếc áo tự nhiên từ nơi không trung rơi xuống, tạo ra âm thanh êm dịu. Có tiếng giữa hư không nói với bé gái:

–Có thể mặc áo này, chứng được năm thông, vì phụ nữ nơi cõi nước đó đều chứng năm thông.

Bé gái mặc áo xong, từ hoa sen bước xuống đi đến chỗ Đức Phật. Mỗi lần cất bước, mặt đất chấn động đủ sáu cách. Những người mẹ đều phát tâm Chánh đẳng Vô thượng. Các loài chim bay, côn trùng, thú vật đều chuyển thân biến thành người, mình mặc áo trời, trang sức bằng chuỗi ngọc báu.

Bé gái đảnh lễ sát chân Phật và nói ba lần: “Nam-mô Phật” rồi quỳ xuống, bạch:

–Nguyện xin Đức Thế Tôn vì tất cả những người trong chúng hội

rộng giảng nói kinh pháp để cho họ được như ý nguyện.

Đức Phật tùy theo họ mà thuyết pháp.

Bấy giờ, bé gái này và chín trăm bảy mươi lăm ức người mẹ nghe Phật thuyết pháp, quá đỗi vui mừng, không thể kìm chế, đứng trước Phật liền hóa thành thân nam. Mỗi người tự cởi chuỗi ngọc báu có trên thân, tung rải lên trên Đức Phật. Nhờ oai thần của Phật, những chuỗi ngọc này biến thành bức màn, đan vào nhau bằng châu báu, trong đó, có tòa Sư tử bảy báu, trên tòa có Đức Phật đưa cánh tay khen ngợi.

Ngay khi ấy, họ đều chứng đắc bất thoái chuyển. Các loài chim, thú, côn trùng, rắn biến thành người cũng cởi chuỗi ngọc báu trang sức trên thân, tung rải lên trên Đức Phật. Đức Phật ngồi trong màn, biến những châu báu tung rải đó thành màn báu cũng như trước không khác. Đức Phật vì họ thọ nhận. Họ đều đạt được bảy trụ.

Đức Phật bảo Hiền nữ Vô Cấu:

–Ngươi ở trong thai vì chúng sinh mà nói rõ về đạo. Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác ở trong năm đường cũng vì chúng sinh mà thuyết pháp.

Đức Phật thuyết giảng kinh xong, tất cả chúng hội đều hết sức vui mừng, đảnh lễ rồi lui ra.

❑

SỐ 563

KINH BÉ GÁI TRONG BỤNG NGHE KINH

Hán dịch: Đời Bắc Lương, Tam tạng Pháp sư Đàm-vô-sấm, người Thiên Trúc.

Một thời, Đức Phật ở tại thành La-duyệt-kỳ cùng với chư Bồ-tát, Tỳ-kheo Tăng, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và chư Thiên, dân chúng đông vô số, đều tụ hội nghe Phật thuyết giảng kinh.

Khi ấy, trong chúng hội, ngay tại tòa ngồi, có một phụ nữ Ca-la đang mang thai, cùng với đứa con trong bụng đang chắp tay nghe kinh. Đức Phật muốn chúng hội thấy điều đó, liền phóng hào quang lớn chiếu vào nàng Ca-la. Mọi người nơi chúng hội đều thấy bé gái trong bụng chắp tay nghe kinh, như tấm gương phản chiếu không khác. Đức Phật dùng tám loại âm thanh hỏi bé gái trong bụng:

–Vì sao con chắp tay nghe kinh?

Bé gái nương nơi oai thần của Phật, bạch với Đức Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Vì người ở thế gian luôn làm mười điều ác, con muốn họ làm mười điều thiện, nên chắp tay nghe kinh. Vì người ở thế gian tham lam, sân hận, dâm dục, ngu si, sinh tử không dứt, nên con chắp tay nghe kinh. Lại nữa, vì người ở thế gian không hiếu thuận với cha mẹ, không cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, Đạo nhân, nên con chắp tay nghe kinh.

Bé gái vừa nói xong, liền sinh ra từ hông bên phải của mẹ, như Thái tử Tất-đạt-đa, mặt đất bỗng chấn động đủ sáu cách. Trong hư không, vô số cõi trời tự nhiên phát ra âm nhạc, trời mưa nhiều thứ hoa, tự nhiên có hoa sen ngàn cánh lớn như bánh xe, lấy châu báu làm cộng hình dáng giống ngọc lưu ly. Bé gái ngồi trên hoa sen đó. Thiên vương Đao-lợi là Đế Thích cầm áo trời từ không trung bay xuống, đưa áo cho bé gái và nói:

–Nên lấy áo này mặc vào.

Bé gái đáp:

–Tôi không mặc áo này. Thiên chủ muốn trang sức cho tôi sao? Thiên chủ là La-hán, tôi là Bồ-tát. Thiên chủ chẳng phải chúng tôi, cũng

không giống tôi. Tự nhiên sẽ có áo đem đến cho tôi.

Phật bảo Câu-dực:

–Đó không phải là trang phục của Bồ-tát mà phát tâm mới là Bồ-tát. Tự mình có được ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp đó chính là trang phục của Bồ-tát.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bé gái này từ nước nào đến mà phải đưa áo.

Đức Phật bảo:

–Bé gái này từ cõi Phật nơi hướng Đông nam, nước ấy tên là Thanh tịnh cách mười vạn cõi Phật. Bé gái từ nước đó đến nơi này là muốn gặp ta, nên phải có người tự cầm áo đem tới.

Khi ấy, áo từ nước đó bay đến giữa không trung, rồi rơi xuống, tạo ra âm thanh êm dịu. Bé gái đón nhận mặc vào, liền đắc năm thông, vì những người nữ ở cõi nước đó đều đắc năm thông. Bé gái mặc áo rồi, từ hoa sen bước xuống, đến trước Đức Phật, mỗi bước đi của bé gái làm mặt đất chấn động đủ sáu cách. Bé gái đảnh lễ Đức Phật sát đất và nói ba lần: "Nam-mô Phật", sau khi nhiễu quanh Phật, rồi quỳ xuống, bạch:

Kính thưa Thế Tôn! Nay trong chúng hội có nhiều phụ nữ Ca-la. Nguyện xin Thế Tôn thuyết giảng kinh để họ thành thân nam tử.

Phật bảo:

–Ta không thể làm cho các ngươi thành thân nam hay thân nữ mà do các ngươi tự tu hành chứng đắc. Có một việc, có thể thành thân nam mau chóng. Là việc gì? Là phát tâm đạo Bồ-tát, chỉ một việc đó. Lại nữa, phải tự xem xét bên trong thân người nữ, như những cơ quan xương gân liên kết, bên ngoài là da, gân bao bọc. Người nữ phải sợ thân ấy, giống như diều hâu, rắn, ễnh ương không dám xuất hiện ban ngày, luôn sợ mọi người. Như nữ tỳ luôn ở nơi cấu uế dù là nữ quốc vương cũng phải sợ người ấy. Người nữ có nhiều cấu uế xấu xa như vậy.

Khi ấy, ngay tại chỗ ngồi, bảy mươi lăm phụ nữ Ca-la nghe Phật thuyết giảng kinh đều hết sức vui mừng, đảnh lễ sát đất, thưa:

–Kính thưa Thế Tôn! Chúng con nguyện phát tâm Bồ-tát để làm thân nam, nếu chúng con không được làm thân nam, nguyện không đứng dậy.

Lúc đó, có bảy mươi lăm Cư sĩ, từ nước Xá-vệ đến chỗ Phật. Thấy những người nữ đứng trước Đức Phật, họ suy nghĩ: "Ta đã mất vợ", rồi họ đến hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Thưa Tôn giả! Những người nữ này là vợ chúng tôi, tại sao ở đây?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Họ muốn làm Tỳ-kheo-ni, các ông có cho phép không?

–Những người Cư sĩ đáp:

–Nếu họ muốn làm Tỳ-kheo-ni thì để chúng tôi làm Tỳ-kheo Tăng trước.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch lại Đức Phật:

–Thưa Thế Tôn! Có bảy mươi lăm Cư sĩ nam muốn làm Tỳ-kheo.

Phật bảo: "Các Thiện nam đến đây!" thì tất cả đều thành Tỳ-kheo. Tóc họ tự nhiên rớt, thân được mặc ca-sa, tay bưng bình bát đứng trước Đức Phật làm lễ.

Khi ấy, bảy mươi lăm Cư sĩ nữ cởi những vòng ngọc rải lên Đức Phật, tự nhiên giữa hư không hóa thành bảy mươi lăm bức màn đan kết bằng chuỗi ngọc báu. Trong bức màn có giường báu, trên giường báu có tòa ngồi, bên cạnh Đức Phật có vô số Bồ-tát nghe kinh. Bảy mươi lăm người nữ thấy mình được biến hóa nên rất vui mừng, nương nơi thần lực của Phật bay lên hư không, trong không trung tự nhiên có mưa hoa rơi trên Đức Phật. Họ từ hư không bay xuống đều là những người nam và đứng trước Đức Phật bạch:

–Chúng con nguyện xin làm Tỳ-kheo.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Hãy truyền giới cho họ.

Bồ-tát Di-lặc trao giới cho họ, để họ thành những Tỳ-kheo Tăng.

Khi ấy, tự nhiên hóa ra một lọng hoa bảy báu, cộng của nó như cộng hoa sen. Bé gái cầm đến đưa cho mẹ và nói:

–Phật là thầy của hàng trời, người, hóa độ chúng sinh. Mẹ hãy đem lọng hoa này dâng lên Đức Phật, là bậc thầy của hàng trời, người. Sau khi dâng lọng, mẹ cũng phải phát nguyện làm lọng cho thiên hạ. Nay mẹ phải phát tâm Bồ-tát.

Người mẹ nói với con gái:

–Khi mẹ mang thai con, mẹ nằm mộng, thường thấy Phật, Pháp, Tỳ-kheo Tăng, tâm không tham lam, dâm dục, sân hận, ngu si thân thể an ổn. Mẹ biết con ở trong bụng là Đại Bồ-tát nên làm cho mẹ được an ổn như vậy.

Sau khi người mẹ dâng lọng hoa lên Đức Phật và phát tâm Bồ-tát thì mặt đất chấn động đủ sáu cách.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Tinh tú trong bầu trời có thể đếm được, còn bé gái này đã độ được nhiều cha mẹ thì không thể tính đếm được.

Bé gái nói:

–Mọi người nói con là nữ, con phải chứng minh cho họ thấy. Liền hóa ra như một Sa-di tám tuổi.

Khi Phật thuyết giảng kinh cho bé gái biến hóa này, có vô số người phát tâm với đạo Chánh chân Vô thượng. Phật thuyết giảng kinh xong, tất cả đều rất vui mừng.

❑

SỐ 564

KINH CHUYỂN THÂN NỮ

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Tam tạng Đàm-ma-mật-đa, người nước Kế Tân.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn người và tám ngàn Bồ-tát, tất cả đều là những bậc được mọi người biết đến. Trong chúng, cũng có những vị từ cõi Phật khác đến pháp hội và chư Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già cùng với trăm ngàn quyến thuộc tụ hội đông đủ.

Bấy giờ, bốn chúng vây quanh nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng kinh, văn nghĩa khéo léo thuận hợp, đầu, giữa, cuối đều tốt đẹp, nói rõ và đầy đủ tướng phạm hạnh. Tại chúng hội, có một Bà-la-môn tên Tu-đạt-đa, vợ ông ấy tên là Tịnh Nhật, đang mang thai một bé gái và cũng có mặt trong chúng hội. Tuy bé gái còn ở trong thai, nhưng các căn đầy đủ, không cấu uế, chắp tay một lòng hướng về Phật nghe pháp và có điều muốn hỏi.

Bấy giờ, Tôn giả A-nê-lô-đậu, chứng được Thiên nhãn sáng sạch không tăng giảm, hơn mắt người đời, thấy nàng Tịnh Nhật mang thai một bé gái, các căn đầy đủ, không cấu uế, đang chắp tay một lòng hướng về Phật nghe pháp và có điều muốn hỏi. Tôn giả A-nê-lô-đậu thấy sự việc ấy rồi, bạch Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Nàng Tịnh Nhật mang thai, bé gái trong bụng có các căn đầy đủ, không tạp nhiễm, một lòng chắp tay hướng về Phật nghe pháp và có điều muốn hỏi.

Phật bảo Tôn giả A-nê-lô-đậu:

–Ta đã thấy trước bé gái trong thai ấy, nhưng không nói đó thôi. Vì sao? Vì sợ nếu có chúng sinh nào không tin lời nói chân thật của Như Lai thì người đó mãi mãi lãnh thọ nhiều khổ não.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn phóng ra ánh hào quang lớn, chiếu khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, lại dùng thần lực làm cho mọi người trong

chúng hội đều được thấy bé gái nơi thai của mẹ, có các căn đầy đủ, không uế tạp, đang chắp tay một lòng hướng về Phật nghe pháp và có điều muốn hỏi. Đức Thế Tôn liền phát ra các âm thanh được chúng sinh ưa thích, đều thanh tịnh như: Âm thanh dễ hiểu, âm thanh chân chất, âm thanh dịu dàng, âm thanh vừa tai người nghe không có tiếng lỗi lầm, âm thanh làm cho thân tâm được an lạc, âm thanh xa lìa những nhiễu loạn của phiền não như trăng sáng, âm thanh dịu dàng liên tiếp không dứt, âm thanh không ồn ào, âm thanh khi vào tâm người có thể từ bỏ tham dục, sân hận, ngu si, âm thanh giúp mọi người tin vui hoan hỷ, âm thanh vượt quá Phạm âm, âm thanh như sấm chớp, âm thanh như nhạc trời, âm thanh như tiếng gầm của sư tử diễn pháp, âm thanh của quả báo về sự tích chứa căn lành từ hơn trăm ngàn vạn ức a-tăng-kỳ na-do-tha kiếp. Đức Thế Tôn dùng những âm thanh hòa nhã như vậy nói với bé gái:

–Con vì chuyện gì mà đến nghe pháp, lại có điều muốn hỏi?

Bé gái trong thai nương nơi oai thần của Phật, bạch với Đức Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Có nhiều chúng sinh tham lam chìm đắm trong ngã kiến, sinh ra giả dối, phân biệt, điên đảo. Không có chúng sinh mà cho là có tướng chúng sinh. Không có ngã mà gọi đó là ngã. Không có nhân, không có thọ mạng, không có trưởng dưỡng mà cho là có nhân, có thọ mạng, có trưởng dưỡng. Vì tất cả chúng sinh bị sự vướng mắc như vậy, nên con có điều muốn hỏi. Lại có chúng sinh bị mắc vào ngã kiến, đối với đạo Nhất thừa đã không thể hiểu nên con muốn vì họ mà mở bày, tỏ rõ đạo Nhất thừa. Lại có chúng sinh bị vô minh, hữu, ái che lấp, trói buộc, không thể hiểu biết rõ ràng pháp giải thoát, con muốn họ hiểu biết rõ về pháp giải thoát đó. Lại có chúng sinh bị sự che lấp của tham dục, sân hận, ngu si, tối tăm mê muội, không thể mạnh mẽ dốc cầu ba môn giải thoát là Không, Vô tướng, Vô tác, nên con muốn họ tu chứng ba môn giải thoát ấy. Lại có chúng sinh rơi vào bốn thứ điên đảo: Vô thường cho là thường, khổ cho là vui, vô ngã thấy có ngã, không sạch lại cho là sạch; con muốn giải thích cho họ pháp bốn Đế. Đó là Khổ, Tập khổ, Diệt khổ, Đạo diệt khổ. Lại có chúng sinh bị năm cái che lấp, không tu sửa năm Căn, con muốn họ có đầy đủ pháp năm Căn. Lại có chúng sinh tham dựa vào sáu nhập, không chứng sáu thông, nên con muốn giải thích pháp sáu thông. Lại có chúng sinh vui trụ vào bảy thức không thể hiểu về bảy phần Bồ-đề. Con muốn vì họ giảng nói về bảy giác pháp. Lại có chúng sinh hành tám tà đạo, không hiểu về tám Thánh đạo, nên con muốn giải thích cho họ về tám Thánh đạo. Lại có chúng sinh tâm ôm giữ chín ưu não, không thể nhập vào chín định thứ đệ,

nên con muốn giải thích cho họ các thiền và Ta-ma-đề giải thoát. Lại có chúng sinh tạo mười nghiệp ác, không siêng năng tu mười nghiệp thiện, nên con muốn họ có đầy đủ đạo mười điều thiện. Lại có chúng sinh rơi vào tụ tà hoặc tụ bất định, ở trong pháp vô lậu chẳng được lợi ích gì, nên con muốn họ hiểu rõ pháp tụ chánh định, giúp chúng sinh thành tựu căn lành tự điều phục, tùy theo ý nguyện mong cầu mà thuyết pháp.

Kính thưa Thế Tôn! Con nay vì tất cả những nhân duyên như vậy, nên hướng về Phật nghe pháp và đó là điều muốn hỏi.

Bấy giờ, đại chúng trong pháp hội đều ca ngợi đây là việc chưa từng có và cùng thưa với Phật:

–Pháp của Như Lai thật là hiếm có. Bồ-tát tuy ở trong thai, vì muốn tạo lợi ích cho chúng sinh mà không quên nói pháp. Nếu thiện nam, thiện nữ nào thấy, nghe thì không ai là không phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi ấy, bé gái nương vào oai thần của Phật, giống như hậu thân của Bồ-tát, bỗng nhiên sinh ra từ hông bên phải của mẹ. Bé gái ấy nhờ sức nơi nhân duyên phước tuệ, nên lúc sinh, thân người mẹ như bình thường, không có não phiền đau đớn. Bé gái sinh chưa bao lâu thì mặt đất chấn động, trên trời mưa các loại hoa, tất cả nhạc cụ không đánh tự kêu vang. Mặt đất bỗng sinh ra một hoa, lớn như bánh xe, tất cả đều trang trí bằng những sắc hương tuyệt hảo, ai nhìn thấy cũng đều an vui, có trăm ngàn cánh, nhánh bằng vàng ròng, lá làm bằng bạc, cộng nhụy bằng mã não, đài làm bằng chân châu đỏ. Bé gái đứng ở trên, thân hình như hài nhi hai, ba tuổi, hình dáng đoan chánh, trông rất đáng yêu, đáng kính, nhờ đời trước đã tạo phước đức nên quả báo sinh ra được như vậy.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân cầm áo chuỗi ngọc của trời, đến chỗ bé gái và nói:

–Này thiện nữ! Hãy mặc áo chuỗi ngọc này.

Bé gái đáp lời Thích Đề-hoàn Nhân:

–Ta là Bồ-tát, không thể trang phục bằng áo chuỗi ngọc của trời. Vì sao? Vì Bồ-tát thường lấy tâm Bồ-đề làm áo chuỗi ngọc để trang nghiêm, mới hơn tất cả sự trang nghiêm của trời và người ở thế gian. Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Bồ-tát có mười loại áo chuỗi ngọc để tự trang nghiêm. Những gì là mười? Đó là không mất tâm Bồ-đề. Không bỏ phế thâm tâm. Luôn đem lòng lành lớn cứu hộ tất cả chúng sinh nào mong cầu. Thường lấy lòng thương xót lớn làm gốc chuyên cần tu hành, tấn tới độ tất cả, không bỏ một chúng sinh nào, thành tựu cho tất cả chúng sinh. Thường đem sự

hổ thẹn để trang nghiêm cho nghiệp thân, khẩu, ý. Tất cả vật đã ban cho, đều không mong cầu sự đền đáp. Suốt đời giữ giới, thực hành hạnh Đầu-đà công đức, không cho trái phạm. Hành trì nhẫn nhục, có thể nhường nhịn, được những gì khó nhường nhịn. Dùng phương tiện ngay thẳng mà cầu được căn lành. Tâm ấy tuy trụ trong các thiền và vô lượng Tam-muội, nhưng không mong cầu chứng phi thời giải thoát.

Này Kiều-thi-ca! Đó là mười loại y phục chuỗi ngọc trang nghiêm của Bồ-tát, bất cứ lúc nào cũng không được xa lìa.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Bồ-tát lấy tướng tốt trang nghiêm thân, hơn hẳn các thứ chuỗi ngọc. Tướng hảo ấy từ phước tuệ sinh ra. Phước tuệ là những gì? Là những sự ban bố cho các vật mình yêu thích, có thể xả bỏ nhiều thứ khác, đối với tất cả chúng sinh tâm không hề sân hận, thường mong cầu làm điều thiện, ban cho không hạn chế để vô số người khác được đầy đủ, xem tất cả chúng sinh đều là ruộng phước.

Này Kiều-thi-ca! Đó gọi là y phục chuỗi ngọc trang nghiêm bậc nhất của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát muốn chứng đắc hàng Thanh văn, Bích-chi-phật thì không gọi là trang nghiêm. Nếu chúng sinh còn tâm keo kiệt, tâm phá giới, tâm sân hận, tâm lười biếng, tâm loạn tưởng ác tuệ, tâm hèn kém tạp nhiễm các phiền não thì tôi không chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Kinh sợ, hối hận thì chẳng phải là Bồ-tát trang nghiêm. Vì sao? Vì xa lìa pháp trang nghiêm của Bồ-tát.

Khi ấy, trong chúng hội được nghe nói về các pháp trang nghiêm của Bồ-tát, có một vạn hai ngàn chư Thiên và người, trước có gieo trồng căn lành đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo bé gái ấy:

–Con có thể nhận áo chuỗi ngọc của Thích Đề-hoàn Nhân?

Bé gái bạch Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Con không thể nhận, vì y phục chuỗi ngọc trang nghiêm phải thích ứng và cùng chí hướng với con. Thiên chủ Đế Thích này nguyện cầu trí nhỏ, mong muốn thấp kém, nhàm chán sinh tử, thường ôm lòng lo sợ, muốn mau nhập Niết-bàn, thường theo Thế Tôn nghe thọ giáo pháp, chỉ để mong cầu trí tuệ sáng suốt cho bản thân, không vì người khác. Như kết bè cỏ muốn mau qua sông, không vì người mà làm ruộng phước sạch, xa lìa mắt trong sáng của chư Phật, không hiểu rõ căn tánh của chúng sinh. Thưa Thế Tôn! Con nay mặc áo giáp kiên cố, cầu Đại thừa, muốn tạo lợi ích cho tất cả, làm chiếc thuyền pháp lớn độ những người chưa độ, cầu trí tuệ tự nhiên, chuyển bánh xe chánh pháp, không

mong cầu ở người khác, lấy trí Như Lai để tự trang nghiêm, làm cho tất cả đều được mắt trí trong sáng của chư Phật.

Kính thưa Thế Tôn! Con từ nước kia đến và sinh ra ở đó, muốn được thấy Đức Như Lai Thích-ca, để lễ bái cúng dường và nghe thuyết pháp. Đức Thế Tôn phải cho con áo chuỗi ngọc để con mặc.

Bấy giờ, trong pháp hội, các thiên, nhân đều suy nghĩ: "Thế giới của bé gái này tên là gì, cách đây bao xa, ở tại phương nào? Như Lai ở nước đó hiệu là gì, hiện nay nói pháp gì?"

Biết tâm niệm của đại chúng trong pháp hội, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Đến thế giới đó là hướng Đông nam, trải qua ba mươi sáu na-do-tha cõi Phật, có thế giới tên là Tịnh trú, Đức Phật hiệu là Vô Cấu Xưng Vương Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang nói pháp. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Bé gái này mất ở thế giới Tịnh trú, sinh ở cõi này vì muốn thành tựu cho chúng sinh và cũng muốn lễ bái cúng dường ta, nghe ta thuyết pháp.

Phật thuyết giảng kinh xong, thời gian chưa bao lâu, Đức Phật Vô Cấu Xưng Vương Như Lai, khởi tâm thương xót, dùng thần lực sai các Bồ-tát đem áo chuỗi ngọc trang nghiêm đến cho bé gái, đứng giữa hư không trước bé gái và nói:

–Này Thiện nữ! Đức Phật Vô Cấu Xưng Vương Như Lai ở thế giới Tịnh Trú, sai đem chiếc áo chuỗi ngọc này cho ngươi, vậy ngươi hãy mặc vào. Nơi đó, chư Bồ-tát khi mặc y phục chuỗi ngọc trang nghiêm đều đắc năm thần thông, ngươi cũng sẽ được như vậy.

Bấy giờ, bé gái đón nhận y phục chuỗi ngọc từ hư không mặc vào. Trong chốc lát, y phục chuỗi ngọc phát ra hào quang thật đẹp. Trừ ánh hào quang của Như Lai, còn lại ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, ánh sáng của Phạm thiên, Đế Thích, Hộ thế Thiên vương đều bị biến mất. Bé gái ấy liền đạt đủ năm thần thông, bước xuống đài sen, đi tới chỗ Phật. Từng bước, từng bước làm mặt đất chấn động đủ sáu cách. Bé gái đến trước Đức Phật đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh Phật bảy vòng và bạch:

–Kính thưa Thế Tôn! Nguyện xin Thế Tôn vì các Đại Bồ-tát mà giảng nói pháp Bồ-đề tăng trưởng, để các Đại Bồ-tát vào đạo Vô thượng không thoái chuyển, thắng được các hành ma, mau chóng thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật nói với bé gái:

–Nếu Bồ-tát thành tựu được bốn pháp thì có khả năng giữ gìn Bồ-đề

và làm cho tăng trưởng:

1. Tâm thanh tịnh.
2. Tâm sâu xa.
3. Phương tiện.
4. Không bỏ tâm Bồ-đề.

Đó gọi là bốn.

Lại có bốn pháp:

1. Thường muốn tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh.
2. Thường khởi tâm thiện nhớ đến tất cả chúng sinh.
3. Dùng lòng thương rộng lớn độ thoát tất cả chúng sinh.
4. Phải có tâm vững vàng, đầy đủ sự tinh tấn đối với tất cả pháp Phật.

Đó gọi là bốn.

Lại có bốn pháp:

1. Phân biệt các pháp sinh nhiều tín tâm.
2. Xa lìa tâm Thanh văn, Bích-chi-phật.
3. Vui thấy các pháp là trên hết, muốn được tròn đầy tất cả pháp Phật.
4. Siêng năng, tinh tấn tu hành để thành tựu quả ấy.

Đó gọi là bốn.

Lại có bốn pháp:

1. Xa lìa mọi kiêu mạn.
2. Trừ tâm tự đại.
3. Kính trọng các bậc tôn trưởng.
4. Nghe lời chỉ dạy.

Đó gọi là bốn.

Lại có bốn pháp:

1. Đến cầu người không sinh sân hận.
2. Bố thí mọi thứ không cầu đền đáp.
3. Đã bố thí thì không hối tiếc.
4. Có căn lành nên hết lòng hồi hướng nơi Bồ-đề.

Đó gọi là bốn.

Lại có bốn pháp:

1. Không phá giới.
2. Không làm hư hoại giới.

3. Không lẫn lộn giới.
4. Không làm đục giới.
Đó gọi là bốn.
Lại có bốn pháp:
1. Tánh hòa giải có khả năng nhẫn nhịn.
2. Khéo bảo vệ ý người khác.
3. Tự bảo vệ thân mình, quyết không phạm đến người khác.
4. Hồi hướng nơi Bồ-đề.
Đó gọi là bốn.
Lại có bốn pháp:
1. Tinh tấn vững vàng.
2. Tinh tấn sạch trong.
3. Tinh tấn không khiếp nhược.
4. Hồi hướng nơi Bồ-đề.
Đó gọi là bốn.
Lại có bốn pháp:
1. Thân cường tráng có thể chịu đựng.
2. Tâm vững vàng có thể chịu đựng.
3. Khéo léo để có thể tu tập các thiền chi.
4. Luôn không quên mất tâm Bồ-đề.
Đó gọi là bốn.
Lại có bốn pháp:
1. Bố thí.
2. Ái ngữ.
3. Lợi ích.
4. Đồng sự.
Đó gọi là bốn.
Lại có bốn pháp:
1. Tâm Từ ban bố khắp nơi.
2. Thể hiện lòng thương xót rộng lớn không mỏi mệt.
3. Tâm tràn đầy niềm vui yêu kính pháp.
4. Tâm xả bỏ mọi thương ghét.
Đó gọi là bốn.

Lại có bốn pháp:
1. Nghe pháp không chán.
2. Suy nghĩ, xem xét đúng đắn.
3. Tùy theo pháp có thể hành.
4. Hồi hướng nơi Bồ-đề.
Đó gọi là bốn.
Lại có bốn pháp:
1. Biết các hành là vô thường.
2. Quyết định biết ấm là khổ.
3. Quyết định biết các pháp là không có ngã.
4. Quyết định biết Niết-bàn là pháp vắng lặng.
Đó gọi là bốn.
Lại có bốn pháp:
1. Được lợi không vui.
2. Mất lợi không buồn.
3. Tuy có danh tiếng tâm vẫn bình thường.
4. Tuy nghe tiếng xấu, tâm cũng không phiền não.
Đó gọi là bốn.
Lại có bốn pháp:
1. Bị người khác xúc phạm không sân.
2. Được khen ngợi không vui.
3. Gặp khổ có thể nhẫn chịu.
4. Tuy được vui, không chạy theo, cũng không chối bỏ.
Đó gọi là bốn.
Lại có bốn pháp:
1. Xét nhân.
2. Biết quả.
3. Xa lìa hai thứ biên kiến.
4. Biết pháp do duyên khởi.
Đó gọi là bốn.
Lại có bốn pháp:
1. Biết ở trong không ngã.
2. Biết ở ngoài không có chúng sinh.

3. Biết trong lẫn ngoài, không có thọ mạng.
4. Thanh tịnh rốt ráo không có ai.
Đó gọi là bốn.
Lại có bốn pháp:
1. Tu hành "không" - không sợ.
2. Quán "vô tướng" - không mất.
3. Không phân biệt - "vô nguyện."
4. Vui quán các pháp - "vô tác."
Đó gọi là bốn.
Lại có bốn pháp:
1. Không chứng Khổ trí.
2. Không chứng Tập trí.
3. Không chứng Diệt trí.
4. Không chứng Đạo trí.
Đó gọi là bốn.
Lại có bốn pháp:
1. Xem xét sâu kỹ về Bồ-đề.
2. Không chê bai chánh pháp.
3. Trọn đời thân ở trong chúng Tăng không thoái chuyển.
4. Đối với giáo pháp không nên tranh cãi.
Đó gọi là bốn.
Lại có bốn pháp:
1. Có khả năng làm cho tham dục không khởi lên.
2. Không tạo nên nhân duyên.
3. Dứt tham dục, sân giận, ngu si.
4. Đối với phiền não cũng lại như vậy.
Đó gọi là bốn.
Lại có bốn pháp:
1. Ở trong chúng sinh tâm luôn bình đẳng.
2. Xem tất cả chúng sinh đều là ruộng phước.
3. Bình đẳng tôn kính Phật và chúng sinh.
4. Xem quán pháp và chúng sinh đều bình đẳng.
Đó gọi là bốn.

Lại có bốn pháp:
1. Không đề cao mình.
2. Không hạ thấp người khác.
3. Không khinh người chưa học.
4. Yêu kính người đã học như thầy.
Đó gọi là bốn.
Lại có bốn pháp:
1. Xa lìa lời nói vô ích.
2. Thường cầu sự vắng vẻ, tĩnh lặng.
3. Ưa thích nơi thanh vắng không nhàm chán.
4. Siêng cầu công đức lợi ích nơi thanh vắng.
Đó gọi là bốn.
Lại có bốn pháp:
1. Bớt sự ham muốn.
2. Nên biết đủ.
3. Biết lường tính vật tịnh.
4. Vui hạnh Đầu-đà, không tham đắm vào y phục tốt, ăn uống ngon.
Đó gọi là bốn.
Lại có bốn pháp:
1. Biết mình.
2. Biết người.
3. Biết thời.
4. Biết nghĩa.
Đó gọi là bốn.
Lại có bốn pháp:
1. Vui với pháp.
2. Vui với nghĩa.
3. Vui với chân lý.
4. Vui với thành tựu các chúng sinh.
Đó gọi là bốn.
Lại có bốn pháp:
1. Bên trong sạch, có thể bảo vệ tự tâm.
2. Bên ngoài sạch, có thể bảo vệ chúng sinh.

3. Pháp sạch để làm nơi thực hành điều thiện.

4. Trí sạch có thể bỏ sự cao ngạo.

Đó gọi là bốn.

Lại có bốn pháp:

1. Xa lìa ngã.

2. Bỏ ngã sở.

3. Trừ bỏ các kiến.

4. Dứt bỏ yêu, giận.

Đó gọi là bốn.

Lại có bốn pháp:

1. Khéo dùng phương tiện thâu giữ trí tuệ.

2. Dùng trí tuệ thâu lấy phương tiện khéo léo.

3. Lòng thương lớn thâu lấy tất cả sự bố thí.

4. Tinh tấn thâu giữ tất cả đạo phẩm của pháp.

Đó gọi là bốn.

Này Thiện nữ! Bồ-tát thành tựu những bốn pháp như vậy, có thể thâu giữ Bồ-đề và làm cho tăng trưởng.

Khi Đức Thế Tôn giảng nói bốn pháp thâu giữ Bồ-đề, khiến cho tất cả tâm Bồ-đề được tăng trưởng thì trong chúng hội có ba vạn hai ngàn chư Thiên và người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc đó, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi bé gái:

–Cha mẹ đặt tên cho ngươi là gì?

Bé gái đáp:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Tất cả các pháp vốn không có tên, tùy theo sự phân biệt mà lập tên, chẳng phải là chân thật nên không định chủ. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát tùy theo điều mình thực hành mà lập tên. Nếu được tâm tịnh gọi là người tâm tịnh, nếu được tâm sâu xa gọi là người đạt tâm sâu xa, nếu thực hành phương tiện gọi là tịnh phương tiện, nếu thực hành bố thí thì gọi là người khéo léo ban cho, nếu tu Thi-la (giới) gọi là người tịnh giới, nếu trụ nơi nhẫn nhục gọi là người có sức chịu đựng, nếu tinh tấn gọi là người mặc áo giáp sáng suốt tiến tới, nếu trụ nơi các thiền gọi là người của Tam-muội, mau đắc được trí tuệ gọi là người đại trí tuệ, nếu trụ nơi Từ, Bi, Hỷ, Xả gọi là người có đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, nếu trụ nơi thanh vắng gọi là người an nhàn không còn lo toan, nếu không xả bỏ hạnh Đầu-đà gọi là người tu hành công đức thanh tịnh, nếu

thích tu tập pháp thiện gọi là người vui vẻ cầu pháp. Nói tóm lại, tùy theo những căn lành phát khởi hướng đến Đại thừa thì được đặt tên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Nên biết, bé gái này, khi mặc áo chuỗi ngọc, phóng ra ánh hào quang lớn chiếu khắp đại chúng thì nên gọi bé gái này là Vô Cấu Quang, hãy nhớ kỹ như vậy.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi nữ Vô Cấu Quang:

–Ngươi ở thế giới Tịnh trú, chỗ Phật Vô Cấu Xưng Vương, thọ thân nữ cũng ở nơi đó phải không?

Nữ Vô Cấu Quang đáp:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Thế giới của Đức Phật đó không có người nữ.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Vậy lúc đó ngươi là gì? Mang thân nữ tại sao sinh ở đó?

Nữ đáp:

–Con nay không phải là nam hay nữ, cũng không phải là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, đến sinh ở đó. Vì sao, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai hóa làm người từ nước Phật này đến nước Phật khác vì có thân nam, thân nữ nhập các tướng sai biệt chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Không phải. Vì sao? Vì sự biến hóa của Như Lai không có sai biệt.

Nữ nói:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Như Lai với chỗ biến hóa không có sai biệt, tất cả các pháp đều như hóa. Nếu biết tất cả các pháp đều đồng tướng hóa, nên từ nước Phật này đến nước Phật khác sẽ không thấy sai biệt.

Xá-lợi-phất:

–Ngươi ở trong các pháp thấy không sai biệt, vậy làm thế nào để thành tựu cho chúng sinh?

Nữ đáp:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu trong các pháp thấy sai biệt thì không thể thành tựu cho chúng sinh. Trong các pháp không thấy sai biệt mới có thể thành tựu cho chúng sinh.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi nữ Vô Cấu Quang:

–Vậy ngươi thành tựu bao nhiêu chúng sinh rồi?

Nữ đáp:

–Như Tôn giả Xá-lợi-phất đã đoạn trừ phiền não vậy.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Phiền não ta đoạn tánh của chúng không chỗ để có.

Nữ nói:

–Tánh của chúng sinh cũng không chỗ để có.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Chúng sinh không tánh lấy chỗ nào để thành tựu?

Nữ Vô Cấu Quang hỏi lại:

–Phiền não không tánh vậy đoạn trừ cái gì?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Không phân biệt nên gọi là đoạn.

Nữ Vô Cấu Quang nói:

–Như lời Tôn giả Xá-lợi-phất nói, nếu không phân biệt ngã kia thì gọi là thành tựu cho chúng sinh.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi lại nữ Vô Cấu Quang:

–Thế nào gọi là thành tựu cho chúng sinh?

Nữ Vô Cấu Quang đáp:

–Trong các hữu không khởi nhiễm ái thì gọi là thành tựu cho chúng sinh.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi nữ Vô Cấu Quang:

–Ngươi đối với ba thừa, lấy thừa nào để thành tựu cho chúng sinh?

Nữ Vô Cấu Quang đáp:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Ví như mọi nơi trong không trung, mưa xuống đúng thời vào những hạt giống đủ loại về lúa thóc, thảo dược, cây cối đều được sinh trưởng. Như trận mưa đó có tướng phân biệt không?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Nước tuy có thể làm sinh trưởng lúa mạ, nhưng không phân biệt.

Nữ Vô Cấu Quang nói:

–Như vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Chư Phật và Bồ-tát nói pháp cũng không phân biệt, tùy theo căn lành thành thục của tất cả chúng sinh ở trong ba thừa mà điều phục họ.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi nữ Vô Cấu Quang:

–Thế nào gọi là điều phục, nghĩa ấy ra sao?

Nữ Vô Cấu Quang đáp:

–Điều phục là có khả năng xét xem tà đạo tức chánh đạo, đó gọi là điều phục. Vì sao? Vì phàm phu điên đảo không thể xem xét đúng đắn nên không thể điều phục. Nếu xem xét tướng bình đẳng của tà đạo mà không chạy theo, không dựa vào các tà đạo thì gọi là điều phục rốt ráo. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nói đến điều phục, tức là đối với ngã là không ngã, mới gọi là điều phục. Vì sao? Vì không ngã kiến thì đối với các phiền não sẽ không tham ái, không khởi, gọi là giải thoát.

Nữ Vô Cấu Quang hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Tôn giả được giải thoát chưa?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Ta đã được giải thoát.

Nữ Vô Cấu Quang nói:

–Ai trói buộc Tôn giả mà Tôn giả nói là giải thoát.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Không phải trói buộc mà được giải thoát, nhưng vì bản tánh vốn là tướng giải thoát nên ta nói là được giải thoát.

Nữ Vô Cấu Quang hỏi:

–Nếu bản tánh không trói, không mở là tướng giải thoát, cớ sao Tôn giả nói: "Ta đã giải thoát"?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Tất cả các pháp đều là tướng giải thoát, nên ta nói "Ta đã giải thoát."

Nữ Vô Cấu Quang nói:

–Như Tôn giả nói: "Nếu biết các pháp đều là tướng giải thoát" thì gọi là giải thoát rốt ráo.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Như các bậc A-la-hán đã sạch các lậu nêu bày, nay ngươi nói cũng không khác.

Nữ Vô Cấu Quang nói:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nay con cũng là A-la-hán đã sạch các lậu.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Lấy gì làm chứng lời nói đó.

Nữ Vô Cấu Quang nói:

–Con xa lìa tất cả trần cấu và đạo phẩm của Thanh văn, Duyên giác,

con thấy biết như Thanh văn, Duyên giác, nhưng không dừng lại nơi Thanh văn, Duyên giác. Con chỉ cầu trí Phật, đó là sự làm chứng lời nói của con, con là A-la-hán đã sạch các lậu.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Như vậy là có nhân duyên nên các Bồ-tát làm A-la-hán sao?

Nữ Vô Cấu Quang đáp:

–Có.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Lấy nhân duyên gì mà có.

Nữ Vô Cấu Quang đáp:

–Nếu có chúng sinh đời trước gieo trồng căn lành, người ấy nên dùng thân Thanh văn độ tức là hiện thân Thanh văn mà nói: "Ta là A-la hán vì chúng sinh thuyết pháp chứng A-la-hán, cũng gọi là Bồ-tát làm A-la hán."

Khi giảng nói pháp ấy, có hai trăm Tỳ-kheo không thọ pháp hữu lậu, tâm được giải thoát. Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Nữ biện tài này nhờ oai thần của Phật hay tự lực?

Đức Phật đáp:

–Nhờ oai thần của Phật, nhưng người nữ này cũng có sức biện tài.

Bấy giờ, nữ Vô Cấu Quang bạch Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Trong chúng hội này chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vui lòng nguyện muốn nghe cách tu hạnh thiện ra sao, để bỏ thân nữ, mau chóng thành thân nam và có thể phát tâm Bồ-đề Vô thượng. Nguyện xin Đức Thế Tôn vì chúng con giảng nói.

Vì muốn cho bốn chúng được thành tựu lợi ích, Đức Phật bảo nữ Vô Cấu Quang:

–Nếu người nữ thành tựu được một pháp thì xa lìa thân nữ, mau chóng thành thân nam. Pháp ấy là gì? Là thâm tâm luôn cầu ở Bồ-đề. Vì sao? Vì nếu có người nữ phát tâm Bồ-đề, là tâm của người đại thiện, tâm của đại trượng phu, tâm của đại Tiên nhân, tâm chẳng dưới người, tâm mãi mãi xa lìa hàng Nhị thừa, tâm có thể phá trừ mọi lý luận của ngoại đạo, tâm trong ba đời là cao tột, tâm có khả năng diệt trừ phiền não, không hỗn tạp, kết tập thanh tịnh. Nếu những người nữ phát tâm Bồ-đề thì tâm sẽ không tạp nhiễm, không còn những ràng buộc của phiền não. Và vì không còn tạp nhiễm nên mãi xa lìa thân nữ và thành thân nam. Những căn lành có được phải hồi hướng nơi Bồ-đề Vô thượng. Đó gọi là một pháp.

Lại có người nữ thành tựu hai pháp, có thể xa lìa thân nữ, mau thành

thân nam. Hai pháp ấy là gì? Nghĩa là trừ tâm kiêu mạn, lìa bỏ dối trá, không làm điều mờ ám mê hoặc. Nguyện xa lìa thân nữ, mau chóng thành thân nam, căn lành có được đều hồi hướng nơi Bồ-đề Vô thượng. Đó là hai pháp.

Lại có người nữ thành tựu ba pháp, có thể lìa bỏ thân nữ, mau thành thân nam. Ba pháp là gì?

1. Thân nghiệp trong sạch, thân giữ ba giới.

2. Khẩu nghiệp trong sạch, miệng phải xa lìa bốn lỗi.

3. Ý nghiệp trong sạch, xa lánh mọi tức giận, tà kiến, ngu si. Lấy mười điều tốt làm phát sinh căn lành, nguyện lìa thân nữ, mau thành thân nam, hồi hướng nơi Bồ-đề.

Đó là ba pháp.

Lại có người nữ thành tựu bốn pháp, xa lìa được thân nữ, mau chóng thành thân nam. Bốn pháp là gì?

1. Không giận hại.

2. Không sân hận.

3. Không tùy theo phiền não.

4. Trụ ở sức nhẫn nhục.

Đó là bốn pháp.

Lại có người nữ thành tựu năm pháp, tức được xa lìa thân nữ mau thành thân nam. Năm pháp là gì?

1. Vui cầu pháp thiện.

2. Tôn trọng chánh pháp.

3. Lấy chánh pháp để tự an vui.

4. Đối với người giảng nói pháp phải kính như thầy.

5. Như giáo lý mà tu hành, lấy căn lành đó nguyện xa lìa thân nữ, mau thành thân nam, hồi hướng nơi Bồ-đề.

Đó là năm pháp.

Lại có người nữ thành tựu sáu pháp, được xa lìa thân nữ, mau thành thân nam. Sáu pháp là gì?

1. Luôn niệm Phật, nguyện thành thân Phật.

2. Luôn nhớ nghĩ pháp, muốn chuyển bánh xe pháp.

3. Luôn nhớ nghĩ đến Tăng muốn bảo bệ Tăng.

4. Luôn nhớ giữ giới, muốn đầy đủ các nguyện.

5. Luôn nhớ nghĩ thực hành bố thí, muốn xả bỏ tất cả phiền não cấu

uế.

6. Luôn nhớ nghĩ đến chư Thiên, muốn chư Thiên trong khắp cõi trời được Nhất thiết chủng trí.

Đó là sáu pháp.

Lại có người nữ thành tựu bảy pháp, được xa lìa thân nữ, mau chóng thành thân nam. Bảy pháp là gì?

1. Đối với Phật có được niềm tin không hoại.

2. Đối với các pháp có được niềm tin không hoại.

3. Đối với Tăng có được niềm tin không hoại.

4. Không thờ kính các vị trời khác, chỉ thờ kính Đức Phật.

5. Không tích chứa sự tham lam keo kiệt, nói được phải làm được.

6. Luôn nói lời không lỗi, thường ngay thẳng chân thật.

7. Oai nghi đầy đủ.

Đó là bảy pháp.

Lại có người nữ thành tựu tám pháp, nên được xa lìa thân nữ, mau chóng thành thân nam. Tám pháp là gì?

1. Không nặng tham ái với người nam.

2. Không nặng tham ái với người nữ.

3. Không nặng tham ái với chồng.

4. Không ưa thích y phục chuỗi ngọc.

5. Không tham đắm vào việc trang sức, xoa hương thơm.

6. Không ham muốn nhiều về ăn uống.

7. Không tham tiếc các vật bố thí, thường nhớ nghĩ, sinh vui vẻ.

8. Thường hành thanh tịnh, luôn biết xấu hổ.

Đó là tám pháp.

Lại có người nữ thành tựu chín pháp, được xa lìa thân nữ, mau thành thân nam. Chín pháp là gì?

Nghĩa là chấm dứt chín pháp khổ não. Ghét bỏ cái gì mình yêu thích, đã ghét, nay ghét và sẽ ghét. Yêu thích cái gì mình ghét, đã yêu thích, nay yêu thích và sẽ yêu thích. Đối với cái gì mình đã ghét, nay ghét và sẽ ghét. Đó là chín pháp.

Lại có người nữ thành tựu mười pháp, được xa lìa thân nữ, mau thành thân nam. Mười pháp là gì?

1. Không tự đại.

2. Trừ bỏ kiêu mạn.

3. Kính trọng bậc tôn trưởng.

4. Lời nói phải thành thật.

5. Không hiềm khích, sân hận.

6. Không nói lời thô bỉ.

7. Không ngại khó khăn để dạy bảo.

8. Không tham lam nuối tiếc.

9. Không bạo ác.

10. Không đùa cợt.

Đó là mười pháp.

Này thiện nữ! Nếu người nữ có khả năng xét xem lỗi lầm nơi thân nữ một cách như thật, tâm sinh nhàm chán xa lìa thì liền xa lìa thân nữ, mau chóng thành thân nam. Thân người nữ lỗi lầm là thân có tâm tham dục, sân si và các thứ phiền não khác, nên tôn trọng thân nam. Lại, trong thân đó có một trăm ổ trùng, luôn làm nhân duyên cho khổ hoạn, sầu muộn, nên thân người nữ nặng về phiền não, phải khéo suy nghĩ quán sát. Thân ấy là đồ chứa không sạch, đầy những cấu uế. Như giếng khô, thành trống, thôn xóm bị phá hoại, khó có thể ưa thích. Vậy phải sinh nhàm chán xa lìa thân ấy.

Lại quán thân này như người hầu gái, không tự tại, luôn vì chuyện nam nữ, y phục, ăn uống, gia nghiệp, nên phải hầu hạ rất khổ não, cần phải dứt trừ, như lìa bỏ đồ nhơ bẩn, không sạch. Chín tháng mang thai, thân nhiều nhọc nhằn, chẳng phải là một. Khi sinh chịu đau đớn, tánh mạng khó bảo tồn. Vì vậy, người nữ phải nên nhàm chán, xa lìa thân nữ.

Lại nữa, dù người nữ sinh ở vương cung thì trọn đời cũng lệ thuộc nơi người khác. Như nô tỳ theo sự sai khiến của đại gia. Như đệ tử hầu hạ thầy, luôn chịu đau khổ do nhiều thứ: Đao, gậy, ngói, đá, đấm, đánh, nói lời thô ác, mạ nhục, chịu nhiều khổ não không tự tại. Vì thế người nữ nên sinh tâm nhàm chán, xa lìa thân ấy.

Lại nữa, thân nữ thường bị ràng buộc, giam hãm như rắn, chuột trong hang, không dám ra ngoài. Người nữ lại bị ràng buộc do nhiều phép tắc, không tự tại, thường ở bên cạnh người khác để hầu hạ, thưa bẩm, cung cấp, phục vụ ăn uống. Quần áo, hương hoa, dẫu có đầy đủ các thứ chuỗi ngọc, trang điểm cũng chỉ là voi, ngựa, xe cộ. Do vậy nên phải nhàm chán, xa lìa thân nữ. Thân nữ lại bị người khác sai khiến, không được tự tại. Người nữ phải đảm đương, làm lụng nhiều công việc như giã thuốc, xay gạo, nấu,

nghiền đậu nành, lúa mì lớn nhỏ, dệt vải, quay tơ, nhiều thứ khổ nhọc như thế, phải phục dịch vô số kể. Nên người nữ phải biết thân này là hoạn nạn, mong cầu mãi lìa xa những cái khổ. Phải lấy pháp này dạy lại người khác, thường nhớ lời chân thành của Như Lai. Ca ngợi việc xuất gia, báo đền ân Phật, phải phát tâm, nguyện lìa thân nữ, để mau được thân nam. Ở trong pháp Phật xuất gia tu đạo, không được tham cầu hoa hương, trang sức, chuỗi ngọc, rong chơi nơi vườn rừng. Đối với y phục, ăn uống, vật trang nghiêm cho thân vừa đủ. Phải xem việc đem thân hầu hạ quyến thuộc như cái máy, như tượng gỗ, khiêng lên, hạ xuống vậy thôi. Thân này giả tạo tích chứa thịt máu, chẳng bao lâu sẽ hoại diệt. Thân này như nhà xí, có chín lỗ, lưu thông toàn những thứ không sạch. Thân này chỉ có kẻ ngu si mới đắm chìm, nó chẳng qua là do bốn đại hợp thành. Thân này các ấm như là oan gia. Thân này giả tạo trống rỗng, không chắc thật, không vững vàng, như làng xóm bỏ hoang. Thân này không chủ, do cha mẹ sinh ra, lại lấy hành nghiệp để trang sức. Thân này không sạch sẽ, rõ ràng là dơ bẩn. Thân này chỉ là đồ chứa nước tiểu, phân, đừng chần chờ, hãy vứt bỏ, không nên đắm mê nó. Thân này cận kề cái chết, thở ra mà không thở vào là đã dứt mất. Thân này vô ngã như cây cỏ, ngói đá. Thân này vô tác từ nhân duyên sinh. Thân này khi vứt bỏ ngoài nghĩa trang sẽ làm thức ăn cho chim, chó sói. Thân này là chỗ gom tụ các khổ, là cái nguy khốn của bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh. Thân này mang nhiều bệnh tật: phong hàn, lạnh nóng và phải luôn dùng thuốc để giữ nó tồn tại, nhưng rồi cuối cùng cũng đưa đến sự tan rã. Thân này không biết báo ân, lấy ăn uống nuôi dưỡng không biết đủ. Thân này vô tri bên trong không biết ai tạo ra. Thân này đằng sau là cái chết. Người nữ phải xem xét thân như thế, sinh tâm nhàm chán tu hành pháp thiện. Khi tu pháp thiện nếu có vật thực hoa quả thơm ngon, trước dâng chư Phật, Bồ-tát là ruộng phước vô thượng và cha mẹ, sư trưởng, sau đó mới ăn. Phải suy nghĩ: "Nay ta dâng cúng hoa quả thơm ngon cùng với lòng tôn trọng nơi ruộng phước thanh tịnh, nguyện xin được xa lìa thân nữ, để được thân nam."

Khi Phật thuyết giảng pháp này, trong chúng hội có năm trăm Tỳ-kheo-ni đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và nói: "Chúng con có được căn lành, nguyện bỏ thân nữ, mau được thân nam."

Bấy giờ, trong chúng hội có bảy mươi lăm Cư sĩ nữ nghe Phật thuyết pháp này, tâm họ vui mừng khôn xiết, nên đều lấy chuỗi ngọc đồ trang sức mang trên thân tung rải lên chỗ Đức Phật. Nhờ thần lực của Phật, số chuỗi ngọc này bay lên trên đỉnh đầu Phật, ở giữa không trung hóa thành bảy mươi lăm đài báu có bốn trụ ngay thẳng, trang nghiêm trông thật đẹp và

đáng yêu. Trong đài, có nhiều tòa châu báu, mỗi cái đều có Đức Như Lai ngồi trên đó với đại chúng Tỳ-kheo, Bồ-tát trước sau vây quanh, tự nhiên hiện ra như vậy. Thấy Phật biến hóa thần thông, những Cư sĩ nữ này bội phần vui mừng, họ đến trước Đức Phật đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh bên phải ba vòng và thưa:

–Kính thưa Thế Tôn! Chúng con có được căn lành, nên nay mới cùng nhau hội hợp, đồng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được xa lìa thân nữ, hồi hướng nơi Bồ-đề Vô thượng. Đức Thế Tôn lòng lành, rộng nói lỗi lầm của thân người nữ, thật đúng như lời Đức Thế Tôn dạy. Chúng con nay siêng năng tu phương tiện, vĩnh viễn xa lìa những lỗi lầm xấu ác. Từ nay cho đến trọn đời, phụng trì năm giới, tịnh tu phạm hạnh, đem căn lành này cùng tất cả chúng sinh đều thành tựu Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Cư sĩ nữ:

–Chị em có thể làm tiếng gầm sư tử như thế thật là hiếm có. Chồng các chị có cho phép các chị tu phạm hạnh không? Phải hỏi họ.

Các Cư sĩ nữ bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Nếu chúng con từng người phải hỏi chồng: "Tôi từ đâu đến, để sinh ở đây? Khi chết ở nơi này, sẽ sinh ở đâu?" Tuy làm chồng nhưng không thể đáp. Như vậy hỏi làm gì.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu đem vấn đề này thưa hỏi Như Lai: "Chúng con chết ở đâu, lại sinh ở nơi này. Chết ở nơi này, lại sinh ở đâu?" Như Lai biết rõ, nhất định sẽ vì chúng con mà phân biệt giảng nói.

Vì vậy Như Lai là cha mẹ chúng con, là Thế Tôn của chúng con, là Đại sư của chúng con, là ruộng phước của chúng con, là hòn đảo quý báu để chúng con nương tựa. Nay chúng con tu phạm hạnh cần gì phải hỏi chồng. Từ nay trở đi, chúng con siêng năng tu tập theo phương tiện, không lệ thuộc chồng như người nữ khác. Vì sao? Nếu người nào có khả năng trừ được những trói buộc của tham dục, sân giận, ngu si thì người ấy trọn đời không bị ràng buộc. Nay thân tâm của chúng con sẽ vì chồng con, dốc sức tu hành phạm hạnh há không vui sao?

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Còn nếu chẳng phải là chồng của chúng con, mà khởi tưởng là chồng, xâm đoạt thân mạng thì chúng con vẫn quyết tâm tịnh tu phạm hạnh, không hề hối hận.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Cư sĩ nữ:

–Các người luôn siêng năng tu phương tiện để được xa lìa thân nữ. Vì sao? Vì thân nữ không thể chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Các Cư sĩ nữ bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Chúng con từ nay không khởi phiền não của người nữ nữa.

Nói rồi đảnh lễ sát chân Phật và thưa:

–Kính thưa Thế Tôn! Nay chúng con đảnh lễ nơi chân Thế Tôn. Chúng con thề, nếu không chuyển được thân nữ thành thân nam thì nhất định không đứng dậy.

Phật bảo:

–Này các chị em! Ta thường nói, người nữ cũng có thể làm những việc dũng mãnh như người nam. Này các chị em! Có mười sáu pháp, nếu có khả năng tu hành, tùy theo ý nguyện mong cầu thì đều được như ý. Mười sáu pháp đó là:

1. Giới thanh tịnh.
2. Tâm thanh tịnh.
3. Không thanh tịnh.
4. Vô nguyện thanh tịnh.
5. Vô tướng thanh tịnh.
6. Vô tác thanh tịnh.
7. Biết thân nghiệp như cái bóng.
8. Biết khẩu nghiệp như tiếng vang.
9. Biết ý nghiệp như huyễn.
10. Biết pháp duyên khởi.
11. Xa lìa nhị biên.
12. Khéo biết về nhân duyên.
13. Quán các pháp như huyễn.
14. Biết các pháp đều như mộng.
15. Tưởng các pháp như lửa cháy.
16. Thâm tâm vắng lặng.

Khi Phật thuyết giảng mười sáu pháp thanh tịnh này, mặt đất đều chấn động, do uy thần của Phật. Khi ấy, chồng của bảy mươi lăm Cư sĩ nữ đi đến chỗ Đức Phật, thấy mỗi người vợ của mình đang đảnh lễ nơi chân Phật, họ hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Vì nguyên do gì vợ chúng tôi cùng đảnh lễ nơi chân Phật?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Những chị này nghe Phật thuyết giảng pháp xa lìa thân nữ, tâm quá

vui mừng, hoan hỷ vô lượng, họ liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nguyện trọn đời phụng trì giữ giới, tịnh tu phạm hạnh. Nay ở trước Phật đảnh lễ nơi chân và họ thệ nguyện: "Nếu chúng con không chuyển được thân nữ này thành thân nam thì không bao giờ đứng dậy." Này các Cư sĩ! Các ông phải để chị em này tự tại vào trong pháp Phật, xuất gia tu đạo.

Các vị Cư sĩ thưa:

–Thưa Tôn giả! Như lời Tôn giả nói, chúng con đồng ý cho họ xuất gia. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nay chúng con cũng muốn vào trong pháp Phật xuất gia, trước độ chúng con, sau độ người nữ.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Những Cư sĩ nam này muốn xuất gia trong chánh pháp của Phật, nguyện xin Phật cho phép?

Phật bảo các Cư sĩ nam:

–Ở trong pháp của ta, tùy ý xuất gia.

Những Cư sĩ nam bạch Đức Phật:

–Chúng con nguyện xin xuất gia.

Phật bảo:

–Thiện lai Tỳ-kheo! Tất cả đều thành Sa-môn, thân mặc ca-sa, oai nghi thành tựu.

Bấy giờ, những Cư sĩ nữ, nhờ thần lực của Phật, từ sức của căn lành mà chánh quán, suy nghĩ, nên được lìa thân nữ biến thành thân nam. Họ nương nơi thần lực của Phật, bay lên hư không cao bằng bảy cây Đa-la, đồng lượt cùng nói kệ:

Các pháp đều như huyễn
Chỉ do phân biệt sinh
Đối với Đệ nhất nghĩa
Không có tướng nữ nam.
Thầy ảo thuật làm trò
Ở giữa ngả tư đường
Hóa ra thân nam tử
Binh lính chiến đấu nhau.
Và cùng giết lẫn nhau
Việc ấy chẳng phải thật
Chúng con xem sinh tử
Như mộng ảo không khác.

Như người ở trong mộng
Làm ra các sự việc
Vì việc ấy không thật
Nên thức dậy chẳng thấy.
Xét kỹ cái ta thấy
Chỉ là ấm nhập giới
Hình thể không chân thật
Từ đó sinh điên đảo.
Ví như trăng trong nước
Thấy được, không vớt được
Tánh pháp đồng trăng nước
Kỳ thật không tới lui.
Cũng như khi lửa cháy
Thấy có tướng dao động
Hoặc thấy là ao hồ
Nhưng nó không chân thật.
Các pháp như ngọn lửa
Tánh nóng không có thật
Phát sinh từ điên đảo
Rốt ráo không có ngã.
Chúng con vốn thân nữ
Do điên đảo mà sinh
Nay, xét thân nam tử
Đều không, không chỗ có.
Nếu khéo biết là không
Chớ nên phân biệt không
Thì ngay pháp hiện tại
Thân chứng không chướng ngại.
Là sức cảnh giới Phật
Từ phước đời trước sinh
Hiện tiền cũng tu pháp
Liền được lìa thân nữ.
Nếu có các người nữ
Muốn trở thành thân nam
Nên phát tâm Bồ-đề
Ý nguyện sẽ thành tựu.

Bấy giờ, những người chuyển từ thân nữ, xuất gia làm Bồ-tát, từ hư không hạ xuống, đảnh lễ sát chân Phật và nói với những Cư sĩ chồng mình:

–Này Thiện tri thức! Các vị phải phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Phật ra đời là khó, không sinh nơi các nạn lại còn khó hơn. Dùng lòng thương rộng lớn, vì tất cả chúng sinh mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó cũng lại khó. Các vị có thể phát tâm Bồ-đề cúng dường Phật quá khứ, hiện tại, vị lai.

Khi ấy, các Tỳ-kheo nói với các Bồ-tát chuyển từ thân nữ:

–Các vị đều là Thiện tri thức của chúng tôi, có khả năng giáo hóa chúng tôi, vì chúng sinh mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay trước Đức Phật, chúng tôi phát tâm Bồ-đề, nguyện vào đời vị lai được thành Phật như Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni, Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bấy giờ, các vị Bồ-tát chuyển từ thân nữ, bạch Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Nguyện cho chúng con xuất gia không phải như pháp xuất gia của thiện lai Tỳ-kheo. Chúng con cũng không muốn xuất gia cùng hàng Thanh văn.

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Ông hãy vì các thiện nam này mà đúng như pháp cho họ xuất gia.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con sẽ thực hiện việc ấy.

Lúc này, nữ Vô Cấu Quang đến chỗ mẹ thưa:

–Mẹ nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu mẹ phát tâm thì con đã đền đáp được công ơn của mẹ.

Người mẹ nói:

–Ta đã phát tâm rồi. Vì sao? Vì ta mang thai con mười tháng, từ lúc ấy đến nay, tâm không sinh tham lam, keo kiệt, phá giới, tâm không sân hận, không lười biếng, loạn niệm, ác tuệ, tà kiến, tham dục, nóng giận, luôn an vui nên thân tâm an lạc. Trong mộng thường thấy các vị Như Lai, với các Tỳ-kheo Tăng trước sau vây quanh nghe thuyết pháp. Khi ấy, tâm ta suy nghĩ: "Ta đang mang thai đứa con trong bụng chắc là Bồ-tát nên trong mộng mới thấy thân Như Lai." Tâm rất vui mừng, nên liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay con khuyên, mẹ phát tâm ngay.

Bấy giờ, nơi tay trái của nữ Vô Cấu Quang tự nhiên biến ra lọng báu tuyệt đẹp và đem đến chỗ mẹ, thưa:

–Thưa mẹ, mẹ cầm lọng báu này dâng lên Đức Như Lai và phải phát nguyện lớn: Vì chư Thiên và cõi người, nguyện làm lọng pháp báu.

Khi đó, phu nhân Tịnh Nhật bèn cầm lọng báu dâng lên Đức Như

Lai, rồi phát nguyện:

–Từ căn lành này, vào đời vị lai con sẽ vì chư Thiên và người đời mà làm lọng pháp báu.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Nữ Vô Cấu Quang này, dùng thần thông diệu dụng từ cõi nước của Phật Vô Cấu Xưng Vương, hiện thọ thân nữ đi đến cõi này. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Người nữ ấy vốn là Bồ-tát tên Vô Cấu Quang, đã chứng quả vị không thoái chuyển nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì để thành tựu cho chúng sinh nên hiện thân nữ, chẳng phải là do nghiệp. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Ông có thấy bảy mươi lăm phụ nữ chuyển thành thân nam không?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Dạ thấy.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Đời trước họ đều là cha mẹ của người nữ này. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nữ Vô Cấu Quang nơi nhiều kiếp đã phát nguyện: "Nếu có chúng sinh nào là cha mẹ của ta, ta phải giúp họ chứng đắc không thoái chuyển nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác." Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Tam thiên đại thiên thế giới có vô số tinh tú, nhưng có thể dễ biết. Còn cha mẹ đời trước của nữ Vô Cấu Quang này, được người nữ khuyên tu hành pháp thiện chứng không thoái chuyển nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì không thể biết được.

Bấy giờ, nữ Vô Cấu Quang ở trước Phật đảnh lễ sát chân, nói:

–Các pháp không có nam nữ. Lời nói ấy nếu thật thì thân nữ con hóa thành thân nam.

Vừa nói xong, tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động đủ sáu cách. Nữ Vô Cấu Quang biến mất, hóa thành thân nam, đầy đủ tướng tốt trang nghiêm.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Bồ-tát Vô Cấu Quang:

–Này Nhân giả! Chưa chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà có thể làm Phật sự, việc này thật là hiếm có.

Bồ-tát Vô Cấu Quang nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Thật như lời Tôn giả nói, chư Đại Bồ-tát phát thệ nguyện lớn trang nghiêm, muốn thành tựu lợi ích cho tất cả chúng sinh, thật là hiếm có. Ví như cây A-già-lâu có bao nhiêu hoa lá đều tỏa ra hương A-già-lâu. Chư Đại Bồ-tát cũng như vậy, dẫu có phát một tâm thiện, cũng vì Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác, đều làm cho hương công đức nơi pháp Phật tỏa ra.

Khi giảng nói pháp như thế, trong chúng hội có một vạn hai ngàn chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Mặt đất chấn động, chư Thiên trên hư không mưa các loại hoa, nhạc cụ chư Thiên không đánh mà tự kêu vang và cùng nói:

–Bồ-tát Vô Cấu Quang này giảng nói pháp chân tịnh. Nếu có chúng sinh nghe được pháp này, thâm tâm tin ưa thì đạt được oai lực lớn, xa lìa nhiều hoạn nạn, tu được các hạnh thiện. Nếu có người nữ được nghe kinh này thì nên biết thân ấy là cuối cùng. Vì sao? Vì kinh này nói rộng về những lỗi lầm của thân người nữ, cũng giảng nói rộng về các hạnh nguyện để được xa lìa thân nữ, đạt được pháp thanh tịnh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo A-nan:

–Ông hãy thọ trì kinh này, đọc tụng, phổ biến tạo lợi ích, vì người khác giảng nói rộng khắp nơi. Vì sao? Này Tôn giả A-nan! Như có người nữ dùng nhiều thứ châu báu, đầy cõi Diêm-phù-đề, cúng dường Phật Thế Tôn, dùng căn lành đó để cầu xa lìa thân nữ. Lại có người nữ, nghe kinh này, vui vẻ tin hiểu, dùng căn lành ấy để cầu xa lìa thân nữ, A-nan nên biết, người sau sẽ mau chóng thành tựu hơn.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Kinh này tên gọi là gì và thọ trì ra sao?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Kinh này gọi là Chuyển Thân Nữ Nhân hay là Bồ-Tát Vô Cấu Quang Sở Vấn, hoặc gọi là Vô Quá Xưng Bồ-Tát Đạo Giáo, phải nhớ thọ trì.

Phật thuyết giảng kinh xong, Bồ-tát Vô Cấu Quang, chư Bồ-tát nơi các cõi khác đến, cùng cha mẹ của Vô Cấu Quang, trưởng lão A-nan, chư Thiên, các chúng Càn-thát-bà, A-tu-la, Nhân phi nhân, tất cả đều vui mừng khôn xiết, đảnh lễ và nguyện phụng hành.

❑

SỐ 565

KINH THUẬN QUYỀN PHƯƠNG TIỆN

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

QUYỂN THƯỢNG

Phẩm 1: Pháp Sa-môn

Nghe như vầy:

Thuở nọ, Đức Phật ở tại núi Linh thứu, thuộc thành Vương xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm năm trăm vị hội đủ, Bồ-tát tám ngàn vị, tất cả đều là những bậc đại Thánh, đã chứng thần thông, đã được pháp Tổng trì, Biện tài vô ngại, đạt pháp không sợ hãi và pháp Nhẫn vô sinh, đã phụng sự vô số Phật, vun trồng gốc rễ công đức, đều chí nguyện về Đại thừa, tâm không thoái chuyển, có lòng thương rộng rãi vô tận, cứu giúp khắp mười phương. Tên của các vị đó là: Bồ-tát Không Vô, Bồ-tát Trì Độ, Bồ-tát Trì Nhân, Bồ-tát Trì Từ Thân, Bồ-tát Quán Ý, Bồ-tát Tịnh Ý, Bồ-tát Thượng Ý, Bồ-tát Tín Nhạo Ý, Bồ-tát Trì Ý, Bồ-tát Tăng Niệm Ý, Bồ-tát Hỷ Kiến, Bồ-tát Thiện Kiến, Bồ-tát Khả Ý Kiến, Bồ-tát Phổ Lợi Khả Kiến, Bồ-tát Di-lặc… và tất cả các Bồ-tát trong Hiền kiếp đều đến ngồi đầy đủ trong chúng hội.

Bấy giờ, Đức Phật đang giáo hóa mọi người nơi thành Vương xá. Quốc vương, đại thần, quan lại, trưởng giả, Phạm chí cho đến hàng dân chúng bình thường… thảy đều nhất tâm phụng sự cúng dường, từ y phục cho đến thực phẩm, thuốc thang, đồ nằm, tất cả những vật dụng sinh hoạt đều cung cấp đầy đủ.

Khi ấy, Tôn giả Tu-bồ-đề, vào buổi sáng sớm, mang y, bưng bình bát để đi khất thực nhưng chưa vào thành. Tôn giả đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, thưa:

–Bạch Đấng Đại Thánh! Đêm qua con nằm mộng thấy có Đức Phật ngồi nơi gốc cây. Con liền cúi đầu đảnh lễ Phật rồi đứng qua một bên. Khi ấy, Đức Phật đó đưa cánh tay màu vàng ròng xoa trên đỉnh đầu của con,

rồi nói: "Này Tu-bồ-đề! Hôm nay, ông sẽ được nghe pháp mà xưa nay chưa từng được nghe." Kính xin Đấng Đại Thánh rũ lòng thương, giảng nói ý nghĩa đó cho con. Đây là điềm lành báo trước điều gì?

Đức Phật bảo:

–Này Tu-bồ-đề! Có pháp điển tên là Thuận Quyền Phương Tiện, là đối tượng để thực hành theo của các thiện nam, thiện nữ, vì thế mà có điềm lành này, ông sẽ được nghe pháp chưa từng nghe.

Khi ấy, Tôn giả Tu-bồ-đề thưa:

–Thưa Thế Tôn! Hôm nay con muốn vào thành Vương xá để lần lượt đi khất thực.

Đức Phật nói:

–Ông đã biết đúng thời. Lành thay! Ông hãy đi đi.

Được Đức Phật cho phép, Tôn giả Tu-bồ-đề liền vào thành Vương xá theo thứ tự khất thực. Đến nhà một trưởng giả Phạm chí giàu có, Tôn giả đi vào và đứng im lặng nơi sân. Trưởng giả ấy có một cô con gái rất đẹp đẽ, đoan trang, đeo chuỗi ngọc anh lạc, người thơm ngát hương chiên-đàn, trên thân thể nàng trang sức toàn những vật báu bằng vàng ròng, tươi đẹp, thanh tịnh bậc nhất, giống như hoa sen, từ trong nhà bước ra, hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Thưa Tôn giả! Vì sao Tôn giả lại đứng trong sân nhà tôi?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Thưa cô, tôi đến đây để khất thực.

Cô gái hỏi:

–Tôn giả vẫn còn tưởng về khất thực chăng? Chưa đoạn trừ ý nghĩa về sự ăn uống sao?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Tôi đã biết cách đoạn trừ tưởng về ăn uống, nhưng thân này do cha mẹ sinh ra, từ khi còn trong bào thai vốn đã nhờ thức ăn uống nuôi dưỡng, rồi được sinh ra và lớn lên, thói quen đến nay đã lâu nên không thể không ăn uống.

Cô gái lại hỏi:

–Thưa Tôn giả! Tôn giả chưa đoạn trừ các hành trong sinh tử, từ ban đầu cho đến cuối cùng là lo buồn, khổ não không như ý, Tôn giả chưa chứng biết điều ấy hay sao?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Tôi đã chứng biết điều đó, thân, miệng, ý đều tịch tĩnh.

Cô gái hỏi:

–Tôn giả đã được thân diệt độ rồi chăng?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Người diệt độ thì không còn có thân nữa. Cho nên không còn pháp, cũng không còn sự thực hành.

Cô gái hỏi:

–Nếu các pháp đều không còn, đối tượng thực hành cũng được diệt trừ, vậy thì vì sao Tôn giả phải đi khất thực để nuôi dưỡng thân?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Người nhập vào định diệt tận thì chỉ có sự quan sát, còn khi không nhập định thì thân không thể tự nuôi dưỡng mà phải nhờ các thức ăn uống.

Cô gái lại hỏi:

–Người nhập định diệt tận vẫn còn vận hành trong định nên chẳng phải là diệt độ phải không?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Đã nhập định diệt tận thì không còn đối tượng sinh, cũng không còn đối tượng diệt.

Cô gái hỏi:

–Nếu đã không còn đối tượng sinh cũng không còn đối tượng diệt thì vì sao Tôn giả phải đi khất thực để nuôi dưỡng thân?

Tôn giả đáp:

–Các Thanh văn đệ tử của Đức Như Lai đi khất thực là để xả bỏ thân.

Cô gái hỏi:

–Đức Phật khen Tôn giả, ở trong hàng Thanh văn, là người tu hành bậc nhất về nghĩa không, vậy thì không ấy không có xứ sở phải không?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Đúng như lời cô nói.

Cô gái lại hỏi:

–Người tu hành về không, có đến đi chăng?

Tôn giả đáp:

–Người tu hành về không, không có đến đi.

Cô gái hỏi:

–Nếu người thực hành về không, không có đến đi, vì sao Tôn giả lại

đi đến khắp nơi để khất thực?

Tôn giả đáp:

–Tuy tôi đi khất thực nhưng tôi không tham đắm việc nuôi dưỡng thân, vì để chấm dứt các thọ về khổ nên tôi đi khất thực.

Cô gái hỏi:

–Tôn giả lại bị các nạn về thọ khổ làm nguy khốn chăng?

Tôn giả đáp:

–Tôi không bị thọ chi phối, không lo sợ các nạn, nhưng tôi chỉ muốn chấm dứt sự thọ nhận đói khát… nên mới đi khất thực.

Cô gái nói:

–Thưa Tôn giả! Hôm nay, Tôn giả thực hành nghiệp không chẳng bình đẳng. Vì sao? Vì người thực hành pháp không chẳng hề bị các thọ làm cho khổ sở được, vì tất cả ba cõi đều chẳng thật có. Lại nữa, người tu hành pháp không chẳng lệ thuộc vào thân tâm, không có ý niệm gì về thân, tâm, không hề bị nhiễm ô, cũng không có chuyện vui hay chẳng vui. Người tu hành pháp không thì tất cả các pháp đều không có, mà chỉ dẫn đến chỗ vắng vẻ.

Rồi cô gái hỏi:

–Tôn giả ở chỗ vắng vẻ để tu hành pháp không bậc nhất, vì sao gọi là chỗ vắng vẻ, yên tĩnh?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Chỗ vắng vẻ, yên tĩnh là chỗ không có các nhân duyên, xa lìa các dục trần.

Cô gái hỏi:

–Người tu hành pháp không là đã lìa bỏ các tham dục phải không?

Tôn giả đáp:

–Người tu hành pháp không, không lìa bỏ tham dục.

Cô gái hỏi:

–Vậy sao Tôn giả nói xa lìa tham dục gọi là tu hành pháp không?

Tôn giả đáp:

–Những điều được giảng nói ra đều là ngôn từ giả tạm.

Cô gái hỏi:

–Tôn giả tu hành pháp không mà lại còn có ngôn từ giảng nói hay sao?

Tôn giả đáp:

–Là ngôn từ giả tạm mà thôi! Các Thánh hiền Thanh văn vốn được nghe Phật giảng dạy bằng ngôn từ.

Cô gái nói:

–Nếu thưa hỏi bằng ngôn từ tức trong tâm còn tồn tại ngôn từ, tâm còn tồn tại ngôn từ tức bị rơi vào điên đảo, bị rơi vào điên đảo tức còn tranh cãi, còn tranh cãi tức chẳng phải Sa-môn, không ứng hợp với nghĩa lý của pháp.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

–Theo cô, thế nào gọi là nghĩa lý của pháp Sa-môn?

Cô gái đáp:

–Không có ngôn từ mới chính là pháp Sa-môn. Nếu không có ngôn từ thì không có điên đảo, không điên đảo thì không có tranh cãi, không tranh cãi tức là pháp của Sa-môn. Người đạt được pháp ấy thì hoàn toàn lìa bỏ hai hành, không còn phân biệt một pháp nào là pháp Sa-môn, cũng không phân biệt là nhớ nghĩ hay chẳng phải nhớ nghĩ, các tưởng đều hoàn toàn tịch tĩnh, đó mới chính là pháp Sa-môn. Không tạo tác, không tán loạn, xa lìa tất cả, vượt ngoài các dấu vết tà kiến, nhập vào đạo bình đẳng, đó gọi là pháp Sa-môn. Không có cảnh giới hay chẳng phải cảnh giới, không tạo tác, không diệt độ, đó là pháp Sa-môn. Biết vừa đủ, không tham đắm thế tục, hoàn toàn không chấp giữ, rỗng lặng không dấu vết, đó là pháp Sa-môn. Không lệ thuộc, không trói buộc cũng không giải thoát, giống như hư không, đó là pháp Sa-môn. Không có suy nghĩ, không còn tâm, ý, thức, đó là pháp Sa-môn. Luôn luôn biết có giới hạn, ít ham muốn, ít sự việc, không mong cầu, đó là pháp Sa-môn. Diệt trừ tham dục, tâm không tham luyến, ý chí như Thái sơn không thể nghiêng đổ, đó là pháp Sa-môn. Từ bỏ tham dục, tâm không khát ái, không ham ba cõi, đó là pháp Sa-môn. Xa lìa tất cả các cảnh giới khắp mười phương, vượt hẳn các đối tượng tạo tác, cũng không còn khởi lên tạo tác, đó là pháp Sa-môn. Xả bỏ ma năm ấm và thân thể, không còn các nạn, không còn phiền não, đó là pháp Sa-môn. Vượt qua cõi ma, tiêu trừ tham dục, tâm không có đối tượng sinh ra, cũng không buông lung, đó là pháp Sa-môn. Vượt thoát khỏi ma chết, không còn chấp giữ cũng không vọng tưởng, đó là pháp Sa-môn. Không thân cận ma trời, tâm không tư duy, ý chí bền chắc như đất, đó là pháp Sa-môn. Không chấp ngã, ngã sở, hiểu rõ tất cả đều tịch nhiên, rỗng lặng, đó là pháp Sa-môn. Tâm không lệ thuộc, không có tưởng, hành, cũng không tăng giảm, đó là pháp Sa-môn. Xa lìa vọng tưởng, nên tâm không còn mong cầu, cũng không chấp thủ xả, đó là pháp Sa-môn. Ở trong ba

cõi, không có đối tượng thực hành mà vẫn giải quyết được các lưới nghi ngờ, đó là pháp Sa-môn. Diệt sạch các nhập, không còn các trần, dứt hẳn sự che lấp của các ấm, đó là pháp Sa-môn. Bỏ hẳn đùa giỡn, không còn buông lung, điều phục tâm mình, đó là pháp Sa-môn. Không để tâm giận dữ, hận thù, tâm ý luôn định tĩnh, đó là pháp Sa-môn. Không có tâm thấy đói khát, thiếu thốn hay đầy đủ, đó là pháp Sa-môn. Không còn hai hành, bỏ nghiệp thiện ác, tất cả đều bình đẳng, đó là pháp Sa-môn. Dứt hẳn sự phân biệt, không còn chấp giữ, không còn trở ngại, đó là pháp Sa-môn. Đoạn trừ các nghiệp thế tục, từ bỏ các ấm ngăn che, không tham bốn đại, đó là pháp Sa-môn. Phân biệt rõ ngọn nguồn của năm ấm, các nhập đều trống không, đó là pháp Sa-môn. Giảng nói về tất cả các pháp giới khắp mười phương đều không có cảnh giới, đó là pháp Sa-môn. Hiểu rõ các nhập tự nhiên như huyễn hóa, vốn không có xứ sở, đó là pháp Sa-môn. Tự nhiên như hư không, thông suốt pháp vô vi, không ưa thích pháp hữu vi, đó là pháp Sa-môn. Dứt hẳn tất cả những sự tính toán, không còn sự chấp xả, đó là pháp Sa-môn. Tự làm lợi ích cho mình nhưng vẫn biết vừa đủ, không còn tranh cãi, đó là pháp Sa-môn. Thị hiện hòa đồng bình đẳng với tất cả chúng sinh để tu hành hạnh nhẫn nhục, đó là pháp Sa-môn. Không bị quên mất, tâm không xao lãng, đạt được giải thoát, đó là pháp Sa-môn. Đã đạt được giải thoát nhưng không hề lệ thuộc giải thoát, vẫn rỗng lặng tịch tĩnh, đó là pháp Sa-môn. Giống như hư không không gì có thể ví dụ được, đó là pháp Sa-môn.

Khi cô gái giảng nói pháp Sa-môn ấy, các Thiên tử đều vân tập nơi sân nhà. Bốn mươi Thiên tử được xa lìa trần cấu, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh. Năm trăm Thiên tử đồng thanh khen ngợi: "Nên dốc lòng tin vi diệu để nghe pháp vô thượng khiến tâm ý được thành thục!", rồi tất cả họ đều phát tâm cầu đạo quả Chánh chân Vô thượng.

-oOo-

Phẩm 2: Chứng ngộ chân lý

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề thầm khen ngợi:

–Thật chưa từng có! Cô gái này có tài biện luận, ánh sáng trí tuệ thật cao vời, âm thanh giảng nói pháp rất êm dịu, chắc chắn là nhờ oai thần của Phật. Nhất định cô gái ấy đã được Đức Như Lai biến hóa ra.

Cô gái biết rõ tất cả các ý niệm của Tôn giả Tu-bồ-đề, liền thưa với Tôn giả:

–Thưa Tôn giả! Đúng như Tôn giả đã suy nghĩ, pháp Sa-môn ấy xa lìa các cõi, không có cảnh giới, không lệ thuộc, không trói buộc cũng chẳng giải thoát. Tôn giả đã tự suy nghĩ: "Chắc chắn là tôi đã được Như Lai biến hóa ra", quả đúng như vậy. Hôm nay, tôi quan sát về thân mình là đối tượng biến hóa của Như Lai, tuy làm thân nữ nhưng hiểu rõ tất cả đều không. Vì sao? Vì Đức Như Lai Chí Chân đã giảng nói các pháp vốn không. Thân tôi cũng vậy, cũng vốn là không. Do đó, tôi đã được Đức Như Lai biến hóa ra.

Như sắc của Như Lai vốn không, cũng vậy, sắc của tôi cũng vốn là không. Vì thế, tôi là đối tượng biến hóa của Đức Như Lai. Như sự đau bệnh, ốm gầy, hành, thức… đều vốn là không, năm ấm cũng vậy, cũng đều vốn là không. Do đó, tôi đã được Như Lai biến hóa ra.

Như Lai vốn là không, tất cả chúng sinh cũng vốn là không, các bậc Thánh vốn là không, thân tôi cũng vậy, cũng vốn là không. Vì vậy nên nói rằng tôi là đối tượng biến hóa của Như Lai.

Như Lai vốn là không, tất cả các pháp cũng vốn không, tất cả nghĩa lý của đạo cũng vốn không, thân tôi cũng vậy, cũng vốn là không. Do đó, tôi đã được Đức Như Lai biến hóa ra.

Như Lai vốn không, không có sinh khởi cũng không có xứ sở, Như Lai vốn không nên không có sinh cũng chẳng có diệt. Cũng vậy, thân tôi cũng vốn không, chẳng sinh, chẳng diệt. Do đó, tôi là đối tượng biến hóa của Như Lai.

Như Lai vốn không, tất cả đều như huyễn. Cũng vậy, thân tôi cũng vốn không, vốn không có cả sự không sinh, không diệt. Vì thế, tôi đã được Đức Như Lai biến hóa ra.

Đối tượng biến hóa của Như Lai tất cả vốn đều là không, tất cả chúng sinh vốn không xứ sở, các pháp vốn không, chân lý sâu xa, chân thật của chúng cũng vốn là không, tất cả đều rỗng lặng, không hình tướng…

Lại nữa, thưa Tôn giả! Nói tóm lại, tất cả các pháp đều vốn là không. Vì thế, tôi là đối tượng biến hóa của Đức Như Lai.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi cô gái:

–Hôm nay, cô nhờ oai thần của Đức Phật để biết được suy nghĩ của tôi hay là tự mình biết rõ điều đó?

Cô gái đáp:

–Thưa Tôn giả! Có thể biết được tâm niệm của người khác sao? Từ Thanh văn, Duyên giác, các Bồ-tát cho đến các vị tiên đạt được năm thông,

các ngoại đạo… đều nhờ thần lực của Phật mà biết được. Vì sao? Vì tất cả đều đúng thời gian ứng hợp mà được nghe nhận lời dạy của Phật. Cũng như hôm nay, thưa Tôn giả, tôi biết được tâm niệm của chúng sinh cũng phải nhờ oai thần của Phật mới có thể biết được.

Như tất cả chúng sinh trong thiên hạ, nhờ ánh sáng mặt trời, mặt trăng, lửa, đuốc, đèn… các ánh sáng ở khắp mười phương... mới nhìn thấy được các sắc. Cũng vậy, thưa Tôn giả! Các đệ tử của Phật thấy được tâm chúng sinh có trí tuệ của bậc Thánh chiếu soi, tiêu trừ ngu si tối tăm, đạt được ánh sáng đạo… đều nhờ thần lực Phật.

Khi ấy, Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi cô gái:

–Xin hãy nói cho tôi biết, hôm nay, cô là ai và từ đâu đến đây mà có sự biện luận này?

Cô gái nói:

–Giả sử có người hỏi đối tượng được hóa tác của Phật: "Hôm nay, ngươi là ai và từ đâu đến" thì khi ấy, hóa Phật phải trả lời như thế nào?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Không thể đáp được.

Cô gái nói:

–Cũng vậy, thưa Tôn giả! Thân biến hóa ấy tự nhiên hiểu rõ pháp tướng. Tất cả những sự hiểu rõ như vậy cũng không thể biết được.

Rồi cô gái hỏi:

–Bây giờ tôi xin hỏi Tôn giả là vị Hữu học, là phàm phu hay là A-la-hán? Nếu được hỏi như thế thì phải trả lời thế nào?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Tôi không phải là vị Hữu học, không phải là phàm phu cũng chẳng phải là A-la-hán.

Cô gái lại hỏi:

–Tôn giả nương vào tâm để trả lời tôi phải không?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Đúng vậy. Còn cô thì trả lời tôi thế nào?

Cô gái nói:

–Nếu ở trong núi sâu, kêu lên một tiếng, có thể dùng tâm ý để trả lời nhau hay không?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Không thể. Vì tiếng vang nhờ hư không mà có âm thanh.

Cô gái hỏi:

–Tôn giả đã có thể đến được đạo, nhờ vào pháp hành mà được thể nhập vào đạo rồi chăng? Nhờ chứng được các minh, thành tựu công đức nên thấu rõ được âm thanh vốn không ngã, ngã sở, ngôn từ… đều như vậy, tất cả đều vốn không.

Khi ấy, trong hư không tự nhiên có âm thanh phát ra những lời khen ngợi như vậy. Cô gái nói lên những lời khiến cho Tôn giả Tu-bồ-đề từ xa nghe được âm thanh tự nhiên trong hư không ấy. Nghe xong, Tôn giả đáp:

–Tôi chẳng phải là Hữu học, chẳng phải là phàm phu cũng chẳng phải là A-la-hán.

Cô gái hỏi:

–Tôn giả đang thọ trì pháp gì, các lậu đã dứt sạch, đạt được định, chẳng phải là A-la-hán chăng?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Nếu đối tượng biến hóa của Như Lai tu hành đạt được nơi chốn thì tôi cũng thọ trì pháp như vậy.

Cô gái nói:

–Tôn giả chẳng phải A-la-hán, các lậu chưa diệt tận thì sao Đức Phật lại ngợi khen Tôn giả là người tu hành bậc nhất về pháp không trong số các Thanh văn?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Tôi chẳng phải A-la-hán, chưa diệt tận các lậu, cũng chẳng tu hành pháp không, chẳng phải được khen là người bậc nhất.

Cô gái lại hỏi:

–Thưa Tôn giả! Sao Tôn giả không để tâm được an lạc mà lại vọng ngữ như thế?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Giả sử tôi tự cho mình đã đạt trí tuệ thấu rõ các pháp, đã chứng quả A-la-hán, đã diệt tận các lậu, được Đức Thế Tôn khen ngợi là người tu hành bậc nhất về pháp không… khi đó chính là lúc tôi vọng ngữ, nói lưỡi đôi chiều. Tôi không biết pháp, không thấy mình đạt được gì, vì vậy, tôi không vọng ngữ, đó là lời nói chân thật.

Cô gái lại hỏi:

–Thưa Tôn giả! Các Thiên tử đã chứng ngộ chân lý đang vân tập nơi sân nhà để nghe nhận kinh pháp này, Tôn giả cũng cho là không thật chăng?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Đối với những vị đã chứng ngộ chân lý, chư Thiên và loài người đều không nên khinh thường.

Cô gái lại hỏi:

–Nếu Tôn giả có đối tượng nhìn thấy như vậy, tức Tôn giả không chân thật?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Người có đối tượng nhìn thấy thì không phải là chân thật hay sao?

Cô gái nói:

–Tôn giả đã nhìn thấy chân lý chắc thật vốn không thể thấy được. Thưa Tôn giả! Tôn giả có thể nhìn thấy chân lý chắc thật được chăng?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Nếu như lời cô nói thì tôi còn không thấy nghiệp dối gạt, huống nữa là được thấy chân lý chắc thật. Vì sao? Vì tất cả đều không.

Rồi Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

–Chân thật là gì?

Cô gái đáp:

–Thưa Tôn giả! Chân thật nghĩa là đối với tất cả các pháp đều không có đối tượng sinh khởi, người nào thấy có chân thật thì đó là người nhìn thấy điên đảo.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

–Vì sao cô lại nói như vậy?

Cô gái đáp:

–Thưa Tôn giả! Ở trong điên đảo mà không khởi phiền não thì cũng không thấy chân lý, đó chính là chân lý chắc thật, vì thấy ở trong điên đảo nên không thấy chân lý chắc thật.

Khi ấy, thấy cô gái này có nghiệp thân vi diệu, các Thiên tử đang vân tập nơi sân đều cúi đầu đảnh lễ cô gái và đảnh lễ Tôn giả Tu-bồ-đề, rồi nói:

–Thưa Tôn giả! Tôn giả đã được từ cô gái này nghe pháp biện tài như vậy.

Rồi các vị lại khen ngợi:

–Tôn giả đã được lợi ích lớn, thật đáng vui mừng. Nếu được nghe pháp này thì nên dốc lòng tin và vui mừng vì pháp này rất khó được gặp, huống là được thọ trì, công đức thật không thể suy lường.

Cô gái lại nói:

–Thưa Tôn giả! Giống như đất chấp nhận mọi thứ, sạch hay không sạch, thơm tho hay hôi thối, đất cũng không vì thế mà tăng giảm. Nếu người nào thực hành tâm bình đẳng thì đều nhẫn chịu tất cả khổ vui, không vì thế mà tiến hay lùi.

Giống như nước sạch tẩy rửa được tất cả các vật sạch dơ mà không hề thương ghét. Cũng vậy, tâm của hành giả cũng giống như nước, có thể trừ sạch những nhơ uế tham, sân, si, đối với thiện, ác không có tâm tăng giảm.

Lại, giống như lửa đốt cháy rụi các vật. Cũng vậy, hành giả làm tiêu trừ hết mọi họa, phước, nếu gặp hai loại khó giáo hóa, tâm cũng luôn bình đẳng không tăng không giảm.

Giống như gió thổi lên làm bay mọi vật nhưng không hề có thương ghét. Cũng vậy, hành giả nếu gặp khổ vui, hiền ngu, sạch nhơ… đều không có tâm tăng giảm.

Giống như hư không chấp nhận mọi vật, nhưng hư không cũng không nghĩ mình nhận hay không nhận. Cũng vậy, hành giả có tâm bình đẳng như hư không, không tăng không giảm, gặp điều thiện, ác đều không vui không giận.

Giống như cầu, thuyền, tất cả mọi người, từ vua cho đến tiểu nhân, giàu nghèo, lớn nhỏ đều nhờ đó mà qua sông qua biển được, mà cầu, thuyền không hề phân biệt. Người thực hành tâm bình đẳng cũng vậy, tâm ý như cầu, thuyền, không giận, không vui, bạn - thù như một, đối với bậc hiền có trí tuệ sáng suốt cho đến kẻ phàm phu, trí tuệ bậc Thánh vẫn luôn tịch tĩnh, tâm không phân biệt. Vì sao? Thưa Tôn giả! Đối với người giận dữ, thù hận, bậc hiền sĩ đều nên nhẫn nhục, không nên đáp trả, như vậy sẽ khiến cho họ không còn sân hận.

Giống như khi lửa vừa cháy thì nên dập tắt liền, đừng để lửa bùng cháy mạnh. Cũng vậy, thưa Tôn giả! Khi tham dục, phiền não vừa sinh khởi thì phải chế ngự tâm, đừng để tâm buông lung, như vậy sẽ đạt được chánh định.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi cô gái:

–Cô chí nguyện mong cầu điều gì mà lại nói lời như tiếng gầm sư tử như vậy?

Cô gái đáp:

–Nếu có mong cầu thì không thể nói lời như tiếng gầm sư tử, không

có chí mong cầu điều gì mới chính là tiếng gầm của sư tử. Vì sao? Vì người có mong cầu thì liền rơi vào điên đảo, vì điên đảo nên không thể gầm tiếng gầm của sư tử. Nếu có mong cầu liền vì tham thân, bị rơi vào các kiến chấp, không thể gầm lên tiếng gầm sư tử. Lại nữa, Tôn giả hỏi tôi vì mong cầu điều gì mà lại gầm lên tiếng gầm sư tử, vậy Tôn giả vì mong cầu điều gì mà diệt tận các lậu, được tâm giải thoát?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Cô muốn biết điều đó sao không chí nguyện mong cầu để đạt giải thoát?

Cô gái nói:

–Lúc trước, Tôn giả vốn không mong cầu mà được diệt tận các lậu và đạt tâm giải thoát chăng? Tôi cũng đạt được điều không mong cầu như vậy và ở trong pháp giới tu hành điều không có đối tượng đạt được.

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Tôi quan sát thấy nhất định là cô có chí nguyện Đại thừa, vì thế mới nói pháp như tiếng gầm sư tử, mọi cử chỉ tới lui, lời lẽ nói năng của cô đều giống bậc tu Đại thừa.

Cô gái hỏi:

–Chẳng lý nào có thể biết được cử chỉ tới lui, dấu hiệu của bậc Đại thừa hay sao?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Thanh văn tuy nghe được nhưng không thể diễn nói được đối tượng nhìn thấy của Đại thừa. Chỉ có cô mới có thể diễn nói được Đại thừa, thực hành pháp vi diệu sâu xa và giảng nói cho tất cả.

Cô gái nói:

–Thưa Tôn giả! Bậc Đại thừa không gì trở ngại được, trí tuệ không hề bị che lấp, nghĩa là các vị rất sáng suốt, tâm không phân biệt, giống như mặt trời, mặt trăng đi mạnh mẽ ngang qua trước chư Thiên một cách tự nhiên, không trở ngại, không gì có thể ngăn che, ở giữa hư không mà chiếu sáng nhanh chóng, đi đến khắp bốn cõi thiên hạ, chiếu sáng cõi Diêm-phù-đề, làm cho chúng sinh đâu đâu cũng được nương nhờ ánh sáng… Bậc chân chánh tu học pháp Đại thừa cũng vậy, không bị trở ngại, không gì có thể che lấp được, tâm ý bình đẳng, an trụ nơi không có chỗ trụ, thực hành kính vâng theo sáu pháp Ba-la-mật, hiển bày ánh sáng tất cả pháp ở khắp mười phương, cho nên gọi là Đại thừa.

Như vua Chuyển luân du hành và ở khắp bốn châu, bậc Đại sĩ Bồ-

tát cũng đến nhiều nơi, ở trong các loài chúng sinh, những người làm điều ác… mà bình đẳng thực hành tâm Từ. Bậc Đại sĩ chân chánh như thế, đi đến chỗ nào cũng có thể chỉ đi một mình. Đối với Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, loài người, ở trong nước thành, châu huyện… làm lợi ích cho chúng sinh, Bồ-tát còn thực hiện báo đáp bốn ân để giáo hóa chúng sinh tu hành cung kính như vậy, cho nên gọi là Đại thừa.

Bậc Thánh hiền chân chánh, nhờ có trí tuệ sáng suốt nên thông đạt đối với tất cả các Trời, Rồng, Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Đế Thích, Phạm vương, bốn vị trời Hộ thế…, dùng các hạnh chân chánh bình đẳng để đưa họ đến chân lý chắc thật, để họ được kính vâng thực hành theo, vì thế gọi là Đại thừa.

Thưa Tôn giả! Chỉ có bậc Đại thừa là không thể cùng tận, không có đối tượng sinh khởi, không gián đoạn sự giáo hóa của Đức Phật và ba ngôi báu, thưa hỏi, nghe nhận những hạnh nghiệp đạo pháp, trí tuệ của Phật và phụng sự Thánh chúng. Bậc Đại thừa dùng ánh sáng trí tuệ lớn để giáo hóa chúng sinh, đầy đủ hoàn hảo sự vi diệu rộng lớn, không có các hành nhỏ nhặt, thực hành những pháp chân chánh, giảng nói đầy đủ về sáu pháp Ba-la-mật, lấy việc thực hành báo đáp bốn ân để giáo hóa những người nguy khốn, định tĩnh, đĩnh đạc, tu hành tám Chánh đạo, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, thực hành tâm Từ và tâm Bi vô lượng, an trụ kiên cố trong đại đạo, dùng Nhất thiết trí để dứt hẳn mọi lo sợ, thu phục các ma, lìa xa tăm tối, hiển bày ánh sáng trí tuệ, đầy đủ các công đức và các hạnh, được chư Thiên, loài người, A-tu-la quay về nương tựa, các ma và ngoại đạo đều quy phục, tất cả các Thanh văn, Duyên giác, không ai không tôn kính. Bậc Đại thừa giáo hóa những người không có lòng tin làm cho họ dốc lòng tin và ưa thích chánh pháp, dùng tâm Từ bi thương những người giận dữ, làm hại, dùng tâm nhẫn nhục để giáo hóa người hung dữ, dùng tinh tấn để hóa độ người biếng trễ, dùng nhất tâm để giáo hóa người loạn động, dùng trí tuệ để hóa độ người ngu, dùng tiền của để giáo hóa người nghèo hèn, dùng an ổn để giáo hóa người bị khổ nạn và dùng tâm hoan hỷ để giáo hóa những người trí tuệ… Vì thế nên gọi là Đại thừa.

-oOo-

Phẩm 3: Khất thực

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề nói với cô gái:

–Xin cô hãy giảng nói, khen ngợi về tất cả các hạnh nghiệp Đại thừa.

Cô gái nói:

–Giả sử dù kiếp này qua kiếp nọ diễn nói về Đại thừa, tôi cũng không thể nào nói cùng tận, vì hạnh nghiệp của Đại thừa không thể suy lường được. Công đức và tên gọi của Đại thừa cũng không thể xưng kể.

Tôn giả Tu-bồ-đề lại nói với cô gái:

–Cô đã hỏi tôi vì sao lại đi khất thực, vì Đức Như Lai Chí Chân cũng đi khất thực. Tôi thực hành theo Như Lai không dám trái vượt.

Cô gái nói:

–Thưa Tôn giả! Tôn giả đã có thể biết được phương tiện thiện xảo của chư Phật, vì muốn giáo hóa chúng sinh mà đi khất thực.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

–Cô cũng thực hành các hạnh như vậy của Phật với ý nghĩa tùy thời. Tôi thì không thể giảng nói ý nghĩa ấy, vậy thì tu hành theo phương tiện thiện xảo lại chỉ là đi khất thực thôi sao?

Cô gái đáp:

–Xin Tôn giả hãy lắng nghe! Đức Như Lai Chí Chân vì hai mươi việc, quan sát nghi tắc của pháp mà đi khất thực. Hai mươi điều ấy gồm:

1. Vì hiện bày sắc thân, tướng mạo vi diệu trang nghiêm.

2. Vì người đi theo Như Lai khất thực để học hỏi chánh pháp.

3. Vì hoặc có chúng sinh tu tập theo ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm của Phật.

4. Vì người quan sát thân Như Lai đầy đủ sự trang nghiêm.

5. Có đầy đủ các tướng tốt đúng như pháp.

6. Vì khiến cho chúng sinh phát tâm cầu đạo quả Chánh chân Vô thượng.

7. Vì người nhớ nghĩ về Như Lai nên theo đúng như pháp mà khất thực.

8. Vì Như Lai vào thành ấp, xóm làng nào để khất thực thì thành ấp, xóm làng ấy đều được an ổn.

9. Vì khiến cho người mù được nhìn thấy các hình sắc.

10. Vì khiến cho người điếc được nghe rõ các âm thanh.

11. Vì khiến cho người loạn tâm, mê lầm được định tĩnh tâm ý.

12. Vì khiến cho người không có y phục được y phục.

13. Vì khiến cho người đói có được thức ăn.

14. Vì khiến cho người khát có được nước uống.

15. Vì khiến cho người bị bệnh mau được thuyên giảm.

16. Không giận, không si.

17. Không tham, không ganh ghét.

18. Không hận, không bực tức, cũng không tự đại.

19. Tâm không phiền não, thương yêu tất cả chúng sinh.

20. Nghĩ đến vô số chúng sinh, đều xem như cha mẹ của mình.

Đó là hai mươi việc.

Nếu Như Lai vào thành ấp, xóm làng để khất thực thì chúng sinh nào được gặp Như Lai đều phát tâm cầu đạo quả Chánh chân Vô thượng.

Lại nữa, thưa Tôn giả! Đức Thế Tôn đại Bi giáo hóa vô số chúng sinh khổ não, Đức Thế Tôn đến tất cả mọi nơi trong ba cõi để tùy thời cứu giúp. Như Lai thị hiện các ý nghĩa đều được tự tại nên Đức Thế Tôn thực hành khất thực. Thưa Tôn giả! Khi Như Lai vào các thành ấp, xóm làng để khất thực, vô số chư Thiên, Rồng, Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Đế Thích, Phạm vương và bốn vua trời Hộ thế đều theo hầu hạ, phụng sự, cúng dường, nương oai thần Phật để phát tâm đạo.

Lại nữa, thưa Tôn giả! Các vị Trời, Rồng, Thần, Đế Thích, Phạm vương nhờ cúng dường Đức Như Lai, thấy thân Như Lai, nên tâm đạo sáng suốt vô biên, hoàn toàn định tĩnh, họ tự suy nghĩ: "Thật là chưa từng có! Đức Như Lai Chí Chân giảng nói các pháp, chúng ta đều được nghe nhận, ưa thích thực hành theo kinh pháp và quay về nương tựa Như Lai. Vì phát tâm đạo rộng lớn nên Đức Như Lai đi khất thực."

Thưa Tôn giả! Đức Như Lai khất thực vô số hạng người, người ưa chức quan, ham thích tiền của và sự giàu sang, người mong có sắc đẹp, người cầu có được nhiều quyến thuộc, cho đến vua Chuyển luân được gặp Phật Thế Tôn cũng liền bỏ ngôi vua xuất gia tu đạo, họ suy nghĩ: "Đức Phật vì lòng đại Bi mà đến nhà nghèo khổ để khất thực, vì từ bỏ lợi lộc ở đời, phát tâm cầu đạo quả Chánh chân Vô thượng mà khất thực."

Thưa Tôn giả! Các vị Thần, Thiên tử, Phạm thiên nương thần lực Phật mà được nhìn thấy Như Lai, các vị suy nghĩ: "Như Lai luôn luôn no đủ chưa từng đói khát, vì thương chúng sinh nên Ngài cùng các đệ tử đi khất thực. Chúng ta nên ngày đêm chí thành tinh tấn cầu đạo quả Chánh giác, rồi cùng với quyến thuộc đều đi khất thực." Suy nghĩ xong, các vị đều phát tâm cầu đại đạo.

Thưa Tôn giả! Nếu những người biếng nhác mà được thấy Đức Như

Lai trong các thành ấp, xóm làng, tâm liền hoan hỷ cúi đầu kính lễ quy y, phát tâm bình đẳng cầu đạo quả Chánh giác tối thượng.

Thưa Tôn giả! Được thấy chư Phật Thế Tôn thì không bao giờ hư dối, những người được nghe âm thanh của Ngài, vừa phát tâm thì liền đạt được căn bản của đạo, nhờ đó chắc chắn sẽ được giải thoát. Vì thế nên Như Lai thực hành khất thực.

Thưa Tôn giả! Đức Như Lai vào các thành ấp, xóm làng, những người bị giam cầm trong lao tù đều được giải thoát. Chúng sinh nào nghe được danh hiệu Như Lai, nương theo lời dạy của Như Lai tự nhiên được giải thoát, vì muốn báo ân của đấng Đại từ nên phát tâm cầu đạo Chánh chân Vô thượng. Vì vậy, nên Đức Như Lai thị hiện khất thực.

Thưa Tôn giả! Nếu thiện nam, thiện nữ nào nghe các công đức của Như Lai, khen ngợi và niệm danh hiệu của Ngài, cúng dường Như Lai những thực phẩm hảo hạng, y phục, đồ nằm và các vật dụng khác. Những người vì phải cung kính phụng dưỡng cha mẹ, đỡ đần anh chị em, hoặc bận bịu chồng vợ, con cháu nên không thể đến để phụng sự và gặp Như Lai, vì thế nên Đức Như Lai phải vào các thành ấp, xóm làng để khất thực, những người ấy sẽ rất hoan hỷ được cúng dường Đức Phật, tất cả đều phát tâm cầu đạo quả Chánh chân Vô thượng.

Thưa Tôn giả! Bốn vua trời Hộ thế cúng dường vào bình bát Đức Như Lai, những người nghèo khổ có ít tiền của mà muốn cúng dường một ít thực phẩm cho Đức Như Lai, khi nhìn vào bình bát của Ngài thì bát tự nhiên đầy thực phẩm, còn những người giàu có, nhiều của cải, muốn cúng dường Như Lai thật nhiều, khi nhìn vào bình bát thì thấy bát trống không, liền cúng dường Như Lai, tất cả những người ấy đều phát tâm cầu đạo quả Chánh chân Vô thượng. Vì thế nên Đức Như Lai đi khất thực.

Thưa Tôn giả! Giả sử Đức Như Lai nhận vô số thực phẩm đều đựng trong một bình bát, dù trăm ngàn bát thức ăn cũng đều đựng trong một bình bát, vô số chư Thiên, Rồng, Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già thấy Đức Như Lai thị hiện biến hóa đều phát khởi tâm thiện chưa từng có, tất cả đều phát tâm cầu đạo quả Chánh chân Vô thượng. Vì vậy nên Đức Như Lai thực hành khất thực.

Thưa Tôn giả! Thân Như Lai như kim cương, vô lượng phước đức. Thân Như Lai không có sinh tạng, thục tạng, cũng không có những vật bất tịnh như đại tiện, tiểu tiện, không bị đói khát nhưng vẫn thị hiện khất thực và có sự ăn uống, người không chấp vào các nhập mới thấy được Như Lai hiển bày ánh sáng pháp chân chánh về trí tuệ lớn, nhờ đó mà được phát

tâm cầu chánh đạo.

Thưa Tôn giả! Nếu có chúng sinh cúng dường thực phẩm cho Đức Như Lai, nhiều hay ít, thô hay tế, ngon hay dở đều kính dâng Như Lai thì đều vun trồng được cội rễ công đức và tạo được phước lành không thể suy lường, không thể tính kể, huống nữa là cúng dường rộng lớn bằng cả cõi trời, người, phước đức không thể cùng tận, sẽ đạt được diệt độ. Vì thế mà Đức Như Lai đi khất thực.

Lại nữa, thưa Tôn giả! Đức Như Lai có các Tam-muội Chánh thọ, vô số các vị Thần, Trời, Phạm vương, các Thiên tử… thấy Đức Như Lai đi khất thực nhưng vẫn không ra khỏi Tam-muội, các vị suy nghĩ: "Hôm nay Đức Phật vì thương chúng sinh nên mới đi khất thực, không phải vì đói nghèo." Các vị trời và loài người thấy được điều lợi ích này đều phát tâm cầu đạo. Vì thế nên Đức Như Lai đi khất thực.

Thưa Tôn giả! Đức Như Lai luôn luôn thực hành khất thực với sự tự tại của bậc Thánh hiền, không hề có tâm tham lam, ganh ghét, cũng không vì sự ăn uống. Ngài vì những người có lòng tin mà giảng nói pháp, khiến cho họ được xuất gia học đạo và để giáo hóa các thiện nam, thiện nữ, nên Ngài đi khất thực.

Đối với những người đói khát, không được ăn uống, không thể tự đến với đạo để tạo phước đức, vì muốn khiến cho những người ấy được viên mãn các nguyện nên Đức Như Lai đi khất thực.

Lại nữa, thưa Tôn giả! Như Lai tự thực hành khất thực theo pháp của Thánh hiền để hóa độ những người chưa đạt bậc Thánh hiền, cứu giúp cho những người bị trở ngại, khiến họ không còn gì vướng mắc, giúp họ đạt được Trí tuệ ba-la-mật, phát tâm cầu đại đạo.

Lại nữa, thưa Tôn giả! Đức Như Lai vì thương các xứ sở biên địa vào đời vị lai nên Ngài đi khất thực. Vào đời vị lai, có những Trưởng giả, Phạm chí không kính tin đạo pháp, sẽ suy nghĩ: "Bậc Thánh Sư không đi khất thực, sao các đệ tử của Bậc Thánh lại đi khất thực" và các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đều buồn bực không vui. Vì thế, Đức Phật đi khất thực. Còn nếu thấy Phật đi khất thực, họ lại suy nghĩ: "Đức Phật Vô Thượng Tôn vì thương chúng sinh nên Ngài đi khất thực thì vì sao các đệ tử học pháp của Phật lại không đi khất thực, chúng tôi xin sẽ đích thân cúng dường." Các đệ tử đều vâng lời Phật dạy mà đi khất thực. Những trưởng giả, phạm chí ấy thấy vậy đều rất hoan hỷ và họ cúng dường tất cả các Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni. Vì vậy, Đức Như Lai đi khất thực.

Lại nữa, thưa Tôn giả! Các vua chúa, thái tử, trưởng giả, phạm chí,

đại thần và các quan lại, được gặp Đức Như Lai Chánh chân Vô thượng, có nhiều người kính tin ưa thích đạo pháp nên họ xuất gia làm Sa-môn. Nhưng những người ấy lại xấu hổ, không chịu đi khất thực: "Chúng ta là những người dòng dõi cao quý, giàu sang, xuất gia làm Sa-môn, hôm nay lại đi đến những nhà thứ dân nghèo khổ, thấp hèn để khất thực sao?" Vì thế Đức Như Lai đi khất thực. Họ suy nghĩ: "Như Lai có phước đức lớn như hư không mà Ngài còn thương chúng sinh mà đi khất thực, huống nữa là chúng ta." Nghĩ như thế nên họ không hề thấy xấu hổ mà lại càng rất thương yêu những người thấp hèn và ưa thích đi khất thực.

Lại nữa, thưa Tôn giả! Đức Như Lai tùy theo các tập tục ở thế gian mà giáo hóa họ, người ứng hợp với giới luật thì Đức Như Lai dạy giới luật… tùy theo đối tượng mà Đức Như Lai đều giáo hóa tất cả, Như Lai thị hiện phương tiện khiến cho chúng sinh không ai bị các nạn đói khát, ốm gầy, không còn bỏn sẻn, ganh ghét, không còn các điều ác và Như Lai giải quyết mọi nghi ngờ cho họ.

Vì vô lượng phương tiện để cứu độ chúng sinh nên Như Lai đi khất thực, giúp cho chúng sinh vượt qua tăm tối và thấy được ánh sáng chánh đạo…

Rồi cô gái lại thưa Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Thưa Tôn giả! Xin Tôn giả hãy tạo phương tiện tùy thời để khất thực như vậy, giống như Đức Như Lai kiến lập sự tu hành thanh tịnh nên Như Lai đi khất thực.

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Tôi không thể làm được. Giống như tất cả những chồn, cáo, thỏ, nai, côn trùng… ở nơi đồng trống không thể dám đi một mình như sư tử chúa. Cũng vậy, tất cả các thừa Thanh văn, Duyên giác đều không thể thực hiện được phương tiện thiện xảo, đầy đủ oai thần như Đức Như Lai, làm an ổn cho tất cả chúng sinh bằng tâm đại Từ, đại Bi.

Khi cô gái giảng nói pháp về Đức Như Lai đại Bi thực hành phương tiện thiện xảo, hai trưởng giả cha mẹ của cô gái, mọi người lớn nhỏ trong nhà và các trưởng giả khác đều vào nhà để nghe cô gái nói pháp, hai vạn tám trăm người đều phát tâm cầu đạo quả Chánh chân Vô thượng.

❑

KINH THUẬN QUYỀN PHƯƠNG TIỆN

QUYỂN HẠ

Phẩm 4: Tên gọi giả

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

–Cô ra khỏi cửa còn chồng cô ở đâu?

Cô gái đáp:

–Thưa Tôn giả! Chồng tôi không phải chỉ một người. Vì sao? Giả sử có các chúng sinh ưa thích siêng năng tu hành, không buông lung tâm ý, thực hành theo phương tiện thiện xảo thì các chúng sinh ấy đều là chồng tôi.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

–Thế nào là ưa thích thực hành theo phương tiện thiện xảo?

Cô gái đáp:

–Thưa Tôn giả! Nếu có chúng sinh ưa thích tất cả các dục lạc thì tôi cho họ những sự dục lạc ấy, sau đó, tôi dùng phương tiện giúp họ phát tâm cầu đại đạo. Nếu có chúng sinh nhờ nơi ái dục mà biết giữ gìn giới luật, tôi cũng cho họ được hưởng những sự ái dục ấy, rồi sau đó, tôi rời xa họ, dùng phương tiện thiện xảo tùy thời giáo hóa họ.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

–Từ ban đầu, Đức Như Lai làm gì có sự cho phép ưa thích dục lạc, Ngài có tùy thời nghĩ đến thế nào đi nữa cũng không trái với giáo pháp. Đức Như Lai Chí Chân chưa bao giờ dạy người khác làm theo sự ái dục.

Cô gái đáp:

–Tôn giả không nghe hay sao? Đức Phật đã dạy: Tỳ-kheo nào tùy ý ưa thích y phục, thực phẩm, đồ nằm ngồi, thuốc thang trị bệnh, hoặc chỗ ở... đều nên bình đẳng ban cho họ, rồi sau đó, các Hòa thượng, A-xà-lê dạy cho họ được thể nhập đại đạo.

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Đúng vậy, đúng như lời cô nói.

Cô gái lại nói:

–Vì vậy, Tôn giả nên hiểu rõ, Đức Như Lai cũng cho phép tùy thời nghi thuận theo dục lạc, dùng phương tiện thiện xảo này để hóa độ chúng sinh.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

–Những chúng sinh nào được giáo hóa bằng phương tiện thiện xảo tùy theo dục lạc này?

Cô gái đáp:

–Nếu có thể đếm được có bao nhiêu vì sao trong tam thiên đại thiên thế giới này thì các chúng sinh được tôi hóa độ bằng phương tiện thiện xảo tùy thuận dục lạc cũng nhiều ngần ấy và tôi cũng khiến cho những người phát tâm cầu đạo quả Chánh chân Vô thượng nhiều không thể tính kể.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

–Cô dùng phương tiện thiện xảo để ban dục lạc cho người khác như thế nào?

Cô gái đáp:

–Nếu có chúng sinh ưa thích sinh về cõi Phạm thiên, tôi tu phạm hạnh, tùy theo họ tu vô lượng các thiền, đạt được sự an lạc trong thiền rồi, sau đó, tôi mới giáo hóa họ hướng về Phật đạo. Hoặc có chúng sinh thích cõi trời Đế Thích, tôi thị hiện ban cho họ niềm an vui của cõi trời Đế Thích, sau đó, thị hiện pháp vô thường của cõi trời này, nhân đó, giáo hóa khiến cho họ phát tâm cầu chánh đạo.

Nếu có chúng sinh ưa thích cõi Trời, Rồng, Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già…, tôi đều thị hiện cho họ những sự vui thích trong các cõi ấy, sau đó, biến hóa tất cả những cõi ấy đều không thật có và hóa độ khiến họ phát tâm cầu đại đạo.

Nếu có chúng sinh thích ngôi vị Chuyển luân vương, hoặc thích chức vị đại thần, quan lại trấn giữ các châu huyện, quân tử, Phạm chí, hoặc chỉ thích làm thường dân, hoặc có người thích các pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc… nhỏ nhiệm, trơn láng, hoặc thích ngửi hương hoa, thích hương xoa thân, y phục, dù lọng, hoặc thích vàng, bạc, ngọc minh nguyệt, thủy tinh, lưu ly, xa cừ, mã não, bạch ngọc, châu báu... vô số người ưa thích nhiều loại khác nhau không thể tính kể… hoặc có người thích đàn trống, múa hát, những loại âm thanh khơi gợi dục tình, lời lẽ bi thương… tôi đều tùy theo ý muốn của họ làm cho họ được vừa ý. Sau đó mới khuyên họ phát tâm cầu chánh đạo, giải thoát chúng sinh. Tùy theo căn cơ thượng, trung, hạ của họ, tôi đều khiến họ được lợi ích.

Tôn giả Tu-bồ-đề nói với cô gái:

–Nếu mong cầu đạt được Thánh đạo thì liền bị ngăn che, không có pháp mong cầu mới không bị chướng ngại. Một người nào mà được hóa độ nhờ ứng hợp với giới luật, xa lìa nhân duyên mà được pháp chưa từng có, đó là điều rất khó. Sự hành hóa của Bồ-tát Đại sĩ nhiều vô lượng, các vị dùng pháp này để tạo nghiệp phước vô thượng, các vị cũng dùng pháp này để giáo hóa chúng sinh, khiến họ được thuận hợp với giới luật. Tôi rất lấy làm vui mừng.

Khi ấy có hai người con của Trưởng giả đồng đến trong chúng hội nơi sân nhà cô gái để nghe pháp. Nghe cô gái giảng nói về pháp phương tiện thiện xảo, tùy theo sự ưa thích dục lạc của chúng sinh mà hóa độ, khiến cho họ phát tâm cầu đạo quả Chánh chân Vô thượng. Hai Đồng tử thưa Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Thưa Tôn giả! Tôn giả không nên dùng trí tuệ của mình mà nói về trí tuệ của Bồ-tát, cảnh giới trí tuệ của Tôn giả như thế nào? Như ánh sáng của đom đóm, có thể chiếu sáng một vùng bóng tối bằng bàn tay hay không?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Này thiện nam! Ánh sáng của đom đóm không đủ chiếu sáng một bàn tay.

–Cũng vậy, thưa Tôn giả! Những thiện nam, thiện nữ học theo thừa Thanh văn đức mỏng, phước mỏng, ánh sáng phước đức và trí tuệ vừa chợt nghĩ đến không bao lâu liền mong đến diệt độ. Giống như trong kiếp lửa thiêu đốt tất cả những dòng nước trong sông Hằng, trong suối nguồn có thể dập tắt lửa được không?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Giả sử tất cả những dòng nước trong trăm ngàn vạn ức biển, sông ngòi cũng không thể dập tắt được ngọn lửa hừng hực trong kiếp thiêu, huống chi là nước trong các sông suối.

Cô gái nói:

–Thưa Tôn giả! Cũng vậy, ánh sáng trí tuệ của các Bồ-tát không thể suy lường, oai đức cũng không thể tính kể. Giả sử Bồ-tát có hưởng năm dục lạc trong các kiếp nhiều như cát sông Hằng đi nữa, trí tuệ cũng vẫn không hết. Ánh sáng công đức trí tuệ của Bồ-tát cao vời lồng lộng vô cùng.

Thưa Tôn giả! Như người nghèo khổ bị bệnh nguy khốn, có vị thầy thuốc đến tùy bệnh cho thuốc. Bệnh nặng nhẹ gì người ấy cũng được

thuyên giảm, người ấy uống thuốc rất dễ dàng, vì tự biết mình nghèo hèn, phước mỏng, cố gắng tự chịu uống đắng để được lành bệnh. Vì sao? Vì người nghèo tự biết mình không có nhiều tiền của.

Thưa Tôn giả! Cũng vậy, những người tu theo thừa Thanh văn luôn biết vừa đủ, không ham muốn, ở chỗ vắng vẻ, từ bỏ bỏn sẻn, ganh ghét, nhưng vì ít hiểu biết nên phải chịu tất cả những khổ não. Sau đó mới được diệt tận các lậu, được tâm giải thoát. Nên biết như vậy.

Thưa Tôn giả! Như người nghèo khổ được uống thuốc thang nên được hết bệnh, đó là sự giải thoát của thừa Thanh văn.

Lại như vị quốc vương trên đỉnh đầu có oai tướng, khi bị bệnh có ngự y lo thuốc thang chữa trị, dùng loại thuốc của bậc đế vương có màu đẹp vị ngon, uống vào thì mặt mày, đầu cổ đều được an ổn, thân thể không còn đau bệnh vì thuốc có đầy đủ các vị. Vị quốc vương có đầy vàng, bạc, châu báu, có nhiều loại hương hoa thơm xông ướp thân, có các âm nhạc luôn luôn nghe vui tai… vậy thì vị quốc vương ấy có gì phải lo sợ, buồn rầu không?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Không có gì phải lo sầu. Vì quốc vương ấy có nhiều loại thuốc quý để trị bệnh, dùng nhiều âm nhạc để giải trí, tất cả những bệnh tật đều được tiêu trừ, hoàn toàn an ổn.

Cô gái nói:

–Thưa Tôn giả! Cũng vậy, nếu Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo bằng tất cả những dục lạc, ưa thích tất cả những niềm vui đạo pháp, tự an vui tu hành tự tâm, rồi thọ nhận tất cả các dục lạc, cho đến khi đạt đạo Chánh chân Vô thượng, thành bậc Chánh giác tối tôn.

Thưa Tôn giả! Vì vậy cũng như vị thầy thuốc dùng thuốc để trị bệnh, Bồ-tát hiển bày trí tuệ như vậy để giáo hóa chúng sinh.

Lại nữa, thưa Tôn giả! Năm dục vốn không nguồn gốc cũng không xứ sở. Bồ-tát thọ nhận năm dục mà vẫn hiểu rõ mình đang làm điều gì. Vì năm dục không có phước đức thì các công đức cũng không thể đạt, cũng đều không thật có, Nhất thiết trí cũng không thể thủ đắc, không có tên gọi. Nếu nhận những điều đó cũng chỉ là thân đạt được các tưởng. Những gì là có đạo? Những gì là không có đạo? Năm ấm vốn rỗng lặng, sự rỗng lặng cũng trống không, nếu nhận được điều đó tức cũng chẳng có các dục lạc. Nhàm chán và không hề mong cầu các dục lạc, đó là chí nguyện về đạo. Bị năm ấm rượt đuổi, không thể định tâm, đó gọi là không có đạo.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi hai người con trưởng giả:

–Cô gái này là gì của hai vị?

Hai vị Đồng tử chắp tay nói kệ:

Đây: bậc cha mẹ tôi
Từ bi ban an ổn
Người thân thiết của tôi
Bậc Thế Tôn Vô thượng.
Các oai thần như vậy
Đạt được các công đức
Nhóm họp đủ các hạnh
Giải thoát vô số khổ.
Giảng nói kinh pháp này
Đầy đủ các hạnh nghiệp
Ban niềm vui trí tuệ
Tâm thực hành pháp không.
Diễn bày các kinh pháp
Khiến tất cả tinh tấn
Cho tôi niềm vui pháp
Giáo hóa về hạnh không.
Từ bỏ nơi gia đình
Như lửa đốt cháy thân
Khéo dùng phương tiện này
Diệt trừ lưới phiền não.
Như trừ rắn độc cắn
Dứt bỏ các độc hại
Các tham dục cũng vậy
Ân ái làm thương tổn.
Như người bị nạn lửa
Phải mau dập tắt lửa
Lửa phiền não cũng thế
Muốn thoát nạn tham dục.
Phải hiểu rõ nghĩa pháp
Để tiêu trừ sợ hãi
Nhờ trừ các nạn này
Ánh sáng trí tuệ hiện.
Tôi chẳng ham tham dục
Do đó đạt trí tuệ
Các nghĩa không có nghĩa
Là tham dục thế gian.

Khi ấy, Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi cô gái:

–Cô dùng phương tiện thiện xảo như thế nào để không bỏ tất cả chúng sinh, tùy theo thời nghi mà giáo hóa cho tất cả?

Cô gái đáp:

–Thưa Tôn giả! Ở đời, người nữ thường nhiều dục lạc, không biết nhàm chán như người nam, tâm ý người nữ lúc nào cũng ưa thích dục lạc. Vì vậy, Bồ-tát thực hành phương tiện thiện xảo để giáo hóa họ, các vị luôn thị hiện thân nữ để hóa độ, vì thân người nam không thể thị hiện vào chỗ các dâm nữ.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

–Hiện nay, cô đang làm thân người nữ để giáo hóa người nữ đó chăng?

Khi ấy, trong khoảnh khắc, cô gái chuyển thân nữ thành thân đồng nam khoảng mười hai tuổi, vì hai người con Trưởng giả mà mặc y phục của người nam thanh tịnh, rồi hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Thưa Tôn giả! Tôn giả là phàm phu hay là bậc Hữu học?

Tôn giả đáp:

–Tôi không phải phàm phu cũng chẳng phải là bậc Hữu học.

Cô gái nói:

–Thưa Tôn giả! Cũng vậy, tôi chẳng phải nam cũng chẳng phải nữ.

Khi ấy, Tôn giả Tu-bồ-đề nghĩ: "Đồng nam này quả là người thành tựu hạnh nghiệp trí tuệ vi diệu, sâu xa của Bồ-tát nên mới nói như vậy." Biết được suy nghĩ của Tôn giả Tu-bồ-đề, vị đồng nam hỏi:

–Thưa Tôn giả! Thế nào là diệt tận các lậu? Xin Tôn giả hãy giảng nói rõ ý nghĩa chung quy của chúng?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Tôi chẳng phải là bậc đã diệt tận các lậu.

Đồng nam ấy lại hỏi:

–Các lậu là gì? Quá khứ, hiện tại, vị lai, các lậu đều không thể diệt tận, quá khứ đã diệt tận, hiện tại thì không ngừng chỗ nào, vị lai thì chưa đến. Diệt tận các lậu đời vị lai thì không thể được, nên cũng không diệt tận. Các lậu trong hiện tại, đã quay về sự diệt tận nhưng không ở chỗ nào, nên cũng không thể diệt tận…

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Này thiện nam! Tôi thật sự không thể đáp lời ấy được. Bây giờ đã

sắp quá giờ ngọ, tôi chỉ muốn khất thực để khỏi phải ăn phi thời.

Khi đó, vị đồng nam có pháp Tam-muội tên là Phổ châu phật độ diệu hoa, vị ấy dùng Tam-muội này để nhập vào chánh định. Khi vị đồng nam ấy nhập vào Tam-muội, Tôn giả Tu-bồ-đề từ xa nhìn thấy từ nơi thân vị ấy hiện ra tất cả các cõi Phật nhiều không thể tính kể ở khắp mười phương, còn đồng nam ấy thì đứng hầu bên Phật. Ở các cõi Phật ấy, nơi thì mặt trời vừa mọc chiếu sáng thiên hạ, nơi thì vào giờ ăn sáng, nơi thì giữa buổi sáng, chỗ thì sắp đúng giờ ăn trưa, nơi thì ngay lúc đánh kiền chùy, chỗ thì đang ngay giờ thọ thực, có nơi thì đã dùng cơm xong và đang rửa bát, cũng có cõi Phật đang vào giờ đi khất thực, có chỗ đang đúng giữa ngọ, có nơi vào lúc quá buổi trưa, có chỗ đang lúc đầu đêm, có nơi đang nửa đêm, chỗ thì đã gần sáng, hoặc có cõi Phật không có mặt trời, mặt trăng, mọi chúng sinh, người và vật đều tự có ánh sáng... Hiện ra các công đức cao vời như vậy xong, đồng nam hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Tôn giả muốn thọ thực vào giờ nào? Tôn giả hãy xem bây giờ đang là lúc nào?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Này thiện nam! Bây giờ chưa đúng giờ, không nên thọ thực. Ở các cõi Phật khác cũng chưa đến giờ thọ thực.

Khi đó, đồng nam ấy liền dùng Tam-muội Chánh thọ thị hiện thần thông, khiến cho mặt trời trở về hướng Đông như vào buổi sáng rồi thưa:

–Thưa Tôn giả! Tôn giả hãy xem bây giờ đang còn rất sớm, Tôn giả hãy an tâm, vẫn chưa đến giờ thọ thực.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

–Này thiện nam! Ngươi tên là gì?

–Thưa Tôn giả! Xin Tôn giả hãy thưa hỏi Đức Thế Tôn, Thế Tôn sẽ trả lời cho Tôn giả biết tôi tên là gì.

Thưa Tôn giả! Tất cả các tên gọi đều không có tên. Tất cả các tên gọi đều theo tư tưởng, rất hư dối, không thật có. Các vọng tưởng cũng đều không chân thật, chẳng có tên gọi. Cho nên, tất cả vốn đều không.

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Lại nữa, này thiện nam! Vậy thì Nhất thiết trí cũng là tên gọi giả chăng? Nhất thiết trí có được tên gọi nhờ tư tưởng là không chân thật hay sao?

–Thưa vâng, Tôn giả! Nhờ tư tưởng mà có được danh hiệu nên Nhất thiết trí là không thật có. Vì sao? Vì Nhất thiết trí là không thể suy lường

nên cũng là tên gọi giả. Tất cả mọi điều ở trong các cõi Phật đều vốn không có ngọn nguồn.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

–Này thiện nam! Vì sao Nhất thiết trí là không thể suy lường mà cũng là tên gọi giả?

Đồng nam ấy đáp:

–Thưa Tôn giả! Ánh sáng của Nhất thiết trí chiếu khắp cõi Phật, vậy thế nào là Nhất thiết trí bao gồm cõi Phật? Thế nào là Nhất thiết trí bao gồm Nhất thiết trí? Thế nào là ánh sáng trí chiếu soi tiêu trừ các cấu uế? Thế nào là biểu hiện ý nghĩa? Thế nào là trên? Thế nào là lớn? Thế nào là mắt nhìn thấy? Thế nào là thọ trì khó khăn? Thế nào là xả bỏ? Thế nào là Tu-bồ-đề cúng dường cõi Phật? Thế nào là cõi Phật là tên gọi giả, khác với những tên tương tự?

Thưa Tôn giả! Giả sử Nhất thiết trí là không thể suy lường, cũng là tên gọi giả. Cũng vậy, các sắc tướng đều có tên gọi nhiều vô lượng, tên gọi của các sắc rất khó biết số lượng, thọ, tưởng, hành, thức cũng không thể suy lường, các ấm, giới, nhập, bốn Như ý túc, bốn Tinh tấn chân chánh, bốn Niệm xứ, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo… cũng đều không thể suy lường, đều là các tên gọi giả. Tất cả các pháp cũng đều như vậy. Tất cả các cõi Phật đều không thể suy lường, thảy đều là tên gọi giả.

Vậy, tên gọi thật là gì? Thưa Tôn giả! Vì thế, nên quan sát biết rằng tất cả các tên gọi đều không có tên. Thưa Tôn giả! Vì chúng nhờ vào tư tưởng mà tư tưởng thì không thật. Nếu gọi được tên cũng nhờ vào tư tưởng mới có được ngôn từ, mà tất cả các ngôn từ đều vốn là không.

Khi ấy, Tôn giả Tu-bồ-đề nói với đồng nam:

–Này thiện nam! Ngươi đã làm lợi ích cho tất cả các Trưởng giả, Phạm chí và các Cư sĩ tại thành Vương xá đến nơi đây.

Vị đồng nam hỏi:

–Thưa Tôn giả! Bậc Ứng cúng là gì?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Theo sự hiểu biết của tôi, Ứng cúng là người giữ gìn giới luật, tôn sùng theo chánh đạo, tâm định tĩnh không tán loạn… Đó gọi là bậc Ứng cúng ở đời.

Đồng nam nói:

–Thưa Tôn giả! Nếu như lời Tôn giả nói thì chưa phải là bậc Ứng

cúng chân chánh. Vì sao? Nếu khởi tâm đại Từ bi đối với chúng sinh, không chấp giữ các chúng sinh, người và vật, như vậy mới là bậc Ứng cúng ở đời. Không để gián đoạn ba ngôi quý báu Phật, Pháp, Thánh chúng, đó gọi là bậc Ứng cúng. Có thể diệt trừ tất cả những phiền não của chúng sinh, đó gọi là bậc Ứng cúng. Có trí tuệ vô lượng, không cùng không tận, đó là bậc Ứng cúng. Có công đức vô cùng, biện tài vô tận, kho tàng chánh pháp vô biên, đó là bậc Ứng cúng. Đối với các phàm phu hay Thánh hiền đều không có tâm phân biệt, đó là bậc Ứng cúng.

Rồi vị ấy lại nói:

–Người mà chúng sinh nhìn thấy liền đạt trí tuệ thanh tịnh và lập tức diệt trừ ba điều cấu uế tham, sân, si, đó là bậc Ứng cúng.

Bấy giờ, chư Thiên thường theo hộ vệ Tôn giả Tu-bồ-đề vô cùng hoan hỷ được phụng sự Tôn giả, nghe giảng nói về bậc Ứng cúng, tất cả các vị dốc lòng phát tâm cầu đạo quả Chánh chân Vô thượng, phát tâm xong, tất cả đều cúi đầu đảnh lễ ngang chân Tôn giả Tu-bồ-đề, tự trách mình và xin sám hối với Tôn giả.

Vị đồng nam hỏi các Thiên tử:

–Hôm nay, vì sao các vị lại sám hối Tôn giả Tu-bồ-đề?

Chư Thiên đáp:

–Này thiện nam! Chúng tôi theo hộ vệ Tôn giả Tu-bồ-đề đến nay đã được mười hai năm, nhưng chưa bao giờ được nghe giảng nói thế nào là bậc Ứng cúng. Hôm nay, được nghe pháp này, chúng tôi phát tâm cầu đạo quả Chánh chân Vô thượng. Vì vậy, chúng tôi nghĩ: "Nếu ở nơi nào mà chúng tôi được nghe nhận kinh pháp như vậy, chúng tôi cũng sẽ nương vào bậc Ứng cúng ấy để nghe hạnh thanh tịnh thì khi ấy, chúng tôi sẽ hộ vệ các Bồ-tát để nương về đạo pháp."

Khi ấy, để khuyến khích sự phát tâm đạo của các Thiên tử, Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Hôm nay, chư Thiên các vị đã được lợi ích, tâm được thể nhập pháp vi diệu. Tôi cũng xin nói, tôi cũng không biết mình phải làm gì, tự mình làm nguy hại mình bị trái mất tâm đạo, đối với Nhất thiết trí, tôi cũng chẳng được nghe nhận phần nào. Pháp Phật đã được dạy như vậy, các vị hãy nên hiểu rõ. Nếu như hôm nay tôi chưa đạt được tâm giải thoát, chắc chắn tôi cũng nên phát tâm cầu đạo quả Chánh chân Vô thượng, bây giờ, tôi không biết phải làm gì. Cho nên, nếu chư Thiên đã khen ngợi thì các vị hãy cung kính đảnh lễ, quy y và thân cận bậc Chánh sĩ Thiện tri thức như vậy, rồi nương theo vị ấy mà nghe pháp xưa nay chưa bao giờ được nghe.

Khi đó, vị đồng nam nói với chư Thiên:

–Đạo Chánh chân Vô thượng rất khó đạt được, phải mặc được vô số áo giáp công đức mới đạt được pháp huyền diệu sâu xa.

Các Thiên tử nói:

–Lại nữa, này thiện nam! Chư Phật Thế Tôn vốn ưa thích trí tuệ, chúng tôi phải có trí tuệ mới thực hành theo đạo Chánh chân Vô thượng ấy để đạt giải thoát.

Vị đồng nam hỏi:

–Các vị thực hành như thế nào?

–Thực hành tâm bình đẳng đối với chúng sinh để cứu độ họ. Từ bỏ tất cả những gánh nặng triền cái, khiến họ được giải thoát và không bao giờ phải gặp những điều khổ vui.

Này thiện nam! Đó là sự thực hành.

Vị đồng nam lại hỏi chư Thiên:

–Thực hành tâm bình đẳng đối với chúng sinh chẳng phải là nhân tưởng (chấp có người khác) đó chăng? Chúng sinh vốn không có phiền não hay ngục tù nào trói buộc, cũng chẳng có giải thoát, không lệ thuộc năm ấm tức đã từ bỏ gánh nặng. Các chúng sinh vốn đầy đủ các công đức, không có vọng tưởng, muốn giáo hóa chúng sinh phải không có tâm chấp về ngã và người khác, tuy gặp khổ vui, tâm cũng không hề tăng giảm.

Chư Thiên và mọi người nghe vị đồng nam ấy giảng nói, tất cả liền đều đạt được pháp Nhẫn vô sinh.

Khi ấy, chư Thiên rải nhiều loại hoa để cúng dường vị đồng nam, hoa rải đầy khắp sân.

Tôn giả Tu-bồ-đề nói với các vị trời, người:

–Các vị cũng nên theo chí nguyện giống như tôi, nếu không thể thực hành được như lời vị ấy giảng nói, khuyên các vị hãy thực hành pháp Thanh văn.

Chư Thiên và mọi người nói:

–Thưa Tôn giả! Theo lời của thiện nam ấy giảng nói thì có gì lầm lỗi, Tôn giả nghĩ chúng tôi là hạng chúng sinh nào mà lại nói những lời thấp kém như vậy. Vì sao? Thưa Tôn giả! Hôm nay đã được nghe pháp thù thắng rồi, chúng tôi không theo pháp Thanh văn, Duyên giác nữa. Giống như có người mong cầu chí nguyện vi diệu, khi đói khát chỉ ăn thức ăn ngon ngọt chứ không ăn các chất độc, cũng vậy, thưa Tôn giả, chúng tôi đã được nghe pháp thù thắng vi diệu, pháp Bồ-tát sâu xa, huyền diệu như

vậy thì pháp Thanh văn, Duyên giác không có lợi ích gì cho Phật đạo, cũng giống như các chất độc.

Lúc đó, vị đồng nam ấy trở lại làm thân người nữ xinh đẹp, đoan trang thù thắng bậc nhất, mọi người nhìn thấy đều được tâm thanh tịnh. Cô gái thưa Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Thưa Tôn giả! Tôn giả không cần phải đi khất thực nữa, tôi sẽ cúng dường Tôn giả.

Nói xong, cô gái vào nhà bưng ra thức ăn ngon hảo hạng, thưa:

–Thưa Tôn giả! Xin Tôn giả nhận sự cúng dường của tôi, không nên ham muốn, cũng không xa lìa tâm ham muốn mới nên thọ thực. Không để tâm khởi sân, si, cũng không cùng chung với chúng, không nên từ bỏ phiền não, cũng không cùng chung với phiền não.

Thưa Tôn giả! Nếu không đoạn trừ Khổ, Tập, không chứng Diệt, không tu hành Đạo, vẫn có thể nhận thức ăn này. Nếu không tu hành bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo, Tôn giả vẫn có thể nhận thức ăn này.

Nếu không diệt trừ vô minh, không chứng đắc các minh, nếu vẫn làm theo hành, thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, già, bệnh, chết, khổ sở buồn rầu, các nhân duyên ấy hòa hợp hay không hòa hợp, Tôn giả vẫn không chấp vào thức, vẫn diệt tận được các lậu, đạt tâm giải thoát, tất cả các danh và sắc đều không có hình tướng, vì đã vượt qua ba cõi, thoát khỏi sáu căn, hiểu rõ các hành là không, chí nguyện về pháp môn giải thoát, tập vốn không có chỗ nào sinh ra, không có vọng tưởng, không còn các thọ nhưng vẫn có đối tượng mong cầu, chứng đắc pháp môn giải thoát nhưng giảng nói tất cả đều không, không nhớ nghĩ, mong cầu đến ái dục, cũng không hề có sự sinh khởi, hiểu rõ sự sinh khởi, phân biệt rõ ràng về có, không; già, chết… đều không, thấu đạt mười hai duyên khởi… cho nên, Tôn giả nên thực hành khất thực như vậy.

Nếu Tôn giả không tùy theo phàm phu cũng không cùng chung với hàng Thánh hiền, các pháp đều bình đẳng không gián đoạn, Tôn giả nên nhận sự cúng dường. Nếu không có sinh cũng không có diệt, thực hành về pháp không, bình đẳng đối với tham, sân, si cũng bình đẳng đối với pháp không, Tôn giả nên nhận sự cúng dường. Nếu không vượt khỏi phạm vi phàm phu cũng không ở trong cảnh giới Thánh hiền, không sáng suốt cũng không tối tăm, không vượt qua sự sinh khởi, không sinh tử cũng không Niết-bàn, lời nói không thành thật cũng không hư dối, Tôn giả nên nhận sự cúng dường.

Không diệt tận đối với các đối tượng diệt tận, không hợp, không tan, luôn thực hành thiền định tư duy, đối với chúng sinh, không bao giờ có tâm làm hại họ, thực hành tất cả các pháp mà không hề lệ thuộc, Tôn giả nên nhận sự cúng dường vì Tôn giả đã được xuất gia, đã đúng như pháp mà thành tựu pháp bố thí bình đẳng và hạnh nghiệp của bậc Hữu học xuất gia, nhờ những pháp ấy mà được diệt độ, Tôn giả nên nhận sự cúng dường.

Nếu thực hành các pháp không, không ý nghĩa, không tham dục đều thuận theo không, nhưng cũng không siêng năng thực hành pháp không như Đức Thế Tôn, Tôn giả nên nhận sự cúng dường.

Nếu có ai khởi tưởng cho Tôn giả là bậc Ứng cúng, đó là người khinh dối, không thuận theo pháp của đức đại Thánh, nếu cho rằng Tôn giả chẳng phải là bậc Ứng cúng cũng không hề hao tổn, tu hành theo ý nghĩa chánh pháp, không tiến không lùi, vì vậy, Tôn giả nên nhận sự cúng dường.

Khi ấy, Tôn giả Tu-bồ-đề duỗi cánh tay phải cúi đầu đảnh lễ cô gái rồi nói:

–Hôm nay, cô đã vì tôi nói lời chân thành, tôi sẽ thực hành theo. Như cô đã vì tôi nói những lời lẽ bình đẳng, theo những lời ấy, tôi sẽ nhận sự cúng dường theo pháp bình đẳng.

Cô gái liền đem thức ăn dâng cúng Tôn giả rồi nói:

–Thưa Tôn giả! Tôn giả có thể theo pháp bình đẳng mà khất thực. Ở đời, có rất nhiều người tự cao tự đại, bỏ pháp bình đẳng, vì thế, họ sẽ bị đọa vào địa ngục, không thể thanh tịnh, dù họ có dốc lòng mà nhận sự cúng dường.

Khi ấy các vị trời hỏi cô gái:

–Làm thế nào để hiểu rõ các pháp mà thực hành theo?

Cô gái đáp:

–Ý các vị nghĩ sao? Các vị có thể biết thân tôi là thân người nam hay không? Vì sao tôi làm được như vậy? Nhân duyên nguồn gốc là do đâu?

Chư Thiên đáp:

–Chúng tôi không thể biết.

Cô gái nói:

–Cũng vậy, này chư Thiên! Người thường tu hành các pháp như huyễn thì họ giảng nói gì, ta không thể biết được, giống như nghe tiếng vọng. Lại nữa, này chư Thiên! Tất cả các pháp được diễn nói, hoặc giả hoặc thật, tùy theo chúng sinh, đều là những pháp bình đẳng. Vì sao? Vì tất cả những lời lẽ, tên gọi đều là tự nhiên, đều vốn không thật có.

Khi giảng nói về pháp thực hành khất thực, có năm ngàn vị trời xa lìa trần cấu, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Khi đó, cô gái thưa Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Thưa Tôn giả! Xin thỉnh Tôn giả thọ thực xong rồi đến chỗ Đức Phật. Chúng tôi cũng đi đến đó để nghe pháp.

Tôn giả Tu-bồ-đề nhận cúng dường xong, Tôn giả ra khỏi thành Vương xá, vì muốn được nghe pháp nên Tôn giả rất hoan hỷ vui mừng, bước đi càng nhanh, Tôn giả nghĩ: "Ta đã nhận thực phẩm cúng dường này, giờ phải để ở đâu để cho người dốc lòng tin dâng cúng ấy không bị đọa vào tội lỗi và các tai nạn."

Khi ấy, có một vị Bồ-tát tên là Thí Chúng Dữ Pháp biết rõ suy nghĩ của Tôn giả Tu-bồ-đề, liền đi đến chỗ của Tôn giả, cúi đầu đảnh lễ ngang chân rồi thưa:

–Thưa Tôn giả! Hãy cúng dường những thức ăn ấy cho tôi, để khiến cho người được dốc lòng kính tin không còn tranh cãi.

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Thưa Nhân giả! Nhân giả có giữ gìn giới luật không?

Bồ-tát Thí Chúng Dữ Pháp đáp:

–Thưa Tôn giả! Tất cả các pháp đều không có sự thọ giới, cho nên không có sự giữ gìn, cũng không có sự phạm giới.

Lại nữa, thưa Tôn giả! Tôi hay sát sinh, không thích bố thí, quen làm tà dâm, thường hay vọng ngữ, lại nói lưỡi đôi chiều, nói lời hung dữ, nói lời thêu dệt, luôn luôn giận dữ, tham lam, ganh ghét và thường rơi vào tà kiến. Vì sao? Nếu có sự tạo tác thì đều là phạm giới, hoàn toàn không có sự thực hành đó mới là bình đẳng.

Khi ấy Tôn giả Tu-bồ-đề suy nghĩ: "Nghe những lời nói thì biết, chắc chắn vị này là Bồ-tát đạt tâm không thoái chuyển. Ta nên thưa hỏi vị này." Nghĩ xong, Tôn giả Tu-bồ-đề thưa:

–Thưa Nhân giả! Tôi xin cúng dường Nhân giả những thức ăn này. Thưa Nhân giả! Nếu không dốc lòng tin cúng dường thức ăn này, tôi có bị sinh vào đường ác hay không?

Lúc đó, cúng dường thức ăn xong, Tôn giả Tu-bồ-đề ngồi ở phía sau, nghỉ ngơi yên tĩnh đến trưa xế mới đi đến chỗ Đức Phật.

Đến nơi, Tôn giả đảnh lễ nơi chân Phật, đem những pháp đã nghe được từ cô gái để thưa lên Đức Phật. Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Ông đã hiểu rõ đầy đủ, ông nên đảnh lễ Bồ-tát ấy.

Tôn giả Tu-bồ-đề thưa:

–Thưa Thế Tôn! Con vốn không biết rõ.

Đức Phật nói:

–Có Bồ-tát tên là Chuyển Nữ, dùng phương tiện thiện xảo ấy để giáo hóa chúng sinh. Giả sử trong nước Ma-kiệt-đà có các xe lớn, mỗi xe chở được trăm ngàn đấu hạt cải, số hạt cải được chở đầy trong tất cả các xe ấy còn có thể đếm biết được bao nhiêu, còn Bồ-tát này dùng phương tiện thiện xảo khuyên theo dục lạc, ở cõi Ta-bà giáo hóa chúng sinh chuyển thành thân nữ, khiến cho những người phát tâm cầu đạo quả Chánh chân Vô thượng nhiều không thể tính kể, khiến cho những người được sinh lên cõi trời, người cũng nhiều không thể biết số lượng.

Khi ấy, cô gái cùng với năm trăm cô gái ra khỏi thành Vương xá, đến núi Kỳ-xà-quật, chỗ của Đức Phật. Từ xa nhìn thấy các cô gái ấy đang đến, Đức Phật nói với Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Ông có thấy năm trăm cô gái đang cùng nhau đến đây không?

Tôn giả Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con đã thấy.

Năm trăm cô gái vừa đến nơi, Tôn giả Tu-bồ-đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy nghinh đón và chắp tay đảnh lễ. Các cô gái đảnh lễ ngang chân Phật, đi nhiễu quanh bên phải Ngài ba vòng rồi đứng qua một bên.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Thưa Tôn giả! Tôn giả đã đạt pháp gì của Thánh hiền, sao lại làm việc chẳng có ý nghĩa Thánh hiền, lại nghinh đón và đảnh lễ những người nữ ấy?

Cô gái liền thưa Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Thưa Tôn giả! Theo Tôn giả thì thế nào là bậc Thánh hiền ở đời và ai chẳng phải là Thánh hiền mà Tôn giả lại nói ra những lời không có ý nghĩa như thế?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Cô có thể biết được ai là Thánh hiền, ai chẳng phải là Thánh hiền hay sao?

Cô gái đáp:

–Thánh hiền hay chẳng phải Thánh hiền, tôi đều biết rõ.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Nghĩa là thế nào?

Cô gái nói:

–Thưa Tôn giả! Người không đoạn trừ lời dạy của bậc Thánh hiền, không trái với Phật, Pháp, Tăng, đó là Thánh hiền. Khởi tâm Từ bi, khiến cho những người không phải Thánh hiền đều được tu hành và giải thoát, đó là bậc Thánh hiền.

Lại nữa, thưa Tôn giả! Nếu có người nữ trang sức nhiều vật báu nơi thân, mặc y phục thanh tịnh, đeo nhiều ngọc quý, thân xông ướp hương thơm, xoa nhiều loại hương… có thói quen an hưởng vui vẻ theo năm dục lạc nhưng không làm trái và từ bỏ tâm Nhất thiết trí, người nữ ấy chính là bậc Thánh hiền, hơn hẳn các bậc Thanh văn đạt tám thiền giải thoát, là tám pháp môn tịch tĩnh, lại vượt trội cả các La-hán thường an trú trong định tĩnh. Cho nên, thưa Tôn giả! Tôi sẽ vì Tôn giả dẫn ra ví dụ để nói rõ ý nghĩa trên. Nếu thủy tinh được đựng trong đồ dùng bằng lưu ly và ngọc lưu ly được đựng trong đồ dùng bằng gỗ, sành thì loại nào quý hơn?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Ngọc minh châu dù đựng trong đồ dùng bằng gỗ, sành vẫn quý hơn thủy tinh đựng trong đồ dùng bằng ngọc lưu ly.

Cô gái nói:

–Cũng vậy, thưa Tôn giả! Nếu có người nữ hưởng vui trong năm dục lạc, dùng tất cả những vật quý báu để trang sức nơi thân, tâm ý vẫn đứng vững trong Nhất thiết trí, người nữ ấy thật đúng là bậc Thánh hiền, hơn hẳn bậc A-la-hán đạt tám giải thoát, an trú trong thiền định tịch tĩnh.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Cô đã lập chí nguyện Đại thừa rồi chăng?

Cô gái đáp:

–Bậc Đại thừa không lập chí nguyện cũng không thoái lui.

Tôn giả lại hỏi:

–Nếu Đại thừa không lập chí nguyện cũng không thoái lui thì học tu Đại thừa như thế nào?

Cô gái đáp:

–Thưa Tôn giả! Mong cầu Đại thừa thì không thể chấm dứt vô minh, cho đến không thể cầu đạo. Vì sao? Vì Đại thừa là bình đẳng, Đại thừa không cùng tận, nên vô minh cho đến già, bệnh, chết cũng đều không diệt tận. Pháp không sinh khởi cũng chẳng diệt tận, những gì có sinh thì chắc sẽ trở về diệt, những pháp không có sinh thì chẳng hề có diệt.

Thưa Tôn giả! Nên hiểu rõ mười hai duyên khởi không sinh không diệt như vậy.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi cô gái:

–Chư Thiên và mọi người đều nên cúi đầu đảnh lễ huống gì là Tu-bồ-đề phải không?

Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Từ nay về sau không thể biết đúng tướng người. Vì sao? Vì hôm nay, cô gái này trang sức nơi thân bằng chuỗi ngọc báu mà có thể đạt được tài biện luận của bậc Thánh cao vời như vậy.

Cô gái nói:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Biện tài có được chẳng phải nhờ trang sức bằng chuỗi ngọc báu.

Tôn giả hỏi:

–Vậy thì nhờ đâu?

Cô gái đáp:

–Bồ-tát có tám loại chuỗi ngọc báu đẹp đẽ, các vị dùng những chuỗi ngọc ấy để trang nghiêm nơi thân, tâm thanh tịnh như hư không, nhờ đó, Bồ-tát đạt được tài biện luận chân chánh không trở ngại. Những gì là tám? Đó là: Bồ-tát trang nghiêm tu tập không bỏ mất tâm Bồ-đề; chí nguyện về Đại thừa, không theo Tiểu thừa nên thành tựu sự trang nghiêm; sự trang nghiêm có tâm bình đẳng đối với chúng sinh; không có tâm làm hại; sự trang nghiêm tinh tấn học rộng, không biết nhàm chán; sự trang nghiêm thực hành theo những chánh pháp đã được nghe; sự trang nghiêm thông hiểu sâu xa về pháp duyên khởi, hiểu rõ các căn của chúng sinh; sự trang nghiêm được chư Phật kiến lập; sự trang nghiêm giáo hóa các Bồ-tát. Đó là sự trang nghiêm để thực hành phương tiện thiện xảo. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Bồ-tát thực hành tám sự trang nghiêm này mới đạt được tài biện luận không gì trở ngại, giáo hóa tất cả những chúng sinh ngu tối trong năm đường.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cô gái này qua đời ở cõi Phật nào mà sinh vào cõi nước này?

Cô gái liền hóa ra một người con gái khác cũng rất xinh đẹp, đoan trang, rồi hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Thưa Tôn giả! Xin hỏi Tôn giả cô gái này qua đời từ nơi nào mà sinh đến nơi đây?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Đây là cô gái được biến hóa ra, người được biến hóa ra thì tự nhiên hiện hóa, không diệt, không sinh.

Cô gái nói:

–Đúng thế, thưa Tôn giả! Tất cả các pháp đều là tướng huyễn hóa tự nhiên, cũng nhờ vậy mà Đức Như Lai mới thành bậc Tối chánh giác. Nếu hiểu rõ tất cả các pháp đều là tướng huyễn hóa tự nhiên thì không có sinh cũng chẳng có diệt, người có trí tuệ như hư không như vậy thì không nên hỏi tôi từ đâu sinh đến hay qua đời từ chỗ nào.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Đây là Bồ-tát Chuyển Nữ, từ thế giới Diệu lạc, chỗ của Đức Phật A-súc, qua đời rồi sinh vào nước này. Từ trước đến nay, Bồ-tát Chuyển Nữ này đã giáo hóa cho vô số chúng sinh nhiều không thể tính kể và đều khiến cho họ phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi ấy, Bồ-tát Chuyển Nữ, bằng thân cô gái ấy, đến trước Đức Phật cúi đầu đảnh lễ nơi chân Phật, thưa:

–Thưa Thế Tôn! Con sẽ quỳ mãi dưới chân Thế Tôn và không đứng dậy nếu Thế Tôn không thọ ký đạo Chánh chân Vô thượng vào đời vị lai cho con, cho con được chuyển thân nữ thành thân nam.

Năm trăm cô gái cũng đồng đảnh lễ nơi chân Phật và thưa:

–Thưa Thế Tôn! Chúng con cũng sẽ quỳ mãi dưới chân Thế Tôn nếu Thế Tôn không thọ ký đạo Chánh chân Vô thượng cho chúng con và không cho chúng con được chuyển thân nữ thành thân nam.

Khi ấy, Đức Phật mỉm cười. Theo pháp thường, khi chư Phật mỉm cười là tự nhiên ứng với điềm lành. Từ miệng Đức Phật, vô số ánh sáng đủ màu sắc như xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, hồng, tía… phóng ra chiếu khắp vô lượng các cõi Phật ở mười phương rồi trở lại chiếu sáng quanh bên phải Phật ba vòng và nhập vào đỉnh đầu.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai bên phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Thế Tôn mỉm cười, mỉm cười với ý nghĩa gì?

Đức Phật hỏi:

–Này Tôn giả A-nan! Ông có thấy Bồ-tát Chuyển Nữ và năm trăm cô gái nhàm chán thân nữ đang đảnh lễ dưới chân ta hay không?

Tôn giả A-nan thưa:

–Thưa Thế Tôn! Con đã thấy.

Đức Phật nói:

–Bồ-tát Chuyển Nữ này, trải qua vô số kiếp nữa, sẽ thành đạo Chánh chân Vô thượng, thành bậc Tối chánh giác, hiệu là Quang Minh Trùng Vương, sẽ thành Phật đạo. Năm trăm cô gái này sẽ chuyển thành người nam, thường cùng nhau trong đại chúng năm trăm Bồ-tát, đạt được các pháp Tổng trì, biện tài vô ngại, dùng nhiều chuỗi anh lạc biến hóa để trang nghiêm nơi thân, sẽ biến hóa ra thân trang sức đẹp đẽ để giáo hóa chúng sinh giống như Bồ-tát Chuyển Nữ, cũng sẽ theo học Đức Như Lai Quang Minh Trùng Vương. Đức Như Lai Quang Minh Trùng Vương sẽ thọ ký cho họ đạo Chánh chân Vô thượng.

Cõi nước của Phật Quang Minh Trùng Vương thịnh vượng thái bình, mùa màng bội thu, an vui, dân chúng, trời, người đông đảo, nhà cửa, cung điện, thực phẩm ăn uống tự nhiên đầy đủ, người được hóa sinh như ở cõi trời Đâu-suất.

Cõi Phật ấy không có tên gọi về người nữ huống nữa là có hình dáng người nữ. Các Bồ-tát đều hóa sinh, tự nhiên ngồi trên tòa sen bằng bảy báu thanh tịnh, tu hành phạm hạnh và dùng tám pháp để trang nghiêm nơi thân.

Khi ấy, Bồ-tát Chuyển Nữ và năm trăm cô gái nghe Đức Phật thọ ký thì vô cùng hoan hỷ, liền bay lên hư không cách mặt đất bảy nhận, tất cả tự nhiên chuyển thành thân đồng nam chừng mười hai tuổi, từ hư không xuống, đảnh lễ nơi chân Phật. Được Đức Phật lấy tay xoa đầu, tất cả họ đều đạt Tam-muội Phổ minh.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Hãy thọ trì, đọc tụng và vì người khác giảng nói kinh này.

Tôn giả A-nan nói:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Chúng con xin thọ trì, giảng nói kinh này. Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì? Chúng con làm thế nào để phụng trì danh hiệu ấy?

Đức Phật bảo:

–Này Tôn giả A-nan! Kinh này tên là Thuận Quyền Phương Tiện Phẩm Chuyển Nữ Bồ-tát Sở Vấn Thọ Quyết, hãy nên theo đấy mà phụng trì.

Tôn giả A-nan nói:

–Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Đức Phật giảng nói kinh này xong, Tôn giả A-nan, Bồ-tát Chuyển Nữ và đại chúng năm trăm người, tất cả các vị Trời, Người, Càn-thát-bà, A-tu-la… nghe Phật giảng nói, ai cũng đều vô cùng hoan hỷ, đảnh lễ Đức Phật rồi lui ra.

❑

SỐ 566

KINH LẠC ANH LẠC TRANG NGHIÊM PHƯƠNG TIỆN

(Cũng gọi là KINH CHUYỂN NỮ THÂN BỒ-TÁT VẤN ĐÁP)

Hán dịch: Đời Diêu Tần, Tam tạng Đàm-ma Da-xá, người nước Kế Tân.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá, cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị, Bồ-tát tám ngàn vị, đều là những bậc mọi người đều biết, tất cả đã đắc các thần thông, Đà-la-ni, được biện tài vô ngại, thành tựu đầy đủ pháp Nhẫn vô sinh, được vô sở úy, đã trồng nhiều căn lành từ vô lượng Đức Phật, tiến vào Đại thừa. Những vị ấy tên là: Đại Bồ-tát Ni-dẫn Đà-la, Đại Bồ-tát Trì Địa, Đại Bồ-tát Địa Vương, Đại Bồ-tát Trì Chúng Sinh, Đại Bồ-tát Trì Nhập Hội, Đại Bồ-tát Chiếu Ý, Đại Bồ-tát Quá Ý, Đại Bồ-tát Tăng Ý, Đại Bồ-tát Vô Biên Ý, Đại Bồ-tát Tăng Ích Ý, Đại Bồ-tát Ái Kiến, Đại Bồ-tát Thiện Kiến, Đại Bồ-tát Kiến Thích Ý, Đại Bồ-tát Kiến Nhất Thiết Nghĩa, Đại Bồ-tát Nhất Thiết Cát Lợi, các Đại Bồ-tát thuộc Hiền kiếp, Đại Bồ-tát Di-lặc là vị đứng đầu, tất cả đều an tọa trong chúng hội.

Bấy giờ, vào sáng sớm, Đại đức Tu-bồ-đề đắp y, ôm bát, đến chỗ Phật đảnh lễ sát chân Phật, rồi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đêm qua nằm mộng, con thấy có Đức Như Lai, ngồi trong đạo tràng, con liền đảnh lễ dưới chân Đức Thế Tôn ấy, Đức Thế Tôn ấy đưa tay phải có màu vàng, xoa đầu con và nói: "Này Tu-bồ-đề! Ông chưa từng nghe pháp, hôm nay sẽ được nghe." Bạch Thế Tôn! ấy là điềm báo gì?

Đức Phật bảo:

–Này Tu-bồ-đề! Đó là điềm báo trước cho những thiện nam tín nữ ấy sẽ nghe được pháp hiếm có, chưa từng nghe.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay con muốn đến đại thành Vương xá, theo thứ

lớp khất thực.

Phật nói:

–Ông biết là đúng lúc.

Được Đức Thế Tôn chấp nhận, Đại đức Tu-bồ-đề liền vào đại thành Vương xá, theo lớp khất thực. Khi đến nhà một ông trưởng giả nọ, Tôn giả đứng trước cửa im lặng khất thực.

Bấy giờ, trong nhà có một người nữ, nhan sắc đẹp đẽ, đoan chánh bậc nhất, có oai đức lớn, rất uy nghiêm, trang sức bằng các thứ chuỗi ngọc, khi các thứ châu báu ấy va chạm vào nhau, phát ra những âm thanh thật êm dịu, từ trong nhà đi ra đến cửa, nói với Đại đức Tu-bồ-đề:

–Thưa Đại đức! Duyên gì mà Đại đức đứng đây?

Tu-bồ-đề đáp:

–Tôi vì khất thực nên đứng đây.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Nay Tôn giả có tưởng khất thực chăng? Chưa biết về tưởng thực phải không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Tôi biết tưởng thực, vì thân này do sự nhóm họp không sạch của cha mẹ và ăn uống nuôi lớn, nên không thể không ăn mà sống.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Tôn giả nay chưa chứng diệt vô minh, cho đến chưa chứng diệt sinh, lão, tử phải không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Tôi chứng diệt rồi.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Trong diệt có việc ăn để nuôi dưỡng thân không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Diệt tức không pháp.

–Thưa Đại đức! Nếu do đã diệt tức là không pháp, này Đại đức Tu Bồ-đề, vậy cớ sao nói thân nhờ ăn mà phát triển?

Tu-bồ-đề đáp:

–Người nhập diệt định thì trừ bỏ các thọ, tưởng, nhưng khi xuất diệt định rồi thì thân có sự nuôi dưỡng.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Những người diệt ấy có sinh tử không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Người diệt ấy không sinh, không diệt đó là diệt rốt ráo.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Nếu người diệt ấy là bậc diệt, đã diệt trừ

rốt ráo, sao còn nuôi thân?

Tu-bồ-đề đáp:

–Cũng như Đức Thế Tôn, các Thanh văn du hành khất thực để nuôi lớn thân.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Đức Thế Tôn nói, Tôn giả hành hạnh không tranh bậc nhất phải không?

–Phải, đúng như cô nói.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Bậc không tranh có hành, chẳng hành không?

–Bậc không tranh ấy không hành, chẳng hành.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Vậy cớ sao khất thực?

–Tôi khất thực không vì nuôi lớn thân mà hành khất thực. Tôi vì chữa trị thân mạng ốm gầy, diệt trừ các thọ mà hành khất thực.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Nay Tôn giả có bị các thọ dẫn dắt không?

–Tôi nay không bị các thọ dẫn dắt, vì đã trừ các thọ, nên tôi hành khất thực.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Chỗ hành không tranh sai khác không đồng. Vì sao? Vì thực hành không tranh không thọ khổ mà không tranh chẳng phải thân tâm tương ưng, không tranh không sinh vui hay không vui, không tranh không sinh tranh tụng.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Đức Thế Tôn nói, Tôn giả là người thực hành không tranh bậc nhất. Vậy do nhân duyên gì mà không tranh được gọi là bậc không tranh?

–Bậc không tranh không có các cảnh giới, lìa xa đối với dục trần.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Bậc không tranh có thể ly dục không?

–Bậc không tranh không thể ly dục.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Vậy do duyên gì, Tôn giả nói bậc không tranh có thể lìa xa dục trần?

–Do lời nói, nên gọi là không tranh.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Phàm là bậc không tranh có thể nói không?

–Bậc không tranh thì không thể nói.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Nếu bậc không tranh không thể nói thì do đâu được gọi là không tranh?

–Đức Thế Tôn Như Lai vì hàng đệ tử Thanh văn, nên mượn nơi danh

tự mà giảng nói.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Nếu có giả danh, tức có tranh tụng, vì có tranh tụng nên liền có điên đảo, do có điên đảo tức chẳng phải là pháp Sa-môn.

Tu-bồ-đề nói:

–Này cô, những gì là pháp Sa-môn?

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Không văn tự, không tranh tụng, không điên đảo, là pháp Sa-môn. Cũng không phân biệt pháp, phi pháp, là pháp Sa-môn. Lại không phân biệt nhớ tưởng, không nhớ tưởng, là pháp Sa-môn. Lìa tất cả sự vướng mắc là pháp Sa-môn. Chẳng phải cảnh giới, chẳng phải không cảnh giới, là pháp Sa-môn. Chẳng phải nhiễm, chẳng phải trói buộc, chẳng phải không nhiễm, không trói buộc, là pháp Sa-môn. Vô tâm, lìa ý thức là pháp Sa-môn. Biết đủ là pháp Sa-môn. Ít muốn, đoạn tham là pháp Sa-môn. Lìa các sợ hãi, giả dối chẳng phải động, chẳng phải phát, chẳng phải không động - phát, là pháp Sa-môn. Lìa tất cả cảnh giới, không chỗ nắm giữ là pháp Sa-môn. Lìa đối với ma ấm không chỗ vướng mắc là pháp Sa-môn. Đoạn trừ ma kết sử, không để phát sinh lại là pháp Sa-môn. Rời xa ma tử không bị lay động là pháp Sa-môn. Suy nghĩ không gần gũi với Thiên ma là pháp Sa-môn. Tất cả pháp không, không nhiễm ô là pháp Sa-môn. Không tướng, lìa tất cả tướng, là pháp Sa-môn. Vô nguyện, không vướng mắc là pháp Sa-môn. Không hành nơi ba cõi, lìa tất cả tưởng là pháp Sa-môn. Bảo vệ các căn là pháp Sa-môn. Xa lìa các nhập là pháp Sa-môn. Khéo tự điều phục, lìa các hý luận là pháp Sa-môn. Vắng lặng không khởi là pháp Sa-môn. Không chỗ tham đắm, cũng không phát khởi, là pháp Sa-môn. Không có ngã và ngã sở, không cao, không thấp, là pháp Sa-môn. Lìa xúc không nhiễm là pháp Sa-môn. Rời xa pháp thế tục là pháp Sa-môn. Khéo biết đối với ấm, hiểu rõ tánh của pháp là pháp Sa-môn. Các cõi, không cõi, không chỗ gần gũi không chỗ ngăn ngại là pháp Sa-môn. Lìa pháp hữu vi là pháp Sa-môn. Các pháp đều như hư không, là pháp Sa-môn.

Trong khi giảng nói các pháp Sa-môn ấy, chư Thiên nghe pháp đã tập hợp trước cửa, có ba mươi Thiên tử xa lìa trần cấu, được mắt pháp trong sạch. Lại có năm mươi Thiên tử, nghe người nữ ấy liền hướng đến pháp thâm diệu, phát tâm đạo Chánh chân Vô thượng.

Bấy giờ, Đại đức Tu-bồ-đề sinh tâm hiếm có, khởi lên sự nhớ nghĩ:

–Người nữ này, biện tài như thế, là Như Lai hóa, nhất định không còn nghi ngờ gì.

Lúc đó, người nữ biết được ý nghĩ của Đại đức Tu-bồ-đề, tâm nghĩ,

miệng nói:

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Tôn giả đã nghĩ: "Người nữ này, biện tài như thế, là Như Lai hóa, nhất định không nghi ngờ!"

Thưa Đại đức! Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như Tôn giả nghĩ! Vì sao? Vì Như Lai biết như thật, tôi cũng biết như thật, do nghĩa ấy, nên Như Lai hóa tôi. Nếu Như Lai giác ngộ như thật, tôi cũng giác ngộ như thật, do nghĩa ấy, nên Như Lai hóa tôi. Nếu Như Lai thấy sắc như thật, tôi cũng thấy sắc như thật, do nghĩa ấy, nên Như Lai hóa tôi. Nếu Như Lai thấy thọ, tưởng, hành, thức như thật, tôi cũng thấy thọ, tưởng, hành, thức như thật, do nghĩa ấy nên Như Lai hóa tôi. Nếu Như Lai biết như thật tất cả chúng sinh, tôi cũng biết như vậy, do nghĩa ấy, nên Như Lai hóa tôi. Nếu Như Lai biết như thật tất cả các pháp, tôi cũng biết như vậy, nhất như không khác, do nghĩa ấy, nên Như Lai hóa tôi. Nếu Như Lai là như thật, không có cái không như thật thì tôi cũng là như thật, không có cái không như thật, là như thường, như thật, không có không như, do nghĩa ấy, nên Như Lai hóa tôi. Như thế, Như Lai không sinh, không diệt, tôi cũng không sinh, không diệt như vậy, do nghĩa ấy, nên Như Lai hóa tôi. Nếu Như Lai như thật, nếu tất cả các pháp như thật, nếu những pháp đó như thường, chân thật, không khác, không biến hóa không xê dịch, trong đó không có chỗ thành như thật thì như thế phải trụ vào tất cả pháp, do nghĩa ấy, nên Như Lai hóa tôi.

Đại đức Tu-bồ-đề hỏi lại:

–Cô nhờ Phật lực, biết được tâm tôi, hay tự lực biết?

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Hàng Thanh văn, Duyên giác hay các Bồ-tát, các vị Tiên đã được năm thông, biết tâm chúng sinh, biết tâm người khác đều nhờ Phật lực mới biết. Vì sao? Vì những chỗ thực hành ấy, đều phải nhờ Phật lực mới có thể biết tâm người khác.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Tôi cũng nhờ Phật lực nên biết được tâm của người khác. Ví như những ánh sáng mặt trời, mặt trăng, lửa, châu báu, đèn, sao, mắt người nhờ vào đó, thấy được hình sắc.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Thế gian cũng vậy do bị vô minh che lấp, nếu có biết tâm của người khác thì đều nhờ vào sự thấy biết của Như Lai mới biết được.

Đại đức Tu-bồ-đề hỏi:

–Cô hãy vì tôi mà nói: Làm thế nào cô được biện tài như vậy?

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Nếu có người hỏi chỗ Như Lai hóa tôi là ai, chỗ hóa ấy Đại đức sẽ trả lời như thế nào?

Tu-bồ-đề đáp:

–Không có chỗ để trả lời.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Tất cả các pháp cũng như vậy, đều là hóa tướng, biết như vậy rồi thì không chỗ nào để đáp lại.

Lại nữa, thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Nếu có người hỏi, Đại đức là phàm phu, là học nhân hay là A-la-hán. Hỏi như vậy, Đại đức sẽ trả lời như thế nào?

Lúc này, Đại đức Tu-bồ-đề nghĩ: "Ta sẽ trả lời như thế nào với người nữ này."

Liền đó, Tu-bồ-đề nghe trên không trung có tiếng nói:

–Đại đức Tu-bồ-đề! Ông có chỗ thông tỏ, chứng đắc, do nghĩa ấy nên gọi là A-la-hán. Ông hãy đáp lời người nữ ấy!

Nghe xong tiếng trên không trung, Đại đức Tu-bồ-đề liền đáp:

–Tôi chẳng phải là phàm phu, chẳng phải là học nhân, cũng chẳng phải là A-la-hán.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Vậy gọi Đại đức là gì?

Tu-bồ-đề đáp:

–Như Đức Như Lai giáo hóa, cho đó là giả danh. Tôi cũng vậy, cho đó giả danh.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Đại đức chẳng phải là A-la hán, đoạn trừ các lậu, sao Như Lai nói Đại đức là người thực hành không tranh bậc nhất, ứng thọ sự cúng dường?

Tu-bồ-đề đáp:

–Tôi chẳng phải là A-la-hán, chẳng phải sạch các lậu, chẳng phải là người thực hành không tranh bậc nhất, cùng chẳng phải là Ứng cúng.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Cớ sao lại nói dối?

Tu-bồ-đề nói:

–Nếu nay, tôi cho tôi là A-la-hán, các lậu đã sạch, thực hành không tranh bậc nhất , ứng thọ sự cúng dường, tức là vọng ngữ. Tôi không cho là vậy, nên tôi chẳng vọng ngữ, cũng chẳng phải là thật ngữ.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Đại đức nay không nói dối, vậy chư Thiên tử đã tập họp trước cửa nãy giờ, thấy được Thánh đế chưa?

Tu-bồ-đề đáp:

–Nếu thấy Thánh đế thì không thể nói dối.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Đại đức thấy Thánh đế chưa?

Tu-bồ-đề đáp:

–Tôi thấy rồi.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Nếu thấy Thánh đế thì không gọi là Thánh đế. Vì sao? Vì không ai có thể thấy các Thánh đế.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Đại đức chẳng thấy Thánh đế phải không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Tôi không nói thật, cũng chẳng nói hư. Tôi không thấy hư, huống gì là thấy thật.

Bấy giờ, Đại đức Tu-bồ-đề hỏi lại người nữ:

–Người thấy Thánh đế, chỗ ngôn thuyết là gì?

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Người thấy Thánh đế, không thấy tất cả các pháp bằng danh tự, người thấy Thánh đế là thấy ngoài danh tự.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Do nhân duyên gì mà cô nói như vậy?

Người nữ đáp:

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Nếu có người điên đảo, khởi lên các phiền não, nhưng khi thấy Thánh đế rồi, liền không khởi nữa. Do đó, nên nói: Người thấy được điên đảo là thấy các Thánh đế.

Khi ấy, chư Thiên liền hiện thân, ra đảnh lễ Đại đức Tu-bồ-đề, rồi nói:

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Chúng con được lợi ích lớn, khi Đại đức với người nữ này biện thuyết, khiến cho các chúng sinh nghe pháp tin hiểu, được lợi ích lớn. Vì sao? Vì người hiểu ít thì không có giải thoát, người hiểu nông cạn thì có sự trói buộc. Chỗ hiểu ấy là gì?

Lúc đó, người nữ hỏi Đại đức Tu-bồ-đề:

–Đại đức không khất thực, không muốn thọ trai sao?

Tu-bồ-đề đáp:

–Hôm nay, tôi nghe những pháp ấy đủ rồi, không muốn thọ trai, tham ăn tham uống thì sinh ra ưu sầu, chẳng phải là cầu pháp, khen ngợi việc cầu lợi dưỡng, chẳng phải là cầu pháp. Cầu cho thân được an vui, chẳng phải là cầu pháp. Giữ lấy tâm, luyến tiếc thân mạng, chẳng phải là cầu pháp. Cho đến thọ nhận sự ca ngợi tốt đẹp, cũng chẳng phải là cầu pháp.

Đại đức Tu-bồ-đề lại hỏi người nữ:

–Nay hỏi lại cô, những thiện nam, tín nữ, phải như thế nào mới đúng là cầu pháp chân chánh?

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Nếu thọ các dục ác là chẳng phải cầu pháp. Nếu không cầu mắt ở sắc, ấy là người cầu pháp. Không cầu âm thanh nơi tai, không cầu hương nơi mũi, không cầu vị nơi lưỡi, không cầu cảm xúc nơi thân, không cầu pháp nơi ý, ấy là cầu pháp.

Lại nữa, này Đại đức Tu-bồ-đề! Không cầu ấm, không cầu nhập, không cầu giới, ấy là người cầu pháp. Không cầu Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, ấy là người cầu pháp. Nếu không cầu tưởng nơi tất cả cảnh giới ấy là người cầu pháp.

Đại đức Tu-bồ-đề nói:

–Cô hãy sám hối, tôi nay muốn đi.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Giống như địa giới, không có hối lỗi. Thưa Đại đức, tâm cũng như vậy, đồng với địa giới, nên không hối lỗi. Giống như thủy giới, không có hối lỗi, tâm cũng như vậy, đồng với thủy giới, nên không hối lỗi. Giống như hỏa giới, phong giới, không giới, không có hối lỗi, tâm cũng như vậy, đồng với không giới, nên không hối lỗi.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Giống như cầu, thuyền, phao nổi, vương đạo, không có hối lỗi, tâm cũng như vậy, đồng với cầu, thuyền, phao nổi, vương đạo, nên không hối lỗi.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Hàng phàm phu hối lỗi, chẳng phải như chư Thánh phải không? Nếu khởi lên tức giận thì có hối lỗi. Nếu không giận, không ràng buộc, không phẫn nộ, không tranh, không khởi phiền não, những người như vậy, không cần hối lỗi.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Giống như có cháy, nên có tắt, nếu không cháy thì không tắt. Như vậy, Đại đức Tu-bồ-đề! Nếu phiền não bùng phát dấy lên thì có hối lỗi. Nếu diệt hết các phiền não thì không hối lỗi.

Khi ấy, Đại đức Tu-bồ-đề hỏi lại người nữ:

–Cô cầu hướng đến gì? Có thể vì thế mà gầm vang tiếng sư tử chăng?

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Nếu có mong cầu thì không thể gầm tiếng sư tử, chỉ khi không có chỗ cầu mới có thể gầm tiếng sư tử. Vì sao? Vì nếu có chỗ để cầu tức là đã có, mà đã có chỗ để có thì không thể gầm tiếng sư tử. Người có thân kiến thì có chỗ mong cầu, thấy có người làm như vậy thì không thể gầm tiếng sư tử.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Lời nói của Đại đức là hướng đến tôi, vậy chỗ hướng đến Đại đức là gì?

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Nếu có người hỏi Đại đức, chỗ hướng đến của Đại đức là gì? Các lậu đã sạch, không còn sinh tâm là được giải thoát

phải không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Này cô, nếu có chỗ để cầu thì không có giải thoát.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Đại đức cầu như vậy thì sạch các lậu, được tâm vô lậu. Nếu hướng đến như thế, là hướng đến giải thoát, hướng đến pháp tánh.

Đại đức Tu-bồ-đề nói:

–Cô hướng đến Đại thừa, đã không còn nghi ngờ, như theo tướng mạo hạnh nguyện nhất định là hướng đến Đại thừa Vô thượng.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Đại đức biết Đại thừa không, mà nói về tướng mạo hạnh nguyện?

Tu-bồ-đề đáp:

–Này cô, nếu các Thanh văn không nghe Đại thừa thì các tướng mạo hạnh nguyện không thể biết mà nói. Nay tôi mời cô nói tướng mạo đã có trong hạnh Đại thừa.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Phàm là bậc Đại thừa gọi là không một, không khác, như cung nhật nguyệt, vì mau chóng cho mọi người được thấy, sợ Thiên tử giữ lại nên không trụ giữa hư không, nhanh chóng mà đi, không có trở ngại, vì các chúng sinh mà chiếu sáng.

Này Đại đức Tu-bồ-đề! Người hướng vào Đại thừa, đại trượng phu… cũng như vậy, không ngại, không đắm, hành sáu Ba-la-mật, nhưng không có trụ, vì muôn loài chúng sinh giảng nói pháp quang minh.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Như vua Chuyển luân, khi xe báu nếu đi thì bốn binh cũng theo. Vua Chuyển luân đi khắp bốn châu thiên hạ, mọi người thấy đều đem lòng yêu thích, sinh tâm cung kính, vì vị vua Chuyển luân ấy, không có tâm ác, mà luôn phát sinh lòng lành.

Đại đức Tu-bồ-đề! Người hướng vào Đại thừa, đại trượng phu… cũng phải như vậy. Tùy mỗi nơi mỗi lúc mà thực hành như nơi thôn ấp, làng xóm, thành quách, vương cung, đối với các chúng sinh, phải khởi tâm bình đẳng, không làm sai khác. Này Đại đức Tu-bồ-đề! Bậc Đại thừa gọi là đại trí, đó là chỗ cung kính của hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà. Là bậc trí tuệ và đại trượng phu. Do duyên đó, nên gọi là Đại thừa. Đó là trí không cùng tận, là trí không sinh diệt. Là trí không đoạn, không đoạn hạt giống Tăng. Là trí sâu rộng giáo hóa vô lượng các chúng sinh. Là trí khéo nắm giữ để không bị đoạn tuyệt. Là trí khéo tác nghiệp sáu pháp Ba-la-mật. Là trí khéo thu gồm bốn Nhiếp pháp. Là trí khéo tương ưng thân

cận Thánh đạo. Là trí khéo điều tâm Bồ-đề, chánh niệm, không quên mất. Là trí khéo an chỉ tâm đại Bi. Là trí khéo hướng đến Nhất thiết trí. Là trí lìa các sợ hãi, hàng phục các ma. Là trí lìa si ám, được đuốc đại trí tuệ. Là trí đại tài, thành tựu tất cả các căn lành. Là trí cung kính, chỗ cung kính của chư Thiên và thế gian. Là trí đối với tất cả ngoại đạo không thể hàng phục. Là trí khó lãnh hội đối với tất cả các vị Thanh văn, Duyên giác. Là trí thanh tịnh cho người bất tín. Là trí Từ bi cho người sân hại. Là trí hay bố thí cho người keo kiệt. Là trí trì giới cho người phá giới. Là trí nhẫn nhục cho người tức giận. Là trí tinh tấn cho người biếng nhác. Là trí thiền định cho người loạn tâm. Là đại trí tuệ cho người vô trí. Là trí đại phú cho người bần cùng. Là trí an lạc cho người khổ não. Là trí vui vẻ cho người thông tuệ. Do những việc ấy, nên gọi là Đại thừa.

Bấy giờ, Đại đức Tu-bồ-đề nói:

–Cô khéo nói hình tướng về các hạnh của Đại thừa.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Nếu tôi trong một kiếp hay hơn một kiếp, ca ngợi Đại thừa cũng không có chỗ nói hết. Đại đức Tu-bồ-đề, Đại thừa vô lượng là vậy, hình tướng của các hạnh cũng vô lượng như thế.

Đại đức Tu-bồ-đề nói:

–Cô chê trách tôi: "Đại đức Tu-bồ-đề cớ sao khất thực." Này cô! Đấng Pháp Vương Như Lai cũng khất thực, cô có trách Như Lai khất thực không?

Người nữ đáp:

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Đại đức không nên hỏi như thế. Đại đức có biết, Như Lai dùng phương tiện gì mà đi khất thực không?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Này cô! Vậy Đức Thế Tôn Như Lai dùng phương tiện gì mà đi khất thực?

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Đức Phật đã thấy và thành tựu hai mươi việc, không còn lo sợ lỗi, nên đi khất thực. Những gì là hai mươi?

Thị hiện sắc thân nên Như Lai khất thực. Nếu có chúng sinh thấy thân Như Lai đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, những chúng sinh đó thấy được, liền phát tâm với đạo Chánh chân Vô thượng, đó là Như Lai thấy và thành tựu việc thứ nhất không sợ lỗi, mới đi khất thực.

Lại nữa, Đại đức Tu-bồ-đề! Đức Như Lai vào thôn ấp, làng xóm, quốc thành, vương cung thì người mù được thấy sắc, người điếc được nghe tiếng, người loạn tâm được chánh niệm, người rách rưới được áo mặc,

người đói được ăn, người khát được uống, không một chúng sinh nào bị tham dục, sân hận, ngu si bức bách. Khi ấy, mỗi loài chúng sinh đều sinh lòng lành, khởi tâm nhớ đến cha mẹ. Những chúng sinh đó, thấy Như Lai vào thôn ấp, làng xóm, quốc thành, vương cung, liền phát tâm với đạo Chánh chân Vô thượng. Thấy được nghĩa ấy, nên Như Lai khất thực.

Lại nữa, Đại đức Tu-bồ-đề! Đức Như Lai vào làng xóm, thôn ấp, quốc thành, vương cung thì Phạm thiên, Đế Thích, Hộ thế, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà… muốn cúng dường nên đi theo Như Lai. Khi đó, mọi người nhờ Phật lực, nên thấy được Phạm thiên, Đế Thích, Hộ thế, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà cúng dường Phật. Những chúng ấy thấy thân Như Lai có những việc như vậy, sinh lòng kinh sợ, kỳ lạ, ca ngợi là việc chưa từng có, liền phát tâm với đạo Chánh chân Vô thượng. Thấy được nghĩa ấy, nên Như Lai khất thực.

Lại nữa, Đại đức Tu-bồ-đề! Vô lượng chúng sinh nhờ được phong thành ấp, tiền tài, ngôi vị tự tại, mà sinh ra buông thả, kiêu mạn, tự cao, nhưng thấy Như Lai khất thực thì nghĩ: "Ngài bỏ ngôi vị Chuyển luân vương, xuất gia thành đạo, bỏ kiêu mạn, như những người nghèo hèn đi khất thực, chúng ta cũng nên điều phục tâm tự đại, cao ngạo." Nghĩ như vậy rồi, liền phát tâm với đạo Chánh chân Vô thượng. Thấy được nghĩa ấy nên Như Lai đi khất thực.

Lại nữa, Đại đức Tu-bồ-đề! Oai đức hành khất thực của Như Lai, chư Thiên nhờ oai đức mà xét thấy thân Như Lai không vì đói khát bức bách, cũng chẳng gầy yếu, chỉ vì thương xót các chúng sinh, nên hành khất thực, chúng ta cũng nên vì chúng sinh mà hành khất thực, thấy như vậy rồi, liền phát tâm với đạo Chánh chân Vô thượng. Thấy được nghĩa ấy nên Như Lai đi khất thực.

Lại nữa, Đại đức Tu-bồ-đề! Có chúng sinh mệt mỏi, biếng nhác, không đến chỗ Phật, nhưng muốn thấy Như Lai để đi nhiễu bên phải Ngài và lễ bái. Cho nên khi Như Lai vào làng xóm, thôn ấp, quốc thành, vương cung thì những chúng sinh ấy, tự nhiên được thấy Đức Phật Như Lai, thấy rồi sinh lòng vui vẻ, phấn chấn, được an lạc, liền phát tâm với đạo Chánh chân Vô thượng. Thấy được nghĩa ấy nên Như Lai đi khất thực.

Lại nữa, Đại đức Tu-bồ-đề! Có chúng sinh, mắt được thấy Phật, liền chứng vô ngại. Cho đến trong một niệm nghĩ thấy Như Lai, những chúng sinh ấy từng bước, dần dần tiến đến Niết-bàn. Vì muốn có những nhân duyên ấy phát sinh và vì nhân duyên đó, nên Như Lai khất thực. Thấy được nghĩa ấy nên Như Lai đi khất thực.

Lại nữa, Đại đức Tu-bồ-đề! Khi Như Lai vào làng xóm, thôn ấp, quốc thành, vương cung thì những chúng sinh bị ràng buộc, tù túng liền phát khởi giải thoát. Những chúng sinh đó, liền nghĩ: "Nhờ sức của Như Lai nên ta được giải thoát." Họ đối với Như Lai, sinh lòng biết ân, phát tâm với đạo Chánh chân Vô thượng. Thấy được nghĩa ấy nên Như Lai đi khất thực.

Lại nữa, Đại đức Tu-bồ-đề! Có những thiện nam, tín nữ nghe ca ngợi công đức của Như Lai, sinh lòng vui vẻ, liền nghĩ: "Chúng ta nên làm thế nào để cúng dường thức ăn cho Phật!" Vả lại, nhà có con gái, nhưng bị cha mẹ cấm giữ, hoặc bị anh em, chị em cấm giữ, hoặc bị chồng, cha chồng cấm giữ. Những người ấy không được cúng dường thức ăn cho Phật, nên khi Như Lai vào làng xóm, thôn ấp, quốc thành, vương cung, để họ thấy Như Lai, rồi sinh tâm vui vẻ, mừng rỡ, nhận được nguồn an vui và được cúng dường thức ăn cho Phật, nên liền phát tâm với đạo Chánh chân Vô thượng. Thấy được nghĩa ấy nên Như Lai đi khất thực.

Lại nữa, Đại đức Tu-bồ-đề! Bốn vị Thiên vương Hộ thế, dâng bát cho Như Lai, để Như Lai mang. Thấy chúng sinh nghèo cúng ít làm cho thấy bát của Như Lai đầy. Những người như thế đều muốn bát của Phật đầy đủ, được cúng dường nên liền phát tâm với đạo Chánh chân Vô thượng. Thấy được nghĩa ấy nên Như Lai đi khất thực.

Lại nữa, Đại đức Tu-bồ-đề! Thức ăn trong bát Như Lai, chia sớt cho tất cả Tăng chúng, nhưng thức ăn trong đó không tăng, cũng không giảm. Khi ấy, những vị Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-già thấy bát của Như Lai có thần lực, liền phát tâm với đạo Chánh chân Vô thượng. Thấy được nghĩa ấy nên Như Lai đi khất thực.

Lại nữa, Đại đức Tu-bồ-đề! Bát của Như Lai chứa nhiều thức ăn ngon và chẳng ngon, đủ loại trăm ngàn vị, mỗi vị khác nhau, không giống nhau, như đồ chứa được đủ loại, một bát ấy cũng chứa được nhiều như vậy. Lúc đó những vị Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ca-lâu-la, Ma-hầu-la-già, thấy Như Lai có thần lực như thế, liền phát tâm với đạo Chánh chân Vô thượng. Thấy được nghĩa ấy nên Như Lai đi khất thực.

Lại nữa, Đại đức Tu-bồ-đề! Thân của Đức Như Lai là một hợp thể, trong thân đó không rỗng, cũng như kim cang, thân Như Lai không sinh từ thục tạng, không có đại, tiểu tiện, vẫn hành khất thực, vẫn thấy Ngài thọ thực, nhưng thức ăn không vào. Khi ấy, Phạm thiên, Đế Thích, Hộ thế có

oai đức, thấy thân chân thật, pháp tánh và sức thần thông của Như Lai, liền phát tâm với đạo Chánh chân Vô thượng. Thấy được nghĩa ấy nên Như Lai đi khất thực.

Lại nữa, Đại đức Tu-bồ-đề! Nếu có chúng sinh dù nhiều, dù ít, dù đẹp, hay xấu, cúng dường Như Lai thì được phước không giới hạn, cho đến Niết-bàn. Thấy được nghĩa ấy nên Như Lai đi khất thực.

Lại nữa, Đại đức Tu-bồ-đề! Đức Như Lai Thế Tôn thường nhập định, không xả, nhưng cũng hành khất thực. Lúc đó, Phạm thiên, Đế Thích, Hộ thế có oai đức, thấy Như Lai hành khất thực, trong định bất động, những vị ấy sinh chánh niệm, quyết định không nghi là vì các chúng sinh mà hành khất thực, chứ không phải vì ăn. Thấy thần lực như vậy liền phát tâm với đạo Chánh chân Vô thượng. Rõ được nghĩa ấy nên Như Lai đi khất thực.

Lại nữa, Đại đức Tu-bồ-đề! Nếu Như Lai không đi khất thực, hoặc không thọ trai thì có những người xuất gia trong pháp Phật, sinh ý nghĩ: "Chúng ta không nên đi khất thực, cũng không nên ăn." Họ sẽ bị đói khát gầy yếu, không thể có được trí tuệ hơn người. Thấy được nghĩa ấy, nên Như Lai đi khất thực.

Lại nữa, Đại đức Tu-bồ-đề! Vì khéo nuôi dưỡng Thánh chủng nên Như Lai đi khất thực. Thấy được nghĩa ấy, nên Như Lai đi khất thực.

Lại nữa, Đại đức Tu-bồ-đề! Vì thương xót những vị Tỳ-kheo đời sau, nên Như Lai đi khất thực. Do thời mạt thế về sau này, có những người không tín kính, các Bà-la-môn và Trưởng giả sẽ nói: "Chư Phật Thế Tôn thuở trước không đi khất thực, cớ gì các ông lại đi khất thực." Nhưng nếu Như Lai đi khất thực thì các Bà-la-môn và Trưởng giả kia lại sẽ nghĩ: "Chư Phật, Thế Tôn trước kia đi khất thực, cớ sao các ông lại không đi khất thực. Chúng ta phải nên cúng dường." Lại nữa, các pháp của Như Lai là phải đi khất thực, ca ngợi hạnh khất thực. Thấy được nghĩa ấy nên Như Lai đi khất thực.

Lại nữa, Đại đức Tu-bồ-đề! nếu như có các Trưởng giả, con của Trưởng giả, các nhà đại phú xuất gia trong pháp Phật, mà còn có tâm xấu hổ, không thể khất thực lại nghĩ: "Chúng ta là dòng dõi quý tộc, giàu sang phú quý xuất gia, cớ gì lại phải đi đến từng nhà để khất thực." Những người như vậy, họ sẽ theo học đại oai đức của Như Lai mà khất thực. Thấy được nghĩa ấy nên Như Lai đi khất thực.

Lại nữa, Đại đức Tu-bồ-đề! Như Lai luôn hành hóa thuận theo tất cả thế gian. Vì sao? Vì tùy vào sự thành thục của những chúng sinh ở mỗi chỗ, mỗi nơi, mà Như Lai hành khất thực, do Như Lai không bị đói khát

bức bách, không tham, không đắm, không đùa giỡn, không cầu ác, không chỗ nhóm họp.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Như việc đã nói và ngoài những việc ấy, Như Lai còn thấy vô lượng phương tiện, nên đi khất thực.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Thấy hai mươi việc đó không lỗi lầm, nên Như Lai khất thực.

Người nữ nói tiếp:

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Đại đức phải nên có phương tiện như vậy mà đi khất thực. Đại Bi phải như vậy, thanh tịnh phải như vậy để ứng thọ sự cúng dường.

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Này cô, tôi không thể! Cũng như mèo, thỏ, dã can… không thể trang nghiêm làm sư tử là vua của muôn thú, hành động như sư tử, gầm tiếng sư tử. Này cô! Chư Thanh văn, Duyên giác cũng vậy, không thể thị hiện oai nghi, phương tiện, đại Bi giống Như Lai.

Khi người nữ ấy giảng nói về những phương tiện khất thực của Như Lai thì quyến thuộc trong nhà, cùng các nhà xung quanh, người vào nghe pháp đến hai trăm tám mươi người, họ đều phát tâm với đạo Chánh chân Vô thượng.

Bấy giờ, Đại đức Tu-bồ-đề hỏi lại người nữ:

–Này cô, chồng cô hiện giờ ở đâu?

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Chồng tôi chẳng phải chỉ có một người. Vì sao? Này Đại đức Tu-bồ-đề! Vì nếu có chúng sinh, khéo được điều phục, vui lòng với mong muốn được an vui, để trang nghiêm nơi phương tiện thì đều là chồng tôi.

Đại đức Tu-bồ-đề nói:

–Này cô! Người an lạc, trang nghiêm nơi phương tiện là người như thế nào?

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Nếu có chúng sinh, cần các dục lạc thì tôi ban cho chúng sinh ấy dục lạc, rồi sau đó, khuyến họ phát tâm với đạo Vô thượng.

Đại đức Tu-bồ-đề nói:

–Này cô! Như Lai không chấp nhận an vui trong sự ham muốn.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Chư Phật đã nói: "Tỳ-kheo các ông, đã có y bát, ăn uống, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh, nếu có nhà bà con hoặc chỗ nhà khất thực, chỗ cư trú, chỗ bạn bè, Hòa thượng, A-xà-lê thì nên gần gũi

cúng dường, để tăng trưởng căn lành, diệt các pháp ác. Tỳ-kheo như vậy là ta chấp nhận."

Đại đức Tu-bồ-đề nói:

–Này cô! Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như cô đã nói.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Do việc ấy, nên Như Lai cho phép an vui theo sự ham muốn.

Đại đức Tu-bồ-đề nói:

–Này cô! Có bao nhiêu chúng sinh được điều phục, nhờ dục lạc trang nghiêm nơi phương tiện ấy?

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Loài có sắc tướng hiện có nơi tam thiên đại thiên thế giới, được vào trong biên vực đó, có thể tính đếm được, còn như số chúng sinh mà tôi đã điều phục nhờ trang nghiêm nơi phương tiện thì không có giới hạn.

Tu-bồ-đề nói:

–Này cô! Với dục lạc, chúng sinh phải làm thế nào?

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Nếu có chúng sinh vui hướng về Phạm thế thì tôi cho tất cả những chúng sinh ấy vô lượng các pháp thiền, hỷ lạc trong thiền, rồi sau đó, khuyên phát tâm với đạo Vô thượng.

Hoặc có chúng sinh vui hướng đến Thích Đề-hoàn Nhân thì tôi cho chúng sinh ấy niềm vui của Đế Thích, sau đó khuyên phát tâm với đạo Vô thượng.

Nếu có chúng sinh vui hướng về trời Hộ thế thì tôi cho chúng sinh ấy niềm vui ở trời Hộ thế, sau đó khuyên phát tâm với đạo Vô thượng.

Nếu có chúng sinh vui hướng về cái vui của hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già thì tôi cho niềm vui của hàng trời cho đến Ma-hầu-la-già, sau đó khuyên phát tâm với đạo Vô thượng.

Nếu có chúng sinh, có ý chí vui hướng về Chuyển luân vương thì tôi cho niềm vui của Chuyển luân vương, sau đó khuyên phát tâm với đạo Vô thượng.

Nếu có chúng sinh vui hướng làm vua một nước nhỏ thì tôi cũng cho niềm vui của vua một nước nhỏ, sau đó khuyên phát tâm với đạo Vô thượng.

Nếu có chúng sinh vui hướng được làm Trưởng giả, Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà thì tôi cho họ niềm vui được làm Trưởng giả, Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, sau đó khuyên phát tâm với đạo Vô thượng.

Nếu có chúng sinh vui hướng với sắc, thanh, hương, vị, xúc thì tôi cho họ vui với sắc, thanh, hương, vị, xúc, sau đó khuyên phát tâm với đạo Vô thượng.

Nếu có chúng sinh vui hướng với hương hoa, hương đốt, hương xoa, cờ phướn, lọng báu và các thứ y phục thì tôi cho niềm vui với hương hoa, hương đốt, hương xoa, cờ phướn, lọng báu, y phục, sau đó khuyên phát tâm với đạo Vô thượng.

Nếu có chúng sinh vui hướng với vàng bạc, lưu ly, pha lê, các thứ châu báu khác... thì tôi cho họ niềm vui với các thứ vàng bạc lưu ly, pha lê, châu báu... sau đó khuyên phát tâm với đạo Vô thượng.

Nếu có chúng sinh vui hướng với trống, đàn tranh, nhạc cụ, tiêu, sáo, ca múa, âm nhạc... thì tôi cũng tùy theo mong muốn, yêu cầu, sở thích của những chúng sinh như vậy, mà ban cho tất cả, sau đó khuyên phát tâm với đạo Vô thượng.

Tu-bồ-đề lại nói:

–Này cô! Năm dục ấy là chướng ngại cho Thánh đạo, cớ sao lấy năm dục để điều phục chúng sinh?

Khi đó, ngoài cửa có hai con của vị Trưởng giả, đã được điều phục, nhờ niềm an lạc trang nghiêm nơi phương tiện, hai vị ấy liền nói với Đại đức Tu-bồ-đề:

–Thưa Đại đức! Hôm nay, không nên dùng trí tuệ của mình mà phân biệt chọn lựa trí tuệ của Bồ-tát. Thưa Đại đức! Cũng như một ngọn đèn nhỏ, thổi một cái liền tắt. Này Đại đức Tu-bồ-đề! Các thiện nam, tín nữ, học thừa Thanh văn, ánh sáng trí tuệ cũng ít như vậy, khởi lên một tưởng dục tâm tức diệt mất.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Ý Đại đức thế nào? Nếu như khi kiếp này bị thiêu đốt, lửa bốc cháy dữ dội, nếu dùng miệng thổi, có thể tắt không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Này thiện nam! tín nữ! Nếu dùng nước trong trăm ngàn biển lớn cũng không thể dập tắt, huống gì là miệng thổi!

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Ánh sáng trí tuệ, công đức của Bồ-tát cũng vậy. Nhiều hằng sa kiếp thọ năm thứ dục lạc, nhưng cũng không thể diệt được ánh sáng trí tuệ công đức của Bồ-tát.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Như người nghèo bị bệnh, được thầy thuốc cho vị thuốc đắng, chát, ngọt, chua, rẻ mà dễ tìm, lúc đó, người bệnh, thân đang bị khổ não, uống những vị thuốc đắng, chát, ngọt, chua ấy là vì bần

cùng, nên phải chịu đói khát, để được thoát khỏi bệnh hoạn.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Các thiện nam, tín nữ... học Thanh văn thừa cũng vậy. Thực hành hạnh Đầu-đà, công đức, oai nghi, nhờ chánh hạnh nên ít muốn, biết đủ, các hạnh trú ở chỗ thanh vắng, thức ăn tốt hay xấu, kẻ ít hiểu biết nên chịu các khổ não, sau đó không nắm giữ mà được giải thoát.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Người học phương tiện nơi thừa Thanh văn được giải thoát cũng thế, như người nghèo trị bệnh.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Như vua Quán Đảnh dòng Sát-lợi bệnh, các vị lương y dâng thuốc cho vua uống, sắc các hương vị của thuốc hay, uống vào được an vui, dâng các thức ăn mỹ vị mà vua thích và cung phụng tất cả hương hoa, hương bột, hương xoa, hương tán, lại tổ chức kỹ nhạc, ca múa, ca ngợi cho vua vui vì muốn cho vua không sầu khổ. Các vị lương y ấy làm như vậy thì vua được vui sướng, liền khỏi bệnh.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng thế, có nhiều vị Bồ-tát dùng chuỗi ngọc trang nghiêm nơi phương tiện, nhận tất cả năm thứ dục lạc, rồi sau đó chứng đắc Chánh đạo Vô thượng.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Đại đức nên biết điều đó, trí tuệ hiểu biết của chư Bồ-tát cũng giống như phương tiện trị bệnh cho vua Quán Đảnh dòng Sát-lợi kia.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Năm dục không có gốc rễ, không có chỗ an trụ. Nhất thiết trí ấy cũng vậy, không gốc rễ, không chỗ an trụ. Người nào có Nhất thiết trí, tự biết chỗ nên làm, chỗ không nên làm. Đối với năm thứ dục lạc, chẳng phải thích, chẳng phải không thích, đơn độc không bạn bè, Nhất thiết trí cũng không công đức, không chỗ có được, người chứng đắc được nhẫn ấy, là người tự biết những gì là đạo, những gì chẳng phải đạo. Năm thứ dục lạc rỗng không, Nhất thiết trí rỗng không, người được nhẫn không trải qua năm dục, người ấy tự thấy năm dục là tội lỗi mà chê trách nó.

Bấy giờ, Đại đức Tu-bồ-đề hỏi con trưởng giả:

–Ai là thân quyến của ông?

Khi ấy, con Trưởng giả, chắp tay, hướng về người nữ nói kệ:

Đây là cha mẹ tôi
Thân hữu cho tôi thuốc
Người cắt đường cõi ác
Đấng Vô thượng của tôi.
Bậc đại ân của tôi

Là người giáo hóa tôi
Luôn luôn khuyến dụ tôi
Diệt hết khổ cho tôi.
Vì tôi nói diệu pháp
Giải rõ tất cả lý
Để tôi được an vui
Cũng khuyên tôi không tranh.
Như cá vì thức ăn
Bị lưỡi câu móc dính
Ưa an vui cũng thế
Nhờ thu giữ chúng tôi.
Như chim vì miếng mồi
Bị lưới, bẫy vây bắt
Tôi phương tiện cũng vậy
Nên ở trong trí tuệ.
Nếu bị độc của rắn
Dùng độc để diệt độc
Dục, sân cũng như vậy
Cũng dùng độc trừ độc.
Như người bị lửa đốt
Lại dùng lửa cứu trừ
Phiền não cũng như thế
Lại nhờ nó giải thoát.
Tôi đã biết chánh pháp
Tôi không vì tham dục
Phàm phu cần tham dục
Không muốn đạo Bồ-đề.

Lúc này, Đại đức Tu-bồ-đề hỏi:

–Này cô! Cô dùng niềm vui trang nghiêm nơi phương tiện, điều phục được ai không? Được thiện nam, tín nữ nào không?

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Nếu không dùng niềm vui trang nghiêm nơi phương tiện này thì không thể giáo hóa tất cả chúng sinh.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Tâm người nữ phần nhiều tham lam chìm đắm nơi dục lạc, chẳng như người nam. Thưa Đại đức! Tôi dùng niềm vui trang nghiêm nơi phương tiện điều phục nhiều người nữ, chẳng có nam.

Đại đức Tu-bồ-đề hỏi:

–Này cô! Cô là người nữ làm sao điều phục nữ?

Khi đó, người nữ dùng thần lực hóa thân, sắc đẹp và hình tướng đoan nghiêm, trong sạch, thanh khiết, oai đức bậc nhất, như ba mươi hai tướng rực rỡ trang nghiêm của bậc nam tử, tự dùng đủ loại chuỗi ngọc trang sức rồi nói với Đại đức Tu-bồ-đề:

–Nhờ sắc thân như vầy, mà tôi điều phục được người nữ.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Người nay là nữ hay nam?

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Đại đức là phàm phu hay bậc Hữu học?

Tu-bồ-đề nói:

–Này Thiện nam! Tôi chẳng phải là phàm phu, cũng chẳng phải là bậc Hữu học.

–Tôi chẳng phải nam, cũng chẳng phải là nữ.

–Này cô! Nếu chẳng phải nam, chẳng phải nữ, vậy gọi là gì?

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Đại đức chẳng phải phàm phu, chẳng phải bậc Hữu học, vậy gọi Đại đức thế nào?

Đại đức Tu-bồ-đề nghĩ: "Đây là vị Đại Bồ-tát, trí tuệ rất sâu dày, ta nên đáp ta là A-la hán."

Liền đó, vị thiện nam biết được tâm niệm của Đại đức Tu-bồ-đề, nên nói:

–Thưa Đại đức! Đại đức nên mạnh mẽ khẳng định là A-la hán, đừng sợ tôi hỏi vặn.

–Này thiện nam! Ta là A-la hán đã sạch các lậu.

Tức thì người nữ hỏi lại:

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Trong quá khứ và hiện tại, Đại đức làm gì để sạch các lậu? Nếu quá khứ tận, quá khứ không tận, hoặc vị lai chưa đến cũng không có tận, hiện tại không trụ cũng không có tận.

Tu-bồ-đề đáp:

–Này thiện nam! Tôi thật không thể dốc lòng đáp lời cùng cô. Nay tôi đến đây, chỉ muốn khất thực để độ nhật, không muốn mất thời gian.

Bấy giờ, vị thiện nam nhập vào Tam-muội, hiện ra tất cả cõi Phật.

Khi ấy, Đại đức Tu-bồ-đề liền thấy vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ các cõi Phật. Hoặc thấy cõi Phật lúc giờ tiểu thực, thấy cõi Phật lúc giờ đại thực, hoặc thấy cõi Phật lúc đánh kiền chùy, thấy Tăng ngồi, thấy Tăng thọ trai, thấy Tăng rửa bát, thấy giờ ngọ, thấy sau giờ ngọ, thấy trời chiều, thấy trời lặn, thấy đầu đêm, thấy giữa đêm, thấy cuối đêm, thấy không mặt

trời, mặt trăng, thân chiếu ánh sáng.

Lúc này, thiện nam nói với Đại đức Tu-bồ-đề:

–Nay Đại đức hãy xem xét! Nay Đại đức xét thấy điều đó rồi, vậy muốn thọ trai khi nào? Nay nên quán điều đó ở đâu? Lúc nào?

Tu-bồ-đề đáp:

–Này thiện nam! Nay tôi phải nhờ vào thời gian ở cõi Diêm-phù-đề, không nhờ giờ thọ trai của cõi Phật khác.

Khi đó, thiện nam dùng thần lực khiến cho giờ ngọ cũng như giờ tiểu thực và nói với Đại đức Tu-bồ-đề:

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Đại đức xét xem ngày hôm nay lúc này là lúc nào? Này Đại đức Tu-bồ-đề! Vì thân thiện nên tôi mới hỏi như vậy.

–Này thiện nam! Người tên gì mà nay hỏi điều đó?

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Tôi tên gì chăng? Đại đức hãy hỏi Đức Thế Tôn, Thế Tôn vì Đại đức sẽ giảng nói.

Thưa Đại đức! Tất cả danh chẳng phải là danh. Vì sao? Vì tất cả đều là vọng tưởng, không thật. Đã vọng tưởng, không thật, nên nói danh tướng là giả.

Tu-bồ-đề nói:

–Này thiện nam! Tên gọi Nhất thiết trí cũng là vọng tưởng, không chân thật phải không?

Đáp:

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Cũng là vọng tưởng, không thật. Vì sao? Vì tên Nhất thiết trí là vô lượng, vô biên, mỗi mỗi cõi Phật đều nói tên khác nhau.

Hỏi:

–Này thiện nam! Vậy Nhất thiết trí gọi thế nào?

Đáp:

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Hoặc có cõi Phật, gọi Nhất thiết trí là Phân biệt quang, hoặc gọi Biến chiếu, hoặc gọi là Thị nhất thiết trí, hoặc gọi Tăng dũng, hoặc gọi Đại quang, hoặc gọi Hiện tại, hoặc gọi Trì địa, hoặc gọi Đại hàng phục, hoặc gọi Đại phổ.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Tên của Nhất thiết trí vô lượng như vậy nên tên của sắc cũng vô lượng như vậy. Tên của thọ, tưởng, hành, thức cũng vô lượng như vậy. Các giới, nhập, niệm xứ, chánh đoạn, thần túc, các căn, lực, giác đạo, tất cả pháp trợ đạo ở mỗi mỗi cõi Phật đều có vô lượng danh

tự. Thưa Đại đức! Tên ấy có thật không?

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Nhờ phương tiện ấy, nên biết tất cả danh tự chẳng phải danh, tất cả danh đều là vọng tưởng, không thật.

Bấy giờ, Đại đức Tu-bồ-đề khen ngợi các vị Trưởng giả, Bà-la-môn trong thành Vương xá đã được thiện lợi lớn, vì có vị Ứng cúng dừng nghỉ tại đây.

Lại hỏi Đại đức Tu-bồ-đề:

–Ngay bây giờ, Đại đức có biết Ứng cúng ở đời không?

Tu-bồ-đề nói:

–Này thiện nam! Theo chỗ tôi biết, nay tôi sẽ nói. Nếu có người giữ giới, tu hành pháp thiện, khéo nhập thiền định, tâm không loạn. Những người ấy gọi là bậc Ứng cúng ở đời.

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Đại đức nói Ứng cúng như vậy cũng chưa đầy đủ.

Tu-bồ-đề nói:

–Này thiện nam! Ông nay sẽ nói Ứng cúng thế nào?

Đáp:

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Nếu tất cả các chúng sinh... không có tâm đại Bi, không gọi là Ứng cúng.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Gọi là Ứng cúng, khi không cắt đứt hạt giống Phật, Pháp, Tăng. Như vậy, Ứng cúng là bậc có thể cắt đứt tất cả phiền não cho chúng sinh. Là bậc trí tuệ vô tận, công đức vô tận, biện tài vô tận. Là bạn của phàm phu, chẳng phân biệt Thánh nhân bè bạn, là bậc được đời tôn quý cúng dường, chúng sinh ai thấy sẽ được mắt pháp trong sáng.

Khi ấy, có vị trời, thường theo Đại đức Tu-bồ-đề, nhưng chưa đắc chánh định, khi nghe có bậc Ứng cúng như vậy, sinh lòng vui mừng phát tâm với đạo Chánh chân Vô thượng. Sau khi phát tâm gieo mình sát đất, thưa với Đại đức Tu-bồ-đề:

–Con nay xin hối lỗi, vì không theo hạnh của Đại đức.

Lúc đó, thiện nam liền hỏi vị trời:

–Này Thiên nữ! Nay cớ gì hướng về Đại đức Tu-bồ-đề mà hối lỗi?

Thiên nữ đáp:

–Mười hai năm nay, tôi thường đi theo Đại đức Tu-bồ-đề, nhưng chưa từng nghe về vị Ứng cúng ấy. Nay tôi nghe điều đó liền phát tâm với

đạo Chánh chân Vô thượng, tôi nghĩ: "Mỗi chỗ, mỗi nơi, có nói pháp Ứng cúng thanh tịnh như thế, tôi sẽ đến đó. Nếu chư Bồ-tát tụ hội, diễn nói pháp Bồ-tát, tôi cũng đến đó."

Đại đức Tu-bồ-đề nghe Thiên nữ phát tâm như vậy liền khuyên bảo:

–Này Thiên nữ! Người được thiên lợi với pháp sâu xa của Phật phát tâm đạo Vô thượng. Thiên nữ, tôi nay quá phiền muộn, đối với pháp Nhất thiết trí chưa phải là pháp khí. Chỗ sẽ làm gọi là gì?

Này Thiên nữ! Nếu tôi chưa cắt đứt tất cả các lậu, chưa được tâm giải thoát thì tôi cũng sẽ phát tâm với đạo Vô thượng. Thiên nữ, Ngươi hãy thường gần gũi bậc Thiện tri thức như vậy, cung kính, ca ngợi, nhiễu bên phải, lễ bái. Như thế là đấng trượng phu đại thiện, cũng có thể gọi là pháp chưa từng được nghe, nghe pháp rồi thì không quên mất.

Đại đức Tu-bồ-đề nói tiếp:

–Ta nay cũng hướng về người mà hối lỗi, vì ta vốn không biết người có ý đó, nên khuyên bảo pháp Thanh văn.

Thiên nữ đáp:

–Con được Đại đức Tu-bồ-đề dạy, đối với một chúng sinh, nếu chưa xem xét căn cơ của đối tượng thì không nên khuyên bảo về thừa Thanh văn. Vì sao? Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Vì người cầu đạo Bồ-đề, không mong thừa Thanh văn. Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Tuy bị đói khát bức bách, nhưng hoàn toàn không ăn các thứ tạp độc. Cũng vậy, Đại đức Tu-bồ-đề! Người cầu đạo Bồ-tát, không mong nghe thừa Thanh văn.

Lúc ấy, Thiện nam hỏi Thiên nữ:

–Chánh đạo Vô thượng rất khó thành tựu, nếu ít trang nghiêm, khó mà đắc Chánh Giác.

Thiên nữ đáp:

–Này thiện nam! Chánh đạo Vô thượng tuy khó thành tựu, nhưng tôi hành được như vậy, không ngừng tinh tấn.

Thiện nam hỏi Thiên nữ:

–Ngươi hành thế nào?

Thiên nữ đáp:

–Đối với các loài luôn hành tâm bình đẳng, giải thoát cho tất cả chúng sinh, gánh vác cho chúng sinh, thành thục cho tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh thoát khổ được vui. Này Thiện nam! Tôi hành như vậy.

–Này Thiên nữ! Ngươi còn chấp tướng, đối với tất cả chúng sinh,

không có tâm bình đẳng. Nếu mình bị phiền não trói buộc thì không thể giải thoát cho tất cả chúng sinh. Người còn nương nơi năm ấm, nên không thể vì tất cả chúng sinh mà làm người gánh vác. Nếu ai còn có hàng ức ý tưởng về các căn lành thì không thể thành thục cho tất cả chúng sinh. Nếu ai còn có tướng của ta, tướng của người thì không thể hiểu rõ về khổ, lạc nơi chúng sinh.

Bấy giờ, Thiên nữ theo chỗ dạy bảo, chứng đắc thuận pháp nhẫn.

Khi đó, Thiên nữ nơi trong và ngoài cửa, rải đủ các loại hoa, để cúng dường vị Thiện nam.

Lúc này, vị thiện nam hiện nguyên hình là người nữ, y phục trang nghiêm, nói với Đại đức Tu-bồ-đề.

–Thưa Đại đức! Đại đức đợi một lát, tôi sẽ mang thức ăn đến.

Tức thời người nữ vào nhà, mang trăm vị thức ăn ra, rồi nói:

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Đại đức chẳng nên lìa dục, chẳng nên không lìa dục. Chẳng nên lìa sân, chẳng nên không lìa sân. Chẳng nên lìa si, chẳng nên không lìa si. Chẳng nên lìa phiền não, chẳng phải không lìa phiền não, Đại đức nên nhận thức ăn này.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Đại đức không biết khổ, không cắt đứt tập, không chứng đắc diệt, không tu đạo, Đại đức nên nhận thức ăn này.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Nếu Đại đức không tu bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo, Đại đức nên nhận thức ăn này.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Đại đức không khởi thân kiến, chỉ đắc tâm đạo, Đại đức nên nhận thức ăn này.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Nếu Đại đức diệt vô minh, chứng minh giải thoát, thắng tiến nơi các hành, chứng vô vi, không hành ở thức, lại không có sinh, được giải thoát, không tăng trưởng danh sắc, vượt qua ba cõi, sáu nhập chẳng vào, biết giải thoát không, không thọ xúc, tu giải thoát vô tướng, không thấy thọ, chứng giải thoát vô nguyện, không có ái, hiểu biết như thủ bất động, biết vô sinh, biết hữu chẳng phải tập, biết sinh, vô sinh, biết lão tử không đi, biết mười hai nhân duyên không sinh không tham, Đại đức nên nhận thức ăn này.

Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Đại đức không thấy Phật, không nghe Pháp, không gần gũi Tăng, Đại đức nên nhận thức ăn này.

Thưa Đại đức! Nếu Đại đức biết tội ngũ nghịch, đồng với pháp tánh, Đại đức nên nhận thức ăn này.

Thưa Đại đức! Mạng này không chết ở đây, không sinh ở nơi khác, Đại đức nên nhận thức ăn này.

Thưa Đại đức! Nếu tham bình đẳng đồng với không tranh bình đẳng, nếu sân bình đẳng đồng với không tranh bình đẳng, nếu si bình đẳng đồng với không tranh bình đẳng, Đại đức nên nhận thức ăn này.

Thưa Đại đức! Đại đức không qua phàm phu địa, không thành Thánh địa, Đại đức nên nhận thức ăn này.

Thưa Đại đức! Đại đức không theo minh, vào minh, không đọa nơi sinh tử, cũng không vào Niết-bàn, lại không thật ngữ, không vọng ngữ, Đại đức nên nhận thức ăn này.

Thưa Đại đức! Đại đức tận hay vô tận, không phân biệt vô tận. Đối với ấm, giới, nhập cũng không dao động, nghĩ không chỗ nương tựa, lại không tranh tụng. Đối với các chúng sinh, tâm không nghi, đối với tất cả pháp, tâm không ràng buộc, Đại đức nên nhận thức ăn này.

Thưa Đại đức! Chỗ Đại đức xuất gia, không được pháp ấy, Đại đức nên nhận thức ăn này.

Thưa Đại đức! Nguyện xuất gia của Đại đức, không là nguyện nhập Niết-bàn, Đại đức nên nhận thức ăn này. Nếu Đại đức Tu-bồ-đề không tranh thì địa ngục cũng không tranh.

Thưa Đại đức! Không giữ Ứng cúng, Đại đức nên nhận thức ăn này.

Thưa Đại đức! Nếu có người, đối với Đại đức, khởi lên tưởng Ứng cúng, tức người ấy chê bai Tu-bồ-đề. Thưa Đại đức! Đại đức chẳng phải là Ứng cúng, cũng không phải là bố thí rốt ráo, không trụ nơi Ứng cúng.

Thưa Đại đức! Nếu thành được pháp đó, Đại đức nên nhận thức ăn này.

Bấy giờ, Đại đức Tu-bồ-đề ở ngoài cửa, bước đi bảy bước, duỗi tay phải, nói người nữ:

–Cô vì tôi khéo giảng nói về sự thành tựu pháp này.

Người nữ ca ngợi:

–Lành thay, lành thay! Đại đức Tu-bồ-đề!

Rồi liền trao thức ăn cho Tu-bồ-đề, trao xong, nói:

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Bậc Ứng cúng bình đẳng thọ thực như vậy, khó gặp ở đời. Nếu kiêu mạn nói là bình đẳng, trong sạch thọ nhận cúng dường thì đọa vào địa ngục.

Lúc này, Thiên nữ hỏi Đại đức Tu-bồ-đề:

–Thưa Đại đức Tu-bồ-đề! Người nữ này, nhân duyên gì mà giảng

nói pháp như vậy, sao Đại đức không đáp?

Tu-bồ-đề đáp:

–Này Thiên nữ! Ý ngươi thế nào? Thân người như huyễn, có thể nói là nguyên nhân hay chẳng là nguyên nhân không?

Thiên nữ đáp:

–Không, thưa Đại đức Tu-bồ-đề!

Tu-bồ-đề tiếp:

Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như ngươi nói! Các pháp đều như huyễn, ta đáp làm gì.

Này Thiên nữ! Như các chúng sinh nói hư, thật bình đẳng là đồng với ta. Vì sao? Vì khi giảng nói pháp thọ thực như vậy, những lời nói bình đẳng ấy là như huyễn, nên có một trăm Thiên tử được mắt pháp trong sạch.

Bấy giờ, người nữ hướng về Tu-bồ-đề hối lỗi, hối lỗi rồi nói với Đại đức Tu-bồ-đề là tùy ý Đại đức đi. Đại đức mang thức ăn này đến chỗ Phật, tôi cũng sẽ đến chỗ Phật.

Lúc này, Đại đức Tu-bồ-đề mang thức ăn khất thực được, rời thành Vương xá. Nghe pháp ấy, Đại đức sinh tâm vui vẻ không muốn thọ trai. Khi Đại đức Tu-bồ-đề lòng đang suy nghĩ thức ăn này sẽ bố thí cho ai, phải tùy chỗ bố thí, để không mất quả báo. Khi đó, có một vị Bồ-tát, tên Bất Ô Nhất Thiết Pháp, biết ý nghĩ của Tôn giả Tu-bồ-đề, liền đến thẳng chỗ Đại đức Tu-bồ-đề. Đến rồi, nói với Đại đức Tu-bồ-đề:

–Thức ăn này nên thí cho tôi thì không mất quả báo.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Này Thiện nam! Ông có an trụ nơi giới không?

Đáp:

–Này Đại đức Tu-bồ-đề! Tôi không thọ các pháp, không trì giới lại còn phá giới. Đại đức Tu-bồ-đề! Tôi sát sinh, trộm cắp, dâm dục, nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói thêu dệt, tham lam, sân giận và tà kiến.

Lúc đó, Đại đức Tu-bồ-đề nghe và nghĩ về lời nói ấy, biết Thiện nam này đã đắc biện tài về ngôn từ, nên sẽ hỏi nhân duyên chỗ nói đó.

Đại đức Tu-bồ-đề hỏi:

–Này Thiện nam! Nhân duyên gì mà nói lời như thế?

Khi ấy, Bồ-tát Bất Ô Nhất Thiết Pháp hướng về Đại đức Tu-bồ-đề, nói kệ:

Đạo tôi rất thanh tịnh

Đạo Bồ-đề Vô thượng
Trăm ngàn ức chúng sinh
Ở ngay trong đạo này.
Nhờ duyên này nên nói
Tôi sát hại chúng sinh
Gọi là Sát chúng sinh
Ai hay đạo ấy tịnh.
Bồ-đề chẳng cùng trời
Cũng chẳng cùng Thích, Phạm
Không do tự nhiên được
Do duyên đó tôi trộm.
Đại thừa không ban cho
Không y chỉ thừa kém
Tôi nói là Đại thừa
Do đó nên tôi trộm.
Biết đối với tà dâm
Người trí tuệ cầu pháp
Cấm dục mà cố dục
Như vậy hành tà hạnh.
Như chỗ có giả danh
Vì người khát ngưỡng nói
Tất cả các vọng ngữ
Do đó nên vọng ngữ.
Nếu có các chúng sinh
Nương tựa theo thừa dưới
Phá bỏ những điều ấy
Khuyên phát theo Đại thừa.
Người hai lưỡi như vậy
Phá trừ các ngoại đạo
Đọa phi đạo chúng sinh
An trụ đất bình thản.
Nếu ai hay quở trách
Là không có ái ngữ
Nói những lời thô ác
Hàng phục tất cả ma.
Nói những lời thô ác
Tâm cũng không sân giận
Người khỏe thấy phương tiện

Nên giáo hóa chúng sinh.
Biết nói nhân duyên gì
Tùy nhân duyên mà nói
Đó gọi là thêu dệt
Biết ức số chúng sinh.
Hoặc nói nơi chân thật
Hoặc biết rõ vọng ngữ
Do đó nên thêu dệt
Diễn thuyết về chánh pháp.
Nếu tất cả chúng sinh
Cùng thọ vui trời, người
Lại cầu khỏi tội lỗi
Cầu mong một chúng sinh.
Nếu vui thích tương ưng
Điều phục lợi thế gian
Bậc trí tuệ ban cho
Tất cả chúng sinh vui.
Chỗ diễn nói người tham
Những người tham như vậy
Thường tạo nguyện như thế
Các chúng sinh làm Phật.
Khi chánh pháp muốn diệt
Người dũng kiện trì giữ
Thân mạng dù xả bỏ
Chứ không bỏ pháp Phật.
Hiện ra vô sở úy
Các chúng sinh tranh tụng
Và tất cả ngoại đạo
Thâu giữ lấy chánh pháp.
Hoặc giữ gìn một kiếp
Hoặc giữ một ức kiếp
Cũng không bỏ chánh pháp
Sau đó không vọng ngữ.
Người dũng kiện tà kiến
Tất cả hữu vi tà
Cũng biết nơi tà kiến
Tiến vào theo chánh kiến.
Người có pháp như vậy

Là an trụ trì giới
Trụ nơi không có trụ
Bậc trí hiểu Bồ-đề.

Bấy giờ, Đại đức Tu-bồ-đề dùng thức ăn khất thực được, cúng dường cho vị Thiện nam và nói:

–Đại sĩ là bậc thiện trượng phu, đáng thọ tín thí mà không mất quả báo.

Ngày đó Đại đức Tu-bồ-đề không thọ trai. Qua giờ thọ thực, Tu-bồ-đề ra khỏi Tam-muội, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, rồi hướng về Phật, nói lại đầy đủ pháp đã nghe.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ông nay biết Bồ-tát ấy tên gì không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn!

Phật nói:

–Bồ-tát ấy tên là Đại Bồ-tát Chuyển Nữ Thân, đã ưa thích trang nghiêm nơi phương tiện để giáo hóa chúng sinh. Như ở nước Ma-già-đà cứ mười đấu bằng một hộc, một ngàn hộc bằng một xe, gồm có một ngàn xe hạt cải như vậy, có người có thể đếm hết số đó, nhưng Đại Bồ-tát Chuyển Nữ Thân do ưa thích trang nghiêm nơi phương tiện, ở thế giới Ta-bà giáo hóa chúng sinh, khiến cho cõi trời, người đều phát tâm nơi đạo Chánh chân Vô thượng thì không thể đếm biết.

Lúc này, người nữ và năm trăm nữ nhân thị tùng vây quanh cùng ra khỏi thành Vương xá, hướng về núi Kỳ-xà-quật, thẳng đến chỗ Phật.

Từ xa, Đức Thế Tôn trông thấy người nữ, bên nói với Đại đức Tu-bồ-đề:

–Ông có thấy năm trăm người nữ ấy đến đây không?

–Dạ thấy, thưa Thế Tôn,

Phật nói:

–Những người nữ này là Đại Bồ-tát Chuyển Nữ Thân do ưa thích trang nghiêm nơi phương tiện giáo hóa đã thành thục, đều đã an trụ nơi tâm đạo Chánh chân Vô thượng.

Khi ấy, người nữ cùng năm trăm nữ nhân thị tùng đi theo đã đến chỗ Phật, người nữ đảnh lễ sát chân Phật, rồi lui ra đứng qua một bên. Năm trăm người nữ kia cũng đảnh lễ sát chân Phật, rồi lui đứng qua một bên.

Lúc này, Đại đức Tu-bồ-đề đến chỗ người nữ, chắp tay cung kính.

Khi đó, Đại đức Xá-lợi-phất hỏi Đại đức Tu-bồ-đề:

–Tôn giả nay đạt được phi Thánh pháp phải không? Đã trụ nơi phi Thánh giới phải không? Sao lại cung kính nữ nhân?

Bấy giờ, người nữ nói với Đại đức Xá-lợi-phất:

–Thưa Đại đức! Đại đức có biết Thánh thế gian và chẳng phải Thánh thế gian không? Nếu không thể nói thì nên im lặng.

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Này cô! Cô có thể biết Thánh và chẳng phải Thánh chăng?

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Tôi có thể biết điều đó.

–Cô biết như thế nào?

Đáp:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Nếu không đoạn Thánh chủng, đó gọi là Thánh. Nếu không đoạn Phật chủng, Pháp chủng, Tăng chủng, đó gọi là Thánh. Nếu thực hành lòng Từ bi, mong muốn cho tất cả chẳng phải Thánh được giải thoát, đó gọi là Thánh.

Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Thà là một người nữ, dùng đủ loại chuỗi ngọc tự trang nghiêm, đeo tràng hoa Chiêm-bặc, nhận năm thứ dục lạc mà tăng trưởng rạng rỡ dòng Thánh, không bỏ tâm đạo Chánh chân Vô thượng, còn hơn là A-la-hán tu tám giải thoát, các lậu tịch tĩnh.

Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Tôi xin ví dụ: Nếu dùng bát lưu ly chứa đầy ngọc thủy tinh, với dùng vật báu vô giá đặt trong phân uế. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Ý Tôn giả sẽ thế nào?

–Này cô! Thà dùng vật báu vô giá đặt trong phân uế, chứ chẳng dùng bát lưu ly chứa đầy ngọc thủy tinh.

–Đúng vậy! Đại đức Xá-lợi-phất! Như có người nữ, tâm đạo trụ nơi Chánh chân Vô thượng, vượt qua chư Thánh, không như A-la-hán tu tám giải thoát, trụ nơi tịch tĩnh dứt hết các lậu.

Đại đức Xá-lợi-phất nói:

–Này cô! Cô có hướng về Đại thừa không?

–Thưa Đại đức! Thể của Đại thừa là không hướng tới cũng không quay trở lại.

–Này cô! Nếu Đại thừa ấy, không hướng tới, không quay trở lại, vậy hướng về Đại thừa thì chỗ hướng về là chỗ nào?

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Chỗ hướng là Đại thừa, tức là hướng về từ vô minh vô tận, cho đến hướng về lão tử vô tận. Vì sao? Này Đại đức

Xá-lợi-phất! Vì vô minh không thể tận, cho đến lão tử cũng không thể tận. Vô tận tức là pháp tánh vô sinh. Nếu sinh là tận thì vô sinh là vô tận. Này Đại đức Xá-lợi-phất! Duyên hợp pháp sinh là pháp không tranh.

Bấy giờ, Đại đức Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ai là người có thể tuyển chọn? Thưa Thế Tôn? Người nữ này dùng chuỗi ngọc tự trang nghiêm nơi phương tiện mà thành tựu ngôn biện như vậy chăng?

Người nữ đáp:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Lời nói biện biệt đó chẳng phải là chuỗi ngọc trang nghiêm.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Này cô! Vậy ai là biện luận?

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Bồ-tát trang nghiêm tám thứ chuỗi ngọc, nếu trang nghiêm rồi thì đạt được biện tài vô ngại của Bồ-tát. Những gì là tám?

Không mất tâm Bồ-đề là chuỗi ngọc trang nghiêm thứ nhất.

Trụ nơi tâm đại Bi rốt ráo là chuỗi ngọc trang nghiêm thứ hai.

Tất cả chúng sinh không có lòng nghi ngại, là chuỗi ngọc trang nghiêm thứ ba.

Cầu tiến được hiểu biết rộng, không hề chán đủ là chuỗi ngọc trang nghiêm thứ tư.

Khéo có thể quán sát như pháp đã nghe, là chuỗi ngọc trang nghiêm thứ năm.

Hóa độ chúng sinh, nhưng cũng không thể thấy đối với tất cả các pháp là chuỗi ngọc trang nghiêm thứ sáu.

Khéo biết phương tiện, phân biệt sâu xa về pháp duyên hợp sinh khởi, khéo biết tất cả các căn của chúng sinh là chuỗi ngọc trang nghiêm thứ bảy.

Khéo biết phương tiện của chư Phật thọ trì là chuỗi ngọc trang nghiêm thứ tám.

Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Đó là tám thứ chuỗi ngọc trang nghiêm. Nếu Bồ-tát nào dùng chuỗi ngọc ấy tự trang nghiêm, tức sẽ được biện tài vô ngại.

Đại đức Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người nữ này mạng chung ở cõi nào mà sinh đến

đây?

Lúc đó, người nữ đến trước Tôn giả Xá-lợi-phất, hóa ra một thân nữ nữa, giống mình không khác.

Người nữ liền nói với Đại đức Xá-lợi-phất:

–Đại đức hỏi người nữ ấy, mạng chung ở nơi nào mà sinh đến đây phải không?

Xá-lợi-phất đáp:

–Này cô! Người nữ này do biến ra, mà biến ra thì không sinh tử.

–Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như Đại đức nói! Tất cả các pháp của Đức Như Lai Chánh Giác đều như tướng hóa, nếu ai biết tất cả các pháp ấy là tướng hóa thì không còn sinh tử.

Bấy giờ, Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Vị Đại Bồ-tát Chuyển Nữ Thân đó, từ cõi Phật A-súc đến đây, vì để giáo hóa chúng sinh.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Vị Đại Bồ-tát Chuyển Nữ Thân ở cõi Ta-bà này, đã làm thành thục cho vô lượng, vô biên chúng sinh, trụ nơi đạo Chánh chân Vô thượng.

Lúc này, Bồ-tát Chuyển Nữ Thân năm vóc gieo xuống đất, bạch với Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Thế Tôn không nói việc con được thọ ký đạo Vô thượng, chuyển thân nữ thành thân nam thì con không đứng dậy trước chân Phật. Năm trăm nữ nhân cũng năm vóc sát đất, phát thệ nguyện: "Bạch Thế Tôn! Chúng con nay ở trước Phật, cũng không đứng dậy, mong Thế Tôn nói việc được thọ ký đạo Vô thượng cho chúng con."

Lúc ấy, Đức Thế Tôn mỉm cười. Pháp của Phật - Thế Tôn, là lúc mỉm cười thì từ kim khẩu của Như Lai phóng ra vô lượng loại ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, tím và pha lê, màu sắc rất đẹp, chiếu khắp vô lượng thế giới của chư Phật, lên đến cõi Phạm Thế, che lấp cả mặt trời, mặt trăng, trở lại nhiễu nơi chỗ Phật ba vòng, rồi nhập vào đỉnh đầu của Như Lai.

Khi đó, Đại đức A-nan, nhờ uy lực của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch y bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Phật, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chư Phật mỉm cười, không phải không có nhân duyên, nay duyên cớ gì Thế Tôn mỉm cười?

Phật nói:

–Này Tôn giả A-nan! Ông có thấy Bồ-tát Chuyển Nữ Thân cùng với năm trăm nữ nhân, năm vóc sát đất, đảnh lễ dưới chân ta không?

–Bạch Thế Tôn! Con thấy.

Phật bảo:

–Này Tôn giả A-nan! Đại Bồ-tát Chuyển Nữ Thân này, qua vô số kiếp, sẽ chứng thành đạo quả Chánh chân Vô thượng, hiệu là Công Đức Quang Vương Như Lai xuất hiện ở đời. Chứng đắc Phật đạo rồi, năm trăm nữ nhân ấy sẽ làm chúng Bồ-tát, được pháp Đà-la-ni, được biện tài vô ngại, cũng được tám thứ chuỗi ngọc trang nghiêm như Bồ-tát Chuyển Nữ Thân này đã nói.

Bấy giờ, vị Công Đức Quang Vương Phật ấy sẽ vì năm trăm Bồ-tát đó thọ ký đạo Vô thượng cho họ.

Này Tôn giả A-nan! Cõi của Phật Công Đức Quang Vương rất giàu có, hưng thịnh, an ổn, vui sướng, đáng được yêu thích. Chúng trời, người và chúng sinh cõi đó mọi sự thọ dụng giống như cõi trời Đâu-suất.

Này Tôn giả A-nan! Cõi Phật ấy giờ không có tên người nữ. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh thảy đều hóa sinh nơi tạng liên hoa, ngồi kiết già, tu phạm hạnh thanh tịnh, dùng chuỗi ngọc như trên để tự trang nghiêm.

Bồ-tát Chuyển Nữ Thân cùng năm trăm nữ nhân, nghe Phật thọ ký đạo, tất cả đều vui vẻ, hăng hái thọ trì, bay lên hư không, cao tới bảy cây Đa-la, liền thành thân nam, hình dáng của những vị ấy giống như Đồng tử mười sáu tuổi, từ trên không bay xuống, chắp tay, chiêm ngưỡng Phật.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn đưa cánh tay phải sắc vàng ròng, xoa đầu họ khiến họ liền đắc Tam-muội Biến chiếu.

Bấy giờ, Phật bảo Đại đức A-nan:

–Này Tôn giả A-nan! Ông nên thọ trì kinh này, đọc tụng khiến thông tỏ, lại vì người khác rộng nói.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con xin thọ trì kinh này. Thưa Thế Tôn! Kinh này đặt tên là gì, để con thọ trì?

Phật bảo:

–Này Tôn giả A-nan! Kinh này tên là Lạc Anh Lạc Trang Nghiêm Phương Tiện Phẩm, cũng gọi là kinh Chuyển Nữ Thân Bồ-tát Vấn Đáp. Ông nên theo như vậy mà thọ trì.

Khi Đức Thế Tôn thuyết giảng pháp xong, Đại Bồ-tát Chuyển Nữ Thân cùng mười phương chư Đại Bồ-tát đã từ xa đến, Đại đức Tu-bồ-đề, Đại đức Xá-lợi-phất, Đại đức A-nan, tất cả đại chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Nhân phi nhân, nghe Đức Thế Tôn giảng nói rồi, ai nấy đều vui vẻ tin thọ.

❑

SỐ 567

KINH PHẠM CHÍ NỮ THỦ Ý

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật đang chuyển bánh xe chánh pháp tại vườn Lộc uyển, chỗ ở của các vị Tiên, thuộc thành Ba-la-nại, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người, vô số Bồ-tát đông đủ và các vị Bồ-tát ở những cõi Phật khác đều vân tập đến. Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, Đức Phật đắp y mang bát vào thành khất thực để tạo phước cho tất cả. Tôn giả A-nan vẫn theo thị giả Phật như thường lệ. Đức Đại Thánh vào đại thành Ba-la-nại, tuần tự khất thực trên đường và hướng đến nhà của vị Phạm chí. Vị Phạm chí có người con gái tên là Thủ Ý. Từ xa nhìn thấy Đức Phật đĩnh đạc và tươi đẹp, oai thần cao vời, tâm ý cô gái bỗng nhiên thanh thản, các căn định tĩnh, đạt sự lặng yên vi diệu tối thượng và sự thanh tịnh bậc nhất, không còn các trần, các nhập, dứt hẳn sợ hãi, tâm ý thanh tịnh, không chút cấu uế như mặt nước lắng yên. Cô gái thấy Đức Phật thân màu vàng ròng, sáng rỡ như núi báu, như cây nơi cõi trời hoa quả tươi quý, ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân và tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm khắp sắc thân, tỏa ánh sáng như cung điện có trụ cột châu báu, như núi Tu-di đứng cao sừng sững một mình, như mặt trăng tròn tỏa sáng giữa các vì sao, như mặt trời vừa mọc ánh màu đỏ ửng chiếu sáng khắp nơi… Cô gái thấy Đức Phật đến đứng ở ngoài cửa thì vô cùng hoan hỷ, bèn quay vào nhà trải tòa rồi trở ra chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, quỳ gối, thưa:

–Thật quý thay, Đức Như Lai đã đến đây! Kính xin Đấng Thánh Tôn để mắt hạ cố vào tệ xá của con.

Đức Phật rũ lòng từ thương xót nên đã vào ngồi trong nhà. Thủ Ý rất vui mừng, lại cúi đầu đảnh lễ lần nữa, rồi lấy một chiếc ghế nhỏ để ngồi trước Phật, thưa:

–Bạch Đấng Thiên Trung Thiên! Con đã từng nghe Đức Như Lai ở vườn Lộc uyển, chỗ của các vị Tiên, tại thành Ba-la-nại, vì các Sa-môn,

Phạm chí, Phạm thiên, rồng, thần, các ma, người đời và các loại chúng sinh… chuyển bánh xe vô thượng, hiện bày chánh pháp.

Đức Phật bảo:

–Này Phạm nữ! Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời người nói, ta đã ở thành ấy chuyển bánh xe pháp vô thượng vì những người chưa được nghe mà giảng nói chánh pháp, không nói phi pháp.

Thủ Ý thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai đã chuyển bánh xe chánh pháp gì?

Đức Thế Tôn nói:

–Ta đem pháp mười hai nhân duyên để chuyển bánh xe chánh pháp.

Thủ Ý thưa:

–Bạch Thế Tôn! Kính xin Thế Tôn ban ân lớn, vì con mà một lần nữa phân biệt giảng nói pháp mười hai duyên khởi, điểm chung quy của bánh xe chánh pháp, khiến con hiểu rõ được ý nghĩa của pháp.

Đức Phật nói:

–Hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ, ta sẽ giảng nói rõ ý nghĩa của pháp ấy cho cô.

Phạm nữ vâng lời lắng nghe.

Đức Phật bảo Phạm nữ:

–Nếu chấp có ngã thì có đầu tiên, cuối cùng, sinh khởi nơi không sinh khởi, do nhân duyên vô minh mà có hành, do hành mà có thức, do thức mà có danh sắc, do danh sắc mà có sáu nhập, do sáu nhập mà có xúc, do xúc mà có thọ, do thọ mà có ái, do ái mà có thủ, do thủ mà có hữu, do hữu mà có sinh, do sinh mà có già, bệnh, chết, khổ sở, buồn rầu và hoạn nạn nhóm họp.

Như vậy, này Phạm nữ! Nếu vô minh diệt thì hành, thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, già, bệnh, chết đều diệt, khổ sở, buồn rầu và các hoạn nạn cũng dứt hẳn. Phạm nữ nên biết là ta đã dùng pháp này, ở vườn Lộc uyển, chỗ của các vị tiên, thuộc thành Ba-la-nại, vì các Sa-môn, Phạm chí, Phạm thiên, rồng, thần, các ma, người đời, chuyển bánh xe chánh pháp, giảng nói về pháp mười hai nhân duyên, nếu giữ gìn và thực hành theo thì nhờ đó sẽ được giải thoát.

Thủ Ý thưa:

–Bạch Đấng Thiên Trung Thiên! Pháp có trong, có ngoài chăng?

Phật nói:

–Pháp không có trong ngoài.

Thủ Ý lại thưa:

–Pháp có tồn tại tên gọi là vô minh không?

–Không.

–Pháp có khởi lên minh, có trừ diệt minh chăng?

–Không.

Cô gái lại thưa:

–Sự đạt được minh ấy có hình tướng chăng?

–Không.

–Do nhân duyên gì mà có thân này? Nếu không có vô minh thì do đâu có sinh? Tâm ý khởi kiêu mạn mà thành hành thì do đâu nhân duyên được hợp nên?

Cô gái lại thưa:

–Bạch Đại Thánh! Như cây không có rễ, nhờ đâu mà bỗng sinh ra cành nhánh, cộng lá, hoa quả? Như vậy, bạch Thế Tôn! Nếu cho rằng vô minh không có hình tướng, giả sử nhân duyên từ vô minh khởi lên tâm kiêu mạn thì sao lại cho do từ nguồn gốc là vô minh nên đưa đến các hành? Do đâu đưa đến sự nhóm họp các khổ não?

Đức Phật nói:

–Nên biết nguồn gốc các tướng đều thanh tịnh. Cũng vậy, pháp của các pháp, pháp không biết pháp, phàm phu ngu tối không chịu nghe tội phước rồi tạo các điều ác, do tạo điều ác mà có mở đầu kết thúc, do mở đầu kết thúc mà có khổ vui. Nếu hiểu rõ được điều ấy thì không còn tạo tội, cũng không làm phước, cũng chẳng còn tiến lùi, mở đầu kết thúc, cũng không còn phải gặp gỡ khổ vui…

Đức Phật lại bảo Thủ Ý:

–Phạm nữ muốn biết điều đó, cũng như nhà ảo thuật làm ra nhiều điều biến hóa, người được biến hóa cũng không nghĩ, không nói mình là người được biến hóa. Nhà ảo thuật ấy, hoặc lấy thật làm giả, hoặc lấy giả làm thật, tất cả đều là những cách lừa dối để gạt người. Cho nên, nhà ảo thuật và người được biến hóa ra là có sự biến hóa mà cũng không có sự biến hóa. Đó cũng chỉ là pháp dối gạt người ngu tối. Ý cô nghĩ sao? Sự biến hóa ấy, lẽ nào lại có trong, có ngoài?

Thủ Ý đáp:

–Dạ không có. Bạch Đấng Thiên Trung Thiên!

Đức Phật lại hỏi:

–Ý cô nghĩ sao? Sự huyễn hóa không tồn tại thì có tên gọi là ngã không?

–Dạ không. Bạch Đấng Thiên Trung Thiên!

–Vậy thì sự huyễn hóa ấy có đời sau vị lai chăng?

–Dạ không. Bạch Đấng Thiên Trung Thiên!

–Ý cô nghĩ sao? Sự huyễn hóa ấy có sinh khởi và hoại diệt chăng?

–Dạ không. Bạch Đấng Thiên Trung Thiên!

–Ý Phạm nữ nghĩ sao? Sự huyễn hóa ấy có thật có, có hình tướng không?

–Dạ không. Bạch Đấng Thiên Trung Thiên!

–Thế thì sự huyễn hóa ấy có thấy nghe, có huyễn hay không huyễn chăng?

–Dạ không. Bạch Đấng Thiên Trung Thiên!

Rồi cô gái ấy lại bạch Phật:

–Con đã từng nghe sự huyễn hóa ấy là không có thấy nghe, không có huyễn hay không huyễn.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

–Ý cô nghĩ sao? Giả sử không có thân thì có thể làm phát khởi các pháp thuật biến hóa được không?

Thủ Ý đáp:

–Thưa Đấng Thiên Trung Thiên! Sự huyễn hóa ấy, quả đúng là không thật có.

Đức Phật nói:

–Như vậy, này Thủ Ý! Vô minh là không trong, không ngoài. Cho nên, các pháp ấy là không thật có, cũng không có tên gọi. Vô minh không có đời sau, cũng không có trở lại. Vô minh không có sinh khởi, cũng không có hoại diệt. Vô minh không có hình tướng, nhân duyên thích hợp với vô minh đưa đến các hành, thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, già, bệnh, chết khổ sở, buồn rầu và các hoạn nạn nhóm họp.

Khi ấy, Thủ Ý bạch Phật:

–Thật là kỳ diệu! Thật chưa từng có! Bạch Thế Tôn! Sự giảng dạy của Thế Tôn không gì sánh kịp. Vì sao? Bạch Phật Thiên Trung Thiên! Xin hãy ở trong hư không chuyển bánh xe chánh pháp, sự chuyển bánh xe chánh pháp là không thể nghĩ bàn, bánh xe chánh pháp không thể xưng kể,

giới hạn, là vô lượng. Bánh xe chánh pháp không ai đạt được. Bánh xe chánh pháp không hình tướng. Bánh xe chánh pháp không sinh. Bánh xe chánh pháp là giải thoát.

Đức Thế Tôn nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Thật đúng như lời người nói! Sự vận chuyển bánh xe của ta là sự vận chuyển bánh xe pháp không, sự vận chuyển bánh xe không thể nghĩ bàn, sự vận chuyển bánh xe không thể xưng kể giới hạn, sự vận chuyển bánh xe vô lượng, không ai đạt được, bánh xe không hình tướng, không sinh, là bánh xe giải thoát.

Bấy giờ, Phạm nữ Thủ Ý vô cùng hoan hỷ, phát tâm thiện rồi liền dùng hương Chiên-đàn và các hương hoa để cúng dường Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nhờ cội gốc của công đức này, con nguyện sẽ được ủng hộ và được cứu độ, điều phục các căn, chế ngự ái dục, được vận chuyển bánh xe pháp, vận chuyển bánh xe pháp không, bánh xe không thể nghĩ bàn, không thể xưng kể giới hạn, bánh xe vô lượng, không ai đạt được, bánh xe không hình tướng, không sinh khởi, không diệt độ…

Đức Phật mỉm cười, từ kim khẩu Như Lai phóng ra ánh sáng năm màu: xanh, vàng, đỏ, trắng và xanh lục. Ánh sáng lớn ấy chiếu đến khắp vô số các cõi Phật ở mười phương, che lấp cả ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, rồi trở lại vòng quanh thân Phật ba vòng và nhập vào nơi đỉnh đầu. Tôn giả A-nan, người hiểu rõ về bảy pháp, một là biết ý nghĩa, hai là hiểu pháp, ba là biết đúng thời, bốn là biết rõ thời tiết, năm là biết rõ về đại chúng, sáu là tự rèn luyện về bản thân, bảy là biết rõ căn tánh của người khác, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai bên phải, quỳ gối bên phải, chắp tay bạch Phật:

–Hôm nay Đại Thánh mỉm cười là sự cảm ứng từ điều gì? Kính xin Thế Tôn nói rõ ý nghĩa ấy cho chúng con. Bạch Đấng Thiên Trung Thiên! Xin hãy rũ lòng thương, ban nhiều sự an ổn, nhớ nghĩ đến chư Thiên và người đời mà phân biệt giảng nói.

Đức Phật bảo:

–Này Tôn giả A-nan! Ông có thấy Phạm nữ Thủ Ý dùng bột chiên-đàn, hương hoa, hương bột để tung rải cúng dường Phật rồi thệ nguyện được vận chuyển bánh xe chánh pháp không?

Tôn giả A-nan đáp:

–Bạch Thế Tôn! Con đã thấy.

Đức Phật nói:

–Cô gái này, nhờ cội gốc của công đức ấy mà được tự giúp mình và làm an ổn người khác, cứu độ được nhiều người. Sau khi qua đời, nàng ấy sẽ được chuyển thành thân nam, trong tám mươi bốn ức kiếp không bị đọa vào đường ác, cúng dường sáu vạn Đức Phật Thế Tôn, xuất gia hành đạo, ý chí hướng về đạo quả Sa-môn, nghe nhận kinh pháp, nghe kinh pháp xong thì đọc tụng, được an trú trong chánh pháp hiện tại của Như Lai. Sau khi Phật diệt độ, nàng ấy lại cúng dường xá-lợi, giáo hóa vô số vô lượng chúng sinh, ở trong các chúng hội nhiều không thể tính kể, thiết lập đạo Chánh chân Vô thượng. Đến kiếp thọ sinh sau cùng, ở trong tam thiên đại thiên thế giới, sẽ được thành đạo Chánh chân Vô thượng, thành bậc Tối chánh giác, kiếp tên là Bảo minh, Phật hiệu là Bảo Quang gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Đức Phật ấy thọ mạng đủ một kiếp, vì các chúng sinh không thể tính kể về số lượng khuyên họ phát tâm Bồ-đề, được lợi ích tăng trưởng, sau đó họ ở trong cảnh giới Niết-bàn vô dư y mà vào diệt độ.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Nàng Thủ Ý này đã gieo trồng căn lành ở chỗ Đức Phật nào?

Đức Phật đáp:

–Vào đời xa xưa, nàng ấy ở chỗ Đức Phật Duy Vệ, ban đầu phát tâm Bồ-đề khi còn là thân nữ, nàng dâng chuỗi ngọc báu để cúng dường Phật. Cho đến đời hiện tại hôm nay, nàng cũng ở trước ta, phát nguyện tu tập đạo Chánh chân Vô thượng. Nàng ấy cũng ở chỗ Phật Thức Như Lai Chánh Giác phát tâm hoan hỷ, dốc lòng tin dâng cúng y phục lên Đức Phật, nhờ niềm tin từ gia đình mà xuất gia tu hành đạo, làm vị Sa-môn trọn vẹn một ngàn năm, tu hành phạm hạnh thanh tịnh, luôn luôn giảng nói pháp vi diệu, sâu xa. Khi ở chỗ Như Lai Chánh Giác Tùy Diệp, nàng cúng dường Đức Thế Tôn và chúng đệ tử đầy đủ trọn vẹn trong mười lăm ngày, cũng phát tâm cầu đạt đạo quả Chánh chân Vô thượng. Lúc ở chỗ Như Lai Chánh Giác Câu-lâu, nàng thích học theo điều thiện, hiểu rõ các chương cú, dùng các loại ngọc và hương thơm quý để dâng cúng Đức Phật, rồi cũng thệ nguyện thành Chánh Giác. Khi ở chỗ Phật Chánh Giác Câu-na-hàm Mâu-ni, suốt cuộc đời, nàng dùng hương thơm xoa trên tháp Phật, cúng dường y phục, thực phẩm, thuốc thang, giường tòa cho Đức Phật và Thánh chúng trong hai ngày. Nàng đã gặp Phật Ca-diếp và cúng dường phụng sự Đức Phật, không hề bỏ tâm đạo cho đến hôm nay cúng dường ta. Nàng sẽ chuyển thân nữ thành thân nam, sau này sẽ thành tựu Phật đạo để độ thoát

chúng sinh.

Đức Phật dạy như thế xong, tất cả đại chúng đều hoan hỷ.

❑

SỐ 568

KINH HỮU ĐỨC NỮ SỞ VẤN ĐẠI THỪA

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi, người Nam Thiên Trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở tại rừng Thi lộc, trụ xứ của các vị tiên, thuộc thành Ba-la-nại, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người và vô lượng các vị Đại Bồ-tát hội đủ.

Bấy giờ, trước lúc thọ thực, Đức Phật đắp y mang bát, cùng với Đại Bồ-tát A-dật-đa vào thành Ba-la-nại để khất thực, lần lượt đi đến nhà người Bà-la-môn nữ tên là Hữu Đức. Khi ấy, Hữu Đức từ xa nhìn thấy Như Lai sắc tướng trang nghiêm, các căn tịch tĩnh, tâm tĩnh lặng mênh mông, không ai sánh bằng, đang bước đi và nhìn bằng ánh mắt tràn đầy an lành, ví như Long vương có oai đức lớn, như trụ vàng ròng đứng an nhiên sừng sững, như ao thanh tịnh, trong suốt không chút cấu uế, vui buồn đều không dao động, như ở trong trạng thái thiền thứ tư, từ thân phóng ra ánh sáng trong ngoài đều chiếu rõ. Khi ấy, Hữu Đức thấy tướng Phật như vậy, lòng phát khởi niềm tin thanh tịnh, liền đi đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ sát chân Như Lai và Đại Bồ-tát A-dật-đa, cúi đầu cung kính, chắp tay hướng về Đức Phật, thưa:

–Lành thay, bạch Thế Tôn! Quý thay, thưa Đấng Thiện Thệ! Hôm nay con có điều nghi ngờ muốn thưa hỏi. Kính xin Ngài rũ lòng thương dừng lại nơi đây trong chốc lát.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh rồi trải tòa ra ngồi. Đại Bồ-tát A-dật-đa cũng ngồi theo Đức Phật.

Bà-la-môn nữ Hữu Đức rất hoan hỷ, cung kính thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nghe Đức Như Lai ở trong rừng Thi lộc, chỗ ở của các vị tiên, thuộc thành Ba-la-nại, chuyển bánh xe chánh pháp vi diệu, nhưng con chưa biết Như Lai đã chuyển bánh xe chánh pháp như thế thì giảng nói pháp gì?

Đức Phật bảo:

–Này Hữu Đức! Ta chuyển bánh xe chánh pháp, giảng nói: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên già, chết, buồn rầu, khổ sở. Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập diệt, sáu nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì già, chết, buồn rầu, khổ sở diệt.

Này Hữu Đức! Đó là bánh xe chánh pháp mà Như Lai đã vận chuyển trong rừng Thi lộc, chỗ ở của các vị tiên, tại thành Ba-la-nại. Tất cả thế gian, hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm… không ai có thể chuyển bánh xe pháp như vậy được.

Khi ấy Bà-la-môn nữ Hữu Đức bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vô minh có trong, có ngoài không?

Đức Phật nói:

–Vô minh không có trong, ngoài.

–Bạch Thế Tôn! Nếu vô minh không có trong, ngoài thì làm sao có vô minh duyên hành được? Lại nữa, bạch Thế Tôn! Có pháp đời trước mới đưa pháp đời nay chăng?

–Không phải vậy.

–Bạch Thế Tôn! Tướng của vô minh, hành… là thật có hay không?

–Không thật có. Tự tánh của vô minh do phân biệt hư vọng mà sinh ra, không phải là sự sinh khởi chân thật từ điên đảo sinh ra, không phải sự sinh khởi đúng như lý.

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy tức không có vô minh. Vậy thì có hành sinh khởi, rồi ở trong sinh tử chịu các quả báo khổ là thế nào? Bạch Thế Tôn! Như cây không có gốc rễ thì không có cành, lá, hoa, quả. Cũng vậy, nếu vô minh không có tự tánh thì hành, thức... nhất định không thể sinh khởi được.

Đức Phật bảo:

–Này Hữu Đức! Tất cả các pháp đều hoàn toàn không, nhưng do phàm phu ngu muội, điên đảo không nghe biết về ý nghĩa của không, nếu được nghe thì không gì là không thông suốt. Do đó, tạo đủ các loại nghiệp, đã có các nghiệp thì các cõi sinh ra, rồi ở trong các cõi ấy chịu đủ các khổ. Đệ nhất nghĩa đế (chân lý tuyệt đối) thì không có các nghiệp, cũng không

có các cõi do nghiệp sinh khởi hay những sự chịu các khổ…

Này Hữu Đức! Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác vì các chúng sinh mà giảng nói các pháp, vì muốn khiến họ hiểu rõ về Đệ nhất nghĩa, Như Lai cũng tùy theo thế gian mà thiết lập các tên gọi. Vì sao? Tất cả chủ thể giác ngộ và đối tượng giác ngộ trong nghĩa lý chân thật đều là rỗng lặng.

Này Hữu Đức! Ví như chư Phật biến hóa ra nhiều người, những người được biến hóa ra này lại biến hóa ra nhiều vật khác. Những người được biến hóa ra là hư giả không thật, những vật được biến hóa ra cũng là không thật. Điều này cũng như vậy, các nghiệp đã tạo là hư dối không thật, các cõi sinh khởi từ nghiệp cũng đều không thật.

Bấy giờ, Hữu Đức lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Theo như con hiểu ý nghĩa của lời Phật dạy thì bánh xe chánh pháp mà Như Lai vận chuyển hôm nay là bánh xe pháp hư không, bánh xe pháp tánh không, bánh xe pháp giải thoát, bánh xe pháp thông đạt, bánh xe pháp không thể nghĩ bàn, bánh xe pháp không ai có thể vận chuyển được, bánh xe pháp không gì sánh bằng, bánh xe pháp như thật, bánh xe pháp không sinh, bánh xe pháp không có tự tánh, bánh xe pháp không tướng… Bạch Thế Tôn! Đó là bánh xe chánh pháp mà Đức Như Lai đã vận chuyển.

Nói những lời ấy xong, Hữu Đức liền dùng hai tay bưng bột hương Chiên-đàn rải cúng dường dưới chân Phật, rồi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nguyện nhờ diệu lực của căn lành này, vào đời vị lai, con sẽ vận chuyển được các loại bánh xe chánh pháp như vậy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn thản nhiên mỉm cười. Từ trong kim khẩu của Như Lai phóng ra vô số ánh sáng. Các ánh sáng ấy rực rỡ đủ những màu sắc, chiếu đến vô lượng thế giới ở khắp mười phương, các Đức Thế Tôn ở các thế giới kia đều được ánh sáng ấy chiếu soi đầy đủ, rồi ánh sáng trở lại nhiễu quanh Đức Phật ba vòng về bên phải, xong thì nhập vào đỉnh đầu.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát A-dật-đa bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay vì nhân duyên gì mà Đức Như Lai bỗng nhiên mỉm cười? Theo ý con hiểu thì chắc chắn phải có nhân duyên.

Đức Phật bảo:

–Này Bồ-tát A-dật-đa! Ông có thấy vị Bà-la-môn nữ dùng tay bưng bột hương Chiên-đàn rải cúng dường dưới chân ta không?

–Bạch Thế Tôn! Con đã thấy.

–Nhờ căn lành gieo trồng hôm nay, vào tám vạn bốn ngàn kiếp về đời vị lai, cô gái này sẽ không bị đọa vào đường ác, ở chỗ sáu vạn bốn ngàn Đức Phật, dùng tâm tôn trọng để phụng sự, cúng dường, nghe nhận rồi giữ gìn ủng hộ chánh pháp. Các Đức Phật kia còn ở đời hay sau khi diệt độ, nàng ấy luôn được nghe pháp như khi gặp Phật, liên tục không dứt, rồi trở lại khiến cho vô lượng vô số chúng sinh hướng tới đạo Bồ-đề. Sau đấy, ở trong tam thiên đại thiên thế giới này, vào kiếp Quang diệu, nàng ấy sẽ được thành Phật hiệu là Pháp Quang Diệu Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác. Đức Phật ấy thọ mạng đầy đủ một kiếp, giáo hóa cho vô lượng vô số chúng sinh khiến họ được vào Niết-bàn.

Đại Bồ-tát A-dật-đa bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bà-la-môn nữ Hữu Đức này vào đời xa xưa đã gieo trồng căn lành gì?

Đức Phật bảo:

–Này Bồ-tát A-dật-đa! Bà-la-môn nữ Hữu Đức vào đời quá khứ, lúc Đức Phật Tỳ-bà-thi xuất hiện, nàng đã làm thân người nữ, vì cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nàng đã tháo xâu chuỗi ngọc đang đeo trên người để dâng cúng Đức Phật ấy. Khi Đức Như Lai Thi-khí xuất hiện, nàng ở chỗ Đức Phật ấy thưa hỏi về ý nghĩa pháp sâu xa, rồi đem y phục tốt đẹp cúng dường Phật. Nàng ở trong pháp của Phật ấy, xuất gia học đạo, tu hành phạm hạnh đủ một ngàn năm. Khi Đức Phật Tỳ Diệp Phù xuất hiện, nàng làm nhiều món ăn thượng vị, trong thời gian nửa tháng, cúng dường Đức Phật ấy và các vị Thanh văn, tùy ý quý vị cần gì, nàng đều cúng dường đầy đủ không thiếu. Khi Đức Phật Câu-lưu-tôn xuất hiện, nàng dâng hoa A-đề-mục-đa-già để cúng dường, được thọ năm giới và giữ gìn không sai sót. Khi Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni xuất hiện, nàng nguyện đem các loại thực phẩm, y phục, giường tòa, thuốc thang và tất cả các vật dụng khác cần dùng trong sinh hoạt để cúng dường Đức Thế Tôn đó, cho đến khi Đức Phật nhập Niết-bàn. Thuở ấy, Đức Phật đó đã nhận các vật cần dùng như thật phẩm, giày dép... của nàng cúng dường trong hai tháng. Khi Đức Như Lai Ca-diếp xuất hiện, nàng lại dùng hoa bằng vàng để rải cúng dường Phật… Nàng làm các việc như vậy đều là vì cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nàng nói: "Nguyện cho con, nhờ căn lành của việc cúng dường này, sẽ được thọ ký đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu chưa được thọ ký, con nguyện sẽ không bao giờ bỏ thân người nữ."

Này Bồ-tát A-dật-đa! Bà-la-môn nữ Hữu Đức này vào đời quá khứ

đã gieo trồng các căn lành như vậy. Đây là thân người nữ cuối cùng mà nàng phải thọ nhận.

Đức Phật giảng nói kinh này xong, Đại Bồ-tát A-dật-đa, Bà-la-môn nữ Hữu Đức và tất cả thế gian, Trời, Người, A-tu-la... đều rất hoan hỷ, tin nhận làm theo.

❑

SỐ 569

KINH TÂM MINH

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng
Pháp sư Trúc Pháp Hộ,
người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa đến núi Linh thứu, thuộc thành Vương xá, cùng đông đủ năm trăm vị Tỳ-kheo và bốn bộ chúng. Một hôm, vào lúc sáng sớm, Đức Phật đắp y, ôm bát, đến một huyện khất thực. Các chúng trời, rồng, thần bay ở trên theo hầu. Khi đến trước cửa đang đóng của nhà Phạm chí, Đức Phật phóng ánh hào quang lớn chiếu khắp mười phương.

Khi ấy, vợ Phạm chí đang nhen lửa nấu cơm, vừa thấy vầng hào quang tự nhiên toàn thân tràn đầy sự an vui mát mẻ, bà liền suy nghĩ: "Ánh sáng chiếu rọi sáng hôm nay không giống ánh sáng mặt trời, mặt trăng, hay của Phạm thiên, Đế Thích, Tứ Thiên vương, hoặc của chư Thiên. Bà cung kính mỉm cười vui mừng hơn bao giờ hết, đoạn xoay đầu lại thì thấy Đức Phật với hình tướng đoan nghiêm tuyệt đẹp, oai nghi kỳ lạ như mặt trăng giữa các vì tinh tú, như ánh bình minh xuất hiện ở chóp núi. Tất cả tướng tốt đều đầy đủ, thân hình thanh nhã không có một vẻ xấu nào, đạt được sự vắng lặng cao tột, đắc định đệ nhất, như Chuyển luân vương xuất hiện ở đại bảo điện, có quan cận thần theo hầu. Lại như Đế Thích ngự trị nơi cung trời Đao-lợi, như Phạm Thiên vương ở ngôi tôn quý thứ bảy, như đứng trên đỉnh núi Tuyết, thấy rõ mọi vật xung quanh." Vợ Phạm chí lòng vui mừng gấp bội và nghĩ: "Nay được thấy Phật và chúng đệ tử thật là thỏa lòng ước nguyện. Ta muốn đem thức ăn dâng cúng cho bậc Chánh giác, nhưng thầm nghĩ là ta còn có ông chồng ngu muội không có đức tin, tâm kết theo sáu mươi hai thứ tà kiến của ngoại đạo, thấy ta cúng dường chắc không vui lòng. Có lẽ đời trước quá nhiều tội lỗi nên ta mất tướng hùng dũng của người nam, phải mang lấy thân nữ như người bị trói buộc. Muốn cúng dường Thế Tôn cũng không được thỏa lòng mong muốn, để thuận theo ý nguyện thì phải làm thế nào?" Nghĩ vậy, nhưng vợ Phạm chí cũng lấy bát nước cơm, dâng lên Đức Phật. Nhờ oai thần của Phật, tự nhiên

trong bát nước cơm, có trăm thứ mùi vị ngon. Đức Phật tiếp nhận bát nước cơm, rồi có lời khen ngợi bằng kệ:

Giả sử đủ trăm ngựa
Yên cương đính vàng bạc
Ân huệ ban cho người
Không bằng bát nước cơm.
Bày biện xe bảy báu
Chở đầy ắp ngọc báu
Bát nước cơm cúng Phật
Phước này hơn phước kia.
Nếu cho trăm voi trắng
Minh châu và chuỗi ngọc
Cúng dường Phật nước cơm
Phước này vượt hơn hẳn.
Như Chuyển luân thánh vương
Ngọc nữ hậu Phổ Hiền
Đoan chánh không ai bằng
Thân đầy ngọc bảy báu.
Mỗi thứ có hàng trăm
Nhiều loại đẹp như thế
Tất cả ban cho người
Không bằng bát nước cơm.

Khi ấy, Phạm chí đang đứng im lặng, nghe Phật khen ngợi, tâm còn nghi ngờ nên đến trước Phật hỏi:

–Kính thưa Thế Tôn! Làm sao một bát nước cơm mà cũng được Thế Tôn ca ngợi đến như thế? Còn như đem nhiều thứ châu báu cùng ngựa, voi, xe cộ… để cúng dường thì không thể chê được, mà sao nói không bằng cúng dường bát nước cơm. Bát nước cơm ấy không đáng một tiền lại khen gấp bội như vậy ai mà tin được?

Đức Thế Tôn liền hiện rõ ra tướng lưỡi rộng dài, che lên khuôn mặt Đức Thế Tôn, lên đến cõi Phạm thiên rồi mới bảo Phạm chí:

–Ta từ vô số trăm ngàn ức kiếp, luôn hết lòng tu hành sáu độ vô cực (sáu Ba-la-mật), đem an vui đến cho tất cả hữu tình, không hề tham tiếc nên mới được tướng lưỡi này. Lẽ nào, ta nói không đúng mà có được tướng lưỡi rộng dài như thế này? Ta muốn hỏi ông, ông hãy thành thật mà đáp:

–Ông đã từng qua lại nơi thành La-duyệt-kỳ và nước Xá-vệ, giữa đường có loại cây tên Ni-câu-loại, tàn của nó có thể che rợp mọi người và

năm trăm cỗ xe phải không?

–Dạ đúng, thưa Thế Tôn! Con cũng thấy như vậy.

–Hạt giống của nó lớn như thế nào?

–Dạ, lớn bằng hạt cải.

Phật bảo:

–Này Phạm chí! Ông thật là hai lưỡi. Nếu chỉ bằng hạt cải, làm sao cây to lớn như thế?

–Dạ thưa Thế Tôn, con không dám nói dối.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

–Nếu hạt như hạt cải sinh thành cây to lớn thì mảnh đất ấy không đủ chỗ cho sự sinh sôi phát triển vì tàn cây tỏa rộng che phủ. Huống chi Như Lai là Chí chân Vô thượng, Chánh đẳng Chánh giác, vô lượng phước đức tụ hội, thù thắng, gồm đủ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, đại Từ, đại Bi không đâu là không tế độ, nên đem bữa ăn cúng dường cho Như Lai thì công đức khó lường tính hết.

Phạm chí im lặng không nói. Khi ấy, Đức Phật mỉm cười, hào quang năm sắc từ miệng phóng ra, chiếu khắp mười phương, đến cõi trời, người, muôn loài trong năm đường, làm cho hết thảy tâm đều vui vẻ. Ngạ quỷ thì no đầy, sự thống khổ ở địa ngục thì dừng lại, súc sinh thì ý được mở bày, tội được tiêu trừ. Luồng hào quang phóng đi tỏa chiếu khắp như vậy, rồi quay lại chỗ Phật. Pháp cười của chư Phật thường có tướng tốt như: Thọ ký cho hàng Bồ-tát thì ánh hào quang chiếu khắp mười phương rồi theo đỉnh của Phật nhập vào. Thọ ký cho hàng Duyên giác thì vầng hào quang nhập vào giữa trán. Thọ ký cho hàng Thanh văn thì hào quang nhập vào vai. Nói việc sinh lên cõi trời thì hào quang nhập vào rốn. Nói về chuyện hạ sinh làm người thì hào quang nhập vào đầu gối. Thuyết giảng về ba nẻo khổ thì hào quang nhập vào lòng bàn chân. Nụ cười hân hoan của chư Phật không vì tham dục mà cười, không vì giận dữ, ngu si, buông lung mà cười, không vì lợi dưỡng, sự giàu sang mà cười. Nay Đức Phật vì muốn thương xót muốn cứu độ tất cả chúng sinh, thực hành đại Bi, không vì bảy pháp đó mà cười. Hiền giả A-nan phân biệt được bảy pháp nên biết pháp, hiểu nghĩa, rõ thời gian, thông suốt được sự việc trong chúng hội, tự xét về thân hiểu được căn tánh của mọi người, liền đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ gối bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Vì sao Thế Tôn mỉm cười, xin nói rõ ý đó.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông có thấy vợ Phạm chí phát tâm lớn không?

–Dạ, thưa Thế Tôn có thấy.

Phật bảo:

–Người phụ nữ này sau khi chết sẽ chuyển thân nữ thành thân nam, sinh lên cõi trời thành bậc tôn quý trong các trời, sinh ở thế gian là người trên mọi người, hiểu rõ được pháp thâm diệu, rõ các pháp là như mộng, như ảo, như bóng trăng trong nước, như tiếng vang, như dợn nắng, trải qua ba mươi kiếp sẽ thành Phật hiệu là Tâm Minh gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Chí Chân, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vi Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật - Thế Tôn.

Phạm chí kính phục, cả thân mình gieo xuống đất, chế ngự tâm, tự trách và nói lời sám hối:

–Con như đứa bé ngu si, bị bóng tối che khắp, hoài nghi, do dự, không biết Bậc Đại Thánh, nói năng vô lễ, thật là tội lỗi.

Phật bảo:

–Lành thay, lành thay! Nếu ông tự thấy lỗi, quay về tôn kính nơi Phật, theo phép tắc của đạo, nếu ăn năn hối cải thì tội lỗi đó tiêu trừ, phước đức ngày càng tăng dần.

Phạm chí kính cẩn bạch:

–Kính thưa Thế Tôn! Nguyện xin Thế Tôn với lòng lành lớn ban ân, rũ lòng thương xót, cho phép con được xuất gia.

Đức Phật liền nhận cho Phạm chí làm Sa-môn, cạo bỏ râu tóc, thân thọ pháp y. Thế Tôn giảng nói pháp Tứ Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Phạm chí vui mừng ý tỏ rõ, các lậu dứt sạch.

Phật giảng nói như vậy, Hiền giả A-nan, tất cả bốn bộ chúng, các hàng Trời, Người, Rồng, Thần… đều phát ý đạo, vui vẻ đảnh lễ và lui ra.

❑

SỐ 570

KINH HIỀN THỦ

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Thánh Kiên.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Ma-kiệt-đề, nơi pháp tòa thanh tịnh, cả pháp hội có nhiều vị Bồ-tát như Bồ-tát Di-lặc… và các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, chư Thiên, Rồng, Quỷ, Thần, A-tu-la đều hội đủ.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Hôm nay, mười phương Phật cũng có đại hội vì các Bồ-tát mà thuyết giảng kinh.

Trong pháp tòa thanh tịnh có Ưu-bà-di là phu nhân của quốc vương Bình-sa tên Bạt-đà-sư-lợi, chắp tay bạch Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Con muốn được nghe danh hiệu mười phương Phật, tên chư vị Bồ-tát và các quốc độ đó.

Phật bảo:

–Lành thay, lành thay! Ta sẽ vì phu nhân mà nói về điều đó. Ở phương Đông, có vị Phật hiệu là Nhập Tinh Tấn, cõi ấy gọi là Trì kế thọ, Bồ-tát tên Kính Thủ. Ở phương Nam, có vị Phật hiệu là Bất Xả Lạc Tinh Tấn, cõi ấy gọi là Thế niệm thọ, Bồ-tát tên Giác Thủ. Ở phương Tây, có vị Phật hiệu là Trưởng Tinh Tấn, cõi ấy gọi là Liên hoa thọ, Bồ-tát tên Bảo Thủ. Ở phương Bắc, có vị Phật hiệu là Tinh Tấn, cõi ấy gọi là Tân dĩ thọ, Bồ-tát tên là Thí Thủ. Ở phương Đông bắc, có vị Phật hiệu là Ai Tinh Tấn, cõi ấy gọi là Thanh liên thọ, Bồ-tát tên là Công Đức Thủ. Ở phương Đông nam, có vị Phật hiệu là Bách Lam Tinh Tấn, cõi ấy gọi là Hương thọ, Bồ-tát tên là Linh Thủ. Ở phương Tây nam, có vị Phật hiệu là Thượng Tinh Tấn, cõi ấy gọi là Bảo thọ, Bồ-tát tên Tinh Tấn Thủ. Ở phương Tây bắc, có vị Phật hiệu là Nhất Độ Tinh Tấn, cõi ấy gọi là Tư duy thọ, Bồ-tát tên là Thiện Thủ. Ở phương dưới, có vị Phật hiệu là Phạm Tinh Tấn, cõi ấy gọi là Thủy tinh thọ, Bồ-tát tên là Trí Tuệ Thủ.

Khi phu nhân Bạt-đà-sư-lợi nghe danh hiệu của mười phương Phật, tên các vị Bồ-tát và các quốc độ thì vui mừng khôn xiết, ở trước Phật, đầu mặt đảnh lễ sát đất, bạch Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Nay con tuy đã phát tâm nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhưng phải dùng phương pháp gì để xa lìa thân nữ?

Phật bảo:

–Lành thay, lành thay! Phu nhân đã hỏi Phật về sự việc như vậy. Này phu nhân Bạt-đà-sư-lợi! Nên phụng hành mười việc thì có thể xa lìa thân nữ.

Có một việc mau chóng thành thân nam, tự mình đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Là phát tâm cầu đạt Nhất thiết trí, làm vô số công đức, nhưng chẳng mong cầu. Đó là một việc.

Lại có hai việc, bỏ được thân nữ mau chóng thành thân nam, tự mình đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác:

1. Làm như lời đã nói, không thờ chư Thiên mà chỉ quy y chư Phật.

2. Làm các việc chánh tín.

Đó là hai việc.

Lại có ba việc, người nữ mau chóng thành thân nam, tự mình đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác:

1. Thường bảo vệ ba nghiệp nơi thân cho thanh tịnh.

2. Bảo vệ bốn nghiệp nơi miệng cho thanh tịnh.

3. Bảo vệ ba nghiệp nơi ý cho thanh tịnh.

Đó là ba việc.

Lại có bốn việc, người nữ mau chóng thành thân nam, tự mình đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác:

1. Bố thí không tự đắc.

2. Giữ giới không khoe khoang.

3. Tự giữ mình thanh tịnh.

4. Có niềm tin khi nghe sáu pháp giới *(không dâm, không trộm, không sát, không dối trá, không uống rượu, không ăn trái thời).*

Đó là bốn việc.

Lại có năm việc, người nữ mau chóng thành thân nam, tự mình đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác:

1. Biết dùng pháp.

2. Làm như pháp.

3. Nghe pháp kiên định.

4. Không ưa thân nữ.

5. Muốn làm thân nam.

Đó là năm việc.

Lại có sáu việc, người nữ mau chóng thành thân nam, tự mình đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác:

1. Không làm biếng, hoàn thành công việc.

2. Tâm tánh dịu dàng.

3. Thật thà, ngay thẳng.

4. Không dua nịnh.

5. Không trách mắng.

6. Làm việc phải hết lòng.

Đó là sáu việc.

Lại có bảy việc, người nữ mau chóng thành thân nam, tự mình đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác:

1. Luôn nhớ nghĩ đến pháp thân Phật.

2. Luôn nhớ nghĩ về Pháp để được trí tuệ Phật.

3. Luôn nhớ nghĩ về Tăng, vì muốn thân thuộc.

4. Luôn nhớ nghĩ về giới, vì cầu trong sạch.

5. Luôn nhớ nghĩ về bố thí, vì muốn từ bỏ tâm keo kiệt, bỏn sẻn.

6. Luôn nhớ nghĩ về cõi trời, để được tâm Bồ-tát.

7. Luôn nhớ nghĩ đến mọi người, vì muốn độ tất cả.

Đó là bảy việc.

Lại có tám việc, người nữ mau thành thân nam, tự mình đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác:

1. Không vì miếng cơm, manh áo cho là vui.

2. Không lãng phí.

3. Không thoa hương.

4. Cũng không dùng các loại hương khác.

5. Không ham thích vui chơi.

6. Không đàn nhạc.

7. Cũng không ca múa.

8. Trong một tháng phải ăn sáu ngày.

Đó là tám việc.

Lại có chín việc, người nữ mau thành thân nam, tự mình đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác:

1. Không có chỗ đoạn trừ.
2. Không chỗ vướng mắc.
3. Không ngã.
4. Không nghĩ có người.
5. Không nghĩ có sự nhận.
6. Không nghĩ có thọ mạng.
7. Không nghĩ có chỗ để sinh ra.
8. Không nghĩ không có chỗ để sinh ra.
9. Luôn lìa mười hai nhân duyên.

Đó là chín việc.

Lại có mười việc, người nữ mau thành thân nam, tự mình đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác:

1. Có lòng lành đối với tất cả.
2. Không tham tất cả đồ vật của người.
3. Không nghĩ đến người nam khác.
4. Không nói hai lưỡi.
5. Không nói ác khẩu.
6. Không nói lời giả dối.
7. Không nói lời thêu dệt.
8. Không tham đắm nơi tiếng đàn tiếng nhạc hay.
9. Không khởi ý, cũng không tức giận, chỉ trụ nơi chánh niệm.
10. Không cùng với người làm việc bất chánh.

Đó là mười việc.

Phật thuyết giảng kinh xong, phu nhân Bạt-đà-sư-lợi và sáu vạn Ưu-bà-di trong nước Ma-kiệt-đề, nghe pháp hành đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các Bồ-tát như: Bồ-tát Di-lặc… Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các chúng Thiên, Rồng, Quỷ, Thần, A-tu-la… đứng trước Phật đảnh lễ sát đất, vui vẻ lui ra.

❑

SỐ 571

KINH PHỤ NHÂN NGỘ CÔ

Hán dịch: Đời Khất Phục Tần, Sa-môn Thánh Kiên.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại tinh xá nơi vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị hội đủ.

Bấy giờ, có một người chưa vợ, đến nước Xá-vệ lập gia đình, sinh được hai đứa con rồi trở về quê cũ. Đứa lớn bảy tuổi, đứa nhỏ còn ẵm trên tay, người vợ lại mang thai, gần đến ngày sinh. Theo phong tục truyền thống của nước Ấn, người nữ gần ngày "mãn nguyệt khai hoa", phải trở về nhà cha mẹ để sinh, nên vợ chồng cùng hai đứa con đánh xe trở về nước Xá-vệ. Trên đường đi, lúc họ dừng nghỉ dùng cơm và cho bò ăn, thấy có con rắn độc quấn vào chân bò. Con bò chạy ra khỏi cái ách, người chồng giữ nó lại định nghiêm trị, nhưng thấy con bò đã bị rắn độc cắn chết. Ngay lúc ấy, rắn buông con bò, quay lại giết luôn người chồng. Người vợ từ xa thấy cảnh tượng như vậy, run sợ hoảng hốt, kêu trời, khóc lóc thảm thiết, không biết cầu cứu ai. Màn đêm buông xuống, người vợ cũng đành lên đường, đi một đoạn không xa, gặp một con sông. Bên kia sông, thấy có nhà cửa, nhưng vì trời tối, người vợ sợ bị giặc cướp, nên bỏ xe đem hai con đến mé sông để đứa lớn trên bờ, ẵm đứa nhỏ lội qua. Bà ta mới lội qua giữa dòng thì trên này đứa lớn bị chó sói tấn công. Nó hét lớn: Mẹ ơi…! Mẹ…! Khi người mẹ quay lại thấy con mình đã bị sói ăn thịt rồi. Người vợ kinh hồn, khiếp đảm, buông luôn đứa con đang bồng theo dòng nước cuốn trôi. Bà vô cùng buồn đau, mê hoặc như người mất trí, ngã quỵ trong nước, nên bị sẩy thai luôn. Khi lên trên bờ, hỏi người đi đường:

–Cha mẹ, gia đình tôi có được bình an không?

Người đi đường đáp:

–Tối hôm qua, gia đình bị lửa thiêu đốt, cha mẹ chị đều chết hết.

–Còn cha mẹ chồng tôi thế nào?

–Cũng đêm hôm qua, giặc cướp dã man sát hại gia đình ấy, cha mẹ chồng của chị đều chết, không còn một ai sống sót.

Bà ta nghe chuyện đó, càng kinh hoàng sầu khổ, tâm ý hoàn toàn mê loạn, điên cuồng, mất trí, không còn biết cái gì nữa, cởi áo quần khỏa thân, bỏ chạy. Người đi đường thấy thật quái lạ, có người nói: Bị bệnh tà, do quỷ thần nhiễu loạn chăng? Hay là do ưu sầu, mê hoặc, mất trí, lại có người mắng chửi, xa lánh bỏ đi, cũng có người thương xót đoái hoài đến bà. Bấy giờ, Đức Phật ở tại tinh xá Cấp cô độc. Trong pháp hội, Đức Thế Tôn đang thuyết giảng cho bốn chúng đệ tử, các chúng trời, rồng, thần, cho tất cả mười phương đều được nghe kinh. Nếu nghe được pháp Phật thì người mù hai mắt sẽ được sáng thấy Phật, người điếc sẽ nghe được, người câm có thể nói, tật bệnh được tiêu trừ, ốm yếu được khỏe mạnh, bị độc không hoành hành, tâm loạn được định.

Khi ấy, người vợ kia cứ giong ruổi, chạy mãi đến nơi này, đi qua vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thấy Đức Phật, bà ta ý liền được định, không còn ưu sầu, thấy mình khỏa thân quá hổ thẹn, nên khom xuống sát đất. Phật bảo Tôn giả A-nan lấy áo cho bà. A-nan thọ giáo, đi lấy áo đem lại, bà ấy mặc rồi đảnh lễ sát chân Phật, ngồi sang một bên. Đức Phật thuyết kinh về: Tội phước hiện tiền, mạng người vô thường, có hợp thì có tan, có sinh thì có tử, không sinh không diệt, tất cả vốn không, tự khởi tự diệt, luân chuyển nơi năm đường, ví như bánh xe nếu đã tháo gỡ thì không quay được nữa.

Bà ta nghe Phật nói, tâm được mở, ý được rõ, liền phát ý đạo Chánh chân Vô thượng, đắc quả vị bất thoái chuyển, sầu muộn tiêu tan như mặt trời không mây. Đức Phật nói như vậy, bốn chúng đều vui mừng, các trời, rồng, thần đều đảnh lễ và thoái lui.

❑

SỐ 572

KINH VỢ TRƯỞNG GIẢ PHÁP CHÍ

Hán dịch: Thất dịch. Phụ vào dịch phẩm đời Lương.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cùng đại chúng Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị và vạn Bồ-tát, ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Một hôm, vào lúc sáng sớm, Đức Phật đắp y, ôm bát vào thành khất thực, tất cả chúng Tỳ-kheo, Bồ-tát đều theo hầu. Các chúng trời, rồng và các thần như: Thần Hương âm, thần Vô thiện chi, thần Phượng hoàng, thần núi, vua thần Chấp lạc, đều tung rải hoa, đốt hương, tấu các loại âm nhạc, khen ngợi và ca tụng công đức của Thế Tôn bằng kệ:

Từ vô số ức kiếp
Tích hạnh khó thể lường
Từ bi thương chúng sinh
Phát khởi hành đại đạo.
Ba cõi giống mộng ảo
Tất cả vốn đều không
Tuệ đó có thể hiểu
Độ thoát khắp mười phương.
Ba mươi hai tướng tốt
Cùng tám mươi vẻ đẹp
Nói vạn ức âm thanh
Công đức tự trang nghiêm.
Hiện ra trong ba cõi
Mở bày ba đạo tràng
Ba thứ cấu đã diệt
Tội ba đời trừ hết.
Tâm như vầng trăng sáng
Cõi dục không vướng mắc
Bình đẳng lìa thương, ghét

Tất cả không thân, sơ.

Lúc ấy, dân chúng nghe được lời ca tụng về công đức của Thế Tôn, cả nước tụ tập lại, thấy Đức Phật đi đứng, cử chỉ, từng bước khoan thai, chậm rãi, đầy đủ oai nghi, đẹp đẽ giống như mặt trăng giữa các vì tinh tú, như ánh mặt trời vừa ló dạng chiếu khắp bầu trời không bị ngăn ngại. Như Phạm vương hay Thiên đế Thích ở giữa chư Thiên nơi cung trời Đao-lợi tôn quý. Như núi Tu-di hiện giữa biển lớn, trong bốn cõi được bình yên không bị chấn động. Mọi người vui mừng hớn hở, chắp tay quy mạng Đức Thế Tôn. Đức Phật đến nhà Trưởng giả Pháp Chí, đứng ngoài cánh cửa đang đóng, phóng ra ánh hào quang lớn chiếu khắp mười phương. Vợ Trưởng giả đang ngồi trên giường tô điểm, trang sức đủ các loại chuỗi ngọc quý lên thân thể, thoa dầu thơm Chiên-đàn, diện mạo đầy son phấn. Vợ Trưởng giả cho năm màu rực rỡ của những thứ trang sức kia là vật tồn tại lâu dài, nên tôi tớ, nô tỳ hễ có chút lỗi lầm thì đánh đập thậm tệ, không hỏi lý do phải, trái. Lúc trông thấy vầng hào quang của Phật chói sáng hơn ánh mặt trời, bà suy nghĩ: "Vầng hào quang huyền diệu kia không phải là ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, hay ánh sáng của Phạm thiên, Đế Thích, chư Thiên, cũng không phải của phàm tục. Ánh sáng này trông mát mẻ an ổn vô lượng. Thân ta mà được ánh sáng này thì hết hoạn nạn, không còn đói khát, tự nhiên no đầy. Làm thế nào ta được ánh sáng ấy để có thế lực, sai bọn tôi tớ phục tùng?" Nghĩ rồi, đến cánh cửa khép, nhìn qua thấy Thế Tôn tướng tốt, oai nghi, sáng rực, khó có thể ví dụ. Các căn vắng lặng, đầy đủ vẹn tròn, giống như núi bảy báu hùng vĩ chót vót. Vợ Trưởng giả nửa hổ thẹn khép nép, nửa vui mừng cảm mến, rồi đảnh lễ sát chân Phật và nói:

–Con đã phạm tội lỗi quá nhiều, con xin sám hối. Sân hận vui mừng đều do mình, làm người nữ thì không thể tránh khỏi. Nay biết lỗi lầm lần đầu, con không dám che giấu.

Phật bảo:

–Lành thay, lành thay! Thấy tội lỗi của mình, biết sửa chữa cải đổi, bỏ hết sai trái là đã đạt được thiện lợi. Từ nay trở đi phải tu tập, thân người khó được, kinh Phật khó gặp. Sở dĩ muôn đời bị làm thân nữ, vì trong thân ấy có dáng vẻ dâm dục, không thể tu thân, ý tứ buông thả, hay ganh ghét, nhiều lời, tự mình tham đắm, ỷ vào hình sắc, không biết thế gian vô thường, giàu có oai quyền chỉ trong khoảnh khắc mà thôi, giàu sang, bần tiện như vầng trăng khi mờ khi tỏ, như mặt trời mọc rồi lặn. Như nước, lửa, gió, khởi lên không lâu rồi cũng hết. Tất cả đạo hay thế tục đều từ tâm mà phát khởi. Cõi trời, nhân gian, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh đều do mình tạo, Phật

là Đấng Thiên Trung Thiên, Thanh văn. Duyên giác cũng như thế. Nay thân ta được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, xem xét thấu suốt khắp mười phương, tất cả đều thông đạt, xem chúng sinh như con ruột.

Bà nghe Phật nói, lòng vui mừng khôn xiết, hết lòng kính trọng, quy mạng với Phật một lần nữa, thầm trách mình vì ngu muội nên nghe lời dạy dỗ, giáo hóa về đạo Vô thượng quá muộn màng.

Phật bảo:

–Nên thực hành mười điều thiện: Thân không sát sinh, trộm cắp, dâm dục. Miệng không nói dối, không nói hai lời, không nói thêu dệt, không nói lời thô ác. Ý không tham, sân, si. Thường tu hành sáu độ: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Noi theo bốn Đẳng tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Đem lòng lành mở rộng nẻo giáo hóa cứu độ, tự mình sẽ được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Khi mình sai bảo tôi tớ, nô tỳ thì nên đem việc khổ đau, sinh tử, tội phước mà chỉ cho họ. Hay chỉ bảo họ về hoạn nạn trong ba nẻo khổ, hoặc nói nghĩa lý về giữ giới, truyền đạt cho mọi người hơn là đánh đập. Còn muốn trang điểm chuỗi ngọc thì nhớ bốn việc:

1. Tín tâm.

2. Giữ giới.

3. Tu định.

4. Trí tuệ.

Đó là bốn việc về trang điểm. Nếu Bồ-tát tự trang nghiêm tâm hướng đến Đại thừa thì không nam, không nữ, giống như huyễn hoặc mộng ảo. Như họa sĩ vẽ theo ý mà thành, hiểu rõ "không tuệ" tất cả vốn thanh tịnh, đạt thân vô danh, bốn Vô sở úy, bốn thứ cần dùng, không giữ riêng thứ gì. Một mình đi trong ba cõi, độ thoát cho tất cả.

Nghe Phật dạy, tâm của vợ Trưởng giả được mở bày tỏ rõ, liền hoan hỷ phát đạo ý Chánh chân Vô thượng, đạt được quả vị bất thoái chuyển.

Bấy giờ, Thiên đế Thích đến phía sau Phật, nói với vợ Trưởng giả:

–Phật đạo khó được, chi bằng cô hãy cầu chuyển thân nữ thành thân nam, làm Nhật Nguyệt Thiên đế, Chuyển luân thánh vương.

Vợ Trưởng giả nói kệ, đáp:

Thiên đế Nhật nguyệt vương
Chuyển luân chủ bốn cõi
Oai thế không mấy chốc
Nương tựa chẳng bao lâu.

Giàu sang như sương sớm
Như cảnh thấy trong mộng
Tỉnh giấc, cảnh biến tan
Không biết nơi tụ họp.
Năm ấm như huyễn hóa
Ba cõi do mình tạo
Ba đời đều bình đẳng
Tâm đạo không gì sánh.
Hiểu chân đế là thế
Vậy ai nam, ai nữ?

Thiên đế Thích nghe vậy, im lặng không nói.

Phật bảo:

–Lành thay, lành thay! Đúng như lời đã nói! Ba cõi như huyễn hóa, như ảnh, như tiếng vang, như dợn nắng, như ánh trăng trong nước, như cây chuối.

Người đời không hiểu cho là có ngã, có ta, lại dựa vào ba cõi nên không thể tự cứu mình.

Tâm của bà đã cởi mở, liền biến thành thân nam, vui mừng hớn hở vụt bay lên hư không rồi hạ xuống cúi mình đảnh lễ sát chân Phật.

Phật bảo:

–Đời sau, con trải qua hằng sa kiếp, sẽ được thành Phật hiệu là Vô Cấu Vương Như Lai, Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vi Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật hiệu Thiên Trung Thiên. Đời ấy tên Quang tịnh.

Lúc này, mọi người trong chúng hội, chư Thiên, dân chúng, có hàng vô số người, thấy sự việc ứng biến này, đều phát tâm nơi đạo Chánh chân Vô thượng. Vợ Trưởng giả và tất cả tôi tớ đứng trước Đức Phật, thưa:

–Kính thưa Thế Tôn! Người cao, kẻ thấp vốn có khác nhau không?

Phật đáp:

–Tất cả vốn không khác, nhưng tồn tại tùy theo tâm. Tuy làm người thấp kém, nhưng phát tâm đạo thì có thể thành Phật. Còn làm người giàu sang, quyền quý, nhưng với tâm buông thả, kiêu mạn thì bị đọa vào đường ác như: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, giống như mặt trăng khi tròn khi khuyết, như cây cối khi tươi khi héo. Tất cả chẳng thường không có thứ gì là vững bền. Duy chỉ có trí tuệ sâu xa mới có thể luôn còn, giống như hư không, không tới không lui.

Khi ấy, đám tôi tớ đều hết sức vui mừng, cùng phát tâm ý với đạo lớn, biến thành thân nam, được nhẫn không khởi.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Năm ấm không chỗ, sáu tình không rễ, mười hai nhân duyên không đầu mối, bốn đại nương vào đâu mà thành người!

Phật giảng nói như vậy, ai cũng hoan hỷ.

❑

SỐ 573

KINH THỌ KÝ SAI-MA-BÀ-ĐẾ

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi, người Bắc Ấn Độ.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương xá, cùng chúng đại Tỳ-kheo gồm hai mươi ngàn vị và nhiều vị Bồ-tát như: Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi… với nhiều vị Bồ-tát khác.

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, Đức Phật đắp y, ôm bát cùng Bồ-tát Di-lặc vào thành lớn Vương xá khất thực. Khi đến cung điện của đại vương Tần-bà-sa-la, hai vị muốn vào, nhưng lúc ấy, đại vương Tần-bà-sa-la và phu nhân Sai-ma-bà-đế ở trên lầu cao đã thấy Đức Thế Tôn, tâm liền thanh tịnh. Họ xuống lầu, lấy áo vô giá gọi là Ba-đô-ma, bày ra mời Như Lai ngồi lên. Còn Bồ-tát Di-lặc ngồi vào tọa cụ (Ni-sư-đàn). Sau khi hai vị an tọa, Vương phu nhân Sai-ma-bà-đế sửa soạn mọi thứ trang nghiêm, thân tướng chỉnh tề, rồi đảnh lễ sát chân Thế Tôn, quay sang kính lễ Bồ-tát Di-lặc. Trước nét mặt tôn nghiêm, dáng ngồi uy nghi của Đức Phật, phu nhân càng kính trọng trong lòng muốn nghe pháp.

Đức Thế Tôn thấy Vương phu nhân Sai-ma-bà-đế trang nghiêm mọi thứ và thân tướng chỉnh tề, vì muốn ban vui tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, Đức Phật biết mà vẫn cứ hỏi:

–Này Sai-ma-bà-đế! Nay thân của phu nhân được ánh sáng đoan nghiêm thù thắng như là màu sắc của trái cây. Vậy cây đó là cây gì?

Vương phu nhân Sai-ma-bà-đế nói kệ thưa:

Đại trượng phu bậc nhất
Biết mà cố hỏi con:
Cây đó là cây gì?
Người được quả như thế.
Đó là cây phước đức
Đời trước con gieo trồng
Quả này của cây đó

Nên nay con hái ăn!
Lại đã trồng cây đó
Với chánh giác Thanh văn
An trụ đạo Bồ-đề
Cầu ngôi vị Chánh giác.
Thí, giới: nước thấm nhuần
Làm cây đó tăng trưởng
Cây đã tăng trưởng rồi
Sinh quả đoan nghiêm này.
Sức nhẫn nhục tinh tấn
Làm cây đó tăng trưởng
Cây đó tăng trưởng rồi
Sinh quả vô cấu này.
Hoa thiền, tuệ nở rộ
Làm cây đó đoan nghiêm
Nay con ăn quả ấy
Như Thế Tôn đã thấy.
Như rừng rậm, cây cỏ
Tất cả dựa vào núi
Nhánh, lá, cành tăng trưởng
Trên dưới đều bất động.
Như vậy đại thọ đó
Đời trước con khéo trồng
Lợi ích các chúng sinh
Mà được pháp chư Phật.
Như vậy cây phước đức
Con được chính hoa đó
Quả ấy con lại ăn
Sau này quả đó là.
Quả Bồ-đề bậc nhất
Phật Bồ-đề vô thượng
Xả thân nữ thấp kém
Sau chắc được quả kia.
Con sẽ làm trượng phu
Trong chúng sinh trên hết
Các pháp là bờ giác
Nhất thiết trí hiện khắp.
Con giải thoát chúng sinh

Các khổ không còn sợ
Tất cả quay về con
Thương hết thảy chúng sinh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Vương phu nhân Sai-ma-bà-đế:

–Phu nhân nói như thế là rất tốt, rất thuận hợp. Phu nhân đã khéo làm lợi ích, an lạc cho nhiều người, thương mến thế gian, đem lợi lạc, an vui cho tất cả đại chúng nơi cõi trời, người.

Vương phu nhân Sai-ma-bà-đế nghe Phật khen mình, tự thưa với Thế Tôn:

–Thưa Thế Tôn! Vì nhân duyên gì thân được ba mươi hai tướng đại trượng phu, tám mươi vẻ đẹp, được mười Lực của Như Lai, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại, mười tám pháp Bất cộng của Phật, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, có đủ thứ vô lượng, vô số như vậy, không thể nói hết, pháp Phật vô số từ đâu mà sinh?

Khi Vương phu nhân hỏi như thế, Đức Phật liền nói kệ:

Ta cũng lại như vậy
Đời trước trồng cây ấy
Vì lợi ích chúng sinh
Mong cầu trí chánh giác.
Tu hành Thí, Giới, Nhẫn
Tinh tấn, Thiền, Trí tuệ
Trong tất cả các thời
Luôn tu tập thiền tuệ.
Đối với các chúng sinh
Chưa từng khởi tâm ác
Thường hành tâm bình đẳng
Ngày nay được thành Phật.
Tâm không có ghét, yêu
Bạn lành, oán: bình đẳng
Tâm được bình đẳng rồi
Cây phước đức tăng trưởng.
Thân ta như đại thọ
Thâu vô lượng công đức
Từng làm Chuyển luân vương
Hoặc làm vua Đế Thích.
Lại làm Đại phạm thiên
Giàu sang nhiều vô số

Pháp Phật không thể bàn
Nay được những tướng này.

Nghe những công đức như thế, Vương phu nhân Sai-ma-bà-đế tán thán:

–Lành thay! Nghe lời của Thế Tôn, con hết sức vui mừng.

Vương phu nhân liền hướng về Đức Thế Tôn nói kệ:

Bậc tối thắng trong đời
Như vậy tùy thuận học
Khéo học như đã học
Biển công đức vô biên.
Con nay học pháp Phật
Những công đức giác ngộ
Sẽ lìa khổ sinh tử
Để được như Mâu-ni.
Con vốn sinh nhiều đời
Từng tu hạnh bố thí
Nguyện hết thảy phước ấy
Được trí Phật vô đẳng.
Trong quá khứ, hiện tại
Con hộ trì giới cấm
Nguyện tất cả phước ấy
Sẽ được trí Như Lai.
Con tu nhẫn, tinh tấn
Như: Tam-muội, Bát-nhã…
Như vậy nguyện tất cả
Đều thành tựu pháp Phật.
Nghiệp thân, khẩu, ý con
Chỗ tu hành các thiện
Nguyện đắc đại Bồ-đề
Cầu công đức Phật trí.
Con xả bỏ thân nữ
Được tướng đẹp trượng phu
Đắc thân trượng phu rồi
Kế đến được thân Phật.
Đắc Bồ-đề thù thắng
Chuyển xe pháp vô thượng
Giải thoát cho chúng sinh

Khỏi ngục khổ sinh tử.

Đức Thế Tôn khen ngợi Vương phu nhân Sai-ma-bà-đế và nói kệ:

Lành thay! Lời nói ấy
Lành thay! Tâm nguyện thiện
Con sẽ phá trừ ma
Và được thành Chánh giác.

Vương phu nhân Sai-ma-bà-đế được chính Đức Thế Tôn thọ ký, bà nghe rồi vui mừng, khởi tâm thù thắng, sinh ý quyết định, đem dâng cúng lên Thế Tôn nhiều loại thức ăn như: Khư-đà-ni, Bồ-xà-ni, Ta-đà-ni *(Thức ăn cứng mềm: cơm, bún, mì, đậu…)* mỗi thứ mỗi loại đều đầy đủ, dâng cúng cho Đại Bồ-tát Di-lặc cũng những thức ăn như thế.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng cơm xong, cất bát rửa tay, vì Vương phu nhân Sai-ma-bà-đế lại thuyết pháp, chỉ dạy khuyên bảo khiến Vương phu nhân được vui vẻ. Thế Tôn thọ ký một lần nữa:

–Này Sai-ma-bà-đế! Vào đời vị lai, trải qua vô lượng kiếp, phu nhân sẽ thành Phật hiệu là Công Đức Bảo Thắng gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Cõi Phật đó hoàn toàn trong sạch, không có việc khổ não nơi cõi ác, tâm ý luôn an vui, tất cả đều được trang nghiêm. Trụ xứ của Bồ-tát thanh tịnh bậc nhất. Phu nhân sẽ được cõi Phật trang nghiêm như vậy.

Khi Đức Phật thuyết giảng pháp môn này, có vô số Ưu-bà-tắc trên hàng ngàn người, tất cả đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hàng ngàn chúng sinh ở cõi trời, người, thế gian đối với pháp này không còn nghi ngờ, được tâm tùy thuận. Như Lai thuyết giảng pháp xong, phu nhân Sai-ma-bà-đế, Bồ-tát Di-lặc, tất cả chúng hội cùng các hàng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà… nghe Thế Tôn nói, đều rất vui mừng.

❑

SỐ 574

KINH NỮ KIÊN CỐ

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Pháp sư Na-liên-đề Da-xá, người Bắc Ấn Độ.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc thành Xá-bà-đề, nước Đô-ta-la.

Bấy giờ, Đức Phật bảo chúng Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo! Các ông hãy lắng nghe, ta nay sẽ vì các ông mà giảng nói. Nếu có người nữ nào muốn phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trước tiên phải nghĩ thế này: "Tất cả những thứ việc xấu ác hiện có nơi người nữ như: dua nịnh, ganh ghét, tham lam, sân hận, tà vạy, dối gạt, do nhân duyên phát tâm nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì vào đời vị lai, chúng không sinh lại nữa." Lấy ý nghĩa đó nên bất cứ người nữ nào cũng phải phát tâm nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi Phật giảng nói như thế, trong chúng hội có một Ưu-bà-di tên là Kiên Cố liền từ tòa ngồi đứng dậy, sửa lại y phục ngay ngắn, chắp tay bạch Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Con nay vì muốn tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, vì ban cho tất cả chúng sinh được sự an vui, vì thương yêu chúng sinh khắp tất cả thế giới, vì muốn độ thoát tất cả hàng trời, người, nên con phát tâm nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

–Kính thưa Thế Tôn! Con đã ở trong sinh tử từ vô thủy nơi quá khứ cho đến vị lai, lưu chuyển không biên vực, nhưng không sợ hãi, chỉ vì con không đoạn mất hạt giống của Như Lai, không đoạn chủng tánh của Phật, không đoạn hạt giống của Nhất thiết trí, nên con phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu hạnh Bồ-tát.

–Kính thưa Thế Tôn! Con nay vì muốn đem lại an ổn cho tất cả chúng sinh, nên phát tâm Bồ-đề, vì những chúng sinh không người cứu giúp làm người cứu giúp. Vì các chúng sinh không có bạn thân làm bạn

thân. Vì các chúng sinh không có nơi quy về nương tựa làm chốn quy y. Vì những chúng sinh không có nhà cửa làm nhà cửa.

Khi ấy, trong đại chúng, Trưởng lão Xá-lợi-phất khởi tâm suy nghĩ: "Nữ Kiên Cố này vì cùng tất cả chúng sinh làm bạn thân, nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, do nhân duyên phát tâm ấy, nên thế gian tức có các Thanh văn, Bích-chi-phật." Suy nghĩ rồi, đứng dậy nói với nữ Kiên Cố:

–Này Kiên Cố! Cô do đã phát tâm Bồ-đề nên vào đời vị lai được thấy các bậc Thanh văn, Bích-chi-phật.

Nữ Kiên Cố bạch với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Thưa Tôn giả! Từ xưa đến nay, con lưu chuyển trong sinh tử chưa từng phát tâm Bồ-đề như vậy. Nay lần đầu con phát tâm liền được thiện lợi lớn, may mắn được thân người, may mắn được thọ mạng, ở đời quá khứ được gặp Thiện tri thức, chưa từng có một ý nghĩ phát tâm Thanh văn, Bích-chi-phật. Nhờ nhân duyên đó nay con lại có thể vì tất cả chúng sinh mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo:

–Nay cô may mắn được lợi ích, được thân người, được thọ mạng, nên có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như vậy những gì cô nói, phải thực hành đúng như vậy.

Nữ Kiên Cố bạch với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Thưa Tôn giả! Con nhất định tu hành đúng như lời đã nói.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi nữ Kiên Cố:

–Thế nào là Bồ-tát tu hành đúng như lời nói?

Nữ Kiên Cố đáp:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Bồ-tát không thích quả vị Thanh văn, Bích-chi-phật, chỉ vui với thân Như Lai, với quả vị Như Lai, với quả vị Nhất thiết trí. Như vậy, thưa tôn giả Xá-lợi-phất! Đó là Đại Bồ-tát tu hành đúng như lời nói.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu Đại Bồ-tát khi bố thí, nguyện được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không cầu quả vị Thanh văn, Bích-chi-phật. Hoặc khi trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, đều cầu đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không cầu quả vị Thanh văn, Bích-chi-phật. Như thế gọi là Đại Bồ-tát tu hành đúng như lời nói.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi nữ Kiên Cố:

–Người tu hành đúng như lời nói được lợi ích gì? Hãy vì ta mà nói

rõ.

Nữ Kiên Cố nghe câu hỏi đó, mới thưa với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Tôn giả muốn thấy lợi ích gì?

–Ta muốn thấy lợi ích của việc phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

–Tướng của tâm đó như ảo, không có thật làm sao thấy có lợi ích.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại nói:

–Nếu cô là người có trí tuệ thì đối với thân này có thể dứt hết khổ, được A-la-hán. Còn nếu thân cô không thể chấm dứt khổ để đạt được A-la-hán thì trí tuệ của cô quá lầm lẫn.

Nữ Kiên Cố nói:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu thân của con được A-la-hán thì trí tuệ của con tức là điên đảo. Do con nơi thân này không giữ lấy quả vị A-la-hán, chỉ muốn vào đời vị lai chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên mới biết trí tuệ của con không gọi là điên đảo.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Cô phải trải qua bao lâu để chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Nữ Kiên Cố đáp:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Con chẳng phải Phật, chẳng phải A-la-hán, nên không biết bao giờ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Tôn giả đã được A-la-hán, trí tuệ vô lậu, lẽ ra phải biết con bao giờ thì được Chánh đẳng Chánh giác chứ.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Ta không có trí tuệ, nên không biết cô bao giờ chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nữ Kiên Cố nói:

–Như trí tuệ của Tôn giả, con nguyện đời đời kiếp kiếp không dùng, vì nó đã từ người khác mà lãnh hội, từ người khác sinh tin tưởng. Con nguyện được trí tuệ tự biết, tự hiểu của Như Lai, Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Bấy giờ, Tôn giả Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử suy nghĩ: "Chúng ta trụ nơi quả vị Tiểu thừa, được trí tuệ nhỏ. Nếu thấy trí của Như Lai mới biết trí tuệ của chúng ta đạt được là quá ư thấp kém, chỉ là trí tuệ nhỏ của quả vị nhỏ." Còn Tôn giả Xá-lợi-phất trong tâm lại nghĩ: "Tuy chúng ta được quả A-la-hán, nhưng không thể làm lợi ích cho khắp chúng sinh, làm các

việc của bậc đại trượng phu. Chỉ có bậc đại trượng phu đầy đủ pháp đại trượng phu, mới có thể đem nhiều lợi ích cho vô lượng chúng sinh. Như nữ Kiên Cố vì lợi ích của mình và của tất cả chúng sinh mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.” Nghĩ rồi, liền hỏi nữ Kiên Cố:

–Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là pháp gì?

Nữ Kiên Cố đáp:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Trong tất cả các pháp, pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là pháp cao tột hơn hết, không có pháp nào hơn được, nên gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Tuy nói là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nhưng con không thấy pháp ấy là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Nếu không thấy có pháp gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vậy làm sao cô phát tâm Bồ-đề cầu giác ngộ?

Nữ Kiên Cố thưa:

–Nhằm khiến cho chúng sinh hành tà đạo, trụ nơi chánh đạo, nên con phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe nói vậy lại hỏi nữ Kiên Cố:

–Khi Đức Phật được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhưng không thấy pháp, không thấy đạo, không thấy quả. Còn cô muốn cầu đạt Bồ-đề, thấy lợi ích gì?

Nữ Kiên Cố thưa:

–Thưa Tôn giả! Khi con được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế thì trong quốc độ những đệ tử hiện có như: Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên… thấy rõ sự việc đó nên con muốn giác ngộ Bồ-đề vô thượng.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Cô không thủ đắc nơi pháp, làm sao muốn giác ngộ?

–Đúng vậy, đúng vậy! Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Chính vì con muốn giác ngộ về pháp không thể thủ đắc ấy. Pháp không thể thủ đắc không phải là đắc, không phải là không đắc. Vì vậy nên con muốn giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ngộ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, rồi sẽ chuyển bánh xe pháp lớn, khi chuyển bánh xe pháp, sẽ làm cho chúng sinh khắp tam thiên đại thiên thế giới đều nghe biết.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Tôi làm sao biết vào đời vị lai, khi nào thì cô đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chuyển bánh xe pháp lớn, có âm thanh ấy vang

khắp tam thiên đại thiên thế giới.

Ngay lập tức, nữ Kiên Cố ấn mạnh ngón chân cái bên phải xuống đất thì mặt đất nơi tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động, nhưng khoảng đất chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi thì không động. Tôn giả Xá-lợi-phất suy nghĩ: "Người nữ này dùng đại thần thông mới có thể làm mặt đất nơi tam thiên đại thiên thế giới chấn động, nhưng vì sao chỗ ngồi của ta đất không chấn động? Là nhờ nơi oai lực của Phật hay là do oai lực của ta."

Dòng suy tư của Tôn giả Xá-lợi-phất vừa dứt, Đức Thế Tôn biết được ý nghĩ ấy, liền bảo:

–Ở trong khoảng đất này, từ thời quá khứ đã có ngàn người nữ cùng tên là Kiên Cố, đều ở ngay nơi chỗ ngồi của Tôn giả mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hiện ra thần thông lớn được thọ ký Bồ-đề. Vào đời vị lai, khi Đức Phật Di-lặc xuất hiện, cũng ở chỗ này sẽ có ngàn người nữ đồng hiệu là Kiên Cố, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hiện ra thần lực lớn được thọ ký Bồ-đề và sẽ thành Phật hiệu là Thắng Kiên Cố Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri.

Nữ Kiên Cố bạch Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Nếu quả vị giác ngộ của Phật, quá khứ chẳng thủ đắc, hiện tại chẳng thủ đắc, vị lai cũng thế thì sao Thế Tôn lại nói có ba đời chư Phật ở quá khứ, hiện tại, vị lai?

Phật bảo:

–Đúng vậy, đúng vậy! Chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai chẳng thủ đắc, nhưng sở dĩ Ta nói có ba đời chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai thì đấy chỉ là giả danh, nên nói có ba đời, chẳng phải cho là chư Phật có quá khứ, hiện tại, vị lai.

Nữ Kiên Cố bạch Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Theo pháp đó thì tự mình giác ngộ, tự mình hiểu biết, không theo nhân duyên nào khác, nên con phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo:

–Lành thay, lành thay! Nếu có thể nhận biết như thế thì vị lai sẽ đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nữ Kiên Cố bạch:

–Bạch Thế Tôn! Không thấy pháp như thế thì không đạt được Bồ-đề. Do đó con nay quyết định đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật hỏi:

–Vào đời vị lai, con sẽ giáo hóa chúng sinh chăng?

–Kính thưa Thế Tôn! Nếu chưa thấy pháp như thế thì không giáo hóa. Vì vậy con quyết định có thể giáo hóa chúng sinh.

Phật nói:

–Vào đời vị lai con sẽ làm Đại Đạo Sư chăng?

–Kính thưa Thế Tôn! Chưa thấy pháp như thế thì không làm đạo sư. Nay được rồi nên con quyết định làm Đại Đạo Sư.

Bấy giờ, trời Đế Thích cầm hoa sen đứng trước Phật, liền đưa hoa ấy cho nữ Kiên Cố và nói:

–Cô hãy đem hoa này tung rải lên Đức Thế Tôn.

Nữ Kiên cố liền nhận hoa, đem rải lên trên Đức Phật, đoạn nương nơi thần lực của Phật, trụ ở hư không.

Lúc này, Đức Thế Tôn liền mỉm cười. Pháp của chư Phật khi mỉm cười thì các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê, đủ loại ánh sáng từ trong kim khẩu xuất ra, chiếu tỏa khắp cho đến cõi Phạm thiên, rồi trở lại nhiễu vòng quanh Phật ba vòng, sau đó nhập vào đỉnh đầu Phật.

Khi ấy, Tôn giả A-nan hỏi Phật:

–Thưa Thế Tôn! Chư Phật khi mỉm cười luôn có nhân duyên không nhiều thì ít. Vậy vì nhân duyên gì mà Đức Thế Tôn mỉm cười?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông có thấy nữ Kiên Cố kia không? Người nữ ấy sau khi mạng chung sẽ bỏ thân nữ, thành thân nam, ở trong kiếp Tinh tú, chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hiệu là Phổ Kiến Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Đức Phật ấy, trong hội thuyết pháp đầu tiên sẽ có hai triệu vạn ức người dứt hết các lậu, xả bỏ gánh nặng, chứng A-la-hán. Lần thứ hai thuyết pháp sẽ có một triệu rưỡi vạn ức người được A-la-hán. Lần thứ ba thuyết pháp sẽ có một triệu vạn ức người được A-la-hán. Từ đó về sau, có vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha chúng sinh chứng được quả A-la-hán. Như vậy, này Tôn giả A-nan! Trong quốc độ của Như Lai Phổ Kiến không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Chúng sinh ở cõi nước đó đều thành tựu mười nghiệp đạo thiện, không làm các nghề buôn bán, ruộng vườn, quốc độ của vị Phật Phổ Kiến có vô lượng công đức, cho nên nếu có thiện nam, thiện nữ nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đối với người ấy, không nên khởi tâm khinh mạn. Chỉ có Như Lai mới biết rõ việc đó, còn các Thanh văn, Bích-chi-phật thì không thể biết được.

Này Tôn giả A-nan! Nếu có ai kính mến, tôn trọng ta thì đối với Bồ-tát không được khởi tâm xem thường.

Phật giảng nói pháp này xong, Trưởng lão Xá-lợi-phất, Đại đức A-nan, Ưu-bà-di Kiên Cố và tất cả chúng trời, người… nghe Phật thuyết pháp thảy đều vui mừng.

❑

SỐ 575

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG TU-ĐA-LA VƯƠNG

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi, người Thiên Trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá, cùng với đông đủ chúng đại Tỳ-kheo Tăng một ngàn hai trăm năm mươi vị và chúng Đại Bồ-tát.

Bấy giờ, vua Tần-bà-sa-la, nước Ma-già-đà, ra khỏi thành Vương xá, đi đến tinh xá ở vườn trúc Ca-lan-đà. Vua Tần-bà-sa-la đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Đức Thế Tôn hỏi vua:

–Đại vương! Như người nằm mộng, thấy nhiều người cùng các thể nữ vui chơi. Khi người đó tỉnh dậy, nhớ lại mọi người và thể nữ trong mộng. Đại vương, ý đại vương nghĩ sao? Như vậy các thể nữ ở trong mộng có thật không?

–Dạ thưa Thế Tôn, không thật.

–Đại vương! Ý đại vương nghĩ sao? Người trong mộng thấy thể nữ và mọi người vui chơi, thức dậy nhớ lại, như vậy người ấy có trí không?

–Thưa Thế Tôn! Dạ không. Vì sao? Vì trong mộng tất cả mọi người và thể nữ đều không. Mọi người và thể nữ đã không có, làm gì là có chuyện cùng nhau vui chơi.

Phật bảo:

–Người phàm phu cũng lại như vậy. Mắt thấy sắc đẹp lại sinh yêu mến tham đắm. Đã sinh yêu mến tham đắm mà còn khởi tâm ham muốn. Đã khởi tâm ham muốn lại khởi nghiệp sân si, tạo nghiệp cho thân, khẩu, ý. Những nghiệp ấy tạo ra rồi lại diệt, diệt rồi không dựa nơi phương Đông mà trụ, không dựa nơi phương Nam mà trụ, không dựa nơi phương Bắc mà trụ, cũng không dựa nơi phương Tây mà trụ. Cả bốn hướng và trên, dưới cũng như thế. Đến khi qua đời, hành thức cùng diệt, ý người ấy hiện tiền. Đại vương! Như vậy hành thức tự tạo nghiệp, tất nhiên phải thọ nhận

hết nghiệp ấy. Đại vương! Giống như người tỉnh mộng, không thấy thể nữ và mọi người. Khi hành thức diệt, thức đầu tiên sinh: hoặc sinh lên cõi trời, hoặc sinh làm người, hay sinh nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Đại vương! Vì thức đầu tiên không dứt nơi sự nối tiếp nhau của tự tâm, nên phải thọ quả báo mà sinh trong những cảnh ấy. Quán các pháp sinh diệt, chỉ có một pháp từ đời này đến đời vị lai. Đại vương! Như vậy khi hành thức hết gọi là diệt, thức đầu tiên khởi lên gọi là sinh. Lúc hành thức diệt thì đi không có chỗ đến. Thức đầu tiên sinh cũng không từ đâu mà lại. Vì sao? Vì tánh của thức là lìa. Đại vương! Hành thức là hành thức không. Khi diệt là diệt nghiệp không. Thức đầu tiên là thức đầu tiên không, khi sinh là sinh nghiệp không. Quán tất cả nghiệp quả không có tan, hoại.

Đại vương nên biết! Do tâm của thức đầu tiên liên tục, không đoạn mà thọ nhận quả báo.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Tất cả chỉ tên gọi
Do tưởng mà phân biệt
Tên gọi nói phân biệt
Nhưng tất cả đều không.
Dùng mỗi mỗi tên gọi
Nói ra được nhiều pháp
Trong pháp không như vậy
Pháp ấy, tướng các pháp.
Tên gọi, tên gọi không
Tên gọi lìa tên gọi
Các pháp không tên gọi
Dùng tên gọi mà nói.
Pháp ấy chẳng thực có
Do phân biệt mà sinh
Phân biệt đó cũng không
"Không" do phân biệt nói.
Tất cả phàm phu nói
Và mắt thấy sắc tướng
Thế gian vọng phân biệt
Chấp giữ cho là thật.
Phật nói các pháp này
Nhiều duyên hợp nên thấy
Đó là thứ tự hành

Là nói Đệ nhất nghĩa.
Mắt chẳng thấy được sắc
Ý không biết các pháp
Đó chính là chân lý
Thế gian không thể biết.

Bấy giờ, vua Tần-bà-sa-la nước Ma-già-đà, cùng tất cả chúng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà nơi thế gian… nghe Phật giảng nói kinh xong, thảy đều vui vẻ.

❑

SỐ 576

KINH CHUYỂN HỮU

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Tam tạng Pháp sư Phật-đà-phiến-đa, người Thiên Trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng trúc Ca-lan-đà thuộc thành Vương xá, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo vây quanh gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị và vô lượng, vô biên các Đại Bồ-tát.

Bấy giờ, vua Tần-bà-sa-la nước Ma-già-đà, ra khỏi thành Vương xá, đến rừng trúc Ca-lan-đà. Khi đến chỗ Phật, vua Tần-bà-sa-la đảnh lễ sát chân Phật và nhiễu quanh ba vòng, rồi ngồi sang một bên. Như Lai biết nhà vua đã an tọa, mới hỏi:

–Đại vương! Ví dụ có người ngủ trong mộng thấy cùng ngọc nữ hành việc dục. Người ấy khi thức dậy nhớ đến ngọc nữ, ý đại vương nghĩ sao? Ngọc nữ trong mộng có không?

–Dạ không, thưa Thế Tôn!

–Ý đại vương nghĩ sao? Nếu người ấy cứ cho rằng trong mộng có ngọc nữ, vậy người ấy có trí tuệ chăng?

–Dạ không, thưa Thế Tôn! Vì sao? Vì người nữ ấy trong mộng là hoàn toàn không có thì làm sao có cảnh hành việc dục. Người ấy nghĩ chuyện đó chỉ phí công.

Phật nói:

–Này Đại vương! Như vậy tất cả phàm phu ngu si chưa từng nghe chánh pháp Phật, nên mắt thấy các sắc tâm vui thích cho là thật. Khi đã cho là thật, nên bị trói buộc, bị trói buộc nên bị vướng mắc, có vướng mắc thì sinh ra nghiệp tham dục, sân, si… Đó là nghiệp từ thân, khẩu, ý tạo ra. Tuy nhiên, nghiệp thân ấy tạo ra thì liền diệt, diệt rồi không dựa vào Đông Tây mà trụ. Như thế cũng không dựa vào phương Nam, Tây, Bắc, trên, dưới mà trụ. Đến khi mạng chung, chuyển nơi hữu thức kia mà hiện ở tâm sau.

Đại vương! Thức ấy không tan mất, tùy chỗ nghiệp cũ hết, nghiệp mới hiện ra, cũng như lúc ngủ thấy ngọc nữ trong mộng. Như vậy, cuối cùng, thức trước diệt thức sau sinh. Hoặc sinh vào địa ngục, hoặc sinh làm ngạ quỷ, súc sinh hay sinh nơi cõi Trời, Người, A-tu-la. Thức sau cùng ấy giữ lấy đời sau cùng, thức thuận theo cảnh ấy mà sinh. Như vậy tâm thức tùy nghiệp mà thọ, nhưng không có pháp từ thế gian này đến thế gian kia thọ sinh. Đại vương! Tâm thức sau diệt gọi là diệt, tâm thức ban đầu nhờ đó mà sinh, gọi là đời sau sinh. Khi chuyển nơi thức sau, pháp đó không từ chỗ kia lại để đến nơi này. Thức đầu sinh rồi cũng không có chỗ đến. Vì sao? Vì là tướng của pháp tánh.

Đại vương! Tâm thức đầu tiên là thức sau không, nghiệp là nghiệp không, sinh là sinh không, tâm thức đầu tiên là thức ban đầu không, chỗ sinh là chỗ sinh không, nhưng nghiệp quả chỗ ấy không mất. Cuối cùng, sinh thức đó liền diệt, tâm sau không dứt. Thức tâm thuận hành theo chỗ nào có thọ nghiệp báo thì liền đến thọ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Sau khi Thiện Thệ nói
Các ngôn ngữ hiện có
Đều là giả danh nói
Giả danh tưởng là trụ.
Lìa nơi pháp ngôn ngữ
Mà không có thể nói
Tùy nói năng hiện có
Để nói các pháp kia.
Pháp không sinh ở đó
Pháp nhãn thấy không sắc
Thế gian vướng mắc vào
Nói là thấy có sắc.
Nói pháp đời là thực
Nhờ hòa hợp mà thấy
Những gì Như Lai nói
Gọi đó là phương tiện.
Nếu vì nói chân thật
Mắt tức không thấy sắc
Ý không biết các pháp
Đó là tối bí mật.
Thế gian ngã mạn nói

Tên vốn thật không có
Tất cả pháp không tên
Dùng giả danh mà nói.

Bấy giờ, vua Tần-bà-sa-la, các đại chúng Trời, Người, Rồng, Thần, Càn-thát-bà… nghe Phật giảng nói pháp môn này đều hết sức vui mừng, tin thọ, phụng hành.

❑

SỐ 577

KINH ĐẠI THỪA LƯU CHUYỂN CHƯ HỮU

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn thuộc khu rừng trúc Kiệt-lan-đạc-ca-trì, tại thành Vương xá, cùng với đông đủ đại chúng Bí-sô một ngàn hai trăm năm mươi vị, chúng Đại Bồ-tát và vô lượng trăm ngàn đại chúng trời, người vây quanh, một lòng cung kính.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thuyết giảng pháp Tự chứng vi diệu, chỗ giảng nói đầu, giữa, cuối đều tốt, văn nghĩa khéo đẹp, thuần là tướng phạm hạnh tròn đầy, thanh tịnh hết mực. Khi ấy, đại vương chủ nước Ma-yết-đà là Ảnh Thắng đi đến rừng trúc, tới chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi ngồi sang một bên. Sau đó, vua Ảnh Thắng bạch Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Làm sao loài hữu tình, trước đó đã tạo nghiệp, lâu rồi đã hoại diệt, nhưng khi chết thì tất cả đều hiện tiền. Lại nữa, thể của các pháp vốn rỗng không, nhưng chỗ nghiệp báo tạo ra lại không tan mất. Nguyện xin Đức Thế Tôn vì con phân biệt giảng nói.

Đức Thế Tôn bảo vua Ảnh Thắng:

–Đại vương nên biết! Ví dụ như có người nam đang ngủ, nằm mộng thấy mình cùng vui vầy với mỹ nữ nơi nhân gian. Khi tỉnh giấc, nhớ lại mỹ nữ đã thấy ở trong mộng. Ý đại vương nghĩ sao? Thấy mỹ nữ nơi nhân gian trong mộng có thật không?

–Dạ không, thưa Thế Tôn!

–Ý đại vương nghĩ sao? Người nam ấy thấy mỹ nữ trong mộng tâm sinh quyến luyến không rời. Vậy có thể nói người này là người có trí tuệ hiểu biết rộng rãi được không?

–Dạ không. Thưa Thế Tôn! Người ấy thật là ngu chứ không phải

người có trí tuệ. Vì sao? Vì mỹ nữ nơi nhân gian trong mộng vốn không, nên không thể có. Vậy làm sao có thể cùng họ vui chơi, để người nam kia mang tâm luyến ái, nhớ nghĩ được.

Phật bảo:

–Đại vương! Vậy mà người phàm phu ngu si không biết. Khi mắt thấy sắc tâm sinh vui thích liền khởi sự tham đắm, khởi lên sự tham đắm rồi, tùy theo đó sinh quyến luyến. Khi sinh quyến luyến lại ôm lòng vướng mắc chuyện ân ái. Khởi lên sự vướng mắc chuyện ân ái nên tham, sân, si theo đó phát sinh, tạo ra các nghiệp nơi thân, khẩu, ý. Nhưng các nghiệp ấy tạo rồi thì hoại diệt. Khi hoại diệt không nương tựa phương Đông mà trụ, cũng không nương tựa phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng, trên, dưới mà trụ. Đến khi chết, ý thức sắp diệt thì các nghiệp đã tạo đều hiện đầy đủ trước mắt. Giống như người nam kia khi tỉnh giấc nhớ lại hình ảnh mỹ nữ trong mộng đều hiện giống như vậy. Đại vương! Thức trước diệt thì thức sau sinh. Sinh lên cõi trời, hoặc sinh trong loài người, hoặc bị đọa làm súc sinh, địa ngục, ngạ quỷ. Đại vương! Khi thức sau sinh thì sự sinh liên tiếp phát khởi không gián đoạn. Thức ấy cùng với các loại tâm liên tục lưu chuyển, phân minh lãnh thọ, chiêu cảm quả báo. Tuy chưa có pháp có thể lưu chuyển từ đời này đến đời sau, nhưng có thể bị nghiệp quả của sinh tử.

Đại vương nên biết! Thức trước lúc diệt gọi là tử, thức sau khởi gọi là sinh. Đại vương! Khi thức trước diệt không có chỗ đi, thức sau khởi lên cũng không có chỗ lại. Vì sao? Vì bản tánh vốn không.

Này đại vương! Thức trước, tánh của thức là không. Tử, tánh của tử là không. Nghiệp, tánh của nghiệp là không. Thức sau, tánh của thức sau là không. Sinh, tánh của sinh là không, nhưng nghiệp quả ấy chưa từng tan mất. Đại vương, như vậy nên biết! Tất cả hữu tình do ngu si mê hoặc không biết là chẳng có, phát khởi không đúng, quyến luyến vào sự quay tròn của sinh tử.

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn nói rõ lại nghĩa này, nên nói kệ:

Các pháp chỉ giả danh
Tùy theo chỗ đặt tên
Lìa mọi lời giảng nói
Chỗ giảng không thể được.
Phải dùng nhiều loại tên
Nói rõ các pháp kia
Với tên pháp chẳng có
Là tự tánh các pháp.

Tánh tên gọi vốn không
Tên ấy thật chẳng có
Tên các pháp cũng vậy
Giả lấy tên để gọi.
Các pháp đều hư vọng
Chỉ từ phân biệt sinh
Phân biệt ấy cũng không
Với "Không" vọng phân biệt.
Ta nói các thế gian
Dùng nhãn để thấy sắc
Đều do nghĩ tính sai
Gọi đó là tục đế.
Ta nói tất cả pháp
Đều là nhờ duyên sinh
Gọi là gần thắng nghĩa
Người trí phải quán sát.
Với sắc nhãn không thấy
Ý cũng không biết pháp
Đó là thắng nghĩa đế
Người ngu không thể biết.

Đức Thế Tôn giảng nói pháp này xong, đại vương chủ nước Ma-yết-đà là Ảnh Thắng, thâm tâm cung kính thọ nhận, còn các vị Tỳ-kheo và chúng Đại Bồ-tát, hàng Trời, Người… đều rất vui mừng, tin nhận phụng hành.

❑

SỐ 578

KINH ƯU-BÀ-DI VÔ CẤU VẤN

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Tam tạng Cù-đàm Bát-nhã-lưu-chi, người miền trung Ấn Độ.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại cung điện thanh vắng nơi giảng đường Trùng các, trong thành Xá-bà-đề.

Bấy giờ, Ưu-bà-di Vô Cấu, Ưu-bà-di Hiền và những vị Ưu-bà-di khác, cùng đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, lui về ngồi một bên. Đức Phật hỏi Ưu-bà-di Vô Cấu:

–Các người không hành buông thả, tâm không lười biếng phải không?

–Kính thưa Thế Tôn! Chúng con không lười biếng, không hành buông thả.

Đức Phật hỏi Ưu-bà-di Vô Cấu:

–Người thường làm thế nào để không lười biếng và làm thế nào để không hành buông thả?

Ưu-bà-di Vô Cấu bạch Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Sáng sớm con thường quét tháp Phật, quét xong, con dọn dẹp bốn hướng, bốn góc tháp Phật cho sạch sẽ, rồi rải hoa đốt hương. Làm những việc cúng dường như vậy, sau đó con vào phòng rồi nhập thiền, tu bốn phạm hạnh, không lìa bỏ ba quy y, thọ giữ năm giới. Con luôn luôn như thế không lười biếng, không có hạnh buông thả.

Ưu-bà-di Vô Cấu lại hỏi Phật:

–Thưa Thế Tôn! Con chưa biết quét tháp Phật có căn lành và được phước báo gì? Dọn dẹp lau chùi bốn góc tháp thì có được căn lành và phước báo gì? Rải hoa, dốt hương cúng dường tháp Phật thì có được căn lành và phước báo gì? Nhập thiền, tu bốn phạm hạnh, thọ giữ ba quy y và năm giới thì có được căn lành và phước báo gì? Nguyện xin Thế Tôn vì con giảng nói.

Phật bảo Ưu-bà-di Vô Cấu:

–Quét tháp Phật được năm phước báo:

1. Tự tâm trong sạch, người khác thấy cũng sinh tâm trong sạch.

2. Được người khác yêu mến.

3. Được chư Thiên sinh lòng vui vẻ.

4. Gom tập nghiệp ngay thẳng.

5. Khi chết được sinh vào nẻo đường thiện.

Vô Cấu phải biết! Quét tháp Phật được phước báo như vậy. Vô Cấu! Nếu người nào tin Phật, làm hình viên luân, dọn dẹp đất tháp Phật, rải hoa đốt hương, làm những việc cúng dường như vậy, ta nói người đó khi thân hoại mạng chung, sẽ sinh vào cõi Phất-bà-đề, giàu có an vui, tuổi thọ nơi ấy hết sẽ sinh về trời Hóa Lạc.

Vô Cấu nên biết! Nếu người nào tin Phật, làm hình bán nguyệt, quét dọn đất tháp Phật, rải hoa, đốt hương, làm những việc cúng dường như vậy, ta nói người ấy khi thân hoại mạng chung sinh vào cõi Cù-đà-ni, giàu có an vui, thọ mạng nơi ấy hết, sẽ sinh về trời Đâu-suất.

Vô Cấu nên biết! Nếu người nào tin Phật, ở bên tháp Phật quét dọn lau chùi bốn hướng, đốt hương, rải hoa, cúng dường như vậy, ta nói người ấy khi thân hoại mạng chung sinh vào cõi Uất-đan-việt sung sướng tự tại, thọ mạng chỗ ấy hết, sẽ sinh về trời Diệm-ma.

Vô Cấu nên biết! Nếu ai tin Phật, làm hình mặt người, quét dọn tháp Phật, rải hoa, đốt hương, làm những việc cúng dường như vậy, ta nói người ấy khi thân hoại mạng chung, sinh ở cõi Diêm-phù-đề, sung sướng giàu có, tự tại. Khi thọ mạng nơi ấy hết, sinh về cõi trời Tam thập tam. Vô Cấu nên biết! Nếu quét dọn đất tháp ấy, rải hoa, đốt hương thì có được căn lành và quả báo như thế.

Vô Cấu nên biết! Nếu người nào nhập thiền, tu bốn phạm hạnh, quy y Phật, Pháp, Tăng, thọ giữ năm giới, ta nói người ấy được vô lượng vô số căn lành, còn phước báo thì vô cùng vô tận, sau chứng đắc Niết-bàn.

Vô Cấu nên biết! Nếu người nào quy y Thanh văn, Duyên giác, tu tập giới tụ thì không thể nào chứng Niết-bàn vô tận như vậy. Vì sao? Vì thọ trì năm giới, hành thiền, bốn phạm hạnh, chỉ được quả báo nhiều phước còn Niết-bàn thì không được.

Đức Thế Tôn giảng nói như vậy, nhưng Ưu-bà-di Vô Cấu tâm còn nghi ngờ, im lặng không nói. Đức Thế Tôn biết rõ tâm niệm của Vô Cấu, nên từ kim khẩu liền phát khởi tướng lưỡi rộng dài, che khắp mặt, cả hai

tai, hai mắt, hai mũi và che cả hư không. Sau đó, Đức Phật mới thâu tướng lưỡi vào kim khẩu, rồi bảo Ưu-bà-di Vô Cấu:

–Có khi nào cô thấy người nói dối, nói hai lưỡi, nói lời ác khẩu, nói lời thêu dệt, mà có sắc tướng lưỡi này không?

Ưu-bà-di Vô Cấu nghe Phật hỏi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay hướng về Phật, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con chưa từng thấy người như thế. Người có lời nói thật còn chưa có tướng lưỡi ấy, huống chi là người nói dối. Duy chỉ có Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, từ xưa tới nay nói lời chân thật mới có được tướng lưỡi như vậy.

Bấy giờ, Ưu-bà-di Vô Cấu biết Phật nói chân thật, tâm không còn nghi ngờ nên rất vui, nói kệ khen ngợi:

Con trong ngàn ức kiếp
Chưa từng nhớ, nghĩ, thấy
Pháp báu, thắng như vậy
Không biết để cúng dường.
Hôm nay, con thấy được
Đèn thế gian là đó
Đã thấy được như thế
Là nghe pháp đệ nhất.

Thế Tôn dùng kệ đáp lại:

Con nghe rồi thành Thánh
Là pháp báu chân thắng
Pháp trong sạch vắng lặng
Được vào thành Niết-bàn.

Đức Thế Tôn nói kệ xong Ưu-bà-di Vô Cấu tâm vui mừng khôn xiết. Còn tất cả chúng hội: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà… nghe Phật giảng nói, đồng làm kệ tán thán:

Trời, người đến Niết-bàn
Cũng từ nhân kinh này
Hành giả hướng trời, người
Cũng đến cửa Niết-bàn.
Công đức dịch kinh này
Ban cho khắp chúng sinh
Nguyện mau tu nhân đạo
Được Niết-bàn người, trời.

❑

SỐ 579

KINH ƯU-BÀ-DI TỊNH HẠNH PHÁP MÔN

Hán dịch: Mất tên người dịch, nay phụ vào dịch phẩm đời Bắc Lương.

QUYỂN THƯỢNG

Phẩm 1: TU HÀNH

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở trong cung điện Hoan hỷ, vườn Phất-bà-la của Di-già-la mẫu (Tỳ-xá-khư mẫu) thuộc nước Xá-vệ. Lúc này, Tỳ-xá-khư mẫu cùng một ngàn năm trăm thanh tín Ưu-bà-di đi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy sát chân, rồi lui ngồi qua một bên.

Phật bảo:

–Này Tỳ-xá-khư! Sáng sớm con đến đây có duyên sự gì?

Tỳ-xá-khư mẫu thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trước đây con đã nghe Như Lai nói lược qua về pháp vô thượng sâu xa, khó hiểu, tên là Ưu-bà-di tịnh hạnh. Cúi xin Thế Tôn hãy thương xót chúng con mà giảng nói phân biệt về tướng của pháp vi diệu ấy. Để khi nghe pháp này rồi, về sau chúng con sẽ thường yên ổn và an vui trong cõi trời, người cho đến khi đạt được Chánh giác.

Phật bảo Tỳ-xá-khư:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nữ! Trong vô lượng kiếp thuở xa xưa, con luôn thích nghe pháp và đã cùng quyến thuộc từng thỉnh cầu ta giảng nói pháp này.

Nghe Phật nói về nhân duyên thuở trước, Tỳ-xá-khư mẫu vui mừng khôn xiết và thưa Phật.

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Như Lai giảng nói để con được hiểu rõ hơn.

Phật nói:

–Này Tỳ-xá-khư! Hãy lắng nghe! Ta sẽ giảng rõ cho con. Này thiện

nữ! Trong vô lượng kiếp lâu xa về quá khứ, có nước tên Ba-la-nại, vua hiệu là Phạm Dữ, phu nhân tên Bạt-đà-la. Vua có một người con gái tên là Liên Hoa, hình tướng đoan trang, xinh đẹp, bẩm tánh nhu mì, hiền dịu, thông sáng, có ý chí học hỏi, siêng năng dũng mãnh, thường tu hạnh thiện, những kỹ thuật ở đời đều thông đạt và luôn được cha mẹ yêu chuộng.

Bấy giờ, trong núi Tuyết có một Phạm chí tên Na-la-đà, siêng năng tu phạm hạnh, đắc được năm thần thông, luôn giảng pháp cho các đại chúng, nên tiếng tốt đồn xa lan khắp bốn phương. Bấy giờ cô gái ấy nghe bạn bè khen ngợi Phạm chí có thần thông và những công đức khó lường như vậy, lại còn tuyên dương diệu pháp cho đại chúng nữa, nên cô ta rất vui mừng và tự nghĩ: "Người thiện khó gặp, pháp cũng khó nghe được, thân mạng khó bảo tồn, cho nên ta phải mau đến đó để lễ lạy và hỏi pháp." Nghĩ vậy rồi, cô đến thưa cha mẹ: "Con nghe mọi người khen ngợi Phạm chí, tu hành đạo đức cao vời vợi. Cúi xin cha mẹ hãy cho phép con đến chỗ Phạm chí để thọ hưởng pháp vị."

Cha mẹ cô nói: "Tuổi con còn nhỏ dại, lớn lên trong cung cấm, tánh tình lại yếu mềm, chưa từng ra khỏi cung. Nay núi Tuyết xa xôi, đường đi gian nan, hiểm trở, làm sao có thể đến đó được?

Nước ta có nhiều Phạm chí kỳ cựu, thần thông trí tuệ vô song, giỏi giảng nói diệu pháp sâu xa. Vì con, ta sẽ thỉnh mời họ vào cung nội để giảng dạy đạo pháp, con sẽ tha hồ học hỏi, không cần phải đi xa."

Cô gái lại xin: "Thưa cha mẹ! Các Phạm chí kỳ cựu trong nước Ba-la-nại đều tôn trọng và suy tìm đạo thuật của riêng họ. Cúi xin cha mẹ hãy cho phép con được nghe pháp giải thoát."

Vì quá yêu thương nên vua không muốn trái ý con, đành miễn cưỡng cho phép. Vua cha liền ra lệnh bốn vị quan và thể nữ trong cung chuẩn bị đầy đủ vật cúng dường.

Quan thần tâu vua: "Những gì đại vương ra lệnh, chúng thần đều chuẩn bị xong rồi."

Khi ấy, vương nữ nghĩ: "Ta cầu nghe được pháp, nay đã đúng lúc."

Rồi cô cùng một ngàn năm trăm thể nữ trong cung, chở hương hoa đến chỗ Phạm chí để nghe pháp.

Phật bảo:

–Này Tỳ-xá-khư! Vương nữ thuở đó chính là con, còn Phạm chí ở núi Tuyết chính là ta. Lúc xưa, con đã từng cầu nghe pháp cũng như nay. Bây giờ ta sẽ phân biệt giảng nói về pháp môn Tịnh hạnh cho con.

Tỳ-xá-khư thưa:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn! Như Lai có lòng lành lớn, thương xót khắp cả chúng sinh, cúi xin Ngài giảng nói con sẽ tu hành theo.

Phật nói:

–Này Tỳ-xá-khư! Các ngươi hãy lắng nghe cho kỹ, ta sẽ giảng nói rõ pháp môn Ưu-bà-di Tịnh hạnh cho các con. Pháp ấy được chư Phật hộ niệm, con cần phải tinh tấn tu học. Này Tỳ-xá-khư! Nếu thiện nữ nào lìa bỏ bạn ác, gần gũi bạn lành, người đáng cúng dường thì nên cúng dường, đó gọi là Ưu-bà-di Tịnh hạnh.

Nhờ nhân đời trước được ở nơi đất nước yên ổn, gọi là Tịnh hạnh.

Cúng dường cha mẹ, giúp việc cho chồng, chăm sóc con cái, gọi là Tịnh hạnh.

Đừng coi thường tội nhỏ, việc cần làm thì làm theo thứ lớp, gọi là Tịnh hạnh.

Ưa thích bố thí, tu tập thực hành theo pháp, yêu mến quyến thuộc bạn bè, gọi là Tịnh hạnh.

Tránh xa rượu chè, không làm các điều ác, luôn nói lời yêu thương, gọi là Tịnh hạnh.

Học nhiều kỹ thuật, đầy đủ oai nghi. Nghe được điều gì thì nghiên cứu, ghi nhớ, không để quên mất, gọi là Tịnh hạnh.

Có lòng cung kính tôn trọng mọi người, bớt ham muốn, biết đủ, thọ ân thì phải báo đáp, gọi là Tịnh hạnh.

Không bị tám pháp làm động, tánh tình hòa nhã, gọi là Tịnh hạnh.

Không lo buồn, thường được an ổn. Tất cả những việc phải làm đều không lùi bước và không ngừng nghỉ, gọi là Tịnh hạnh.

Đối với pháp thiện không biếng nhác, mau chứng Niết-bàn giải thoát vô thượng, gọi là Tịnh hạnh.

Nhẫn nhục, vâng lời, thường muốn gần gũi Sa-môn, thân hành động chân chánh, làm theo nghiệp nhà, gọi là Tịnh hạnh.

Dùng lửa trí thiêu đốt phiền não, đầy đủ pháp thiện, dũng mãnh không thoái lui, gọi là Tịnh hạnh.

Không chê bai người, không đánh đập, khéo bảo vệ các căn, giữ tâm không tán loạn, gọi là Tịnh hạnh.

Tâm chân thật không tham lam, ưa thích chỗ thanh vắng, siêng năng tu tập, không bao giờ thoái lui, gọi là Tịnh hạnh.

Làm tăng trưởng đạo Bồ-đề, không để thoái chuyển, nhàm chán ba cõi như thây chết, quán sát sâu xa như vậy, gọi là Tịnh hạnh.

Ưa bỏ những gì khó bỏ, những giới cấm khó giữ thì giữ cho tốt đẹp, thích tu thiền định, không bị tán loạn, gọi là Tịnh hạnh.

Với đạo Bồ-đề, vô lượng chúng sinh có tư tưởng thoái lui, nhưng ta tiến tới. Còn tất cả người tiến tới thì ta không được thoái lui, đi đứng cũng như vậy, gọi là Tịnh hạnh.

Tất cả chúng sinh bị thiêu đốt căn lành thì ta làm cho chúng phát sinh, mọi người thích phát sinh căn bất thiện thì ta liền diệt nó. Sinh tử không cùng ta ở một bên ấy, gọi là Tịnh hạnh.

Sau khi nghe Phật dạy, Tỳ-xá-khư vui mừng hớn hở chưa từng có và thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ưu-bà-di pháp môn có bao nhiêu hạnh?

Phật bảo:

–Này Tỳ-xá-khư! Có mười pháp phải làm, con cần tu học. Thế nào là mười?

1. Gặp người có lỗi bỏn sẻn thì phải thích tu hạnh bố thí.
2. Gặp người có lỗi nơi năm căn thì phải thích giữ giới cấm.
3. Gặp người tại gia có lỗi thì phải thích xuất gia.
4. Gặp người có lỗi nghi ngờ thì phải thích tu trí tuệ.
5. Gặp người có lỗi làm biếng thì phải thích siêng năng tấn tới.
6. Gặp người có lỗi sân giận thì phải thích tu hạnh nhịn nhục.
7. Gặp người có lỗi nói dối thì phải thích sự trung thành, tin cậy.
8. Gặp người có lỗi loạn tâm thì phải thích thiền định.
9. Gặp người có lỗi tội khổ thì phải thích tu Từ bi.
10. Gặp người có lỗi về khổ vui thì phải thích thực hành tâm xả bỏ.

Muốn nói rõ lại nghĩa trên, Đức Thế Tôn nói kệ:

Từ thí được giàu lớn
Xả bỏ thân yêu quý
Lìa dục, vui xuất gia
Giữ giới thâu các căn.
Tu học được trí tuệ
Tinh tấn đoạn biếng nhác
Nhẫn nhục trừ sân giận
Nói thật không hư dối.

Gặp tám pháp thế gian
Tâm an trụ bất động
Tâm luôn thích thiền định
Không bao giờ tán loạn.
Từ bi lợi chúng sinh
Tu lìa bỏ khổ lạc
Nếu ai hành pháp này
Gọi là đại dũng mãnh.
Được qua bờ biển pháp
Mà chứng đạo Bồ-đề.

Nghe Phật nói vậy, Tỳ-xá-khư rất vui mừng và thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu điều cần phải lìa bỏ? Có bao nhiêu pháp cần phải gần gũi?

Phật bảo Tỳ-xá-khư:

–Có năm mươi tám pháp cần phải tu học, cũng cần lìa bỏ. Đó là gì? Nghĩa là xa lìa tất cả các pháp bất tịnh, gần gũi pháp tịnh. Nên xa lìa pháp ác, gần gũi pháp thiện. Không đáng nuôi dưỡng thì không nuôi dưỡng. Chỗ không nên đến thì đừng đến gần gũi. Chỗ đáng đến thì nên đến. Việc không nên làm thì không bao giờ làm. Việc đáng làm thì tạo mọi cách để làm. Việc phi pháp mà cầu được thì không nên dùng. Nếu đúng như pháp thì nên thọ dụng. Điều phục thân tâm thích ở nơi thanh vắng. Từ bỏ lời lừa dối, thực hành chánh ngữ. Tránh xa lưỡi biếng, thích hành tinh tấn. Thâu tóm các căn không cho phóng túng. Tâm khiêm nhường, cung kính, bỏ cao ngạo ngã mạn. Thường thực hành nhẫn nhục không sân giận. Không tranh cãi kiện tụng, hòa hợp với đại chúng. Xả bỏ không ở nơi che giấu nhưng sống ở nơi hiển lộ ra. Lìa bỏ lời vô nghĩa, luôn nói lời đúng nghĩa. Tránh sinh tà mạng, sống bằng chánh mạng. Khéo lượng thân mình, mà thọ nhận thức ăn uống. Không thích cầu nhiều mà luôn biết đủ. Không cứng cỏi mà sống mềm mại như đất. Tu tập lời hòa nhã, tránh xa lời cộc cằn. Tránh xa chỗ không an lạc mà sống nơi an lạc. Bỏ sự bất đồng ý kiến để cùng nhau sống chung. Lìa chỗ không có học vấn, để đi đến chỗ có học vấn. Nhàm chán ba cõi không sống trong ba cõi. Tránh tất cả tạo tác nên trụ vào không chỗ tạo tác. Bỏ ngã kiến tu học pháp không.

Này Tỳ-xá-khư! Trên đây là năm mươi tám pháp đầu tiên con cần phải tu hành.

Vì muốn làm rõ lại nghĩa trên nên Đức Thế Tôn nói kệ:

Việc học thuận tất cả

Trước sau sẽ không thừa
Xa lìa và gần gũi
Làm xong được an lạc.
Đã học tất cả pháp
Sở nguyện đều đầy đủ
Bỏ thân mạng yêu quý
Mà chứng đạo Vô thượng.
Nếu ai học như vậy
Đối với môn Tịnh hạnh
Không chỉ riêng Thanh văn
Duyên giác và Bồ-tát.
Ở trong vô lượng kiếp
Khen công đức người ấy.

Sau khi Phật nói kệ, Tỳ-xá-khư mẫu lòng vui mừng hỏi thêm:

–Bạch Thế Tôn! Pháp môn Tịnh hạnh có bao nhiêu loại gọi là đại hạnh.

Phật nói:

–Có ba đại hạnh, con phải tu hành. Ba đại hạnh đó là:

1. Đại tín tâm.

2. Đại tinh tấn.

3. Đại trí tuệ.

Tỳ-xá-khư thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là đại tín tâm?

Phật nói:

–Đại tín tâm là tin Phật, Phật là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Đây gọi là lòng tin sâu rộng.

Tỳ-xá-khư hỏi:

–Sao gọi là đại tinh tấn?

Phật nói:

–Nếu trong lúc sáng suốt tu hành để tiến tới, có thể xa lìa vứt bỏ tất cả pháp ác thì cũng cần phải giữ gìn tất cả pháp thiện. Với pháp thiện thì dũng mãnh không dừng nghỉ. Đấy gọi là đại tinh tấn.

Tỳ-xá-khư hỏi:

–Sao gọi là đại trí tuệ?

Phật nói:

–Người nào có trí tuệ, mắt sẽ thấy các pháp sinh diệt, bậc Thánh là phải vượt qua diệt hết khổ vô thường. Đó gọi là đại trí tuệ.

Trên đây là ba đại hạnh.

Để làm rõ lại nghĩa trên, Đức Thế Tôn nói kệ:

Với đại tín tâm
Ghi sâu không lìa
Các hạnh đầy đủ
Để cầu Bồ-đề.
Với đại tinh tấn
Vững vàng không bỏ
Cần tu cho tròn
Để cầu Bồ-đề.
Với đại trí tuệ
Hiểu rõ rốt ráo
Đủ Ba-la-mật
Để cầu Bồ-đề.
Pháp đã tăng trưởng
Nghe biết đại danh
Tăng trưởng tận rồi
Tùy ý tu hành.
Nhờ biết như vậy
Hiểu pháp hơn người.

Sau khi Phật nói kệ này, Tỳ-xá-khư mẫu lòng rất vui mừng, lại hỏi thêm Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp môn Ưu-bà-di Tịnh hạnh muốn bước lên Phật địa thì có bao nhiêu hạnh?

Phật nói:

–Này Tỳ-xá-khư! Có bốn hạnh để bước lên Phật địa. Đó là:

1. Tinh tấn không biếng nhác.

2. Trí tuệ không mê lầm.

3. Định tâm không thoái lui.

4. Hành Từ bi làm lợi ích cho chúng sinh.

Này Tỳ-xá-khư! Nhờ bốn pháp này mà bước lên Phật địa.

Để làm rõ lại nghĩa trên, Đức Thế Tôn nói kệ:

Tinh tấn không biếng nhác

Trí tuệ không mê hoặc
Thiền định không thoái lui
Hành từ lợi chúng sinh
Nhờ bốn pháp này đây
Mà chứng Nhất thiết trí.

Sau khi Phật nói kệ này. Tỳ-xá-khư mẫu rất vui mừng lại hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu pháp để an trụ đắc quán? Làm thế nào để pháp tập hợp lại không bị phân tán và pháp hợp có bao nhiêu pháp?

Phật nói:

–Này Tỳ-xá-khư! Có bốn pháp để an trụ đắc quán. Đó là Từ, Bi, Hỷ và Xả. Trong đó pháp tập hợp không bị phân tán là khi đắc trí Thanh văn, trí Bích-chi-phật, trí Nhất thiết trí và trí Phật. Pháp hợp có ba mươi hai pháp quán đó là:

1. Niệm Phật.
2. Niệm Pháp.
3. Niệm Tăng.
4. Niệm Giới.
5. Niệm Thí.
6. Niệm Thiên.
7. Niệm A-na (Sổ tức quán).
8. Niệm Bát-na (Niệm tử).
9. Quán tưởng diệt.
10. Quán tưởng thân.
11. Quán tưởng tịch tĩnh.
12. Quán tưởng địa.
13. Quán tưởng thủy.
14. Quán tưởng hỏa.
15. Quán tưởng phong.
16. Quán tưởng xanh.
17. Quán tưởng vàng.
18. Quán tưởng đỏ.
19. Quán tưởng trắng.
20. Quán tưởng hư không.
21. Quán tưởng thức xứ.

22. Quán tưởng phình trướng.

23. Quán tưởng hôi thối.

24. Quán tưởng tuôn chảy.

25. Quán tưởng hư nát.

26. Quán tưởng phân tán nơi nơi.

27. Quán tưởng rơi rớt tứ tung.

28. Quán tưởng xương thịt ngổn ngang.

29. Quán tưởng xương ướt.

30. Quán tưởng xương màu trắng.

31. Quán tưởng tất cả vô thường.

32. Quán tưởng tất cả các pháp là vô ngã.

Đó là ba mươi hai pháp quán cùng với bốn vô lượng tâm, gọi là an trụ đắc quán trí Thanh văn, trí Bích-chi-phật, trí Nhất thiết trí và trí Phật là pháp tập hợp không bị phân tán.

Đức Thế Tôn nói lại bằng kệ:

Nếu dùng hạ quán
Đắc trí Thanh văn
Khéo tu trung quán
Đắc trí Duyên giác
Thượng quán gồm đủ
Đắc trí Bồ-đề.

Phật nói kệ này xong, Tỳ-xá-khư mẫu lòng rất vui mừng và lại hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đối với pháp môn bất tịnh nên trụ tâm như thế nào để mau lìa phiền não và thông đạt sáu môn?

Phật bảo Tỳ-xá-khư:

–Có ba mươi hai pháp môn, đối với bất tịnh thì tâm luôn tìm chỗ vui trụ, để mau lìa phiền não thông đạt sáu môn. Ba mươi hai pháp môn đó là gì? Nghĩa là trong thân có: lông, tóc, móng, ghèn, răng, da, thịt, gân, xương, thận, mỡ lá, mở miếng, tủy, não, tim, lá lách, thận, gan, mật, đại trường, tiểu trường, lá lách, phổi, dạ dày, bụng, máu, đàm, mồ hôi, nước giải, nước mắt, nước mũi và phân rất là bất tịnh.

Này Tỳ-xá-khư! Đó là ba mươi hai điều quán bất tịnh làm cho tâm thích trụ vào pháp môn Tịnh hạnh, mau xả bỏ phiền não, được thông đạt sáu môn.

Để làm rõ lại nghĩa trên, Đức Thế Tôn nói kệ:

Giống như dòng sông
Đều vào biển cả
Trong pháp môn này
Dòng quán cũng vậy.
Khéo quán thô tế
Tịnh và bất tịnh
Pháp vô thượng trí
Phật đều thông đạt.

Nghe Phật nói kệ này, Tỳ-xá-khư mẫu rất vui mừng và lại hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đối với pháp môn Tịnh hạnh, Bồ-tát có bao nhiêu sự ràng buộc trụ vào thế gian mà không được giải thoát?

Phật bảo:

–Này Tỳ-xá-khư! Pháp môn Tịnh hạnh, trước các Bồ-tát có bảy thứ ràng buộc trụ vào thế gian. Bảy pháp đó là:

1. Nếu ta được độ mà thế gian chưa độ thì ta sẽ độ cho.

2. Nếu ta đã giải thoát mà thế gian chưa giải thoát thì ta sẽ giải thoát cho họ.

3. Nếu ta đã giác ngộ mà thế gian chưa giác ngộ thì ta sẽ giác ngộ cho họ.

4. Nếu ta đã điều phục mà thế gian chưa điều phục thì ta sẽ điều phục cho họ.

5. Nếu ta đã an vui mà thế gian chưa an vui thì ta sẽ làm cho họ được an vui.

6. Nếu ta thành đạo mà thế gian chưa thành đạo thì ta sẽ dẫn dắt cho họ thành đạo.

7. Nếu ta đã được Niết-bàn mà thế gian chưa được Niết-bàn thì ta sẽ tạo điều kiện để họ nhập Niết-bàn.

Này Tỳ-xá-khư! Đó là bảy sự ràng buộc mà Bồ-tát phải trụ ở thế gian, không được giải thoát.

Để làm rõ lại nghĩa trên, Đức Thế Tôn nói kệ:

Độ rồi, độ chúng sinh
Thoát rồi, thoát chúng sinh
Giác rồi, giác chúng sinh
Điều rồi, điều chúng sinh.
An rồi, an chúng sinh

Đạt rồi, dạy chúng sinh
Ta đã được Niết-bàn
Khiến chúng sinh cũng được.
Ba cõi như nhà lửa
Tham dục như lưới bùn
Tất cả đều diệt sạch
Để chứng đạo Bồ-đề.

Thế Tôn nói kệ này xong, Tỳ-xá-khư mẫu rất vui mừng lại hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Với pháp môn Tịnh hạnh thì phải tu bao nhiêu hạnh thiện để tròn đầy tất cả pháp?

Phật nói:

–Tu ba hạnh thiện để tất cả pháp được tròn đầy. Ba pháp thiện là:

1. Hạnh thiện thuộc thân.

2. Hạnh thiện thuộc khẩu.

3. Hạnh thiện thuộc ý.

Ba hạnh thiện này đầy đủ thì tất cả pháp được tròn đầy, nghĩa là bố thí được tròn đầy, trì giới được tròn đầy, xuất gia được tròn đầy, được trí tuệ tròn đầy, được tinh tấn tròn đầy, được nhẫn nhục tròn đầy, được chân thật tròn đầy, thệ nguyện được tròn đầy, được Từ, Bi, Hỷ, Xả tròn đầy, được bốn tư tròn đầy, được bốn Định tròn đầy, được bốn Thần túc tròn đầy, được năm Căn tròn đầy, được năm Lực tròn đầy, được bảy Bồ-đề tròn đầy, được tám Chánh đạo tròn đầy, được chín trí tròn đầy, được mười Lực tròn đầy, được trí đạo Tu-đà-hoàn tròn đầy, được trí quả Tu-đà-hoàn tròn đầy, được trí đạo Tư-đà-hàm tròn đầy, được trí quả Tư-đà-hàm tròn đầy, được trí đạo A-na-hàm tròn đầy, được trí quả A-na-hàm tròn đầy, được trí đạo A-la-hán tròn đầy, được trí quả A-la-hán tròn đầy, được bốn trí tròn đầy đó là pháp trí, vị tri trí, danh tự trí và tha tâm trí tròn đầy, được tận trí tròn đầy, được vô sinh trí tròn đầy, được song thần lực tròn đầy, được đại Bi Tam-muội trí tròn đầy, được Nhất thiết trí tròn đầy, được vô ngại trí tròn đầy.

Này Tỳ-xá-khư! Đó gọi là tu ba hạnh thiện đầy đủ sẽ làm cho tất cả các pháp được tròn đầy.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

Tu ba hạnh thiện rồi
Tròn đầy tất cả pháp
Các pháp tròn đầy rồi

Thì chứng đạo Bồ-đề.

Phật nói kệ xong, Tỳ-xá-khư mẫu rất vui mừng, lại hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trong pháp môn Tịnh hạnh có bao nhiêu niệm cho bậc Đại nhân?

Phật nói:

–Có tám niệm cho bậc Đại nhân. Tám niệm đó là:

1. Ít muốn chẳng phải là không ít muốn.
2. Biết đủ chẳng phải là không biết đủ.
3. Vắng lặng chẳng phải là không vắng lặng.
4. Xa lìa chẳng phải là không xa lìa.
5. Tinh tấn chẳng phải là không tinh tấn.
6. Thiền định chẳng phải là không thiền định.
7. Trí tuệ chẳng phải là không trí tuệ.
8. Vô ngại chẳng phải là không vô ngại.

Này Tỳ-xá-khư! Đó là tám niệm của bậc Đại nhân.

Để làm rõ lại nghĩa trên, Đức Thế Tôn nói kệ:

Khéo định các niệm
Niệm phi pháp thiện
Nếu hủy niệm này
Để rồi chán lìa.
Khéo định các niệm
Niệm phi pháp thiện
Quán rõ pháp tướng
Bước tới vô thượng.

-oOo-

Phẩm 2: TU HỌC (PHẦN 1)

Đức Phật nói kệ xong, Tỳ-xá-khư mẫu lòng rất vui mừng, lại hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đối với pháp môn Tịnh hạnh, Bồ-tát mới tu học phải tu học như thế nào để chứng đắc Bồ-đề?

Phật nói:

–Bồ-tát mới tu học có năm mươi điều tu học để chứng đắc Bồ-đề, năm mươi điều đó là gì?

Đó là: Nhập sâu vào pháp tánh, không xả bỏ, không giảm, không đọa, không thoái lui, tu học tâm xả, tu học đa văn, tu học oai nghi, tu học chiến thắng quân ma, tu học ánh sáng, tu học tướng tốt của Phật, tu học giới cấm, tu học Tam-muội, tu học Bát-nhã, tu học đại Bát-nhã, tu học hạnh thiện, tu học đại hạnh thiện, tu học sắc tướng, tu học không hai lời, tu học như ý túc, tu học thượng như ý túc, tu học đại như ý túc, tu học diệu như ý túc, tu học ý hành, tu học ý hành đã có, tu học đại ý hành, tu học chỗ thâu tóm của Phật, tu học tự tại, tu học tướng của tâm Phật, tu học tướng của tâm viên mãn, tu học thần thông, tu học đại thần thông, tu học chân thật, tu học làm vua thống lãnh bằng chánh pháp để an trụ được lâu dài, tu học đến chỗ cùng cực, tu học cõi Phật, tu học thọ mạng của Phật, tu học cây Bồ-đề, tu học hoa sen, tu học pháp Phật giảng, tu học đại pháp luân, tu học chuyển pháp luân, tu học Thiện tri thức, tu học không lìa bỏ chúng sinh, tu học tay viên mãn, tu học áo bằng cây Kiếp ba, tu học tòa Sư tử, tu học nằm nghiêng hông bên phải, tu học vị thức ăn của Phật, tu học trú xứ, tu học tướng thủy của Như Lai.

Này Tỳ-xá-khư! Đó là năm mươi pháp học mà Bồ-tát mới tu học cần phải tu học để thể nhập sâu vào "không bỏ, không giảm, không đọa, không thoái lui", con nên biết điều ấy.

Thế Tôn nói kệ:

Đầy đủ tất cả hành
Để cầu pháp vắng lặng
Ánh sáng chiếu cõi Phật
Vì thương xót chúng sinh.
Dẫn đường cho chúng sinh
Thoát khỏi nạn ba cõi
Tất cả pháp không cùng
Như Lai đã thấu đạt.

Sau khi Thế Tôn nói kệ này, Tỳ-xá-khư mẫu lòng rất vui mừng, lại hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai có bao nhiêu ánh sáng, Bồ-tát mới tu học phải tu hành như thế nào?

Phật nói:

–Này Tỳ-xá-khư! Như Lai có sáu loại ánh sáng. Sáu loại đó là:

1. Ánh sáng xanh.

2. Ánh sáng vàng.

3. Ánh sáng đỏ.

4. Ánh sáng trắng.

5. Ánh sáng hồng.

6. Ánh sáng màu sáng trong.

Này Tỳ-xá-khư! Đó là sáu loại ánh sáng của Như Lai. Bồ-tát mới tu học phải tu hành như thế nào để được ánh sáng này?

Này Tỳ-xá-khư! Vì Bồ-tát tu học theo ánh sáng màu xanh nên luôn dùng hoa xanh, hương xoa xanh, hương bột xanh, vải xanh, châu báu xanh để cúng dường. Nếu nhập thiền định thì thường quán màu xanh. Làm vậy xong, nguyện đời vị lai được có ánh sáng màu xanh.

Bồ-tát tu học ánh sáng màu vàng như thế nào? Nghĩa là thường lấy hoa vàng, hương xoa vàng, hương bột màu vàng, vải vàng, châu báu vàng để cúng dường. Nếu vào thiền định thì thường quán màu vàng. Sau khi làm vậy nguyện đời vị lai được có ánh sáng màu vàng.

Bồ-tát tu học ánh sáng đỏ như thế nào? Nghĩa là thường lấy hoa đỏ, hương xoa đỏ, hương bột màu đỏ, vải đỏ, châu báu đỏ để cúng dường. Nếu khi nhập thiền định thì luôn quán màu đỏ. Làm như vậy rồi nguyện đời vị lai được có ánh sáng màu đỏ.

Bồ-tát tu học ánh sáng màu trắng như thế nào? Nghĩa là thường lấy hoa trắng, hương xoa trắng, hương bột màu trắng, vải trắng, châu báu trắng để cúng dường. Nếu nhập thiền định thì thường quán màu trắng. Làm vậy rồi, nguyện đời vị lai được có ánh sáng màu trắng.

Bồ-tát tu học ánh sáng màu hồng như thế nào? Nghĩa là thường lấy hoa màu hồng, hương xoa hồng, hương bột hồng, vải hồng, châu báu hồng để cúng dường. Nếu nhập thiền định thì luôn quán màu hồng. Làm vậy rồi, nguyện đời vị lai được có ánh sáng màu hồng.

Bồ-tát tu học màu ánh sáng sáng trong như thế nào? Nghĩa là thường lấy hoa màu sáng trong, hương xoa sáng trong, hương bột sáng trong, vải sáng trong, châu báu sáng trong để cúng dường. Nếu nhập thiền định thì luôn quán ánh sáng sáng trong. Làm vậy rồi, nguyện đời vị lai được có ánh sáng rực rỡ sáng trong.

Này Tỳ-xá-khư! Đó gọi là Bồ-tát tu học sáu thứ ánh sáng của Như Lai.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ánh sáng Phật có sáu
Ánh sáng màu xanh, vàng
Màu đỏ, trắng và hồng

Tướng sáng chiếu rất sáng.
Nếu người có trí tuệ
Luôn siêng năng tu hành
Ai thích ánh sáng đẹp
Nên học hạnh rộng lớn.
Cúng dường hoa, hương, đèn
Dâng lên Đấng Vô thượng
Tu học sáu loại hạnh
Nguyện gì cũng thành tựu.

Sau khi Phật nói kệ. Tỳ-xá-khư mẫu lòng rất vui mừng, lại hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tướng của bậc Đại nhân có bao nhiêu loại và Bồ-tát mới tu học phải tu học như thế nào?

Phật nói:

–Tướng của bậc Đại nhân có ba mươi hai. Bồ-tát tu học thì có hai mươi hạnh hợp lại với tướng Đại nhân thành hai đạo và không có dư.

Hai đạo đó là:

1. Nếu người tại gia thì được làm Chuyển luân thánh vương cai trị bốn thiên hạ, chiến thắng các nước và đầy đủ bảy báu: Xe vàng báu, voi trắng báu, ngựa trắng báu, ma-ni báu, ngọc nữ báu, thần giữ kho báu, chủ binh báu.

Lại còn có ngàn người con dũng mãnh oai hùng có thể chiến thắng quân địch, tận cùng bờ biển lớn, đều dùng chánh pháp để hàng phục chứ không dùng binh trượng.

2. Còn như người xuất gia thì được thành Phật là bậc tối tôn, đệ nhất trong cõi trời và người, có đầy đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân.

Ba mươi hai tướng đó là gì? Đó là thân màu vàng ròng, ánh sáng tròn chiếu rộng một tầm màu vàng sáng rực, thân như Phạm thiên cao thẳng, sau cổ có ánh sáng như mặt trời, đỉnh có nhục kế, tóc xanh biếc, thân Phật tròn đầy như cây Ni-câu-luật, giữa chặng mày có lông như Đâu-la-miên, mí mắt trên dưới khép kín nhau, tròng con mắt màu xanh biếc, lưỡi che cả mặt, tiếng như Phạm thiên có tám loại như tiếng Ca-lăng-tần-già, miệng có bốn mươi cái răng, răng trắng đều khít, má như sư tử, da dẻ mịn màng bụi nhơ không dính, mỗi lỗ chân lông có một sợi mềm mại màu xanh biếc, các lông đều xoay về bên phải, ngực như sư tử, ngực có chữ vạn, bảy chỗ đầy đặn, kẽ tay và kẽ chân có màng mỏng dính lại, ngón tay thon dài, hai tay nắm khít nhau, đứng tay dài quá đầu gối, tướng âm mã tàng, gót chân đầy đặn như bánh xe có một ngàn căm. Đó là ba mươi hai thân tướng của

bậc Đại nhân.

Này Tỳ-xá-khư! Hai mươi điều để tu được tướng của bậc Đại nhân là gì? Về thuở xa xưa, khi Như Lai còn là người phàm, đối với pháp thiện ta thành tựu vững vàng không phải là dễ thọ trì. Thân làm điều thiện, miệng nói điều thiện, tâm nhớ nghĩ làm thiện, đem tất cả ban cho chúng sinh, giữ vững giới cấm, luôn an trú trong thanh tịnh, cúng dường cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, bậc kỳ cựu đức lớn và sáu thân quyến thuộc. Đối với pháp thiện ta đều thực hành đủ. Ta tu tập trọn vẹn và tích trữ nghiệp thiện rất nhiều, sinh tử vô lượng lần, cho đến còn một đời nữa thôi (Nhất sinh bổ xứ) thì tự tại như ý, hưởng sự sướng vui ở cõi trời như: Thọ mạng, sắc lực, ngôi vua, tiếng tăm, sắc, thanh, hương, vị, xúc. Sau khi thọ sự sướng vui ở cõi trời, sinh xuống nhân gian được tướng của bậc Đại nhân, khi chân vừa đạp xuống đất thì khít với mặt đất, dở chân lên còn lại dấu bánh xe, mu bàn chân đầy đặn giống như mu rùa. Nhờ tướng này, nếu là tại gia thì được làm Chuyển luân thánh vương, nếu xuất gia thì được chứng Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, không còn sinh tử, đạt được Niết-bàn thường lạc. Oan gia trong ngoài, Phạm, Ma, Sa-môn, Bà-la-môn không thể làm hại được. Đó gọi là Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Các pháp đều nhu hòa
Luôn giữ trai giới cấm
Bố thí tâm bình đẳng
Quán kỹ pháp vô thường.
Tất cả nghiệp đã tạo
Tâm thọ trì kiên cố
Nhờ có hành nghiệp này
Thường sinh lên cõi trời.
Hưởng sướng vui ở đó
Sau sinh vào loài người
Hưởng phước báu thế gian
Dưới chân được bằng phẳng.
Đạp xuống đều khít đất
Đất in hình bánh xe
Tại gia hay xuất gia
Đều có tướng như vậy.
Dù Phạm thiên, Ma vương.
Sa-môn, Bà-la-môn

Tất cả các oan gia
Đều phải bị hàng phục.
Xuất gia hành học đạo
Đoạn hẳn nguồn sinh tử
Các hành đã đầy đủ
Chứng đắc bậc Vô thượng.

Lại nữa, này Tỳ-xá-khư! Tu hành như thế nào để có tướng bánh xe ngàn căm? Thuở xa xưa khi Như Lai còn là người phàm luôn gánh vác cho chúng sinh, dẹp trừ sự sợ hãi cho họ, bố thí niềm vui không khiếp sợ. Nếu được ai bố thí, ta đều đem cho chúng sinh chứa nhóm nghiệp thiện cao lớn không thể tính kể. Sau khi qua đời, được sinh lên cõi trời, hưởng nhiều vui sướng. Lần lượt như vậy qua vô lượng, vô biên lần, sau đó sinh làm người, được tướng của bậc Đại nhân, dưới bàn chân có bánh xe ngàn căm. Tướng bánh xe tròn đầy giống như bánh xe vàng ròng. Được tướng này rồi nếu tại gia thì làm Chuyển luân thánh vương, cai trị bốn thiên hạ, có đầy đủ bảy báu, luôn có Sa-môn, Bà-la-môn, Cư sĩ, đại thần, trưởng giả và bốn binh vây quanh. Nếu xuất gia thì được thành Phật, có đại chúng vây quanh được Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già... cung kính tôn trọng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ta từ vô lượng kiếp
Qua lại trong ba cõi
Giúp cho chúng sinh vui
Trừ lo sợ cho họ.
Khéo làm không dừng nghỉ
Nhờ nghiệp công đức này
Thường sinh lên cõi trời
Đến "Nhất sinh bổ xứ."
Dưới chân hình ngàn căm
Sáng rực như xe vàng
Nhờ tạo ngàn hạnh nghiệp
Thành bậc Nhân Trung Tôn.
Có đại chúng vây quanh
Chiến thắng các ma oán
Nếu là dòng Sát-lợi
Thì làm vua Chuyển luân.

Nếu xuất gia học đạo
Thì thành Vô Thượng Tôn
Trời, người, A-tu-la
Ma-hầu-la, vân vân.
Loài bốn chân phi nhân
Đều cung kính cúng dường
Tiếng đồn khắp mười phương
Làm ruộng phước cho người.

Lại nữa, này Tỳ-xá-khư! Tu hành như thế nào để có ba tướng Đại nhân? Về thuở xa xưa, khi Như Lai còn là người phàm, không giết hại chúng sinh, xả bỏ ý tưởng sát sinh, không đánh đập, không bao giờ cất chứa những khí cụ dùng để đánh đập, luôn sinh lòng hổ thẹn, tu tập Từ bi, nghiệp thiện tích chứa cao dày không thể nghĩ bàn, trải qua sinh tử vô lượng kiếp, cho đến Nhất sinh bổ xứ, được vào làm người thì được ba tướng Đại nhân:

1. Gót chân đầy đặn.

2. Ngón tay thon dài.

3. Thân tròn và thẳng như Phạm thiên.

Nhờ tướng này mà được thọ mạng lâu dài, hiện tướng sống lâu, giữ gìn mạng sống không sợ chết yểu. Nếu xuất gia thì được thành Phật, thọ mạng lâu dài. Tất cả thế gian, trời, người, Sa-môn, Bà-la-môn, không ai có thể phá hoại tuổi thọ của Như Lai được.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ai cũng sợ chết, sợ gậy đao
Lấy mình ví dụ chớ đánh đập
Cho nên xa lìa, không nhớ nghĩ
Nhờ hạnh thiện này, sinh cõi trời.
Hưởng quả báo trời, vui vô lượng
Qua đời làm người, được ba tướng
Tay, chân thẳng dài, thân tròn đầy
Đi trên đất vững như rùa vàng.
Ngón tay thon dài như búp măng
Thân thể sáng rỡ như Tu-đi
Ba tướng này thành Thiên Nhân Tôn
Biểu hiện Như lai sống dài lâu.

Lại nữa, này Tỳ-xá-khư! Tu hành như thế nào để có tướng bảy chỗ tròn đầy? Về thuở xưa, khi Như Lai còn là người phàm, luôn luôn làm thí

chủ, đem những thức ăn, trái ngọt, hương thơm, nước uống, siêng năng bố thí, chứa nhóm nghiệp này cao xa không thể nghĩ bàn cho đến khi đạt Nhất sinh bổ xứ, được hưởng vui sướng ở cõi trời, sau sinh làm người được tướng bảy chỗ tròn đầy. Môi, cằm, tay, chân đều đầy đặn. Nhờ tướng này nếu là tại gia thì làm Chuyển luân thánh vương, có đầy đủ món ăn thượng hạng trong thế gian. Còn nếu xuất gia thì được thành Phật, thọ nhận thức ăn uống cao tột bằng vị ngon nhất trong trời, người.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ăn uống ngửi nếm món vô thượng
Thí chủ luôn tu hành như vậy
Vì hạnh thiện này không thể lường
Hưởng vui sướng như vườn hoan hỷ
Thọ nghiệp báo sinh xuống làm người
Được tướng Đại nhân, bảy chỗ đầy
Tay chân mềm mại không ai bằng
Nhờ tướng này được món thượng hạng
Tại gia, xuất gia đều như vậy
Như Lai đoạn hẳn lậu ba cõi
Cho nên được thành bậc Vô thượng.

Lại nữa, này Tỳ-xá-khư! Tu hành như thế nào để tay chân mềm mại có tướng màng lưới mỏng, dính lại với nhau? Vào thuở xa xưa khi Như Lai còn là người phàm, luôn dùng bốn Nhiếp pháp để giáo hóa chúng sinh, đó là: Bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự. Có ai cầu xin điều gì cũng không làm trái ý họ, tích chứa nghiệp này cao xa cho đến Nhất sinh bổ xứ, được hưởng vui sướng của cõi trời, sau sinh xuống làm người thì được hai tướng Đại nhân:

1. Tay chân mềm mại.

2. Tay chân có màng lưới mỏng dính lại nhau.

Nhờ tướng này nếu tại gia thì được làm Chuyển luân thánh vương, cai trị bốn thiên hạ. Còn nếu xuất gia thì thành Pháp vương, giáo hóa vô lượng chúng sinh như: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân...

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Tu Bố thí, Ái ngữ
Lợi hành cùng Đồng sự
Luôn dùng bốn Nhiếp pháp

Giáo hóa không bỏ ai.
Nhờ tu hành nghiệp này
Thường sinh trong trời, người
Rồi sinh xuống làm người
Được hai tướng Đại nhân.
Tay chân đều mềm mại
Và màng lưới dính nhau
Vi diệu mỏng nhỏ đẹp
Ngoài vàng trong sắc hồng.
Nhờ có hai tướng này
Tại gia làm Chuyển luân
Lấy pháp thiện giáo hóa
Ai nấy đều thuận theo.
Giữ gìn không vi phạm
Vui mừng khen Thánh vương
Ban ân không ai bằng
Lòng từ thấm bốn phương.
Nếu lìa bỏ năm dục
Xuất gia được thành Phật
Vì chúng sinh giảng pháp
Người nghe đều lãnh thọ.

Lại nữa, này Tỳ-xá-khư! Tu hành như thế nào để có tướng cổ chân Như Lai thẳng tròn và lông trên thân xoay về phía phải?

Phật bảo:

–Này Tỳ-xá-khư! Về thuở xưa, khi Như Lai còn là người phàm, luôn dùng pháp thiện để giáo hóa chúng sinh, thường thực hành việc bố thí bằng pháp không bao giờ nói lời vô nghĩa. Nhờ nghiệp này mà được tăng trưởng lớn mạnh, cho đến đạt Nhất sinh bổ xứ. Sau sinh làm người được hai tướng Đại nhân:

1. Chân cao thẳng không thấy mắc cá.

2. Lông xoay tròn phía phải.

Nhờ tướng này, nếu tại gia thì được làm Chuyển luân thánh vương, bậc tôn quý cao nhất trong loài người, vui vẻ vui sướng trong năm dục, có bảy báu, có một ngàn người con theo hầu bên cạnh. Nếu bỏ nhà vào núi học đạo thì được thành Phật, là bậc tôn quý cao tột nhất trong hàng trời, người, không có ai sánh bằng, tất cả chúng sinh đều cung kính tôn trọng:

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Luôn dùng pháp thiện
Lợi ích chúng sinh
Luôn dùng lời hay
Giáo hóa chúng sinh.
Luôn dùng lực tốt
Giữ gìn chúng sinh
Hoan hỷ vui sướng
Luôn ban pháp thí.
Không còn ganh ghét
Nhờ có nghiệp này
Tích chứa vô lượng
Sinh làm loài người.
Được tướng Đại nhân
Một: Chân tròn thẳng
Không thấy mắt cá
Hai: Lông xoay tròn.
Đều quay bên phải
Nếu là tại gia
Làm Chuyển luân vương
Làm vua thiên hạ.
Nếu là xuất gia
Được chứng thành Phật
Bậc tôn quý nhất
Trong cõi trời, người.

Lại nữa, này Tỳ-xá-khư! Tu hành như thế nào để chúng sinh được tướng bắp chân như nai? Về vô lượng kiếp xa xưa, khi Như Lai còn là người phàm, thường dạy bảo người tất cả những ghi chép trong sách sách vở, oai nghi, nghề nghiệp, thuốc men, chú thuật, dạy giữ giới cấm dạy cho họ đầy đủ, ta luôn suy nghĩ: "Làm thế nào để mọi người hiểu rõ hoàn toàn về ý nghĩa mau thông đạt, không có tâm mệt mỏi nhàm chán." Nhờ cất chứa nghiệp này rộng lớn cho đến Nhất sinh bổ xứ, được hưởng vui sướng ở cõi trời. Sau sinh làm người được tướng Đại nhân có bắp chân giống như nai. Nếu ở tại gia thì làm Chuyển luân thánh vương, cai trị bốn thiên hạ, tất cả vật cần dùng để cúng dường hễ nghĩ đến thì có ngay. Nếu xuất gia thì được thành Phật, hễ cần những vật cúng dường trong cõi trời hay cõi người thì cũng đều có ngay. Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Các sách đều chỉ dạy
Công xảo và chú thuật

Phương thuốc để trị bệnh
Luôn tự suy nghĩ rằng.
Sao để họ chóng thành
Học tập không mệt mỏi
Lần lượt dạy người khác
Do nhờ hành nghiệp này.
Chứa nhóm không thể lường
Đến Nhất sinh bổ xứ
Thành tướng tốt đại nhân
Có bắp chân như nai.
Thon đẹp và đầy đặn
Da mỏng lại mềm mại
Lông đứng xoay bên phải
Nhờ tướng Đại nhân này.
Ký thành Nhân trung tôn
Tại gia làm Luân vương
Sở cầu mau thành tựu
Nếu xuất gia thành Phật.
Tất cả vật cúng dường
Nghĩ là có đầy đủ.

Lại nữa, này Tỳ-xá-khư! Tu hành như thế nào để có tướng da bóng láng trơn không bị dính bụi trần? Vào thuở xưa, khi Phật còn là người phàm, nếu có Sa-môn, Ba-la-mật, Sát-lợi, Cư sĩ đến chỗ ta hỏi: "Bạch Thế Tôn! Những gì là hạnh tốt và những gì là không tốt? Những gì là nên gần gũi và những gì là nên tránh xa? Hành nghiệp gì được hưởng an lạc và hành nghiệp gì phải thọ khổ não?" Thuở ấy, ta phân biệt cho họ:

Pháp này nên làm, pháp này không nên làm.

Pháp này nên hành, pháp này không nên hành.

Pháp này được vui sướng, pháp này không vui sướng.

Nhờ tích chứa vô lượng hành nghiệp này cho đến Nhất sinh bổ xứ mà được thọ hưởng vui sướng ở cõi trời. Sau sinh làm người được tướng Đại nhân có làn da bóng mịn, không bị dính bụi nước. Ví như hoa sen tuy ở trong nước mà không bị nước làm ô nhiễm. Thân tướng của Như Lai cũng như vậy. Nhờ tướng này, ở tại gia thì làm Chuyển luân thánh vương, thông minh trí tuệ. Nếu ở thế gian thì làm Sa-môn, Ba-la-mật, Sát-lợi, Cư sĩ thì không ai sánh bằng. Nếu xuất gia học đạo thì sẽ thành Phật, có trí tuệ rộng lớn, trí tuệ lanh lợi tối thượng hơn hết, trí tuệ của chư Thiên, Trời,

Người, Phạm, Ma, Sa-môn, Bà-la-môn cũng không thể sánh bằng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Phật ở vô lượng đời
Làm người phàm tu hành
Nếu có ai đến hỏi
Khuyến khích dạy mau thành.
Thường sống đời xuất gia
Khéo phân biệt nghĩa lý
Do nhờ hành nghiệp này
Được sinh lên cõi trời.
Có trí tuệ rất lớn
Một khi sinh làm người
Được da bóng mịn màng
Nhờ có tướng tốt này.
Thành tựu đại trí tuệ
Nếu làm dòng Sát-lợi
Tại gia làm Chuyển luân
Nếu không ở tại gia.
Xuất gia được thành Phật
Đại Nhất thiết chủng trí
Trên trời và cõi người
Không ai sánh bằng được.

❑

KINH ƯU-BÀ-DI TỊNH HẠNH PHÁP MÔN

QUYỂN HẠ

Phẩm 2: TU HỌC (PHẦN 2)

Lại nữa, này Tỳ-xá-khư! Tu hành như thế nào để thân có màu vàng rực, ánh sáng chiếu rực rỡ giống như núi vàng? Trong vô lượng kiếp xa xưa, Như Lai thường thích tu tập điều thiện, không sân, không giận. Nếu có chúng sinh nào mắng đập thì Như Lai nhịn nhục không hề giận dữ, luôn luôn tự thấy xấu hổ và luôn có lòng đại Bi. Vì cho đó đều là quả báo kiếp trước ở quá khứ, nên thường tự trách mình, phải nên thực hành bố thí, đem những loại y phục mềm mại như: Thảm, sô-ma, kiếp-bối, Kiêu-xa-da để bố thí cho người. Cứ như thế, trải qua vô lượng đời, tích chứa công đức sâu dày như vậy, nên được hưởng sự vui sướng ở cõi trời, sau sinh làm người thì được tướng màu vàng rực của bậc Đại nhân, màu vàng là màu cao tột. Nhờ tướng này, nếu tại gia thì làm Chuyển luân thánh vương, cai trị bốn thiên hạ. Ở trong bốn thiên hạ nếu có những loại y phục mềm mại như các thảm, sô-ma, kiếp-bối, kiêu-xa-da, khâm-bà-la và tất cả vật mềm mại nào trong thế gian thì vua đều có tất cả. Nếu xuất gia thì được thành Phật. Hễ trong dân chúng có các y phục mềm mỏng như ngọa cụ, kiếp-bối, sô-ma, khâm-bà-la thì Như Lai cũng đều có cả những vật như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Tâm không sinh sân giận
Luôn xấu hổ tự trách
Bố thí áo tốt đẹp
Các vật mềm vô giá.
Luôn ban cho chúng sinh
Cho rồi, lòng hoan hỷ
Sung sướng không luyến tiếc
Như người không gặp lửa.
Cứu vật ra rất vui
Chứa nghiệp không thể lường

Sinh cõi trời thọ lạc
Sau đó sinh làm người.
Được thân tướng Đại nhân
Thân thể màu vàng rực
Giống như núi chúa vàng
Tại gia làm Chuyển luân.
Cai trị bốn thiên hạ
Được thân thể mịm màng
Một áo giá ngàn vạn
Nếu học đạo thành Phật.
Độ trời, người, rồng, thần
Y phục cũng như vậy.

Lại nữa, này Tỳ-xá-khư! Tu hành như thế nào để có tướng âm mã tàng? Trong vô lượng kiếp quá khứ, khi Như Lai còn là người phàm, Như Lai thích tu hành vui vẻ và khéo hòa hợp với mọi người, như với cha mẹ, nam nữ, anh em, chị em, dòng họ, bạn bè, quyến thuộc, Thiện tri thức, cho đến loài súc sinh. Nếu có người chia ly thì mong họ được hòa hợp, làm theo sở thích của họ để họ hòa hợp. Nhờ nghiệp tích chứa nhiều phước đức này, mà được sinh lên cõi trời, hưởng phước vui của cõi trời. Sau sinh vào nhân gian, cứ lần lượt vô lượng, vô biên kiếp như vậy cho đến Nhất sinh bổ xứ được tướng Âm mã tàng. Nhờ tướng này được làm Chuyển luân vương có một ngàn người con, cai trị bốn thiên hạ, ngàn con dũng mãnh có thể đánh bại kẻ địch. Nếu xuất gia thì được thành Phật. Từ pháp sinh học trò hơn ngàn vạn, dũng mãnh nhiều sức mạnh có thể đẩy lùi ma oán.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Trải qua vô lượng kiếp
Khi ta làm người phàm
Luôn hòa hợp với chúng
Để được sống an lạc.
Như cha mẹ, nam nữ
Anh em và chị em
Thân thích, các quyến thuộc
Và thiện hữu tri thức.
Ai khổ vì xa lìa
Khéo hòa để an vui
Nhờ tạo hành nghiệp này
Thường sinh trong trời, người.

Hưởng an vui cõi trời
Sau sinh vào loài người
Được tướng âm mã tàng
Hiện thành được ngàn con.
Dũng mãnh không ai bằng
Đánh bại kẻ địch thù
Luôn cúng dường cha mẹ
Để luôn được an lạc.
Nếu xuất gia thành Phật
Con pháp có ngàn vạn
Giới, định sức thần thông
Diệt trừ mọi ma oán.

Lại nữa, này Tỳ-xá-khư! Tu hành như thế nào để có thân tròn đầy giống như cây Ni-câu-luật, thân thẳng đứng như Phạm thiên, tay đụng đầu gối? Xưa kia, khi Như Lai còn là người phàm, luôn luôn tu lòng lành rộng lớn, quán sát rất rõ về những pháp đồng - bất đồng, thô - tế, thiện - ác, đây là trí tuệ, kia là ngu si, đây là tinh tấn, đây là biếng nhác, đây là sân giận, kia là nhẫn nhục, phân biệt rõ ràng như vậy rồi theo từng loài mà ta giáo hóa hướng dẫn họ. Nhờ nghiệp này mà đã vô lượng lần sinh vào cõi người, cõi trời, cho đến Nhất sinh bổ xứ. Khi sinh vào loài người thì được hai tướng Đại nhân:

1. Thân Phạm thiên tròn đầy giống như cây Ni-câu-luật.

2. Thân cao thẳng, tay đụng đầu gối.

Nhờ tướng này nếu tại gia thì làm Chuyển luân vương, cai trị bốn thiên hạ của cải giàu có vô lượng vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, ngọc báu... lương thực dồi dào tươi tốt, kho tàng đầy ắp. Nếu như xuất gia thì được thành Phật, đầy đủ bảy Thánh tài: Tín, giới, thí, văn, tuệ, hổ, thẹn. Như Lai cũng có vô lượng, vô biên những vật như vậy.

Khi ấy, Thế Tôn nói kệ:

Ta trong đời quá khứ
Khéo cân nhắc chúng sinh
Chọn lựa phân biệt rồi
Quán sát đều bình đẳng.
Phân biệt các chúng sinh
Tùy loài mà ban bố
Do nhờ hành nghiệp này
Thường sinh vào cõi trời.

Sau sinh vào loài người
Thân ngay thẳng, không cong
Hai tay đụng đầu gối
Giống như cây Ni-câu.
Từ đất mọc tròn đều
Thân Phật cũng như vậy
Vô lượng kiếp đến nay
Sinh từ đất hành nghiệp.
Hiện hai tướng giàu có
Khiến thiên hạ thái bình
Tại gia thọ năm dục
Được làm Chuyển luân vương.
Xuất gia bỏ năm dục
Được thành đấng Vô thượng.

Lại nữa, này Tỳ-xá-khư! Tu hành như thế nào để được ba tướng của bậc Đại nhân?

1. Ngực như sư tử.

2. Sau ót có tỏa ánh sáng.

3. Vai cổ tròn trịa.

Thuở quá khứ, khi Như Lai còn là người phàm, luôn luôn làm lợi ích cho chúng sinh để họ có cuộc sống an cư lạc nghiệp, có lòng tin, giữ giới, hiểu rộng, có trí tuệ, bố thí, tài của, lúa mạch, ruộng vườn, nô tỳ, trâu dê, voi ngựa, xe cộ, vợ con, nam nữ, thị tùng, quyến thuộc, thân thích, làm cho tất cả được phát triển. Nhờ nghiệp này nên được sinh lên cõi trời, sau sinh làm người được ba tướng Đại nhân:

1. Ngực như Sư tử.

2. Sau ót phóng ra ánh sáng.

3. Vai cổ tròn trịa.

Nhờ tướng này, nếu tại gia thì làm Chuyển luân vương, cai trị bốn thiên hạ, pháp thường tăng trưởng, tài vật, ruộng nhà, lúa thóc dồi dào sung túc, vợ con, quyến thuộc, nô tỳ, thị tùng, thiện hữu tri thức, tất cả đều đầy đủ không có giảm bớt. Nếu xuất gia thì được thành Phật, đầy đủ bảy Thánh tài và bốn bộ quyến thuộc cũng không giảm bớt.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Tín tâm trì giới
Đa văn trí tuệ

Nô tỳ, voi ngựa
Trâu, dê, ruộng nhà.
Vợ con, quyến thuộc
Thiện hữu tri thức
Luôn nghĩ điều thiện
Làm sao khiến họ.
Sắc, lực, an vui
Được tăng trưởng lớn
Do nhờ nghiệp này
Thường sinh cõi trời.
Sau sinh làm người
Được tướng Đại nhân
Ngực như sư tử
Ót phóng ánh sáng.
Vai cổ tròn trịa
Thành tựu ba tướng
Nếu là tại gia
Quyến thuộc vợ con.
Nô tỳ voi ngựa
Đều được sung mãn
Nếu là xuất gia
Được thành quả Phật.
Quyến thuộc tăng trưởng
Pháp luôn trường tồn.

Lại nữa, này Tỳ-xá-khư! Tu hành như thế nào để ngực có chữ Vạn? Về thuở xa xưa, khi còn là người phàm, Như Lai không bao giờ làm não loạn chúng sinh, không đánh đập cũng không nhốt trói họ. Nhờ tích chứa hành nghiệp thiện này rộng lớn nên thường sinh lên cõi trời. Sau sinh làm người, được tướng Đại nhân, ngực có chữ Vạn. Nếu tại gia thì làm Chuyển luân vương, không có các tật bệnh, bốn mùa điều hòa thích hợp, không nóng, không lạnh. Nếu xuất gia thì được thành Phật, cũng không có các bệnh hoạn, luôn được điều hòa, không lạnh không nóng, thân thể nhẹ nhàng, nhập vào Tam-muội.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Không nhốt, trói chúng sinh
Cũng không đánh đập họ
Không dùng những đao, gậy

Làm não hại chúng sinh.
Do nhờ hành nghiệp này
Thường sinh trong trời người
Hưởng vui sướng cõi trời
Đến Nhất sinh bổ xứ.
Sau sinh vào nhân gian
Được tướng của Đại nhân
Giữa ngực có chữ Vạn
Do nhờ tướng tốt ấy.
Không có các bệnh hoạn
Tại gia hay xuất gia
Thường thọ hưởng an vui
Nếu là dòng Sát-lợi.
Làm vua bốn thiên hạ
Nếu xuất gia học đạo
Được thành đấng Vô thượng
Luôn được vui thượng diệu.

Lại nữa, này Tỳ-xá-khư! Tu hành như thế nào mà mắt có màu xanh biếc giống như hoa sen xanh, tròng mắt hiện ra ánh sáng màu xanh biếc? Trong vô lượng kiếp về quá khứ, khi Phật còn là người phàm, luôn tu tập hạnh thiện, không đem tâm ác độc, với đôi mắt dữ nhìn chúng sinh, không đem tâm dục mà ngó liếc, luôn đem tâm xả bỏ mà lìa sân, ái, si, nhìn thẳng vào chúng sinh. Nhờ nghiệp này nên thường sinh lên cõi trời hưởng vui sướng ở cõi trời, sau sinh làm người được hai tướng Đại nhân:

1. Mắt màu xanh biếc, hai mí trên dưới đều nháy một lượt.

2. Tròng mắt khi nháy hiện ra ánh sáng màu xanh biếc.

Nhờ tướng này, nếu tại gia thì làm Chuyển luân vương, cai trị bốn thiên hạ, làm cho tất cả dân chúng, Sa-môn, Bà-la-môn, Sát-lợi, Cư sĩ, vợ con quyến thuộc, quần thần, người hầu cận đều ngắm nhìn vua không biết chán. Nếu xuất gia thì được thành Phật, làm cho các chúng sinh trong bốn bộ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và các chúng Trời, Người, A-tu-la, Ma-hầu-la-già, Càn-thát-bà... tất cả đều vui vẻ phát sinh tâm thiện, giống như chiêm ngưỡng Như Lai, không biết chán đủ.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Trải bao kiếp quá khứ
Khi Phật là người phàm
Thường tu các hạnh thiện

Không đem tâm sân giận.
Không trợn mắt dữ tợn
Cũng không vì tham đắm
Tâm dục nhìn chúng sinh
Mắt sáng lìa dơ, ác.
Tâm hoan hỷ nhìn thẳng
Do nhờ hành nghiệp này
Được sinh vào cõi trời
Đến Nhất sinh bổ xứ.
Sau sinh làm loài người
Mắt, lông mi xanh biếc
Mắt như hoa sen xanh
Trên dưới nháy một lượt.
Nhờ tướng Đại nhân ấy
Được trí tuệ thông sáng
Tất cả các chúng sinh
Thích nhìn không biết chán.
Tại gia làm Chuyển luân
Thành tựu đại trí tuệ
Có đầy đủ bảy báu
Cai trị bốn thiên hạ.
Xuất gia được thành Phật
Chứng đắc Nhất thiết trí.

Lại nữa, này Tỳ-xá-khư! Tu hành như thế nào mà trên đảnh có nhục kế, tóc xanh biếc? Đời quá khứ, khi Như Lai còn là người phàm, luôn tạo công đức cho người, giữ nghiệp thân, khẩu, ý, bố thí, trì giới, mỗi tháng tu sáu ngày trai giới, cúng dường cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, bạn bè quyến thuộc, những vị tuổi cao đức lớn. Lại hành nghiệp thiện không thể đếm xuể. Nhờ tích chứa vô lượng hạnh này, mà hưởng được sự vui sướng ở cõi trời, cho đến Nhất sinh bổ xứ. Sau sinh làm người thì được hai tướng Đại nhân:

1. Trên đảnh có nhục kế.

2. Tóc xanh biếc.

Nhờ tướng này, nếu tại gia thì làm Chuyển luân vương, cai trị bốn thiên hạ, làm chỗ nương tựa cho dân chúng. Nếu xuất gia thì được thành Phật, làm chỗ nương tựa cho bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-

lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân và phi nhân.

Khi ấy, Thế Tôn nói kệ:

Ta ở đời quá khứ
Người đứng đầu tu thiện
Luôn thực hành phạm hạnh
Làm chỗ dựa cho người.
Qua đời sinh lên trời
Hưởng vui sướng cõi trời
Sau sinh vào nhân gian
Được hai tướng Đại nhân.
Trên đảnh có nhục kế
Tóc xoắn màu xanh biếc
Tại gia làm Chuyển luân
Cai trị bốn thiên hạ.
Dùng năm giới mười thiện
Cứu giúp cho muôn dân
Nếu xuất gia học đạo
Được thành đấng vô thượng.
Thường lấy giới-định-tuệ
Chỉ dạy các chúng sinh
Luôn làm chỗ nương tựa
Cho các trời, người, rồng.
Thần, Dạ-xoa, Càn-thát
A-tu-la vân vân.

Lại nữa, này Tỳ-xá-khư! Tu hành như thế nào để mỗi lỗ chân lông chỉ có mỗi sợi lông, giữa chặng mày có lông trắng giống như Đâu-la-miên? Thuở xưa, khi còn là người phàm, Phật luôn tu hành không nói dối, tránh xa nói dối, luôn tu hành lời nói thật, tâm chân chánh với lời nói thật, cũng không có lời nói thêu dệt, lời nói luôn luôn dịu dàng, nhỏ nhẹ tùy thuận với chúng sinh. Do hành nghiệp này nên thường sinh lên cõi trời hưởng vui sướng, sau sinh làm người thì được hai tướng Đại nhân.

1. Mỗi lỗ chân lông chỉ có mỗi sợi lông. Lông ấy mềm mại và đều xoay về phía bên phải, không dính bụi nước.

2. Giữa chặng mày có lông trắng đẹp đẽ giống như Đâu-la-miên chiếu sáng.

Nhờ tướng này, nếu tại gia thì làm Chuyển luân vương, cai trị bốn thiên hạ, dân chúng hưng thịnh phát triển vô cùng vui sướng. Nếu xuất

gia thì làm Phật, làm cho bốn bộ chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tăng trưởng vô lượng, vô biên khắp thế gian.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Ta ở đời quá khứ
Luôn tu không nói dối
Mở miệng chưa từng nói
Lời dối gạt không thật.
Thích ứng với thế gian
Nói năng không lầm lỗi
Nhờ những hành nghiệp này
Luôn sinh vào cõi trời.
Sau sinh làm loài người
Được hai tướng Đại nhân.
Lông trắng sáng chặng mày
Mềm mại như Đâu-miên.
Lỗ chân lông một sợi
Tất cả đều xoay phải
Nhờ có hai tướng này
Tại gia làm Chuyển luân.
Cai trị bốn thiên hạ
Muôn dân phát triển mạnh
Nếu bỏ nhà học đạo
Chứng đắc đại pháp vương.
Chỉ dạy các trời, người
Khiến chánh pháp tăng trưởng.

Lại nữa, này Tỳ-xá-khư! Tu hành như thế nào mà miệng có bốn mươi cái răng, răng trắng đều khít? Trong vô lượng kiếp thuở xưa, Như Lai luôn tu hành không nói lời hai lưỡi. Nghe người này không đến nói với người kia. Nghe người kia không đến nói với người này. Sau khi nghe hai bên nếu có lợi ích vui vẻ thì mới đến nói với họ. Nhờ nghiệp này nên luôn hưởng được vui sướng của cõi trời, sau sinh làm người được hai tướng Đại nhân:

1. Miệng có bốn mươi cái răng.

2. Răng trắng đều và khít.

Nhờ tướng này, nếu tại gia thì làm Chuyển luân vương, cai trị bốn thiên hạ, không có trộm cướp, quyến thuộc trong sạch, vững vàng không hư hoại. Nếu xuất gia thì được thành Phật, có bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-

kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vững vàng thọ trì pháp tạng của Như Lai, không bị bốn ma phá hoại.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Như Lai đời quá khứ
Tu hành không hai lưỡi
Không não loạn chúng sinh
Luôn hòa hợp mọi người.
Hành nghiệp sinh lên trời
Hưởng vui sướng cõi trời
Sau sinh làm loài người
Được hai tướng Đại nhân.
Miệng có bốn mươi răng
Răng trắng đều và khít
Tại gia dòng Sát-lợi
Cai trị bốn thiên hạ.
Vua có bốn binh chủng
Vững vàng khó hủy hoại
Sát-lợi, Bà-la-môn
Không thể lay chuyển được.
Nếu xuất gia thành Phật
Đầy đủ bốn bộ chúng
Luôn được hàng trời, người
Cung kính và tôn trọng.

Lại nữa, này Tỳ-xá-khư! Tu hành như thế nào mà có tướng lưỡi rộng dài phát ra tiếng Phạm âm giống như tiếng chim Ca-lăng-tần-già? Vào thuở xưa, khi Đức Phật còn là người phàm, không nói lời thô, xả bỏ lời nói thô, tránh xa lời nói thô, luôn nói những lời nói tốt đẹp, lời nói dịu dàng để thấm sâu vào tâm người khiến họ thích nghe và dùng những lời đại Từ bi, nhất quyết không quên, lời nói ân nghĩa sâu xa, để được người yêu mến nhớ nghĩ. Nhờ siêng năng tu tập nghiệp này cao rộng nên thường hưởng sự vui sướng ở cõi trời. Sau sinh làm người thì được hai tướng Đại nhân:

1. Lưỡi rộng dài phủ che cả mặt.

2. Phạm âm dịu dàng như tiếng Ca-lăng-tần-già, khiến ai cũng thích nghe.

Nhờ tướng này, nếu tại gia thì làm Chuyển luân vương, cai trị bốn thiên hạ, nói ra điều gì hết thảy dân chúng đều thích nghe và vui vẻ làm theo. Nếu không thích tại gia lại xuất gia học đạo thì được thành Phật, nói

ra lời gì thì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Nhân phi nhân đều cung kính lãnh thọ, vui vẻ phụng hành.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Phật ở đời quá khứ
Tu tập lời nói tốt
Không sân cũng không giận
Không nói lời thô ác.
Luôn nói lời Từ bi
Lời chính xác dịu dàng
Lời ý phải nghĩ trước
Sau đó mới phát ngôn.
Nhờ hành nghiệp như vậy
Được tướng lưỡi rộng dài
Phạm âm luôn hòa nhã
Như tiếng chim Ca-lăng.
Nhờ hai tướng Đại nhân
Tại gia làm Chuyển luân
Nếu nói ra lời gì
Muôn dân đều tuân theo.
Nếu xuất gia thành Phật
Chuyển bánh xe vô thượng
Diệu pháp được nói ra
Khiến Trời, Người, Tu-la.
Rồng, Thần và Dạ-xoa
Nghe rồi đều phụng hành.

Lại nữa, này Tỳ-xá-khư! Tu hành như thế nào để có cằm như sư tử? Vào thời quá khứ, khi Phật còn là người phàm, luôn tu tập không nói lời thêu dệt, xả bỏ lời nói thêu dệt, luôn nói lời hợp thời, lời đúng nghĩa, lời đúng pháp, lời oai nghi, lời thường trụ, lời rõ ràng. Nhờ tích chứa vô lượng công đức nghiệp này nên thường được hưởng vui sướng của cõi trời. Sau sinh làm người thì được tướng Đại nhân có cằm như sư tử. Với tướng này, nếu tại gia thì làm Chuyển luân vương, cai trị bốn thiên hạ, tất cả dân chúng không ai dám nổi loạn. Nếu xuất gia thì được thành Phật, Trời, Người, A-tu-la, Phạm, Ma, Sa-môn, Bà-la-môn, oan gia trong hoặc ngoài, không ai dám chống lại Như Lai.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Ta ở đời quá khứ

Không nói lời thêu dệt
Cũng không tự khen mình
Và nói lời tạp ngữ.
Đoạn diệt lời vô nghĩa
Luôn nói lời hợp thời
Nói ra cốt làm vui
Lợi ích cho chúng sinh.
Do có hành nghiệp này
Hưởng vui sướng cõi trời
Sau sinh làm loài người
Có cằm giống sư tử.
Tại gia làm Chuyển luân
Cai trị bốn thiên hạ
Với tướng Đại nhân này
Không ai dám nổi loạn.
Xuất gia được thành Phật
Sa-môn, Phạm, Ma vương
Trời, Người, A-tu-la
La-hầu, Khẩn-na-la.
Các oan gia trong ngoài
Không ai dám chống lại.

Lại nữa, này Tỳ-xá-khư! Tu hành như thế nào để có bốn răng đều, khít, trắng sạch và tỏa sáng? Vào thuở xưa, khi Phật còn là người phàm, xả bỏ cuộc sống xấu ác, luôn nghĩ tìm nghề chân chánh để sinh sống, cũng không làm những việc cân lường lừa gạt người, dùng vật hư dối để lừa gạt người, dùng biến hóa để lừa gạt, yêu thương để lừa gạt. Tất cả những cách lừa gạt như vậy đều không hề có. Nhờ hành nghiệp này mà tích tụ được phước sâu dày, nên sau khi qua đời sinh lên cõi trời, hưởng vui sướng ở mười chốn. Thế nào là mười?

1. Tuổi thọ của trời.
2. Sắc đẹp của trời.
3. Âm nhạc của trời.
4. Tiếng tốt đồn xa của trời.
5. Vua trời.
6. Sắc trời.
7. Âm thanh của trời.
8. Hương thơm của trời.

9. Mùi vị của trời.

10. Xúc chạm của trời.

Sau khi hưởng vui sướng về mười chốn ở cõi trời rồi, sinh làm người thì được hai tướng Đại nhân.

1. Răng không lớn, không nhỏ.

2. Màu răng trắng sạch.

Nhờ tướng này, nếu tại gia thì làm Chuyển luân vương, cai trị bốn thiên hạ. Bốn bộ chúng: Chúng Bà-la-môn, chúng Sát-lợi, nơi xóm làng thành ấp, đại thần, trưởng giả, phi hậu, thể nữ và chư Thiên, tất cả đều nghiêm tịnh. Nếu xuất gia thì được thành Phật cũng có bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà cũng đều thanh tịnh.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Ta ở đời quá khứ
Xả bỏ mưu sinh ác
Dùng pháp sạch có lợi
Nghề chân chánh nuôi thân.
Trừ bớt khổ chúng sinh
Để họ được an vui
Nhờ có hành nghiệp này
Hưởng mười vui sướng trời.
Thường được các trời người
Tôn trọng và khen ngợi
Hết hưởng vui cõi trời
Sau sinh nơi loài người.
Nhờ quả tu nghiệp thiện
Được hai tướng Đại nhân
Răng không bị to nhỏ
Màu răng trắng tỏa sáng.
Sinh vào dòng Sát-lợi
Tại gia làm Chuyển luân
Có bốn binh vây quanh
Thanh tịnh không cấu uế.
Xuất gia được thành Phật
Thường được đủ bốn chúng
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni
Ưu-bà-tắc, Bà-di

Trời, Người, A-tu-la
Rồng, Thần và Dạ-xoa
Thanh tịnh không cấu nhiễm
Đều cung kính vây quanh.

Này Tỳ-xá-khư! Đó gọi là hai mươi cách tu hành để được ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân. Nhờ tướng này, nên thân của Như Lai được trang nghiêm vô cùng tươi đẹp.

Lại nữa, này Tỳ-xá-khư! Thân Phật lại có tám mươi vẻ đẹp. Đó là:

1. Móng tay đỏ hồng.
2. Móng tay nổi tròn lên đẹp.
3. Móng tay bóng láng.
4. Móng tay đầy đặn.
5. Ngón tay tròn trịa.
6. Ngón tay thon thẳng.
7. Ngón tay khép kín.
8. Ngón tay sạch sẽ.
9. Tay chân nõn nà.
10. Phía trong tay chân đỏ hồng.
11. Tay chân bằng phẳng.
12. Bên trong tay chân đầy đặn.
13. Vân tay hiện lên sâu.
14. Vân tay thẳng đẹp.
15. Vân tay nhỏ dài.
16. Tay chân mịn màng.
17. Vân tay không rối.
18. Xương mắt cá không lồi ra.
19. Đầu gối tròn đầy.
20. Bắp chân đều đặn.
21. Bước đi bằng phẳng.
22. Đi như sư tử chúa.
23. Đi như chim ngỗng trời.
24. Tướng đi như Long vương.
25. Tướng đi như Ngưu vương.
26. Đi không nhìn ra sau.

27. Bước đi không nghiêng ngã.
28. Nửa thân cao thẳng.
29. Thân Phật cao hơn người.
30. Toàn thân đầy đủ.
31. Thân Phật đều đẹp.
32. Thân thể cân đối.
33. Thân thể đầy đặn.
34. Thân thể thẳng đứng.
35. Thân thể bóng láng.
36. Thân lớn nhỏ đều đặn.
37. Thân thể sạch đẹp.
38. Thân thể mềm mại.
39. Thân thể vắng lặng.
40. Thân thể chắc chắn.
41. Thân thể gọn ghẽ.
42. Thân thể đoan nghiêm.
43. Các căn đều đặn.
44. Sắc thân không đen.
45. Thân thể không tối.
46. Lông trên thân sạch sẽ.
47. Tướng bụng tròn trịa.
48. Bụng không có ngấn ngang.
49. Thân thể sáng sạch thấy rõ các sắc tướng.
50. Rốn sâu.
51. Lỗ rốn tròn.
52. Vân rốn xoay về bên phải.
53. Lỗ rốn không trủng.
54. Miệng rốn không dài.
55. Miệng rốn không ngắn.
56. Lông rốn hướng về phía dưới.
57. Có tướng răng của rồng.
58. Môi che kín răng.
59. Bốn răng giữa tròn đều.

60. Bốn răng nanh sắc bén.
61. Bốn răng nanh nhọn dài.
62. Bốn răng nanh đều khít.
63. Lưỡi rộng mềm mại.
64. Màu lưỡi hồng đẹp.
65. Phạm âm rõ ràng vi diệu.
66. Tiếng như voi chúa.
67. Tiếng như chim Ca-lăng-tần-già.
68. Nứu răng thịt đầy.
69. Mũi không dài xuống.
70. Mũi cao nhỏ dài.
71. Lỗ mũi sạch sẽ.
72. Mũi suông rộng.
73. Mắt đẹp sáng long lanh.
74. Mắt đen sáng.
75. Lông mi mắt có thứ lớp.
76. Lông mày dài như nữa vầng trăng.
77. Lông mày đen mướt dài ngắn có thứ lớp.
78. Lông mày sáng sạch mướt.
79. Tai thòng xuống trong ngoài sạch sẽ.
80. Tóc mềm mại quay về bên phải không rối dài theo thứ lớp, rất đẹp.

Này Tỳ-xá-khư! Đó là tám mươi vẻ đẹp của Như Lai.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Ngày đêm thọ trì
Tất cả giới cấm
Vô lượng hạnh khổ
Là đại Phạm chí.
Ba mươi hai tướng
Tám mươi vẻ đẹp
Chuỗi ngọc nghiêm thân
Đấng Thiên Nhân Tôn.
Ánh sáng rực rỡ
Chiếu rọi vô cùng
Xanh đỏ vàng trắng

Xen lẫn với nhau.
Uyển chuyển xoay tròn
Khắp cả hư không
Phóng ánh sáng lớn
Chiếu vô lượng cõi.
Trong ánh sáng rực
Tam thiên thế giới
Như Lai luôn sáng
Chiếu tới một tầm.
Khi phóng ánh sáng
Che lấp nhật nguyệt
Như mặt trời mọc
Không thấy các sao.
Nếu phóng ánh sáng
Chiếu cả thế giới
Nhật quang như trăng
Màu trăng như sao.
Nhờ được vạn hạnh
Có thân như vầy
Được các chúng sinh
Ưa thích ngắm nhìn
Không bao giờ chán.

-oOo-

Phẩm 3: ĐIỀM LÀNH

Sau khi Đức Phật nói kệ này, Tỳ-xá-khư mẫu lòng vui mừng khôn xiết, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Khi Bồ-tát ở trong thai và lúc mới sinh có bao nhiêu tướng điềm lành kỳ lạ tốt đẹp hiện ra thế gian?

Phật bảo Tỳ-xá-khư:

–Khi Bồ-tát sinh ra có mười sáu tướng kỳ lạ tốt đẹp, mười sáu tướng đó là:

Bồ-tát xả thân ở cõi trời Đâu-suất, ở trong thai mẹ nhớ biết rất rõ ràng. Đây là pháp kỳ lạ hiếm có thứ nhất.

Sau khi Bồ-tát xả thân ở cõi trời vào thai mẹ, tự nhiên ánh sáng chiếu khắp thế gian. Chỗ tối tăm ở giữa thế giới, ánh sáng của mặt trời, mặt trăng,

sao, không thể chiếu tới thì có ánh sáng lớn này chiếu đến. Chúng sinh trong đó đều nhìn thấy lẫn nhau và họ nói: "Trong đây vì sao bỗng nhiên lại có chúng sinh. Tất cả ánh sáng của thế gian, Phạm, Ma, Sa-môn, Bà-la-môn đều không thể sánh kịp. Tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động đủ sáu cách, các núi Tu-di đều chấn động không ngừng. Đấy là pháp kỳ lạ chưa từng có thứ hai.

Bồ-tát ở trong thai, có bốn Thiên tử giữ đúng oai nghi ở ngay bốn phương bảo vệ Bồ-tát và mẹ của Bồ-tát, không để các người, phi nhân ở thế gian não hại. Đây là pháp kỳ lạ chưa từng có thứ ba.

Bồ-tát ở trong thai tự nhiên làm cho người mẹ giữ giới, không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Đây là pháp kỳ lạ chưa từng có thứ tư.

Bồ-tát ở trong thai mẹ, người mẹ trong sạch không có lòng ham muốn. Người ngoài thấy bà cũng không sinh tâm mê đắm. Đây là pháp kỳ lạ chưa từng có thứ năm.

Bồ-tát ở trong thai thường khiến cho người mẹ được rất nhiều lợi dưỡng như: Sắc, hương, vị, xúc tự nhiên đem đến. Đây là pháp kỳ lạ chưa từng có thứ sáu.

Bồ-tát ở trong thai, người mẹ luôn an vui, không có các hoạn nạn tật bệnh, đói khát, lạnh nóng, mệt mỏi, Bồ-tát cũng vậy. Người mẹ luôn thấy Bồ-tát ở trong thai, giống như ngọc Ma-ni, Tỳ-lưu-ly quý báu đều trong suốt sáng rực nhìn thấy rõ ràng, chỉ năm màu xâu lại. Người mắt sáng cầm trong tay thì thấy tám cạnh của viên châu và chỉ năm màu xanh, vàng, đỏ, trắng rất rõ ràng. Người mẹ thấy tất cả bộ phận nơi thân của Bồ-tát, rõ ràng không bị ngăn che. Đây là pháp kỳ lạ chưa từng có thứ bảy.

Này Tỳ-xá-khư! Sau khi Bồ-tát sinh được bảy ngày thì người mẹ qua đời sinh lên cõi trời Đâu-suất, hưởng an vui của cõi trời. Đây là pháp kỳ lạ chưa từng có thứ tám.

Người phàm phu thọ thai là chín tháng, hoặc đến mười tháng mới sinh, Bồ-tát thành tựu không như vậy, mà phải đủ tháng thứ mười sau đó mới sinh. Đây là pháp kỳ lạ chưa từng có thứ chín.

Ở thế gian khi phụ nữ sắp sinh thì thân thể đau đớn, ngồi nằm không yên, sau đó mới sinh. Còn khi Bồ-tát sinh ra người mẹ an lạc, không có các bệnh đau, mà còn mừng rỡ, vui tươi, đứng giơ tay lên để sinh. Đây là pháp kỳ lạ chưa từng có thứ mười.

Khi Bồ-tát sinh ra khỏi thai được chư Thiên đón lấy, sau đó được người bồng ẵm. Đây là pháp kỳ lạ chưa từng có thứ mười một.

Sau khi được người đời bồng rồi, bốn Thiên tử sẽ đón bồng cung kính đặt trước người mẹ và tâm họ rất vui mừng cùng nói: "Lành thay, thưa phu nhân! Người đã sinh một thái tử dũng mãnh đại oai đức." Đây là pháp kỳ lạ chưa từng có thứ mười hai.

Khi Bồ-tát mới sinh ra, không có nước máu và thai nhau cùng với các vật không sạch sẽ khác. Thân của Bồ-tát trong sạch như châu ma-ni được bọc trong tấm thảm nhung Già-tư, nhưng không làm ố lẫn nhau. Vì sao? Vì hai bên đều sạch sẽ, Bồ-tát mới sinh cũng vậy, trong sạch không nhiễm giống như châu ma-ni. Còn người mẹ đẹp đẽ giống như tấm nhung kia. Đây là pháp kỳ lạ chưa từng có thứ mười ba.

Khi Bồ-tát sinh ra, ở trong hư không tự nhiên có hai dòng nước chảy xuống, một là lạnh, hai là ấm để tắm thân Bồ-tát. Đây là pháp kỳ lạ chưa từng có thứ mười bốn.

Sau khi sinh ra Bồ-tát đi về hướng Bắc bảy bước. Bấy giờ, trên hư không tự nhiên có lọng che cho Bồ-tát. Sau khi đi bảy bước rồi Bồ-tát nhìn khắp mười phương gầm vang tiếng sư tử và xướng như vầy: "Trong tất cả thế gian chỉ có ta là cao tột, ta là cao quý nhất trong trời người, đời này chấm dứt Ta không trở lại nữa." Đây là pháp kỳ lạ chưa từng có thứ mười lăm.

Khi Bồ-tát sinh ra, tất cả chúng sinh cho đến loài côn trùng trong tam thiên đại thiên thế giới đều rất vui vẻ. Đây là pháp kỳ lạ chưa từng có thứ mười sáu.

Này Tỳ-xá-khư! Đó gọi là Như Lai ở trong thai mới sinh ra thì có mười sáu pháp kỳ lạ như vậy.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Từ Đâu-suất qua đời
Sinh xuống làm loài người
Ở trong thai mới sinh
Trong sạch không cấu bẩn.
Mười sáu pháp kỳ lạ
Cao đẹp chưa từng có
Khi trong thai sinh ra
Không giống với chúng sinh.
Khi sinh không mê muội
Tiếng tăm là bậc nhất
Hiện rất nhiều tướng thiện
Điềm Phật sinh như vậy.

Sau khi Thế Tôn nói kệ này, Tỳ-xá-khư mẫu lòng rất vui mừng nên thưa hỏi nữa:

–Bạch Thế Tôn! Khi Bồ-tát sinh ra thì có bao nhiêu điềm lành hiện ra cùng một lúc?

Phật dạy Tỳ-xá-khư:

–Khi Bồ-tát sinh ra, có ba mươi hai điềm lành hiện cùng một lúc. Ba mươi hai điềm lành ấy là gì?

1. Mặt đất trong tam thiên đại thiên thế giới chấn động lớn, tự nhiên có ánh sáng lớn chiếu cả thế giới.

2. Tất cả nhạc cụ tự nhiên trỗi lên.

3. Không đánh mà tự kêu.

4. Tất cả tật bệnh tự nhiên hết hẳn.

5. Tất cả người bị trói buộc tự nhiên được giải thoát.

6. Tất cả oan gia đều sinh lòng Từ bi.

7. Người mù được mắt sáng thấy tất cả màu sắc.

8. Người điếc được nghe các âm thanh.

9. Người què được đi lại tùy ý.

10. Người điên đươc trí nhớ rõ ràng.

11. Câm ngọng được nói.

12. Đi thuyền bị trôi dạt thì được trở về chỗ cũ.

13. Tất cả bảy báu ở mặt đất và hư không tự nhiên phát ánh sáng.

14. Các sông vạn dòng đều đứng yên không chảy.

15. Tất cả loài chim, loài có cánh đều rất vui mừng và đứng yên.

16. Gió không lay động, tất cả đều lặng yên.

17. Tất cả chúng sinh ăn nuốt lẫn nhau bỗng nhiên đều sinh lòng từ.

18. Tất cả chư Thiên trở về cung điện của mình vui chơi sung sướng.

19. Lửa dữ ở địa ngục A-tỳ tự nhiên dập tắt.

20. Kẻ đói được no đủ.

21. Tất cả ngạ quỷ không bị đói khát.

22. Bốn cõi thiên hạ đều nổi mây lớn và mưa lớn.

23. Ánh sáng mặt trăng sáng dịu dàng.

24. Các vì sao mọc ban ngày.

25. Mặt trời tròn sáng ngời.

26. Tất cả cây có hoa đều trổ hoa.

27. Tất cả cây có trái tự nhiên kết trái.

28. Tam thiên đại thiên thế giới phát ra hương thơm của cõi trời, không còn có mùi hôi thối.

29. Khi Bồ-tát vừa sinh, liền đi bảy bước.

30. Trên hư không có lọng trắng tự nhiên che mát.

31. Sau khi đi bảy bước rồi nhìn khắp mười phương.

32. Gầm tiếng gầm sư tử.

Này Tỳ-xá-khư! Ba mươi hai pháp xuất hiện cùng một lúc khi Bồ-tát mới sinh

Tỳ-xá-khư mẫu bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Khi Bồ-tát sinh ra, vì lý do gì mà chấn động cả tam thiên đại thiên thế giới?

Phật bảo Tỳ-xá-khư:

–Khi Bồ-tát sinh ra làm cho cả mặt đất chấn động là vì: Bồ-tát một khi đã thị hiện sinh ở cõi đời này thì coi như không còn phiền não. Những chúng sinh cũng sắp đắc đạo vì phiền não sẽ bị diệt trừ, cho nên đất chấn động.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh, tự nhiên có ánh sáng chiếu khắp thế giới, vì Bồ-tát đạt được Tam đạt trí.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh, những nhạc cụ ở thế gian tự nhiên trỗi lên, vì Bồ-tát đã đạt nhập Tam-muội.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh, vật không gõ tự nhiên kêu, vì Bồ-tát sắp đánh trống đại pháp.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh, tất cả những người bị trói buộc tự nhiên được giải thoát, vì Bồ-tát sắp độ thoát tất cả chúng sinh trong cảnh già, bệnh, chết.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh, tất cả oan gia đều sinh lòng lành. Vì Bồ-tát đạt được bốn Vô lượng tâm.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh, tật bệnh đều hết hẳn, vì Bồ-tát sắp diệt trừ tất cả các bệnh phiền não.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh thì người mù được sáng, vì Bồ-tát đã được Thánh trí nhãn.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh, người điếc được nghe, vì Bồ-tát đã được Thánh Thiên nhĩ.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh thì người què liền đi được, vì Bồ-

tát đã được sức bốn Thần túc.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh thì người điên được nhớ lại, vì Bồ-tát đã được niệm An-na-bát-na.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh thì người câm được nói, vì Bồ-tát đã được pháp thông đạt những điều mà Như Lai đã biết.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh thì người đi thuyền bị trôi được trở về, vì Bồ-tát đã được tám Chánh đạo để dạy chúng sinh.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh thì bảy báu trên mặt đất và hư không đều tỏa ánh sáng, vì Bồ-tát đã được bốn trí vô ngại.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh thì các sông vạn dòng đều ngưng chảy, vì Bồ-tát đã làm ngưng đọng bốn dòng chảy của phiền não.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh thì tất cả chim bay rất vui mừng và đứng yên, vì Bồ-tát sắp phá các tà kiến.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh, gió ngừng thổi vì Bồ-tát được Tam-muội thường–lạc–diệt–tận.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh thì những chúng sinh ăn nuốt lẫn nhau đều sinh lòng lành, vì Bồ-tát được bốn bộ quyến thuộc dù tôn quý hay ty tiện, giàu sang hay nghèo hèn đều được hòa hợp.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh ra thì chư Thiên về cung điện vui chơi, khi Bồ-tát thành Phật thì các thiện nam, thiện nữ xuất gia học đạo cho đến đắc quả A-la-hán, việc làm đã xong, dứt tận nguồn sinh tử trong ba cõi, xả bỏ gánh nặng thành vô vi vô dục, luôn thích nơi vắng lặng vui vẻ. Họ nói với nhau: Chúng ta nay đã được thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết không còn bị sinh tử ở trong thai nữa, mà là vắng lặng, không đắm chìm, như nước đọng trên lá sen, không bị vướng mắc.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh thì lửa dữ ở địa ngục A-tỳ đều dập tắt, vì Bồ-tát sắp diệt trừ lửa dữ ba độc phiền não của chúng sinh.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh thì người đói được no nê, vì Bồ-tát đã được thân niệm Tam-muội.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh thì ngạ quỷ không còn đói khát nước, vì Bồ-tát được nước giải thoát.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh thì có mây lớn trút mưa lớn, vì Bồ-tát sắp mưa đại pháp thấm nhuần chúng sinh.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh, mặt trăng tỏa sáng dịu, vì khi Bồ-tát thành Phật chúng sinh vui mừng chiêm ngưỡng.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh thì các vì sao mọc ban ngày, vì Bồ-

tát khi thành Phật làm cho đệ tử Thanh văn hiện ra ở đời.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh thì ánh sáng mặt trời rực rỡ, vì Bồ-tát đại Thanh văn đã được sáu thông.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh, cây có hoa đều trổ hoa, vì Bồ-tát khiến cho đệ tử Thanh văn đã được hoa giải thoát.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh, cây có trái đều kết trái, vì Bồ-tát khiến cho đệ tử Thanh văn đã được bốn quả Sa-môn.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh, cả đại thiên thế giới tỏa ra mùi thơm của trời, vì Bồ-tát được hương giới của Như Lai tỏa khắp thế gian.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát sinh, liền đi bảy bước, vì Bồ-tát đã được bảy đạo Bồ-đề.

Này Tỳ-xá-khư! Khi Bồ-tát đi thì có lọng trắng ở trên che mát, vì Bồ-tát được bóng mát Niết-bàn. Bồ-tát đi rồi chỉ về phương Đông, vì làm người dẫn đường cho các chúng sinh.

Này Tỳ-xá-khư! Bồ-tát chỉ phương Nam vì muốn làm ruộng phước lành cho chúng sinh.

Này Tỳ-xá-khư! Bồ-tát chỉ phương Tây vì đời này của Bồ-tát đã hết, đây là thân cuối cùng.

Này Tỳ-xá-khư! Bồ-tát chỉ về phương Bắc, vì với tất cả chúng sinh thì Bồ-tát đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tỳ-xá-khư! Chỉ phương dưới vì muốn phá tan binh ma để chúng thoái lui.

Này Tỳ-xá-khư! Chỉ phương trên vì muốn làm chỗ quay về nương tựa cho hàng trời, người.

Này Tỳ-xá-khư! Gầm tiếng sư tử vì là bậc cao tột, tôn quý nhất trong trời người, tất cả chúng sinh không ai sánh bằng.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Đấng dẫn đường thế gian
Bậc Đại Thánh cao tột
Khi sinh hiện điềm lành
Làm ruộng phước chúng sinh.
Luân chuyển trong ba cõi
Đây là thân cuối cùng
Trí tuệ trong thế gian
Như Lai là trên hết.
Đã phá chúng binh ma

Ứng Cúng vang tiếng tốt
Thế gian chưa từng có
Làm chỗ tựa trời người.
Khi Thế Tôn mới sinh
Hiện ba hai điềm lành
Tướng kỳ lạ rất đẹp
Đều hiện cùng một lúc.
Bồ-tát ra khỏi thai
Đất chấn động sáu cách
Tự nhiên ánh sáng lớn
Chiếu khắp cả mười phương.
Chúng sinh đều kinh ngạc
Cùng nói với nhau rằng:
Nguyện mau được thành Phật
Để mưa trận đại pháp.
Tẩy trừ phiền não cấu
Khiến con được giải thoát
Nên nay con chí thành
Đảnh lễ đấng Vô thượng.

Sau khi nói kệ này, Đức Thế Tôn dạy Tỳ-xá-khư:

–Chư Phật Như Lai là không thể nghĩ bàn. Pháp Phật nói ra là không thể nghĩ bàn. Các thiện nam, thiện nữ tin những gì Phật nói cũng không thể nghĩ bàn. Được quả báo cũng không thể nghĩ bàn. Như mưa lớn thấm nhuần cho tất cả người, phi nhân... khiến họ được đầy đủ và tràn trề… các cây cỏ cũng được phát triển. Mưa pháp của Như Lai cũng vậy, thấm nhuần tất cả vô lượng chúng sinh. Người đáng được độ sau khi nghe pháp này đều được đắc đạo quả. Nếu ai ở trong cõi trời người thọ quả báo thì theo nguyện sẽ được tùy ý, cho nên hôm nay, con hãy chuyển tâm thọ trì pháp ấy, làm cho bốn chúng ở đời vị lai đều được tu hành.

Khi Phật giảng nói pháp này, có sáu vạn trời người được mắt pháp trong sạch, chư Thiên khác và các chúng Rồng, A-tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân đều phụng hành. Riêng Tỳ-xá-khư mẫu đạt được mắt pháp trong sạch, cùng một ngàn năm trăm quyến thuộc đối với Phật, Pháp, Tăng có lòng tin vững vàng không thoái chuyển, tất cả đều vô cùng vui vẻ, đảnh lễ Phật rồi lui ra.

❑

SỐ 580

KINH TRƯỞNG GIẢ NỮ YÊM-ĐỀ-GIÀ SƯ TỬ HỐNG LIỄU NGHĨA

Hán dịch: Mất tên người dịch, nay phụ vào dịch phẩm đời Lương.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật cùng với vô lượng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và chúng Đại Bồ-tát ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, về phía Tây cách thành Xá-vệ hơn hai mươi dặm, có một làng gọi là Trưởng đề. Trong làng ấy có một Bà-la-môn tên Ba-tư-nị-ca, học vấn uyên bác, có lòng tin sâu với giáo pháp và thực hành lời Phật dạy. Muốn lập ra đại hội, Bà-la-môn ấy bèn đến tinh xá Kỳ hoàn để thỉnh mời Phật và chúng Tăng. Đức Phật nhận lời mời của ông ta. Bà-la-môn trở về nhà sửa soạn. Thời gian đã tới, Đức Phật cùng đại chúng đến nhà Bà-la-môn.

Thấy Đức Phật đến, ông ta vui mừng khôn xiết, liền dẫn quyến thuộc tới chỗ Phật cùng nhau lễ Phật và cung kính đứng hầu. Bà-la-môn có một côn gái tên Yêm-đề-già, trước đây đã theo chồng, nay vừa mới trở về thăm viếng hầu hạ cha mẹ. Cô ấy hình tướng đoan chánh, đẹp đẽ, tư cách quý phái, tâm nhu hòa khiêm tốn, tâm rộng rãi độ lượng, vợ chồng hòa thuận. Cô hầu hạ phụng dưỡng thân tộc và thờ chồng đúng phép, nết na dịu dàng không ai bằng. Cha mẹ và quyến thuộc đều ra đón Phật, chỉ có cô gái này ở trong phòng một mình không chịu ra. Từ khi sinh ra, cô gái này đã như vậy, cha mẹ cô không biết lý do vì sao nên mới đặt tên cô là Yêm-đề-già.

Như Lai biết Trưởng giả có một cô con gái ở trong nhà chưa ra và cũng biết vì sao cô không ra. Nếu cô ra thì sẽ làm lợi ích vô lượng cho đại chúng và chư Thiên, nhân.

Đức Phật liền bảo Trưởng giả:

–Quyến thuộc của ông đã ra hết chưa?

Bà-la-môn quỳ xuống, chắp tay trước Phật. Vì cô con gái không chịu

ra nên ông lấy làm xấu hổ, im lặng không trả lời.

Biết ý ông ta, Đức Phật nói:

–Giờ ngọ đã đến, hãy sửa soạn cúng dường.

Vâng lời Phật, Bà-la-môn bày lễ cúng dường. Đại chúng và quyến thuộc của Bà-la-môn đã ăn xong, chỉ còn cô gái ấy chưa ăn. Như Lai cố lưu thức ăn lại trong bát, sai hóa nữ đem thức ăn ấy vào phòng đưa cho Yêm-đề-già.

Khi ấy, hóa nữ dùng kệ nói:

Cơm thừa này của Phật
Đấng Vô thượng ban cho
Tôi vâng lời Phật dạy
Xin người thanh tịnh nhận.

Yêm-đề-già cũng dùng kệ khen ngợi:

Lành thay! Đại Từ bi
Biết con ở trong phòng
Lại ban cho thức ăn
Xin kính nhận Thánh chỉ.

Và cô nói kệ trả lời hóa nữ:

Tôi thường luôn suy nghĩ
Việc làm của Đại Thánh
Tôi cũng giống như cô
Việc gì không trong sạch.

Nghe Yêm-đề-già nói kệ xong, hóa nữ liền biến mất. Bấy giờ, Yêm-đề-già đem lòng nhớ nghĩ, nói thành kệ:

Chồng tôi nay ở đâu
Xin ra đón Thế Tôn
Nên biết tâm tôi sạch
Mau đến cùng nhau nghe.

Nhờ sức nơi tâm trong sạch của Yêm-đề-già nên chồng của cô theo ý nghĩ ấy liền tới ngay. Thấy chồng đến, Yêm-đề-già rất vui mừng, nói kệ khen:

Chao ôi! Bậc tôn quý
Theo nguyện con đến cứu
Không vi phạm giới nhỏ
Sợ sẽ không cùng nghe.

Thấy Yêm-đề-già nói kệ như vậy, chồng cô ta lại nói kệ để trách:

Chao ôi! Nàng ngu quá
Không biết khéo thích nghi
Uổng Phật cho cơm thừa
Giữ giới để làm chi.

Bấy giờ, Yêm-đề-già theo chồng đến chỗ Phật. Hai người lạy Phật và đại chúng rồi cung kính đứng yên.

Thế rồi, Yêm-đề-già nói kệ khen:

Con nghĩ đại Từ bi
Đấng cứu độ mười phương
Muốn lập tạng bí mật
Cho con cơm dư sạch.
Đại Thánh rất khó gặp
Thế gian, lòng còn ngờ
Có thể đến hỏi pháp
Đặt nền móng Bồ-đề.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cô gái này là ai mà tự nhiên đến đây hỏi pháp như vậy? Và nói kệ là được cơm thừa?

Phật bảo:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Đây là con gái của trưởng giả.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Cô này từ đâu đến? Vì sao tới đây?

Phật nói:

–Cô gái này không phải từ xa đến, mà ở ngay trong nhà này. Tuy có cha mẹ, quyến thuộc, nhưng chồng của cô ta không có mặt. Để tự ngăn ngừa vì lòng kính thuận với chồng, nên không theo cha mẹ tùy tiện xuất hiện chỗ đông người.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Cô gái ấy có nhân lành gì mà được sinh vào nhà Trưởng giả này, lại có dáng vẻ đẹp như vậy? Vì nhân duyên gì mà bị người chồng quản thúc như thế, nên không thể tự mình yết kiến Đức Phật và chúng Tăng?

Phật nói:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Ông hãy đến hỏi cô ta thử xem.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi cô ta:

–Vì nhân duyên gì mà cô được sinh vào nhà Trưởng giả này? Và vì nhân duyên gì bị chồng quản thúc, không dám tự mình ra chào hỏi Đức

Phật và Tăng.

Yêm-đề-già nói kệ để trả lời:

Vì con không làm ác
Nên sinh nhà Trưởng giả
Lại không giữ tướng nữ
Được chồng trong sạch ấy.
Con luôn ở trong phòng
Cho là tự tại rồi
Việc ấy chưa vượt qua
Phật biết cho con cơm.
Than ôi, thưa Đại đức!
Không biết do chân thật
Mảy may không hề vượt
Nên gọi đại tự tại.
Tuy con ở trong phòng
Nhưng nghĩ Phật trước mặt
Nhân giả A-la-hán
Theo Phật mà không thấy.
Đại Thánh chẳng phải sắc
Cũng chẳng lìa sắc thân
Thanh văn thấy Ba-tuần
Cho là người lực lớn.
Than ôi, thưa Đại đức!
Không chút phương tiện Phật
Không biết rõ đầu đuôi
Hiểu điên đảo về con.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng, suy nghĩ: "Cô gái này là ai mà biện tài như vậy? Ta đây không thể sánh bằng."

Biết sự suy nghĩ của Tôn giả Xá-lợi-phất, Đức Phật hỏi:

–Ông hãy thôi sự hỏi đáp để khỏi sinh tâm phân biệt. Cô gái này đã từng gặp vô lượng chư Phật thuyết pháp. Đó là pháp dược ông chớ nghi ngờ.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi Yêm-đề-già:

–Cô biết về nghĩa sinh tử không?

Cô trả lời:

–Nhờ vào oai lực của Phật nên biết.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Nếu biết thì sinh nghĩa là gì?

Trả lời:

–Sinh là không sinh mà có nghĩa là sinh.

Hỏi:

–Không sinh mà sinh là sao?

Trả lời:

–Nếu biết rõ bốn duyên của địa, thủy, hỏa, phong, tự nó hoàn toàn không có được sự hòa hợp, chỉ tùy theo chỗ thích ứng của chúng, nên nói là sinh, lấy đó là nghĩa của sinh

Hỏi:

–Nếu biết địa, thủy, hỏa, phong, tự nó hoàn toàn không có được sự hòa hợp, cho đó là nghĩa của sinh, tức là không có tướng sinh, sao lại cho là nghĩa?

Trả lời:

–Mặc dù ở chỗ sinh, nhưng không có sinh. Đó mới đúng là sinh, nên nói là có nghĩa.

Bồ-tát Văn-thù lại hỏi:

–Tử nghĩa là gì?

Trả lời:

–Tử là không tử mà có nghĩa là tử.

Hỏi:

–Không tử mà có nghĩa là tử, là sao?

Trả lời:

–Nếu biết rõ địa, thủy, hỏa, phong, tự nó hoàn toàn không có sự tan rã, mà chỉ theo chỗ thích ứng của chúng để nói, đó nghĩa là tử.

Hỏi:

–Nếu biết địa, thủy, hỏa, phong, tự nó hoàn toàn không có sự tan rã, tức là không có tướng tử thì sao lại cho đó là nghĩa?

Trả lời:

–Mặc dầu ở trong tử nhưng tâm ấy không mất. Đó mới đúng là chánh tử, nên nói là có nghĩa.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Thường nghĩa là gì?

Trả lời:

–Nếu hiểu rõ các pháp, hoàn toàn sinh diệt, biến đổi, không nhất định, tướng như huyễn, nhưng có thể theo sự thích ứng của chúng mà nói, đó nghĩa là thường.

Hỏi:

–Nếu hiểu rõ các pháp hoàn toàn sinh diệt, biến đổi, không nhất định, tướng như huyễn thì đó là vô thường, sao lại nói là thường?

Trả lời:

–Các pháp sinh nhưng không tự nó sinh, diệt nhưng không tự nó diệt, cho đến biến đổi cũng vậy. Vì không phải tự nó làm được nên nói là thường.

Hỏi:

–Vô thường nghĩa là gì?

Trả lời:

–Nếu biết các pháp hoàn toàn không sinh diệt, theo tướng là như vậy, nhưng theo sự thích hợp của chúng mà nói, đó là vô thường.

Hỏi:

–Nếu biết các pháp hoàn toàn không sinh, không diệt, vậy tức là thường sao lại nói là vô thường?

Trả lời:

–Vì các pháp tự tại biến đổi, tướng không nhất định, không tự nó làm được. Ai biết như vậy, nên mới nói là có vô thường.

Hỏi:

–Không là nghĩa thế nào?

Trả lời:

–Nếu biết tướng các pháp chưa từng tự nó không, không hoại mà nay có, nhưng không mà chẳng không, có mà không có, nên gọi là có - không.

Hỏi:

–Nếu không mà chẳng không, có mà chẳng có thì không có sự việc ấy. Vì sao lại nói là nghĩa không?

Yêm-đề-già nói kệ để đáp lại:

Than ôi, chân Đại đức
Không biết nghĩa chân không
Sắc không có tự tướng
Nhưng đâu phải như không.
Nếu không tự có không

Thì không thể chứa sắc
Vì không không tự không
Nên sinh ra các sắc.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Nếu có người biết rõ sinh mà không có tướng sinh thì sinh có được tồn tại không?

Trả lời:

–Có. Mặc dầu tự biết rõ nhưng sức lực của họ chưa đầy đủ. Cho nên cuộc sống vẫn tồn tại.

Hỏi:

–Có. Người không biết, không hiểu về tánh sinh thì cuối cùng cuộc sống có được tồn tại không?

Trả lời:

–Không. Vì sao? Vì nếu không thấy tánh của sinh thì dầu cho có sự điều phục cũng ít được an ổn. Tướng của sinh không an ổn ấy luôn chống đối nhau. Nếu ai có thể thấy tánh của sinh thì mặc dầu ở chỗ bất an nhưng tướng an luôn được hiện tiền. Nếu ai không biết như vậy, mặc dầu có nhiều biện tài, giảng nói những kinh sách sâu dày, nhưng đó cũng chỉ là tâm sinh diệt. Nói lời sâu xa của thật tướng ấy giống như người mù nói về màu sắc, vì họ nhờ vào lời nói của người khác mà có thể biết được màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, nhưng thật ra chính họ không thể thấy tướng chính xác của màu sắc. Người không thấy các pháp cũng vậy. Nhưng nay nói về sinh thì sự sinh là chết. Sự chết đối với người ấy, là không có ý ưa. Nếu ai bị trói buộc vào thường và vô thường thì cũng như vậy.

Đại đức nên biết, không ấy tự nó cũng không phải không. Cho nên nói có nghĩa không.

Bấy giờ, Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như những lời Yêm-đề-già nói! Đó là lời chân thật không sai khác. Mặt trời có thể lạnh, mặt trăng có thể nóng nhưng những gì Yêm-đề-già nói không thể thay đổi.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Yêm-đề-già:

–Trí tuệ biện tài của cô như vậy, được Phật khen ngợi là điều mà hàng Thanh văn chúng tôi không thể sánh bì. Thế tại sao không lìa sắc tướng thân nữ này?

Cô trả lời:

–Tôi sẽ hỏi Đại đức. Đại đức hãy trả lời cho tôi. Thưa Đại đức! Hiện

giờ Đại đức là nam phải không?

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời:

–Mặc dầu tôi sắc nam, nhưng tâm chẳng phải là nam.

Cô nói:

–Thưa Đại đức! Tôi cũng vậy. Đại đức đã nói đúng. Mặc dầu tôi là tướng nữ nhưng tâm chẳng phải là nữ.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Hiện nay cô bị chồng cô quản thúc. Vì sao vậy?

Cô trả lời:

–Thưa Đại đức! Đại đức có thể tin vào lời nói của chính mình không?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Tôi tự tin. Vì sao không thể không tin?

Cô trả lời:

–Thưa Đại đức! Nếu tự tin thì vừa rồi đã nói rằng sắc tướng mình là nam nhưng tâm chẳng phải là nam. Như vậy tâm và sắc có hai sự hoạt động. Nếu Đại đức tin vào lời nói ấy thì đối với tôi thì Đại đức không sinh ác kiến với chồng tôi. Đại đức là nam, cho tôi là tướng nữ. Sắc nữ của tôi đã phá hoại tâm của Đại đức, vì là nam mà thấy thân nữ kia thì không có lòng tin chân thật với pháp được.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Tôi không dám sinh ác kiến với cô.

Cô trả lời:

–Vì đối diện với Thế Tôn nên không dám nói lời chân thật. Nếu thật sự không sinh ác kiến vì sao Đại đức nói với tôi: "Hiện nay cô bị chồng cô quản thúc." Do đâu mà nói như vậy?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Vì tôi đã lìa tập khí từ lâu nên nói như vậy, chẳng phải tâm thật.

Cô gái hỏi:

–Thưa Đại đức! Xin hãy trả lời cho tôi. Thưa Đại đức! Đại đức nói mình lìa tướng nam nữ đã lâu. Vậy thưa Đại đức! Sắc đã lìa lâu hay tâm đã lìa lâu.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng không trả lời. Yêm-đề-già nói kệ:

Nếu tâm lìa từ lâu
Hoàn toàn không sinh kiến

Ai làm thân người nữ
Nơi sắc sinh không sạch.
Nếu nói sắc lìa lâu
Pháp vốn không tự có
Hoàn toàn không bị dơ
Thì làm gì tạo ác.
Than ôi, thưa Đại đức!
Uổng học không thể biết
Mình nam nghĩ tôi nữ
Chẳng phải vọng tưởng sao.
Xin sám hối Đại đức
Với pháp chớ sinh nghi
Lời tôi nói trên đây
Là nhờ thần lực Phật.

Sau khi Yêm-đề-già nói kệ, trong chúng hội có hơn một ngàn Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Người phát tâm Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. Có năm ngàn người, trong đó có người đắc pháp Nhẫn vô sinh, có người đắc pháp nhãn, có người được tâm giải thoát. Có vô lượng chúng Thanh văn, đối với pháp Phật sinh tâm xấu hổ vô cùng.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Cô gái ấy chẳng phải là người phàm. Cô ta đã gặp vô lượng chư Phật, có thể giảng nói kinh Sư Tử Hống Liễu Nghĩa này làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh. Ta cũng đã từng cùng với cô gái ấy thờ phụng vô lượng chư Phật. Không bao lâu cô ấy sẽ chứng thành Chánh giác. Khi nghe cô ta giảng nói pháp giải thoát thì trong chúng ấy sẽ sinh lòng tin chân thật. Vì họ từ lâu đã nghe pháp của cô ta giảng nói, nên nay có thể tin đúng đắn. Vậy phải tin kinh Sư Tử Hống Liễu Nghĩa ấy chớ nghi ngờ.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông hãy thọ trì những lời hỏi đáp trong kinh Sư Tử Hống Liễu Nghĩa của cô Yêm-đề-già con Trưởng giả này. Ta giao phó cho ông. Ông hãy giữ gìn cẩn thận.

Tôn giả A-nan thưa:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn! Con xin nhận lãnh.

Sau khi nghe Yêm-đề-già nói pháp, đại chúng rất vui mừng khôn xiết. Ai nấy đều như pháp tu hành.

❑

SỐ 581

KINH BÁT SƯ

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Cư sĩ Chi Khiêm,
người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Thuở nọ, Đức Phật ngụ tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy, có vị Phạm chí tên là Da Cú đến chỗ Phật. Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có một vị Phạm chí ngoại đạo đang ở bên ngoài, vị ấy muốn thưa hỏi Đức Như Lai về những điều nghi ngờ.

Đấng Thiên Tôn bảo:

–Hãy mời ông ta vào.

Phạm chí liền đến, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật.

Đấng Thiên Tôn bảo ông ta ngồi xuống. Sau khi ngồi xong, Phạm chí thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con được nghe nghĩa lý của Phật đạo thật sâu xa, mênh mông không bờ bến, thành tựu hết thảy, cứu độ tất cả chúng sinh, cao vời rực rỡ, như vầng trăng tỏa sáng giữa các vì sao, thần thông, trí tuệ thật vi diệu, là vua trong Thánh chúng, chư Thiên không thể theo kịp, dân chúng không thể nghe được. Cúi xin Thế Tôn vì kẻ ngu tối này mà giảng nói: "Nhờ vào bậc thầy nào mà Thế Tôn đạt đến quả vị tôn quý như vậy?"

Đấng Thiên Tôn đáp:

–Lành thay! Như Lai sẽ giảng nói cho ông. Những bậc thầy đời trước của Như Lai, danh hiệu của các vị nhiều không thể tính kể. Hôm nay, Như Lai tự nhiên chứng đắc đạo quả thần diệu, không có vị thầy nào cả. Nhưng, Như Lai có tám vị thầy. Đó là:

–Có người bị quan giết, hoặc bị pháp luật nhà vua tru di cả dòng tộc, sau khi chết bị đọa vào địa ngục, bị lửa đốt, đánh đập, cả vạn thứ độc đều làm hại, cầu chết cũng không được, chịu tội xong mới có thể thoát khỏi, lại làm ngạ quỷ, hoặc làm súc sinh bị mổ giết phanh thây, sau khi chết lại xoay vần làm quỷ, thần, lại giết hại lẫn nhau. Như Lai thấy những người

sát sinh phải chịu tội như vậy nên không bao giờ dám giết hại. Đó là vị thầy thứ nhất của Như Lai.

Khi ấy, Đức Phật nói kệ:

Người sát sinh tâm ác
Luôn tàn hại lẫn nhau
Đời sau và nhiều đời
Chất chứa nhiều oán kết.
Chịu tội, luôn chết yểu
Kinh hãi, gặp tai ương
Như Lai sợ điều ấy
Dùng tâm Từ hàng ma.

Đức Phật nói:

–Hai là trộm cắp, là cướp đoạt tài sản của người khác, hoặc bị người chủ tài sản lấy dao, gậy đánh đập, ném gạch ngói, hoặc bị pháp luật vua quan bắt bớ, giam cầm, tra khảo, cả năm thứ độc đều đến, hoặc bị phanh thây giữa chợ, hoặc cả dòng họ đều bị giết, sau khi chết bị đọa vào địa ngục, dùng tay bưng lửa, nước đồng sôi rót vào miệng, muốn chết cũng không được, khi hết tội mới có thể thoát ra, phải làm thân ngạ quỷ, luôn muốn uống nước thì nước hóa thành mủ, muốn ăn vật gì thì vật ấy đều hóa thành than, thân thường chở nặng, bị khổ sở vây buộc. Hoặc làm súc sinh luôn bị chết vì chém giết, đem thịt để cung cấp cho con người để đền trả nợ đời trước. Thấy tội của người trộm cắp như vậy, nên Như Lai không bao giờ dám trộm cắp. Đó là vị thầy thứ hai của Như Lai. Khi ấy, Đức Phật nói kệ:

Người trộm cắp cướp đoạt
Tài sản của người khác
Người mất dù nhiều, ít
Đã sân hận, lo buồn.
Chết đọa thân sáu loài
Đền trả nợ đời trước
Như Lai sợ điều này
Bỏ thế tục, xuất gia.

Đức Phật nói:

–Ba là tà dâm, là xâm phạm đến thê thiếp người khác, hoặc bị chồng họ hay người hàng xóm biết được thì khi ấy phải chịu tai ương, bị đánh đập bằng dao, gậy, hoặc bị pháp luật vua quan bắt giam vào ngục, khảo tra tàn ác, hoặc bị phanh thây giữa chợ, sau khi chết bị đọa vào địa ngục, phải

nằm trên giường sắt nóng, hoặc ôm cột đồng nóng đỏ, bị quỷ trong ngục đốt cháy thân thể, hết tội ở địa ngục phải làm loài súc sinh, nếu được làm người thì luôn dâm loạn, trái với Phật, xa lìa pháp, không được gần gũi bậc Thánh hiền, thường lo sợ, nhiều nguy hiểm, ít an ổn. Như Lai thấy như vậy nên không dám tà dâm. Đó là vị thầy thứ ba của Như Lai. Khi ấy, Đức Phật nói kệ:

Dâm là hạnh bất tịnh
Mê hoặc, mất chánh đạo
Tinh thần, hồn tiêu tan
Hại thân lại chết yểu.
Chịu tội ngu, phóng túng
Chết đọa vào cõi ác
Như Lai sợ điều này
Bỏ nhà, thích rừng núi.

Đức Phật lại nói:

–Bốn là lời nói ác, nói lưỡi đôi chiều, nói dối, nói thêu dệt, khen ngợi không ăn nhập vào đâu, chê bai Tam bảo, vì cái lưỡi mà phải bị đánh đập đến nỗi cả dòng họ đều bị giết, sau khi chết thì bị đọa vào địa ngục, bị các quỷ thần trong ngục kéo lưỡi ra, cho trâu cày lên đó, rót nước đồng sôi vào miệng, muốn chết cũng không được, hết tội mới có thể thoát ra, lại phải làm súc sinh, thường ăn cỏ gai, nếu được làm người thì nói không ai tin, miệng luôn hôi dơ, bị nhiều người chê bai, mắng nhiếc, hễ nằm xuống là thấy mộng ác, tuy có miệng nhưng không được nếm mùi vị của kinh Phật. Như Lai thấy như vậy nên không dám nói lời ác. Đó là vị thầy thứ tư của Như Lai. Khi ấy, Đức Phật nói kệ:

Khinh người có bốn lỗi
Dua nịnh, tổn hại người
Mắc tội ngu, đui, điếc
Què chân, ngọng, miệng hôi.
Miệng thì không nói được
Chết bị cày trên lưỡi
Ta tu bốn tịnh khẩu
Đạt được tám âm thanh.

Đức Phật lại nói:

–Năm là uống rượu, rượu là chất độc, là nguồn gốc tạo thành các tội ác, làm tiêu tan đạo vua tôi, mất hết nhân cách, khinh thường bậc trưởng thượng, không kính cha già, thất lễ với mẹ, chẳng thương con cái, hung

dữ, trái nghịch đạo hiếu, làm chồng thì đánh mất niềm tin, làm vợ thì xa hoa, dâm loạn, dòng họ tranh chấp, tài sản hao sút, mất nước nguy thân… tất cả đều do rượu cả. Rượu có ba mươi sáu điều lỗi đạo. Thấy như vậy rồi, Như Lai không bao giờ uống rượu. Đó là vị thầy thứ năm của Như Lai. Khi ấy, Đức Phật nói kệ:

Người say là bất hiếu
Oán kết từ đây sinh
Mê hoặc người thanh cao
Mất hết đức hiền thục.
Như Lai không uống rượu
Lòng Từ giúp chúng sinh
Trí tuệ vượt tám nạn
Tự thành bậc Chánh giác.

Đức Phật lại nói:

–Sáu là già yếu, già yếu là khổ, đầu bạc răng rụng, mắt thì thấy mờ mờ, tai thì nghe chẳng rõ, tuổi trẻ qua đi, già yếu liền đến, da mặt nhăn nheo, trăm đốt xương đều đau đớn, đi đứng khổ cực, lúc nào cũng rên rĩ, lo buồn, khổ sở, thần thức chuyển đổi, bỗng chốc biến mất, đến lúc mạng sống sắp hết, nói ra thì nước mắt tuôn trào. Thấy vô thường tai họa, biến đổi như vậy nên Như Lai đi tìm đạo, không muốn trở lại nữa. Đó là vị thầy thứ sáu của Như Lai. Khi ấy, Đức Phật nói kệ:

Ta nghĩ đời vô thường
Người chắc chắn sẽ già
Trẻ qua, tuổi già đến
Thân gầy yếu, tóc bạc.
Lo buồn, trăm bệnh sinh
Đi, đứng đều đau đớn
Như Lai sợ điều này
Bỏ nhà đi học đạo.

Đức Phật lại nói:

–Bảy là bệnh tật, gầy ốm, chỉ còn da bọc xương, trăm khớp xương đều đau nhức, chỉ nhờ vào cây gậy, bốn đại chống trái nhau, tay chân không thể làm gì được, sức lực cạn kiệt, ngồi nằm đều nhờ người khác, môi miệng khô khốc, gân cốt rã rời, mũi thì nứt nẻ, mắt không thể thấy, tai chẳng thể nghe, đồ bất tịnh chảy ra, thân thì đang nằm trên giường, tâm thì ôm buồn khổ, nhắc đến thì buồn lo, hiện tại thấy mọi người tuổi trẻ, có sức mạnh, danh tiếng lan truyền khắp vùng, nhưng khi phước hết thì tội đến, do vô

thường nên trăm thứ dời đổi. Thấy những tai họa như vậy nên Như Lai đi tìm đạo, không muốn trở lại nữa. Đó là vị thầy thứ bảy của Như Lai. Khi ấy, Đức Phật nói kệ:

Nghĩ đến người già yếu
Trăm bệnh phát cùng lúc
Nước hết, lửa cũng mất
Gió như dao cắt thân.
Xương gân đều rã rời
Mạng lớn chắc sẽ mất
Như Lai sợ điều này
Cầu đạo, không trở lại.

Đức Phật lại nói:

–Tám là người chết, có bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh cùng lúc phát khởi, bốn đại sắp tan rã, tinh thần bất an, khi gió rời thân thì tắt thở, lửa không còn thì thân lạnh. Đi trước tiên là gió, kế đến là lửa, khi thần thức rời thân thì thân thể nằm thẳng, không còn biết gì. Trong khoảng mười ngày thì thịt rữa, máu chảy, trương sình hôi hám, không còn một chút gì đáng giữ lại, trong thân lại có trùng, trở lại ăn thịt người ấy, gân mạch thối rữa, các đốt xương rời ra, đầu lâu thì ở nơi khác, còn xương sống, xương sườn, xương vai, cánh tay, xương đùi, cẳng chân và các ngón chân thì mỗi thứ một nơi, những loài muông thú giành nhau để ăn, dù cho trời, rồng, quỷ thần, bậc đế vương hay thứ dân, nghèo, giàu, sang, hèn… không ai tránh khỏi tai họa này. Thấy sự đổi thay như vậy nên Như Lai xuất gia tìm đạo, không bao giờ muốn trở lại nữa. Đó là vị thầy thứ tám của Như Lai. Khi ấy, Đức Phật nói kệ:

Ta nghĩ già, bệnh, chết
Họa lớn trong ba cõi
Phước hết liền lâm chung
Tắt thở xuống suối vàng.
Thân rã trở về đất
Thần thức tùy nhân duyên
Như Lai sợ điều này
Học đạo đến Niết-bàn.

Bấy giờ, nghe Đức Phật giảng nói xong, Phạm chí thông đạt hết thảy, liền chứng quả vị Tu-đà-hoàn, ở trước Đức Phật xin giữ năm giới, làm Ưu-bà-tắc không sát sinh, không trộm cắp, không dâm dục, không dối trá, không uống rượu, rồi hoan hỷ lui ra.

❑

SỐ 582

KINH TÔN-ĐA-DA-TRÍ

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Cư sĩ Chi Khiêm,
người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, vì đại chúng Tỳ-kheo nên Phật giảng nói kinh. Khi ấy, có Phạm chí tên là Tôn-đa-da-trí trông thấy Phật, liền đứng chống gậy, thè lưỡi, suy nghĩ: "Ta ngày tắm ba lần, ăn trái, uống nước, không thọ nhận của người giúp, hạnh của ta hơn hạnh Sa-môn. Đám người ăn ngon, áo đẹp, nệm ấm, giả dối người hiền chẳng phải chân thật, không như đạo ta."

Phật biết những suy nghĩ trong lòng của Phạm chí, liền bảo các Sa-môn: Luận bàn về người ở đời, thường có hai mươi mốt điều xấu, khiến không được ăn ngon, mặc đẹp.

1. Để tâm vào việc dâm dật.
2. Để tâm vào việc tức giận.
3. Để tâm vào việc ngu si.
4. Để tâm vào việc ngủ nghỉ.
5. Để tâm vào việc chấp chặt hoài nghi, bảo là không có oai nghi.
6. Để tâm vào việc tự cao, tự đại.
7. Để tâm vào việc ngạo mạn, coi thường.
8. Để tâm vào việc ganh ghét.
9. Để tâm vào việc tham lam keo kiệt.
10. Để tâm vào việc hung dữ, không có lòng thương xót.
11. Để tâm vào việc hư dối, trong ngoài chống trái nhau.
12. Tâm không xấu hổ, nên không biết thẹn.
13. Để tâm vào hạnh bẩn thỉu, không tự biết xấu hổ
14. Để tâm vào việc xấu ác, mà chính mình không thấy
15. Để tâm buông thả quá trớn, lời nói không còn vui vẻ hiền lành.
16. Để tâm vào chỗ giao tiếp, gièm pha điều ác cho hai bên.

17. Để tâm vào chỗ tranh chấp, không vui vẻ ngăn cản hai bên

18. Để tâm vào chỗ không có lễ nghĩa, tự mình không biết khiêm nhường.

19. Để tâm vào việc sai quấy, không nghe lời cản ngăn của người đức hạnh tài năng.

20. Để tâm vào việc bất hiếu, làm mất tâm thiện, ưa thích ngang trái.

21. Để tâm tốt vào tà đạo, yêu chuộng những điều làm mê hoặc lòng người, gia tài cạn kiệt, khiến người thân thuộc khốn cùng, chẳng hiểu lẽ vô thường, không về với ba ngôi tôn kính. Ăn ngon mặc đẹp tửu dục xa hoa.

Do hai mươi mốt việc ác này làm tâm cấu bẩn loạn động. Cũng như sự trong sạch chỉ vì sắc mà bị cấu bẩn dính vào, vạn lần không một sự lợi ích. Ôm lòng ác độc khi chết sẽ bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, đó là nạn khổ không lường. Sa-môn khi trông thấy giới sáng của Phật, nên bỏ cũ đổi mới, dứt tình, lìa ham muốn, trong ngoài trong sạch, như tấm lụa trắng nhuộm thành màu sắc, phải vì chúng sinh mà thấy biết như vậy. Sa-môn biết rõ, hạnh cao, trí đủ, để làm chỗ cho chúng sinh trên dưới cúng dường, cung phụng những thứ ăn, mặc, nhà cửa, đền đài, thọ nhận các của ấy không có gì quá đáng, vì người bố thí được phước lớn vô cùng và nếu siêng năng thực hành thiền định thì sẽ được các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán.

Sa-môn tuy chưa đắc đạo nhưng hiểu biết rõ ràng nghĩa kinh của Phật, giữ tâm ngay thẳng, chân chánh, hiếu thuận với những gì kinh dạy. Đem tình thương ban bố khắp mọi loài, thấm nhuần tất cả quần sinh, xem kẻ oán thù như con, mình biết tha thứ là để tạo sự an ổn cho kẻ khác. Thấy người nữ đến tiếp đãi như em. Nếu thấy khổ cực, nên nhớ nghĩ về địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, xin nguyện cho quần sinh thân được an ổn, ý luôn vui vẻ, được gặp Tam bảo, dứt bỏ nhơ bẩn, tiêu diệt tối tăm, tâm sáng thấy biết được rõ ràng, trở về với cái gốc vốn là không, mãi mãi an lạc không cùng. Thực hành như vậy, ăn ngon, mặc đẹp, trước sau không tội. Bản tánh của quần sinh là: Tham, dâm, sân hận, ngu si, ganh ghét. Trong cái tối tăm còn bị tối tăm. Trong cái xấu ác còn bị xấu ác. Sa-môn phải mở lòng thọ nhận sự sáng suốt làm cho u tối ô nhiễm đều vắng lặng. Tuy ở trong đời nhơ bẩn nhưng giống như hoa sen sống nơi bùn mà bùn không làm mất đi sự tinh khiết của hoa. Người thọ nhận sự ban cho không có tội thì chớ có ôm ba độc, mười ác vào lòng. Không từ bỏ sự buông lung, dua nịnh, khinh khi, cầu lợi, không tuân theo giới Phật, thà nuốt sắt nóng uống nước đồng sôi

chết trong chốc lát còn hơn thọ nhận sự giúp đỡ ô uế như vậy. Khi chết, sẽ vào Thái sơn uống nước đồng, ăn than, năm này qua năm nọ khó mà tính nổi.

Lúc này, Phạm chí đến trước Phật bạch:

–Trước kia có một khe nước, tên là Hảo Thủ, tôi muốn đến đó tắm. Vì ai vào đó tắm thì những ý nghĩ ô nhiễm sẽ được nước chảy tẩy sạch. Ta nghe lời dạy của cha là một ngày phải tắm ba lần.

Phật bảo Phạm chí:

–Đất này có nhiều khe suối, người vào trong đó tắm, có thể vượt qua sự khổ sao? Người tắm ngàn lần, có thể dứt bỏ thân nhơ, tâm bẩn sao? Ta và các Sa-môn của ta đã dứt sự cầu mong, nhớ nghĩ đều không, không ham muốn ba cõi, tâm cấu nhiễm đã diệt và lặng, được đạo trong sáng. Ông từ vị thầy nào thọ lãnh pháp tắm nước mà dứt trừ tâm nhơ bẩn?

Đáp:

–Cha tôi bảo như vậy.

Phật nói:

–Cha ông đắc đạo chăng?

Đáp:

–Không phải.

Phật nói:

–Đạo ta từ tâm phát ra, tâm phải ngay thẳng chánh chân, chí trong sạch thì mới được đạo.

Phạm chí quỳ dài xuống, trình bày với Phật:

–Con chống gậy, thè lưỡi nhìn Phật, thật là ngu dại ngông cuồng. Nay nghe Phật giảng nói kinh, tâm mới hiểu rõ, giống như đang ở chỗ tối tâm bỗng có ánh sáng của đèn rọi tới, đúng là con bây giờ mới có mắt, xin Phật thương xót thọ nhận con làm Sa-môn.

Phật bảo:

–Ông có thấy quả báo không?

Đáp:

–Dạ, không thấy.

Phật bảo:

–Lại đây Sa-môn.

Tức thời Phạm chí liền thành Sa-môn, ngồi bên gốc cây suy nghĩ về hai mươi mốt việc, về các dục niệm đã qua, bỗng nhiên không còn tưởng

nhớ, liền đắc quả A-la-hán. Ông đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật và thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nay con như người mù được thấy, như người bệnh được mạnh.

Phật bảo:

–Riêng đạo ta tốt, đạo ông có tốt không?

Đáp:

–Các đạo đều tà, chỉ có đạo Phật là chân chánh.

Phật bảo các Sa-môn:

–Ai suy nghĩ về hai mươi mốt việc thì đạo có thể đạt được.

Các Sa-môn nghe Phật giảng nói kinh xong, vui vẻ làm lễ lui ra.

❑

SỐ 583

KINH HẮC THỊ PHẠM CHÍ

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Cư sĩ Chi Khiêm,
người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa bên bờ sông Ni-liên. Phật ở đó một tháng, biến hóa mười tám lần độ ba anh em Ca-diếp và ngàn đệ tử.

Phật quay sang du hóa đến thành La-duyệt-kỳ, dừng lại một năm thuyết pháp chỉ dạy cho dân chúng trong nước, lúc đó mới thành Phật hai năm, rồi đến nước Xá-vệ, mở rộng và làm cho hưng thịnh đạo, mở bày cứu độ trời, người, thế gian, dân chúng. Khi ấy, ở Hương sơn có Phạm chí tên là Ca-la, chứng được bốn thiền, đầy đủ năm thông, thấy nghe thấu suốt, thân có thể bay đi, tự mình xem xét tâm niệm, biết rõ kiếp sau của người. Phạm chí giảng thuyết nghĩa kinh, cảm động các trời Đế Thích, Phạm thiên và Tứ Thiên vương, các hàng Quỷ, Thần, Rồng, Diêm-la vương đều đến nghe kinh, lời nói của Phạm chí thanh nhã, âm thanh dịu dàng, giống như Phạm âm. Ngày ngày Phạm chí luôn suy nghĩ đến việc thọ nhận, không vì việc đó mà lười biếng, danh tiếng thấu tận phương xa, khắp nơi quy tụ nghe đạo.

Bấy giờ, vua Diêm-la đang ngồi nghe kinh pháp, mà nước mắt đổ như mưa. Phạm chí đưa mắt xem kỹ, sự than buồn đó có dụng ý gì. Khi ấy, Phạm chí mới hỏi vua Diêm-la:

–Vì sao ông khóc, nước mắt đổ như mưa?

Diêm-la đáp:

–Sự việc đúng như thật, không thể nói dối. Nay thầy nói kinh nghĩa lý sâu diệu, lời lẽ sắc bén giống như hoa sen, sáng như ngọc minh nguyệt, nhưng thân mạng của thầy thì sắp hết, chỉ còn hơn bảy ngày nữa. Bỗng nhiên tôi lo sợ tội lỗi đến đến đời sau, cho nên không kìm chế được, phải than khóc. Lại nữa, mạng thầy sẽ bị đọa xuống địa ngục, ngay trong bộ giới của tôi.

Hôm nay, tôi đến đây, một lòng thọ pháp, nhưng lại phải bắt thầy,

tra khảo năm loại cực hình, suy nghĩ việc này lại càng thêm lo, không thể hiểu rõ được.

Phạm chí trong lòng ngạc nhiên, trầm ngâm, rồi nói với vua Diêm-la:

–Ta chứng được bốn thiền, thành tựu năm thần thông, một mình đi trong bốn cõi, vượt hơn trời Phạm thiên, không bị ngăn ngại, không có tội lỗi gì để khiển trách. Nguyên nhân nào ta phải đọa vào địa ngục Diêm giới?

Diêm vương thưa:

–Khi tuổi thọ hết, lúc sắp chết, điều ác sẽ khởi lên, nào sân, si, oán giận. Do cái hại của ý ham muốn, làm mất ý nghĩa những hạnh vốn đã làm, cho nên thầy sẽ đi tới Diêm giới."

Phạm chí nghe nói như vậy, hoảng hốt lo âu, không biết kế gì, sắp bày phương tiện gì để cứu nạn này, ông âu sầu buồn chán, trong lòng nóng như lửa đốt, than ngắn thở dài ngồi đứng không yên. Các trời Đế Thích, Phạm thiên, Tứ Thiên vương và các thần hỏi:

–Ôi, chuyện gì làm thầy không an ổn, mà thở dài vậy?

Phạm chí đáp:

–Mạng sống của ta sắp hết, còn có bảy ngày nữa thôi. Vả lại, nếu đối đầu với việc ác, tâm thiện của ta sẽ loạn. Vấn đề là như vậy, nên ta lo sợ trở lại con đường ác. Đúng là sự việc trái ngang ta không tự thắng mình.

Bấy giờ, ở Hương sơn, có một số thần hiền lành đến chỗ Phật học hỏi, lãnh nhận kinh điển, họ bảo Phạm chí:

–Đạo Phật hưng thịnh ở đời, thầy không biết sao?

Phạm chí đáp:

–Thân ta chìm đắm nơi cõi người, làm sao biết được.

Các vị thần lại nói:

–Phật vì cứu độ tất cả ba cõi, nên sẽ độ những người chưa được độ, cứu thoát ai chưa được cứu thoát, đem an vui cho những ai chưa được an vui, tất cả đều được cứu độ để vượt qua nguy ách, khiến đến đạo vô vi, vĩnh viễn lặng yên. Sao thầy không đến chỗ Phật, có thể giải tỏa được ưu tư lo lắng, được yên ổn lâu dài, không lo sợ, để cho đạo đức cùng nối kết nhau.

Phạm chí nghe nói như vậy, lòng vô cùng vui mừng, như tối được thấy sáng, cả hai tay, một tay cầm cây Ngô đồng, một tay cầm cây Hợp hoan nở hoa tươi đẹp (cây cát tường) rồi bay đến chỗ Phật. Trong thời gian Phạm chí chưa đến, Phật bảo Ma-di: "Thế Tôn vì lòng lành rộng lớn, cứu

tất cả những nỗi buồn khổ, độ tất cả mọi loài, chưa từng quên bỏ."

Bấy giờ, Phật nói tụng:

Sóng nước đập vào bờ
Chưa từng vượt lên trên
Có lúc thần nước loạn
Vỗ đập chảy vào bờ.
Theo cái nhìn vốn không
Phật xét người đáng độ
Cố sức độ được hết
Trọn không hề bỏ qua.

Lúc đó, Phạm chí bay đến chỗ Phật, đứng giữa hư không hướng về Phật.

Phật bảo Phạm chí Hắc Thị:

–Hãy buông bỏ, buông bỏ.

Phạm chí vâng dạ, làm theo lời Thế Tôn dạy, liền cắm cây Ngô đồng cầm ở tay phải về bên phải Đức Phật. Đức Phật bảo Phạm chí:

–Hãy buông bỏ, buông bỏ.

Phạm chí liền cắm cây Hợp hoan cầm trên tay trái qua bên trái Đức Phật. Đức Phật lại bảo lần nữa:

–Hãy buông bỏ, buông bỏ.

Phạm chí thưa:

–Tôi chỉ có hai cây, bỏ bên trái, bên phải Phật, tay không mà đứng, buông bỏ gì nữa?

Phật bảo Phạm chí:

–Phật không bảo buông bỏ vật ở trong tay mà Phật bảo buông bỏ cái đối tượng ở trước mặt cũng như sau lưng và chính giữa, khiến không còn nơi chốn thì mới vượt qua các hoạn nạn sinh tử.

Do đó, Phật nói tụng:

Ông nên bỏ nguồn gốc
Cũng bỏ luôn cái ngọn
Không ở giữa, nơi chốn
Mới vượt qua sinh tử.
Trong, không có sáu nhập
Ngoài, đoạn không chấp cảnh
Nơi sáu căn từ bỏ
Mau chóng thành vô vi.

Phạm chí Hắc Thị nghe Phật nói như vậy, lòng tự suy nghĩ: "Không thấy ta biết có ta, biết rõ được tâm là vô tâm, vốn không có bệnh và thuốc. Tâm hẹp hòi được mở rõ, như mắt tối được sáng, như tai điếc nghe được, rõ ràng là người thấy, đúng là bậc Nhất thiết trí. Nay ta đã thấy đức hạnh của Phật là không thể lường."

Phạm chí Hắc Thị liền hạ xuống, đến chỗ Phật cúi đầu dưới chân, rồi lui đứng một bên. Phật biết bản tâm của Phạm chí Hắc Thị mà phân biệt giảng nói, hiển bày đạo tràng, diễn nói về ba giải thoát môn. Ngay tức thời, Phạm chí Hắc Thị đạt quả vị bất thoái chuyển, không có sầu lo, ca ngợi công đức của Phật bằng kệ:

Ánh sáng như nhật nguyệt
Trí tuệ như biển lớn
Lòng thương không bến bờ
Mười phương điều tôn kính.
Chúng sinh trôi ba cõi
Trăm ngàn vạn ức lần
Tùy bệnh cho thuốc pháp
Xứng đáng đại biện tài.
Tuy hiện trong sinh tử
Xong rồi không trở lại
Khuyến hóa cho tinh tấn
Tội phước không thay đổi.
Nỗ lực siêng, tinh tấn
Chớ vì dục thiêu đốt
Hàng phục được bốn ma
Đạo Thánh không ngăn ngại.

Phạm chí bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Sự mê lầm của con quá lâu ngày, giờ đã hết. Nay xin Đức Thế Tôn thương xót, cho con được làm Sa-môn!

Đức Phật vừa đồng ý thì tóc trên đầu Phạm chí tự rơi xuống, thân mặc ca-sa, oai nghi tề chỉnh. Sau đó, biến lại thành Phạm chí đi đến chỗ Diêm vương và nói:

–Trước ông bảo ta mạng sống còn có bảy ngày rồi sẽ đọa nơi địa ngục. Nay ta làm Sa-môn thần thông đầy đủ, các lậu hoặc đã dứt hết, độ thoát bốn độc, các khổ đã vĩnh viễn trừ bỏ, giống như ngôi nhà to lớn, nhất thời tuổi thọ hơn bốn mươi chín ngày, các khổ đã tiêu, vượt ngoài những học thuật khác, tự tại ở đời, trải vô số kiếp.

Diêm vương đáp:

–Nhân giả dư phước, được gặp Phật đúng thời, Đức Thế Tôn tùy bệnh truyền pháp, diệt được dâm dục, giận dữ, ngu si, thần thông đều đủ, trong ngoài không nghi ngờ. Nếu không có chuyện đó thì thầy như chuột gặp mèo, như lúa bị hạn hán, vướng mắc tội bị bắt như cá cắn câu, đọa trong địa ngục không có thời hạn ra ngoài. Nay thầy đã giải thoát vĩnh viễn, nhiều đời được vui vẻ.

Khi Diêm vương nói điều ấy, có vô số "Người" đều phát khởi ý đạo.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo, Bồ-tát, Phạm chí Hắc Thị, các chúng Trời, Rồng, Quỷ, Thần, A-tu-la, người nơi thế gian đều vui vẻ làm lễ và lui ra.

❑

SỐ 584

KINH TRƯỜNG TRẢO PHẠM CHÍ THỈNH VẤN

Hán dịch: Đời Đại Đường; Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại núi Thứu phong, thuộc thành Vương xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, tập hợp đông đủ. Ngoài ra còn có các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-di, cùng quốc vương, đại thần, Sa-môn, Bà-la-môn, các ngoại đạo, các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Nhân phi nhân… cùng đứng chiêm ngưỡng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang giảng nói pháp vi diệu tự mình đã chứng được, văn nghĩa khéo léo, đầu, giữa, cuối đều tốt đẹp, chân thật, tròn đầy, các tướng phạm hạnh trong sạch, tươi sáng.

Lúc ấy, có vị Phạm chí Trường Trảo, đến chỗ Phật, cầm gậy đứng và hỏi Đức Phật:

–Này Kiều-đáp-ma! Như ông đã nói, đời người là do nghiệp mình tạo. Vậy nghiệp là có thể trao cho, nghiệp là chỗ sinh ra, hay nghiệp là thân tộc, nghiệp là chỗ nương tựa?

Phật bảo Bà-la-môn:

–Ta đã nói như vậy, đời là do chính mình tạo, nghiệp có thể trao, nghiệp là chỗ sinh ra, nghiệp là thân tộc, nghiệp là chỗ nương tựa.

Bà-la-môn hỏi:

–Nếu nói như vậy, Sa-môn Kiều-đáp-ma trước tạo nghiệp gì, mà khiến ông được thân kim cang chắc thật, không hư hoại?

Phật bảo Bà-la-môn:

–Ta ở đời trước xa lìa sự sát hại mạng căn của loài hữu tình. Do nghiệp lực đó mà nay ta được quả như vậy.

Này Sa-môn Kiều-đáp-ma! Trước tạo nghiệp gì khiến ông có được từng ngón tay dài nhỏ và có lưới mỏng?

Phật bảo Bà-la-môn:

–Ta ở đời trước xa lìa sự trộm cắp tài vật của người khác. Do nghiệp lực đó nay ta được quả như vậy.

Sa-môn Kiều-đáp-ma! Trước tạo nghiệp gì khiến ông được đầy đủ sắc đẹp, sức lực và các căn tròn đầy?

Phật bảo Bà-la-môn:

–Ta ở đời trước xa lìa dục nhiễm với người nữ. Do nghiệp lực ấy nay ta được quả như vậy.

Sa-môn Kiều-đáp-ma! Trước tạo nghiệp gì khiến ông được tướng lưỡi rộng dài che khắp mặt?

Phật bảo Bà-la-môn:

–Ta ở đời trước xa lìa sự nói dối và lường gạt người. Do nghiệp lực đó nay ta mới được quả như vậy.

Sa-môn Kiều-đáp-ma! Trước tạo nghiệp gì mà được oai nghi chững chạc và tướng đi như sư tử?

Phật bảo Bà-la-môn:

–Ta ở đời trước xa lánh nơi rượu chè, buông lung. Do nghiệp lực ấy nay mới được quả như vậy.

Sa-môn Kiều-đáp-ma! Trước tạo nghiệp gì mà nay được thân tốt đẹp trang nghiêm vi diệu?

Phật bảo Bà-la-môn:

–Ta ở đời trước xa lìa việc ca hát nhảy múa. Do nghiệp lực kia nay mới được quả như vậy.

Sa-môn Kiều-đáp-ma! Trước tạo nghiệp gì mà nay được mùi hương thơm tốt nhất, phát ra nơi thân.

Phật bảo Bà-la-môn:

–Ta ở đời trước xa lìa sự trang điểm những hương hoa và ngọc ngà châu báu. Do nghiệp lực đó nay mới được quả như vậy.

Sa-môn Kiều-đáp-ma! Trước tạo nghiệp gì mà nay ông được thọ dụng tòa kim cang tốt đẹp bậc nhất?

Phật bảo Bà-la-môn:

–Ta ở đời trước xa lìa những vật như: Giường cao, chiếu rộng, không kiêu căng, buông thả. Do nghiệp lực đó nay được quả như vậy.

Sa-môn Kiều-đáp-ma! Trước tạo nghiệp gì mà nay được bốn mươi cái răng trắng đẹp và đều đặn?

Phật bảo Bà-la-môn:

–Ta ở đời trước xa lìa việc ăn uống không đúng giờ giấc. Do nghiệp lực đó nay mới được quả như vậy.

Sa-môn Kiều-đáp-ma! Trước tạo nghiệp gì mà nay trên đầu có nhục kế tròn đầy, tuyệt đẹp?

Phật bảo Bà-la-môn:

–Ta ở đời trước đối với Tam bảo, hai thầy Sa-môn, Bà-la-môn, cha mẹ và những bậc tôn trưởng, đều cung kính lễ lạy sát đất. Vì ta không có tâm coi trọng mình, lại hết lòng đảnh lễ. Do nghiệp lực đó nay ta mới được quả như vậy.

Khi Bà-la-môn nghe Phật thuyết về nhân quả, không chút hư dối ông ta bèn bạch Phật:

–Thưa Kiều-đáp-ma! Đây là phước tên gì, làm sao thọ trì?

Phật bảo:

–Đây là Bát chi tịnh giới (Bát quan trai giới) nếu giữ được một ngày một đêm hay sau một ngày một đêm thọ trì từ một vị thầy sẽ được quả như vậy.

Bấy giờ, Phạm chí Trường Trảo ở chỗ Phật để nghe nói tám giới thanh tịnh suốt một ngày một đêm, do đời trước xa lìa nghiệp ác, lại có lòng tin sâu xa, nên liền được trang nghiêm thù thắng vi diệu, ông ta vui mừng hớn hở, liền đứng trước Phật, xả bỏ tâm cao ngạo quá coi trọng mình, vứt gậy xuống đất, chắp tay cung kính lễ sát hai chân Phật,và bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con nay mới biết nghiệp báo xấu tốt là có thật. Con từ nay cho đến lúc hình thể không còn, xin trở về nương tựa Phật, vì Ngài là bậc phước trí vẹn toàn. Con từ nay trở đi trở về nương tựa Pháp, vì pháp là xa lìa tham dục. Con từ nay trở đi trở về nương tựa Tăng, vì Tăng là chúng tu hành thanh tịnh. Con xin thọ lãnh tám tịnh giới, trụ ở hàng cận sự. Từ nay cho đến ngày mai, khi mặt trời xuất hiện, trong khoảng thời gian đó, con nguyện:

Không hại mạng người nào
Không trộm tài vật người
Không dâm, không nói dối
Uống rượu và buông lung.
Trang sức và múa hát
Giường cao, ăn đúng giờ
Con nay đều xa lìa
Nhận giữ tám tịnh giới.
Ngày thứ hai và ba

Con cũng nguyện như vậy.

Phật bảo Bà-la-môn:

–Tốt lắm, tốt lắm! Nên làm như vậy, nên giữ như vậy.

Khi Đức Thế Tôn giảng nói pháp này xong, Bà-la-môn và chúng Tỳ-kheo, các chúng trời, người đều vui mừng hớn hở tin nhận, tuân theo tu hành.

❑